



CẢNH CỬA MỞ RỘNG

TỦ SÁCH HỢP TÁC
VỚI NHÀ TOÁN HỌC **NGÔ BẢO CHÂU**
VÀ NHÀ VĂN **PHAN VIỆT**

CÂN BẰNG MONG MANH

ROHINTON MISTRY

Nguyễn Kim Ngọc dịch

A FINE BALANCE



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



Tủ sách hợp tác với nhà toán học Ngô Bảo Châu và nhà văn Phan Việt

Tủ sách CÁNH CỬA MỞ RỘNG được thực hiện nhằm mục đích giới thiệu những đầu sách có giá trị của thế giới và trong nước đến bạn đọc Việt Nam, đặc biệt là bạn đọc trẻ, góp phần thúc đẩy việc đọc sách, tinh thần hiếu học, coi trọng tri thức và những giá trị sống. Các tựa sách trong tủ do nhà toán học Ngô Bảo Châu và nhà văn Phan Việt tuyển chọn và giới thiệu.

Tủ sách được phân thành ba mảng: văn học, khoa học xã hội - kinh tế, và khoa học tự nhiên; trước mắt cấu tạo tủ sách gồm 80% các sách có khả năng tiếp cận đông đảo bạn đọc và 20% cho các sách chuyên ngành.

ROHINTON MISTRY

NGUYỄN KIM NGỌC dịch

**CÂN BẰNG
MONG MANH**



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Cân Bằng Mong Manh

Rohinton Mistry

Nguyên tác: A Fine Balance

Người dịch: Nguyễn Kim Ngọc

Nhà xuất bản: NXB Trẻ

Kích thước: 13x20cm

Số trang: 1056 trang

Ngày xuất bản: 09/2014

∞ ∞ ∞ ∞ ∞

Nguồn pdf: cxz27

Thực hiện ebook: tamchec

Soát lỗi: thanhhaitq & superlazy

Ngày hoàn thành: 16-09-2016

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Mục lục

[Lời giới thiệu](#)

[Mở đầu: Năm 1975](#)

[I: Thành phố bên bờ biển](#)

[II: Để ước mơ lớn lên](#)

[III: Ngôi làng ven sông](#)

[IV: Chuyện vặt](#)

[V: Những ngọn núi](#)

[VI: Ngày ở rạp xiếc, đêm về ổ chuột](#)

[VII: Trên đà tiến](#)

[VIII: Cải tạo mỹ quan](#)

[IX: Luật lệ là gì?](#)

[X: Cùng hội cùng thuyền](#)

[XI: Tương lai xán lạn bị che mờ](#)

[XII: Dấu vết của số phận](#)

[XIII: Đám cưới, giun và thiên sư](#)

[XIV: Sự trở lại của cô độc](#)

[XV: Kế hoạch hóa gia đình](#)

[XVI: Vòng tròn khép lại](#)

[Kết thúc: Năm 1984](#)

Lời giới thiệu

Khi tôi yêu cầu những người bạn Ấn Độ của tôi nêu tên một cuốn tiểu thuyết đương đại thật hay về Ấn Độ, cái tên *Cân bằng mong manh* thường được nhắc đến.

Mùa hè năm 2013, tôi sang Ấn Độ lần đầu và ở hơn một tuần tại Bombay - thành phố được Rohinton Mistry dùng làm bối cảnh cho tiểu thuyết *Cân bằng mong manh*. Hai tuần ngang dọc thành phố, tôi có cảm giác như sống trong một giấc mơ sắc màu: vây quanh tôi là những tấm sari sặc sỡ, những khoảng vai, cổ và cánh tay rám nắng, những trang sức lóng lánh, những tấm khăn dài hồ hững trờm lên suối tóc đen của những thiếu nữ Ấn Độ. Nhưng cũng chính ở Bombay, tôi không sao thoát khỏi cảm giác tất cả những người tôi nhìn thấy - người đàn ông bán cá dạo trong các khu chung cư, lũ trẻ tắm trổng trong khu ổ chuột bên sông, những người đàn bà bán hoa quả trong chợ, người dạy xiếc khỉ dọc bờ biển, các bà già quỳ rạp người trong các đền thờ, hay những phụ nữ giúp việc lặng lẽ trong các gia đình - đều là những nhân vật mà tôi đã gặp ở *Cân bằng mong manh*. Từng người trong số họ đều mang những câu chuyện đời thâm thẳm, là những người kể chuyện và nhà triết học đời sống tuyệt vời.

Một cuốn tiểu thuyết có khả năng bắt được cuộc sống thật rồi làm bạn nhìn cuộc sống thật khác đi như *Cân bằng mong manh* dĩ nhiên là đáng đọc.

Sách lấy bối cảnh là những thay đổi của Ấn Độ vào giữa thế kỷ 20, đặc biệt là khoảng đầu thập kỷ 70 khi chính phủ của thủ tướng Ấn Độ Indira Gandhi, trong một nỗ lực cứu mình khỏi bị mất quyền, đã ban bố một Tình trạng Khẩn cấp quốc gia. Trong thời kỳ khẩn cấp này, nhiều đảng phái và nhóm hoạt động chính trị bị bắt và bỏ tù, báo chí bị kiểm soát ngặt nghèo, nhưng đặc biệt nhất là một chiến dịch cưỡng chế triệt sản lạ lùng cộng với việc phá các khu ổ chuột để “làm đẹp” đất nước. Trên cái nền lịch sử đó, bốn cuộc đời với bốn xuất thân khác nhau đã hội tụ: Dina, một phụ nữ thuộc tầng lớp trên, muốn sống độc lập với người anh lắm điều sau khi chồng qua đời bằng cách gia công quần áo tại nhà; Maneck, một sinh viên đến ở trọ nhà Dina trong lúc theo học đại học; và hai bác cháu Ishvar và Om vốn xuất thân từ tầng lớp “hạ tiện” của xã hội đến làm thợ may thuê cho Dina.

Họ gặp nhau trong căn hộ của Dina, biến căn hộ đó thành một gia đình bất đắc dĩ nhưng đầm ấm. Có điều, sự đầm ấm không kéo dài. Những cơn gió lịch sử của thời kỳ khẩn cấp nhanh chóng thốc vào, cuốn họ lên và quăng quật họ trong bất định.

Bỗng nhiên, mỗi ngày của Ishvar, Om, Maneck, và Dina cùng với triệu triệu người Ấn Độ khác chỉ còn thu lại trong những ám ảnh triền miên: ở chỗ nào, ngủ tại đâu, ăn gì, làm thế nào sống sót, để không bị mang đi “triệt sản”? Bất hạnh rơi xuống đầu họ không ngơi nghỉ trong một đất nước mà công bằng và quyền cá nhân tạm thời không tồn tại và không miễn trừ ai nhưng đặc biệt tàn nhẫn với những người ở tầng đáy. Phẩm giá - và sự vị tha cùng hài hước - bỗng nhiên trở nên quá xa xỉ nhưng cũng vì thế mà càng quý giá. Kết thúc truyện, Dina rút cục đã phải trở về nhà sống dưới sự bảo trợ của anh trai; Ishva và Om trở nên hai người ăn xin què quặt sau khi bị cưỡng chế triệt sản; và Maneck, trong một cơn tuyệt vọng sau khi gặp lại Ishvar và Om, đã lao vào tàu hỏa tự tử như Anna Karenina của Tolstoy.


Cân bằng mong manh là một cuốn sách không khoan nhượng khi nói về thân phận con người; vì thế mà nhiều nhà phê bình đã ví nó với các tác phẩm của Charles Dicken hay Leo

Tolstoy. Một cuốn sách buồn nhưng cũng lấp lánh hy vọng - thứ hy vọng thực chứ không phải hy vọng của văn chương tô hồng. Rohinton Mistry đã rất tỉ mỉ, kiên nhẫn, vững vàng trong loạt tả những định dạng khác nhau của sự thống khổ giống nhau và khao khát giống nhau khi làm người. Khi theo chân bốn nhân vật của cuốn sách này trong lúc câu chuyện cuộc đời họ mở dần, bạn chắc chắn sẽ lo lắng cho họ, khóc cười với họ như thể khóc cười cho người thân của mình hay cho chính mình. Không khác họ, mỗi chúng ta có lẽ đều đang cố gắng hết sức để tìm và duy trì một điểm cân bằng mong manh cho cuộc sống của mình - giữa hy vọng và tuyệt vọng, giữa hạnh phúc và bất hạnh, giữa cái có nghĩa và vô nghĩa, giữa cái thuộc về *mình* và cái thuộc về *họ*. Theo nghĩa đó, mỗi cuộc đời trở thành một kiệt tác vĩ đại, đáng trọng và đáng thương như nhau.

Trân trọng giới thiệu với bạn đọc của tủ sách “Cánh cửa mở rộng” tiểu thuyết *Cân bằng mong manh* của Rohinton Mistry qua bản dịch của Nguyễn Kim Ngọc.

PHAN VIỆT

Mở đầu: Năm 1975

 CHUYẾN TÀU SÁNG PHÌNH CỨNG KHÁCH lăn bánh chậm dần, rồi bất thần lao về phía trước, như thể sắp lấy lại tốc độ tối đa. Khoảnh khắc lửa phình ngăn ngủ của con tàu khiến toàn bộ hành khách một phen rúng động. Cả búi người đang bầu vịu ngoài cửa phồng ra, nom phát sợ, hết như một cái bong bóng xà phòng đã căng hết sức.

Bên trong toa tàu, Maneck Kohlah bám vào thanh ngang trên đầu, đứng vững vàng giữa đám đông chật như nêm. Cậu bỗng cảm thấy khuỷu tay ai đó huých mấy cuốn sách bật khỏi tay mình. Ở mấy ghế gần đấy, một cậu trai trẻ gầy nhom lao dúi dụi vào vòng tay người đàn ông đối diện. Mấy cuốn sách của cậu rơi vào người họ.

“Au!” Bị cuốn giáo trình tập một nện vào lưng, cậu trai kêu oai oái.

Vừa cười, hai bác cháu vừa đẩy nhau ra. Ishvar Darji^[1], người đàn ông có bên má trái méo mó, đỡ cháu rời khỏi lòng mình và ngồi lại xuống ghế. “Cháu có sao không, Om?”

“Lưng cháu bị lồm tí thôi, còn thì ổn cả.” Omprakash Darji nói, đoạn cúi xuống nhặt hai cuốn sách bọc giấy nâu. Cậu khệ nệ nâng chúng lên bằng cả hai bàn tay khẳng khiu và nhìn quanh để xem ai vừa đánh rơi.

Maneck vội nhận lại. Chỉ hình dung hai cuốn sách giáo khoa nặng trĩu giáng xuống cái sống lưng mỏng mảnh kia cũng đủ khiến cậu rùng mình. Cậu bỗng nhớ đến con chim sẻ từng bị cậu chọi đá chết, từ lâu rồi; sau lần đó, cậu cứ thấy lờm lợm.

Cậu cuống quýt xin lỗi: “Tôi xin lỗi, mấy cuốn sách tuột ra và...”

“Đừng ngại,” Ishvar ngắt lời. “Có phải lỗi của cậu đâu.” Đoạn ông quay sang cháu: “May mà không bị ngược lại, nhỉ? Giá bác mà ngã vào người mày, chắc mày đến gãy xương chứ chả chơi.” Họ lại cười ồ lên, Maneck cũng cười, để trợ lực cho lời xin lỗi của mình.

Thân hình Ishvar Darji cũng chẳng phương phi gì, song sự đối lập của nó với những bắp thịt nhằng cù nheo của Omprakash đã khơi mào cho lời bông đùa giữa hai bác cháu về cân nặng của ông bác. Những lời châm chọc khi thì nảy ra từ miệng người này, lúc thì bật từ miệng người kia. Khi họ ăn bữa tối, Ishvar luôn cố sẻ phần hơn vào chiếc đĩa men của thằng cháu. Lúc tạt vào một quán ăn ven đường, ông chỉ rình đến lúc Omprakash đi uống nước hoặc vào nhà xí là vội gạt một phần thức ăn của mình sang đĩa bên cạnh.

Lỡ Omprakash có nói gì, Ishvar mắng át đi ngay: “Đến lúc bác cháu ta về làng, bà con họ hàng sẽ nói sao đây? Rằng lên thành phố, bác bỏ đói thằng cháu và chén sạch thức ăn hả? Ăn đi, ăn đi! Bác phải vỗ béo mày mới được, không thì còn đâu danh tiếng của bác nữa!”

“Bác lo gì chứ,” Omprakash đá lại. “Chỉ cần danh tiếng của bác to bằng phân nửa người bác, cháu tưởng cũng đủ mát mặt lắm rồi.”

Dẫu vậy, cơ thể Omprakash vẫn bất chấp mọi nỗ lực của ông bác và giữ nguyên hình hài của một que tăm. Số kiếp của hai bác cháu cũng vậy, cứ mãi mang một bộ mặt nghèo nàn đói rách, và cái ngày được rạng mày rõ mặt trở về làng vẫn chỉ là một giấc mơ xa vời.

Con tàu đi về phía nam lại chạy chậm dần. Cùng một tiếng xì hơi, các thanh ghi lạch xạch dừng hẳn. Tàu đang đỗ giữa đường. Ống phanh hơi vẫn còn thở phì phò mất một lúc rồi mới ngưng bật.

Omprakash ghé mắt nhìn qua cửa sổ để xem họ dừng ở đâu. Những mái lều lụp xụp nằm phía xa xa bên kia hàng rào đường sắt, chảy dọc theo đó là một vương quốc đen ngòm. Lũ trẻ đang chơi trò gì đó với mấy cây gậy và vài cục đá. Một chú chó nhỏ hơn hỏ nhẩy nhô nhẩy nhếch xung quanh, cố nhập bọn với chúng. Ngay gần đấy, một người đàn ông đang xoay tròn vắt sữa cho bò. Đây có thể là bất cứ đâu.

Mùi phân đốt cay xè tràn về phía con tàu. Ngay ở phía trước, một đám người đã bu lại gần đường giao cắt. Vài người còn nhẩy hẫ xuống và bắt đầu đi bộ dọc đường ray.

“Mong sao ta đến kịp,” Omprakash nói. “Nhờ có người đến trước là bác cháu mình toi luôn đấy.”

Maneck Kohlah hỏi họ còn phải đi xa nữa không. Ishvar nói tên ga. “Ồ, tôi cũng xuống đấy,” Maneck ồ lên, ngón tay mân mê mấy sợi rìa mép lơ thơ.

Hi vọng nhìn thấy một chiếc đồng hồ đeo tay, Ishvar đưa mắt quét khắp rừng cánh tay đang giơ lên trần. “Có ai biết mấy giờ rồi không?” Ông quay lại hỏi một người đứng phía sau. Anh này kéo tay áo xuống một cách điệu nghệ, để lộ ra chiếc mặt đồng hồ: chín giờ kém mười lăm.

“Nào, hô, đi tiếp đi chứ!” Omprakash kêu lên, tay vỗ bành bạch xuống khoảng ghế giữa đôi mình.

“Không ngoan bằng lũ bò thiến ở làng mình, nhỉ?” Bác cậu nói. Nghe thế, Maneck cười phá lên. Ishvar để thêm rằng quả thực, từ hồi ông còn bé tí, làng họ chưa thua một cuộc đua xe bò nào mỗi khi có hội thi.

“Cứ tống cho con tàu này một liều thuốc phiện là nó chạy nhanh như bò ngay,” Omprakash nói.

Một người bán lược luồn lách giữa khoang tàu chật cứng, tay gảy liên hồi lên hàng răng nhựa của chiếc lược to dùng. Ai nấy đều quay ra cầu nhàu rửa xả, khó chịu vì sự xuất hiện của anh ta.

“Ê!” Omprakash vội kêu lên để thu hút sự chú ý của anh ta.

“Dây buộc tóc nhựa, siêu dai siêu bền, kẹp tóc nhựa, hình hoa, hình bướm, lược màu, không bao giờ gãy.” Người bán lược rao bằng giọng đều đều kém mặn mà, chừng như không chắc đó là một khách hàng thực sự, hay chỉ là trò giết thì giờ của một gã hay đùa. “Lược lớn lược bé, lược hồng, lược cam, hạt dẻ, xanh lục, xanh lơ, vàng... không bao giờ gãy.”

Omprakash đưa lên tóc chải thử một lược mấy chiếc rồi chọn một cái màu đỏ, loại nhét vừa túi. Cậu thọc tay vào quần và lôi ra một đồng xu. Người bán lược phải ăn đủ những cái huých vai, thúc cùi chỏ thô bạo trong khi loay hoay tìm tiền trả lại. Anh ta lấy tay áo chùi sạch dầu tóc bám trên những chiếc lược không được chọn rồi cất trở lại túi xách, nhưng vẫn giữ trong tay chiếc lược răng kép to kích để có thể tiếp tục luồn lách êm thấm giữa khoang tàu đông nghịt.

“Thế cái lược vàng của mày đâu rồi?” Ishvar hỏi.

“Gãy đôi rồi ạ.”

“Sao mà gãy?”

“Cháu để ở túi quần sau, rồi lờ ngời lên.”

“Ai lại để lược ở đây bao giờ! Lược là để dành cho đầu, Om ạ, chứ đầu phải để cho mông.” Ông luôn gọi cậu cháu là Om, chỉ khi nào câu lên, ông mới gọi hẳn tên Omprakash.

Ông day day cảm Omprakash. Nhiều lúc, tuổi tác của đôi bên – bốn mươi sáu và mười bảy – dễ khiến người ta hiểu nhầm về mối quan hệ thực sự giữa hai bác cháu. “Cười lên đi, Om. Cái miệng cau có của mày thật chẳng hợp với kiểu tóc người hùng này tí nào.” Ông nháy mắt với Maneck để kéo cậu vào trò đùa. “Nhìn mớ tóc bông bênh này, chả khối cô chết mê chết mệt mày ấy chứ. Nhưng đừng lo, Om ạ, bác sẽ chọn cho mày một cô vợ ra trò. Một cô to vạm, khỏe mạnh, có đủ da thịt cho cả hai người.”

Omprakash nhe răng cười và tự thưởng cho mái tóc mình vài đường chải chuốt bằng chiếc lược mới mua. Đoàn tàu vẫn không tỏ vẻ gì là sẽ chuyển bánh. Những người vừa lang thang bên ngoài đã trở lại với cái tin rằng người ta vừa tìm thấy một cái xác ngay cạnh đường ray, gần chỗ giao cắt. Maneck cố nhích dần về phía cửa để nghe ngóng. Chết kiểu này vừa nhanh, vừa gọn, cậu nghĩ bụng, miễn là tàu phải tông thẳng vào người.

“Chắc vụ này có liên quan gì đó đến Tình trạng khẩn cấp,” ai đó lên tiếng.

“Cái gì khẩn cấp cơ?”

“Thủ tướng mới phát biểu trên đài sáng sớm nay. Rằng nước ta đang gặp mối đe dọa từ bên trong gì đó.”

“Dào, lại thêm một trò mèo của chính phủ thôi.”

“Sao ai muốn chết cũng nhất quyết đòi đâm đầu vào tàu hỏa thế nhỉ?” Một người khác can nhần. “Chẳng biết nghĩ cho những người như chúng ta gì cả. Giết người, tự tử, chết vì mấy trận khủng bố của bọn phiến quân Naxal, chết trong phòng giam của cảnh sát, cái quái gì cũng làm chậm tàu hết. Còn thuốc độc, nhảy lầu, rồi dao nữa đấy, sao không dùng?”

Cuối cùng, tiếng gầm rú được mong chờ từ lâu cũng vang dậy, khuấy động suốt mấy toa tàu, cả dải xương sống thép của đoàn tàu rùng rùng chuyển mình. Niềm vui khiến khuôn mặt các hành khách tươi tỉnh hẳn. Khi những toa tàu bò qua đường giao cắt, ai nấy đều cố ngھển cổ lên để xem nguyên nhân gây ra sự chậm trễ vừa qua. Ba cảnh sát mặc sắc phục đứng bên cạnh cái xác được che đậy vội vã, đang chờ đợi cuộc chu du đến nhà xác. Vài hành khách khẽ chạm lên trán hoặc chấp hai tay lại và lầm rầm khấn: “*Ram, ram.*”

Maneck Kohlah ngồi xuống sau lưng hai chú cháu, họ xuống sân ga cùng nhau. “Xin lỗi,” cậu nói, đoạn lấy trong túi ra một lá thư. “Tôi mới lên thành phố lần đầu, cậu và bác làm ơn chỉ đường cho tôi tới địa chỉ này được không?”

“Cậu hỏi nhầm người rồi,” chưa cần đọc giấy, Ishvar đã đáp luôn. “Chúng tôi cũng mới lên đây thôi.”

Nhưng Omprakash đã kịp liếc nhìn lá thư và kêu lên: “Ô, cũng là nhà ấy đấy!”

Ishvar vội lôi từ trong túi mình ra một mảnh giấy nhàu nát và so thử. Cháu ông nói đúng, giống hệt: Dina Dalal, tiếp đến là địa chỉ.

Omprakash đột nhiên đổi giọng thù địch: “Sao cậu lại đến nhà cô Dina Dalal? Cậu là thợ may à?”

“Tôi? Thợ may gì? Không, cô ấy là bạn của mẹ tôi.”

Ishvar bèn vỗ vai cháu. “Thấy chưa, cháu chỉ sợ bóng sợ gió thôi. Đi nào, ta đi kiếm nhà đó đi!”

Maneck không hiểu hai bác cháu nói thế là có ý gì, mãi đến khi ra khỏi ga, Ishvar mới giải thích: “Chả là, tôi và Om là thợ may. Cô Dina Dalal rao có việc cho hai thợ, nên chúng tôi đến xin làm.”

“Cậu tưởng tôi đến đây để cướp việc của cậu, phải không?” Maneck mỉm cười. “Đừng lo, tôi chỉ là sinh viên thôi. Mẹ tôi và cô Dina Dalal từng học cùng trường. Cô ấy cho tôi ở trọ vài tháng, vậy thôi.”

Họ hỏi đường một người bán trâu cau, rồi đi theo con phố đã được mách. Omprakash vẫn chưa hết nghi ngờ. “Cậu bảo sẽ ở với cô ấy vài tháng, thế đồ đạc, của nả của cậu đâu hết rồi? Sao chỉ mang mỗi hai cuốn sách thế này?”

“Hôm nay tôi chỉ đến gặp cô ấy thôi. Tháng sau tôi mới chuyển đồ từ kí túc xá vào.”

Họ gặp một người ăn mày nằm phủ phục trên cái bệ gỗ nhỏ có gắn bánh xe, giúp nâng ông ta lên cao hơn mặt đất độ dăm phân. Các ngón giữa cùng ngón cái của ông đã chẳng còn, mà đến hai chân cũng cụt đến tận móng. “Ồi chú ơi, cho lão xin một xu^[2]!” Ông kêu, hai bàn tay bằng bó chằng chịt lác lác cái ống bơ thiếc. “Ồi chú ơi! Làm ơn làm phước cho lão một xu!”

“Từ lúc lên thành phố đến giờ, bác chưa thấy ai thảm bằng người này,” Ishvar nói, hai người kia cũng gật đầu đồng tình. Omprakash bèn dừng lại để thả một xu vào bơ.

Họ băng qua đường và hỏi lại hướng đi. “Tôi đã sống ở đây được hai tháng rồi,” Maneck nói, “nhưng thành phố này vừa to vừa lộn xộn. Chỉ có mấy phố lớn may ra tôi còn nhận mặt được. Còn các ngõ nhỏ trông cái nào cũng như nhau.”

“Bọn tôi còn lên đây được sáu tháng rồi kia, mà cũng có hơn gì cậu đâu. Hồi mới tới, hai bác cháu cứ gọi là rối tinh rối mù hết cả. Lần đầu tiên còn chả lên nổi tàu, phải bị lỗ đến hai, ba chuyến rồi bọn tôi mới học được cách chen đấy.”

Maneck nói mình ghét nơi này, và chỉ mong đến lúc được trở về miền núi quê nhà vào năm sau, khi cậu đã tốt nghiệp khóa học.

“Bác cháu tôi cũng chỉ lên đây một thời gian ngắn thôi,” Ishvar nói. “Kiếm ít tiền rồi lại về làng. Thành phố to thế này thì được tích sự gì? Vừa ồn vừa đông, chả biết ở chỗ nào, nước thì hiếm, đâu cũng thấy rác. Sợ thật.”

“Làng tôi cách đây xa lắm,” Omprakash tiếp lời. “Muốn về đến nơi cũng phải mất nguyên một ngày đi tàu, từ sáng sớm đến tối đêm.”

“Nhưng kiểu gì chúng tôi cũng về,” Ishvar nói. “Chẳng đâu bằng ở nhà mà lị.”

“Nhà tôi ở phía bắc,” Maneck nói. “Phải mất một ngày đêm, với thêm một ngày nữa, mới tới nơi. Ở đấy, đứng cửa sổ mà nhìn ra còn thấy cả đỉnh núi tuyết phủ đấy.”

“Gần làng tôi có một con sông chảy qua,” Ishvar kể. “Nước sáng lấp lánh, sóng hát rì rào. Cảnh đẹp lắm.”

Trong chốc lát, họ chỉ lặng lẽ bước đi, chìm đắm trong nỗi tương tư quê nhà. Omprakash phá vỡ bầu không khí im lặng bằng cách chỉ vào một quầy bán nước dưa hấu. “Trời nóng thế này mà được một cốc kia thì sướng phải biết!”

Người bán hàng cầm chiếc muôi đưa vào bình, khuấy động những viên đá đang bập bênh giữa một biển nước màu đỏ sậm. “Ta vào làm vài cốc đi,” Maneck rủ. “Trông ngon quá.”

“Bác cháu tôi xin phép,” Ishvar vội nói. “Chúng tôi ăn sáng vẫn còn no.” Omprakash lập tức xóa bỏ mọi dấu hiệu thèm khát trên khuôn mặt mình.

“À vâng,” Maneck đáp vẻ băn khoăn, đoạn cậu gọi một cốc đại. Cậu nhìn hai người thợ may đứng đó, mắt nhìn lảng đi, không dám hướng vào cái bình đầy cảm dỗ hay cốc nước mát lạnh trên tay cậu. Cậu thấy khuôn mặt mệt mỏi của họ, thứ quần áo tồi tàn họ mang trên người cùng đôi dép lê mòn vẹt.

Cậu uống nửa cốc rồi nói: “Tôi no quá. Bác với cậu uống giúp nhé?”

Cả hai đều lắc đầu.

“Bỏ đi thì phí quá.”

“À, vậy thì được,” Omprakash nói và cầm lấy cốc nước. Cậu uống vài hớp rồi đưa cho bác.

Ishvar tu một hơi cạn sạch rồi trả cốc lại cho người bán. “Ngon thật,” ông nói, mặt tươi tỉnh khoan khoái. “Cậu tốt quá, lại còn cho chúng tôi uống cùng nữa. Nước mát lắm, cảm ơn cậu.” Cháu ông cau mày nhìn bác, chừng như để ghìm bớt sự hưng phấn của ông.

Chỉ chút nước quả mà họ đã cảm kích đến vậy, Maneck thầm nghĩ, những con người này thèm khát một cử chỉ tử tế biết bao.

Trên cánh cửa hành lang có một tấm biển đồng đề: Ông bà Rustom K. Dalal, những con chữ dày hằn lên sau bao năm trời bị ôxy hóa. Dina Dalal ra mở cửa và nhận lấy mẫu giấy nhàu nát có chữ viết tay của chính mình.

“Các anh là thợ may?”

“Phải, thưa cô,” Ishvar hăng hái gật đầu. Được bà chủ mời, cả ba người bước vào hành lang và đứng ngưỡng ngậu.

Hành lang này từng có thời là một mái hiên mở, đã được cải tạo thành một căn phòng từ khi người chồng quá cố của Dina Dalal vẫn còn bé: Cha mẹ anh muốn biến nó thành phòng chơi để đỡ cho căn nhà chật. Mái cổng ốp gạch tì lên một ô cửa sổ lắp chấn song sắt.

“Nhưng tôi chỉ cần hai thợ thôi,” Dina Dalal nói.

“Xin lỗi cô, cháu không phải là thợ may. Tên cháu là Maneck Kohlah.” Cậu bước lên từ phía sau Ishvar và Omprakash.

“Ồ, hóa ra cháu là Maneck hả? Chào cháu! Xin lỗi cháu, cô không nhận ra ngay. Cũng đã lâu lắm rồi cô không gặp mẹ cháu, mà cháu thì cô đã thấy mặt bao giờ đâu.”

Cô để hai người thợ may lại ngoài hành lang và dẫn cậu vào căn phòng phía trong. “Cháu ngồi đây đợi cô nhé, để cô nói chuyện với hai người kia một chút đã.”

“Vâng.”

Maneck sẫm soi những thứ đồ đạc nghèo nàn quanh mình: cái ghế sofa tồi tàn, hai cái ghế tựa lót miếng nệm xơ tướp, cái bàn uống trà xước chằng xước chịt, cái bàn ăn phủ một tấm vải giả da nứt nẻ bạc phếch. Chắc hẳn cô ấy không sống ở đây, cậu tự nhủ, có lẽ đây là cửa hàng của gia đình, hoặc nhà ở tạm thôi. Cả mấy bức tường đều đới sơn trắng trợn. Cậu bèn bày một trò chơi với mấy vết vữa lở, vờ như đó là những đám mây. Cậu tưởng tượng ra những hình động vật, những quang cảnh. Chó bắt tay nhau. Điều hâu bổ nhào từ trên không xuống. Người chống gậy leo núi.

Ngoài hành lang, Dina Dalal đưa tay lên vuốt mái tóc đen nhánh, chưa hề bị xâm lăng

bởi chút sắc bạc nào, và hướng sự chú ý của mình sang hai người thợ may. Ở tuổi bốn mươi hai, vắng trán cô vẫn nhắn mịn, và mười sáu năm ròng phải gồng mình để tự chống chọi với đời cũng không làm đánh mất nhan sắc đã từng khiến các bạn bè của anh trai cô phải ra sức ganh đua để lấy le với người đẹp.

Cô hỏi tên và kinh nghiệm may vá của họ. Hai người khẳng định mình thông thạo mọi thứ về trang phục phụ nữ. “Chúng tôi có thể lấy số đo trực tiếp trên người khách và may mọi kiểu dáng mà cô cần,” Ishvar đáp với giọng tự tin. Ông giành hết phần nói năng về mình, trong khi Omprakash chỉ gật đầu cho qua chuyện.

“Với công việc này, sẽ chẳng có khách hàng nào để đo đạc cả,” cô giải thích. “Chỉ may đúng theo mẫu vẽ trên giấy là được. Mỗi tuần các anh sẽ phải may khoảng hai, ba chục mẫu, tùy theo nhu cầu của công ty, kiểu cách phải giống hệt nhau.”

“Chuyện vặt,” Ishvar đáp. “Nhưng chúng tôi sẽ làm.”

“Thế còn cậu thì sao?” Cô hỏi Omprakash, lúc ấy vẫn giữ một cái nhìn dửng dưng. “Nãy giờ cậu chẳng nói năng gì cả.” “Thằng cháu tôi chỉ mở mồm khi có chuyện không hài lòng thôi,” Ishvar vội đỡ lời. “Nó cứ im thế là tốt đấy.”

Cô thích khuôn mặt Ishvar, kiểu mặt khiến người đối diện cảm thấy an tâm và khích lệ họ mở miệng. Nhưng hăng còn cậu trai kiêu lời kia, kẻ khiến từ ngữ cũng phát sợ mà lui đi đâu hết. Cậu ta hơi nhỏ so với các nét khác, mặc dù khi cậu nở nụ cười, dường như cả khuôn mặt lại trở nên hài hòa.

Cô nêu rõ điều kiện công việc: Họ sẽ phải mang máy may của mình đến đây; mọi sản phẩm may đều được khoán gọn. “Càng may được nhiều, các anh càng kiếm được nhiều tiền,” cô nói, Ishvar cho thế là công bằng. Mức thù lao sẽ được ấn định tùy theo độ phức tạp của từng mẫu vẽ. Thời gian làm việc là từ tám giờ sáng đến sáu giờ tối – ít hơn thì không được; còn nếu họ muốn làm thêm giờ, rất hoan nghênh. Thêm nữa, trong khi làm việc không được hút thuốc, hay nhai trầu.

“Bọn tôi không chỉ nhai trầu thôi đâu,” Ishvar nói. “Thỉnh thoảng hứng lên, bọn tôi còn hút cả thuốc lá cuốn nữa.”

“VẬY các anh sẽ phải ra ngoài hút.”

Điều kiện như thế là chấp nhận được. “Địa chỉ của hàng của cô là gì?” Ishvar hỏi. “Chúng tôi sẽ mang máy đến đâu?”

“Ở đây. Tuần sau khi các anh trở lại, tôi sẽ chỉ cho các anh chỗ kê máy, ở phòng trong.”

“Vâng, cảm ơn cô, thứ Hai tới nhất định chúng tôi sẽ đến.”

Họ vẫy tay chào Maneck khi ra về. “Hẹn gặp lại cậu sau nhé.”

“Vâng,” Maneck đáp và vẫy tay chào lại. Nhận thấy vẻ dò xét lướt qua mặt Dina Dalal, cậu bèn kể lại cuộc chạm trán giữa đôi bên trên tàu hỏa.

“Cháu nên cẩn thận khi bắt chuyện với người lạ,” cô nói. “Ai mà biết được đó là hạng người nào. Chỗ này đâu phải ngôi làng nhỏ trên núi của cháu.”

“Trông họ cũng dễ mến mà.”

“À, ừ,” cô đáp, cố nén lại những lời nhận xét của mình. Sau đó, cô lại xin lỗi vì tưởng nhầm cậu là thợ may. “Lúc đấy cô nhìn cháu không rõ, vì cháu đứng khuất sau lưng hai người kia, mà mắt cô lại hơi kém.” Mình ngốc thật, cô tự nhủ, sao mình có thể nhầm cậu

bé dễ thương này là một anh thợ may chân đất mắt toét cơ chứ. Mà nom người ngợm cậu ta dẻo dai thật. Ất hẳn là nhờ thứ không khí miền núi nổi tiếng mà người ta vẫn đồn đại, và các loại thức ăn nước uống tốt lành nữa.

Cô ngó sát vào một chút, đầu hơi nghiêng sang một bên. “Cũng phải hơn hai chục năm rồi đấy, nhưng cô vẫn nhận ra mẹ cháu qua gương mặt của cháu. Chắc cháu cũng biết, cô với mẹ Aban từng học cùng trường.”

“Vâng,” cậu đáp, cảm giác không thoải mái lắm khi bị sẫm soi kỹ như thế. “Mẹ cháu có nói trong thư. Mẹ cháu cũng nhắc cô rằng cháu sẽ chuyển về đây từ tháng tới, mẹ sẽ gửi tiền nhà cho cô ngay.”

“Ừ, ừ, được mà,” cô đáp. Gạt đi những lo lắng của cậu về tiểu tiết, cô lại đắm chìm vào quá khứ. “Hồi còn đi học, bọn cô nghịch khiếp lắm. Nhóm còn có một cô bạn nữa, tên là Zenobia. Khi ba đứa cùng ở một chỗ, thì phải nói là kinh hoàng, mà kinh hoàng viết hoa kia, các thầy cô giáo của bọn cô bảo thế đấy.” Kí ức xa xưa điểm một nụ cười tiếc nuối lên khuôn mặt cô. “À thôi, để cô dẫn cháu đi xem nhà và phòng của cháu nhé.”

“Cô sống luôn ở đây ạ?”

“Chứ còn chỗ nào khác nữa?” Vừa dẫn cậu đi khắp căn hộ chật hẹp nhếch nhác, cô vừa hỏi ở trường cậu học ngành gì.

“Điều hòa nhiệt độ và điện lạnh ạ.”

“Thế thì cô rất mong cháu xử lý giúp bầu không khí nóng nực này, để căn nhà của cô được dễ chịu hơn.”

Cậu gượng cười, lòng se lại khi nghĩ đến nơi cô cư ngụ. Chẳng khá khẩm gì hơn khu kí túc xá của trường, cậu thầm nghĩ. Dầu vậy, cậu vẫn mong chờ đến lúc dọn vào đây. Ở đâu cũng được, sau những gì vừa xảy ra ở đó. Cậu rùng mình, cố nghĩ sang chuyện khác.

“Đây sẽ là phòng của cháu.”

“Tốt quá. Cảm ơn cô, cô Dalal.”

Ở góc phòng kê một cái tủ búp phê, trên mặt đặt một chiếc va li méo mó và xước xát. Một chiếc bàn nhỏ đứng bên cạnh tủ. Ở đây, cũng y như trong căn phòng trước, trần nhà tối mù và bong tróc lung tung, vách tường bột bột, vữa ở nhiều chỗ đã lở lói. Vài chỗ khác, mới được trám thô bằng xi măng, nổi bật lên như những vết thương vừa kín miệng. Hai chiếc giường đơn được kê vuông góc dọc bức tường. Cậu tự hỏi, không biết cô có ngủ luôn ở phòng này không.

“Cô sẽ chuyển một chiếc giường sang phòng khác để ngủ.”

Cậu nhìn qua khung cửa ở phía xa và thoáng thấy một căn phòng còn chật chội và tồi tàn hơn nữa xếp chặt những đồ đạc: một cái tủ búp phê (cũng có một chiếc va li trên mặt), một cái bàn ọp ẹp, hai cái ghế, và ba cái rương rỉ sét xếp chồng lên nhau trên một cái chân đỡ.

“Cháu đuổi cô ra khỏi phòng cô mất rồi,” Maneck lắp bắp, quang cảnh chung quanh khiến cậu cụt hứng ngay tức khắc. “Bậy nào.” Giọng cô hào hứng. “Cô mong kiếm được khách thuê nhà lắm đấy; đã vậy đó lại là một chàng trai Parsi^[3] dễ thương, con của bạn học cũ nữa chứ, thật may phúc cho cô quá!”

“Cô tốt quá, cô Dalal.”

“À, còn chuyện đấy nữa. Cháu phải gọi ta là dì Dina, nghe chưa?”

Maneck gật đầu.

“Cháu có thể dọn đồ tới đây bất cứ lúc nào. Nếu cháu không thích ở trong kí túc xá nữa, căn phòng này đã sẵn sàng, không cần phải đợi đến ngày tốt tháng sau đâu.”

“Không sao đâu ạ, dù sao cũng cảm ơn cô...”

“Ấy, coi chừng.”

“À, cháu nhầm, dì Dina.” Cả hai người cùng cười.

Maneck vừa đi khỏi, cô bắt đầu rảo bước vòng quanh căn phòng, lòng bỗng bồn chồn, như thể cô sắp lên đường cho một chuyến đi dài. Không cần phải đến nhà anh trai nài xin tiền để trang trải khoản thuê nhà cho tháng tới nữa rồi. Cô hít vào một hơi thật sâu. Một lần nữa, nền độc lập mong manh của cô lại được bảo toàn.

Ngày mai, cô sẽ mang lô hàng đầu tiên từ Công ty xuất khẩu Au Revoir về nhà.

I

Thành phố bên bờ biển

DINA DALAL CHẴNG MẤY KHI cho phép mình hồi tưởng lại cuộc đời với những xúc cảm tiếc nuối hoặc cay đắng, hay tự hỏi tại sao sự thể lại đến nông nổi này, rồi lừa phỉnh bản thân bằng tương lai xán lạn mà những người xung quanh đã dự báo cho cô từ hồi cô đang đi học, khi tên cô vẫn còn là Dina Shroff. Và nếu có lỡ sa vào một khoảnh khắc hiểm hoai như vậy, cô sẽ lập tức vùng thoát khỏi nó ngay. Nhắc đi nhắc lại chuyện cũ phỏng có ích gì, cô luôn tự vấn bản thân, đằng nào kết cục chẳng như vậy; dù có chọn hành lang nào, rốt cuộc cô cũng sẽ đến cùng một căn phòng mà thôi.

Cha của Dina là một ông đốc tờ, một bác sĩ đa khoa với chuyên môn vừa phải nhưng đã trót khắc cốt ghi tâm lời thề Hippocrates có phần sâu sắc hơn các bạn đồng nghiệp. Trong những năm khởi đầu y nghiệp, lòng tận tụy với công việc của bác sĩ Shroff được các bạn đồng trang lứa, gia đình, cùng các bác sĩ lão thành xem là minh chứng tiêu biểu cho nhiệt tâm và sức sống tuổi trẻ. “Nhiệt huyết thanh xuân thật đáng quý biết mấy,” họ mỉm cười và gật gù với nhau, trong bụng chắc mẩm rằng thời gian sẽ dập tắt ngọn lửa lý tưởng ấy bằng một liều vừa phải hoài nghi pha trộn những gánh nặng gia đình.

Song cuộc hôn nhân, và sự ra đời của một cậu con trai, nối tiếp bằng một cô con gái mười một năm sau đó, chẳng tạo ra chút khác biệt nào đối với bác sĩ Shroff. Thời gian chỉ càng khoét sâu hơn tình trạng bất cân xứng giữa một bên là khát vọng xoa dịu những khổ đau của ông và bên kia là mong ước kiếm được một nguồn thu nhập dễ chịu.

“Thật đáng thất vọng,” bạn bè và người thân lắc đầu, đổi giọng. “Chúng ta đã đặt bao nhiêu hi vọng vào anh ta. Ấy thế mà anh ta cứ làm việc quần quật như một gã thầy ký, như một thằng loạn óc, chẳng thèm biết đến hưởng thụ cuộc sống là cái gì. Rõ khổ nhà chị Shroff. Nghỉ mát không, tiệc tùng không, rồi đến mãi đời cũng chẳng biết tí mùi vui thú nào mất.”

Bước sang tuổi năm mươi mốt, khi đa số các bác sĩ đa khoa đã bắt đầu tính đến những phương kế như giảm phân nửa thời gian làm việc, thuê một bác sĩ giúp việc với giá rẻ mạt, hoặc thậm chí bán cả phòng khám đi để nghỉ hưu sớm, thì bác sĩ Shroff lại chẳng có nổi một tài khoản ngân hàng lẫn lòng dạ để cho phép mình nuông chiều bản thân như thế. Thay vào đó, ông xung phong dẫn đầu một chiến dịch đưa sinh viên y khoa đến các vùng sâu vùng xa. Ở đó, nơi thương hàn và dịch tả, chưa hề bị thách thức bởi khoa học và công nghệ, vẫn đều đặn gặt hái nạn nhân qua từng năm, bác sĩ Shroff sẽ gắng hết sức để ghìm giữ lưỡi hái tử thần hay chí ít cũng khiến nó cùn mòn đi chút ít.

Còn bà Shroff lại tiến hành một chiến dịch khác hẳn: thuyết phục ông chồng khỏi dẫn thân vào chỗ mà bà cho là nanh vuốt của cái chết không đường thoát. Bà quyết huấn luyện Dina nói năng làm sao để lay chuyển được ông bố. Nói gì thì nói, Dina, lúc ấy mười hai tuổi, cũng là cục cưng của ông. Bà Shroff biết chắc thằng con trai Nusswan sẽ chẳng giúp gì được trong vụ này. Lôi nó vào chỉ tổ phá hỏng bất cứ cơ hội khả dĩ nào hòng thay đổi quyết định của chồng bà.

Bước ngoặt trong quan hệ cha con đến từ bảy năm trước, vào đúng sinh nhật thứ mười sáu của Nusswan. Các cô dì chú bác đều được mời đến ăn cơm. Bỗng có người nói:

“Nusswan này, chẳng mấy chốc mà cháu sẽ lại học trường y rồi thành bác sĩ, như cha cháu ấy.”

“Cháu không muốn trở thành bác sĩ,” Nusswan đáp luôn. “Cháu sẽ làm trong ngành xuất nhập khẩu.”

Vài người lớn gật đầu tán thành. Những người khác giãy nảy lên như đĩa phải vôi và quay ngay sang bác sĩ Shroff: “Có thật thế không? Con trai lại không nối nghiệp bố ư?”

“Dĩ nhiên là thật,” ông đáp. “Các cháu nhà tôi được phép chọn nghề gì tùy thích.”

Nhưng cô bé Dina năm tuổi đã nhận thấy nỗi đau hiện lên khuôn mặt của bố trước khi ông kịp giấu đi. Cô bé lon ton chạy đến và trèo lên lòng bố: “Bố, khi nào lớn, con cũng muốn làm bác sĩ giống như bố.”

Mọi người cười ồ lên và vỗ tay rầm rầm; ai nấy đều bảo, con bé thế mà kháu, thật biết cách có được những thứ mình muốn. Về sau, họ rĩ tai nhau rằng, rõ ràng thằng con trai không mang khí chất rắn rỏi như ông bố – chẳng có tham vọng gì sắt, rồi cũng chẳng làm nên trò trống gì đâu.

Nhiều năm sau đó, Dina vẫn nhắc đi nhắc lại mơ ước đó, lúc nào cô bé cũng xem bố như một vị thánh ban phát sức khỏe cho mọi người, chiến đấu chống lại bệnh tật, và, có những lúc còn tạm đẩy lùi được cả cái chết. Còn bác sĩ Shroff thì vô cùng mát lòng mát ruột vì cô con gái sáng dạ. Trong những buổi tối họp phụ huynh ở trường dòng, thầy hiệu trưởng và các giáo viên luôn dành cho cô bé những lời tán dương tốt đẹp nhất. Nếu muốn, cô bé sẽ làm nên chuyện, bác sĩ Shroff biết chắc chắn là vậy.

Bà Shroff cũng biết chắc chắn rằng, cô con gái là người duy nhất bà có thể trông cậy trong chiến dịch chống lại kế hoạch nhân đạo ngu ngốc của ông chồng nhằm đi cứu giúp mấy ngôi làng khổ ho cò gáy nào đó. Nhưng Dina không chịu hợp tác; cô không chấp nhận bất cứ thủ đoạn bất chính nào hòng giữ người cha thân yêu ở nhà.

Thế là bà Shroff đành tìm kế khác; bà không viện đến tiền bạc hay an nguy của bản thân ông hoặc gia đình để thuyết phục chồng nữa, vì bà biết những thứ đó đều vô dụng cả. Thay vào đó, bà lôi các bệnh nhân của ông ra, kêu rằng ông bỏ mặc họ, những con người già cả, yếu đuối, không nơi nương tựa. “Họ biết phải làm sao, nếu anh đi tới nơi xa xôi như thế? Họ đã tin tưởng và trông cậy vào anh biết bao nhiêu. Sao anh nỡ nhẫn tâm làm vậy? Anh không biết đối với họ, anh quan trọng đến nhường nào đâu.”

“Không, vấn đề không phải ở chỗ đó,” bác sĩ Shroff gạt đi. Ông đã quá quen với những lập luận trúc trắc mà vợ có thể nghĩ ra, dưới sự xúi giục của tình yêu bà dành cho ông. Ông kiên nhẫn giải thích rằng trên thành phố còn vô khối các bác sĩ đa khoa khác có thể xử lý đủ mọi loại bệnh tật trên đời, trong khi ở nơi ông sắp đến, người dân chẳng có bác sĩ nào cả. Ông trấn an bà rằng đó chỉ là một chuyến công tác ngắn hạn, rồi ôm hôn bà thắm thiết hơn hẳn lệ thường ông vẫn làm. “Anh hứa sẽ sớm quay về,” ông nói. “Còn trước cả khi em kịp quen với sự vắng mặt của anh kia.”

Nhưng bác sĩ Shroff không giữ nổi lời hứa. Chỉ mới đi chiến dịch được ba tuần, ông đã ra đi, không phải vì bệnh thương hàn hay dịch tả, mà vì một vết hổ mang cắn, trong điều kiện xa cách mọi phương thuốc kháng nọc rắn.

Bà Shroff đón nhận tin dữ một cách bình thản. Người ta nói đó là vì bà là vợ của một bác sĩ, vốn đã quen mặt cái chết hơn người thường. Họ tự lý giải rằng, hẳn trước kia ông cũng thường xuyên kể với bà những chuyện liên quan đến các bệnh nhân của mình; nhờ vậy, bà đã được chuẩn bị cho giây phút không thể tránh khỏi.

Bà lập tức bắt tay vào lo ma chay cho chồng, cắt đặt mọi việc nhanh nhẹn đến không ngờ, khiến những người xung quanh không khỏi ngỡ ngàng, phải chẳng trong cách cư xử của bà có điều gì đó hơi bất bình thường? Giữa những lần thò tay vào túi xách để lấy tiền chi trả món nợ món kia, bà vẫn nhận lời chia buồn của khách khứa, an ủi những quyến thuộc đang buồn đau than khóc, rót thêm dầu vào chiếc đèn con đặt trên đầu giường nơi bác sĩ Shroff nằm, giặt và ủi tấm sari trắng, và kiểm tra xem trong nhà còn đủ hương trầm và gỗ đàn hương hay không. Bà cũng tự mình hướng dẫn các đầu bếp cách nấu bữa cỗ chay đặc biệt cho ngày hôm sau.

Sau bốn ngày tang lễ, Dina vẫn còn thút thít mãi không thôi. Bà Shroff, lúc ấy đang bận kiểm kê lại những chi phí cho lễ tụng niệm trên Tháp Bình Yên^[4], nói giọng dứt khoát:

“Kìa, con, bình tĩnh lại đi. Bố con sẽ không thích thế đâu.” Nghe vậy, Dina bèn gắng nín khóc.

Tay viết séc, bà Shroff lơ đãng tiếp lời: “Kể ra nếu muốn, con đã có thể can ngăn được ông ấy. Thế nào ông ấy cũng nghe lời con.”

Tiếng khóc của Dina lại vỡ òa, lần này còn tức tưởi hơn nữa. Ngoài nỗi xót thương dành cho cha, nước mắt của cô bé giờ đây chất chứa cả nỗi oán giận đối với mẹ, thậm chí căm ghét. Phải mất vài tháng sau cô mới hiểu rằng, những lời bà nói chẳng mang chút ác tâm hay ý định buộc tội nào, đó chỉ là một lời phát biểu đơn giản và buồn thảm về một sự thật đã rồi dưới góc nhìn của mẹ cô.

Sáu tháng sau cái chết của bác sĩ Shroff, sau khi đã đóng tròn vai trụ cột cho mọi người nương tựa, bà Shroff dần quy ngã. Rút lui dần khỏi cuộc sống thường nhật, bà hầu như không còn để tâm mấy đến việc nhà hay chính bản thân bà nữa.

Điều đó chẳng khiến Nusswan bận lòng, anh ta đã hai mươi ba tuổi và đang bận toan tính cho tương lai của riêng mình. Song Dina lúc ấy mới mười hai tuổi, hằng còn cần sự dìu dắt của cha mẹ thêm vài năm nữa. Cô bé nhớ cha quay quắt. Việc mẹ thu mình lại khiến tình hình càng thêm bi đát.

Nusswan Shroff đã tự kiếm sống được bằng nghề buôn bán từ hai năm trước khi bố mất. Anh ta vẫn còn độc thân, sống tại nhà, đang vừa tích cóp tiền của vừa tìm kiếm một căn hộ thích hợp cùng một cô vợ xứng đôi vừa lứa. Nay bố mất, mẹ khép mình lại, anh ta bỗng nhận ra lòng tìm một căn hộ không còn là việc cần thiết nữa, còn kiếm vợ đã thành chuyện cấp bách.

Giờ đây anh ta giành lấy cương vị chủ gia đình và trở thành người bảo hộ hợp pháp cho Dina. Họ hàng thân thích đều cho thế là phải. Ai nấy hết lời ca tụng quyết định vị tha đó, và thừa nhận rằng họ đã đánh giá sai về năng lực của anh ta. Anh ta cũng nắm luôn thu chi của cả nhà, hứa hẹn rằng mẹ và em sẽ không thiếu thốn một thứ gì; anh ta sẽ lấy tiền lương của mình để chăm lo cho họ. Mồm nói thế, song anh ta biết không cần thiết phải làm như vậy. Nguyên khoản tiền bán phòng khám của bác sĩ Shroff đã là quá đủ.

Quyết định đầu tiên của Nusswan với tư cách chủ gia đình là cắt giảm số người giúp việc. Người đầu bếp vẫn đi làm nửa ngày và lo nấu hai bữa chính được giữ lại; còn Lily, cô hầu gái sống cùng cả nhà, bị cho thôi việc. “Chúng ta không thể tiếp tục cuộc sống xa xỉ như trước kia được nữa,” anh ta tuyên bố. “Lương bổng của con không kham nổi.”

Bà Shroff tỏ vẻ nghi ngại trước thay đổi này. “Vậy ai sẽ lo phần dọn dẹp, giặt giũ? Chân tay mẹ có còn khỏe mạnh như xưa đâu.”

“Mẹ đừng lo, ba mẹ con ta sẽ chia nhau làm. Mẹ có thể làm những việc nhẹ nhàng, như

lau bàn ghế giường tủ. Chúng ta có thể tự rửa cốc tách bát đĩa, chắc chắn rồi. Em Dina còn trẻ, thiếu gì sức. Làm thế cũng tốt cho nó, có thể nó mới học được cách chăm nom của nhà.”

“Ừ, con nói cũng phải,” bà Shroff đáp, phần nào bị thuyết phục bởi tính cấp thiết của những biện pháp thắt chặt chi tiêu.

Nhưng Dina biết, trong chuyện này còn có uẩn khúc. Tuần trước đó, khi đi qua bếp để vào nhà vệ sinh, lúc ấy đã quá nửa đêm, cô bé nhìn thấy anh mình đang ở cùng cô giúp việc: Lily ngồi ở một đầu bàn bếp, hai chân đặt lên mép bàn; còn Nusswan, quần pyjama tụt xuống tận mắt cá, đứng giữa háng Lily, tay siết chặt hông cô ta vào thân mình. Dina nhìn lom lom cặp lông mày trần trụi của anh trai với vẻ tò mò mơ ngủ, rồi rón rén quay trở lại giường mà không hề đi vệ sinh, hai má đỏ bừng. Song ắt hẳn cô bé đã nấn ná ở đó hơi lâu, vì Nusswan đã kịp trông thấy cô.

Không một ai dấn động gì tới chuyện đó. Lily ra đi (với một khoản trợ cấp khiêm tốn mà bà Shroff không hề hay biết đến); giữa hai hàng nước mắt, cô ta kêu rằng mình sẽ không bao giờ tìm được một gia đình nào khác tử tế hơn thế. Dina vừa thương hại lại vừa khinh bỉ cô ta.

Sau đó, cách thức tổ chức gia đình mới được áp dụng. Mọi thành viên đều thành thực cố gắng. Cuộc thử nghiệm khả năng “tự thân vận động” xem ra cũng thú vị. “Cứ như đi dã ngoại ấy nhỉ?” Bà Shroff nói.

“Chính thế đấy, mẹ ạ!” Nusswan tán đồng.

Ngày qua ngày, phần việc nhà của Dina tăng dần lên. Để làm bằng cho sự góp sức của mình, Nusswan vẫn rửa chiếc cốc và đĩa ăn sáng của mình trước khi đi làm. Ngoài việc đó ra, anh ta không làm gì cả.

Một buổi sáng, khi đã nuốt trôi hộp trà cuối cùng, anh ta nói: “Dina, anh muộn giờ làm mất rồi. Rửa hộ anh mấy thứ này nhé.”

“Em không phải người hầu của anh! Anh đi mà tự rửa bát đĩa của mình!” Những ấm ức đã dồn nén hàng tuần liền nay bắt đầu vỡ bung. “Anh nói ai sẽ lo việc của người nấy! Nhưng mọi thứ bẩn thỉu anh đều đổ hết cho em dọn!”

“Chà chà, xem cô hổ con nói gì này!” Nusswan kêu lên, giọng thích thú.

“Con không được nói năng kiêu đó với anh,” bà Shroff khế quở. “Nên nhớ, công việc phải được chia đều.”

“Anh ấy ăn gian! Anh ấy chẳng làm gì cả! Con mới phải làm tất!”

Nusswan ôm mẹ: “Con chào mẹ,” và vỗ nhẹ lên vai Dina để dàn hòa. Cô bé rùn người tránh. “Cô hổ con vẫn còn giận đây mà,” anh ta nói rồi bỏ đi làm.

Bà Shroff cố dỗi dành Dina, hứa sẽ bàn bạc với Nusswan, có khi còn thuyết phục anh ta thuê thêm một người giúp việc bán thời gian chẳng, song quyết tâm của bà tan chảy chỉ sau vài tiếng đồng hồ. Mọi việc vẫn dẫu vào đấy. Nhiều tuần trôi qua, thay vì tái lập công bằng trong gia đình, chính bản thân bà dần biến thành một trong những đầu việc góp thêm vào danh sách đã đầy ngất của cô con gái.

Giờ bà Shroff cần có người chỉ bảo mới làm nổi việc. Khi cơm canh được đặt trước mặt, bà cũng ăn, dù nó hầu như chẳng giúp ích gì cho bà, vì bà liên tục sút cân. Phải nhắc nhở luôn luôn để bà nhớ là phải tắm và thay quần áo. Nếu kem đánh răng được nặn ra bàn chải

và giúi vào tay bà, bà mới đánh răng. Với Dina, nhiệm vụ đáng chán nhất là gội đầu cho mẹ, hàng nhúm tóc rơi lả tả xuống sàn phòng tắm, và đến lúc chải đầu, số tóc rụng xuống còn nhiều hơn.

Mỗi tháng một lần, bà Shroff lại đến đền thờ lửa dự lễ cầu nguyện cho chồng. Bà nói mình cảm thấy thanh thản vô cùng khi lắng nghe chất giọng êm ái của thầy Framji cầu cho linh hồn chồng bà được siêu thoát. Dina xin nghỉ học để đưa mẹ đi, vì lo bà sẽ lang thang đầu đó.

Trước khi cử hành buổi lễ, thầy Framji ngọt ngào bắt tay bà Shroff và dành cho Dina một cái ôm siết rất lâu vốn được ông ta ưu ái tặng riêng cho các cô bé và các thiếu nữ. Lưng tiêng là thích ôm ấp và ve vuốt, ông được người ta tặng cho cái danh tục Thầy Táy Máy và sống trong thái độ thù ghét của bạn bè đồng đạo, những người khó chịu với ông không phải vì những cử chỉ đó, mà vì bản tính thiếu tế nhị và thói ngoan cố không chịu nguy trang những vòng ôm của mình bằng cái vỏ tình cảm bề trên và tín ngưỡng. Họ sợ rằng đến một ngày, ông ta sẽ đi quá xa mà nhỏ dãi tong tổng lên nạn nhân của mình hoặc làm gì đó, và bôi nhọ cả ngôi đền.

Dina co rúm người lại trong vòng tay của ông ta, trong khi ông ta vỗ lên đầu cô, xoa xát cổ cô, ve vuốt lưng cô và ép chặt thân mình vào người cô. Ông ta có bộ râu ngắn ngủn, lởm chởm, nom như cùi dừa nạo. Những sợi râu cào xước cả đôi má và trán cô bé. Ông ta chỉ chịu buông cô ra khi cô đã thu hết can đảm để giằng cơ thể đang bị bó cứng khỏi đôi tay ông.

Sau buổi lễ ngoài đền, Dina dành cả ngày còn lại ở nhà để ép mẹ mở miệng, cô xin bà lời khuyên về các công việc nội trợ hoặc bí quyết nấu nướng, và nếu cách đó không ăn thua, cô sẽ hỏi về bố và cuộc sống của hai người khi họ mới lấy nhau. Đứng trước thái độ trầm lặng lơ đãng của mẹ, Dina cảm thấy bất lực. Chẳng bao lâu sau, nỗi lo lắng cô bé dành cho mẹ đã được xoa dịu dần dần bởi bản năng tuổi trẻ, cô bình tâm trở lại – rồi cô sẽ được nhận đủ khẩu phần khổ đau và u buồn khi đến lúc, không cần phải tự chất gánh nặng vào thân quá sớm làm gì.

Còn bà Shroff chỉ hắt ra từng âm tiết hoặc tiếng thở dài, rồi nhìn lom lom vào mặt Dina để chờ câu trả lời. Về khoản lau chùi đồ đạc, bà chẳng động cựa gì nhiều ngoài việc lau chiếc khung lồng tắm ảnh tốt nghiệp của chồng. Phần lớn thời gian bà chỉ nhìn đăm đăm ra ngoài cửa sổ.

Nusswan thích nhìn nhận tình trạng suy sụp của mẹ như động thái hy sinh chính đáng của một bà quả phụ, trong đó bà rũ bỏ hết những bụi nhơ trần tục để có thể toàn tâm toàn ý chăm chút đời sống tâm linh. Anh ta bèn tập trung vào việc nuôi dạy Dina. Ý nghĩ về trách nhiệm khổng lồ đang dồn lên đôi vai mình khiến anh ta lo âu khôn nguôi.

Nusswan luôn xem cha mình là một con người kỉ luật nghiêm khắc; anh ta đã vô cùng ngưỡng vọng ông, thậm chí có phần e sợ ông. Anh ta cho rằng, nếu đã đứng vào cương vị của cha, anh ta cũng phải tạo ra được cái uy khiến người khác kiêng nể hết như vậy, và anh ta rất chăm chỉ cầu nguyện với ước mong có đủ dũng khí và được dìu dắt để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Anh ta tâm sự với các họ hàng thân thích – các cô dì chú bác – rằng bản tính ngỗ nghịch và cứng đầu của Dina khiến anh ta phát điên, và rằng chỉ có sự giúp sức của Đấng Tối Cao mới cho anh ta sức mạnh để tiếp tục gánh vác trọng trách này.

Sự chân thành của anh ta khiến mọi người cảm động. Họ hứa sẽ cầu nguyện cho anh ta. “Đừng lo, Nusswan, rồi mọi chuyện sẽ đâu vào đấy cả thôi. Chúng ta sẽ thắp một ngọn đèn ở đền thờ lửa.”

Ấm lòng trước sự ủng hộ của các bậc cha chú, Nusswan bắt đầu đưa Dina theo mình tới đền thờ lửa mỗi tuần một lần. Đến nơi, anh ta ấn một thanh gỗ đàn hương vào tay cô bé và gần từng tiếng vào tai cô: “Giờ thì đi cầu nguyện cho tử tế vào! Hãy xin Bề Trên biển mây thành một cô gái ngoan, hãy xin Người làm cho mây biết nghe lời!”

Trong khi cô bé quỳ gối trước chính điện, anh ta bước dọc theo bức tường bao bọc điện thờ, nơi treo ảnh của các vị thầy tế và thầy cả. Anh ta dừng lại trước từng tấm hình, vuốt ve vòng hoa treo trên đó, ôm lấy khung ảnh, hôn lên mặt kính, và kết thúc cuộc hành trình ở bức ảnh lớn vẽ hình Zarathustra^[5], nơi anh ta dán môi lên đúng một phút tròn. Sau đó, từ chiếc bình tro đặt ở cửa ra vào của chính điện, anh ta chấm một ít lên trán, quét một vệt ngang họng, và cởi hai chiếc khuy trên cùng của chiếc áo sơ mi để xoa đều một nắm tro lên khắp ngực.

Như xoa bột tan ấy, Dina trộm nghĩ khi ghé mắt nhìn từ nơi cô đang quỳ, bấm bụng để không bật cười thành tiếng. Cô không dám ngẩng đầu lên cho tới khi ông anh kết thúc trò hề của mình.

“Mây có cầu nguyện tử tế không đấy?” Anh ta cất vấn khi hai em đã ra khỏi điện.

Cô bé gật đầu.

“Tốt. Giờ thì tất cả những suy nghĩ xấu xa sẽ rời bỏ óc mây, mây sẽ thấy trái tim bình yên và tĩnh tại.”

Dina không được phép đến chơi nhà bạn vào những dịp lễ tết nữa. “Cần gì phải thế,” Nusswan nói. “Ngày nào đến trường mây chả gặp chúng nó.” Các bạn bè vẫn có thể đến thăm cô bé khi được ông anh cho phép, nhưng gặp gỡ kiểu này cũng chẳng vui vẻ gì, bởi anh ta luôn rình rập xung quanh.

Có một lần, anh ta nghe lỏm thấy em gái và cô bạn Zenobia đùa cợt về hàm răng của mình ở ngay phòng bên. Chuyện đó chỉ càng củng cố lòng tin của anh ta rằng những con quỷ nhỏ này cần được giám sát nghiêm ngặt. Zenobia bảo, trông anh ta chả khác gì một con ngựa.

“Phải đấy, con ngựa mang hàm răng giả rẻ tiền,” Dina đế thêm.

“Giá một con voi mà có ngấn ấy ngà, thì nó sẽ vênh váo phải biết!” Zenobia càng làm già.

Hai đứa đang cười lăn cười bò thì ông anh bước vào. Anh ta nện cho mỗi đứa một cú lườm chết chóc rồi mới quay lưng bỏ đi với một tốc độ chậm rãi rợn người, bỏ lại đằng sau là bầu không khí im lặng và khiếp đảm. Phải rồi, có thể chứ, anh ta chợt ngộ ra trong cảm giác sững sốt và đặc thảng: Nỗi sợ đã phát huy tác dụng.

Nusswan vốn rất nhạy cảm về hàm răng vẩu của mình. Hồi đến tuổi choai choai, anh ta đã thử đi nắn lại cho thẳng. Dina, lúc ấy mới sáu, bảy tuổi, đã trêu chọc ông anh không thương tiếc. Song quá trình chỉnh hình quá đau đớn nên anh ta bỏ ngang, và than rằng mang tiếng có bố là bác sĩ, thế mà khiếm khuyết của anh ta chẳng hề được quan tâm chữa chạy kịp thời từ khi còn bé. Anh ta thường chỉ vào khuôn miệng hoàn hảo của Dina, lấy đó làm bằng chứng cho sự thiên vị.

Xót con, bà mẹ ra sức phân bua: “Con ơi, lỗi tại mẹ cả, mẹ không biết là trẻ con cần được mát xa răng thường xuyên và ấn nhẹ vào phía trong. Bà y tá già đỡ cho em Dina đã dạy mẹ thế, nhưng lúc đấy mà làm cho con thì không kịp nữa rồi.”

Nusswan chưa bao giờ tin lời mẹ. Và giờ, khi bạn của Dina đã về, cô bé phải trả giá. Anh

ta bắt cô bé nhắc lại những gì hai đứa đã nói. Cô bé hiên ngang nhắc lại.

“Mày đã quen thói chuyện gì cũng tông tốc nói ra bằng hết. Nhưng mày có còn bé bỏng gì nữa đâu. Phải có người dạy cho mày biết thế nào là lễ độ.” Anh ta thở dài. “Thiết nghĩ, đây chính là bổn phận của tao.” Và không hề báo trước, anh ta đang tay vả liên tục vào mặt cô bé. Anh ta chỉ dừng lại khi môi dưới của cô bật máu.

“Đồ con lợn!” Cô bé khóc tức tưởi. “Anh muốn tôi cũng xấu xí như anh chứ gì!” Nghe thế, anh ta vỗ lấy cái thước và quật cô bé túi bụi, còn Dina chạy quanh, cố né tránh những cú vụt.

Duy chỉ lần này, bà Shroff bỗng nhận thấy có gì đó bất thường. “Sao con lại khóc, con gái?”

“Tại thằng quỷ hút máu ngu si kia ấy! Nó đánh con chảy cả máu đây này!”

“Chắc chắc, khổ thân con tôi.” Bà ôm Dina rồi trở về chỗ ngồi của mình bên cửa sổ.

Hai ngày sau vụ này, Nusswan cố làm lành bằng cách mang về cho Dina một bộ dây buộc tóc. “Em lấy mà buộc đuôi sam, đẹp lắm đấy,” anh ta nói.

Cô bé bèn mở cặp sách, lấy chiếc kéo thủ công ra và cắt vụn mớ dây buộc tóc thành từng mảnh nhỏ.

“Mẹ, mẹ xem kìa!” Anh ta kêu lên, gần như phát khóc. “Mẹ xem cô con gái thù dai của mẹ đấy! Bao nhiêu tiền đồ mồ hôi sôi nước mắt mới kiếm được, con tiêu cả cho nó. Vậy mà nó cảm ơn con thế đấy!”

Cây thước trở thành công cụ ưa thích của Nusswan trong công cuộc thiết lập kỷ cương. Quần áo của anh ta là nguyên nhân phổ biến nhất khiến Dina bị phạt. Sau khi giặt, ủi, và gấp xong đồ, cô bé phải xếp thành bốn chồng riêng biệt trong tủ của anh trai: áo sơ mi trắng, áo sơ mi màu, quần trắng, quần màu. Đôi khi, cô bé cố tình bỏ một chiếc áo kẻ sọc vào giữa chồng sơ mi trắng, hoặc thả rông chiếc quần in họa tiết răng chó giữa cả đám quần trắng. Bị đánh đập là thế, song cô bé không bao giờ chán chọc tức ông anh.

“Với cung cách cư xử đấy, cháu có cảm giác chính quỷ Sa Tăng đang trốn trong tim nó,” anh ta mệt mỏi kêu than với những người họ hàng đến hỏi thăm tình hình. “Có khi cháu phải tống nó vào trường nội trú nào đó thôi.”

“Ấy, ấy, đừng làm quá lên,” các cô bác van vãn. “Trường nội trú đã làm hỏng biết bao cô gái Parsi rồi đấy. Thế nào Thượng Đế cũng bù đắp xứng đáng cho lòng kiên nhẫn và tận tụy của cháu. Con Dina nữa, rồi nó sẽ cảm ơn cháu khi nó đủ lớn để hiểu rằng cháu làm thế chỉ vì lo cho nó mà thôi.” Họ ra về, miệng lẩm bẩm, thằng bé quả là một vị thánh, đứa con gái nào phải dày phúc lắm mới có được một ông anh như thế.

Những lời khích lệ của họ hàng giúp khôi phục tinh thần của anh ta, khiến Nusswan thêm bền gan. Anh ta tự mình mua tất cả quần áo cho Dina, đích thân quyết định cái gì mới là phù hợp cho một cô gái trẻ. Những món đồ mua về thường là nom chẳng ra sao, vì cô em gái không được phép lộ mặt đến nơi anh ta mua hàng. “Tao không muốn phải đôi co với mày ngay trước mặt người bán hàng,” anh ta nói. “Mày chỉ toàn làm xấu mặt tao thôi.” Khi cô bé cần đồng phục mới, anh ta hộ tống cô bé đến trường vào ngày thợ may tới để giám sát việc đo đạc. Anh ta hạch sách thợ về giá cả và vải vóc, cố tính toán xem ông hiệu trưởng được lại quả bao nhiêu. Dina rất hãi sự kiện thường niên này, và luôn hoang mang không biết điều tử huyệt mới nào sẽ lại đổ xuống đầu mình ngay trước mặt các bạn cùng lớp.

Tất cả các bạn bè của Dina giờ đều để tóc ngắn, cô bé bèn xin được hưởng đặc ân tương

tự. “Nếu anh cho em cắt tóc, em sẽ lau phòng ăn hàng ngày chứ không làm cách nhật nữa,” cô cố mặc cả. “Hoặc em sẽ đánh giày cho anh hàng tối.”

“Không,” Nusswan gạt đi. “Mười bốn tuổi đầu mà đã đua đòi một nọ một kia nổi gì? Mà y cứ để tóc đuôi sam là đẹp nhất. Vả lại, tao lấy đâu ra tiền để trả cho thợ làm tóc?” Nhưng anh ta lập tức thêm đánh giày vào danh sách việc nhà của Dina.

Một tuần sau lần nài xin cuối cùng, Dina quyết định xén cụt chiếc đuôi sam, với sự trợ giúp của Zenobia trong khu nhà vệ sinh trường. Tham vọng của Zenobia là trở thành nhà tạo mẫu tóc, và cô bé vô cùng phấn khích khi thần may mắn mang cái đầu của cô bạn gửi gắm vào tay mình. “Hay mình xén hết cả mớ bù xù này đi,” cô bé gợi ý. “Cắt thật ngắn luôn!”

“Cậu điên à?” Dina kêu lên. “Nusswan sẽ nhảy dựng lên mất.” Cuối cùng, hai bên nhất trí sẽ cắt kiểu thị đồng, và Zenobia tỉa tóc cô bạn cách vai chừng hai, ba phân. Nom sản phẩm có phần hơi luôm nhuôm, nhưng cả hai cô bé đều lấy thế làm hoan hỉ lắm.

Dina ngần ngại không dám rút mấy cái đuôi sam vừa bị cắt vào thùng rác. Cô bé bèn cất vào cặp sách rồi ba chân bốn cẳng chạy về nhà. Cô kiêu hãnh diễu hành quanh nhà, liên tục đi qua đi lại trước các tấm gương để được ngắm mái tóc của mình từ đủ mọi góc độ khác nhau. Sau đó, cô ghé vào phòng mẹ và chờ đợi – một sự ngỡ ngàng, thích thú, hay gì đó từ phía bà. Nhưng bà Shroff chẳng nhận thấy điều gì hết.

Cuối cùng, cô bé đành hỏi: “Mẹ, mẹ có thích kiểu tóc mới của con không?”

Bà Shroff nhìn đăm đăm bằng ánh mắt vô hồn mất một lúc. “Đẹp lắm, con ạ, đẹp lắm.”

Tối hôm đó, Nusswan về muộn. Anh ta chào mẹ, và kêu rằng công việc ở chỗ làm lu bù quá. Rồi anh ta nhìn thấy Dina. Anh ta hít vào một hơi thật sâu và áp một tay lên trán. Một mõi rã rời, anh ta ước sao có một cách nào khác để giải quyết việc này mà không cần viện đến một trận đánh nữa. Nhưng thái độ xấc láo, bất trị của con bé không thể không bị trừng phạt đến nơi đến chốn được; nếu không, làm sao anh ta còn dám nhìn mặt chính mình trong gương nữa?

“Ra đây nào, Dina. Nói xem, tại sao mà y lại không nghe lời tao?”

Cô bé gãi gãi cổ, nơi những vụn tóc còn rơi rớt đâm vào khiến da ngứa ngáy. “Em không nghe lời anh ở chỗ nào?”

Anh ta tát cô. “Tao cấm mày hỏi vặn lại khi tao đang hỏi mày chuyện gì đó.”

“Anh chả nói anh không có tiền trả cho thợ cắt tóc còn gì. Cái này chẳng tốn đồng nào cả, em tự cắt đấy.”

Anh ta lại tát cô. “Tao đã cấm mày không được cãi cơ mà.” Anh ta lấy cây thước và đánh vào bàn tay cô bằng mặt thước, tiếp đó, vì thấy rằng hành động xúc phạm này là đặc biệt nghiêm trọng, anh ta dựng sống thước lên và quật vào các đốt ngón tay. “Thế này để mày chứa cái thói ăn vận như một đứa con gái hư hỏng đi nhé!”

“Thế anh đã tự nhìn cái đầu anh trong gương chưa? Trông anh chẳng khác gì một thằng hề!” Cô bé vạch lại, không hề nao núng.

Mái tóc của Nusswan, theo quan điểm của riêng anh ta, là tuyên ngôn của vẻ đẹp thanh tao tôn quý. Anh ta rẽ ngôi ở chính giữa, và áp đặt trật tự lên hai bên bằng phương pháp vuốt sáp có tính toán cẩn trọng. Lời chế giễu của Dina đã làm bùng nổ cơn thịnh nộ của nhà hành pháp. Anh ta đẩy cô bé, lúc ấy bấp chân và cẳng tay đã chẳng chịt những vết

thước quạt, vào nhà tắm, và bắt đầu giật tung quần áo của cô ra.

“Tao không muốn nghe mày nói một chữ nào nữa! Không một chữ! Hôm nay mày đã vượt quá giới hạn rồi đấy. Giờ thì đi tắm ngay, đồ dơ bẩn! Dội cho sạch chỗ vụn tóc kia mau, trước khi mày đem chúng gieo rắc khắp nhà và mang xui xẻo về cho cái gia đình này!”

“Anh lo gì chứ, chỉ cần trông thấy mặt anh là vận xui phải sợ chết khiếp mà rút đi ngay.” Cô bé đứng đó trên nền gạch, trần truồng, nhưng anh ta vẫn chưa bỏ đi. “Em cần nước nóng,” cô nói.

Anh ta lùi lại, múc một ca nước lạnh từ xô rồi tạt vào người cô. Toàn thân run cầm cập, cô trừng mắt nhìn anh ta đầy thách thức, hai nắm vú săn cứng lại. Anh ta cẩu một bên đầu vú, rất mạnh, khiến cô bé giật nảy người. “Xem mày kia, bắt đầu có ngực rồi cơ đấy. Mày tưởng mày đã lớn rồi ư? Tao thì xẻo luôn cặp vú bây giờ, cùng cái lưỡi độc địa của mày nữa!”

Anh ta sẫm soi cô bằng ánh mắt kì lạ. Cô bé bắt đầu thấy sợ. Cô hiểu rằng lời đáp trả gai góc của mình đã làm anh ta sôi tiết, rằng nó có dính dáng ít nhiều đến cách anh ta nhìn chằm chằm vào nhúm lông mới nhú ở nơi cặp đùi của cô tiếp giáp nhau. Tổ vẽ quy phục để xoa dịu bớt cơn giận của anh ta sẽ là an toàn hơn. Cô quay đi và bắt đầu khóc, hai tay úp lên che mặt.

Thỏa mãn, anh ta bỏ đi. Chiếc cặp sách của cô nằm vạ vật trên giường đã thu hút sự chú ý của anh ta. Anh ta mở ra chỉ để kiểm tra hủ họa và nhìn thấy mấy cái đuôi sam được nhét ngay phía ngoài. Dùng ngón cái và ngón trỏ nhón một cái lên, Nusswan nghiêng răng lại cho đến khi một nụ cười từ từ kéo giãn những nét cau kỉnh trên khuôn mặt anh ta ra.

Khi Dina tắm xong, anh ta kiểm một cuộn băng dính điện màu đen và dán chặt mấy chiếc đuôi sam vào tóc cô. “Mày sẽ phải để tóc thế này,” anh ta tuyên bố. “Tất cả các ngày, kể cả khi đi học, tới chừng nào tóc mày mọc dài lại thì thôi.”

Cô bé ước sao mình đã vút quách mấy món tóc bất hạnh ấy ở nhà vệ sinh trường ngay từ đầu. Cảm giác hệt như mấy con chuột chết treo lủng lẳng trên đầu vậy.

Sáng hôm sau, cô lên mang cuộn băng dính đến trường. Những chiếc đuôi sam được tháo ra ngay trước giờ vào lớp. Làm thế đau lắm, vì băng dính bám rất chặt. Đến lúc tan học, cô nhờ Zenobia giúp mình gỡ lại. Nhờ vậy, cô trốn được hình phạt của Nusswan vào những ngày trong tuần.

Nhưng ít ngày sau, bạo loạn bùng phát trong thành phố, hệ quả của phong trào Li khai và sự kiện người Anh ra đi. Dina bị kẹt ở nhà với Nusswan. Lệnh giới nghiêm cả ngày lẫn đêm được áp dụng tại tất cả các khu vực. Công sở, quán xá, trường học, tất cả đều đóng cửa, và thế là chấm hết những khoảng thời gian được giải thoát khỏi mấy cái đuôi sam ghê tởm. Anh ta chỉ cho phép cô gỡ chúng ra khi tắm, và giám sát việc gỡ lại ngay sau đó.

Bị nhốt trong nhà, Nusswan hết lời than vãn về tai họa đang ập xuống toàn đất nước, và cầu nhàu không ngớt. “Cứ ngồi nhà ngày nào là tao mất tiền ngày ấy. Lũ người man rợ vô văn hóa khốn kiếp kia không xứng được độc lập. Cứ cho là bọn chúng phải chém nhau đến chết đi, thì tao chỉ ước sao chúng kéo đi chỗ khác mà làm cho êm chuyện. Về làng của chúng chẳng hạn. Đừng làm ảnh hưởng đến thành phố bên bờ biển xinh đẹp của chúng ta.”

Khi lệnh giới nghiêm được dỡ bỏ, Dina lao như bay đến trường, sung sướng chẳng khác nào chim sổ lồng, háo hức được tận hưởng tám tiếng tồn tại mà không có Nusswan. Còn chính anh ta cũng thấy nhẹ nhõm khi được trở lại nơi làm việc. Vào buổi tối đầu tiên khi

cuộc sống toàn thành phố trở lại bình thường, anh ta về nhà với tâm trạng phấn khởi chưa từng thấy. “Lệnh giới nghiêm kết thúc rồi, và hình phạt dành cho mày cũng vậy. Giờ mày có thể rút mấy cái đuôi sam ấy đi được rồi,” anh ta nói, và hào phóng để thêm. “Kể ra, tóc ngắn cũng hợp với mày phết đấy.”

Anh ta mở cặp táp và lấy ra một chiếc băng đô mới. “Lấy cái này mà đeo, đừng dùng băng dính điện nữa,” anh ta pha trò.

“Anh đi mà đeo,” cô nói, nhất quyết không thêm nhận.

Ba năm sau ngày bố mất, Nusswan kết hôn. Vài tuần sau đó, công cuộc rút lui khỏi cuộc đời của mẹ anh ta hoàn tất. Nếu như trước đây bà còn ngoan ngoãn đáp lại các chỉ dẫn – dậy đi, uống trà đi, rửa tay đi, uống thuốc đi – thì nay những gì còn lại chỉ là một bức tường của trạng thái vô tri.

Nhiệm vụ chăm sóc mẹ đã vượt quá khả năng của Dina. Khi mùi bốc lên từ căn phòng bà Shroff đã đến ngưỡng không thể bùng mũi bật mắt thêm nữa, Nusswan mới rụt rè mang vấn đề ra trình bày với vợ. Anh ta không dám nhờ thẳng vợ, mà chỉ hi vọng bản tính nhân ái sẽ thuyết phục chị ta tình nguyện xông pha. “Ruby, em yêu, tình hình của mẹ càng ngày càng xấu đi. Mẹ cần được chăm sóc cẩn thận, mọi lúc mọi nơi.”

“Thì đưa cụ vào trại dưỡng lão,” Ruby đáp. “Mẹ cứ ở trong đấy là tốt nhất.”

Anh ta gật đầu xuê xoa, và làm một việc vừa đỡ tốn kém hơn lại nhân văn hơn là gửi mẹ mình vào nhà máy bảo dưỡng tuổi già – như một vài người họ hàng ác miệng đã gọi – anh ta thuê một hộ lý toàn thời gian.

Thời hạn làm việc của người hộ lý chẳng kéo dài là bao; bà Shroff ra đi vào cuối năm đó, và rốt cuộc mọi người cũng hiểu ra rằng vợ của một bác sĩ chẳng hề miễn nhiễm với khổ đau hơn những người bình thường khác. Bà qua đời vào đúng ngày chồng mất theo lịch Shahenshahi^[6]. Lễ cầu siêu cho họ được cử hành liên tiếp trong cùng một ngôi đền dưới sự chủ trì của thầy Framji. Đến tuổi này, Dina đã học được cách né tránh những cái ôm thân thiện quá mức từ phía ông thầy. Khi ông lại gần, cô lịch sự chìa một tay ra và bước lùi lại một bước, rồi một bước nữa, và một bước nữa. Gần như phải đuổi theo cô bé vòng quanh nhà nguyện, giữa những chiếc lư lớn cắm đầy gỗ đàn hương đang cháy phừng phừng, ông ta chỉ biết nở nụ cười ngớ ngẩn và đành bỏ cuộc.

Khi một tháng lễ cầu siêu đầu tiên cho bà Shroff đã kết thúc, Nusswan quyết định rằng cho Dina đi học tiếp là việc quá ư vô nghĩa lý. Tờ bảng điểm gần đây nhất của cô bé quá thảm hại. Nếu không nhờ có vị hiệu trưởng, vốn vẫn nhớ như in những kí ức hồi còn mồ ma ông Shroff và muốn coi những điểm số đó là dấu hiệu của một sự sa sút tạm thời, thì cô đã phải ở lại lớp rồi.

“Cô Lamb thật tử tế khi cho mày lên lớp,” Nusswan nói. “Nhưng sự thật là, kết quả của mày quá tệ. Tao sẽ không phí tiền đóng học cho mày thêm một năm nào nữa.”

“Lúc nào anh cũng bắt em lau chùi quét dọn, cả ngày em chẳng đào đâu ra một tiếng để học bài! Anh còn mong hòng gì nữa?”

“Đừng có bao biện. Một đứa con gái trẻ trung khỏe mạnh thế kia, làm có tí việc nhà thì ảnh hưởng gì đến học hành? Mày không biết mày may mắn đến thế nào ư? Còn hàng ngàn đứa trẻ nghèo khác trên khắp thành phố này, ngày thì đi đánh giày ngoài ga, hoặc đi nhặt giấy vụn, chai lọ, túi bóng, tối đến lại đi học. Thế mà mày còn kêu ca nữa à? Thử mày còn thiếu chỉ là khát vọng học tập mà thôi. Tao quyết rồi, mày học thế là đủ.”

Dina không định chấp nhận số phận mà không hề phản kháng lại. Cô cũng cầu mong vợ Nusswan sẽ ra mặt nói đỡ cho mình. Nhưng Ruby chọn cách đứng ngoài cuộc chiến, vậy là vào sáng hôm sau, khi bị xua ra chợ với một tờ danh sách những món cần mua, Dina bèn chạy ngay đến nhà ông nội.

Ông nội sống với một người chú họ, trong một căn phòng sực nức mùi sáp mốc. Cô nín thở và ôm lấy ông, rồi trút hết mọi phiền não của mình vào một tràng câu chữ: “Cháu xin ông! Ông hãy bảo anh ấy đừng đối xử với cháu như thế nữa!”

Chân đã bước vào con đường suy kiệt của tuổi già, nên ông cụ phải mất một lúc mới nhớ ra Dina là ai, và cần một khoảng thời gian lâu hơn nữa để hiểu được cô bé muốn gì. Lúc ấy ông không đeo răng giả, nên khó mà luận nổi ông đang nói gì. “Cháu lấy hàm răng giả cho ông nhé?” Cô bé gợi ý.

“Thôi, thôi, thôi!” Ông cụ giơ cả hai tay lên xua kịch liệt. “Không cần răng. Răng gì cong như móc câu, đeo vào đau cả miệng. Thằng nha sĩ khốn kiếp ngu như bò ấy, rõ đồ vô dụng. Đến thợ mộc còn đeo được bộ răng tốt hơn thế.”

Cô bèn nhắc lại từng câu một thật chậm rãi, mãi sau ông cụ mới nắm được vấn đề. “Đi học à? Ai, cháu hả? Đương nhiên là cháu phải đi học rồi. Đương nhiên. Đương nhiên. Cháu phải đi học. Rồi còn lên đại học nữa chứ. Rồi, nhất định ta sẽ bắt thằng khốn mất dạy ấy cho cháu đi học, ta sẽ lệnh cho thằng Nauzer. À không, thằng Nevil – thằng Nusswan, phải rồi, ta sẽ buộc nó làm thế.”

Ông cụ bèn sai một người làm sang nhà Nusswan tới gặp mình càng sớm càng tốt. Nusswan không thể từ chối. Anh ta quan tâm sâu sắc đến cách các thành viên trong gia đình nhìn nhận về mình. Sau khi lần nữa được vài ngày, viện cớ mình bận công việc quá, anh ta đành đi, nhưng kéo theo cả Ruby để có thêm đồng minh. Chị ta đã được dặn phải lấy lòng ông cụ bằng mọi phương cách có thể.

Kể từ sau chuyến viếng thăm của Dina, trí óc của ông cụ đã lẫn lộn nhiều. Ông không còn nhớ chút gì về cuộc nói chuyện giữa hai ông cháu. Lần này ông có đeo răng giả nhưng chẳng chịu nói năng gì mấy. Sau khi được gợi ý và nhắc nhở chán chê, ông có vẻ đã nhận ra các cháu. Rồi, không thèm đếm xỉa gì đến Ruby, ông đột ngột quả quyết rằng Nusswan và Dina chính là vợ chồng. Ông nhất định không chịu từ bỏ niềm tin của mình, mặc cho Dina ra sức dõ dằn nịnh nọt.

Ruby ngồi trên ghế sofa cầm tay ông cụ. Chị ta hỏi ông có muốn mình mát xa chân cho không. Rồi không đợi ông trả lời, chị ta vớ lấy bàn chân trái và bắt đầu nắn bóp. Móng chân ông cụ vàng khè, chắc phải lâu lắm rồi chưa được cắt tỉa.

Cáu tiết, ông cụ giật mạnh bàn chân khỏi tay chị ta. “*Làm cái gì thế, con kia? Xéo, xéo mau!*”^[7]

Giật mình vì bị chửi bằng tiếng Hindi, Ruby chỉ biết ngồi há hốc miệng kinh ngạc. Ông bèn quay sang Nusswan hỏi: “Nó không hiểu gì sao? Con hầu gái nhà cháu nói tiếng gì vậy? Bảo nó cút khỏi ghế của ta ngay, xuống bếp mà ngồi đợi.”

Ruby dùng dùng bật dậy và ra ngoài cửa đứng. “Ông già thô bỉ!” Chị ta phun phì phì. “Da tôi chỉ hơi đen thôi mà!”

Nusswan chào một câu cộc lốc rồi về theo vợ, không quên quay sang ném một cái nhìn đắc thắng về phía Dina, khi đó vẫn còn chưa hết bối rối ngơ ngác. Cô cố nán lại, với hi vọng ông nội sẽ vét được chút sức tàn còn ẩn giấu đâu đó và cứu vớt cô. Một tiếng sau, cô đành bỏ cuộc. Cô hôn lên trán ông rồi ra về.

Đó là lần cuối cùng cô nhìn thấy ông khi còn sống. Ông mất trong giấc ngủ vào tháng sau đó. Đứng giữa đám tang, Dina tự hỏi không hiểu móng chân ông nội đã dài thêm mấy phân bên dưới tấm vải trắng đang che phủ toàn thân ông cụ, chỉ để hở mỗi khuôn mặt.

Suốt bốn năm ròng, Nusswan đã bền bỉ dành dụm tiền cho đám cưới của Dina. Giờ món tiền tích cóp được đã khá khá, anh ta tính sẽ sớm cưới chồng cho em gái. Anh ta chắc chắn mình sẽ không gặp khó khăn gì trong việc tìm ra một cậu em rể tốt. Anh ta vẫn thường hãnh diện tự nhủ, Dina đã trở thành một cô thiếu nữ xinh đẹp, cô đáng được hưởng những gì tốt đẹp nhất. Đó sẽ là một đám cưới linh đình, xứng với em gái của một doanh nhân thành đạt, rồi họ hàng làng xóm sẽ còn phải trầm trồ bàn tán đến mãi về sau.

Khi cô bước sang tuổi mười tám, anh ta bắt đầu mời các chàng trai độc thân đủ tiêu chuẩn đến nhà họ. Cô cảm thấy kẻ nào cũng đáng ghét; họ đều là bạn bè của anh trai cô, và mọi cử chỉ, lời nói của họ đều nhắc cô nhớ tới Nusswan.

Nusswan tin rằng sớm muộn gì sẽ có một người cô thích. Anh ta không thể cấm đoán chuyện đi về của cô được nữa, cô đã qua độ tuổi cho những trò kiểm soát trẻ con đó mất rồi. Chừng nào cô vẫn hoàn thành đầy đủ việc nhà và mua đúng những món ghi trong tờ danh sách đi chợ của Ruby, nền hòa bình tương đối vẫn ngự trị trong ngôi nhà. Đến nay, mọi cuộc cãi cọ, có chăng, đều xảy ra giữa Ruby và Dina, như thể Nusswan đã ủy thác chức năng này cho vợ mình vậy.

Khi đi chợ, đôi lúc Dina vận dụng óc sáng tạo của mình và thay hoa lơ bằng bắp cải; hoặc có lúc cô bỗng thấy thèm hồng xiêm, bèn bỏ qua cam để chọn mua quả này. Y như rằng, Ruby sẽ day nghiến cô vì tội phá hoại những bữa ăn đã được tính toán cẩn thận: “Đồ con gái nham hiểm, độc địa, làm hỏng hết bữa tối của chồng người ta rồi!” Chị ta cáng đáng cả phần luận tội lẫn phần tuyên án một cách tự nhiên, máy móc, và coi đó là một phần vai trò của mình trong cương vị một người vợ đảm.

Nhưng giữa hai người phụ nữ không chỉ có cãi vã và kèn cựa. Càng lúc đôi bên càng hòa hợp hơn. Trong số những món đồ Ruby mang về nhà chồng sau ngày cưới có một chiếc máy khâu nhỏ có tay quay. Chị ta hướng dẫn Dina cách sử dụng, còn dạy cô may những món đơn giản như vỏ gối, ga giường, rèm cửa.

Khi đứa con đầu lòng của Ruby ra đời, một bé trai được đặt tên là Xerxes, Dina giúp chăm nom cháu. Cô may cả áo sơ sinh và đan những chiếc mũ nhỏ xinh cùng áo len chui đầu. Để mừng sinh nhật một tuổi của thằng bé, cô làm một đôi giày len. Vào buổi sáng hạnh phúc ấy, họ đeo cho Xerxes những vòng hoa hồng và hoa huệ, và bôi một vệt son đỏ thật lớn lên trán đứa trẻ.

“Thằng bé đáng yêu quá đi mất!” Dina cười sung sướng.

“Đôi giày len em đan cho cháu nó xinh thật cơ!” Ruby xuýt xoa, và ôm chầm lấy cô.

Nhưng đó là ngày hiếm hoi trôi qua mà không có một cuộc cãi cọ nào. Khi công việc đã xong xuôi, Dina thích được ra khỏi nhà càng nhiều càng tốt. Nguồn trợ cấp cho những buổi lang thang bên ngoài bị giới hạn trong phạm vi số tiền cô có thể bớt xén được từ tiền chợ. Lương tâm cô không mấy may mắn cắn rứt; cô coi đó là khoản trả công cho kiếp trâu ngựa mà mình phải gánh chịu, chưa kể đó chỉ là một phần nhỏ của món nợ cô còn bị thiếu.

Ruby đòi phải kê khai từng xu được tiêu đi. “Chị muốn xem hóa đơn mua hàng. Của tất cả các món!” Chị ta dần nắm đầm xuống bàn bếp, khiến vung nồi vung xoong rung lên loảng xoảng.

“Mấy bà bán rau, bán cá ngồi vệ đường thì lấy đâu ra hóa đơn?” Dina đốp lại, và ném về

phía chị dâu năm hóa đơn mua hàng, cùng số tiền thừa cô đã chuẩn bị sẵn sau khi co kéo những món hàng không có giấy tờ làm bằng. Cô quay lưng bỏ đi, còn bà chị dâu bỏ cả xuống sàn để nhặt cho bằng hết từng hào từng cắc.

Số tiền dành dụm được đủ để mua vé xe buýt. Dina tới công viên, lang thang trong các viện bảo tàng và các khu chợ, ghé vào rạp chiếu phim (nhưng chỉ đứng ngoài để xem mấy tấm áp phích), và rụt rè lui tới cả các thư viện công cộng. Những cái đầu cúi gằm trước trang sách khiến cô có cảm giác lạc lõng; ở đây trông ai cũng học thức đầy mình, còn cô thì đến bậc phổ thông cũng chưa được học hết.

Ấn tượng ban đầu đó dần tan biến khi cô nhận ra rằng các ấn phẩm trên tay những con người nghiêm nghị đó rất muôn màu muôn vẻ, từ loại sách mang cái tên không thể phát âm nổi như *Areopagitica*^[8] của John Milton, cho đến tạp chí *Illustrated Weekly* của Ấn Độ^[9]. Cuối cùng, những phòng đọc cũ rộng mênh mang, với trần cao chót vót, ván lát sàn kêu cọt kẹt và tường ốp gỗ tối màu, trở thành chốn nương náu yêu thích của cô. Những chiếc quạt trần oai nghiêm treo lơ lửng trên thanh ống dài khuấy động cả không gian bằng âm thanh vù vù êm ái, rồi những chiếc ghế da sâu lút, mùi ẩm mốc và tiếng trang sách giở loạt soạt, tất thảy đều thật bình yên. Tuyệt nhất là, tất cả mọi người chỉ thì thầm khe khẽ khi cần nói gì đó. Lần duy nhất Dina nghe thấy tiếng quát tháo là khi người bảo vệ mắng một người ăn mày đang tính lặn vào trong. Hàng giờ đồng hồ dần trôi đi khi cô lật giở những cuốn bách khoa thư, ngắm nhìn những cuốn sách về nghệ thuật, và tò mò mở những cuốn giáo trình y khoa phủ đầy bụi; rồi chốt lại cuộc viếng thăm bằng vài phút ngồi trong một góc tối của tòa nhà cổ kính, mắt nhắm nghiền; ở đây, thời gian có thể đứng yên mãi nếu người ta muốn thế.

Những thư viện hiện đại hơn thường có cả phòng nghe nhạc. Các phòng này có cả đèn nê-ông, bàn phoóc-mi-ca, điều hòa nhiệt độ, bốn phía tường sơn màu tươi sáng, và luôn luôn đông đúc. Cô cảm thấy những nơi như thế lạnh lẽo và khó gần, nên chỉ tìm đến khi muốn nghe nhạc. Cô chẳng biết mấy về âm nhạc, trừ vài cái tên hiếm hoi như Brahms, Mozart, Schumann, và Bach, mà tai cô đã được nghe từ hồi còn bé khi bố cô bật đài lên hoặc cho đĩa vào máy hát, đặt cô lên lòng và nói: “Nó giúp ta quên hết mọi phiền muộn trên đời, phải không con gái?” và Dina nghiêm trang gật đầu.

Đến thư viện, cô chọn đĩa nhạc hù họa, cố gắng ghi nhớ tên của những đĩa mình thích để sau này có thể bật lại. Công việc này khá hóc búa, vì các bản giao hưởng và công-xéc-tô và xô-nát chỉ được phân biệt bằng các con số, đứng trước là những chữ cái như Op. và K. và BWV^[10], mà cô lại chẳng hiểu chúng có nghĩa gì. Nếu may mắn, cô còn tìm được những đĩa mang cái tên vẫn còn âm vang sâu sắc trong kí ức của mình, và khi giai điệu quen thuộc chảy tràn trong tâm trí, quá khứ lại được phục nguyên trong khoảnh khắc, và cô thấy như toàn thân bỗng nhức nhối bởi cảm giác trọn vẹn đến mê mẩn, tựa như một phần chân tay bị cụt được mọc lại như mới.

Cô vừa khao khát, lại vừa e sợ những trải nghiệm âm nhạc mãnh liệt ấy. Hạnh phúc viên mãn nơi phòng nhạc luôn bị thế chỗ bởi cơn cău giận mang đủ mọi cung bậc khi cô trở về cuộc sống với Nusswan và Ruby. Những trận cãi vã quyết liệt nhất thường nổ ra vào đúng ngày cô đến phòng nghe nhạc.

Tạp chí và báo giấy thì đỡ phức tạp hơn nhiều. Nhờ đọc nhật báo, cô phát hiện ra trong thành phố có một số tổ chức văn hóa thường xuyên tài trợ cho các buổi hòa nhạc và độc tấu. Rất nhiều buổi biểu diễn trong số đó, thường là của các nghệ sĩ không chuyên trong nước hoặc các nghệ sĩ nước ngoài ít tên tuổi, cho phép vào cửa tự do. Cô bèn dùng vé xe buýt để tới xem những buổi hòa nhạc này, và tìm thấy ở đó thái độ hoan nghênh tựa như

khi cô tới thư viện. Các nghệ sĩ đều tỏ vẻ mừng rỡ không giấu giếm trước sự hiện diện của cô trong những buổi tối thưa vắng khán giả.

Cô thường nán nà bên ngoài rìa đám đông trong sảnh chờ, cảm thấy như mình là một kẻ mạo danh. Dường như những người khác đều rất am hiểu về âm nhạc, về những nghệ sĩ của buổi trình diễn tối nay; cứ xem cái cách họ cầm tờ chương trình và chỉ vào từng đầu mục trên đó thì thấy, thật tinh tế làm sao. Cô ước sao cửa chóng mở ra, để ánh đèn mờ ảo bên trong giúp cô che giấu những yếu kém của mình.

Âm nhạc nơi thính phòng không có sức mạnh khiến cô rung động tâm can như trong những giờ ngồi một mình giữa thư viện. Ở đây, những màn hài kịch sống chiếm thời lượng ngang ngửa với âm nhạc. Và sau vài buổi hòa tấu, cô dần nhận ra những khuôn mặt quen trong số khán giả.

Có một ông cụ thường ngủ gật khi bản nhạc đầu tiên vang lên được đúng bốn phút, lần nào cũng như lần nào; những người đến muộn thường bỏ qua hàng ghế nơi cụ ngồi, vì ngại va vào chân cụ. Đến phút thứ bảy, cặp kính của cụ tụt dần xuống sống mũi. Và đến phút thứ mười một (nếu bản nhạc dài tới mức này và chưa có tiếng vỗ tay nào để đánh thức cụ dậy), hàm răng giả bắt đầu trôi ra. Nhìn ông cụ, Dina lại nhớ đến ông nội.

Hai chị em một bà nọ, tầm ngũ tuần, vóc người cao và gầy, cằm nhọn, luôn ngồi ở hàng đầu và thường vỗ tay không đúng lúc, làm gián đoạn giấc ngủ của ông cụ kia. Bản thân Dina không hiểu lắm về các bản xô-nát cũng như kết cấu của chúng, song cô cũng biết rằng phần biểu diễn chưa kết thúc ngay khi nhạc tạm ngưng. Cô thường để ý bắt chước một người để râu dê, đeo kính mắt tròn có gọng mảnh và đội mũ bê rê, nom có vẻ là người trong nghề, nhờ vậy cô biết nên vỗ tay khi nào.

Lại có một người đàn ông trung niên vui tính, luôn mặc đúng một bộ âu phục màu nâu trong tất cả các buổi hòa nhạc, gặp ai cũng tay bắt mặt mừng. Ông thường lượn như đèn cù khắp sảnh chờ để chào người này người kia, đầu lắc lư không ngớt, và quả quyết với họ rằng buổi biểu diễn tối nay sẽ rất tuyệt. Những chiếc cà vạt ông đeo là để tài đồn đoán thường trực của mọi người. Có những tối chúng được thắt dài lòng thông, chiếm trọn cả mặt tiền, treo đu đưa trước đũng quần. Lại có hôm mép cà vạt chằng vượt quá ngang bụng. Kích cỡ của nút thắt cũng biến đổi muôn hình vạn trạng, từ nhỏ tí tẹo cho đến to đùng như cái bánh gối. Ông không đi, mà nhảy chồm chồm từ chỗ người nọ sang chỗ người kia, và nói năng ngắn gọn hết mức có thể; bởi vì, như ông hay phân bua, rằng chỉ còn ít phút nữa là mở màn, vậy mà ông còn phải đi chào bao nhiêu người nữa.

Dina để ý thấy ngoài sảnh có một chàng trai rất giống cô, thích đứng ngoài quan sát khung cảnh vui nhộn khi những người cùng đi nghe nhạc hòa trộn vào nhau. Cô thường đến từ sớm, vì háo hức muốn ra khỏi nhà càng nhanh càng tốt; nhờ vậy cô có cơ hội nhìn thấy anh phóng xe đạp như bay tới, rồi nhẹ nhàng nhảy xuống và dắt xe qua cổng. Người gác cổng cho phép sự tự do này để đổi lấy vài đồng trà thuốc. Anh dựng xe bên sườn tòa nhà và khóa lại, không quên lấy chiếc cặp giấy chằng trên giá đeo hàng phía sau. Anh tháo đôi vòng kẹp ống quần và cất vào cặp. Xong xuôi, anh ngồi xuống góc ưa thích của mình trong sảnh để nghiên ngẫm tờ chương trình hoặc ngắm nhìn đám đông.

Đôi khi mắt họ chạm nhau, hai bên cùng nhận ra âm mưu thâm lặng của đối phương. Người đàn ông vui tính mặc bộ âu phục màu nâu không đả động gì đến Dina, song có lần chàng trai kia vào danh sách thăm hỏi của mình. “Chào cậu, Rustom! Thế nào, khỏe chứ?” Ông ta gọi toang toang, thế là Dina biết tên anh chàng.

“Khỏe lắm, cảm ơn chú.” Rustom đáp, đoạn phóng ánh mắt qua vai áo vét nâu nhìn

Dina, khi ấy đang thích thú quan sát.

“Này, cậu nghĩ sao về nghệ sĩ dương cầm sắp biểu diễn tối nay? Liệu anh ta có chuyển tải nỗi chiều sâu cần có trong những khúc nhạc chậm không? Cậu có nghĩ rằng phần cực chậm – ái chà, xin thứ lỗi, thứ lỗi, tôi sẽ quay lại ngay, tôi phải ra chào ông Medhora một câu đã,” và ông quày quả bỏ đi. Rustom mỉm cười với Dina và lắc đầu giả bộ thất vọng.

Chuông reo vang, cửa thính phòng rộng mở. Hai chị em bà cao kêu hối hả chạy lên hàng đầu, chân bước đều tăm tắp, đoạn họ lật hai chiếc ghế gấp bọc nỉ màu huyết dụ ra, và ngồi thụp xuống một cách đặc trưng, rồi quay sang cười hờn hờ với nhau, sung sướng vì đã lại chiến thắng trò ghế nhạc^[11] bí mật của riêng mình. Dina chọn ghế ngay sát lối đi trung tâm như thường lệ, nằm ở khoảng giữa khán phòng.

Khi các chỗ ngồi dần được lấp đầy, Rustom bước đến bên cô. “Chỗ này có trống không?” Cô gật đầu.

Anh bèn ngồi xuống. “Cái ông Toddywalla kia tính hay nhỉ?”

“Ô, đó là tên ông ấy hả? Vâng, ông ấy buồn cười thật.”

“Nếu buổi diễn có nhạt quá, thì xem tạm ông ấy chắc cũng đủ vui rồi.”

Đèn mờ dần, hai nghệ sĩ bước ra sân khấu trong tiếng vỗ tay lẹt đẹt. “Nhân tiện, tôi là Rustom Dalal,” anh nói, đoạn nghiêng người sát lại và chìa tay ra, đúng lúc cây sáo đón lấy nốt la trong treo của đàn dương cầm và ngân lên nốt la tròn đầy réo rắt của riêng mình.

Cô thì thầm “Dina Shroff” nhưng không bắt lấy tay anh, vì bóng tối khiến cô không thể nhìn ra ngay bàn tay đang giơ ra. Khi cô định thần được, thì đã quá muộn; anh đã bắt đầu rút tay lại.

Đến giờ giải lao, Rustom hỏi cô muốn uống cà phê hay thức gì đó lành lạnh.

“Thôi, cảm ơn anh.”

Họ nhìn các khán giả bước dọc lối đi, để tìm đường ra nhà vệ sinh hoặc đi uống nước. Anh bắt chéo chân và nói:

“Tôi hay thấy cô đến nghe hòa nhạc lắm.”

“Vâng, tôi thích lắm.”

“Cô có chơi nhạc không? Dương cầm, hay...”

“Không ạ.”

“Ồ. Ngón tay cô đẹp lắm, tôi cứ đoán chắc cô biết chơi dương cầm kia đấy.”

“Không ạ,” cô nhắc lại. Má cô hơi nóng lên, và cô đưa mắt xuống nhìn những ngón tay mình. “Tôi có biết gì về âm nhạc đâu, tôi chỉ thích nghe thôi.”

“Tôi nghĩ thế là hay nhất đấy.”

Cô không hiểu anh nói thế là có ý gì, nhưng cũng gật đầu.

“Còn anh? Anh có chơi nhạc không?”

“Như mọi bậc phụ huynh Parsi mẫu mực khác, bố mẹ bắt tôi phải học đàn vi-ô-lông từ nhỏ,” anh cười lớn.

“Giờ anh còn chơi không?”

“À, thỉnh thoảng thôi. Khi nào tôi nổi hứng muốn tra tấn bản thân chút đỉnh, tôi lại mở hộp ra và bắt nó kéo kẹt nỉ non một lúc.”

Cô mỉm cười: “Ít ra bố mẹ anh cũng vui lòng, vì được nghe anh chơi nhạc.”

“Không, các cụ mất cả rồi. Tôi sống một mình.”

Nụ cười của cô vụt tắt. Cô dợm miệng định chia buồn, nhưng anh đã vội vã tiếp lời: “Lúc tôi chơi, chỉ có hàng xóm chịu khổ thôi,” và cả hai lại bật cười.

Kể từ sau lần đó, họ luôn ngồi cạnh nhau, đến tuần tiếp theo cô đã chịu để anh đãi một chai Mangola trong giờ giải lao. Khi hai người đang ngồi ngoài sảnh chờ, nhấp từng ngụm nước đựng trong chai mát lạnh và ngắm những hạt hơi nước đọng trên mặt thủy tinh, ông Toddywalla bỗng bước tới trước mặt họ.

“Rustom này, cậu thấy nửa đầu buổi biểu diễn thế nào? Theo ý tôi thì chỉ ở mức trung bình thôi. Anh chàng thổi sáo kia nên tập thêm vài bài hít thở đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện lên sân khấu lần nữa.” Ông ta nán lại đủ lâu để được giới thiệu với Dina, vốn là lý do chính khiến ông mò tới. Nháy mắt, ông đã kịp nhảy ton tốt đi tìm nạn nhân tiếp theo.

Sau buổi hòa nhạc, Rustom dắt xe tiễn cô ra tận bến xe buýt. Những khán giả khác đang lũ lượt ra về đều nhìn họ. Để phá vỡ bầu không khí im lặng, cô hỏi: “Phải đạp xe giữa phố xá đông đúc thế này, anh có sợ không?”

Anh lắc đầu. “Tôi đã đi xe đạp bao nhiêu năm nay, thành thử nó ngấm cả vào máu rồi.” Anh đợi xe buýt của cô vào bến, và đạp xe theo sau chiếc xe hai tầng sơn đỏ cho đến khi hai bên chia hai hướng. Anh không thể nhìn thấy cô đang dõi theo mình từ tầng trên. Cô nhìn mãi bóng anh khuất xa dần, đôi lúc ánh mắt cô mất dấu anh, rồi lại tìm ra anh dưới một ngọn đèn đường, và không rời anh cho đến khi anh biến thành một cái chấm nhỏ mà chỉ có trí tưởng tượng của cô mới khẳng định được đó là Rustom.

Chỉ trong vài tuần, những khán giả thường trực của các buổi hòa nhạc đã coi họ là một đôi. Nhất cử nhất động của họ đều bị sấm soi với vẻ quan tâm xen lẫn hiếu kỳ. Rustom và Dina đều thấy buồn cười vì tự dưng được chú ý, song chỉ liệch động thái này vào cùng hàng với những trò lố của ông Toddywalla.

Một lần nọ, vừa đến nơi, Rustom đã nhìn khắp xung quanh để tìm Dina giữa đám đông. Một người trong số hai chị em ngồi hàng đầu vội sán lại gần và thì thầm bằng giọng dè dặt: “Cô ấy đến rồi, đừng lo nhé. Cô ấy vừa vào phòng vệ sinh thôi.”

Hôm ấy trời mưa rất to, Dina ướt như chuột lột, cô vào phòng vệ sinh nữ để cố lau cho khô bớt, song chiếc khăn mùi soa nhỏ xíu không kham nổi trọng trách này. Chiếc khăn bông treo sẵn trên thanh ngang nom lại chẳng hấp dẫn chút nào. Cô bèn gắng xoay xở hết mức, rồi bước ra, nước trên tóc vẫn nhỏ giọt tong tong.

“Sao vậy?” Rustom hỏi.

“Ô cửa tôi bị gió thổi tốc ngược lên. Tôi không kịp kéo lại.”

Anh bèn lấy chiếc khăn mùi soa lớn của mình ra đưa cô. Ý nghĩa của cử chỉ này không lọt qua nổi đôi mắt của những người đứng xung quanh họ: Cô ấy sẽ nhận, hay không nhỉ?

“Thôi, cảm ơn anh,” cô nói, đoạn lùa ngón tay trên mái tóc ướt nhẹp. “Để một tí là khô thôi.” Toàn thể những người đi nghe hòa nhạc nín thở.

“Đừng lo, khăn của tôi sạch lắm,” anh mỉm cười. “Thôi nào, vào trong kia lau cho khô đi, tôi sẽ chạy đi mua hai cốc cà phê nóng.” Thấy cô vẫn còn ngại ngùng, anh bèn dọa sẽ coi

luôn áo sơ mi ra để lau tóc cho cô ngay giữa sảnh chờ này. Cô bật cười, nhận lấy chiếc khăn của anh rồi trở vào phòng vệ sinh. Ai nấy sung sướng thở phào.

Đứng trong phòng, Dina lấy chiếc khăn lau tóc thật kĩ. Khăn này có mùi dễ chịu thật, cô trầm nghĩ. Không phải nước hoa, mà là một thứ hơi người sạch sẽ. Mùi của anh. Cũng chính là mùi thỉnh thoảng cô vẫn ngửi thấy khi ngồi bên anh. Cô áp khăn lên mũi và hít vào một hơi thật sâu, rồi vội vã gấp nó lại, thẹn thùng.

Khi buổi biểu diễn kết thúc, trời vẫn mưa lâm thâm. Họ cuốc bộ ra bến xe buýt. Con mưa phùn rì rào trên những tán cây, tưởng như từng chiếc lá cũng đang run lên. Dina rung mình.

“Cô có lạnh không?”

“Chỉ hơi hơi thôi.”

“Mong là cô không bị ốm. Bị ướt thế cơ mà. Tôi bảo này, sao cô không mặc áo mưa của tôi vào, tôi sẽ cầm chiếc ô của cô.”

“Đừng ngốc thế, ô của tôi hỏng rồi còn đâu. Vả lại, anh vừa cầm ô vừa đạp xe làm sao được?”

“Được chứ sao không! Tôi có thể dựng ô lên đầu mà đạp xe cũng được nữa là.” Anh vẫn tha thiết. Thế là, dưới mái hiên nhà chờ xe buýt, hai bên đối ô và áo cho nhau. Anh giúp cô khoác chiếc áo mưa Duckback lên người, tay anh khẽ lướt qua vai cô. Ngón tay anh thật ấm áp khi chạm lên làn da cô lạnh buốt. Tay áo hơi dài một chút, phần còn lại khá vừa vặn. Cô nhận ra chiếc áo còn được anh ủ cho ấm sức nữa; nhờ nó, cái lạnh dần bị quét sạch khỏi cơ thể cô.

Họ đứng sát bên nhau, cùng ngắm nhìn những tia mưa xiên chênh chếch trong quãng sáng của cây đèn đường. Và rồi họ nắm tay nhau lần đầu tiên, cảm giác như đó là điều tự nhiên nhất trần đời. Thật khó để đôi bên rời nhau khi xe buýt trở tới.

Kể từ đó, Rustom chỉ đạp xe từ nhà đến chỗ làm và ngược lại. Buổi tối anh đi xe buýt, để hai người có thể cùng đi và anh được biết nhà cô ở đâu.

Thấy anh không đi xe đạp, Dina mừng lắm. Cô chỉ mong anh bỏ hẳn thứ phương tiện này, đi thế quá nguy hiểm với tình hình giao thông hiện nay.

“Em sẽ lấy chồng,” Dina tuyên bố giữa bữa cơm tối. “A,” anh trai cô cười rạng rỡ. “Tốt, tốt. Em chọn ai, Solly hay Porus?” Đó là tên hai người được anh ta đưa về gần đây nhất.

Dina lắc đầu.

“Thế thì chắc là Dara hay Firdosh rồi,” Ruby nói và mỉm cười đầy ẩn ý. “Cả hai chàng này đều mê em như điên rồi còn gì.”

“Tên anh ấy là Rustom Dalal.”

Nusswan ngạc nhiên lắm; cái tên đó không hề nằm trong vô số ứng viên mà anh ta đã lôi đến trước mặt Dina suốt ba năm vừa qua. Có lẽ đó là người cô đã gặp trong những buổi họp mặt gia đình mà anh ta ghét cay ghét đắng. “Thế ta đã gặp cậu ấy ở đâu?”

“Chúng ta thì không. Chỉ em thôi.”

Nusswan không thích câu trả lời này tí nào. Anh ta cảm thấy mình bị xúc phạm, bởi mọi nỗ lực, mọi lựa chọn của mình đều bị cô em gái sỗ toẹt vì một gã ất ơ nào đó. “Chỉ thế mà em đã đòi cưới gã đấy ư? Em biết gì về hắn và gia đình hắn? Hắn biết gì về em, về gia

đình em?”

“Tất cả mọi thứ,” Dina đáp lại bằng tông giọng khiến anh ta lo lắng. “Em quen Rustom được một năm rưỡi nay rồi.”

“A à. Giữ bí mật ghê nhỉ!” Anh ta chắc chắn về mĩa mai. “Thế hẳn làm nghề gì, cái gã họ Dalal, chàng Rustom-trongbóng-tối của em ấy?”

“Anh ấy là dược sĩ bào chế thuốc.”

“Ha! Dược sĩ bào chế thuốc! Lại một thằng chết giẫm chuyên nghề pha phách! Sao em không dùng cho đúng từ đi! Chắc lại cái loại suốt ngày đứng sau quầy, trộn trộn ngoáy ngoáy thuốc chứ gì?”

Rồi anh ta tự nhắc mình rằng nổi cáu ngay lúc này là không sáng suốt. “VẬY, chừng nào chúng ta sẽ được gặp cái gã giới ới đất hời của em đây?”

“Để làm gì? Để anh có thể trực tiếp sỉ nhục anh ấy à?”

“Anh chẳng có lý do gì phải sỉ nhục hẳn cả. Nhưng anh có nghĩa vụ phải gặp hẳn, và cho em lời khuyên thích hợp. Quyết định cuối cùng vẫn là của em kia mà.”

Đúng ngày đã hẹn, Rustom đến với một hộp bánh kẹo làm quà cho Nusswan và Ruby. Anh đặt nó vào tay Xerxes, giờ đã sắp tròn ba tuổi. Với Dina, anh mua tặng cô một chiếc ô mới. Ý nghĩa của món quà khiến cô không khỏi cảm động. Cô mỉm cười. Anh lén nháy mắt với cô, nhân lúc hai người kia không để ý.

“Đẹp quá!” Cô vừa xuýt xoa vừa mở ô ra. “Hình ngôi chùa dễ thương thật!” Nền vải màu lam biển, còn cán ô đúc bằng thép không gỉ, với phần mũi nhọn hoắt nom khá đáng sợ.

“Món vũ khí lợi hại quá nhỉ?” Nusswan pha trò. “Cẩn thận kéo chọc vào người khác đấy nhé!”

Họ cùng uống trà, với bánh xăng-uych kẹp pho mát và bánh quy bơ do Ruby và Dina chuẩn bị, và cuộc gặp gỡ trôi qua hết sức suôn sẻ. Nhưng đến tối, khi khách đã ra về, Nusswan kêu rằng anh ta không tài nào hiểu nổi trong đầu cô em gái có gì: não hay mồn cửa.

“Ai lại đi chọn một gã mã ngoài không có, của nả không có, tiền đồ cũng không có nốt? Người ta đi hỏi vợ thì đem nhẫn kim cương. Có người lại mang đồng hồ vàng, tệ lắm cũng được cái ghim cài áo. Còn anh chàng của em mang gì nào? Một cái ô chết giẫm! Thế mà anh đã mất bao nhiêu thì giờ và công sức để mai mối em cho luật sư, kế toán viên giám định, sĩ quan cảnh sát, rồi kĩ sư xây dựng. Toàn con cháu những nhà danh giá. Nếu họ hàng làng xóm nghe được tin em gái anh lấy một gã bào chế thuốc chẳng có tí chí tiến thủ nào, thì anh làm sao cất đầu lên nổi? Em đừng mong anh sẽ mừng cho em hoặc đến dự đám cưới. Với anh, đó chỉ có thể là ngày đen tối, ngày sầu thảm mà thôi!”

Thật đáng buồn, anh ta thở vắn than dài, chỉ vì muốn làm tổn thương anh trai mà cô đang tâm hủy hoại cuộc đời của chính mình. “Nhớ lấy lời anh, lòng hận thù của em sẽ quay về ám em. Anh vô tài, chẳng ngăn nổi em, em đã hai mươi một tuổi đầu rồi, chẳng còn bé bỏng gì nữa để anh phải chăm chút. Nếu em cứ nhất quyết đòi vui đời mình trong cống rãnh, thì anh cũng chỉ biết bất lực đứng nhìn thôi!”

Dina đã lường trước tất cả. Những lời lẽ dội xuống đầu cô và trôi tuột vào quên lãng, không mấy may khiến cô bận lòng. Cô chợt nhớ, hết như những giọt mưa trượt khỏi chiếc áo mưa đáng yêu của Rustom trong buổi tối tuyệt vời hôm nào. Nhưng cô lại tự hỏi, như

cô đã từng hỏi vô số lần, không hiểu anh trai cô học được món thuyết giáo ở đâu mà tài đến thế. Cả cha lẫn mẹ của họ đều không có mấy năng khiếu về khoản này.

Vài ngày sau, Nusswan dần bình tâm trở lại. Nếu Dina phải đi lấy chồng và sẽ rời khỏi ngôi nhà này mãi mãi, tốt hơn hết mọi chuyện nên diễn ra êm thấm, không cần lo lắng làm gì. Trong bụng anh ta cũng lấy làm mừng vì Rustom Dalal không phải một con cá sộp. Thật không thể chịu đựng nổi nếu các bạn anh ta bị thua cuộc vì một kẻ giàu sang danh giá hơn.

Anh ta dự phần vào kế hoạch đám cưới với lòng nhiệt tình và hào phóng vượt quá sự mong đợi của Dina. Anh ta muốn đặt hẳn một gian sảnh để tiếp khách và tự trang trải mọi khoản chi phí bằng chính số tiền mình đã tích góp cho em gái. “Ta sẽ làm đám cưới khi hoàng hôn xuống, rồi mời khách dùng bữa tối. Ta sẽ tổ chức một bữa tiệc ra trò, rồi ai cũng phải ghen tị với em cho mà xem. Ban tứ tấu này, rồi hoa trang trí, đèn nến. Anh có thể lo nổi ba trăm khách. Nhưng rượu thì thôi – vừa đắt, lại vừa nguy hiểm. Cảnh sát lượn về khắp nơi, cứ dứt mồm được một thằng thì y như rằng có ngay mười thằng khác thò mặt ra đòi chia phần.”

Đêm hôm đó, khi hai vợ chồng đã yên vị trên giường, Ruby, đang mang bầu đứa con thứ hai, tỏ vẻ không hài lòng vì cung cách phóng tay của chồng. “Nếu hai đứa chúng nó muốn cưới nhau, thì cứ để mặc anh chàng Rustom Dalal ấy tiêu pha thế nào tùy thích. Đó có phải trách nhiệm của anh đâu, nhất là vì cô ấy còn chẳng chịu để anh chọn chồng cho. Dina có bao giờ biết quý những gì anh làm cho cô ấy đâu.”

Tuy vậy, Rustom và Dina lại chọn một cách giản dị hơn. Đám cưới được tổ chức vào buổi sáng. Theo nguyện vọng của Dina, đó chỉ là một buổi lễ kín đáo cử hành tại chính ngôi đền thờ lửa nơi lễ cầu siêu cho cha mẹ cô được thực hiện vào ngày giỗ hàng năm. Thầy Framji, nay đã già cả, lưng còng gối mỏi, chỉ biết đứng trong bóng tối nhìn ra, tấm tức vì mình không được mời làm lễ. Thời gian đã làm ông chậm chạp đi nhiều, và nay da thịt của những thiếu nữ trẻ trung chẳng còn mấy khi rơi vào vòng tay một thời từng rất nhanh nhẹn, khéo léo kia nữa. Nhưng cái tên Thầy Táy Máy vẫn theo ông đến tuổi xế bóng, ngay cả khi tất cả những thứ khác đã phai mờ. “Nhục mặt chưa,” ông ta hăm hè với một thầy khác. “Lão đây đã gắn bó với nhà Shroff biết bao năm nay. Lúc nhà có người chết, họ liền đến nhờ vả lão, nào làm lễ saros-nu-paatru, lễ afargan, lễ baaj, lễ faroksy^[12]. Vậy mà trong một dịp vui vẻ thế này, lúc cần người làm chứng cho đám cưới, thì lão lại chẳng được vời đến. Cái nhà này thật vô liêm sỉ!”

Đến tối, một bữa tiệc được tổ chức tại tư gia nhà Shroff. Nusswan đòi chí ít cũng phải có dăm mâm cỗ, và thuê riêng một người nấu nướng. Có bốn mươi tám khách, trong đó sáu người là bạn của Rustom, cộng thêm bà thím Shirin và ông chú Darab. Còn lại đều là người thân quen của Nusswan, bao gồm cả những người họ hàng không thể quên mời nếu không muốn nghe lời ong tiếng ve của bà con họ mạc – cái kiểu nói xa nói gần, thì thầm bóng gió mà anh ta vốn rất dị ứng.

Phòng ăn, phòng khách, phòng làm việc của Nusswan và cả bốn phòng ngủ đều được kê dọn lại để tiện cho việc bày biện và di chuyển. Bàn được kê thêm vào để lấy chỗ đặt thức ăn và nước uống. Xerxes và các bạn ríu rít chạy từ phòng nọ sang phòng kia, thỏa sức thám hiểm và khám phá, miệng không ngớt hò hét, cười đùa. Bỗng nhiên được tự do chơi nghịch trong căn nhà mà mỗi lần đến chơi, chúng lại có cảm giác như đi ở tù vì phải chịu sự giám sát ngọt ngào từ ông bố nghiêm khắc của Xerxes, đứa nào đứa nấy sướng như điên. Hễ bị một đứa va vào người, Nusswan lại thầm than khổ trong bụng, nhưng ngoài mặt anh ta vẫn tươi cười và vỗ vỗ vào vai nó.

Đang giữa bữa tiệc, anh ta lấy ra bốn chai utsal-ki Scotch trong tiếng vỗ tay nhiệt liệt của quan khách. “Giờ ta sẽ bơm thêm chút sức sống cho buổi tối hôm nay, và cho đôi vợ chồng mới cưới nữa!” Những người đàn ông thì thầm với nhau rồi cùng gật gù và cười phá lên, toàn những chuyện không dành cho tai phụ nữ.

“Nào, em rể,” Nusswan vừa nói vừa gõ leng keng hai chiếc ly không trước mặt Rustom. “Cậu là dân trong nghề, vậy thì còn chờ gì nữa mà không pha cho mỗi người một liều Johnnie Walker?”

“Vâng,” Rustom thật thà đáp và đón lấy cặp ly.

“Đùa thôi, đùa thôi,” Nusswan vội kêu lên, tay giữ chặt cái chai. “Ai lại để chú rể phải ra tay trong chính lễ cưới của mình?” Đó là lần duy nhất anh ta đá xoáy nghề được sĩ của Rustom trong suốt cả buổi tối.

Một tiếng sau khi rượu Scotch được rót ra, Ruby xuống bếp; đã đến lúc dọn bữa tối. Bàn ăn được đẩy sát vào tường để bày tiệc đứng. Máy người phục vụ khệ nệ bưng những đĩa thức ăn nặng trĩu, nóng hổi vào, miệng kêu “Làm ơn tránh ra! Tránh ra!” để dẹp đường. Mọi người vội lùi lại, nhường chỗ cho thức ăn đi qua.

Mùi xào nấu thơm phức hứa hẹn những món ăn ngon miệng đã tràn ngập cả ngôi nhà trong suốt buổi tối, khiêu khích khứu giác và dẫn vật dịch vị, nay đột nhiên có sức mạnh chế ngự cả đám đông. Một bầu không khí im ắng bỗng bao trùm toàn bộ căn phòng. Ai đó tếu táo nói to lên rằng, ở đâu có người Parsi, thì ở đó chuyện ăn uống là số một, việc hàn huyên chỉ xếp thứ hai thôi. Nghe vậy, một người khác bèn chữa: Không, không, hàn huyên phải xếp thứ ba chứ, còn việc thứ hai thì thiết tưởng không nên nhắc đến khi có mặt phụ nữ và trẻ em thế này. Những người nghe thủng câu chuyện lập tức tưởng thưởng cho câu đùa xưa như trái đất đó một tràng cười nhiệt tình.

Ruby vỗ tay: “Nào, xin mời mọi người! Cơm nước đã dọn ra cả rồi! Mọi người hãy ăn nhiều vào, đừng khách sáo, thức ăn còn nhiều lắm!” Chị ta đi khắp phòng, gặp ai cũng rồi rít cáo lỗi: “Xin bỏ quá cho gia đình chúng tôi vì không sửa soạn nổi một bữa tiệc tử tế!” đúng như cung cách của gia chủ xưa nay phải thế.

Và ai nấy đồng loạt đáp: “Ấy chết, sao chị lại nói thế, Ruby! Mọi sự thế là tươm tất lắm rồi!” Vừa tự lấy thức ăn, nước uống cho mình, họ vừa tranh thủ hỏi han Ruby về cái thai và ngày sinh nở.

Nusswan sầm soi những chiếc đĩa được chuyển qua trước mặt mình, dịu dàng trách móc những người khách lấy quá ít thức ăn. “Kìa, chị Mina, chị đùa đấy ư? Ăn có ngần này thì đến con chim cảnh nhà tôi cũng bị đói nữa là.” Nói rồi, anh ta nhanh nhẹn xúc thêm cơm rang cho Mina. “Ấy, đợi đã, Hosa, lấy thêm một xiên thịt nữa đi, ngon lắm, tin tôi đi, một xiên nữa nào, mạnh dạn lên!” và khéo léo gắp hai xiên thịt thả vào đĩa của vị khách còn đang ngần ngừ. “Nhớ lấy thêm nữa nhé!”

Trong khi mọi người đang mải mê ăn uống, Dina thấy thím Shirin và chú Darab của Rustom đứng ngoài hiên, có phần tách biệt khỏi những người còn lại, cô bèn ra hỏi thăm: “Chú thím ăn nhiều vào nhé. Chú thím đã lấy đủ thức ăn chưa ạ?”

“Đủ lắm rồi, con ạ, đủ lắm rồi. Món nào cũng ngon cả.” Thím Shirin vẫy tay gọi cô lại gần, rồi lại ra hiệu để cô nghiêng đầu xuống cho tới khi tai Dina đã ghé sát vào miệng bà. “Nếu con có cần gì – nhớ nhé, bất kì điều gì, cứ đến gặp ta và chú Darab.”

Chú Darab lập tức gật đầu, tai ông rất thính. “Dù có vấn đề gì cũng vậy. Chú thím giống như cha mẹ Rustom vậy. Con cũng là con gái chúng ta.”

“Con cảm ơn chú thím.” Dina đáp, cô hiểu những câu nói này còn hơn cả một lời đón chào theo lệ thường từ phía nhà trai. Cô ngồi xuống bên cạnh chú thím, nhìn họ ăn. Đứng bên bàn ăn, Nusswan giơ đĩa và nĩa lên, ra hiệu nhắc cô tự lấy cho mình chút thức ăn. Vàng, để sau ạ, cô khẽ đáp, và nán lại bên thím Shirin và chú Darab, còn hai người vừa ăn vừa ngắm nhìn cô với ánh mắt đầy âu yếm.

Khi Nusswan ra hiệu cho phép mấy người phục vụ vào dọn dẹp bát đĩa, trong nhà hằng còn một vài người khách. Nhận thấy cử chỉ ý nhị của chủ nhà, họ bèn đồng loạt cảm ơn và xin cáo từ.

Trên đường ra cửa, một người túm lấy ve áo Rustom mà cười khùng khục, và thì thọt rằng cả cô dâu lẫn chú rể thật may mắn vì hai bà thông gia hai bên đều đã khuất núi. “Không công bằng, thật không công bằng! Sẽ chẳng có ai cật vấn cậu xem đêm tân hôn súng ống có hoạt động tốt không, cậu may thật đấy! Cũng chẳng có ai lật ga giường lên để kiểm tra cả!” Nói đoạn, anh ta xoi ngón tay vào bụng Rustom. “Như thế càng dễ lên tiên!”

“Chúc mọi người ngủ ngon!” Nusswan và Ruby luôn miệng chào. “Chúc ngủ ngon, chúc ngủ ngon. Rất cảm ơn đã quá bộ đến dự tiệc với gia đình chúng tôi.”

Khi người khách cuối cùng đã ra về, Rustom nói: “Bữa tiệc vui quá. Chúng em cảm ơn anh chị đã vất vả cắt đặt.”

“Vâng, phải đấy ạ, em cảm ơn anh chị!” Dina cũng nói thêm vào.

“Không có gì, không có gì!” Nusswan vội xua tay, và Ruby gật đầu. “Đấy là nhiệm vụ của anh chị mà.”

Thoạt đầu, Dina và Rustom đã đồng ý ngủ lại đây theo gợi ý của Nusswan. Nhưng rồi họ nhận thấy các phòng còn cần được sắp đặt lại sau bữa tiệc. Vì vậy tới thẳng căn hộ của Rustom sẽ tiện hơn.

“Đừng lo lắng gì cả, mấy người này sẽ lo phần dọn dẹp, họ được trả công để làm việc đó cơ mà.” Nusswan nói. “Hai em cứ về đi.” Anh ta ôm lấy em gái, rồi đến em rể. Với Dina, đó là cái ôm thứ hai trong ngày. Lần thứ nhất là lúc buổi sáng, sau khi thấy cả kết thúc phần ban phúc lành cho cô dâu chú rể; đó cũng là lần thứ nhất trong suốt bảy năm trời. Một cục nghẹn bỗng dồn lên cổ cô. Cô cố nuốt xuống; trong khi đó, Nusswan vội vã đưa tay lên quệt ngang mắt. “Chúc hai đứa hạnh phúc!” Anh ta nói.

Dina đi lấy chiếc va li đã được chuẩn bị sẵn cho đêm nay. Các đồ đạc còn lại của cô sẽ được chuyển đi sau. Nusswan tính chia cho cô một phần bàn ghế tử giường trong số gia sản cha mẹ họ để lại. Anh ta tiễn hai vợ chồng trẻ đến hết con ngõ rải đá cuội ra tận taxi và vẫy tay chào tạm biệt. Cô ngạc nhiên nhận thấy giọng anh mình hơi lạc đi: “Chúc hai đứa mọi điều tốt lành! Thượng Đế sẽ phù hộ cho các em!”

Sáng hôm sau, hai vợ chồng thức dậy rất muộn. Rustom đã xin nghỉ làm hẳn một tuần, dẫu rằng họ không đủ tiền để đi bất cứ đâu trong tuần trăng mật.

Dina đứng giữa gian bếp âm u để pha trà trong khi chồng cô dõi theo bằng ánh mắt lo lắng. Căn bếp là phòng nhếch nhác nhất trong nhà, trần và tường đều đen kịt khói ám. Bà mẹ Rustom đã quen nấu bếp than từ thuở lọt lòng. Cuộc kết thân ngăn ngúi giữa bà và dâu hỏa diễn ra không suôn sẻ cho lắm – dầu sánh ra, lửa bùng lên, làm bỏng cả đùi bà. Bà đi đến kết luận: dùng than lành hơn nhiều.

Rustom đã tính sơn lại căn bếp trước đám cưới, và cả các phòng còn lại nữa, nhưng hầu bao không cho phép. Anh hết lời xin lỗi cô về tình trạng của ngôi nhà. “Chắc em chưa quen

sống trong cảnh này. Mấy bức tường trông ghê quá.”

“Không sao đâu, ổn mà anh,” cô vui vẻ gạt đi. “Để sau này vợ chồng mình sơn lại cũng được.”

Có lẽ chính sự hiện diện của cô trong căn nhà, nhất là lại vào đúng bữa sáng, khiến anh đột nhiên phát hiện ra những thiếu sót xung quanh mình. “Sau khi bố mẹ mất, anh bắt đầu bỏ dần các thú đồ đạc đi. Cái gì đối với anh cũng trở thành thừa thãi. Anh đã định sống một đời khổ hạnh, chỉ bầu bạn với cây đàn vi-ô-lông. Thay vì dùng giường đinh, anh hành xác bằng tiếng rên rỉ của ruột mèo.”

“Dây đàn được làm bằng ruột mèo thật à?”

“Hồi xưa thì thế. Còn vào cái thời xưa hơn nữa, các nghệ sĩ vi-ô-lông còn phải tự đi săn thú để có nguyên liệu làm dây đàn kia. Hồi đấy làm gì có những cửa hàng bán nhạc cụ kiểu L. M. Furtado hay Godin & Company như bây giờ. Ở tất cả các nhạc viện danh tiếng của châu Âu, người ta đều dạy cả nhạc lý lẫn thủ thuật moi ruột đấy.”

“Mới sáng ra mà anh đã nói nhăng nói cuội rồi!” Cô khẽ mắng, nhưng chính óc hài hước kì quặc lại là điểm cô thích nhất ở anh.

“Dù sao, anh cũng đã tìm thấy một thiên thần xinh đẹp cho riêng mình, vĩnh biệt những ngày khổ hạnh. Bộ ruột mèo có thể nghỉ ngơi được rồi.”

“Em thích nghe anh đàn lắm. Anh nên tập chăm chỉ vào.”

“Em đùa đấy à? Anh chơi còn tệ hơn cái gã biểu diễn ở nhà hát Patkar tuần trước. Mà hẳn chơi cứ như đàn đang bị tắc lỗ f ấy.”

“Khiếp, nghe kinh quá!”

Nhìn mặt cô nhăn nhó, anh cười phá lên. “Làm sao anh nói khác được, người ta gọi chỗ đấy như thế thật mà. Nào, để anh cho em xem lỗ f của đàn anh nhé.” Anh lấy chiếc hộp đàn cất trên nóc tủ búp phê xuống. “Em thử nhìn hình dáng của hai cái khe hở trên hộp đàn mà xem!”

“Ô, trông giống hệt chữ f viết thảo.” Cô di ngón tay theo đường uốn lượn, và khẽ chạm lên sợi dây đàn. “Nhân tiện đang mở đàn ra, anh thử chơi bản gì đó đi.”

Anh đóng chiếc hộp lại, hơi kiễng chân lên cất nó trở lại nóc tủ. “Chơi đi, chơi đi, chơi đi – hồi xưa bố mẹ anh cũng toàn nói thế đấy.” Anh cầm lấy tay cô và áp nó lên môi. “Ước gì anh biết đường mà giữ lại chiếc giường đôi.” Đoạn anh ngượng ngịu hỏi: “Tối qua em có được thoải mái không?”

“Có ạ.” Nhớ lại những kí ức còn tươi nguyên về chiếc giường đơn chật hẹp nơi họ ôm chặt lấy nhau mà ngủ, má cô bừng đỏ.

Sau bữa sáng với trứng ốp lếp và bánh mì phết bơ, anh mở cửa trước ra và nói có một bất ngờ dành cho cô. “Đêm qua trời tối quá, nên anh chưa cho em xem được.”

“Cái gì vậy anh?”

“Em phải ra hẳn ngoài này mới thấy.”

Cô nhìn thấy một tấm biển đồng mới tinh, lấp lánh dưới nắng, trên mặt khắc mấy chữ “*Ông bà Rustom K. Dalal*.” Anh đắm mình trong niềm vui sướng của cô trước tấm biển tên.

“Anh vừa mới treo lên hôm kia thôi.”

“Dễ thương quá!”

“Đổi tên trên biển thì dễ thôi,” anh dặng hắng. “Chứ đổi tên ghi trên hóa đơn thuê nhà thì khó hơn nhiều đấy.”

“Ý anh là sao?”

“Tiền thuê nhà được thu dưới tên bố anh, mặc dù cụ đã mất chín năm nay rồi. Ông chủ nhà cứ mong anh sẽ mất kiên nhẫn mà gửi tiền nhờ sang tên căn nhà cho anh. Ông ta đã đánh tiếng nhiều lần rồi.”

“Thế anh có định sang tên không?”

“Dĩ nhiên là không. Ông ta chả làm gì được đâu, đã có Luật thuê nhà bảo vệ chúng ta rồi. Hóa đơn thuê nhà ghi tên ai không quan trọng. Còn em cũng được quyền sống ở đây, với tư cách vợ anh. Kể cả nếu anh có chết ngay ngày mai đi nữa.”

“Rustom! Đừng nói vớ vẩn thế!”

Anh cười phá lên. “Lắm lúc thấy người thu tiền nhà mang hóa đơn ghi tên bố anh đến, anh chỉ muốn bảo ông ta lên trên thiên đường mà đòi tiền, địa chỉ của chủ thuê nhà mới trên ấy.”

Dina tựa đầu lên vai anh. “Với em, thiên đường là trong chính căn nhà này.”

Rustom kéo cô sát lại và ôm lấy cô. “Anh cũng thế.” Đoạn anh đưa ống tay áo chùi mắt biển mấy lượt cho thêm bóng. Giữa lúc hai vợ chồng còn đang say sưa ngắm nó thì hai chiếc xe kéo tay chạy tới và dừng lại trước cửa nhà họ, trên xe chất đầy đồ đạc dọn từ nhà Shroff sang.

Ban đầu, Rustom đã thuê một chiếc xe tải nhỏ vì trước đó Dina có xin Nusswan cho mình lấy chiếc tủ quần áo lớn của bố, chiếc tủ có vòm bằng gỗ vân hồng khắc hình mặt trời và hoa lá. Cô nói mình có thể đánh đổi mọi thứ khác chỉ để lấy mình chiếc tủ này. Nusswan hứa sẽ suy nghĩ song rút cuộc lại từ chối. Anh ta giải thích rằng cố đẩy chiếc tủ qua khung cửa chật hẹp nhà Rustom có thể làm hỏng nó, những vết xước xát sẽ làm tổn thương kỷ niệm về cha họ, vả lại, kích thước của nó cũng không phù hợp với những căn phòng quá nhỏ bé.

Vì vậy anh cho cô một chiếc tủ búp phê khác, nhỏ nhắn và giản dị hơn, một cái bàn làm việc nhỏ, và một chiếc giường đôi. Ngoài ra còn có một chiếc hộp lớn chứa đầy dụng cụ nấu ăn được Ruby đóng gói sau khi bí mật tìm hiểu liệu căn bếp nhà Rustom đã được trang bị đầy đủ hay chưa. Bước đầu, cô mua cho đôi vợ chồng trẻ xoong chảo, một chiếc lò nướng, dao nĩa, một cái thớt, một cái chày cán bột.

Hai xe đồ được dỡ ra và chiếc giường đôi được lắp vào. Một người kéo xe đề nghị mua lại chiếc giường đơn cũ. Rustom đồng ý bán cho anh ta với giá ba mươi rupi, và nhận được thêm mười rupi nữa nhờ bán chiếc đệm cho người kia.

Thấy Dina nhìn họ khiêng chiếc giường đi, anh nói: “Anh hiểu em đang nghĩ gì. Nhưng căn nhà này chẳng còn chỗ nào để kê thêm một chiếc giường nữa cả.” Cô tự hỏi không biết tới nay họ sẽ nằm gần nhau đến đâu, khi đã có chiếc giường đôi này.

Song khi họ thức dậy vào buổi sáng tiếp theo, một nửa chiếc giường vẫn phẳng phiu sạch sẽ như chưa từng có ai nằm lên. An tâm rồi, cô mới dành cả ngày để sắp đặt tổ ấm mới theo ý của mình. Trước hết, cô báo để cửa hàng Seva Sadan ngừng mang bữa tối đến cho Rustom. Còn với bữa trưa, cô sẽ chuẩn bị sẵn hộp cơm cho anh khi anh trở lại làm việc

vào tuần tới.

“Giờ anh không phải lo chuyện ra ngoài ăn hay bỏ bữa nữa rồi,” cô nói, đoạn trèo lên ghế để xem xét chiếc giá cao trong bếp. Cô tìm thấy một lò bình vại bằng đồng đỏ và đồng thau, một cái ấm nước, cùng một bộ dao.

“Mấy thứ đó hỏng hết rồi,” Rustom nói. “Anh đã định đem bán đồng nát rồi đấy chứ. Để mai nhé, anh hứa đấy.”

“Đừng, chỗ này toàn là đồ ngày xưa, bền lắm. Ta có thể đem đi sửa và mạ lại. Ngày nay anh không mua được đồ chất lượng thế này đâu.”

Một hôm, nghe thấy tiếng rao của thợ hàn nổi đi rong ngoài cửa sổ, cô bèn gọi anh ta vào để hàn những chiếc vại bị rò và gắn lại chiếc quai ấm đã hỏng. Cô đích thân theo dõi xem anh ta làm ăn có tử tế không. Với mỗi chiếc vại được hàn xong, cô lại mang vào nhà tắm đổ nước để thử.

Một ông thợ mài dao đi qua, chiếc bánh mài khoác lủng lẳng trên lưng. Anh thợ hàn ngừng tay búa cho cô vỗ tay tới lần thứ hai để gọi người kia lại.

Những lưỡi dao cùn mòn dần sáng lên với đường nét sắc lẹm. Cô sung sướng tận hưởng nguồn sinh lực, sự chuyên chú, những tiếng đập, tiếng gõ được dồn vào công cuộc biến tổ ấm của mình thành một nơi gọn gàng, ngăn nắp, vì hàng thập kỷ hôn nhân hạnh phúc với Rustom còn ở phía trước. Cô thầm nghĩ, một đời người, cũng như bao thứ khác, cần được gia công tỉ mỉ. Người ta phải gò nắn, phải gõ đập, phải đánh bóng, nếu muốn thu được những gì toàn hảo, viên mãn nhất từ nó.

Ông thợ mài dao hơi nghiêng mặt tránh những tia lửa bắn tung tóe từ chiếc bánh mài đang quay tít. Trông như pháo hoa trong lễ Divali vậy, cô bỗng nghĩ. Còn bên tai cô, từng đợt quai búa của anh thợ hàn ngân lên những âm thanh nghe vui tươi lạ.

Dina và Rustom kỉ niệm một năm ngày cưới bằng một buổi đi xem phim và ăn tối ở ngoài. Họ xem bộ phim *Mệnh lệnh tàu ngầm*^[13] với diễn viên William Holden trong vai một sĩ quan hải quân Mỹ đóng tại Hàn Quốc. Suốt cả buổi chiếu, họ nắm tay nhau không rời. Sau đó, hai vợ chồng đi ăn món cơm rang gà ở tiệm Wayside Inn.

Sang năm thứ hai, Dina muốn xem phim gì đó bớt u ám. Vì vậy họ chọn *Xã hội thượng lưu*^[14] của Bing Crosby, một phim mới ra lò. Nhân dịp này, cô mua một chiếc váy mới, màu xanh nước biển, với một lớp váy giả ngắn bao quanh eo luôn nhấp nhô uốn lượn theo từng bước đi.

“Anh không biết em có nên mặc chiếc váy này không,” Rustom bước tới từ phía sau, tay vuốt ve eo vợ.

“Tại sao?” Cô mỉm cười, và hơi uốn éo thân mình để trêu anh.

“Em sẽ làm đàn ông đi ngoài đường phát cuồng lên mất. Tốt hơn hết là nên mang theo chiếc ô mũi nhọn in hình ngôi chùa để phòng thân.”

“Chẳng lẽ anh không định bảo vệ em và xả thân vì em ư?”

“Có chứ. Nếu thế, anh sẽ mang cây giáo kia giúp em. À, anh sẽ đem theo cả chiếc đàn vi-ô-lông của anh nữa. Nghe tiếng đàn nỉ non, chắc bọn người xấu còn hải nữa.”

Hai vợ chồng đều rất thích bộ phim. Chiếc váy xanh trở thành câu chuyện đùa của riêng hai người khi họ tưởng tượng ra những người phụ nữ hay ghen ăn tức ở và những người đàn ông có máu Sở Khanh sẽ thêm khát được chạm tay vào nó tới mức nào. Họ ăn tối ở

tiệm Mongini's, vốn nổi tiếng là có nhiều món tráng miệng tuyệt ngon.

Tối kỉ niệm ba năm ngày cưới, họ quyết định mời Nusswan, Ruby, và bọn trẻ (nay đã có hai đứa) tới nhà ăn tối. Kể từ ngày đôi trẻ lấy nhau, mối quan hệ giữa hai nhà hết sức nồng ấm. Dina và Rustom luôn được mời đến dự sinh nhật bọn trẻ, cả dịp lễ Navroze^[15] và Khordad Sal^[16]. Dina thường ghé qua nhà anh chị, khi thì đi một mình, lúc lại đi cùng Rustom, để cho các cháu ít bánh kẹo, hoặc chỉ để chào một câu. Bao nhiêu oán giận xưa đã hoàn toàn tiêu tan, tới mức khó mà nhớ nổi những cảm giác ấy một cách rõ rệt. Người ta rất dễ quy rằng đó chỉ là một sản phẩm phóng đại của trí tưởng tượng mà thôi.

Buổi tiệc nhỏ diễn ra hết sức đầm ấm. Dina không đủ tiền sắm quần áo mới nên mặc luôn bộ váy xanh mua từ năm ngoái. Ruby không ngớt trầm trồ trước bộ váy và hết lời ca ngợi tài bếp núc của Dina. Chị ta khen rằng món cơm rang đậu rất ngon miệng. Dina khiêm tốn đáp lại rằng mình đã học được nhiều điều từ chị dâu. “Nhưng em còn lâu mới khéo léo đảm đang được như chị.”

Với hai đứa trẻ, một sáu tuổi và một ba tuổi, Dina nấu riêng hai phần ăn không nêm gia vị cay. Nhưng Xerxes và Zarir năng nặc đòi được ăn giống như người lớn. Ruby bèn cho hai đứa nếm thử một chút, dù lưỡi đã thè cả ra nhưng chúng vẫn muốn ăn nữa.

“Không sao,” Dina vừa cười vừa nói, “ăn kem vào là hết cay ngay.”

“Cô cho bọn con ăn luôn nhé?” Hai đứa trẻ đồng thanh kêu lên.

“Chú Rustom sẽ đi mua ngay đây,” Dina đáp. “Nhà cô chú không có thùng lạnh để trữ kem như nhà các con. Đây, các con dùng tạm cái này nhé.” Đoạn cô lấy mấy miếng đường từ chiếc khay lễ đựng vòng hoa và dứa rồi thả vào miệng bọn trẻ.

Sau bữa ăn, trong khi cô dọn bàn cùng Ruby, Rustom quyết định đã đến lúc đi mua vài hộp kem Kwaliti. “Nếu họ không có kem dâu, thì các con muốn ăn kem vị gì, sô-cô-la hay vani?”

“Sô-cô-la ạ!” Xerxes nói.

“Lani ạ!” Zarir bập bẹ, khiến cả nhà cười ồ lên.

“*Lani* cơ à!” Rustom trêu. “Lúc nào con cũng thích khác người, nhỉ?”

“Anh chẳng biết thằng bé lấy cái tính đấy ở đâu ra,” Nusswan nói. “Chắc chắn không phải bố nó rồi!” và tất cả lại cười. Nhân cơ hội đó, anh ta để thêm: “Thế còn vợ chồng chú thì sao, hả Rustom? Anh nghĩ cũng đến lúc có một gia đình rồi đấy. Rong chơi đến ba năm là đủ rồi.”

Rustom chỉ mỉm cười, anh không muốn mở đường cho một cuộc tranh luận mới. Anh mở cửa để bước ra, thì Nusswan đứng bật dậy nói: “Để anh đi cùng chú nhé?”

“Không, không, anh cứ ngồi chơi đi, anh là khách mà. Vả lại, nếu hai anh em ta đi bộ thì mất thời gian lắm. Một mình em có thể đạp xe đi, chỉ mất mười phút thôi.”

Dina bèn bày sẵn đĩa và thìa sạch ra để chờ kem, tiện thể đặt một ấm nước lên bếp. “Đến lúc anh ấy về là vừa vặn có trà ngon để uống rồi.”

Mười lăm phút sau, cả nhà vẫn ngồi đợi. “Anh ấy đi tận đâu thế nhỉ? Trà đã ngấm lắm rồi. Có lẽ hai anh chị cứ uống trà trước đi.”

“Thôi, đợi chú Rustom về đã.” Ruby gạt đi.

“Có lẽ hàng bán kem hôm nay đông khách lắm.” Nusswan nói.

Dina đun thêm một ấm nước đầy để pha loãng trà, rồi đặt lại chiếc ấm xuống dưới gối ủ. “Anh ấy đi được bốn năm phút rồi.”

“Có khi cửa hàng hết kem rồi cũng nên.” Nusswan nói. “Kem dâu được nhiều người thích nên chóng hết lắm. Có lẽ chú ấy đã ra một cửa hàng khác ở xa hơn rồi.” “Anh ấy không làm thế đâu, anh ấy biết em sẽ lo mà.” “Nhỡ xe của chú ấy bị xịt lốp thì sao,” Ruby nói.

“Kể cả phải dắt xe đi bộ về thì cũng chỉ mất hai mươi phút thôi.”

Cô bước ra ngoài hiên để ngắm xem có bóng anh đạp xe về từ đằng xa không. Cô bỗng nhớ lại những đêm họ rẽ theo hai ngã đường sau khi tan buổi hòa nhạc, cô ngồi trên tầng hai của xe buýt, mắt cố bám theo chiếc xe đạp của anh đang khuất dần khỏi tầm nhìn.

Kí ức đó khiến cô mỉm cười, nhưng nụ cười nhanh chóng vụt tắt dưới nỗi lo lắng của thực tại. “Có lẽ em sẽ đi xem có chuyện gì.”

“Không, để anh đi!” Nusswan vội giành phần.

“Nhưng anh làm sao biết cửa hàng đó ở đâu, cả đường Ruston đi nữa. Hai người lại lạc nhau mất thôi.”

Cuối cùng cả hai anh em cùng đi. Thấy Dina căng thẳng, anh ta không ngừng quả quyết rằng: “Chắc là do nguyên nhân gì đó cực kì giản dị thôi.” Cô gật đầu, chân bước nhanh hơn. Phải vất vả lắm ông anh mới theo kịp.

Lúc đó đã hơn chín giờ tối, phố xá vắng lặng. Trong con ngõ nơi có hàng kem ở cuối đường, một tốp người đang xúm đông xúm đỏ bên vỉa hè. Khi đến gần hơn, Nusswan và Dina nhận ra cả cảnh sát cũng có mặt.

“Không biết có chuyện gì nhỉ?” Nusswan nói, cố giấu nỗi hoảng hốt.

Dina là người phát hiện ra chiếc xe đạp trước. “Xe của Ruston kìa!” Cô kêu lên. Giọng cô bỗng biến thành giọng một người khác, khiến ngay bản thân cô cũng cảm thấy xa lạ.

“Em có chắc không?” Anh ta biết là có. Chiếc xe đã méo mó nhưng yên xe vẫn lành lặn. Anh ta vội rẽ đám đông để tới chỗ mấy người cảnh sát. Bão tố gào thét bên tai cô, và những lời họ nói văng đến nơi cô đứng thật yếu ớt, như thể từ một chốn nào đó rất xa xăm.

“Gã lái xe tải khốn kiếp!” Viên phó thanh tra nói. “Đám rồi bỏ chạy ngay. Tôi nghĩ anh chàng đó hết hi vọng rồi.”

Đầu nát bét. Nhưng dù sao xe cứu thương vẫn đưa anh ta vào viện.”

Một con chó hoang chạy tới liếm láp vũng chất lỏng đặc sệt màu hồng chảy lênh láng ngay gần chiếc xe đạp. Thế là cửa hàng vẫn còn kem dâu, Dina đỡ hẳn nghĩ. Một viên cảnh sát bèn giơ chân đá con vật lông hung vàng. Nó kêu ăng ẳng và lùi lại, rồi lại mon men tới liếm tiếp. Thấy anh ta đá nó lần nữa, cô thét lên:

“Thôi đi! Nó có làm gì hại đến anh đâu! Để nó ăn!”

Giật mình, người cảnh sát lập bập “Vâng” và lùi lại. Con vật vừa vục mõm xuống ăn hăng hái, vừa rên ư ử khoan khoái nhưng mắt vẫn lăm lét liếc trộm bàn chân người đàn ông nọ.

Nusswan hỏi tên bệnh viện. Viên phó thanh tra lấy địa chỉ của anh ta, và hỏi Dina, lúc ấy đang đứng nhìn đăm đăm vào chiếc xe móp méo, địa chỉ của cô. Ông ta dịu dàng giải thích rằng chiếc xe sẽ bị tạm giữ làm bằng chứng, phòng khi họ tìm thấy gã lái xe tải. Ông

ta cũng ngờ ý cho họ đi nhờ đến bệnh viện.

“Cảm ơn ông,” Nusswan nói. “Nhưng những người ở nhà tôi sẽ lại lo lắng không biết có chuyện gì xảy ra mất.”

“Không có gì, tôi sẽ cho một nhân viên về báo để họ biết có một vụ tai nạn và hai người đang ở bệnh viện,” viên phó thanh tra nói. “Rồi sau đó anh có thể giải thích kĩ hơn.”

Nhờ sự giúp đỡ của viên phó thanh tra, các thủ tục ở bệnh viện được xúc tiến nhanh chóng, nên Nusswan và Dina có thể sớm trở về nhà. “Anh gọi tắc xi nhé?” Nusswan nói. “Không, em muốn đi bộ.”

Khi họ về đến nhà, hai hàng nước mắt lặng lẽ lăn dài trên má cô. Nusswan ôm lấy cô và vuốt tóc cô. “Em gái tội nghiệp của anh,” anh ta thì thầm khe khẽ. “Em gái bé bỏng tội nghiệp của anh. Anh ước sao mình có thể mang chú ấy trở lại cho em. Cứ khóc đi, không sao đâu, cứ khóc cho thỏa lòng đi em ạ.” Chính anh ta cũng không khỏi sụt sịt khi phải kể lại với Ruby về vụ tai nạn.

“Thượng Đế ơi!” Ruby thốn thức. “Sao lại xảy ra tai họa này cơ chứ! Chỉ trong vài phút mà cả thế giới của Dina đã tan tành mây khói! Tại sao lại thế? Sao Người lại để chuyện đó xảy ra?” Chị ta cố trấn tĩnh lại rồi mới đánh thức bọn trẻ dậy; trong khi đó, Dina vào nhà trong để thay bộ váy xanh ra.

“Giờ bọn con ăn kem dâu được chưa ạ?” Xerxes và Zarir hỏi bằng giọng ngái ngủ.

“Chú Rustom không được khỏe, ta phải về nhà thôi,” Ruby nói, chị ta nghĩ tốt nhất là về sau sẽ giải thích dần cho bọn trẻ hiểu.

Ít phút sau, Dina bước ra khỏi phòng, Nusswan bước tới bên cô, nói: “Em cũng về nhà với anh chị đi, em không ở đây một mình được đâu.”

“Đúng rồi, phải đấy!” Ruby đồng tình, đoạn cầm lấy tay cô và siết chặt.

Dina gật đầu, rồi bỏ vào bếp và bắt đầu gói ghém phần cơm rang đậu còn thừa. Ruby tò mò nhìn cô làm, có phần e sợ, mãi mới dám hỏi: “Chị giúp em nhé?”

Dina lắc đầu. “Không nên lãng phí chỗ cơm này. Trên đường về nhà, ta có thể mang cho người ăn mày ở góc phố.” Về sau, mỗi khi kể lại chuyện này với bất kì ai, Nusswan luôn nói anh ta rất ấn tượng với cách xử sự đường hoàng của em gái mình trong cái đêm hãi hùng đó. “Không vật vã khóc lóc, không đấm ngực thùm thụp, không vò đầu bứt tóc như người ta vẫn thường thấy ở một người phụ nữ phải trải qua một cú sốc như thế, một mất mát như thế.” Song anh ta vẫn nhớ như in thái độ điềm tĩnh của mẹ mình trước sự kiện tương tự và quá trình suy sụp đi liền sau đó. Anh ta mong sao Dina không đi theo vết xe đổ này.

Dina bỏ vào va li một bộ sari trắng cùng những món đồ sẽ cần dùng trong vài ngày tới. Đó cũng chính là chiếc vali cô đã mang theo vào đêm ngày cưới của mình ba năm về trước.

Sau khi đám tang và bốn ngày cầu nguyện xong xuôi, Dina sửa soạn để trở về căn hộ của mình. “Sao vội thế em?” Nusswan kêu lên. “Em cứ ở đây thêm một thời gian đã.”

“Phải đấy,” Ruby nói. “Ở đây em còn có anh chị. Chứ về đấy em chỉ có một mình, biết làm gì cho hết ngày?”

Dina dễ dàng xuôi theo ý anh chị, bởi chính cô cũng cảm thấy chưa sẵn sàng quay về. Những giờ phút khó khăn nhất là lúc trước khi bình minh lên. Cô nằm ngủ, một tay vòng sang ôm lấy gối. Đôi lúc cô đưa khuỷu tay huých nhẹ chiếc gối, cử chỉ để nhắc Rustom rằng cô muốn anh ôm mình. Và khi cảm giác về sức nặng của một cơ thể người không hiện hữu,

cô bừng tỉnh dậy giữa cảnh trống vắng. Trong bóng tối nhập nhoạng của thời khắc mặt trời chưa ló rạng, cô chợt nhớ ra mất mát của mình. Thỉnh thoảng, cô vô thức gọi tên anh, và nếu nghe thấy, Ruby hoặc Nusswan sẽ chạy vào phòng cô, ôm cô thật chặt và vuốt ve mái tóc cô.

“Em ở lại đây chẳng phiền phức gì cho anh chị đâu!” Nusswan nói. “Thật ra, có em bầu bạn thì chị Ruby càng vui.”

Thế là Dina ở lại. Người nọ truyền tai người kia rằng tạm thời cô đang ở nhà anh trai, thế là họ hàng làng xóm lũ lượt kéo nhau đến an ủi cô. Khi phần thăm hỏi mang tính thủ tục đã hoàn tất, cuộc nói chuyện dần mang màu sắc một buổi đoàn tụ thân mật, và Nusswan cùng Ruby rất mừng vì những dịp thế này. Họ đều nhất trí rằng: “Giờ đó là điều tốt nhất có thể dành cho Dina.”

Thím Shirin và chú Darab của Rustom có mặt trong cả bốn ngày cầu nguyện trên Tháp Bình Yên, và một tuần sau đó lại đến thăm cô. Họ ngồi chơi một lát, nhấm nháp ly rượu chanh, rồi nói: “Với chú thím, mất nó chẳng khác nào mất một đứa con trai. Nhưng con hãy nhớ lấy, con vẫn là con gái của chú thím. Nếu cần bất cứ thứ gì, con cứ đến gặp chú thím. Nhớ nhé, bất cứ thứ gì.”

Nghe thế, Ruby thấy hơi tự ái. “Chú thím thật tử tế quá. Nhưng đã có cháu và Nusswan chăm lo cho cô ấy rồi.”

“Phải rồi, tất nhiên, tạ ơn Thượng Đế,” đôi vợ chồng già vội đáp, vẻ e dè vì giọng Ruby có phần hơi xẵng. “Đức Ngài thế nào cũng phù hộ cho vợ chồng hai cháu sống lâu, khỏe mạnh. Dina thật may mắn vì có anh trai và chị dâu thế này.” Họ chỉ nán lại một lát nữa rồi ra về, trong bụng cầu mong sao mình đã xoa dịu được Ruby ít nhiều.

Một tháng trôi qua, Dina trở lại với nếp sống xưa và khôi phục vai trò trước đó của mình trong gia đình. Người giúp việc được cho nghỉ. Dina không lấy thế làm phiền, ít ra cô cũng có cái gì đó để lấp vào những chuỗi ngày dài dặc, trống tên của mình. Xerxes và Zarir thì đương nhiên sững phát cuồng vì có cô Dina đến ở cùng. Xerxes đã lên lớp hai còn Zarir mới đi nhà trẻ. Cô tự nhận nhiệm vụ đưa bọn trẻ đến trường; việc này cũng đơn giản, tiện đường đi chợ buổi sáng luôn.

Vào các buổi tối Chủ Nhật, Nusswan thường bày bàn chơi bài. Ba người lớn đánh bài rummy suốt mấy tiếng còn hai đứa trẻ ngồi xem. Có lúc Dina cho Xerxes và Zarir cầm bài giúp mình. Đến bảy giờ, hai chị em dọn bữa tối, còn Nusswan tiêu khiển bằng cách lấy quân bài xây nhà cùng bọn trẻ hoặc lướt qua số báo ngày Chủ Nhật một lần nữa.

Mỗi tuần, Dina đến căn hộ bỏ trống của mình một lần để lau chùi và quét dọn. Cô lặp lại chính xác trình tự công việc mình đã thiết lập khi Rustom còn sống. Dọn dẹp xong, cô pha trà uống. Trong khoảng không kín đáo của căn bếp tối tăm, cô ngồi đó với tách trà, hồi tưởng lại những ngày xưa. Có lúc cô lặng lẽ khóc, và tách trà thường bị bỏ quên tới nguội ngắt. Cô thường chỉ uống được một nửa, còn lại đổ đi hết.

Sau vài tuần thực hiện nghi thức than khóc bí mật này, cô bắt đầu tự cho phép một phần trong thâm tâm mình vờ như mọi sự vẫn như thường, căn hộ vẫn có người ở, cuộc ly biệt chỉ là tạm thời. Xem ra làm thế cũng chẳng phương hại gì đến cô, và cảm giác giả bộ ấy thật dễ chịu.

Rồi đến một ngày nọ, khi trời chạng vạng ngả về chiều, ô tô ngoài đường đã lác đác lên đèn, cô bỗng bắt gặp chính mình đứng trên hiên nhà, trân mắt tìm bóng xe đạp của Rustom trở về. Một cơn rùng mình chạy dọc sống lưng cô. Cô tự nhủ, thế là quá đủ rồi. Ve

vấn sự điên dại là một chuyện; nhưng khi sự điên dại bắt đầu đáp trả, đó là lúc nên dừng lại.

Cô bỏ hẳn thói quen dọn dẹp hàng tuần. Nếu cần phải ghé qua căn hộ, cô không đi một mình nữa, mà mang cả hai đứa trẻ theo. Xerxes và Zarir rất khoái được thám hiểm khoảng không gian không người ở ấy. Những căn phòng quen thuộc phút chốc bỗng trở nên xa lạ và kì bí, đầy được kê đầy đồ đạc nhưng vẫn nhuốm một cảm giác trống vắng không thể cắt nghĩa nổi. Bầu không khí lạnh tờ tựa như ở viện bảo tàng khiến chúng e dè. Chúng hò hét và chạy nhảy và luồn lách khắp cả căn nhà để xem mình có thể quét sạch hư vô khỏi nơi này không.

Một buổi chiều, khi tạt qua đây để lấy vài món đồ, Dina nhìn thấy một phong thư của chủ nhà. Bọn trẻ rủ nhau tổ chức một cuộc chạy đua xuyên quốc gia, Xerxes chịu trách nhiệm vạch lộ trình. “Ta sẽ xuất phát từ hiên nhà, rồi chạy vào bếp, sang nhà vệ sinh, sau đó quay trở lại, phải đi qua tất cả các phòng. Hiểu chưa, Zarir?”

“Rồi ạ!” Zarir đáp. Dina hô chuẩn bị, sẵn sàng, chạy. Đoạn cô ra mở các cửa sổ ở phòng ngoài và đọc lá thư. Thư viết rằng căn hộ nay không còn người ở, do đó chủ nhà xin thông báo quyền sử dụng nhà đã hết và chìa khóa phải được hoàn trả trong vòng ba mươi ngày.

Tối hôm đó, khi Dina mang lá thư về cho Nusswan xem, anh ta cáu tiết lắm. “Thằng cha chủ nhà khốn thật! Chú Rustom đã mất được tròn ba tháng đâu, thế mà con rắn độc ấy đã dám xông vào mổ người ta rồi! Đừng nghe hắn. Em phải giữ lấy căn hộ!”

“Vâng, em nghĩ tuần sau em sẽ quay lại đó sống.” cô đồng tình.

“Ý anh không phải như vậy. Em cứ việc ở lại đây một, hai năm, bao lâu tùy thích. Nhưng đừng bỏ quyền thuê nhà. Nghe anh nói này, chẳng bao lâu nữa có tìm đồ mất cũng chẳng kiếm nổi nhà ở cái thành phố này đâu. Một căn hộ cũ như căn của em sẽ là một mỏ vàng.”

“Phải đấy!” Ruby họa theo. “Chị nghe nói con trai ông Putli Maasi phải xùy ra những hai mươi ngàn rupi giành chỗ mới được thuê nhà đấy. Tiền thuê những năm ngàn một tháng. Mà căn hộ của cậu ấy còn nhỏ hơn căn của em.”

“Vâng,” Dina đáp. “Nhưng tiền thuê nhà...”

“Đừng lo, anh sẽ trả.” Nusswan nói. “Luật sư của anh sẽ lo trả lời lá thư này.”

Anh ta đã tính trước: Sớm muộn gì Dina cũng sẽ tái giá. Đến lúc đó, sẽ thật không may nếu hôn sự gặp trở ngại chỉ vì thiếu một căn nhà. Anh ta không hề muốn hai vợ chồng cô sống chung với mình. Làm thế chỉ tổ sinh cãi vã và xung đột mà thôi.

Vào ngày giỗ đầu Rustom, Nusswan xin nghỉ làm một buổi sáng. Từ ngày hôm trước, anh ta đã viết giấy gửi đến trường của Xerxes và nhà trẻ của Zarir, xin phép cho hai đứa trẻ được “nghỉ học để tham gia lễ cầu siêu cho người chú quá cố tại đền thờ lửa.” Dina rất lấy làm biết ơn vì sự có mặt của toàn thể gia đình anh trai.

“Thật không thể tưởng tượng nổi,” Nusswan xuýt xoa khi tất cả cùng trở về nhà. “Mới đó mà đã tròn một năm rồi. Thời gian trôi nhanh quá!”

Vài ngày sau đó, anh ta chính thức phát tín hiệu chấm dứt quãng thời gian thương tiếc người quá cố bằng việc mời vài người bạn đến chơi nhà.

Khách khứa được mời đến có cả Porus và Solly, hai trong số rất nhiều anh chàng độc thân đủ tiêu chuẩn mà Nusswan đã ra sức tiến cử với Dina từ vài năm trước. Cả hai đều chưa lập gia đình, và theo quan điểm của Nusswan, đều là những đám xứng đáng, nếu

người ta chịu bỏ qua những khuyết điểm vặt vãnh như cái bụng đã hơi phình phính và mái tóc bắt đầu điểm bạc.

Vốn tự hào về sự tinh tế của bản thân, anh ta gọi Dina ra và nói nhỏ: “Em à, cả Porus lẫn Solly đều sẽ vô lấy cơ hội được trở thành chồng em. Công ty luật của Porus dạo này làm ăn phát đạt không thể tưởng nổi. Còn Solly thì đã chắc chân trong một hãng kế toán. Họ chẳng phiền gì chuyện em là gái góa đâu!”

“Hai anh ấy thật tử tế quá.”

Anh ta không thích cái giọng mỉa mai ấy tí nào. Nó gợi nhớ tới Dina của ngày xưa, đứa em gái cứng đầu, bất trị, khó dạy, mà anh ta cho rằng đã cải biến thành một người tử tế hơn. Nhưng anh ta cố nuốt giận và mềm mỏng tiếp lời:

“Dina à, anh cũng phải phục em đấy. Không ai có thể trách cứ rằng em đã thương tiếc một cách quá khích. Em đã tỏ ra rất đúng mực, rất hoàn hảo, trong suốt một năm vừa qua.”

“Em đâu có cố tỏ ra như vậy. Mà làm thế cũng chẳng khó khăn gì.”

“Anh biết, anh biết!” Anh ta vội vã nói chữa, hối hận vì mình đã dùng những từ ngữ như vậy. “Ý anh là, anh rất ngưỡng mộ phẩm hạnh của em. Nhưng vấn đề là, em vẫn còn rất trẻ. Chuyện đã qua được hơn một năm, em phải nghĩ cho tương lai của mình chứ!”

“Anh đừng lo, em hiểu sự quan tâm của anh mà.”

“Tốt, anh chỉ muốn nói có vậy. Thôi, đến giờ chơi bài rồi. Ruby!” Anh ta gọi với vào trong bếp. “Lên chơi bài rummy đi nào!” Nusswan chắc chắn từ nay tình hình sẽ có tiến triển.

Trong những tuần tiếp theo đó, anh ta tiếp tục mời các anh bạn độc thân trong nhóm ứng viên ngày xưa đến chơi nhà. “Dina, ra đây em,” anh ta vồn vã. “Để anh giới thiệu em với...” Rồi vờ như mình mắc tật đãng trí, anh ta kêu lên: “Ấy, ấy, sao anh lại nói thế nhỉ? Đầu với chả óc! Em đã gặp anh Temton rồi còn gì. Thôi ta cứ giới thiệu lại lần nữa nhé!”

Tất cả những câu nói ấy được thốt ra bằng giọng điệu ngầm gợi ý rằng một mối quan hệ có ý nghĩa lớn lao đang vươn rễ, ngọn lửa lòng đã được nhen nhóm lại. Dina giận lắm, nhưng cô gắng hết sức để không cau mày khi rót trà hay mang bánh xăng-uych ra. Khi khách đã ra về, Nusswan không quên bồi thêm những lời bóng gió đầy sức nặng. Anh ta khen ngoại hình của người này, tán dương triển vọng sự nghiệp của người kia, hoặc nhắc nhỡm về món thừa kế sắp rơi vào tay một người khác nữa.

Sau bốn tháng khách khứa đi về dập dìu mà Dina vẫn chưa bộc lộ một tín hiệu hợp tác nào, Nusswan bắt đầu mất kiên nhẫn. “Anh đã mềm mỏng, anh đã tử tế, anh đã cư xử hợp tình hợp lý. Nhưng em còn chờ gặp quý tử của ông hoàng bà chúa nào nữa đây? Anh giới thiệu người nào, em cũng quay ngoắt đi rồi bỏ ra chỗ khác. Em muốn cái gì đây?”

“Không gì cả.”

“Sao em có thể không muốn gì cả? Cả cuộc đời em sẽ chỉ là con số không mà thôi! Tỉnh táo lại đi em!”

“Em biết anh làm tất cả cũng vì em, nhưng em không có hứng.”

Câu trả lời ấy lại nhắc Nusswan nhớ về Dina của ngày xưa, đứa em gái nhỏ vô ơn. Anh ta ngờ rằng cô khinh thường mấy người bạn của mình. Mà toàn những người tử tế chứ có phải không đâu. Không sao, anh ta sẽ không để cô chọc giận mình.

“Tốt thôi. Anh nói rồi, anh là người biết lẽ phải trái. Nếu em không thích mấy người đó, không ai ép em làm gì. Tự em tìm lấy đi. Hoặc ta có thể thuê một người mai mối. Anh nghe nói bà Ginwalla có tiếng là làm mối mát tay đấy. Em nói xem, em thích kiểu người như thế nào?”

“Em không muốn tái giá sớm đến thế.”

“Sớm? Thế này mà em bảo là sớm ư? Em đã hai mươi sáu tuổi rồi. Em còn mong chờ điều gì nữa? Mong Rustom sống lại như một phép màu ư? Coi chừng đấy, kẻo em lại hóa điên như dì Bapsy thôi. Ít ra dì ấy còn có một lý do chính đáng, vì sau vụ nổ ở bến cảng, người ta chưa bao giờ tìm thấy thi thể của chồng dì ấy.”

“Sao anh lại nỡ nói những lời kinh khủng như vậy?” Dina quay đi, mặt không giấu nổi vẻ ghê tởm và rời khỏi phòng.

Khi vụ việc xảy ra, Dina vẫn còn rất bé, nhưng cô vẫn nhớ rõ ngày ấy. Đó là vào thời chiến, hai con tàu chở đạn dược của Anh bị nổ tung ngay sau khi cập cảng, giết chết hàng ngàn người trong một bán kính rất rộng quanh bến cảng. Tin đồn về bọn gián điệp của Đức Quốc Xã đã bắt đầu lan tràn từ khi những đọt cháy nổ còn chưa kết thúc. Các nhà chức trách nói rằng rất nhiều người chưa xác định được danh tính đã tan xác trong vụ nổ kinh hoàng, nhưng dì Bapsy không chịu chấp nhận cách giải thích này. Bà có cảm giác chồng mình vẫn còn sống, còn đang lang thang trong trạng thái lơ đãng ở một nơi nào đó, và rồi sớm muộn gì người ta cũng tìm ra ông. Hoặc giả, dì Bapsy đồ rằng ông đã bị một gã đạo sĩ khốn nạn thôi miên hoặc bỏ bùa mê thuốc lú rồi bắt làm nô lệ. Dù thế nào, bà cũng tin rằng chồng mình sẽ sớm được tìm thấy. Mười bảy năm trời đã qua đi kể từ ngày tai họa kia ập đến, song niềm tin của bà vẫn không hề suy suyển. Cả ngày bà chỉ ngồi thao thao bất tuyệt với tấm ảnh của chồng, được đóng trong chiếc khung bạc nặng trĩu đặt bên cạnh giường. Bà tường thuật tỉ mỉ cho chồng nghe mọi tin tức, mọi chuyện ngôi lê đôi mách trong ngày.

“Chính kiểu cư xử ỨC CHẾ của em làm anh nghĩ đến dì Bapsy,” Nusswan đi theo Dina sang tận phòng bên. “Em thì có lý do gì cơ chứ? Em đã có mặt ở đám tang, đã nhìn thấy thi thể Rustom, đã nghe người ta cầu nguyện cho chú ấy. Chú ấy đã chết và đã rửa thối mục xương được hơn một năm nay rồi.” Vừa nói dứt miệng, anh ta vội đưa mắt nhìn lên trời để cầu xin sự tha thứ cho những lời bất kính ấy.

“Em có biết mình may mắn thế nào vì được sống trong cộng đồng này không? Ở xứ của những kẻ mông muội, các góa phụ bị ruồng rẫy chẳng khác nào rác rưởi. Nếu em theo đạo Hindu, thì như tục lệ ngày xưa, em đã phải nhảy vào đống lửa thiêu mà chết theo chồng rồi đấy.”

“Em sẵn lòng lên Tháp Bình Yên cho lũ kền kền xé xác bất cứ lúc nào, nếu điều đó làm anh vui lòng.”

“Đồ đàn bà vô liêm sỉ! Sao em dám ăn nói như thế! Thật quá báng bố! Anh muốn nhắc cho em nhớ, rằng hãy biết trân trọng hoàn cảnh của mình. Em vẫn còn có thể sống một cuộc đời viên mãn, vẫn có thể tái hôn, sinh con đẻ cái. Hay em muốn ăn bám anh suốt đời?”

Dina không nói gì. Nhưng đến ngày hôm sau, khi Nusswan còn đang ở sở, cô bắt đầu chuyển dần tư trang của mình về lại căn hộ của Rustom.

Ruby cố can ngăn em chồng, chị ta đi theo cô hết từ phòng nọ sang phòng kia, miệng không ngớt van vãn: “Em còn lạ gì bản tính nóng nảy của anh ấy nữa. Anh ấy nói thế thôi,

chứ trong bụng chẳng nghĩ ngợi gì đâu!”

“Anh ấy còn chưa nói hết những gì mình nghĩ trong bụng đâu!” Cô đáp, và tiếp tục gói ghém đồ đạc.

Tối hôm đó, Ruby vội đem chuyện kể lại với Nusswan. “Ha!” Anh ta cười khẩy, cố nói thật to để Dina nghe thấy. “Nếu nó muốn, cứ để cho nó đi. Để xem nó tự nuôi thân bằng cách nào!”

Sau bữa tối, khi mọi người vẫn còn ngồi quanh bàn, anh ta dặng hắng: “Với tư cách là chủ gia đình, anh có nghĩa vụ phải nói với em rằng anh rất không bằng lòng với những việc em đang làm. Em đang mắc một sai lầm rất lớn, rồi em sẽ phải hối hận đấy. Cuộc sống ngoài kia khắc nghiệt lắm, mà anh cũng không nài xin em ở lại đâu. Em luôn được chào đón ở đây, chỉ cần em biết điều hơn lẽ thiệt.” “Cảm ơn bài diễn văn của anh,” Dina nói.

“Ừ, cứ việc giấu cọt anh đi. Em đã quen làm thế cả đời rồi, có gì bây giờ lại thôi? Nhớ lấy, đây là quyết định của chính em, chẳng ai đuổi em đi cả. Sẽ chẳng có người họ hàng nào trách cứ gì anh được, anh đã làm tất cả mọi việc có thể để giúp em rồi. Và anh sẽ tiếp tục làm thế.”

Chẳng bao lâu sau, lũ trẻ đã hiểu ra rằng cô Dina sắp chuyển đi. Thoạt đầu đứa nào đứa nấy còn ngơ ngác, rồi chúng nổi giận. Xerxes giấu túi xách của cô đi và gào lên: “Không! Cô không được đi!” Khi cô dọa sẽ bỏ đi mà không thèm mang túi theo, thằng bé mới chịu đem chiếc túi ra, nước mắt nước mũi giàn giụa.

“Lúc nào các con cũng có thể đến chơi với cô.” Cô ôm hai đứa vào lòng và lau khô nước mắt, cố an ủi chúng. “Vào thứ Bảy và Chủ Nhật. Và cả trong các kì nghỉ nữa. Lúc đó sẽ vui lắm đấy!” Nghĩ đến viễn cảnh ấy, đứa nào cũng háo hức, song chúng vẫn thích cô ở đây luôn với mình hơn.

Ngay buổi sáng đầu tiên sau khi dọn về căn hộ của mình, Dina tới thăm chú Darab và thím Shirin của Rustom. “Darab! Mình xem ai tới kìa!” Thím Shirin reo lên hoan hỉ. “Dina thân yêu của chúng ta đấy! Vào đây con, vào đây!”

Chú Darab vội chạy ra, trên người vẫn bận nguyên bộ pyjama, và ôm chầm lấy Dina. Ông nói cả hai vợ chồng đã chờ ngày này từ lâu lắm rồi. “Con thứ lỗi cho bộ dạng của chú nhé!” Ông nói, đoạn ngồi xuống trước mặt cô và nở nụ cười rạng rỡ.

Lần nào Dina cũng không khỏi cảm động trước thái độ vui mừng của chú thím khi được gặp cô. Cô có cảm giác tình yêu thương của họ tưới tắm khắp cơ thể mình hết như thứ gì đó có thể sờ mó được. Nó khiến cô nhớ đến lần cô được mẹ cho tắm sữa vào ngày sinh nhật, khi vẫn còn bé xíu. Lúc ấy, nửa cốc sữa ấm với vài cánh hồng thả trôi bông bênh từ từ đổ xuống mặt, xuống cổ, xuống ngực cô, chảy thành từng dòng trắng muốt trên làn da bánh mật của cô.

“Việc khó nhất,” cô kể, “là chia tay hai thằng bé. Con quán chúng nó lắm.”

“Ừ, đối với bọn trẻ bao giờ cũng vậy,” thím Shirin gật gù. “Con ạ, Rustom đã kể cho chú thím nghe chuyện anh trai con đã đối xử với con tệ bạc thế nào trong những năm trước khi hai con lầy nhau.”

“Anh ấy không phải người xấu.” Dina chống chế. “Chỉ là anh ấy có cách nhìn nhận của riêng mình đối với mọi chuyện thôi.”

“Phải, tất nhiên rồi,” thím Shirin nói, bà cảm nhận được ngay sức nặng của tình ruột

thịt. “Dù thế nào đi nữa, con có thể ở đây với chúng ta. Thấy con đến, chú thím mừng lắm.”

“Ôi,” Dina vội nói, sợ rằng mình sẽ gây thêm hiểu lầm cho chú thím. “Thực ra, con đã quyết định từ nay sẽ về sống ở căn hộ của anh Rustom. Con chỉ đến đây để nhờ chú thím tìm cho con ít công việc thôi.”

Nghe thấy thế, miệng chú Darab bắt đầu giật giật. Ông gắng gỏi nuốt trôi nỗi thất vọng đột nhiên dâng đầy họng mình, những tiếng lục đục khe khẽ do ông tạo ra phá vỡ bầu không khí trầm lặng; trong khi thím Shirin mân mê vạt chiếc áo khoác nhẹ trong vô vọng. “Công việc,” bà lẩm bẩm ngây dại, đầu óc không nghĩ nổi chuyện gì nữa. “Con yêu... phải, công việc, con phải làm việc chứ. Việc gì nhỉ, Darab? Mình nghĩ xem, có việc gì cho cháu nó làm không?”

Dina chờ đợi câu trả lời của ông chú trong im lặng tội lỗi. Nhưng ông vẫn còn đang vật lộn với cục nghẹn trong miệng. “Mình đi thay quần áo đi!” Thím Shirin bèn quở. “Trưa trưa trưa trật ra rồi mà mình vẫn còn mặc nguyên bộ đồ ngủ thế ư?”

Ông ngoan ngoãn đứng dậy và đi vào nhà trong. Thím Shirin buông vạt áo ra, xoa hai tay lên mặt, và ngồi thẳng dậy. Khi chú Darab trở ra, bộ pyjama được thay bằng chiếc quần kaki và chiếc áo sơ mi rộng có túi ngực, bà đã kịp phác thảo những bước đầu của một giải pháp dành cho Dina.

“Nói thím nghe, con có biết khâu vá không?”

“Con có biết chút ít. Chị Ruby đã dạy con cách dùng máy khâu.”

“Tốt. Thế là có việc cho con rồi. Thím có một chiếc máy Singer còn rồi, con lấy mà dùng. Máy hơi cũ, nhưng vẫn chạy tốt lắm.”

Suốt nhiều năm nay, thím Shirin vẫn kiếm thêm đồng ra đồng vào phụ cho khoản lương ông chồng nhận được từ Công ty vận tải quốc gia nhờ việc may vá cho vài gia đình. Bà may những món đồ đơn giản như pyjama, váy ngủ, quần áo trẻ con, ga trải giường, vỏ gối, khăn trải bàn. “Con có thể làm cùng thím,” bà nói. “Việc nhiều lắm, thím làm không xuể, tại mắt mũi thím giờ kém quá rồi. Ngày mai ta bắt đầu luôn nhé!”

Dina cầm túi lên và ôm lấy thím Shirin cùng chú Darab. Hai vợ chồng tiễn cô ra cửa trước. Bỗng một cơn chấn động ngoài phố kéo họ lên ban công. Một đoàn người biểu tình đông nghịt đang dồn dập đổ xuống đường.

Nhìn qua mấy tấm băng rôn, biểu ngữ, chú Darab nói: “Lại một vụ biểu tình ngớ ngẩn vì chuyện ngôn ngữ đây mà. Bọn điên cứ đòi chia đất nước theo biên giới ngôn ngữ!”

“Ai cũng muốn thay đổi cái nọ cái kia,” thím Shirin chắt lưỡi. “Sao người ta không chịu học cách bằng lòng với mọi sự như nó vốn có nhỉ? Thôi, ta vào nhà đi! Dina không về ngay được đâu. Giao thông tê liệt hết rồi còn gì.” Bà nói giọng hồ hởi, và sung sướng tận hưởng thêm hai tiếng nữa có Dina bên cạnh, cho tới khi đường phố trở lại bình thường.

Suốt mấy ngày tiếp đó, Dina được đưa đi khắp nơi để chào các khách hàng. Đến mỗi nhà, cô đứng lóng ngóng bên cạnh thím Shirin và nở nụ cười ngượng ngùng, cố gắng ghi nhớ hàng loạt những cái tên cùng các chỉ dẫn may mặc. Thím Shirin liên tục chuyển các đơn hàng mới sang cho cô.

Đến cuối tuần ấy, Dina bèn lên tiếng phản đối: “Con không thể nhận nhiều đơn hàng như thế được, con sẽ cướp hết nguồn thu của thím mất!”

“Con thân yêu, con chẳng cướp gì của thím hết. Lương hưu của chú Darab đủ cho cả hai chúng ta chi dùng. Đằng nào thím cũng định nghỉ hưu rồi mà. Việc nặng quá, thím không kham nổi. Đây, đừng quên mẫu may mới này nhé!”

Ngoài các đơn hàng, thím Shirin cũng cung cấp thêm những thông tin ngoài lề về các khách hàng để giúp Dina dễ bề làm ăn với họ. “Nhà Munshi là dễ chịu nhất, luôn luôn trả tiền đúng hạn. Cả nhà Parekh cũng vậy, có điều họ thường hay mặc cả mặc lể. Con phải kiên quyết vào, cứ nói thím đã đặt giá cứng rồi. Ai nữa nhỉ? Phải rồi, ông Savukshaw. Ông này phải cái tật rượu chè be bét lắm. Cứ đến cuối tháng là bà vợ khốn khổ lại chẳng còn đồng nào trong túi cả. Con nhớ bắt họ ứng tiền trước.”

Chuyện nhà Surtee lại khá kì khôi. Cứ khi nào hai vợ chồng có chuyện cãi lộn, bà vợ lại đình công không thêu nấu cơm tối nữa. Thay vào đó, bà ta lôi hết mấy bộ pyjama của ông chồng cất trong tủ ra và châm lửa đốt, rồi gom hết tro cùng vụn than lại đem dọn lên đĩa mời ông xơi khi ông đi làm về.

“Kết quả là,” thím Shirin nói, “con lại càng có nhiều việc để làm. Cứ chừng hai, ba tháng một lần, làm lành với nhau xong, bà Surtee sẽ đặt con một đơn hàng pyjama rất lớn. Nhưng con phải vờ như không có chuyện gì; nếu không, bà ta sẽ cách mặt con ra ngay.”

Bộ sưu tập chân dung các gia đình của Dina dày lên thêm khi thím Shirin tiếp tục mô tả cho cô nghe về vợ chồng Davar và Kotwal, Mehta và Pavri, Vatcha và Seervai, và đưa họ vào danh sách khách hàng. “Phải nghe hết những chuyện tũn mủn này chắc con chán lắm,” bà nói. “Còn một điều nữa thôi, và cũng là điều quan trọng nhất: Đừng bao giờ lấy số đo đồ lót cho các khách nam. Cứ xin họ đồ mẫu để may theo. Nếu không được, con nhớ chỉ được đo cho họ khi có mặt một người khác: vợ hoặc mẹ hoặc em gái họ. Nếu không, trước khi con kịp hiểu chuyện gì đang xảy ra, họ đã kịp uốn éo, xoay xỏa và dí vào tay con cái của nợ mà con chẳng hề mong muốn rồi. Tin thím đi, hồi còn trẻ dại, thím đã gặp chuyện kinh tởm này một lần rồi.”

Lời khuyên sau chót này được đặt lên hàng đầu trong tâm trí Dina khi cô được đưa đến gặp Fredoon, một người đàn ông độc thân sống một mình. Thím Shirin cảnh báo cô không được đến nhà anh ta một mình. “Quả anh ta là người đường hoàng lịch thiệp thật đấy, nhưng miệng lưỡi thế gian độc địa lắm. Họ sẽ rêu rao rằng hẳn đang có chuyện mờ ám chi đây. Danh dự của con sẽ bị bôi nhọ mất!”

Dina không quan tâm đến miệng lưỡi thế gian và cũng không cảm thấy bất kì mối nguy hiểm nào từ phía Fredoon, mặc dù cô đã chuẩn bị sẵn tinh thần từ chối nếu anh ta có đề nghị cô lấy số đo đồ lót cho mình. Để dì Shirin an tâm, cô nói rằng lúc nào mình cũng đi cùng một người bạn. Nhưng cô không nói rằng người bạn đó chính là Fredoon. Vì anh đã sớm trở thành một người như vậy. Đơn hàng của anh ta chủ yếu bao gồm váy yếm, quần soóc và yếm dài trẻ con; để giúp Dina, anh lấy quần áo làm quà tặng sinh nhật cho con cái của những người bạn bè và họ hàng thay vì những phong bì lền đầy tiền.

Tình bạn của họ ngày càng khăng khít hơn. Dina thường đi theo anh ta đến cửa hàng vải để giúp anh chọn lựa chất liệu cho các món quà. Mua sắm xong, họ ghé vào cửa tiệm Bastani's để uống trà và ăn bánh. Có khi, Fredoon mời cô về nhà mình để ăn tối, anh hay mua thịt cừu rán hoặc thịt lợn nấu cà ri trên đường về. Anh luôn khuyến khích cô thử may những mẫu váy trẻ em mới, thường ra sức bảo vệ quyền lợi cho cô trước các khách hàng, đòi họ phải trả công cao hơn.

Chỉ sau vài tháng, Dina đã thấy tự tin hơn hẳn về khả năng của mình. Công việc may vá khá dễ dàng, nhờ sự dạy dỗ của chị dâu cô. Nếu có chỗ nào khó, cô sẽ nhờ thím Shirin giúp.

Những cuộc viếng thăm của cô khiến hai ông bà già vui lắm, cô thường xuyên lui tới, vờ như mình mắc mứu chỗ này chỗ kia: cổ áo viền đăng ten, tay áo may liền, ly xếp.

Quá trình may vá thường nhật thải ra rất nhiều vải vụn, thím Shirin bảo cô nên gom chúng lại. “Đừng bỏ phí thứ gì. Con hãy nhớ, cái gì cũng có chỗ dùng được. Mấy mảnh vụn này có thể hữu ích lắm đấy.” Bà nhanh nhẹn minh họa bằng cách may một miếng băng vệ sinh lớn nhón.

“Quả là một ý tưởng hay!” Dina thốt lên. Túi tiền của cô cần viện đến mọi sự trợ giúp có thể. Lốp ruột băng vải thấm hút không tốt bằng những loại băng vệ sinh cô từng mua, nhưng được cái có thể thay thường xuyên hơn vì chúng chẳng tốn đồng nào. Dầu vậy, để phòng xa, cô luôn mặc một chiếc váy thật tối màu khi đến kì kinh.

Công việc khiến thời gian trôi qua rất nhanh trong căn nhà nhỏ. Khi đôi mắt và những ngón tay chìm đắm trong công việc may vá, cô dần dần thiết lập được ý thức rõ rệt đối với những tiếng động phát ra từ những căn hộ ở xung quanh mình. Cô gom góp những âm thanh, phân loại chúng, tái hiện chúng, và vẽ ra một bức tranh về đời sống của hàng xóm láng giềng, hết như cách cô biến những số đo thành quần áo.

Chính sách đối đãi với hàng xóm của Rustom là tránh càng xa càng tốt. Anh thường nói, chỉ dăm câu chào hỏi xã giao là đủ, thân quá lại sinh ra đủ chuyện ngồi lê đôi mách thì phiền phức lắm. Song tiếng rửa xoong chảo, tiếng chuông cửa reo, tiếng mặc cả với người bán dạo, tiếng giặt ủi, tiếng quần áo bị đập, nhúng trong chậu nước xà phòng, tiếng vợ chồng cự cãi nhau, tiếng chủ nhà đòi co với người làm, dường như tất cả những âm thanh đó cũng giống một kiểu ngồi lê đôi mách. Và cô nhận ra rằng tiếng động phát ra từ chính căn hộ của mình cũng sẽ rót vào tai hàng xóm câu chuyện về cuộc sống của cô, nếu họ chịu lắng nghe. Chẳng có cái gì gọi là riêng tư tuyệt đối cả, cuộc sống là một tấn tuồng bất tận với những khán giả bất đắc dĩ.

Đôi khi, thú vui đi xem hòa nhạc miễn phí của ngày xưa vẫn khiến cô tiếc nhớ, nhưng cô lại ngại ngần không muốn quay lại với nó. Bất cứ thứ gì mang màu sắc của một sự bầu vịu vào những ngày quá vắng đều khiến cô cảnh giác. Con đường dẫn đến tự chủ có khi nào đi qua quá khứ?

Dần dà, khi công việc may đo đã trở thành một thói quen dễ chịu đối với Dina, thím Shirin bắt đầu dạy cô đan áo len. “Thường không có mấy đơn đặt may đồ len,” bà nói, “nhưng vẫn có người đặt để mặc làm dáng, hoặc mua nhân dịp đi chơi núi vào ngày nghỉ.” Khi hai thím cháu học đến những kiểu mẫu phức tạp, thím Shirin cho cô xem cả bộ sưu tập sách mẫu thiết kế và kim đan của mình.

Cuối cùng, bà hướng dẫn Dina môn thêu thùa với một lời cảnh báo: “Khăn ăn và khăn phủ bàn trà thêu tay rất được chuộng, mà công xá cũng hơi nữa. Nhưng làm việc này hại mắt ghê lắm. Đừng tham làm, kéo đến sau bốn mươi tuổi con sẽ phải lãnh hậu quả đấy!”

Khi thím Shirin qua đời ba năm sau đó, rồi chú Darab cũng đi theo vợ sau vài tháng, Dina đã vững tin mình có thể tự xoay sở được. Cô cũng cảm thấy rất cô quạnh, như thể mình vừa mất đi những người cha mẹ thứ hai vậy.

Trái với khẳng định của Nusswan rằng không một ai có thể trách cứ anh ta về sự ra đi của Dina, họ hàng nhanh chóng chia thành hai phe. Một ít số còn lại, tự nhận là theo trường phái trung dung, cảm thấy hoàn toàn thoải mái dù đứng ở phía nào. Song ít nhất một nửa trong số đó hết sức ủng hộ Dina. Để bày tỏ thái độ đồng tình đối với tinh thần độc lập tự chủ của cô, họ hiến cho cô vô số ý tưởng kiếm tiền.

“Bánh quy bơ. Tiền bạc là ở đấy chứ đâu.”

“Sao cháu không mở một cái nhà trẻ tư? Bà mẹ nào cũng sẽ rất an tâm nếu được giao con cái mình vào tay cháu, thay vì phó thác cho người giúp việc.”

“Cứ chế nước hoa hồng mà bán, em sẽ không phải hối hận đâu. Người ta lại chẳng tranh nhau mua cả lít ấy à?”

Dina lắng nghe tất cả những ý kiến ấy với lòng biết ơn, đầu gật gù ra chiều thích thú trong khi những người họ hàng thao thao bất tuyệt về kế hoạch của mình. Cô dần trở thành dân chuyên về khoản gặt đầu không đi kèm cam kết thực hiện. Khi đơn hàng may đo thua thót, cô lại làm bánh kem, bánh quy trứng, kẹo vasanu, bánh sữa chua theo yêu cầu của họ.

Rồi cô bạn Zenobia bỗng nảy ra sáng kiến mở dịch vụ cắt tóc tại nhà cho trẻ con. Zenobia đã thực hiện được ước mơ từ thời cấp sách: Hiện cô đã là thợ làm tóc chính ở Thẩm mỹ viện Venus. Sau khi cửa tiệm đóng cửa vào buổi tối, cô luyện tay nghề cho Dina trên một bộ tóc giả gắn vào chiếc sọ giả bằng thạch cao. Chiếc lược thường bị mắc giữa những lọn tóc rối của mớ bù nhùi rẻ tiền.

“Đừng lo,” cô trấn an Dina. “Làm việc trên tóc thật dễ hơn nhiều.” Từ tiền lãi của cửa hàng, cô sắm một bộ kéo, tông đơ, chổi, lược, bột tan, và nút xốp. Sau đó họ lên danh sách những bạn bè và họ hàng có con nhỏ có thể lấy làm chuột bạch. Tên của Xerxes và Zarir bị loại bỏ; dù rằng Nusswan có thể sẽ hoan nghênh cơ hội tiết kiệm được vài đồng tiền cắt tóc, bởi Dina cảm thấy không thoải mái khi đứng trong nhà anh trai.

“Cứ bám theo đuôi bọn nó, từng đứa một, đến khi nào tĩa xong cả mớ bù xù trên đầu thì thôi!” Zenobia nói. “Vấn đề chỉ còn là thực hành nữa thôi.” Cô giám sát thành quả của mỗi lần cắt; và chẳng bao lâu sau, cô tuyên bố Dina đã học thành tài và đã sẵn sàng. Giờ Dina bắt đầu đi đến từng nhà.

Tuy nhiên, chỉ sau vài ngày, liên doanh của hai người sụp đổ vì không có lấy một khách hàng nào. Cả cô lẫn Zenobia đều không nhớ ra rằng đa phần mọi người coi việc cắt tóc ngay trong tư gia của mình là điều xui xẻo khủng khiếp. Dina đem chuyện không may này thuật lại với bạn, kể rằng chỉ riêng ý nghĩ tóc rơi xuống sàn nhà cũng đủ khiến các khách hàng tiêm năng nhảy dựng lên như phải bỏng. “Cô ơi, cô không biết nghĩ hay sao? Gia đình tôi đã làm gì sai quấy với cô, để đến nỗi cô muốn mang vận xui đến nhà tôi thế?”

Vẫn có vài người muốn cô cắt tóc cho con mình. “Nhưng với điều kiện cô phải cắt ngoài đường.” Họ nói. Dina từ chối. Những việc cô sẵn sàng làm cũng có giới hạn của nó. Cô là một nhà tạo mẫu tóc cho trẻ em tại gia, không phải là tay hớt tóc dạo ngoài vỉa hè.

Sau vụ đó, cô không phải “treo tông đơ” vĩnh viễn. Con cái của các bạn bè cô vẫn có nhiều dịp được nhờ cậy tài của cô. Có vài đứa bé trai và bé gái, nhớ đến mấy lần bị lôi ra cắt tóc thí nghiệm, đều trốn biến đi khi đi Dina đến. Dần dần, khi tay nghề của cô khá lên, bọn trẻ cũng bớt sợ đi.

Trong khoảng thời gian này, cũng có những đặn khốn khó khi cô không trả nổi tiền thuê nhà hay hóa đơn tiền điện. Hồi còn sống, thím Shirin và chú Darab thường đỡ đần cô bằng một khoản vay chừng bốn, năm mươi rupi. Giờ đây người duy nhất cô có thể trông vào là Nusswan.

“Tất nhiên là được, đó là nghĩa vụ của anh mà!” Anh ta nói với giọng đầy thiện chí. “Em nghĩ sáu mươi rupi đã đủ chưa?”

“Đủ rồi, cảm ơn anh. Tháng sau em sẽ trả.”

“Có vội gì đâu. Nói anh nghe xem, em đã tìm được đối tượng nào chưa?”

“Chưa ạ,” cô đáp, trong bụng tự hỏi không biết anh mình có nghi ngờ gì về Fredoon không. Phải chăng đã có ai đó nhìn thấy hai người đi với nhau và mách lại với Nusswan?

Trong vòng hai năm kể từ ngày thím Shirin mất, người đàn ông độc thân nọ đã thay đổi vị thế từ bạn trở thành tình nhân. Mặc dù Dina vẫn khó mà cảm thấy hào hứng cho nổi trước ý tưởng về một đám cưới, song cô rất vui vì có Fredoon bầu bạn cùng, vì anh ta hoàn toàn bằng lòng với việc được ở bên cô mà không có cảm giác cần phải nghĩ ra những chuyện thú vị để nói với nhau hoặc phải tham gia vào những hoạt động xã hội thường thấy ở các cặp yêu nhau. Dù là ngồi chơi trong căn hộ của anh ta hay đi dạo ngoài công viên, cả hai đều thấy vui sướng như nhau.

Nhưng khi họ dẫn bước vào khu vườn riêng kín của ái ân, mối quan hệ bỗng trở nên khúc khuỷu. Có một số chuyện cô không thể nào ép mình làm nổi. Chiếc giường, bất cứ chiếc giường nào, đều nằm ngoài giới hạn, nó quá thiêng liêng và chỉ dành cho những cặp đã nên vợ nên chồng. Vì vậy họ đành dùng ghế tựa. Rồi đến một ngày nọ, khi cô giăng một chân ra để kẹp Fredoon vào, hành động ấy đột nhiên làm sống lại hình ảnh Rustom vòng chân qua để nhảy lên xe đạp. Thế là ghế tựa, cũng như giường, không thể được trọng dụng nữa.

“Trời đất ơi!” Fredoon khẽ rên lên. Đoạn anh ta mặc quần lại và đi pha trà.

Vài ngày sau, anh thuyết phục Dina thử tư thế đứng, Dina không phản đối. Anh bắt đầu giản tiện các thủ tục hết mức có thể. Anh tìm một chiếc bệ thấp để cô đứng lên; nhờ thế chiều cao của hai người trở nên tương xứng hơn khi họ ôm nhau. Sau đó anh mua một chiếc ghế đầu, lấy vải số đo cá nhân, và cửa đi đúng năm phân rưỡi chân ghế, chỉnh xuống kích cỡ phù hợp để cô có thể đặt một chân lên đó. Có lúc cô giơ chân trái lên, lúc lại giơ chân phải. Anh ta kê những món phụ trợ này sát tường và dùng dây từ trên trần xuống để treo toong teng mấy chiếc gối ở một độ cao vừa phải để cô tựa đầu, lưng, và hông.

“Thế này có thoải mái không?” Anh dịu dàng hỏi, cô gật đầu.

Nhưng cảm giác thỏa mãn tốt bậc mà chiếc giường mang lại chỉ có thể được mô phỏng phần nào. Thứ lẽ ra chỉ là món ăn đồi bữa để điểm thêm vào thực đơn hàng ngày giờ đã trở thành món chính, khiến vị giác thường rơi vào trạng thái hoang mang hoặc bất toại.

Bức tường đối diện trong căn phòng của Fredoon có một ô cửa sổ nhỏ. Bên ngoài là cột đèn đường. Có một bận, vào lúc nhập nhoạng tối, khi đôi bên đang bị khóa chặt với nhau trong cuộc làm tình theo chiều thẳng đứng, trời bắt đầu đổ mưa. Mùi hương vườn tược ẩm ướt tràn vào qua cửa sổ. Qua đôi mắt lim dim, Dina thấy bụi mưa bay bay quanh ngọn đèn đường như một lớp sương. Thỉnh thoảng, một bàn tay, khuỷu tay, hoặc bờ vai trượt ra ngoài gối, quệt lên bức tường trần trụi, chất xi măng mát lạnh đến tê mê trên da thịt nóng hổi của hai người.

“Ư ư...” Cô khẽ rên lên, khoan khoái tận hưởng bằng mọi giác quan. Fredoon sung sướng lắm. Mưa càng lúc càng nặng hạt. Cô thấy những tia mưa xiên chênh chếch qua cột đèn đường.

Cô nhìn lom lom một lúc, rồi toàn thân bỗng cứng đờ. “Dừng lại đi anh,” cô thì thầm, nhưng anh ta vẫn không ngừng thúc tới.

“Dừng lại, em bảo mà! Xin anh, Fredoon, dừng lại đi!”

“Sao thế em?” Anh ta van vãn. “Sao thế? Có chuyện gì à?”

Cô co rúm lại. “Cơn mưa...”

“Mưa à? Nếu em muốn, anh sẽ đóng cửa sổ lại.”

Cô lắc đầu. “Em xin lỗi, lại có thứ làm em nhớ tới Rustom.”

Anh ta đưa hai bàn tay áp lên mặt cô, nhưng cô vội gạt ra. Cô trườn khỏi vòng tay anh và trôi vào kí ức về buổi đêm xa xôi hôm nào: Cô khoác trên mình chiếc áo mưa của Rustom; chiếc ô nát tươm vì bão giông xé. Và sau buổi hòa nhạc, dưới nhà chờ xe buýt, họ đã nắm tay nhau lần đầu tiên, lòng bàn tay ướt đầm vì cơn mưa mau hột.

Nhớ đến sự thuần khiết của khoảnh khắc ấy, Dina càng thấy hiện thực sao quá trái ngược. Việc cô và Fredoon đang làm trong căn phòng này chẳng khác nào một thứ thủ tục bùng nhùng, nhớp nhúa, khiến cô chìm ngập trong cảm giác hổ thẹn và ghê tởm. Cô rùng mình.

Fredoon lặng lẽ lấy áo ngực và quần lót đưa cho Dina. Cô rùn người, nép sâu vào bức tường lót gối trong khi mặc, cố tách xa khỏi anh. Còn anh xỏ quần vào và đi pha trà.

Sau đó, anh ta ra sức pha trò để giúp cô vui lên. “Trong mấy bộ phim vợ vãn, cơn mưa luôn làm nhân vật nam chính và nữ chính xích lại gần nhau hơn kia mà,” anh ta than thở. “Nhưng từ rày về sau, nó lại thành vận xui của đời anh rồi.” Thấy cô mỉm cười, anh ta thêm vững dạ. “Em đừng lo, anh sẽ dỡ mớ này ra và thiết kế một hệ thống khác cho hai ta.”

Fredoon không bỏ cuộc. Song bất chấp mọi nỗ lực sáng tạo và công cuộc bí mật tra cứu đủ loại sách vở về tình dục, quá khứ vẫn không thể bị cách ly hoàn toàn. Anh ta nhận ra rằng, đó là một vật thể trơn chuội, thường len vào thực tại trong những thời điểm không ngờ tới nhất, có khả năng len lách qua mọi tấm lưới phòng ngự bền chắc nhất.

Song anh ta không bao giờ phản nản lấy nửa câu, Dina rất thích anh ta ở điểm này. Cô quyết tâm giữ bí mật về anh ta trước Nusswan, càng lâu càng tốt.

“Vẫn chưa kiếm được mối nào à?” Nusswan hỏi, tay giở ví đếm tiền. “Nên nhớ, em đã ba chục tuổi đầu rồi đấy. Để quá đi thì chẳng còn sinh nở gì được đâu. Anh vẫn có thể kiếm được cho em một tấm chồng tử tế. Em cứ phải đầu tắt mặt tối mãi thế làm gì?”

Cô bỏ sáu mươi rupi vào túi và để mặc ông anh muốn nói gì tùy thích. Coi như đó là món lãi anh ta thu được từ khoản cho vay của mình, cô thầm nghĩ một cách rất triết lý như thế – hơi đắt, nhưng đó là loại tiền tệ duy nhất cô có khả năng trả và được anh ta chấp nhận.

Chiếc đàn vi-ô-lông đã nằm yên trên nóc tủ suốt năm năm trời. Trong những dịp dọn dẹp diễn ra nửa năm một lần, khi Dina buộc một tấm vải trắng lên đầu và quét tường cùng trần nhà bằng chiếc chổi cán dài, cô chỉ phất qua nóc tủ mà không hề dịch chuyển chiếc hộp đen.

Trong sáu năm tiếp theo, cô tiếp tục áp dụng chiến lược cũ đối với cây đàn vi-ô-lông, tức là hầu như không thừa nhận sự tồn tại của nó. Nay đã là ngày giỗ thứ mười hai của chồng. Cô quyết định, đã đến lúc bán cây đàn đi. Tốt hơn hết nên để ai đó sử dụng nó, lấy nó tấu nhạc, thay vì để mặc nó bám bụi như thế. Cô bắc ghế đứng lên và nhấc hộp đàn xuống. Khi được ngón tay cô gạt lên, những chiếc khóa kim loại han gỉ kêu ken két. Cô mở nắp hộp ra, kinh ngạc.

Phần hộp đàn xung quanh lỗ f đã vỡ nát. Bốn sợi dây buông chùng ẻo lả giữa chốt mắc

và núp lên dây, lớp nỉ lót hộp rách tướp vì bị lũ côn trùng háu đói gặm nhấm nhỏ. Những vụn vải đỏ tía bám vào tay cô. Ruột cô bỗng cồn lên. Tay run run, cô nhấc chiếc vĩ ra khỏi rãnh gài trên nắp hộp. Túm lông đuôi ngựa phát phơ bám vào một đầu vĩ, nom hết như một cái đuôi ngựa mỏng quệt; cả túm còn chưa tới chục sợi lông lạnh lặn. Cô bỏ tất cả trở lại hộp và quyết định mang nó tới cửa hiệu L. M. Furtado & Co.

Trên đường đi, cô phải trú tạm trong một thư viện để tránh đợt càn quét chóng vánh của đoàn người biểu tình. Họ đập phá cửa sổ các cửa hiệu, gào thét những khẩu hiệu phản đối cơn lũ người Nam Ấn đang đổ về thành phố, cướp đi công ăn việc làm của mình. Xe cảnh sát trở tới, đám người biểu tình kết thúc công việc rồi ai về nhà nấy. Dina chờ thêm vài phút nữa mới dám rời khỏi thư viện.

Ở cửa hiệu L. M. Furtado & Co., ông Mascarenhas đang đôn đốc người làm dọn dẹp ô cửa sổ ốp kính lớn, những mảnh vỡ vung vãi quanh hai cây ghi-ta, một chiếc đàn banjo, mấy cái trống bongo cùng mớ giấy ghi những bài hát mới nhất của Cliff Richard. Thấy Dina bước vào cùng chiếc đàn vi-ô-lông, ông Mascarenhas vội quay trở lại quầy.

“Đúng là tai bay vạ gió!” Cô nói, tay chỉ vào ô cửa sổ.

“Làm ăn thời nay nhọc nhằn thế đấy!” Ông tặc lưỡi, đoạn mở chiếc hộp cô vừa đặt xuống trước mặt mình. Những gì chứa bên trong khiến ông cảm lạnh. “Sao lại ra nông nỗi này?” Ông không nhận ra Dina, vì cũng đã lâu lắm rồi kể từ ngày Rustom giới thiệu cô với ông, nhân dịp hai vợ chồng đến đây mua một sợi dây Mi. “Không ai chơi nó ư?”

“Cũng mấy năm nay rồi.”

Ông Mascarenhas gãi gãi tai phải, đôi mày cau lại dữ dội quanh chiếc gọng đen sì dày cộp của cặp kính mắt. “Đàn vi-ô-lông, phàm những lúc cất đi không chơi nữa, thì dây phải được buông lỏng, vĩ cũng phải nới ra.” Ông nói giọng gay gắt. “Đến con người khi về nhà nghỉ ngơi cũng phải nới thắt lưng ra mà thở nữa là!”

Dina gật đầu, hổ thẹn không để đâu cho hết. “Cây đàn này còn sửa được không ạ?”

“Cái gì cũng có thể sửa được tất. Vấn đề là, sửa xong rồi thì tiếng đàn sẽ thế nào?”

“Sẽ thế nào?”

“Kính lắm. Như tiếng mèo cắn nhau. Nhưng vẫn có thể thay lượt nỉ mới cho chiếc hộp. Hộp này là loại cứng cáp, tốt đấy.”

Cô bán chiếc hộp cho ông Mascarenhas với giá năm mươi rupi và để cây đàn lại. Ông ta nói, có khi một tay mới tập tọng chơi sẽ mua lại món đồ sau khi đã sửa với giá rẻ mạt. “Người mới học chơi thì cũng chỉ biết cò của kéo cửi thôi, dùng đàn nào chả vậy! Nếu bán đi được, tôi sẽ trả cô thêm năm mươi rupi nữa.”

Cô thấy nhẹ lòng khi nghĩ đến viễn cảnh một thanh niên trẻ trung đầy nhiệt huyết sẽ mua nó về. Chắc Rustom sẽ hài lòng lắm, nếu biết cây đàn của anh vẫn được tiếp tục sự nghiệp tra tấn nhân loại.

Lắm lúc, mặc cảm tội lỗi của Dina đối với cây đàn vi-ô-lông vẫn quay về dằn vặt cô. Mình ngu quá, cô thầm trách, sao lại để mặc nó trên nóc tủ suốt mười hai năm cơ chứ, hỏng hết cả đàn. Chí ít cô cũng có thể đem cho Xerxes và Zarir, rồi khuyến khích chúng thử học chơi xem sao.

Rồi đến một buổi sáng nọ, có người tìm đến, báo rằng có món đồ gửi cho cô Dalal.

“Chính là tôi đây.” Cô nói.

Cậu thanh niên, bận một chiếc quần bó rất hợp mốt cùng chiếc áo sơ mi màu vàng tươi để mở ba khuy trên cùng, quay ra xe tải để bê món đồ vào. Dina tự hỏi không biết đó có phải chiếc đàn vi-ô-lông không. Đã sáu tháng trôi qua kể từ ngày cô mang nó tới cửa hiệu L. M. Furtado & Co. Có lẽ ông Mascarenhas phải gửi trả vì cây đàn hồng nặng quá, không chừa nổi.

Chàng trai lại xuất hiện trên ngưỡng cửa, kéo theo chiếc xe đạp tàn tạ của Rustom. “Đồn cảnh sát gửi cho cô đây ạ!” Anh ta nói.

Cậu ta chưa kịp bảo cô kí vào biên lai nhận hàng, thì bàn tay cô đã từ từ trượt dọc xuống rầm cửa, cả thân hình nhẹ nhàng ngã ra đất. Cô đã ngất xỉu.

“Cô ơi!” Cậu trai đưa hàng kêu lên hoảng hốt. “Tôi gọi xe cấp cứu nhé? Cô có sao không?” Cậu ta cầm chiếc băng kẹp biên lai quạt lấy quạt để vào mặt cô, hết phẩy hương này lại xoay hướng khác, hi vọng những luồng gió đó có thể mang không khí trở về mũi cô.

Cô khẽ rùng mình, cậu trai càng ra sức quạt. Vững dạ vì nạn nhân có chút chuyển biến, cậu ta cầm cổ tay cô lên như để bắt mạch. Thật ra cậu chàng chẳng biết đích xác phải làm gì với cái cổ tay, nhưng cậu đã thấy thao tác này được thực hiện vài lần trong một bộ phim có nhân vật nam chính là một bác sĩ, còn nữ chính là cô y tá phong nhã phi đồn luôn theo sát anh ta.

Dina lại rùng mình. Chàng trai đưa hàng buông cổ tay cô ra, sung sướng trước thắng lợi y học đầu tiên của bản thân. “Cô ơi! Có chuyện gì vậy? Để tôi gọi người đến nhé!”

Cô lắc đầu. “Tại nóng quá thôi... tôi không sao rồi.” Chiếc khung xe và ghi đông móp méo lập tức đập vào mắt cô.

Trong giây lát, cô bỗng tự hỏi tại sao cảnh sát lại sơn xe màu nâu đỏ, trước kia xe màu đen cơ mà.

Rồi cơn choáng váng cũng qua đi, đầu óc Dina dần tỉnh táo trở lại. “Xe gì hết cả rồi!” Cô kêu lên.

“Gỉ sạch!” Cậu trai gạt đầu, đoạn lật chiếc thẻ ghi số hiệu và ngày tháng lên xem. “Thảo nào. Mười hai năm nằm trong phòng vật chứng, cửa sổ thì vỡ, trần thì dột. Dầu dãi suốt mười hai mùa mưa thì đến xương người cũng phải mục ấy chứ!”

Cơn náo động trong lòng khiến Dina nổi đóa với chàng trai nọ. “Các anh bảo quần vật chứng kiểu gì đây? Nếu họ bắt được thủ phạm thật thì biết luận tội hăn trước tòa thế nào trong khi vật chứng đã hư hỏng đến mức này?”

“Tôi cũng đồng ý với cô. Nhưng cả tòa nhà đều bị dột. Đừng nói vật chứng, đến người còn ướt nữa là. Cả những hồ sơ quan trọng nữa, mục trôi hết. Chỉ mấy sếp lớn mới được ưu tiên phòng ốc khô ráo thôi.”

Lời phân trần của cậu trai phần nào xoa dịu được Dina. Cậu ta bèn dẫn tới: “Cô biết không, có đận chúng tôi cất một bao bột mì vào kho. Có kẻ đã giết người chủ để cướp bao bột. Trên vỏ bao hăng còn dính máu. Đến lúc vụ việc được đưa ra tòa, lũ chuột đã cắn thủng túi và chén gần hết số bột bên trong. Quan tòa đành phải giải tán vụ xét xử vì không đủ chứng cứ.” Kể xong, cậu ta ngáp ngừng cười ồ lên, hi vọng cô sẽ thấy câu chuyện là hài hước.

“Thế mà cậu còn đùa được ư?” Dina giận dữ quát lên. “Tên giết người lại nhớn nhơ thoát tội. Công lý ở đâu, luật pháp ở đâu?”

“Đúng, đúng, thật kinh khủng!” Cậu ta đồng tình, rồi đưa cô tờ biên lai để kí. Xong xuôi, cậu ta cảm ơn cô và ra về.

Cô đọc bản sao tờ biên lai. Trên đó ghi rằng hồ sơ vụ việc đã được đóng lại và tài sản được hoàn trả lại người thân cận nhất của nạn nhân.

Dina không phải người mê tín. Song sự kiện chiếc xe đạp tái xuất hiện, liền sau vụ số phận của cây đàn vi-ô-lông, vượt quá sức chịu đựng của cô. Cô kết luận rằng trong đó ẩn chứa một thông điệp dành cho mình. Cô hoàn tất đơn hàng cuối cùng của Fredoon, một chiếc váy dự tiệc cho cô cháu gái, mang nó tới tận nhà, bắt tay anh, và nói cô không thể tiếp tục quan hệ với anh thêm nữa, vì cô sắp bỏ nghề may để đi lấy chồng.

Kể từ ngày đó, Dina không gặp lại Fredoon lần nào. Thậm chí để tránh chạm mặt anh ta, cô còn bỏ cả mấy mối khách trong cùng tòa nhà anh sống. Nguồn việc từ những khách hàng còn lại cũng đủ để nuôi sống cô.

Năm năm tròn trôi qua trong cảnh này. Và rồi, rất đúng ngày đúng giờ, lời tiên đoán của thím Shirin trở thành hiện thực. Sang tuổi bốn mươi hai, đôi mắt Dina bắt đầu trở chứng. Chỉ trong mười hai tháng, cô đã phải thay kính hai lần. Cặp mắt kính cô dùng giờ đã khá dày.

“Đừng hành mắt nữa, kéo mù đấy!” Ông bác sĩ gắt lên. Đó là một người đàn ông nhỏ thó gầy gò. Ông có thói quen rất tức cười là hay giơ ngón tay chỉ trở tứ phía những lúc cần kiểm tra thị lực ngoại biên. Dina thấy giống hết bọn trẻ con đuổi bắt bướm.

Thái độ cộc lốc bất thường của ông khiến cô phẫn nộ, và cũng lơ mơ sợ hãi. Cô không biết mình sẽ làm gì nếu không thêu thùa may vá được nữa.

Song số phận, với lộ trình của riêng nó, đã có sẵn giải pháp. Cô bạn Zenobia nói mình có biết bà giám đốc xuất khẩu của một công ty dệt may lớn. “Bà Gupta là khách quen của mình. Mình cũng hay giúp đỡ bà ta, thế nào bà ta cũng kiếm được cho cậu vài công việc nhẹ nhàng.”

Vào một buổi chiều trong tuần đó, tại Thẩm mỹ viện Venus, giữa tập hợp những mùi hương không lấy gì làm hòa thuận với nhau của hy-đrô pe-rô-xít và mấy thứ hóa chất làm đẹp khác, Dina ngồi chờ gặp bà Gupta, khi ấy đang ngồi yên vị dưới chiếc lồng sấy. “Cố chờ vài phút nữa thôi.” Zenobia thì thầm. “Mình vừa uốn cho bà ta một mái tóc bồng đẹp kinh khủng, chắc chắn bà ấy sẽ sướng lắm.”

Ngồi trên một chiếc ghế ngoài sảnh chờ, Dina ngắm Zenobia biến hóa mái tóc của bà giám đốc xuất khẩu lành nghề không thua gì một kiến trúc sư, thậm chí một nhà điêu khắc, và tạo ra hẳn một đại công trình. Trong khi công cuộc xây dựng được tiến hành, Dina nhìn xiên qua gương, tự mừng tượng khối kết cấu ấy nom sẽ ra sao khi được đặt lên đầu mình.

Chẳng mấy chốc, giàn giáo kẹp tóc và lô cuốn được gỡ xuống một cách thận trọng, và kiểu tóc đã hoàn thiện. Hai người phụ nữ dắt nhau ra sảnh chờ. Mặt bà Gupta tươi như hoa.

“Đẹp quá!” Dina tự thấy cần phải khen một câu, sau khi màn chào hỏi đã xong xuôi.

“Ôi, cảm ơn cô,” bà giám đốc kêu lên. “Đều là nhờ công Zenobia cả, cô ấy mới thật tài năng. Tôi chỉ cung cấp nguyên liệu đầu vào thôi.”

Cả ba cùng cười, còn Zenobia khẳng khái kêu rằng mình chẳng có tài cán chi cả. “Do khuôn mặt chị Gupta thôi! Ấy, cứ nhìn đôi xương gò má, rồi những đường nét thanh tú mà

xem, phải có mấy thứ đó thì kết quả mới tuyệt vời đến thế chứ!”

“Thôi, thôi! Em làm chị đỡ cả mặt rồi đây này!” Bà Gupta ré lên.

Mở đầu bằng hiệu quả thần kì của dầu gội và gồm xịt nhập khẩu, Zenobia lái dẫn cuộc trò chuyện sang ngành dệt may, lành nghề không thua gì cách cô quần tóc. Bà Gupta rất lấy làm hãnh diện được kể về những thành tựu mình đạt được ở Công ty xuất khẩu Au Revoir.

“Chỉ trong một năm, chị đã giúp tăng doanh số lên gấp đôi,” bà kể. “Cả những thương hiệu uy tín trên khắp thế giới đều muốn đặt hàng chỗ chị.” Công ty của bà – bà luôn dùng sở hữu cách kiểu đó khi nói – đã bắt đầu cung cấp quần áo nữ cho các cửa tiệm ở Mỹ và Châu Âu. Công đoạn may ráp được thực hiện trong nước theo các chỉ dẫn nước ngoài, và được chia thành lô để thuê các xưởng may bên ngoài thực hiện.

“Làm kiểu này kinh tế hơn nhiều. Chú mở hẳn nhà máy thì chỉ gặp một trận bão công là đủ chết. Tránh voi chả xấu mặt nào, dây dưa với mấy thằng đầu gấu bên nghiệp đoàn làm gì cho khổ ra? Nhất là trong giai đoạn này, đất nước đang nhộn nhạo quá. Mấy ông lãnh đạo kiểu Jay Prakash Narayan chỉ xui dân làm loạn là giỏi. Để ra biết bao nhiêu là rắc rối. Lão cứ tưởng mình là Mahatma Gandhi đệ nhị chắc?”

Nhờ Zenobia khéo tiến cử, bà Gupta đồng ý rằng Dina rất thích hợp để làm công việc này. “Đúng, em có thể thuê thợ về làm và giám sát họ, để không áy mà. Chẳng việc gì phải cố quá mà nhọc thân.”

“Nhưng em chưa may mấy loại quần áo phức tạp hay những kiểu mới mới bao giờ,” Dina thú thực, Zenobia lập tức nhăn mặt lườm bạn. “Em toàn may mấy món đơn giản thôi. Như váy trẻ con, đồng phục học sinh, pyjama.”

“Công việc này cũng đơn giản lắm,” bà Gupta trấn an. “Chỉ cần may theo mẫu in trên giấy thôi, dễ như ăn kẹo ấy mà.”

“Đúng đấy,” Zenobia xen vào, bực bội vì thái độ ngập ngừng của Dina. “Mà có phải bỏ thêm vốn liếng gì đâu, hai thợ may ngồi làm luôn ở căn phòng phía trong nhà cậu là vừa xinh.”

“Còn chủ nhà thì sao?” Dina phân vân. “Nếu biết mình mở xưởng ngay trong căn hộ, thế nào ông ấy cũng làm ầm lên.”

“Ông ấy cần gì phải biết,” Zenobia đáp gọn ơ. “Cứ lẳng lặng mà làm, đừng nói gì với hàng xóm láng giềng hay bất cứ ai khác.”

Thợ may sẽ phải tự mang máy đến, bà Gupta nói lệ thường phải thế. Và trả công theo sản phẩm sẽ hay hơn, vì nó tạo ra động lực kích thích người thợ; còn trả lương theo ngày chỉ tổ khuyến khích họ chây ì, ăn bớt thời giờ. “Phải luôn nhớ một điều,” bà nhấn mạnh. “Em là bà chủ, em phải quy định rõ luật lệ. Đừng bao giờ để mất quyền kiểm soát. Bọn thợ may suy nghĩ kì khôi lắm, chỉ làm việc với mấy cây kim bé tí thôi mà họ vênh vao như thể tay mang đại đao không bằng.” Dina xiêu lòng, và bắt tay vào tìm kiếm hai người thợ may, lùng sục khắp các hang cùng ngõ hẻm giữa lòng thành phố bẩn thỉu. Ngày nối ngày, cô bước vào những tòa nhà, cửa hiệu tồi tàn xập xệ, chông chênh như được dựng bằng những lá bài nhàu nát. Cô gặp đủ loại thợ may-người bó gối trên những gác xép chật hẹp, kẻ còng lưng trong mấy căn hộ chuồng cọp nom như những hang động ngầm dưới lòng đất, hoặc cúi cúi làm việc trong một ô nhỏ hôi hám có vách ngăn, hoặc ngồi bắt chân chữ ngũ ở ngay một góc phố-mỗi người đều đảm nhận một loại công việc, từ may ga bọc đệm đến lễ phục cho đám cưới.

Những người hăng hái muốn làm cho cô lại không đáp ứng nổi yêu cầu của công việc may xuất khẩu. Cô đã được tận mắt xem xét sản phẩm may của họ: cổ áo xộc xệch, diềm may không đều, tay áo cái dài cái ngắn. Những người lành nghề lại đòi mang hàng về nhà may. Song bà Gupta có đưa ra một điều kiện rất nghiêm ngặt: Quá trình may ráp phải được thực hiện dưới sự giám sát của người nhận hợp đồng thuê ngoài, vì các mẫu may của công ty Au Revoir là tối mật.

Cuối cùng, Dina đánh ghi địa chỉ của mình lên những mẫu giấy nhỏ và để lại các cửa hàng hội đủ tiêu chuẩn về chất lượng. “Nếu anh chị biết người nào cũng thạo nghề như mình, lại đang cần việc, xin hãy giới thiệu đến chỗ tôi,” cô nói. Rất nhiều chủ tiệm vút ngay tờ giấy khi cô vừa rời cửa hàng. Vài người khác lại cuộn chặt nó thành một que con con để ngoáy lỗ tai trước khi đem bỏ đi.

Trong khi đó, Zenobia đã lại nghĩ ra một phương án khác cho Dina: kiếm một người ở cùng. Chỉ cần sắp xếp một vài tiện nghi tối thiểu như giường, tủ, chỗ vệ sinh; còn về khoản ăn uống thì nấu nhiều thêm một chút so với khẩu phần hàng ngày là đủ.

“Ý cậu là khách ở trọ ấy hả?” Dina kêu lên. “Không đời nào! Cho thuê trọ rắc rối lắm. Mình vẫn còn nhớ vụ ở Firozsha Baag. Khổ thân mấy ông bà chủ nhà!”

“Cậu chỉ lo hảo! Bọn mình có cho mấy tên lưu manh hay bọn dở hơi vào trọ đâu! Cứ nghĩ mà xem, mỗi tháng cậu sẽ thu được một khoản cứng đấy!”

“Thôi, cho mình xin, mình không dám liều đâu. Mình nghe nói đã có nhiều ông bà già và phụ nữ độc thân bị quấy rối lắm rồi.”

Nhưng khi món tiền tiết kiệm còm cõi teo tóp dần, Dina đành nhượng bộ. Zenobia quả quyết với cô rằng họ sẽ chỉ nhận những người đáng tin cậy, tốt nhất là ai đó đã có nhà ở nơi khác, nhưng bận công chuyện phải lên thành phố sống một thời gian. “Cậu lo tìm thợ may đi,” cô nói. “Mình sẽ tìm khách trọ.”

Thế là Dina tiếp tục đi rải tên và địa chỉ của mình ở khắp các tiệm may. Cô đi xa hơn, bắt tàu hỏa ra tận những vùng ngoại ô phía bắc, đến những khu vực của thành phố mà cô chưa từng nhìn thấy bao giờ trong suốt bốn mươi hai năm cuộc đời mình. Hành trình của cô thường xuyên bị gián đoạn bởi những lúc giao thông tê liệt vì các cuộc tuần hành và biểu tình chống chính phủ. Thỉnh thoảng, ngồi trên tầng hai của chiếc xe buýt, cô có cơ hội ngắm toàn cảnh đám đông hỗn độn bên dưới. Những băng rôn và khẩu hiệu ghi đầy các dòng chữ buộc tội thủ tướng lãnh đạo kém và tham nhũng, đòi bà phải từ chức, thể theo phán quyết của tòa án rằng bà đã gian lận trong cuộc bầu cử.

Nếu thủ tướng chịu từ nhiệm thì sao, thế thì ích gì? Dina trầm nghĩ.

Một tối nọ, trong khi con tàu dừng bánh để chờ đèn tín hiệu, cô đưa mắt nhìn ra ngoài hàng rào đường sắt. Ở đó, một dòng nước đen ngòm đang trào lên từ một ống cống ngầm. Mấy người đàn ông ra sức kéo một sợi dây mắt hút dưới lòng đất. Tay người nào người nấy lấm bết đến tận khuỷu, nước bùn đen kịt nhỏ xuống tong tống từ bàn tay họ và cả sợi dây. Trong khu nhà ổ chuột sau lưng họ, ánh lửa của những bếp nấu ăn ngoài trời sáng lập lờ, khói vẫn đen trời. Những người thợ đang cố thông tắc cho ống cống tràn.

Rồi một thằng bé trồi lên khỏi mặt đất, hai tay bám chặt đầu sợi dây. Từ đầu đến chân nó nhúng đẫm trong bùn cống nhầy nhụa, và khi đứng thẳng lên, toàn thân nó lấp lánh rục rở dưới ánh mặt trời, một vẻ đẹp rừng rợn. Được hồ cứng bởi nước phân rác, mái tóc thằng bé dựng ngược trên đầu, nom hết như một chiếc vương miện lửa đen đặc. Sau lưng nó, làn khói cuộn cuộn bốc lên trời cao, hoàn chỉnh bức tranh tăm tối.

Dina nhìn đăm đăm, rùng mình, đứng lặng trước sự xuất hiện của thằng bé. Cô bịt mũi để khỏi ngửi thấy mùi hôi thối nồng nặc cho đến khi tàu chạy xa hẳn khu vực này. Song hình ảnh về thế giới dưới lòng đất vẫn còn ám ảnh cô suốt ngày hôm đó, và nhiều ngày sau.

Những chuyến đi dài mệt mỏi, những quang cảnh tiêu điều khiến Dina kiệt quệ. Tinh thần cô trở nên rệu rã hơn bao giờ hết. Chỉ cần nhìn mắt cô, Zenobia cũng đủ hiểu. “Làm sao mà mặt mũi ủ ê thế kia?” Cô nói, đoạn đưa tay véo đùa má bạn.

“Tớ mệt mỏi lắm rồi. Tớ không cố được nữa đâu.”

“Cậu không được bỏ cuộc. Đây này, rất nhiều người đã liên hệ với mình để xin thuê trọ. Trong đó có cả con trai của Aban Kohlah nữa đấy. Cậu còn nhớ cô ấy không? Hồi xưa cô ấy học cùng trường với bọn mình mà. Cô ấy viết thư cho tớ, bảo là thằng bé Maneck ghét ở kí túc xá lắm, nó đang đòi chuyển ra ngoài. Mình muốn chắc chắn rằng chúng ta kiếm được người tốt.”

Dina không bỏ chữ nào vào tai, lại nói tiếp: “Mua bao nhiêu vé tàu như thế chỉ tốn tiền.” Cô chỉ mong bạn đồng ý cho mình chấm dứt những hành trình giày vò tâm hồn kia.

“Nhưng thử nghĩ mà xem, đến khi tìm được hai thợ may rồi, cuộc sống của cậu sẽ dễ thở hơn biết bao nhiêu! Chẳng lẽ cậu muốn từ bỏ tự do để về sống cùng Nusswan hay sao?”

“Thôi, đừng nhắc đến chuyện ấy nữa!” Viễn cảnh đó thuyết phục cô tiếp tục để lại địa chỉ của mình ở những tiệm may khác. Cô thấy mình giống hệt mấy đứa trẻ trong một câu chuyện cổ tích mà cô đã quên mất tên, miệt mài rắc vụn bánh mì trên đường mình đi qua với hi vọng sẽ có người đến cứu. Song lũ chim đã chén sạch chỗ bánh mì. Cô tự hỏi, liệu mình có được cứu không, hay vệt chỉ đường bằng giấy của cô lại bị xói tái bởi những cơn gió, bởi dòng nước cống đen ngòm, bởi đội quân đồng nát đói khát đang càn quét khắp các đường phố với những chiếc bao tải trên tay?

Mệt mỏi và chán nản, cô rẽ vào một con ngõ nhỏ. Giữa ngõ là một rãnh chứa nước thải. Cuộng và lá rau, đầu lọc thuốc lá, vỏ trứng nổi bập bềnh trên mặt nước. Đi xa hơn một chút, con ngõ thắt nút cổ chai và hầu như biến thành một con lạch. Mấy đứa trẻ đang chơi trò thả thuyền giấy trên rãnh. Chúng nô nức đuổi theo những con thuyền trôi xuôi dòng nước lờ đờ. Mấy tấm ván được bắc ngang rãnh, tạo thành lối vào các cửa hiệu và ngôi nhà. Mỗi khi một con thuyền mất hút dưới một tấm ván rồi trôi ra bình yên vô sự ở đầu bên kia, bọn trẻ lại vỗ tay rầm rĩ.

Dina bỗng nghe thấy tiếng lạch xạch quen thuộc của máy khâu vọng ra từ cửa một ngôi nhà. Đây sẽ là tiệm may cuối cùng của ngày hôm nay, cô tự nhủ, chân hăng hái bước lên ván, sau đó cô sẽ về nhà.

Đi được nửa đường, bàn chân cô giẫm trúng một khoảng ván mục. Một tiếng thét ngắn ngủi bật ra khỏi miệng cô, cô lấy lại được thăng bằng, song một chiếc giày đã rơi mất. Mấy đứa trẻ lập tức lội xuống rãnh, mồm hò hét, tay sục xuống dòng nước đen kịt, tranh nhau mò chiếc giày.

Cuối cùng cô cũng bước xuống trước cửa tiệm may và lấy lại được chiếc giày ướt sũng. Cô cho thằng bé con đang cười toét một đồng hai nhăm xu. Tiếng máy khâu đã dừng bật, còn người vận hành nó đang đứng trên bậu cửa. Chính những tiếng ồn ào đã kéo ông ta ra đây.

Ông ta quát: “Ranh con, chúng bay lại bày trò gì đấy?”

“Chúng đang giúp tôi đấy chứ!” Dina vội phân bua. “Tôi đang vào cửa hiệu của ông thì bị rơi mất chiếc giày.”

“Ồ,” ông ta lầm bầm, có vẻ hơi chùng hững. “Cái chính là, bọn này hay bày trò nghịch ngợm lắm cơ!” Rồi sực nhận ra một khách hàng tiềm năng đang đứng trước mặt, ông ta vội đổi giọng: “Mời cô vào, xin mời.”

Đề nghị tìm thợ may của cô mau chóng làm ông ta cụt hứng. Ông ta đáp lại bằng giọng thờ ơ: “Rồi, để tôi thử tìm xem,” và quay sang mân mê chiếc thước dây trong khi cô viết tên và địa chỉ của mình vào một tờ giấy.

Đột nhiên, mặt ông ta tươi rói. “Cái chính là, cô đến đúng chỗ rồi đấy! Tôi có hai thợ may rất giỏi. Ngày mai tôi sẽ bảo họ đến chỗ cô.”

“Thật ư?” Cô hỏi lại, trong bụng chưa hết nghi ngờ vì sự thay đổi thái độ đột ngột này.

“Thật chứ lì, hai thợ giỏi luôn, nếu không thì tên tôi chẳng phải Nawaz nữa. Cái chính là, họ không có cửa hiệu riêng, cứ phải đi làm thuê khắp nơi. Nhưng đều là dân thạo việc cả. Thế nào cô cũng hài lòng.”

“Được, vậy ngày mai tôi sẽ gặp họ.” Cô ra về, không hề nuôi chút kì vọng nào. Cô đã nhận được không ít lời hứa hão trong mấy tuần vừa qua.

Về đến nhà, cô rửa chân và giặt sạch đôi giày, không khỏi phát ớn khi nghĩ đến con ngõ nhỏ có mấy đứa trẻ chơi trò thả thuyền giấy. Ông thợ may kia cứ việc hứa hẹn, Zenobia cứ việc quả quyết rằng khách trọ sắp đến, rằng con trai của người bạn học cùng trường với họ hồi xưa, Maneck Kohlah, có thể sẽ ghé qua bất kì lúc nào để xem xét phòng ốc; hi vọng của cô sẽ chẳng vì thế mà được nhen lên.

Và vì vậy, vào buổi sáng hôm sau, khi chuông cửa reo, Dina đã chào đón bước ngoặt của đời mình bằng đôi tay rộng mở. Người khách trọ đã đứng kia, ngay trước cửa nhà cô, cùng thành quả từ mảnh giấy để lại ngày hôm qua: hai người thợ may tên Ishvar và Omprakash Darji.

Nói như cách của Zenobia là, bộ ba bù xù đã mò đến cùng một lúc.

II

Để ước mơ lớn lên

CƠ SỞ CỦA CÔNG TY XUẤT KHẨU AU REVOIR mang vẻ ngoài và hơi hám không khác gì một căn nhà kho, mặt sàn chất đầy những kiện vải bó chặt trong bao gai. Mùi hóa chất của vải mới xông lên nồng gắt. Những mẫu ni lông, giấy, dây thùng và vật liệu bao gói vương vãi khắp sàn nhà đầy bụi bặm. Dina thấy bà giám đốc ngồi ở một chiếc bàn khuất sau chiếc giá kim loại.

“Xin chào cô Dalal, bạn của Zenobia! Cô khỏe không?” Bà Gupta lên tiếng.

Hai người bắt tay. Dina thông báo rằng mình đã tìm được hai thợ may lành nghề và đã sẵn sàng nhận việc.

“Tuyệt, quá tuyệt!” Bà Gupta kêu lên, song rõ ràng thái độ hồ hởi của bà không đơn thuần xuất phát từ tuyên bố của Dina. Lý do thực chẳng mấy chốc đã lộ diện: chiều nay bà ta lại có một cái hẹn mới ở Thẩm mỹ viện Venus. Những lọn tóc vô kỷ luật đã thoát khỏi vòng kiểm tỏa trong suốt tuần vừa qua sẽ được thuần hóa và đưa về quy củ.

Chỉ riêng sự kiện này cũng đủ để đảm bảo tâm trạng vui vẻ của bà Gupta, nhưng hằng còn những tin tức tốt lành khác; vài điều khó chịu lật vạt trong cuộc sống của bà cũng đang bị tiết trừ – tuyên bố của thủ tướng về Tình trạng khẩn cấp nội địa phát ra ngày hôm qua đã tổng gặt hết các phần tử đối đầu trong quốc hội, cùng hàng ngàn đoàn viên công đoàn, sinh viên và nhà công tác xã hội vào tù. “Tin tốt quá phải không?” Khuôn mặt bà rạng ngời sung sướng.

Dina gật đầu, vẻ ngập ngừng. “Tôi tưởng tòa án đã tuyên bà ấy gian lận trong cuộc bầu cử?”

“Bậy, bậy, bậy!” Bà Gupta kêu lên. “Vớ vẩn cả, rồi sẽ có kháng cáo cho mà xem. Những kẻ gây rối từng vu khống bà ấy giờ đã bị tổng giam sạch rồi. Thế là hết biểu tình rồi tuần hành cùng những trò phá bình ngu ngốc khác.” “Ô, tốt quá,” Dina sốt sắng họa theo.

Bà giám đốc mở cuốn sổ đặt hàng và chọn một mẫu may cho đơn hàng đầu tiên. “Ba mươi sáu chiếc váy này sẽ là bài kiểm tra cho cô. Bài kiểm tra về mức độ khéo léo, chính xác, và vững tay. Nếu hai anh thợ may của cô làm được việc, tôi sẽ giao thêm đơn hàng cho cô. Những đơn hàng lớn hơn nhiều,” bà ta hứa. “Tôi cũng nói rồi đấy, tôi thích làm việc với các xưởng gia công tư nhân hơn. Lũ lười nhác bên công đoàn chỉ muốn làm ít ănnhiều. Biếng nhác–đất nước này chết vì cái thói ấy đấy. Thế mà có mấy lão lãnh đạo ngu xuẩn còn cổ xúy cho chúng nữa, dám xui cảnh sát và quân đội bất tuân những mệnh lệnh bất hợp pháp. Cô nói tôi nghe xem, luật thì làm sao mà bất hợp pháp được? Rõ ngớ ngẩn đến lỗi bịch. Bọn chúng có phải ngồi tù cũng đáng kiếp lắm.”

“Phải, đáng đời lắm,” Dina hòa theo, song đầu còn mãi nghĩ đến thiết kế của chiếc váy. Cô ước sao bà giám đốc tập trung vào công việc thay vì huyền thuyên chuyện chính trị. “Ồ, chị Gupta này, gấu của chiếc váy mẫu rộng tới bảy phân rưỡi, trong khi theo mẫu trên giấy thì chỉ là năm phân thôi.”

Sự chênh lệch đó quá vật vãnh để bà Gupta phải lưu tâm. Bà gật đầu và nhún vai, khiến chiếc sari trượt khỏi vai. Một bàn tay phóng nhanh tới, kịp ngăn chặn đà rơi. “Cảm ơn trời,

thủ tướng đã có những hành động cứng rắn, đúng như bà ấy từng phát biểu trên đài. May mà chúng ta có một người thật mạnh mẽ giữa thời điểm nguy ngập như hiện nay.”

Bà gạt đi những thắc mắc tiếp theo. “Tôi tin tưởng ở cô, cô Dalal ạ, cứ làm đúng như mẫu tôi giao. Nhưng cô đã nhìn thấy mấy tấm áp phích mới treo hôm nay chưa? Chỗ nào cũng có.”

Dina chưa thấy; cô rất muốn đo số vải được phân cho ba mươi sáu chiếc váy, để xem có thiếu hụt gì chẳng. Nhưng nghĩ lại thì, thôi, cô quyết định, làm thế sẽ khiến bà giám đốc phật lòng.

“Thứ cần nhất lúc này là kỉ cương’ – thông điệp của thủ tướng ghi trên áp phích đấy. Tôi nghĩ bà ấy nói hoàn toàn chính xác.” Bà Gupta ghé sát lại và thì thầm nho nhỏ, “Đem dán mấy tấm áp phích ấy ngoài cửa công ty Au Revoir cũng không phải ý kiến tồi đâu. Cô xem hai thằng khốn đứng trong góc kia kìa. Ở đấy mà tán dóc, chả chịu xếp hàng lên giá gì cả.”

Dina ậm ừ về thông cảm và lắc đầu. “Một tuần nữa tôi mang hàng lại được không?”

“Được lắm. Chúc cô may mắn. Nhớ đấy, phải rắn với bọn thợ may vào, kéo họ sẽ ngồi lên đầu cô đấy.”

Dina định vắn mấy súc vải lên thì bị ngăn lại. Ngón tay bà giám đốc búng hai tiếng, gọi một người đàn ông bước vào chuyển số vải lên xe nâng.

“Chiều nay tôi sẽ chuyển lời chào của cô cho Zenobia. Chúc tôi may mắn đi,” bà Gupta cười hình hích. “Mái tóc khốn khổ của tôi lại sắp phải lên thớt rồi.”

“Vâng, tất nhiên rồi, chúc chị may mắn.”

Dina mang mấy súc vải về nhà và dọn chỗ cho hai người thợ may ở căn phòng trong. Phải đến tháng sau cậu bé ở trọ mới chuyển tới; như vậy cô sẽ có thời gian để làm quen với từng chuyện một. Cô xem xét các mẫu may giấy và kiểm tra lô tem mác: Chantal Boutique, New York. Đang lúc hứng khởi, cô quyết định bắt tay vào cắt vải luôn để chuẩn bị sẵn cho thứ Hai. Cô băn khoăn nghĩ đến Tình trạng khẩn cấp. Nếu bạo động nổ ra, có thể hai người thợ may sẽ không đến được. Cô còn chẳng biết họ sống ở đâu. Nếu lô hàng thứ này không được giao đúng hẹn, ấn tượng để lại sẽ rất xấu.

Hai người thợ may có mặt vào đúng tám giờ sáng thứ Hai, đi bằng tắc xi, cùng hai chiếc máy may. “Mua trả góp đấy,” Ishvar vừa nói vừa kiêu hãnh vỗ vỗ lên chiếc máy hiệu Singer. “Sau ba năm nữa, khi đã thanh toán xong, chúng sẽ là của chúng tôi.”

Có lẽ toàn bộ vốn liếng của hai người thợ may đã đổ vào đợt trả góp đầu tiên, bởi cô phải chi tiền cho người tài xế tắc xi. Ishvar bèn bảo: “Xin cô cứ trừ vào tiền công tuần này của chúng tôi.”

Hai chiếc máy được chuyển vào căn phòng phía trong. Họ lắp dây dẫn động, chỉnh độ căng, đặt ống chỉ và nháp vài lượt lên vải vụn để thử đường may. Mười lăm phút sau, họ đã sẵn sàng làm việc.

Và họ may. Như thiên thần vậy, Dina nghĩ thầm. Bàn đạp của hai chiếc Singer đưa lạch xạch, bánh đà kêu rù rù khi mũi kim nhảy múa theo từng đường may mảnh, gọn trên mặt vải, những súc vải được dỡ ra dần biến thành tay áo, cổ áo, ngực áo, lưng áo, li áo, và chân váy.

Mình là đốc công, cô không ngừng tự nhắc nhở mình, mình không được nhúng tay vào việc. Cô đi đi lại lại, kiểm tra những sản phẩm đã hoàn thành, động viên, khuyên nhủ. Cô

săm soi hai người thợ đang còng lưng trước máy may, chân mày nhíu lại. Những cái móng dài hàng mấy phân trên ngón tay gầy guộc của họ khiến cô tò mò; họ dùng chúng để gấp đường may và xếp li. Cái má méo mó của Ishvar nom ghê thật, cô nghĩ thầm, không hiểu đã có chuyện gì nhỉ? Trông ông ta không giống kiểu người dính líu vào mấy vụ đâm chém. Nụ cười cùng bộ ria luôm nhuôm trông túc cười của ông dường như khiến vết thương nom dịu đi. Cô đưa mắt nhìn sang anh chàng Omprakash lăm lè. Cái hình hài xương xẩu, nhọn hoắt và góc cạnh, trông như một thứ thiết bị cơ khí gắn thêm vào chiếc máy may.

Mong manh như một mẩu pha lê mài vụn, cô thoáng nghĩ với chút lòng trắc ẩn. Lại còn mái tóc bóng dầu của cậu ta— cô hi vọng cậu sẽ không làm bẩn vải.

Giờ ăn trưa dần trôi qua, họ vẫn tiếp tục làm việc, chỉ dừng lại để xin một ly nước. “Cảm ơn cô,” Ishvar nói, đoan tu một hơi cạn sạch. “Nước mát quá.”

“Các anh không ăn trưa sao?”

Ông ta hăng hái lắc đầu, làm như câu hỏi kia là thậm phi lý không bằng. “Một bữa buổi tối là đủ rồi. Ăn thêm chỉ tổ phí thời giờ và cơm nước.” Im lặng một lát, ông ta hỏi: “Cô Dina này, vụ Tình trạng khẩn cấp chúng ta vẫn được nghe là cái gì vậy?”

“Chuyện của chính phủ ấy mà, trò của mấy ông bà lãnh đạo thôi. Chẳng ảnh hưởng gì đến dân thường chúng ta đâu.” “Tôi cũng bảo thế mà,” Omprakash lầu bầu. “Bác tôi toàn lo vớ lo vẩn.”

Họ lại chú mục vào chiếc máy Singer, còn Dina thầm nghĩ khoản việc quả là một ý tưởng tuyệt vời. Cô tráng cốc và úp riêng một chỗ. Từ nay trở đi đó sẽ là cốc cho thợ.

Trời ngả dần về chiều, ngồi trước máy, Ishvar càng lúc càng tỏ vẻ bất an. Cô để ý thấy ông ta còng lưng xuống, hai chân khép chặt lại, trông như đang bị đau bụng. Hai bàn chân đặt trên bàn đạp cũng ngập ngừng dần.

“Có chuyện gì vậy?” Cô hỏi.

“Không có gì, không có gì,” ông ta cười ngượng ngịu.

Cháu ông kịp nhảy vào giải cứu, một ngón tay gầy guộc giơ lên: “Bác ấy cần đi tiểu.”

“Sao anh không nói sớm?”

“Tôi ngại quá, không dám hỏi,” Ishvar bẽn lẽn đáp.

Cô bèn chỉ cho ông ta nhà vệ sinh. Cửa đóng lại, cô nghe tiếng dòng nước dội vào bồn cầu. Âm thanh trời sấm giật cục theo nỗi e dè của một cái bàng quang đã ứ đầy nước.

Omprakash nổi gót ngay khi Ishvar quay lại. “Cẩn xả nước hồng rồi,” Dina gọi với theo. “Cậu lấy nước trong xô mà dội.”

Mùi khai xông lên khắp nhà vệ sinh khiến cô hơi khó chịu. Sống một mình lâu, mình đâm ra khó tính quá rồi, cô nghĩ bụng. Ăn uống khác, thói quen khác—tất nhiên nước giải của họ sẽ có mùi lạ.

Đống vá may xong chất cao dần mà Dina chẳng phải động một ngón tay ngoại trừ việc mở cửa mỗi sáng. Ishvar thường dành cho cô một câu chào hoặc một nụ cười, còn thân hình khảng khiu của Omprakash chỉ cam lạng lướt qua. Đâu vắt vẻo lên ghế hết như một con cú con cáu kính vậy, cô nghĩ thầm.

Ba tá vá được may xong trước ngày hẹn. Bà Gupta hài lòng lắm. Bà giao một đơn hàng mới, lần này là sáu tá quần áo. Và yên vị trong ví Dina là món tiền công trả cho lô hàng đầu

tiền. Cô cảm thấy nó chẳng khác nào tiền từ trên trời rơi xuống, trong lòng hơi gợn chút cảm giác tội lỗi. Thật quá dễ thở nếu so với ngày xưa, khi tay và mắt ngày đêm bị giày vò vì may vá thêu thùa.

Với hai người thợ may, niềm vui được công ty xuất khẩu chấp nhận thật không bút nào tả xiết. “Nếu lô đầu tiên đã xuôi chèo mát mái, thì những lô về sau sẽ không có vấn đề gì đâu,” Ishvar hăm hở tuyên bố bằng giọng chắc nịch chưa từng thấy, trong khi cô đếm tiền trả cho hai bác cháu.

“Phải,” Dina nhắc, “nhưng họ sẽ liên tục kiểm tra chất lượng, nên ta không thể lơ là được. Và phải trả hàng đúng hạn nữa.”

“Cô đừng lo,” Ishvar đáp. “Lúc nào cũng sẽ là chất lượng số một, đúng hạn.” Và Dina định ninh những ngày khổ sở, vất vả của mình đã khép lại.

Hai người thợ may bắt đầu nghỉ trưa đều đặn để ăn. Dina luận ra rằng công thức một-bữa-mỗi-ngày mà Ishvar vừa tuyên bố tuần trước là do túi tiền eo hẹp, chứ chẳng phải bởi nếp sống kham khổ hay một thứ đạo đức làm việc nghiêm khắc nào hết. Nhưng cô rất vui vì doanh nghiệp của mình càng lúc càng ăn nên làm ra.

Đúng một giờ trưa, Omprakash tuyên bố: “Cháu đói rồi, ta đi thôi.” Hai bác cháu bèn bỏ mấy chiếc váy sang một bên, cắt dây kéo thợ may quý báu của mình vào ngăn kéo, và ra ngoài.

Họ ăn ở Hotel đồ chay Vishram chỗ góc phố. Ở Vishram, chả có gì gọi là bí mật hết-tất cả đều được bày ra giữa thanh thiên bạch nhật: một người thái rau củ, một người khác xào xào chúng trong chiếc chảo dẹt đen kịt to tướng, một thằng bé lo rửa ráy bát đĩa. Trong cái tiệm ăn bé tí có một bàn, nên Ishvar và Omprakash chẳng chờ có chỗ trống mà đứng ăn luôn giữa đám đông ở ngoài cửa. Rồi họ vội vã trở lại làm việc, rảo bước qua mặt người ăn mày cụt chân đang lăn qua lăn lại trên chiếc bệ, trong tiếng rên kéo kẹt của mấy cái bánh xe han gỉ.

Chẳng bao lâu sau, Dina bắt đầu nhận thấy tốc độ may vá đã không còn nhanh chóng mặt như xưa nữa. Những giờ nghỉ càng lúc càng dày lên, thường hai bác cháu ra ngoài cửa đứng và hút thuốc lá. Y như rằng, cô nghĩ, có tí tiền vào là họ ngừng ra ngay.

Cô nhớ lại lời khuyên của Zenobia và bà Gupta: phải rắn vào. Cô bèn nhắc nhở, bằng một giọng mà cô cho là nghiêm khắc lắm, rằng công việc đang chậm tiến độ.

“Ấy ấy, đừng lo,” Ishvar nói. “Mọi việc sẽ hoàn thành đúng hạn. Nhưng nếu cô muốn, để tiết kiệm thời gian, chúng tôi có thể hút thuốc trong lúc may.”

Dina ghét mùi thuốc; vả lại, chỉ một tàn lửa rơi xuống cũng có thể làm thủng vải. “Dù ở đâu các anh cũng không nên hút thuốc,” cô nói. “Trong nhà hay ngoài đường cũng vậy. Ung thư sẽ xơi tái lá phổi của các anh đấy.”

“Sao chúng tôi phải lo bị ung thư?” Omprakash lên tiếng. “Cái thành phố đất đỏ này chả ăn sống nuốt tươi chúng tôi trước ấy chứ, chắc chắn thế.”

“Gì kia? Cuối cùng tôi cũng được nghe vài lời từ miệng cậu thật à?”

Ishvar cười khùng khục. “Tôi đã bảo cô là nó chỉ lên tiếng khi có chuyện không vừa ý thôi mà.”

“Mà sao phải lo chuyện tiền nong,” cô nói. “Cứ làm việc chăm chỉ vào, rồi các anh sẽ kiếm được hàng đồng tiền.”

“Với cung cách cô trả công chúng tôi thì hẵng còn lâu,” Omprakash lầm bầm rất nhỏ.

“Sao chứ?”

“Không có gì, không có gì đâu,” Ishvar vội chen vào. “Nó đang nói chuyện với tôi ấy mà. Nó bị đau đầu.”

Cô bèn hỏi cậu ta có muốn uống một viên Aspro cho đỡ đau không. Omprakash từ chối, nhưng kể từ hôm đó, tiếng nói của cậu bắt đầu cất lên càng ngày càng thường xuyên hơn.

“Cô đi lấy hàng có xa không?” Cậu ta hỏi.

“Cũng chẳng xa,” Dina đáp. “Mất khoảng một tiếng.” Cô thấy mừng vì cậu đang cố làm thân, cố tỏ ra gần gũi.

“Nếu cô cần giúp chuyển đồ đến đó, cứ bảo bác cháu tôi một tiếng.”

Cậu ta thật tử tế, cô thầm nghĩ.

“Thế tên của công ty chỗ cô đến là gì?”

Đang cao hứng vì thái độ im lìm cau có của cậu không còn nữa, suýt nữa cô đã buột mồm nói ra tên công ty, nhưng rồi kịp vờ như không nghe thấy gì cả. Cậu ta bèn nhắc lại câu hỏi.

“Để ý đến tên tuổi thì ích gì,” cô nói. “Tôi chỉ nghĩ đến công việc thôi.”

“Phải lắm,” Ishvar đồng tình. “Đó cũng là điều bác cháu tôi quan tâm.”

Cháu ông khoằm mặt lại. Một lúc sau, cậu ta lại hỏi: Chỉ có một công ty hay có mấy công ty khác nhau? Cô được trả hoa hồng, hay một mức giá cố định cho mỗi đơn hàng?

Ishvar ngượng ra mặt. “Nói ít thôi, Omprakash, tập trung may đi.”

Giờ Dina lại ước có cậu cháu ít nói như xưa. Cô biết cậu đang toan tính chuyện gì, và từ ngày hôm đó, cô luôn tìm mọi cách sao cho số vải lấy từ Công ty xuất khẩu Au Revoir không mang một dấu vết gì về xuất xứ của nó. Các hóa đơn được cất trong tủ khóa kín. Những vết rạn nứt bắt đầu xuất hiện trên niêm lục quan của cô khi nó phải cố bắt kịp với hai người thợ may. Cô biết con đường mình đi đã trở nên gập ghềnh.

Hai người thợ may ở cách đây rất xa, cũng may mà có tàu hỏa. Thế nhưng, giờ cứ mỗi lần họ đến muộn, Dina lại lo, hằn cô đã bị họ bỏ rơi vì một công việc tốt tiền hơn. Và bởi cô không thể để họ phát hiện ra nỗi lo sợ của mình, cô luôn che giấu cảm giác nhẹ nhõm trước sự xuất hiện của hai bác cháu bằng thái độ không bằng lòng.

Một ngày trước hạn giao hàng, phải tới mười giờ sáng họ mới tới. “Có một vụ tai nạn, nên tàu bị hoãn chuyến,” Ishvar phân bua. “Lại một người đáng thương nữa chết trên đường ray.”

“Chuyện này xảy ra như cơm bữa vậy,” Omprakash nói.

Hơi từ cái dạ dày rỗng tuếch phả ra từ mồm hai người, như một cái kén bọc lời nói chẳng thơm tho gì cho cam. Cô không có hứng nghe họ phân bua. Bác cháu họ ngồi xuống trước máy may sớm chừng nào hay chừng ấy.

Nhưng sự im lặng từ phía cô có thể bị hiểu nhầm là yếu thế, vì vậy cô bèn lạnh lùng nói: “Chính phủ nói, trong điều kiện Tình trạng khẩn cấp, tàu hỏa sẽ luôn chạy đúng giờ. Còn tàu của bác cháu anh lúc nào cũng chậm chuyến, kể cả lậ thật đấy!”

“Nếu chính phủ mà biết giữ lời, thì chắc thần thánh cũng phải giáng trần mà quàng

vòng hoa lên cổ các vị ấy,” Ishvar vừa nói vừa cười khà khà, đầu gật gù ra chiều xuê xoa.

Cử chỉ dàn hòa ấy khiến cô hài lòng. Cô tủm tỉm cười, Ishvar nhẹ cả người. Ông chỉ biết một điều, là có ngu mới vứt bỏ một nguồn thu nhập ổn định—ông và Omprakash phải may mắn lắm mới được làm việc cho Dina Dalal.

Họ lôi hai chiếc ghế gỗ ra, lắp ống chỉ mới và bắt đầu may, trong khi ngoài trời mưa sầm sầm kéo tới. Bóng đen u ám của những cụm mây xám dần xâm lăng căn phòng mé trong nhà. Omprakash bóng gió than phiền rằng có mỗi chiếc bóng đèn bốn mươi oát thì tối quá.

“Nếu tôi dùng quá số điện hàng tháng, người ta sẽ cắt công tơ ngay,” cô nói. “Lúc đấy thì cả nhà sẽ tối đen như mực.”

Ishvar hiến kế khiêng hai chiếc máy Singer ra phòng ngoài, ở đó sáng hơn.

“Không được đâu. Đứng ở ngoài đường, người ta sẽ nhìn thấy máy ngay, lúc ấy lão chủ nhà lại tha hồ hoành hành.”

Mở xưởng trong căn hộ là phạm pháp, dù chỉ có hai chiếc máy may cũng không được. Lão ta đã hành tội vì đủ những chuyện khác rồi.”

Chuyện này thì hai người thợ may rất hiểu. Họ cũng đã quá biết mấy lão chủ nhà cùng những trò sách nhiễu của chúng. Suốt cả buổi sáng hôm ấy họ cặm cuì làm việc với cái bụng sôi réo, mong sao cho chóng đến lúc nghỉ trưa. Từ lúc mở mắt tới giờ, họ chưa có gì bỏ bụng.

“Hôm nay cháu phải uống cốc đúp trà mới được,” Omprakash nói. “Với thêm một miếng bánh bơ để nhúng nữa.”

“Tập trung vào,” Ishvar mắng. “Kéo trà cốc đúp đâu chưa thấy, chỉ thấy ngón tay bị xé làm đôi thôi.” Cả hai bác cháu cùng nhìn đồng hồ. Giờ nghỉ vừa điểm, chân họ đồng loạt rời bàn đạp và quờ tìm dép.

“Đừng đi,” Dina nói. “Việc gấp lắm rồi, đã thế sáng nay hai anh lại đến muộn nữa. Bà giám đốc sẽ rất cáu nếu lô váy bị giao chậm.” Cô rất lo về lịch hẹn—nhờ ngày mai họ lại đến muộn thì sao? Cô tự nhắc mình phải thật cứng rắn, thật nghiêm khắc.

Ishvar hơi do dự; cháu ông sẽ không dễ gì chấp nhận lời đề nghị này. Y như rằng, ánh mắt thăm dò của ông xác nhận ngay điều đó: nó va phải một cái nhìn nảy lửa.

“Ta đi thôi,” Omprakash nói sững, mắt không nhìn Dina lấy một lần. “Cháu đói rồi.”

“Cháu anh lúc nào cũng đói nhỉ,” cô quay sang nói với Ishvar. “Cậu ấy bị giun à?”

“Không, không, Om có bị làm sao đâu.”

Dina chẳng tin. Mỗi nghi ngờ đã len vào óc cô ngay từ tuần đầu tiên. Ngoài thân hình gầy trơ xương của Omprakash cùng những lời kêu ca liên tu bất tận, nay đau đầu, mai đói bụng, Dina còn thường xuyên nhòm thấy cậu thò ngón tay gãi một chỗ ngứa dưới đít; và đó, theo suy nghĩ của cô, là một bằng chứng đã quá rõ ràng.

“Anh nên đưa cậu ấy đi khám. Người gì mà gầy nhẳng gầy nheo—chẳng khác gì hình quảng cáo di động cho hãng diêm Wimco.”

“Không, không, nó chẳng sao đâu. Với lại, tiền đâu mà khám với xét cơ chứ?”

“Chăm làm thì khắc có khối ra đấy. Thôi, các anh may nhanh cho xong đi,” cô dễ dàng. “Tôi giao hàng sớm thì các anh lại có tiền sớm.”

“Chỉ năm phút uống trà thì có hại gì đâu,” Omprakash đáp lại.

“Năm phút của cậu thế nào chả dấy ra thành ba năm phút. Tôi bảo này, tí nữa tôi sẽ pha trà cho hai người. Loại trà thượng hạng đặc biệt đấy nhé, không phải như thứ thuốc độc đun quá lửa đắng nghét mà bác cháu cậu vẫn mua ở góc phố đâu. Nhưng trước tiên phải làm cho xong việc đã. Như thế, ai cũng vui—cả bác cháu cậu, cả tôi, và bà giám đốc.”

“Cũng được,” Ishvar xuống nước, đoạn rũ đôi dép khỏi chân và trở lại chỗ ngồi. Chiếc bàn đập sắt mạ bị bàn chân ông chà xát đến nóng ẩm suốt buổi sáng còn chưa kịp nguội bớt.

Giờ hai chiếc máy Singer lại chạy đều, những lời đay nghiến giận dữ của Omprakash xuyên qua tiếng kim mổ sầm sập, rớt thẳng vào tai ông bác: “Lúc nào bác cũng để cô ta bắt nạt chúng ta. Cháu chẳng hiểu bác có bị làm sao không. Từ nay chuyện đối đáp cứ để cháu lo.”

Ishvar gạt đầu xuê xoa. Ông ngại không muốn đôi co với Om hay quở mắng thẳng cháu trong tầm tai Dina.

Đến hai giờ chiều, khi hai bên thái dương đã giãn giãn vì tiếng máy khâu, Dina quyết định đi giao luôn số hàng đã hoàn thành. Cô phát bực với chính bản thân mình. Năn nỉ và đem trà ra làm mỗi nhử đâu phải một ví dụ hay về một người chủ nghiêm khắc. Chắc phải luyện tập thêm nữa thì mình mới quen với việc bắt nạt thợ, cô tự kết luận thế.

Cô lấy dưới gầm bàn tấm ni lông cùng tờ giấy nâu từng được dùng để bọc mấy súc vải đem từ công ty Au Revoir về. Nhớ lời khuyên của thím Shirin, cô không dám bỏ phí một chút gì. Những vụn vải nhỏ dồn đống ngày một nhiều hơn. Đủ để làm băng vệ sinh cho các nữ tu của cả một tu viện ấy chứ, cô nghĩ trộm. Những miếng vải lớn hơn được gom thành một chồng riêng. Cô vẫn chưa biết dùng chúng vào việc gì, một tấm chăn ghép chẳng.

Cô gói ghém những chiếc váy đã may xong và lấy túi xách. Đến trước hẹn một ngày hẳn sẽ tạo ấn tượng tốt đối với bà Gupta.

Rồi, chợt nhớ đến thái độ soi mói của Omprakash, cô bèn khóa ngoài cửa trước, phòng khi cậu ta có ý định bám theo.

Mông đau, mắt hoa, hai người thợ may bỏ ra phòng trước nhà để nghỉ. Sau một buổi sáng dài ngồi trên cái ghế đầu cứng ngắc, thì chiếc sofa cũ quả là một sự xa xỉ ngọt ngào dù lò xo đệm đã hỏng, và khoái cảm có phần còn đậm đà hơn nhờ sự vụng trộm. Tư thế hành nghề cứng đờ tan dần trong những đốt xương khi họ trầm mình xuống đệm. Gác mấy bàn chân đất lên mặt chiếc bàn trà, hai bác cháu rút một bao thuốc lá cuốn Ganesh ra và châm lửa, rồi hút lấy hút để từng đợt khói. Một mẩu giấy gói thuốc được xé ra làm gạt tàn.

Omprakash gãi đầu và sẫm soi tảng gàu dồn cục trên móng tay. Cậu đưa chiếc móng dài hàng phân ở ngón út cời sạch gàu trên những móng còn lại, rồi búng mẩu gàu dầm dầu xuống sàn. Chắc cậu chẳng đời nào chịu nhận là mình đang chán-phung phí thời giờ là cách cậu dùng để chơi khăm Dina Dalal. Nếu cô ta nghĩ mình có thể lái hai bác cháu như hai con bò đực ngu độn bị tròng vào chiếc cày của cô ta, thì cô ta nhầm to. Gì thì gì, cậu vẫn là con người chứ; mặc dù, cậu cay đắng nghĩ, ông bác cậu lắm lúc lại xử sự hoàn toàn trái ngược.

Ishvar để mặc thằng cháu ngồi không để giết thì giờ. Con đoi như hòn đá tảng đè nặng lên hai cái bụng teo tóp. Ông thích thú nhìn Omprakash uốn éo, vận vẹo trên đệm, quyết bòn rút tối đa sự thư giãn từ chiếc ghế sofa của Dina. Ông trầm tư gãi gãi ngón tay lên

bên má đã cầm tù nửa nụ cười của mình trong những thớ cơ liệt cứng.

Cười, ngáp, vươn, duỗi, hai bác cháu hút thuốc cho qua thời gian, những ông vua tạm quyền của chiếc sofa, chủ nhân của căn hộ chật chội, cho đến khi phút nhàn rỗi vụng trộm ấy bị phá vỡ bởi tiếng đập cửa thành thành.

“Tôi biết cô có ở nhà!” Người khách quát âm ỉ. “Cái khóa ngoài cửa không lừa nổi tôi đâu!”

Hai người thợ may sợ cứng người. Tiếng đập cửa vẫn vang dồn. “Đừng tưởng cứ trả đủ tiền thuê là xong nhé! Chúng tôi biết cô làm trò ma gì sau cái cửa khóa này rồi! Cô, và cả cái xưởng bất hợp pháp của cô nữa, sẽ bị tống ra ngoài đường cho mà xem!”

Hai người thợ may biết ngay, lại là lão chủ nhà. Nhưng chiếc khóa cửa là sao? Tiếng đập cửa im bật. “Mau, nằm xuống sàn!” Ishvar thì thào, sợ rằng kẻ đập cửa định nhòm qua cửa sổ.

Có thứ gì đó lọt qua khe đứt thư, rồi xung quanh lặng tờ. Hai bác cháu đợi một lúc rồi mới rón rén đi ra cửa. Một phong thư lớn để gửi cho cô Rustom Dalal nằm trên sàn. Ishvar nhấc chiếc then lên. Cánh cửa mới mở ra được một phen đã bị cái chốt phía ngoài chặn đứng, xác nhận sự hiện diện của chiếc khóa.

“Cô ta khóa cửa nhốt bác cháu ta,” Omprakash nổi giận bùng bùng. “Mụ đàn bà khốn nạn. Cô ta nghĩ gì vậy?”

“Chắc phải có lý do gì đó. Đừng cáu.”

“Thử mở phong thư của cô ta ra xem.”

Ishvar giật phắt chiếc phong bì trên tay cháu và cất vào một chỗ. Họ lại cố nằm xoài ra đệm, châm điếu thuốc mới, song cuộc viếng thăm đã phá hỏng niềm vui thích. Cái êm ái bẹp võng của chiếc ghế sofa cứng dần thành từng cục bất nhẫn. Những sợi chỉ vụn vương trên áo quần nhắc nhở họ về công việc còn đang đợi ở phòng trong. Chiếc đồng hồ trưng lên lời cảnh báo u ám: cô ta sắp quay về. Chẳng chóng thì chầy, những hành vi bị cấm này sẽ phải chấm dứt.

“Cô ta lừa bác cháu ta,” Omprakash gầm gừ. “Lẽ ra chúng ta phải được may mắn cho công ty xuất khẩu. Sao cô ta lại phải chần ở giữa cơ chứ?” Cặp môi cậu di động rất nhẹ, chậm, thành từng chữ, điếu thuốc ngun ngún lửa đậu chênh vênh trong thế cân bằng mong manh ở một bên khóe miệng.

Ishvar nở nụ cười khoan dung. Phong thái xác xược của điếu thuốc lá cuốn đang khế đung đưa, đầy đe dọa chẳng khác nào một khẩu súng đồ chơi, chĩa thẳng vào Dina Dalal. “Khi nào cô ta về đến nơi, lại thấy mặt mày nhăn nhúm như khi ăn ớt cho mà xem.”

Rồi ông tiếp lời, giọng nghiêm trang hẳn: “Cô ta được đứng giữa vì chúng ta không có cửa hàng. Cô ta cho chúng ta may ở đây, cô ta mang quần áo đi, cô ta kiếm đơn đặt hàng từ công ty. Vả lại, làm khoán kiểu này, chúng ta được tự do hơn...”

“Cháu xin bác. Cô ta đối xử với chúng ta như nô lệ, thế mà bác còn nói là tự do thì chịu thật đấy. Cô ta làm tiền trên mồ hôi nước mắt của chúng ta mà tay có phải khâu một đường nào đâu. Bác nhìn nhà cô ta xem. Điện, nước, cái gì cũng có. Còn ta có gì nào? Một cái lều hôi thối giữa khu ổ chuột. Bác cháu ta sẽ chẳng đời nào kiếm đủ tiền để về quê đâu.”

“Mới thế đã nản rồi à? Thế thì sao làm nên trò trống gì. Phải chiến đấu, phải vươn lên,

Om ạ, dù đời có vui dập ta đến đâu.” Ông kẹp điều thuốc giữa ngón út và ngón nhẫn, đoạn khum tay thành một nắm đấm hờ và giơ nó lên ngang môi.

“Cháu sẽ tìm ra chỗ cô ta tới, bác cứ chờ mà xem,” Omprakash nói, đầu hất lên đầy vẻ quả quyết.

“Mỗi lần mày làm thế, mái tóc mày bông bênh trông đẹp ghê.”

“Cứ đợi đấy, cháu sẽ moi được địa chỉ của công ty kia.” “Bằng cách nào? Mày tưởng cô ta sẽ nói cho mày biết đấy chắc?”

Omprakash quay vào phòng trong và trở ra với một cây kéo to kích sắc nhọn. Cậu giữ chặt nó bằng cả hai tay và hung hăng đâm vào không khí. “Chỉ cần kẻ cái này vào cổ cô ta, cô ta sẽ phun ra mọi điều ta muốn biết.”

Ông bác bèn giáng một cái tát vào đầu thằng cháu. “Bố mày sẽ nói sao nếu nghe thấy mấy câu này của mày? Những thứ ngu ngốc tuôn ra từ miệng mày y như chỉ máy khâu vậy. Và cũng bất cần chả kém gì.”

Omprakash ngượng ngùng bỏ cây kéo xuống. “Rồi sẽ có ngày cháu gạt được cô ta ra. Cháu sẽ bám theo cô ta đến công ty.”

“Bác không biết là mày có thể đi xuyên qua cánh cửa bị khóa giống đại ảo thuật gia Gogia Pasha kia đấy. Hay phải gọi là Omprakash Pasha?” Ông ngừng lời để bập một hơi thuốc, rồi phun khói qua lỗ mũi và cười giễu bộ mặt cau có của thằng cháu. “Cháu ạ, nghe bác nói này, đời là thế. Có người đứng ở giữa, có người đứng ngoài rìa. Phải kiên nhẫn thì ước mơ mới lớn lên và đơm hoa kết trái được.”

“Kiên nhẫn chỉ tốt khi bác muốn nuôi râu thôi. Với số tiền công cô ta trả, chúng ta còn chẳng mua nổi bơ và gỗ dùng cho lễ hỏa thiêu của chính mình.” Cậu đưa tay lên gỡ đầu cành cách. “Mà sao lúc nào bác cũng nói với cô ta bằng cái giọng ngô nghê, cứ như một thằng ngốc mới từ quê lên thế?”

“Lại không phải thế à?” Ishvar đáp. “Ở đời ai chả thích trên cơ người khác. Nếu giọng nói của bác làm cô Dina thấy vui, thì có hại gì?” Vừa tận hưởng chút khoái lạc cuối cùng từ điều thuốc sắp tắt, ông vừa nhắc lại: “Phải kiên nhẫn, Om ạ. Có những chuyện không thể thay đổi được, mày phải chấp nhận chúng thôi.”

“Kiểu gì bác cũng muốn ư? Đầu tiên bác bảo hãy đấu tranh, đừng buông xuôi. Giờ bác lại bảo phải chấp nhận. Sao bác cứ nghiêng bên nọ ngả bên kia như cái ấm không tròn thế?”

“Hồi xưa bà nội Roopa của mày cũng nói giống thế đấy,” Ishvar cười khanh khách.

“Bác phải quyết định đi, chọn một cách thôi.”

“Bác biết làm sao được? Bác chỉ là người trần mắt thịt thôi mà,” ông đáp, và lại cười khùng khục. Giữa chừng, tròng cười biến thành cơn ho, khiến toàn thân ông rung lên bần bật trong cơn đau cào xé. Ông đi ra cửa sổ, vén rèm lên và nhò một bãi đờm. Nếu chịu cúi xuống nhìn cho kĩ, chắc ông đã thấy vết máu quen thuộc.

Đầu ông chưa kịp rút vào thì một chiếc xe tắc xi trở đến. Ông khẽ kêu lên bằng giọng khản đặc: “Mau lên! Cô ta về rồi!”

Họ bắt đầu xóa sạch những dấu vết từ hành động tội lỗi của mình: vỗ mấy tấm đệm cho phẳng, kê lại chiếc bàn trà, vơ hết que diêm và tàn thuốc bỏ vào túi. Một cái tàn lửa từ điều thuốc trên miệng Omprakash bay xuống, như muốn trêu ngươi cơn thịnh nộ thét ra lửa, mưa ra khói trước đó của cậu. Cậu vội quạt nó ra khỏi mặt bàn. Mồm bập nốt hơi thuốc

cuối cùng, chân chạy vội vào phòng trong, họ dập tắt thuốc và vút đầu mẩu qua ô cửa sổ sau nhà.

Dina trả tiền tắc xi và lần tay vào túi tìm chìa khóa. Chiếc khóa bằng đồng thau đã mờ xỉn treo lủng lẳng, trông vừa nặng nề, vừa dữ dằn. Cô xoay chìa khóa mà tim nhói lên cảm giác tội lỗi, bản chất cô nào phải một tên cai ngục?

Omprakash giơ tay ra đỡ lấy gói hàng cho cô. “Tôi nghe tiếng cô về.”

“Còn nhiều nữa kìa,” cô nói, tay chỉ mấy súc vải chất đầy ngoài cửa. Cậu xem xét kỹ cả mấy lô vải, cố tìm xem tên hay địa chỉ công ty có sót đâu đây chẳng.

Khi toàn bộ vải đã được khuân hết vào nhà, Ishvar đưa cho cô chiếc phong bì. “Có người đến đập cửa, bảo cái khóa ngoài không lùa nổi ông ta đâu. Ông ta bỏ lại cái này cho cô.”

“Chắc là người thu tiền nhà.” Cô đặt chiếc phong bì xuống mà không mở ra. “Ông ta có trông thấy hai người không?”

“Không, chúng tôi nấp kỹ lắm.”

“Tốt.” Cô bèn đi cất túi và thay đôi giày bằng một đôi dép.

“Lúc đi cô khóa cửa nhốt chúng tôi à?” Ishvar hỏi.

“Các anh không biết à? Đúng, tôi buộc phải làm thế.”

“Tại sao thế?” Omprakash sấn lên. “Cô cho chúng tôi là phường trộm cướp chắc? Chả lẽ chúng tôi sẽ cuồn đồ đạc nhà cô rồi chuồn đi ư?”

“Đừng nói hàm hồ. Tôi đâu có đồ đạc gì quý giá mà phải lo? Tại lão chủ nhà đấy. Trong lúc tôi đi vắng, lão ta có thể xông vào và tống cổ các anh ra đường. Nhưng nếu thấy cửa khóa, lão sẽ không dám. Phá khóa cửa là phạm luật mà.”

“Phải lắm,” Ishvar gật gù. Ông đang nóng lòng muốn xem thiết kế của lô váy mới. Trong khi cháu ông còn đang trợn mắt nhìn, tấm khăn trải bàn đã được cuốn khỏi bàn ăn, nhường chỗ cho các mẫu may bằng giấy.

“Lần này mỗi chiếc váy được trả công bao nhiêu?” Omprakash xen vào, tay mân mê chỗ vải pô-pơ-lin mới được mang về.

Cô lơ tịt cậu ta, còn Ishvar xoay ngược xoay xuôi mấy tấm mẫu thiết kế. Như đứa trẻ con ham chơi xếp hình, ông nhanh chóng bị cuốn vào những chi tiết của chúng. Omprakash lại bồi thêm: “Thiết kế phức tạp ra phết đấy. Cần nhồi rất nhiều miếng dụn mới tạo được độ phồng cho chiếc váy. Lần này chúng tôi buộc phải tính công cao hơn thôi.”

“Đừng lắm nhảm nữa,” cô bèn mắng át đi. “Để người lớn còn làm việc. Cậu không coi tôi vào đâu đã đành, nhưng cũng phải nể bác cậu chứ.”

Ishvar vừa ướm các mảnh giấy lên chiếc váy mẫu, vừa lẩm bẩm một mình: “Ổng tay, đây rồi. Còn lưng váy, có một đường may ở chính giữa – phải rồi, cũng đơn giản thôi.” Thấy ông chú nói toạc ra như thế, cậu sầm mặt lại.

“Phải, quá dễ ấy chứ,” Dina nói. “Còn đơn giản hơn mẫu váy các anh vừa làm xong. Mà tin mừng là họ vẫn trả công năm rupi cho mỗi chiếc váy.”

“Năm rupi thì không được,” Omprakash nói. “Cô hứa sẽ mang về những mẫu váy đắt tiền cơ mà. Làm thế này chả bỏ công.”

“Công ty giao cái gì thì tôi phải nhận cái đó thôi. Nếu không họ sẽ loại ta khỏi danh sách ngay.”

“Chúng tôi sẽ làm,” Ishvar nói. “Bỏ phí công ăn việc làm thì phải tội ra.”

“Thế thì bác đi mà làm. Tiền công có năm rupi thì cháu không làm được,” Omprakash nói, song Ishvar đã vội gật đầu trấn an Dina.

Cô bèn xuống bếp đun một ấm trà như đã hứa. Mối bất hòa giữa hai bác cháu thật hay; ông bác sẽ kiểm chế mọi toan tính nổi loạn của thằng cháu. Cô nheo mắt nhìn mấy chiếc chén và đĩa, ngắm kĩ đường viền hình hoa hồng. Hồng hay đỏ nhỉ? Cô quyết định, chén đĩa màu hồng là dành cho hai người thợ, sẽ được cất riêng cùng cốc uống nước. Màu đỏ là của mình.

Trong khi chờ nước sôi, cô kiểm tra những tấm lưới mắt cáo được căng đề lên các ô kính cửa sổ đã vỡ và nhìn thấy một lỗ hồng. Lại bọn mèo chết tiệt, cô bực bội nghĩ. Toàn lên nhà vào vọc tìm thức ăn hoặc trú mưa. Ai biết chúng mang những thứ vi khuẩn vi trùng gì từ cống rãnh lên.

Cô chỉnh lại tấm lưới, quẩn mỗi góc lưới quanh một cây đinh. Chiếc ấm rỗng rỗng thông báo đã sẵn sàng bằng một luồng hơi nước mờ mịn. Cô chờ rỗng một chút cho nước sôi già, tận hưởng làn sương mờ đang mỗi lúc một dày thêm cùng tiếng nước reo lục đục đều đều: những ảo ảnh về tiếng trò chuyện lao xao, về bè bạn, về cuộc sống hối hả.

Cô miễn cưỡng tắt bếp, đám mây trắng tan dần thành những làn hơi mỏng mảnh. Cô rót trà đầy ba tách và bê hai tách lên cùng hai chiếc đĩa viền hoa màu hồng.

“A,” Ishvar thở phào và mừng rỡ đón lấy tách trà. Omprakash vẫn cầm cúi may, đầu không ngẩng lên, mặt sừng như cái lệnh. Cô bèn đặt tách trà xuống bên cạnh cậu ta.

“Tôi không uống,” cậu ta lầm bầm. Dina lẳng lặng trở xuống bếp lấy tách trà cho mình.

“Ngon tuyệt!” Ishvar xuýt xoa khen khi thấy cô trở lại. Ông húp soàn soạt, cố làm ầm lên để dụ khị thằng cháu. “Ăn đứt trà của Hotel đồ chay Vishram.”

“Chắc họ toàn để ấm trà sôi sùng sục cả ngày,” Dina nói. “Làm thế hỏng hết vị trà. Lúc mệt mà được uống trà tươi là nhất đấy.”

“Chứ lị.” Ông uống một hớp nữa và lại khà khà về mời mọc. Omprakash giơ tay ra nhắc tách trà của mình lên. Hai người kia bèn vờ như không để ý. Cậu tu một hơi cạn tách trà, mặt vẫn chưa hết cau có sừng sủa.

Thời gian làm việc của ngày hôm đó chỉ còn lại hai tiếng, và cậu lấp đầy nó bằng những đường may xiên xẹo cùng những lời cầu nhàu. Ishvar biết ơn chiếc đồng hồ vô cùng khi nó điểm sáu giờ. Giữ gìn hòa khí giữa cháu ông và cô Dina là việc càng lúc càng khó khăn.

Buổi sáng đang ngả dần về chiều khi Ibrahim, người thu tiền nhà, lê từng bước chậm chạp trên vỉa hè, chuẩn bị tới gặp Dina Dalal để đòi câu trả lời cho lá thư lão vừa mang tới hôm qua. Trên người đóng bộ sherwani màu đen, đầu đội mũ đuôi seo màu huyết dụ chỉnh tề, lão tươi cười chào những người thuê nhà mình gặp trên đường, luôn miệng “Xin chào” hoặc “Anh chị có khỏe không ạ?”. Lão vốn được trời phú cho một nụ cười vô điều kiện, luôn xoe nở ngay khi mồm mở ra dõm nói. Dẫu vậy, cái tật dễ ưa này đâm lại thành của nợ, nếu gặp những dịp chuyện lão nói đòi hỏi bộ tịch nghiêm trang –ví như một cái cau mày dành cho những món tiền nhà trả chậm chẳng hạn.

Ibrahim cũng không còn trẻ trung gì, song trông lão già sạm hắc so với tuổi. Tay trái

lão, vẫn còn ngâm ngẩm đau vì vụ đập cửa hôm qua, ôm một chiếc cặp nhựa buộc hai cái chun cao su to sụ. Bên trong chứa hóa đơn, biên lai, giấy yêu cầu sửa nhà, biên bản các vụ tranh chấp hoặc kiện tụng trên tòa liên quan đến sáu khu nhà lão trông nom. Một số vụ tranh chấp xảy ra từ hồi lão mới là một chàng trai mười chín tuổi, vừa vào làm cho ông cụ thân sinh của ông chủ nhà bây giờ. Có nhiều vụ còn xưa hơn, được những người tiền nhiệm của Ibrahim truyền lại.

Mọi thứ được văn bản hóa kĩ càng cẩn thận đến độ, lắm lúc Ibrahim có cảm giác mình đang mang cả mấy khu nhà bên mình. Thực ra, chiếc cặp giấy do người thu tiền nhà đã về hưu trước đó để lại không phải cặp nhựa, mà được chế sơ sài từ hai tấm gỗ nối lại với nhau bằng một dải da dê. Chiếc cặp vẫn còn phảng phất mùi hương của người chủ cũ. Một dải băng vải xơ tướp được khâu vào miếng da dê, quấn quanh cặp để giữ giấy tờ bên trong khỏi rơi ra. Hai tấm gỗ tối màu, nứt nẻ đã cong vênh thắm hại; mỗi khi được mở ra, chúng rên lên ken két và phả ra mùi thuốc lá pha mồ hôi nồng nặc.

Xưa kia, lúc đang còn trẻ trung và tràn trề nhiệt huyết, Ibrahim rất ngưỡng nể bị người khác nhìn thấy đang mang món di sản này bên mình. Dù nó chẳng chứa gì khác ngoài các loại biên lai thuê nhà nghiêm túc; song hẳn biết chắc người ngoài sẽ trông mặt mà bắt hình dong, vì bề ngoài nom nó giống hệt mấy cái cặp bảnh thủ mà bọn thầy chiêm tinh, thầy bói chợ lăm tai tiếng vẫn cặp theo để đựng những thứ sơ đồ, bảng biểu bố lão bố tiên của chúng. Ý nghĩ mình có thể bị đánh đồng với bọn lừa đảo đáng tởm ấy khiến hẳn cảm thấy bị xúc phạm ghê gớm. Hẳn bắt đầu áp ủ những mối nghi ngờ đen tối về chính nghề nghiệp đã buộc hẳn phải tha lời một cái cặp giấy đáng ngờ đi khắp nơi mọi chốn; hẳn có cảm giác mình bị lừa, như thể bị tay bán hàng rong giở trò cân điều đong thiếu cho hẳn.

Rồi, đến một ngày may mắn nọ, phần sống cặp bằng da dê rách hẳn. Hẳn bèn đem trình nó lên văn phòng nhà đất. Lão thư kí sẫm soi chiếc cặp, xác nhận nó đã hư hỏng hoàn toàn do tác động tự nhiên, và làm một tờ đơn xin cặp mới. Ibrahim được phát một sợi dây để dùng tạm trong thời gian chờ đơn được xét duyệt.

Sau nửa tháng trì hoãn, chiếc cặp mới đã đến. Nó được làm bằng bì các tông bọc vải hồ cứng, nom vừa hiện đại, vừa trí thức, và mang một màu nâu đen hết sức đứng đắn. Ibrahim mừng lắm. Hẳn bắt đầu lạc quan về triển vọng của bản thân trong nghề nghiệp này.

Cặp chiếc cặp mới dưới nách, nay hẳn có thể ngẩng cao đầu và sải bước với vẻ quan trọng chẳng kém gì một vị cố vấn pháp luật mỗi khi đi tuần. Cấu tạo của chiếc cặp mới này cầu kì phức tạp hơn đứt chiếc cũ, với đủ loại ngăn cùng túi nhỏ. Các bản báo cáo, đơn khiếu nại, thư từ nay đã có thể được phân chia một cách quy củ. Rõ thật vừa khéo, vì trong khoảng thời gian này, những trách nhiệm đặt lên vai Ibrahim đã tăng lên, cả trong công việc lẫn ở gia đình.

Ibrahim, con trai của hai bậc cha mẹ dần trở nên già cả, trở thành chồng, rồi thành cha. Và vai trò của một người thu tiền nhà trọ cũng trở thêm những cành nhánh mới. Hẳn được ông chủ nhà giao nhiệm vụ gián điệp, tổng tiền, chuyển lời hăm dọa, và sách nhiễu người thuê nhà ở cả mấy khu. Giờ phận sự của hẳn kiêm luôn cả việc bới móc những thứ “rác rưởi” bị che giấu trong sáu khu nhà, như các vụ trai gái lén lảng những chẳng hạn, và hẳn được ông chủ dạy cách biến những tội lỗi ấy thành các khoản tăng tiền thuê nhà—những kẻ tay đã lỡ nhúng chàm sẽ chẳng đời nào dám cự nự hoặc đả động đến Luật thuê nhà. Khi hoàn cảnh thúc ép, Ibrahim còn có thể sắm vai nài nỉ, dỗ dành, nếu ông chủ nhà già néo đứt dây, dẫn đến kiện tụng trả đũa. Những giọt nước mắt của người thu tiền nhà sẽ khiến người thuê nhà chùn bước mà thương cho ông chủ nhà tội nghiệp luôn phiên lo

trăm mối, một nạn nhân khốn khổ của nhà đất thời hiện đại, một người vốn dĩ nào có ác ý chi.

Những ngăn cùng túi của chiếc cặp mới trở thành thứ không thể thiếu giúp tách bạch đủ loại vai trong vốn diễn của Ibrahim. Tuy nhiên, đến giai đoạn này của sự nghiệp, hẳn bắt đầu cảm nhận ngày càng rõ sự bất tiện nảy sinh từ nụ cười vô điều kiện ngọt ngào của mình. Hẳn phát hiện ra rằng, mồm nói toàn những lời đe dọa và cảnh cáo ghê rợn, môi lại nở nụ cười hòa nhã thật không phải một chiến lược hay. Giá hẳn có thể sửa nó thành một nụ cười hăm dọa thì có phải hết chỗ chê không. Song các cơ có liên quan trong cử chỉ này lại nằm ngoài tầm kiểm soát của hẳn. Những dịp khi hẳn phải bày tỏ thái độ ái ngại vì việc sửa chữa bị chậm trễ, hoặc gửi lời chia buồn về cái chết của thân nhân người thuê nhà cũng gian nan không kém. Thế là chẳng bao lâu sau, cái tật khoe rằng phiền toái ấy đã khiến hẳn bị mang tiếng oan là vô cảm, thô lỗ, kém chuyên nghiệp, thiếu năng, thậm chí độc ác.

Cứ thế, nụ cười xúi quẩy dần lão qua ba đời cặp bìa các tông, đều một màu nâu đen như cái đầu tiên, và hai mươi tư năm được chất thêm lên vai lão. Hai mươi tư năm khổ nhọc mà nghèo túng vẫn hoàn nghèo túng, tuổi thanh xuân của lão cũng theo đó mà tiêu ma, và tham vọng xán lạn về một mùa vàng của chính lão dần hoen ố bởi bao nỗi cay cực. Tuyệt vọng, và cả tổn thương vì biết chắc rằng mình chẳng còn mong hồng gì nổi vào tương lai nữa, lão nhìn vợ cùng hai thằng con trai và hai đứa con gái vẫn hết mực tin tưởng lão mà càng thêm đau đớn. Lão cứ tự hỏi mình đã làm gì nên tội, mà phải sống một cuộc đời mòn mỏi, cạn khô hi vọng như thế? Hay phạm sinh ra là con người, ai cũng phải chịu nỗi khổ này? Lẽ nào Con Tào không đếm xỉa gì đến chuyện chỉnh lại đòn cân cho thẳng thớm – hay cái gọi là công bằng không hề tồn tại trên cõi đời này?

Thường xuyên lui tới nhà thờ xem ra đã trở thành việc quá vô nghĩa lý. Sự hiện diện của lão trong buổi lễ cầu nguyện vào mỗi thứ Sáu càng lúc càng thưa thớt. Lão bắt đầu tìm sự chỉ lối đưa đường trong những phương thức từng một thời bị chính lão ghê tởm, coi là món dành riêng cho lũ người tầm tối.

Các thầy chiêm tinh Ấn và thầy bói chợ khiến lão thấy được an ủi nhiều nhất. Chúng hiến cho lão giải pháp để xử lý những vấn đề tiền bạc, cùng lời khuyên giúp cải thiện tương lai lão, vốn đang biến thành quá khứ với tốc độ chóng mặt. Lão phát hiện ra rằng, những lời phán của bọn này có tác dụng hết như một loại thuốc an thần.

Đến xem chỉ tay và chiêm tinh Tây, lão cũng chẳng từ. Thế rồi, vì muốn tìm loại thuốc nặng đô hơn, lão xoay ra trọng dụng những vị sứ giả kém chính thống hơn: chim bồ câu chọn lá bài, vẹt đọc biểu đồ, bò truyền tin, rắn tiên tri. Lúc nào cũng lo ngay ngáy bị người quen nhận ra giữa những cuộc du ngoạn đáng ngờ của mình, lão bấm bụng từ biệt chiếc mũ đuôi seo quen thuộc, dù lòng rất không đành. Cảm giác ấy chẳng khác nào phải xa rời một người bạn chí thân. Trước nay mới chỉ có một dịp lão chịu bỏ món phục trang thường nhật này, đó là hồi Phong trào li khai bùng nổ năm 1947. Khi ấy, những cuộc tàn sát dân thường xung quanh khu vực biên giới mới xác lập châm ngòi cho bạo loạn ở khắp nơi, và chung diện mũ đuôi seo giữa một khu người Hindu là chuyện nguy hiểm chết người, chẳng kém gì sống trong xứ sở của người Hồi giáo mà vẫn để bao quy đầu vậy. Ở một số nơi, ai khôn ra thì cứ để đầu trần, bởi trong mấy món mũ đuôi seo, mũ trắng và khăn đóng, chỉ cần đội nhầm một thứ là mất đầu như chơi.

Cũng may, những cuộc bói chim lão tham gia được tiến hành khá kín đáo. Lão có thể lĩnh vào một xó nào đó trên phố cùng người chủ của con vật, đưa ra câu hỏi, và con bồ câu hoặc vẹt sẽ rời khỏi lồng để làm đẹp lòng lão.

Bói bò, trái lại, là một cuộc trình diễn hoành tráng, thu hút đông đảo bà con. Lưng phủ kín những tấm vải thêu kim tuyến đủ màu sắc sỡ, cổ đeo một vòng chuông bạc nhỏ xíu, con bò được một người đeo trống dẫn ra giữa vòng tròn khán giả. Khăn áo của gã này đều sáng màu, song trông y có phần mờ nhạt khi đặt cạnh con bò được tô điểm muôn hồng ngàn tía. Cả người lẫn vật đi vòng quanh: một, hai, bao nhiêu vòng tùy ý, cốt sao đủ cho người chủ kể hết lai lịch của con vật, không quên nhấn mạnh đặc biệt vào những lời tiên tri và dự báo đã trở thành hiện thực. Y cất giọng khàn khàn điếc lỗ nhĩ, mắt long sòng sọc, chân tay vung vẩy như hóa rồ, tất cả những biểu hiện quá khích đó đã được tính toán cẩn thận, sao cho hoàn toàn đối trọng với phong thái điềm tĩnh của con bò. Sau khi phần tiểu sử ngắn được xướng xong, đến lượt cái trống vẫn nằm im lìm trên vai y lên tiếng. Cái trống này không phải để gõ, mà để miết. Y tiếp tục dẫn con bò đi vòng tròn, tay cầm dùi miết thật lực lên mặt trống, tạo ra một thứ tiếng rền rĩ ghê người, tiếng nỉ non, tiếng ai oán. Nó là thứ âm thanh hùng tráng đánh thức người chết và làm tê liệt người sống, nó kì dị quái gở, nó là lời hiệu triệu những linh hồn và thế lực không thuộc về nơi trần thế, mời gọi chúng hạ phàm, làm chứng và tương trợ cho nhà tiên tri ngu độn.

Khi cái trống dứt tiếng, người chủ gào to câu hỏi của khách vào tai con vật, đủ để cả đám người đang bu quanh nghe thấy. Con vật trả lời bằng cách gật hoặc lắc cái đầu được trang trí rườm rà, khiến những chiếc chuông bạc nhỏ xíu đeo quanh cổ nó rung lên tinh tang. Đám đông hoan hô rầm rĩ vì ngỡ ngàng và thán phục. Rồi tiếng cọ trống lại vang lên trong khi tiền thưởng được gom về.

Một ngày nọ, câu hỏi của Ibrahim được thét vào vành tai nâu mềm mại, không được che chắn gì của con bò, song con vật không mảy may động cựa. Gã chủ nhắc lại câu hỏi, giọng to hơn. Lần này con vật có phản ứng. Không hiểu do hận tiếng trống đáng ghét mà nó đã phải chịu đựng suốt bao năm trời, hay tiếng gào thét đỉnh tai nhức óc vẫn dội vào tai hết ngày này qua tháng khác, mà nó xĩa thẳng cặp sừng nhuộm đỏ như son vào gã chủ.

Thoạt tiên, những người xem cho rằng con bò chỉ đang hồi đáp câu hỏi một cách nhiệt tình hơn thường lệ. Nhưng rồi nó hất gã chủ xuống đất và luôn chân giầy xéo lên người y. Giờ họ mới nhận ra rằng đó không phải một phần của nghi lễ tiên tri, nhất là khi máu me của y bắt đầu đổ tràn.

Với những tiếng thét “Bò điên! Bò điên!” thất thanh, đám đông chạy tan tác. Tuy nhiên, khi đã trừng phạt xong kẻ tra tấn mình, con bò lại đứng im vẻ bình thản, chom chớp đôi mắt hiền lành có những sợi lông mi rất dài, đuôi phất phơ đuổi lũ ruồi đang vo ve quanh bầu vú.

Cái chết kì dị của gã chủ bò khiến Ibrahim tin chắc rằng đây không còn là phương pháp đáng tin cậy để tìm kiếm lời khuyên của đấng tối cao nữa. Mấy ngày sau, đã có một nhóm bò và người mới chiếm cứ góc phố này, song Ibrahim tránh không ra xem. Hễ còn những cách thức khác, an toàn hơn, để mua sự trợ giúp từ thế lực siêu nhiên.

Thế nhưng, khi sự cố bò điên vẫn còn nhoi nhói trong tâm trí, lão đã phải chứng kiến thêm một cái chết nữa. Lần này là của người điều khiển một con rắn bói thê. Tuyến nọc độc của con vật đầy lại đã lâu song người chủ quên rút đi. Mãi về sau, Ibrahim vẫn không khỏi rùng mình khi tưởng tượng cảnh người bị con rắn cắn ngập răng rất có thể là chính lão, bởi lúc đó lão đã sán lại rất gần vì muốn nhìn cho rõ chuyển động bí hiểm của con vật.

Sốc nặng trước hai cái chết, lão thu tiền nhà cạch hẵn mọi thể loại động vật tiên tri. Như người vừa bước ra từ cơn ác mộng, lão sửa sang lại chiếc mũ đuôi seo bị bỏ rơi bấy lâu và bắt tay vào chỉnh đốn bản thân. Ngồi trước biển khi ánh sáng đại dương của vắng mặt

trời buổi xế bóng nhuộm đỏ ngôi nhà thờ, lừng lơ nơi cuối đường chân trời dài ngút mắt, lão bỗng nhận ra, chỉ vì thói nghiện xem bói hồ đồ của mình, biết bao nhiêu tiền của dành trang trải nhu cầu của gia đình đã bị tước đoạt. Lão trân mắt nhìn con nước thủy triều rút dần, phơi trần những bí mật ẩn dưới lớp sóng bạc, và rùng mình. Những bí mật đen tối của chính lão lại trỗi dậy từ những tầng sâu âm u của hoang mang và tuyệt vọng. Lão gắng sức đẩy lùi chúng, dồn chúng xuống, chôn vùi chúng. Nhưng chúng chuội đi như những con lươn, rồi lại trườn lên để ám lão. Chỉ còn một cách chế ngự chúng – lão quay lại nhà thờ, lòng tràn ngập ăn năn, sẵn sàng chấp nhận mọi thứ mà số phận dành cho mình.

Một trong những thứ đó là chiếc cặp nhựa. Hai mươi tư năm của bìa các tông đã qua đi, nay là thời trị vì của nhựa trong văn phòng nhà đất. Ibrahim cũng chẳng bận tâm nữa. Lão đã ngộ ra rằng, phẩm giá không thể có được nhờ phục sức hay những đồ vật ngoại thân; nó tới mà không chờ ai phải kêu đòi, nó lớn dần cùng năng lực nhẫn nhục của con người. Giá bây giờ công ty phát cho lão một cái sọt của cứu vãn để đội giấy tờ lên đầu mà mang đi khắp nơi, có lẽ lão cũng sẽ nhận mà không buông một lời than phiền nào.

Song cặp nhựa cũng có cái hay–nó chặn đứng bàn tay phá hoại của mùa mưa. Giờ lão hiếm khi phải sao lại những giấy tờ mà mực in đã lở mùa may theo những vòng xoáy điên loạn của nước mưa. Đến cái đặn này, khi tay lão đã bắt đầu run, thì đây quả là một điều may mắn. Thêm nữa, chỉ cần đưa một vệt giẻ ướt là đủ loại vết bẩn do hắt hơi hay hít thuốc, dù xanh hay nâu, đều có thể được lau sạch, không còn khiến lão phải ngượng ngập khi phải trình diện trước ông chủ nữa.

Ở nhà cũng vậy, có những thay đổi lão bắt buộc phải chấp nhận. Mà nói trắng ra, lão còn lựa chọn nào khác đâu?

Đứa con gái lớn của lão chết vì bệnh lao, vợ lão rồi cũng theo gót con. Sau thì hai đứa con trai sa chân vào xã hội đen, lâu lâu lại mò về vùi tiền lão. Đứa con gái còn lại, đúng vào lúc lão mạnh mẽ hi vọng nó sẽ giúp gỡ gạc lại tất cả, bỏ nhà đi làm điểm. Lão bỗng thấy đời mình đã trở thành cốt truyện cho một bộ phim Hindi rẻ tiền, chỉ thiếu cái kết có hậu.

Lão tự hỏi, mình còn làm việc tiếp để làm gì, còn tuần tiểu quanh sáu tòa nhà và thu tiền vì ai? Sao lão không leo lên nóc một tòa mà nhảy quách xuống cho xong? Sao lão không cho cả đám giấy má cùng tiền bạc một mối lửa, rồi tắm đấm dầu hỏa từ đầu đến chân và nhảy luôn vào đó? Nhờ đâu mà quả tim lão vẫn còn đập đều thay vì vỡ tung tóe, thần trí lão vẫn còn tỉnh táo chứ chưa vỡ tan nát như một tấm gương bị đánh rơi? Lẽ nào chúng đều được làm từ những vật liệu tổng hợp bền chắc, giống như chiếc cặp nhựa không gì phá nổi kia? Và vì đâu mà thời gian, kẻ phá hoại sừng sỏ số một, lại bị hờ hững đến thế?

Song ngay cả nhựa cũng chỉ bền bỉ có chừng. Lão phát hiện ra rằng, nó cũng có thể rách và nứt và vỡ, hết như bìa các tông. Cũng như da, như xương thôi. Nghĩ đến đấy, lão thấy nhẹ cả người. Chỉ cần kiên trì chờ đợi. Quả vậy, chiếc cặp hiện tại là chiếc thứ ba thuộc loại này trong hai mươi mốt năm.

Thỉnh thoảng lão lại sẫm soi nó, và soi thấy những nếp nhăn in hằn lên trán mình phản chiếu trên bìa cặp sờn xước. Các ngăn nhựa bên trong cũng tã dần, và những ô cùng túi gọn gàng đang nhăm nhe nổi loạn. Còn ở các bộ phận trong người lão, cuộc nổi loạn đã nổ ra từ lâu. Lão tự hỏi, không hiểu bên nào sẽ thắng trong cuộc chạy đua nực cười giữa nhựa và máu thịt này? Nghĩ tới đây, chân đã bước tới trước cửa căn nhà, lão chùi sạch vết thuốc hít trên mũi và ngón tay, rồi bấm chuông.

Nhác thấy bóng chiếc mũ màu huyết dụ qua mắt cửa, Dina vội ra hiệu cho hai người thợ im lặng. “Đừng hờ một tiếng nào khi lão ta đang ở đây,” cô thì thầm.

“Cô có khỏe không?” Lão thu tiền nhà nỏ nụ cười, phô ra những cái răng vàng xỉn cầu bần cùng hai lỗ trống: nụ cười ngây thơ, ngọt ngào của một thiên thần già cỗi.

Chẳng thèm lý gì đến lời chào của lão, cô nói: “Vâng? Đã đến hạn thu tiền nhà đâu.”

Lão đổi chiếc cặp sang tay kia. “Chưa, cô ạ, chưa đến. Tôi tới để xin câu trả lời của cô cho lá thư của ông chủ.”

“Tôi hiểu rồi. Xin đợi một phút.” Cô đóng cửa lại và vào nhà tìm chiếc phong bì chưa mở. “Tôi để nó đâu nhỉ?” Cô thì thào hỏi hai người thợ.

Cả ba người cùng lục tìm giữa một đống bừa bộn trên bàn. Cô bỗng nhận ra mình đang dán mắt vào Omprakash, ngấm ngón tay cậu quắp lại và nhìn bàn tay cậu chuyển động. Khung hình xương xẩu của cậu không còn làm cô thấy khó chịu nữa. Cô dần phát hiện ở cậu một vẻ đẹp hiếm có, tựa tựa như loài chim.

Ishvar tìm thấy chiếc phong bì dưới một chồng vải. Cô xé nó ra và đọc thật nhanh một lượt, rồi chậm rãi xem lại để ngấm cho thông những thuật ngữ pháp lý. Ý chính của lá thư chẳng mấy chốc đã lộ rõ: Mở doanh nghiệp ngay tại nhà là hành vi bị cấm, cô phải lập tức chấm dứt mọi hoạt động làm ăn của mình, nếu không sẽ bị đuổi.

Má đỏ bừng bừng, cô lao ra cửa. “Cái quái quỷ gì thế này? Bảo ông chủ của ông, rằng mấy trò sách nhiễu của ông ta chẳng ích gì đâu!”

Ibrahim thở dài, khuynh vai lên và cao giọng: “Cô Dalal, tôi đã cảnh báo cô trước rồi! Mọi hành vi vi phạm luật pháp sẽ không được khoan thứ! Lần tới sẽ chẳng có lá thư tử tế nào đâu, mà hẳn một thông báo dọn nhà luôn đấy! Đừng tưởng là...”

Cô đóng sầm cửa lại. Lão lập tức ngừng la lối, bụng mừng thầm vì khỏi phải thuyết hết cả bài. Vừa thở phì phò, lão vừa đưa tay lên chùi trán rồi bỏ đi.

Dina đọc lại lá thư, lòng ngổn ngang. Chỉ mới làm với hai người thợ may được chưa đầy ba tuần mà lão chủ nhà đã đến gây chuyện. Cô chợt nghĩ, không biết có nên kể cho Nusswan, xin anh ta lời khuyên không. Không, cô quyết định, anh ta sẽ chuyện bé xé ra to ngay. Thà rằng cứ tăng lỗ và bí mật làm tiếp.

Giờ cô không còn cách nào khác, ngoài việc đặt thêm niềm tin vào hai người thợ, thuyết phục để họ thấy được sự cần thiết của việc giữ kín mọi hoạt động may vá. Cô bèn đem vấn đề ra bàn với Ishvar.

Họ thống nhất câu chuyện bịa sẽ dùng nếu lão thu tiền nhà có bắt gặp hai bác cháu đến hoặc đi khỏi căn hộ. Họ sẽ bảo lão rằng họ tới để quét dọn và nấu nướng cho cô.

Omprakash tự ái lắm. “Cháu là thợ may, chứ không phải một thằng hầu khổ rách áo ôm chuyên lo quét nhà lau cửa cho cô ta,” cậu hầm hè khi hai bác cháu trở về vào tối hôm ấy.

“Đừng trẻ con thế, Om. Chỉ là chuyện bịa ra để tránh phiền phức với lão chủ nhà thôi mà.”

“Tránh phiền phức cho ai? Cho cô ta. Có gì cháu phải lo? Bác cháu ta còn chẳng được cô ta trả công cho ra hồn. Nếu chúng ta chết ngay ngày mai, cô ta lại kiếm được hai thợ mới ngay thôi.”

“Sao mà mày toàn nói mà không nghĩ thế? Nếu cô ta bị đuổi khỏi nhà, thì ta còn chỗ nào để làm việc nữa? Mày bị làm sao thế? Đây là công việc tử tế đầu tiên ta kiếm được từ lúc lên thành phố.”

“Vậy cháu phải ăn mừng vì chuyện đó ư? Công việc này sẽ giúp chúng ta được vạn sự như ý chẳng?”

“Chỉ mới ba tuần thôi mà. Phải kiên nhẫn, Om ạ. Trên thành phố có rất nhiều cơ hội, rồi mà sẽ có thể biến ước mơ thành sự thực.”

“Cháu chán thành phố lắm rồi. Từ khi đến đây, chúng ta chỉ toàn nếm mùi khổ sở. Cháu chỉ ước mình cứ chết quách ở làng lại hay. Giá mà cháu cũng bị thiêu sống như cả nhà cháu.”

Khuôn mặt Ishvar tối sầm lại, cái má méo mó của ông giần giật trước nỗi đau của thằng cháu. Ông khoác tay lên vai cậu. “Rồi tình hình sẽ khá lên, Om ạ,” ông nài nỉ. “Hãy tin bác, tình hình sẽ khá lên. Rồi ta sẽ trở về làng.”

III

Ngôi làng ven sông

HỒI CÒN Ở LÀNG, hai người thợ may từng là thợ da^[17]; số là, gia đình của họ thuộc đẳng cấp Chamaar^[18], đẳng cấp của những người làm nghề thuộc và gia công da. Nhưng từ xưa kia, trước khi Omprakash ra đời rất lâu, lúc bố cậu, Narayan, và bác cậu, Ishvar, còn nhỏ, một lên mười, một mười hai; bố họ đã cho hai thằng con đi học nghề thợ may.

Các bạn bè của bố họ đều lo sợ thay cho gia đình họ. “Dukhi Mochi^[19] điên rồi,” họ rên lên. “Sao anh ta nỡ giương mắt mà đem tai họa trút xuống chính gia đình mình.” khắp làng trên xóm dưới, ai nấy thất kinh khiếp đảm: Có kẻ đã dám phá vỡ trật tự đẳng cấp vĩnh cửu, rồi quả báo sẽ tới nhanh thôi.

Quyết định chuyển con sang học nghề thợ may của Dukhi quả thật rất dũng cảm, nhất là khi chính bản thân anh đã dành gần trọn cuộc đời ngoan ngoãn tuân theo những lễ thói của hệ thống đẳng cấp. Cũng như các vị cha ông tiên tổ, từ thuở thơ bé, anh đã mặc nhiên chấp nhận nghề nghiệp được định sẵn cho kiếp này của mình.

Khi bắt đầu theo cha học nghề của đẳng cấp Chamaar, Dukhi mới lên năm. Cộng đồng người Hồi giáo ở vùng này rất nhỏ, vì vậy xung quanh đó chẳng có lò mổ nào để người Chamaar đến lấy da. Họ phải đợi cho tới khi có một con trâu hoặc bò nào đó trong làng lăn ra chết. Kế đó, người ta sẽ gọi người Chamaar đến mang con vật xấu số đi. Có lúc bộ da được cho không, có lúc họ phải trả tiền, còn tùy người chủ thuộc đẳng cấp trên của con vật đã bóc lột đủ số ngày lao động không công của người Chamaar trong năm đó chưa.

Người Chamaar lột da con vật, thịt để ăn, còn da đem thuộc, sau có thể chế thành dép, roi, yên ngựa, hoặc túi đựng nước. Dukhi dần học cách biết quý trọng những con vật đã chết, bởi chúng mang lại nguồn sống cho gia đình cậu. Dukhi càng thạo nghề, thì một cách vô hình tích nhưng bên bỉ, làn da của chính cậu càng thấm nhuần thứ mùi đã trở thành một phần hơi hám của bố cậu, đó là mùi thối khắm của thợ làm da mà không gì tẩy nổi, dù anh ta có dầm mình xuống dòng sông trong sạch nhất mà rửa ráy, kì cọ.

Dukhi không nhận ra từng lỗ chân lông của mình đã uống đậm loại mùi ấy cho đến một ngày nọ, vừa ôm con vào lòng, mẹ cậu đã phải nhăn mũi lại mà nói với giọng tự hào pha lẫn buồn tủi: “Con trai mẹ lớn thật rồi, mẹ ngửi thấy mùi khác hẳn.”

Suốt một thời gian sau đó, cậu bé liên tục giở mũi vào nách mà ngửi, xem mùi ấy có còn lẫn quẩn ở đó không. Cậu cứ thắc mắc, nếu da mình bị lột sạch thì nó có mất đi không? Hay nó đã thấm sâu vào tận dưới da? Cậu tự chích mình một cái và ngửi thử máu, nhưng cuộc thí nghiệm bất thành, bởi giọt ruby đỏ nhỏ xíu trên đầu ngón tay cậu chưa phải một mẫu vật đủ tiêu chuẩn. Còn thịt và xương thì sao, mùi thối có ngấm vào tận đó không? Chẳng phải cậu muốn nó biến mất đâu; cậu thấy hãnh diện vì mình có mùi giống bố là đằng khác.

Ngoài công việc thuộc và gia công da, Dukhi còn học được thế nào là thân phận của một kẻ sinh ra làm kiếp Chamaar, là tiện dân, trong xã hội thôn làng. Mảng giáo dục này không đòi hỏi bất cứ chỉ dẫn đặc biệt nào. Giống như đủ thứ máu me phân lông dơ bẩn của những con vật chết luôn vấy dẫm trên người hai bố con khi họ làm việc, những tín hiệu của chế độ đẳng cấp cũng vãi rớt khắp nơi. Và nếu như vậy còn là chưa đủ, thì đã có những

câu chuyện của người lớn, những cuộc đối thoại giữa bố và mẹ cậu, giúp lấp đầy lỗ hổng kiến thức của cậu về thế giới xung quanh.

Ngôi làng nằm bên một con sông nhỏ, người Chamaar chỉ được phép sống trong một khu vực dưới hạ lưu, cách xa người Bà la môn và các nhà địa chủ. Tối tối, bố Dukhi cùng những người đàn ông Chamaar khác ngồi dưới một tán cây, trong địa phận dành riêng cho mình, để hút thuốc, rồi chuyện gẫu về một ngày sắp qua và một ngày mới sẽ tới vào sáng mai. Tiếng chim kêu xao xác vây lấy tiếng chuyện trò của họ. Ở ngoài xa, trên bờ sông, những cột khói bếp bốc cao, nhắc nhở người ta về cái bụng đang cồn cào. Còn ở bên dưới, đủ thứ rác thải của đẳng cấp cao nổi nhau trôi lênh phênh trên dòng nước lờ đờ.

Dukhi đứng nhìn từ phía xa, chờ tới lúc bố về. Trời càng ngả về tối, bóng hình của mấy người đàn ông càng nhòa dần. Chỉ một lát sau, Dukhi đã không thể nhìn thấy gì khác ngoài đốm lửa leo lét trên đầu điếu thuốc họ hút, bay chờn vờn lên xuống theo từng cử động của bàn tay như những con đom đóm. Rồi đốm lửa tắt ngấm, cái nọ nổi cái kia, và cả nhóm tản đi, ai về nhà nấy.

Vừa ngồi ăn tối, bố Dukhi vừa kể lại với vợ mọi việc ông đã tai nghe mắt thấy trong ngày hôm đó.

“Con bò nhà Thầy cả [\[20\]](#) bị ốm rồi. Ông ta đang cố bán tháo đi trước khi nó chết.”

“Nếu nó chết, ai sẽ được? Đã đến lượt mình chưa?”

“Chưa, đến lượt Bhola. Nhưng vừa rồi, ở chỗ làm, anh ta bị vu cho tội ăn trộm. Kể cả Thầy cả có cho anh ta lấy con bò đi nữa, thì thế nào anh ta cũng cần tôi giúp một tay. Hôm nay họ vừa chặt cụt hết ngón tay trên bàn tay trái của anh ta rồi.”

“Bhola bị thế là còn may đấy,” mẹ Dukhi nói. “Năm ngoái Chhagan mất nguyên cả bàn tay, cũng vì tội ấy.”

Bố Dukhi tợp một ngụm nước và súc sòng sọc trong miệng trước khi nuốt xuống. Ông đưa mu bàn tay lên quệt ngang môi. “Dosu bị ăn một trận roi vì dám xớ rớ gần giếng nước. Cái thằng, chẳng biết gì cả.” Trong chốc lát, ông chỉ ngồi nhai trong im lặng, lắng tai nghe tiếng ếch nhái kêu uôm uôm trong đêm tối ẩm ướt. Bỗng, ông hỏi vợ: “Bu nó không ăn gì à?”

“Hôm nay em kiêng.” Trong bộ mặt ngữ của bà, như thế có nghĩa là nhà đang khan gạo.

Bố Dukhi gặt đầu, đoạn đưa lên miệng một nhúm cơm to.

“Lâu nay bu nó có gặp vợ Buddhu không?”

Vợ ông lắc đầu. “Lâu rồi chưa gặp.”

“Phải còn chán nữa mới gặp lại. Chắc chị ta đang trốn trong lều. Số là, chị ta không chịu ra đồng với con trai lão địa chủ, thế là bị người ta cạo đầu rồi dẫn đi bêu quanh đình.”

Cứ thế, đêm nào Dukhi cũng nghe bố thuật lại những sự kiện xảy ra trong làng, không hề thêm mắm dặm muối. Qua những năm tháng ấu thơ, cậu đã thu được cả một bộ bách khoa thư hoàn chỉnh về những tội lỗi có thật và tưởng tượng mà một người thuộc đẳng cấp thấp có thể mắc phải, và những hình phạt đi kèm luôn khắc sâu trong tâm trí cậu. Đến khi bước vào tuổi vị thành niên, cậu đã lĩnh hội xong toàn bộ những kiến thức mình cần để có thể nhận diện ranh giới đẳng cấp mà cậu không bao giờ được phép vượt qua, để tồn tại được trong ngôi làng này như các vị cha ông của mình, với hai người bạn đồng hành thủy chung là sự nhục mạ và lòng nhẵn nhụi.

Sau khi Dukhi Mochi bước sang tuổi mười tám không lâu, bố mẹ cưới cho anh một cô gái Chamaar tên là Roopa, lúc ấy mới mười bốn tuổi. Trong sáu năm đầu về ở với anh, chị sinh được ba đứa con gái. Không đứa nào sống quá vài tháng.

Rồi họ có một đứa con trai, cả nhà mừng không để đâu cho hết. Thằng bé được đặt tên là Ishvar, và Roopa chăm chút nó với nhiệt tâm và lòng sùng kính đặc biệt mà chị đã học được là chỉ dành riêng cho con trai. Chị cố xoay xở đủ đường, sao cho thằng bé không bao giờ phải thiếu ăn. Bản thân chị phải nhịn đói đã đành—ấy là lẽ đương nhiên, ngày thường chị vẫn nhịn để Dukhi có cái bỏ mồm. Nhưng vì con, chị không ngại cả đi ăn trộm. Và chị không biết một bà mẹ nào lại không liều lĩnh làm chuyện tương tự vì con trai mình.

Sau khi sữa cạn, Roopa bắt đầu mở những chuyến viếng đêm tới lũ bò của các nhà địa chủ. Đợi chồng con ngủ say, tầm giữa nửa đêm và lúc gà gáy, chị rón rén rời khỏi lều, tay cắp chiếc bình đồng. Con đường mòn tối đen như mực, nhưng chị bước đi không mấy may vấp vấp nhờ đã ghi nhớ rất rõ buổi ban ngày, cũng bởi mang đèn theo thì quá nguy hiểm. Bóng tối quét lên má chị như một cái mạng nhện. Đôi khi, đó là mạng nhện thật.

Ở mỗi con bò, chị chỉ dám vắt một tí sữa; làm thế, chủ bò sẽ không phát hiện ra sự hao hụt. Sáng ra, nhìn thấy sữa, Dukhi hiểu ngay. Có những lúc, anh tỉnh dậy giữa đêm, đứng lúc vợ đang lên đi. Anh không nói năng gì, chỉ nằm run cầm cập chờ đến khi vợ về. Anh cứ nhấp nhẩm không biết có nên giành đi thay vợ không.

Ít lâu sau, Ishvar đến tuổi thay răng sữa. Hàng tuần, Roopa bắt đầu mò đến các vườn quả đang mùa rộ trái, sẵn sàng cho thu hoạch. Trong đêm tối, ngón tay chị nắn tìm quả chín rồi mới hái. Lần này, chị cũng chỉ cho phép mình được hái mỗi cây vài quả, để không ai nhận ra sự biến mất của chúng. Màn đêm xung quanh tràn ngập tiếng thở của chính chị, cùng tiếng vô số loài vật tí hon bỏ chạy nháo nhác dưới bước chân chị qua.

Một đêm nọ, chị đang hái cam thả vào bị, thì một đốm đèn lồng bông lóa lên giữa những tán cây. Trên khoảnh đất trống nhỏ hẹp có một người đàn ông ngồi trên chiếc võng đan bằng tre và thừng đang nhìn chị. Mình xong đời rồi, chị vụt nghĩ, tay buông rơi bị cam và dậm chân bỏ chạy.

“Đừng sợ,” người đàn ông lên tiếng. Hắn nói giọng dịu dàng, tay cầm một cây gậy to gộc. “Cô em có hái vài quả cũng chẳng hại gì.” Chị quay lại, mồm thở hào hển vì khiếp đảm, trong bụng hoang mang không biết có nên tin lời hắn nói không.

“Đừng ngại, hái mấy quả nữa đi,” hắn tươi cười nhắc lại. “Lão chủ thuê tớ trông vườn. Nhưng tớ thấy kệ. Lão là một thằng nhà giàu khốn nạn.”

Roopa sợ sệt nhặt chiếc bị lên và tiếp tục hái cam. Ngón tay chị run lẩy bẩy, làm một quả cam rơi xuống khi chị cố thả nó vào miệng bị. Chị liếc trộm phía sau mình. Đôi mắt của gã đàn ông hau háu quần lấy thân hình chị; khiến chị cảm thấy bất an. “Cháu xin đội ơn ông,” chị nói.

Hắn gật đầu. “May cho cô em là tớ canh ở đây, chứ không phải một thằng khốn nào đấy. Đừng ngại, cứ hái thoải mái.” Hắn khẽ ngâm một khúc nhạc chẳng ra điệu gì. Nghe như một hỗn hợp tiếng rên rỉ pha lẫn tiếng thở dài. Hắn ngừng ngâm nga, chuyển sang huýt sáo. Song kết quả vẫn phi nhạc tính hết như cũ. Hắn ngáp dài và im lặng, nhưng vẫn không rời mắt khỏi chị.

Roopa ước chừng hái như thế là đủ, đã đến lúc cảm ơn gã đàn ông để về nhà. Đọc được động thái của chị, hắn nói: “Tớ chỉ cần hô một tiếng là chúng sẽ đổ tới đây ngay.”

“Dạ?” Chị thấy nụ cười của hắn bỗng tắt ngấm.

“Tớ chỉ cần hô lên, là lão chủ vườn cùng lũ con trai lão sẽ chạy tới đây ngay. Chúng sẽ lột truồng cô em ra và đánh cho cô em lên bờ xuống ruộng vì tội ăn trộm.”

Chị run rẩy, và nụ cười trở lại trên môi gã. “Đừng lo, tớ sẽ không hô hoán câu nào đâu.” Chị bèn buộc chặt miệng bị, thì hần tiếp lời: “Đánh cô em xong, chắc bọn chúng sẽ làm nhục cô em, bôi nhọ danh giá của cô em. Thế nào bố con nó cũng thay nhau làm những trò tởm lợm trên tấm thân mềm mại của cô em.”

Roopa chấp tay lại tạ ơn và chào từ biệt.

“Làm gì mà về vội thế, cô em cứ hái bao nhiêu tùy thích,” hần nói.

“Đội ơn ông, cháu lấy đủ rồi ạ.”

“Có chắc không? Nếu cô em muốn, tớ sẽ cho thêm, dễ như bỡn ấy mà.” Hần đặt cây gậy xuống và rời vồng đứng lên.

“Đội ơn ông, thế này là đủ rồi ạ.”

“Thế hả? Ấy, nhưng cô em cứ thế mà đi thì không được,” hần vừa nói vừa cười hềnh hếch. “Cô em đã trả ơn tớ đâu.” Hần bước về phía chị.

Chị bước lùi lại, đoạn cổ rạn ra một tròng cười. “Nhà cháu thì làm gì có gì. Thế nên cháu mới phải vì con mà đang đêm hôm mò đến đây.”

“Có chứ lì.” Hần giơ tay ra và bóp mạnh vú trái của chị. Chị vội gạt tay hần ra. “Tao chỉ cần hô một tiếng thôi,” hần dọa, và sục tay vào áo chị. Chị run bắn người trước sự đụng chạm đó, nhưng lần này không dám phản ứng gì.

Hần lôi chị đang khóc khóc meo meo đến chỗ cái vồng và giật tung ba cái khuy áo trên cùng của chị. Chị vội đan chặt hai tay trước ngực. Hần dần tay chị xuống, và vục miệng vào vú chị, hòng hần bật ra tiếng cười nho nhỏ khi thấy chị cố giẫy ra. “Tao đã cho mày bao nhiêu cam thế còn gì. Thế mà mày không cho tao nếm cặp xoài đường của mày được à?”

“Xin ông tha cho cháu.”

“Đợi khi nào mày ăn xong quả cà của tao đã. Cởi quần áo ra.”

“Cháu lạy ông, ông tha cho cháu.”

“Tao chỉ cần hô một tiếng thôi.”

Vừa khóc thút thít, chị vừa cởi quần áo ra và nằm xuống theo lời hần. Chị khóc mãi không thôi trong suốt khoảng thời gian hần thúc kéo và thở hồng hộc trên người chị. Chị nghe thấy gió lay những chiếc lá trên cây xào xạc, như những tên lính canh câm lặng. Một con chó tru lên, xui những con khác cất hàng tràng rền rĩ không dứt. Dầu dừa bôi trên tóc gã đàn ông quét vô số vết lên mặt, lên cổ chị, vấy bẩn ngực chị. Mùi dừa nồng nặc xộc thẳng vào mũi chị.

Vài phút sau, hần rời cơ thể chị và vật sang một bên. Roopa bèn vớ hết quần áo cùng bị cam, rồi cầm đầu chạy qua vườn trong cảnh trần truồng. Khi đã chắc chắn gã đàn ông kia không đuổi theo, chị mới dám dừng lại để mặc quần áo.

Thấy vợ chui vào lều, Dukhi vờ như đang ngủ say. Suốt đêm đó, anh nghe tiếng vợ nức nở ghen ngào mấy bận.

Ngửi mùi trên người vợ, anh đoán được ngay chuyện gì đã xảy ra trong lúc chị lên đi. Trong lòng anh những muốn quay sang với vợ, nói cùng chị, an ủi chị. Nhưng anh chẳng

biết nói sao cho phải; vả lại, anh cũng sợ, không muốn biết nhiều quá. Anh đành lặng lẽ khóc, trút hết nhục nhã, căm hận, tủi hổ vào những giọt nước mắt; anh chỉ ước sao mình chết ngay đêm ấy.

Sáng hôm sau, Roopa làm như không có việc gì xảy ra. Vì vậy Dukhi cũng chẳng nói gì, và họ ăn cơm.

Hai năm sau khi Ishvar ra đời, Roopa và Dukhi có thêm một đứa con nữa. Thằng bé được đặt tên là Narayan. Trên ngực nó có một vết bớt màu đỏ sậm. Bà cụ hàng xóm giúp đỡ để cho Roopa bảo, bà đã từng thấy một vết bớt y như thế. “Như thế nghĩa là nó có một trái tim can đảm và rộng lượng. Thằng bé này sẽ làm cô nở mày nở mặt lắm đây.”

Tin tức về cậu con trai thứ hai đã khuấy động nổi tị hiềm ở khắp các gia đình đẳng cấp cao từng làm đám cưới trong cùng khoảng thời gian Roopa và Dukhi lấy nhau, nhưng cô vợ chưa có con cái gì, hoặc vẫn đang chờ một mụn con trai. Không hận sao được—mỗi đứa con gái chào đời thường mang lại cho họ những trận đánh như tử tử chồng và gia đình nhà chồng. Nhiều lúc họ còn bị ép phải bí mật giết bỏ đứa trẻ mới sinh. Khi ấy, họ không còn cách nào khác ngoài lấy tã quấn cho nó ngộp thở, đầu độc nó, hoặc bỏ đói nó đến chết.

“Trời đất đảo điên hết cả rồi!” Họ rên rầm. “Sao trong nhà của một thằng tiện dân lại có tới hai đứa con trai, mà ở nhà chúng ta thì đến một đứa cũng không có?” Một thằng Chamaar thì có gì để truyền cho con trai đâu, mà thần thánh phải hậu đãi nó thế? Không ổn, Luật Manu^[21] đã bị phá vỡ rồi. Chắc hẳn có kẻ nào đó ở trong làng này đã lỡ làm gì xúc phạm đến các vị thần, cần phải tổ chức những nghi lễ đặc biệt để tạ lỗi với các thần, để các ngài rút lộc con trai xuống những chiếc liễn rỗng này.

Tuy nhiên, một cô vợ không con lại nghĩ ra một giả thuyết khác, thực tế hơn, để lý giải vì sao họ chưa có con trai. Theo ý cô ta, rất có thể hai thằng bé này không phải con của Dukhi. Chắc hẳn gã Chamaar này đã tìm đến một vùng xa xôi nào đó, và bắt cóc hai đứa trẻ mới sinh của một gia đình Bà la môn—mọi chuyện thế là sáng tỏ.

Lời ông tiếng ve càng lan xa, Dukhi càng lo sợ cho sự an toàn của gia đình mình. Để phòng xa, anh cố sức tỏ ra khúm núm hơn hẳn lệ thường. Mỗi khi nhìn thấy những người đẳng cấp cao trên đường, anh quỳ mọp xuống, song ở một khoảng cách an toàn—có thể anh mới không bị kết tội làm họ ô uế bằng cái bóng của mình. Hàng rìa mép bị cạo sạch, dù rằng độ dài và hình dáng của nó hoàn toàn tuân thủ luật đẳng cấp, đầu rìa cụp xuống nom hết sức mọn mẫn, không giống như những hàm rìa đẳng cấp cao đầy kiêu hãnh luôn chải vểnh lên trời. Anh chỉ dám khoác lên người chính mình và hai thằng con những thứ giẻ rách bẩn thỉu nhất anh tìm thấy trong gia tài nghèo nàn của mình.

Để tránh bị phạt vì tội làm ô nhiễm, anh nhắc Roopa không được bén mảng tới gần khu vực giếng làng; đã có bạn chị, Padma, mang nước uống đến cho cả nhà. Dù bị sai làm việc gì, Dukhi cũng cầm đầu làm mà không dám thắc mắc một câu, không nghĩ đến chuyện được trả công, luôn giữ ánh mắt cách thật xa khuôn mặt của người đẳng cấp cao và dán chặt xuống nơi an toàn nhất là bàn chân mình. Anh thừa hiểu, chỉ cần ai đó hơi thấy chướng tai gai mắt với mình, thì chuyện sẽ lập tức bị thổi bùng lên thành những ngọn lửa cuốn nuốt cả gia đình anh.

May sao, phần lớn những người thuộc đẳng cấp cao đều bằng lòng với việc triết lý miệt mài về vấn đề tử cung hoang hóa và dừng lại ở đó. Họ lập luận rằng, rõ ràng thế giới đang trải qua Kaliyug^[22], Kỷ Nguyên Đen Tối, và những bà vợ không có con trai đâu phải là điều bất thường trong trật tự thế gian. “Cứ xem vụ hạn hán mới đây thì rõ,” Họ nói. “Chúng ta đã thực hiện đầy đủ mọi nghi lễ, thế mà vẫn hạn hán như thường. Rồi đến khi mưa xuống, thì

cứ gọi là suối tràn thác đổ; nhớ mấy trận lũ đó không, bao nhiêu nhà cửa đã bị cuốn trôi. Còn cả con bê hai đầu ở xã bên nữa chứ?”

Chưa một ai trong làng từng nhìn thấy con bê hai đầu, bởi đường xá xa xôi quá, chẳng có cách nào sang bên đó và trở về nhà an toàn trước khi trời tối. Song ai nấy đều đã được nghe kể về cái quái thai. “Phải, phải,” tất cả đều gật gù.

“Các Thầy cả nói phải lắm. Mọi tai ương xảy ra với bọn ta đều từ Kaliyug mà ra.”

Cách khắc phục, theo các Thầy cả đề xướng, là phải tuân thủ trật tự pháp điển sát sao quyết liệt hơn nữa. Mỗi con người đều có một vị trí thích hợp trên thế gian này, và chỉ cần mỗi người đều biết thân biết phận, tất cả đều có thể bình an vượt qua Kaliyug. Song nếu có bất cứ hành vi vi phạm nào—nếu chẳng may trật tự bị làm ô uế—thì không ai nói trước được những tai họa nào sẽ đổ xuống vũ trụ này.

Sau khi mới đồng thuận được thiết lập, dân làng bỗng thấy số trận roi ban xuống cho các thành viên của đẳng cấp tiện dân tăng vọt theo công cuộc đánh cho thế giới trở về quy củ của các chúa đất và các Thầy cả. Tội trạng thì muôn hình muôn vẻ và nặng tính tượng tượng: một tên Bhunghi^[23] dám để đôi mắt dơ bẩn của mình chạm vào ánh mắt một người Bà la môn; một tên Chamaar đi sai phía trên con đường tới đền và làm nó vấy bẩn; một tên khác lại lang thang gần khu vực đang làm lễ và vô tình để đôi tai hèn hạ của mình nghe thấy những tiếng tụng kinh thiêng liêng; một đứa bé gái Bhunghi chưa xóa sạch vết chân của mình in trên nền đất sân nhà của một chúa đất sau khi dọn dẹp xong – con bé kêu van là tại cây chổi của nó cùn quá, nhưng ai chấp nhận được lý do đó?

Dukhi cũng góp một phần da thịt vào sự nghiệp giằng vũ trụ khỏi nanh vuốt của Bóng Tối. Anh được gọi đi chăn một đàn dê. Ông chủ có việc phải rời làng trong ngày. “Trông cho cẩn thận vào,” y dặn, “nhất là con dê sừng cụt râu dài ấy. Nó quý quyết lắm đấy.” Đổi lại, ông chủ hứa trả công cho anh một cốc sữa dê.

Suốt buổi sáng, Dukhi để mắt đến đàn dê từng tí một, khoan khoái tưởng tượng Ishvar và Narayan sẽ sung sướng đến nhường nào khi được uống sữa dê. Nhưng về chiều, tiết trời nóng bức, anh ngủ quên mất. Lũ dê chạy tán loạn, đi lạc vào đất đai của một người hàng xóm. Tối đến, khi ông chủ về đến nhà, thay vì cốc sữa, Dukhi phải xơi một trận roi.

Trả giá như thế hăng còn rẻ chán, anh cảm thấy thế, chứ phải lúc lão chủ lên cơn đồng bóng, thì hậu quả thật không biết thế nào mà kể. Đêm đó, Roopa lên đi trộm bơ để bôi vào những vết sưng tấy trên lưng và vai chồng.

Bơ là món Roopa có thể ăn trộm mà không mảy may chớp mắt. Thật ra, chị còn không coi đó là ăn trộm. Mà nói cho cùng, chẳng phải cách đây hàng ngàn năm, chính thần Krishna đã lấy đó làm nghề chính trong suốt thời niên thiếu, khi còn ở Mathura đấy ư?

Đến tuổi thích hợp, Dukhi bắt đầu dạy cho các con những kỹ thuật của thứ nghề nghiệp đã được cùm vào cổ chúng từ thuở lọt lòng. Khi được dẫn đi lấy con vật chết đầu tiên trong sự nghiệp của mình, Ishvar mới bảy tuổi. Narayan đòi đi theo, nhưng Dukhi bảo chưa đến lúc, nó còn bé quá. Anh hứa sẽ cho nó giúp vài việc như xát muối lên da, cạo lông và lột bỏ những mẩu thịt thối bằng một con dao cùn, và hái quả chiêu liêu để thuộc da. Nghe thế, Narayan sướng lắm.

Dukhi và Ishvar đến trại của chúa đất Premji cùng mấy người Chamaar nữa, và được dẫn ra đồng, nơi con trâu nằm chết. Một con diệc đậu trên cái xác đen thùi lù, đang mổ chấy rận. Thấy đám người đi tới, nó vội vỗ cánh bay đi.

Hàng đám mây ruồi bay vo ve quanh con vật.

“Nó chết chưa?” Dukhi hỏi.

“Dĩ nhiên là chết rồi,” gã người làm nhà chúa đất nói. “Chúng mày tưởng nhà tao điên hay sao mà đem cho trâu sống?” Hấn lắc đầu, lăm bằm chửi rửa đầu óc tối tăm của bọn tiện dân, và bỏ đi, để mặc nhóm người lo liệu nốt.

Dukhi cùng mấy người bạn đẩy chiếc xe bò ra đằng sau con trâu; một tấm phản gỗ được bắc từ sàn xe đến chỗ con vật nằm. Họ túm chân nó và bắt đầu kéo dần từng chút một lên tấm phản, vừa kéo vừa đổ nước ướt mặt gỗ để khối thịt trượt đi dễ dàng hơn.

“Xem này!” Một người kêu lên. “Nó vẫn còn sống, nó đang thở đấy!”

“Giời ạ, be bé cái mồm thôi, Chhotu!” Dukhi vội nạt. “Kẻo bọn chúng không cho ta lấy nữa bây giờ. Đằng nào nó cũng sắp chết rồi, cùng lắm chỉ sống được vài tiếng nữa thôi.”

Họ lại tiếp tục công việc, mồ hôi vã đầm đìa, miệng hậm hực không ngớt. Trong khi đó, Chhotu luôn mồm lăm bằm rửa xả lão chúa đất. “Thằng chó đạo đức giả. Hại bọn ông gây cả lung. Giá được giết con trâu tại chỗ, lột da rồi xả thành từng miếng nhỏ thì có phải đỡ không.”

“Đúng vậy,” Dukhi nói. “Nhưng đời nào Quý ngài Cút Đẳng Cấp Cao cho phép làm thế? Sự thanh khiết của đất đai nhà lão sẽ bị vấy bẩn mất.”

“Trên người lão chỉ có độc một món đẳng cấp cao, ấy là cái dải khoai biết ăn thịt,” Chhotu nói. “Đêm nào nó chả xơi cái lồn đẳng cấp cao của mụ vợ.”

Mấy người đàn ông cười khùng khục, rồi lại ráng sức kéo. Một người bảo: “Người ta thấy tuần nào lão cũng mò lên tỉnh một lần. Xực hết gà, rồi cừu, bò, thích gì ăn nấy.”

“Chúng nó thằng nào chả thế,” Dukhi nói. “Trước bàn dân thiên hạ thì ăn chay, về nhà lại ăn mặn. Nào, đẩy đi!”

Ishvar vừa chăm chú lắng nghe câu chuyện của người lớn, vừa vươn đôi tay bé nhỏ ra đẩy giúp trong tiếng reo hò cổ vũ của mọi người. “Sắp được rồi! Đẩy đi, Ishvar, đẩy! Mạnh lên, mạnh nữa lên!”

Đột nhiên, ngay giữa tiếng đùa cợt và rửa xả và trêu chọc, con trâu bất thần sống lại, ngóc đầu lên một lần cuối trước khi gục hẳn. Đám người lớn kêu toáng lên vì kinh hãi và nhảy lùi hết lại để tránh đôi sừng. Nhưng chót sừng đã xỉa thẳng vào má trái của Ishvar, khiến cậu bé chết sững. Cậu ngã lăn ra.

Dukhi bế thốc con lên và hối hả chạy về nhà. Đôi chân anh ướt cặn quặng đường bằng những hớp gấp gáp. Bóng đen buổi chính Ngọ hắt xuống từ hai hình người bóng bệ nhau dính chặt lấy gót anh không rời. Trên lông mày anh, mồ hôi túa ra đầm đìa, nhỏ tong tong xuống mặt con. Ishvar rùng mình, lười cậu bé thè ra và ném ngay phải thứ nước mặn mặn của bố chảy trên môi mình. Dukhi nhẹ cả người, tim dịu lại khi nhìn thấy chút dấu hiệu của sự sống đó.

“Ồi làng nước ơi!” Roopa rú lên thất thanh khi nhìn thấy con máu me bê bết. “Bố thằng Ishvar, mình làm gì con tội thế này! Làm sao phải vội đưa nó đi ngay hôm nay mới xong? Nó còn bé bỏng là thế! Đợi nó lớn tí nữa không được hay sao?”

“Nó đã bảy tuổi rồi,” Dukhi nhẹ nhàng đáp. “Hồi bố đưa đi làm, tôi mới năm tuổi.”

“Mình nói thế mà nghe được à? Chả lẽ nếu mình bị thương rồi chết lúc lên năm, mình cũng làm thế với con ư?”

“Nếu chết lúc lên năm, thì tôi còn có con sao được,” Dukhi đáp, giọng còn dịu dàng hơn nữa. Anh bèn đi hái mấy thứ lá cầm máu và băm thật nhỏ, cho đến khi nó gần quánh lại như keo. Xong xuôi, anh quay lại làm việc tiếp.

Roopa rửa sạch vết thương và đắp thứ lá thuốc xanh sậm lên. Lát sau, khi chị đã bình tĩnh trở lại, cơn giận chồng nguôi ngoai dần. Chị buộc mấy lá bùa hộ mệnh lên tay hai đứa con, tự lý giải rằng chính ánh mắt quỷ dữ của lũ đàn bà Bà la môn đã làm Ishvar bị thương.

Còn các bà các cô không có con cũng cảm thấy an tâm phần nào: vũ trụ đang trở về trật tự bình thường; mặt của con thằng tiện dân không còn lạnh lặn nữa mà đã thành ra méo mó, đúng như nó vốn phải thế.

Đến tối, Dukhi về nhà và ngồi bệt xuống đất, chỗ góc lều nơi anh vẫn ngồi ăn. Ishvar và Narayan rúc vào lòng bố, hít hà mùi thuốc lá quện trong hơi thở của bố, nhất thời pha loãng bớt mùi thối của da, tanin, và thịt rữa. Roopa trải đều từng miếng bột tươi ra, mùi thơm của bánh đang nướng khiến bụng mấy bố con sôi sùng sục.

Vết thương sưng tấy mất mấy ngày rồi cũng lành dần, chẳng bao lâu sau đã không còn gì đáng ngại nữa. Dầu vậy, nó khiến một phần khuôn mặt Ishvar mãi mãi liệt cứng.

Muốn xuê xoa bớt chuyện này, bố cậu bảo: “Thượng Đế muốn con trai bố chỉ khóc lóc bằng một nửa những người trần khác đây mà.”

Anh muốn lờ đi một sự thật, rằng cả nụ cười của Ishvar từ nay cũng chỉ hiện lên trên một nửa khuôn mặt.

Năm Ishvar lên mười và Narayan lên tám, mưa rơi như trút. Dukhi phải vất vả suốt mấy tháng mùa mưa, đi rút trộm hàng ôm rạ để che cho mái lều khỏi dột. Đồng ruộng được uống no sau trận hạn hán dài, gia súc đều phởn phơ khỏe mạnh. Dukhi chỉ hoài công chờ, chẳng có con nào chết để anh lấy da.

Thời tiết vẫn tiếp tục thuận hòa, hứa hẹn một vụ mùa bội thu cho các nhà địa chủ, nhưng đối với tầng lớp tiện dân chẳng có tác đất cầm dùi nào, đó là một mùa ảm đạm. Khi nào đến vụ gặt, sẽ có việc cho họ làm, nhưng từ giờ tới lúc đó, họ phải sống nhờ vào cửa bố thí hoặc từng chút công việc nhọc nhằn mà các địa chủ vớt cho họ với ánh mắt dè chừng.

Sau vài ngày ngồi chơi xơi nước, Dukhi mừng hóm khi được chúa đất Premji gọi. Anh được dẫn ra sau nhà, ở đó có một bao ốt đỏ khô đang chờ được nghiền thành bột. “Một mình mày làm liệu có xong trước khi mặt trời lặn không?” Chúa đất Premji hỏi. “Hay để tao gọi hai đứa.”

Vì ngại không muốn phải chia sẻ bất kì món công xá nhỏ nhoi nào mình có thể được nhận, Dukhi bèn nói: “Ngài đừng lo, tất cả sẽ xong xuôi trước khi mặt trời biến mất.” Anh xúc ốt đỏ đầy chiếc cối đá khổng lồ và chọn lấy một trong ba cái chày dài, nặng nằm cạnh đó. Anh hăm hở giã, miệng luôn luôn tươi cười với lão chúa đất, lúc ấy vẫn còn nán lại xem anh làm.

Khi lão đi khỏi, Dukhi mới chậm tay chày lại. Nhịp giã nhanh đều chỉ duy trì được khi có ba người đứng quanh cối nối nhau hạ chày. Đến giờ cơm trưa, anh đã giã được nửa bao, và nghỉ tay để ăn. Nhìn quanh không thấy ai để ý, anh rón rén ra chỗ cối và bốc một nhúm bột ốt rắc vào đĩa cơm của mình. Anh lấy vừa kịp, vì ngay sau đó, lão chúa đất sai một gã người làm mang vào một bình nước.

Đến cuối chiều, khi bao ốt đã gần cạn, thì tai nạn xảy ra. Không hề báo trước, đúng lúc cây chày giáng xuống và bật lên như nó đã làm suốt một ngày dài vừa qua, cái cối nứt

thành hai nửa gọn ơ và đổ lăn lóc. Một nửa rơi đúng vào chân trái của Dukhi và nghiền nát nó.

Vợ lão chúa đất lại đang đứng bên cửa sổ bếp trông xuống. “Ồi giờ ơi, mình ơi! Xuống đây mau lên!” Mụ the thé. “Con lừa Chamaar vừa phá tan cái cối nhà ta rồi!”

Tiếng thét của mụ khiến chúa đất Premji choàng tỉnh. Lão đang gà gật dưới mái hiên trước nhà, tay bế một đứa cháu. Lão đưa đứa bé đã ngủ say cho một đứa ở rồi chạy vội ra chái sau. Dukhi đang bò lê bò cang dưới đất, cố bằng bàn chân đầm đìa máu bằng mảnh vải anh vẫn quấn quanh đầu làm chiếc khăn con.

“Đồ súc vật đần độn, mày đã làm gì thế kia! Tao thuê mày về phá đấy ư?”

Dukhi vội ngẩng đầu lên. “Xin ngài tha cho con. Quả thực con không làm gì cả. Chắc chắn trên đá đã có chỗ nứt từ trước rồi.”

“Nói láo!” Lão giơ cây gậy lên đầy đe dọa. “Đã làm vỡ cối còn dám nói dối tao à! Nếu mày không làm gì thì nó vỡ sao được? Một món đồ to nặng, tạc bằng đá cứng nhường ấy! Có phải thủy tinh đâu mà động tí là tan?”

“Con xin thề trên đầu hai thằng con con,” Dukhi van lạy. “Con chỉ đang già ợt như đã làm suốt ngày hôm nay. Ngài nhìn mà xem, bao ợt đã gần hết rồi, công việc...”

“Đứng dậy! Cút khỏi đất của tao ngay! Tao không muốn nhìn thấy mặt mày nữa!”

“Nhưng thưa ngài, công việc...”

Lão vung gậy quát lên lưng Dukhi. “Tao nói rồi, đứng dậy! Và cút đi!”

Dukhi ráng đứng lên, tập tễnh lùi lại, ra ngoài tầm với của lão. “Xin ngài rủ lòng thương, mấy ngày nay con chưa có tí việc nào, con không...”

Lão chửi sa sả: “Mày nghe đây, thằng chó thối tha! Mày vừa phá hoại đồ nhà tao, thế mà tao vẫn tha cho mày về! Nếu tao không phải một thằng ngu dễ mềm lòng, thì tao đã dắt mày ra đồn cho cảnh sát xử rồi. Giờ thì cuốn xéo mau!” Đoạn, lão lại giơ gậy vụt lia lịa.

Dukhi cố né, nhưng chân đau, không chạy nhanh nổi. Vài cú đánh đã tìm đến đúng địa chỉ trước khi anh kịp lách qua cổng. Anh tập tễnh chạy về nhà, vừa bước vừa nguyên rửa lão chúa đất cùng con cháu chút chút nhà lão.

“Kệ tôi!” Đáp lại những câu hỏi sợ sệt của Roopa, anh chỉ rít lên. Khi chị vẫn ngoan cố xoắn lấy chồng, nài xin anh cho chị xem cái chân bị thương, anh đánh chị. Cầm tức và nhục nhã, anh chỉ ngồi câm lặng trong lều suốt buổi tối. Ishvar và Narayan đều khiếp đảm; chúng chưa từng thấy bố như thế bao giờ.

Mãi sau, anh mới để Roopa rửa và băng vết thương lại, và ăn những đồ vợ mang cho, nhưng vẫn không chịu nói năng gì. “Mình cứ nói cho em nghe, sẽ thấy nhẹ người hơn đấy,” chị nói.

Hai ngày sau, anh mới kể cho chị hay, cay đắng ngập tràn như mủ thối tứa ra từ bàn chân anh. Anh không oán hận gì hồi bị đánh do để đàn dê sống rào. Lỗi là do anh, anh đã ngủ quên mất. Nhưng lần này anh nào có làm gì sai. Anh đã làm lụng quần quật cả ngày, thế mà rốt cục lại bị đánh, còn bị xù tiền công. “Cầm nhất là chân tôi còn bị nghiền nát,” anh bảo. “Tôi chỉ muốn giết thằng chúa đất ấy. Đồ kẻ cướp đốn mạt. Chúng nó rất một phường đầy hết. Chúng đối xử với chúng ta như súc vật. Thời nào cũng vậy, từ đời cha đời ông chúng ta.”

“Suýt,” chị vợ nói. “Bọn trẻ mà nghe được thì không hay đâu. Tại mình xui xẻo nên cối vỡ, thế thôi.”

“Tôi nhổ vào cái mặt đẳng cấp cao của chúng nó. Từ rày về sau, tôi đếch cần mấy công việc khốn nạn của chúng nó nữa.”

Khi cái chân đã lành, Dukhi quay lưng lại với ngôi làng. Anh trở dậy từ mờ đất và lên đến thị trấn trước buổi trưa bằng cách đi nhờ xe bò kéo hoặc xe tải. Anh chọn một góc phố không có thợ chữa dép nào ở xung quanh. Với chiếc cốt giày sắt cùng dùi, búa, đinh, chêm được xếp thành một vòng bán nguyệt trước mặt, anh yên vị trên vỉa hè, chờ sửa giày dép cho dân thị trấn.

Giày tây, giày da mềm, dép lữ lượt điếu qua với đủ loại kiểu dáng và màu sắc, khiến anh vừa thích thú, vừa lo lắng.

Nếu một trong số đó dừng bước, liệu anh có đủ sức đảm nhiệm việc sửa chữa không? Trông cái nào cũng phức tạp hơn hẳn loại dép giản dị anh đã quen mặt.

Một lúc sau, một người dừng chân trước mặt Dukhi, rũ chiếc dép da khỏi bàn chân phải, và giơ ngón chân cái chỉ vào mấy dải quai ngang đã đứt. “Sửa cái này giá bao nhiêu?”

Dukhi nhặt chiếc dép lên và ngắm nghía thật kĩ. “Hai anna.”

“Hai anna? Chú mày điên chắc? Nếu có thừa hai anna để trả một thằng thợ dép như chú mày, thì thà tao mua đôi mới còn hơn.”

“Ây dà, làm gì có ai bán cho ông anh đôi dép mới với giá hai anna?” Cửa đi kéo lại, hai bên chốt giá một anna. Dukhi tháo phần đế dép, để lộ ra đường rãnh mang những mối chỉ đứt. Cáu ghét rơi ra từng mảng lớn dẹp lép. Anh kết luận, cáu ghét nhà quê với cáu ghét tỉnh thành chẳng khác gì nhau, cả hình thù lẫn mùi mẽ đều giống hệt.

Anh lắp dải quai nào vào khe nấy và khâu đề lên một hàng chỉ mới cho chặt chịa. Trước khi xỏ chiếc dép vào chân, người khách nắm mấy dải quai mới khâu rồi giật giật. Anh ta đi thử vài bước, ngọ nguậy ngón chân, ầm ừ ra chiều hài lòng và trả tiền.

Sau sáu tiếng và năm người khách, đã đến lúc về nhà. Dukhi lấy tiền đi mua vài thứ—một ít bột mì, ba củ hành, bốn củ khoai tây, hai quả ớt xanh cay—rồi theo đường cũ trở về. Xe cộ tầm này thưa thớt hơn buổi sáng. Anh phải cuốc bộ một đoạn dài rồi mới tìm được xe cho đi nhờ. Khi anh về đến làng đã là đêm khuya. Roopa cùng hai thằng con đang phấp phồng đợi anh về.

Sau vài ngày ngồi ở góc phố, Dukhi bỗng thấy anh bạn Ashraf sải bước trên vỉa hè, đến chỗ anh ngồi. “Tôi không biết anh lại chữa dép ở khu này,” Ashraf nói, mặt lộ vẻ ngạc nhiên khi gặp bạn.

Ashraf là một thợ may người Hồi trên tỉnh. Anh ta cũng tầm tuổi Dukhi, và là chỗ Dukhi thường tìm đến trong những dịp hiếm hoi đủ tiền sắm sanh món gì đó cho Roopa hoặc bọn trẻ—thợ may người Hindu không may đồ cho tiện dân.

Nghe kể lại những chuyện xui xẻo Dukhi gặp ở làng, Ashraf bèn hỏi: “Anh có muốn thử một việc khác không?”

Việc này có thể khá tiền hơn đấy?”

“Ở đâu?”

“Đi theo tôi.”

Anh thu dọn đồ nghề và vội vã đi theo Ashraf. Họ đi bộ sang bên kia thị trấn, vượt qua đường ray tàu hỏa, đến một xưởng gỗ. Tới nơi, Dukhi được giới thiệu với chủ của Ashraf, quản lý xưởng.

Kể từ đó, ở xưởng lúc nào cũng có việc cho Dukhi: bốc và dỡ hàng trên xe tải, hoặc giúp đưa hàng. Dukhi vô cùng vui sướng với việc được nâng vác, được bước đi thẳng thớm cùng bao công nhân khác thay vì cả ngày còng lưng trên vỉa hè, nói chuyện với bàn chân của những người xa lạ. Và mùi thơm của gỗ tươi là phút nghỉ ngơi đáng hoan nghênh sau cái hôi thối của đủ loại giày dép bẩn thỉu.

Một buổi sáng nọ, khi đang trên đường tới xưởng gỗ, Dukhi nhìn thấy rất nhiều xe cộ. Chiếc xe bò anh đi nhờ bị nuốt chửng trong những đám mây bụi. Nó liên tiếp phải tránh sang lề đường, và một lần còn gần sa hẳn xuống rãnh, khi một chiếc xe buýt lớn vượt lên.

“Có chuyện gì thế nhỉ?” Dukhi hỏi người đánh xe. “Họ kéo nhau đi đâu vậy?” Anh kia chỉ nhún vai, vì còn đang lo đưa xe mình trở lại đường cái. Mấy cú thúc của anh ta xem chừng không ăn thua, cuối cùng hai người phải nhảy xuống để giúp con vật.

Lên đến nơi, Dukhi thấy đường phố giăng đầy băng rôn và cờ quạt. Anh được biết có vài vị lãnh đạo của Quốc hội quốc gia Ấn Độ đến thăm thị trấn này. Anh bèn tìm đến cửa hiệu của Ashraf và kể cho bạn hay, cả hai quyết định nhập bọn với đám đông.

Các vị lãnh đạo bắt đầu phát biểu; họ nói mình tới đây để truyền bá thông điệp của đức Mahatma^[24] về cuộc đấu tranh giành tự do, cuộc đấu tranh vì công lý. “Suốt bao lâu nay, chúng ta đã là nô lệ trong chính đất nước mình. Và nay đã đến lúc chiến đấu giành tự do. Trong cuộc chiến này, chúng ta không cần súng hay gươm. Chúng ta không cần những lời lẽ cay độc hay thù nghịch. Bằng sự thật và đức bất hại, chúng ta sẽ thuyết phục được người Anh rằng đây là thời điểm thích hợp để họ rút đi.”

Đám đông hoan hô vang dội; vị diễn giả lại tiếp lời: “Các anh chị em đều sẽ đồng tình, rằng để lật đổ ách nô lệ, chúng ta phải thật mạnh mẽ. Không một ai có thể phản bác nổi điều đó. Và chỉ những con người thực sự mạnh mẽ mới phát huy được sức mạnh của sự thật và bất bạo động. Nhưng làm sao chúng ta có thể trở nên mạnh mẽ cho được, khi vẫn còn một căn bệnh đang tồn tại trong chính chúng ta? Trước hết ta phải tiết trừ căn bệnh đang lan tràn trên cơ thể tổ quốc ta đã.

Có lẽ các anh chị em sẽ hỏi, căn bệnh đó là gì? Căn bệnh này, xin thưa với các anh chị em, chính là quan niệm về tiện dân, thứ đã hủy hoại chúng ta suốt bao thế kỷ qua, chối bỏ nhân phẩm của bao người đồng bào của chúng ta. Căn bệnh này phải được thanh trừ khỏi xã hội của chúng ta, khỏi trái tim của chúng ta và khỏi trí não của chúng ta. Không một ai là tiện dân hết, bởi chúng ta đều là con cái của một Thượng Đế. Hãy ghi nhớ những lời ngài Gandhi đã nói, rằng tư tưởng về tiện dân đầu độc đạo Hindu hết như một giọt thạch tín đầu độc sữa.”

Sau bài diễn thuyết này, các diễn giả khác lần lượt lên nói với đám đông về các vấn đề liên quan đến cuộc đấu tranh giành độc lập, về những con người đang ngồi tù một cách đáng kính trọng vì tội bất tuân dân sự, vì đã từ chối tuân theo những điều luật bất công. Dukhi và Ashraf nán lại đến phút cuối, khi các vị lãnh đạo yêu cầu đám đông cam kết rằng họ sẽ xóa bỏ mọi thành kiến đẳng cấp khỏi suy nghĩ, lời nói, và việc làm của mình. “Chúng tôi đang mang thông điệp này truyền đi khắp đất nước, và kêu gọi nhân dân ở mọi nơi đoàn kết và cùng đả phá chế độ tội tệt của tội lỗi và niềm tin mù quáng này.”

Đám đông hô lớn lời thề thánh Mahatma chỉ thị cho mình, hét vang từng chữ với nhiệt

huyết sôi sục. Cuộc mít tinh kết thúc tại đó.

“Không hiểu,” Dukhi nói với Ashraf, “bọn địa chủ ở làng tôi có bao giờ vỗ tay hoan hô một bài diễn thuyết đòi xóa bỏ chế độ đẳng cấp không nhỉ.”

“Chúng sẽ hoan hô, rồi tiếp tục ngựa quen đường cũ thôi,” Ashraf đáp. “Dào, quý dữ đã đánh cắp mọi ý niệm về công bằng của chúng rồi, chúng không thể nhìn thấy hay cảm thấy nữa đâu. Mà anh nên bỏ làng, đem gia đình lên đây thì hơn.”

“Rồi chúng tôi biết ở đâu? Ở làng, chí ít chúng tôi còn có một túp lều. Vả lại, đời cha đời ông tôi vẫn sống ở đấy. Tôi rời đất ấy sao đành? Bỏ quê hương làng bản mà đi chẳng hay gì đâu. Người ta sẽ quên hết gốc gác của mình mất.”

“Quả vậy,” Ashraf nói. “Nhưng chí ít hãy gửi hai thằng con anh lên đây một thời gian. Để mà học lấy một nghề.”

“Có học thì chúng cũng sẽ không được phép hành nghề ở làng đâu.”

Ashraf phát sốt ruột với suy nghĩ bi quan của bạn. “Dào, tình hình sẽ thay đổi. Anh chẳng nghe mấy người nói ở buổi mít tinh rồi còn gì. Đưa hai thằng con anh lên đây, tôi sẽ dạy chúng nghề may ngay tại cửa hiệu.”

Trong giây lát, mắt Dukhi sáng lên khi tưởng tượng ra triển vọng tương lai. “Thôi,” anh nói. “Tốt hơn hết là cứ ai ở chỗ người nấy.”

Vụ thu hoạch đã tới, Dukhi thôi không đến xưởng gỗ nữa. Lờ lẽ cách mặt lù địa chủ của anh đã phai nhạt vì đường lên thị trấn quá xa, phương tiện đi lại thì không đảm bảo. Anh ra đồng từ khi chưa tỏ mặt người để gặt, và trở về nhà sau khi trời đã nhá nhem với cái lưng đau ê ẩm cùng tất cả những tin tức về các làng mạc xung quanh mà anh đã bỏ lỡ trong mấy tháng vừa qua.

Những tin đó cũng cùng một loại như những thứ Dukhi đã được nghe hết đêm này qua đêm khác trong suốt tuổi thơ của anh; chỉ có mấy cái tên là khác. Vì tội đi trên phần đường dành cho đẳng cấp cao, Sita bị ném đá, nhưng chưa tới chết—cơn mưa đá đã dừng khi dòng máu đầu tiên đổ xuống. Gambhir kém may mắn hơn; anh ta bị đổ chì nung chảy vào tai vì dám lại gần tầm nghe của ngôi đền trong khi buổi lễ cầu nguyện đang diễn ra. Dayaram, đã thỏa thuận sẽ cày ruộng cho một nhà địa chủ nhưng rồi thất hứa, bị ép phải ăn cút của lão kia ngay giữa đình làng. Dhiraj đòi thỏa thuận trước với Thầy cả Ghanshyam công xá cho việc chặt củi, thay vì nhận được vài thanh củi vào cuối ngày như anh ta đã hi vọng; lão Thầy cả cáu tiết lên, vu cho Dhiraj tội đầu độc đàn bò nhà lão, và lôi anh ta ra treo cổ.

Trong khi Dukhi còn nai lưng ngoài đồng và việc da vẫn đang khan, chẳng có gì cho hai thằng con anh làm. Roopa cố vẽ việc cho chúng bằng cách sai hai đứa đi kiếm củi đun. Thi thoảng hai anh em còn tìm thấy những cục phân bò lạc, vô chủ bị mấy người chăn bò bỏ sót, mặc dù rất hiếm gặp, vì món hàng quý này luôn được các chủ bò nhặt nhanh từng tí một. Roopa không dùng phân này để đun nấu, mà thích đắp lên lối vào lều. Khi phân đã khô nỏ, cứng và mượt, chị sung sướng tận hưởng trong chốc lát ngưỡng cửa cứng đanh như đất nung, chẳng khác gì sân của các nhà chăn gia súc.

Ngoài thời gian làm việc vất, hai cậu bé có vô số thì giờ rỗi để chạy chơi bên bờ sông hoặc đuổi thả hoang. Chúng biết chính xác đẳng cấp của mình được phép và bị cấm làm những gì; bản năng, cộng với nhiều lần nghe lỏm người lớn nói chuyện, đã vạch thành ranh giới trong trí óc chúng, rõ ràng như những bức tường đá. Dầu vậy, mẹ chúng vẫn lo hai thằng con có thể gặp chuyện lồi thoi. Chị thấp thỏm đợi đến lúc việc sàng sảy đã hoàn

tất, khi ấy hai đứa lại quanh quẩn trong tầm mắt chị, bối nhặt đồng cảm để tìm những hạt gạo sót.

Đôi khi hai anh em bỏ cả buổi sáng rình mò ngôi trường làng. Chúng đồng tai nghe bọn trẻ đẳng cấp cao ê a đọc bảng chữ cái, và hát những bài hát trẻ con về màu sắc, các con số, mùa mưa. Những thanh âm lạnh lạnh ủa ra khỏi cửa sổ như những đàn se sẻ. Sau đó, nấp dưới những tán cây kín bưng bên bờ sông, hai anh em lại cố nhắc lại theo trí nhớ những bài lũ trẻ kia đã hát.

Nếu trí tò mò kéo Ishvar và Narayan lại quá gần, khiến ông thầy giáo nhìn thấy, chúng sẽ bị đuổi đi ngay. “Lũ lừa con láo toét! Xéo ngay không tao đánh cho què cẳng bây giờ!” Song Ishvar và Narayan khá thạo khoản rình trộm lớp học; hai đứa có thể lén vào đủ gần để nghe thấy cả tiếng phấn rít ken két trên mặt bảng.

Phấn và bảng khiến chúng mê tơi. Chúng những ao ước được cầm mấy cái que màu trắng trong tay, vạch thành những đường loằng ngoằng màu trắng như lũ trẻ kia, vẽ hình lều lán, bò, dê, và hoa. Bao nhiêu thứ tự nhiên hiện ra, cứ như phép thần vậy.

Một buổi sáng, Ishvar và Narayan đang nấp sau bụi cây, thì bọn học sinh được dẫn ra sân trước để tập một điệu múa cho hội gặt. Bầu trời trong veo không một gợn mây, và những câu hát bập bõm văng lại từ cánh đồng phía xa xa.

Khúc ca của những con người lao khổ chất chứa nỗi đau đớn của những tấm lưng ê ẩm, của làn da cháy xèo xèo dưới nắng. Ishvar và Narayan đồng tai cố nghe xem đâu là giọng của bố, song không tách bạch nổi từng thanh âm trong cả dàn đồng ca.

Bọn học trò cầm tay nhau và dàn thành hai vòng tròn đồng tâm. Chân đi đất, chúng di chuyển theo hai hướng ngược nhau. Thỉnh thoảng, hai vòng tròn lại đảo hướng chuyển động. Cũng vì thế mà sinh ra lắm trò vui, bởi thường có vài đứa chuyển hướng chậm, thế là cả đám riu lại, rồi xô hết cả vào nhau.

Xem trộm được một lúc, Ishvar và Narayan bỗng sực nhớ ra là lớp học đang trống trơn. Hai anh em bèn bò quanh sân, ra đằng sau lưng nhà, và trèo vào qua cửa sổ.

Ở một góc, giày dép của bọn trẻ được xếp thành hàng ngay ngắn; ở một góc khác, bên cạnh tấm bảng đen, là các hộp cơm trưa của chúng. Mùi thức ăn hòa lẫn với bụi phấn. Hai anh em tìm đến chiếc tủ cất bảng con và phấn. Mỗi đứa lấy một bộ, đoạn ngồi khoanh chân trên sàn, bảng đặt trong lòng, hệt như kiểu cách chúng vẫn thấy bọn trẻ kia làm. Nhưng hai đứa không chắc bước tiếp theo là gì. Narayan ngồi chờ anh nó mở màn.

Ishvar hơi hồi hộp, viên phấn dừng ngập ngừng phía trên mặt bảng, e sợ điều sắp xảy ra. Đoạn cậu thận trọng đặt phấn xuống và vẽ một đường, rồi một đường nữa, và một đường nữa. Cậu toét miệng cười với Narayan–tạo dấu ấn riêng cho mình thật dễ làm sao!

Giờ đến lượt Narayan. Ngón tay run bần bật vì phấn khích, cậu vạch một vạch trắng ngắn và hãnh diện khoe với anh. Hai anh em thêm bạo gan, thôi vẽ những đường thẳng, mà phủ đầy mặt bảng bằng những vòng tròn, đường cong và đường nguệch ngoạc với đủ hình dáng và kích thước, chúng dừng lại chỉ để xuýt xoa, trầm trồ sao mình vẽ ngon lành đến thế, rồi lấy tay xóa đi và thỏa sức vẽ lại. Cả bụi phấn bám đầy lòng bàn tay cùng ngón tay cũng khiến hai anh em cười khanh khách–chúng có thể quệt lên trán, tạo thành những vệt to đậm, nom ngồ ngồ, hệt như dấu ấn đẳng cấp của những người Bà la môn.

Chúng quay lại chỗ tủ và xem xét những món đồ khác, chúng mở cả các tờ in bảng chữ cái và lật giở những quyển sách tranh. Mãi mê trong thế giới cấm, chúng không nhận ra giờ học múa ngoài sân đã kết thúc, cũng chẳng nghe thấy tiếng lão thầy giáo rón rén bước

lại gần. Lão bèn túm tai hai đứa và lôi chúng ra sân.

“Hai thằng Chamaar mất dạy! To gan nhỉ, dám mò vào trường kia đấy!” Lão vặn xoắn tai hai anh em lại, cho đến khi hai đứa kêu oai oái vì đau và bắt đầu khóc be be. Lũ học sinh sợ hãi đứng túm tụm lại với nhau.

“Bố mẹ chúng mày dạy chúng mày thế à? Dạy chúng mày làm ô uế dụng cụ của học tập và tri thức à? Nói tao nghe! Có phải thế không?” Lão buông tai hai anh em ra một lúc, đủ để giáng mấy cú nẩy đom đóm lên đầu chúng, rồi lại tóm lại.

Ishvar vừa khóc meo vừa đáp: “Thưa thầy, không ạ.”

“Thế thì sao chúng mày lại vào đây?”

“Chúng con chỉ muốn xem...”

“Muốn xem! Được, đã thế tao sẽ cho chúng mày xem ngay! Tao sẽ cho chúng mày xem mu bàn tay tao đây!” Một tay giữ chặt Narayan, lão giơ tay kia tát bôm bốp lên mặt Ishvar sáu cái liên tiếp, rồi cũng tát vào mặt thằng em ngấn ấy cái. “Cái gì trên trán chúng mày đây, lũ súc sinh vô liêm sỉ? Thật quá báng bố!” Lão lại tát hai đứa; đến lúc này, tay lão đã đau rần.

“Lấy cây gậy trong tủ ra đây,” lão sai một đứa bé gái. “Còn hai đứa chúng mày, tụt quần ra. Khi nào tao đánh xong, sẽ không còn đứa nào trong chúng mày dám tơ tưởng đến chuyện sờ mó những thứ chúng mày không được phép động vào nữa.”

Gậy được mang ra, và lão thầy giáo sai bốn trò lớn ấn hai kẻ xâm nhập trái phép úp mặt xuống đất, giữ chặt tay và cổ chân chúng. Lão bắt đầu thi hành án phạt, thay phiên vụt hai đứa. Bọn trẻ đứng ngoài xem sợ rúm người mỗi khi cây gậy nện xuống cặp hông trần. Một thằng bé con còn khóc òa lên.

Khi mỗi đứa đã nhận đủ một tá roi, lão thầy giáo bèn dừng tay. “Cho chúng mày nhớ lấy,” lão thở hổn hển. “Giờ thì rút xéo, và đừng bao giờ để tao thấy cái mặt dơ bẩn của chúng mày ở đây nữa, nghe chưa!”

Ishvar và Narayan cầm cổ chạy, quần tụt lố thốc khiến hai đứa ngã đứng ngã ngồi nom rất hoạt kê. Lũ trẻ kia bèn nhân dịp này cười ồ lên; đứa nào cũng thấy mừng vì chút thư giãn nó mang lại.

Phải đến tối Dukhi mới biết chuyện hai thằng con bị phạt. Anh lạnh lùng bảo Roopa tạm dừng nướng bánh. “Sao thế?” Chị hoảng hốt hỏi. “Làm lụng cả ngày ngoài đồng thế mà mình không đói sao? Mình... mình định đi đâu đấy?”

“Đến nhà Thầy cả Lalluram. Ông ấy phải có lời trong vụ này mới xong.”

“Để thư thả đã,” chị van vãn. “Đừng làm phiền một người danh giá như thế vào đúng giờ ăn cơm.” Nhưng Dukhi đã rửa sạch bụi đất của một ngày dài bám trên tay và ra đi.

Thầy cả Lalluram không phải một người Bà la môn bình thường, ông ta là một người Bà la môn Chit-Pavan sinh ra từ dòng dõi thanh khiết nhất trong số những dòng dõi thanh khiết, hậu duệ của những người nắm giữ Tri Thức Linh Mật. Ông chẳng phải trưởng làng, cũng không phải quan chức chính phủ nổi, song những anh em cùng vai vế đều nói rằng ông thu phục được lòng kính ngưỡng không gì lay chuyển nổi của họ bằng chính tuổi tác, lòng chính trực, và những Tri Thức Linh Mật khóa kín trong cái sọ to đùng, bóng láng của mình.

Tranh chấp đủ kiểu, dù về đất đai hay súc vật, đều được trình lên nhờ ông phân xử.

Những vụ cãi vã trong gia đình do con dâu hỗn hào, vợ cứng đầu, rồi chồng lãng nhãng cũng rơi vào vòng phán quyết của ông nốt. Nhờ lời chứng thực không chê vào đâu được của ông, ai nấy đều ra về với cảm giác thỏa mãn: nạn nhân thu được chút ảo tưởng về công lý; kẻ sai trái lại thả sức đường cũ mà tiến; còn Thầy cả Lalluram, đối lại những phiền phức mà ông phải chịu, nhận được đủ thứ quà, nào vải, nào gạo, nào hoa quả, nào bánh kẹo từ cả hai bên.

Vị Thầy cả uyên bác còn có tiếng là người hay ra tay thắt chặt tình đoàn kết cộng đồng. Chẳng hạn, trong những cuộc biểu tình định kì chống người Hồi và bọn giết bò, Thầy cả Lalluram đều thuyết phục các bạn đồng đạo rằng người Hindu không nên kết tội những kẻ ăn thịt bò. Ông giải thích rằng người Hồi, do tôn giáo của mình, phải gánh những bốn bà vợ, tội nghiệp lắm thay, và anh ta cần phải ăn thịt động vật để hâm nóng bầu máu, đang còn có sức phục vụ bốn bà kia—anh ta ăn thịt là do nhu cầu bức bách, chứ nào có thích thú gì thịt bò, cũng chẳng định chọc tức người Hindu, và, vì thế, nên thông cảm và để yên cho anh ta thỏa mãn đòi hỏi tín ngưỡng của mình.

Với tiểu sử không tì vết, những thắng lợi của Thầy cả Lalluram nhiều vô số kể. Một người trung thực công minh nhường ấy, ai nấy bảo nhau, thì đến một kẻ tiện dân cũng có thể nhận được công lý từ tay ông. Đành rằng không một tên tiện dân nào chứng thực nổi điều này bằng trí nhớ của mình, nhưng ấy lại là chuyện khác. Dường như ai cũng còn nhớ, lơ mờ, cái đặn một chúa đất đánh chết một người Bhunghi vì tội đến muộn, mãi sau khi mặt trời lên hửng mới vác xác đến để chõ thủng phân của nhà ông ta đi. Thầy cả Lalluram đã phán—hoặc có lẽ đó là bố thầy, hay ông thầy cũng nên; nói tóm lại là có người đã phán—rằng tội ấy quả là nặng, song chưa nặng đến nỗi phải bị giết, và rằng vị chúa đất, để đền bù, phải cung cấp thức ăn, chốn ở, và quần áo cho vợ con người chết trong sáu năm tiếp theo. Hay là sáu tháng, có khi là sáu tuần cũng nên?

Dựa vào uy tín huyền thoại đó về óc chính trực, Dukhi ngồi dưới chân thầy và kể cho thầy vụ Ishvar và Narayan bị đánh. Vị Thầy cả uyên bác đang ngả mình trên chiếc ghế tựa, vừa mới ăn xong cơm tối, và đã ợ mấy lần rất to để điểm vào câu chuyện của người khách. Dukhi cung kính ngừng lời trước mỗi tiếng ợ, trong khi Thầy cả Lalluram lầm rầm “*Hai Ram*” để tạ ơn trời đã ban cho đường tiêu hóa của mình sức mạnh ghê gớm nhường ấy.

“Ông ta đã tát hai thằng con con bao nhiêu cái... thưa thầy, thầy phải nhìn thấy mặt chúng nó mới rõ, sưng như cái lệnh,” Dukhi nói. “Còn lưng chúng nó nữa, trông như bị một con hổ dữ cào vậy.”

“Tội nghiệp bọn nhỏ,” Thầy cả Lalluram nói với vẻ thương cảm. Ông ta đứng dậy và đến bên một cái giá ở nhà trong. “Đây, con hãy bôi dầu này lên lưng chúng. Nó sẽ làm dịu vết đau.”

Dukhi cúi đầu. “Đội ơn thầy, thầy thật nhân từ quá.” Anh cời miếng vải đội trên đầu và gói kĩ chiếc lọ thiếc bẹt nhỏ tí xíu. “Thưa thầy, cách đây ít lâu con từng bị chúa đất Premji đánh một trận nhừ tử vì một lỗi không phải tự con. Nhưng con không đến kêu với thầy. Con không dám quấy rầy thầy.”

Thầy cả Lalluram nhướn mày lên và kì kì ngón chân cái. Vừa gật đầu, thầy vừa vờ mờ hồi và ghét thành những viên nhỏ đen sì và thả chúng rơi xuống.

“Lần đó con chỉ lạng lẽ chịu đựng,” Dukhi nói. “Nhưng vì con con, con phải đến tìm thầy. Chúng không đáng phải chịu những đòn roi vô lý.”

Vẫn lặng thinh, Thầy cả Lalluram hít hửi những ngón tay vừa làm xong nhiệm vụ mát xa ngón chân cái. Thầy nghiêng người tì lên một bên hông và đánh một phát rắm. Dukhi

hơi rùn người lại để nó tự do lưu thông, trong bụng thăm thắc mắc không biết hình phạt dành cho tội ngăn cản sự lưu động của luồng hơi thoát ra từ ruột một người Bà la môn là gì.

“Chúng chỉ là trẻ con,” anh van vãn, “mà chúng có làm gì nên tội đâu.” Anh chờ đợi một lời hồi đáp. “Chúng chẳng làm gì nên tội cả, thưa thầy,” anh nhắc lại, những mong người thầy uyên bác chí ít cũng đồng tình với mình. “Lão thầy giáo đó cần bị trừng phạt vì những gì lão đã làm.”

Thầy cả Lalluram thở hắt ra một hơi dài thượt, nặng trĩu trĩch. Thầy nghiêng sang một bên và hỉ thẳng một dòng nước mũi đặc quánh lên mặt đất khô ròn. Sức mạnh từ cú hạ cánh của nó làm tung lên một đám bụi nho nhỏ. Thầy chùi mũi và lại thở dài. “Dukhi Mochi, con là một người tốt tính, chăm chỉ. Ta biết con đã lâu. Con luôn gắng sức hoàn thành bốn phận của đẳng cấp mình, đúng chứ?” Dukhi gật đầu.

“Làm thế là rất khôn ngoan,” Thầy cả Lalluram gật, “bởi đó là con đường dẫn tới hạnh phúc. Nếu không, vũ trụ sẽ rơi vào hỗn loạn. Con cũng hiểu trong xã hội có bốn đẳng cấp varna: Bà la môn, Kshatriya, Vaishya, và Shudra. Mỗi người trong chúng ta thuộc về một trong bốn đẳng cấp đó, và các đẳng cấp không thể bị lẫn lộn. Đúng chứ?”

Dukhi lại gật đầu, cổ gấu nổi sốt ruột. Anh đâu có đến đây để nghe thuyết giảng về chế độ đẳng cấp.

“Cũng như con, một thợ da, phải hoàn thành những bốn phận pháp điển của mình đối với gia đình và xã hội, người thầy giáo cũng phải hoàn thành những bốn phận của ông ta.

Con không thể chối cãi điều này, đúng chứ, Dukhi?” Dukhi lắc đầu.

“Trùng phạt hai đứa con trai con vì hành vi sai trái của chúng là một phần bốn phận của người thầy giáo. Ông ta không còn cách nào khác. Con có hiểu không?”

“Có, thưa Thầy, đôi lúc trùng phạt là cần thiết. Nhưng ai lại nỡ đánh đập kinh khủng đến thế?”

“Chúng đã phạm một tội kinh khủng...”

“Nhưng chúng chỉ là trẻ con, và hay hiếu kì, như mọi...”

Thấy mình bị ngắt lời, Thầy cả Lalluram trợn mắt và giơ ngón trỏ tay phải lên trời để nạt Dukhi im miệng. “Làm sao ta có thể nói cho con hiểu đây? Con không có những tri thức có thể giúp con nhận thức hết tầm quan trọng của những vấn đề này.” Đến đây, vẻ chịu đựng nhẫn nại trong giọng thầy bị thế chỗ bởi một thứ khác, gay gắt hơn. “Hai thằng con của con dám lén vào lớp học. Chúng làm ô uế chốn đó. Chúng dám sờ vào dụng cụ học tập. Chúng làm vấy bẩn bảng và phấn là những thứ mà bọn trẻ đẳng cấp cao sẽ cầm nắm. May cho con là trong cái tủ đó không có một cuốn thánh thư như Bhagavad Gita, không có những dòng chữ thiêng liêng. Nếu có, hình phạt có lẽ đã khắc nghiệt hơn nhiều.”

Dukhi tỏ ra rất bình thản khi anh khẽ chạm vào đôi dép của Thầy cả Lalluram để chào tạm biệt. “Con đã hiểu rõ rồi, thưa thầy, đội ơn thầy đã giải thích cho con. Con thật may mắn quá—thầy, một người Bà la môn Chit-Pavan, lại chịu xa phí thời gian vàng bạc cho một thằng Chamaar ngu dốt như con.”

Thầy cả Lalluram hờ hững giơ tay lên tạm biệt. Trong óc thầy bỗng hơi gợn chút ngờ vực, không biết thầy vừa được ca ngợi hay bị nói xỏ nhĩ. Thế nhưng, vừa hay, một tiếng ợ kinh hồn trào lên như sấm, xua tan nỗi phân vân và xoa dịu cả cái đầu lẫn cái bụng.

Trên đường về, Dukhi gặp mấy người bạn vẫn đang ngồi hút thuốc dưới tán cây bên bờ sông. “Ê, Dukhi, muộn thế rồi sao vẫn còn lang thang ở đây?”

“Đi gặp lão Bà la môn Chit-Pavan,” Dukhi đáp, đoạn kể lại tỉ mỉ cuộc thăm viếng của mình. “Phải gọi lão là Bà la môn Răm Thối mới phải.”

Cả nhóm cười ồ lên khoái trá, còn Chhotu gật gù rằng Bà la môn Ăn Cút mới thật là một cái tên thích hợp. “Mỗi bữa hốc những một cân bơ, hai cân kẹo, thế mà sao lão không thấy ngấy nhỉ?”

“Lão cho tôi lọ dầu này để bôi cho bọn trẻ con,” Dukhi nói. Họ chuyển tay nhau cái lọ thiếc, sẫm soi, hít ngửi thứ dầu đựng bên trong.

“Tôi trông như là xi đánh ủng ấy,” Chhotu nói. “Chắc sáng nào lão cũng bôi thứ này lên đầu. Chả trách nó cứ sáng lóa như mặt trời ấy.”

“Ây dà, anh lại nhầm cái đầu lão với cái lỗ đít rồi. Đấy mới là chỗ lão bôi dầu bóng – đó là nơi ánh sáng mặt trời tỏa ra, mấy thằng anh em cùng đẳng cấp với lão bảo thế. Cho nên tất cả mấy thằng ăn cút kia đều cố la liếm để vào được chốn ấy.”

“Tôi có mấy câu kệ để khuyên chúng đây,” Darayam nói, và ngâm mấy câu Sanskrit giả hiệu, nhại giọng cung kính của một thầy tế khi đọc văn khấn: “Goluma Ekdama Tajidevum! Chuptum Makkama Jhaptum!”

Nghe ra ẩn ý đã đưa đến trò thú dân và chuyện giao hoan, cả mấy người đàn ông cùng cười rú lên. Dukhi quăng chiếc lọ xuống sông. Để mặc mấy người bạn ngồi đoán già đoán non không hiểu đích xác dưới tầng tầng lớp lớp mỡ đắp thành cái bụng Thầy cả Lalluram là cái gì, nếu có, anh trở về nhà.

Anh bảo Roopa sáng sớm mai anh sẽ lên thị trấn. “Tôi đã quyết rồi. Tôi sẽ nói chuyện với anh thợ may Ashraf.”

Chị không hỏi lý do. Trong đầu chị còn đang bận soạn thảo chiến lược cho một vụ đột kích đêm nhắm vào thùng bơ nhà ai đó, lần này là để xoa lên mông hai thằng con.

Ashraf không chịu nhận đồng nào làm công dạy nghề cho hai đứa con Dukhi. “Chúng sẽ đỡ việc cho tôi,” anh nói. “Vả lại, hai thằng bé con thì ăn hết bao nhiêu cơm gạo đâu? Nhà tôi nấu thứ gì, chúng nó ăn thứ đó. Dào, như thế đã ổn chưa? Có phải kiêng cử món gì không?” “Chả kiêng gì cả,” Dukhi đáp.

Hai tuần sau, anh quay lại hiệu may, dẫn theo Ishvar và Narayan. “Chú Ashraf đây cũng thân như anh em ruột của bố ấy,” anh giải thích với hai đứa. “Nên các con phải luôn gọi chú là chú Ashraf.”

Anh thợ may sung sướng cười toe toét, hãnh diện vì được lên chức chú. Dukhi lại tiếp: “Các con sẽ ở với chú Ashraf một thời gian, và học nghề với chú. Các con nhớ ghi nhớ cẩn thận mọi điều chú ấy nói, và yêu kính chú như yêu kính bố vậy.”

Hai cậu bé đã được bố chuẩn bị tinh thần cho cuộc chia ly từ trước. Đây chỉ là tuyên bố chính thức mà thôi. “Vâng, thưa bố,” hai đứa trả lời.

“Chú Ashraf sẽ dạy các con thành thợ may như chú ấy. Từ rày trở đi, các con không còn là thợ da nữa—nếu có ai hỏi tên các con, không được nói là Ishvar Mochi và Narayan Mochi. Từ bây giờ, các con đã là Ishvar Darji và Narayan Darji.”

Nói rồi anh vỗ lên vai mỗi đứa một cái, và ấn nhẹ, như muốn đẩy chúng vào vòng tay của bạn. Hai anh em rời chỗ bố và bước về phía người thợ may, lúc ấy đã dang tay ra đón

chúng.

Dukhi nhìn những ngón tay Ashraf, cách chúng siết nhẹ lên vai hai đứa trẻ đầy thân ái. Ashraf là một người hiền hậu và tử tế, anh biết con mình sẽ được coi sóc cẩn thận. Cùng lúc đó, một nỗi đau tê tái lan khắp tim anh.

Trên con đường trở về làng, anh ngồi thu lu trên xe bò, cảm giác kiệt quệ. Anh hầu như không nhận thấy bánh xe nảy bật lên khi đi qua những ổ gà ổ voi, xô xươg anh rãg rãc. Đồng thời, anh lại thấy trong mình trào lên một nguồn năng lượng điên cuồng, khiến anh những muốn nhảy khỏi xe mà chạy. Anh biết mình đã làm điều tốt nhất có thể cho con, và vừa cất xong một gánh nặng. Thế mà, cơ sao anh không thấy nhẹ nhõm hơn? Thứ còn đang đè nặng lên ngực anh là cái gì vậy?

Đến chiều muộn, đi đến con đường làng, anh nhảy khỏi xe bò. Khi bóng anh hiện lên trên ngưỡng cửa, Roopa đang ngồi chờ dẫn trong lều, mắt đăm đăm nhìn ra. Anh bảo chị mọi sự đã cắt đặt xong xuôi.

Chị nhìn anh bằng ánh mắt trách móc. Anh đã xoi một lỗ hổng trong đời chị mà không gì có thể khóa lấp. Chị bảo chồng, rằng mỗi lần nghĩ đến hai thằng con—sống cách xa mình hàng dặm đường cùng một người lạ, lại là một người Hồi—thì nỗi xót xa trào lên tận cổ chị, đến độ chị tưởng mình sắp phát ghen. Anh cay đắng nhận xét rằng chỉ ít anh bạn người Hồi kia cũng đối xử với anh tử tế hơn những người anh em Hindu.

Hiệu may Muzaffar nằm trên một con phố quy tụ toàn những hộ kinh doanh gia đình nhỏ. Có một hiệu kim khí, một hàng bán than, một tiệm tạp hóa, và một xưởng xay xát nằm liền thành một dãy, hình dáng và diện tích của hàng giống nhau hên hệt, chỉ có thể phân biệt được nhờ tiếng động và mùi hương ở bên trong. Hiệu may Muzaffar là cửa hàng duy nhất có biển hiệu.

Cửa hiệu của Ashraf bé tí hìn, phần nhà ở phía trên cũng chẳng rộng rãi hơn: gồm một phòng và bếp. Anh vừa lấy vợ năm ngoài, và đã có một đứa con gái một tháng tuổi. Chị Mumtaz vợ anh chẳng được vui vẻ như chồng khi thấy nhà có thêm hai miệng ăn. Hai cậu bé học việc được bố trí ngủ luôn ở cửa hiệu.

Ishvar và Narayan hết sức choáng ngợp trước biến đổi đột ngột trong cuộc đời mình. Nhà cao tầng, đèn điện, nước máy—thảy đều khác xa ở làng, và thật kì diệu. Trong ngày đầu tiên, hai anh em ngồi trên bậc đá ngoài cửa hiệu, sững sờ ngắm nhìn phố xá và thấy cả một vũ trụ của những hỗn mang hãi hùng. Dần dà, chúng bắt đầu nhận diện được dòng sông xe cộ trên phố, và bên trong nó là những dòng chảy của xe kéo tay, xe đạp, xe bò, xe buýt, điểm xuyết vài chiếc xe tải. Giờ chúng đã hiểu rõ tính tình của con sông điên loạn đó. Chúng thấy vững tâm hơn khi biết rằng ở đó không chỉ có sự hỗn loạn và tiếng ồn, trong mọi vật đều hàm chứa một khuôn mẫu.

Chúng nhìn mọi người đến cửa hàng tạp hóa mua muối, gia vị, dừa, đậu, nển, dầu. Chúng thấy hạt được mang đến xưởng xay xát để nghiền thành bột. Khi người thợ xay làm việc, cánh tay anh ta dần chuyển thành màu trắng, đôi khi, cả khuôn mặt và hàng lông mi cũng vậy. Mặt và tay chú bán than lấm đen theo từng giờ trôi; mấy thằng bé đưa hàng tất tả chạy ngược xuôi cả ngày cùng những sọt than đầy. Ishvar và Narayan rất thích nhìn mấy người hàng xóm của mình tắm rửa khi đêm xuống, dần phơi bày làn da nâu sau khi trút bỏ màu sắc ban ngày của mình.

Hai ngày đầu Ashraf chỉ để kệ hai đứa, cho đến khi lòng hiếu kì của chúng tự chuyển hướng sang hiệu may. Tâm điểm niềm ao ước của chúng dĩ nhiên là chiếc máy may. Để hai đứa được thỏa lòng, anh cho chúng thay phiên nhau đạp bàn đạp, còn anh cho chạy

một mảnh vải vụn dưới mũi kim. Hai anh em xúc động lắm khi thấy mình có thể làm chiếc máy hoạt động. Cảm giác cũng hứng khởi chẳng kém gì việc tạo dấu ấn của mình với bảng và phấn.

Giờ chúng đã sẵn sàng gắn bó với những việc kém hấp dẫn hơn, như khâu kim và khâu tay. Háo hức muốn học hỏi, chúng khiến Ashraf rất ấn tượng bởi nét sáng dạ. Đến một hôm, khi có một người khách tìm đến Hiệu may Muzaffar, anh quyết định để Ishvar ghi lại các số đo.

Vị khách mang tới một tấm vải kẻ sọc để may áo. Ashraf lấy cuốn sổ đặt hàng, giở sang một trang mới, ghi tên khách, đo đoạn vùng tay rồi tung cuộn thước dây ra, khiến hai thằng bé ngưỡng mộ không để đâu cho hết. Hai đứa bèn len lén tự tập theo, Ashraf lấy thể làm khoái lắm.

“Cổ, ba bảy phân,” anh đọc. “Ngực, tám một.” Anh liếc sang Ishvar, thằng bé còng lưng trước cuốn sổ, lưỡi thè ra xem chừng đang tập trung cao độ. Quay lại phía người khách, Ashraf tiếp lời: “Tay áo. Dài hay ngắn ạ?”

“Phải dài,” người kia đáp. “Áo này tôi mặc đi ăn cưới một người bạn.” Khi các thủ tục hoàn tất, người khách ra về với lời cam đoan chiếc áo sẽ được may xong kịp cho lễ cưới tuần tới.

“Nào, thử xem số đo cái nhỉ,” Ashraf nói.

Miệng cười toe hãnh diện, Ishvar đưa anh cuốn sổ. Trang giấy đầy kín những đường dích dắc và ngoằn ngoèo đen sì.

“A, phải, chú hiểu rồi,” Ashraf cố nén nổi hoảng hốt, đoạn vỗ vỗ vai thằng bé. “Rồi, giỏi lắm.” Anh vội viết thâu mấy con số mình còn nhớ được.

Sau bữa tối, anh bắt tay vào dạy hai đứa trẻ bảng chữ cái và số đếm. Mumtaz không vui chút nào. “Giờ anh lại còn sắm cả vai thầy giáo của chúng nó nữa. Rồi tiếp theo sẽ là gì nữa đây? Khi nào hai thằng đến tuổi, anh có tìm vợ cho chúng nó luôn không?”

Ngày hôm sau anh đã may xong chiếc áo ăn cưới. Cuối tuần đó, người khách đến lấy đồ và mặc thử áo. Ashraf nhớ đúng mọi số đo, trừ dài áo: tà áo sát đầu gối hơn mong muốn. Người đàn ông nhìn vào gương, vẻ dăm chiêu, hết xoay trái rồi lại xoay phải.

“Hết chỗ chê,” Ashraf xuýt xoa. “Mốt pathani kiểu miền bắc này đang thịnh lắm đấy.” Người khách ra về, trong lòng vẫn chưa hết băn khoăn, còn ba chú cháu bò ra cười.

Một tháng sau khi kì học việc bắt đầu, Ashraf bị tiếng khóc rí rỉ đánh thức giữa đêm khuya. Anh nhắm dậy, lắng tai nghe, nhưng không thấy gì nữa. Anh nằm lại và mơ màng thiếp đi.

Vài phút sau, lại âm thanh ấy khuấy động giấc ngủ của anh. “Sao thế?” Chị Mumtaz hỏi. “Sao anh cứ trở dậy suốt thế?”

“Có tiếng gì đó. Con khóc à?”

“Không, nhưng kiểu gì nó cũng khóc, nếu anh cứ nhảy dựng lên như thế.”

Rồi tiếng khóc thút thít khe khẽ lại nổi lên. “Ở dưới nhà.” Anh ra khỏi giường và châm ngọn đèn lên.

“Thế thì việc gì anh phải xuống? Anh là bố chúng nó chắc?”

Tiếng cầu nhàu của chị còn vọng theo khi anh bước men những bậc thang dẫn xuống

của hiệu. Anh bước vào, tay giơ cao cây đèn. Ánh đèn soi tỏ đôi má ánh vệt nước mắt của Narayan. Ashraf khuyu gối quỳ xuống bên cạnh thằng bé, dịu dàng xoa lưng nó.

“Cháu sao thế, Narayan?” Anh hỏi, dù đã biết rõ câu trả lời. Anh đã lường trước một cuộc tấn công của nỗi nhớ nhà, không sớm thì muộn. “Chú nghe thấy tiếng cháu khóc? Cháu bị đau ở đâu à?”

Cậu bé lắc đầu. Ashraf vòng tay ôm nó. “Khi bố vắng mặt, chú sẽ thay bố. Còn Thím Mumtaz cũng như mẹ các cháu vậy, đúng không? Có chuyện gì, cháu cứ nói với chú thím.”

Nghe câu này, Narayan khóc òa lên. Giờ Ishvar cũng đã trở dậy và dụi dụi mắt, cố che chúng khỏi ánh sáng đèn.

“Cháu có biết tại sao em khóc không?” Ashraf hỏi.

Ishvar gạt đầu nghiêm trang. “Đêm nào nó cũng nhớ nhà.

Cháu cũng nhớ nhà, nhưng cháu không khóc.”

“Cháu là một cậu bé rất dũng cảm.”

“Cháu cũng không muốn khóc đâu,” Narayan nói. “Nhưng khi đêm xuống, mọi người đi ngủ cả rồi, bố với mẹ lại hiện lên trong đầu cháu.” Thằng bé sụt sịt và chùi mắt. “Cháu nhìn thấy túp lều của cả nhà, nó làm cháu buồn quá, rồi nó làm cháu khóc.”

Ashraf ôm nó vào lòng, bảo rằng nhớ bố mẹ là chuyện bình thường. “Nhưng đừng buồn, vài tuần nữa bố cháu sẽ lên đón các cháu về nhà chơi. Với cả, khi nào hai cháu đã học thành nghề may, các cháu sẽ mở được cửa hiệu của riêng mình và kiếm được khối tiền. Lúc ấy thì bố mẹ các cháu sẽ tự hào biết nhường nào, phải không?”

Anh bảo hai cậu bé rằng bất cứ lúc nào thấy buồn, chúng có thể ra kể cho anh nghe về làng chúng, về con sông, những cánh đồng, bạn bè chúng. Cùng nhau chuyện trò sẽ giúp biến nỗi buồn thành niềm vui, anh an ủi chúng thế. Anh nằm bên cạnh hai anh em cho đến khi chúng ngủ say, rồi mới rón rén lên gác với chiếc đèn đã được vắn bắc nhỏ tí.

Chị Mumtaz đang ngồi trong bóng tối chờ anh. “Hai đứa có sao không?” Chị lo lắng hỏi.

Anh gạt đầu, cảm thấy ấm lòng vì sự quan tâm của vợ.

“Hai đứa chỉ hơi nhớ nhà thôi.”

“Có lẽ từ mai vợ chồng mình nên để hai đứa ngủ trên gác.”

Lời đề nghị của chị khiến anh cảm động lắm, đôi mắt anh tràn ngập yêu thương. “Hai đứa là những cậu bé rất dũng cảm. Chúng sẽ học được cách ngủ một mình, có thể chúng mới rần rở lên được,” anh nói.

Chẳng mấy chốc, cả làng Dukhi đã biết chuyện hai thằng con anh được học một nghề không phải nghề da. Hồi xưa, hình phạt dành cho tội vượt ra ngoài đẳng cấp của mình là tử hình. Dukhi được tha mạng, nhưng cuộc sống của anh từ đó càng muôn phần nhọc nhằn. Anh không còn được phép lấy xác súc vật nữa, và phải lặn lội tới những nơi rất xa xôi để tìm việc. Thỉnh thoảng anh cũng được các bạn bè người Chamaar cho giấu ít da; nếu bị phát hiện, họ sẽ gặp lời thôi to. Những món đồ anh chế được từ các mảnh da lậu này phải được mang bán ở những vùng xa, nơi không một ai biết chuyện về bố con anh.

“Sao mình lại đi chuốc khổ vào thân như thế,” gần như ngày nào Roopa cũng rên rỉ. “Công việc không, cơm gạo không, con cái cũng không. Tôi đã làm gì nên tội, để bị giày vò như thế này? Đời tôi đã vĩnh viễn biến thành đêm đen mất rồi.”

Nhưng suy nghĩ của chị sáng sủa dần khi ngày bọn trẻ về thăm nhà đến gần. Chị mơ mộng và tính toán, nỗi đau trong tim dần nguôi ngoai, thay vào đó là ước muốn kiếm được món gì đó ngon lành thết con. Và nếu thứ đó nằm ngoài khả năng của anh chị, chị quyết tâm phải kiếm nó về theo cách không tốn một đồng xu các bạc nào, trong bóng đêm.

Lần đầu tiên kể từ khi bọn trẻ ra đời, Dukhi chịu nhận mình có biết những chuyến đi đêm của vợ. Sau nửa đêm, nghe tiếng vợ rón rén trở dậy, anh bèn nói: “Này, mẹ thằng Narayan, tôi nghĩ mình không nên đi đâu.”

Roopa nháy dựng lên. “Ồi trời, mình làm tôi sợ hết hồn!

Tôi cứ tưởng mình đang ngủ!”

“Làm liều thế là ngu lắm.”

“Trước mình có nói thế bao giờ đâu.”

“Lúc đó khác. Thiếu tí bơ hay quả đào hay ít đường thì con mình cũng có chết đói đâu mà lo.”

Roopa vẫn đi, trong bụng tự hứa rằng đó sẽ là lần cuối cùng. Nói gì thì nói, hai thằng con chị đã vắng nhà những ba tháng, chị cũng phải có thứ gì đặc biệt để đãi con chứ.

Đến cái ngày đã được trông ngóng từ lâu, Dukhi rời nhà từ mờ sáng và đón hai con về nhà chơi một tuần. Hai thằng bé ngồi sát sạt bên bố, không thôi rờ mó bố trong suốt chuyến đi, mỗi đứa tì một bên người bố, Narayan ôm cứng lấy gối bố, còn Ishvar túm chặt cánh tay. Chúng nói luôn mồm, rồi tua lại một lượt cho mẹ nghe khi vừa về đến nhà vào lúc chiều muộn.

“Cái máy kì diệu lắm ấy,” Ishvar nói. “Cái bánh xe to...”

“Mẹ phải đưa chân thế này, thế này này,” Narayan vừa nói vừa phát phát hai bàn tay, vờ làm cái bàn đạp, “thế là kim nhảy lên nhảy xuống, hay lắm...”

“Con đạp nhanh cực, nhưng Chú Ashraf đạp thì cực cực nhanh luôn.”

“Con thích cả cái kim bé tí nữa, có ngón tay con đưa, nó đi vào đi ra tám vãi êm ru, nó nhón lắm, có lần nó còn đâm vào ngón tay cái của con nữa cơ.”

Mẹ chúng lập tức đòi xem ngón tay cái. Khi đã an tâm rằng vết thương không có gì nghiêm trọng, chị mới để con kể chuyện tiếp. Đến giờ cơm tối, hai anh em đã mệt phờ, và ngủ gục ngay trên mâm. Roopa lau tay và mồm cho con, còn Dukhi dẫn chúng vào chiếu.

Suốt một lúc lâu, hai vợ chồng chỉ say sưa nhìn con ngủ rồi mới trải chiếu của mình ra.

“Trông hai đứa béo tốt khỏe khoắn chưa kìa,” chị nói. “Cứ nhìn má chúng nó mà xem.”

“Tôi chỉ mong không phải cái kiểu phù bệnh,” Dukhi nói. “Giống như bọn trẻ con những đận đói ăn hay bị ỏng bụng ấy.”

“Mình nói linh tinh cái gì vậy? Con cái có khỏe hay không thì người làm mẹ như tôi nhìn là biết ngay.” Nhưng chị hiểu mỗi ngời vực của anh nảy sinh từ nỗi phần uất, bởi khi ở với người ngoài, hai thằng con họ lại ăn ngon ngủ khỏe hơn khi ở nhà; chị hiểu niềm tủi hổ của anh lắm chứ. Họ đi ngủ, trong lòng mừng rỡ pha lẫn buồn rầu.

Không khí hân hoan của cả gia đình lại tiếp diễn vào sáng hôm sau. Hai anh em mang về theo một cuộn thuốc dây, một tờ giấy trắng, và một cây bút chì lấy ở Hiệu may Muzaffar, và đòi đo cho bố mẹ. Ashraf đã dạy chúng những kí hiệu dành cho những từ được dùng thường xuyên như cổ, eo, ngực, và tay áo.

Hai cậu bé không với cao được, nên có lúc hai vị khách phải cúi xuống hoặc ngồi trên sàn mới đo được: đầu tiên là mẹ, rồi đến bố. Trong khi hai đứa đang mãi ghi lại số đo của Dukhi, Roopa đã kịp chạy sang các nhà xung quanh để gọi bạn bè sang xem. Ishvar ngưỡng, chỉ cười thẹn thò, còn Narayan rũ tung cuộn thước dây, cử chỉ cũng khoa trương hơn hẳn, xem ra rất thú vì được mọi người chú ý.

Khi chúng đo xong, ai nấy hoan hô ầm ĩ. Đến tối, Dukhi bèn mượn tờ giấy để mang ra gốc cây bên bờ sông khoe bạn. Anh giặt nó theo bên mình luôn suốt cả tuần đó.

Rồi cũng đến lúc hai cậu bé phải trở lại Hiệu may Muzaffar. Tâm trí hai vợ chồng lại ngập trong nỗi sợ hãi trước cảm giác trống trải sắp bao trùm lên cuộc sống của họ, ngôi lều của họ. Ishvar xin lại bố tờ giấy ghi các số đo.

“Cho bố giữ không được à?” Dukhi hỏi. Hai cậu bé cân lên đặt xuống lời đề nghị của bố một lúc, rồi lục lọi mãi cũng kiếm được một mẫu giấy để chép lại các số đo, nhờ vậy bố chúng lại được cầm bản gốc.

Ba tháng nữa trôi qua, rồi cũng đến chuyến thăm nhà tiếp theo. Lần này, hai anh em mang cả quà về cho bố mẹ. Ishvar và Narayan đã hẹn trước với nhau, là sẽ đánh lừa bố mẹ một phen, bảo rằng hai đứa đã mua quà ở một cửa tiệm lớn trên thị trấn, y như những nhà giàu trên đó.

“Cái gì thế này?” Roopa hoảng hốt kêu lên. “Các con lấy tiền đâu mà mua?”

“Mẹ, không phải bọn con mua đâu! Bọn con tự may đấy!” Narayan nói, quên bẵng mất trò đùa nho nhỏ của hai anh em. Ishvar hào hứng kể chú Ashraf đã giúp chúng chọn và ghép những mảnh còn thừa lại trong số vải dùng may đồ cho khách như thế nào. Chiếc áo vét cho bố khá dễ xử; vì có vô khối mẫu vải pô-ơ-lin trắng còn thừa. Cái áo choli cho mẹ lại cần tính toán tỉ mỉ hơn một chút. Một mẫu vải in hoa đỏ và vàng được lấy làm mặt trước áo. Mặt sau màu đỏ sậm, còn ống tay được may từ một mảnh vải đỏ son.

Chiếc choli vừa mặc vào người, Roopa bật khóc. Ishvar và Narayan hốt hoảng nhìn sang bố, bố chúng bèn bảo mẹ khóc vì vui quá đấy thôi.

“Phải, mẹ vui quá!” Chị xác nhận lời chồng giữa những tiếng sụt sịt. Chị khuyu gối xuống trước mặt chúng và lần lượt ôm lấy từng đứa, rồi ôm chầm cả hai đứa. Chị thấy Dukhi nhìn mình, và dẫn hai con ra chỗ anh. “Các con ôm bố đi,” chị nói, “hôm nay là một ngày rất đặc biệt.”

Chị quày quả rời khỏi lều, chạy đi tìm mấy người hàng xóm. “Padma! Savitri! Ra mà xem này! Amba với Pyari, hai chị cũng ra đây! Xem hai thằng con tôi mang gì về này!”

Dukhi toét miệng cười với hai thằng con. “Tối nay lại chả có cơm nước gì đâu. Cái choli mới sẽ làm mẹ chúng bay quên hết trời đất, thế nào bà ấy cũng mất cả ngày để khoe áo cho mà xem.” Anh vỗ vỗ lên ngực và sườn. “Cái áo này vừa vặn hơn hẳn cái cũ của bố. Vải cũng đẹp hơn nữa.” “Bố nhìn này, có cả túi nữa đấy,” Narayan nói.

Roopa và Dukhi mặc áo mới suốt cả tuần. Sau đó, khi hai thằng con trở lại trên thị trấn, chị cởi chiếc choli ra và đòi anh đưa cho cái áo vét.

“Để làm gì?” Anh hỏi.

“Để giặt.”

Song chị không chịu đưa trả anh khi áo đã khô. “Nhờ mình làm rách hay gì đó thì sao?” Chị gấp gọn cả hai chiếc áo, lấy vải gai gói lại, và buộc dây thật chặt. Chị treo cái gói toồng

teng trên trần lều, khỏi sợ nước lũ và chuột bọ.

Những năm tháng học việc của Ishvar và Narayan được đo bằng từng khoảng ba tháng một, nhờ có những tuần về thăm nhà nên cũng thấy bớt dài. Giờ hai anh em đã một mười tám, một mười sáu, khóa đào tạo đang tiến dần đến những ngày cuối, và họ sẽ rời Hiệu may Muzaffar vào một ngày nào đó sau mùa mưa. Gia đình Ashraf đã phình ra thêm – giờ họ có tới bốn đứa con gái: đứa bé nhất mới ba tuổi, đứa lớn nhất, tám. Mumtaz đặc biệt quan tâm tới kế hoạch của hai chàng học việc. Hai cậu càng sớm an cư lạc nghiệp, con chị càng chóng có thêm chỗ mà ở, chị nhắm tính thế, dù rằng chị cũng quý mến hai chàng trai, họ kiệm lời, lại được việc.

Nguyện vọng của Narayan là mở tiệm riêng ở làng để may quần áo cho bà con lối xóm. Ishvar lại thiên về phương án ở lại thị trấn này hoặc tới một thị trấn khác, đi phụ việc ở hiệu của người khác. “Về làng chả kiếm được bao lăm đâu,” cậu nói. “Ai cũng nghèo. Ở tỉnh lớn bao giờ chẳng lắm việc hơn.”

Cùng thời gian đó, những cuộc bạo loạn rải rác khởi phát cùng những lời đồn đoán về độc lập ngày càng lan rộng khi Chiến dịch ly khai đất nước trở thành hiện thực. “Có lẽ tốt hơn hết các cháu cứ tạm thời ở yên một chỗ,” Ashraf nói, còn Mumtaz trợn mắt lườm chồng. “Bọn quý dữ vẫn chưa hoàn hành ở thị trấn ta. Hàng xóm láng giềng hai cháu đã quen mặt cả, các cháu đã sống ở đây bao nhiêu năm rồi còn gì. Mà kể cả ở dưới làng vẫn yên ổn, thì giờ cũng không phải lúc mở tiệm.”

Ishvar và Narayan bèn nhờ người gửi lời cho bố mẹ, rằng hai cậu sẽ ở lại với Chú Ashraf đến khi nào thời kì hỗn loạn kết thúc. Roopa rầu rĩ vô cùng; mẹ con xa nhau bao nhiêu năm, nay ngày về lại bị trì hoãn thêm – khi nào các thần thánh mới rủ lòng thương mà chấm dứt hình phạt cho chị?

Dukhi cũng hực hắng lắm, nhưng đành chấp nhận đó là quyết định hợp lý nhất. Xung quanh họ đang xảy ra đủ chuyện rối ren. Những người lạ mặt thuộc một tổ chức Hindu, mặc áo sơ mi trắng quần ka ki, và huấn luyện các thành viên của mình duyệt binh đi khắp nơi như quân lính, đã đến tỉnh này. Họ mang theo những câu chuyện người Hồi tấn công người Hindu ở rất nhiều vùng trên khắp cả nước. “Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng để có thể bảo vệ chính mình,” họ nói. “Và cũng để báo thù cho mình nữa. Nếu chúng dám đánh đổ máu của những người anh em Hindu của chúng ta, đất nước này sẽ bị nhuộm đỏ bởi những dòng sông máu người Hồi.”

Ở làng Dukhi, dân số người Hồi rất ít ỏi, chẳng hại nổi ai, nhưng bọn địa chủ lại nhìn thấy cơ hội trong lời cảnh báo của những kẻ lạ mặt. Chúng bèn ra sức kích động dân làng chống lại mối hiểm họa tưởng tượng đang tồn tại trong cộng đồng của họ. “Tốt hơn hết là nên tiết trừ mọi mầm họa Hồi giáo trước khi ta bị thiêu sống trong túp lều của chính mình. Chúng nó chẳng đã xâm lược chúng ta, đốt phá đền đài, cướp bóc của cải của ta từ hàng thế kỷ nay còn gì.”

Những người mặc sơ mi trắng quần ka ki nấn ná thêm mấy ngày, nhưng cũng chẳng gặp vận may với đại đa số dân chúng. Những người thuộc đẳng cấp thấp không mấy may suy suyển bởi luận điệu của mấy người kia. Xưa nay họ vẫn chung sống hòa bình với các hàng xóm láng giềng người Hồi. Vả lại, chỉ riêng việc giữ hồn với xác liền một khối đã khiến họ sức cùng lực kiệt rồi.

Vì thế, mọi mưu toan trục xuất người Hồi khỏi ngôi làng đều thất bại. Bỏ lại sau lưng những hiểm họa gớm ghê từ việc phải đối phó với những kẻ phản động, bao gồm cả tên phản động đầu sỏ, Mohandas Karamchand Gandhi^[25], những người của tổ chức Hindu lại

tiếp tục lên đường. Những vùng đông dân cư, lăm cửa hàng cửa hiệu, buôn bán sầm uất sẽ cho họ nhiều cơ may thành công, và cả chiếc áo choàng của trạng thái ẩn danh chốn thành thị để ẩn náu, đó là mảnh đất màu mỡ cho những tin vịt cùng lời đồn sinh sôi nảy nở. Tối tối, Dukhi cùng bạn bè bàn tán về tình hình thời sự bên bờ sông. Ai nấy đều hoang mang trước đủ mọi nguồn tin bay đến tai mình về các sự kiện xảy ra ở những làng mạc thị trấn xa xôi.

“Bọn địa chủ lúc nào cũng đối xử với chúng ta như súc vật.”

“Còn tệ hơn súc vật ấy chứ.”

“Nhưng nếu những tin đó chính xác thì sao? Nhỡ bọn người Hồi kéo đàn kéo lũ xuống càn quét làng ta như mấy lão quần ka ki bảo thì sao?”

“Trước giờ bọn họ có có bao giờ làm gì phiền đến ta đâu. Có gì bây giờ họ lại sinh sự? Sao chúng ta phải đánh đuổi họ chỉ vì người ngoài đến đây đem đặt chuyện nọ chuyện kia cơ chứ?”

“Phải, tự nhiên tất cả bọn ta lại trở thành những người anh em Hindu, kể cũng lạ thật.”

“Người Hồi còn đối xử với ta giống những người anh em hơn bọn Bà la môn với lũ chúa đất chó chết.”

Song những câu chuyện tiếp tục nhân lên: có người đã bị đâm trong chợ trên thị trấn; một nhà tu hành bị chém đến chết ở một bến xe buýt; một khu dân cư bị san bằng. Không khí căng thẳng lan ra toàn tỉnh. Chuyện nào cũng có vẻ đáng tin cậy, vì nó mô phỏng chính xác những gì người ta thấy trên báo chí trong những ngày qua: tin tức về những cuộc đốt phá và bạo loạn ở các thị trấn và thành phố lớn; về hành hung và giết chóc ở khắp nơi; về làn sóng hoán đổi dân cư rộng lớn và khủng khiếp đang xảy ra trên đường biên giới mới.

Những cuộc giết chóc phát sinh từ khu dân nghèo của thị trấn, và dần lan rộng; đến ngày hôm sau, chợ búa đã vắng tanh. Chẳng còn tí rau quả nào để mua, những người bán sữa cũng án binh bất động, còn cửa hàng bánh duy nhất trong thị trấn do một người Hồi làm chủ đã bị đốt trụi.

“Lúc này bánh mì còn hiếm hơn vàng,” Ashraf nói. “Loạn quá. Những người này đã chung sống với nhau biết bao nhiêu đời nay, cùng cười cùng khóc. Thế mà giờ lại thành ra nòi da xáo thịt.” Hôm ấy anh không động tay làm gì hết, chỉ đứng hàng giờ liền nhìn trân trối ra con phố hoang vắng bên ngoài ngưỡng cửa, như thể đang chờ thứ gì đó rất khủng khiếp hiện hình.

“Chú Ashraf, cơm dọn ra rồi đấy ạ,” Narayan nói, để đáp lại cử chỉ ra hiệu của chị Mumtaz. Cả ngày nay chồng chị chưa ăn gì. Chị chỉ mong anh chịu vào ăn tối cùng cả nhà.

“Có chuyện này anh phải nói với em,” anh nói với chị Mumtaz. “Và cả hai cháu nữa,” anh quay sang Ishvar và Narayan.

“Anh vào đi, cơm dọn ra rồi, để sau hẵng nói chuyện,” chị nói. “Hôm nay chỉ có cháo đậu với bánh chapati thôi, nhưng ít ra anh cũng phải ăn lấy một tí.” Đoạn chị bắc chiếc nồi trên bếp xuống.

“Anh không đói. Em với các con cứ ăn đi,” Ashraf vừa nói vừa lừa bốn đứa con về phía mâm cơm. Cả mấy đứa đều ngáp ngừng, chúng đã nhận thấy thái độ lo lắng của bố mẹ. “Cả hai cháu nữa, ra đi.”

“Tôi khổ công nấu nướng là thế mà ngài hoàng thân-quốc thích chẳng chịu động đến một ngón tay vào bữa tối,” chị Mumtaz rên rỉ.

Với tâm trạng hiện thời của anh, câu than thở thường ngày của chị bỗng thành ra ngoa ngoắt đáng ác. Anh sẵn mồm quát chị, một việc anh hiếm khi làm. “Thế cô bảo tôi phải làm gì nếu tôi không đói? Buộc đĩa vào bụng chắc? Thỉnh thoảng nói cũng phải nghĩ chứ!” Hai đứa bé nhất khóc òa lên. Khuỷu tay một đứa huých đổ cả cốc nước.

“Chắc anh hài lòng lắm nhỉ,” chị Mumtaz vừa lau vũng nước đổ, vừa khinh khỉnh nói. “Định hò hét để dọa tôi chắc. Để tôi nói cho anh hay, trò đấy chỉ dọa được mấy đứa trẻ ranh thôi.”

Ashraf bèn ôm hai đứa bé con đang khóc thút thít vào lòng. “Nào, nào, nín đi. Đây, bố con mình cùng ăn nhé.” Anh lấy thức ăn từ đĩa của mình bón cho chúng, rồi cũng dứt một mẩu vào miệng mình khi hai đứa chỉ vào đó. Chẳng mấy chốc, nó đã biến thành một trò chơi mới, thế là bọn trẻ vui hẳn lên.

Bữa tối kết thúc chóng vánh, và Mumtaz bèn mang nồi cùng muôi ra ngoài vòi nước để rửa. Ashraf bèn ngăn chị lại. “Anh đã định nói một chuyện trước bữa cơm, trước cả khi em la lối anh.”

“Giờ em nghe đây.”

“Đấy là chuyện về cái này... về cái đang xảy ra khắp nơi.”

“Cái gì cơ?”

“Em lại muốn anh nói toẹt ra ngay trước mặt bọn trẻ ư?” Anh thì thào bằng giọng gay gắt. “Sao em cứ giả ngu giả dốt thế? Sớm muộn gì tai vạ cũng kéo đến đây. Dù có chuyện gì xảy ra, hai cộng đồng người sẽ chẳng thể nào hòa hảo được như xưa nữa.”

Thấy Ishvar và Narayan lắng tai nghe, mặt lộ vẻ hoang mang, anh vội để thêm: “Chú không bảo chú cháu mình đâu. Lúc nào chúng ta cũng như một gia đình, dù mỗi người có đi một ngả đi nữa.”

“Nhưng Chú Ashraf ơi, chúng ta đâu cần phải xa nhau,”

Narayan nói. “Cháu với anh Ishvar đã định đi đâu.”

“Đúng, chú biết. Nhưng Thím Mumtaz cùng các em và chú, bọn chú phải đi thôi.”

“Ông hoàng thân-quốc thích dở hơi khốn khổ nhà tôi phát điên thật rồi,” chị Mumtaz kêu lên. “Lại muốn đi cơ. Với bốn đứa con lít nhít ư? Anh muốn đi đâu?”

“Đến nơi tất cả những người khác đang đến. Sang bên kia biên giới. Em tính làm gì? Ngồi đây chờ bọn thù địch và mất trí kéo đến với gươm giáo, gậy gộc và dầu hỏa chẳng?”

Chị Mumtaz một hai kêu rằng chồng đang xử sự như một lão già ngớ ngẩn. Nhưng anh từ chối không để chị hưởng chút thư thái bằng việc quay lưng lại với hiểm nguy. Anh thà tranh luận với chị suốt cả đêm, anh bảo, còn hơn vờ như mọi sự vẫn bình thường.

“Anh sẽ làm bất cứ điều gì cần thiết để bảo vệ gia đình này. Sao em có thể mù quáng đến vậy? Anh sẽ túm tóc lôi em ra nhà ga, nếu cần phải làm thế.” Nghe bố dọa mẹ, bọn trẻ lại òa lên khóc như ri.

Chị nhắc vạt dupatta lên chùi nước mắt, và tiêu hủy mọi ý định phản kháng lại kế hoạch của chồng. Trường hợp này không phải là mù quáng không nhìn thấy hiểm nguy nữa – người ta có thể đánh hơi thấy mùi nguy hiểm dù cách xa hàng dặm, chồng chị nói

đúng. Chỉ có điều, gỡ bỏ tấm khăn bịt mắt thật quá khó khăn, chính bởi những gì chị sẽ nhìn thấy.

“Nếu chúng ta đi gấp, sẽ không thể mang nhiều đồ theo được,” chị nói. “Quần áo, một cái bếp, vài cái nồi. Em sẽ đi gói ghém đồ đạc luôn.”

“Đúng, đến mai là phải chuẩn bị xong xuôi rồi,” Ashraf nói. “Những đồ đạc còn lại cứ để lại cửa hiệu rồi khóa kĩ vào. Nếu Thánh Allah phù hộ, rồi sẽ có ngày ta trở về đây và lấy lại tất cả.” Anh bèn gọi bọn trẻ đi ngủ. “Đi đi các con, tối nay cả nhà phải ngủ sớm. Ngày mai chúng ta sẽ lên đường cho một chuyến đi rất dài.”

Narayan cảm thấy không thể chịu đựng nổi việc nghe hay nhìn những công đoạn chuẩn bị lịch kịch của hai vợ chồng.

Cậu ngỡ rằng dù mình có nói thêm vào chắc cũng chẳng thay đổi được gì. Vờ như mình đang xuống cửa hiệu, cậu lén ra sau nhà, chạy sang nhà hàng xóm và kể cho anh ta nghe về cuộc trốn chạy đã được lên kế hoạch sẵn.

“Chú ấy quyết thế thật à?” Người chủ tiệm kim khí kêu lên. “Sáng nay lúc bọn chú nói chuyện với nhau, chú ấy chả đồng tình là ở khu này chẳng có gì phải lo lắng còn gì.”

“Giờ chú ấy nghĩ khác rồi.”

“Đợi tí, chú sẽ sang gặp chú ấy ngay đây.”

Anh ta chạy đi gọi anh bán than, chủ tiệm tạp hóa, chủ xưởng xay xát, và họ gõ cửa nhà Ashraf. “Xin lỗi vì đến giờ này còn quấy quả anh. Chúng tôi vào được không?”

“Được chứ. Các anh ăn gì không? Hay uống gì đó nhé?”

“Thôi, cảm ơn anh. Chúng tôi đến vì vừa biết một tin khiến chúng tôi đau đớn vô cùng.”

“Là chuyện gì thế, chuyện gì?” Ashraf bàng hoàng, không hiểu có phải người thân của ai đó trong số này đã bị thương hoặc chết do bạo loạn không. “Tôi giúp gì được không?”

“Có, có chứ. Anh có thể bảo chúng tôi đấy không phải sự thực.”

“Cái gì không phải sự thực cơ?”

“Là anh muốn bỏ chúng tôi, bỏ mảnh đất nơi anh đã sinh ra và con cái anh đã sinh ra. Đấy là nguồn cơn nỗi đau đớn của chúng tôi.”

“Các bạn đều là người tốt.” Đôi mắt Ashraf bắt đầu nhòa đi. “Nhưng quả thực, tôi không còn cách nào khác.”

“Ngồi xuống đây với chúng tôi và suy nghĩ thật bình tĩnh mà xem,” người chủ hiệu kim khí nói, đoạn khoác tay lên vai Ashraf. “Tình hình đang rất tệ, quả có thể thật, nhưng họa có diễn mới một hai đời ra đi.”

Những người kia đều gật gù đồng tình. Anh bán than đặt tay lên đầu gối Ashraf. “Hàng ngày các đoàn tàu vượt qua đường biên giới mới, chở theo rất nhiều xác chết. Người bỏ mối hàng cho tôi vừa từ miền bắc xuống đây hôm qua, chính mắt anh ta đã trông thấy. Tàu hỏa bị chặn ở ga và hành khách trên tàu đều bị giết sạch. Ở cả hai phía biên giới đều thế.”

“Vậy tôi biết phải làm gì bây giờ?”

Nỗi tuyệt vọng trong giọng nói của anh lại kéo cánh tay người chủ hiệu kim khí lên vai anh lần nữa. “Ở lại đây. Ở đây anh có bạn bè. Chúng tôi sẽ không để chuyện gì xảy ra với

gia đình anh. Trong khu ta ở làm gì có chỗ nào lộn xộn đâu? Xưa nay chúng ta vẫn sống yên ổn ở đây kia mà.”

“Nhưng nhờ bọn quấy rối từ nơi khác kéo đến đây thì sao?”

“Hiệu của anh là cửa hàng Hồi duy nhất trên phố này. Anh nghĩ ngần này người chúng tôi mà không bảo vệ được một cửa hiệu sao?” Họ ôm anh, cam đoan rằng anh không phải lo sợ gì cả. “Bất kì lúc nào anh muốn, ngày hay đêm, nếu anh lo lắng về bất cứ điều gì, cứ dẫn cả vợ lẫn con sang nhà chúng tôi.”

Khi mấy người hàng xóm đã ra về hết, Narayan bỗng nảy ra một ý. “Chú này, cái biển hiệu ngoài cửa, Hiệu may Muzaffar ấy. Ta có thể thay bằng một cái biển khác.” “Để làm gì?” Ashraf hỏi.

Narayan ngập ngừng không dám nói. “Một cái biển mới...”

Ashraf lập tức hiểu ra. “Phải rồi, với một cái tên mới. Một cái tên Hindu. Ý hay lắm.”

“Ta hãy làm ngay đi thôi,” Ishvar nói. “Cháu có thể lấy một tấm bảng mới từ xưởng gỗ của chú chú. Cháu lấy xe đạp đi được không?”

“Được chứ. Nhưng cẩn thận đấy, đừng đi qua mấy khu người Hồi.”

Một tiếng sau, Ishvar trở về tay không mà chưa tới được nơi cần đến. “Rất nhiều nhà cửa và cửa hiệu bị đốt. Cháu vẫn đi tiếp, thật chậm, thật chậm. Thế rồi cháu nhìn thấy vài người cầm rìu. Họ đang xả xác một người đàn ông. Cháu sợ quá, phải quay về.”

Ashraf bủn rủn ngồi phệt xuống. “Cháu làm thế là khôn lắm. Chúng ta biết làm sao bây giờ?” Anh quá sợ hãi, không nghĩ nổi điều gì.

“Cớ sao ta phải kiếm tấm bảng mới?” Narayan nói. “Ta có thể dùng mặt sau của tấm bảng cũ. Chỉ cần ít sơn là xong.”

Cậu lại chạy sang nhà hàng xóm, và người chủ hiệu kim khí bèn cho cậu mượn một hộp sơn xanh đã mở sẵn. “Ý hay đấy,” anh ta nói. “Cháu định viết tên gì?”

“Tiệm may Krishna, cháu nghĩ thế,” Narayan đáp hù họa.

“Màu xanh da trời sẽ rất hợp đấy.” Anh ta chỉ về phía chân trời, nơi khói cùng một vầng sáng đỏ ối trùm phủ bầu trời. “Chú nghe nói đó là xưởng gỗ. Nhưng đừng kể cho chú Ashraf biết vội.”

Đến khi họ tô xong dòng chữ và treo lại tấm biển thì trời đã khuya. “Trên nền gỗ cũ này màu sơn trông mới lắm,” Ashraf bảo.

“Cháu sẽ lấy một nhúm tro xoa lên đó,” Ishvar nói. “Sáng mai, khi sơn đã khô.”

“Nếu cả nhà ta chưa bị thiêu ra tro trong lúc đang ngủ,” Ashraf nói nhỏ. Cảm giác an toàn mong manh dật từ những lời cam đoan của các bạn hàng xóm đã bắt đầu bung sợi sổ mối.

Nằm trên giường, từng tiếng động trong đêm tối đều là hiểm nguy đang mò tới rình rập gia đình anh, cho đến khi anh nhận diện được nó chỉ là thứ gì đó hết sức vô hại. Anh định hình lại những thanh âm đã cùng anh chìm vào giấc ngủ suốt bao năm cuộc đời. Tiếng đập chông thành thạch của anh bán than, anh này thích ngủ ngoài trời, chỗ sân sau (tối nào anh ta cũng đập chông để rũ sạch các loại rận rệp bọ kiến). Tiếng loảng xoảng phát ra từ cánh cửa tiệm tạp hóa được khóa lại khi đêm xuống; phồng rộp và dấp dính, nó cần một cánh tay khỏe mạnh. Tiếng lanh canh của xô chậu nhà nào đó – Ashraf chưa bao giờ

biết được là nhà ai, và họ đang làm gì vào lúc khuya khoắt thế này.

Đâu đó sau nửa đêm, anh giật mình nhồm dậy, mò mẫm bước xuống cửa hàng và bắt đầu gõ ba bản in câu trích trong kinh Koran được đóng khung treo trên bức tường phía sau bàn cắt vải. Bị đánh động bởi tiếng người lọ mọ trong bóng tối, Ishvar và Narayan cùng rùng mình tỉnh giấc, và bật đèn lên.

“Không có gì đâu, các cháu cứ ngủ tiếp đi,” anh nói. “Đột nhiên chú nhớ ra mấy cái tranh này.” Sơn ở khoảng tường treo mấy bức tranh sậm màu hơn hẳn. Ashraf lấy chiếc giẻ ướt, cổ chùi đi cho khỏi vênh màu song không ăn thua.

“Bọn cháu có cái này có thể trám vào chỗ đó,” Narayan nói. Cậu lôi rương đồ của hai anh em cất dưới gầm bàn cắt vải ra và tìm thấy ba bức tranh dán bìa các tông có đính mấy vòng dây nhỏ để treo lên. “Ram và Sita, Krishna, và Laxmi.”

“Đúng rồi, được đấy,” Ashraf nói. “Còn ngày mai chúng ta sẽ đốt hết mấy tờ báo với tạp chí tiếng Urdu nữa.”

Tám rưỡi sáng, Ashraf mở cửa hàng như mọi khi. Anh bỏ chiếc khóa móc trên cửa xếp bằng thép ở phía ngoài, nhưng không kéo cửa ra. Cánh cửa gỗ phía trong được mở hé hé. Cũng như hôm trước, phố xá vắng tanh.

Lúc chừng mười giờ, con trai anh bán than gọi vọng vào qua ô cửa thép. “Bố sai cháu sang hỏi xem cô chú có cần mua gì ngoài chợ không, nếu chợ mở cửa. Bố cháu bảo tốt hơn hết cô chú đừng ra ngoài.”

“Cầu trời phù hộ cho con, con trai,” chị Mumtaz nói, “có, một ít sữa, nếu có, cho bọn trẻ con. Và rau, loại nào cũng được – vài củ khoai tây hoặc hành, bất cứ thứ gì cháu tìm thấy.”

Sau mười lăm phút, cậu bé trở lại tay không; ngoài chợ không có lấy một mống người. Một lát sau, người bán than gửi sang một bình sữa vắt từ con bò nhà anh ta. Mumtaz đành phải cậy đến số bột mì và đậu lăng ít ỏi còn sót lại trong nhà để nấu nướng cho cả ngày. Từ trước khi trời sẩm tối rất lâu, Ashraf đã khóa cửa xếp và cài khóa chốt các cửa nẻo.

Đến bữa tối, hai đứa út ít đòi Ashraf cho ăn như hôm qua. “A, các con lại thích trò này rồi hả,” anh cười.

Cơm nước xong xuôi, Ishvar và Narayan đứng dậy để trở xuống tầng dưới, cho cả nhà chuẩn bị đi ngủ. “Cứ ngồi lại đây,” Ashraf nói, “đào, vẫn còn sớm mà. Không có khách khứa, quỳ đủ làm thời giờ trôi chậm ghê.”

“Từ mai tình hình sẽ khá lên,” Ishvar nói. “Thấy bảo quân đội sẽ sớm nắm quyền kiểm soát.”

“Cầu Thánh Allah phù hộ,” Ashraf vừa nói vừa nhìn đứa út chơi con búp bê bằng vải vụn anh làm cho nó. Con bé lớn đang đọc cuốn sách giáo khoa. Hai đứa còn lại tiêu khiển bằng những mẩu vải vụn, giả vờ chúng là thợ may vá. Anh bèn ra dấu gọi Ishvar và Narayan cùng quan sát những cử chỉ khoa trương của chúng.

“Hồi mới đến đây hai đứa cũng hay làm thế,” anh nói. “Hai đứa còn thích phát thuốc dây cho nó kêu vun vút nữa chứ.” Nhớ đến kỉ niệm đó, ba chú cháu bật cười, rồi lại chìm vào im lặng.

Bầu không khí im ắng bỗng bị phá vỡ bởi tiếng đập của thành thành lên cánh cửa hiệu may. Ashraf nhảy dựng lên, nhưng Ishvar kịp chặn anh lại. “Để cháu ra xem,” cậu nói.

Đứng từ ổ cửa sổ tầng hai, cậu nhìn thấy một nhóm hai, ba chục người đứng trên vỉa hè.

Nhắc thấy bóng người, chúng gào thét: “Mở cửa ra! Bọn tao muốn nói chuyện với mày!”

“Được rồi, đợi tí!” Cậu hét lại. “Chú nghe đây,” cậu thì thào, “cả nhà chú hãy sang nhà bên qua lối đi trên tầng hai, khẽ thôi. Cháu với Narayan sẽ cùng xuống.”

“Thánh Allah hỡi!” Mumtaz khẽ rên lên. “Lẽ ra chúng ta nên đi ngay khi có cơ hội! Anh nói đúng, chồng em ơi, thế mà em lại bảo anh ngu, em mới là con ngu vì đã không...”

“Im cái miệng lại rồi đi đi, mau lên!” Ashraf mắng. Một đứa bé gái bắt đầu sụt sịt. Mumtaz bèn ôm nó vào lòng và bảo nó nín. Ashraf dẫn cả nhà ra ngoài còn Ishvar cùng Narayan xuống cửa hàng. Tiếng đập dồn dập dữ dội, phát ra từ những vật cứng chọc qua mắt cửa xếp mà nện lên mặt cửa gỗ.

“Bình tĩnh nào!” Ishvar hét lớn, “để tôi mở khóa đã nào!”

Đám đông ngời tiếng khi hai bóng người hiện lên qua cửa xếp. Đa số bọn chúng mang một món vũ khí thô sơ nào đó, một cây gậy hoặc một cây giáo; một số cầm gươm. Có vài gã mặc áo màu nghệ, tay lăm lăm đinh ba.

Thấy đám người lố nhố, Ishvar run bắn bật. Trong một giây ngắn ngủi, cậu những muốn nói hết sự thật và nhường đường cho chúng. Hồ thẹn vì ý nghĩ đó, cậu mở khóa cửa xếp và kéo cánh cửa ra một chút. “Xin chào các anh em.” “Mày là ai?” Tên đứng phía trước hỏi.

“Bố tôi là chủ Hiệu may Krishna. Đây là em trai tôi.”

“Thế bố mày đâu?”

“Về quê rồi, có người họ hàng đang bị ốm.”

Bọn chúng chụm đầu bàn bạc một hồi, rồi tên cầm đầu nói: “Bọn tao nhận được tin đây là cửa hàng của bọn Hồi.”

“Hả?” Ishvar và Narayan đồng thanh la lên. “Đây là cửa hiệu của bố chúng tôi suốt hai chục năm nay rồi đấy!”

Phía sau đám đông rộ lên tiếng can ngăn. Khỏi cần hỏi han lời thôi! Đốt đi! Rõ ràng đây là cửa hàng của bọn Hồi! Đốt đi! Cả những đứa dám nói dối để bao che cho nó nữa – thiêu sống chúng luôn đi!

“Có khi nào có người Hồi làm trong cửa hàng không?” Tên cầm đầu hỏi.

“Làm ăn chán lắm, nhà tôi có cần thuê thêm người đâu,” Ishvar đáp. “Còn chả đủ việc cho hai anh em tôi làm nữa là.” Cả lũ ủa lên cạnh chỗ cậu đứng, cố nghển cổ nhòm vào trong cửa hàng. Tên nào tên nấy thở phì phò, cậu ngửi thấy cả mùi mồ hôi của chúng. “Xin mời, các anh muốn xem xét bao nhiêu tùy thích,” cậu nói, đoạn né sang một bên. “Chúng tôi chả có gì phải giấu cả.”

Đám người ngó nghiêng bốn phía rất nhanh, ngắm nghía hình các vị thần Hindu treo trên bức tường phía sau bàn cắt vải. Một tên mặc áo màu nghệ bước lên phía trước. “Nghe tao nói đây, thằng lỏi. Nếu mày nói dối, tao sẽ tự tay xiên chả mày bằng ba mũi dùi trên cái đinh ba của tao đây.”

“Sao tôi phải nói dối làm gì?” Ishvar nói. “Tôi cũng giống anh. Anh tưởng tôi thích chết để cứu một thằng người Hồi chắc?”

Bên ngoài cửa hàng lại rộ lên tiếng bàn bạc. “Bước ra vỉa hè và cởi pyjama ra,” tên cầm đầu ra lệnh. “Cả hai đứa.”

“Hả?”

“Nào, mau lên! Không thì chúng mày sẽ chẳng cần đến pyjama nữa đâu!”

Bọn đứng hàng dưới tỏ vẻ sốt ruột. Chúng dận giáo xuống đất và gào thét đòi châm lửa đốt cửa hàng. Ishvar và Narayan bèn ngoan ngoãn cởi pyjama ra.

“Tối quá, chẳng thấy gì cả,” tên cầm đầu nói to. “Đem cho tao cái đèn lồng ra đây.” Đèn được chuyển lên từ phía sau đám người. Gã cúi thấp xuống, dí sát nó lại gần hai cái ben trần trụi, và gật gù hài lòng. Những tên còn lại bu thành vòng tròn để xem cùng. Cả bọn đồng tình là cả hai cái bao quy đầu đều còn nguyên vẹn.

Đúng lúc ấy, người chủ tiệm kim khí mở toang cánh cửa sổ tầng hai và gào lên: “Cái gì đấy? Sao bọn mày dám bắt nạt hai thằng bé Hindu thế kia? Chúng mày cạn vốn dân Hồi rồ à?”

“Thế mày là thằng nào?” Bọn kia quát lại.

“Tao là thằng nào ấy à? Tao là bố là ông chúng mày đây! Đấy, tao đấy! Tao còn là chủ cái hiệu kim khí này nữa! Chỉ cần tao hô một tiếng, cả phố này sẽ cùng hợp lại làm một để xay thịt cả lũ chúng mày! Chúng mày hết chỗ để đi rồi à?”

Tên cầm đầu cảm thấy nhận một lời thách thức như thế thật không đáng. Cả bọn kéo nhau bỏ đi, mồm văng đủ thứ tục tĩu cho đỡ mất mặt. Chúng quay ra cự cãi lẫn nhau vì một đêm xôi hỏng bỏng không và cái tin thất thiệt đã biến chúng thành một lũ dở người.

“Diễn đạt lắm,” người chủ tiệm kim khí vừa nói, vừa vỗ đôm đốp lên lưng Ishvar và Narayan. “Chú đứng trên gác nhìn thấy hết. Hầy, chỉ cần hai đứa hơi có vẻ gặp nguy hiểm, chú sẽ gọi tất cả mọi người ra giúp ngay. Nhưng chú nghĩ tốt hơn hết không nên để xảy ra đụng độ. Các cháu thuyết phục bọn nó, để bọn nó rút êm là hay hơn cả.”

Mumtaz quỳ sụp xuống trước mặt hai chàng trai học việc. Chiếc dupatta của chị từ trên cổ rơi tuột xuống, phủ kín chân họ. “Ấy, thím đừng làm như thế,” Ishvar kêu lên, đoạn lùi lại.

“Cả đời này, kiếp này, mạng thím, con cái thím, mạng chồng thím, nhà thím – tất cả, thím nợ hai đứa!” Chị bám chặt lấy họ mà khóc nức nở. “Thím biết lấy gì đền ơn các cháu đây!”

“Xin thím đứng dậy đi,” Ishvar van vãn, tay cậu nắm chặt cổ tay chị, cố kéo chị dậy.

“Từ rày trở đi, ngôi nhà này cũng là nhà của hai cháu, miễn là hai cháu ban cho chú thím vinh dự được thấy sự hiện diện của các cháu!”

Mãi rồi Ishvar cũng gỡ được cổ chân mình khỏi tay chị. “Thím à, thím có khác gì mẹ cháu đâu, chúng ta đã cùng ăn cùng ở suốt bảy năm nay rồi còn gì.”

“Nếu Thánh Allah phù hộ, hai cháu sẽ cùng ăn cùng ở với chú thím thêm bảy chục năm nữa.” Vẫn giọt vẫn giọt dài, chị vắt vạt dupatta lại quanh cổ, và nhắc chéo vải lên lau nước mắt.

Ishvar và Narayan trở lại tầng dưới. Khi mấy đứa trẻ đã đi ngủ cả, Ashraf cũng xuống theo. Hai anh em vẫn chưa trải chiếu ra ngủ. Ba người ngồi im lặng mất vài phút. Rồi Ashraf nói: “Ôi, lúc bên ngoài có tiếng đập cửa, chú cứ nghĩ cả nhà ta thế là xong đời rồi.”

“Cháu cũng sợ chết khiếp,” Narayan nói.

Khoảng im lặng tiếp theo kéo dài hơn. Ashraf khẽ dặng hắng. “Chú xuống chỉ để nói

một câu thôi.” Nước mắt chảy dài trên má anh; anh ngừng lại để chùi đi. “Cái ngày chú gặp bố các cháu – ngày chú bảo Dukhi đưa hai con anh ấy lên nhà chú học nghề thợ may. Đó là ngày may mắn nhất đời chú.” Anh ôm hai chàng trai, hôn lên má họ ba lần, rồi lên gác.

Ashraf không chịu để hai anh em trở về làng, chị Mumtaz cũng hết sức ủng hộ anh về khoản này. “Các cháu ở đây làm thợ phụ cho chú đi,” anh nói, dù anh thừa biết mình không kham nổi.

Roopa cự nự với Dukhi rằng đã đến lúc lời hai thằng con về. “Mình gửi chúng nó lên học việc. Giờ nghề đã thành rồi, chúng còn sống với người lạ làm gì nữa? Bố mẹ ruột chúng nó nào đã chết đâu?”

Nhưng không ai có thể đoán được hai chàng Chamaarchuyển-sang-làm-thợ-may sẽ làm ăn ra sao ở làng. Quả tình, thời đại mới này tràn trề những hi vọng, nơi nơi rộn rã những đổi thay, và niềm lạc quan nẩy nở cùng nền độc lập đang tỏa ngời. Thậm chí Ashraf còn vững dạ đến độ dám quay mặt biển ghi Hiệu may Krishna lại, để trưng lên Hiệu may Muzaffar như cũ.

Tuy nhiên, không ai dám chắc hàng thế kỉ phong hóa tập tục có thể bị lật đổ dễ dàng đến thế không. Vì vậy tất cả nhất trí rằng Ishvar sẽ ở lại làm thợ phụ cho Ashraf, còn Narayan về làng thử vận may. Như thế là đẹp cả đôi đường: Hiệu may Muzaffar cũng chỉ đủ lực nuôi một thợ phụ; Dukhi sẽ có thêm đồng ra đồng vào từ trên tỉnh gửi về; còn Roopa lại được đón con trai út trở về.

Chị dỡ cái gói đã treo toòng teng trên trần suốt bảy năm xuống. Nút dây buộc đã tóp lại đến độ không gỡ ra nổi. Chị cắt dây, gỡ lần vải gai bọc ngoài, rồi mang chiếc áo vét cùng cái choli ra giặt. Đã đến lúc diện chúng, chị bảo Dukhi, để ăn mừng ngày con trở về.

“Áo hơi rộng,” anh nói.

“Của tôi cũng vậy,” Roopa nói. “Chắc vải bị dãn.”

Anh thích cách lý giải của chị. Nghĩ thế dễ chịu hơn là nghiền ngẫm lại những năm tháng đói khổ đã khiến cả hai vợ chồng teo tóp.

Ở làng, cộng đồng người Chamaar ngấm ngấm hãnh diện về Narayan. Dần dà, họ đánh bạo trở thành khách hàng của cậu, dù Narayan chẳng thu được mấy đồng từ đó vì bà con hiếm khi có tiền may sắm món gì mới. Quần áo người đẳng cấp cao vút đi giúp che thân họ. Chủ yếu cậu chỉ sửa sang, vá vúi lại đồ. Cậu dùng chiếc máy may quay tay cũ chú Ashraf kiếm cho. Nó chỉ may được đường thẳng, nhưng cũng đủ cho công việc cậu làm.

Tình hình làm ăn khá khẩm hơn khi tin đồn lan đi các làng mạc lân cận về chàng trai đã làm một việc không ai dám nghĩ tới: bỏ da theo vải. Họ tìm đến vừa để xem chàng thợmay-Chamaar can đảm nợ (thợ-may mà đi với Chamaar, nghe tên thôi đã thấy phi lý), vừa để mượn anh ta chăm chút cho quần áo của mình. Nhiều người hơi thất vọng với cuộc thăm viếng. Bên trong ngôi lều chả có gì ghê gớm, chỉ là một chàng trai trẻ, thước dây vắt quanh cổ, bút chì gài trên tai.

Narayan ghi sổ các công việc và giao dịch y như chú Ashraf đã dạy, trong đó có tên khách, ngày tháng, và số tiền nợ. Roopa tự bổ nhiệm cho mình nhiệm vụ quản lý công việc làm ăn, chị đứng bên cạnh ra chiều quan trọng khi con đo đạc cho khách và nhập số đo vào sổ. Chị vót nhọn bút chì cho con bằng con dao vát mũi. Chị không đọc được sổ sách của con song lại ghi nhớ rất rõ mọi khoản tiền nong trong đầu. Khi có người chưa thanh toán xong công xá cho phần việc trước đó song lại mang thêm việc mới đến, chị thường đứng

sau lưng khách và vê vê mấy đầu ngón tay để nhắc con.

Một buổi sáng, chừng sáu tháng sau ngày Narayan trở về làng, có một người Bhunghi mon men tiến lại gần ngôi lều. Roopa lúc ấy đang đun nước trên đồng lửa nhóm ngoài trời, sung sướng lắng nghe tiếng lách cách rè rè của chiếc máy may, thì thấy anh chàng kia rón rén bước tới. “Mày tưởng mày đang đi đâu thế?” Chị quát lớn, khiến người đàn ông đứng khựng lại.

“Nhà cháu kiểm bác Narayan thợ may ạ,” anh kia đáp, tay rụt rè giơ lên mấy miếng giẻ rách.

“Sao cơ?!” Sự táo tợn của hắn khiến chị chết sững. “Thôi ngay mấy thứ thợ may thợ miếc vớ vẩn của mày đi! Tao chả lấy nổi nước sôi này dội lên bộ da bẩn thỉu của mày bây giờ! Con trai tao không may vá cho cái giũ mày!”

“Mẹ! Mẹ làm gì thế?” Narayan kêu lên và lao ra khỏi lều, còn anh chàng kia quay lưng phi như tên. “Đợi, đợi đã!” Cậu hét với theo người kia. Sợ bỏ vĩa vì tưởng người ta đuổi theo đòi đánh, anh chàng Bhunghi co cẳng chạy càng gấp.

“Anh ơi, quay lại đi, không sao đâu!”

“Để khi khác,” anh chàng kinh hoảng hét vọng lại. “Có lẽ để mai đi.”

“Được rồi, tôi sẽ đợi anh,” Narayan nói. “Nhớ đến nhé.” Cậu quay bước trở về lều, lắc lắc đầu và tảng lờ mẹ, lúc ấy đang trừng mắt giận dữ nhìn cậu.

“Sao mày dám lắc đầu với mẹ!” Chị cầm phần gào lên. “Mày bị làm sao thế, sao lại bảo nó ngày mai quay lại? Nhà ta không có qua lại với cái lũ đẳng cấp thấp đáy nhá! Sao mày có thể nghĩ đến chuyện đo cho một thằng chuyên đi chở cút cho nhà người ta?”

Narayan im lặng. Sau vài phút làm việc, cậu ra ngoài, đến bên cạnh đồng lửa. Ở đó, mẹ cậu vẫn đang quấy con thịnh nộ sôi sục trong nồi.

“Mẹ ạ, con nghĩ mẹ sai rồi,” cậu nói, giọng nhỏ nhẹ đến độ tiếng cậu cơ hồ tan biến vào ngọn lửa đang nổ lách tách. “Con nghĩ con nên may cho bất kì ai tìm đến con, dù là người Bà la môn hay Bhunghi.”

“Mày dám làm thế thật ư? Cứ chờ bố mày về, xem ông ấy nói thế nào! Bà la môn, được; Bhunghi, khỏi!”

Tối hôm đó, Roopa tố hết cho Dukhi biết tư tưởng quá quắt của con trai họ, thế là anh quay sang Narayan bảo: “Bố nghĩ mẹ con nói đúng đấy.”

Narayan buông thông bàn tay đang nắm tay quay và phanh bánh xe máy may lại. “Tại sao bố lại gửi con đi học nghề may?”

“Cái thằng, hỏi dở hơi nhỉ. Để đời con khá lên, chứ còn sao nữa?”

“Phải. Bởi vì bọn người đẳng cấp cao đối xử với ta quá tàn tệ. Và giờ bố mẹ lại cư xử y như chúng. Nếu đó là điều bố mẹ muốn, thì con sẽ trở lên thị trấn. Con không thể sống tiếp như thế này được nữa.”

Roopa bàng hoàng trước cái tối hậu thư, và càng kinh hoàng hơn khi Dukhi quay sang chị mà bảo: “Tôi thấy con nói đúng đấy.”

“Bố thằng Ishvar, mình phải chọn đi chứ! Đầu tiên mình bảo tôi đúng, giờ mình lại kêu nó đúng! Sao mình cứ nghiêng bên nọ ngả bên kia như cái ấm không tròn thế! Cứ cho nó lên tỉnh cơ, giờ đã thấy hậu quả chưa! Quên tiết quy củ ở làng rồi! Đến rước vạ vào thân

mất thôi!” Lửa giận bốc ngùn ngụt, chị quày quả rồi lều đi gọi Amba, Pyari, Padma, và Savitri đến nghe những chuyện rồ dại đang xảy ra trong gia đình bất hạnh của chị.

“Chết! Chết!” Savitri nói. “Khổ thân Roopa, chị ấy giận run cả người rồi.”

“Con cái thật là – *Hai Ram*,” Pyari tiếp lời, hai tay giơ lên trời. “Sao lại dễ quên lòng mẹ thế cơ chứ.”

“Biết làm sao được,” Amba nói. “Ta cho chúng bú sữa từ vú ta khi chúng còn bé, chứ đâu thể cho chúng ăn điều hay nét tốt.”

“Cứ kiên nhẫn,” Padma nói. “Rồi đâu sẽ vào đấy thôi.”

Được tưới tẩm trong niềm cảm thông của bạn, Roopa bình tâm trở lại. Ý nghĩ đánh mất con lần thứ hai khiến chị suy xét cẩn trọng hơn. Chị tha thứ cho đề xuất điên rồ của con và đồng ý ngoảnh mặt làm ngơ với điều kiện: chị sẽ giữ quyền kiểm soát việc ra vào ngôi lều của chị; một số khách sẽ phải giao dịch bên ngoài.

Hai năm sau, Narayan đã dành dụm đủ để xây ngôi lều riêng, nằm ngay gần lều của bố mẹ anh. Roopa khóc lóc, kêu anh bỏ rơi bố mẹ. “Hết lần này đến lần khác, nó làm mẹ nó đau lòng tưởng chết,” bà ỉ ôi. “Làm sao tôi chăm nom cho nó rồi coi sóc việc làm ăn bây giờ? Sao nó cứ phải ra riêng mới được?”

“Kìa mẹ, lều của con cách nhà ta có mười mét thôi mà,” Narayan nói. “Lúc nào con cũng chào đón mẹ sang gọt bút chì cho con.”

“Gọt bút chì, nó dám nói thế cơ đấy! Làm như tôi chỉ giúp nó được mỗi việc ấy!”

Dẫu vậy, rốt cuộc bà cũng quen với ý nghĩ ấy và lấy đó làm điều tự hào, khi chuyện trò với bạn bè, bà thường gọi ngôi lều kia là xưởng may của con trai mình. Anh mua một cái bàn làm việc lớn, một cái giá treo quần áo, và một chiếc máy may đạp chân có thể may cả đường thẳng lẫn đường dích dắc.

Với món đồ cuối cùng, anh lên thị trấn xin lời khuyên của Chú Ashraf. Thị trấn nhỏ đã mở mang nhiều từ ngày anh ra đi, và Hiệu may Muzaffar làm ăn rất phát đạt. Ishvar đã thuê một phòng ở ngay gần cửa hiệu. Từ phụ việc, Ashraf đã nâng anh lên làm bạn chung vốn. Hai anh em đều nhất trí là bố họ không cần phải làm việc nữa, hai anh em sẽ cùng nhau chu cấp cho bố mẹ.

“Hai đứa thật ngoan,” Dukhi nói, khi nghe Narayan báo lại quyết định của hai anh em. “Bố mẹ được Thượng Đế ưu ái quá.”

Roopa lấy ra chiếc áo vét và chiếc choli do hai anh em may từ hồi xưa hồi xưa, nay vải đã bạc phếch. “Con còn nhớ hai cái áo này không?”

“Con không biết mẹ vẫn còn giữ cơ đấy.”

“Cái ngày con và anh Ishvar mang hai cái áo này về cho bố mẹ, các con còn rõ bé, cả hai đứa,” bà vừa nói vừa khóc. “Nhưng ngay từ hồi ấy mẹ đã biết, từ đáy lòng, rằng cuối cùng mọi chuyện sẽ tốt đẹp.” Đoạn bà chạy đi báo tin vui cho các bạn bè, họ ôm bà và trêu rằng bà sắp giàu đến nơi rồi, lại chẳng thèm ngó ngang gì đến họ nữa đâu.

“Nhưng có một điều chắc chắn,” Padma nói. “Là sắp đến lúc lấy vợ cho hai đứa rồi.”

“Chị nên bắt đầu kiếm hai đứa con dâu xứng đôi vừa lứa đi là vừa,” Savitri nói.

“Đừng trù trù thêm nữa,” Pyari nói.

“Chúng tôi sẽ giúp chị mọi thứ, đừng lo,” Amba nói.

Cái tin tốt lành lan đi khắp cộng đồng của họ, và ra cả bên ngoài. Trong đám người đẳng cấp cao không thiếu gì những kẻ tức tối và đố kỵ vì những gì một tên Chamaar đã đạt được. Đặc biệt có một tên, chúa đất Dharamsi – lão này chuyên trách công tác bỏ phiếu của quận vào mỗi mùa bầu cử, chuyên dồn phiếu cho đảng phái hắn theo – thường xuyên tìm dịp để bêu riếu chàng thợ may.

“Có một con bò chết đang đợi mày đấy,” hắc bảo Narayan qua một thằng đầy tớ. Narayan bèn chuyển lời nhắn sang cho một người Chamaar khác. Được lấy cái xác, anh này mừng lắm. Lại có lần, một con dê bỏ mạng dưới con mương nằm trên đất của chúa đất Dharamsi, hắc bèn cho gọi Narayan đến vớt con vật lên. Narayan nhả nhặn lại, rằng anh rất biết ơn ý tốt của hắc, song anh không còn theo nghề này nữa.

Giờ đây, trong cộng đồng người Chamaar ở làng, anh rất được trọng vọng với tư cách phát ngôn viên của đẳng cấp, vị thủ lĩnh không qua bầu cử của họ. Dukhi tán dương thành công của con một cách vừa phải, kín đáo, ông chỉ dám nuông chiều bản thân trong vài dịp ít ỏi, khi ông ngồi hút thuốc với bạn bè dưới tán cây bên bờ sông. Dần dà, con trai ông trở nên khá giả hơn cả nhiều người đẳng cấp cao ở làng. Narayan bỏ tiền ra đào một cái giếng mới trong khu đất dành riêng cho tiện dân. Anh thuê mảnh đất chỗ hai túp lều ngụ, và thay chúng bằng một ngôi nhà tường gạch mái ngói, một trong vốn vẹn bảy nhà như thế ở cả làng. Nó có đủ chỗ cho bố mẹ anh và tiệm may của anh. Và chẳng bao lâu nữa, Roopa hân hoan nhắm tính, cả một cô vợ cùng lũ trẻ con.

Thực ra, bà và Dukhi muốn con trai cả lấy vợ trước. Nhưng khi họ ngỏ lời tìm cho anh một cô vợ, Ishvar đã đành thẳng luôn là anh không có hứng. Đến lúc này, Roopa đã hiểu ra rằng cố ép hai thằng con mình làm những gì chúng không muốn là chuyện vô vọng. “Học được lối tỉnh rồi cơ đấy,” bà hầm hè, “quên tiết nề nếp cũ của ta rồi,” và bỏ cuộc tại đó, rồi chuyển hướng chú ý sang Narayan.

Họ đi ướm hỏi xung quanh, và một cô gái xứng đôi vừa lứa ở làng khác được tiến cử. Ngày xem mặt đã được ấn định, hôm đó nhà trai sẽ đến thăm nhà gái. Roopa nằng nặc đòi Amba, Pyari, Padma, và Savitri phải được dự phần trong kế hoạch viếng thăm – mấy bà ấy chả khác gì ruột thịt trong nhà, bà bảo thế. Ishvar không đi, nhưng lại bỏ tiền thuê một chiếc Leylan hai mươi bảy chỗ để chở phái đoàn đi xem mặt cô dâu.

Chiếc xe buýt nhỏ bé xác xơ về đến làng vào hồi chín giờ sáng, và phanh lại giữa một đám mây bụi. Cơ hội được đi một chuyến xe buýt cuốn hút đông đảo tình nguyện viên tham gia sự kiện tốt lành này, vượt xa sức chứa của phương tiện chuyên chở khiêm tốn kia.

“Với tôi, Narayan cũng như con trai vậy,” một người nói. “Tôi có nghĩa vụ phải đi. Làm sao tôi nỡ phụ lòng cậu ấy trong dịp trọng đại này?”

“Nếu hai bác không cho tôi theo thì làm sao tôi cất mặt lên nổi,” một người khác nằn nì, nhất quyết không chịu nhận câu trả lời là không. “Xin đừng bỏ tôi ở nhà.”

“Tôi đã tham gia không sót một buổi xem mặt cô dâu nào trong cộng đồng ta,” một người thứ ba lại khuếch khoáng. “Hai bác rất cần người kinh nghiệm như tôi.”

Nhiều người coi chuyện mình được đi là lẽ dĩ nhiên, và trèo luôn lên xe mà chẳng thèm hỏi Dukhi và Roopa lấy một câu. Khi cuộc dạo chơi đã sẵn sàng khởi động một tiếng sau đó, có tới ba mươi tám người chen vai thích cánh trong xe, và thêm một tá người bắt chân chữ ngũ vắt vẻo trên nóc. Ông tài xế, vốn đã chứng kiến đủ các vụ tai nạn kinh hoàng xảy ra trên những khúc đường nhỏ hẹp ở nông thôn, kiên quyết từ chối nổ máy. “Xuống khỏi nóc xe ngay! Xuống, tất cả, xuống!” Ông quát tướng lên với những con người đang khoanh

chân thư nhàn trong thế tọa đài sen. Thế là hơn chục người trên nóc phải ở nhà, và chiếc xe buýt xuất phát bằng một cú lết khéo léo.

Họ đến đích sau hai tiếng rưỡi. Bố mẹ cô gái, cũng như cả làng kia, vô cùng ấn tượng trước chiếc xe buýt và quy mô của phái đoàn xem mặt. Ba mươi tám vị khách đứng loanh quanh, xem chừng khá bối rối. Trong nhà không có đủ chỗ cho tất cả mọi người. Sau rất nhiều đôi co nài kéo, Dukhi tuyển ra được một nhóm bảy người, bao gồm hai người bạn thân nhất của ông, Chhotu và Dayaram. Padma và Savitri cũng có suất, nhưng Amba và Pyari phải đứng chờ bên ngoài cùng ba mươi một người kém may mắn, đành theo dõi toàn cuộc qua cửa ra vào.

Trong nhà, nhóm đại diện uống trà với bố mẹ cô gái và mô tả lại cuộc hành trình. “Trên đường đi, chúng tôi trông thấy nhiều cảnh đẹp lắm,” Dukhi nói với ông bố.

“Có một lúc, đột nhiên, chiếc xe rú lên một tiếng to rồi đứng khựng lại,” Chhotu nói. “Phải mất một lúc mới nổ máy lại được. Chúng tôi cứ lo sẽ đến muộn.”

Ít phút sau, các bậc phụ huynh đã chuyển sang so sánh phả hệ và lịch sử gia đình, trong khi Roopa kể lể một cách khiêm tốn về thành công của Narayan với mẹ cô gái. “Nó có nhiều khách lắm cơ. Ai cũng muốn mua quần áo do chính tay Narayan may. Làm như trên khắp cái nước này chả còn thợ may nào khác ấy. Thằng con giai tội nghiệp của tôi làm việc từ tinh mơ đến tối mịt, luôn tay may, may, may. Nhưng cái máy may đắt tiền mới mua của nó tốt lắm. Trời, làm được bao nhiêu việc kì diệu.”

Rồi cũng đến giờ phút xem mặt cô dâu. “Vào đây con,” bà mẹ băng quơ gọi. “Con đem bánh kẹo ra mời khách đi.”

Cô gái tên Radha, mười sáu tuổi, bước vào cùng một khay bánh laddoo. Tiếng chuyện trò im bặt. Mỗi người đều ngấm ngấm thật kĩ khi cô đi vòng quanh, đầu cúi xuống e lệ và đôi mắt nhìn lảng đi. Bên ngoài nổi lên tiếng xì xào và giành giật chỗ đứng khi ai nấy đều cố kiết nhòem lấy một cái.

Narayan dán chặt mắt lên mấy cái bánh laddoo khi cô gái dừng lại trước mặt anh. Anh hồi hộp không dám nhìn – cả gia đình cô đang dõi theo phản ứng của anh. Chiếc đĩa đã sắp đi đến cuối vòng. Nếu lúc này anh không nhìn cô, sẽ không còn cơ hội thứ hai nữa, cô sẽ không quay lại, đó là điều chắc chắn, và anh sẽ phải ra một quyết định hú họa. Nhìn đi, giới ạ, nhìn đi! Anh tự hồi thúc mình – và anh nhìn. Anh bắt được một góc nghiêng từ dáng vẻ của cô khi cô đang cúi xuống trước mặt mẹ mình.

“Không, con gái,” mẹ cô nói, “mẹ không ăn đâu,” và sau câu đó, Radha biến mất.

Đã đến lúc ra về. Trên hành trình trở về, những người đứng ngoài không nhìn hoặc nghe thấy gì được tóm lược đầy đủ tình hình. Giờ tất thấy đều đã tường tận sự thể, và có thể dự phần vào cuộc bàn bạc sau chót khi về đến làng. Ý kiến đóng góp từ phía các bậc cha chú rất được hoan nghênh.

“Vóc dáng con bé được, da dẻ cũng được.”

“Gia đình nó trông cũng thật thà, chăm chỉ.”

“Có lẽ nên xem tuổi rồi hãy quyết.”

“Không xem tuổi xem tiếc gì sất! Xem tuổi làm cái gì? Đấy toàn trò mèo của bọn Bà la môn, đẳng cấp ta không làm trò đó.”

Cứ thế cuộc bàn tán kéo dài thêm một lúc, còn Narayan chỉ im lặng lắng nghe. Sự ứng

thuận của anh vào hồi chung kết, tuy không có tính chất quyết định, đã giúp củng cố thêm mối đồng thuận trong niềm vui sướng của hai cụ thân sinh và tiếng hoan hô rầm rĩ của mọi người xung quanh.

Công cuộc chuẩn bị được xúc tiến. Một số món phí tổn theo truyền thống đã bị gạt bỏ trước thái độ kiên quyết của Narayan; anh không muốn gia đình Radha mang nợ bòn cho vay suốt đời. Anh chỉ nhận của nhà gái sáu cái bình đồng thau: ba cái đáy tròn, và ba cái đáy bằng.

Roopa điên tiết lắm. “Mày thì biết gì về những thứ phức tạp như của hồi môn? Mày đã cưới bao giờ chưa?”

Dukhi cũng giận không kém. “Đòi thêm nhiều nữa ngoài sáu cái bình cũng được ấy chứ. Chúng ta có quyền cơ mà.”

“Chỗ chúng ta có lệ đòi của hồi môn từ bao giờ thế ạ?” Narayan chỉ nhẹ nhàng hỏi.

“Nếu người Bà la môn đòi được, thì chúng ta cũng đòi được.”

Nhưng Narayan vẫn giữ vững lập trường, với sự hậu thuẫn của Ishvar. “Học được lối tỉnh rồi cơ đấy,” mẹ họ càu nhàu, lại chùn bước một lần nữa. “Quên tiết nề nếp làng ta rồi.”

Có một trở ngại vào phút cuối. Hai ngày trước đám cưới, dưới sức ép của chúa đất Dharamsi và vài tên khác, các nhạc công làng lần lượt rút sạch. Quá sợ hãi, họ thậm chí không dám gặp mặt gia đình để bàn bạc vấn đề. Vì vậy, Ishvar bèn bố trí đưa một nhóm thay thế từ trên tỉnh xuống. Narayan không lấy làm bận tâm về chi phí chuyên chở nhóm nhạc công cùng dụng cụ của họ. Đó là một cái giá khá rẻ, anh nghĩ, cho việc phá tan âm mưu của bọn địa chủ.

Nhóm nhạc công mới không biết một số bài hát đám cưới địa phương. Các bậc cao niên trong đám khách khứa tỏ ra đặc biệt quan ngại – những bản thánh ca và đồng ca xa lạ có thể tác động không tốt đến cuộc hôn phối. “Nhất là với chuyện sinh con đẻ cái,” một bà cụ từng làm nghề đỡ đẻ hồi mắt chưa mờ chân chưa chậm nói. “Dạ con không phải tự nhiên mà thành màu mỡ, nếu thiếu những liệu pháp đúng đắn.”

“Đúng thế,” một người khác họa theo. “Chính mắt tôi đã chứng kiến rồi. Nếu bài ca không được hát đúng cách, vợ chồng chỉ có sinh lục đục cãi vã thôi.” Họ tùm tùm lại thành từng nhóm đầy âu lo, hết bàn bạc lại tranh luận, cố tìm ra một phương thuốc có thể phá giải cái vận rủi đang cận kề. Họ nhìn lữ người đang tán thưởng những bài ca điệu múa dị chủng bằng ánh mắt đầy phiến trách.

Lễ cưới kéo dài ba ngày liền, trong thời gian đó, các gia đình Chamaar trong làng được ăn những bữa ngon lành nhất trong đời mình. Ashraf và gia đình ông, những vị khách danh dự, được sắp chỗ ở và phục vụ tận tình ngay trong ngôi nhà của Narayan, chuyện này khiến vài người không khỏi bất mãn. Đây đó nổi lên tiếng xì xào về sự hiện diện hung gở của bọn người Hồi, song những ý kiến phản đối rất thưa thớt và âm thầm. Và đến đêm thứ ba, trong niềm hân hoan của các bậc cao niên, đám nhạc công đã chơi được rất nhiều bài hát địa phương.

Đứa con đầu lòng của Radha và Narayan là một thằng cu; hai vợ chồng đặt tên nó là Omprakash. Bà con làng xóm kéo đến hát hò và chúc mừng họ nhân ngày vui này. Người ông nội đầy tự hào còn đích thân mang kẹo bánh đến biếu từng nhà trong làng.

Cuối tuần đó, ông Chhotu bạn của Dukhi cùng vợ đến thăm thằng cu mới đẻ. Ông kéo Dukhi và Narayan sang một bên và thề thốt: “Các nhà đẳng cấp cao đều vút hết bánh kẹo

vào sọt rác rồi.”

Hai bố con không nghi ngờ gì lời nói của Chhotu; hẳn ông phải biết chắc, bởi ông chuyên đi gom rác của nhiều nhà trong số kia. Cái tin thật đau lòng, song Narayan chỉ cười xòa. “Thế thì ai nhặt được mấy gói đấy càng có thêm phần chứ sao.”

Khách khứa vẫn ùn ùn kéo đến, trầm trở là thằng bé trông mới khỏe mạnh làm sao, nhất là với một đứa trẻ Chamaar, rồi sao miệng nó lúc nào cũng tươi cười. “Kể cả lúc đói, nó cũng chẳng gào khóc hay nỉ non tí gì,” Radha bây giờ đâm cũng thích khoe khoang. “Chỉ kêu gư gư bé tí, nhưng được ti mẹ cái là thôi ngay.”

Ba bé gái ra đời sau Omprakash. Hai đứa sống. Tên chúng là Leela và Rekha. Chẳng có bánh kẹo nào được chia đi.

Narayan bắt đầu dạy con trai đọc và viết, các buổi học diễn ra ngay trong lúc anh may. Bố ngồi trước máy may, con ngồi ôm bảng và phấn. Đến khi Omprakash lên năm, nó đã biết đơm khuy rất điệu nghệ, bắt chước kiểu cách hoa mĩ của bố nó khi mút đầu sợi chỉ và chọc qua mắt kim, hay phong thái của anh khi đâm kim qua mặt vải.

“Thằng bé cứ bám chằng chằng lấy bố nó suốt ngày,” nhìn hai bố con quẩn quít nhau, Radha vui vẻ càu nhàu.

Mẹ chồng cô ngắm nghía cảnh đó và thưởng thức nó với vẻ khoan khoái. “Con gái là trách nhiệm của mẹ, nhưng con trai là phải để cho bố,” Roopa tuyên bố, như thể bà vừa được trời ban cho một khám phá mới toanh, và Radha cũng đón nhận nó một cách nghiêm túc chẳng kém: cô trịnh trọng gật đầu.

Tuần đầu tiên sau sinh nhật thứ năm của Omprakash, Narayan đưa nó đến xưởng thuộc da, nơi những người Chamaar đang cần mẫn làm lụng. Kể từ ngày trở về làng, anh vẫn định kì tham gia vào công việc nặng nhọc này. Ở xưởng đang làm việc gì, lột, phơi, thuộc, hay nhuộm da, anh đều giúp một tay. Và nay anh hãnh diện chỉ cho con xem các công đoạn được thực hiện ra sao.

Song Omprakash chỉ co rúm lại. Narayan không thích cung cách ấy. Anh kiên quyết bắt con phải nhúng tay vào làm.

“Eo! Thối quá!” Omprakash rú lên choe chõe.

“Bố biết là thối rồi. Nhưng con cứ làm đi.” Anh túm hai bàn tay thằng bé và nhúng chúng vào thùng nước thuộc da, dìm sâu đến tận khuỷu. Anh thấy thẹn vì cách cư xử của con trai mình trước các anh em người Chamaar.

“Con không muốn làm việc này! Con muốn về nhà! Con xin bố, bố đưa con về nhà ngay đi!”

“Thích khóc hay không tùy con, con sẽ phải học làm việc này,” Narayan lạnh lùng nói.

Omprakash hết khóc lóc lại nỉ non, rồi giãy lên đành đạch từng chập, cổ giằng tay ra. “Con còn làm thế, bố sẽ túm con quẳng vào thùng luôn đấy,” bố nó đe, tay vẫn không ngừng dìm tay thằng con xuống.

Những người khác bèn ra sức khuyên can Narayan tha cho nó – khéo thằng bé ngất xỉu hay lên cơn co giật thì chết, họ lo lắng, với cái cách nó gào lên như hóa dại thế kia. “Hôm nay mới là ngày đầu tiên của nó,” họ bảo. “Tuần sau nó sẽ quen hơn.” Nhưng Narayan vẫn ép con làm tiếp cho đến khi anh tuyên bố dừng lại một tiếng sau đó.

Khi hai bố con về đến nhà, Omprakash vẫn còn khóc tỉ ti. Trên hiên nhà, Radha đang

mát xa da đầu cho mẹ chồng bằng dầu dừa. Họ đánh đổ cả chai dầu trong lúc vội vã lao ra đỡ thằng bé. Roopa cố ôm cháu nội vào lòng, nhưng những lọn tóc bạc mỏng mảnh vừa nhờn vừa cứng phơ phất trước trán bà khiến thằng bé vùng ra ngay. Nó chưa bao giờ thấy bà nội nó trông đáng sợ như thế.

“Cái gì làm nó sợ thế? Mà đã làm gì nó, thằng cháu bé bỗng tội nghiệp hay nói hay cười của tao?”

Narayan kể lại hai bố con đã làm gì suốt buổi sáng vừa qua, và Dukhi cười ha hả khi nghe thủng chuyện. Toàn bộ sự việc khiến Radha nổi ba máu sáu cơn. “Sao mình phải hành hạ con đến thế? Đầu cần phải bắt thằng Om của tôi động tay vào những việc bẩn thỉu như vậy?”

“Việc bẩn thỉu? Cô, con gái của một người Chamaar! Dám gọi đấy là việc bẩn thỉu ư!”

Cô chết sững trước cơn thịnh nộ của chồng. Đó là lần đầu tiên Narayan quát vợ. “Nhưng tại sao nó...”

“Làm sao nó biết quý trọng những gì nó có nếu nó không chịu học những gì cha ông nó đã làm? Mỗi tuần một lần nó sẽ đi làm với tôi! Dù nó có thích hay không!”

Radha kín đáo cầu cứu bố chồng và bắt tay vào lau chùi chỗ dầu dừa bị đổ. Ông nhận lời con dâu bằng cách khẽ nghiêng đầu. Sau đó, khi chỉ còn hai bố con với nhau, ông nói: “Con à, bố đồng ý với con. Nhưng dù ta có nghĩ sao đi nữa, thì mỗi tuần một lần cũng chỉ như trò chơi thôi. Cái nghề ấy sẽ chẳng bao giờ có ý nghĩa đối với nó như với bố con ta đâu. Và tạ ơn Thượng Đế vì điều đó.”

Omprakash bậm bịu suốt khoảng thời gian còn lại của ngày hôm đó, nó chỉ quanh quẩn dưới bếp, bám dính lấy mẹ. Radha vừa làm việc, vừa không ngừng vỗ nhẹ lên đầu nó. “Nó chả chịu buông con ra gì cả,” cô vui vẻ càu nhàu với mẹ chồng. “Con còn phải thái rau chân vịt và làm bánh chapati nữa chứ. Chả biết bao giờ mới xong được đây.”

Roopa nhăn trán. “Chỉ đến lúc không vui, bọn con trai mới nhớ tới mẹ.”

Đến tối, khi bố nó đang nằm nghỉ ngoài hiên nhà, mắt lim dim, Omprakash rón rén lại gần và bắt đầu mát xa chân bố. Narayan giật mình, bèn mở mắt ra. Anh nhìn xuống, thấy con và mỉm cười. Anh dang tay ra với nó.

Omprakash nhảy xổ vào lòng bố, quàng hai tay quanh cổ bố. Hai bố con ôm chặt nhau mất vài phút mà không nói năng gì. Rồi Narayan gỡ ngón tay con ra và hít hà chúng. Đoạn anh cũng dí tay mình vào mũi nó. “Con thấy chưa? Cả hai bố con mình đều có mùi giống nhau. Mùi lương thiện đấy.”

Thằng bé gật đầu. “Bố ơi, con bóp chân cho bố nữa nhé?”

“Ừ.” Anh âu yếm nhìn con nắn bóp gót chân, xoa xát gan bàn chân, bấm lòng bàn chân, và mát xa từng ngón chân, bắt chước cung cách tỉ mỉ của Radha. Roopa và Radha nấp sau cánh cửa, nhìn nhau cười rạo rờ.

Bài học làm da hàng tuần tiếp diễn trong suốt ba năm tiếp theo. Omprakash được dạy cách ướp da bằng muối để tẩy da. Cậu hái quả chiêu liêu để chế thuốc tanin. Cậu học cách pha thuốc nhuộm, và cách làm thế nào để thuốc ngấm đều lên da. Đây là công đoạn bẩn thỉu nhất, nó khiến cậu nôn ọe luôn.

Cuộc thử thách chấm dứt khi cậu tròn tám tuổi. Cậu được gửi lên ở với bác Ishvar để có cơ hội tiếp xúc với nhiều loại kỹ năng may vá đa dạng hơn tại Hiệu may Muzaffar. Và lại,

trường học trên thị trấn giờ đã chấp nhận mọi đối tượng, cả đẳng cấp cao lẫn đẳng cấp thấp, trong khi trường làng vẫn bị hạn chế.

Radha và Narayan không đến nổi lễ lo như Roopa và Dukhi hồi hai đứa con ông bà lên tỉnh học việc với Chú Ashraf. Con đường mới và tuyến xe buýt đã rút ngắn khoảng cách giữa làng và tỉnh. Họ có thể trông đợi những chuyến thăm nhà thường xuyên của Omprakash; vả lại, ở nhà đã có hai đứa con gái bé.

Dẫu vậy, Radha vẫn có cảm giác mình bị tước mất sự hiện diện của thằng con trai một cách phi lý. Một bài hát đang thịnh hành nói về chú chim từng là người bạn đồng hành thân thiết của chàng ca sĩ, nhưng vì một lý do nào đó không thể cắt nghĩa nổi, đã chọn cách bay đi mất, trở thành khúc ca ưa thích của Radha. Mỗi khi lời giới thiệu vang lên, cô chạy vội đến chỗ chiếc đài bán dẫn Murphy mới mua của nhà và vặn to núm âm thanh, đoạn suốt mọi người im lặng. Khi con trai về đến nhà, bài hát chẳng còn nghĩa lý gì với cô nữa.

Hai đứa em gái của Omprakash rất chán ghét những chuyến về thăm nhà của cậu. Chẳng ai thèm lý gì đến Leela và Rekha khi anh cả có mặt trong ngôi nhà. Tình trạng đó bắt đầu ngay từ giây phút cậu bước vào cửa.

“Xem con trai tôi kìa! Sao nó lại gầy đến mức ấy kia chứ!” Radha than thở. “Bác con có cho con ăn không đấy?”

“Trông nó gầy vì nó cao lên thôi,” là lời giải thích của Narayan.

Nhưng cô lại lấy đấy làm cái cớ để đúc cho con đủ các món thời trân, nào kem, nào hoa quả sấy, nào bánh mứt kẹo, và hết sức hả lòng hả dạ khi thấy con ăn. Thỉnh thoảng ngón tay cô xọc vào đĩa của con, bốc một nhúm lên và dịu dàng đưa vào miệng thằng bé. Không có bữa ăn nào được coi là trọn vẹn khi cô chưa tự tay đút cho con thứ gì đó.

Roopa cũng rất tâm đắc cảnh thằng cháu nội ăn uống nhồm nhoàm. Bà ngồi như một ông trọng tài, lúc thì giơ tay ra gạt một mẩu vụn vương trên mép cháu, lúc thì xúc thêm vào đĩa cho nó, khi lại đẩy cốc sữa chua vào tầm với của nó. Nụ cười tỏa ngời trên khuôn mặt nhăn nheo của bà, và một tia sáng lóe lên trong ký ức, khơi lại những đêm tối đen như mực đã lùi xa bao năm, khi bà mò mẫm lên vào lãnh địa của kẻ thù để ăn trộm những thức quả ngon lành cho Ishvar và Narayan.

Hai đứa em gái của Omprakash chỉ sắm vai những khán giả câm lặng trước các nghi thức của bữa ăn. Leela và Rekha giương mắt nhìn đầy ghen tị, nhưng không dại gì mở miệng phản đối hay giở trò nũng nịu người lớn. Trong những phút giây hiếm hoi khi không có ai ở bên cạnh, Omprakash cũng đem đồ ăn ngon chia cho hai em. Tuy vậy, trong phần lớn thời gian, hai đứa bé gái chỉ biết nằm khóc thầm tức trên giường khi đêm xuống.

Narayan ngồi trên hiên nhà dưới ánh chiều chạng vạng, chân bố để trong lòng, anh mát xa hai lòng bàn chân nhăn nheo, nứt nẻ. Omprakash, nay đã mười bốn tuổi, đang được trông đợi sẽ về đến nhà vào ngày mai cho kì nghỉ kéo dài một tuần lễ.

“A!” Dukhi thở dài khoan khoái, rồi hỏi con đã xem con bê mới đẻ chưa.

Không có câu trả lời. Ông nhắc lại câu hỏi, đoạn nhứ nhứ ngón chân cái lên ngực Narayan. “Con? Con có nghe bố nói không đấy?”

“Có bố ạ, con chỉ đang nghĩ thôi.” Anh lại tiếp tục xoa bóp, mắt trân trân nhìn bóng chiều. Ngón tay anh bấm miết nhiệt tình hơn hẳn, như để bù đắp cho sự im lặng của anh.

“Cái gì thế, cái gì làm con phải nghĩ ngợi thế?”

“Con chỉ đang nghĩ... nghĩ sao chẳng có gì thay đổi. Đã nhiều năm trôi qua, vậy mà chẳng có gì thay đổi.”

Dukhi lại thở dài, nhưng không phải một tiếng thở dài khoan khoái nữa. “Sao con lại nói thế? Rất nhiều thứ đã thay đổi còn gì. Đời con, đời bố. Nghề nghiệp của con, từ da chuyển sang vải. Mà nhìn ngôi nhà của con, rồi...”

“Những thứ đó, vâng. Nhưng còn những thứ quan trọng hơn thì sao? Chính phủ đã thông qua những luật lệ mới, nói không còn ai bị coi là tiện dân nữa, vậy mà tình hình vẫn đâu đó ế ẩm. Bọn khốn đẳng cấp cao vẫn đối xử với chúng ta tệ hơn cả súc vật.”

“Những thứ đó cần có thời gian mới thay đổi được.”

“Hơn hai chục năm đã trôi qua kể từ ngày độc lập. Còn phải đợi bao lâu nữa? Con muốn được uống nước từ giếng làng, muốn cúng bái trong đền, muốn đi đâu tùy thích.”

Dukhi rút chân ra khỏi lòng Narayan và ngồi thẳng dậy. Ông đang nhớ lại chính mình đã ghê tởm chế độ đẳng cấp tới mức nào, khi ông gửi hai thằng con nhỏ đến chỗ Ashraf. Ông xiết bao hãnh diện khi nghe những lời Narayan nói, nhưng cũng sợ hãi nữa. “Con à, những điều con ao ước nguy hiểm quá. Từ người Chamaar, con đã trở thành thợ may. Nên lấy thể làm bằng lòng con ạ.”

Narayan lắc đầu. “Đó là chiến thắng của bố thôi.”

Anh lại tiếp tục mát xa chân bố; xung quanh họ, bóng tối càng lúc càng đặc lại. Trong nhà, Radha đang hân hoan mê mải với công việc chuẩn bị cho buổi về thăm nhà của con trai vào ngày hôm sau. Một lát sau, cô xách chiếc đèn lên hiên. Chỉ trong chớp mắt, nó đã cuốn hút cả một bầy ruồi nhé bu quanh. Rồi một con thiêu thân màu nâu bay đến, những muống y ước cuộc hẹn hò với ánh sáng. Dukhi nhìn nó đập đôi cánh mỏng manh xuyên qua lớp kính đèn.

Tuần đó rơi đúng vào đợt bầu cử quốc hội. Cả tỉnh bị hãm trong vòng vây của các chính trị gia, bọn chuyên nghề hô hào, rồi những kẻ bợ dút. Như thường lệ, sự góp mặt của đủ các đảng phái chính trị cùng những trò hề hồng lỏi kéo cử tri hứa hẹn sẽ là nguồn giải trí thú vị cho dân làng.

Một số người phàn nàn rằng thật khó lòng thưởng thức toàn cuộc cho thật trọn vẹn trong cái nóng héo phôi này – lẽ ra chính phủ nên đợi rốn qua đợt mưa đã. Narayan và Dukhi cũng cùng bạn bè tham gia vào các cuộc mít tinh, hai bố con dắt theo cả Omprakash để nó được xem cảnh hoạt náo. Roopa và Radha đều ảm ức vì bị xén bớt thời gian từ chuyến về thăm nhà ngắn ngủi của cậu quý tử.

Bài diễn thuyết nào cũng bị nhồi nhét vô số lời hứa với đủ mọi hình thù và kích thước: hứa xây trường mới, cung cấp nước sạch và dịch vụ y tế; hứa có đất cho những nông dân không tấc đất cắm dùi, thông qua tái phân phối và siết chặt việc thực thi Luật trần đất đai; hứa có những bộ luật nghiêm khắc hơn để trừng phạt mọi hành vi phân biệt, cũng như quấy rối người đẳng cấp dưới của những người đẳng cấp trên; hứa xóa bỏ tình trạng lao động trừ nợ, lao động trẻ em, tục thiêu vợ theo chồng, tục đòi của hồi môn, nạn tảo hôn.

“Luật lệ nước ta chắc phải trùng lặp, chồng chéo ghê lắm,” Dukhi nói. “Cứ đến mỗi mùa bầu cử, họ lại nói sẽ thông qua những bộ luật đã được thông qua từ hai chục năm trước rồi. Phải có ai đó nhắc họ là cần phải áp dụng luật chứ nhỉ.”

“Với bọn chính trị gia, thông qua luật cũng chẳng hơn gì đãi một bãi,” Narayan. “Rồi

cũng xuống cống xuống rãnh cả thôi.”

Vào ngày bầu cử, các cử tri đủ tư cách trong làng xếp hàng bên ngoài điểm bỏ phiếu. Như thường lệ, chúa đất Dharamsi chịu trách nhiệm về quá trình bỏ phiếu. Bộ máy của hắn, với sự giúp sức của các địa chủ khác, đã vận hành trơn tru suốt nhiều năm trời.

Viên chức trực điểm bỏ phiếu được biếu xén quà cáp, rồi được dắt đi ăn uống. Cửa mở ra và cử tri lần lượt đi vào. “Giờ ngón tay ra,” gã đứng trông hàng ra lệnh.

Các cử tri làm theo. Tay viên chức ngồi ở bàn giấy mở nắp một cái lọ nhỏ và đánh dấu từng ngón tay bằng mực đen không tẩy được để tránh gian lận.

“Giờ thì điểm chỉ ngón tay cái vào đây,” tay viên chức nói.

Từng người điểm chỉ vào sổ để xác nhận mình đã bỏ phiếu, và ra về.

Sau đó, những lá phiếu trắng sẽ được tay chân của bọn địa chủ điền vào. Viên chức trực điểm bỏ phiếu chỉ quay lại lúc đóng cửa để giám sát việc vận chuyển thùng phiếu đến điểm kiểm phiếu, và để chứng thực rằng quá trình bỏ phiếu đã được thực hiện một cách công bằng và dân chủ.

Cũng có lúc không khí trở nên náo nhiệt hơn nếu bọn địa chủ đối địch trong cùng tỉnh không giải quyết được mâu thuẫn, kết thúc bằng việc các bên ủng hộ những ứng viên đối lập nhau. Sau đó bọn chúng sẽ phân xử bằng những cuộc chém giết. Lẽ dĩ nhiên, bên nào chiếm được nhiều điểm bỏ phiếu hơn và nhồi nhét được nhiều thùng phiếu nhất, ứng viên của bên đó sẽ thắng cử.

Tuy nhiên, năm nay chẳng có vụ đánh đấm hay đấu súng nào hết. Nhìn chung, đó là một ngày ảm đạm, trên đường trở về nhà cùng bố và ông nội, Omprakash lấy làm rầu rĩ lắm. Ngày mai cậu đã phải lên Hiệu may Muzaffar. Một tuần trôi qua thật chóng vánh.

Hai bố con ngồi trên chiếc chõng kê ngoài sân, hít hà không khí buổi tối, còn Omprakash lấy nước cho họ. Những rặng cây rộ lên tiếng chim kêu xáo xác. “Đến lần bầu cử tới, con muốn được tự tay điền vào lá phiếu của mình,” Narayan nói.

“Bọn nó không để con làm thế đâu,” Dukhi nói. “Mà bạn tâm làm gì? Con nghĩ nó sẽ thay đổi được gì chắc? Lá phiếu của con có khác gì đá ném ao bèo. Chẳng mọc mũi sủi tăm gì đâu.”

“Đấy vẫn là quyền của con. Và lần bầu cử tới, con sẽ thực hiện nó, con hứa đấy.”

“Dạo này con nghĩ ngợi về quyền nọ quyền kia nhiều quá đấy. Thôi ngay cái thói nguy hiểm ấy đi.”

Dukhi ngừng lời, đoạn vươn tay phẩy một dòng kiến lửa đang hành quân về phía chân chõng. Bọn kiến bèn chạy tứ tán mỗi con một nơi. “Cứ cho là con được tự điền vào phiếu của mình đi. Con tưởng chúng không thể mở thùng ra và hủy hết những lá phiếu chúng không thích đấy phỏng?”

“Không đâu. Viên chức trông nom việc bỏ phiếu phải chịu trách nhiệm với từng lá phiếu chứ.”

“Bỏ ngay cái tư tưởng ấy đi. Làm thế thật phí thời giờ, mà thời giờ của con chính là cuộc đời con đấy.”

“Sống mà chẳng có tí phẩm giá nào thì thật vô nghĩa.”

Đàn kiến lửa đã khôi phục hàng ngũ, song Dukhi không nhìn thấy vì trời quá tối. Radha

bền xách một chiếc đèn lên hàng hiên vừa bị đêm tối nuốt chửng, khiến bao nhiêu bóng người đột nhiên hiện ra lơ lửng. Mùi khói đốt củi ám đầy quần áo cô mặc. Cô hơi nán lại một chút giữa không gian im ắng, mắt dõi tìm gương mặt chồng.

“Chính phủ chẳng biết nghĩ gì sất,” dân chúng hết lời ca thán về cuộc bầu cử quốc hội quốc gia. “Chẳng biết nghĩ quái gì sất. Chọn tháng này là không đẹp rồi – đất đai thì nứt nẻ, trời nóng như đổ lửa, ai còn tâm trí đâu để nghĩ đến bỏ phiếu bỏ phiếu cơ chứ? Hai năm trước họ đã phạm sai lầm y như thế này rồi.”

Narayan vẫn chưa quên lời hứa của anh với bố từ hai năm trước. Sáng hôm đó, anh ra khỏi nhà một mình để đi bỏ phiếu. Số lượng cử tri có mặt thật thảm hại. Hàng người lơ thơ đứng vờ vẩn bên cửa một phòng học được tận dụng làm điểm bỏ phiếu. Trong phòng, mùi bụi phấn và thức ăn ôi thiu khiến anh nhớ lại cái ngày xa xưa, khi anh còn bé, lúc anh và Ishvar bị lão thầy giáo đánh như đòn chỉ vì dám sờ vào bảng và sách của bọn trẻ con đẳng cấp trên.

Anh cố nuốt nỗi sợ hãi xuống và hỏi xin lá phiếu của mình. “Không, anh không phải bận tâm,” những người ngồi ở chiếc bàn giải thích. “Cứ điểm chỉ vào đây, phần còn lại đã có chúng tôi lo.”

“Điểm chỉ ấy à? Tôi sẽ ký tên đầy đủ. Sau khi các anh đưa tôi phiếu bầu của tôi.”

Thấy thế, hai người xếp hàng sau Narayan đâm cũng bạo lầy. “Phải, đưa chúng tôi phiếu đi,” họ nói. “Chúng tôi cũng muốn tự điền.”

“Chúng tôi không thể làm thế được, chúng tôi không nhận được chỉ thị.”

“Các anh đâu cần chỉ thị. Đây là quyền của chúng tôi với tư cách người bỏ phiếu.”

Những người ngồi trực bàn thì thảo với nhau, rồi nói: “Được rồi, xin đợi cho một lát.” Một người rời khỏi điểm bỏ phiếu chạy đi.

Chỉ lát sau anh ta đã quay lại với hơn chục người. Chúa đất Dharamsi, kẻ đã cấm các nhạc công biểu diễn trong lễ cưới của Narayan mười sáu năm trước, cũng đi cùng bọn này. “Sao thế, có chuyện gì thế?” Từ ngoài sân, hân đã hét toang toang.

Cả bọn chỉ về phía Narayan qua cửa ra vào.

“Thế đấy,” chúa đất Dharamsi lầm bầm. “Lẽ ra tao phải đoán được chứ. Còn hai thằng kia thì sao?” Gã giúp việc không biết tên của họ.

“Cũng chẳng quan trọng,” chúa đất Dharamsi nói. Cả bọn lâu la cùng theo hân vào, căn phòng bỗng chốc chật cứng người. Hân đưa tay lên quệt lông mày và nhứ nhứ bàn tay ướt nhoẹt dưới mũi Narayan. “Giữa một hôm nóng nực như thế này mà mày bắt tao phải ra khỏi nhà để tắm mồ hôi thế đấy. Mày định làm xấu mặt tao phỏng? Mày không còn quần áo gì phải may vá hử? Hay một con bò để đầu độc hoặc lột da chẳng hạn?”

“Chúng tôi sẽ ra về ngay sau khi điền xong lá phiếu của mình,” Narayan nói. “Đó là quyền của chúng tôi.”

Chúa đất Dharamsi cười phá lên, bọn tay chân bèn tích cực họa theo. Chúng cũng ngưng bật khi hân thôi cười.

“Đùa thế đủ rồi. Điểm chỉ rồi xéo đi.”

“Đợi chúng tôi bỏ phiếu xong đã.”

Lần này hân không cười, mà chỉ giơ tay lên như để chào từ biệt và rời khỏi buồng bỏ

phiếu. Bọn lâu la lập tức vỗ lấy Narayan cùng hai người kia. Chúng ấn ngón tay họ vào mực và hoàn tất việc xác nhận. Chúa đất Dharamsi rỉ tai gã giúp việc, lệnh đưa ba người về trang trại của hắn.

Suốt cả ngày hôm đấy, đều đặn từng chập một, ba người bị đánh đập trong cảnh bị lột truồng và treo ngược lên cành một cây bồ đề. Vật vờ lúc tỉnh lúc mê, tiếng thét của họ càng lúc càng yếu dần. Mấy đứa cháu của chúa đất Dharamsi bị giữ rịt trong nhà. “Làm bài tập đi,” hắn bảo chúng. “Đọc sách, hay chơi đồ chơi đi. Chơi bộ tàu hỏa đẹp ông mới mua cho chúng mày ấy.”

“Nhưng hôm nay là ngày nghỉ,” chúng nài nỉ. “Chúng cháu muốn ra ngoài chơi cơ.”

“Hôm nay thì không được. Ngoài kia đang có mấy kẻ xấu lắm.” Đoạn lão xua chúng ra xa khỏi các ô cửa sổ bên sườn nhà.

Ở phía xa, trên cánh đồng, bọn tay chân của hắn vạch quần đái vào ba khuôn mặt người lộn ngược. Đang lúc nửa tỉnh nửa mê, mấy cái miệng khô nẻ mừng rỡ đón lấy chút hơi ẩm, hổi hả liếm những tia nước một cách yếu ớt. Chúa đất Dharamsi dặn bọn người làm tạm thời không được để tin tức lan đi, nhất là xuống khu vực hạ lưu sông. Nó có thể phá hỏng cuộc bỏ phiếu và buộc ủy ban bầu cử phải hủy bỏ kết quả, lúc ấy thì toi công vất vả suốt mấy tuần lễ.

Đến tối, sau khi các thùng phiếu đã được mang đi, những hòn than nóng đỏ bị dí vào dái ba người đàn ông, rồi nhồi vào mồm họ. Tiếng rú của họ vang vọng khắp làng, cho tới khi môi và lưỡi của họ tan chảy. Mấy cái xác cứng đờ câm lặng được gỡ từ trên cây xuống. Khi họ bắt đầu cựa mình, sợi dây được chuyển từ chân lên cổ họ, và cả ba bị treo lên. Xác họ bị bêu giữa đình làng.

Lũ đầu trâu mặt ngựa của chúa đất Dharamsi, giờ đã rảnh rang sau khi hoàn tất các phần việc liên quan đến bầu cử, được thả cho mặc sức tác ác với dân đẳng cấp thấp. “Tao muốn dạy cho lũ tiện dân khổ rách áo ôm đầy một bài học,” lão nói, đoạn mang rượu ra cho lũ lâu la trước khi để chúng thực thi nhiệm vụ tiếp theo. “Tao muốn mọi thứ lại như ngày xưa, khi xã hội này còn có tôn ti, trật tự, và kỉ cương. Và nhớ phải coi chừng ngôi nhà của thằng thợ may Chamaar kia, đừng để đứa nào trốn mất nghe chưa.”

Bọn hùm beo âm âm kéo xuống khu tiện dân. Trên đường đi, chúng đánh người vô tội vạ, lột truồng nhiều phụ nữ, hãm hiếp một số khác, và châm lửa đốt vài ngôi lều. Tin tức về cuộc phá phách lan đi nhanh chóng. Mọi người kéo nhau đi trốn, chờ đến khi cơn bão tan.

“Tốt,” chúa đất Dharamsi khen, lúc ấy đêm đã xuống, và tin tức về thành tựu của bọn chân tay cũng vừa bay đến tai lão. “Tao nghĩ chúng nó sẽ tồn đến già.” Lão ra lệnh bỏ xác của hai người đàn ông không tên bên bờ sông, để gia đình họ tự ra lấy về. “Tao cũng thương hai nhà kia, dù chúng nó là ai,” hắn nói. “Chúng nó chịu khổ thế là đủ rồi. Cứ cho nhà nó khóc lóc và hỏa táng cho con.”

Hình phạt đến đó là kết thúc, nhưng không phải với gia đình Narayan. “Nó không xứng đáng được hỏa thiêu tử tế,” chúa đất Dharamsi nói. “Mà thằng bố tội còn to hơn thằng con. Thói kiêu căng của nó chống lại tất cả những gì bọn ta tôn thờ.” Những gì bao nhiêu thế hệ góp lại mới gây dựng nên, Dukhi đã dám cả gan phá tan tành; hắn đã biến thợ da thành thợ may, bóp méo thế cân bằng vĩnh cửu của xã hội. Tội vượt qua ranh giới đẳng cấp phải bị trừng phạt bằng hình thức nghiêm khắc nhất, lão chúa đất nói.

“Bắt cả nhà nó – già trẻ, lớn bé,” hắn ra lệnh cho bọn tay chân. “Không được để đứa nào

thoát.”

Thấy lũ đầu trâu mặt ngựa xông vào nhà Narayan, Amba, Pyari, Savitri, và Padma đứng ngoài hiên gào thét, kêu chúng không được động vào bọn họ. “Sao chúng mày dám hành hung họ? Họ có làm gì nên tội đâu!”

Gia đình của mấy bà cụ lao ra kéo họ vào, ai nấy khiếp hãi thay cho họ. Hàng xóm của họ thậm chí không dám nhìn ra ngoài, chỉ co rúm trong lầu trong hổ thẹn và sợ hãi, cầu khẩn cho đêm chóng qua, cho không một người vô tội nào khác bị làn sóng bạo tàn cuốn nuốt. Chhotu và Dayaram cố lên đi cầu cứu trên đồn cảnh sát tỉnh, nhưng cả hai bị đuổi bắt và bị đâm chết tại chỗ.

Dukhi, Roopa, Radha cùng hai đứa con gái bị trói lại và bị lôi ra phòng chính. “Còn thiếu hai đứa nữa,” chúa đất Dharamsi nói. “Thằng con cả và thằng cháu nội.” Một tên chạy đi lùng sục xung quanh, và báo rằng cả hai đang sống trên thị trấn. “Hừ, chả sao, thịt năm đứa này cũng đủ rồi.”

Cái xác sứt sẹo được mang tới và vứt trước mặt các tù nhân. Căn phòng tối om. Chúa đất Dharamsi ra lệnh xách một chiếc đèn vào để cả nhà nhìn cho rõ.

Ánh sáng lập tức xé toạc chiếc áo choàng nhân từ của bóng đêm. Khuôn mặt của cái tử thi trần truồng đã cháy xém và méo mó đến dị dạng. Chỉ nhờ vết bớt đỏ sậm trên ngực người chết, cả nhà mới nhận ra đó đúng là Narayan.

Một tiếng rú dài vỡ ra từ họng Radha. Nhưng tiếng thét đau đớn chẳng mấy chốc đã hòa làm một với cơn hấp hối của cả gia đình; ngôi nhà bị châm lửa. Những lưỡi lửa đầu tiên lem lem liếm vào bó da thịt bị trói cứng. Duy có trận gió hanh hao là còn rử chút lòng từ bi trong đêm ấy: nó thổi ngọn lửa bùng lên dữ dội. Trong nháy mắt, vầng sáng nuốt gọn cả sáu con người.

Đến khi Ishvar và Omprakash hay tin, tro đã nguội, và mấy thi thể bị cháy thành than đã vỡ vụn và tan vào nước sông. Mumtaz ôm chặt Omprakash vào lòng, trong khi Ashraf cùng Ishvar ra đồn cảnh sát để khai Đơn tố cáo bị hại.

Đang lúc tai đau, tay phó thanh tra không ngừng xoi ngón út vào tai mà ngoáy lấy ngoáy để. Hắn không tài nào tập trung nổi. “Tên gì? Đánh vắn lại đi. Chậm thôi.”

Để làm thân với đại diện của chính quyền, Ashraf bèn mách cho gã một phương thuốc gia truyền, mặc dù ruột ông đang sôi lên vì căm giận và chỉ muốn tát lẹch mặt hắn để bắt hắn chú ý vào việc. “Dầu ô liu ấm sẽ giúp anh giảm đau,” ông nói. “Hồi xưa bà cụ nhà tôi chữa cho tôi bằng cách ấy đấy.”

“Thật hả? Mấy giọt? Hai hay ba?”

Sau đó, với thái độ hết sức miễn cưỡng, cảnh sát tìm về ngôi nhà để chứng thực những lời khai trong Đơn tố cáo bị hại. Họ báo lại, rằng không tìm thấy chứng cứ nào liên quan đến hành vi phóng hỏa hay giết người.

Tay phó thanh tra lập tức nổi xung với Ishvar. “Mày tính lừa ai đấy? Dám đem chuyện bố lão khai vào Đơn tố cáo à? Lũ tiện dân bản thủ chúng mày chỉ gây rối là giỏi! Xéo ngay kéo tao xích cổ mày lại vì tội lừa đảo người thi hành công vụ bây giờ!”

Choáng váng không nói nên lời, Ishvar nhìn sang Ashraf, ông già bèn cố mở lời phân bua. Gã phó thanh tra cộc cằn ngắt lời: “Việc này không liên quan đến cộng đồng của các ông. Lúc dân Hồi các người sinh chuyện với nhau, chúng tôi có chỗ mũi vào đâu?”

Hai ngày sau đó, Ashraf không buồn mở cửa hiệu, lòng ông trĩu nặng vì cảm giác bất lực. Cả ông lẫn bà Mumtaz đều không dám mở miệng an ủi Omprakash hay Ishvar – lời lẽ nào xoa dịu nổi một mất mát như thế, một sự bất công tàn bạo nhường ấy? Điều tốt nhất họ có thể làm là khóc cùng hai bác cháu.

Đến ngày thứ ba, Ishvar bảo ông mở cửa hiệu, và họ bắt đầu may trở lại.

“Cháu sẽ tập hợp một đội quân nhỏ gồm toàn người Chamaar, trang bị vũ khí cho họ, rồi tiến thẳng đến nhà bọn địa chủ,” Omprakash nói, chiếc máy may của cậu chạy như bay. “Muốn tìm đủ người cũng dễ thôi. Bọn cháu sẽ bắt chước bọn phiến quân Naxal.” Vừa cầm cúi trước máy may, cậu vừa tả lại cho bác Ishvar và ông trẻ Ashraf những chiến lược được những người nông dân nổi dậy ở vùng đông bắc sử dụng. “Cuối cùng, bọn cháu sẽ chém đầu chúng rồi cắm lên đầu ngọn giáo mà bêu giữa chợ. Lũ chúng nó sẽ không bao giờ dám áp bức cộng đồng chúng ta nữa.”

Ishvar để mặc cháu nung nấu ý nghĩ trả thù. Phản ứng đầu tiên của chính ông cũng y như vậy; ông trách nó sao đành? Bàn tay còn có thể tìm nguồn giải khuây trong may vá, chú tâm trí đang bị vò xé khổ sở biết làm sao để thoát khỏi cơn mê loạn. “Nói bác nghe, Om, sao cháu lại biết rõ mấy chuyện đó thế?”

“Cháu đọc trên báo. Nhưng như thế chẳng phải hợp lẽ thường tình lắm ư? Trong gia đình đẳng cấp thấp nào cũng có người từng bị bọn địa chủ ngược đãi. Chắc hẳn họ sẽ rất nóng lòng muốn trả thù. Chúng cháu sẽ giết hết bọn chúa đất cùng lũ lâu la của chúng. Và cả mấy thằng cảnh sát biến chất kia nữa.”

“Còn sau đó thì sao?” Ishvar dịu dàng hỏi, khi ông thấy đã đến lúc cháu mình cần kéo suy nghĩ khỏi cái chết để hướng về cuộc sống. “Chúng sẽ lôi cháu ra tòa và treo cổ cháu.” “Cháu chả sợ. Nếu cháu đang ở cùng bố mẹ thay vì an toàn trong cửa hiệu này, cháu cũng đã chết rồi.”

“Om, cháu ơi,” Ashraf nói. “Báo thù không phải là chuyện chúng ta nên bận tâm. Bọn giết người rồi sẽ bị trừng phạt. Trong kiếp này hoặc kiếp sau, tùy ý Thánh Allah. Có khi chúng đã bị trừng phạt rồi cũng nên, ai biết được?”

“Đúng rồi, ông trẻ ạ, ai biết được?” Omprakash nhại lại bằng giọng mỉa mai và bỏ đi ngủ.

Kể từ cái đêm kinh hoàng sáu tháng trước, Ishvar đã thôi không ở trong nhà trọ nữa, vì Ashraf cứ nhất quyết nài kéo. Trong nhà bây giờ thiếu gì chỗ, ông nói, mấy đứa con gái đều đi lấy chồng hết rồi. Ông ngăn đôi căn phòng phía trên cửa hiệu – một bên cho ông và bà Mumtaz, bên kia cho Ishvar và thằng cháu.

Họ nghe tiếng Omprakash đi lại trên gác, chuẩn bị lên giường ngủ. Mumtaz ngồi sau nhà, đang cầu nguyện. “Mấy chuyện trả thù này nếu chỉ nói suông thì không sao,” Ishvar nói. “Nhưng nhờ thằng bé quay về làng, làm chuyện gì đại đột thì...”

Hai chú cháu bần khoản trần trở về tương lai thằng bé suốt hàng tiếng đồng hồ, rồi cũng lên gác để đi nghỉ. Ashraf theo Ishvar sang bên kia vách ngăn nơi Omprakash nằm ngủ, hai chú cháu đứng bên nhau một lúc, cùng nhìn đứa cháu.

“Tội nghiệp thằng bé,” Ashraf nói khẽ. “Gặp biết bao nhiêu chuyện bất hạnh. Chúng ta phải làm gì để giúp nó bây giờ?”

Câu trả lời, vừa hay, lại tới cùng vận bĩ của cửa Hiệu may Muzaffar.

Khi một cửa hàng quần áo may sẵn được mở ra trên thị trấn, vụ thảm sát đã trôi qua

tròn một năm. Chẳng bao lâu sau, danh sách khách hàng của Ashraf bắt đầu teo tóp dần.

Ishvar cho rằng tổn thất này chỉ là tạm thời. “Một cửa hiệu mới to đẹp, lại có hàng chống áo để tha hồ chọn – hút khách chính ở chỗ đấy chứ đâu. Tự nhiên ai cũng thấy mình quan trọng, vì được thử nhiều kiểu dáng mẫu mã khác nhau mà. Nhưng đến khi cảm giác mới lạ nhạt đi, quần áo lại không vừa, là những kẻ phản bội sẽ quay về với ta thôi.”

Ashraf không được lạc quan như thế. “Giá cả thấp hơn của họ sẽ đánh bại chúng ta. Họ sản xuất mỗi lúc hàng trăm cái quần cái áo trong các nhà máy lớn. Chúng ta cạnh tranh sao lại?”

Chỉ ít lâu sau, chỉ cần mỗi tuần có một ngày bận rộn là hai người thợ may cùng cậu học việc đã thấy may mắn lắm rồi. “Lạ quá, phải không,” Ashraf nói. “Một thứ ta chưa bao giờ nhìn thấy lại hủy hoại cơ nghiệp ta đã gây dựng suốt bốn mươi năm trời.”

“Nhưng chú chỉ nhìn thấy cửa hàng đồ may sẵn rồi còn gì.”

“Không, ý ta là những nhà máy trên thành phố kia. Chúng ta đến cỡ nào nhỉ? Ai làm chủ chúng? Họ trả công thế nào? Ta mù tịt hết, ta chỉ biết rằng chúng sắp biến bọn ta thành ăn mày thôi. Có lẽ lúc về già, ta sẽ phải đến đấy làm thuê mất.”

“Không đời nào,” Ishvar nói. “Nhưng có lẽ cháu nên đi.”

“Không ai đi đâu hết,” nắm đấm của Ashraf đập sầm xuống bàn. “Chú cháu ta ở đây có cháo ăn cháo, có rau ăn rau, mấy câu ta vừa nói chỉ là đùa thôi. Cháu nghĩ ta lại đành lòng đuổi con cháu mình đi ư?”

“Kìa chú, chú đừng cáu, cháu biết chú không có ý đó mà.”

Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, câu đùa nọ biến thành một phương án cần suy xét nghiêm túc, bởi khách hàng tiếp tục đổ xô đến cửa hàng quần áo may sẵn. “Cứ tình hình này, ba người bọn ta chỉ có nước ngồi đuổi ruồi từ sáng sớm đến tối đêm thôi,” Ashraf nói. “Ta thì chả ngại gì. Ta đã sống gần hết đời, cũng đã nếm hết hoa trái, ngọt đắng đủ cả. Nhưng như thế thật bất công với Om.” Ông thấp giọng. “Có lẽ tốt nhất nên để nó đến một nơi khác thử vận may.”

“Nhưng nó đi đâu, cháu sẽ phải theo đấy,” Ishvar nói. “Nó còn trẻ quá, đầu vẫn còn đầy những tư tưởng ngu ngốc.”

“Có phải lỗi của nó đâu, quỷ sứ xúi giục nó đấy thôi. Tất nhiên cháu phải đi cùng nó, giờ cháu chính là cha nó mà. Việc hai cháu có thể làm bây giờ là ra đi một thời gian. Không cần phải đi lâu. Chừng một, hai năm thôi. Cố làm việc chăm chỉ, kiếm tiền, rồi quay về đây.”

“Đúng đấy. Người ta nói trên thành phố kiếm tiền dễ lắm, việc nhiều, cơ hội nhiều.”

“Chính thế. Và với số tiền đó, các cháu có thể mở một cửa hàng kinh doanh thứ gì đó khi quay về. Một sạp bán trâu cau, hoa quả, hoặc đồ chơi. Các cháu cũng có thể bán quần áo may sẵn lắm chứ, ai biết được.” Nói đến đấy, hai chú cháu cùng ồ lên cười, nhưng cả hai đều nhất trí rằng một vài năm đi xa sẽ là tốt nhất cho Omprakash.

“Chỉ còn một cái khó nữa,” Ishvar nói. “Cháu chẳng quen biết ai trên thành phố cả. Biết bắt đầu từ đâu đây?”

“Mọi việc sẽ đâu vào đó thôi. Ta có một người bạn rất thân, ông ấy sẽ giúp các cháu tìm việc. Tên ông ấy là Nawaz.

Ông ấy cũng là thợ may, có cửa hiệu riêng trên ấy.”

Họ ngồi đến quá nửa đêm, bàn thảo kế hoạch, mừng tượng ra một tương lai mới mẻ trên thành phố bên bờ biển, thành phố có những tòa nhà lớn, những con đường thênh thang đẹp đẽ, những khu vườn trắng lệt, và hàng triệu triệu con người cần mẫn làm việc, tích góp của cải.

“Cháu xem này, ta cũng háo hức như thể chính mình sắp đi cùng cháu vậy,” Ashraf nói. “Mà nếu còn trai tráng, thế nào ta cũng đi. Ở đây sẽ quanh quẩn lắm đây. Ta chỉ ước ao có cháu và Om quây quần bên cạnh đến tận lúc nhắm mắt xuôi tay.”

“Nhưng bọn cháu sẽ ở bên chú mà,” Ishvar nói. “Cháu và Om sẽ sớm quay về. Chẳng phải ta đã lên kế hoạch như thế còn gì?”

Ashraf viết thư cho bạn, nhờ ông ta cho Ishvar và Omprakash ở nhờ khi họ đến nơi, rồi giúp họ ổn định công ăn việc làm trên thành phố. “Gia đình cháu đã nhận biết bao nhiêu ơn huệ của chú, từ hơn ba chục năm nay.”

“Chẳng ơn huệ nào đền đáp được những gì cháu và Narayan đã làm cho gia đình ta,” Ashraf nghẹn ngào nói. “Nào, bỏ cây kéo thợ may vào túi hành lý đi cho lão già này vui.” Ông lau khô mắt, nhưng chúng lại ầng ậng nước. “Nhớ nhé, nơi này luôn mở rộng vòng tay đón các cháu về nếu mọi sự không được như ý.”

Ishvar bèn nắm chặt tay ông và đặt lên ngực mình. “Có khi chú sẽ lên thành phố chơi một chuyến trước khi bọn cháu quay về ấy chứ.”

“Nếu Thánh Allah phù hộ. Ta vẫn hằng ao ước được hành hương đến thánh địa Mecca một lần trước khi chết. Mà tất cả những thuyền lớn đều nhỏ neo từ thành phố. Thế nên, ai biết được?”

Sáng hôm sau, Mumtaz dậy từ sớm để pha trà và chuẩn bị một gói đồ ăn đường cho hai bác cháu. Ashraf ngồi im lặng nhìn họ ăn, bồn thần trước giây phút chia li. Ông chỉ mở miệng đúng một lần để hỏi: “Cháu đã cất kỹ tờ giấy ghi địa chỉ của ông Nawaz trong túi chưa?”

Họ uống cạn trà và Omprakash gom mấy cái tách lại để mang đi rửa. “Cứ để đấy,” Mumtaz ngăn cậu lại, nước mắt giàn giụa. “Tí nữa bà sẽ rửa cho.”

Đã đến lúc lên đường. Hai bác cháu ôm ông Ashraf và bà Mumtaz, hôn lên má họ ba lần. “Ôi chà, hai cái lỗ đào già của ta thật vô dụng,” Ashraf nói. “Cứ rửa nước tong tong, thành bệnh mất rồi.”

“Bọn cháu bị lây bệnh của chú mất rồi,” Ishvar nói, đoạn ông và Omprakash cũng đưa tay lên chùi mắt. Khi họ xách hành lý cùng bọc chăn gối lên và đi bộ về phía đường ray tàu hỏa, mặt trời còn chưa ló dạng.

Hai người thợ may lên đến thành phố lúc đã khuya. Vừa rú sòng sọc và kêu lạch xạch, đoàn tàu vừa trườn vào ga. Trên loa nổi lên tiếng thông báo nghe lập bập như người nói lắp. Hành khách đi tàu tủa ra giữa một biển gia đình và bạn hữu đang chờ đón. Khắp nơi rộn lên tiếng rú rít nhận nhau, rồi giàn giụa những nước mắt của hạnh phúc. Sân ga phút chốc biến thành một cơn lốc xoáy quay cuồng của xúc cảm nhân tính. Dân cữu vịn vào một cuộc tranh cướp khốc liệt, ra sức mời mọc khách mua dịch vụ cơ bắp của mình.

Ishvar và Omprakash đứng bàng hoàng bên lề cuộc hỗn chiến. Cảm giác phiêu lưu đã khai hoa nở nhụy một cách miễn cưỡng trên con đường rong ruổi nay đã tàn rũ. “*Hai Ram*,” Ishvar kêu lên, bụng thầm ước được nhìn thấy một khuôn mặt thân quen. “Người

đâu ra mà lắm thế.”

“Ta đi nào,” Omprakash nói. Cậu xách bọc đồ, hối hả len qua hàng rào người và hành lý, như thể cậu tin chắc rằng một khi họ đã vượt qua được nó, mọi sự sẽ đâu vào đấy – thành phố hứa nằm ngay bên kia chương ngại cuối cùng này thôi.

Họ lặn lội rẽ lối qua sân ga và thoát ra gian sảnh mênh mông của nhà ga, với trần nhà cao vút như trời và những cây cột vươn lên tít tắp chẳng khác nào những cây đại thụ trong truyện cổ tích. Họ đi loang quanh trong tình trạng u mê, vừa đi vừa hỏi han, tìm kiếm sự giúp đỡ. Đáp lại câu hỏi của họ, mọi người chỉ bắn lại những câu trả lời qua quýt, hoặc chỉ trỏ, còn hai bác cháu gật đầu lia lịa về biết ơn, nhưng chẳng thu được gì hết. Mất đến một tiếng họ mới phát hiện ra mình phải bắt một chuyến tàu nội đô để đến chỗ ông bạn của Ashraf. Cuộc hành trình kéo dài hai mươi phút.

Một người được hỏi chỉ cho họ đi đúng đường. Căn nhà ở kiềng cửa hàng chỉ cách nhà ga mười phút đi bộ. Vĩa hè la liệt người nằm ngủ. Từng vệt sáng vàng vọt yếu ớt hắt xuống từ các cột đèn đường, rơi rớt như những giọt mưa vẫn đục trên những hình người bọc giẻ rách, Omprakash rùng mình. “Trông chả khác gì xác chết,” cậu thì thào. Cậu căng mắt nhìn họ, cố tìm kiếm một dấu hiệu của sự sống – một lồng ngực phập phồng, một ngón tay khẽ cựa, một hàng mi chớm chớp. Nhưng ánh sáng đèn không đủ để cậu nhận thấy những cử động vụn vặt như thế.

Cảm giác nhẹ nhõm dần thế chỗ nỗi sợ hãi khi họ tiến càng lúc càng gần đến nhà của ông bạn Ashraf. Cơn ác mộng đi đường sắp chấm dứt. Để đến được cửa hiệu, họ phải đi qua những tấm ván bắc ngang một muông nước lộ thiên. Chân Omprakash suýt nữa lọt qua một khe gỗ mục. Ishvar đã kịp túm lấy khuỷu tay cháu. Họ gõ lên cửa.

“Chúng cháu chào chú ạ,” họ chào Nawaz, đôi mắt ngược lên nhìn ông ta với vẻ mặt cần có đối với một kẻ ban ơn.

Nawaz hầu như chẳng buồn đáp lại lời chào. Ông ta vờ như không biết tí gì về việc hai bác cháu sẽ tới. Sau ba lần bảy lượt chối, ông ta mới nhận rằng quả đã có một lá thư của Ashraf, và miễn cưỡng đồng ý cho họ ngủ dưới mái hiên sau bếp trong vài ngày, cho đến khi họ tìm được chỗ ở. “Chỉ vì nể Ashraf nên tôi mới giúp thôi đấy,” ông ta đẩy đi đẩy lại. “Cái chính là, ở đây còn chả đủ chỗ cho chính gia đình tôi nữa là.”

“Cảm ơn chú, chú Nawaz,” Ishvar nói. “Vâng, chỉ mất vài ngày thôi ạ, cảm ơn chú.”

Họ ngửi thấy mùi thức ăn đang nấu, nhưng Nawaz không mời họ cùng ăn. Tìm thấy một vòi nước bên ngoài tòa nhà, hai bác cháu rửa tay và mặt mũi, rồi chụm hai bàn tay vốc nước mà uống. Ánh sáng từ trong nhà hắt ra qua cửa sổ bếp. Họ ngồi bên dưới ô cửa và ăn nốt chiếc bánh chapati bà Mumtaz đã gói sẵn, lắng nghe những thanh âm vọng ra từ các tòa nhà xung quanh họ.

Mặt đất dưới mái hiên ngổn ngang những lá, vỏ khoai tây, hạt của những thứ quả gì không rõ, xương cá, và cả hai cái đầu cá với hốc mắt trống rỗng.

“Làm sao chúng ta ngủ ở đây được?” Omprakash nói. “Bẩn quá.”

Cậu nhìn quanh, và phát hiện ra một cây chổi dựng cạnh cửa hậu nhà Nawaz, cán tựa lên đường ống thoát nước. Cậu bèn mượn tạm để quét hết rác rưởi vào một chỗ, còn Ishvar hứng từng ca nước vẩy lên nền đất trước khi đưa chổi thêm một lượt nữa.

Tiếng quét quáy lôi Nawaz ra khỏi nhà tra xét. “Chỗ này chưa đủ tốt cho hai bác cháu các người à? Có ai ép các người ở lại đâu.”

“Không, không, tốt lắm ạ,” Ishvar nói. “Chúng cháu chỉ dọn dẹp một tí thôi.”

“Thứ các người đang dùng là tài sản của tôi đấy nhá,” ông ta chỉ vào cây chổi.

“Dạ, chúng cháu đang...”

“Cái chính là, trước khi lấy món gì, các người phải hỏi đã chứ,” ông ta nạt nộ, rồi bỏ vào nhà.

Chờ đến khi khoảng đất dưới mái hiên khô nước, họ mới trải chăn chiếu ra. Tiếng ồn từ các tòa nhà xung quanh không vơi đi chút nào. Đai bật oang oang. Một gã đàn ông quát tháo một phụ nữ, đánh đập cô ta, nghỉ tay một tí khi cô ta choe choe kêu cứu, rồi lại đánh tiếp. Một người say rượu hét la bai bãi rằng mình bị bạo hành, đáp lại anh ta là một tràng cười khả ố. Tiếng gào rú của xe cộ văng vẳng phía xa. Văng sáng lấp lóa hắt ra từ một ô cửa sổ khiến Omprakash tò mò; cậu nhòm dậy và nhòm vào trong. Cậu vẫy tay ra hiệu cho Ishvar tới xem cùng. “Xem kè tí!” Cậu khẽ thì thào, giọng phấn khích. Chưa đầy một, hai phút, có người trong nhà phát hiện ra hai bác cháu đang nhòm trộm chiếc tivi và xua họ đi.

Họ quay về chỗ ngủ của mình và ngã một giấc chập chờn. Có một lần, họ bị đánh thức bởi tiếng rit choe choe nghe có vẻ của một con vật bị giết.

Trong nhà không đưa ra lấy một lời mời uống trà vào sáng hôm sau, Omprakash cho đó là một sự xúc phạm. “Tục lệ ngoài thành phố nó khác,” Ishvar xuê xoa.

Họ rửa ráy, uống nước, và quanh quẩn đứng chờ tới lúc Nawaz mở cửa hiệu. Ông ta thấy hai bác cháu đứng trên bậc cấp, cổ nghển lên, cổ nhòm vào trong. “Sao? Các người muốn gì?”

“Xin lỗi đã làm phiền chú, nhưng chú có biết chúng cháu cũng là thợ may không ạ?” Ishvar nói. “Chúng cháu có thể làm cho chú được không? Trong cửa hiệu của chú ấy ạ? Chú Ashraf bảo chúng cháu...”

“Cái chính là, không có đủ việc,” Nawaz vừa nói vừa thối lui vào trong. “Các người sẽ phải đi chỗ khác mà tìm.”

Ishvar và Om đứng ngay trên bậc cấp mà buông lời thách mắc – chả lẽ sự giúp đỡ của Nawaz tắt tann tạt chỉ đến thế này thôi sao? Song ông ta quay lại chỉ sau một phút cùng giấy và bút chì cho hai bác cháu, đoạn đọc tên các hiệu may cùng đường đi tới đó. Họ bèn cảm ơn ông đã chỉ điểm giúp.

“Còn một việc,” Ishvar nói, “tối qua chúng cháu nghe thấy nhiều tiếng thét rất khủng khiếp. Chú có biết là chuyện gì không ạ?”

“Lại bọn cư ngụ ngoài vỉa hè chứ ai. Một thằng dám ngủ ở chỗ của một thằng khác. Thế là chúng nó cầm gạch tương vỡ đầu thằng kia ra. Lũ đấy rất một bọn súc vật.” Ông ta quay vào làm việc, còn hai người thợ may ra đi.

Sau khi nghỉ chân làm cốc trà ở một quán nơi góc phố, hai bác cháu mất nguyên một ngày khiếm đảm và vô ích phục vụ công cuộc tìm kiếm các địa chỉ. Ở nhiều chỗ biển báo đường biến mất, hoặc bị che lấp dưới hàng tá áp phích cổ động chính trị và quảng cáo. Họ phải dừng lại luôn luôn để hỏi đường các chủ tiệm cùng người bán hàng rong.

Họ cố tuân thủ chỉ thị được nhai đi nhai lại trên mấy tấm pa-nô: “Người Đi Bộ! Hãy Đi Trên Vỉa Hè!” Song việc này thật thiên nan vạn nan vì vô số hàng quán được mở ngay trên nền bê tông. Rốt cuộc họ đành đi dưới lòng đường như những người khác, thất kinh vì đủ

loại xe hơi cùng xe buýt, sững sốt trước đám đông người có thể luồn lách cực nhanh giữa dòng xe cộ, với khả năng thiên phú giúp họ vọt ra khỏi tuyến đường mình đang đi khi tình thế đòi hỏi.

“Chúng ta cũng tập xem,” Om nói, giọng có vẻ háo hức thử nghiệm.

“Tập cái gì? Tập giết người hay tập bị giết? Đừng có ra điều trớ trêu khôn hơn rận nữa, cháu sẽ bị xe cán chết tươi đấy.”

Song vụ tai nạn duy nhất họ được chứng kiến hôm đó lại xảy ra với chiếc xe kéo tay của một người đàn ông; sợi dây buộc một chồng hộp bị bung ra, khiến hàng hóa bên trong rơi vung vãi khắp nơi. Hai bác cháu bèn chạy tới giúp chất lại hàng lên xe.

“Trong này có gì thế?” Om hỏi, tò mò vì tiếng lạo xạo bên trong.

“Xương,” người kia đáp.

“Xương á? Xương trâu xương bò à?”

“Xương người, như của tôi với cậu ấy. Để xuất khẩu. Làm ăn lớn lắm.”

Hai bác cháu mừng thầm khi thấy chiếc xe lăn bánh đi khuất. “Nếu biết trong đó chứa gì, bác đã chẳng đời nào dừng lại giúp,” Ishvar nói.

Đến tối, vốn địa chỉ trong danh sách đã cạn kiệt mà không hề mang lại chút công việc hay hi vọng nào. Hai bác cháu mò mẫm tìm đường trở về cửa hiệu của Nawaz. Tuy rằng buổi sáng họ đã đi tuyến đường này, nhưng giờ xem ra đường sá chẳng có chút gì quen thuộc cả. Hoặc giả chỗ nào trông cũng na ná như nhau. Trường hợp nào cũng gay go cả. Bóng tối đang sụp xuống khiến tình hình tệ càng thêm tệ. Những pa-nô quảng cáo phim mà họ hi vọng có thể dùng làm mốc lại dẫn họ đi lung tung, bởi đột nhiên khắp nơi dường như nảy ra vô số pa-nô. Đến quảng cáo Bobby phải rẽ phải hay trái? Con ngõ đó có áp phích in hình Amitabh Bachchan đang đối mặt với cơn mưa đạn, chân vung lên đá tung mặt một tên tội phạm cầm súng máy, hay áp phích có hình chàng nở nụ cười kiêu hùng với một nàng thôn nữ quê mùa, e ấp?

Rốt cuộc họ cũng tìm thấy con phố nhà Nawaz trong cảnh đói khát và kiệt sức. Hai chú cháu bàn nhau xem có nên mua gì đó ăn trước khi quay về dưới mái hiên chằng. “Không nên,” Ishvar quyết định. “Nawaz và bà vợ sẽ cảm thấy bị xúc phạm nếu họ đang đợi chúng ta về ăn cùng. Có lẽ tối qua họ chưa kịp chuẩn bị thôi.”

Khi họ đi qua cửa hiệu, ông chủ nhà đang ngồi trước máy may. Họ vẫy tay chào nhưng xem ra ông ta không nhận thấy, hai chú cháu đành đi vòng ra sau nhà. “Cháu chết đây,” Omprakash nói, đoạn trải chăn chiếu ra và buông phịch thân mình xuống.

Nằm ngửa mặt lên trời, họ lắng nghe tiếng bà vợ của Nawaz làm lụng trong bếp. Vòi nước đang chảy, cốc tách va vào nhau lanh canh, và có thứ gì đó khua leng keng. Thốt nhiên, họ nghe thấy tiếng ông ta gọi “Miriam!” Bà kia rời khỏi bếp, tiếng bà lao xao rất nhỏ, hai bác cháu nghe không rõ. Rồi phía trước nhà lại nổi lên giọng oang oang, cốc chén của Nawaz: “Không cần phải bày vẽ thế, tôi đã bảo cô rồi còn gì.”

“Nhưng chỉ là chút trà thôi mà,” Miriam nói. Giờ cả hai vợ chồng đã đứng ở trong bếp.

“Ồ khốn nạn! Đừng có cãi tôi! Không là không!” Hai bác cháu nghe thấy âm thanh sắc lạnh của một cái tát, Omprakash sợ rúm người. Một tiếng hét bật ra từ môi Miriam. “Cứ để chúng nó ra hàng mà ăn! Cái chính là, cô chỉ cần nuông chiều một tí là chúng nó sẽ không bao giờ cút đâu!”

Tiếng nức nở của Miriam khiến hai người ở ngoài không thể nghe thủng những gì bà nói, ngoại trừ mấy chữ rời rạc:

“Nhưng tại sao...” rồi “... gia đình Ashraf...” “Có phải gia đình tôi đâu,” ông ta nhổ toẹt.

Hai người thợ may rời mái hiên và tìm đến ngôi quán họ đã ghé qua để uống trà sáng. Sau khi xới gọn một đĩa puribhaji, Omprakash nói: “Cháu chỉ thắc mắc là tại sao ông trẻ Ashraf lại đánh bạn với một gã xấu xa đến thế.”

“Con người có phải ai cũng như ai đâu. Vả lại, chắc hẳn bao nhiêu năm trời sống trên thành phố đã biến đổi con người Nawaz. Cháu biết đấy, nơi chốn có thể thay đổi con người mà. Theo hướng tốt lên hoặc xấu đi.”

“Có lẽ thế. Nhưng nếu biết bây giờ ông ta đã thành ra thế này, chắc ông trẻ Ashraf sẽ xấu hổ lắm. Giá mà chúng ta có một chỗ khác để ở.”

“Hãy kiên nhẫn, Om ạ. Đây mới là ngày đầu tiên. Rồi chúng ta sẽ sớm tìm được việc gì đó thôi.”

Nhưng trong bốn tuần tìm kiếm, họ chỉ thu được vốn vụn ba ngày làm việc, ở một nơi có tên là May cao cấp. Chủ hiệu, một người đàn ông tên Jeevan, thuê họ để chạy kịp hạn giao hàng. Công việc rất đơn giản: may dhoti và áo sơ mi, mỗi loại một trăm chiếc.

“Ai lại cần nhiều áo đến thế?” Omprakash sửng sốt hỏi.

Jeevan giơ một ngón tay búng búng lên cặp môi mím chặt như muốn điều chỉnh tần số thu phát của thiết bị. Anh ta thường làm như thế mỗi khi chuẩn bị hở ra thứ mà anh ta cho là một tiết lộ động trời. “Đừng nói lại với ai nghe chưa – quần áo này để mang đi hối lộ đấy.” Do một người đang chạy đua trong một vụ bầu cử phụ đặt hàng, anh ta giải thích. Ứng viên này sẽ đi rải quà cho một số nhân vật quan trọng trong nhóm cử tri của mình.

Trong hiệu May cao cấp chỉ có chỗ cho một thợ may, song phía sau nhà Jeevan có đủ thứ đạo cụ để biến gian nhà thành một xưởng may cho ba thợ chỉ trong chớp mắt. Ở độ cao chừng một mét hai so với mặt sàn, anh ta bắc ngang mấy tấm ván lên các thanh dầm chìa ra từ các bức tường, tạo thành một cái gác xép tạm. Phía dưới, các tấm ván được đỡ bằng cọc tre. Xong xuôi, anh ta thuê hai chiếc máy may, kéo chúng đặt lên gác, rồi đưa Ishvar và Om lên theo.

Hai bác cháu rón rén ngồi xuống hai chiếc ghế đẩu dành cho mình. “Đừng sợ,” Jeevan nói, tay không ngừng búng môi. “Hai bác cháu anh sẽ chẳng việc gì đâu, tôi đã làm thế này khối lần rồi. Đây này, tôi làm việc ngay bên dưới các anh – nếu các anh rơi xuống, tôi lại chẳng chết bẹp trước ấy à.”

Khối kết cấu nói trên khá mong manh, và thường rung lên bần bật khi bàn đạp máy may chạy. Xe cộ đi lại trên phố khiến Ishvar và Om nảy lên xóc xuống trên ghế. Nếu ở đâu đó trong khu nhà có một cánh cửa bị đóng sập lại, cây kéo của họ lại kêu lách cách. Song chỉ sau một thời gian ngắn, hai bác cháu đã quen với trạng thái tồn tại bất định của mình.

Khi được đặt chân xuống đất cứng sau hai tư giờ làm việc mỗi ngày liên tục trong ba hôm, họ bỗng thấy cảm giác thiếu vắng sự rung lắc thật quá đổi lạ lùng. Họ cảm ơn Jeevan, giúp anh ta tháo dỡ gian gác tạm, và trở về mái hiên của mình trong trạng thái kiệt quệ.

“Giờ phải nghỉ tí đã,” Omprakash nói. “Cháu muốn ngủ nguyên ngày.”

Nawaz liên tục mò ra để tỏ thái độ bất bình khi thấy hai chú cháu trùm chần ngủ kỹ. Ông ta đứng vênh váo trên ngưỡng cửa hậu, mặt quàu quạu vẻ ghê tởm, hoặc càu nhàu với

Miriam về những kẻ lười biếng, vô dụng. “Cái chính là, công việc chỉ đến với những ai thực sự muốn nó,” ông ta rao giảng. “Hai thằng này chỉ là đồ bỏ thôi.”

Cả Ishvar và Omprakash đã quá mệt đến nỗi chẳng còn thấy cảm giận, chứ đừng nói tới chuyện làm gì ghê gớm hơn. Sau một ngày nghỉ ngơi phục hồi sức lực, họ lại trở về với thời gian biểu thường nhật: hồi đường đi vào buổi sáng và đi tìm việc làm đến khi trời tối sập.

“Chả biết nhà ta còn phải chịu đựng hai thằng kia đến bao giờ,” tiếng cằn nhằn vọng ra từ cửa sổ bếp. Nawaz còn chẳng thèm hạ bớt giọng. “Tôi đã bảo mình từ chối Ashraf đi. Thế mà mình có nghe đâu?”

“Họ có làm phiền gì đến ta đâu,” bà ta khẽ nói. “Họ chỉ...”

“Cẩn thận tí, mình làm tôi đau rồi đấy, khéo cắt mất ngón chân tôi bây giờ!”

Ishvar và Omprakash đưa mắt nhìn nhau vẻ thắc mắc trong khi Nawaz vẫn nhai nhải bài diễn thuyết của mình. “Cái chính là, nếu tôi muốn để người ta sống dưới mái hiên sau nhà tôi, tôi sẽ cho thuê với giá hời. Mình có biết giữ chúng lại đây lâu như vậy thì nguy hiểm đến chừng nào không? Chúng chỉ cần đâm đơn kiện về khoảng không đó, là vợ chồng ta sẽ phải ra hầu tòa vì tội – á! da! Mụ ác phụ kia, tôi đã bảo mình phải cẩn thận kia mà! Với cái cung cách đâm chém đấy, mình đến biến tôi thành thằng què mất thôi!”

Hai người thợ may giật mình, ngồi thẳng dậy. “Cháu phải xem có chuyện gì xảy ra mới được,” Omprakash thì thào.

Cậu kiễng chân lên và nhòm qua cửa sổ bếp. Nawaz đang ngồi trên ghế tựa, bàn chân gác lên một chiếc ghế đầu con. Miriam quỳ trước ghế, tay cầm một lưỡi dao lam, đang cắt những mẫu da cứng ở các nốt sần và chai chân.

Omprakash rời cửa sổ ngồi xuống và tả lại khung cảnh vừa thấy cho bác. Hai bác cháu cứ cười rúc rích mãi vì việc ấy. “Cháu chỉ thắc mắc là sao lão đàn độn ấy lại có chai chân cho được, cả ngày lão chỉ ngồi đồng trước máy may thôi mà,” Omprakash nói.

“Có lẽ trong giấc mơ lão đi khiếp lắm,” Ishvar nói.

Một buổi sáng nọ, chưa đầy bốn tháng sau ngày hai người thợ may tìm đến cửa, Nawaz lần đầu tiên mở miệng quát hai bác cháu khi họ xin lão chỉ điểm giúp. “Ngày nào các người cũng phá rối tôi lúc tôi đang bận làm việc. Thành phố này to lắm. Các người tưởng tôi biết tên của tất cả thợ may ở đây chắc? Tự đi mà tìm lấy. Mà nếu không tìm thấy việc gì dính đến may vá, sao các người không thử làm những việc khác. Ra ga làm cửi vụn chẳng hạn. Dùng cái đầu mình đi, đội mì đội gạo cho khách ở các cửa hàng lương thực ấy. Làm gì đó đi, việc gì chả được.”

Thấy bác mình lộ vẻ luống cuống trước cơn thịnh nộ của lão kia, Omprakash bèn dõng lại ngay: “Bác cháu nhà cháu cũng chả ngại khó ngại khổ gì đâu. Nhưng làm thế khác nào sỉ nhục ông trẻ Ashraf, người đã khổ công dạy dỗ chúng cháu suốt bao năm ròng và truyền lại nghề nhà cho chúng cháu.”

Nghe nhắc đến tên Ashraf, Nawaz thẹn ra mặt. “Cái chính là, bây giờ tôi đang rất bận,” lão lầm bầm. “Xin các người đi cho.”

Ra đến phố, Ishvar vỗ vai cháu. “Giỏi lắm, Om. Cháu đối lại lão một câu đỉnh thật.”

“Cái chính là,” Omprakash nhại, “cái chính là, cháu là một người rất đỉnh mà lị.” Hai bác cháu cười phá lên và chạm cốc mừng chiến thắng nho nhỏ của mình bằng hai cốc trà đã cạn phân nửa nơi góc phố. Dẫu vậy, cuộc ăn mừng chẳng kéo dài bao lâu, nó bị dập tắt

bởi hiện thực là khoản tiền tiết kiệm của hai bác cháu đang teo tóp từng ngày. Trong lúc quần bách, Ishvar nhận làm việc trong nửa tháng cho một cửa hàng giày dép chuyên đóng hàng theo yêu cầu. Công việc của ông là xử lý những miếng da dùng làm đế và gót. Để tạo được độ cứng cần thiết đối với loại da này, cửa hàng phải dùng phương pháp thuộc da bằng thuốc có nguồn gốc thực vật. Ông đã quá quen với các công đoạn làm việc nhờ những ngày còn ở làng.

Họ giấu kín việc này, vì Ishvar rất xấu hổ vì nó. Mùi thối bám trên tay họ rất nồng, nên ông luôn giữ khoảng cách với Nawaz.

Một tháng nữa lại trôi qua, tháng thứ sáu của hai bác cháu trên thành phố, tương lai của họ vẫn u ám như xưa. Bỗng một tối, Nawaz mở toang cửa hậu và kêu lên: “Mời vào, mời vào. Uống với tôi tách trà nhé. Miriam! Cho ba tách trà đi!” Hai bác cháu tiến lại gần và ngó nghiêng quanh ngưỡng cửa. Mình có nghe nhầm không, họ phân vân.

“Đừng đứng đực ra thế, vào đây, ngồi đi,” ông ta vui vẻ nói. “Có tin tốt đây. Cái chính là, tôi có việc cho hai người rồi đây.”

“Ồi, cảm ơn chú!” Ishvar reo lên, lập tức vỡ òa trong niềm biết ơn. “Thật là tin tốt chưa từng có! Chú sẽ không phải ân hận đâu, chúng cháu sẽ may thật đẹp cho khách hàng của chú...”

“Không phải trong cửa hàng của tôi,” Nawaz đột ngột đập tắt thái độ hồ hởi. “Ở chỗ khác kia.” Ông ta lại cố tỏ ra tươi tỉnh như trước, mồm vừa toé toét cười vừa nói. “Hai người sẽ thích công việc này, tin tôi đi. Để tôi nói kĩ hơn cho mà nghe. Miriam! Ba tách trà, tôi đã nói rồi kia mà! Mình đâu rồi?”

Bà ta bước vào cùng ba cốc trà. Ishvar và Omprakash đồng loạt đứng lên, chấp hai bàn tay lại: “Chúng cháu chào cô ạ.” Họ vẫn thường xuyên nghe thấy giọng nói dịu dàng, lạnh canh như chuông bạc của bà, nhưng đây là lần đầu tiên họ được đứng mặt đối mặt với bà. Ấy là nói thế, chứ khuôn mặt của bà đã bị giấu kín sau một lớp khăn bịt màu đen. Đôi mắt bà, nhốt sau lỗ khoét đắp hai lần chàng mạng, sáng lấp lánh.

“A, tốt, cuối cùng cũng có trà rồi,” Nawaz nói. Ông ta chỉ vào chỗ mình muốn ba chiếc cốc được đặt xuống, rồi cộc lốc phẩy tay xua bà vợ ra.

Nhấp được vài ngụm, ông ta lại tiếp tục câu chuyện. “Chiều nay, lúc hai người đi ra ngoài, có một bà người Parsi giàu có tìm đến đây. Giày của bà ta rơi tòm xuống mương.” Ông ta cười hình hích. “Cái chính là, bà ta có một công ty xuất khẩu to lắm, và đang tìm hai thợ may giỏi. Tên bà ta là Dina Dalal, bà ta có để lại địa chỉ cho hai người đây.” Ông tay rút tờ giấy nhét trong túi áo sơ mi ra.

“Bà ấy có nói là cần may kiểu gì không?”

“Chất lượng thượng hạng, kiểu mẫu mới nhất. Nhưng dễ làm lắm – bà ta nói họ sẽ cung cấp sẵn mẫu bằng giấy.” Ông ta nhìn hai bác cháu vẻ sốt sắng. “Hai người sẽ đi chứ hả?” “Vâng, dĩ nhiên rồi,” Ishvar đáp.

“Tốt, tốt. Cái chính là, bà ta nói bà ta đã để giấy lại rất nhiều cửa hiệu. Thế nên sẽ có khối thợ may đến xin làm.” Ông ta vẽ đường và ghi cả tên nhà ga nơi họ cần bắt tàu lên mặt sau tờ giấy. “Đừng đi lạc đấy nhé. Tối nay đi ngủ sớm đi, sáng mai còn dậy sớm. Phải khỏe mạnh tươi tỉnh, đầu óc minh mẫn, có thể hai người mới giành được công việc của bà ta.”

Như một bà mẹ sấm nấp muốn hoàn thành bổn phận của mình trong ngày đầu tiên

con đến trường, Nawaz mở cửa hậu từ lúc tỉnh mơ và đánh thức hai bác cháu dậy bằng cách lắc vai họ thật lực, rồi phô ra một nụ cười to tướng trước hai cặp mắt ngái ngủ. “Khéo muộn bây giờ. Mời hai bác cháu vào rửa ráy súc miệng, rồi làm tí trà. Miriam! Hai tách trà cho các bạn tôi nhá!”

Trong khi họ uống trà, ông ta hết rủ rỉ những lời động viên, khuyên nhủ, lại đến cảnh báo. “Cái chính là, hai người phải gây ấn tượng với bà ta. Nhưng không được làm ra vẻ đao to búa lớn. Phải trả lời tất cả mọi câu hỏi của bà ta một cách nhũn nhặn, và không bao giờ được ngắt lời bà ta. Đừng gãi đầu hay bất cứ bộ phận nào – những quý bà quý cô lịch sự như bà ta ghét cái thói ấy lắm đấy. Khi nói phải thật tự tin, giọng vừa phải thôi. Và hãy mang theo một chiếc lược, nhớ phải sửa soạn sao cho bộ dạng nom thật gọn gàng sạch sẽ trước khi bấm chuông cửa nhà bà ta. Đầu bù tóc rối là dễ mất điểm lắm đấy.”

Hai bác cháu háo hức lắng nghe, Omprakash tự nhẩm trong đầu sẽ mua một chiếc lược bỏ túi mới; cậu vừa làm gãy chiếc lược của mình tuần trước. Khi trà đã uống xong, Nawaz thúc họ lên đường luôn. “Thượng đế phù hộ cho hai bác cháu, nhớ về sớm nhé. Chúc hai người mã đáo thành công.”

Họ quay về sau ba giờ sáng, bèn lên phân bua với Nawaz, lúc ấy đang lo đứng lo ngồi, rằng mặc dù họ đã đến nơi, song tìm được đúng ga tàu để trở về thật quá gian nan.

“Nhưng đó cũng chính là ga tàu các anh đã xuống buổi sáng mà.”

“Cháu biết,” Ishvar cười ngượng ngùng. “Cháu chẳng hiểu đã có chuyện gì xảy ra nữa. Chỗ đấy xa lắm, chúng cháu chưa đến đó bao giờ, và bọn cháu...”

“Lăn tăn làm quái gì,” Nawaz nói, giọng độ lượng. “Đi đến một chỗ mới cảm giác lúc nào cũng xa hơn quãng đường trên thực tế.”

“Phố nào trông cũng na ná như nhau. Dù có hỏi người đi đường chẳng nữa, phương hướng vẫn rất mù mờ. Ngay đến cậu bé sinh viên dễ mến chúng cháu gặp trên tàu cũng gặp vấn đề y như thế.”

“Phải hết sức cẩn thận khi nói chuyện với người lạ. Đây không phải cái làng nhà các anh. Cậu bé dễ mến có thể thó tiền, cắt cổ rồi vứt xác hai người xuống mương ngay tức khắc đấy.”

“Vâng, nhưng cậu ấy tốt lắm ạ, cậu ấy còn cho chúng cháu uống chung cốc nước dưa hấu và...”

“Cái chính là, hai bác cháu anh có nhận được việc không?” “À, có chứ ạ, chúng cháu sẽ bắt đầu từ thứ hai,” Ishvar nói.

“Tuyệt vời. Xin dành cho hai bác cháu rất, rất nhiều lời chúc mừng và khen tặng. Vào nhà đi, ngồi đây với tôi nào, chắc hai người mệt lắm rồi nhỉ. Miriam! Ba tách trà!”

“Ông thật rộng rãi quá,” Omprakash nói. “Hệt như ông trẻ Ashraf.”

Câu mỉa mai ấy nói với Nawaz chẳng khác nào gãi ngứa cho voi. “Ôi dào, giúp đỡ bạn của Ashraf là bổn phận của tôi mà. Giờ hai bác cháu đã tìm được việc rồi, nhiệm vụ tiếp theo của tôi là phải tìm cho hai người một chỗ để ở.”

“Có vội gì đâu, chú Nawaz,” Ishvar kêu lên, trong bụng hơi gợn lo sợ. “Chúng cháu thấy ở đây là tốt lắm rồi, mái hiên nhà chú rất đẹp, lại thoải mái.”

“Cứ để đấy tôi lo. Cái chính là, tìm được một ngôi nhà giữa thành phố này gần như là chuyện không tưởng. Nếu có chỗ nào trống, bác cháu anh phải vỗ lấy ngay. Nào, uống nốt

trà rồi ta đi luôn.”

“Bến cuối!” Người soát vé hô lớn, tay gõ cây bấm lỗ vé lên thanh vịn bằng crôm. Chiếc xe buýt trườn men theo những con hẻm nhỏ tí của khu nhà ổ chuột tăm tối, rít lên khi quành qua góc đường, và dừng hẳn lại.

“Đây là khu mới mở đấy,” Nawaz nói, tay chỉ vào khu nhà đang trong quá trình bị dỡ bỏ nhà ổ chuột kí sinh xâm lấn. “Ta đi tìm người quản lý thôi.”

Họ len vào giữa hai dãy lều lán, và Nawaz hỏi một người là ông Navalkar có ở đây không. Người phụ nữ chỉ tay. Họ tìm thấy ông ta trông một cái lán được lấy làm văn phòng.

“Vâng,” Navalkar nói, “chúng tôi vẫn còn vài chỗ trống.” Khi ông ta nói, hàm ria mép lưa thưa rún rẩy trước miệng với một điệu bộ khoa trương có tính toán. “Để tôi dẫn các anh đi xem.”

Họ trở ra, lại len lỏi giữa hai dãy lều lán. “Có ngôi nhà ở góc này,” Navalkar nói. “Nó vẫn còn trống, nếu các anh thích. Nào, vào xem đi.”

Ông ta vừa mở cánh cửa lán ra, một con chó hoang vội chuồn biến qua cái lỗ ở phía lưng lán. Mặt đất lầy bùn được che phủ một phần bằng mấy tấm ván. “Nếu thích, các anh có thể lát thêm gỗ vào cũng được,” Navalkar gợi ý. Bốn bức tường là sản phẩm chắp vá từ một nửa gỗ ván ép, và nửa kia là các tấm kim loại. Mái lán lợp một tấm tôn dợn sóng cũ kỹ, những chỗ thủng được vá vúi lại bằng nhựa trong.

“Vòi nước ở ngay ngoài kia, giữa ngõ. Quá tiện. Các anh sẽ không phải đi rạc cẳng mới lấy được nước, như ở những khu nhà hạ cấp khác. Chỗ này rất ổn.” Ông ta khoát tay một vòng như muốn bao quát cả khu vực. “Mới xây dựng, chưa quá đông đúc. Giá thuê là một trăm rupi một tháng. Trả trước.”

Nawaz gõ gõ ngón tay lên tường lán như ông bác sĩ đang kiểm tra ngực bệnh nhân, rồi giậm chân lên một tấm ván lát sàn, khiến nó rung bần bật. Mặt ông ta giãn ra vẻ hài lòng. “Xây tốt đấy,” ông ta thì thọt với hai người thợ may.

Navalkar gạt gù cái đầu thành những vòng tròn. “Chúng tôi còn có những lán đẹp hơn kia. Các anh có muốn xem không?”

“Nhìn tí cũng chả hại gì,” Nawaz nói.

Họ được dẫn ra phía sau những dãy lều đắp điểm từ đủ loại ống bơ túi bóng, đến một khu lán tường gạch. Mái lán vẫn là những tấm tôn dợn sóng rỉ sét. “Giá thuê mấy nhà này là hai trăm rưởi rupi một tháng. Nhưng với ngần ấy tiền, các anh lại có nền nhà chắc chắn, lại thêm cả đèn điện nữa.” Đoạn ông ta chỉ lên những cây sào dẫn dây đến các căn lều, điện câu trực tiếp từ nguồn cấp điện cho đèn đường.

Vào bên trong, Nawaz sẫm soi bức tường gạch trần trụi và lấy ngón tay cái cào lên một viên. “Chất lượng rất tốt,” ông ta nói. “Hai bác cháu muốn biết ý của tôi chẳng? Tháng đầu tiên, ta cứ lấy ngôi nhà rẻ tiền đã. Sau đó, nếu công việc xuôi chèo mát mái, tiền của dư dả, hãy chuyển sang nhà này.”

Navalkar tiếp tục lắc lư cái đầu. Sự im lặng của hai người thợ may khiến Nawaz sốt ruột ra mặt. “Sao thế, hai người không thích à?”

“Không không, nhà đẹp lắm. Nhưng vấn đề là tiền.”

“Tiền là vấn đề với tất cả mọi người,” Navalkar nói. “Trừ phi anh là chính trị gia hoặc

dân chợ đen.”

Khi tràng cười miễn cưỡng chấm dứt, Ishvar mới nói: “Bắt trả trước thì kệt cho chúng tôi quá.”

“Chẳng lẽ hai người không có nổi một trăm rupi ư?” Nawaz hỏi, cơ hồ không thể tin nổi.

“Đây là tại bà thuê thợ may. Bà ta bảo chúng cháu phải tự mang máy may đến. Mà chúng cháu chỉ còn vừa đủ tiền để đặt cọc thuê máy. Mấy tháng vừa rồi, công ăn việc làm chả có, chúng cháu phải ăn lạm vào và...”

“Rõ đồ vô tích sự!” Nawaz nhổ toẹt, mắt thấy mười mười kế hoạch của mình hòng tống cổ hai bác cháu đang dần tiêu ma. “Sao lại phí phạm tiền của như thế chứ!”

“Nếu chúng cháu có thể ở lại chỗ chú thêm ít lâu,” Ishvar nài nỉ, “chúng cháu sẽ tiết kiệm được đủ tiền...”

“Các người tưởng ngôi nhà này đợi được các người chắc?” Ông ta găm gù, và Navalkar lắc đầu lia lịa như thể đã hẹn từ trước.

Vẻ tuyệt vọng, Nawaz quay sang ông kia. “Anh Navalkar, anh có thể chằm chước cho chúng tôi được chẳng? Hôm nay cứ đặt trước hai nhăm rupi đã, tôi sẽ chi. Số còn lại, mỗi tuần hai người này sẽ trả hai nhăm rupi.”

Navalkar mím môi, răng hàm dưới nhăm nhăm đầu rìa mép. Đoạn ông ta đưa đốt ngón tay vuốt lại những sợi râu ướt nước dãi. “Chỉ ưu tiên mình anh thôi đấy. Vì tôi tin anh.”

Nawaz vội vàng xĩa tiền ra đếm đủ trước khi bất cứ bên nào kịp thay đổi ý kiến. Họ quay về chỗ cái lán đầu tiên, Navalkar móc một cái khóa lên cánh cửa gỗ dán và đưa chìa cho Ishvar. “Giờ đây là nhà của anh. Sống tốt nhé.”

Ba người lựa đường đi xuyên qua mặt đất nứt nẻ của khu nhà và dừng lại ở bến đợi xe buýt. Một hai người thợ may lộ vẻ lo lắng. “Tôi lại xin dành cho hai bác cháu lời chúc mừng cùng khen tặng lần nữa,” Nawaz nói. “Chỉ trong một ngày mà hai người vừa tìm được việc, vừa kiếm được nhà mới.” “Trăm sự đều nhờ chú cả đấy ạ,” Ishvar nói. “Navalkar là chủ nhà ạ?”

Nawaz cười hô hố. “Tay Navalkar đấy là một thằng ăn cướp bé làm việc cho một thằng ăn cướp to. Một thằng trùm khu ổ chuột tên là Thokray, thằng đấy nắm tất cả mọi thứ ở khu này – rượu lậu, hashish^[26], bung^[27]. Mỗi khi nổ ra bạo loạn, đứa nào chết thiêu, đứa nào toàn mạng là quyền ở nó hết.”

Nhận thấy nỗi sợ hãi hiện lên mặt Ishvar, ông ta bèn đế thêm: “Bác cháu anh chả phải lo lắng về nó đâu. Cứ trả tiền nhà đúng hạn thì khắc được yên thân.”

“Nhưng mà, đất này là của ai?”

“Chả của ai cả. Thành phố sở hữu mảnh đất này. Mấy thằng đấy đút lót chính quyền, cảnh sát, thanh tra ngành nước, quan chức ngành điện. Rồi chúng cho những người như các anh thuê lại. Chả hại gì. Đất trống bỏ không – nếu người vô gia cư có thể ở lại đấy, thì có gì là không tốt?”

Trong buổi tối cuối cùng đó, niềm vui trút được một cục nợ khiến Nawaz trở nên hào phóng bất ngờ. “Mời vào ăn cùng tôi,” ông ta mời hai bác cháu vào nhà. “Hãy cho tôi được vinh hạnh ít nhất một lần trước khi hai người đi. Miriam! Ba suất cơm!”

Ông ta hỏi han liệu hai bác cháu ở dưới mái hiên có được thoải mái chẳng. “Nếu thích,

hai bác cháu có thể ngủ trong nhà. Cái chính là, tôi cũng đã định sắp cho hai người ở đây lúc các anh mới đến. Nhưng tôi lại tự nghĩ, là ở trong nhà vừa chật chội vừa đông người, chỉ bằng ra ngoài cho nó mát mẻ.”

“Vâng vâng, quả là thoáng hơn nhiều,” Ishvar nói. “Chúng cháu phải cảm ơn chú đã đối xử tử tế với chúng cháu suốt sáu tháng qua.”

“Lâu thế rồi cơ à? Thời gian trôi nhanh thật.”

Miriam bưng thức ăn ra bày trên bàn rồi lui vào. Dù bị ngăn cách bởi tấm khăn bịt mặt, Ishvar và Omprakash vẫn nhìn thấy đôi mắt bà tràn ngập nỗi hổ thẹn vì thái độ đạo đức giả của chồng.

IV

Chuyện vật

GƯƠNG, DAO CẠO, CHỖI PHẾT THUỐC CẠO RÂU, cốc nhựa, xô, bình đựng nước bằng đồng – Ishvar bày hết lên mặt chiếc thùng các tông úp ngược kê ở một góc lán. Rương hòm cùng chần chiếu choán gần hết khoảng không còn lại. Ông treo quần áo của hai bác cháu vào những đầu đinh rỉ sét nhô lên trên mặt tường gỗ dán. “Thế là mọi sự đâu vào đấy. Chúng ta có việc làm, chúng ta có một ngôi nhà, chả mấy chốc bác cháu ta sẽ kiếm được một cô vợ cho cháu.”

Om không cười. “Cháu ghét chỗ này,” cậu nói.

“Cháu muốn quay về với Nawaz và mái hiên nhà lão ư?”

“Không. Cháu muốn quay về với ông trẻ Ashraf và cửa hiệu của ông.”

“Tội nghiệp chú Ashraf, bị khách hàng lâu nay bỏ rơi.” Ishvar cầm chiếc bình đồng lên và đi ra cửa.

“Để cháu đi lấy nước cho,” Om giành phần.

Cậu ra chỗ vòi nước ở giữa ngõ. Một bà cụ tóc bạc nhìn cậu rờ rẫm khóa vòi để mở nước. Chẳng có động tĩnh gì. Cậu đá vào ống dẫn và lắc lắc vòi, chỉ có vài giọt nước rỉ ra.

“Cậu không biết à?” Bà cụ lên tiếng. “Vòi chỉ chảy vào buổi sáng thôi.”

Om quay ra xem ai vừa nói. Bà ta đang đứng trên ngưỡng cửa tối om, trông vóc người khá thấp. “Nước chỉ về vào buổi sáng thôi,” bà ta nhắc lại.

“Chả ai bảo cháu cả.”

“Cậu là trẻ con chắc mà cái gì cũng phải chờ người ta nói mới biết?” Bà ta quở, đoạn bước hẳn ra khỏi lán của mình. Giờ cậu đã nhìn rõ, bà ta không thấp, chỉ là lưng đã cong gập hẳn xuống. “Cậu không tự dùng trí khôn của mình được à?”

Cậu phân vân không biết cách nào sẽ giúp phô diễn trí khôn của mình một cách hùng hồn nhất: đố lại một câu hay bỏ đi. “Vào đây,” bà ta nói, và bỏ vào trong lán. Cậu liếc vào cửa. Từ trong bóng tối, bà ta lại cất tiếng gọi: “Cậu định đứng chờ cạnh vòi đến sáng mai phỏng?”

Bà cụ mở nắp chiếc vò đất nung đáy tròn, rồi múc hai cốc nước đầy đổ vào cái bình đồng của cậu. “Nhớ đấy, cậu phải đi lấy nước từ sớm. Dậy muộn thì chỉ có chết khát. Nước chả chờ ai cả, như mặt trăng mặt trời thôi.”

Khi hai người thợ may chui ra khỏi lán với bàn chải đánh răng cùng xà phòng để chờ tới lượt mình, một hàng người dài dằng dặc đã đứng đợi sẵn trước vòi nước. Từ lán bên cạnh, một người đàn ông bước ra đứng chắn trước mặt họ, miệng cười toe toét. Từ thắt lưng của anh ta trở lên để trần tròng trọc, còn mái tóc thả dài chấm vai. “Xin chào,” anh ta chào hai bác cháu. “Hai người không làm thế được đâu.”

“Tại sao?”

“Nếu hai người cứ đứng luôn ở vòi nước, đánh răng, xát xà phòng rồi kì cọ rồi tắm tấp, thế nào cũng có đánh nhau to. Ai cũng muốn lấy xong phần mình trước khi nước hết mà

lị.”

“Nhưng biết làm sao bây giờ?” Ishvar nói. “Chúng tôi chẳng có cái xô nào cả.”

“Không có xô hủ? Chuyện vật ấy mà.” Anh hàng xóm của họ biến vào lán, rồi quay ra với một cái xô mạ kền. “Dùng tạm cái này này.”

“Thế còn cậu?”

“Tôi còn một cái nữa – một xô nước là đủ cho tôi dùng rồi.” Anh ta túm tóc lại thành một cái đuôi gà và giật mạnh, rồi lại xõa tung ra. “Nào. Hai người còn cần gì nữa? Một cái lon nhỏ hay thứ gì đó, để đi vệ sinh nhá?”

“Chúng tôi có xô rồi,” Ishvar nói. “Nhưng phải đi ở đâu?”

“Đi theo tôi, cũng không xa lắm đâu.” Họ hứng nước, cất cái xô nặng trĩch vào lán của mình, rồi đi bộ về phía đường ray tàu hỏa bên ngoài khu nhà, tay bưng xô. Nước đựng trong xô bị sánh ra một ít khi họ leo qua những đồng bê tông vỡ cùng kính vụn. Một con lạch thối khắm màu nâu nâu vàng vàng chảy ngoằn ngoèo giữa những ụ gạch đất, mang theo đủ thứ chất thải nổi lềnh bềnh trên dòng chảy lơ đãng của nó.

“Sang bên phải,” anh ta nói. “Bên trái là cửa đàn bà.” Họ đi theo, trong bụng mừng rỡ vì có người dẫn đường; giá thử đi nhầm chỗ thì ngượng chết mất. Giọng phụ nữ léo nhéo, tiếng mẹ đỡ con rộn lên từ phía bên kia, bay qua cùng mùi hôi thối. Xa xa bên dưới, đám đàn ông đang ngồi xổm trên đường ray hoặc bên rãnh, gần đám cây bụi và tầm ma lởm chởm gai, lưng quay về phía đường tàu hỏa. Cái rãnh là phần nổi dài của đường cống thoát nước bên lề đường, là chỗ tích tụ đủ loại rác rưởi từ dân cư của khu lều lán.

Đi qua mấy người đàn ông đang ngồi chồm hổm, ba người tìm thấy một chỗ vừa vặn. “Cái đường ray thép này hữu dụng lắm đấy,” anh hàng xóm nói. “Y như một cái bệ xí. Ngồi lên đấy, người mình cao hơn hẳn mặt đất, dù cứt có vun đầy lên cũng chả sợ dính dất.”

“Mánh gì anh cũng thạo, chắc luôn,” Om nói, đoạn cả ba tụt quần và ngồi xuống chỗ của mình trên đường ray.

“Mất tí thời gian là thông hết ấy mà.” Anh ta chỉ mấy người ngồi trong bụi. “Tầm này mà ngồi kia cũng nguy hiểm phết đấy. Trong ấy hay có rết độc bò linh tinh. Tôi chả dại mà phơi mấy chỗ thịt mềm của mình trước mũi chúng. Vả lại, nếu đang ngồi giữa bụi mà chấp chới ngã bệt ra, thế nào móng cũng bị gai đâm chi chít.”

“Anh có kinh nghiệm về vụ đấy rồi à?” Om hỏi, thân hình cậu đang đậu trên đường ray rung rinh vì cười.

“Ừ, kinh nghiệm của người khác. Coi chừng cái xô đấy,” anh ta đe. “Khéo làm đổ hết nước, lúc ấy lại phải bê cái dĩa dấp dính về nhà.”

Ishvar chỉ ước sao anh chàng kia im cho một phút. Ông chẳng thấy mấy câu đùa của anh ta có ích lợi gì cho công việc này, nhất là khi hậu môn của ông đang phản ứng rất tiêu cực với cái toa lét công cộng. Cái hồi ông đi đồng ngoài trời, lúc còn bé tí, dễ phải cách đây mấy thập kỷ. Ông vẫn nhớ mình đi cùng bố, trong cảnh tranh tối tranh sáng của buổi tinh mơ. Khi ấy, tiếng chim rộn lên nháo nhác, còn ngôi làng chìm trong im lặng. Sau đó, hai bố con rửa ráy dưới sông. Nhưng những năm sống cùng Chú Ashraf đã dạy ông lối vệ sinh kiểu tỉnh thành, khiến ông quên hẳn cung cách ở quê.

“Ngồi trên đường ray thế này chỉ có một cái phiền,” anh hàng xóm tóc dài nói. “Lúc tàu đến là phải đứng dậy ngay, bất kể đã ỉa xong hay chưa. Nhà tàu chả nề nang gì sự nghiệp

phóng uế lộ thiên của bọn ta đâu.”

“Sao giờ cậu mới nói!” Ishvar nghển cổ lên nhìn sang cả hai phía, nhón nhác ngó nghiêng khắp dải đường ray.

“Bình tĩnh, bình tĩnh. Chỉ ít trong vòng mười phút nữa là chả có tàu tiếc gì đâu. Vả lại, nghe thấy tiếng xình xịch thì ta nhảy ra luôn là được.”

“Lời khuyên thật chí lý, có điều tai phải không bị điếc,”

Ishvar cúi kính nói. “Thế cậu tên gì?”

“Rajaram.”

“Bác cháu tôi thật tốt phúc vì có anh làm tổ sư,” Om nói.

“Phải, ta là Tổ sư Cút của các con đây,” anh ta cười sảng sặc.

Ishvar thấy chẳng có gì hay sất, nhưng Om thì cười như hóa rồ. “Xin người cho con hay, thừa Tổ sư Cút vĩ đại, nếu sáng nào ta cũng ngồi xồm trên đường ray thế này, thì người bảo có nên mua một tờ lịch tàu chạy để dặt lưng không?”

“Chả cần đâu, đồ đệ ngoan của ta. Chỉ mất vài ngày nữa là ruột con sẽ học được cách căn giờ tàu còn chuẩn hơn cả tay giám đốc nhà ga ấy chứ.”

Chuyến tàu tiếp theo không thấy mọc mũi sủi tăm cho đến tận khi họ đã đi xong, rửa ráy, và cài hết khuy quần. Ishvar quyết định sáng mai sẽ lên đi trước khi Rajaram tỉnh dậy. Ông không muốn phải ngồi đợi tiện cạnh vị triết gia môn ỉa đái này.

Suốt dọc dải đường tàu, đàn ông và đàn bà lũ lượt rời đường ray và đứng bên rãnh chờ cuộc gián đoạn do đầu máy xe lửa gây ra chấm dứt; chỉ những người ngồi trong bụi vẫn giữ nguyên vị trí. Rajaram chỉ vào một toa tàu đúng lúc nó chậm chạp trườn qua trước mặt ba người.

“Xem bọn thối thây kia kìa,” anh ta hét lên. “Ai lại nhìn người ta ỉa chòng chọc thế, cứ như chúng nó không có trôn không bằng. Cứ như cảnh cục cút đùn ra từ lỗ đít là một tiết mục xiếc ấy.” Đoạn, anh ta múa may đủ mọi cử chỉ tục tĩu về phía đám khách đi tàu, khiến vài người phải quay mặt đi. Duy có một người chọn cách khác: ông ta nhổ toẹt qua cửa sổ, nhưng một cơn gió xuôi chiều lại thổi ngược nó về phía tàu.

“Ước gì tôi có thể chống hông lên, ngẩng, và bắn cút như tên lửa vào giữa mặt chúng nó,” Rajaram nói. “Cho chúng nó ăn luôn, thích đến thế kia mà.” Anh ta lắc đầu, khi ba người cùng quay về lán. “Những cử chỉ vô liêm sỉ kiểu đó làm tôi bực ghê gớm.”

“Ông nội tôi có một ông bạn tên là Dayaram,” Om nói. “Có lần ông ấy bị bắt phải ăn cút của một lão địa chủ, vì tội đến muộn bữa cày cho thửa ruộng nhà lão.”

Rajaram dốc nốt những giọt nước cuối cùng trong ống bơ lên tay và vuốt ngược tóc ra sau gáy. “Về sau cái ông Dayaram đấy có sinh tí phép thuật nào không?”

“Không, tại sao thế?”

“Tôi nghe nói có một đẳng cấp thầy pháp. Chúng ăn cút người, nhờ thế mà có phép hô mưa gọi gió.”

“Thật hả?” Om nói. “Nếu có thể thật, ta có thể mở cuộc làm ăn lắm chứ – ta đi nhặt hết cút trên đường tàu, đóng gói lại rồi đem bán cho bọn người của đẳng cấp kia. Bữa trưa nấu sẵn, quà vật dùng lúc uống trà, nóng hổi, vừa thổi vừa xơi.” Cậu và Rajaram cười rú lên, nhưng Ishvar chỉ cảm đầu sải bước thật nhanh, cảm thấy hết sức ghê tởm, ông vờ như

mình không nghe thấy gì.

Om trở lại chỗ vòi nước để hứng thêm một xô đầy nữa. Dòng người xếp hàng đã dài ra đáng kể. Ở phía trước, cậu nhìn thấy một cô gái, tay giữ chiếc bình đồng thau bên sườn. Khi nàng giơ hai cánh tay để đặt cái bình lên đầu, đôi mắt cậu bị hút vào khoảng cong vòng trên áo nàng. Sức nặng của cái bình in hằn một vết khá sâu trên eo nàng khi nàng bước ngang qua. Nước trào ra khỏi miệng bình và rớt xuống, chảy dài trên trán nàng. Những giọt ngọc long lanh đọng trên tóc và mi nàng. Hệt như sương mai vậy, Om thầm nghĩ. Ôi, nàng đáng yêu làm sao. Suốt khoảng thời gian còn lại của ngày hôm ấy, cậu có cảm giác toàn thân mình cơ hồ muốn vỡ tung vì khao khát và hạnh phúc.

Đến khi vòi cạn nước, dân cư khu lều lán đã hoàn tất công cuộc tắm táp rửa ráy, để lại mặt đất bị cào xé ngang dọc bởi vô số con lạch nhỏ xíu của bọt và bong bóng xà phòng. Lần lần theo từng giờ trôi, mặt đất và mặt trời hăm hử nuốt trọn tất cả. Mùi của cái nhà xí kiêm đường tàu có phần lì lợm hơn. Cơn gió đồng bóng hộ tống những luồng hơi thối nồng nặc xuống từng mái lán suốt hàng giờ liền rồi mới chuyển hướng.

Tối muộn hôm ấy, khi hai người thợ may trở về sau chuyến thám hiểm các vùng lân cận quanh khu ổ chuột, Rajaram đang nấu ăn trên cái bếp Primus ngay ngoài cửa lán. Họ nghe thấy tiếng mỡ sôi xèo xèo trên chảo. “Hai người ăn chưa?” Anh ta hỏi.

“Ăn ở ga rồi.”

“Ăn thế đấy ư. Cố xoay lấy cái phiếu thực phẩm rồi tự nấu đi.”

“Bác cháu tôi còn chẳng có bếp.”

“Chuyện vặt ấy mà. Mượn của tôi đây này.” Anh ta mách họ, rằng trong xóm này có một bà chuyên bán rau quả ở các khu dân cư gần đây. “Nếu đến cuối ngày mà vẫn còn ít hàng ế – vài quả cà chua, đậu, cà tím – bà ta sẽ bán rẻ lắm. Các anh ra chỗ bà ta mà mua, như tôi đây này.” “Được đấy,” Ishvar nói.

“Duy có một món bà ta sẽ không bao giờ bán cho các anh – chuối.”

Om cười rình rích, chờ đón một câu tếu táo thú vị, nhưng hóa ra chẳng có gì sất. Người dạy khỉ ở trong xóm này đã giao kèo trước với bà bán rau. Những quả chuối bị đập và thâm của bà ta sẽ để phần cho hai diễn viên chính của anh ta. “Có điều, con chó khốn khổ phải tự kiếm lấy thức ăn,” Rajaram nói.

“Chó nào?”

“Chó của gã dạy khỉ chứ ai. Nó cũng có phần trong suất diễn – bọn khỉ cười nó. Nhưng lúc nào cũng thấy nó lang thang ngoài bãi rác, sục tìm thức ăn. Hẳn nghèo quá, chả bao được cả lũ.” Cái bếp Primus kêu xì xì hai lần, anh ta bèn vặn to lửa lên và luôn tay đảo thức ăn trong chảo. “Nhiều người bảo gã dạy khỉ còn làm những trò bắn thủ, trái lẽ tự nhiên với lũ khỉ. Tôi chả tin. Mà nếu hẳn có làm thế thật thì đã sao? Lũ chúng ta ai chả cần giải tỏa, không phải à? Khỉ, điếm, hoặc bàn tay của chính ta – có khác quái gì đâu? Đâu phải ai cũng cưới nổi vợ.”

Anh ta chọc chọc mấy miếng rau đang sôi xèo xèo để xem đã chín chưa, rồi tắt bếp và xúc một muôi vào chiếc đĩa nhựa mời hai người thợ may.

“Thôi, chúng tôi ăn ở ga rồi, thật đấy.”

“Tôi tự ái bây giờ – ít ra cũng phải làm một miếng chứ.”

Hai bác cháu đón lấy chiếc đĩa. Một anh chàng cổ đeo choàng chiếc khăn đập hơi đi

ngang qua, nghe lỏm được tiếng ba người nói chuyện với nhau. “Thơm thế,” anh ta nói. “Để dành cho tớ một miếng nhá.”

“Ờ, được chứ, ngồi xuống ăn đi.” Song anh kia chỉ bấm vài nốt nhạc, vẫy tay chào và đi tiếp.

“Hai người gặp anh ta chưa? Sống ở đây hai.” Rajaram đảo thức ăn rồi tự xúc cho mình một muôi. “Đến tối anh ta mới bắt đầu làm việc. Anh ta bảo khách khứa rộng tay hơn nếu anh ta hát đúng lúc họ đang ăn hoặc nghỉ ngơi. Thêm tí nữa nhé?”

Lần này hai bác cháu kiên quyết từ chối. Rajaram bèn xới nốt chỗ còn lại. “May cho tôi là hai bác cháu nhà anh thuê căn nhà này. Sát vách bên kia nhà tôi,” anh ta hạ giọng xuống chỉ còn như tiếng muỗi kêu, “là một thằng vô tích sự – say khướt cò bộ tối ngày. Toàn đánh bà vợ với năm, sáu đứa con lên bờ xuống ruộng nếu họ không ăn xin được đủ xu để nộp cho hắn.”

Họ đưa mắt nhìn sang cái lán nọ, lúc này đang lặng tờ. Chẳng thấy bóng dáng lũ trẻ đâu. “Đi ngủ rồi. Để mai lại đi ăn xin tiếp. Còn bà vợ chắc đang bồng bế mấy đứa út ít vật vờ ngoài đường.”

Hai người thợ may ngồi cùng anh hàng xóm đến hết buổi tối, kể về làng mình, về Hiệu may Muzaffar, và về công việc họ sẽ bắt đầu làm từ thứ hai tới với Dina Dalal. Nghe câu chuyện đồng điệu, Rajaram bèn gật gù cái đầu. “Ừ, cả nghìn nghìn người đổ về thành phố vì dưới quê đang độ khó khăn.

Tôi lên đây cũng vì thế.”

“Nhưng chúng tôi chẳng muốn ở đây lâu quá đâu.”

“Nào ai muốn,” Rajaram nói. “Có ai muốn sống thế này đâu?” Bàn tay anh ta uể oải khoát thành một vòng cung, bao quát hết những dãy lều lán bản thủ, khu đất nhếch nhác, cái ổ chuột khổng lồ nằm bên kia đường cái đang diện chiếc vương miện nặng mùi của khói bếp và khí thải công nghiệp. “Nhưng nhiều lúc, ta chẳng còn lựa chọn nào khác. Đôi khi thành phố tóm lấy anh, cắm ngập móng vuốt của nó lên da thịt anh, rồi không chịu buông ra nữa.”

“Bác cháu tôi thì không, chắc luôn. Chúng tôi lên đây kiếm tí tiền rồi sẽ sớm quay về,” Om nói.

Ishvar không muốn mang kế hoạch của hai bác cháu ra bàn thêm, sợ nó sẽ bị vắn đục vì những mối hoài nghi. “Thế cậu làm nghề gì?” Ông hỏi, lái sang chủ đề khác.

“Cắt tóc. Nhưng tôi bỏ được ít lâu rồi. Tôi phát chán vì khách khứa lằng nhằng quá. Ngắn quá, dài quá, tóc chưa được bồng, mai chưa đủ dày, thế này thế nọ. Toàn thằng xấu như cú mà cứ đòi mình trông phải y như diễn viên điện ảnh cơ. Thế là tôi bảo, thôi, dẹp. Từ hồi đó đến giờ tôi cũng kinh qua nhiều nghề rồi. Giờ tôi đang làm nghề thu mua tóc.”

“Hay đấy,” Ishvar ngập ngừng ướm lời. “Cậu phải làm gì, với cái nghề thu mua tóc này?”

“Thu mua tóc.”

“VẬY mà cũng ra tiền ư?”

“Ồ, làm ăn lớn lắm. Ở nước ngoài người ta cần mua nhiều tóc lắm.”

“Họ mua tóc làm gì?” Om hỏi, vẻ ngờ vực.

“Làm nhiều thứ lắm. Chủ yếu là để đội. Nhiều khi họ sơn tóc đủ màu – đỏ, vàng, nâu, xanh. Phụ nữ nước ngoài thích đội tóc người khác lắm. Cả đàn ông cũng vậy, nhất là mấy ông hói. Ở nước ngoài người ta sợ hói lắm. Dân nước ngoài giàu thật đấy, thừa hơi để lo sợ toàn chuyện vợ vẩn.”

“Anh lấy tóc ở đâu?” Om hỏi. “Giật trộm trên đầu người ta à?” Giọng cậu hơi pha chút châm chọc.

Rajaram cười thật thà. “Tôi tìm đến cánh thợ cạo vỉa hè. Họ cho tôi tóc để đổi lấy một hộp lưỡi dao cạo, có khi là bánh xà phòng, hoặc cây lược. Ở các tiệm cắt tóc, họ cho không luôn nếu tôi chịu quét sàn. Nào, vào trong này, tôi sẽ cho hai người xem kho tàng của tôi.”

Rajaram châm một cây đèn để xua tan bóng tối tối sớm bên trong ngôi lán. Đốm lửa lập lòe, rồi cháy đều dần, và bung nở thành một vầng màu cam, soi sáng những bị còi cùng túi ni lông xếp chồng chất sát tường.

“Mấy cái bị là lấy từ các thợ cạo vỉa hè,” anh ta nói, đoạn mở một cái ra dưới cặp mắt tò mò của hai bác cháu. “Thấy chưa, tóc ngắn đây.”

Họ hơi chùn lại trước món hàng nom chả ngon lành gì đựng trong bị, còn Rajaram xọc tay vào lấy ra một nắm bụi nhùi. “Toàn tóc dài chưa đến sáu, bảy phân. Tay làm ở đại lý xuất khẩu trả hai tư rupi một cân. Tóc loại này chỉ dùng để chế hóa chất với thuốc thôi, hẳn bảo tôi thế. Nhưng thử nhìn cái túi ni lông này mà xem.”

Anh ta cởi nút buộc và rút ra một nắm bím tóc dài thướt tha. “Lấy từ một hàng cắt tóc nữ đấy. Đẹp quá, không phải à? Hàng quý đấy. Hôm nào may mắn tôi mới kiếm được tóc loại này. Từ hai mươi đến ba mươi phân, giá hai trăm rupi một cân. Dài hơn ba mươi phân, sáu trăm rupi.” Anh ta mân mê tóc mình rồi kéo nó ra như kéo một cây đàn vi-ô-lông.

“Thảo nào anh nuôi tóc dài thế.”

“Lẽ dĩ nhiên. Cửa trời cho giúp tôi có cơm bỏ bụng mà lị.”

Om cầm lấy mấy cái bím tóc mà vuốt ve, chứ không né tránh như khi nhìn thấy bịch tóc vụn. “Sờ thích thật. Vừa mềm vừa mượt.”

“Cậu biết không,” Rajaram nói, “mỗi khi tìm thấy món tóc thế này, tôi luôn muốn gắp chủ của nó. Đêm đến, tôi nằm thao thức, băn khoăn về cô ta. Trông mặt mũi cô ta ra sao? Sao mái tóc lại bị cắt? Để chạy theo một? Hay do bị phạt? Hay chồng cô ta chết? Tóc đã bị cắt đi rồi, nhưng còn cả một đời người gắn liền với nó.”

“Chắc hẳn đây là tóc của một phụ nữ giàu có,” Om nói.

“Tại sao cậu lại nghĩ thế?” Rajaram hỏi, với giọng điệu của một ông thầy hỏi đứa học việc.

“Vì mùi thơm trên tóc. Xem ra đây là nước dưỡng tóc đắt tiền. Phụ nữ nghèo chỉ dùng dầu dừa thô thôi.”

“Hoàn toàn chính xác,” anh ta vỗ vai Om ra chiều khen ngợi. “Cứ xem tóc là biết người. Khỏe hay ốm, trẻ hay già, giàu hay nghèo – tất cả đều lộ ra mái tóc hết.” “Cả tín ngưỡng và đẳng cấp nữa,” Om nói.

“Chính xác. Cậu có tố chất của một thợ thu mua tóc đấy. Khi nào chán nghề may thì bảo tôi nhé.”

“Nhưng tôi có được vuốt tóc khi nó vẫn còn ở trên người các bà các cô không? Từ gốc đến ngọn? Từ đầu đến chân, và cả ở giữa háng nữa?”

“Thằng lỏi này khôn ghê nhỉ?” Rajaram quay sang bảo Ishvar, lúc ấy đang trộm trộm dọa đánh thằng cháu. “Nhưng tôi làm ăn chuyên nghiệp quy củ lắm đấy. Cũng phải thừa nhận là lắm lúc, nhìn thấy một cô gái có mái tóc dài, tôi chỉ muốn chạy ra mà lùa tay vào tóc cô ta, rồi quấn nó quanh cổ tay. Nhưng tôi phải tự kiềm chế. Thợ làm tóc mà chưa cắt xong, thì tôi chỉ dám mơ hão thôi.”

“Chắc anh phải ôm mộng về bà chủ mới của bọn tôi ghê lắm, nếu anh nhìn thấy cô ta,” Om nói. “Dina Dalal có mái tóc đẹp lắm. Chắc cả ngày cô ta chẳng có việc gì để làm, ngoài gội rồi vuốt dầu rồi chải rồi tỉa tốt sao cho nó trông thật hoàn hảo.” Cậu đặt mấy cái đuôi sam lên gáy mình, đoạn chun mũi nhíu mày. “Trông *iem* thế nào?”

“Bác đang định tìm cho mày một cô vợ,” bác cậu nói. “Nhưng nếu mày thích, chúng ta có thể tìm một ông chồng cũng được.” Vừa cười khùng khục, Rajaram vừa lấy lại mớ tóc và cẩn thận cắt nó trở vào túi ni lông.

“Tôi đang nghĩ,” Ishvar nói. “Dân thu mua tóc hẳn phải kiếm ăn khá hơn ở những vùng như Rishikesh chứ? Hoặc một khu thánh địa như Hardwar chẳng hạn? Ở những nơi đó, các tín đồ thường cạo đầu và dâng tóc lên các Thánh mà?”

“Chú nghĩ phải lắm,” Rajaram nói. “Nhưng có một trở ngại rất lớn. Một anh bạn của tôi, cũng làm nghề thu mua tóc, lặn lội xuống miền nam, tới Tirupati. Chỉ để xem sản lượng tóc ở các đền đài vùng đó thế nào thôi. Chú biết anh ta thấy gì không? Mỗi ngày có khoảng hai vạn người đến để hiến tóc. Sáu trăm thợ cạo, làm liên tục tám tiếng một ca.”

“Thế thì phải cắt ra cả một đống tóc ấy chứ.”

“Đôi á? Cả một dãy Himalaya tóc ấy chứ. Nhưng những tay trung gian như bọn tôi chả có cơ sở vào chỗ tóc ấy đâu. Sau khi tóc được dâng lên, bọn thầy tế Bà la môn vô cùng cao quý đem tóc cắt hết vào cái nhà kho cao quý vô cùng của chúng. Và cứ mỗi ba tháng, chúng lại mở một cuộc đấu giá, các công ty xuất khẩu sẽ đến mua trực tiếp luôn.”

“Cậu chả cần nói, chúng tôi cũng quá biết bọn Bà la môn với thầy tế rồi,” Ishvar nói. “Lòng tham của lũ người đẳng cấp trên thì cả làng tôi đều rõ.”

“Ở đâu cũng vậy,” Rajaram gật gù đồng tình. “Tôi vẫn mong gặp được một người đối xứng hàng với mình. Như một người đồng loại – tôi chỉ mong có thế, không hơn.”

“Từ nay trở đi, anh cứ việc lấy tóc của bác cháu tôi,” Om hào phóng nói.

“Cảm ơn cậu. Tôi có thể cắt tóc miễn phí cho cậu, nếu cậu thích, miễn là cậu không đòi kiểu cạo cầu kì quá.” Anh ta cắt gọn mấy bị tóc và lúi búi lược cùng kéo ra, đòi được trở tài ngay tức khắc.

“Hãy khoan,” Om nói. “Để tôi nuôi tóc cho dài bằng anh đã. Như thế anh bán mới được giá.”

“Không được,” Ishvar nói. “Không có tóc dài tóc diếc gì sất. Cô Dina Dalal sẽ không thích một gã thợ may để tóc dài đâu.”

“Có một điều chắc chắn,” Rajaram nói. “Cung và cầu tóc là vô tận, thời nào ngành này cũng làm ăn tốt.” Khi họ trở ra ngoài, đứng giữa bầu không khí buổi tối, anh ta để thêm:

“Cũng có lúc chỉ vì sợi tóc mà sinh ra lắm chuyện lôi thôi.”

“Sao lại lười thôi?”

“Tôi đang nghĩ đến sợi râu lấy từ bộ râu của Đấng tiên tri. Khi nó biến mất khỏi nhà thờ Hazrat-Bal ở Kashmir mấy năm về trước. Chú có nhớ không?”

“Nhớ chứ,” Ishvar nói. “Nhưng hồi đó Om vẫn còn bé lắm, nó chả biết đâu.”

“Bác kể đi, kể đi. Chuyện gì đã xảy ra thế ạ?”

“Thì đây,” Ishvar nói. “Một ngày nọ, sợi râu thiêng biến mất, thế là nổ ra bạo loạn to. Dân nhao nhao đòi chính phủ phải từ chức, kêu rằng chắc chắn bọn chính trị gia có dính dáng đến vụ này. Để gây rối thôi, cháu biết đấy, vì hồi đấy dân Kashmir đang đòi độc lập mà.”

“Chuyện là thế này,” Rajaram nói lời, “sau hai tuần bạo loạn và giới nghiêm, các thanh tra của chính phủ tuyên bố họ đã tìm thấy sợi râu thiêng. Nhưng dân chúng không chịu – nhờ chính phủ lừa chúng tôi thì sao? Họ hỏi. Nhờ họ lấy một sợi râu thường rồi bảo đấy là sợi râu thiêng thì sao? Thế là chính phủ bèn triệu tập một nhóm giáo sĩ Hồi giáo có tiếng là uyên bác và giao cho họ nhiệm vụ thẩm tra sợi râu. Chỉ đến khi nhóm giáo sĩ đó khẳng định sợi râu đúng là đồ thật, các đường phố Srinagar mới bình yên trở lại.”

Ngoài trời, khói từ các bếp nấu đã xâm lăng cả bầu không khí. Trong bóng tối có tiếng người gọi to: “Shanti! Mang củi ra đây mau!” và một cô gái đáp dạ. Om nhìn theo: chính là nàng, cô gái đội chiếc bình đồng lớn. Shanti, cậu thầm nhắc lại, bỏ rơi hứng thú trước câu chuyện của anh chàng thu mua tóc.

Rajaram bê một hòn đá chặn lên cửa lán để gió không thổi bung nó, rồi dẫn hai người thợ may đi một vòng các khu xung quanh. Anh ta chỉ cho họ đường tắt ra ga tàu qua một lỗ thủng trên hàng rào đường sắt. “Đi tiếp qua cái rãnh kia, đến khi nào nhìn thấy mấy tấm biển quảng cáo lớn hình *Bơ Amul* và *Bánh mì Phong cách mới* là tới. Như thế hai người sẽ tiết kiệm được ít nhất mười phút mỗi lần đi làm.”

Anh ta cũng dặn hai bác cháu phải coi chừng khu ổ chuột nằm ở rìa khu họ ở. “Đa số dân sống ở vùng giáp ranh đều là người tử tế, nhưng có vài con ngõ rất nguy hiểm. Chuyện giết chóc và cướp giật hoàn toàn có thể xảy ra nếu hai người lỡ đi qua đó.” Đi qua vùng an toàn của khu ổ chuột, anh ta giới thiệu họ với một quán nước quen, ở đấy họ có thể uống trà và ăn quả chuối, đến cuối tháng mới phải trả.

Đến tối muộn, khi đang ngồi ngoài cửa lán hút thuốc, họ nghe thấy tiếng anh chàng chơi đàn dạo. Anh ta đã kết thúc một ngày làm việc, và đang chơi vài bài để tiêu khiển. Những nốt nhạc chói tai tuôn ra từ cây đàn của anh ta, đặt giữa khung cảnh nghèo nàn xơ xác, bỗng chốc hóa thành du dương tựa tiếng sáo thần. “*Bạn tôi ấy đấy cũng là tình tôi,*” anh ta cất tiếng hát, và bài hát về tình bạn, tình yêu như hòa tan vị hăng cay của đám khói nồng bốc lên từ những ngọn lửa ngun ngùn.

Viên Trưởng ban Cấp phát Tem phiếu không có mặt tại bàn làm việc. Một nhân viên cần vụ báo lại, rằng sếp đang nghỉ thiến. “Thứ Hai các anh hãy quay lại.”

“Nhưng chúng tôi phải bắt đầu công việc mới vào thứ Hai rồi,” Ishvar nói. “Giờ nghỉ thiến kéo dài bao lâu?”

Gã cần vụ nhún vai. “Một, hai, hoặc ba tiếng – tùy thuộc gánh nặng đang đè lên tâm trí ông ấy lớn cỡ nào. Sếp bảo, nếu không có giờ nghỉ này, thì chỉ đến cuối tuần là ông ấy sẽ hóa điên.” Hai người thợ may quyết định xếp hàng đợi.

Có lẽ tuần vừa qua là một tuần tương đối dễ thở đối với viên Trưởng ban Cấp phát Tem

phiếu, bởi chỉ sau có nửa tiếng y đã trở lại, trông có vẻ tươi tỉnh thư thái, và đưa cho hai bác cháu một tờ đơn xin cấp phiếu thực phẩm. Y mách là ở vỉa hè bên ngoài sở có mấy chuyên gia có thể giúp họ điền đơn với giá rất rẻ.

“Không sao, chúng tôi biết viết mà.”

“Thật à?” Y nói, vẻ tên tò. Y vẫn tự phụ là chỉ bằng một cái liếc mắt, y có thể đọc vị tất cả những kẻ đến xin cấp tem đi qua bàn mình mỗi ngày – quê quán, tình trạng tài chính, trình độ giáo dục, đẳng cấp. Cơ mặt y giãn giãn, rồi khoằm lại, bất chấp khóa thiền định vừa kết thúc. Việc hai người thợ biết chữ quả là một sự nhục mạ đối với trí tuệ toàn hảo của y. “Điền vào rồi mang lại đây,” y xua hai bác cháu đi với một cái phẩy tay dần dỗi.

Họ cầm tờ khai ra ngoài hành lang để điền, đặt nó lên một cái bệ cửa sổ mà viết. Mặt tường khá xù xì, khiến đầu chiếc bút bi mấy lần xuyên thủng cả tờ giấy. Hai bác cháu cố phục hồi sức khỏe cho tờ khai lốm đốm nốt đậu mùa bằng cách lấy móng tay ấn phẳng những mụn u, rồi quay về hàng, chờ đến lúc được gặp lại đối tượng đàm thoại của mình.

Viên Trưởng ban Cấp phát Tem phiếu đọc lướt tờ khai một lượt rồi nở nụ cười. Đó là một nụ cười trịch thượng: ừ thì chúng bay biết viết, song chúng bay chả hiểu quái gì về cái gọi là rành mạch, sáng sủa hết. Y đọc phần trả lời của họ và đắc thắng dừng lại ở ô địa chỉ. “Cái của khỉ gì đây?” Y gõ gõ vào chỗ đó bằng ngón tay ám bản ni-cô-tin.

“Là nơi ở của chúng tôi,” Ishvar đáp. Ông đã ghi tên con đường dẫn đến dãy lán hai bác cháu trú ngụ bên mạn bắc. Ô trống dành cho tên tòa nhà, số nhà, và số phố bị bỏ không.

“Thế chính xác nhà của các anh ở đâu?”

Họ bèn tuôn ra hàng tràng thông tin bổ sung: điểm giao cắt gần đó nhất, hai con phố nằm ở phía đông và phía tây của khu ổ chuột, nhà ga, tên các rạp chiếu phim lân cận, cái bệnh viện to đùng, cửa hàng bánh kẹo lớn nhất vùng, một khu chợ cá.

“Thôi, đủ rồi,” tay Trưởng ban Cấp phát Tem phiếu kêu lên, đoạn bịt chặt hai tai lại. “Tôi không muốn nghe mấy thứ vớ vẩn đấy.” Y lôi ra một cuốn danh bạ thành phố, giở vài trang, rồi sẫm soi một tờ bản đồ. “Đúng như tôi nghĩ. Nhà các anh ở trong một dãy lán, đúng không?”

“Nó là một mái lán – chỗ ở tạm thôi.”

“Một dãy lán không phải là một địa chỉ. Luật quy định là phiếu thực phẩm chỉ có thể được cấp phát cho những người có địa chỉ thật.”

“Ngôi nhà của chúng tôi là thật mà,” Ishvar nài nỉ. “Anh có thể đến mà xem.”

“Tôi đến xem thì phỏng ích gì? Quan trọng là luật quy định thế. Và trong con mắt của pháp luật, cái lán của anh không được tính.” Y cầm một xấp tờ khai và xóc vổ cho ngay ngắn bốn cạnh. Bị xô về đúng góc cạnh, từng tờ giấy trước sau gieo mình xuống bàn, làm tung ra cả đám bụi. “Nhưng còn một cách khác để lấy phiếu thực phẩm đấy, nếu các anh muốn.”

“Vâng, anh nói đi – cách nào cũng được.”

“Nếu các anh chịu để tôi bố trí cho làm phẫu thuật cắt ống dẫn tinh, đơn của các anh sẽ được duyệt ngay tức khắc.”

“Phẫu thuật cắt ống dẫn tinh á?”

“Phải, để phục vụ công tác kế hoạch hóa gia đình ấy mà.

Thủ tục triệt sản.”

“À, nhưng tôi đã làm rồi,” Ishvar nói dối.

“Cho tôi xem F.P.C^[28] của anh nào.”

“F.P.C. á?”

“Chúng nhận kế hoạch hóa gia đình.”

“Ây dà, tôi lại làm lạc đầu mất rồi.” Nghĩ nhanh một giây, ông nói: “Hồi ở quê, nhà tôi bị cháy. Tất cả đồ đạc đều ra tro hết.”

“Chả sợ. Để tôi gửi anh đến chỗ một ông đốc tờ, ông ta sẽ ưu tiên làm lại cho anh và cấp cho anh một tờ đơn mới.”

“Một cái phẫu thuật mà phải làm những hai lần? Có cần phải thế không?”

“Khối người làm hai lần. Lợi gấp đôi. Hai cái đài bán dẫn liền cơ đấy.”

“Tôi cần hai cái đài làm gì?” Ishvar cười. “Chả lẽ mỗi tai nghe một kênh à?”

“Tôi bảo, nếu vụ tiểu phẫu vợ vẫn này làm anh sợ, cứ cho thằng cu kia đi thay. Chỉ cần một tờ chúng nhận triệt sản là xong hết.”

“Nhưng nó mới mười bảy tuổi! Nó còn phải lấy vợ, đẻ lấy vài đứa con, không thì nhà nó lại tiết nòi à?”

“Tùy anh thôi.”

Ishvar dừng dừng bỏ đi, Om tắt tả chạy theo sau để vỗ về bác khi thấy ông nổi giận bồng bồng trước lời đề nghị chối tai, nếu không muốn nói là báng bổ. Dầu vậy, chẳng ai thèm để ý đến họ, vì cả dọc hành lang chật cứng những người như Ishvar, hoang mang và lúng túng, cố tìm cách xin xỏ sao cho qua lọt cửa quan. Họ đứng chờ đợi trong đủ mọi cung bậc của nỗi đau khổ. Người sụt sịt giọt vắn giọt dài, kẻ cười sằng sặc như hóa dại trước những điều trái khoáy của bộ máy quan liêu, còn một số ít lại quay mặt vào tường, miệng lầm bầm nguyện rửa.

“Triệt sản, hần dám nói thế đấy!” Ishvar nghiêng răng ken két. “Thằng khốn mất dạy! Triệt sản, với một thằng bé mới tí tuổi đầu! Phải chi có người cắt cổ con quỷ xấu xa ấy đúng lúc nó đang ngồi thiền cho rảnh!” Ông chạy sòng sọc qua hành lang, xuống cầu thang, và lao ra khỏi cửa chính của tòa nhà.

Trên vỉa hè, một anh chàng nhỏ thó, dáng điệu nom như một thầy ký, nhận thấy vẻ mặt giận dữ của Ishvar, bèn đứng dậy khỏi chiếc ghế đẩu gỗ để chào hai bác cháu. Anh ta đeo kính, mặc áo sơ mi trắng, trước mặt là đủ loại giấy tờ bày la liệt trên chiếu. “Cậu và chú gặp vấn đề gì thì phải. Tôi có thể giúp được không?”

“Cậu thì giúp được gì?” Ishvar cộc cằn nạt.

Anh chàng bèn chạm lên khuỷu tay Ishvar để khiến ông dừng lại nghe mình nói. “Tôi là một Hỗ trợ viên. Nghề của tôi, chuyên ngành của tôi, là hỗ trợ mọi người trong các giao dịch với cơ quan công quyền.” Bệnh sổ mũi khiến anh ta khụt khịt tới mấy lần liền trong suốt màn giới thiệu.

“Cậu làm cho chính quyền à?” Ishvar hỏi, giọng ngờ vực, tay chỉ vào tòa nhà nơi hai bác cháu vừa đi ra.

“Không, không đời nào, tôi làm việc cho chú và cho chính tôi. Tôi có thể giúp chú kiểm

được những thứ mà bọn viên chức nhà nước nghĩ ra đủ tình đủ tội để ngáng trở. Thế nên tôi mới được gọi là hỗ trợ viên. Giấy khai sinh, giấy chứng tử, giấy đăng ký kết hôn, các loại giấy chứng nhận, giấy đăng ký – tôi lo được tuốt. Chú chỉ cần nói muốn có thông tin gì trên đó, là tôi sẽ kiếm ngay cho chú.” Anh ta gỡ cặp kính ra và nở một nụ cười dễ dãi nhất trần đời, rồi lập tức đánh mắt nó dưới sáu cái hắt xì hơi kinh hồn táng đờm. Hai người thợ may vội nhảy lùi lại để tránh cơn mưa nước mũi.

“Bác cháu tôi chỉ cần một cái phiếu thực phẩm thôi, thưa ngài Hỗ trợ viên. Thế mà gã kia đòi chúng tôi mang của quý ra đổi! Trần đời lại có thứ lựa chọn kiểu đấy ư, một bên là thức ăn, bên kia là của quý?”

“A, ông ta muốn F.P.C.”

“Phải, hẳn gọi cái của khỉ ấy như thế đấy.”

“Chú không biết đấy thôi, kể từ khi Tình trạng khẩn cấp được áp dụng, trong sở có một quy định mới – tất cả các viên chức phải khuyến khích dân đi triệt sản. Nếu không thuyết phục được đủ số người trên ộp xuống, ông ta cũng khỏi nghĩ đến thăng chức luôn. Biết làm sao đây, tay viên chức khốn khổ, ông ta cũng kẹt, không phải à?”

“Nhưng thế là không công bằng với chúng tôi!”

“Thì thế nên tôi mới ở đây, không phải à? Chỉ cần chọn cái tên chú và cậu muốn ghi trên tờ phiếu thực phẩm, tối đa sáu chữ cái, và bất cứ địa chỉ nào hai người muốn. Giá chỉ hai trăm rupi. Một trăm đặt cọc ngay, và một trăm nữa trả nốt sau khi lấy được phiếu.”

“Nhưng chúng tôi không có đến ngần ấy tiền.”

Anh chàng hỗ trợ viên nói họ có thể quay lại khi đã xoay đủ tiền, anh ta vẫn sẽ ngồi ở đây. “Chừng nào chính quyền còn tồn tại, chừng ấy tôi còn có việc để làm.” Anh ta xì mũi rồi quay lại chỗ ngồi của mình trên vỉa hè.

Men theo con đường tắt Rajaram chỉ, hai người thợ may hối hả chạy xuyên sân ga, hướng về phía bãi chứa đường ray hỏng và sắt phế thải, vừa chạy vừa ngắm đoàn tàu trườn khỏi ga và mất hút vào màn đêm. “Càng về gần chuồng, ngựa mỗi phóng càng nhanh,” Ishvar nói, và Om gật đầu.

Ngày làm việc đầu tiên với Dina Dalal đã kết thúc. Bị lôi kéo bởi cả đoàn quân người đang trên đường trở về nhà, kiệt sức sau mười tiếng đồng hồ may vá, hai bác cháu cùng chia sẻ cảm xúc thiêng liêng của giây phút này với đám đông, lần này là cuộc chuyển dịch từ nhọc mệt sang hi vọng. Chẳng bao lâu nữa đêm sẽ xuống; họ sẽ mượn cái bếp của Rajaram, nấu món gì đó, ăn. Họ sẽ dệt những kế hoạch và mơ về tương lai nhuộm trong những viễn cảnh xán lạn, cho đến lúc bắt chuyến tàu tiếp theo vào buổi sáng hôm sau.

Mé cuối của sân ga dốc dần xuống thành một bãi cát sỏi ôm lấy những song rào. Khoảnh đất này là nơi tọa lạc của lỗ chui vô cùng hữu dụng trên dải hàng rào gang dài vô tận, ở đây có vài chấn song hình mũi giáo đã mục nát do bàn tay của thiên nhiên, và bị bẻ gãy hẳn nhờ bàn tay con người giúp sức chút đỉnh.

Từng tốp đàn ông cùng phụ nữ luồn qua lỗ hổng, cách xa lối vào nơi người soát vé đứng. Những người khác, với sự nhanh nhẹn thôi thúc bởi tình trạng lậu vế của mình, chạy dọc theo đường ray, mặc kệ sỏi đá cùng mặt sắt đồ lên nhoi nhói dưới lòng những bàn chân hoặc đi đất, hoặc lổng trong mấy thứ giày dép tuềnh toàng. Họ chạy giữa hai dải ray, xoạc chân nhảy trên những thanh tà vẹt gỗ mòn mục, từ thanh nọ sang thanh kia, rồi phi thân qua lan can khi tàu đã cách ga một khoảng an toàn.

Dù đã có vé, song Om tha thiết muốn lao theo những con người kia trong cuộc xông pha anh dũng hòng mưu cầu tự do. Cậu cảm thấy nếu chỉ có một mình, cậu cũng thừa sức nhảy tàu như ai. Rồi cậu liếc sang bên cạnh, nhìn ông bác, người còn hơn-cả-bác, người cậu không bao giờ có thể bỏ mặc. Những mũi giáo của dải hàng rào nhô lên trong ánh chiều nhập nhoạng nom chẳng khác nào những món vũ khí han gỉ của một quân đoàn ma. Còn những người đi lậu vé tựa hồ người thời thượng cổ, đột nhập vào hàng ngũ địch, tung người bay vọt qua đầu chông mũi giáo như thể chân họ sẽ không bao giờ còn chạm đất nữa.

Đột nhiên, một toán cảnh sát mệt mỏi bất thần hiện ra từ trong bóng tối nhập nhoạng và bao vây đám người đang mò tìm lỗ hổng rào. Một vài nhân viên công lực uể oải đuổi theo những kẻ đang nhảy rào ở phía xa. Người duy nhất tỏ ra hăng hái trong nhóm này là một gã thanh tra, tay vung vẩy cây gậy ngắn, mồm không ngừng hò hét, hét ra lệnh lại ủy lạo binh sĩ.

“Bắt hết cả lũ! Mau, mau, mau! Không cho đứa nào thoát! Quay lại sân ga hết cho tao, lũ đầu trộm đuôi cướp kia! Thằng kia!” Lão vung gậy chỉ. “Nhanh nhanh cái chân lên! Bọn tao sẽ dạy cho chúng bay biết thế nào là đi lậu vé!”

Nỗ lực của hai người thợ may hòng báo với ai đó, bất kì ai, rằng thực ra họ có mua vé đã chìm ngấm trong tiếng la hét và cảnh hỗn loạn. “Xin ngài, ngài sĩ quan, chúng tôi chỉ đi đường tắt thôi,” họ kêu van với bộ sắc phục đứng gần mình nhất, song đã bị lừa vào một đàn với những người còn lại. Người soát vé lúc lắc một ngón tay ra chiều chê trách khi dòng người bị bắt rống rần đi qua trước mặt ông ta.

Ra đến bên ngoài, các tù nhân bị dồn lên một chiếc xe tải của cảnh sát. Vài người cuối cùng được đôn lên bằng cửa đuôi xe. “Bọn ta toi rồi,” một người nói. “Tôi nghe nói theo luật Tình trạng khẩn cấp, đi lậu vé đồng nghĩa với một tuần ngồi khám.”

Trong suốt một giờ đồng hồ họ bị giữ trong xe tải, mồ hôi mồ kê chảy đầm đìa, trong khi gã thanh tra còn bận lo việc gì đó trong phòng vé. Rồi xe tải lăn bánh dọc con đường trước nhà ga, chiếc xe jeep của gã thanh tra hộ tống sau đuôi. Xe đi chừng mười phút thì rẽ vào một bãi đất trống. Đến nơi, cửa đuôi xe tải được mở ra.

“Đi ra! Tất cả ra hết! Ra, ra, ra!” Gã thanh tra quát, có vẻ nghiền nhai lại một từ ba lần, tay lão gõ cây trượng liên hồi vào bánh xe tải. “Đàn ông đứng bên này, đàn bà đứng bên kia!” Lão dàn hai nhóm thành một đội hình với mỗi hàng sáu người.

“Tất cả chú ý! Tay giữ chặt tai! Mau lên, nắm lấy! Nắm, nắm, nắm! Chúng bay còn đợi gì nữa? Giờ mỗi đứa sẽ đứng lên ngồi xuống năm mươi lần! Chuẩn bị, bắt đầu! Một! Hai! Ba!” Lão đi quanh các hàng, giám sát việc thực hiện và đếm số, thỉnh thoảng lại đột ngột quay đầu lại để thò cổ những kẻ âm mưu giở trò. Nếu lão tóm được ai đang gian lận, hoặc không ngồi thụp hẳn xuống, hoặc buông tai ra, lão sẽ vụt cho một gậy để bắt họ làm cho tử tế.

“... bốn mươi tám, bốn mươi chín, năm mươi! Xong! Nếu tao còn bắt được chúng bay đi lậu vé lần nữa, tao sẽ cho chúng bay thấy ông bà ông vải luôn đấy! Giờ chúng bay có thể về nhà! Đi đi! Chúng bay còn chờ gì nữa? Đi, đi, đi!”

Trong chớp mắt, đám đông tản mát mỗi người một nơi, vừa đi vừa đùa bỡn về hình phạt và gã thanh tra. “Tay Rajaram ngu si,” Om nói. “Từ rày trở đi cháu sẽ không tin bất cứ thứ gì từ miệng hắn mà ra nữa. Xoay lấy cái phiếu thực phẩm đi, hắn bảo bác cháu ta, dễ lắm. Đi đường tắt này này, sẽ tiết kiệm được khối thời gian.”

“Ày dà, rồi cũng có sao đâu,” Ishvar hiền lành nói. Lúc còn ở nhà ga, ông đã bị một phen sợ mất mật. “Cháu xem, nhờ cảnh sát mà bác cháu ta đỡ phải cuốc bộ một đoạn, ta gần về tới nhà rồi đây này.”

Họ băng qua đường và đi về phía khu lều lán. Tấm pa-nô quen thuộc dần hiện lên trước tầm mắt, nhưng hình ảnh trên đó đã thay đổi. “Có chuyện gì thế nhỉ?” Om nói. “*Bánh mì Phong cách mới với Bơ Amul* biến đâu mất rồi?”

Các quảng cáo trên đã bị thay bằng hình thủ tướng đang hô hào: “Ý chí sắt đá! Làm việc chăm chỉ! Chúng ta sẽ đứng vững!” Đây là hình ảnh tinh túy nhất của khuôn mặt hiện đang sinh sôi nảy nở trên khắp thành phố qua những tấm áp phích. Đôi má bà được lột tả bằng màu hồng bột bột thường thấy trên các biển quảng cáo phim ảnh. Những phần khác của tấm chân dung còn phải gánh chịu lắm bất hạnh hơn nữa. Đôi mắt như gợi lên nỗi nhức nhối trước một cơn ngứa dữ dội đang hoành hành nơi bộ phận đầu não, quay quắt đòi được gãi cho thỏa. Tham vọng của họa sĩ muốn khắc họa một nụ cười nhân hậu cũng xôi hỏng bỏng không – sự giao thoa giữa một bên là nụ cười khinh miệt và bên kia là vẻ nghiêm nghị cay độc của một nữ sĩ quan huấn luyện đã lén vào giữa khuôn miệng. Và vạt tóc bạc trắng quen thuộc phía trên trán bà, khi đặt trên nền màu đen, lại rơi chụp xuống da đầu như vết phóng uế có tính toán của một loài chim cực lớn.

“Om, xem kìa. Trông mặt bà ta nhẵn như khi ăn ớt ấy, giống hệt cháu những lúc cáu kỉnh.”

Om góp vui bằng cách nhại lại biểu cảm nộ, và phá ra cười. Khuôn mặt ngự trên cao tít tiếp tục truyền đi lời răn đe lạnh căm tới những đoàn tàu đang gầm rú ở một bên, và các xe buýt cùng xe hơi đang trườn đi trong những đám mây khí thải ở bên kia, còn hai người thợ may lại lê bước về với khu lều lán.

Anh chàng thu mua tóc thò đầu ra đúng lúc họ đang mở khóa cửa. “Hai ‘con’ hư quá, sao đến giờ này mới về,” anh ta căn nhắc.

“Nhưng...”

“Không phải lo, chuyện vật ấy mà. Thức ăn sẽ được hâm lại ngay đây. Tôi phải tắt tạm bếp vì rau bị héo quắt hết cả.” Anh ta biến vào trong lán rồi quay trở lại với cái chảo cùng ba cái đĩa. “Rau hầm bột chiên và bánh chapatti. Và cả món masala wada chấm tương ớt xoài đặc sản của tôi, để mừng ngày làm việc đầu tiên của hai bác cháu.”

“Cậu vất vả vì hai bác cháu tôi quá,” Ishvar nói.

“Ồi, có gì đâu.”

Rajaram đun lại chỗ thức ăn trong khoảng một phút, rồi đưa cho mỗi người một chiếc đĩa với bốn món ăn sắp gọn ghẽ thành vòng tròn. Trong chảo vẫn còn lại khá nhiều. “Cậu nấu nhiều thế,” Ishvar nói.

“Hôm nay tôi kiếm cũng khá, thế nên tôi mua thêm ít rau. Cho bọn trẻ,” anh ta chìa khay tay về phía cái lán sát vách bên kia. “Lũ con lão nát rượu lúc nào cũng đói.”

Trong lúc họ ăn, hai người thợ may kể lại vụ cảnh sát vây bắt dân đi lậu vé. Món quà là bữa tối đã làm mềm hẳn giọng điệu trách cứ mà Om tính sẽ sử dụng; thay vào đó, cậu kể lại sự việc như thể đó là chuyến phiêu lưu của một nhà du hành.

Rajaram giơ tay vỗ lên trán nom rất kịch. “Sao tôi lại ngu thế chứ lị – tôi quên tiệt mất là phải dặn hai bác cháu. Căn bản, vụ bắt bớ gần nhất cũng bao nhiêu tháng rồi.” Anh ta lại đập trán cái nữa. “Có người đi lậu vé cả đời thì chả sao.”

Thế mà hai người lại bị tóm ngay ngày đầu tiên. Mà có mua vé hẳn hoi,” anh ta cười khùng khục.

Ngẫm ra sự trở trêu, Ishvar và Om cũng cười phá lên theo. “Tại số đen thôi. Chắc là lại chính sách mới do Tình trạng khẩn cấp.”

“Rất trò hề. Nếu trên muốn làm nghiêm thật, có sao gã thanh tra lại tha cho mọi người về?”

Rajaram vừa nhai vừa ngẫm nghĩ, rồi lấy cho mỗi người một cốc nước. “Có khi họ chẳng còn cách nào khác. Theo như tôi nghe được, thì nhà tù bây giờ chật cứng kẻ thù của thủ tướng – công nhân công đoàn, nhà báo, giáo viên, sinh viên. Chắc vì thế nên trong tù chả còn chỗ nào trống nữa.”

Giữa lúc ba người đang nghiền ngẫm về sự việc vừa qua, gần vòi nước bỗng rộ lên những tiếng thét sung sướng. Vòi đang bắt đầu kêu lộc xộc! Mà vào tận lúc khuya khoắt thế này! Ai nấy dán mắt vào miệng vòi, nín thở. Một vài giọt nhều ra. Rồi một sợi nước mảnh. Cả xóm hò reo cứ như vừa thắng cá ngựa khi thấy nước chảy mạnh dần, rồi tuôn ồ ạt xối xả. Kì tích! Dân cư khu lều lán đồng loạt vỗ tay và hú hét vang dội.

“Chuyện này đã từng xảy ra một lần,” Rajaram nói. “Tôi nghĩ ở nhà máy nước đã có người sơ ý mở nhầm van.” “Họ nên sơ ý thường xuyên một chút,” Ishvar nói.

Các bà các cô đổ xô ra chỗ vòi nước để tận dụng cho bằng hết dòng nước trời cho. Những đứa bé trên tay họ ê a mừng rỡ khi dòng nước mát rượi dội xuống làn da dấp dính của chúng. Bọn lớn hơn sung sướng nhảy nhô nhảy nhếch xung quanh, say sưa trong những điệu múa vô thức, háo hức chờ một cơn mưa hào phóng thay vì những ca nước ít ỏi vào mỗi buổi sớm.

“Có lẽ ta cũng nên ra hứng nước luôn,” Om nói. “Sáng mai đỡ phải xếp hàng.”

“Đừng,” Rajaram ngăn. “Cho bọn trẻ con được thả dàn một tí. Ai mà biết đến bao giờ chúng mới lại gặp một dịp như thế này.”

Cuộc hội hè kéo dài chưa tới một tiếng; vòi nước ngừng bật cũng đột ngột y như lúc mới chảy ra. Nhiều đứa đã xát xà phòng dội sẵn, giờ đành phải lau người và tiu nghỉu lên giường đi ngủ.

Chỉ trong nửa tháng sau đó, tên trùm khu ổ chuột đã cho dựng thêm năm mươi ngôi lán xiêu vẹo trong cùng khu vực này, số này được Navalkar cho thuê hết chỉ trong một ngày, nhân số dân lên gấp đôi. Nay mùi hôi thối bốc lên từ con rãnh lẩn quẩn tối ngày trên những mái lán, dày còn hơn khói mù. Chẳng còn gì để phân biệt giữa khu lều lán nhỏ bé và cái ổ chuột khổng lồ ở bên kia đường nữa. Dòng người xếp hàng trước vòi nước phải nhận thêm những thành phần bất hảo. Chẳng buổi sáng nào thiếu lời chì tiếng bấc do chen hàng nhảy lố, rồi người này xô, kẻ kia đẩy, ẩu đả nổ ra, bình chậu bị lật, các bà các mẹ kêu choe chóa, còn lũ trẻ con khóc như rì.

Mùa mưa kéo đến, và ngay đêm đầu tiên mưa rơi xuống, hai người thợ may bị đánh thức vì mái lán đột đứng vào chỗ ngủ. Hai bác cháu ngồi co quắp ở góc lán khô ráo duy nhất. Nước đều đặn trút xuống thành dòng ngay bên cạnh họ, dần dà ru họ vào giấc ngủ. Rồi mưa ngớt dần. Lũ đột biến thành những giọt tí tách trên người. Om bắt đầu nhắm đếm số giọt rơi. Cậu đếm đến một trăm, một nghìn, mười nghìn, đếm, lại đếm thêm, rồi cộng dồn, dường như hi vọng mình có thể khiến chúng khô cạn nếu đạt đến một con số đủ lớn.

Đêm hôm ấy, hai bác cháu chẳng chợp mắt được mấy tí. Sáng hôm sau, Rajaram trèo lên mái để xem xét chỗ tôn mục. Anh ta giúp họ trải tạm một miếng nhựa, dù không đủ rộng, trùm lên chỗ dột.

Cuối tuần đó, được khích lệ bởi món tiền công vừa nhận từ Dina Dalal, Ishvar bèn lên kế hoạch cho một chuyến mua sắm nho nhỏ để kiếm một tấm nhựa lớn và vài món lặt vặt khác. “Cháu thấy sao, Om? Giờ ta đã có thể sửa sang lại ngôi nhà cho thêm phần tiện nghi rồi, phải không?”

Đáp lại lời đề nghị của ông chỉ là một bầu không khí im lặng ủ rũ. Họ dừng lại trước một quán vỉa hè bán bát, hộp bằng nhựa pô-li-ten, cùng đủ loại thìa đĩa. “Xem nào, nên mua đĩa và cốc màu gì đây?”

“Gì cũng được.”

“Lấy một cái khăn nhé? Cái màu vàng in hoa được không?”

“Gì cũng được.”

“Cháu có muốn một đôi dép mới không?”

Một câu “gì cũng được” nữa lại vang lên. Đến lúc này, Ishvar đã hết chịu nổi. “Mấy hôm nay cháu bị làm sao thế? Lúc ở nhà cô Dina, cháu không mắc lỗi nọ kia thì lại cự cãi. Cháu chẳng đoái hoài gì đến việc may vá. Bác hỏi gì, cháu cũng đáp gì cũng được. Cố lên một tí, Om, cố lên một tí.” Ông kết thúc sớm hành trình mua sắm, và hai bác cháu quay về cùng hai cái xô nhựa đỏ, một cái bếp Primus, năm lít dầu hỏa, và một gói hương que mùi hoa nhài.

Phía trước mặt, họ nghe thấy tiếng bập bung, bập bung quen thuộc phát ra từ chiếc trống cầm tay nhỏ của người dạy khỉ. Chùm chuông buộc dây nảy tung tung trên da khi anh ta xoay xoay cổ tay. Lúc này anh ta không màng gọi khách đến xem nữa, mà chỉ lo dắt phái đoàn của mình về nhà. Một trong hai con khỉ nhỏ lông nâu cười vắt vẻo trên vai anh ta, con còn lại rảo bước theo, vẻ lơ đãng. Con chó gầy còm đi sau một quãng, hít hửi, rồi nhồm nhoàm nhai những tờ báo đã từng được dùng để gói thức ăn. Anh chàng dạy khỉ huýt sáo, và gọi “Tikka!”, con chó lai bèn co giò phóng lên.

Hai con khỉ bắt đầu nhảy vào trêu chọc Tikka, hết vò tai, lại xoắn đuôi, cấu dái. Con vật chịu nhịn hai kẻ hành hạ mình với một phong thái bình thản đứng đắn. Lệnh ân xá cho nó được ban xuống khi hai chiếc xô màu đỏ lủng lẳng trong tay Om hút hết sự chú ý của lũ khỉ. Chúng quyết định đi thám thính một phen, và nhảy tót vào xô.

“Laila! Majnoo! Thôi nào!” Chủ của chúng quát lên, đoạn giật mạnh sợi dây xích. Hai con vật bèn nhô đầu khỏi miệng xô.

“Không sao đâu,” Om nói, có vẻ khoái trò nghịch của chúng. “Cứ để chúng chơi một tí. Chắc chúng đã vất vả cả ngày rồi.”

Cả nhóm cùng đi bộ về khu lều lán, hai người thợ may, anh chàng dạy khỉ, và mấy con vật của anh ta, chân bước theo tiếng trống bập bung như thổi miên. Chả mấy chốc, Laila và Majnoo đã chán ngấy cái xô và chuyển sang leo trèo lên người Om, lúc ngồi ngật ngưỡng trên vai hoặc đầu cậu, lúc lại đu lên tay, hay ôm lấy chân. Cậu cười khanh khách trên suốt quãng đường về nhà, còn Ishvar mỉm cười hài lòng.

Vẻ tinh nghịch của Om lập tức biến mất ngay khi cậu chia tay với hai con khỉ. Một lần nữa, cậu lại chìm đắm trong nỗi u uất của bản thân, mắt lộ vẻ ghê tởm khi liếc về phía Rajaram, lúc này đang bận phân loại các túi tóc bên ngoài cửa lán. Các đồng màu đen nho

nhỏ nom hết như một bộ sưu tập những cái đầu người bồm xồm.

Thấy hai bác cháu xách lĩnh kính đủ món, Rajaram bèn khen. “Thấy hai bác cháu bắt đầu bước vào con đường dẫn đến giàu sang, tôi vui quá.”

“Nếu anh nghĩ đây là con đường dẫn đến giàu sang, anh nên sắm kính mà đeo là vừa,” Om đốp lại. Cậu bỏ vào trong lán và trải chăn chiếu ra nằm.

“Cậu ấy bị làm sao vậy?” Rajaram ngẩn ngơ hỏi.

“Tôi nghĩ nó bị mệt thôi. Nay, tôi bảo, hôm nay anh phải ăn với bác cháu tôi mới được. Để mừng cái bếp mới.”

“Làm sao tôi nỡ từ chối những người bạn tốt như thế?”

Hai người cùng nấu nướng, rồi gọi Om ra ăn khi cơm nước đã dọn ra đâu vào đấy. Ăn được nửa chừng, Rajaram bỗng hỏi vay mười rupi. Lời thỉnh cầu khiến Ishvar ngạc nhiên lắm. Ông cứ đinh ninh rằng anh chàng thu mua tóc đang làm ăn khá lắm, suy từ cung cách chuyện trò nhiệt tình của anh ta trong nửa tháng vừa qua thì thấy.

Nổi băn khoăn hiện cả lên mặt ông, vì Rajaram vội để thêm: “Tôi sẽ hoàn lại sau một tuần, đừng lo. Công việc làm ăn dạo này hơi chững. Nhưng hiện nay vừa mới rộ lên một mốt tóc nữ mới. Rồi mọi người sẽ đua nhau cắt hết đuôi sam cho mà xem. Những bím tóc dài thướt ấy kiểu gì cũng rơi thẳng vào tay tôi.”

“Đừng nhắc đến tóc nữa,” Om nói. “Nghe đến đấy là bụng tôi lại đau.” Ăn uống xong, thay vì ngồi ngoài ngõ chuyện gẫu và hút thuốc cùng bác và anh hàng xóm, cậu nói mình bị đau đầu và bỏ đi ngủ.

Một tiếng sau, bác cậu chui vào lán và đứng nhìn gáy Om suốt một phút. Thằng bé tội nghiệp, đầu nó bị đè nặng bởi biết bao ký ức khủng khiếp. Ông nhòm vào và thấy mắt cậu vẫn mở trừng trừng. “Om à? Hết đau đầu chưa cháu?” Cậu rên lên và đáp chưa.

“Phải kiên nhẫn, Om ạ, rồi sẽ hết đau thôi.” Để làm cháu vui lên, ông tiếp lời: “Chắc rất cuộc ngôi sao chiếu mệnh của bác cháu ta đã về đúng vị trí. Mọi việc đều đang xuôi chèo mát mái, phải không?”

“Sao bác có thể nhai đi nhai lại những thứ rác rưởi ấy? Chúng ta sống trong một túp lều rách nát, hôi thối. Công việc ta làm thật kinh khủng, mụ Dina ấy sẫm soi chúng ta như một con kền kền, bóc lột ta, bảo ta lúc nào mới được ăn, lúc nào mới được ợ.”

Ishvar thở dài; cháu ông lại đang sa lầy trong một khoảnh khắc u uất không gì cứu chữa nổi. Ông bèn châm lửa đốt hai que trong gói hương nhài. “Đốt cái này, nhà ta sẽ có mùi dễ chịu lắm. Cháu ngủ đi, sáng mai sẽ hết đau đầu thôi.”

Đến khuya, khi tiếng hát của anh chàng chơi đàn hơi dạo đã tắt và Tikka cũng thôi không sửa nữa, thì chính những tiếng động phát ra từ ngôi lán của người thu mua tóc lại tiếp tục khiến Om thao thức. Anh ta có khách. Một người phụ nữ khúc khích, rồi Rajaram phá lên cười hô hố. Chỉ ít phút sau, anh ta đã thổ hổn hển, và những âm thanh đậm xuyên tẩm vách gỗ dán giày vò tâm trí Om. Cậu tưởng tượng ra hai người bọn họ trần truồng giữa những bụi tóc ghê rợn, uốn éo theo những tư thế gợi dục trên mấy tấm áp phích phim ảnh. Cậu nghĩ đến Shanti bên vòi nước, mái tóc sáng lấp lánh yêu kiều của nàng, chiếc áo nàng mặc căng chặt khi nàng nâng chiếc bình đồng to nặng lên đầu, những việc cậu có thể làm với nàng trong những bờ bụi ven đường sắt. Cậu nhìn sang ông bác, lúc này đã ngủ say. Cậu trở dậy, lén ra bên vách lán, và thủ dâm. Vừa hay, người phụ nữ ở lán bên cũng lục tục ra về. Cậu núp trong bóng tối cho đến khi cô ta đi khuất hẳn.

Quá nửa đêm, cậu mới thiêu thiêu ngủ được một chút, thì lại bị đánh thức bởi những tiếng thét xé tai. Lần này Ishvar cũng vùng dậy. “*Hai Ram! Có chuyện gì thế?*”

Ra đến ngoài cửa, họ va phải Rajaram đang cười nhả nhả về thỏa mãn. Om quắc mắt nhìn anh ta, nửa đổ ky, nửa kinh tởm. Mọi người ở tất cả các lều lán dọc con ngõ đều rầm rộ chui ra. Rồi người nọ truyền tai người kia, rằng có một chị phụ nữ trở dạ, thế là ai nấy lại quay về ngủ. Một lát sau, tiếng thét ngưng hẳn.

Sáng ra, họ nghe nói một đứa bé gái đã ra đời lúc tờ mờ sáng. “Bác cháu ta đến chúc mừng họ đi,” Ishvar rủ.

“Bác thích thì đi một mình đi,” Om cau có nói.

“Ây dà, đừng quạu quọ thế,” ông giơ tay xoa đầu thẳng cháu. “Bác cháu ta sẽ tìm được một cô vợ cho cháu, bác hứa đấy.”

“Bác tự đi mà tìm cho mình, cháu không cần.” Cậu bèn né ra khỏi tầm với của bác và vớ lấy chiếc lược trên mặt thùng các tông để chải lại mái tóc.

“Hai phút nữa bác sẽ quay lại,” Ishvar nói. “Rồi ta sẽ cùng đi làm.”

Om ngồi trên bậu cửa, tay mân mê một mẩu vải voan cậu đã nhét vào túi hôm qua, nhặt từ chỗ vải vụn rơi vương vãi trên sàn nhà Dina Dalal. Cảm giác dễ chịu thật, như nước len lõi giữa những ngón tay cậu – tại sao đời lại không được như thế, mềm mại và mượt mà? Cậu cảm nó mơn man lên má, mắt nhìn mấy đứa con nhà lão nát rượu chạy loăng quăng, lẩn lờ bò toài trong đám bụi đất cho qua thì giờ, chờ đến lúc mẹ dẫn đi ăn xin tiếp. Bỗng một đứa nhặt được một viên đá hình thù kì quái, nó bèn đem khoe với lũ anh chị em. Rồi cả bọn hò nhau đuổi theo một con quạ đang mổ cục gì đó đã thiêu thối. Con vật gan lì không thêm bay đi, mà nhảy lách chách, rồi lượn vòng, tìm về với miếng mồi đã rửa nát và mang thêm niềm vui cho lũ trẻ. Sao chúng có thể vui sướng đến thế? Om tự hỏi – dơ dáy và trần truồng, đói ăn, lở loét đầy mặt, chốc ghẻ khắp thân. Ở cái chốn khốn cùng này đâu có thứ gì đáng để bất cứ ai vui cười?

Cậu nhét mẩu vải voan trở lại túi và cất bước về phía lán của anh chàng dạy khỉ. Laila đang chải lông cho Majnoo, cậu bèn ngồi xuống xem. Một phút sau, hai con vật đã trèo lên vai cậu, lùa những ngón tay mảnh khảnh bé xíu như tay trẻ sơ sinh vào tóc cậu.

Thấy Om không tỏ vẻ gì là khó chịu, anh chàng dạy khỉ mỉm cười và để mặc lũ khỉ nghịch ngợm. “Chúng cũng làm thế với tôi đấy,” anh ta nói. “Như thế tức là chúng thích cậu. Cách tốt nhất để giữ sạch tóc đấy.”

Laila tìm thấy thứ gì đó trong tóc Om và giơ nó lên để sẫm soi. Majnoo bèn giật phắt lấy từ tay bạn rồi nhét luôn vào mồm mình.

Om chọn một chiếc Hercules màu đen ở cửa hàng cho thuê nằm trên quảng đường đến căn hộ của Dina Dalal. Trên bánh sau của chiếc xe có lắp một cái gác-ba-ga đệm lò xo nom rất hoành tráng, còn nơi ghi đồng ngự một quả chuông to đùng sáng loáng.

“Nhưng cháu cần xe đạp làm gì?” Ishvar gặng hỏi. Cháu ông chỉ mỉm cười ranh mãnh trong khi ông chủ cửa hàng lúi húi chỉnh độ cao của chiếc yên bằng một cái cờ lê dẹt.

“Cũng đã được một tháng kể từ ngày bác cháu ta bắt đầu làm việc cho cô ta,” Om nói. “Thế là đủ rồi, cháu đã có kế hoạch.” Hai cái bánh xe mới bơm căng vẫn vững vàng trước những ngón tay nắn bóp thăm dò của Om. Cậu bèn dắt nó ra đường cái. “Hôm nay là ngày cô ta phải đến công ty xuất khẩu, đúng không? Cháu sẽ đạp xe bám theo xe tắc xi của cô ta.” Đoạn, nhẹ nhàng vòng một chân qua yên xe, cậu lái đi.

“Cẩn thận,” Ishvar gọi với theo. “Đường đông lắm đấy, không phải như ở làng ta đâu.” Ông rảo chân chạy bên lề đường, cố bắt kịp thằng cháu. “Kế hoạch hay đấy, Om ạ, nhưng cháu còn quên một điều – cánh cửa khóa. Cháu định ra khỏi nhà kiểu gì?”

“Bác cứ chờ khắc biết.”

Buông chân cho xe lướt đi cạnh bác, Om phấn khích lắm. Hai thanh chắn bùn rung lạch xạch, còn phanh xe khá rít, mặc dù quả chuông còn tốt nguyên. Tinh-tinh, tinh-tinh, ngón tay cái của cậu bấm dòn, tinh-tinh. Tự tin dâng lên bùng bùng, cậu lao vào dòng xe cộ trên chiếc xe đạp rộn rã tiếng chuông, trên những bánh xe sẽ giúp cải hóa tương lai.

Cậu đánh xe về khoảng không an toàn sát lề đường, lúc ấy Ishvar mới thở phào nhẹ nhõm. Âm mưu của nó thật ngớ ngẩn, song ông mừng khi thấy thằng cháu vui sướng đến thế. Ông nhìn nó lắc lư ghi đông xe, hết hướng sang trái lại quay qua phải, và đạp ngược lại, để xe không vọt lên. Om ngồi trên yên, phô diễn một điệu múa tinh vi, điệu múa giữ thăng-bằng-khi-đi-xe-đạp-chậm. Ishvar thầm mong thằng cháu sẽ sớm từ bỏ những ý tưởng điên rồ và biểu diễn điệu múa nhọc nhằn may-cho-bà-chủ với sự khéo léo y như thế.

Nghe Om giục, Ishvar bèn ngồi lên gác-ba-ga phía sau yên xe. Ông ngồi lệch một bên, chân buông thõng. Hai bàn chân ông chỉ còn cách mặt đất dăm phân, đôi xương đan thỉnh thoảng lại quét xuống mặt đường, hai bác cháu lướt đi. Niềm lạc quan của Om rung lên theo cơn mưa tinh-tinh tuôn trào từ quả chuông. Trong khoảnh khắc, thế giới thật hoàn hảo.

Chỉ lát sau, hai người thợ may đã đến gần góc phố có người ăn mỳ đang lăn chiếc bệ gỗ tới lui. Họ dừng lại để vứt cho ông ta một xu. Đồng xu gõ một tiếng keng trong chiếc ống bơ rỗng.

Họ giấu chiếc xe đạp cách xa cửa nhà Dina Dalal một khoảng an toàn, trong một gầm cầu thang chằng đầy mạng nhện, nồng nặc mùi nước đái và rượu quế. Xích xe vào một ống dẫn ga bỏ không xong xuôi, họ chui ra, luôn tay phủi những sợi tơ vô hình bám trên tay và mặt mình. Bóng ma của lũ mạng nhện vẫn tiếp tục quấy rối họ mất một lúc nữa. Những ngón tay của họ không ngừng quay lại trán và cổ, cố gạt đi những sợi tơ không hề có mặt ở đó.

Ngón tay Dina di động như những chú bướm yếu điệu, gấp gọn từng chiếc váy để chuẩn bị giao cho Công ty Xuất khẩu Au Revoir. Cô kiểm lại bộ mẫu may bằng giấy để đảm bảo không thiếu một tờ nào. Bà giám đốc lúc nào cũng day đi day lại về tầm quan trọng của chúng. “Phải bảo vệ các mẫu may giấy bằng chính mạng sống của cô,” bà Gupta luôn bảo. “Nếu chúng rơi vào tay kẻ xấu, cả công ty tôi sẽ đi đời nhà ma đấy.”

Dina thấy chuyện đó có phần phóng đại. Dầu vậy, khi xếp lại những mảnh giấy nâu vẽ hình thân áo, tay áo, cổ áo, cô không thể dứt nổi cảm giác chính thân, tay, cổ của mình đang bị đe dọa. Gần đây, cô nhận thấy có gì đó rất trịch thượng trong thái độ của bà Gupta, như thể bà ta đã phát hiện ra địa vị xã hội của đôi bên không cân xứng. Bà ta không còn rời khỏi bàn làm việc để chào cô hoặc tiễn cô về nữa, cũng không mời cô uống trà hay một chai Fanta.

Ngón tay cô bồn chồn quay về với chồng váy, nhặt ngẫu nhiên một chiếc lên, rồi sẫm soi đường may cùng đường viền của nó. Liệu lô váy này có vượt qua cuộc sát hạch của bà ta không? Bao nhiêu chiếc sẽ bị loại? Hai người thợ may thiên thần nay đã sa vào cảnh lầm đường lạc lối; sự chênh lệch đang tác oai tác quái trong những sản phẩm của họ.

Từ góc mình ngồi, Om nhìn Dina hoàn tất cuộc trình diễn hàng tuần của nỗi bức dọc.

Tâm trí của cậu riết róng thúc giục bản thân: thời cơ đã đến.

Là lúc này đây.

Cô đóng sập nắp túi xách lại.

Cậu bèn đưa mũi kéo chọc thẳng vào ngón tay trỏ của mình.

Cơn đau, buốt nhói hơn dự tính, khiến cậu giật nảy mình. Cậu cứ ngỡ một cơn đau được trù tính trước sẽ bớt trầm trọng hơn, cũng giống như một niềm vui được trù tính trước. Dòng máu phun ra thành những tia cầu vồng đỏ ối trên nền vải voan vàng.

“Ồi trời đất ơi!” Dina kêu lên. “Cậu vừa làm gì thế!” Cô nhặt vội một miếng vải vụn dưới đất và bịt vào vết thương. “Giơ tay lên, giơ cao vào, không máu sẽ chảy nữa đấy.”

“*Hai Ram!*” Ishvar kêu lên, đoạn gỡ cái váy váy máu khỏi chân vịt của chiếc máy Singer. Đúng lúc ông nghĩ thằng cháu đã khá lên, thì nó lại bị thế này. Nỗi ám ảnh muốn tìm ra công ty xuất khẩu bằng được của nó thật không tốt lành gì.

“Mau lên, nhúng cái váy đấy vào xô đi,” Dina nói. Cô lấy lọ cồn benzoïn trong hộp sơ cứu ra và bôi bừa lên vết thương. Chỗ đứt không trầm trọng như cô tưởng khi mới thấy máu phun ra. Cô bèn tự cho phép mình được giải khuây chút đỉnh với một câu quở mắng.

“Cái cậu này, sơ ý đến thế là cùng! Cậu tính làm gì thế hả? Đầu óc để đi đâu đấy? Người ngợm gầy gò thế, mất ngần ấy máu thì sao chịu nổi. Sao cậu làm gì cũng hấp tấp, nóng nảy làm vậy?”

Vẫn chưa hết bàng hoàng trước những gì chiếc kéo của mình vừa làm được, Om chỉ có thể đáp trả bằng một cái quắc mắt yếu ớt. Cậu thích mùi hương hăng hăng của thứ chất lỏng nâu sánh đang bao phủ ngón tay mình. Khi dòng máu đã cầm bết, chỉ còn nhỏ giọt, cô lấy một miếng bông quần chạt quanh vết thương.

“Ngón tay của cậu làm tôi muộn mất rồi. Bà giám đốc sẽ cáu lắm đây.” Cô không đả động gì đến giá tiền của chiếc váy dính máu. Tốt hơn hết là chờ xem miếng vải voan có gột sạch được không rồi hẵng bàn đến chuyện đền bù. Cô ôm lô váy ra cửa và nhắc chiếc khóa lên.

“Đau quá,” Om kêu. “Tôi muốn đi bác sĩ.”

Giờ thì Ishvar đã hiểu: cuộc va chạm giữa cây kéo và ngón tay là một phần trong kế hoạch ngu ngốc của cháu ông.

“Vết thương này mà phải đi bác sĩ? Đừng trẻ con thế,” cô nói. “Chỉ cần nghỉ ngơi một tí, để tay giờ lên, cậu sẽ thấy khỏe lại thôi.”

Om nhăn mày nhíu mặt lại thành những bức biếm họa về nỗi đau. “Cứ nghe lời cô mách, nhỡ ngón tay của tôi thối ra rồi rụng luôn thì sao? Tội nợ đầu đều tại cô hết, chắc luôn.”

Cô ngờ rằng vở diễn này được cậu bày ra hòng trốn phần việc buổi chiều, song nó vẫn gieo một cái hạt giống bất nhẫn trong đầu cô. “Tôi chỉ lo là... thôi, cậu muốn thì cứ đi đi,” cô nói cộc lốc.

Cô có cảm giác, áp lực từ việc phải đối phó với hai bác cháu nhà này, cùng cách làm việc luộm thuộm, đầu óc ngu độn của họ, đang giết dần giết mòn cô. Sớm muộn gì bà Gupta cũng sẽ chấm dứt giao kèo này. Vấn đề duy nhất còn lại là, cái gì sẽ biến đi trước, hai người thợ may hay sức khỏe của cô? Cô mừng tượng ra cảnh hai cái vòi nước rò; một vòi có chữ

Tiền, vòi kia, mang chữ Trí. Và cả hai vòi đang nhất loạt nhỏ nước tong tong.

Cảm ơn trời là Maneck Kohlah sẽ đến vào ngày mai. Chỉ ít khoản tiền trọ và tiền cơm của cậu cũng là món thu nhập được đảm bảo một trăm phần trăm.

Om đứng nhìn từ xa, giơ cao ngón tay dứt cho đến khi Dina đã yên vị bên trong chiếc tắc xi. Thế rồi, được khích lệ bởi mùi vị của thành công, cậu co cẳng chạy ra chỗ giấu xe.

Đến khi cậu mở khóa xe xong và dắt nó ra khỏi gầm cầu thang, chiếc tắc xi đã biến mất. Cậu phóng ra ngõ và – kia rồi, nó đang đứng chờ trước đèn đỏ.

Cậu bám theo, ghìem xe cách đó hai xe ô tô. Giữ cô trong tầm mắt cậu cũng quan trọng chẳng kém gì giữ cậu khỏi tầm mắt cô. Cậu tăng tốc, rồi giảm tốc, núp sau những chiếc xe buýt, nhảy từ làn nọ sang làn kia như một con quỷ. Các xe hơi rú còi phản đối inh ỏi. Người đi đường chửi bới cậu, mùa may đủ thứ cử chỉ bậy bạ. Cậu buộc phải lơ đãt, bởi chiếc tắc xi và chiếc xe đạp đòi hỏi cậu phải tập trung toàn bộ trí lực.

Tin chắc rằng mình sắp tìm ra điểm đến, toàn thân cậu run lên. Đó là một cảm giác hồi hộp kì quái, cơn kích động của kẻ săn đuổi hòa lẫn với nỗi hoảng hốt của kẻ bị săn đuổi.

Con phố hòa vào đường lớn, và xe cộ giờ đã đông hơn, vừa hỗn độn vừa hung hãn, kinh khủng hơn bất kì thứ gì cậu đã từng phải đối mặt. Chỉ sau vài phút cậu đã thở hồng hộc trong tuyệt vọng. Chiếc taxi biến mất rồi lại hiện ra đến gần chục lần, càng lúc càng bứt xa dần. Hàng chục con Fiat cũng sơn màu vàng và đen giống y sì đúc giấu từng đàn khắp phố phường, chiếc đồng hồ công tơ mét kênh càng nhô ra bên sườn trái mỗi chiếc, không làm cho nhiệm vụ của cậu dễ dàng hơn chút nào.

Trong lúc bối rối, Om bắt đầu mất bình tĩnh. Cuộc xe ngăn ngừa hồi sáng từ nhà ga về nhà không đủ chuẩn bị cho cậu đối mặt với cảnh cuồng loạn của giao thông buổi trưa. Nó cũng hết như nhìn thấy những loài động vật hoang dã lơ dờ trong các chuồng thú, rồi phải gặp chúng giữa nơi rừng hoang núi thẳm. Trong một nỗ lực tuyệt vọng cuối cùng, cậu lách vào giữa hai chiếc xe hơi và bị hất tung khỏi xe.

Những người đứng trên vỉa hè đều thét lên.

“Ồi làng nước ơi! Thằng bé khốn khổ toi đời rồi!”

“Bị cán chết rồi!”

“Cẩn thận, chắc xương cậu ta gãy rồi!”

“Bắt lấy thằng lái xe! Đừng để nó thoát! Tấn cho thằng khốn một trận!”

Ngại ngần vì đã lỡ khuấy động quá nhiều sự quan tâm không cần thiết, Om đứng dậy, kéo lê chiếc xe đạp theo sau. Khuỷu tay cậu bị xước, một bên đầu gối thâm tím, nhưng về cơ bản vẫn lành lặn.

Giờ đến phiên người tài xế. Ông ta hùng hổ chui ra khỏi xe, nơi mà vừa mới đây ông ta còn ngồi rúm ró. “Mắt mũi để đi đâu đấy?” Ông ta quát lên. “Mày không nhìn thấy đường à? Mày làm hư hại tài sản của người ta rồi, thấy chưa!”

Một tay cảnh sát chạy đến và hỏi han các hành khách ngồi trên xe bằng giọng ân cần nhất trần đời. “Mọi người có sao không, thưa ngài?” Om nhìn lảng đi, phần choáng váng, phần sợ hãi. Liệu những kẻ gây tai nạn có bị tống vào tù không? Ngón tay cậu lại bật máu, gỉn gặt như điên.

Một người đàn ông diện bộ âu phục kiểu đi săn màu đỏ son đang ngồi tịt ở ghế sau xe

bống xỉa ví ra. Ông ta giúi cho tay cảnh sát ít tiền, rồi ra hiệu cho gã tài xế tới gần cửa sổ. Gã tài xế bèn nhét thứ gì đó vào tay Om. “Thôi đi đi! Cẩn thận kẻo có ngày chú mày làm chết người đấy! Trời cho đôi mắt thì phải dùng chứ!”

Om nhìn xuống thứ đang nằm gọn trong lòng bàn tay run rẩy của mình: năm mươi rupi.

“Mau lên, thằng dở hơi kia!” Tay cảnh sát quát. “Dừng xe lên để lấy đường cho người ta đi nào!” Đoạn hắn vẫy cho chiếc ô tô đi qua với tư thế chào hỏi cung kính nhất dành cho VIP.

Om dắt chiếc xe đạp vào lề đường. Chiếc ghi đông bị nghiêng lệch hẳn đi, hai thanh chắn bùn còn rung lắc dữ dội hơn cả trước đó. Cậu phủ bụi bám trên quần, đoạn sẫm soi mấy vết dầu mỡ đen sì bám trên cổ tay áo.

“Lão cho cậu bao nhiêu?” Có người trên vỉa hè hỏi.

“Năm mươi rupi.”

“Cậu đứng dậy sớm quá,” ông ta nói, lắc lắc đầu ra chiều chê trách. “Đừng bao giờ đứng dậy vội thế. Cứ nằm im mà la hét rên rỉ ác vào. Gọi bác sĩ, gọi cứu thương, quát, thét, gì cũng được. Với một vụ như thế này, bét ra cậu có thể moi được hai trăm rupi ấy chứ.” Ông ta phát biểu như một chuyên gia; cái khuỷu tay trật khớp buông thõng ở một bên sườn chẳng khác nào một thứ giấy chứng nhận.

Om nhét tiền vào túi. Cậu kẹp chặt bánh trước giữa hai chân và xoay chiếc ghi đông thật lực cho đến khi nó thẳng thớm trở lại. Cậu dắt chiếc xe vào một con ngõ, bỏ mặc đám đông tiếp tục phân tích bình luận về tai nạn của cậu.

Trở lại nhà Dina cũng vô ích, chiếc khóa sẽ treo lủng lẳng trên cửa, đen sì và nặng nề, như cái bùi đã mất của một con bò thiến. Cậu cũng ngại không muốn trả xe sớm – hai bác cháu đã thanh toán trước tiền thuê một ngày. Cậu ước gì sáng nay mình đã nghe lời bác. Song kế hoạch dường như rất hoàn hảo khi cậu mừng tượng ra từng chuỗi sự kiện, chúng tỏa ngời thành công, như ánh nắng lung linh phản chiếu trên ghi đông chiếc xe. Tưởng tượng quả là thứ nguy hiểm.

Đến chỗ xe cộ đỡ đông hơn, cậu mới ngồi lên xe, và đạp theo con đường dẫn ra biển. Không phải sắm vai con mồi hay kẻ đi săn nữa, giờ cậu có thể thoải mái tận hưởng cuộc xe. Chợt cậu nghe thấy tiếng chuông leng keng của một người bán kẹo bông ngoài cổng trường. Cậu dừng lại và nheo mắt nhìn xuyên cái thùng kính treo trên cổ người đàn ông, và lơ mơ nhìn thấy những quả bóng bông màu hồng, vàng, xanh qua phần mặt kính sạch nhất.

“ Bao nhiêu?”

“Hai năm paisa^[29] một chiếc. Hoặc cậu có thể chơi xổ số với giá năm mươi paisa một lượt – giải thưởng là từ một tới mười chiếc.”

Om trả tiền và sục tay vào chiếc túi đựng thăm bằng giấy nâu. Mẫu giấy cậu bốc được có vẽ hai vạch xiêu vẹo.

“Màu gì?”

“Một hồng, một vàng.”

Người bán tháo cái nắp tròn ra và thò tay vào bên trong thùng. “Không phải cái đấy, cái bên cạnh cơ,” Om chỉ.

Mớ bông ngọt ngào tan chảy trong miệng cậu trong nháy mắt. Chắc hẳn ta đã lấy được cái kẹo hồng to hơn, cậu thầm nghĩ, lấy làm khoái chí lắm. Cậu lấy ra một tờ mười rupi trongớ năm tờ tiền khô giòn. Người bán bèn quệt ngón tay lên dải dây đeo ở cổ rồi mới nhận lấy tiền. Om nhét năm tiền thừa vào túi rồi tiếp tục đi ra biển.

Ra tới biển, cậu dừng lại để đọc cái tên khắc dưới một bức tượng tạc bằng đá đen cao lớn. Tấm bảng nói ông là Người bảo vệ Nền dân chủ. Om đã học về ông trong giờ lịch sử, bài về Cuộc đấu tranh giành độc lập. Tấm ảnh trong sách lịch sử trông đẹp hơn tượng, cậu kết luận. Dừng xe đạp bên bệ tượng, cậu ngồi nghỉ dưới bóng râm của bức tượng. Bốn phía bệ tượng dán đầy các áp phích ca tụng những điểm ưu việt của chính sách Tình trạng khẩn cấp. Khuôn mặt bắt buộc-phải-có của bà thủ tướng nổi lên đập vào mắt. Những dòng chữ nhỏ giải thích tại sao những quyền cơ bản lại bị đình chỉ tạm thời.

Cậu nhìn hai người đàn ông đang ép nước mía trong một quán dựng trên bờ cát. Một người đút mía vào giữa hai bánh ép, còn người kia xoay tay quay. Người thứ hai cúi đầu, cơ bắp nổi lên, làn da bóng mượt mồ hôi khi anh ta gắng sức vận hành chiếc máy. Phần việc của người này nặng hơn hẳn, Om nghĩ, và cậu hi vọng hai người thay phiên nhau làm, nếu không, đó không phải mối hợp tác công bằng.

Thứ nước vàng óng sủi bọt khiến miệng cậu tứa nước miếng. Tuy trong túi có tiền, song cậu lại do dự. Mới đây, cậu nghe ở chợ người ta kháo chuyện về một quán nước mía đã ép một con thần lẩn cùng mía. Chỉ là tai nạn thôi, họ bảo – có lẽ lúc ấy con vật đang lượn lách trong ruột máy, liếm láp những trục cùng bánh răng dính nước đường, song rất nhiều khách hàng đã bị ngộ độc.

Lũ thần lẩn bị ép thành nước không thôi ngụp lặn trong tâm trí Om, choán hết hình ảnh những cốc nước vàng sánh. Kết quả là bọn thần lẩn thắng cuộc, đè bẹp mọi nỗi thèm muốn đối với món giải khát nọ. Thay vào đó, cậu mua một đũa mía, nhờ người bán tước và chặt thành mười khẩu. Cậu nhai từng khẩu ngon lành, mút sạch nước ngọt của chúng. Cậu nhổ từng mồm bã thành một đồng gọn ghề dưới chân tượng. Chẳng mấy chốc hàm cậu đã mỏi nhừ, song cơn ê ẩm cũng khiến cậu thỏa mãn hết như vị ngọt.

Những mẩu xác mía khô kiệt thu hút sự chú ý của một con mòng biển hiếu kì. Lũ nhỏ bã tiếp theo, cậu nhắm về phía con chim. Nó nhảy nhót né tránh viên đạn, rồi mổ lấy mồi để chút bã còn ẩm ướt, xối tung tóe ngọn đồi bã mía nhỏ xinh mới hình thành trước khi quay đi với vẻ khinh bạc.

Om vút cho nó khẩu mía cuối cùng, vẫn còn nguyên vẹn. Niềm hứng thú của con chim lại được phục hồi. Nó lật đi lật lại khẩu mía, không dám tin mồi của mình đang được tung hứng một khúc mía thật.

Một đứa bé bụi đời đuổi con mòng biển đi và vô lấy cái phần thưởng. Nó đem khẩu mía ra quán nước và rửa sạch đất cát bám trên đó trong xô nước mà hai người đàn ông tráng cốc bắn. Om thần thờ nhìn con bé gặm khẩu mía. Cậu ước mình có thể cùng tới đây với cô gái đáng yêu tóc lấp lánh. Shanti. Cậu sẽ mua cơm cháy trộn và mía cho cả hai. Họ sẽ ngồi trên bờ cát và ngắm sóng. Rồi mặt trời lặn, gió nổi lên, hai người sẽ nép sát vào nhau. Họ sẽ ngồi bên nhau, vòng tay ôm nhau, và sau đó, chắc hẳn...

Mãi mơ mộng, cậu ngủ thiếp đi tự lúc nào. Khi cậu tỉnh dậy, mặt trời vẫn chiếu sáng gay gắt, và chói chang trong mắt cậu. Thời gian thuê xe vẫn còn một tiếng rưỡi nữa, nhưng cậu quyết định đem trả.

Ishvar đoán chắc thằng cháu đã đạt được mục đích, nếu cái điệu bộ vô lo toe toét mà nó đeo vào mặt khi ngồi xuống trước chiếc Singer được tính là tín hiệu.

Dina, đã về đến nhà từ trước đó mấy tiếng, bắt đầu rầy la cậu. “Thế đấy, chỉ giải phí thời giờ thôi. Cậu vừa đi tua vòng quanh thành phố đấy à? Bác sĩ của cậu ở đâu thế, ở cực nam Sri Lanka à?”

“Phải, thần Hanuman đã mang tôi bay qua bầu trời,” cậu đáp, tự hỏi không biết lúc này cô có nhìn thấy mình cười xe đạp không.

“Anh chàng này ăn nói càng lúc càng sắc sảo nhỉ.”

“Quá sắc ấy chứ,” Ishvar nói. “Nếu không cẩn thận, nó lại tự làm mình đứt tay thêm lần nữa cho mà xem.”

“Thế ngón tay sắp thối của cậu sao rồi?” Cô móc má.

“Nó đã rụng chưa?”

“Cũng đỡ. Bác sĩ đã xem rồi.”

“Tốt. Vậy thì làm việc đi. Chịu khó động chân một tí, có nhiều váy mới lắm.”

“Làm ngay đây, thưa cô.”

“Ồi trời. Không cầu nhàu gì ư? Chả biết ông bác sĩ kê cho cậu thuốc gì, nhưng tốt thật đấy. Sáng nào cậu cũng nên uống một liều.”

Thật không ngờ, giờ cuối cùng trong ngày, thường là giờ khó chịu nhất, lại trôi qua trong tiếng cười đùa. Tại sao không phải ngày nào cũng được như vậy, Dina thầm ước. Trước khi hai bác cháu ra về, cô bèn nhân lúc họ vui vẻ để nhờ chuyển một phần đồ đạc từ phòng ngủ của cô sang phòng may.

“Cô định bày biện lại cả căn hộ à?” Ishvar hỏi.

“Chỉ phòng này thôi. Tôi phải chuẩn bị cho khách trọ.”

“À, cậu sinh viên,” Om nhớ lại. Họ cuốn chiếc đệm trải giường lên, rồi khiêng khung cùng giát giường vào, sau đó thay đệm. Hai chiếc máy Singer, ghế đẩu, bàn làm việc được xếp san sát lại với nhau để lấy không gian. “Bao giờ cậu ấy tới?”

“Tối mai.”

Cô ngồi một mình trong phòng may sau khi hai bác cháu đã ra về, ngắm những nhúm tơ và sợi vải bay lơ lửng trong ánh sáng đèn điện. Những tấm vải hồ nặng bột lấy từ xưởng Au Revoir hòa lẫn vị ngọt vải vóc giả tạo của nó với mùi mồ hôi và thuốc lá của hai người thợ may. Những lúc sự hiện diện sôi nổi của họ choán ngập căn phòng, cô rất thích mùi này. Nhưng nó lại khiến cô trầm uất khi những buổi tối trống trải kéo về, khi có gì đó chua cay thở hắt ra từ từng súc vải, khiến bầu không khí như quánh lại, ngập ngụa trong những ý nghĩ tầm tối về những nhà máy nhếch nhác, những người công nhân lao phổi, những mảnh đời u ám. Cảm giác trống rỗng của chính cuộc đời cô trào lên quay quắt nhất trong những giờ phút ấy.

“Thế. Tên của công ty đó là gì?” Ishvar hỏi.

“Cháu không biết.”

“Địa chỉ?”

“Cháu không biết.”

“Vậy thì sao lại hơn hở thế? Kế hoạch ma mánh của cháu chả đem lại lợi ích gì sất.”

“Kiên nhẫn, phải kiên nhẫn,” cậu nhại giọng ông bác. “Nó có đem lại một thứ đấy.” Cậu xòe năm tiền ra và thuật lại cuộc phiêu lưu hồi chiều của mình.

Ishvar cười phá lên. “Những chuyện như thế chỉ có thể xảy ra với mình cháu.” Cả hai bác cháu đều không tỏ vẻ gì là thất vọng – có thể là do món tiền trời cho, hoặc cảm giác nhẹ nhõm mà thất bại này mang lại: biết đâu việc tìm ra công ty xuất khẩu lại dẫn đến nhiều lựa chọn khó khăn.

Khi họ về tới nhà, một Phòng khám Kế hoạch hóa Gia đình lưu động đang đỗ lại bên ngoài khu lều lán. Phần đông dân cư khu ổ chuột sinh con đẻ cái rất khỏe. Các nhân viên y tế đang phát bao cao su miễn phí cùng tờ rơi nói về các biện pháp kiểm soát sinh sản, giải thích những quyền lợi đi kèm dưới dạng tiền mặt hoặc ưu đãi.

“Có lẽ cháu nên làm phẫu thuật,” Om nói. “Kiếm cái đài Bush chơi. Mà sau đó xoay thêm cái phiếu thực phẩm cũng chẳng khó gì.”

Ishvar bèn bợp cho thằng cháu một cú ra trò. “Đừng có đem mấy chuyện đấy ra đùa!”

“Sao ạ? Cháu sẽ không bao giờ lấy vợ đâu. Như thế chẳng thà kiếm lấy cái đài.”

“Mày sẽ lấy khi nào bác bảo lấy. Không có tranh cãi gì sắt.

Mà một cái đài bé tí thì có gì hay ho chứ?”

“Thời nay ai chả có một cái.” Cậu đang tưởng tượng ra hình ảnh Shanti ngồi trước biển, ánh chiều nhạt dần, còn chiếc đài của cậu dạo những khúc nhạc ru tai họ.

“Thế nếu mọi người đua nhau lao đầu xuống giếng, mày cũng lao theo phòng? Học được lối ở thành phố rồi cơ đấy – quên tiết kiệm cách thị trấn khiêm tốn, đứng đắn của bọn ta rồi.”

“Nếu bác không muốn cháu làm phẫu thuật thì bác làm đi.”

“Thằng mất dạy. Muốn bác đem của quý ra đổi lấy một cái đài vớ vẩn hử?”

“Ồi dào, không phải đâu, họ không đòi cắt của quý của bác đâu. Bác sĩ chỉ cắt một cái ống bé tí ở bên trong thôi. Bác còn chả cảm thấy gì cơ.”

“Không ai được động dao động kéo với hai quả cà của bác hết. Mày thích đài chứ gì? Chịu khó mà làm việc cho cô Dina, kiếm lấy ít tiền.”

Rajaram từ đâu mò tới, chìa ra mấy cái bao cao su anh ta được cho ở chỗ phòng khám. Mỗi người được phát bốn cái, anh ta bèn hỏi hai bác cháu ra xin phần của mình rồi đem cho anh ta được không, nếu họ không dùng đến. “Ai biết khi nào xe mới lại qua đây nữa?” Anh ta nói.

“Anh chăm phịch đến thế kia à?” Om nói, miệng cười nhưng ghen tức đầy bụng. “Định làm bác cháu tôi mất ngủ cả đêm đấy phòng?”

“Thằng mất dạy,” Ishvar chửi và giơ tay đánh cháu, nhưng cậu đã kịp chạy tót đi chơi với lũ khỉ.

Dina đọc lại lá thư của bà Kohlah gửi cùng tờ séc tiền nhà được ghi lùi ngày đến đúng hôm Maneck dọn tới. Ba trang giấy ghi toàn những hướng dẫn liên quan đến cách thức chăm bẵm vớ về cậu quý tử của Aban Kohlah. Có cả các mẹo làm bữa sáng cho cậu: trứng phải được tráng ngập bơ vì cậu không thích ăn phần cháy cạnh bị dính vào đáy chảo; trứng bác phải mềm và xốp, sữa chỉ được đổ vào khi đến công đoạn cuối cùng. “Lớn lên trong bầu không khí miền núi trong lành của quê mình,” bức thư viết, “nên thằng bé ăn

khỏe lắm. Nhưng đừng cho nó ăn quá hai quả trứng, kể cả nó có đòi đi nữa. Nó phải học cách ăn uống điều độ.”

Về việc học hành, Aban Kohlah viết rằng “Maneck là một thằng bé chăm ngoan, học giỏi, nhưng đôi khi hơi mất tập trung, nhờ cậu nhắc nó làm bài mỗi ngày.” Thêm nữa, thằng bé rất kĩ tính về chuyện ăn mặc, quần áo phải được hồ bột và ủi phẳng; một chiếc dhobi sạch đẹp là thứ không thể thiếu để giúp thằng bé có cảm giác tự tin. Và Dina có thể gọi nó là Mac cho thân mật, vì đó là tên cả nhà thường hay dùng với nó.

Dina khịt mũi và cất lá thư đi. Trứng trắng ngập bờ, thế cơ! Và một chiếc dhobi sạch đẹp, lạy hồn! Rất những thứ ngớ ngẩn các bậc phụ huynh tự gán cho con mình. Khi chàng trai ghé qua hồi tháng trước, phong thái của cậu đầu có gì giống với kẻ được mô tả trong lá thư của bà mẹ. Nhưng đó là chuyện thường tình – các ông bố bà mẹ có mấy khi nhìn nhận con mình đúng như bản chất của chúng.

Để chuẩn bị căn phòng cho hôm cậu tới, Dina chuyển hết quần áo, giày dép cùng đủ thứ linh kiện của cô ra, dọn riêng một chỗ cho chúng giữa những “đồ tế nhuyễn, của riêng tây” của hai người thợ may. Chỗ vải vụn và băng vệ sinh nhà làm của cô đã kiếm được chốn cư ngụ trong chiếc rương đặt trên chân đỡ. Lố vải thừa kích cỡ lớn hơn, hiện đang được cô tận dụng để may một cái chăn ghép, được tống vào ngăn dưới cùng của tủ búp phê. Cái ô in hình ngôi chùa vẫn treo lủng lẳng trên nóc tủ búp phê dành cho khách trọ, nó sẽ chẳng làm phiền gì đến cậu.

Phòng ngủ cũ của cô đã sạch trơn, sẵn sàng đón Maneck Kohlah. Phòng ngủ mới của cô thì – khủng khiếp. Minh đến thức trắng đêm vì ngạt thở mất, cô thầm nghĩ, bị ngăn này súc vải quây kín thế cơ mà. Nhưng để khách trọ ở cùng với mấy chiếc máy may là chuyện không tưởng. Làm thế sẽ khiến cậu ta chuồn thẳng về kí túc xá ngay.

Cô lựa vài miếng từ bó vải cất dưới gầm giường và ngồi may thêm mấy mảnh ghép cho tấm chăn. Tập trung vào công việc giúp đẩy lùi nỗi lo lắng về ngày mai. Thật quá nực cười, cô tự nhủ, nếu ta đòi nghĩ đến chuyện so bì với Aban Kohlah và những tiện nghi xa xỉ trong ngôi nhà của cô ta ở miền bắc. Nhường phòng ngủ cho Maneck là sự nhượng bộ duy nhất cô chịu chấp nhận.

V

Những ngọn núi

KHI MANECK KOHLAH HOÀN TẤT công cuộc chuyển đồ đạc của mình từ kí túc xá sang căn hộ của Dina, toàn thân cậu đã đầm đìa mồ hôi. Tay khỏe thật, cô nghĩ, khi nhìn cậu vác những vali cùng hộp êm ru, rồi cẩn thận đặt từng món xuống đất.

“Ướt hết cả rồi,” cậu nói, đoạn giơ tay lên chùi trán. “Cô Dalal, cháu phải đi tắm cái đã.”

“Vào giờ này? Cháu đùa đấy à? Làm gì có nước, cháu phải chờ đến sáng mai cơ. Mà lại cô Dalal nữa là thế nào?”

“Cháu xin lỗi, dì Dina.”

Thằng bé đẹp trai quá, cô nghĩ, có cả lúm đồng tiền khi cười nữa. Nhưng cô cảm thấy cậu nên tiêu diệt ngay mấy sợi râu lơ thơ phía trên môi đang gồng mình đòi sắm vai một bộ ria đi. “Dì gọi cháu là Mac được không?”

“Cháu ghét cái tên đấy.”

Cậu dỡ đồ, thay áo sơ mi, và họ ăn tối. Cậu chỉ ngẩng mặt lên khỏi đĩa duy nhất một lần, gặp ánh mắt của cô và nở nụ cười buồn. Cậu ăn rất ít; cô bèn hỏi thức ăn có được không.

“Ồ, ngon, ngon lắm ạ, cảm ơn dì.”

“Nếu bác Nusswan, anh trai dì ấy mà, nhìn thấy đĩa cơm của cháu, thế nào bác ấy cũng bảo ăn thế thì đến con chim cảnh nhà bác ấy cũng bị đói đấy.”

“Trời nóng quá, cháu không thiết ăn,” cậu nói nhỏ, giọng phân bua.

“Ừ, dì nghĩ nếu so với không khí miền núi trong lành trên nhà cháu, dưới này chắc nóng như nung ấy nhỉ.” Cô cho rằng cậu cần được quan tâm an ủi. “Tình hình ở trường thế nào?”

“Tốt ạ, cảm ơn dì.”

“Nhưng cháu không thích kí túc xá à?”

“Không ạ, ở đấy ồn ào lắm. Cháu không học nổi.”

Lại một không khí im lặng kéo dài mấy nhúm cơm liền, nỗ lực gợi chuyện tiếp theo xuất phát từ cậu. “Hai người thợ may cháu gặp tháng trước, họ còn làm cho dì không?”

“Còn,” cô nói. “Họ đến vào sáng sớm.”

“Ồ, tuyệt, được gặp lại họ thì hay quá.”

“Thật à?”

Cậu không nghe ra giọng bực dọc trong đó, và cố gật đầu vui vẻ trong khi cô bắt tay vào dọn bàn. “Để cháu giúp dì,” cậu nói, đoạn đẩy ghế đứng lên.

“Không, cứ để mặc dì.”

Cô mang đĩa vào bếp ngâm để sáng mai rửa, và cậu nhìn quanh. Căn hộ khiến lòng cậu trĩu nặng, cảm giác không khác gì ngày đầu cậu tới để xem phòng ốc. Chỉ sau chưa đầy một năm nữa thôi, cậu sẽ rời đi, cậu thầm nghĩ, cảm ơn trời đất. Nhưng với dì Dina, đây là

nhà. Khắp nơi đều mang dấu vết cuộc vật lộn của cô hồng bút khỏi cảnh bần cùng, hồng mang sự ngăn nắp ra chữa chạy và gò sự nhếch nhác của nghèo đói vào khuôn khổ. Cậu nhìn thấy điều đó trong tấm lưới mắt cáo căng đề lên những ô kính của sổ đã vỡ, trong bức tường và trần bếp ám đen, trong lớp vữa lở lói, trong những mảnh vá vúi trên cổ và tay chiếc áo cô mặc.

“Nếu mệt, cháu cứ đi ngủ trước đi, đừng đợi dì,” cô nói.

Cho đó là một câu đùa khéo, cậu bèn lui về phòng mình – phòng của cô, cậu nghĩ với cảm giác có lỗi – và ngồi lắng nghe những tiếng động vắng ra từ phía trong nhà, cố đoán xem cô đang làm gì.

Trước khi lên giường đi ngủ, Dina mở vòi nước trong bếp để nhờ dòng nước đầu tiên chảy xuống đánh thức vào sáng mai. Cô nằm thao thức một lúc, nghĩ về người khách trọ của mình. Ấn tượng đầu tiên rất tốt. Cậu không hề có vẻ gì là đồng đánh khó chiều, nhã nhặn, lễ phép, và hơi ít nói. Song biết đâu hôm nay cậu đang hơi mệt, mai cậu sẽ hoạt ngôn hơn chẳng.

Maneck ngủ không yên. Một cánh cửa sổ bị gió đập liên hồi, nhưng cậu ngại không dám dậy xem, sợ mình sẽ vấp ngã trong bóng đêm, làm phiền bà dì. Cậu xoay phải lật trái, ám ảnh bởi cái kí túc xá. Cuối cùng cũng thoát, cậu nghĩ. Nhưng giá được về thẳng nhà có phải tốt hơn bao nhiêu không...

Cậu trở dậy từ sớm; cái vòi nước để mở hóa ra cũng biến thành chiếc đồng hồ báo thức cho cậu luôn. Đánh răng xong, cậu quay về phòng và tập chống đẩy, trên người chỉ mặc độc cái quần lót, không hề nhận ra là Dina, lúc ấy đã dọn dẹp xong trong bếp, đang nhìn mình qua cánh cửa mở hé.

Cô trầm trở đường móng ngựa đồ lên rồi lặn xuống trên hai khối cơ đầu vai theo từng chuyển động lên xuống của cậu. Đúng như mình nghĩ tối qua, cô tự nhủ, cánh tay khỏe đẹp thật. Và thân hình cũng nở nang ghê. Chợt má cô đỏ bừng bối rối – mẹ nó học cùng lớp với mình... thằng bé chỉ đáng tuổi con mình. Cô bèn quay đi, không dám nhìn qua cánh cửa nữa.

“Cháu chào dì.”

Cô e dè quay đầu lại, thở phào khi thấy cậu đã mặc quần áo chỉnh tề. “Chào cháu, Maneck. Cháu ngủ có ngon không?”

“Có ạ, cảm ơn dì.”

Cô dẫn cậu vào nhà tắm và chỉ cho cậu cách sử dụng dây may-so đun nước, rồi đi ra. Cậu đóng cửa lại để cởi quần áo, cẩn thận di chuyển trong không gian nhỏ hẹp, xa lạ. Nước nóng bốc hơi, rồi sôi lăn tăn trong xô. Cậu đưa đầu ngón tay vào để thử độ nóng, đoạn nhúng ngập đến cổ tay, khoan khoái tận hưởng làn nước ấm. Cậu nhận ra chính không khí ẩm ướt của một ngày mùa mưa đã làm hơi nước bốc lên và tụ lại dày đặc, song sức nóng của nó cũng không hơn gì làn mây mù mờ hồ đang ôm ấp những ngọn núi nơi quê nhà cậu.

Nếu nhắm mắt lại, cậu có thể tưởng tượng ra: vào tầm giờ này, làn mây đang vẫn vũ biến ảo, lượn quanh những đỉnh núi tuyết phủ. Ngay sau khi mặt trời lên là thời điểm thích hợp nhất để quan sát điệu múa khoan thai này, trước khi ánh nắng đủ mạnh để xé toang lớp màn mây. Khi ấy cậu thường đứng bên cửa sổ, ngắm ráng bình minh màu hồng và cam, tưởng tượng làn sương mù đang cù khẽ vào tai núi hay vẩn vút dưới cầm, hoặc dẹt thành một chiếc mũ đội lên đầu núi.

Rồi chỉ lát sau, cậu sẽ nghe thấy những thanh âm quen thuộc từ dưới nhà vọng lên, tiếng bố cậu mở cửa hàng và bước ra ngoài để quét thềm nhà. Trước tiên, bố sẽ chào bọn chó vừa nghỉ đêm trên thềm nhà. Họ chẳng bao giờ gặp phiền phức gì với lũ chó hoang; bố đã giao kèo trước với chúng: chúng có thể ngủ ở đây và ăn các loại xương xẩu thừa thệ; nhưng tới sáng phải rời đi. Và lũ chó luôn ngoan ngoãn bỏ đi khi tia sáng đầu tiên chiếu xuống, dù có phần miễn cưỡng, sau khi dụi dụi vào mắt cá chân ông. Ở trong bếp, mẹ sẽ nhóm lò bằng những cục than đen bóng, đặt một bình trà đầy, cắt bánh mì, và để mắt luôn luôn đến cái bếp.

Đến tầm giờ này, khi chảo sôi xèo xèo và phun phì phì, mùi trứng tráng thơm lừng bắt đầu chu du lên gác và tràn ra ngoài hiên. Vị đặc phái viên ngon lành ấy sẽ mang thông điệp không lời đến tận tai Maneck và bố. Sau đó, Maneck sẽ tạm biệt cảnh mây mù mùa lượn, nhanh chân chạy xuống ăn sáng, cậu ôm bố mẹ, thì thầm lời chào buổi sáng vào tai từng người trước khi ngồi vào ghế của mình. Bố cậu có riêng một cái tách đặc biệt rất to, ông hớp từng ngụm trà lớn từ đó trong khi vẫn đứng. Khi uống tách trà đầu tiên, ông luôn đứng, rồi đi vòng quanh bếp, phóng tầm mắt ra cửa sổ ngắm cảnh thung lũng buổi tinh mơ. Những bạn Maneck bị cảm lạnh hoặc đang vào đợt thi cử, cậu sẽ được phép uống bằng tách của bố, chiếc tách có lòng rộng đến độ Maneck nghĩ mình không bao giờ uống hết, không bao giờ húp cạn đến tận đáy tách, nhưng cậu vẫn cố uống, để xem liệu mình có thể chiến thắng và làm lộ ra hình ngôi sao vẽ dưới đáy cốc, khiến nó đổi màu dần dần qua những lớp chất lỏng cuối cùng, thoát ẩn thoát hiện khi cậu xoay nghiêng tách...

Vừa vẩy sạch nước trên cánh tay ướt đầm, Maneck vừa măm măm lợi khóa chiếc vòi nước đang nhỏ tong tong – gioăng kém quá – và ngẩn ngơ nhìn những xoáy hơi cuộn tròn trên xô nước nóng. Trí tưởng tượng ngập trong nỗi nhớ thương quê nhà như vẽ ra trước mắt cậu những ngọn đồi bông bênh trôi trong sương mù, đi qua vùng mưa giông sang tới nơi quang đãng. Cậu thở dài, đứng trên bậc gờ cao khuôn lấy khu tắm rửa, và treo quần áo lên đầu đỉnh còn trống bên cạnh chiếc khăn bông. Mũi đỉnh thứ ba bị chiếm cứ bởi một chiếc áo lót, với thứ gì đó bên dưới – được đan bằng loại sợi thô, chắc, giống như một cái bao tay không có ngón cái. Tò mò, cậu bèn kéo nó ra xem. Ra là một cái gang để kì cọ, cậu kết luận, và bước xuống khỏi bậc, đoạn cậu lấy chiếc ca múc nước trong xô dội lên người.

Rồi cậu nhìn thấy lũ giun. *Phylum Annelida*, cậu nhớ đã học về chúng trong giờ sinh vật. Từ ống cống, chúng bò ra, cả một đội quân hùng hậu, con nào con nấy loe ngoe, thân đỏ sậm, sáng óng ánh trên nền đá xám, lù lù lướt tới như thôi miên. Maneck chờ đợi trong một giây, rồi lập tức nhảy lùi lại lên chỗ an toàn trên gờ gạch.

Nhiều tuần trước, khi Dina hay tin người khách trọ Zenobia tìm thấy là con trai của một cô bạn học cùng trường, trí nhớ của cô không tài nào vượt qua ngần ấy năm rông để lôi ra khuôn mặt được nhắc đến.

“Cô ấy có một nốt ruồi dưới cằm ấy,” Zenobia nhắc, “còn mũi hơi khoằm một chút. Mặc dù tớ thấy nhờ thế mà nom cô ấy đậm dễ thương.”

Dina lắc đầu, vẫn không nhớ ra.

“Cậu có tấm ảnh chụp cả lớp vào... xem nào,” Zenobia bấm đốt ngón tay. “1946, ’47, ’48, ’49... đúng rồi, 1949.” “Nusswan có cho tớ tiền mua ảnh đâu. Cậu quên ông anh tớ cư xử thế nào sau khi bố mất rồi à?”

“Có, nhớ chứ. Tên khốn. Toàn bắt cậu mặc mấy bộ đồng phục dài lượt lượt đến lố bịch, rồi đi đôi giày vừa xấu vừa nặng nữa chứ. Khổ thân cậu. Bây giờ nghĩ lại tớ vẫn còn sôi tiết

đây.”

“Cũng tại anh ta mà tớ mất liên lạc với tất cả mọi người. Trừ cậu.”

“Ừ, tớ biết. Hẳn chẳng cho cậu tham gia dàn đồng ca, lớp kịch hay ba lê hay bất cứ hoạt động gì.”

Cả buổi tối hôm đó, họ chìm ngập trong niềm vui hồi tưởng, cười ngặt nghẽo trước đủ mọi hành động rồ dại và bi kịch của quá khứ. Trong tiếng cười của họ hiếm khi vương nỗi buồn, bởi đó là những ký ức tuổi thơ. Họ nhớ lại những thầy cô giáo mình yêu quý, và Cô Lamb, cô hiệu trưởng, người bị gọi là Lambretta vì lúc nào cô cũng phóng vèo vèo dọc khắp các hành lang. Họ nhẩm tính mình bao nhiêu tuổi khi học lớp sáu, lúc bắt đầu học tiếng Pháp, và cô giáo dạy tiếng Pháp, người được họ gán cho biệt hiệu Mademoiselle Bouledogue^[30], bắt đầu khủng bố cuộc sống của họ đều đặn ba lần một tuần. Ai cũng cho cái tên ấy là một minh chứng cho bản tính tai quái của bọn nữ sinh; kì thực, nó được tặng riêng cho cô giáo phần do khuôn xương hàm nặng nề, phần vì phương pháp tiếp cận hung hăng của cô đối với các động từ bất quy tắc và phép chia động từ.

Sau khi Zenobia ra về, Dina đóng nửa cốc gạo, nhặt sạch sạn, và đun nước. Những giọt ánh sáng ban ngày cuối cùng đã được tận dụng hết, đã đến lúc phải bật đèn trong bếp lên. Qua ô cửa sổ mở rộng, cô nghe thấy tiếng một bà mẹ gọi con đang chơi ngoài đường về nhà. Rồi mùi hành phi tràn vào. Khắp nơi nơi, giờ nấu nướng đã điểm.

Trong lúc cơm đang sôi, cô nghĩ, cảm giác nhớ lại những ngày đi học thật sung sướng biết bao – dễ chịu hơn nhiều so với điều cô thường làm gần đây: nghiền ngẫm và mơ màng về Nusswan và Ruby; về ngôi nhà của bố; về hai đứa cháu, Xerxes và Zarir, nay đã là những chàng trai trưởng thành, một hai mươi hai và một mười chín tuổi, mà cô hiếm khi gặp mặt quá một lần mỗi năm.

Ăn tối xong, cô ngồi bên cửa sổ, ngắm người bán bóng bên kia đường dụ lũ trẻ đi ngang qua. Ở đâu đó có tiếng đài oang oang phát nhạc hiệu của chương trình “Lựa chọn của mọi người.” Tám giờ rồi, Dina tự nhủ, khi nghe thấy giọng của Vijay Correa giới thiệu bài hát đầu tiên. Cô ngồi may mắn chắn ghép trong khoảng một tiếng. Trước khi đi ngủ, cô xát xà phòng vào quần áo và để trong xô chờ đến sáng mai giặt.

Tối hôm sau, trên đường từ Thăm mi viện Venus về nhà, Zenobia lại ghé qua và lấy từ trong túi ra một chiếc phong bì lớn. “Cậu mở ra đi,” cô nói.

“Ô, là ảnh chụp cả lớp,” Dina reo lên hoan hỉ.

“Xem bọn mình này,” Zenobia chắc chắn vẻ thêm tiếc. “Hồi ấy bọn mình chắc mới tầm mười lăm.” Cô chỉ một cô bé đứng ở hàng thứ hai.

“Ừ, giờ tớ nhớ ra rồi. Aban Sodawalla. Mặc dù xem tấm ảnh này thì không nhìn ra được nốt ruồi của cô ấy.”

“Hồi đấy bọn con gái trêu chọc cô ấy đến khổ. Có đứa còn đặt cả một bài thơ rõ nghịch, cậu nhớ không? ‘Aban Sodawalla trông chả xinh, rửa mặt bằng sô đa mới đỡ kinh’.”

“Dưới cằm có nốt ruồi to bự, lấy kim mà chọc cho đã nư!” Dina đọc nốt. “Hồi đó bọn mình ngạc nhiên, nghĩ ra mấy bài về dớ dẩn thế không biết.”

“Ừ. Rồi đến lúc mười sáu tuổi, cả lũ bù xù bọn mình đều cố làm sao cho có nốt ruồi giống cô ấy. Đứa nào cũng chấm lên mặt một cái, lỗ không chịu được!”

Dina lại ngắm bức ảnh một lúc. “Tớ nhớ cô ấy rõ nhất là vào hồi lớp bốn. Chừng tám,

chín tuổi gì đó. Hồi ấy ba đứa bọn mình đánh nhau như sam. Cô ấy là đứa nhảy dây rất giỏi, đúng không?”

“Đúng, chính xác.” Zenobia mừng rỡ vì rốt cuộc một mối liên hệ vững chắc đã được thiết lập. “Kinh khủng, mà chữ ‘kinh khủng’ viết hoa kia, các thầy cô toàn gọi bọn mình thế, nhớ không?”

Họ tiếp tục lần theo vết kí ức ở điểm cả hai vừa bỏ lại hôm qua: những trò chơi họ đã chơi trong những giờ nghỉ dài và nghỉ ngắn, và thú vui tết tóc cho nhau, so dây buộc tóc, trao đổi kẹp tóc. Và khi ngực bắt đầu nhú, cô nào cũng cố rùn vai để làm cái khối cong vòng đáng thẹn thùng ấy bớt nhô cao, hoặc mặc áo len để giấu biến chúng đi, thậm chí giữa những hôm nóng như đổ lửa, rồi thì thụt về kì kinh đầu tiên của mình, bẽn lèn bước đi trong những ngày đầu tập làm quen với băng vệ sinh. Và sau đó là trêu ghẹo nhau về những cậu bạn trai, những nụ hôn tưởng tượng, mơ mộng về những buổi dạo chơi giữa khu vườn lãng mạn.

Trên tất cả, Dina và Zenobia không khỏi kinh ngạc, bởi tại sao trong suốt những năm tháng ngây thơ khủng khiếp ấy, các cô bé có thể biết rõ từng chân tơ kẽ tóc trong cuộc đời nhau như thế. “Rồi bố cậu mất,” Zenobia nói. “Và lão anh trai không cho cậu đánh bạn với ai nữa. Nhưng cậu biết không, cậu cũng không bỏ lỡ nhiều chuyện lắm đâu – sau năm cuối cấp, hầu hết bọn mình đều mất liên lạc với các bạn.”

Học xong phổ thông, một số bạn bè của họ phải đi làm vì gia đình nghèo; số khác vào đại học, và có nhiều người không được phép học lên nữa, vì đại học có thể ảnh hưởng xấu đến cuộc đời của những cô gái sắp phải làm vợ, làm mẹ – họ bị giữ ở nhà để phụ việc bếp núc. Nếu trong nhà không có đứa em gái nào để thừa kế chỗ áo sơ mi và váy yếm đồng phục, chúng sẽ bị cắt thành giẻ lau bếp hoặc miếng lót tay để bắc xoong chảo nóng. Rồi những cô gái từng một thời là bạn học đâm trở nên nhạt nhẽo, thậm chí giữ kẽ với nhau, mỗi khi tình cờ chạm mặt. Đường như ai nấy đều hồ thẹn về những việc mình đang làm hàng ngày, như thể họ đã thông đồng nhau trong một cuộc phản bội tập thể với thời thơ ấu và tuổi trẻ của mình vậy.

“Cậu là đứa bạn duy nhất mình còn qua lại – cậu và Aban Sodawalla, dĩ nhiên,” Zenobia.

Đoạn cô kể nốt phần còn lại câu chuyện đời của cô bạn học: ít lâu sau kì thi đại học, Aban được các bạn bè của gia đình giới thiệu cho một anh Farokh Kohlah nào đấy nhân dịp anh ta xuống chơi thành phố, anh này có hẳn một sản nghiệp kinh doanh trên miền bắc, cách đây rất xa, ở một thị trấn miền núi. Gia đình Sodawalla ưng ý anh này ngay từ cái nhìn đầu tiên. Phong thái của chàng Parsi trẻ tuổi mới đúng đắn đĩnh đạc làm sao, ông Sodawalla nắc nỏm, vóc người thật rắn rỏi, hẳn là nhờ cuộc sống lành mạnh nơi miền núi. Bà Sodawalla lại bị ấn tượng nhất bởi làn da sáng của anh ta. Không trắng ớn như ma kiêu người Âu, bà bảo các bạn bè, mà vừa vạm và khỏe khoắn.

Cho đây là một mối tiềm năng, gia đình Sodawalla bèn khôn khéo tổ chức một kì nghỉ ở thị trấn nói trên ngay trong năm tiếp theo. Và, vừa hay, chiến lược đó đã mang lại kết quả mong muốn. Aban đem lòng yêu Farokh Kohlah và vẻ đẹp thiên nhiên của vùng đất. Rồi cô kết hôn và sống luôn ở đó.

“Cô ấy vẫn viết thư cho tớ mỗi năm một lần, không khi nào sai hẹn,” Zenobia nói. “Thế nên tớ mới biết cô ấy đang tìm phòng trọ cho con trai.”

“Thật may cho tớ quá,” Dina nói. “Cảm ơn cậu đã giúp tớ.”

“Có gì đâu. Nhưng có trời mới biết làm sao Aban sống nổi ngần ấy năm trời trên cái thị

trấn miền núi bé tí hìn ấy. Nhất là sau khi được sinh ra và lớn lên ở thành phố đáng yêu của chúng ta. Thành thực mà nói, phải tớ, chắc tớ phát điên mất.”

“Nếu có cả cửa hiệu riêng, thì chắc họ phải giàu lắm,” Dina nói.

Zenobia không tin lắm. “Giữa thời nay mà chỉ có một cửa hiệu bé tí giữa vùng đồi núi, phỏng giàu đến đâu?”

Ấy vậy mà gia đình Maneck quả đã có thời cực kì giàu có. Những cánh đồng lúa bạt ngàn, những khu vườn táo và đào, một hợp đồng cung ứng lương thực dự trữ béo bở cho các điểm đóng quân dọc đường biên giới – tất cả đều nằm trong số những món thừa kế Farokh Kohlah được hưởng, và anh săn sóc nó rất khéo, khiến nó sinh sôi nảy nở thêm nhiều lần, để chờ sẵn cô vợ sắp cưới và đứa con trai sẽ chào đời sau đó.

Nhưng từ rất lâu trước cái ngày lâm bồn được mong mỗi ấy, đã xảy ra một cuộc sinh nở khác, đẫm máu hơn nhiều, khi hai quốc gia thoát thai từ một đất nước duy nhất. Một người ngoại quốc đã vạch một đường ma thuật trên bản đồ và gọi nó là biên giới mới; nó lập tức biến thành một dòng sông máu trên mặt đất. Và những vườn quả, đồng ruộng, nhà máy, công việc kinh doanh, tất cả đều nằm ở phía bên kia đường kẻ, biến mất chỉ với một cái vẩy chổi của vị pháp sư có làn da nhợt nhạt.

Mười năm sau, khi Maneck ra đời, Farokh Kohlah, bị sập cái bẫy lịch sử, vẫn chăm chỉ lặn lội tìm đến các tòa án trên thủ đô, đau đầu rối mắt trước mớ bòng bong kế hoạch đền bù của chính phủ, trong khi giấy tờ liên tục được trao đi đổi lại và các nhà ngoại giao đi về như con thoi giữa hai quốc gia. Giữa những chuyến đi, anh vẫn giúp vợ trông nom cửa hàng bách hóa tổng hợp kiểu cũ trên thị trấn. Cửa hàng này là tất cả những gì còn lại từ sản nghiệp khổng lồ của anh, đã thoát khỏi những biến cố về bản đồ nhờ nằm lọt ở bên này đường kẻ ma thuật.

Trong suốt nhiều năm trời, cửa hàng chỉ hoạt động cầm chừng, nó được xem như một thú vui hoặc một loại câu lạc bộ xã hội hơn là một nơi buôn bán. Nguồn thu nhập thực tế đến từ những nguồn khác, những nguồn đã mất. Giờ nó cần được chăm chút tử tế, bởi tầm quan trọng của mình.

Hóa ra Aban Kohlah lại là một nhà quản lý trời sinh trong Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp họ. “Mấy việc này em xử dễ không ấy mà,” chị bảo chồng. “Anh còn nhiều việc quan trọng hơn phải lo.”

Một chiếc cũi được kê ngay sau quầy bán hàng để chị không phải rời con phút nào. Chị đặt hàng, làm sổ sách, bày hàng lên giá, phục vụ khách khứa, và, trong những lúc rảnh rỗi, chị ra sau cửa hàng, say sưa thưởng ngoạn khung cảnh hùng vĩ của thung lũng. Cuộc sống ở vùng đồi núi hoàn toàn phù hợp với chị.

Ban đầu Farokh Kohlah chỉ lo vợ sẽ nhớ thành phố và họ hàng thân thích. Anh sợ rằng một khi cảm giác háo hức trước một vùng đất mới lạ đã phai nhạt, những lời than thở sẽ nổi dậy. Hóa ra anh chỉ lo lắng vô ích; tình yêu của chị dành cho miền đất này chỉ càng lớn thêm mãi theo thời gian.

Cái cũi chẳng mấy đã bị thất sủng, còn Maneck bò lổm ngổm khắp mặt quầy, rồi đi chập chững giữa các giá bày hàng. Tinh thần cảnh giác của chị Kohlah nay được đẩy tới cùng cực. Chị chỉ sợ thằng bé sẽ làm các thứ hàng hóa rơi xuống đầu nó. Nhưng những lúc chị phải quay lưng lại với con, đã có khách mua hàng nhận phần trông nom, họ nghĩ ra mấy trò an toàn cho nó làm, chơi với nó, mua vui cho nó bằng những đồng tiền xu hoặc móc đeo chìa khóa, hay những mảnh màu sắc sỡ trên tấm khăn choàng và khăn quàng cổ đan

tay. “Ê ê, chó con! Tinh tinh! Chó con, gư gư!”

Đến lúc lên năm, Maneck đã hãnh diện được phụ việc cho bố mẹ trong cửa hàng. Cậu đứng sau quầy bán hàng, chỏm tóc đen mấp mé mặt quầy, chờ nghe yêu cầu của khách. “Con biết ở đâu rồi! Để con đi lấy cho!” Cậu hét tướng, và lật đật chạy đi lấy món hàng trong ánh mắt âu yếm của chị Kohlah và khách khứa.

Sau khi bắt đầu đi học vào năm tiếp đó, cậu vẫn tiếp tục giúp bố mẹ vào buổi tối. Cậu tự nghĩ ra chế độ đãi ngộ riêng cho các khách hàng quen, cậu lấy sẵn các thức mua hàng ngày của họ – ba quả trứng, một ổ bánh mì, một gói bơ nhỏ, bánh quy – đặt trước trên quầy, sẵn sàng đợi họ đến lấy vào giờ đã định.

“Ôi con trai tôi,” anh Kohlah thốt lên, giọng đầy tự hào. “Mới sáu tuổi đầu mà đã lắm sáng kiến, có óc tổ chức thế cơ.” Anh nhăm nháp niềm sung sướng được nhìn Maneck chào hỏi khách và chuyện trò với họ, kể về đàn khỉ hung hãn nó đã trông thấy khi ngồi trên xe buýt đến trường sáng hôm đó, hay tham gia vào cuộc bàn luận về một thác nước bị cạn. Được sinh ra và lớn lên ở đây, bản tính dễ gần của dân tỉnh lẻ hình thành một cách tự nhiên ở Maneck, và bố cậu lấy làm hoan hỉ lắm khi thấy con hòa đồng với mọi người dễ dàng đến thế.

Nhiều lúc, khi chiều buông, giữa cảnh ồn ã náo nhiệt của cửa hàng, được vây quanh bởi vợ con và khách hàng, những người cũng là bạn bè và hàng xóm của mình, anh Kohlah hầu như quên hết những mất mát mình đã phải chịu. Ừ, lúc ấy anh thầm nghĩ, phải, cuộc sống vẫn tốt kia mà.

Nhà Kohlah bán báo, mấy loại trà, đường, bánh mì và bơ; cả nến và rau củ muối, đèn pin và bóng đèn, bánh quy và chần mền, chổi và xô-cô-la, khăn quàng và ô; rồi lại có cả đồ chơi, gậy chống, xà phòng, dây, và nhiều thứ khác.

Chủng loại hàng hóa không thật phong phú – chỉ có những mặt hàng thực phẩm cơ bản, một số món nhu yếu phẩm gia đình, và một ít đồ xa xỉ phẩm.

Cách thức buôn bán gần gũi thoải mái của cửa hàng đã biến nó thành điểm đến ưa thích của cả dân cư trong thị trấn lẫn dân ở các khu vực lân cận. Giả thử có khách nào không đủ tiền mua cả một gói bánh quy chẳng hạn, chị Kohlah sẽ chẳng ngần ngại xé luôn vỏ mà bán cho khách nửa gói; chị tin rằng thế nào cũng có người đến mua nốt nửa còn lại. Nếu một món hàng nào đó đã hết; anh Kohlah sẽ vui vẻ đặt ngay, chỉ cần khách không quá quan trọng về ngày nhận hàng. Mà kể cả nếu yêu cầu về ngày giờ có gắt đi chăng nữa, thì cũng chả làm gì hơn được vì chuyện vận chuyển còn tùy thuộc vào đường sá, còn đường sá tùy thuộc vào thời tiết, mà ai chả biết thời tiết tùy thuộc vào ông Trời. Báo buổi sáng thường đến nơi vào đầu giờ tối, khi ấy các vị khách quen tụ họp trên thềm nhà để hút thuốc hoặc nhâm nhi tách trà và vừa xem vừa bàn bạc về các tin tức, rồi đọc to các tí tít báo cho anh Kohlah cùng được nghe nếu anh đang mải lúi húi làm gì đó bên trong cửa hàng.

Tuy bán lắm thứ hàng hóa là thế, nhưng kì thực, xương sống của cửa hàng là một công thức nước giải khát bí mật đã được lưu truyền trong gia đình Kohlah qua bốn thế hệ. Dưới tầng hầm có một gian xưởng nhỏ, tại đây, món nước giải khát nói trên được pha chế, sục ga, và đóng chai. Một người thợ phụ lo súc rửa và chuẩn bị chai không, rồi đóng chai vào các thùng để chuyển đi. Để giữ bí mật công thức, anh Kohlah đích thân đảm trách mọi công đoạn pha chế và gia công; miếng bọt mắt của anh có thể xác thực điều đó: nó giúp che kín vết thương sâu hoắm tạo thành do một cái chai lỗi phát nổ do áp lực khí các-bon-níc.

Khi ấy, anh áp một cái khăn mù soa che đám bầy nhầy trên mặt rồi chạy lên gác tìm vợ. Lúc ấy họ mới cưới nhau được chưa đầy một năm, và đây là sự cố đầu tiên của hai vợ

chồng. Chị sẽ khóc lóc vật vã, hay ngất xỉu, hay vẫn bình tĩnh? Anh lo cho con mắt của mình, nhưng cũng tò mò về phản ứng của vợ không kém.

Đang chữa đến tháng thứ bảy, Aban Kohlah tỏ ra khá gan dạ. “Farokh, anh có muốn làm một tí brandy trước không?” Anh đáp có. Chị cũng tợp một ngụm nhỏ, rồi lái xe đưa anh xuống bệnh viện dưới thung lũng. Các bác sĩ bảo anh may lắm mới giữ được mạng – cặp kính anh đeo đã triệt tiêu bớt sức mạnh của viên đạn thủy tinh, ngăn nó không găm sâu vào não anh. Nhưng con mắt của anh thì không cách gì cứu nổi nữa.

Anh Kohlah bảo thế cũng chẳng sao. “Một mắt là đủ để nhìn thứ tôi đang mong được thấy rồi,” anh mỉm cười, đoạn đặt tay lên cái bụng lùm lùm của vợ. Vả lại, anh tiếp lời, từ nay trở đi, những thứ xấu xí của thế giới cũng chỉ làm anh khó chịu bằng một nửa trước kia mà thôi.

Khi hốc mắt đã lành, anh không chịu lắp nhãn cầu thủy tinh. Miếng bít mắt trở thành một phần trong trang phục thường nhật của anh. Anh đeo nó khi làm việc trong cửa hàng, để đến các cuộc họp mặt, hội hè. Tuy nhiên, trong những cuộc bách bộ dài trong khu rừng bên sườn đồi buổi chiều tà, miếng bít mắt lại được yên vị trong túi, còn anh vừa trầm trồ không biết đến lần thứ bao nhiêu vẻ đẹp của thiên nhiên, vừa nhai rau rầu một củ cà rốt.

Biến cố mất một con mắt đã cho phép anh dung túng sở thích chén cà rốt của mình. Ý thích này vốn bị chị Kohlah kiểm chế tới nơi tới chốn, chị bảo cà rốt thì tốt thật, nhưng nghiện món gì quá cũng là không nên. Nhưng giờ chị đành phải để mặc tình yêu của anh được thể phát huy tới đa: nước ép cà rốt, xa lát cà rốt, cà rốt hầm thịt, cà rốt bỏ sẵn trong túi làm bạn đi đường với anh.

“Anh cần cà rốt,” anh Kohlah quả quyết. “Con mắt còn lại của anh phải thật khỏe mạnh, nó phải làm việc nặng gấp đôi kia mà.”

Thằng con trai của anh chị, mỗi lúc một lớn như thổi, sớm nhận ra niềm đam mê của bố. Mỗi khi bị mắng vì nghịch ngợm, nó lại lén xuống bếp lấy trộm một củ cà rốt và mang đến biểu bố làm quà dàn hòa, dù có thể sẽ phải nhận một trận quở quang thứ nhì từ mẹ nó.

Sau tai nạn kia, anh Kohlah càng cẩn trọng hơn khi làm việc dưới hầm. Anh cấm tiệt mọi người không được lai vãng gần khu vực này khi những cỗ máy cũ kĩ mệt mỏi kêu lạch xạch và phun phì phì, rót đầy chai tiếng xèo xèo của món Cola nhà Kohlah và lấp đầy ngăn kéo tiếng leng keng của những đồng tiền mà cả nhà rất cần.

Lo cho sự an nguy của anh, các bạn bè của anh tỏ niềm quan tâm bằng những câu đùa bỡn. “Cẩn thận nhé, Farokh, chui xuống lòng đất là nguy hiểm lắm đấy. Khai thác Cola cũng rủi ro chẳng kém gì khai thác than đâu.” Nhưng anh chỉ cười xòa và lờ tịt những lời bóng gió nọ.

Vút quách tế nhị, họ bèn gợi ý anh nên nghiêm túc xem xét việc thay thế các máy móc cổ lỗ đi, và tính chuyện hiện đại hóa và mở rộng quy mô sản xuất. “Này, Farokh, anh nên suy nghĩ tỉnh táo một tí,” họ hối thúc. “Chất lượng của Kohlah Cola thật miễn chê, lẽ ra nó phải được cả nước biết mặt, chứ không nên chỉ quanh quẩn ở cái xó nhỏ hẹp của bọn ta.”

Song hiện đại hóa và mở rộng sản xuất là những tư tưởng quá đổi xa lạ, khó hiểu đối với một người thậm chí còn từ chối cả việc quảng cáo. Kohlah Cola (hay còn được gọi là Kaycee) vốn nức tiếng trên khắp các làng bản thị trấn nằm rải rác trên sườn đồi trong bán kính mấy dặm. Tiếng tăm truyền miệng đã đủ dùng với cha ông của anh, anh bảo, thì cũng đủ với anh như thường.

Thỉnh thoảng cũng có những đối thủ trống giong cờ mở kéo đến, chào mời những loại

nước giải khát khác, nhưng chẳng bao lâu sau đã phải bán xới mà đi vì không cạnh tranh nổi với sản phẩm của gia đình Kohlah. Không gì có thể sánh được với Kaycee, các khách hàng trung thành khăng định – hương vị thơm ngon của nó cũng độc đáo hết như không khí vùng núi cao vậy. Món nước giải khát và cửa hàng bách hóa tổng hợp ngày một phồn thịnh hơn.

Và cứ như vậy, đến khi Maneck bắt đầu đi học, công việc kinh doanh đã đi vào ổn định. Anh Kohlah bảo vệ công thức giúp mang lại nguồn sống cho cả nhà hết sức cẩn thận, chờ đến ngày anh có thể đem truyền lại cho Maneck, như khi xưa bố anh đã truyền lại cho anh. Cảm giác viên mãn bao bọc cuộc đời anh, một niềm kiêu hãnh ngấm ngấm vì đã sống sót qua cuộc thử lửa. Nó chỉ phát lộ trong những cuộc tụ họp hàng xóm láng giềng tối tối, khi cuộc chuyện trò từ từ chuyển về những ngày đã xa, về chuyện đời mỗi người; và khi đến lượt mình, anh Kohlah lại kể về những ngày vinh hiển của gia đình, không phải do thương thân hay ra vẻ, cũng chẳng phải để ca tụng những thành tựu của riêng mình trong hiện tại, chỉ là một bài học về đời người sống nơi biên ải – những tấm bản đồ hiện đại có thể tàn hại bản thân anh, nhưng chúng không thể phá vỡ giấc mơ anh dành cho gia đình mình.

Dĩ nhiên, ai cũng đã nghe những câu chuyện đó, nhiều lần là đằng khác; dẫu vậy, vẫn luôn có dịp để kể thêm lần nữa. Và anh Kohlah cũng không phải người duy nhất mắc tội “nhai lại”.

Đa phần bạn bè của hai vợ chồng Kohlah là quân nhân và vợ của họ, những con người vốn đã quen với cả một đời sống theo nếp nhà binh kiểu Anh, đã chọn cách dưỡng già nơi đồi núi, vì không tài nào ứng nổi một cuộc quy hương hồi cố về nơi đồng bằng bụi bặm và chốn thành thị hơi hám. Họ cũng có những câu chuyện hằng kể để nói, về những ngày xa xưa, khi kỉ cương là kỉ cương, chứ không phải một thứ phiên bản pha loãng không xứng với danh xưng ấy. Khi các nhà lãnh đạo có thể lãnh đạo, khi tất cả mọi người đều biết rõ vị trí của mình trong trật tự tạo vật, và cuộc sống diễn ra một cách quy củ nề nếp, chứ đâu có bị đe dọa từng ngày từng giờ bởi cảnh loạn li.

Khi đến dùng trà ở nhà Kohlah, các vị thiếu tướng, thiếu tá, và đại tá về hưu đều đóng bộ quân phục cùng giày boots, như cách gọi của họ, với đồng hồ quả quýt bỏ túi và cà vạt trên cổ. Những món y phục lằng nhằng rắc rối này có vẻ lỗi bịch trước con mắt thiên về khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa, nhưng nó lại mang giá trị như một món bùa phép đối với người mặc. Đó là tất cả những gì còn chần giữa họ và sự vô tổ chức đang gõ thành thạch lặc cửa. Chính anh Kohlah cũng rất mê mơn bướm. Chị Kohlah mời trà trong tách sứ xương hiệu Aynsley; còn thìa nĩa là của Sheffield. Nếu là bữa tối đặc biệt nhân dịp lễ Navroze hoặc Khordad Sal, chị sẽ dùng bộ bát đĩa Wedgwood.

“Họa tiết thật đáng yêu,” bà Grewal xuýt xoa. “Bao giờ dân nước này mới học được cách làm những món đồ đẹp như thế?”

Ngài thiếu tướng và bà Grewal là những người hàng xóm thân thiết nhất của vợ chồng Kohlah, và thường ghé chơi nhà họ khá thường xuyên. Bà Grewal cũng là vị thủ lĩnh không đối thủ trong đám vợ tướng tá. Nghe ám lệnh bà phát ra, một người gõ nhẹ chiếc ly thủy tinh để thử độ tinh khiết của nốt nhạc mà nó tạo ra; một người khác lại lật ngược chiếc đĩa để âu yếm ngắm nhìn mấy chữ lồng tên nhà sản xuất. Những lời ca tụng được rót xuống với phân lượng ngang nhau, phần dành cho các loại đồ ăn thức uống, phần dành cho những bát cùng đĩa chứa chúng. Trật tự hỗn loạn lại bị chặn đứng thành công thêm một ngày nữa.

Sau đó, cuộc trò chuyện chuyển hướng sang, như vô số lần trước đó, cơn ác mộng sẽ còn

ám ảnh họ đến những ngày cuối đời – họ mổ xẻ Chiến dịch li khai, dẫn lại niên đại của từng sự kiện, và xót xa trước cuộc chém giết vô nghĩa lý. Thiếu tướng Grewal tự hỏi không hiểu các miền phân ly còn mong ngày hợp lại làm một chẳng. Anh Kohlah mân mê miếng bít tết và nói mọi sự đều có thể xảy ra. Niềm an ủi, như mọi khi, được tìm thấy trong những cuộc chỉ trích rồi beng nhắm vào các nhà khai phá thuộc địa, trong lúc không còn bụng dạ nào để dàn xếp mọi sự cho thỏa đáng, đã vội vã bỏ đi, mặc dù những kẻ ở lại lại được xoa dịu bởi nỗi hoài nhớ dành cho những ngày quá vắng.

Sau những buổi tối như thế, anh Kohlah luôn băn khoăn tại sao cảm giác viên mãn của anh lại như xao động – không phải bị xói mòn đi, mà như có ai đó hoặc cái gì đó đang cố xói xáo nó lên. Anh rất thích các bữa tối cùng tiệc trà đó, và sẽ không bỏ lỡ chúng vì bất cứ lý do gì; thế nhưng, anh vẫn thấy phảng phất đâu đây chút bất an, giống như một thứ mùi không nên có mặt, của thứ gì đó thối rữa.

Mất khoảng một, hai ngày sau đó, trạng thái cân bằng mới trở lại với anh. Và anh lại bắt đầu cảm thấy rằng phải, quyết định không rời bỏ ngôi nhà trên miền đồi núi là đúng đắn, đây vẫn là chỗ tốt cho gia đình anh. “Không khí và nước thật trong lành, những ngọn núi thật đẹp, và công việc kinh doanh đang rất suôn sẻ,” anh và chị Kohlah viết cho những người họ hàng vẫn định kì hối thúc họ ra đi. “Không còn nơi nào hứa hẹn triển vọng tốt đẹp hơn cho tương lai Maneck.”

Nếu được hỏi ý kiến, chắc Maneck cũng hoàn toàn đồng tình; và đừng nói đến tương lai, hiện tại cũng đã là một lý do quá đủ đối với cậu, với vũ trụ tuổi thơ hạnh phúc của cậu. Mỗi ngày của cậu đều ngập tràn niềm vui, sáng và chiều đi học, rồi về phụ ở Cửa hàng, nối tiếp bằng một cuộc dạo chơi với bố vào lúc tối muộn, khi ấy, cậu sẽ rải những bước dài đầy nam tính để bắt kịp bố, kéo bố sẽ trêu cậu là trâu chậm uống nước đục.

Song Chủ Nhật là ngày tuyệt vời nhất. Vào Chủ Nhật, một người làm vườn tên là Bhanu sẽ đến dọn dẹp khu vườn sau nhà. Maneck ngóng chờ suốt cả tuần để được ra ngoài với Bhanu, lang thang quanh vườn và làm đủ thứ việc lật vật mà anh ta sai. Khu đất trải dài hơn năm mươi bộ quanh nhà; ở chỗ ngọn đồi bắt đầu dốc xuống, một chốn hoang dại với đủ loại cây bụi, cây gỗ và lớp cây con rậm rịt, là nơi thú vị nhất. Ở đó, Bhanu dạy cậu tên của các loại kì hoa dị thảo, những loài cây không mọc gần mặt tiền ngôi nhà, vốn là lãnh địa của hoa hồng, hoa huệ cùng cúc vạn thọ. Anh ta còn chỉ cho cậu xem cây cà độc dược có thể gây chết người và loại cây giải độc cho nó, và những loại lá có thể giúp giảm nhẹ độc tính của một số loại rắn, rồi một số lá khác có thể chữa các chứng đau bụng, và những thứ thân cây có lõi giúp chữa lành các vết thương hở. Anh ta hướng dẫn Maneck cách bóp một bông mồm sói để hoa mở nụ. Đến cuối năm, khi trời trở rét, lúc ngày ngả về chiều, họ gom hết củi cành thừa vãi và đốt một đống lửa nhỏ.

Thỉnh thoảng Bhanu dắt theo cả con gái anh, Suraiya, cũng bằng tuổi Maneck. Những hôm ấy, Maneck sẽ chia thời gian ra để vừa làm vừa chơi. Đến trưa, chị Kohlah gọi hai đứa vào ăn trưa. Suraiya ngượng, không quen ăn trên bàn, trong nhà nó chẳng có cái ghế nào cả. Mất vài buổi nó mới chịu chạy vào với Maneck và hăm hở ngồi vào chỗ dành cho mình. Bhanu vẫn ăn cơm riêng ở bên ngoài nhà.

Một buổi chiều nọ, Suraiya ngồi xồm trên con dốc xa giữa những bụi cây. Maneck đứng chờ ở một chỗ khuất tầm mắt, rồi tò mò bám theo bạn. Thấy cậu lại gần, con bé cười toe. Cậu nghe thấy có tiếng xè xè khe khẽ, bèn cúi xuống nhòm. Dòng nước bé tí của con bé đã tạo thành một vũng nước sủi bọt.

Cậu cúi khụy quần ngay bên cạnh bạn và bắn ra một vòng cung nước. “Tớ biết tè đúng

đây này,” cậu nói.

Miệng cười khanh khách, con bé đáí nốt rồi kéo quần lên. “Anh tớ cũng làm được như thế, anh ý có cái chim bé tí giống hệt cậu.”

Từ đó, chuyện đi giải cùng nhau trở thành một nghi thức mỗi khi Suraiya đến làm cùng bố. Dần dần, bản tính hiếu kì lôi kéo hai đứa tới những cuộc khám phá cơ thể thân mật hơn.

“Có chuyện gì vậy?” Chị Kohlah hỏi khi hai đứa dắt nhau vào nhà để uống trà. “Sao hai đứa lúc nào cũng rúc rích thế?”

Mấy ngày Chủ Nhật sau đó, chị bắt đầu theo dõi hai đứa từ cửa sổ bếp, và thấy chúng liên tục kéo nhau xuống dưới con dốc, nơi mắt chị không thể bám theo. Chị ra rình chúng, nhưng cũng chẳng xong. Chúng nghe thấy tiếng bước chân chị trước cả khi chị kịp đến gần, và chạy biến đi, miệng cười như nắc nẻ.

Sau đó, chị đành giải bày mối nghi ngờ của mình cho anh Kohlah. “Anh Farokh, em nghĩ anh nên trông chừng thằng Maneck. Những lúc con bé Suraiya ở đây.”

“Sao phải thế, nó đã làm gì?”

“Thì... bọn nó vào trong bụi cây và...” mặt chị đỏ bừng. “Em cũng chưa nhìn thấy gì cả, nhưng...”

“Thằng quỷ con,” anh Kohlah cười. Ngày Chủ Nhật tiếp theo đó, anh ra vườn, giám sát công việc của Bhanu và tuần tiễu khắp con dốc. Việc này trở thành một phần trong thời gian biểu của anh cho đến hết năm. Hai đứa trẻ phải giữ đủ mọi trò ma mãnh hòng thoát khỏi ánh mắt tọc mạch của người lớn.

Khi Maneck học xong lớp bốn, anh Kohlah bắt đầu tìm hiểu khả năng gửi con đến một trường nội trú. Chất lượng giảng dạy ở ngôi trường ngoại trú trong vùng đã xuống dốc đáng kể, thiếu tướng Grewal và mọi người đều đồng tình. “Một nền giáo dục tốt là yếu tố quan trọng nhất,” họ nói.

Ngôi trường nội trú họ chọn cách nhà tám tiếng xe buýt. Maneck kinh sợ quyết định này. Ý nghĩ phải xa rời thị trấn miền núi – cũng là toàn bộ vũ trụ của cậu – đẩy cậu vào trạng thái hoảng loạn. “Con thích trường con ở đây,” cậu van vỉ. “Với lại, làm sao con phụ việc trong cửa hàng vào buổi tối được, nếu bố mẹ bắt con đi học xa?”

“Con mới mười một tuổi, lo chuyện công việc làm gì,” anh Kohlah cười ồ. “Con cứ tận hưởng thời niên thiếu trước đã. Được sống với các bạn bè cùng trang lứa sẽ vui lắm đấy. Thế nào con cũng thích trường mới. Mà cửa hàng vẫn còn đây những lúc con về nghỉ lễ kia mà.”

Maneck học cách chịu đựng trường nội trú, nhưng không yêu nó. Lòng cậu nhức nhối cảm giác bị phản bội. Chẳng có một ngày nào trôi qua mà cậu không nhớ ngôi nhà, nhớ bố mẹ, nhớ cửa hàng, nhớ những ngọn núi. Cậu cảm thấy các bạn học của mình khác hẳn những thằng bé cậu từng quen. Chúng cư xử như thể mình ở chiếu trên. Bọn con trai lớn toàn tán phét về lũ con gái, rồi sờ soạng mấy thằng con trai ít tuổi hơn. Có đứa còn cho cậu xem một bộ bài in hình những phụ nữ trần truồng. Mảng đen sì giữa háng họ khiến cậu thất kinh. Có lẽ nào lại thế, chắc chắn là ảnh giả, cậu nghĩ, nhớ lại cái cửa mình nhẵn nhụi, thơm tho của Suraiya.

“Đấy là lông, chỗ đấy nó phải thế,” một thằng lớn tuổi nói. “Đây là ảnh chụp thật đấy. Đây này, để tao cho mày xem.” Đoạn nó tụt quần ra và phô đám lông mu của nó, tiện thể

giải phóng cái dương vật đã cương cứng khỏi vòng tù hãm.

“Nhưng anh là con trai mà, thế chẳng chứng minh được gì về bọn con gái cả,” Maneck nói. Cậu muốn xem kĩ hơn mấy lá bài. Thằng kia không cho, trừ phi cậu chịu làm một việc. Nó kéo sát Maneck lại, cọ miết vào người cậu bé và rên rỉ. Tiếng gì nghe lạ quá, Maneck nghĩ, cứ như nó đang rặn ỉa không bằng. Bộ bài được trao tay sau khi thằng kia đã phóng tinh xong.

Maneck về chơi nhà nhân dịp lễ Divali, chờ qua hai ngày, rồi cố nài bố mẹ đừng bắt mình trở lại trường. Cậu năn nỉ mãi, đến mức anh Kohlah phát cáu. “Bố cấm con không được nhắc đến chuyện đấy nữa,” anh nói.

Maneck bỏ đi ngủ mà không thềm chúc bố mẹ ngủ ngon. Cử chỉ vô lễ ấy giày vò cậu một lúc lâu, khoét thành một lỗ hổng mà giấc ngủ từ chối khóa lấp. Đến lúc quá nửa đêm, cậu định bụng lên phòng bố mẹ và sửa chữa cái tội hỗn hào ngu ngốc vừa qua. Nhưng lòng tự ái, cộng với nỗi e sợ mình sẽ lại chọc giận bố lần nữa, đã giữ cậu lại trên giường.

Thức dậy lúc bình minh, cậu ôm lấy mẹ đang ở bên bếp, và khẽ chào mẹ buổi sáng, rồi bước thẳng qua mặt bố lúc ấy đứng bên cửa sổ và ngồi vào chỗ của mình. “Ông hoàng con vẫn còn dỗi kia à,” anh Kohlah vừa cười vừa nói.

Maneck cảm mặt xuống cốc nước của mình, cau mày nhìn nó. Cậu không muốn để miệng méo xệch đi, bèn cười lại.

Hôm ấy là Chủ Nhật, và Bhanu lại đến như thường lệ để chăm sóc khu vườn. Suraiya không đi cùng bố. Maneck đi cùng anh ta một lúc rồi mới dám hỏi về cô bé.

“Con bé ở nhà với mẹ,” Bhanu nói. “Từ rày trở đi, nó sẽ theo mẹ.”

Maneck thấy như một mảng khác trong vũ trụ của mình vỡ tan. Ăn trưa xong, cậu không trở ra vườn nữa. Chị Kohlah kéo con sang một bên và bảo đối xử không tốt với bố là chẳng ngoan tí nào, bố yêu cậu thế cơ mà. “Việc bố làm, gửi con đến một trường tốt, là vì muốn tốt cho con thôi. Con đừng nghĩ đấy là hình phạt.”

Đến tối, anh Kohlah gọi con ra ngồi cạnh mình trên ghế sofa. “Con có phải học trường nội trú cả đời đâu,” anh nói. “Con nên nhớ, bố mẹ còn nhớ con hơn cả con nhớ bố mẹ kia. Nhưng biết làm sao được? Con đâu muốn biến thành kẻ ngu si dốt nát, không biết đọc biết viết, giống mấy người làm vườn nghèo khổ kia, sống cả đời lạnh lẽo đói rách, chỉ có vài con cừu con dê, lần hồi qua ngày. Nhớ lấy, trâu chậm uống nước đục. Chỉ cần con nhận được tấm Bằng Tốt nghiệp Trung học sau sáu năm nữa, sẽ chẳng ai bắt con phải xa nhà nữa. Cơ nghiệp này lúc ấy sẽ để cho con cai quản.”

Maneck cho phép mình mỉm cười, còn bố cậu tiếp: “Thật ra, được thế sớm ngày nào, bố mừng ngày ấy. Bố có thể nghỉ ngơi và đi dạo cả ngày.”

Vào giờ ăn sáng hôm sau, anh Kohlah đưa con cái tách lớn đặc biệt để uống trà. Rồi anh để con ngồi bên cạnh mình cho đến khi phải ra trả tiền thừa cho khách. Maneck giữ mãi ngày hôm ấy trong lòng cho đến hết năm học. Mỗi khi nỗi đau bị đày ải trở dậy, cậu lại gọi về những kí ức hạnh phúc để đối trọng lại tâm trạng tuyệt vọng, cùng những suy nghĩ đen tối của cảm giác cô đơn và bị bỏ rơi.

Chẳng thềm đếm xỉa đến nỗi khiếp sợ ban đầu của Maneck đối với quãng thiên thu kéo dài sáu năm, thời gian đều đặn tước đi ba năm trong số đó. Maneck lên mười bốn tuổi, và lại về nhà chơi nhân kì nghỉ tháng năm.

Năm đó, lần đầu tiên, bố mẹ để cậu ở nhà một mình hai ngày để đi ăn cưới. Thay vì

khóa cửa nhà và gửi cậu sang một nhà hàng xóm, anh Kohlah quyết định cho cậu trông nom cửa hàng một mình, coi như một phần thưởng đặc biệt.

“Cứ làm mọi việc y như cách bố con ta làm khi bố ở đây,” anh nói. “Rồi sẽ đâu vào đấy hết thôi. Đừng quên đếm số thùng nước giải khát chú tài xế lấy đi nhé. Và nhớ gọi điện nhắc người ta giao sữa cho ngày mai – cực kì quan trọng đấy. Nếu có chuyện gì, cứ gọi Bác Grewal. Bố đã nhờ bác tối tối sang kiểm tra tình hình con rồi.” Anh và chị Kohlah dẫn Maneck đi vòng quanh cửa hàng một lần nữa, nhắc thứ nọ, chỉ thứ kia, rồi mới rời nhà.

Ngày hôm đó trôi qua như mọi ngày. Những đợt bận rộn nối tiếp từng khoảng thời gian nhàn nhã, nhân đó cậu lau chùi các tủ kính, phủ bụi trên giá, quét quấy mặt quầy. Các khách hàng quen hỏi chuyện bố mẹ cậu đi vắng, và hết lời khen ngợi cậu. “Xem anh chàng tổ chức doanh trại quy củ chưa kìa. Đáng thưởng huân chương!”

“Nếu thích, Farokh với Aban có thể về hưu ngay ngày mai cũng được,” Thiếu tướng Grewal nói. “Đã có Đại nguyên soái Maneck nắm quyền ở Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp thì còn phải lo gì nữa.” Nghe câu đó, những người có mặt đều cười nhiệt tình.

Tối muộn, ánh sáng ban ngày nhạt dần, bầu không khí tĩnh lặng từ từ bao trùm cả khu nhà. Maneck bật đèn ngoài hiên lên, cảm thấy vô cùng tự hào về một ngày làm việc của mình. Đã gần đến lúc đóng cửa hàng. Phần việc còn lại chỉ là lấy hết tiền trong ngăn kéo ra, đếm, và ghi sổ. Cậu đứng ngoài bậc thềm nhìn vào trong cửa hàng, và hơi ngừng lại. Cái tủ kính lớn ở chính giữa, chứa xà phòng và bột tan – nếu kê ở mặt tiền sẽ đẹp hơn. Còn chiếc bàn cũ chuyên để bày báo ngay gần cửa ra vào, sút sẹ và lung lay – đẩy nó sang hẳn một góc chẳng phải sẽ tốt hơn sao?

Ý tưởng đó bám riết lấy Maneck và xâm chiếm trí óc cậu cả khi cậu hâm thức ăn. Càng nghĩ, cậu càng thấy cách bố trí mới là hợp lý. Cậu có thể tự kê lại, ngay tối nay. Thế nào bố mẹ cũng ngạc nhiên lắm khi về đến nơi.

Ăn tối xong, cậu quay ra gian cửa hàng tối om, bật đèn lên, và kéo chiếc bàn cũ ra xa khỏi lối ra vào. Cái tủ kính thì khó hơn, nó nặng, lại cồng kềnh. Cậu lấy hết hàng hóa đựng bên trong ra và từ từ đẩy nó đến vị trí mới, nổi bật hơn. Rồi cậu xếp lại những lon và hộp vào tủ, nhưng không theo kiểu chất đống buồn tẻ như cũ – cậu xếp thành những hình kim tự tháp, hình xoắn ốc nom đến vui mắt. Tuyệt, cậu tự nhủ, đoạn đứng lùi lại để chiêm ngưỡng công trình kì khu của mình, và đi ngủ.

Buổi tối hôm sau, anh Kohlah bước vào nhà và nhận ra sự đổi khác. Không hề dừng lại để chào Maneck hay hỏi han tình hình ở nhà, anh bảo con ra khép cửa, treo biển “Đóng cửa” lên.

“Còn một tiếng nữa mới đến giờ đóng cửa mà bố,” Maneck nói, nóng lòng chờ nghe một lời khen ngợi từ bố.

“Bố biết rồi. Con cứ ra đóng cửa đi.” Rồi bố cậu sai con xếp đặt mọi thứ lại như cũ. Giọng anh lạnh tanh, không chút cảm xúc.

Thà rằng bố cứ mắng hoặc tát, hay trách phạt kiểu gì tùy thích, Maneck còn thấy dễ chịu hơn. Còn thái độ khinh miệt, thậm chí không thèm đả động một câu như thế kia thì thật quá sức chịu đựng. Mọi niềm háo hức tan biến trên khuôn mặt cậu, bỏ lại một nỗi đau đốn hoang mang, cậu cảm giác như mình sắp bật khóc đến nơi.

Xót con, mẹ cậu bèn xen vào. “Nhưng anh Farokh à, anh không thấy kiểu sắp xếp của Maneck trông đẹp hơn sao?”

“Xấu đẹp thế nào không quan trọng. Anh và em đã dặn nó những gì, khi ta phó thác cửa hàng cho nó trong hai ngày? Thế mà nó đáp lại sự tin tưởng của bố mẹ nó thế đấy. Đây là vấn đề kỉ luật và chấp hành mệnh lệnh, không phải chuyện xấu hay đẹp.”

Maneck kê đặt tủ bàn cùng hàng hóa trở lại vị trí cũ, nhưng trong suốt thời gian còn lại của kì nghỉ, cậu nhất quyết không chịu đặt chân vào cửa hàng. “Bố có cần con đâu – con không muốn ra đấy,” cậu nói với mẹ, giọng uất ức.

“Bố chỉ cần một thằng đầy tớ thôi.”

Trên giường tối hôm ấy, chị bảo với anh Kohlah rằng Maneck đau lòng lắm. “Anh biết chứ,” anh nói, đoạn quay mặt đi. “Nhưng nó phải học bò rồi mới lo học chạy được. Một thằng bé chưa đến tuổi đã cho là ta đây biết tuốt thì không tốt chút nào.”

Chị vẫn kiên trì, và đã thành công ngay trước khi kì nghỉ kết thúc. Hòa bình được tái lập giữa cha và con vào một buổi sáng khi anh Kohlah bắt tay vào bày biện lại một cái tủ kính và gọi Maneck xuống cửa hàng để hỏi ý kiến. Gần kề ngày mở trường, hai bố con bắt đầu làm việc với nhau trở lại trong xưởng pha chế nước giải khát dưới tầng hầm, Maneck mang chai đã súc sạch xuống, rồi bê những thùng Kaycee mới đóng chai lên.

Buổi tối cuối cùng, anh Kohlah nói, khi đang tắt máy: “Ngày mai con đi rồi, bố sẽ nhớ con lắm.” Giữa tiếng xình xịch của động cơ đang chết máy dần, những lời anh nói chỉ có thể tuyệt vọng bầu lầy bầu không khí ảm thấp nơi hầm tối. Anh ôm lấy Maneck khi hai bố con cùng nhau đi lên.

Trường nội trú là nguyên nhân gây ra cuộc phân ly không mong muốn thứ hai của Maneck với những ngọn núi. Lần đầu tiên xảy ra khi cậu bé lên sáu, cậu cùng mẹ về thành phố thăm bà con họ hàng bên ngoại, đi tàu hỏa mất hai ngày. Cậu bị mê hoặc bởi những tòa nhà cao chất ngất và những rạp chiếu phim trắng lệt, cơn lũ xe hơi, xe buýt cùng xe tải, và ánh sáng lóa mắt của phố xá lên đèn khi đêm xuống. Nhưng chỉ được dăm ngày, cậu đã nhớ bố quay quắt. Cậu phấp phỏng mong tới lúc được về nhà khi kì nghỉ kết thúc.

“Con sẽ không đời nào rời xa những ngọn núi nữa,” cậu nói. “Không bao giờ.”

Chị Kohlah thì thầm cái gì đó vào tai chồng, khi ấy đang đứng đợi dưới sân ga, chờ đón hai mẹ con. Anh cười, đoạn ôm chầm lấy Maneck và bảo anh cũng thế.

Nhưng chẳng bao lâu sau, đã đến cái ngày những ngọn núi rời bỏ họ. Tất cả bắt đầu với những con đường. Các kĩ sư đội mũ cát tìm đến với đủ thứ dụng cụ hung gở và phác thiết kế của mình lên hàng tập giấy. Rồi sẽ có những con đường hiện đại, họ hứa, những con đường rộn tiếng lại qua cửa các loại xe cộ hiện đại. Những con đường, rộng rãi và bền chắc, để thay thế những lối mòn nên thơ nơi núi non vốn quá nhỏ hẹp đối với tầm nhìn rộng lớn của các nhà kiến quốc và các chuyên viên của Ngân hàng Thế giới.

Một buổi sáng nọ tại công trường, một vị bộ trưởng được trao vòng hoa giữa tiếng nhạc rộn rã. Đó là Ban hành khúc Bhagatbhai Naankhatai: gồm ba kèn đồng, một cặp trống con, và một trống cái. Họ mặc đồng phục màu trắng, với mấy chữ BNMB^[31] thêu bằng chỉ vàng trên lưng; trên mặt trống cái, cụm chữ viết tắt được sơn màu đỏ. Chuyên môn của ban vốn là nhạc rước đám cưới, cùng các tiết mục phụ bao gồm bài tán ca của mẹ cô dâu, khúc than khóc của mẹ chú rể, cuộc tuần du khảo hoàn của chú rể, bài thơ ca ngợi bà mối, và một bài ca chúc cô dâu chú rể con đàn cháu đống. Song nhóm đã khéo léo thay đổi chương mục cho phù hợp với buổi lễ. Dàn trống đập dồn những nhịp sắc mùi quân sự, như báo trước cuộc hành quân của tiến bộ, còn chiếc kèn trombone cố nhin những nốt luyến láy nào nề dành riêng cho đám cưới để thay bằng các đoạn ngắt nhịp rộn rã.

Đám đông khán giả gồm toàn dân làng vô công rồi nghề hoan hô vang dậy mỗi khi có hiệu lệnh, hăm hở chờ đến lúc được lấy tiền công tham dự. Diễn văn được đọc trên một chiếc bục dựng tạm. Ngài bộ trưởng vung cây cuốc chim bằng vàng lên nhưng bỏ trật đích. Ngài nhe răng cười với đám đông và bỏ lại một nhát nữa.

Các vị mũ cao áo dài đi rồi, công nhân kéo đến. Ban đầu tiến độ rất chậm, chậm đến nỗi anh Kohlah và toàn bộ dân cư miền đồi đều ấp ủ một mối hi vọng phi lý: công trình sẽ không bao giờ hoàn thành, chốn nường nấu bé nhỏ của họ sẽ được bảo toàn nguyên vẹn. Đồng thời, anh cùng Thiếu tướng Grewal tổ chức các cuộc họp mặt cho người dân thị trấn, tại đây những người có mặt ra sức lên án chính sách phát triển đầy khiếm khuyết, óc thiển cận, lòng tham lam đang hi sinh vẻ đẹp thiên nhiên của đất nước cho con quỷ dữ của tiến bộ. Họ kí đơn, đệ trình kháng nghị của mình lên chính quyền, và chờ đợi.

Song con đường tiếp tục dẫn tới từng phân, nuốt trọn những gì nằm trên đường tiến công của nó. Hai bên sườn những ngọn đồi xinh đẹp của họ trở nên sứt sẹo lở loét. Đứng từ trên đỉnh dốc nhìn xuống, những con đường đất chạy ngược lên đồi trông chẳng khác nào những dòng sông bùn thối thức trợn lực, như thể thiên nhiên đã hóa dại. Tiếng nổ ầm ầm như sấm vang vọng phía xa cùng tiếng gầm rú của các loại máy xúc máy ủi nổi dậy từ sáng tinh mơ, và vẻ mộng mơ của làn sương sớm biến thành một cơn ác mộng.

Anh Kohlah bắt lực nhìn quá trình rải nhựa được khởi động, biến dòng sông màu nâu thành màu đen, hoàn tất công cuộc thay hình cải dạng chốn chôn nhau cắt rốn thân yêu của anh, nơi cha ông anh đã sống tựa như trên thiên đường. Anh đành trăn mắt nhìn, lần thứ hai, những đường kẻ trên giấy hủy hoại cuộc sống của gia đình Kohlah. Có điều lần này là bản vẽ của một cán bộ đo đạc bản xứ, chứ không phải tấm bản đồ ngạo nghễ của một người ngoại quốc.

Khi công trình hoàn thành, vị bộ trưởng quay lại để cắt băng. Trong những năm dài kể từ buổi lễ động thổ hôm nào, ngài đã đẩy đà ra nhiều, song bản tính vụng về thì vẫn không đổi. Ngài phục phịch leo lên cắt băng và đánh rơi chiếc kéo bằng vàng. Bảy tên ninh thần tận tụy đồng loạt xông tới cứu viện. Một cuộc hỗn chiến nổ ra; chiếc kéo bị gã khỏe nhất giăng lấy và dâng lại cho ngài bộ trưởng. Ngài sửa cả lũ bằng một cái quắc mắt nảy lửa vì tội gây quá nhiều sự chú ý chỉ vì một lần lỡ tay vớ vẩn, rồi tươi cười với đám đông và cắt dải băng một cách hết sức phô trương. Khán giả vỗ tay, và Ban hành khúc Bhagatbhai Naankhatai nổi nhạc, và giữa tiếng kèn đồng lạc điệu đình tai nhức óc, không ai nhận thấy ngài bộ trưởng đang âm thầm vật lộn hồng rút ngón tay chuối mẩn khỏi cặp kéo.

Rồi những phần thưởng đã hứa bắt đầu lăn bánh trên con đường dẫn lên núi. Những cỗ xe tải to như cả cái nhà chở hàng hóa từ thành phố và đầu độc bầu không khí bằng khói thải của chúng. Các loại quán xá cùng hàng ăn mọc lên như nấm dọc tuyến đường để phục vụ xe cộ và chủ của chúng. Và các nhà thầu bắt tay vào xây dựng những khách sạn xa hoa.

Năm đó, khi Maneck về nhà nghỉ lễ, cậu rất hoang mang (và về sau là kinh hoàng) khi phát hiện ra bố lúc nào cũng cáu kỉnh. Hai bố con không tài nào trải qua một ngày mà không cãi lộn với nhau, thậm chí những cuộc gây hấn nổ ra ngay trước mặt khách hàng.

“Bố bị làm sao thế?” Cậu hỏi mẹ. “Lúc con ở nhà, bố không lơ con đi thì lại cãi nhau với con. Lúc con ở trường, bố lại viết thư kêu nhớ con.”

“Con phải hiểu,” chị Kohlah nói, “con người cũng thay đổi khi thời thế thay đổi. Thế không có nghĩa là bố không yêu con.”

Với chị Kohlah, kì nghỉ chẳng lấy gì làm vui vẻ này còn là mốc thời gian Maneck chấm dứt thói quen ôm bố mẹ và thì thầm câu chào buổi sáng. Lần đầu tiên cậu bước xuống nhà

và lặng lẽ ngồi vào chỗ của mình, mẹ cậu đứng chờ, lưng quay về phía bàn ăn, mãi cho đến khi nỗi đau bị bỏ rơi ngói ngoại, chị mới dám vươn tay cầm chiếc chảo nóng vào. Bố cậu không nhận thấy gì hết.

Gan ruột sục sôi, anh Kohlah còn bận theo dõi tốc độ tăng trưởng của sự phát triển từng ngày của vùng đồi. Cả anh và các bạn bè đều đồng tình đó là một sự phát triển tai ác. Tiềm năng mở rộng kinh doanh của Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp cũng chẳng an ủi nổi anh. Toàn bộ các giác quan của anh đều bị cuộc xâm lăng giày vò. Hơi độc tuôn ra từ những chiếc xe tải làm lỗ mũi anh cơ hồ muốn nổ tung, anh bảo chị Kohlah, và tiếng động cơ nổ xình xịch kinh tởm như xé nát lỗ nhĩ anh thành ngàn mảnh.

Quay đi đâu, anh cũng nhìn thấy những túp lều và mái lán đua nhau sinh sôi nảy nở. Nó nhắc anh nhớ tới bệnh ghẻ từng lây lan khắp thân thể con chó yêu của anh với tốc độ chóng mặt. Những khu nhà tạm bợ nghèo khổ cào nát các sườn đồi, dân tứ xứ nghe theo lời đồn về các công trình xây dựng và tiền của và công ăn việc làm ùn ùn đổ về. Song đội ngũ thất nghiệp luôn vượt quá số việc làm gấp trăm lần, và quân đoàn đói khát định cư dài hạn ngay trên các sườn dốc.

Các khu rừng bị xới tái để lấy củi đun; những mảng tro trọc dần lộ ra trên mình đồi núi.

Đến lượt các mùa nổi loạn. Mưa, từng một thời cho hoa trái sinh sôi và chín ngọt, dội xuống các sườn đồi trần trụi như thác lũ, gây ra nhiều vụ sạt đất và lở đá. Tuyết, xưa vẫn bao trùm khắp núi đồi như một tấm chăn rộng lớn, nay ít đi trông thấy. Ngay cả vào giữa mùa đông, các mảng tuyết phủ cũng chỉ lác đác đây đó.

Anh Kohlah thấy trong lòng dâng lên một nỗi thỏa mãn xấu xa trước cuộc phản công của thiên nhiên. Đó cũng là một thứ bằng chứng cho thấy anh không phải nạn nhân duy nhất bị khủng hoảng bởi cuộc cưỡng đoạt ghê tởm này. Nhưng khi tình trạng rối loạn mùa màng vẫn tiếp diễn năm này qua năm khác, anh không còn lấy đó làm nguồn an ủi được nữa. Lớp tuyết bao phủ càng mỏng nhẹ, trái tim anh càng trĩu nặng.

Maneck không nói năng gì, dù cậu nghĩ bố đang hơi phóng đại khi tuyên bố: “Đi dạo mà cứ như bước vào chiến trường.”

Chị Kohlah chưa bao giờ cất chân đi dạo dù chỉ một lần. “Em thích đứng trong bếp ngắm cảnh,” chị nói mỗi lần chồng rủ đi. “Như thế đỡ nhọc hơn.”

Nhưng với anh Kohlah, những cuộc tản bộ dài đơn độc là thú vui lớn của đời anh, nhất là sau mùa đông, khi mỗi chuyến ngao du lại mang nét duyên dáng nhờ cảm giác không chắc chắn ngọt ngào – cái gì đang đợi ở khúc quanh tới? Một con suối nhỏ mới thành hình chăng? Những cây hoa dại anh chưa nhìn thấy từ hôm qua ư? Kí ức tuyệt vời của anh còn ghi nhớ tảng đá cuội khổng lồ bị nứt toác bởi một bụi cây đâm lên từ giữa lòng đá. Đôi khi anh bị biến thành nạn nhân của một cuộc phục kích đáng yêu: toàn cảnh thung lũng bỗng trải ra từ một góc độ chưa từng thấy bao giờ.

Ngày nay, mỗi cuộc đi dạo lại giống như một ca thức khuya trông người hấp hối, để xem những gì còn trụ lại, cái gì đã bị đốn hạ. Bước tới một cái cây mình thích, anh lại dừng lại dưới tán một lúc rồi mới đi tiếp. Anh đưa tay vuốt dọc thân cây sứt sẹo, mừng vì người bạn già đã sống sót thêm một ngày nữa. Rất nhiều gờ đá nơi anh từng ngồi ngắm hoàng hôn đã bị thuốc nổ thổi tung. Khi tìm thấy một rìa, anh ngồi xuống nghỉ vài phút và tự hỏi liệu nó có còn ở đây chờ anh vào lần sau chăng.

Chẳng bao lâu sau, dân thị trấn bắt đầu xì xào về anh. “Dạo này bệnh hăm của anh Kohlah trở nặng rồi,” họ nói. “Anh ta nói chuyện với cây cối và đất đá, rồi vỗ về chúng như

đang chơi với chó ấy.”

Khi nghe được những chuyện ngời lê đôi mách ấy, toàn thân Maneck nóng bừng vì ngưỡng, cậu chỉ ước sao bố mình chấm dứt những cử chỉ đáng xấu hổ ấy đi. Song le, ruột gan cậu lại sôi sục giận dữ, chỉ muốn tát những kẻ dốt nát, vô tâm kia cho chúng sáng ra đôi chút.

Nhân dịp kỉ niệm năm năm ngày con đường hoàn thành, hội đồng thị trấn, nay nằm dưới sự chỉ phối của một toán doanh nhân và chủ thầu mới, cho tổ chức một buổi lễ nhỏ, mời tất cả mọi người đến dự. Gớm ghét trò hội hè nọ, anh Kohlah rời cửa hàng khi trời mới ngả về chiều. Anh gỡ miếng che mắt xuống và lên đường đi bách bộ. Đám loa thuê đậu vắt vẻo trên các cành cây xung quanh quảng trường thị trấn còn đuổi theo anh một quãng xa bằng những khúc nhạc chói tai và tiếng lảm nhảm của những bài phát biểu vô nghĩa.

Khi ánh sáng ban ngày nhạt dần, hứa hẹn buổi hoàng hôn sắp xuống, anh đã đi bộ được chừng ba dặm. Những vệt màu hồng và cam dẹt muôn sợi chỉ phù du lên nền trời. Anh dừng chân để phóng mắt về phía tây, háo hức được thưởng ngoạn khoảnh khắc này. Những lúc như thế anh lại ước mình còn đủ hai mắt để có thể bao quát được hết toàn cảnh.

Khi ánh nhìn của anh bị kéo xuống dưới, quét dọc dải sườn đồi trơ trụi. Từ hàng trăm túp lều bốc lên làn khói xám hăng hăng của những bếp nấu đạm bạc. Màn sương che mờ cả chân trời. Đúng nơi cuối gió, anh ngửi thấy hơi mù cay sè, và đằng sau đó, là mùi hôi thối của phân người mà nó cố sống cố chết giấu đi. Anh nhấp nhóm đổi chân. Một mẫu cành con gãy rắc dưới chân anh. Anh đứng đờ đẫn, tự hỏi mình còn chờ đợi cái gì nữa. Anh nghe thấy tiếng các bà mẹ gọi con the thé, tiếng hò hét của bọn trẻ, tiếng sữa của lũ chó hoang. Anh mừng tượng ra những thức ăn nghèo nàn nấu trong những chiếc nồi đang dần ám đen, còn xung quanh là bao nhiêu cái mồm đói khát đang chực chờ.

Đột nhiên, anh nhận ra bóng tối đã xuống tự lúc nào: hoàng hôn đã mất dưới tấm áo choàng. Và trong ánh chạng vạng, toàn bộ khung cảnh nom thật tang thương khốn khổ, hoàn toàn vượt quá năng lực chấp nhận hay lĩnh hội của anh. Anh có cảm giác trống chệnh và sợ hãi. Từng đợt sóng giận dữ, thương cảm, ghê tởm, đau buồn, bất lực, bội phản, yêu thương trào lên và vỡ tan, cào xé và giày vò anh. Vì cái gì? Vì ai? Và vì đâu? Giá mà anh có thể...

Song anh không cách gì hiểu nổi cảm xúc của mình. Anh thấy ngực mình thắt lại, rồi hòng anh tắc nghẹn như thể anh sắp ngạt thở. Anh lặng lẽ khóc trong tuyệt vọng.

Buổi tối đen đặc thêm. Anh rút khăn mùi soa ra lau mắt. Mất một lúc anh mới nhận ra, khi tay vẫn cố chấm những giọt nước mắt tưởng tượng, rằng chỉ có con mắt lạnh ướt nước. Lạ thật, anh dám thề là cả con mắt đã mất cũng đã khóc theo.

Xuyên qua bóng đêm trở về nhà, anh quyết định từ hôm nay, chuyện đi dạo đã chẳng còn nghĩa lý gì nữa. Nếu có, thứ nghĩa lý đó quá mới mẻ và quá khủng khiếp, anh không có gan khám phá.

Chẳng còn chỗ nào để trốn tránh. Cho anh, ở bất cứ phương diện nào. Ước mơ của anh đã vụn vỡ, như nó ắt phải thế, qua bao va chạm với những năm tháng đã qua. Anh đã đấu tranh, anh đã thắng, anh đã thua. Anh sẽ tiếp tục đấu tranh – phía trước còn gì dành cho anh nữa đây?

Nhưng vì con, lần đầu tiên, anh bắt đầu xem xét những phương án khác.

Mối quan hệ giữa hai bố con không cải thiện chút nào khi Maneck về chơi nhà nhân đợt nghỉ hai tuần trước kì học cuối cùng. Những trận cãi cọ thường gặp nhất của hai người

dính đến việc quản lý cửa hàng. Maneck nghĩ ra rất nhiều ý tưởng về buôn bán và quảng cáo, tất cả đều bị bố cậu gạt đi không thương tiếc.

“Ít ra bố cũng phải để con nói hết đã chứ,” Maneck nói.

“Sao bố lại cố chấp thế? Sao không làm thử một lần xem sao?”

“Đây không phải là một thú vui vợ vắn mà con thích thử thích nghịch thế nào cũng được,” anh Kohlah nạt lại, mặt nhuốm vẻ thô lương. “Đây là cơm ăn nước uống của nhà ta.”

“Hai bố con lại cãi nhau đấy ư?” Chị Kohlah kêu lên. “Chỉ nghe hai người lời qua tiếng lại cũng làm em phát điên rồi.”

“Mình không dạy được con gì hết,” anh Kohlah nói, khuôn mặt càng buồn thảm hơn nữa. “Chẳng lẽ mình không làm gì nổi những trò ba hoa xích tóc không ngừng nghỉ của nó ư? Tôi nói gì nó cũng cãi. Nó tưởng nó cũng nghĩ ra công thức mới cho thành công – nó cho đây là một thử nghiệm khoa học kia đấy.”

Anh không chịu để Maneck đặt mua những chủng loại xà phòng hay bánh quy mới được các nơi khác ưa chuộng. Các đề nghị cải thiện hệ thống chiếu sáng bên trong cửa hàng tối tăm, sơn lại tường, thay đổi kệ giá và tủ kính để phân trưng bày nom bắt mắt hơn đều được xem như những hành động báng bổ.

Maneck không tài nào hợp nhất người đàn ông thận trọng đến nực cười ấy với hình ảnh đã được bồi đắp trong đầu cậu từ những câu chuyện của mẹ, và các bạn bè của bố: về con người can đảm đã đu dây xuống hẻm núi ngập nước mưa để cứu một chú chó; người đã coi nổi đau mất một con mắt vì mảnh kính vỡ chẳng khác nào một vết muỗi đốt; và người đã từng hạ đo ván ba tên cướp mò vào cửa hàng hồng kiếm chác, bị cảm dỗ bởi cảnh người phụ nữ đơn độc đứng sau quầy hàng, mà không hề hay biết rằng chồng cô đang đóng chai nước giải khát dưới hầm – anh Kohlah đã quảng chúng đi như ném mấy bao gạo, các bạn anh kể.

Và nay bố cậu đang suy sụp, tất cả chỉ vì một con đường ngõ ngắc vừa được xây. Cả Maneck cũng nhận thấy thế giới đang bị nhào trộn lại xung quanh cậu. Nhưng với niềm lạc quan cuộn chảy trong huyết quản trẻ trung, cậu tin chắc rằng mọi việc rồi sẽ đâu vào đấy. Cậu mới mười lăm tuổi: trong mắt cậu đời trải dài vô tận và những ngọn đồi như trường cửu. Còn Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp? Nó đã ở đây qua bao nhiêu thế hệ và sẽ vẫn ở đây trong nhiều thế hệ nữa, tâm trí cậu không hề gợn chút ngờ vực.

Anh Kohlah cũng thầm mong được như thế – rằng một kì tích có thể phục nguyên quá khứ. Nhưng xét những dấu hiệu anh thấy thì tình hình sắp tới không tốt lành chút nào. Chen vai thích cánh giữa đủ thứ hàng hóa mà những chiếc xe tải kền càng chở lên núi là một kẻ thù nguy hiểm: nước giải khát, để cung cấp cho các cửa hàng và khách sạn.

Thoạt kì thủy, chúng chảy nhỏ giọt vào thị trấn với số lượng chỉ một vài thùng, và dễ dàng bị loại nước Kaycee lừng tiếng đè bẹp. Vì tò mò, thi thoảng mọi người cũng nếm thử những loại nước mới, rồi nhún vai và quay lưng bỏ đi; Kohlah Cola vẫn là số một.

Song các tập đoàn lớn đã đưa vùng đồi vào tầm ngắm; chúng đã để mắt đến Kaycee. Chúng thâm nhập vào lãnh địa của anh Kohlah với cung cách quan liêu hăm hĩnh và các chiến dịch quảng cáo cùng những mảnh khóe triệt hạ đối thủ. Bọn nhân viên đại diện tìm đến anh với lời đề nghị: “Hãy đóng gói hết máy móc, từ bỏ toàn bộ quyền đối với Kohlah Cola, và trở thành đại lý cho chúng tôi. Hãy cùng phát triển với chúng tôi, rồi anh sẽ giàu to.”

Dĩ nhiên anh Kohlah từ chối. Với anh, đó không đơn thuần là một quyết định kinh doanh mà còn là vấn đề tên tuổi và danh dự của gia đình. Vả lại, anh tin chắc các hàng xóm láng giềng tốt bụng của mình cùng dân cư ở những vùng quanh đây không phải hạng dễ thay lòng đổi dạ, họ sẽ mãi trung thành với Kohlah Cola. Anh đã sẵn sàng bước vào một cuộc chiến ngay thẳng chống lại sự cạnh tranh.

Song, cũng như nơ bướm và đồng hồ quả quýt, cạnh tranh ngay thẳng đã trở thành lỗi thời nhân lúc anh Kohlah không đề phòng. Các tập đoàn cho mọi người uống thử nước miễn phí, phát động các cuộc chiến giá cả, và trưng lên những tấm pa-nô khổng lồ có hình những đứa trẻ hạnh phúc cùng các ông bố bà mẹ đang cười rạng rỡ, hoặc một chàng trai và một cô gái âu yếm tựa trán vào nhau trên một chai nước, từ miệng chai tỏa ra hai chiếc ống hút biến mất dưới làn môi của đôi tình nhân. Những giọt tí tách của thứ nước giải khát mới đã biến thành một trận đại hồng thủy. Các nhãn hiệu đã có mặt dưới thành phố từ bao lâu nay giờ kéo đến làm mưa làm gió ở thị trấn.

“Chúng ta phải phản công,” Maneck nói. “Chúng ta cũng nên quảng cáo – phát nước uống thử miễn phí y như họ. Nếu họ muốn chơi rắn, ta cũng sẽ làm thế.”

“Chơi rắn?” Anh Kohlah nói giọng khinh khỉnh. “Ăn nói kiểu gì vậy? Nghe chẳng đúng đắn tí nào. Như ăn xin vậy. Mấy công ty lớn ở thành phố lớn có thể cư xử như lũ man di nếu chúng muốn. Chúng ta ở đây toàn những người văn minh.” Anh nhìn Maneck đăm đăm bằng đôi mắt nảo nề, thất vọng vì con dám đề xuất những việc như thế.

“Mẹ nhìn bố kia,” Maneck quay sang cầu cứu mẹ. “Bố lại làm cái mặt dài như bươm nữa rồi. Con nói gì, bố cũng gở bộ mặt ấy ra. Bố chẳng thèm đếm xỉa gì đến ý tưởng của con.”

Vì vậy Kohlah Cola chẳng bao giờ có lấy một cơ hội.

Xương sống của Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp đã gãy, và hành trình truyền qua các thế hệ của công thức bí mật đã cận kề điểm kết.

Anh Kohlah bèn xúc tiến kế hoạch thay thế dành cho con trai, ngày cậu lấy bằng tốt nghiệp trung học cũng chỉ trong nay mai thôi. Anh bắt đầu viết thư cho các trường đại học để hỏi thông tin và xin bộ cảm nang.

“Anh có chắc việc này là cần thiết không, Farokh?” Chị Kohlah hỏi.

“Trâu chậm uống nước đục,” anh đáp. “Anh không muốn chuyện đó xảy ra với Maneck.”

“Ồi Farokh, sao anh lại nói thế? Cứ nhìn những gì anh đã làm được thì biết, anh đã mất hết cơ nghiệp hồi Chiến dịch Ly khai, vậy mà anh vẫn lo được cho cả nhà ta một cuộc sống sung túc. Sao anh có thể tự gọi mình là trâu chậm được?”

“Có lẽ anh không phải trâu chậm, mà là đời thay đổi quá nhanh. Nhưng kết quả cuối cùng cũng như nhau cả thôi.”

Không gì có thể khiến anh xao lãng mục tiêu của mình, và triển vọng sự nghiệp được đem ra bàn thảo với các bạn bè thân tín nhất của gia đình. Họ đều nhất trí rằng để ngỏ thêm những hướng đi khác là cực kì khôn ngoan.

“Cửa hàng cũng chẳng phá sản đâu mà lo,” Thiếu tướng Grewal nói. “Nhưng nên chuẩn bị sẵn sàng trên mọi mặt trận. Có sẵn vũ khí phòng bị bao giờ chả yên tâm hơn.” “Chính thế đấy,” anh Kohlah nói.

“Nếu thằng bé có thể trở thành một bác sĩ hay luật sư thì hay biết mấy,” chị Kohlah nghĩ ngay đến những nghề danh giá.

“Hoặc kĩ sư.”

“Kế toán viên có chứng chỉ chính quy cũng được trọng vọng lắm,” bà Grewal nói.

Nhờ có đám đàn ông vốn dân nhà binh, cuộc bàn luận mới được hướng trở về những địa hạt thiết thực. “Ta phải xét tình hình thực tế. Chuyện chọn ngành nào còn tùy thuộc vào điểm số của Maneck.”

“Nói thế không có nghĩa là nó không giỏi giang.”

“Không hề. Sắc như lưỡi lê, giống hệt bố.”

“Mà tay chân nó khéo léo lắm,” anh Kohlah gạt gù, vui vẻ nhận lấy lời khen ngợi.

Mọi người đều nhất trí, nên cho Maneck theo nghề gì đó dính dáng đến kĩ thuật, đây là điều chắc chắn. Tốt nhất là một ngành sẽ phát triển cùng sự phồn vinh của đất nước. Câu trả lời, trong bối cảnh một đất nước nơi đa số dân cư sống trong miền khí hậu nhiệt đới và cận nhiệt đới, thật hiển nhiên và đồng nhất: “Điều hòa nhiệt độ và điện lạnh.” Và trường đại học uy tín nhất về ngành này, họ khám phá ra, lại nằm ở thành phố quê hương bên bờ biển của chị Kohlah, nơi xưa kia chị đã rời bỏ để đi lấy anh Kohlah.

Học kì cuối cùng kết thúc, Maneck trở về nhà, phát hiện ra những gì đã được an bài cho mình và phản đối dữ dội. Sự phản bội lần thứ hai không chỉ khơi lên nỗi đau âm ỉ như lần đầu. Nó bùng nổ trong tim cậu.

“Bố đã hứa là khi nào có bằng, con có thể về làm với bố!

Bố nói bố muốn con cai quản cơ nghiệp của gia đình cơ mà!” “Bình tĩnh nào – sẽ như thế, sẽ như thế,” anh Kohlah nói, không ngờ mình lại bị phản ứng gay gắt đến thế. “Chỉ là để phòng khi thôi. Con biết đấy, hồi xưa lên kế hoạch cho tương lai thật dễ dàng biết bao. Ngày nay tình hình phức tạp hơn nhiều, lắm bất trắc lắm.”

“Chỉ phí thời gian thôi,” Maneck nói. Cậu tin chắc bố làm như vậy để tống khứ mình đi – để loại bỏ mọi sự can thiệp của cậu trong Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp, như thể cậu là một địch thủ. “Nếu bố muốn con học lấy một nghề, con có thể đi làm thợ cơ khí ở Gara Madanlal. Dưới thung lũng ấy. Sao lại bắt con lặn lội xa xôi đến thế?”

Anh Kohlah lại trưng ra bộ mặt sầu thảm. Thiếu tướng Grewal bèn cười tếu táo. “Này chàng trai, nếu cháu định lập thêm hàng phòng thủ khác, thì phải lập cho vững. Nếu không thì đừng nhọc công làm gì.”

Các bạn bè của gia đình nói Maneck là một cậu bé rất may mắn, và cậu nên thấy mừng vì cơ hội này. “Hồi ở tuổi cháu, nếu được sống một năm dưới thành phố hiện đại, đậm chất quốc tế nhất nước ấy, chắc bọn bác phải sướng phát điên ấy chứ.”

Thế là Maneck bị ghi danh vào đại học, và công cuộc chuẩn bị cho ngày ra đi của cậu được xúc tiến ngay. Một cái va li mới được tậu về. Quần áo của cậu được phân loại, và các loại vé được đặt mua để phục vụ những hành trình khác nhau trên suốt chuyến đi.

“Đừng lo,” mẹ cậu nói. “Sau một năm nữa, khi con quay về, mọi sự sẽ đâu vào đấy. Bố chỉ lo lắng cho tương lai của con thôi. Tất cả những thay đổi này – chúng xảy ra quá nhanh với bố. Đợi một năm nữa, thế nào bố cũng bình tâm trở lại.”

Chị bắt tay vào xếp các món đồ cậu sẽ mang theo vào các hòm. Sợ mình sẽ quên món gì đó, chị thường xuyên tham khảo danh sách gợi ý trong cẩm nang của trường. Chị hết đóng lại mở va li, lấy đồ ra rồi bỏ vào, nhắm đếm và sắp lại. Người phụ nữ đã từng quản lý hàng hóa của cả Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp nhẹ như không nay bắn cả lên chỉ vì hành lý của

con trai.

Chị quay sang hỏi ý kiến chồng hết lần này đến lần khác. “Farokh, anh bảo em nên để bao nhiêu khăn bông? Anh có nghĩ Maneck sẽ cần một ít quần đẹp không, mấy cái màu xám bằng vải ga-ba-đin ấy? Anh Farokh, bao nhiêu kem đánh răng với xà phòng thì đủ? Em nên đóng gói những loại thuốc nào đây?”

Đáp lại chị luôn là câu: “Đừng làm phiền anh vì những chuyện vớ vẩn đấy nữa. Em tự quyết đi.” Thậm chí anh kiên quyết không chịu lai vãng lại gần đồng quần áo và vật dụng cá nhân đang cao dần, như muốn chối bỏ sự tồn tại của nó. Nếu bất đắc dĩ phải đi qua chiếc va li đang mở toang đặt trên bàn kê ngay ở hành lang tầng hai, anh thường nhìn lảng đi chỗ khác.

Chị Kohlah hoàn toàn thấu hiểu ý nghĩa trong cung cách cư xử của chồng chị. Chị đã tưởng có thể giúp anh bằng cách lôi kéo anh vào việc cùng lên kế hoạch và sắp xếp hành lý, rằng nhờ đó anh có thêm sức mạnh để vượt qua những ngày tháng đang gây ra biết bao nỗi đau cho cả ba người.

Sau những câu trả lời cộc lốc của anh, chị đành thôi không động đến anh nữa. Nói gì thì nói, trong hai vợ chồng, chị vẫn là người mạnh mẽ hơn khi phải đương đầu với những chuyện như thế này, mặc dù cả hai đều chưa bao giờ phải trải qua một cuộc chia ly dài đến mức này với Maneck. Khoảng cách là một thứ nguy hiểm, chị biết chứ. Cứ nhìn chính chị mà xem – giờ chị không tài nào trở về chung sống với gia đình mình ở dưới thành phố được nữa. Và chỉ vì đi học trường nội trú thôi mà Maneck đã bỏ hẳn thói quen ôm bố mẹ buổi sáng, thứ mà nó chưa từng quên, chưa bao giờ; kể cả những hôm bị ốm, nó vẫn sẽ âu yếm bước xuống, vòng tay quanh người mẹ, rồi trở lại giường. Nó sẽ còn bỏ cái gì nữa sau đợt xa cách này? Ngay như bây giờ, nó đã thành một đứa tách biệt hơn, khó nói chuyện và chia sẻ hơn, lúc nào cũng mặt ủ mày chau. Rồi nó sẽ thay đổi đến thế nào nữa? Cái thành phố kia sẽ làm gì con chị? Từ nay chị sẽ mất nó mãi mãi ư?

Dần vật và lo lắng, nên ngay khi đang đỡ tay phục vụ khách, chị cũng vô tình bỏ cửa hàng chạy lên xem những túi cùng hộp của Maneck. Linh cảm trên cửa hàng có chuyện không bình thường, anh Kohlah tắt máy chế nước giải khát giữa chừng và cầm đầu chạy lên cầu thang để xin lỗi các khách khứa đang đứng chờ.

Sáng hôm ấy, anh cố nén giận. Thế nhưng, khi sự việc tái diễn lần thứ hai, anh sửng cồ: “Aban! Xin hỏi mình trong phòng ngủ có việc gì khẩn cấp mà mình phải chạy lên thế?”

Anh vốn không giỏi nói mĩ mai, cũng rất hiếm dùng giọng điệu đó, nên nó vừa khiến anh sửng sốt, vừa làm chị đau đớn. Song chị không muốn bị cuốn vào một cuộc cãi vã, bèn nhẹ nhàng đáp: “Em nhớ ra một chuyện rất quan trọng.

Nên phải đi kiểm tra ngay.”

“Cơn cuồng của em sẽ làm cả nhà phát điên lên mất. Xin em hãy hiểu cho – nếu em lỡ quên gì đó, ta có thể gửi bưu phẩm sau cũng được.”

Song những thứ khiến chị trần trở đầu thế được gói ghém hay gửi đi bằng bưu phẩm, và mọi nỗ lực giải thích đều thất bại thảm hại, lời lẽ nói ra đâm thành sai chệch. “Anh chẳng đếm xỉa gì đến chuyện chuẩn bị đồ đạc cho Maneck, anh không muốn nhọc đến thân. Rồi anh bảo em cuồng với điên ư? Anh không lo cho con sao? Có chuyện gì xảy ra với cảm xúc của anh vậy?”

Dù trong lòng đang giận dữ hoang mang là thế, anh Kohlah vẫn rất hiểu duyên do cách cư xử của chị Kohlah. Một tuần sau lần lời qua tiếng lại kia, anh chợt tỉnh giấc giữa đêm, bị

đánh thức khi chị trở dậy để rời khỏi phòng. Đồng hồ đã điểm mười hai giờ từ vài phút trước. Anh vờ như mình vẫn ngủ say. Anh nghe thấy tiếng sột soạt và lạo xạo của bàn chân chị khi chị dò dẫm tìm đôi dép. Khi chị đã đóng cửa lại sau lưng, anh nhẹ nhàng ngồi dậy và bám theo.

Lớp ván lát sàn lạnh toát dưới bàn chân trần của anh. Anh đi men theo hành lang tối om và, đằng sau góc ngoặt, anh thấy chị đứng trước va li. Anh lùi lại một bước. Chị đứng ngơ ngẩn, đầu hơi cúi xuống, bàn tay luồn trong đồng áo quần của Maneck. Khi vầng trăng lấp sau đám mây trôi ra, ánh sáng bàng bạc soi tỏ khuôn mặt chị. Có tiếng cú rúc lên, anh mừng vì mình đã im lặng, đã âm thầm đi theo chị như thế, để thấy chị thật xinh đẹp, thật mê mải, khi chị đứng đó, hiện thân của bao năm tháng ba người ở bên nhau, ba cuộc đời tan chảy trong con người chị, lung linh trên gương mặt, trên đôi mắt chị.

Con cú lại rúc lên. Ánh trăng lay động, ngập ngừng, rồi để một cụm mây trôi qua. Tay chị khua nhẹ trong va li của Maneck. Lũ chó nằm trên thềm nhà sủa rộ lên – có ma ư?

Farokhn Kohlah nghe tiếng đồng hồ tích tắc, rồi đến tiếng boong lể loi điểm mười hai giờ mười lăm. Anh xiết bao biết ơn đêm tối đã cho anh cơ hội này, ảo cảnh dưới trăng này. Anh trở về giường, và không dám kinh động đến chị khi chị chui vào chăn ít phút sau đó.

Thời điểm cho những lời dặn dò cuối đã tới. Những lời khuyên dành cho Maneck khi cậu xa nhà lần đầu tiên ít nhiều được nhắc lại; bố mẹ cậu cảnh báo con lên đại học không nên giao du với những đứa bạn chơi bạc, uống rượu, hay hút thuốc. Họ dặn cậu giữ tiền của cẩn thận, và nên nuôi một mối hoài nghi lành mạnh, vì con người trên thành phố rất khác. “ Bao nhiêu năm con sống ở đây, bố mẹ chưa bao giờ kiểm chế bản tính thân thiện của con. Dù bạn con giàu hay nghèo, thuộc đẳng cấp hay tôn giáo nào – những khác biệt ấy không quan trọng. Nhưng nay con sắp phải đối mặt với sự khác biệt căn cốt nhất, khi con rời nơi này lên thành phố. Con phải rất, rất cẩn thận.”

Anh Kohlah đã tính cùng con bắt chuyến xe buýt xuống thung lũng, sau đó đi xe lam ra ga. Song cậu giúp việc bán thời gian không đến, dù đã hứa sẽ tới sớm để nhận phần việc buổi sáng. Thế là Maneck đành lên đường một mình trên hành trình xuống thành phố kéo dài một ngày rưỡi.

“Đến ga nhớ thuê một cữu vạn con nhé,” bố cậu nhắc. “Đừng cố tự vác tất cả đồ đạc. Và phải mặc cả trước rồi mới cho người ta động vào hành lý. Ba rupi là đủ rồi.”

“Anh không định ôm con à?” Chị Kohlah nói, giọng cáu kỉnh, khi thấy hai bố con chỉ bắt tay nhau.

“À, cũng được,” Maneck nói, đoạn vòng tay quanh người bố.

Đoàn tàu *Frontier Mail* đã nằm sẵn ở ga khi chiếc xe lam lắc lư dừng lại trước cổng. Maneck trả tiền, rồi theo người cữu vạn đi qua chiếc cầu cạn dẫn sang sân ga phía nam. Cậu dừng lại giầy lát trên đỉnh cầu, con tàu vươn ra, dài và thon, bên dưới chân cậu, người người hối hả bu quanh nó. Như một đàn kiến đang tìm cách khiêng con sâu chết đi, cậu trầm nghĩ.

Người cữu vạn đã đi xa, cậu bèn cất chân chạy theo. Gần phòng đợi, một người bán hàng rong đang nướng ngô, luôn tay quạt những hòn than nổ lép lép. Maneck tính sẽ quay lại mua một ít sau khi đã tìm được ghế của mình.

“Năm chục rupi từ rày trở đi,” cậu bỗng nghe thấy tiếng tay trưởng ga, gã đang đi thu khoản tiền và ngô hàng tuần. “Mày có chỗ đẹp nhất rồi còn gì. Với giá đấy có khối đứa muốn nhảy vào đấy chứ.”

“Suốt cả ngày cháu bị khói hun mù cả mắt, nghẹt cả phổi,” người bán hàng rong nói. “Bác nhìn bàn tay cháu mà xem – đen thui đen thui. Xin bác thương cho.” Anh ta khéo léo xoay tròn mấy bắp ngô cho khói cháy. “Cháu đào đâu ra năm chục rupi cho bác? Cháu còn phải đút các thầy cảnh sát nữa.”

“Đừng có vờ vịt,” gã trưởng ga nói, đoạn nhét năm tiền vào chiếc túi trên bộ đồng phục trắng hồ bột. “Mày kiếm được bao nhiêu mà tao còn không biết đấy phỏng?”

Thỉnh thoảng lại có hạt ngô nổ bung với một tiếng tách đanh gọn. Âm thanh và mùi hương thủy chung thúc giục ký ức của Maneck nhớ về chuyến đi tàu đầu tiên của mình, khi cậu cùng mẹ đi thăm họ hàng.

Lần ấy bố đã ra tiễn hai mẹ con. “Dạo này con nặng quá đi mất,” bố trêu, đoạn công kênh Maneck lên để cậu nhìn rõ hơn cái đầu máy hơi nước. Nó to quá đi mất, cả đoàn tàu nữa, như một chuỗi nhà một tầng, trải ra thật xa, thành một con đường dài ời là dài. Bố công cậu xuống tận cuối sân ga, đến sát con quái vật đang kêu lọc xọc, thở phì phì, còn Maneck đang bận xoay xỏa với bắp ngô của mình. Cậu cắn một miếng, nhựa ngô trắng như sữa bắn tóe lên mắt kính của bố cậu.

Bố bèn giơ tay giật giật mấy cái làm hiệu, người lái tàu hiểu ngay; ông ta tinh nghịch gõ lên vành mũ lưỡi trai của mình và giật một hồi còi cho Maneck. Tiếng rít xé tai, gần đến độ cậu có cảm tưởng nó bật ra từ chính tim mình, làm cậu giật thót, đánh rơi cả bắp ngô. “Không sao,” bố cậu nói. “Mẹ sẽ mua cho con bắp khác.”

Khi thông báo cuối cùng vang lên, bố ấn Maneck qua cửa sổ vào đúng chỗ của mình bên cạnh mẹ. Đoàn tàu chuyển mình, và nhà ga bắt đầu trôi qua trước mắt hai mẹ con. Bố vẫy tay, tươi cười, hôn gió. Bố đi theo toa tàu, rồi chạy một chút, nhưng chỉ ít phút sau đã bị bỏ lại phía sau rồi biến mất như bắp ngô rơi lăn lóc trên sân ga. Mọi thứ thân thuộc mất hút khỏi tầm nhìn...

Maneck tìm thấy toa tàu của mình và trả tiền cho người cứu vãn sau khi hành lý đã được cất xếp gọn ghẽ. Ngôi nhà một tầng trên bánh xe trong tuổi thơ của cậu đã bé lại. Thời gian biến cái thần tiên thành tầm thường. Còi hú vang.

Chẳng còn thời gian để mua ngô nữa. Cậu ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh người khách đồng hành với mình.

Ông khách kia không tỏ vẻ gì là khuyến khích nỗ lực bắt chuyện của Maneck, chỉ đáp lại bằng những cái gật đầu và ậm ừ, hoặc mấy cái phẩy tay hờ hững. Ông ta ăn mặc rất gọn gàng, tóc rẽ ngôi lệch về bên trái. Túi áo sơ mi phồng cứng vì những bút mực và bút đánh dấu được đựng trong một cái hộp nhựa có nắp kẹp đặc biệt. Ngồi ở hai ghế đối diện họ là một cô gái đi cùng bố. Cô ta đang mài đan móc. Nhìn mảnh len treo toong teng trên mũi kim, Maneck cố đoán nó sẽ thành cái gì – khăn, tay áo, tất?

Ông bố đứng dậy để ra nhà vệ sinh. “Bố đợi đã, để con đỡ bố,” cô con gái nói, khi ông chống nạng tập tễnh bước ra lối đi. Hay lắm, Maneck nghĩ thầm, cô gái sẽ phải nằm ở giường tầng trên. Cậu cũng nằm tầng trên, sẽ nhìn cô được rõ hơn.

Tối đến, Maneck mời người hàng xóm ăn vận chỉnh tề một chiếc bánh quy Gluco. Ông ta thì thảo cảm ơn. “Không có gì,” Maneck thì thảo đáp lại, cho rằng ông kia vốn bẩm tính thích nói năng nhỏ nhẹ. Đổi lại chiếc bánh bích quy, cậu được cho một quả chuối. Vỏ chuối đã thâm lại vì nóng, nhưng cậu vẫn ăn.

Người phục vụ vào phát chăn mền cho từng khách, ngả giường ra để chuẩn bị cho họ ngủ. Sau khi anh ta đi rồi, ông khách ăn vận chỉnh tề lấy ra một đoạn dây xích và khóa từ

chính cái túi đã đựng mấy quả chuối và xích hành lý của mình vào một thanh dầm bên dưới ghế ngồi. Ghé sát vào tai Maneck, ông ta thậm thụt giải thích: “Để phòng bọn trộm cắp đấy – chờ khi khách ngủ say, chúng nó mới mò vào từng khoang.”

“Ồ,” Maneck nói, hơi lo sợ. Không ai nói trước với cậu về chuyện đó. Nhưng biết đâu ông khách kia thuộc dạng hay lo xa. “Chú không biết, chứ cách đây ít năm cháu và mẹ cũng đi trên chính con tàu này này, mà có bị mất mát thứ gì đâu.”

“Buồn thay, thời thế bây giờ đổi khác lắm rồi.” Ông ta cởi áo sơ mi và treo gọn ghề lên một cái móc cạnh cửa sổ. Đoạn ông lấy chiếc hộp nhựa khỏi túi áo và cặp nó vào áo lót, khéo lựa để không cặp phải đám lông ngực xoắn tít thò lò. Thấy Maneck đang nhìn, ông ta thì thào cùng một nụ cười: “Tôi quý mấy cái bút này lắm. Tôi không muốn phải xa chúng, kể cả lúc ngủ.”

Maneck cười đáp lại, và cũng thì thào: “Vâng, cháu cũng có một cái bút cháu rất thích. Cháu chả dám cho ai mượn – chỉ sợ hỏng mất ngòi.”

Ông bố và cô con gái tỏ vẻ không hài lòng vì mấy trò thì thì thọt thọt chứa họ ra kiểu đó. “Biết làm sao được hả bố, nhiều người trời sinh ra đã thô lỗ rồi,” cô nói, và đưa cho bố cái nạng. Họ lại đi ra nhà vệ sinh, ném một cái nhìn lạnh lẽo về phía hai ghế đối diện.

Cái nhìn ấy rơi tõm vào hư không, vì Maneck đã bắt đầu lo lắng cho chính va li của mình. Những lời thì thào của ông khách yêu bút về lũ trộm cắp đã phá hỏng buổi tối của cậu, cậu quên khuấy cô gái nằm ở giường tầng trên. Đến lúc cậu sực nhớ ra, cô đã được che chắn khỏi những con mắt soi mói, ông bố kéo chăn dèm lên tận cổ con gái.

Trước khi trèo lên giường của mình, Maneck đặt lại chiếc va li sao cho nằm từ trên kia, cậu vẫn nhìn thấy một góc của nó. Cậu nằm thao thức, chốc chốc lại nhòm va li. Ông bố của cô gái trông thấy cậu ngó xuống mấy lần, và sẫm soi cậu về ngờ vực. Đến gần sáng, cơn buồn ngủ đã chiến thắng nỗi cảnh giác của Maneck. Thứ cuối cùng cậu nhìn thấy khi đang dần hàng phục giấc ngủ là ông bố chống nạng đứng chấp chới, tay giăng tấm ga trải giường che cho cô con gái leo xuống, cổ không để lộ quá một cái cổ chân hoặc mắt cá.

Cậu không tỉnh dậy đến tận khi người phục vụ đến thu dọn chăn màn. Cô gái trẻ đã lại đang bận bịu đan len, mảnh len hình thù kì bí nhảy múa dưới ngón tay cô. Trà được mang lên. Giờ ông khách quý bút ăn mặc gọn gàng đã chịu nói hơn. Mấy chiếc bút đã quay về túi áo ông. Maneck được biết cung cách kiệm lời hôm qua là do bệnh đau họng.

“May phước, sáng nay thì đỡ hơn rồi,” ông ta nói giữa lúc đang ho húng hắng và chực khạc ra.

Nhớ lại mình đã đáp lại những lời thì thào khàn khàn của ông ta bằng cách thì thầm lại với một điệu bộ hết sức nghiêm trọng, Maneck thấy hơi ngượng. Cậu phân vân không biết có nên xin lỗi hay phân bua chẳng, nhưng xem chừng ông khách quý bút chẳng lấy làm bận tâm.

“Bệnh nặng lắm,” ông ta giải thích. “Tôi đi tìm thầy kiểm thuốc đấy chứ.” Ông ta lạiặng hắng. “Từ xưa từ xưa, lúc mới lập nghiệp, tôi có bao giờ ngờ được là nó lại hành tôi đến thế này. Nhưng làm sao đương lại số trời cho được?”

Maneck lắc đầu thông cảm. “Chú làm việc trong nhà máy ă? Do hít khí độc ư?”

Nghe lời ước hỏi, người đàn ông bật cười vẻ khinh bỉ.

“Tôi là LL.B.^[32], luật sư có bằng cấp hẳn hoi đấy.”

“À, ra thế. Vậy là những buổi tranh tụng dài dằng dặc trong phòng xử án bụi bặm đã chèn ép và phá hoại dây thanh quản của chú phải không?”

“Không hề – trái lại là đằng khác.” Ông ta ngập ngừng.

“Chuyện dài lắm.”

“Nhưng chú cháu ta có khối thời gian kia mà,” Maneck động viên. “Chuyến đi này dài lắm.”

Ông bố và cô con gái đã chịu hết nổi những cuộc trao đi đổi lại theo kiểu rầm rì nhỏ to của hai người bọn họ. Ông bố đoán chắc những tiếng cười hình hích ngầm chứa một lời bình phẩm báng bổ nhắm thẳng vào đứa con gái ngây thơ của mình. Ông ta quắc mắt, vớ lấy cái nạng, và cầm tay con gái rồi cả nhắc cả nhót lao ùng ùng ra ngoài. “Biết làm sao được hả bố,” cô gái nói. “Nhiều người chẳng biết thế nào là lễ độ đâu.”

“Tôi chả hiểu hai bố con nhà kia bị làm sao,” ông khách quý bút nói, mắt nhìn theo chuyển động máy móc, chính xác của chiếc nạng. Ông ta mở nắp một cái chai nhỏ màu xanh, hớp một ngụm, rồi cất sang một bên. Tay mân mê mấy chiếc bút vẽ đầy yêu thương, ông ta chạy thử dây thanh quản mới nhúng thuốc bằng một câu mở đầu cho thiên truyện về cổ hòng mình.

“Nghiep luật sư của tôi, vốn là nghề đầu tiên, nghề tôi yêu quý nhất, bắt đầu từ cách đây rất lâu. Đứng vào năm nước ta giành độc lập.”

Maneck nhắm nhanh. “Từ năm 1947 đến 1975 – hai tám năm. Bề dày kinh nghiệm luật pháp đáng nể thật.”

“Không hẳn. Chỉ sau hai năm, tôi đổi nghề khác. Tôi không chịu nổi cứ phải tranh biện liên hồi giữa phòng xử án ngày này qua ngày khác. Áp lực quá lớn với một người nhút nhát như tôi. Hàng đêm tôi nằm trên giường, người run cầm cập, mồ hôi vã ra như tắm, nghĩ đến sáng hôm sau mà sợ. Tôi cần một công việc mà tôi có thể làm một mình.

Kiểu việc *in-camera*^[33].”

“Nghề nhiếp ảnh ạ?”

“Không, đấy là tiếng Latinh, có nghĩa là xử kín.” Ông ta khẽ cào cào mấy cái bút như để gãi ngứa cho chúng, mặt lộ vẻ rầu rĩ. “Tại học luật lâu, nên tôi có cái thói tẻ thế đấy – cứ thích dùng mấy cụm từ ngớ ngẩn thay vì những câu chữ giản dị dễ hiểu. Nói tóm lại, là để tìm chút riêng tư, tôi đã nhận chân biên tập sửa bản in cho tờ *Thời báo Ấn Độ*.”

Làm sao nghề sửa bản in có thể tàn phá cổ hòng cho được? Maneck tự nhủ. Nhưng cậu đã lỡ ngắt lời ông ta đến hai lần và tự biến mình thành thằng ngố. Tốt hơn hết là cứ im lặng mà nghe.

“Tôi là người giỏi nhất họ có, đỉnh nhất luôn. Những bài vở khó và quan trọng nhất đều được để dành cho tôi đọc duyệt. Xã luận, tường thuật phiên xét xử, văn bản luật, số liệu thị trường chứng khoán. Cả diễn văn của các chính trị gia nữa – chán không tả nổi, có thể làm cậu gật gù, rồi ngủ gục hẳn luôn ấy chứ. Mà buồn ngủ là kẻ thù số một của người làm nghề này. Tôi đã chứng kiến nó phá hoại vài thanh danh rất hứa hẹn rồi.”

“Song đối với tôi, chả có cái gì là quá khó nhằn hết. Từng chữ lướt qua mắt tôi, dòng nọ nối dòng kia, một hạm đội tàu quy củ giữa đại dương giấy in. Lắm lúc tôi có cảm giác mình giống như một vị Đô đốc Hải quân, nắm quyền kiểm soát tối cao với toàn bộ lực lượng hải quân của nhà in. Và chỉ sau vài tháng, tôi đã được đề bạt lên chức Trưởng ban.”

“Những giọt mồ hôi đêm biến mất, tôi ngủ ngon lành. Suốt hai mươi tư năm tôi giữ vị trí ấy. Tôi rất sung sướng trong góc làm việc xinh xắn của mình – đó là vương quốc của tôi với cái bàn, cái ghế, cái đèn đọc sách của tôi. Còn mong ước gì hơn nữa?”

“Không thể mong gì hơn,” Maneck nói.

“Chính xác. Nhưng chả vương quốc nào tồn tại đến thiên niên vạn đại – kể cả những vương quốc chia ô nhỏ bé khiêm nhường. Một ngày nó xảy ra, không hề báo trước.”

“Cái gì kia ạ?”

“Thảm họa. Tôi đang đọc duyệt bài xã luận viết về một thành viên Hạ viện đã tư túi một khoản kếp sù từ Dự án Cứu trợ Hạn hán. Mắt tôi bắt đầu ngứa ngáy và chảy nước. Tôi chả nghĩ ngợi gì, dụi dụi vài cái rồi lau mắt cho khô, và tiếp tục đọc. Chỉ vài giây sau, chúng lại ướt nhoẹt. Tôi lại lau. Nhưng chuyện ấy cứ tái diễn liên tục, liên tục. Không phải một, hai giọt vớ vẩn nữa, mà nước chảy hần thành dòng giàn giụa.”

“Chả mấy chốc, các đồng nghiệp tốt bụng đã vây quanh tôi. Họ chen chúc trong ô làm việc nhỏ bé của tôi, hết lời vỗ về an ủi, cứ ngỡ tôi ôm mối đau thương nào đó. Họ đồ rằng việc đọc những bài viết về thực trạng đáng buồn của đất nước hết ngày này qua ngày khác – về nạn tham nhũng, thiên tai địch họa, rồi khủng hoảng kinh tế – rốt cuộc đã làm tôi suy sụp. Rằng tôi đang vỡ òa vì đau buồn và tuyệt vọng.” “Họ nhầm, dĩ nhiên. Tôi chẳng đời nào để cảm xúc xen vào công việc chuyên môn. Cậu nghe rõ nhé, tôi không nói muốn làm nghề sửa bản in thì phải vô cảm. Tôi không phủ nhận rằng bản thân tôi thường xuyên cảm thấy buồn muốn khóc vì những gì tôi đọc được – chuyện về những cảnh đời bất hạnh, bạo lực đẳng cấp, chính phủ nhần tâm, công chức của quyền hách dịch, cảnh sát tàn bạo hung ác. Tôi dám chắc rất nhiều người trong chúng ta cũng có chung cảm giác này, và một cuộc bộc phát cảm xúc là điều khá dễ hiểu. Song một trường hy sinh dai dẳng sẽ hóa trái tim thành sỏi đá, như nhà thơ tôi yêu thích đã viết.”

“Ai thế ạ?”

“W. B. Yeats. Và tôi nghĩ đôi khi ta cần kìm nén trong những hành vi thông thường, để có thể tiếp tục cuộc sống.”

“Cháu cũng không dám chắc,” Maneck nói. “Chẳng phải cứ thẳng thắn bày tỏ sẽ tốt hơn là giấu giếm hay sao? Có lẽ nếu tất cả dân chúng trong nước đều giận dữ hoặc đau khổ, lúc đó tình hình sẽ thay đổi, các chính trị gia sẽ buộc phải cư xử cho tử tế.”

Đôi mắt ông khách sáng lên trước lời thử thách, sung sướng vì lại có cơ hội tranh luận. “Xét về mặt lý thuyết thì đúng, tôi đồng ý với cậu. Nhưng trên thực tế, nó có thể khơi mào cho những thảm họa khủng khiếp hơn nữa. Cậu cứ thử tưởng tượng sáu trăm triệu con người giận dữ, la hét, khóc lóc thì thế nào. Hết thấy mọi người trong đất nước này – cả phi công lái máy bay, thợ lái tàu, nhân viên bán vé xe buýt và xe điện – ai cũng mất kiểm soát hết. Đại họa. Máy bay từ trên trời rơi đập xuống, tàu hỏa đi trật đường ray, thuyền đắm, xe buýt xe tải xe hơi đâm nhau lung tung cả. Loạn. Loạn hết.”

Ông ta ngừng lời để trí tưởng tượng của Maneck có thời gian hình dung ra hết những chi tiết của tình trạng hỗn mang mà cậu vừa ra tay tháo cũi sổ lồng. “Và xin cậu nhớ cho: các nhà khoa học chưa từng tiến hành bất cứ nghiên cứu nào về tác động của hiện tượng kích động hàng loạt và tự tử hàng loạt lên môi trường. Chưa từng, trên quy mô tiểu lục địa như thế này. Nếu cánh bướm có thể tạo ra biến động khí quyển ở cách đó nửa vòng trái đất, ai biết những gì sẽ xảy ra trong trường hợp của chúng ta. Bão? Lốc xoáy? Sóng cồn? Thế còn mặt đất, liệu nó có rung chuyển vì đồng cảm không? Núi có nổ tung không? Còn các dòng

sông, liệu châu chấu lệ ứa từ một tỷ hai trăm triệu con mắt có làm mực nước dâng lên và gây ra lũ lụt không?”

Ông ta lại tợp thêm một ngụm nữa từ cái chai xanh. “Không, quá nguy hiểm. Cứ nên cứ xử theo cách thông thường là hơn.” Ông đóng nắp chai và quệt môi. “Quay về với câu chuyện nhé. Tôi ngồi đó, bản thảo của ngày hôm ấy đặt trước mặt, còn mắt chảy nước giàn giụa. Một chữ cũng không đọc nổi. Cả văn bản, những dòng cùng cột nghiêm ngặt quy củ, đột nhiên nổi loạn, các chữ cái múa may quay cuồng, tan tác giữa một biển giấy đầy bão giông.”

Ông ta đưa tay vuốt ngang mắt, nhớ lại cái ngày định mệnh hôm nào, rồi dịu dàng ve vuốt mấy cái bút, như thể cả chúng cũng biết xót xa khi nghe kể về những sự kiện đau lòng ấy. Maneck bèn nhân lúc này để chen vào vài lời tán dương, với hi vọng câu chuyện được tiếp tục. “Chú có biết không, chú là biên tập viên sửa bản in đầu tiên cháu được gặp đấy. Cháu cứ nghĩ họ là những người tẻ nhạt lắm, nhưng cách chú nói năng thật... kiểu cách... thật khác hẳn. Gần giống như một nhà thơ ấy.”

“Sao lại không chứ? Suốt hai mươi tư năm, những chiến thắng và bi kịch của đất nước ta khiến tôi thổn thức, làm mạch máu tôi hân hoan reo mừng hay run rẩy đau buồn. Suốt hai mươi tư năm đọc bản thảo, hàng đàn từ ngữ đã lao qua cửa sổ tâm hồn bay thẳng vào đầu tôi. Một số ở lại và xây tổ trong đó. Làm sao tôi không nói năng như một thi nhân cho được, với cả khối ngôn ngữ luôn sẵn sàng để tôi tùy nghi sử dụng, lại liên tục được bồi đắp bằng những nguồn mới.” Ông ta buông một tiếng thở dài não nuột. “Cho đến cái ngày ướm át đấy, đương nhiên rồi, khi tất cả chấm dứt. Khi đôi cửa sổ bị đóng sập. Và bác sĩ nhãn khoa mang cái án bất lực trong vào cổ tôi, nói những ngày đọc bản thảo giờ đã là dĩ vãng.”

“Chẳng lẽ ông ấy không kiếm được cho chú một cặp kính hay gì đó ư?”

“Chẳng ích gì đâu. Vấn đề là, đôi mắt của tôi đã bị dị ứng nặng với mực in.” Ông ta xòe hai bàn tay ra làm điệu bộ trắng tay. “Thứ mật ngọt từng nuôi dưỡng tôi đã biến thành thuốc độc.”

“Rồi chú làm thế nào?”

“Người ta còn biết làm thế nào trong hoàn cảnh như thế nữa? Chấp nhận nó, và tiếp tục sống. Cậu hãy luôn nhớ cho, bí mật của sinh tồn là nắm lấy đổi thay, và thích nghi. Xin dẫn lại câu: ‘Vạn vật sụp đổ, rồi sẽ được tái dựng, ai người gây dựng, thật sung sướng lắm thay.’” “Cũng của Yeats à?” Maneck hỏi.

Người sửa bản in gật đầu: “Cậu thấy đấy, cậu không thể tự nhiên vẽ ra những ranh giới cùng vách ngăn và từ chối di chuyển vượt quá phạm vi của chúng. Đôi khi cậu phải lấy thất bại làm những viên đá lát con đường dẫn mình đến thành công. Cậu phải duy trì một trạng thái cân bằng mong manh giữa hi vọng và tuyệt vọng.” Ông ta ngừng lời, nghiêng ngả những gì mình vừa nói. “Phải,” ông ta nhắc lại. “Nói cho cùng, tất cả đều là vấn đề cân bằng.”

Maneck gật đầu. “Nhưng mà, chắc chú phải nhớ công việc cũ lắm nhỉ.”

“À, cũng không hẳn,” ông ta gạt đi nỗi thông cảm. “Không phải bản thân công việc. Đa phần các tin bài trên báo chỉ rất một đồng rác rưởi. Một lượng lớn những thứ đi vào qua cửa sổ tâm hồn của tôi đều nhanh chóng bị thải ra.”

Maneck ngờ ngợ thấy câu này hoàn toàn trái ngược với những gì ông khách vừa nói trước đó. Có lẽ vị luật sư ẩn sau con người biên tập viên vẫn chưa lặn ngề, thừa sức cãi cho cả hai thái cực của một vấn đề.

“Có vài thứ hay tôi đã giữ lại, và nay vẫn còn.” Người sửa bản in gõ cộc cộc mấy cái, trước là lên trán, sau là lên hộp bút nhựa. “Não chẳng gọn ý điên – hộp không dung bút hồng.”

Tiếng dân thành thích của chiếc nạng lẻ loi báo hiệu cuộc trở về dọc hành lang của ông bố và cô con gái. Maneck và người sửa bản in chào họ bằng những nụ cười hòa nhã. Song hai bố con chẳng vì thế mà dễ dàng nguôi giận. Khi bước qua để về chỗ mình ngồi, ông bố thọc mạnh mũi nạng vào chân người sửa bản in. Nếu người sửa bản in không lường trước được cuộc đột kích, hẳn ông ta đã thành công. “Xin lỗi,” ông bố nói cộc lốc, thất vọng ra mặt. “Biết làm thế nào được, sao có thể tránh những lúc vụng về khi ta chỉ còn một cái chân lành giữa thế giới của bọn hai chân.”

“Bác đừng bận lòng,” người sửa bản in nói. “Tôi chưa việc gì cả.”

Cô con gái tiếp tục đan len, còn ông bố hướng đôi mắt hần học ra ngoài cửa sổ, khiến một người nông dân xa lạ đang làm việc trên đồng giật thót vì vô tình bắt gặp ánh nhìn nẩy lửa của ông ta. Maneck muốn người sửa bản in kể nốt câu chuyện. “Thế giờ chú nghĩ hưu rồi à?”

Ông ta lắc đầu. “Muốn cũng chẳng được. Không, may cho tôi, tổng biên tập của tôi là người rất tử tế, đã kiếm cho tôi công việc mới.”

“Nhưng còn bệnh đau họng của chú thì sao?” Maneck cho rằng mục đích của toàn bộ câu chuyện, vì lẽ gì đó, đã bị bỏ quên.

“Bệnh phát khi tôi nhận công việc mới. Nhờ vị trí của mình, ngài tổng biên tập quen biết rất nhiều chính trị gia, nên đã sắp xếp cho tôi làm việc tự do, trong ngành tổ chức mít tinh.” Nhận thấy vẻ phân vân trên mặt Maneck, ông ta giải thích: “Tức là, nghĩ ra khẩu hiệu, thuê khán giả, và tổ chức các cuộc tuần hành và biểu dương lực lượng cho các đảng phái chính trị khác nhau. Lúc ông ta giới thiệu việc cho tôi, mọi thứ có vẻ cũng đơn giản.”

“Rồi có thật thế không?”

“Trên phương diện sáng tạo thì không có vấn đề gì. Viết diễn văn, thiết kế băng rôn – mấy việc đấy đều dễ. Với kinh nghiệm hàng chục năm đọc bản thảo, tôi thông tỏ như lòng bàn tay mấy bài ba hoa bốc phếp mà bọn chính trị gia chuyên nghiệp ưa dùng. *Modus operandi*^[34] của tôi đơn giản lắm. Tôi lập ra ba danh sách: Thành tựu của ứng viên (thực tế và tưởng tượng), Luận điệu chống lại đối thủ (bao gồm tin đồn, lý lẽ, lời ám chỉ bóng gió, và tin bịa đặt), và Hứa hão (càng bất khả thi càng tốt). Công việc sau đó chỉ đơn thuần là lựa chọn các thành phần từ ba danh sách rồi đem kết hợp lại với nhau, mắm muối thêm tí mùi khoa trương phóng đại, gia giảm một vài chi tiết mang tính địa phương, thế là xong – một bài diễn văn mới toanh. Tôi là một thiên tài thực thụ trong mắt các khách hàng của mình.” Một nụ cười vờn vờ trên gương mặt ông khi ông nhớ lại thành công của mình.

“Thử thách đối với tôi nằm ở pha cuối cùng, khi ra ngoài đường phố. Cậu thấy đấy, gần trọn đời đi làm, tôi chỉ ru rú trong văn phòng, trong im lặng, cổ họng tôi không hề được tập luyện. Nay đột nhiên tôi phải hò hét chỉ dẫn, hô hào khẩu hiệu, kêu gọi đám đông nhắc lại lời mình vừa nói. Đó quả là một *terra incognita*^[35] đối với một người vốn quen kiểu việc riêng tư yên tĩnh như tôi. Nó trở thành quá sức. Quá quá sức đối với cái dây thanh quản ít dùng của tôi. Các dây thanh âm của tôi bị tổn thương nặng đến độ, bác sĩ bảo rằng chúng sẽ không bao giờ phục hồi hoàn toàn như cũ nữa.”

“Thật kinh khủng,” Maneck nói. “Lẽ ra chú nên để những người khác hò hét thay mình thì hơn. Nói cho cùng, khán giả được thuê để làm việc đó cơ mà, phải không?” “Chính xác.

Nhưng thói quen từ công việc cũ của tôi – phải đích thân làm mọi thứ, từ những tiểu tiết nhỏ nhất – là một thói quen rất khó bỏ. Tôi không thể để đám khán giả được thuê thích hò reo thể nào mặc tình. Nói cho cùng, thành công của một cuộc mít tinh được đo bằng đơn vị đêxi-ben^[36]. Khẩu hiệu thông minh và băng rôn hùng hồn đâu có tự nói được. Thế nên tôi cảm thấy mình phải làm mẫu, hăng hái vận dụng chính giọng nói của mình, tuôn chảy và vang rền, khấn cầu các vì tinh tú, nguyện rửa những thế lực ma quỷ, tán tụng các vị Mạnh Thường Quân – rống và hét và gào và hú, cho đến khi chiến thắng thuộc về tôi mới thôi!”

Hồi tưởng đến kì phấn khích, người sửa bản in quên bém mắt giới hạn của mình và bắt đầu lên giọng. Ông ta rút trong túi ra một cây bút và múa may nó như chiếc đũa của một vị nhạc trưởng. Đột nhiên, cuộc tường thuật đậm chất giao hưởng của ông bị gián đoạn bởi một tràng ho và nghẹn và hỗn hển dữ dội.

Ông bố và cô con gái co rúm người lại, nép sát vào thành ghế, sợ dính bệnh truyền nhiễm từ cơn ho nghe rợn gáy. “Biết làm sao được hả bố,” cô gái khụt khịt, tay đưa vạt sari lên che mũi và miệng. “Nhiều người chẳng biết để ý để tứ gì đến những người xung quanh. Cứ vô tư phát tán vi trùng của mình.”

Người sửa bản in nín thở và nói: “Cậu thấy chưa? Cậu thấy tôi khổ sở tới mức nào chưa? Đây là hậu quả của nghề tổ chức mít tinh đây. Chúng bắt lực thứ hai.” Ông ta đưa hai bàn tay lên vào bầu chặt lấy cổ. “Có thể nói tôi đã tự cắt cổ họng của chính mình.”

Maneck cười tán thưởng, nhưng người sửa bản in không hề có ý định pha trò. “Tôi đã học được từ kinh nghiệm của bản thân,” ông làm giọng nghiêm trọng. “Giờ tôi luôn giữ một anh trợ lý họng khỏe bên mình, tôi thì thăm các chỉ dẫn vào tai anh ta. Tôi dạy anh ta cách ngắt nghỉ, lên xuống, chữ nào thì nhấn, chữ nào thì lướt. Sau đó anh ta sẽ thay mặt tôi chỉ huy lũ đoàn hò hét.”

“Thế họng anh ta ỏn, không gặp vấn đề gì chứ ạ?”

“Ừ, nhìn chung khá ổn. Trước khi xuất ngũ, anh ta từng là một hạ sĩ quan. Tuy vậy, tôi vẫn bắt anh ta phải trữ sẵn thật nhiều viên ngậm bạc hà. Thực ra lát nữa chính anh ta sẽ đón tôi ở nhà ga chứ ai. Trên thành phố nhu cầu về tổ chức mít tinh lúc nào cũng cao. Đang có rất nhiều nhóm người thường xuyên rơi vào trạng thái kích động – nào đòi thêm lương thực thực phẩm, rồi bớt thuế, tăng lương, giảm giá cả. Vì thế nhân dịp tôi đi điều trị, chúng tôi sẽ lo công chuyện luôn.”

Đến cuối câu chuyện, giọng nói của ông đuối dần thành tiếng thều thào yếu ớt mà tối qua ông phải vất vả lắm mới nặn ra được. Maneck bèn khuyên ông ta không nên ép uống bản thân thêm nữa.

“Cậu nói phải lắm,” người sửa bản in nói. “Lẽ ra tôi phải thôi nói từ lâu rồi mới phải. Nhân thế, tên tôi là Vasantrya Valmik.” Đoạn, ông ta chìa tay ra.

“Maneck Kohlah,” cậu đáp, và bắt tay ông, còn ông bố và cô con gái quay mặt đi chỗ khác, không thiết tham gia cuộc chào hỏi của hai gã bất lịch sự nọ.

Sau ba mươi sáu tiếng kể từ lúc rời nhà, Maneck lên đến thành phố, quần áo bám đầy bụi bặm, mắt nhức nhối. Mũi cậu ngậm ngẩm đau, họng khô đắng. Cậu tự hỏi không biết hành trình vừa qua còn tàn phá bộ dây thanh âm xơ xác của ông khách nọ tới mức nào.

“Tạm biệt chú, chú Valmik – xin chúc chú mọi điều tốt lành,” cậu nói, đoạn khó nhọc len ra ngoài cùng đủ thứ hòm xiểng.

Đứng thiếu não trên sân ga, mắt đưa quanh quất tìm vị hạ sĩ quan về hưu của mình, Vasantrao Valmik hầu như không đủ sức thốt ra lấy một câu hỏi đáp. Ông ta giơ một tay lên chào tạm biệt, trên đường hạ xuống, nó tiện thể vuốt ve luôn mấy chiếc bút.

Chiếc xe tắc xi chở Maneck từ nhà ga về kí túc xá phải đi vòng qua một vụ tai nạn. Một ông cụ bị xe buýt tông phải. Trong khi chờ cảnh sát và xe cứu thương tới, người soát vé ra vẫy những xe buýt đi ngang qua và lừa khách của mình lên đó.

“Phải trẻ tuổi, nhanh chân mới mong qua đường lành lặn,” người tài xế tắc xi dăm chiêu.

“Đúng vậy,” Maneck nói.

“Lũ tài xế xe buýt khốn nạn, chúng nó toàn đút lót để mua bằng, chứ có thi thố quái gì đâu,” ông ta lên giọng phẫn nộ, đoạn đánh xe sang làn đường ngược chiều để vượt lên. “Phải tống hết bọn này vào tù.”

“Chú nói phải,” Maneck nói, chỉ nghe lơ mơ. Lọc qua nỗi kiệt quệ của cậu, thành phố lướt qua ô cửa sổ xe tắc xi như một cuộn phim. Trên vỉa hè, lũ trẻ đang ném đá loạn xạ vào một cặp chó tơ dính lấy nhau. Có người tạt cả xô nước vào hai con vật để tách chúng ra. Chiếc tắc xi suýt đâm vào một con khi nó chạy vụt vào dòng xe cộ.

Ở chốt đèn giao thông tiếp theo, cảnh sát đang bắt giữ một người đàn ông vừa bị sáu thanh niên tấn cho một trận lên bờ xuống ruộng. Dân cư khu phố đã đổ tràn ra đường để chứng kiến cao trào của tấn kịch. “Sao thế?” Người tài xế thò cổ ra khỏi cửa sổ để hỏi một người xem.

“Thằng đấy vừa tạt a-xít vào mặt vợ.”

Đèn chuyển màu trước khi họ kịp tìm ra nguyên nhân. Người tài xế đoán có lẽ vì bà vợ đã lăng nhăng với gã nào đấy; hoặc làm cháy bữa tối của lão chồng. “Nhiều thằng điên lắm, việc gì cũng dám làm.”

“Biết đâu lại cãi nhau về chuyện hồi môn cũng nên,” Maneck nói.

“Cũng có thể. Nhưng thường những ca đấy họ hay dùng dầu hỏa, lấy luôn trong bếp.”

Khi Maneck về đến kí túc xá thì đã tối mịt. Vào phòng bảo vệ, cậu được nhận sổ phòng, chìa khóa, và một tờ danh sách các quy định: Vui lòng luôn khóa cửa phòng. Vui lòng đừng viết hoặc cào lên tường bằng vật sắc nhọn. Vui lòng đừng đưa người khác giới về phòng. Vui lòng đừng vứt rác qua cửa sổ. Vui lòng giữ yên lặng vào buổi đêm...

Cậu vo tròn tờ danh sách in rô-nê-ô và vút lên chiếc bàn nhỏ. Một đến không ăn uống hay tắm rửa nổi, cậu moi từ hành lý ra một tấm ga trắng và lăn ra ngủ.

Con vật gì đó bò dọc bắp chân đã đánh thức cậu. Cậu chống khuỷu lên phải thật mạnh khắp khoảng dưới đầu gối. Ngoài trời tối om. Cậu rùng mình, và tìm cậu đập thành thịch như điên trong cơn hoảng loạn vì không nhớ nổi mình đang ở đâu. Tại sao ô cửa sổ phòng ngủ của cậu lại co hẹp đi thế này? Và đâu mất rồi, dải thung lũng trải rộng phía xa, với vô vàn đốm sáng nhảy múa trong đêm, và những ngọn núi in hằn cái bóng lơ mơ nơi chân trời? Sao lại biến đi hết rồi?

Cảm giác bình tâm bao trùm toàn thân cậu như một tấm chăn khi đôi mắt cậu bắt đầu nhìn ra hình hài của đồng hành lý nằm dưới sàn. Cậu đã đi. Bằng tàu. Đi đường dài khiến mọi cảm giác thân thuộc đều tan biến. Cậu đã ngủ bao lâu rồi – mấy tiếng hay mấy phút? Cậu nhòm xuống chiếc đồng hồ để tìm lời giải đáp, căng mắt đọc mấy con số phát quang.

Cậu giật thót, chợt nhớ ra cái gì đã đánh thức mình dậy. Con gì đó bò trên chân cậu. Cậu nhảy khỏi giường, đá vào đồng hành lý, đập lên ghế, và cuống cuống sờ soạn khắp mặt tường. Công tắc. Tách. Ngón tay cậu đem sự sống tới cho quả bóng đèn trần trọi, và tấm ga giường sáng lóa lên như một cánh đồng tuyết lấp lánh, tươi mát, trừ một khoảng nơi cậu vừa nằm, lấm lem bụi đất từ mặt và quần áo của cậu.

Rồi cậu nhìn thấy nó trên mép tấm trải trắng. Bắt gặp ánh đèn chói gắt, con vật lủi nhanh về phía kẽ hở giữa giường và tường. Cậu vớ lấy một chiếc giày và đập túi bụi theo hướng nó bò.

Cú đánh trật hướng; con gián biến mất. Thất vọng, cậu cố đè nổi mỗi mệt xuống và quyết xử lý vấn đề cho tới nơi tới chốn. Cậu lôi giường ra xa tường, thật chậm rãi, để không đánh động kẻ đào tẩu, đến khi tạo được một khoảng trống đủ cho mình lách vào.

Chút sàn nhà vừa lộ ra phơi bày cả một hội nghị gián. Cậu chui vào thật khế, giơ cánh tay, và đập liên hồi kì trận. Ba con bỏ mạng dưới đế giày của cậu, lũ còn lại trốn sạch dưới gầm giường. Cậu bò hẳn xuống trên hai tay và đầu gối, quyết trí không để chúng ám quẻ mình thêm nữa. Cùng lúc đó, mắt cá chân cậu bắt đầu nổi ngứa, và mấy ngón tay đưa xuống gãi sờ thấy một cục sưng đỏ. Cậu phát hiện ra mấy nốt ngứa tương tự trên cánh tay mình.

Có tiếng gõ cửa. Cậu do dự, không muốn rời bỏ con mồi – nếu chúng tìm được chỗ trốn, thì đến hết đêm nay, cậu đành phó mặc bản thân cho chúng tùy nghi sinh sát.

Có tiếng gọi: “Xin chào! Mọi việc ổn cả chứ?”

Maneck bò ra khỏi gầm giường và mở cửa. “Chào cậu,” người khách nói. “Tôi là Avinash. Ở phòng bên.” Anh ta chìa tay phải ra; tay trái cầm một cái bình xịt.

“Tôi là Maneck.” Cậu buông rơi chiếc giày và bắt tay anh ta, rồi quay đầu lại liếc nhanh một cái, phòng khi kẻ thù tính kế tẩu thoát.

“Tôi nghe có tiếng đập,” Avinash nói. “Gián hả?” Maneck gật đầu, đoạn cầm chiếc giày lên.

“Bình tĩnh nào, tôi mang tới cho cậu ít công nghệ tiên tiến đây.” Miệng cười nhả nhỏ, tay anh ta giơ cái bình xịt lên.

“Cảm ơn anh, nhưng không cần đâu,” Maneck vừa nói vừa gãi càn cạch mấy cục mề đay đỏ tấy trên cánh tay. “Tôi vừa giết được ba con rồi và...”

“Cậu chưa biết xứ này đầy thôi. Giết được ba con, thì ba chục con sẽ xếp hàng một kéo đến, để trả thù. Y như phim Hitchcock.” Anh ta cười lớn và tiến lại gần, đoạn chạm nhẹ lên mấy nốt sưng đỏ trên cánh tay Maneck. “Rệp.”

Lời khuyên của anh ta là xịt thuốc toàn bộ căn phòng và ra ngoài đứng chờ khoảng bốn mươi lăm phút. “Đó là cách duy nhất giúp cậu có thể chợp mắt tối nay, tin tôi đi. Tôi đã sống đến năm thứ ba trong cái kí túc xá này rồi.”

Họ lột vỏ ga, dựng đệm lên, và xịt thuốc lên khung và giát giường. Cả căn phòng cũng được xịt – dọc bậc cửa sổ, các góc ngách, bên trong tủ búp phê. Va li cùng rương hòm được chuyển sang phòng Avinash, phòng khi bọn rệp và gián lấy đó làm chỗ tị nạn.

“Tôi ngại quá, dùng mất bao nhiêu thuốc xịt của anh,” Maneck nói.

“Đừng lo, rồi cậu sẽ phải tự mua riêng một bình Flit cho mình thôi. Cậu mua đèn cho tôi sau cũng được. Các phòng phải được xịt thuốc ít nhất một lần mỗi tuần.”

Họ ngồi xuống để chờ lũ sâu bọ chết hết, Maneck ngồi vào chiếc ghế duy nhất, Avinash trên giường. “Xong,” anh ta nói, đoạn ngả người ra tì lên hai khuỷu tay.

“Cảm ơn anh đã giúp.”

“Không sao, ôi dào, có gì đâu.” Tiếp đến là một khoảng im lặng, để xem cuộc đối thoại sẽ tiếp diễn theo hướng nào. Không thấy gì. “Cậu có muốn chơi cờ vua, hay cờ đam, hay gì đó để giết thời gian không?”

“Có, cờ đam đi.” Maneck thích đôi mắt anh ta, cách chúng nhìn thẳng vào mắt cậu.

Trò chuyện trở nên dễ dàng hơn khi họ bắt đầu cuộc chơi, hai cái đầu chụm lại trên bàn cờ. “Nhà cậu ở đâu?” Avinash hỏi, và ăn quân vua đầu tiên.

Câu chuyện về thị trấn miền núi, các cụm dân cư, những ngọn núi, lũ khỉ và tuyết mê hoặc Avinash. Anh ta thú thực, khi vừa thắng một ván và đang bày bàn cờ cho ván tiếp theo, rằng mình chưa từng được đi đâu.

“Ngôi nhà được cụ cố của tôi xây trên một ngọn đồi,” Maneck kể tiếp. “Và vì mặt đất rất dốc, nên chúng tôi phải dùng cáp thép để buộc cố định nó lại.”

“Họm đã – cậu nghĩ tôi vừa để hôm qua chắc?”

“Không, thật mà. Trước đó có một trận động đất, nên nền đất trượt dốc. Vì vậy mới cần chằng cáp.” Cậu giải thích quá trình tu tạo đã được tiến hành ra sao, và mô tả cả các chi tiết kỹ thuật.

Vẻ thành thực của cậu đã thuyết phục được Avinash. Hình ảnh một ngôi nhà bị tròng một sợi xích, đầu kia buộc vào đá núi, khiến anh ta thích thú. “Nghe như một ngôi nhà đang tính đường tự tử ấy nhỉ.”

Họ cười ồ. Avinash đi một quân cờ và nói: “Lên vua này.”

Sau vài nước đi, anh ta lại thắng. “Vậy bố cậu làm nghề gì?”

“Gia đình tôi có một cửa hiệu.”

“A, chủ doanh nghiệp. Chắc ông cụ kiếm khá lắm, thế mới có tiền cho cậu xuống tận đây học chứ.”

Giọng giễu cợt phảng phất trong câu nói của anh ta làm Maneck tự ái. “Chỉ là một cửa hiệu nhỏ thôi, bố mẹ tôi làm lụng cũng vất vả lắm. Họ bắt tôi xuống đây học vì tình hình buôn bán đang trượt dốc và...”

Hai người nhất loạt nhìn lên, và cười phá ra vì từ cậu dùng. Maneck tự thấy mình trả lời ngắn ấy câu hỏi đã là quá đủ. “Thế còn anh? Anh cũng học ở đây, chắc bố anh cũng phải đủ lực chứ.”

“Xin lỗi vì phải làm cậu thất vọng. Tôi có học bổng.”

“Chúc mừng anh.” Maneck ngẫm nghĩ bước tiếp theo.

“Thế bố anh làm nghề gì?”

“Làm trong xưởng dệt.”

“Ông ấy là quản đốc à?” Avinash lắc đầu.

“Kế toán?”

“Bố tôi chuyên vận hành máy móc. Ông đã điều khiển cái máy dệt khi gió ấy suốt ba

chục năm, thế đã được chưa?” Giọng anh ta run lên, chấp chới trên bờ vực cuồng nộ, rồi anh ta bình tĩnh trở lại.

“Tôi xin lỗi,” Maneck nói. “Tôi không có ý...”

“Sao phải xin lỗi? Tôi không hổ thẹn vì sự thật. Tôi mới là người phải xin lỗi, vì không có câu chuyện nào thú vị hơn cái này. Không núi, không tuyết, không ngôi nhà nào chục lần xuống dốc cả – chỉ có một ông bố vất hết tuổi trẻ cho nhà máy, và được lại quả bệnh lao phổi.”

Họ lại cầm mắt xuống bàn cờ, còn Avinash tiếp tục kể. Sau khi giành được học bổng, anh đã rất háo hức chờ ngày được dọn đến phòng kí túc xá. Từ thuở lọt lòng, anh đã sống cùng bố mẹ và ba cô em gái trong căn nhà một-phòngkiếm-bếp mà xưởng dệt cho gia đình anh thuê. Bố anh đã mắc bệnh lao từ mấy năm trước, nhưng nay vẫn buộc phải làm việc giữa bầu không khí đầy bụi bặm và sợi bông để nuôi cả nhà. Vả lại, nếu ông nghỉ, gia đình họ sẽ phải dọn ra khỏi khu tập thể của nhà máy, lúc ấy thì chẳng còn chỗ nào mà trú chân.

Kí túc xá là một nỗi thất vọng tràn trề khi Avinash mới tới, bẩn thỉu, gián chuột hoành hành khắp nơi. “Nhà tôi chỉ có độc một phòng kiêm bếp thật đấy, nhưng chí ít chúng tôi còn giữ nó sạch sẽ.” Rồi đến nỗi chán nản khi phải giữ chức Chủ tịch Hội sinh viên và Trưởng ban Kí túc xá. “Tôi hối hận lắm vì đã được bầu. Trong cẩm nang của trường chả có dòng nào chuẩn bị cho cậu đối phó với cuộc sống trong kí túc xá cả.”

“Ý anh là sao?”

“Kể ra lại làm hỏng luôn ngày đầu tiên của cậu mất. Những thứ cậu được chứng kiến cho tới nay chả nhằm nhò gì đâu. Nhưng nếu sinh viên chịu để tâm, lên tiếng đòi cải thiện, nhà tắm và nhà vệ sinh sẽ dễ dàng được sửa sang lại ngay. Tiền bảo trì bảo dưỡng đều trôi vào túi ai đó hết rồi. Y như căng-tin. Lão cấp dưỡng được ôm một hợp đồng béo bở, và cho sinh viên ăn toàn thứ rác rưởi. Nhưng cậu vẫn phải chọn lấy một loại rác cho mình – chay hoặc mặn.”

“Tôi không phải đứa kén ăn đâu,” Maneck nói giọng cứng cỏi.

Avinash cười phá lên. “Để xem. Thực ra, gọi là chọn cũng chẳng phải. Tôi nghĩ đồ chay cũng giống hệt đồ mặn, chỉ có điều không kèm xương xẩu thôi.”

Maneck tập trung chơi; cậu nghĩ một quân lính của mình rốt cuộc cũng sắp xuyên thủng được hàng rào phòng thủ.

“Cái khó là,” Avinash nói, đoạn xơi tái luôn con cờ đầy hứa hẹn, “đa phần các sinh viên sống trong kí túc xá đều xuất thân từ các gia đình nghèo khó. Họ sợ, không dám phản nản, ai cũng chỉ mong chóng học xong rồi tìm lấy một công việc để có thể chăm lo cho bố mẹ cùng các anh chị em.”

Bị bắt bài lần nữa, Maneck lại để một quân khác của Avinash lên vua và thua cuộc sau hai nước. Cậu không cáu dù bị thua liên tục, vì đối thủ của cậu không hề tỏ vẻ hả hê.

“Trông cậu có vẻ buồn ngủ,” Avinash nói. “Hèn gì cậu không tập trung nổi.”

“Không sao đâu, ta chơi một ván nữa đi. Nhưng anh biết không, anh rất khác các sinh viên khác.”

Avinash cười. “Làm sao cậu biết? Cậu chỉ mới đến.”

Maneck ngẫm nghĩ, ngón tay lướt trên những vòng tròn đồng tâm khắc trên mặt quân cờ. “Vì... vì tất cả những thứ anh vừa nói. Vì anh trở thành chủ tịch, để cải thiện tình

hình.”

Avinash nhún vai. “Tôi không nghĩ thế. Tôi đang tính nghỉ. Tôi nên dành thời gian và công sức cho việc học. Tôi là đứa con đầu tiên trong nhà học hết phổ thông. Cả nhà đều trông vào tôi. Cả ba con em gái của tôi nữa. Tôi phải kiếm đủ tiền để làm hồi môn cho chúng nó, nếu không chẳng ai thèm lấy chúng nó đâu.” Anh ta ngừng lời, mỉm cười. “Hồi ba đứa còn bé, chúng từng cắn ngón tay tôi, lúc tôi giúp mẹ cho chúng ăn.” Nghĩ đến đây, anh ta cười vang. “Bố tôi nói tất cả chỗ máu ông phải nhỏ ra sẽ không còn là vô ích nếu tôi lấy được bằng cùng một công việc tử tế.”

Họ ngẩng mặt lên khỏi bàn cờ, và Avinash im lặng. Nói chuyện khi mắt đang dán vào những quân cờ thật dễ dàng. Logic của tấm bảng kẻ ô đã nắm quyền chi phối, dẫn dắt cả cuộc chơi lẫn cuộc đối thoại. Nay mỗi dây đã đứt. Cảm giác ngại ngùng và lúng túng tràn vào thế chỗ.

“Tôi phải dỡ đồ ra đây.”

“Chắc phòng của cậu cũng ổn rồi. Ta sang xem đi.”

Họ khuôn va li cùng hòm xiểng trở vào, quét hết gián chết ra và trải chăn đệm. “Đừng đẩy vào sát tường như cũ,” Avinash nói. “Nên để cách ra chừng dăm chục phân thì an toàn hơn.” Anh ta cũng gợi ý nên kê bốn chân giường ngập trong bốn lon nước, để lũ sâu bọ khỏi bò lên. “Để mai làm cũng được. Đêm nay cậu sẽ bình yên vô sự thôi.”

Maneck phàn nàn với phòng bảo vệ là cậu không thấy động tĩnh gì khi giật dây xả trong nhà vệ sinh.

“Đấy là vì không có nước cho kết xả,” viên thư ký nhìn lên, tay đang dán dở băng dính lên mấy thứ giấy tờ rách. “Tay nhà thầu xây tòa nhà này đã không đặt ống nước, để ăn bớt tiền. Trường đã kiện hấn ra tòa. Nhưng em khỏi lo, người lao công chịu trách nhiệm dọn nhà vệ sinh đã có cách xử lý.”

“Bằng cách nào?”

“Dội nước thôi.”

“Bao giờ bác lao công mới đến ạ?”

“Trước khi cả kí túc xá ngủ dậy – bốn giờ sáng, có khi năm giờ.”

Maneck lập tức nghĩ ra một giải pháp quyết liệt: trở thành người đầu tiên đặt chân vào nhà vệ sinh mỗi sáng, dù cậu phải dậy sớm tới mức nào để giành được đặc quyền này.

Hôm sau, nghe tiếng cậu mò dậy trước cả mặt trời, Avinash bèn chạy sang xem. “Có chuyện gì thế? Cậu bị ốm à?”

“Không, tôi vẫn khỏe – sao thế?”

“Cậu biết bây giờ là mấy giờ không? Năm giờ mười lăm.”

“Tôi biết. Nhưng tôi ghét phải thấy cửt của người khác nhìn chòng chọc vào mặt mình khi đi vệ sinh.”

Avinash phát cáu vì đã tự lòi mình ra khỏi giường vì chuyện không đâu, nhưng lại cười khùng khục. “Cậu ấm ơi là cậu ấm. Bao giờ cậu mới quen với đời thực?”

“Tôi đã bảo anh tôi không phải cậu ấm cậu chén gì sát. Phòng vệ sinh của nhà tôi cũng đơn giản, y như ở đây thôi. Nhưng ở đấy trong két xả có nước. Và không hôi thối như thế này.”

“Vấn đề của cậu là cậu nhìn thấy quá nhiều, nghĩ thấy quá nhiều. Đây là cuộc sống ở thành phố lớn – không phải những ngọn núi tuyết phủ xinh đẹp nữa. Cậu phải học cách tiết chế đôi mắt và cái mũi ẻo lả của cậu. Còn một thứ nữa, cậu nên chuẩn bị tinh thần đi là vừa, bọn ma quấy.”

“Ôi thôi,” Maneck kêu lên, nhớ lại hồi học trường nội trú. “Bọn này chưa lớn sao? Thế họ làm gì? Đổ nước lên giường?”

Hay bỏ muối vào trà?”

“Cũng kiểu kiểu như vậy.”

Trong lá thư gửi về nhà vào cuối tuần, Maneck phải vất vả lắm mới tìm ra chuyện để viết mà không phải lo bị hiểu nhầm là kêu ca. Cậu không muốn Thiếu tướng và bà Grewal, cùng tất cả những người sẽ được đọc chung lá thư, nghĩ cậu là một thằng bé mít ướt lo thân chẳng nổi.

Tuy nhiên, sau nửa tháng đầu, khi cậu và Avinash trở nên thân thiết, cậu hầu như đã tin vào điều cậu từng được nghe trước khi rời nhà: rằng cậu sẽ có quãng thời gian rất vui vẻ ở trường đại học.

Một tối, nhân lúc chơi cờ đam, Maneck thú thật rằng cậu mù tịt cờ vua. Avinash nói anh có thể dạy cậu chơi chỉ trong ba ngày. “Thật đấy, nếu cậu thực sự muốn học.”

Vì cả hai đều không ăn chay và ngồi ở cùng một khu trong phòng ăn, nên buổi học cờ vua diễn ra ngay trong các bữa tối, với giấy và bút chì. Maneck nói nhờ mỗi phân tán này mà món nước vo gạo của căng-tin trở nên dễ nuốt hơn.

“Vậy là cậu học được rồi đấy,” Avinash nói. “Bí quyết là ở đấy – phân tán cả ngũ quan. Tôi đã nói cho cậu nghe học thuyết của tôi về chúng chưa? Tôi nghĩ thị giác, khứu giác, vị giác, xúc giác, thính giác của chúng ta đều được hiệu chỉnh sẵn để tận hưởng lạc thú của một thế giới hoàn mỹ. Nhưng vì thế giới là bất toàn, nên ta phải che bớt chúng đi.”

“Thế giới kì tặc xá còn hơn cả bất toàn ấy chứ. Nó là một khối méo mó khổng lồ.”

Ăn xong, họ chuyển sang sảnh chung, lúc ấy vẫn vắng vẻ. Có mấy sinh viên đang tụ tập quanh bàn bi-a. Mỗi lần một tay cơ thọc bóng vào trúng thành bàn làm nó nảy bật lại, những người xem lại lầm rầm khen ngợi hoặc xuýt xoa tiếc nuối. Một tốp khác kéo vào, cười nói âm ỉ, và rủ nhau chơi trò tung-nấp-bút-trúng-quạt: ném một cái nắp bút về phía quạt trần đang quay chậm chậm, sao cho nó đập trúng một trong ba cánh quạt. Sau vài lần ném, cậu sinh viên đầu tiên trò này trèo lên một cái ghế, giữ chặt quạt, và đặt chiếc nắp bút lên đó. Họ tăng số lên cho quạt quay vù vù khiến chiếc nắp bút bay vèo xuống. Tiếp đến, họ túm lấy một cậu và nâng lên sát quạt, dọa sẽ cho cánh quạt phạt đứt người cậu ta. Cậu kia kêu tru tréo đủ kiểu – vì sợ, và cũng vì cả bọn chỉ mong cậu ta làm thế.

Maneck và Avinash theo dõi trò hề của bọn kia một lúc, rồi lên phòng để tiếp tục tiết học cờ. Đám quân cờ của Avinash đang đợi sẵn trên bàn của anh ta, trong một cái hộp gỗ dán phủ lớp áo véc ni màu nâu bóng loáng. Anh ta mở nắp trượt, và dốc hết cả hộp xuống bàn cờ.

Các quân cờ nhựa rơi ra được đúc khá thô; để viên một đường nỉ xanh lục. Maneck để ý thấy một tờ giấy úp sấp mặt dưới đáy hộp, bèn lật lên.

“Ê, đồ cá nhân đấy,” Avinash kêu lên.

“Ghê thật,” Maneck xuýt xoa, đoạn đọc tờ giấy với vẻ ngưỡng mộ: bộ cờ là phần thưởng

cho quán quân Giải đấu cờ liên lớp năm 1972. “Không ngờ thầy dạy tôi lại là nhà vô địch cờ đây.”

“Tôi không muốn làm cậu bị áp lực,” Avinash nói. “Thôi, tập trung vào đi.”

Sang ngày thứ ba, Maneck đã học xong những kiến thức cơ bản của trò chơi. Hôm ấy họ đang ngồi trong phòng ăn, phân tích một thế cờ Avinash bày ra, thử thách đặt ra là quân trắng phải chiếu tướng trong vòng ba nước. Đột nhiên, có tiếng huyền não bên khu ăn chay. Nhiều sinh viên nhảy dựng khỏi ghế, bàn bị lật, bát đĩa loảng xoảng vỡ nát, còn ghế ngồi thì nhau bay vèo vèo về phía cửa bếp. Chẳng bao lâu sau cả phòng ăn đã khám phá ra nguyên nhân của cơn cuồng nộ: một sinh viên ăn chay phát hiện ra một miếng thịt lạc giữa hỗn hợp được gọi là nước sốt đậu chay.

Tin tức lan ra, về tay cấp dưỡng khốn nạn đã dám đùa bỡn tình cảm tín ngưỡng, chà đạp niềm tin, làm ô uế thân xác của sinh viên, tất cả chỉ hòng mục đích nhồi đầy túi tham của hắn. Chỉ sau ít phút, toàn bộ sinh viên ăn chay sống trong kí túc xá đã đổ hết xuống căng-tin, ai nấy sục sôi trước hành động dối trá nọ. Một số người dường như đã cận kề bờ vực điên loạn, họ gào thét đến lạc cả giọng, toàn thân co giật, ngón tay móc vào họng mong có thể trục xuất thứ chất cấm. Một số người cuối cùng cũng nôn sạch được bữa tối.

Song chẳng có ngón tay nào đủ dài để với tới chỗ thức ăn đã được tiêu hóa từ đầu bữa ăn. Thứ xấu xa đó đã được hấp thụ để trở thành một phần máu thịt họ, và là cội nguồn nỗi thống khổ của họ. Họ khạc và nhổ và rên rỉ, và quay mòng mòng, tay ôm đầu, gào khóc vì mối tai họa, nhất định không thừa nhận rằng bụng mình đã trống trơn, rằng trong đó chả còn cái gì để nôn ra nữa.

Cơn cuồng loạn tìm được một mục tiêu thích đáng hơn khi mấy người công nhân bếp ăn bị lôi ra ngoài. Toàn thân sục mùi dầu ôi và mồ hôi và bếp nóng, sáu người đứng run rẩy trước các nguyên cáo. Bộ đồng phục trắng lấm đốm vết bẩn từ cuộc vật lộn với thực đơn buổi tối – những đốm màu nâu của đậu lăng, vệt màu xanh lục của rau chân vịt.

Viễn cảnh báo thù có tác dụng như một thứ chất kháng a-xít đối với những bộ lòng chay tịnh vừa bị quấy rối. Cảm giác buồn nôn nguôi ngoai dần; dòng thác của nước mật và nước nôn và đủ thứ chất thải xanh xanh vàng vàng nay bị thể chock bởi cơn lũ bạo lực ngôn từ.

“Đánh chết mấy thằng khốn mắt dạy đi!”

“Đấm vỡ mặt chúng nó ra!”

“Bắt chúng nó ăn thịt!”

Những lời hăm dọa không biến ngay thành hành động vì sáu người kia đã khôn ngoan quỳ xuống và kêu rên rầm rĩ. Tiếng khóc lóc sứt sùi và van vỉ xin tha của họ cũng hỗn loạn điên đảo không kém gì nỗ lực nôn ọe trước đó của đám sinh viên ăn chay.

Avinash quan sát diễn tiến tấn tuồng trong một phút, rồi đẩy ghế của mình ra. “Tôi vừa nghĩ ra một cách. Cậu trông bàn cờ hộ tôi nhé?”

“Rồi anh sẽ bị vạ lây đấy,” Maneck nói. “Anh xen vào làm gì?”

“Đừng lo, tôi sẽ không sao đâu.”

Maneck cất quân cờ vào trong hộp, ngồi nhìn từ góc của mình. Các công nhân nhà bếp và sinh viên vẫn bị khóa cứng trong những tư thế riêng: Tội Ác bị vạch trần quỳ mọp dưới chân Hình Phạt không gì lay chuyển nổi, hòng mong tìm sự khoan thứ. Cái cảnh ấy trông có phần hài hước, nếu nó không đi kèm một mối nguy hiểm hữu, đó là mấy người công

nhân có thể bị dần thành một đồng bụi nhùi. Song đến nay, ranh giới vô hình vẫn được giữ vững, tách biệt triển vọng khỏi hiện thực. Lại thật, không ngờ những ranh giới vô hình lại có sức mạnh đến thế, Maneck trầm nghĩ – chắc như tường gạch vậy.

“Dừng lại! Hượm đã!” Avinash hét lên, đoạn len vào giữa những người công nhân đang sợ rúm ró và đám sinh viên. “Sao?” Họ sốt ruột hỏi, nhận ra đó là Trưởng ban Kí túc xá và Chủ tịch Hội sinh viên.

“Xin các bạn ngừng lại một phút. Đánh đập mấy người này phỏng ích gì? Tội lỗi đều do lão cấp dưỡng khốn nạn hết.”

“Hắn sẽ nhận được thông điệp nếu bọn ta dần cho lính của lão một trận nhừ tử. Hắn sẽ không bao giờ dám thò mặt đến đây nữa.”

“Các bạn nhầm rồi. Hắn sẽ kéo cảnh sát tới bảo vệ mình.”

Một nước mở màn hoàn hảo, Maneck trầm nghĩ – ranh giới vô hình lại được gia cố thêm.

Avinash thuyết phục các sinh viên ăn chay, và tất cả những người nào khác bất bình về chất lượng thức ăn, cùng đệ đơn khiếu nại lên ban giám hiệu trường. “Ta hãy giải quyết vấn đề một cách dân chủ, đừng hành xử như những tên đầu trâu mặt ngựa ngoài đường. Riêng bọn chính trị gia khốn kiếp xử sự như thế đã đủ tệ rồi.”

Chặn, Maneck tự nhủ. Đường đi nước bước thật khôn khéo.

Một số ủng hộ đề xuất, số khác lại phản đối. Một tràng hăm dọa mới lại bắn ra từ mồm các sinh viên ăn chay, còn đám công nhân nhà bếp đáp trả bằng một loạt lạy lục cùng khóc lóc. Song tình trạng căng thẳng giữa hai bên chiến tuyến đã giảm bớt. Càng lúc càng xuất hiện nhiều tiếng nói đồng tình với giải pháp của Avinash. Những lời chửi rủa của nhóm sinh viên ăn chay ngớt dần, mấy công nhân nhà bếp cũng ngại tiếng sùt sùi, mặc dù đầu gối họ vẫn trong tư thế sẵn sàng quỳ lạy tức thì bất cứ khi nào tình hình đòi hỏi.

Kế hoạch đề ra là các sinh viên sẽ tổ chức một cuộc biểu tình bên ngoài văn phòng của Hiệu trưởng vào sáng hôm sau. Đến thời điểm này, tâm trạng náo nức trước phương án được thiết lập đã lan ra toàn bộ khối sinh viên. Cả những người ăn chay nghiêm khắc nhất cũng đã thôi nôn ọe, chỉnh đốn lại bản thân, và rời đi để thực hiện các nghi thức tẩy uế cho mình, kèm theo lời hứa sẽ có mặt vào buổi sáng mai để nhập hội với những người khác.

Chiếu tướng, Maneck nghĩ. Ranh giới vô hình đã trở nên bất khả xâm phạm.

“Tôi nghĩ người ta nói nhà lãnh đạo trời sinh là để chỉ những người như anh đấy,” tối hôm đó, cậu nói với Avinash, giọng nửa trêu chọc, nửa ngưỡng mộ.

“Không hẳn. Ngu bẩm sinh thì đúng hơn. Tôi nên kiên định với lựa chọn của mình – bỏ hết chuyện này để tập trung vào việc học hành. Nào, ta lên phòng thôi.”

Thành công của cơn thịnh nộ căng-tin gây sững sốt cho cả Avinash lẫn những người ủng hộ cậu. Hiệu trưởng ban xuống một lá thư đui việc gửi đến tay cấp dưỡng. Ban kí túc xá được trao quyền chọn người thay thế.

Đám sinh viên tung bừng hớn hở mở một cuộc ăn mừng chiến thắng và trở nên tham vọng hơn. Chủ tịch của họ hứa rằng, dần dần từng bước, họ sẽ quét sạch mọi tệ nạn khỏi khuôn viên trường: ưu tiên con ông cháu cha trong tuyển dụng nhân sự, hối lộ để chạy trường, bán luận văn, đặc quyền dành riêng cho gia đình các chính trị gia, chuyện chính phủ can thiệp vào kế hoạch giảng dạy, đe dọa các thành viên của khoa. Danh sách rất dài,

vì sự thối nát đã ăn vào tận xương tủy.

Phần chấn là tâm trạng chung. Các sinh viên đều tha thiết một niềm tin rằng hình mẫu của họ sẽ là nguồn cảm hứng thôi thúc tất cả các trường đại học trên khắp đất nước bắt tay vào thực thi những cải cách triệt để, hưởng ứng phong trào cải cách từ gốc của Jay Prakash Narayan đang được phát động khắp toàn quốc cùng lời kêu gọi trở về với các triết lý Gandhi. Đổi thay sẽ tiếp thêm sinh lực cho toàn xã hội, cải hóa nó từ một sinh thể đổi bại, mục nát thành một tổ chức lành mạnh, mà, với di sản là một nền văn minh cổ xưa và giàu có, cùng trí tuệ của triết học Vệ Đà và Upanishad, sẽ thức tỉnh thế giới và mở rộng con đường dẫn đến kỉ nguyên khai sáng cho toàn nhân loại.

Người ta dễ ôm những mộng tưởng cao vời trong những ngày đầu sau cuộc biểu tình căng-tin. Với xiết bao quyết tâm cùng dự định tốt đẹp lan truyền trong cộng đồng sinh viên, vô số tiểu ban đã được thiết lập, bao nhiêu lộ trình được chuẩn y, bao nhiêu biên bản được ghi chép, và các giải pháp được thông qua. Bữa ăn căng-tin được cải thiện. Không khí lạc quan bao trùm.

Maneck, trái lại, đã quá chán ngán tất thảy. Cậu muốn cuộc sống của mình, và Avinash, trở lại với nề nếp xưa kia. Công cuộc kích động liên miên kia thật quá mệt mỏi. Cậu cố dứt Avinash khỏi niềm đam mê mới của anh ta, sử dụng một mảnh khoe mà cậu cho là xảo quyệt lắm: cậu viện đến gia đình của bạn. “Tôi nghĩ anh nói đúng đấy. Những gì anh nói trước đó ấy, nhớ không, về việc toàn tâm toàn ý vào chuyện học hành, vì bố mẹ, và để kiếm đủ tiền hồi môn cho ba cô em gái. Anh nên làm thế lắm.”

Câu nhắc nhỡ khiến Avinash khó chịu, làm trán anh nhú lại. “Tôi thường có cảm giác tội lỗi vì chuyện đó thật. Tôi sẽ từ chức chủ tịch. Ngay khi nào mấy vấn đề kia được giải quyết xong.”

“Vấn đề nào?” Maneck sốt ruột. “Trong tất cả các cuộc họp, anh chưa một lần dă động đến khu nhà tắm và toa lét bẩn thỉu. Gián và rệp cũng nên được đưa vào lộ trình. Mahatma Gandhi chắc cũng chẳng thích phương pháp tiếp cận của anh đâu, ông là người tin tưởng tuyệt đối vào sự sạch sẽ – cái thanh khiết thể chất đi trước cái thanh khiết trí não rồi mới đến được cái thanh khiết tinh thần.”

Đoạn phản biện đó làm Avinash khoái lắm, anh ta cười phá lên, đoạn quàng tay khoác lên vai Maneck khi hai người đi qua sân trong. “Tôi không biết cậu lại là chuyên gia về triết học Gandhi cơ đấy. Nói đi, cậu có muốn ngồi vào ghế chủ tịch tiểu ban diệt gián không? Tôi xin tán thành nhiệt liệt.”

Maneck tham gia thêm vài cuộc tuần hành và biểu tình, chỉ để ủng hộ bạn. Sau một thời gian, ngay cả động lực đó cũng không còn đủ mạnh. Các cuộc xuống đường lập đi lập lại đến phát chán, cậu bèn thôi không đi nữa.

Avinash không có thời gian chơi cờ hàng tối nữa. Họ vẫn ăn cùng nhau, nhưng hiếm khi được ngồi riêng, và Maneck tức lắm. Một đám bầu nhâu bu quanh bạn cậu, bàn thảo và tranh luận về những thứ cậu không hiểu và cũng không thiết hiểu. Cuộc nói chuyện có họ tràn ngập những từ kiểu như dân chủ hóa, hiến pháp, tha hóa, suy đồi, phi tập trung hóa, tập thể hóa, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa phong kiến, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa công xã, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa phát xít, thuyết tương đối, thuyết định luận, chủ nghĩa vô sản, chủ nghĩa này chủ nghĩa nọ, thuyết này thuyết nọ, hàng đồng từ bay vo vo quanh cậu như một bầy côn trùng.

Sao bọn này không nói năng bình thường được nhỉ? Maneck tự hỏi. Để tiêu khiển, cậu bắt đầu nhắm đếm số từ có dính chữ chủ nghĩa hoặc chữ thuyết mà họ nói ra, và dừng lại

khi đến con số hai mươi. Thỉnh thoảng, chó cũng có mặt trong cuộc tranh luận của họ – bọn chó để quốc, lũ chó tay sai của bọn tư bản. Có lúc, chó biến thành lợn, bọn lợn tư bản. Bọn linh cầu cho vay và lũ chó hoang địa chủ đôi khi cũng góp mặt. Và gần đây, bên cạnh các thể loại chủ nghĩa, còn có cái gọi là Tình trạng Khẩn cấp được họ bàn ra tán vào rất ghê, làm như trời sắp sụp đến nơi.

Cảm thấy như bị bỏ rơi, Maneck thường bỏ lên phòng ngay sau khi kết thúc bữa ăn. Cậu vẫn giữ bộ cờ nhựa, và cậu bày bàn ra để tự đấu một mình. Cậu đi một nước, rồi xoay ngược bàn cờ lại. Được một lúc, cuộc chơi đâm nhạt. Cậu thử đọc cuốn sách Avinash cho mượn, trong đó liệt kê một loạt thể cờ tàn cuộc với cấp độ khó tăng dần.

Đấu ở một mình khó khăn lắm vậy, song Maneck vẫn tiếp tục xa lánh bạn. Rồi, đúng vào lúc cậu đang yếu lòng sau vài ngày cô đơn, quyết định cho bạn một cơ hội thứ hai, Avinash lại gõ cửa phòng cậu.

“Chào cậu, có gì mới không?” Anh ta vỗ vai Maneck đầy vẻ thân thiết.

“Trò này.”

“Chơi một mình à?”

“Không, với tôi.” Maneck gảy đồ con vua của mình.

“Dạo này không gặp cậu mấy. Cậu không tò mò về những chuyện đang diễn ra à?”

“Ý anh là ở trường ấy hả?”

“Phải, và ở khắp nơi, từ khi Tình trạng Khẩn cấp được ban bố.”

“À, cái đấy hả.” Maneck làm mặt hồ hững. “Mấy chuyện kiểu đấy thì tôi không rõ lắm.”

“Cậu không đọc báo sao?”

“Chỉ phần truyện tranh thôi. Mấy thứ chính trị chính em tẻ nhạt lắm.”

“Thôi được, để tôi thuật lại thật ngắn gọn giản dị cho cậu nghe, để cậu khỏi ngủ gục mất.”

“Tốt. Tôi sẽ bấm giờ.” Maneck giơ chiếc đồng hồ đeo tay lên nhìn. “Chuẩn bị, bắt đầu.”

Avinash hít vào một hơi thật sâu. “Ba tuần trước, Tòa án Tối cao phát hiện ra thủ tướng phạm tội gian lận trong đợt bầu cử vừa qua. Tức là bà ta phải từ nhiệm. Song bà ta lại giả trò hoãn binh. Vì vậy các đảng phái đối lập, các tổ chức sinh viên, các nghiệp đoàn đã phát động nhiều cuộc biểu tình quy mô lớn trên khắp đất nước. Mục tiêu là để đòi bà ta phải từ chức. Rồi, để nắm lấy quyền lực, bà ta tuyên bố đất nước đang bị đe dọa bởi tình trạng hỗn loạn nội địa, và tuyên bố Tình trạng Khẩn cấp.”

“Hai mươi chín giây,” Maneck nói.

“Họm đã, còn một chút nữa. Lấy cả Tình trạng Khẩn cấp, các quyền cơ bản đã bị đình chỉ, hầu hết những người phản đối đã bị bắt giữ, các lãnh tụ công đoàn bị tống vào tù, thậm chí cả một số lãnh đạo sinh viên nữa.”

“Anh nên cẩn thận thì hơn.”

“Ôi dào, đừng lo, trường ta đâu phải trường điểm. Nhưng tệ nhất là báo chí đang bị kiểm duyệt...”

“Thế thì bây giờ đọc báo phỏng có ích gì, đúng không?”

“Và bà ta còn sửa đổi cả luật bầu cử, áp dụng hiệu lực hồi tố, biến tội trạng của mình từ có thành không.”

“Và anh không có thời gian chơi cờ cũng vì chuyện này.”

“Tôi chơi suốt đấy chứ. Tất cả những gì tôi làm đều là cờ hết. Nào, để xem cậu học hành tới đâu rồi nhé.” Anh ta bày bàn cờ, rồi giấu một con tốt đen và một con tốt trắng sau lưng. Maneck đoán ra ngay và mở đầu cuộc chơi bằng nước đi con tốt vua. Cậu chiến thắng sau nửa tiếng, trong nỗi sững sốt của chính bản thân cậu.

“Đáng đời tôi lắm, vì tội dạy cậu kĩ quá,” Avinash nói. “Nhưng ta phải sớm tổ chức trận đấu lượt về mới được.”

Từ nay mọi việc sẽ trở lại như trước, Maneck thầm nghĩ. Một lần nữa cậu lại có Avinash cho riêng mình. Mong ước thầm kín của cậu là vì Tình trạng Khẩn cấp, Ban giám hiệu sẽ cấm tiệt cái Hội sinh viên đáng nguyên rủa, như nhiều trường đại học khác đã làm. Khi ấy, sẽ chẳng còn gì phân tán bạn cậu nữa.

Song thất vọng hoàn thất vọng; thú chơi cờ của họ vẫn không được nối lại. Mấy tối liền cậu gõ cửa phòng Avinash, nhưng không ai trả lời. Cậu đã hai lần nhét giấy nhắn dưới khe cửa: “Chào. Đạo này anh trốn đâu vậy? Sợ không dám đấu cờ với tôi nữa à? Hẹn sớm gặp lại anh – Maneck.”

Sau mẫu giấy nhắn thứ hai, khi cậu nhìn thấy anh ta ở phòng ăn, Avinash chỉ đủ thời gian cho một cái vẫy tay ngăn ngui. “Nhận được giấy của cậu rồi,” anh ta nói. “Mai rảnh không?”

“Có chứ.”

Và tối hôm sau Maneck ngồi chờ trong phòng, nhưng bạn cậu không tới. Vừa giận vừa tự ái, cậu bỏ đi ngủ, tự hứa rằng thế là quá lắm. Nếu Avinash muốn gặp cậu, anh ta có thể đổi gió một tí bằng việc đuổi theo cậu.

Cậu nhớ Avinash. Lạ thật, cậu tự nhủ, một tình bạn có thể đột ngột đâm chồi nảy lộc chỉ trong một tối, dưới sự đưa đường mở lối của gián và rệp. Và rồi tịt ngóm cũng đột ngột chẳng kém, vì những duyên do lở bịch ngang ngửa. Có lẽ cậu đã quá ngu ngốc khi coi đó là tình bạn ngay từ đầu.

Tất cả những điều kinh tởm về cái kí túc xá mà Maneck đã học cách chung sống nay còn khiến cậu lợm mửa ghê gớm hơn xưa kia. Để tự đề kháng, cậu thiết lập một thói quen thức giấc thế này: khi mắt cậu mở ra, cậu nhắm luôn lại và, đầu vẫn đặt nguyên trên gối, cậu mừng tượng ra những ngọn núi, làn sương mù vẩn vù, tiếng chim ca, tiếng chân chó đập đập trên thềm nhà, hơi gió sớm mát rượi mơn man trên da mình, tiếng lũ khỉ chí chọe huyền thuyên, bữa sáng đang nấu trên bếp, vị bánh nướng và trứng tráng trên đầu lưới cậu. Khi toàn bộ các giác quan đã được xúc đầm những hình ảnh tưởng tượng về chốn quê nhà, cậu lại mở mắt và ra khỏi giường.

Trong trường, một nhóm mới, Sinh viên vì dân chủ, nổi lên ít lâu sau khi Tình trạng Khẩn cấp được ban bố, đang chiếm thế thượng phong. Tổ chức chị em của nó, Sinh viên chống phát xít, giúp duy trì tính toàn vẹn của cả hai nhóm bằng cách bịt miệng tất cả những ai dám lên tiếng chống lại chúng hoặc chỉ trích Tình trạng Khẩn cấp. Hăm dọa và hành hung trở thành chuyện cơm bữa, đến nỗi người ta phải tưởng đó là một phần chương trình giảng dạy của trường. Cảnh sát nay trở thành lực lượng hiện diện thường trực, để góp phần duy trì nhãn hiệu luật pháp và trật tự mới mẻ và độc địa này.

Hai giáo sư chọn cách lên án đội khủng bố trường học nói trên đã bị một nhóm người mặc thường phục bắt đi với tội danh tổ chức các hoạt động chống chính phủ, chiếu theo Luật đảm bảo an ninh nội địa MISA^[37]. Các đồng nghiệp đều không dám ra mặt bảo vệ họ vì MISA cho phép bỏ tù mà không cần qua xét xử, và có một thực tế ai cũng hiểu rõ, rằng bất cứ kẻ nào dám đặt điều thắc mắc về MISA, sớm hay muộn, cũng sẽ phải đối mặt với MISA. Một thứ hiểm ác như thế, chẳng thà đừng dây vào thì an toàn hơn.

Maneck lo cho Avinash; nguyên là Chủ tịch của Hội sinh viên, chắc chắn anh ta đang nằm trong tầm ngắm nguy hiểm chết người từ những hội nhóm mới trong trường. Đêm đêm, cậu lắng nghe những âm thanh của căn phòng sát vách. Cánh cửa đóng lại khe khẽ, tiếng lạch cạch của chiếc tủ búp phê sắt, tiếng xì xì của bình xịt, tiếng ngả mình đánh thịch lên giường tiết lộ rằng bạn cậu vẫn bình an vô sự, rằng anh ta vẫn chưa bị tấn công hoặc bị bắt đi giam cầm ở một chốn bí mật nào đó.

Maneck luôn hồi hải khi qua lại giữa trường và kí túc xá mà không dừng lại để theo dõi tấn tuồng thường nhật của áp chế, xu nịnh và phục tùng. Văn phòng của báo trường bị tấn công, các cây viết và biên tập viên bị đánh đập tới tấp và bị buộc phải cuốn gói. Tờ báo từng mang giọng lười trào phúng nhẹ nhàng và thi thoảng lại chọc ngoáy chính phủ hoặc ban giám hiệu trường, dẫu rằng đến dạo gần đây, trào phúng đang càng lúc càng trở thành chuyện thiên nan vạn nan, bởi chính phủ đang thi thố thứ nghệ thuật này trong chính những báo cáo của mình gửi cho giới thông tin đại chúng bị kiểm duyệt, ăn đứt tay nghề báo trường xưa nay.

Đánh chiếm xong, hội Sinh viên vì Dân chủ cho đăng một thông cáo ở số báo tiếp theo, tuyên bố rằng tiếng nói mới của ấn phẩm sẽ tiêu biểu hơn cho đông đảo sinh viên. Phần còn lại của số báo được lấp đầy bằng một bộ quy tắc ứng xử mẫu mực dành cho cả sinh viên lẫn giáo viên.

Một sáng, các lớp học bị hủy và một buổi lễ chào cờ được tổ chức ở sân trong. Việc tham dự là bắt buộc, dưới vòng câu thúc của nhóm Sinh viên chống phát xít. Chủ tịch hội Sinh viên vì dân chủ cầm lấy mic. Anh ta kêu gọi các nhân vật có thẩm quyền bước lên phía trước, tự chứng tỏ tình yêu đối với đất nước, nêu gương về hành vi ái quốc.

Nghe lệnh, các giảng viên, phó giáo sư, giáo sư và chủ nhiệm khoa nhắt tề dắt díu nhau lên bục trong một cuộc trình diễn gượng gạo của tình trạng tự phát. Các thành viên ban tổ chức ngấm ngấm cố ghì họ lại, sao cho quang cảnh trông giống một đợt sóng ủng hộ bộc phát đích thực. Song đã quá muộn, toàn thể đội ngũ giảng viên đã nối đuôi nhau xếp hàng trước bàn, chẳng khác gì khách mua đứng ngoài một cửa hàng tem phiếu. Họ ngoan ngoãn kí vào tờ bố cáo nói rằng mình đồng lòng với thủ tướng, với tuyên bố về Tình trạng Khẩn cấp của bà, và với sự nghiệp của bà hòng đánh đuổi các thế lực phản dân chủ đang đe dọa đất nước từ bên trong.

Vừa sợ hãi, Maneck vừa cảm thấy một nỗi ghê tởm đối với toàn bộ nơi này. Nhưng với các thầy cô của mình, cậu chỉ thấy thương hại. Họ lui khỏi buổi lễ chào cờ, mặt tràn ngập vẻ tội lỗi và hổ thẹn.

Đêm hôm đó, căn phòng kí túc xá sát vách phòng cậu lặng tờ. Những âm thanh quen thuộc nhất quyết không chịu nổi lên chứng tỏ trạng thái bình yên vô sự của Avinash. Maneck nằm thao thức, lo lắng đến tận tờ mờ sáng. Cậu có nên báo lên văn phòng bảo vệ là bạn mình đã mất tích không? Những nhớ anh ta về thăm gia đình, hoặc có việc gì cũng vô hại tương tự như thế thì sao? Cứ chờ một, hai ngày nữa thì hơn.

Đến giờ cơm tối cậu nhìn quanh khắp phòng ăn, cố tìm bóng Avinash, chỉ hoài

công. Cậu bèn hỏi một người ngồi ở bàn anh ta, về băng quơ: “Dạo này Ban quản trị Hội sinh viên đang tính chuyện gì vậy?”

“Giời, cả bọn đấy trốn hết rồi. Đi tàu ngầm rồi. Láng cháng ở đây nguy hiểm lắm.”

Câu trả lời khiến Maneck an tâm. Cậu tin rằng Avinash chỉ đang ẩn náu ở đâu đó, có thể là trú trong căn hộ của bố mẹ ở khu tập thể nhà máy dệt cũng nên. Và anh ta sẽ sớm quay về – nói cho cùng, cái Tình trạng Khẩn cấp và những trò khùng bố này có thể kéo dài bao lâu kia chứ? Vả lại, anh ta cũng chẳng dễ bị tóm đâu. Cứ xem cung cách anh ta chơi cờ thì biết.

Gã cấp dưỡng cũ ở căng-tin đã trở lại làm việc, trút xuống một cuộc báo thù đối với dịch vị người ăn. Maneck thoáng thấy mình có lý khi nhớ lại vụ đồ chay đã châm ngòi cho tất cả – dạo ấy cậu đã can Avinash đừng nên dính vào, rồi kết cục sẽ chẳng hay ho gì đâu.

Giờ đây, khi bữa ăn đã trở nên đặc biệt ghê tởm, cậu tự mua cho mình bánh xăng uyých hoặc bánh gối ở một quán trong con hẻm bên ngoài trường. Cậu may mắn hơn đa phần các sinh viên vì vẫn còn tí tiền tiêu vặt nhà gửi. Cảm giác thật dễ chịu khi nhìn cà chua được xắt lát và bánh mì được phết bơ hần hoi, khi nghe tiếng gầm của bếp nấu, tiếng xèo xèo nóng bỏng của đồ rán trong dầu.

Một tối, khi cậu trở về kí túc xá sau bữa ăn nhẹ bên đường, tiếng gào “Thịt nó đi! Thịt nó đi! Thịt nó đi!” vang vọng khắp hành lang, như tiếng rú gọi nhau trong một cuộc đi săn. Cậu nhòm vào phòng giải trí thì thấy hai cậu sinh viên năm nhất khoa tự động hóa đang bị vây lại, xung quanh là mười hai sinh viên khác. Họ lột quần của một cậu, bắt cậu ta cúi xuống trước bàn bóng bàn, và giúi một cái chai nước giải khát rỗng vào tay cậu kia. Cậu này được lệnh trình diễn lại những kiến thức đã học về pít tông và xi lanh trong giờ dạy về động cơ đốt trong. Bọn kia xóa bỏ nỗi e ngại của cậu ta với lời đe dọa sẽ bắt cậu sắm vai cái xi lanh nếu cậu ta không chịu nghe lời.

Maneck lui đi trong kinh hoàng. Kể từ hôm đó, ăn tối xong, cậu về thẳng phòng và nhốt mình trong đó. Cậu đảm bảo mình có tất cả những thứ mình cần – báo, sách thư viện, cốc nước – để không phải rời gót khỏi nơi trú ẩn của mình khi lũ ma quỷ đang kéo quân đi.

Một tối, sau khi thay pyjama xong xuôi, bụng cậu bỗng sôi lên dữ dội. Chắc là do nước tương chấm bánh gối của quán bên lề đường, cậu tự nhủ. Lẽ ra cậu không nên ăn mới phải, vị của nó có gì đó là lạ.

Cậu cần cái nhà vệ sinh đến quay quắt, dù vào giờ này thì nó hẳn không thể tưởng nổi. Cậu thận trọng mở cửa ra. Cậu đi thật nhanh, ngoái nhìn phía sau lưng. Đi được nửa đường thì cả bọn đổ ra từ một căn nhà kho và vỗ lấy cậu. Cậu cưỡng lại. “Xin các anh! Tôi phải đi toa lét! Gấp lắm!”

“Để sau,” bọn chúng nói, đoạn bẻ quặt tay cậu ra sau lưng để cậu hết đường giãy giụa.

“Á á á!” Cậu thét lên.

“Nghe này, đây chỉ là trò chơi thôi mà,” chúng ngọt nhạt với cậu. “Hà tất phải biến thành chuyện xô xát? Làm thế, chú mày chỉ tổ thiệt thân.”

Cậu thôi không chống cự nữa, bọn kia bèn nói lỏng vòng kìm siết lên cánh tay cậu. “Ngoan lắm. Nào, nói bọn anh nghe, chú mày học ngành gì?”

“Điện lạnh và điều hòa nhiệt độ.”

“Rồi, các anh đây sẽ chỉ ra cho chú mày một bài kiểm tra nho nhỏ thôi. Để xem chú mày

có học hành chăm ngoan không ấy mà.”

“Được. Nhưng để tôi đi toa lét trước được không?”

“Để sau.” Chúng lôi cậu xuống xuống, ở đó có một cái tủ lạnh mô hình rất to hoạt động được như thật, và bảo cậu cởi quần áo ra. Cậu không nhúc nhích. Chúng bèn sấn lại hông lột truồng cậu.

“Xin các anh!” Cậu van vãn, tay giằng chân đá. “Đừng làm thế! Đừng, cho tôi xin!” Cậu cầu trời khẩn phật sao cho Avinash hiện ra như một phép màu và cứu cậu, như anh ta đã từng cứu nhóm công nhân bếp ăn khỏi các sinh viên ăn chay.

Bọn ma quỷ làm ăn rất thiện nghệ, chỉ mất chưa đầy một phút chúng đã ghi chặt được Maneck và lột sạch quần áo trên người cậu. “Chú mày nghe cho kĩ đây,” chúng nói. “Phần thứ nhất của bài kiểm tra rất đơn giản. Bọn anh sẽ làm lạnh chú mày trong mười phút. Đừng hốt nhé.” Chúng đẩy cậu vào tủ lạnh, gập người cậu lại để nhồi vừa khoảng không chật chội, và mắt môi mắt lợi đóng cửa vào. Bóng tối như trong cổ quan tài trùm lấy cậu.

Bọn kia chờ đến lúc được tiêu khiển bằng phản ứng của cậu. Mất một lúc không có động tĩnh gì. Rồi một tiếng đập thình thình nổi lên, và kéo dài trong hai phút sau đó, nổi tiếp bằng một khoảng im lặng ngắn ngủi. Tiếng gõ lại trở dậy – lần này yếu hơn, và rời rạc, đứt quãng, lúc trôi, lúc sụt. Những cú đâm trở nên yếu ớt đến mức báo động rồi tắt ngấm. Bọn kia nhìn đồng hồ; mới bảy phút trôi qua trong số mười phút đã giao hẹn trước. Chúng quyết định mở cửa.

“Á á! Tởm!” Cả bọn nhảy bắn ra khi hơi thối phả vào mặt. “Thằng chó ỉa vãi ra trong tủ rồi!”

Maneck tê cứng người và không tài nào chui ra được. Bọn kia lôi cậu ra trong trạng thái co quắp một cục và đóng cửa lại để dập mùi thối. Cậu nhìn quanh, hoảng hốt, không đứng thẳng lên nổi.

Bọn kia bèn tặng cậu một tràng pháo tay chế nhạo. “Giỏi lắm. Điểm tối đa cho bài kiểm tra thứ nhất. Điểm cộng cho bãi cứt. Làm tốt lắm. Giờ đến phần thứ hai.”

Đôi môi xanh tái của cậu run run khi cậu cố cất lời. Hai bàn tay cậu khó nhọc vươn ra mong lấy lại bộ pyjama. Một thằng bèn giật phắt đi. “Chưa được. Trong phần thi thứ hai, chú mày phải chứng minh bộ điều nhiệt của chú mày vẫn hoạt động tốt.”

Đờ dại, cậu há hốc miệng ra vẻ không hiểu.

“Chú mày bảo chú mày học ngành điện lạnh và điều hòa nhiệt độ kia mà. Sao thế, không biết bộ điều nhiệt là cái gì à?”

Maneck lắc đầu và lặp lại một cử chỉ chậm chạp đến thê thảm hông giằng lại bộ pyjama.

“Bộ điều nhiệt của mày đây này, ông ngáo à,” một thằng quát, vỗ vào cái dương vật cứng đờ của cậu. “Giờ cho các anh thấy nó vẫn hoạt động được đi.”

Maneck cúi xuống nhìn chính mình như thể cậu mới thấy nó lần đầu tiên, cả bọn kia lại vỗ tay. “Tốt lắm! Bộ điều nhiệt đã được định vị chính xác! Nhưng nó có hoạt động được không?”

Cậu gật đầu.

“Chứng minh đi.” Cậu không hiểu chúng muốn gì. “Nào, bật nó lên đi. Dừng nó dậy.”

Chúng đồng thanh hô. “Dừng nó dậy! Dừng nó dậy! Dừng nó dậy!”

Maneck hiểu, và phát hiện ra môi cậu đã tan giá đủ để nói được. “Xin các anh, tôi không làm được đâu. Xin các anh, tha cho tôi đi?”

“Phải làm xong phần thi thứ hai đã. Nếu không bọn anh sẽ phải làm lại phần thứ nhất, lần này là làm lạnh cả chú mày cùng bãi cứt luôn. Kiểm tra bộ điều nhiệt là phần bắt buộc.”

Maneck yếu ớt nắm lấy dương vật của mình, thụt lên thụt xuống vài cái rồi buông ra.

“Chưa lên! Mạnh tay vào! Dừng nó dậy! Dừng nó dậy!”

Cậu bắt đầu sụt sịt, tay xóc bao quy đầu tới lui trong khi bọn kia hô. Tuyệt vọng muốn chấm dứt cảnh nhục nhã, cậu ra sức thụt, cổ tay tê rần, tịnh không có chút cảm giác gì dưới dương vật, cậu chỉ lo đã có chuyện gì đó, có thể cái tủ lạnh đã làm hỏng nó. Sau rất nhiều nỗ lực, cậu cũng phóng tinh được dù không cương nổi một lần cho ra hồn.

Bọn kia òa lên khoái trá, huyết sáo và hú hét. Một thằng đưa trả cậu bộ pyjama, rồi cả lũ biến sạch. Để không phải đi cùng chúng, cậu nán lại trong xưởng cho đến khi bên ngoài tòa nhà đã im ắng hẳn.

Cậu rửa sạch những chỗ đùi và chân đã bị chính mình vấy bẩn, rồi quay về phòng. Cậu lên giường và nằm ngửa trong bóng tối, run lấy bầy, mắt dỗi chong chong lên trần nhà. Cậu tự hỏi không hiểu chuyện gì sẽ xảy ra vào lần tới thấy hướng dẫn mở cửa cái tủ lạnh.

Một tiếng sau cơn run rẩy vẫn còn nguyên trong tay chân cậu, cậu bèn lấy cái chăn cất trong tủ ra. Cậu biết mình sẽ làm gì – ngay khi người đã ấm lên, cậu sẽ trở dậy và gói ghém đồ đạc. Sáng sớm cậu sẽ bắt một chiếc tắc xi ra ga và lên tàu Frontier Mail về nhà.

Nhưng bố mẹ cậu sẽ nói gì đây? Cậu có thể đoán được phản ứng của bố – rằng cậu đã trốn chạy như một thằng hèn. Còn mẹ ban đầu sẽ bênh cậu, nhưng về sau thế nào mẹ cũng nghe lời bố và thay đổi, như mọi khi. Thay đổi, luôn luôn là thế. Đó là điều người sửa bản in đã nói lúc còn ở trên tàu – không thể né tránh thay đổi, phải thích nghi với nó. Nhưng chắc chắn nó không đồng nghĩa với việc chấp nhận thay đổi theo hướng xấu đi.

Mất nửa buổi đêm Maneck thao thức với những suy nghĩ của mình, chậm chạp sắp xếp những hòm xiểng cùng va li. Nửa còn lại của đêm được cậu dành để đỡ đỡ, và viết thư gửi cho bố mẹ. Cậu viết rằng trước nay mình đã không thành thật với bố mẹ, và rất xin lỗi, song cậu chỉ muốn tránh cho họ những mối phiền lo: “Kí túc xá là một nơi thật kinh khủng, con không thể ở lại đây thêm phút nào nữa. Đành rằng nó rất bẩn thỉu và hôi thối, chuyện đấy con còn chịu được, nhưng những người ở đây thì thật đáng ghê tởm. Nhiều người còn chả phải sinh viên, và con không hiểu sao những tên côn đồ đó lại được phép sống trong kí túc xá sinh viên. Chúng hút hít, nốc rượu say, rồi đánh lộn. Chuyện cờ bạc diễn ra giữa thanh thiên bạch nhật, rồi chúng còn bán cả ma túy cho sinh viên nữa chứ.” Cậu ngẫm nghĩ một tí, rồi thêm, “Có thằng còn gạ bán cho con.” Câu đó có thể khiến họ đổi ý. “Tất cả đều cực kì khủng khiếp, và con muốn quay về nhà càng sớm càng tốt. Con sẽ làm việc trong cửa hàng mà không can thiệp một tí gì, bố mẹ bảo gì con nghe nấy, con hứa đấy.”

Chắc chắn như thế là đủ ghê gớm để bố mẹ cậu phải ra tay rồi, cậu tự thấy vậy. Không cần phải tiết lộ sự cố nhục nhã trên thực tế.

Cả anh và chị Kohlah đều ngấm ngấm sung sướng khi biết Maneck muốn về nhà. Họ nhớ cậu da diết nhưng chưa bao giờ dám dấn động đến chuyện đó, thậm chí là giữa hai vợ

chồng với nhau. Họ thích vờ tỏ ra, nhất là khi có mặt người khác, rằng mình hãnh diện và vui mừng vô ngần vì con trai mình đang xa nhà để theo đuổi một nền giáo dục xứng đáng.

Và lá thư khẩn thiết của Maneck cũng không thay đổi được điều đó. Họ thận trọng kìm nén phản ứng của mình để giữ gìn thể diện. “Mới thế đã cho thằng bé về nhà thì phí quá,” anh Kohlah nói.

“Phải,” chị Kohlah đáp. “Nó sẽ đánh mất cơ hội duy nhất để có được một nghề nghiệp tốt. Anh nghĩ sao, hã Farokh? Ta nên làm thế nào đây?”

Từ tận đáy lòng, anh Kohlah biết rằng nếu con trai mình không vui, nó nên về nhà ngay lập tức. Nhưng có lẽ phải có chút nỗ lực nào đó được bỏ ra, dẫu là miễn cưỡng, hòng tìm kiếm một giải pháp khác – chắc chắn đó là điều tất cả mọi người đều kì vọng, bao gồm cả các bạn bè của hai vợ chồng. Nếu không, anh sẽ bị chê là một ông bố quá ủy mị.

“Cứ như anh thấy thì xem ra cái kí túc xá trường có vấn đề thật,” anh cẩn thận lựa lời.

“Dĩ nhiên là có vấn đề rồi! Con em có nói dối bao giờ đâu! Và nó không được phép lưu lại một nơi xấu xa, đầy những thói hư tật xấu và bọn côn đồ vô lại như thế, chỉ để cố kiết lấy một cái bằng đại học! Làm thế thì ta còn là loại cha mẹ gì nữa đây?”

“Phải, phải, em cứ bình tĩnh đã nào, anh đang nghĩ đây.” Anh xoa xoa trán. “Nếu kí túc xá không thích hợp, có lẽ ta nên tìm cho nó một chỗ trọ khác. Ở riêng, trong nhà ai đó. Thế là giải quyết được vấn đề.”

“Ý hay đấy,” chị Kohlah nói, hùa theo anh. Chị không muốn suốt đời mang tiếng là bà mẹ bị bệnh sở hữu, kẻ đã phá hoại tương lai của con trai mình. “Để em hỏi bà con họ hàng xem nhé?”

“Không được, nhà họ cách xa trường quá, em không nhớ à?” Vả lại, ai biết được họ có thể nhồi nhét những tư tưởng ngớ ngẩn gì vào đầu Maneck. Sau cả hai chục năm mà họ còn chưa quen được với chuyện Aban sống cách xa họ nữa là.

“Giá ta có thể tìm được có nó một căn phòng sạch đẹp an toàn ở đâu đó,” chị nói. “Ở đâu đó vừa tầm tiền của vợ chồng mình.” Điều đó gần như là bất khả thi, chị hân hoan nghĩ, trong một thành phố mà hàng triệu người phải chui rúc trong các khu ổ chuột hoặc vất vưởng trên vỉa hè. Mà đâu phải riêng bọn ăn mày – ngay những người có công ăn việc làm hẳn hoi, có tiền thuê nhà cũng thế. Không, chẳng còn cơ hội nào cho Maneck nữa đâu, nó sẽ sớm về nhà thôi. Và chị bỗng bật cười trước ý nghĩ sung sướng ấy.

“Ta đang có một vấn đề to tướng phải xử lý, thế mà em còn cười gì thế?” Anh Kohlah nói.

“Em đang cười à? Không, có gì đâu, em chỉ nghĩ đến Maneck thôi.”

“Hừm,” anh hừ khế, cảm thấy khó lòng kìm nén niềm vui của chính mình. “Em thử viết thư cho cô bạn kia xem. Có khi cô ấy lại biết chỗ nào đó thì sao.”

“Đúng, ý hay đấy. Tối nay ăn cơm xong em sẽ viết cho Zenobia,” chị Kohlah đồng tình, vui vẻ vì biết rằng mình sẽ chỉ phí phạm một con tem.

Họ quay về với công việc thường ngày. Nỗi khổ phải che giấu niềm vui bằng bộ mặt thất vọng đã chấm dứt. Giờ vấn đề chỉ là chờ cho tới khi những nỗ lực hời hợt của họ thất bại và cậu con trai quay về nhà.

Dẫu vậy, chỉ sau vài ngày, họ lại phải giả vờ tiếp, lần này là theo hướng ngược lại, khi, trong nỗi ngạc nhiên cay đắng của họ, nơi ăn chốn ở đã nhanh chóng được cắt đặt xong

cho Maneck. Giờ họ buộc phải nặn ra một bộ mặt thỏa mãn vì sự nghiệp học tập của con mình lại được tiếp tục, và gạt bỏ mọi tàn dư của những mối hi vọng yếu mệnh kia.

Chị Kohlah quạu quọ viết một lá thư cảm ơn cô Dalal theo địa chỉ Zenobia đã gửi. “Không biết Dina có còn xinh đẹp như hồi ở trường trung học không,” chị nói, thích thú trước âm thanh phát ra khi chị xé một tờ từ cuốn sổ. Tiếng xé thật đồng điệu với tâm trạng của chị lúc này.

“Em có thể hỏi Maneck ấy. Chả mấy nữa là nó có thể gửi em cả một bản báo cáo hoàn chỉnh gửi từ nhà cô ta rồi,” anh Kohlah nói. “Thậm chí là gửi hẳn một tấm ảnh ‘hiện trường’ nóng hổi, nếu em thích.” Nhìn chị ngồi trước bàn, anh không thể xua đi cảm giác những bận bịu xưa của chị đang chen vào giữa cuộc sống gia đình anh, thông đồng với nhau hòng chia cắt cậu con trai khỏi anh.

Ngay sau đó, anh nhận ra mình thật ngớ ngẩn. Anh lấy cuốn séc ra và viết một tờ séc để trả tiền thuê nhà tháng đầu. Chị Kohlah bèn kẹp nó vào lá thư gửi cho cô Dalal.

Dina lẳng tai tìm kiếm những âm thanh của sự sống từ căn phòng vệ sinh im ắng. Thằng bé đang làm gì vậy, sao không có tiếng nước xối nào? “Maneck! Mọi sự có ổn không cháu? Nước có đủ nóng không?”

“Có ạ, cảm ơn dì.”

“Cháu nhìn thấy cái ca chưa? Chắc ở ngay cạnh xô thôi. Nếu thích, cháu cứ ngồi lên cái ghế gỗ cũng được.”

“Vâng, thưa dì.” Maneck ngại không dám dấn động gì đến lũ giun, nay đang kéo hàng đàn từ dưới cống lên. Cậu mong sao chúng sẽ sớm rút lui về ngôi nhà dưới lòng đất, theo sở nguyện của riêng chúng. Song có lẽ mình đã có thể lên tàu trở về nhà, theo sở nguyện của riêng mình, cậu cay đắng nghĩ. Sao mình ngu thế, lại còn đi viết thư nữa. Cứ hi vọng bố sẽ cho mình về.

Dina vẫn chờ nghe tiếng lách cách của chiếc ca và tiếng xối nước. Sự im lặng vượt quá lòng kiên nhẫn của cô. “Có chuyện gì thế, Maneck? Cháu nhanh lên một chút được không? Dì cũng phải tắm trước khi mấy người thợ may đến đây.”

Cô hi vọng hôm nay sẽ dành được chút thời gian để đi đổi tờ séc ra tiền mặt. Tuy nhiên, trước hết cô phải tiễn Maneck đi học và khởi động một cuộc sống nề nếp quy củ. Cậu sẽ không gây phiền hà gì một khi đã quen với nếp sinh hoạt của cô và học được cách sử dụng những dụng cụ hiện đại, như cái dây may-so đun nước chẳng hạn. Rõ khổ thân thằng bé, còn chẳng biết đây là cái gì. Lúc trước, khi cô hỏi cậu là ở nhà họ làm gì để có nước nóng, cậu bèn tả lại chiếc ấm đun nước bằng than mỗi sáng sớm. Thô lậu quá. Nhưng cậu đã tự dọn giường, gấp hết chăn gối gọn ghẽ – rất ấn tượng.

Cô đến bên cửa phòng vệ sinh và hỏi lại: “Cháu có ổn không?”

“Có, Dì ạ. Nhưng có mấy con sâu đang bò từ lỗ cống lên.”

“A, bọn đấy hả! Cứ tạt ít nước là bọn nó sẽ chạy hết ngay.” Có tiếng dội nước, rồi lại im ắng.

“Thế nào?”

“Bọn nó vẫn bò lên.”

“Thôi vậy, để dì xem xem.”

Cậu bèn lật đặt mặc quần áo vào, và cô gõ cửa. “Dào ôi, cứ quần cái khăn vào rồi mở cửa ra đi. Dì không có thì giờ để đứng đây cả buổi sáng đâu.”

Cậu mặc đủ hết đồ rồi mới cho cô vào.

“Cháu có sợ đâu. Có điều trông bọn nó ghê quá. Mà cứ nhưng nhúc bao nhiêu là con.”

“Cũng phải thôi. Đang mùa sâu bọ mà. Cứ đến mùa mưa là bọn này lại về. Dì cứ nghĩ cháu phải quen với những thứ này rồi chứ, ở nhà cháu ấy. Trên núi rừng, thiếu gì các loài vật hoang dã.”

“Nhưng chắc chắn không phải ở trong nhà tắm, dì ạ.”

“Cháu sẽ phải làm quen với chuyện này trong nhà tắm của dì. Cháu chỉ có thể đuổi bọn giun đi bằng cách tạt nước thôi. Nước lạnh ấy – đừng dùng nước nóng.” Cô làm mẫu, gạt cậu ra để với tới chỗ cái xô, dội mấy ca nước liền, khiến bọn sâu trôi xuống lỗ cống. “Thấy chưa? Bọn nó đi rồi đấy, xuống cống.”

Những đường cong mềm mại trên bắp tay vươn ra của cô có tác dụng trấn an cậu còn hữu hiệu hơn phương pháp dội nước. Khi nghiêng mình xuống trên gờ gạch, lưng cô kéo căng tấm áo ngủ ôm sát sát lấy hông, làm đường viền quần lót nổi hẳn lên. Mắt cậu nán lại, rồi chuyển hướng ngay khi cô đứng thẳng lên.

“Thế nào? Bây giờ cháu có định tắm không thì bảo? Hay cháu muốn dì ở lại đây với cháu để canh bọn giun?” Cậu đỏ mặt, còn cô, lo rằng mấy người thợ may sắp đến, nói: “Nghe đây, vì hôm nay là buổi sáng đầu tiên, nên dì sẽ ưu tiên cho cháu một lần.”

Cô lấy chai phenol trên chiếc giá bên ngoài phòng vệ sinh, mở nắp, và nhỏ thứ chất lỏng màu trắng lên lũ giun. Nó đem lại hiệu quả tức thì, biến chúng thành một khối màu đỏ quằn quại, và rồi thành những cuộn dây không còn chút sinh khí nào.

“Đấy. Nhưng cháu phải nhớ, phenol rất đắt, không phải ngày nào dì cũng phung phí được. Cháu sẽ phải học cách tắm chung với chúng.”

Cậu đóng cửa và lại cởi quần áo ra. Hình ảnh cô đứng bên cậu, nghiêng người, vươn tay, chạy rần rật khắp chân tay cậu. Nhưng mùi phenol diệt khuẩn lẫn vẫn trong không khí kéo giạt cậu về thực tại.

VI

Ngày ở rạp xiếc, đêm về ổ chuột

NGƯỜI ĐẦU TIÊN NHẬN THẤY cuộc tụ tập của dàn xe buýt hai tầng đổ chúi vào lúc sớm tinh mơ là một đứa trẻ nhà lão nát rượu. Con bé chạy lon xon vào mách mẹ. Nó thấy Ishvar và Om đã dậy, đang đứng ngoài cửa lán, và bảo với hai bác cháu luôn. Bố nó vẫn đang mê mệt trong giấc mộng sắc mùi rượu cồn.

Đám tài xế vừa đỗ xe lại vừa bấm còi chào nhau inh ỏi; hai mươi hai chiếc xe buýt nối đuôi nhau xếp thành hai hàng ngay ngắn. Hai người thợ may hứng nước rồi đi về phía đường tàu. Cả đêm qua trời mưa. Mặt đất nhão nhoét, bùn nuốt lấy bàn chân họ như một sinh vật có hàng trăm cái miệng.

“Hôm nay ta đến nhà cô Dina sớm đi,” Om rủ.

“Để làm gì?”

“Chắc Maneck dọn đến rồi đấy.”

Hai bác cháu tìm được một chỗ Ishvar thích, và ngồi xỏm xuống. Ông mừng hóm vì không thấy tăm hơi anh chàng thu mua tóc cùng những câu chuyện huyền thuyên bất trị của anh ta đâu. Ông chúa ghét các thể loại chuyện trò khi đang đi vệ sinh, kể cả những chuyện thâm kín.

Vận may của ông chẳng được bền; Rajaram đã hiện hình trên quãng cua của đường ray và thấy ngay họ ngồi ở mé cuối con mương. Anh ta ngồi xỏm xuống bên cạnh hai bác cháu và bắt đầu đoán già đoán non về mấy chiếc xe buýt.

“Có khi họ đang làm một bến xe mới,” Om nói. “Thế thì tiện cho ta quá.”

“Nhưng họ không xây văn phòng bến xe đã à?”

Họ rửa ráy rồi đi đến chỗ mấy chiếc xe lăm lem bùn đất để tìm hiểu. Đám tài xế mặc đồng phục vải ka ki đang tựa vào cửa xe hoặc ngồi bệt thoải mái ngay vỉa hè, đọc báo, hút thuốc hoặc nhai trầu.

“Chào cả nhà,” Rajaram cất tiếng chào bằng quơ. “Hôm nay các anh thắng đám chiến xa đổ đi đâu thế?”

Một người nhún vai. “Biết đâu. Sếp bảo đưa xe đến, chờ nhận nhiệm vụ đặc biệt.”

Trời lại đổ mưa. Những giọt nước rơi lộp độp trên nóc những chiếc xe trống không. Đám tài xế bèn rút vào xe và đóng hết các ô cửa sổ cáu bẩn.

Ít lâu sau, chiếc xe buýt thứ hai mươi ba trờ tới, cây cần gạt nước khua vô lực, lờ đờ và chậm chạp như một con lắc ướt. Chiếc này đầy chật người, tầng trên được dành riêng cho các cảnh sát mặc sắc phục sẵn sàng làm nhiệm vụ còn tầng dưới thò ra một toán người tay lăm lăm cặp táp và truyền đơn.

Họ vươn vai, kéo giãn đùi quần đang thít chặt lấy bẹn do ngồi lâu, và bước vào khu ổ chuột. Để giữ mấy đôi xăng đan da khỏi mặt đất lầy bùn vì nước mưa, một số nhón mũi chân, nhấc cao gót mà bước, đi chon von dưới tán ô xòe rộng. Số khác lết lép bép bằng gót chân cho khỏi hại đế giày, mắt càn quét khắp mặt đất hòng tìm lấy vài bụi cỏ, mấy cục đá,

hay viên gạch vỡ – bất kì thứ gì khả dĩ làm chỗ đặt chân ít bẩn thỉu hơn cả.

Cuộc “đi dây” qua bãi bùn chẳng mấy chốc đã thu hút cả một đám đông. Một trận gió thốc qua hàng ô; lũ người nọ liến chói với. Một đợt gió mạnh hơn nữa kéo họ ngã choáng choàng. Đám khán giả cười ồ. Mấy đứa trẻ con còn nhại lại kiểu đi đứng kì khôi nọ. Các vị khách mặc cho mấy đôi xăng đan ngập trong bùn và, cố lấy lại phong thái đường hoàng, bước về phía hàng người xếp hàng trước máy nước.

Gã đi đôi giày xịn nhất nói họ là người của đảng, đến gửi thông điệp của thủ tướng. “Thủ tướng gửi lời thăm hỏi và muốn tất cả các anh chị em biết rằng hôm nay thủ tướng có tổ chức một cuộc mít tinh lớn. Ai cũng được mời đến tham dự.”

Một người phụ nữ đặt chiếc xô không dưới vòi nước. Tiếng nước chảy tồ tồ át cả lời gã kia, gã bèn chỉnh lại âm lượng. “Thủ tướng đặc biệt muốn nói chuyện với những con người cần lao, lương thiện như các anh chị em đây. Các xe buýt ở kia sẽ đưa các vị đến dự mít tinh, miễn phí.”

Dòng người xếp hàng lấy nước tiến lên phía trước, về thờ ơ. Vài người rì rầm to nhỏ gì đó với nhau, rồi có tiếng cười rộ lên. Gã nhân viên của đảng bèn nói lại: “Thông điệp của thủ tướng là bà là đầy tớ của các anh chị em, và muốn giúp các vị. Bà muốn nghe lời nói từ chính miệng các vị.”

“Tự đi mà nói với mẹ ấy!” Có người thét lên. “Mày không thấy chúng tao sống sung túc thế nào à!”

“Phải! Bảo mẹ ấy bọn này vui sướng lắm! Việc gì chúng tao phải đi kia chứ?”

“Nếu mẹ là đầy tớ của bọn tao, bảo mẹ tự vác xác đến đây!”

“Bảo mấy thằng có máy ảnh chụp vài kiểu hình nhà cửa đẹp đẽ, con cái khỏe mạnh của bọn tao đi! Đem cho thủ tướng xem!”

Lại có những tràng cười mỉa mai khác, cùng tiếng xì xào đề xuất mấy trò chơi xấu có thể dùng cho bọn tay sai của đảng đã dám làm phiền đám dân nghèo đúng giờ lấy nước. Các vị khách bèn co cụm lại để hội ý.

Rồi tay cầm đầu lại lên tiếng. “Mỗi người sẽ được trả năm rupi. À, có cả trà và bánh trái miễn phí nữa. Mời các anh chị em xếp hàng bên ngoài lúc bảy rưỡi. Xe sẽ khởi hành lúc tám giờ.”

“Đi mà nhét năm rupi vào đít mày ấy!”

“Châm lửa đốt chỗ tiền ấy đi!”

Song những tiếng mạ lị chẳng mấy đã tạnh ráo, vì lời đề nghị mới rõ ràng đã gây được hứng thú. Đám nhân viên của đảng bèn tỏa đi khắp khu ổ chuột để loan báo tin tức.

Một gã nhặt ve chai bèn hỏi liệu vợ anh ta cùng sáu đứa con đi cùng có được không. “Được,” tay phụ trách tổ chức nói, “nhưng mỗi người bọn họ sẽ không được nhận năm rupi đâu. Chỉ anh thôi.” Ông bố nọ đang dào dạt hi vọng bèn tiu nghỉu bỏ đi, nhưng lại bị dụ dỗ bởi lời hứa trà và bánh miễn phí sẽ được nói rộng cho cả gia đình.

“Xem ra sẽ vui đấy,” Om nói. “Ta đi thôi.”

“Cháu có điên không? Phí mất một ngày công may ư?”

“Chả đáng đâu,” Rajaram đồng tình với Ishvar. “Bọn này toàn nói nhăng nói cuội ấy mà.”

“Làm sao anh biết? Anh đã đi dự buổi mít tinh nào thế này chưa?”

“Rồi, buổi nào chả như nhau. Nếu cậu đang vô công rồi nghề, tôi sẽ khuyên cậu đi, kiếm đỡ năm rupi. Lần đầu tiên xem mấy trò hề của chính phủ cũng vui. Nhưng bỏ hẳn một ngày may hoặc thu mua tóc ấy à? Không.”

Lúc bảy rưỡi dòng người xếp hàng trước tốp xe buýt còn chưa đủ dài để lấp đầy một chiếc xe hai tầng. Rất một đám người làm công nhật đang rồi việc, vài người phụ nữ cùng mấy đứa trẻ con, lác đác mấy người làm thuê ngoài bến cảng hiện bị thương. Đám nhân viên của đảng bàn thảo một lúc và quyết định áp dụng kế hoạch thay thế.

Chỉ ít phút sau, hạ sĩ Kesar, chỉ huy của toán cảnh sát, ra lệnh cho đám sĩ tốt xuống xe. Hơn chục người có nhiệm vụ chặn các ngã đường ra của khu ổ chuột, số còn lại theo lão vào trong. Lão cố di chuyển bằng những bước đi hiên ngang khoan thai, nhưng hai bàn chân to bè ngập trong bùn lại biến nó thành dáng đi lạch bạch chới vơi. Lão có một chiếc loa, hai tay lão bắc nó lên trước miệng, giơ cao như một cây kèn trom-pét.

“Chú ý, chú ý! Mỗi hộ phải có hai người lên xe buýt! Trong năm phút – không được chần chừ. Nếu không, các người sẽ bị bắt vì tội xâm phạm đất công!”

Ai nấy đều phản đối: xâm phạm là xâm phạm thế nào, họ đã trả đủ tiền thuê rồi còn gì? Cư dân khu lều lán đổ đi tìm Navalkar, người thu tiền nhà, nhưng lán của lão trống không.

“Không biết thủ tướng có biết bọn kia đang ép buộc bọn ta không nhỉ,” Ishvar nói.

“Bà ta chỉ biết những chuyện quan trọng thôi,” Rajaram nói. “Chuyện đám cánh hẩu của bà ta muốn bà ta biết ấy.”

Toán cảnh sát bắt đầu đi tróc người nhồi vào xe buýt. Những chiếc xe hai tầng dần dà được lấp đầy, lúc này trông chiếc nào chiếc nấy càng đồ rục lên khi bụi bặm cùng bùn đất đã bị nước mưa rửa trôi bớt. Những tiếng còi ở một số lán được dẹp yên dễ dàng khi mấy tay cảnh sát giơ dùi cui lên để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phục tùng.

Anh chàng dạy khỉ sẵn lòng đi, nhưng lại muốn mang theo cả hai con khỉ. “Chúng nó sẽ thích đi xe lắm đây, lúc chúng tôi đi diễn, bọn nó khoái ở trên tàu lắm,” anh ta giải thích với một gã nhân viên của đảng. “Với cả, tôi hứa sẽ không đòi thêm trà hay bánh đâu, tôi sẽ chia phần của mình cho chúng.”

“Mày không hiểu tiếng người à? Không có khỉ khiếc gì hết. Đây không phải cái rạp xiếc.”

Đứng sau lưng hắn, Rajaram thì thọt với các bạn: “Đích là rạp xiếc chứ còn quái gì nữa.”

“Xin ngài,” anh chàng dạy khỉ năn nỉ. “Con chó có thể ở nhà một mình được. Nhưng Laila và Majnoo thì không được, không thấy tôi, chúng nó sẽ kêu khóc cả ngày mất.”

Hạ sĩ Kesar được vờ tới phân xử. “Lũ khỉ của mày có được dạy dỗ tử tế không đấy?”

“Thưa thầy cảnh sát, Laila với Majnoo nhà cháu được dạy cẩn thận lắm ạ! Đây là hai đứa con ngoan của cháu đấy! Đây này, chúng sẽ chào thầy ngay đây!” Anh ta ra hiệu; hai con khỉ đồng loạt giơ chân trước lên ngang đầu.

Hạ sĩ Kesar khoái chí lắm, ông ta vừa chào lại vừa cười khanh khách. Anh chàng dạy khỉ đập hai sợi dây buộc xuống mặt đất, bọn khỉ bèn quỳ xuống vái. Hạ sĩ Kesar hoàn toàn bị chinh phục.

“Thành thực mà nói, tôi thấy cho bọn khỉ dự cùng cũng chả hại gì,” ông ta nói với tay nhân viên của đảng.

“Xin lỗi, thưa ngài hạ sĩ,” tay kia nói, đoạn kéo ông ta sang một bên. “Vấn đề là, lũ khỉ này có thể bị xem như một kiểu phê bình chính trị, và các đối thủ của đảng ta có thể dùng chúng để bôi xấu chúng ta.”

“Có thể lắm,” Hạ sĩ Kesar nói, tay vung vình cái loa. “Nhưng nó cũng có thể được xem như bằng chứng cho thấy thủ tướng có quyền năng thấu hiểu không chỉ con người mà cả cầm thú nữa.”

Gã nhân viên của đảng trợn mắt. “Ngài có muốn tự chịu trách nhiệm bằng văn bản không? Với một tờ biên bản ghi nhớ sao ba bản nhé nhé?”

“Thành thực mà nói, chuyện đó không nằm trong phạm vi quyền hạn của tôi.”

Hạ sĩ Kesar buồn bã quay lại chỗ anh chàng dạy khỉ. “Xin lỗi nhé, đây là một cuộc mít tinh rất quan trọng đối với thủ tướng. Khỉ không được phép dự.”

“Cứ chờ khắc biết,” Rajaram khẽ nói với những người khác trong hàng. “Sân khấu sẽ toàn khỉ là khỉ cho mà xem.”

Anh chàng dạy khỉ cảm ơn hạ sĩ Kesar đã nói giúp. Anh ta nhốt Laila và Majnoo trong lán với Tikka và quay trở lại, mặt mày thiếu ngủ. Giờ mấy chiếc xe buýt đã gần đầy và đoàn hộ tống cũng sẵn sàng lên đường ngay sau khi một vài ca cứng đầu ít ỏi còn sót lại được thuyết phục lên xe bằng gậy và tát.

“Đời tôi chưa thấy chuyện gì bất công thế này,” Ishvar nói. “Với cả cô Dina sẽ nói thế nào đây?”

“Ta sao tránh được,” Om nói. “Cứ tận hưởng cuộc xe miễn phí là hơn.”

“Phải đấy,” Rajaram nói. “Nếu ta đã phải đi, thì cứ vui vẻ mà đi. Chú không biết đấy thôi, năm ngoái bọn nó còn cho xe tải đến chở chúng tôi. Nhồi như cừu. Đi xe buýt thế này thoải mái hơn khối.”

“Bét ra mỗi cái phải chở cả trăm người,” Ishvar nói. “Tổng cộng là hơn hai ngàn. Chắc mít tinh lớn lắm.”

“Đấy là chỉ riêng số từ khu ta thôi,” Rajaram nói. “Chắc xe buýt đã được phái đi khắp nơi. Cả cuộc mít tinh phải có đến mười lăm, hai mươi ngàn người, cứ chờ khắc biết.”

Sau khi đi được chừng một tiếng, đoàn xe buýt ra đến ngoại ô thành phố. Om kêu đói. “Cháu mong sao họ cho ta uống trà ăn bánh ngay khi đến nơi. Và cả năm rupi nữa.”

“Lúc nào cậu cũng đói nhỉ,” Ishvar giả giọng the thé. “Cậu bị giun à?” Hai bác cháu cười phá lên, đoạn cắt nghĩa câu đùa liên quan đến Dina Dalal cho Rajaram hay.

Chẳng mấy chốc họ đã đi vào đường quê. Trời đã ngớt mưa. Họ đi qua những làng mạc, thấy người dân đứng giương mắt nhìn đoàn xe. “Tôi không hiểu,” Ishvar nói. “Sao họ phải lôi chúng ta về tận đây? Sao không đưa luôn mấy người dân làng kia đến chỗ mít tinh?”

“Quá lằng nhằng, tôi nghĩ thế,” Rajaram nói. “Bọn họ sẽ phải đi đến rất nhiều làng, dân cư ở đây thưa thớt quá mà – chỗ này hai trăm người, chỗ kia bốn trăm người. Cứ búng cả cụm từ các xóm nhà lá trên thành phố có phải đơn giản hơn khối không.” Anh ta bỗng reo lên háo hức, tay chỉ ra. “Nhìn kia! Nhìn cô gái kia kìa, ở cạnh giếng ấy! Mái tóc dài đẹp làm sao!” Anh ta thở dài. “Giá tôi có thể mang kéo đi khắp các làng quê, cắt gọt cái nấy. Chả mấy mà giàu to.”

Họ biết mình đã gần đến đích khi đường sá đông đúc thêm và có những chiếc xe khác đi

vượt qua họ, trên mình cũng chở nặng những khán thính giả được “đo ni đóng giày” cho thủ tướng. Thi thoảng, các xe buýt lại phải tránh đường để những chiếc xe hơi pháp phối cờ bay đang rước các vị yếu nhân vượt lên trong tràng còi inh ỏi.

Họ dừng lại gần một khu đất trống rộng mênh mông. Trong khi hành khách lục tục xuống xe, một nhân viên tổ chức nhắc họ ghi nhớ số xe buýt của mình cho chuyến về. Anh ta hướng dẫn mọi người đi đến khu ngồi của mình, nhắc lại hiệu lệnh vỗ tay cho từng nhóm. “Nhớ quan sát các vị chức sắc ngồi trên sân khấu. Khi nào họ bắt đầu vỗ tay, thì các người cũng phải vỗ tay theo.”

“Còn tiền thì sao?”

“Bao giờ xong việc khắc có. Bọn này biết tổng mánh của các người rồi. Nếu bọn này trả tiền trước, thế nào lũ lưu manh các người chả đánh bài chuẩn giữa chừng.”

“Vào nhanh! Vào nhanh!” Một người chỉ đường giục, đoạn giúp những người mới đến đi vào bằng một phát vỗ lên lưng.

“Đừng có đẩy!” Om vừa gầm gừ, vừa gạt bàn tay trên lưng mình đi.

“Kìa Om, bình tĩnh đi cháu,” Ishvar can.

Các cọc tre và ray đường sắt chia mảnh đất thành mấy khu có rào chắn, khu chính nằm ở mé cuối, giữa có một sân khấu được che chắn lại cao khoảng chín mét. Phía trước sân khấu là khu dành riêng cho các vị đức cao vọng trọng. Đây là khoảnh duy nhất có kê ghế, và cuộc tranh cãi hòng phân chia ghế đang đến hồi gay gắt. Ghế có ba loại: có nệm, có tay, cho các VVIP – nhân vật rất rất quan trọng; có nệm, nhưng không có tay, cho các VIP – nhân vật rất quan trọng; và ghế xếp bằng sắt trơn, cho các chức sắc ngành cảnh sát Ấn Độ. Các vị khách mời còn đang bận cựa nự và cãi lộn với các điều phối viên, ép họ phải thêm một chữ “rất” vào danh vị của mình.

“Cố mà ra đứng gần rìa khu đất, sát cái lều kia kìa,” Rajaram nói. “Chắc đấy là chỗ phục vụ trà và bánh đấy.” Nhưng các tình nguyện viên đeo băng vải ba màu đã lùa cả đám đến khu rào trống ngay gần đó.

“Oa, bác nhìn kìa!” Om kêu lên sững sốt, tay chỉ vào tấm hình thủ tướng cao xấp xỉ hai mươi lăm mét dựng ở cánh phải sân khấu. Cái hình người gia cổ bằng bìa các tông và gỗ dán đứng đó, vòng tay dang rộng, như đang chờ ôm chầm lấy các khán thính giả. Một tấm bản đồ vẽ phác hình đất nước treo lơ lửng đằng sau cái đầu, một vòng hào quang te tua.

“Nhìn cả cái cổng hoa kia mà xem!” Ishvar reo lên. “Cứ như dải cầu vồng bắc ngang sân khấu ấy nhỉ. Đẹp quá phải không? Đứng đây cũng ngửi thấy mùi hoa thơm nữa.”

“Thấy chưa, tôi đã bảo hai bác cháu sẽ thích mà,” Rajaram nói. “Lần đầu bao giờ cũng vui.”

Họ ngồi bệt xuống đất rồi quay sang ngó nghiêng những khuôn mặt xung quanh mình. Mọi người mỉm cười và gật đầu. Người phụ trách âm thanh bước lên sân khấu để kiểm tra micro, khiến mấy chiếc loa rít lên the thé. Những tiếng lao xao háo hức nổi lên giữa đám khán giả rồi tan biến gần như ngay lập tức. Các đoàn xe buýt vẫn lũ lượt đổ xuống hàng ngàn hành khách. Lúc này nắng đã nóng như rang, Ishvar nói chí ít trời cũng không mưa.

Hai tiếng sau, tất cả các khu rào đã kín người, khoảnh đất chật ních, và những nạn nhân đầu tiên gục ngã trước ánh nắng mặt trời được khiêng đi hồi sức dưới bóng râm của mấy rặng cây gần đó. Ai nấy đều ngờ vực tính đúng đắn của việc tổ chức một cuộc mít tinh vào đúng khoảng thời gian nóng bức nhất trong ngày. Một nhân viên tổ chức giải

thích là không còn cách nào khác, thầy chiêm tinh của thủ tướng đã xem kĩ thiên văn rồi mới chọn giờ.

Mười tám vị quyền cao chức trọng bắt đầu ngồi vào vị trí của mình trên khán đài. Vào hồi mười hai giờ đúng, có một tiếng gầm rú nổi lên giữa trời và hai mươi lăm ngàn cái đầu nhất tề ngửa lên. Một chiếc trục thẳng lượn quanh khu đất ba vòng, rồi từ từ hạ cánh xuống phía sau sân khấu.

Ít phút sau, thủ tướng, bận bộ sari trắng, được một người mặc bộ kurta trắng, đội mũ Gandhi hộ tống lên sân khấu. Mười tám vị yếu nhân quyền uy đẩy mình lần lượt quàng vòng hoa vào cổ lãnh tụ của mình rồi cúi xuống, chạm nhẹ lên ngón chân bà. Một vị chơi trội hơn cả bọn bằng cách nằm phục xuống trước mặt thủ tướng. Tôi sẽ quỳ mãi dưới chân bà, ông ta nói, cho đến khi nào thủ tướng tha lỗi cho tôi mới thôi.

Thủ tướng ngó người, dù không ai có thể nhìn thấy nét bối rối đó vì mười tám vòng hoa đã nhấn chìm khuôn mặt bà. Một tay trợ lý bèn nhắc cho bà nhớ một cử chỉ bất trung nho nhỏ trước đây của vị kia. “Thưa thủ tướng, ông ấy đã hối hận lắm rồi, ông ấy nói muốn xin lỗi, bằng cả tấm lòng thành.”

Mấy chiếc micro đã bật sẵn đảm bảo đám khán giả đang bị nướng dưới ánh nắng mặt trời chí ít cũng có thể thưởng thức trò hề trên sân khấu. “Rồi, được rồi,” thủ tướng nói, giọng có vẻ sốt ruột. “Giờ hãy đứng dậy và thôi cư xử mất thể diện như thế đi.” Được trừng phạt xong, vị nọ liền nhảy phắt dậy như hết như một vận động viên vừa thực hiện một cú lộn nhào.

“Thấy chưa?” Rajaram nói. “Tôi đã bảo hôm nay ta sẽ được xem đủ màn xiếc mà – có hề, khỉ, diễn viên nhào lộn, đủ cả.”

Khi cơn bão của những trò phỉnh nịnh giả tạo đã tan, thủ tướng bèn liệng từng vòng hoa trên cổ mình ra phía khán giả. Các cử tọa ngồi ghế VIP cùng nhóm chúc sắc reo hò như hóa đại trước cử chỉ hào sảng ấy.

“Bố bà ta từng làm y như thế, khi ông còn đương chức,” Ishvar nói.

“Phải,” Rajaram nói. “Tôi cũng nhìn thấy một lần rồi. Nhưng khi làm thế, trông ông ấy khiêm nhường lắm.”

“Cái kiểu của bà ta nom như đang ném rác vào mặt chúng ta ấy nhỉ,” Om nói.

Rajaram cười phá lên. “Chả phải đấy là đặc sản của bọn chính trị gia à?”

Vị đại biểu quốc hội đại diện cho tỉnh bắt đầu bằng bài diễn văn chào mừng, cảm ơn thủ tướng đã tỏ sự quan tâm đặc biệt tới mảnh đất nghèo nàn, hèn mọn này. “Cử tọa thật quá ít ỏi,” ông ta nói, đoạn khoát tay bao quát đám đông hai mươi lăm nghìn khán giả bất đắc dĩ. “Nhưng đây là những cử tọa nhiệt thành và tha thiết, mang trong mình một tình yêu bao la dành riêng cho thủ tướng, người đã lao tâm khổ tứ biết bao để chúng tôi có cuộc sống tử tế hơn. Chúng tôi là những con người thô mộc, đến từ những làng quê bình dị. Nhưng chúng tôi hiểu sự thật, và hôm nay chúng tôi đến đây để lắng nghe vị lãnh tụ của mình...”

Ishvar xắn tay áo, tháo hai khuy và cúi thối phù phù vào người cho mát. “Chả biết trò này kéo dài bao lâu nhỉ...”

“Hai, ba, bốn tiếng, còn tùy số bài phát biểu,” Rajaram đáp.

“... và nhớ ghi lại, thưa các nhà báo sẽ đưa tin cho báo ngày mai. Đặc biệt là các nhà báo

nước ngoài. Bởi những ghi chép cầu thả đã từng gây ra nhiều tổn hại nghiêm trọng. Rất nhiều lời dối trá đã được phát tán xung quanh Tình trạng khẩn cấp, vốn được tuyên bố đặc biệt vì lợi ích của toàn dân. Cứ trông mà xem: thủ tướng đi đến đâu, hàng ngàn người lại vượt bao dặm đường đổ về đấy, để nhìn thấy bà và nghe bà nói. Chắc chắn đây là dấu hiệu của một vị lãnh tụ vĩ đại thực thụ.”

Rajaram lấy ra một đồng xu và bắt đầu chơi trò đoán sắp ngửa với Om. Quanh họ, mọi người đang làm quen, chuyện gẫu, bàn tán về mùa mưa. Trẻ con tự nghĩ ra các trò chơi và vẽ bậy lên mặt đất. Vài người lăn ra ngủ. Một bà mẹ duỗi dài đôi chân phủ tấm sari, đoạn đặt đứa bé con ngồi xuống thung lũng giữa hai bắp đùi, và bắt đầu tập thể dục cho nó trong khi miệng khe khẽ hát, chị ta đang tay nó ra, bắt chéo lại trên ngực nó, giơ hai bàn chân bé tí lên cao hết mức có thể.

Những người giám sát và các tình nguyện viên tuần tiểu quanh các khu đất, theo dõi tình hình. Họ chẳng lấy làm bận tâm nếu dân chúng kín đáo kiếm trò tự tiêu khiển. Hoạt động duy nhất bị cấm là đứng dậy hoặc rời khu rào. Vả lại, đây mới chỉ là bài phát biểu mở đầu.

“... vậy mà có những kẻ dám nói thủ tướng phải từ nhiệm, rằng luật lệ của bà là bất hợp pháp! Những kẻ đó là ai mà lại cả gan nói ra những lời dối trá đến thế? Thưa các anh chị em, bọn chúng chỉ là những kẻ thiếu số được cung nệm ruộng chiều, sống trên các thành phố lớn và tận hưởng những tiện nghi mà tôi và các bạn còn không dám mơ tới. Chúng không thích những thay đổi mà thủ tướng đang áp dụng vì những đặc quyền bất công của chúng sẽ bị tước mất. Nhưng có một điều hiển nhiên rằng ở các làng quê, nơi bảy mươi nhăm phần trăm dân cư nước ta sinh sống, không có gì khác ngoài một lòng ủng hộ tuyệt đối dành cho thủ tướng kính yêu của chúng ta.”

Đến gần cuối bài phát biểu, ông ta vẫy tay ra hiệu với một người đang đứng chờ ở cánh gà với một chiếc bộ đàm. Vài giây sau, các bóng đèn màu giấu trong chiếc cổng hoa ở phía trước bỗng sáng lóa lên, đủ để ganh với ánh nắng ban trưa. Khán giả đều sửng sốt. Tiếng vỗ tay ép buộc let đẹt dành cho bài phát biểu của ngài đại biểu quốc hội giờ đã trở thành những tràng pháo tay thực thụ khen tặng màn trình diễn hình ảnh.

Khi ánh đèn hùng hục vẫn còn chói lòa, tiếng máy bay trực thăng gầm rú lại choán ngợp cả bầu trời, những tràng phạch phạch phạch vọng xuống từ phía sau sân khấu. Bụng của cỗ máy kền càng nhả ra thứ gì đó. Cái bọc bung mở – toàn cánh hoa hồng!

Đám đông reo ầm ĩ, song viên phi công đã canh sai thời điểm. Thay vì đổ như mưa xuống đầu thủ tướng cùng các vị tai to mặt lớn, toàn bộ số cánh hoa lại rơi xuống một đồng cỏ sau lưng sân khấu. Một gã chần dề đang trông đàn súc vật vội cảm ơn trời đất vì niềm vinh dự ấy, rồi lật đật chạy về nhà để khoe gia đình về điều kì diệu vừa qua.

Bọc thứ hai, hướng vào khu VIP, rơi đúng địa chỉ nhưng lại không bung ra được. Có người đã được đưa lên cồng khiêng đi. Đến khi bọc thứ ba được thả xuống khu khán giả, tay nghề viên phi công đã thành, đó là một cú thả hoàn hảo. Một cơn gió nhiệt tình nổi lên, hào phóng thổi tung những cánh hoa. Bọn trẻ con trong đám đông được một phen đuổi theo hoa thỏa thích.

Trên sân khấu bỗng xôn xao vì thêm nhiều cái cúi đầu chào, vì tiếng kéo ghế kéo kẹt, rồi thủ tướng tiến đến trước chum micro. Một tay giữ vạt sari trên cổ, bà bắt đầu nói. Mỗi câu bà nói ra lại được hộ tống bằng một tràng pháo tay như sấm động từ trên sân khấu và khu VIP, kéo theo những tiếng vỗ tay đầy ý thức trách nhiệm dưới chỗ khán giả. Bài phát biểu của thủ tướng xem ra đang có nguy cơ bị bóp nghẹt bởi tình trạng vỗ tay quá khích. Rốt

cuộc, bà đành rời bục diễn thuyết và thì thầm gì đó với một tay trợ lý, gã này bèn ra dặn dò các vị chức sắc. Kết quả hết ý. Kể từ đó, các tràng vỗ tay đã được phân bố hợp lý hơn.

Bà chỉnh sửa lại mảnh sari trắng đang tụt khỏi đầu và tiếp lời. “Không có lý do gì để lo lắng chỉ vì Tình trạng khẩn cấp đã được ban bố. Đó chỉ là một biện pháp cần thiết để chống lại các thế lực xấu xa. Nó sẽ giúp cải thiện cuộc sống cho những người dân thường. Chỉ có bọn lừa đảo, buôn lậu, chợ đen mới cần lo lắng, vì chúng ta sẽ sớm tổng chúng vào sau song sắt. Và chúng ta sẽ thành công, bất chấp âm mưu ghê tởm đã được ấp ủ từ những ngày đầu tôi cho triển khai những chương trình vì lợi ích của những người đàn ông và phụ nữ lương thiện. Đang có một bàn tay nước ngoài can dự vào công cuộc chống phá chúng ta – bàn tay của những kẻ thù vốn không mong nhìn thấy chúng ta phồn vinh.”

Rajaram lấy ra một cỗ bài và bắt đầu tráo, Om thích chí lắm. “Anh chuẩn bị kĩ thật đấy, chắc luôn,” cậu nói.

“Dĩ nhiên. Xem ra buổi hôm nay dài đấy. Chú chơi không?” Anh ta hỏi Ishvar, và chia luôn cho cả ông. Những người ngồi gần họ ngẩng cổ lên, sung sướng vì có món giải sầu. Họ bu lại thành vòng tròn để xem chơi bài.

“... nhưng chẳng hề gì, vì chúng ta đã quyết một lòng, rằng các thế lực phá hoại phải bị thanh trừ. Chính phủ sẽ tiếp tục chiến đấu cho đến khi không còn tồn tại một mối đe dọa nào đến nền dân chủ của đất nước ta.”

Đến lúc này thì Om không chịu nổi nữa, cậu nói tay cậu đang đau. Cậu đánh một quân, thì một người ngồi gần cậu bỗng buột miệng: nhầm rồi, nhầm rồi. Om nhận ra mình đánh hớ, bèn lấy lại quân bài và xuống một quân khác; trong khi đó, những điểm chính của Chương trình Hai mươi mốt điểm đang được liệt ra.

“Điều chúng tôi muốn làm là cho người dân nhà ở. Đầy đủ lương thực thực phẩm, để không một ai bị đói. Vải vóc ở mức giá kiểm soát. Chúng tôi muốn xây dựng trường học cho trẻ em và bệnh viện để chăm sóc những người đau ốm. Các biện pháp hạn chế sinh đẻ cũng sẽ được miễn phí cho tất cả mọi người. Và chính phủ sẽ không dung thứ cho tình trạng người dân tùy ý gia tăng dân số bùng nổ, làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên vốn là sở hữu của toàn dân. Chúng tôi xin hứa sẽ diệt trừ đói nghèo ở các thành phố và thị trấn cùng làng quê.”

Cuộc bài bạc càng lúc càng huyền ảo. Om khoái trá đập bẹt quân bài của mình xuống, đi kèm là những tiếng kèn lệnh. “Tèn tèn tèn tèn!” Cậu hát rầm lên khi đến lượt mình đánh.

“Chỉ thế thôi á?” Rajaram nói. “Có thế mà cũng ầm ĩ hả? Chuyện vặt nhá! Có giỏi thì thử đập lại cây này xem nào!”

“Hô hô! Chờ nãy giờ,” Ishvar nói, ù bài và khiến hai người kia kêu oai oái. Đám người xem bèn đồng loạt reo hò khen tài chơi bài của ông.

Chả mấy chốc, một khán giả – giám sát viên tò tò ra tìm hiểu. “Cái quái gì thế này? Phải biết tôn trọng thủ tướng một chút chứ.” Anh ta dọa sẽ tịch thu tiền công và bánh nếu họ không chịu cư xử cho phải phép và chú ý vào bài phát biểu. Cỗ bài được yêu cầu cất đi.

“... Và các đội cảnh sát cơ động mới thành lập của chúng tôi sẽ tóm cổ bọn buôn lậu vàng, phanh phui tham nhũng và tiền bẩn, và trừng phạt những kẻ trốn thuế đang làm nghèo đất nước. Các anh chị em có thể tin tưởng phó thác cho chính phủ hoàn thành nhiệm vụ này. Phần việc của các anh chị em trong công cuộc này rất đơn giản: ủng hộ chính phủ, ủng hộ Tình trạng khẩn cấp. Cái ta cần nhất lúc này là kỉ cương – kỉ cương trong mọi phương diện của cuộc sống, nếu muốn phục hưng đất nước. Hãy tránh xa mọi

hình thức mê tín dị đoan, đừng tin vào các thể loại chiêm tinh và thầy bói, chỉ tin vào bản thân mình và lao động chăm chỉ. Tránh xa cả những lời đồn thổi và phao tin vô căn cứ nếu các anh chị em yêu quý đất nước mình. Trên tất cả, hãy thực hiện bốn phận của mình! Đây, thưa các anh chị em, là lời kêu gọi của tôi dành cho các bạn! *Jai Hind!*^[38]”

Mười tám vị ngồi trên sân khấu nhất tề đứng dậy chúc mừng thủ tướng đã có một bài phát biểu rung động lòng người hết sức. Một cơn sóng ning hót sôi nổi lại mở màn. Đến cuối cuộc, vị quan chức của đảng chịu trách nhiệm nói lời cảm ơn chính thức đến thủ tướng bước ra, miệng nở nụ cười ngô nghê với cái micro.

“Ồi, thôi!” Om kêu lên. “Lại một bài phát biểu nữa à? Khi nào ta mới được ăn bánh?”

Khi kho lời cảm ơn cũ rích cùng các bài tâng bốc nhằm chán đã cạn, vị diễn giả bất thành hình chỉ tay lên khoảng trời ở phía xa khu đất. “Trông kìa! Trên những đám mây! Ôi, bọn chúng ta thật quá may mắn!”

Khán giả nhìn lên rồi ngo quanh quất hòng tìm kiếm nguyên nhân gây ra nỗi phấn khích của diễn giả. Lần này không có chiếc trực thăng cánh quay phành phạch nào. Nhưng ở phía chân trời, đang trôi lơ lửng về phía cánh đồng, là một quả khinh khí cầu khổng lồ. Khối vòm màu cam, trắng, và xanh lục lướt ngang bầu trời trong xanh không một gợn mây trong bầu không khí lặng tờ như trong một giấc mơ. Nó giảm độ cao một chút khi tiến gần đám đông, và giờ những người tinh mắt đã có thể nhận ra khuôn mặt đang bay lượn trên cao giấu sau cặp kính râm. Cái hình người ấy giơ một cánh tay trắng phớt lên và vẫy chào.

“Ồi, những người dự mít tinh hôm nay thật may mắn gấp đôi!” Vị diễn giả hét sang sáng vào micro. “Thủ tướng thì ở trên sân khấu này với chúng ta, còn con trai bà lại đang ở trên trời cao, ngay trên đầu chúng ta! Chúng ta còn có thể mong mỗi gì hơn nữa!”

Trong khi đó, ông con trai ở trên trời đã bắt đầu ném các tờ truyền đơn xuống. Với khiếu kịch nghệ trời sinh, thoát tiên anh ta chỉ thả một tờ xuống để nhử khán giả. Mọi cặp mắt đều đóng đinh vào tờ giấy đang hồ hững chao liệng và lượn vòng. Anh ta tiếp nối bằng hai tờ truyền đơn nữa, và chờ đợi, trước khi xả hết cả mớ bằng những nắm to đùng.

“Vâng, thưa các anh chị em, Người mẹ của Ấn Độ đang ngồi đây, trên khán đài với chúng ta, và Con trai của Ấn Độ đang ở trên trời cao kia! Hiện tại huy hoàng, ở đây, lúc này, và tương lai rạng rỡ, trên kia, đang đợi lúc hạ phàm và bao bọc cuộc đời chúng ta! Đất nước ta thật may mắn biết chừng nào!”

Những lá truyền đơn ít ỏi đầu tiên sà xuống đất, mang bức hình của thủ tướng cùng Chương trình Hai mươi Mốt Điểm. Một lần nữa, lũ trẻ lại được một phen thỏa thích đuổi theo đám giấy để đưa xem đứa nào nhặt được nhiều nhất. Quả khinh khí cầu rời khỏi bầu trời, để lại không gian cho cuộc tấn công cuối cùng của chiếc trực thăng.

Lần này nó hạ thấp hơn nhiều so với trước đó. Rủi ro được đền đáp bằng sự chính xác: một cơn mưa cánh hoa hồng hoành tráng sau chót trút xuống sân khấu. Nhưng tấm hình thủ tướng cao hai nhăm mét bắt đầu rung chuyển trong cơn bão của cánh quạt trực thăng. Đám đông hét lên kinh hoảng. Cái hình người với đôi tay dang rộng rít lên, còn những sợi dây căng ra trước sức giằng của nó. Mấy nhân viên an ninh vừa điên cuồng vẫy chiếc trực thăng, vừa mồm môi mồm lợi giữ lấy các dây buộc cùng thanh chống. Song cơn lốc quá dữ dội, vô phương chống cự. Tấm pa-nô từ từ đổ về phía trước. Những người đứng gần bà khổng lồ bằng các tông và gỗ dán bỏ chạy tán loạn.

“Chả ai muốn bị rơi vào vòng tay của thủ tướng cả nhỉ,” Rajaram nói.

“Nhưng bà ta cứ đòi cười lên người ta cơ,” Om nói.

“Thằng mất dạy,” bác cậu quở.

Họ hối hả chạy ra chỗ lán giải khát, nơi một dòng người dài bất tận đang nằm dưới vòng kiểm soát của toán nhân viên an ninh. Tình trạng thiếu cốc uống trà khiến nó khó dịch chuyển nhanh hơn. Suất ăn nhẹ – mỗi người một cái bánh rau chiên – đã hết sạch. Bàn tay những người cấp dưỡng càng lúc càng kém hào phóng đi theo nguồn trà dần teo tóp. Họ bắt đầu rút ra những cốc chỉ đầy phân nửa. “Không phải ít trà hơn đâu,” họ giải thích với những người lên tiếng phản đối thái độ bủn xỉn kia. “Nước đặc hơn đấy.”

Trong khi dòng người nhích từng bước về phía trước, xe cứu thương chạy dọc rìa cánh đồng, còi hú inh ỏi, thu thập những nạn nhân bị thương từ vụ đổ pa-nô hình thủ tướng. Sau một tiếng chờ đợi, Ishvar, Om, và Rajaram vẫn ở cuối hàng, khi trà đã cạn kiệt. Cùng lúc đó, có tin báo: Xe buýt sẽ lăn bánh trong mười phút nữa. Sợ bị bỏ lại đến cuống cả lên, ai nấy bỏ ngang cuộc cãi vã với mấy người chia trà và cắm cổ chạy ra khu đỗ xe. Họ được trả mỗi người bốn rupi khi lên xe.

“Sao lại bốn?” Ishvar hỏi. “Lúc đến, họ bảo chúng tôi là năm rupi cơ mà.”

“Một rupi tiền vé xe buýt, trà và bánh.”

“Bọn này có được uống trà ăn bánh quái đâu!” Om hùng hổ gí sát mặt vào mặt người kia. “Mà họ bảo xe buýt miễn phí cơ mà!”

“Gì? Ông kênh muốn đi xe buýt chùa á? Bố chú mày là Divali chắc?”

Om sững cổ. “Tôi cảnh cáo anh, đừng có lời tên bố tôi ra.”

Ishvar và Rajaram vội đỡ cậu lên xe. Gã kia cười hô hố, chế nhạo chàng trai tương tá như con bọ que lại còn học đòi ăn to nói lớn.

Họ ngồi ủ rũ trong suốt chuyến đi về, vừa khát vừa mệt. “Phí phạm cả một ngày,” Ishvar nói. “Lẽ ra ta đã may được sáu cái váy rồi. Mất toi ba chục rupi.”

“Đến tầm giờ này là tôi đã gom được khối tóc rồi.”

“Có lẽ khi nào về đến nhà, bác sẽ ghé qua chỗ cô Dina,” Ishvar nói. “Để giải thích thôi. Hứa ngày mai chúng ta sẽ đến.”

Hai tiếng sau, xe buýt dừng lại ở một khu lạ hoắc. Tài xế bắt tất cả xuống xe. Ông ta nói mình được chỉ thị như thế. Để phòng xa, ông ta quay kính cửa sổ lên kín mít và nhốt mình trong ca bin.

Dân cư khu lều lán giậm chân thành thịch lên sàn xe, nhổ nước bọt, đá vào sườn xe mấy lần liên. “Lũ mất dạy!” Gã tài xế gào lên. “Phá hoại của công thế hả!”

Vài cú đâm vót được đội xuống chiếc xe trước khi đám đông bỏ đi. Ishvar và Om chả hiểu mình đang ở đâu, nhưng đã có Rajaram biết đường. Sấm vang rền, trời lại đổ mưa.

Họ đi bộ một tiếng ròng. Khi họ về đến khu ổ chuột, lúc ấy đã tối sập.

“Ta ăn quà cái gì đó đi,” Ishvar nói. “Rồi bác sẽ qua xin lỗi cô Dina.”

Ông đang bơm cái bếp Primus và quẹt một mồi diêm, thì bóng đêm bỗng bị xé toạc bởi một tiếng thét hãi hùng. Nó không giống tiếng người, cũng chẳng phải tiếng thú. Hai người thợ may xách vội cây đèn bão rồi cùng Rajaram chạy về phía phát ra tiếng thét, lều của người dạy khi.

Họ tìm thấy anh ta ở sau lưng lán, đang mải mê bóp cổ con chó. Tikka ở bên cạnh anh ta, mắt lồi hẳn ra, bị đầu gối anh chàng dạy khỉ ghì nghiêng xuống. Bốn chân con chó cào loạn trong không khí, cố tìm một điểm tựa có thể giúp nó thoát khỏi nỗi đau không lời nào tả xiết đang quẩn lấy cổ nó.

Ngón tay người dạy khỉ siết chặt hơn nữa. Những tiếng thét điên dại của anh ta hòa làm một với tiếng tru kinh hoàng của Tikka. Thứ giai điệu ghê rợn hợp từ tiếng thét của người và vật tiếp tục bầm nát màn đêm.

Ishvar và Rajaram cố mãi cũng gỡ được ngón tay anh chàng dạy khỉ ra. Tikka lớp ngóp bò dậy. Nó không chạy, chỉ thủy chung đứng đợi gần đó, vừa ho khạc, vừa giơ chân quào quào mặt. Anh chàng dạy khỉ lại cố tóm lấy nó nhưng bị mấy người vừa chạy đến ngăn lại.

“Bình tĩnh nào,” Rajaram nói. “Có gì chuyện gì thế, nói cho chúng tôi biết đi.”

“Laila với Majnoo!” Anh ta khóc nức, tay chỉ về phía lán, nghẹn ngào không nói nên lời. Anh ta cố tìm cách dụ con chó lại gần, mồm tắc tắc mấy tiếng. “Tikka, Tikka, ra đây, Tikka ngoan!”

Những mong tìm kiếm sự tha thứ, con vật ngoan ngoãn lại gần. Anh chàng dạy khỉ giơ chân đá phốc vào sườn nó trước khi những người khác kịp kéo anh ta lại. Họ giơ đèn lồng lên và nhòm vào lán.

Ánh sáng lập lờ hắt lên tường, rồi trườn xuống nền nhà. Họ thấy xác hai con khỉ nằm lẫn lóc trong một góc. Chiếc đuôi màu nâu dài thượt của Laila và Majnoo, lúc sống sinh động là thế, nay nom quắt queo đến kì dị. Như sợi thừng cũ xơ tướp, hai cái đuôi kéo lết bết trên mặt đất. Một trong hai con đã bị xơi mất một phần, ruột gan phòi ra lòng thông một màu nâu nâu đen đen.

“Hai Ram,” Ishvar lẩm bẩm, tay đưa lên bịt miệng. “Kinh khủng quá.”

“Để tôi xem nào,” một người vừa nói vừa cố len qua đám đông.

Chính là bà cụ đã cho Om nước hôm đầu dọn đến, lúc vùi đang cạn. Anh chàng chơi đàn dạo khuyên mọi người nên nhường đường cho bà ta vào ngay, bà có thể xem tướng ruột thành thạo chẳng khác nào thầy pháp đọc Bhagavad Gita.

Đám đông rẽ lối, bà cụ bèn bước vào. Bà ta sai hạ chiếc đèn lồng xuống gần hơn. Đoạn bà giơ chân như cái xác để bộ ruột lộ ra rõ hơn.

“Cái nạn mất hai con khỉ không phải mất mát lớn nhất cậu ta sẽ gặp,” bà tuyên bố. “Vụ giết chó không phải cái tội giết chóc nặng nhất mà cậu ta sẽ phạm.”

“Nhưng con chó,” Rajaram lên tiếng, “chúng tôi đã cứu nó rồi, nó đang...”

“Vụ giết chó không phải cái tội giết chóc nặng nhất mà cậu ta sẽ phạm,” bà cụ nhắc lại bằng một vẻ quả quyết sắt đá, rồi bỏ đi. Các khán giả của bà chỉ nhún vai, cho là bà cụ, dẫu nói như chém đinh chặt sắt là vậy, nhưng chắc chỉ do quá hoảng hốt và bối rối trước sự việc vừa qua.

“Tôi sẽ giết nó!” Anh chàng dạy khỉ lại rú lên. “Con tôi chết rồi! Tôi sẽ giết chết con chó khốn nạn ấy!”

Một người dắt Tikka ra chỗ an toàn, còn những người khác cố khuyên giải người dạy khỉ. “Con chó chỉ là giống súc vật đần độn. Đói thì nó ăn, thế thôi. Giết nó đi phỏng ích gì? Cũng tại anh nhốt chúng nó với nhau đấy thôi.”

“Nó chơi với bọn khỉ như anh chị em,” anh ta khóc mếu. “Cả ba đứa chúng nó có khác nào con tôi đâu. Giờ lại ra thế này. Tôi sẽ giết nó.”

Ishvar và Rajaram dắt người dạy khỉ đi xa khỏi lán của anh ta. An ủi anh ta sẽ dễ hơn khi mấy cái xác bê bết máu đã khuất mắt. Họ vào lán của Rajaram, rồi lại vội vã bỏ ra. Những bao tóc chất kín bốn góc, nom chả khác nào những cái xác bé tí đầy lông lá rùng rợn, không phải là thứ người dạy khỉ có thể đương nổi trong hoàn cảnh hiện tại. Vì vậy họ kéo vào lán của hai người thợ may và rót cho anh ta một cốc nước. Anh ta ngồi đó với cốc nước trên tay, khóc thút thít, run lẩy bẩy, rồi lại lảm nhảm một mình.

Ishvar quyết định, ghé qua nhà cô Dina lúc này đã là chuyện khỏi cần nghĩ nữa, vì cũng quá muộn rồi. “Ngày gì thế không biết,” ông thì thọt với Om. “Mai ta giải thích cho cô ấy cũng được.”

Họ ngồi bên người dạy khỉ đến quá nửa đêm, để mặc anh ta muốn khóc lóc bao nhiêu mặc tình. Một buổi lễ chôn cất đã được định sẵn cho Laila và Majnoo, và mọi người khuyên anh ta tha lỗi cho con chó. Vấn đề sinh nhai được nêu ra bởi Rajaram: “Cậu sẽ mất thời gian bao lâu để dạy bọn khỉ mới?”

“Chúng là bạn tôi – con tôi! Tôi không muốn nghe bất cứ câu nào về chuyện thay thế chúng!”

Anh ta im lặng một lúc, rồi, lạ thay, lại tự mình lôi chuyện đó ra. “Tôi còn nhiều tài vật nữa, các anh không biết đấy thôi. Nhào lộn, đi trên dây, tung hứng, đi thăng bằng. Một tiết mục mới không cần khỉ cũng khả thi. Để từ từ tôi sẽ nghĩ xem làm gì. Giờ tôi phải khóc cho thỏa lòng đã.”

Dina tỏ vẻ không hài lòng khi Maneck đi học về muộn. Mà lại vào ngày đầu tiên nữa chứ, cô nghĩ thầm. Chả ai còn biết ngay giấc đúng giờ là gì nữa rồi. Có lẽ bà Gupta nói đúng, Tình trạng khẩn cấp cũng chẳng tệ lắm nếu nó dạy người ta biết để ý đến thời gian.

“Trà của cháu đã sẵn sàng từ hơn một tiếng trước rồi đấy,” cô nói, đoạn rót cho cậu một tách và phết bơ lên một lát bánh mì Britannia. “Cháu bận việc gì thế?”

“Cháu xin lỗi dì. Đợi xe buýt lâu quá. Sáng nay cháu cũng bị muộn học. Ai cũng cần nhàn, hình như xe buýt biến đâu hết khỏi đường phố rồi thì phải.”

“Lúc nào mọi người chả cần nhàn.”

“Hai người thợ may đã làm xong việc rồi ạ?”

“Họ có đến đâu.”

“Có chuyện gì thế ạ?”

“Nếu biết thì làm sao trông dì lại lo lắng thế này? Ngày thường họ đã đi muộn đều như đi đạo rồi, nhưng đây là lần đầu họ vắng mặt nguyên một ngày.”

Maneck uống vội tách trà rồi về phòng. Cậu đá tung giày ra khỏi chân, rồi hít hủi thử đôi tất – hơi có mùi một chút – và xô dép vào. Vẫn còn vài hộp nữa cần dỡ ra. Chi bằng làm luôn. Quần áo, khăn, kem đánh răng, xà phòng được cất vào tủ búp phê. Một mùi hương dễ chịu phả ra từ học tủ. Cậu hít một hơi thật sâu: cậu nhớ đến dì Dina, cô thật ưa nhìn – mái tóc rất đẹp, khuôn mặt dịu dàng.

Đồ đã dỡ xong hết, cậu ngơ ngẩn không biết phải làm việc gì nữa. Chiếc ô treo trên tủ khiến cậu chú ý. Cậu mở ra, trầm trồ hình ngôi chùa, và mừng tượng cảnh dì Dina cầm nó xuống phố. Hệt như các quý bà quý cô ở trường đua trong phim *My Fair Lady*. Trông dì

trẻ hơn mẹ nhiều, dù mẹ bảo hai người bằng tuổi, đến năm nay là bốn mươi hai. Và rằng cuộc đời dì đã trải qua lắm truân chuyên, nhiều bất hạnh, chồng dì mất từ sớm, nên Maneck phải đối xử tốt với dì, dù tính tình dì có khó khăn đi nữa.

Thảo nào dì Dina lại có phong thái như thế, cậu nghĩ, cũng vì một đời vất vả. Cách dì nói năng, giọng điệu lộ vẻ già nua, đã trải bao cay đắng ngọt bùi. Lời lẽ của dì lúc nào cũng sắc lạnh – lời lẽ của một con người mệt mỏi, đầy hoài nghi. Cậu ước sao mình có thể giúp dì vui lên, thỉnh thoảng chọc cho dì cười.

Căn phòng nhỏ khiến cậu thấy ngột ngạt. Cứ thế này mãi thật chán, và cả năm học còn lại hẳn cũng sẽ kéo dài lê thê. Cậu nhặt một cuốn sách lên, lật qua, rồi vứt lại lên bàn. Bộ cờ. Cậu bày bàn cờ và đi vài nước máy móc. Với cậu, niềm vui đã khô cạn trong những hình hài bằng nhựa. Cậu gạt chúng vào chiếc hộp màu huyết dụ có nắp trượt – từ nhà tù của những ô vuông sang nhà tù của cổ quan tài.

Song cậu chỉ ít cũng đã thoát khỏi nhà tù của mình, cậu nghĩ, đã không còn phải nhìn thấy cái kí túc xá khốn kiếp kia nữa. Điều hối tiếc duy nhất của cậu là đã không có dịp chào tạm biệt Avinash, căn phòng của anh ta vẫn khóa kín im lìm. Có lẽ anh ta vẫn đang trốn ở nhà bố mẹ – có lẽ mới trở lại giữa lúc chế độ Tình trạng khẩn cấp đang thống trị trường đại học và nhiều người vẫn tiếp tục biến mất không một tăm hơi.

Maneck nhớ lại những ngày đầu quen anh ta, khi tình bạn của họ mới nảy nở. Tất cả những việc tôi làm đều như chơi cờ hết, Avinash đã từng nói thế. Giờ thì anh ta đang bị chiếu tướng gắt gao. Liệu anh ta có kịp đi nước hoán vị, để được che chở bởi ba con tốt và một con xe chưa? Còn dì Dina nữa, cứ phải đấu với hai người thợ may của mình, lựa từng nước đi giữa phòng trong và phòng ngoài. Và bố, gắng sức đương đầu với các địch thủ ngành giải khát, những kẻ không thèm tuân thủ luật lệ của cuộc chơi, những kẻ dám lấy quân cờ vua để chơi cờ đam.

Buổi tối tôi đậm thêm những bóng đen trong căn phòng, nhưng Maneck chẳng buồn bật đèn lên. Dưới ánh chiều nhập nhoạng, những ý nghĩ kì dị về môn cờ vua bỗng mang một màu sắc đen tối, u ám. Mọi thứ đều nằm trong vòng nguy hiểm, và thật rối rắm. Cuộc chơi không chút khoan nhượng. Cuộc chém giết trên bàn cờ cuộc đời đã bỏ lại sau lưng nó những nạn nhân đầy thương tích. Bố Avinash dính bệnh lao, ba cô em gái của anh ta đang chờ của hồi môn, dì Dina vật lộn để chống chọi với đủ mọi bất hạnh, bố suy sụp và vỡ mộng, còn mẹ vờ tin rằng bố sẽ trở lại là con người mạnh mẽ, tươi vui ngày nào, rằng con họ sẽ quay về sau một năm học đại học, bắt tay vào đóng chai Kohlah Cola dưới tầng hầm, và cuộc sống của họ sẽ lại ngập tràn hi vọng và hạnh phúc, hết như khoảng thời gian trước khi cậu bị đưa vào học trường nội trú. Song giả vờ chỉ có tác dụng trong thế giới tuổi thơ mà thôi, mọi sự sẽ không bao giờ trở lại như cũ nữa. Cuộc đời dường như thật vô vọng, chẳng còn gì khác ngoài nỗi đau cho tất cả mọi người...

Cậu đóng sập hộp cờ: một luồng gió hôn lên mặt cậu. Trên gò má ướt nước mắt, nụ hôn nghe lạnh băng. Cậu chùi mắt và sập hai cánh hộp lại một lần nữa, xếp quạt, rồi cầm cả cái bàn cờ phe phẩy cho mình.

Tiếng dì Dina gọi “ăn tối thôi”, mãi rồi cũng đến, chẳng khác nào một cuộc phóng thích. Cậu có mặt bên bàn ăn ngay tức khắc, đứng vắn vơ xung quanh chứ không ngồi xuống đến tận khi được chỉ chỗ ngồi.

“Cháu bị cảm lạnh à?” Cô hỏi. “Mắt cháu trông ướt quá.”

“Không ạ, cháu chỉ nghĩ một tí thôi.” Chẳng có gì qua nổi mắt cô, cậu thầm nghĩ.

“Hôm qua dì quên mất chưa hỏi cháu, cháu thích ăn bằng dao nĩa hay bốc tay?”

“Thế nào cũng được, không quan trọng đâu ạ.”

“Ở nhà cháu ăn kiểu gì?”

“Nhà cháu dùng dao nĩa ạ.”

Cô bày ra con dao cùng nĩa và thìa quanh đĩa của cậu, để trống bên đĩa của mình, và bung thức ăn lên.

“Cháu ăn bốc cũng được mà,” cậu gằn. “Dì không cần phải quan tâm đặc biệt đến cháu thế đâu.”

“Đừng tưởng bở nhé, thép không gỉ rẻ tiền thì có gì mà đặc biệt?” Cô múc thức ăn vào đĩa của cậu và ngồi xuống ghế đối diện. “Hồi dì còn bé, bàn ăn nhà dì lúc nào cũng được bày biện đủ lệ bộ. Đồ bạc nguyên chất. Bố dì rất kỹ tính về mấy chuyện đấy. Sau khi ông mất, nếp sống của cả nhà thay đổi hết. Nhất là khi bác Nusswan anh trai dì lấy bác Ruby. Bác ấy bỏ lệ này ngay. Bác ấy bảo, cần gì phải bắt buộc bọn người nước ngoài, trong khi trời đã cho ta những ngón tay khéo léo tuyệt vời. Nói thế kể cũng đúng. Nhưng dì nghĩ chỉ vì bác ấy lười không muốn rửa mấy món dao nĩa linh tinh kia mà thôi.”

Ăn được một lúc, Dina rửa tay và lấy ra một bộ dao nĩa cho riêng mình. “Cháu làm dì có hứng rồi đấy,” cô mỉm cười. “Phải đến hai lần năm nay dì không động đến mấy thứ này.”

Cậu nhìn lảng đi, cố không làm những ngón tay cô lúng túng. “Ngày mai hai người thợ may có đến không ạ?” “Hi vọng là có,” cô nói, gạt chuyện đi thật nhanh.

Nhưng nỗi lo lại kéo cô trở lại với nó. “Nếu họ chưa tìm được việc nào tốt hơn và biến mất luôn. Nhưng dì biết mong hòng gì được ở những hạng người đấy? Kể từ ngày dì mở xưởng may này, họ đã biến đời dì thành địa ngục. Ngày nọ nói ngày kia, họ làm dì muốn phát điên vì lo không làm xong hàng đúng hạn.”

“Có lẽ họ bị ốm hay gì đó.”

“Cùng lúc cả hai người? Chắc ốm vì chè chén đây mà, hôm qua dì vừa trả công họ xong. Chẳng có tí kỷ luật, ý thức trách nhiệm gì hết. Mà thôi, chả hiểu sao dì lại làm cháu bận tâm vì việc của dì nhỉ.”

“Không sao đâu ạ.” Cậu giúp cô bê đĩa bẩn vào bếp. Mấy con mèo hoang đang kêu meo meo bên ngoài. Cậu nghe thấy tiếng chúng từ đêm qua, lúc đang chìm vào giấc ngủ, và mơ thấy lũ chó hoang tụ tập dưới hiên Cửa hàng bách hóa tổng hợp, bố vừa cho chúng ăn, vừa nói đùa là chả mấy chốc nữa ông sẽ phải mở một cửa hiệu riêng cho các khách hàng chó của mình.

“Đừng rút ra cửa sổ, Maneck, vứt vào thùng rác ấy,” Dina ngăn, khi cậu ném mấy miếng xương xẩu ra ngoài.

“Nhưng cháu muốn cho bọn mèo ăn mà dì.”

“Đừng, đừng dung túng bọn nó.”

“Bọn nó đói đấy, dì xem, bọn nó đang ngóng kia kìa.”

“Vớ vẩn. Rặt một lũ của nợ rình ngoài cửa sổ chứ gì. Đã thế, bọn nó còn chui vào phá bếp lung tung nữa. Bọn này có mỗi một thứ có ích, ấy là bộ ruột. Để làm dây đàn vi-ô-lông, chống dì bảo thế.”

Maneck tin chắc cô sẽ hồi tâm chuyển ý nếu ngày nào cậu cũng nói về bọn mèo như thế

chúng là những con người; đây là mèo bố cậu vẫn hay dùng. Khi cô quay lưng lại, cậu bèn vút nốt chỗ thức ăn thừa. Ngay lúc này cậu đã chọn được con mình thích: con mèo mướp vằn nâu trắng có một cái tai sứt đang nói, Ném thức ăn ra đây mau lên, tôi không chờ được nữa đâu.

Dọn dẹp xong, Dina mời cậu ra phòng trước ngồi cùng cô, muốn đọc sách hay học bài, làm gì tùy thích. “Cháu không cần phải ru rú trong phòng như thế. Cứ tự nhiên như ở nhà. Nếu cháu cần gì thì đừng ngại hỏi nhé.”

“Cảm ơn dì.” Cậu vẫn lo sợ sẽ phải trở vào xà lim của mình trước giờ đi ngủ. Cậu ngồi xuống chiếc ghế tựa đối diện chỗ cô và lật qua một tờ tạp chí.

“Cháu đã gặp họ hàng bên ngoại chưa?”

Cậu lắc đầu. “Cháu hầu như chả biết gì về bên ngoại. Mà cả nhà cháu cũng chưa bao giờ thân thiết với bên đó. Bố cháu hay bảo họ lù đù quá, dễ thường có thể chết vì chán đời mất.”

“Chắc, chắc, chắc,” cô nhíu mày, nhưng miệng lại nở nụ cười, tay lựa mớ vải vụn của mình. Khoảng nửa tá vuông vải đã được cô cắt cúp cho vừa vặn với nhau được trải hết lên mặt sofa.

Maneck xích lại gần. “Cái gì đây ạ?”

“Bộ sưu tập vải của dì.”

“Thật ạ? Để làm gì thế ạ?”

“Chả lẽ cứ cần phải có một lý do hay sao? Người ta vẫn sưu tập đủ thứ đấy thôi. Tem, đồng xu, bưu thiếp. Dì không có an-bum, không có sổ lưu niệm, nhưng đã có vải.” “Vâng,” cậu đáp, đầu gật gù về ngơ vặc.

Cô để mặc cậu nhìn trân trối mất một lúc, rồi mới nói: “Đừng lo, dì không bị dở hơi đâu. Mấy mảnh vải này là để may chăn. Một cái khăn phủ đẹp cho chiếc giường của dì.”

“À, ra thế.” Cậu bèn lục lọi đồng vải, góp ý, lựa ra những mảnh mà cậu thấy có thể hợp với nhau. Có vài mảnh, ví như mấy mẫu vải voan và tuyết xi đang nằm trên tay cậu đây, nom thật đẹp. “Nhiều màu sắc, mẫu mã quá,” cậu thốt lên.

“Cháu định làm nhà phê bình đấy à?”

“Không ạ, ý cháu là để chọn ghép các mảnh sao cho ăn ý cũng khó phết.”

“Ừ, đúng là khó thật, nhưng thế mới cần có gu và tay nghề. Chọn gì, bỏ gì, rồi đặt mảnh nào cạnh mảnh nào.”

Cô cắt bỏ những đường viền lờm chờm và xếp tạm sáu miếng vải cạnh nhau để ngắm nghía cho rõ. “Cháu thấy thế nào?” Cô hỏi.

“Đẹp lắm ạ.”

Cậu bé thật thân thiện dễ gần, cô thầm nghĩ. Những lo ngại của cô về một cậu ấm hư hỏng thật quá vô căn cứ. Và cảm giác có người để nói chuyện cùng thật dễ chịu. Ai đó không phải hai người thợ may, những kẻ luôn ngờ vực cô, mà kể ra cô cũng chẳng tin gì họ.

Chiều hôm sau, cô đón đầu Maneck từ ngoài hành lang khi cậu đi học về và thì thào rằng hai người thợ may đã vác mặt đến. “Nhưng đừng hỏi câu nào về việc hôm qua dì đã rất lo lắng nhé.”

“Vâng.” Nước thí tốt của quân hậu, cậu thầm nghĩ, đoạn quăng mấy cuốn sách lên giường. Cậu ra phòng trước nhà đúng lúc hai người thợ trở về sau bữa trà.

“A, cậu ấy đây rồi, cậu ấy đây rồi!” Ishvar reo lên. “Sau cả tháng trời ta mới gặp lại, nhỉ?”

Ông chìa tay ra và hỏi thăm sức khỏe Maneck, còn Om đứng bên cạnh toét miệng cười.

Maneck đáp cậu vẫn khỏe, và Ishvar khoe hai bác cháu đều đang rất no đủ sung sướng, chủ yếu là nhờ nguồn công việc đều đặn mà cô Dina giao, quả là một bà chủ tốt. Ông hướng về phía cô tươi cười để lôi cô vào cuộc chuyện trò.

Suốt buổi chiều, cô ngồi nhìn ba người bọn họ bằng ánh mắt bất bình – làm như họ là bạn bè lâu ngày gặp lại vậy. Mà họ mới gặp nhau có một lần chứ mấy, trên tàu, lúc đang mò mẫm tìm nhà cô.

Đến tối, khi hai người thợ đang chuẩn bị cất dọn đồng váy, cô bèn tiến họ bằng vài lời khuyên nhủ: “Nhờ thủ tướng có bắt hai người đi mít tinh lần nữa, các anh nên bảo với bà ta là công ăn việc làm của mình đang bị đe dọa. Có hai người thợ đang xin làm việc cho tôi đấy.”

“Không, không,” Ishvar nói. “Bác cháu tôi thực lòng muốn làm cho cô mà. Chúng tôi rất vui được làm cho cô.”

Dina ngồi một mình giữa căn phòng mé trong nhà sau khi hai người thợ may đã về. Dường như cả không gian vẫn còn rung lên bởi mấy chiếc máy Singer. Chỉ ít phút nữa thôi, cảm giác u ám của buổi tối sẽ hiện hữu, xâm lấn bầu không khí, trùm phủ lên chiếc giường cô nằm, ám ảnh cô từ giờ phút này cho đến sáng mai.

Nhưng khi trời nhập nhoạng tối và phố xá đã lên đèn, tâm trạng của cô vẫn tươi tỉnh. Chẳng khác nào phép thần, cô thầm nghĩ, cảm giác khác biệt nảy sinh từ sự hiện diện của một con người khác trong căn hộ này. Cô trở ra phòng trước để thực hiện cuộc trò chuyện nho nhỏ với Maneck như dự tính.

Quân hậu ăn quân mã, cậu nghĩ bụng.

“Cháu thừa hiểu tại sao dì phải nghiêm khắc với họ,” cô nói. “Nếu họ biết dì đang ở thế cùng, họ sẽ ngồi lên đầu dì ngay.”

“Vâng, cháu hiểu. À, dì ơi, dì có biết chơi cờ vua không?”

“Không. Và dì cũng phải nói luôn cho cháu biết, dì không thích cháu nói chuyện với họ nhiều thế đâu. Họ là thợ của dì, cháu là con trai Aban Kohlah. Phải biết giữ khoảng cách. Cứ suông sã như thế là không được.”

Tình hình còn xấu đi nữa vào buổi chiều hôm sau. Cô không thể tin nổi vào tai mình – cái thằng bé Omprakash mới thật táo tợn, dám ngang nhiên hỏi Maneck: “Cậu có muốn đi uống trà với bác cháu tôi không?” Mà tệ nhất là trên mặt Maneck rạng rỡ nỗi háo hức muốn nhận lời ngay.

Đã đến lúc can thiệp, cô tự nhủ.

“Cậu ấy sẽ uống trà ở đây. Với tôi.” Giọng Dina lạnh băng.

“Vâng, nhưng có lẽ... có lẽ cháu sẽ uống ở ngoài, chỉ hôm nay thôi, dì nhé?”

Cô nói nếu cậu muốn phung phí tiền ăn ở của bố mẹ mình, cô cũng chẳng can.

Ngoài Hotel đồ chay Vishram, bầu không khí sống động hẳn lên bởi mùi xào nấu sục nức. Maneck có cảm giác chỉ cần thè lưỡi ra, cậu cũng có thể nếm hết các món trong thực

đơn. Bụng cậu sôi sùng sục.

Họ ngồi quanh một bàn đơn và gọi ba tách trà. Thức ăn rơi rớt từ vô số món ăn cay nóng đã tẩm vào thớ gỗ một lớp véc ni mùi hăng hăng. Ishvar rút trong túi ra một gói thuốc lá và chìa ra mời Maneck.

“Không, cảm ơn chú. Cháu không hút thuốc.”

Hai người thợ châm thuốc. “Cô ta không cho bác cháu tôi hút cạnh máy,” Om nói. “Và giờ phòng chật ních, từ khi có thêm cái giường của cô ta. Trông chả khác gì một cái nhà kho nhếch nhác.”

“Thì đã sao?” Ishvar nói. “Cháu có phải chạy quanh phòng mà chơi bịt mắt bắt dê hay gì đâu.”

Người đầu bếp đứng ở một góc nhà hàng đang nấu nướng giữa một rừng xoong chảo. Ba bác cháu có thể nhìn thấy món trà của mình sôi lăn tăn trong một cái ấm không nắp. Ba chiếc bếp đang cháy bùng bùng phủ những đám mây khói nhờn dầu mỡ lên trần. Những lưỡi lửa liếm vào cái dít đen kịt của chiếc chảo khổng lồ chứa đầy dầu nóng đang sôi, sủi bọt đầy đe dọa và đã sẵn sàng để chiên rán. Một giọt mỡ hôi rùi hàng lông mày bóng nhẫy của người đầu bếp rơi xuống; khiến dầu bắn tung tóe.

“Cậu có thích phòng mình không?” Ishvar hỏi.

“Có chứ. Tốt hơn ở kí túc xá nhiều.”

“Bác cháu tôi cũng tìm được một chỗ ở,” Om nói. “Hồi đầu tôi ghét chỗ đấy lắm, nhưng giờ thì ổn rồi. Quanh nhà chúng tôi có mấy người hàng xóm tốt lắm.”

“Hôm nào cậu phải đến chơi mới được,” Ishvar nói.

“Vâng. Có xa không ạ?”

“Không xa lắm. Đi tàu mất khoảng bốn năm phút.” Trà được đặt phịch xuống, nước sóng ra, mấy chiếc cốc ngồi giữa cái đĩa xấp nước màu nâu. Ishvar bưng đĩa lên húp. Om đổ đĩa nước vào cốc lại và nhấp từng ngụm. Maneck cũng bắt chước cậu.

“Vậy trường đại học thế nào?”

Maneck xụ mặt. “Chán lắm. Nhưng kiểu gì tôi cũng phải học cho xong, để làm vừa lòng bố mẹ. Xong xuôi tôi sẽ lên chuyến tàu đầu tiên về thẳng nhà.”

“Khi nào dành dụm được ít tiền, chúng tôi cũng sẽ về quê,” Ishvar vừa nói vừa húng hắng ho. “Để kiếm một cô vợ cho Om. Nhỉ, cháu nhỉ?”

“Cháu không muốn cưới vợ,” cậu cầu nhàu. “Cháu đã bảo bác bao nhiêu lần rồi.”

“Trông cái mặt nó như khỉ ăn ớt kìa. Thôi, uống nốt trà đi, hết giờ rồi.” Ishvar đứng dậy để trở về. Hai cậu trai uống nốt mấy ngụm cuối và quày quả rời quán trà nhỏ bé theo ông. Họ sải bước về căn hộ của Dina, đi qua người ăn mày ngồi trên cái bệ gắn bánh xe.

“Nhớ ông ta không?” Om quay sang hỏi Maneck. “Bác cháu tôi gặp ông ta ngay hôm đầu tiên ấy. Giờ ông ta là bạn chúng tôi rồi. Ngày nào chúng tôi cũng đi qua chỗ ông ta ngồi, ông ta hay chào chúng tôi.”

“Chào các chú!” Người ăn mày hát. “Lạy các chú! Các ông lớn rộng rãi của tôi!”^[39] Ông ta tươi cười với ba bác cháu, tay lắc lắc cái ống bơ tiền. Maneck bèn thả vào đó mấy đồng bạc lẻ vừa được thối lại ở chỗ Vishram.

“Mùi gì thế này?” Dina giận dữ nghiêng đầu hít ngửi áo sơ mi của Maneck. “Cháu hút thuốc với bọn họ đấy à?”

“Không ạ,” cậu khẽ nói, chỉ sợ rằng hai người kia ngồi ở phòng trong sẽ nghe thấy.

“Nói thật đi. Dì có khác gì bố mẹ cháu đâu.”

“Không, thưa dì! Họ hút thuốc, còn cháu ngồi bên cạnh, chỉ vậy thôi.”

“Nói cho cháu hay, nếu dì bắt được quả tang cháu hút, dì sẽ viết thư cho mẹ cháu ngay. Giờ nói đi nghe, họ có nói gì khác về hôm qua không? Lý do thật khiến họ vắng mặt ấy?”

“Không ạ.”

“Ba người nói chuyện gì?”

Cậu cảm thấy ghê tởm cuộc hạch hỏi. “Có gì đâu ạ. Chuyện này chuyện kia.”

Cô không hỏi thêm, chán ngán vì thái độ lì lợm của cậu. “Còn một việc nữa cháu cần để phòng. Omprakash có chấy đấy.”

“Thật ạ?” Cậu sốt sắng hỏi. “Dì nhìn thấy rồi ạ?”

“Chả lẽ cứ phải cho tay vào lửa mới biết nó có nóng không? Lúc nào cậu ta cũng gãi càn cách. Mà chả phải mỗi đầu đâu. Trên dưới đều có bệnh – chỗ nhiễm giun, chỗ có chấy. Nên hãy nghe lời dì, liệu đường mà tránh đi, nếu còn biết cái gì là tốt cho mình. Bác cậu ta chả phải lo gì, ông ấy gần hói trọc rồi, nhưng cháu có mái tóc dày đẹp thế kia, chắc bọn chấy thích lắm đấy.”

Lời khuyên của Dina rồi cũng đổ sông đổ bể hết. Ngày đồn thành tuần, giờ nghỉ buổi chiều ở Hotel đồ chay Vishram trở thành thói quen thường nhật của bộ ba. Một lần, Maneck mãi chưa đi học về, Om bèn thì thào với Ishvar rằng hai bác cháu nên đợi cậu về rồi hẵng đi.

“Ái chà chà,” nghe thấy thế, Dina bèn kêu lên. “Hoãn cả bữa trà cơ đấy. Cậu thấy trong người có ổn không? Liệu có gượng được lâu đến thế không?”

Ishvar ngẫm nghĩ không hiểu sao chuyện đó lại làm cô Dina khó chịu đến thế, việc họ đi cùng nhau. Khi Maneck về đến còn Om nhảy tót khỏi chiếc Singer của mình, ông quyết định ở lại. “Hai đứa đi đi, bác muốn may nốt cái váy này đã.”

Dina khen ngợi ông hết lời. “Hãy nghe lời bác cậu nói, chịu khó mà noi gương ông ấy,” cô nói với Om khi hai chàng trai rời nhà. Cô rót trà pha cho Maneck vào chiếc cốc riêng in hoa màu hồng và bưng lên cho Ishvar. “Anh uống đi.”

Ông cảm ơn cô đã vất vả. Ông nhấp một ngụm và nhận xét là Maneck và Om rất hợp, hai cậu xem ra thích trò chuyện với nhau lắm. “Hai đứa trạc tuổi nhau. Phải ở với ông bác già này suốt ngày, chắc thằng Om chán lắm. Hai bác cháu kè kè cạnh nhau suốt từ tinh mơ đến tối mịt.”

“Vớ vẩn.” Cô nói cứ theo ý cô thì nếu không nhờ sự hiện diện thường trực của ông bác, Om đã biến thành một kẻ vô tích sự. “Tôi chỉ hi vọng cậu ta không ảnh hưởng xấu đến Maneck.”

“Không, không, xin cô đừng lo. Thằng Om không phải đứa hư đâu. Nếu có lúc nào nó không nghe lời hay cẩu kính, thì cũng chỉ vì nó đang chán chường hay không vui thôi. Đời nó đã gặp nhiều chuyện bất hạnh lắm.”

“Đời tôi cũng có sung sướng đâu. Nhưng trời cho thế nào, ta phải gắng sức hết mức có

thể.”

“Biết làm thế nào khác được,” ông gật gù.

Kể từ hôm đó, càng ngày ông càng ngồi lại thường xuyên hơn, còn Dina tiếp tục pha trà, tiếng là cho Maneck, nhưng lại rót vào cốc của Ishvar. Họ trò chuyện về những việc cả liên quan lẫn không liên quan đến may vá. Nụ cười biết ơn nửa miệng của ông là thứ cô luôn mong chờ, khi ấy, nửa khuôn mặt liệt cứng lại căng ra theo khi ông nở nụ cười rạng rỡ trước những bông hoa màu hồng in trên vành đĩa.

“Tay nghề của Om càng lúc càng tấn tới, cô Dina nhỉ?”

“Dạo này cậu ấy ít mắc lỗi hơn.”

“Đúng đúng. Từ hồi Maneck dọn đến, thằng bé vui hẳn lên.”

“Nhưng tôi cũng lo cho Maneck lắm. Hi vọng thằng bé học hành tử tế, bố mẹ nó trông mong vào đấy nhiều lắm. Họ chỉ có một cửa hiệu bé tí, làm ăn bây giờ lại đang khó khăn.”

“Ai cũng có khó khăn cả. Cô đừng lo, tôi sẽ nói chuyện với cậu ấy, nhắc cậu ấy học hành chăm chỉ. Hai thằng bé này chỉ cần có thể, làm việc chăm chỉ.”

Ishvar nhận thấy bữa trà chiều không còn khiến cô Dina khó chịu nữa. Nó khẳng định nghi ngờ của ông: cô thêm có người bầu bạn.

Cuộc trò chuyện của hai cậu trai tắt yếu chuyển sang một hướng khác khi họ chỉ còn lại một mình với nhau. Om rất tò mò về cái kí túc xá nơi Maneck vừa rời bỏ. “Bọn sinh viên nữ có ở đấy không?”

“Cậu nghĩ nếu có mà tôi lại bỏ ra à? Bọn nó có một khu riêng. Lũ con trai không được vào.”

Ngồi ở Vishram, họ có thể nhìn thấy bảng quảng cáo phim treo trên một mái nhà phía bên kia đường, một bộ phim tên là *Công chúa súng lục*^[40]. Tấm pa-nô là một cặp tranh đôi. Tấm thứ nhất vẽ hình bốn gã đàn ông đang xé toạc quần áo của một cô gái. Bộ ngực ngồn ngộn lỏng trong chiếc áo lót bị phơi hẳn ra, còn mồm mấy gã đàn ông, đang ngoác ra cười rất đậm ô, hé lộ những hàm răng khát máu và mấy cái lưỡi đỏ lòm. Tấm thứ hai vẽ hình cô gái nọ, quần áo rách tả tơi, hạ gục cả bốn tên bằng một khẩu súng máy.

“Sao lại gọi là *Công chúa súng lục* nhỉ?” Om nói. “Cô ta đang cầm một khẩu tiểu liên kia mà.”

“Họ có thể đặt là *Hoàng hậu súng máy*. Nhưng nghe không hay bằng.”

“Phim này chắc xem cũng được đấy.”

“Tuần sau đi xem đi.”

“Tiền đâu? Bác Ishvar bảo phải tiết kiệm.”

“Không sao, tớ bao.”

Om nhòm lom lom vào mặt Maneck, tay rút bao thuốc ra, cố đoán xem cậu bạn có nói thật không. “Thôi, tớ bắt cậu trả tiền sao được.”

“Thì đã sao, tớ chả ngại gì đâu.”

“Để tớ hỏi bác đã.”

Điều thuốc tắt ngóm, cậu bèn lục tìm bao diêm. “Cậu biết không, gần nhà tớ có một con

bé. Vú nó to y như thế.”

“Phét.”

Lời bác bỏ thẳng đuột buộc Om phải ngấm lại tằm pa-nô. “Cậu nói cũng phải,” Om xuống nước. “Cũng không thực to bằng thế. Người ta hay vẽ vống lên ấy mà. Nhưng con bé này có cặp vú rắn lắm, hình dáng cũng ngon lành y hệt. Thỉnh thoảng nó vẫn cho tớ sờ đấy.”

“Đào, tớ có phải trẻ con đâu.”

“Tớ thế đấy. Tên nó là Shanti. Chỉ cần tớ thích là nó cởi khuy áo cho tớ bóp ngay,” cậu nói, thả cho trí tưởng tượng của mình chạy hết tốc lực. Thấy Maneck cười ngặt nghẽo và vỗ gối bồm bộp, cậu ngây ngô hỏi: “Thế ra cậu chưa làm thế với đứa con gái nào à?”

“Dĩ nhiên là rồi chứ,” Maneck vội vã đáp. “Nhưng cậu bảo cậu ở với ông bác trong một căn nhà rất bé cơ mà. Lấy đâu ra dịp làm trò ấy?”

“Dễ ợt. Gần khu nhà tớ có một con mương, mé sau có vô khối bụi rậm. Đêm đến bọn tớ lại ra đấy. Nhưng chỉ vài phút thôi. Nếu nó đi lâu quá, thế nào cũng có người đi tìm.”

Vừa bập nhẹ một hơi thuốc, cậu vừa vẽ ra những cuộc khám phá tóc và da thịt Shanti, cùng những chuyến du hành vào váy áo nàng.

“Vừa khéo cậu lại là thợ may chứ lị,” Maneck trêu. “Cái gì dính đến quần áo cậu chả thạo.”

Song Om vẫn thao thao bất tuyệt không chút nao núng, và kết lại câu chuyện ngay trước pha đột nhập sau chót. “Có một lần, tớ đè nghiêng cô nàng ra, hai đứa suýt làm chuyện đấy. Tự nhiên trong bụi có tiếng động, thế là nó sợ.” Cậu húp cặn trà trong đĩa rồi nghiêng tách đổ thêm ra. “Còn cậu? Đã ấy lần nào chưa?”

“Suýt. Trên tàu hỏa.”

Đến lượt Om cười phá ra. “Cậu đúng là vua nói khoác, chắc luôn. Trên tàu á?”

“Không, thật. Hồi mấy tháng trước, lúc tớ đi từ nhà lên trường.” Bị kích động bởi trường ảo mộng của Om, óc sáng tạo của Maneck được thể thăng hoa tối đa. “Có một cô gái nằm ở chiếc giường tầng đối diện giường tớ, đẹp mê li.”

“Đẹp hơn cô Dina không?”

Câu hỏi khiến cậu ngớ người. Cậu nghĩ ngợi một lát. “Không,” cậu đáp thật thà. “Nhưng ngay từ lúc tớ bước lên tàu, cô ta đã nhìn tớ chằm chằm, nhân lúc không ai để ý lại cười tình với tớ. Phiên nổi, bố cô ta lại đi cùng. Mãi đến lúc trời tối, mọi người kéo nhau đi ngủ hết. Chỉ có tớ với cô ta còn thức. Lúc mọi người đã ngủ, cả ông bố, cô ta lật chăn sang bên và vạch một bên vú ra.”

“Rồi sao nữa?” Om hỏi, háo hức thưởng thức những món hoa trái tưởng tượng.

“Cô ta bắt đầu nắn bóp bầu vú, và ra hiệu gọi tớ sang. Tớ hơi sợ, không dám trèo xuống. Nhỡ làm ai thức dậy thì chết. Nhưng rồi cô ấy đưa tay xuống háng và bắt đầu xoa xát các thú. Thế là tớ quyết định trèo sang chỗ cô ta.”

“Dĩ nhiên. Có ngu mới không sang,” Om thở hển hển.

“Tớ trèo xuống yên ổn, và chỉ trong chớp mắt, tớ đã được vuốt ve bầu vú cô ta. Cô ta túm chặt tay tớ, nài nỉ tớ trèo lên cùng. Tớ không biết phải trèo lên cách nào cho thật êm. Tớ không muốn làm rung giường của ông bố ở tầng dưới. Đột nhiên có động. Lão trở mình,

mồm ú ớ gì đấy. Cô ta sợ cuống lên, vội đẩy tớ ra và ngáy ầm ầm. Còn tớ giả vờ đang đi tiểu.”

“Giá mà lão ôn vật cứ ngủ tiếp có phải hay không.”

“Thì đấy. Chán thế chứ lị. Biết đến đời nào tớ mới được gặp lại cô gái kia.” Maneck bỗng cảm thấy đau khổ vô cùng, như thể nỗi mất mát kia là thật. “Cậu may thật, nhà Shanti ở ngay gần nhà cậu.”

“Hôm nào cậu có thể gặp nó,” Om lên giọng hào phóng. “Lúc cậu đến chơi với tớ và bác Ishvar. Nhưng cậu không được nói chuyện với nó đâu, chỉ đứng từ xa mà nhìn thôi.”

Nó nhát lăm, tớ chả nói rồi đấy, nó toàn gặp trộm tớ thôi.” Họ uống nốt trà và chạy về, vì đã quá giờ nghỉ.

Khoai tây rán, cơm cháy trộn, bánh rau chiên, rau băm chiên, nước quả – Maneck trả cho tất cả đồ ăn thức uống dùng ở Vishram vì Om chỉ được Ishvar cho tiền đủ mua một cốc trà. Tiền tiêu vặt bố mẹ gửi Maneck thừa đủ để trang trải, vì nay cậu không còn cần ăn thêm ngoài khẩu phần căng-tin nữa. Tuần sau đó, cậu giữ lời hứa và đưa Om đi xem phim *Công chúa súng lục* sau khi hết giờ làm. Cậu đề nghị mua một vé cho Ishvar, nhưng ông từ chối, nói thời gian đó ông nên dành để may thêm một chiếc váy nữa thì hơn.

“Thế còn dì? Dì có muốn đi xem không?”

“Kể cả cháu có mời, dì cũng không thiết xem mấy thứ rác rưởi ấy,” Dina đáp. “Nếu cháu thấy tiền nhiều quá để nặng túi, cứ bảo dì một tiếng. Dì có thể nhấc mẹ cháu khỏi phải gửi xuống nữa.”

“Đúng quá,” Ishvar hòa theo. “Thanh niên các cậu chẳng biết thế nào là quý đồng tiền.”

Phát ớn vì mấy bài lên lớp, hai cậu trai vội lên đường ra rạp. Cô bèn nhắc Maneck xem phim xong nhớ về thẳng nhà, cô sẽ chờ cơm cậu. Cậu vâng lời, tự cầu nhàu rằng dì Dina đang nghiêm trọng hóa nghĩa vụ người giám hộ tự phong một cách thái quá.

“Lời tiên tri của bà cụ biến thành sự thật rồi,” Om nói, khi hai người đi bộ ra ga. “Đúng ra là một nửa, rốt cuộc anh chàng dạy khỉ cũng trả thù.”

“Anh ta làm gì?”

“Kinh khủng lắm. Chuyện xảy ra đêm qua.” Tikka đã quay về sống với Người dạy khỉ, hàng xóm láng giềng ai cũng ngỡ chủ tớ lại vui vẻ như xưa. Nhưng khi dân cư cả khu đã đi ngủ hết, Người dạy khỉ kê một cái sọt gỗ bên ngoài lán và bày hoa cùng một cái đèn dầu lên đó. Tấm ảnh chụp hình Laila và Majnoo cười trên lưng Tikka được đặt ở chính giữa. Đó là một tấm ảnh Polaroid chụp từ rất lâu, quà của một du khách người Mỹ yêu thích trò diễn của anh. Bàn thờ đã sẵn sàng. Người dạy khỉ dắt Tikka ra trước bàn thờ, bắt nó nằm xuống, và cắt cổ nó. Rồi anh ta chạy đi khắp xóm, báo với mọi người rằng mình đã hoàn thành nhiệm vụ.

“Kinh lắm,” Om nói thêm. “Cả xóm chạy đến xem thì thấy Tikka nằm giữa vũng máu. Nó vẫn còn thoi thóp. Tớ suýt nôn mửa.”

“Nếu bố tớ có mặt ở đấy, khéo ông ấy sẽ giết anh chàng dạy khỉ mất,” Maneck nói.

“Cậu đang bốc phét hay than thở thế?”

“Chắc là cả hai.” Cậu đá một hòn sỏi trên vỉa hè xuống lòng đường. “Bố tớ còn thương bọn chó hoang hơn con trai mình.”

“Đào, đừng nói linh tinh.”

“Linh tinh cái gì? Thì đây, sáng nào ông ấy cũng cho bọn chó ăn ngoài hiên nhà. Thế mà ông lại tổng tổ đi xa. Những lúc tổ ở nhà, ông toàn gây sự với tổ, không muốn tổ xớ rớ lại gần.”

“Đừng nói linh tinh, bố cậu cho cậu lên đây học chỉ vì lo cho tương lai cậu thôi.”

“Cậu là chuyên gia về các ông bố chắc?”

“Phải.”

“Dựa vào đâu thế?”

“Vì bố tổ mất rồi. Gặp chuyện ấy cậu khắc biến thành chuyên gia ngay. Cứ tin lời tổ, đừng nói năng linh tinh về bố cậu nữa.”

“Được rồi, bố tổ là một ông thánh. Thế có chuyện gì xảy ra với Người dạy khỉ?”

“Mọi người trong xóm giận lắm, họ bảo nên báo cảnh sát, vì từ hồi bọn khỉ chết, người dạy khỉ có nuôi hai đứa trẻ con, ba bốn tuổi gì đấy. Bọn nó là con bà chị gái của anh ta, được anh ta dạy để diễn một trò mới. Nhờ anh ta hóa điên thì sẽ rất nguy hiểm cho lũ trẻ. Nhưng sau nhiều người lại nói giao cho bọn lừa đảo quản một thằng điên phỏng ích gì. Vả lại, người dạy khỉ rất quý hai đứa bé. Anh ta chăm chúng nó cẩn thận lắm.”

Họ xuống tàu, chen lấn giữa đám đông đang chờ trèo lên. Bên ngoài sân ga, một người phụ nữ ngồi dưới nắng bên cạnh một cái rổ nhỏ đựng rau củ. Bà ta đang hong khô bộ sari vừa giặt, lần lượt từng mảnh. Một mảnh ướt sũng sũng được quăng quanh hông và cặp vú teo tóp của bà, bị dàn căng hết mức có thể. Mảnh còn lại được phủ lên hàng rào đường ray hong cho khô, tỏa ra từ thân người bà như hình một người cầu nguyện dưới ánh nắng chiều. Khi hai chàng trai đi qua, bà giơ tay vẫy chào Om.

“Bà ấy sống ở xóm tổ,” cậu vừa nói vừa len lỏi qua dòng xe cộ để sang con ngõ dẫn đến rạp chiếu phim. “Chuyên bán rau. Bà ấy có độc một bộ sari.”

Công chúa súng lục kết thúc muộn hơn dự định. Trong khi dòng thông tin cuối phim chạy, họ bắt đầu nhích từng tí một dọc lối đi, cố chờ rón, không muốn để lỡ phần nhạc phim phát lại. Bỗng hình ảnh lá quốc kì pháp phối chen lên giữa màn hình, bài hát *Jana Gana Mana* nổi lên, dòng người lập tức ồ ạt đổ về phía cửa.

Nhưng đám khán giả đang lao ra ngoài bỗng vấp phải chướng ngại vật. Một toán tình nguyện viên Shiv Sena canh cửa khóa chặt đường thoát của họ. Những người ở phía sau, không hay biết nguyên do gây tắc nghẽn, bắt đầu la ó: “Xê ra! Xê ra, giời ạ! Đi đi, các anh chị! Hết phim rồi còn gì!”

Dẫu vậy, đám đông ở phía trước không cách gì tiến tới được, bị đe dọa bởi những cây gậy đang khua loạn của nhóm Shiv Sina cùng một lô xích xông biểu ngữ: HÃY TÔN TRỌNG

QUỐC CA! TỔ QUỐC CẦN CÁC ANH CHỊ EM TRONG GIAI ĐOẠN KHẨN CẤP NÀY! YÊU NƯỚC LÀ MỘT NGHĨA VỤ *THÊNH LÊN* Không một ai được phép ra cho đến khi hình lá cờ biến mất trên màn hình và đèn sáng trở lại.

“Sao yêu nước lại là một nghĩa vụ *thênh lên*?” Om cười như nắc nẻ. “Có chữ đó à?”

“Bọn đàn này còn không đánh vắn nổi từ thiêng liêng, lại còn dám dạy chúng ta phải làm gì nữa cơ đấy,” Maneck nói.

Om nhận thấy đám người cản đường tổng cộng chỉ có năm chục mống, trong khi số

khán giả xem phim phải lên đến hơn tám trăm người. “Bọn ta có thể đánh bại chúng dễ như bỡn. *Dhishoom! Dhishroom!* Như anh chàng trong phim ấy,” cậu nói, siết chặt nắm đấm trước ngực.

Đang lúc cao hứng, hai chàng trai bèn nhắc lại những dòng thoại hùng tráng họ còn nhớ từ *Công chúa súng lục*. “Nợ máu phải trả bằng máu!” Maneck gầm lên, tay vung lên như đang đấu kiếm.

“Đứng trên mảnh đất thần thánh này, ta thề có trời rằng người sẽ không bao giờ được thấy một bình minh nào nữa!” Om tuyên bố.

“Ồi chà, cũng vì ngày nào ta cũng dậy muộn mà,” Maneck đáp. Phút trập chày bất ngờ khỏi kịch bản khiến Om đánh mất cả thế đứng oai hùng vì cười.

Ngoài cửa ga xe lửa, người phụ nữ nọ vẫn ngồi với rổ rau. Nửa mảnh sari đã khô giờ quần trên người bà, đến lượt nửa kia lên nằm rào. Chiếc rổ đã gần sạch. “Bà ơi, về nhà thôi,” Om nói, bà nọ bèn mỉm cười.

Đi đến sân ga, hai chàng trai quyết định thử chiếc máy có tên Cân nặng & Vận may 25P. Maneck lên trước. Bánh xe màu đỏ và trắng quay tít, đèn hiệu nhấp nháy, có tiếng chuông ngân lên, rồi một mẫu giấy bìa hình chữ nhật trôi ra khay chứa.

“Sáu mươi mốt cân,” Maneck nói, đoạn đọc dòng chữ đoán vận số ở mặt sau. “*Một cuộc đoàn viên hạnh phúc đang chờ đón bạn trong tương lai gần.* Nghe có vẻ đúng đấy – hết năm học, tớ sẽ về nhà.”

“Hoặc nó cũng có nghĩa là cậu sẽ gặp lại cô gái trên tàu hôm nọ. Cậu có thể kết thúc vụ mát xa ngực cho cô ta. Nào, đến lượt tớ.” Cậu trèo lên, còn Maneck lục túi để lấy ra một đồng hai lăm paisa nữa.

“Bốn mươi sáu cân,” Om nói, và lật mẫu giấy lên. “*Cậu sẽ sớm được tới nhiều nơi mới mẻ và kì thú.* Chả hợp lý gì cả. Về làng tớ sao lại tính là một nơi mới.”

“Tớ nghĩ nó ám chỉ những nơi bên trong áo và váy của cô nàng Shanti.”

Om lấy thế và giơ tay lên, miệng nhại lại một đoạn thoại trong phim: “Chùng nào những ngón tay này chưa siết quanh cổ người, chưa kết liễu cuộc đời khốn nạn của người, ta sẽ không bao giờ ngơi nghỉ!”

“Còn khuya, nếu người mới nặng có bốn mươi sáu cân,” Maneck nói. “Người nên tập luyện trên cổ gà trước thì hơn.” Tàu đến, họ bỏ quây bán vé chạy ra để lên. “Mấy tấm vé tàu này trông giống hệt thẻ cân nhỉ,” Om nói.

“Giá tớ đừng mua vé có phải đỡ tiền không,” Maneck nói.

“Đừng, nguy hiểm lắm. Từ khi có Tình trạng khẩn cấp, bọn họ làm gắt lắm.” Cậu kể lại lần cậu và bác Ishvar bị tóm nhảm trong một vụ vây bắt dân lậu vé.

Đã qua giờ cao điểm, trên toa tàu chỉ lác đác khách. Hai chàng trai gác chân lên ô ghế trống. Maneck cởi dây và tuột giày ra, co duỗi ngón chân. “Hôm nay bọn mình đi bộ nhiều thật.”

“Chậc, cậu không nên xỏ mấy đôi giày bó ních kiểu đấy. Đi dép như tớ dễ chịu hơn nhiều.”

“Nếu thấy tớ đi dép lê ra đường, bố mẹ tớ sẽ cáu lắm.” Cậu xoa bóp ngón chân và gan bàn chân, rồi kéo cao tất và xỏ giày vào.

“Hồi xưa tớ hay mát xa chân cho bố,” Om nói. “Còn bố tớ lại mát xa chân cho ông nội.”

“Ngày nào cậu cũng phải làm thế à?”

“Không, nhưng nếp nhà tớ là thế. Tối đến, tớ với bố và ông ngồi ngoài hiên nhà. Lúc ấy, trời mát mẻ, chim hót líu lo trên cây. Tớ thích mát xa chân cho bố lắm. Làm thế khiến ông rất dễ chịu.” Thân hình họ khẽ lắc lư trên ghế theo nhịp rung của đoàn tàu. “Dưới ngón cái trên bàn chân phải của ông có một nốt chai do đập máy khâu nhiều quá. Hồi tớ còn bé, mỗi lúc bố ngo ngoáy ngón chân, nhìn nốt chai đấy tớ lại cười ngặt nghẽo, vì trông nó giống hệt một cái mặt người.”

Om lặng thinh trên suốt quãng đường về, chỉ trầm ngâm nhìn ra ngoài cửa sổ. Maneck cố làm bạn vui lên bằng cách nhại lại những nhân vật trong phim *Công chúa súng lục*, nhưng tất cả những gì cậu thu được chỉ là một nụ cười nhạt nhẽo, rồi cuộc cậu cũng im lặng theo.

“Lẽ ra chú nên đi cùng bọn cháu,” Maneck nói. “Vui lắm. Đánh nhau cứ gọi là ra trò.”

“Thôi, cảm ơn cậu, đời tôi đã phải chứng kiến nhiều vụ đánh đấm quá rồi,” Ishvar nói. “Nhưng cậu định khi nào đến chơi nhà chúng tôi?” Ông cảm thấy những món tiền Maneck bỏ ra hàng ngày để đãi Om đã tích tụ thành quá nhiều ơn nghĩa, đã đến lúc hoàn trả bằng phương cách khiêm tốn nào đó. “Cậu phải đến ăn một bữa cơm với bác cháu tôi đấy.”

“Nhất định rồi, lúc nào cũng được,” Maneck đáp, ngần ngại không muốn hứa chắc. Dì Dina sẽ bực lắm – nguyên vụ đi xem phim đã là quá rồi.

Cũng may, Ishvar không đòi hẹn ngay một ngày cụ thể. Ông phủ tấm vải che lên chiếc Singer và ra về cùng Om.

“Cháu thỏa mãn rồi đấy nhỉ,” Dina nói. “Khăng khăng làm trái ý dì, bỏ ngoài tai mọi lời dì nói để giao du với cậu ta.”

“Chỉ là một buổi xem phim thôi mà dì. Đây là lần đầu tiên Om được đến một rạp chiếu lớn. Cậu ấy thích lắm.”

“Dì hi vọng ngày mai cậu ta may vá nên hôn, còn cháu có thể tập trung vào học hành. Mấy bộ phim toàn đánh đấm giết chóc kiểu đó chỉ tổ hại não. Ngày xưa phim ảnh đáng yêu lắm. Một ít hát hò, nhảy múa, hài kịch, hoặc chuyện tình yêu. Giờ chỉ toàn súng ống với dao búa.”

Ngày hôm sau, như để minh chứng cho giả thuyết của Dina, Om may phần thân của chiếc đầm cỡ bảy với phần chân váy cỡ mười một, dồn hết những chỗ thừa thẹo vào dải chun ở eo. Lỗi sai bị lặp lại ở ba chiếc đầm liền và mãi đến chiều mới bị phát hiện.

“Đừng may nữa, sửa chỗ đầm này trước đi,” Dina nói, nhưng cậu lờ tịt.

“Không sao đâu, cô Dina,” Ishvar nói. “Tôi sẽ tháo chỉ ra rồi may lại ngay đây.”

“Không, lỗi của cậu ta, cậu ta phải sửa.”

“Cô đi mà sửa,” Om vặc lại, tay gãi đầu càn cạch. “Tôi đang đau đầu lắm. Cô đưa nhăm vải cho tôi, đấy là lỗi của cô chứ.”

“Nghe cậu ta xem! Nói dối không biết ngượng mồm! Mà bỏ ngay cái tay xuống, cậu bôi hết dầu lên vải bây giờ! Suốt ngày gãi, gãi, gãi!”

Cuộc cự cãi vẫn tiếp diễn đến tận khi Maneck đi học về. Hai người thợ may không nghỉ uống trà. Cậu trốn tịt vào phòng và đóng chặt cửa lại, ước sao họ dừng lại. Trong suốt

khoảng thời gian còn lại của buổi chiều, những lời chì tiếng bắc vẫn ri rỉ dưới chân của phòng cậu, dâng lên thành một bể u uất bao vây lấy cậu.

Đến sáu giờ, Dina gõ cửa và gọi cậu ra. “Hai người bọn họ về rồi. Dì cần trò chuyện với một người tỉnh táo.”

“Dì ơi, sao dì cứ gây sự thế?”

“Dì gây sự? Sao cháu dám! Cháu có biết ngọn ngành câu chuyện không mà đã nói ai gây sự?”

“Cháu xin lỗi dì. Thế do đâu mọi người lại cãi nhau?”

“Vẫn chuyện cũ. May sai, làm ẩu. Ôn trời còn có Ishvar. Dì không biết phải làm sao nếu thiếu ông ấy. Một thiên thần và một quỷ dữ. Phiền nỗi, khi thiên thần ở bên quỷ dữ, cả hai đều không đáng tin.”

“Có lẽ Om xử sự như vậy là vì đang gặp chuyện gì đó không vui, có thể vì dì khóa cửa nhốt họ mỗi lần dì ra ngoài.”

“A! Vậy là cậu ta có kể cho cháu nghe chuyện đó, phải không? Thế cậu ta có nói tại sao dì phải làm thế không?”

“Ông chủ nhà. Nhưng cậu ấy nghĩ đấy chỉ là cái cớ. Cậu ấy nói dì làm cho bác cháu họ cảm thấy mình giống hệt bọn tội phạm.”

“Lương tâm tội lỗi của cậu ta khiến cậu ta cảm thấy thế thì có. Chuyện ông chủ nhà là có thật, cháu cũng nhớ còn gì. Đừng bị lừa phỉnh bởi nụ cười ngọt ngào của lão thu tiền nhà để rồi thừa nhận chuyện bất cứ gì. Lúc nào cũng phải vờ là cháu của dì.” Cô bắt tay vào dọn dẹp căn phòng, nhặt sạch rác rến, nhồi mớ vải vụn vào ngăn dưới cùng. “Cặp tròng của lão Ibrahim đấy có thể soi thấu cả căn hộ tù tị của trước kia, lúc nào chúng cũng trợn tròn láo liên. Nhanh hơn cả tròng mắt Buster Keaton. Nhưng cháu hăng còn trẻ, chắc chẳng biết Buster Keaton đâu.”

“Cháu đã nghe mẹ nhắc đến cái tên ấy rồi. Mẹ cháu bảo ông ta còn ngộ hơn cả Laurel và Hardy.”

“Dì không để ý, mà còn một lý do nữa. Nếu dì không khóa cửa nhốt bọn thợ may lại, bọn họ sẽ cho dì phá sản ngay. Cháu có biết Om đã có lần bám đuôi dì đến chỗ công ty xuất khẩu không? Cậu ta có kể cho cháu nghe chuyện đó không? Không, dĩ nhiên là không rồi. Dì được tí tiền hoa hồng họ cũng nuốt không trôi mà. Ai biết đâu dì vẫn phải giật gấu vá vai chán đây.”

“Để cháu bảo mẹ gửi thêm tiền nhé? Để trả tiền trọ và ăn uống của cháu ấy?”

“Không được! Dì tính giá thế là vừa, mẹ cháu cũng trả đủ rồi. Cháu nghĩ dì kể với cháu tất cả những chuyện này để xin bố thí ư?”

“Không ạ, cháu chỉ nghĩ là...”

“Khó khăn của dì đâu phải như vết thương của thằng ăn mày! Chỉ có thằng ăn mày mới vạch áo khoe cháu những chỗ què cụt ghê lở trên người nó, để cháu thấy mà ghê. Không, thưa cậu Mac Kohlah, tôi chỉ nói ra để cậu hiểu rõ hơn về cậu bạn Omprakash Darji quý mến của cậu mà thôi.”

Vào lần tiếp theo phải tới công ty xuất khẩu Au Revoir, Dina quyết định đặt thêm niềm tin vào Maneck. “Nghe đây, hôm nay dì sẽ không khóa cửa. Vì có cháu ở nhà, dì để cháu

trông nom mọi việc đấy.” Trách nhiệm sẽ kéo cậu về phe cô, cô chắc chắn thế; vả lại, Om cũng sẽ không dám giở trò làm xiếc bằng xe đạp thêm lần nữa.

Dina đi rồi, Ishvar vẫn cảm cú may, ông ngại không dám tận hưởng phút nghỉ ngơi trên chiếc sofa của Dina như thói thường khi đang có mặt Maneck. Còn Om lập tức ngừng tay, và lao ra phòng ngoài. “Hai tiếng tự do,” cậu tuyên bố, vươn vai rồi buông mình ngã phịch xuống sofa ngay cạnh Maneck.

Trong khi cậu hút thuốc, cả hai lật xem mấy cuốn sách dạy đan cũ của Dina. Hình những cô người mẫu vận áo len với đủ kiểu dáng khác nhau in đầy các trang ruột. Những đôi môi đỏ mọng, làn da màu kem, cùng những kiểu tóc điệu đà trên trang giấy bóng láng mép bẻ gập làm dấu khiến họ ngây ngất. “Trông hai em này này,” Om nói, chỉ một cô tóc vàng và một cô tóc đỏ. “Theo cậu lông dưới háng của họ có màu giống thế không?”

“Sao cậu không viết thư đến tạp chí mà hỏi. ‘Thưa Ngài, chúng tôi xin mạo muội thắc mắc về màu sắc lông mu của người mẫu quý báo – cụ thể hơn, là nó có đồng nhất với màu tóc của họ hay chẳng. Các người mẫu được đề cập xuất hiện trên trang bốn mươi bảy của số tạp chí ra...” – cậu lật trang bìa – “... tháng bảy năm 1961. Đào ôi, thôi bỏ đi, chả mười bốn năm rồi còn gì. Dù hồi ấy nó có màu gì, thì đến bây giờ cũng thành hoa râm với bạc hết rồi.”

“Tớ phải hỏi thằng cha Rajaram chuyên nghề thu mua tóc mới được,” Om nói. “Anh ta là chuyên gia về lông với tóc.”

Hai chàng trai cất mấy cuốn sách đan về chỗ và kéo vào phòng Maneck. Chiếc ô in hình ngôi chùa giúp họ tiêu khiển được một chốc, rồi chuyển sang thám hiểm bếp, đồ gọi bọn mèo, nhưng chẳng con nào thêm lại gần cửa sổ vì chưa đến giờ ăn tối. Om định tắt nước bọn kia một mẻ để chúng gào lên xem sao, nhưng Maneck không cho.

Vào phòng trong, họ sẫm soi bộ sưu tập vải vụn, những mảnh ghép đầu tiên của tấm chăn. “Hai đứa đừng máy mó đồ của cô Dina,” ngồi bên máy khâu, Ishvar liếc mắt nhìn và nạt.

“Nhìn đồng vải này mà xem,” Om nói. “Cô ta ăn bớt của bác cháu ta, trả công ta rẻ mạt, lại còn chấm mút của công ty nữa.”

“Cháu nói linh tinh gì thế, Omprakash,” bác cậu nói. “Đó toàn là vải vụn vứt đi được cô ấy tận dụng vào việc tốt. Thôi, ngồi vào máy đi, đừng phung phí thì giờ nữa.”

Om bỏ tấm chăn may dở xuống và chỉ vào chiếc rương kê trên chân đỡ trong góc. Maneck trợn mắt trước cử chỉ táo tợn nọ. Họ mở ra, và nhìn thấy kho băng vệ sinh tự may của cô.

“Cậu có biết cái này dùng làm gì không?” Om thề thốt.

“Gối tí hon,” Maneck đáp, miệng cười nhả nhổ, đoạn cầm hai tấm băng lổn nhổn lên. “Gối tí hon cho người tí hon nằm.”

“Cho thằng nhỏ của tớ gối đầu cũng được đấy.” Om kẹp một tấm vào giữa háng.

“Đừng nghịch cái rương đấy nữa,” Ishvar nói.

“Vâng, vâng.” Họ cầm một mớ băng ra phòng ngoài và tiếp tục trò cợt nhả.

“Cái gì đây?” Maneck hỏi, đoạn giơ hai miếng băng trên đầu.

“Sùng à?”

“Không,” cậu lúc lắc. “Tai lừa.”

Om đưa một miếng băng ra sau mông. “Đuôi thỏ này.”

Họ giữ miếng băng trước đũng quần như mấy cái dương vật và nhảy nhô nhảy nhếch khắp phòng, vừa nhảy vừa xóc hông hục như đang thủ dâm. Mối chỉ ở cuối miếng băng của Maneck bật tung. Ruột vải rơi lả tả, còn lại trong tay cậu chiếc vỏ mềm oặt.

“Nhìn kia!” Om cười phá lên. “Của quý của cậu gục rồi, ê ề!”

Maneck vớ lấy một miếng băng mới cứng cáp và đập Om túi bụi. Trận chiến bùng nổ nhưng vũ khí chẳng mấy chốc đã tan nát, vụn vãi tung tóe khắp phòng. Họ nhặt hai miếng khác và cắm đầu lao vào nhau, như hai kị sĩ trên lưng ngựa, cây thương bằng băng vệ sinh nhô lên trước mép khóa quần.

“Ten ten ten tèn ten!” Hai chàng trai hét lên và tấn công. Lùi về góc của mình, họ chỉnh lại miếng băng gài ở đũng quần trong khi Om vừa hét vừa hí ầm lên như con ngựa đang nhay hàm thiếc.

Đúng lúc hai chàng trai đang sửa soạn xông tới lần nữa, Dina mở cửa và bước vào qua hành lang. Tiếng kèn lệnh tắt ngóm. Cô chỉ đi được tới chỗ sô pha, rồi khựng lại. Quang cảnh trước mắt khiến cô tắc nghẹn: sàn nhà vương vãi đầy vụn vải từ những miếng băng vệ sinh được cô may chi chút, hai chàng trai đứng đó đầy vẻ tội lỗi, tay nắm chặt món đồ chơi đáng hổ thẹn.

Họ buông thõng tay và loay hoay tìm cách giấu miếng băng sau lưng, rồi chột nhận ra cử chỉ đó vừa vô ích lại vừa ngớ ngẩn.

“Lũ mất dạy!” Mãi cô mới lắp bắp thành tiếng. “Lũ mất dạy!”

Cô chạy vào phòng trong, nơi Ishvar vẫn đang cắm cúi đập máy, vô tư không hay biết về những gì đang diễn ra ở phòng ngoài. “Dừng lại!” Cô hét lên, giọng run run. “Ra mà xem hai thằng ranh làm gì đây này!”

Om và Maneck đã bỏ mấy miếng băng xuống, nhưng Dina lại nhét vào tay mỗi người một miếng. “Làm đi!” Cô quát. “Làm cho ông ấy xem, cho ông ấy thấy hành động mất dạy của các người!”

Ishvar chẳng cần xem. Ông tự suy ra đã có chuyện gì đó rất đáng ghê tởm, nhất là khi cô phần nộ đến thế. Ông ra chỗ Om và tát vào mặt cậu. “Cậu thì tôi không tát được,” ông nói với Maneck. “Nhưng ai đó nên làm việc này. Có thể cậu mới khá lên được.”

Ông lôi Om vào phòng trong và ấn cậu xuống ghế. “Từ rày trở đi, bác không muốn nghe một chữ nào từ mồm mày nữa. Im miệng mà làm việc của mày, kìa đến lúc về thì thôi.”

Bữa tối là một khoảng thời gian lặng lẽ, chỉ có dao nĩa lên tiếng. Dina dọn dẹp rất nhanh, rồi bỏ vào phòng may và đóng sập cửa lại.

Chẳng hóa ra mình là thằng cuồng dâm à, Maneck tự nghĩ, trong bụng khổ tâm vô cùng. Cậu chờ ở phòng ngoài một lúc, hi vọng cô sẽ bước ra, cho cậu một cơ hội để xin thứ lỗi. Đôi tai cậu bắt được tiếng mở rồi đóng ngăn kéo. Tiếng kéo kẹt của chiếc giường cô nằm. Tiếng lách cách có lẽ của cây lược cô dùng. Tiếng lịch kịch của đôi ghế thợ may bị đẩy sang một bên. Cậu nghe thấy tiếng mở nắp rương, mặt cậu đỏ bừng vì xấu hổ. Rồi dải sáng dưới chân cửa phòng cô tắt ngóm, và nỗi đau khổ nhấn chìm cậu.

Liệu cô có viết thư cho bố mẹ cậu và ca thán không? Cậu đáng bị thế lắm. Suốt hai tháng nay, cô đã đối xử với cậu tử tế biết bao, trong căn hộ này của cô, còn cậu lại hành động thật

ghê tởm. Lần đầu tiên kể từ ngày rời nhà, cậu mới có cảm giác an lòng, không còn gợn sợ hãi, nhờ có dì Dina. Được cứu vớt khỏi cái kí túc xá đã khiến cậu phát ốm, với cục nghẹn chặn trong ngực và cảm giác buồn nôn thường trực mỗi buổi sáng.

Giờ cậu đã mang chúng trở lại, bằng chính việc làm của mình. Cậu tắt chiếc đèn cạnh sofa và lê thân về phòng.

Buổi sáng cũng không làm nguôi ngoai nỗi hổ thẹn hồi đêm trước của Maneck. Để giúp giữ nó luôn nóng hổi, Dina đặt sầm chiếc đĩa đựng hai quả trứng trắng trước mặt cậu vào bữa sáng. Khi đến lúc đi học và cậu gọi to “Cháu chào dì,” cô không ra vẫy chào cậu. Chán nản, cậu đóng lại cánh cửa trên dải hành lang trống trải, trách móc.

Dấu hiệu tha thứ đầu tiên lẩn khuất trong không gian sau bữa tối. Cũng như đêm trước, cô rút vào phòng trong thay vì mang tấm chăn ra ghế sofa; dầu vậy, cô để cửa mở hé.

Đợi chờ trong hi vọng ở phòng ngoài, cậu giết thì giờ bằng cách nghe ngóng hàng xóm láng giềng. Có tiếng ai đó chửi – cô con gái, cậu nghĩ thế. “Đồ mất nết!” Một giọng đàn ông vang lên. “Xem mày có khác gì con đi không, giờ này mới vác mặt về! Mày tưởng mười tám tuổi rồi thì không phải ăn đòn nữa phỉm? Để tao cho mày xem! Bố mẹ mày nói mười giờ về, tức là đúng mười giờ!”

Maneck liếc đồng hồ: Mười giờ hai mươi phút. Dì Dina vẫn chưa ló mặt ra. Đèn cũng chưa tắt. Đến giờ đi ngủ thường lệ của hai dì cháu, lúc mười rưỡi, cậu quyết định nhòm vào và chúc cô ngủ ngon.

Cô đang mặc váy ngủ, lưng quay về phía cửa. Cậu đổi ý và dợm bước ra, nhưng cô đã nhìn thấy cậu qua kẽ nứt. Trời ơi, cậu hoảng hốt nghĩ – thế nào cô cũng cho là cậu dòm dỏ mình.

“Vâng?” Cô cất giọng sắc lạnh.

“Cháu xin lỗi dì, cháu chỉ muốn sang chúc dì ngủ ngon.” “Vâng. Chúc cậu ngủ ngon.” Vẫn một giọng cứng đờ.

Cậu nhắc lại mấy chữ nọ và lui bước, rồi dừng lại. Cậu dặng háng. “Vội lại...”

“Vội lại cái gì?”

“Vội lại, cháu muốn xin lỗi dì... vì hôm qua...”

“Đừng đứng ngoài cửa mà lắp bắp nữa. Vào đây đi, rồi muốn nói gì thì nói.”

Cậu ngượng nghịu bước vào. Đôi cánh tay trần của cô lỏng trong váy ngủ nom thật đáng yêu, và qua làn vải cốt tông mỏng, hình dáng của... nhưng cậu không dám cho phép mắt mình nấn ná chút nào. Trong khi cậu khi cậu cố kết thúc lời xin lỗi của mình, cậu sực nhớ ra cô là bạn của mẹ mình.

“Dì muốn cháu hiểu,” cô nói. “là dì giận hành động đáng xấu hổ của cháu không phải vì nó hại gì đến dì. Dì chỉ xấu hổ thay cho cháu, khi thấy cháu cư xử như một đứa vô tích sự. Như một thằng ma cà bông đầu đường xó chợ. Dì vốn chẳng mong hồng gì từ một đứa như Omprakash. Nhưng cháu, con cái của một gia đình Parsi tử tế đến thế. Và dì đã giao cho cháu trông nom họ, dì đã tin tưởng cháu.”

“Cháu xin lỗi,” cậu cúi đầu. Cô đưa tay lên tóc, cặp lại một chiếc kẹp vừa bị tuột. Cậu cảm thấy đám lông dưới nách cô mang một vẻ gợi dục ghê gớm.

“Đi ngủ đi,” cô nói. “Lần sau nên biết nghĩ một chút.”

Khi mơ màng chìm vào giấc ngủ, cậu nghĩ đến dì Dina trong bộ váy ngủ, hình ảnh cô dần hợp làm một với cô gái trên tàu, nơi giường tầng hai.

VII

Trên đà tiến

SAU VỤ BĂNG VỆ SINH, Dina định ninh là cả Ishvar lẫn Om sẽ không dám đeo đuổi đến cùng lời mời Maneck dự một bữa cơm nhà làm nào nữa. Mà nếu có đi nữa, cậu cũng sẽ từ chối, vì sợ làm cô phật lòng.

Thế nhưng, chỉ ít ngày sau, lời mời lại được khơi lên, và sự chấp thuận dường như đã mấp mé rất gần. “Dì không thể tin được,” cô thì thầm với Maneck, giọng giận dữ. “Sau việc cháu làm hôm đó, thế vẫn chưa đủ sao? Cháu chọc giận dì chưa đủ à?”

“Nhưng cháu đã xin lỗi chuyện đó rồi mà dì. Om cũng rất hối hận. Hai việc này có liên quan gì đâu?”

“Cháu tưởng xin lỗi là xong hết à. Cháu không hiểu vấn đề. Dì chẳng ghét bỏ gì họ, nhưng họ là thợ may – là người làm công cho dì. Phải giữ khoảng cách. Cháu là con trai Farokh và Aban Kohlah. Có khác chứ, cháu không thể vờ như không có gì được – cộng đồng của họ, gia cảnh của họ.”

“Nhưng bố mẹ cháu chẳng ngại chuyện đó đâu,” cậu nói, cố giải thích rằng mình không được dạy nếp nghĩ đó, rằng bố mẹ cậu khuyến khích cậu hòa hợp với tất cả mọi người.

“Vậy ra cháu muốn nói dì hẹp hòi, còn bố mẹ cháu là những người rộng lượng, tân tiến phải không?”

Cậu phát mặt vì tranh cãi. Đôi lúc cậu có cảm giác như cô đã tiến gần đến ngưỡng thấu triệt điều hay lẽ thiệt, nhưng cuối cùng cô lại phát biểu thêm một câu hàm hồ khác: “Nếu cháu mê bác cháu họ thế, sao không gói ghém đồ đạc mà dọn đến ở với họ luôn đi? Dì có thể viết thư cho mẹ cháu, báo địa chỉ gửi tiền nhà tháng tới.”

“Cháu chỉ muốn đến chơi một lần thôi. Cứ khát lần mãi bất lịch sự lắm. Họ sẽ cho rằng cháu kèn kiệu, không thèm đến nhà họ.”

“Thế cháu đã nghĩ đến hậu quả của một cuộc ghé thăm chưa? Lịch sự là rất tốt, nhưng còn vấn đề sức khỏe và vệ sinh thì sao? Họ nấu nướng thế nào? Họ có đủ tiền mua nổi dầu ăn tử tế không? Hay chỉ mua được thứ dầu thực vật giả, như đa phần dân nghèo khác?”

“Cháu không biết. Họ đã ốm chết đâu.”

“Đấy là vì dạ dày của họ đã quen với nó rồi, ông ngố ọ, còn dạ dày của cháu thì chưa.”

Maneck nhớ lại những thứ thức ăn kinh tởm ở căng-tin mà dạ dày của chính cậu đã phải chịu đựng, và những món quà vật vờ hè cậu đã phải cố nuốt suốt mấy tuần lễ cuối trước khi dọn đi. Cậu tự hỏi nếu mình đem chuyện đó ra, không hiểu nó có thay đổi được học thuyết ẩm thực của bà dì chăng.

“Còn nước uống thì sao?” Cô tiếp. “Ở khu họ có nguồn cung cấp nước sạch không, hay lại bị ô nhiễm?”

“Cháu sẽ cẩn thận, cháu sẽ không uống tí nước nào.” Ý cậu đã quyết, cậu sẽ đi. Càng lúc cô càng kể cả hách dịch. Ngay cả mẹ cậu cũng không bao giờ kiểm soát cuộc đời cậu như cách dì Dina đang cố làm.

“Tốt thôi, cứ làm theo ý cháu. Nhưng nếu cháu bị làm sao, đừng tưởng dì sẽ làm y tá cho cháu một giây một phút nào. Cháu sẽ bị đưa lên xe chuyển phát nhanh gửi thẳng về cho bố mẹ cháu.”

“Thế cũng được ạ.”

Lần sau, khi Ishvar và Om mời, cậu đáp vâng. Cô đỏ bừng mặt, và nghiêng chặt răng. Maneck nở nụ cười vô tội.

“VẬY mai nhé?” Ishvar hoan hỉ nói. “Đến sáu giờ ta sẽ cùng về.” Ông hỏi cậu muốn ăn gì. “Cơm hay bánh chapati? Cậu thích rau gì?”

“Gì cũng được ạ” là câu trả lời của Maneck cho mọi câu hỏi. Hai người thợ may dành cả phần còn lại của buổi chiều để bàn thảo về thực đơn, lên kế hoạch cho bữa tiệc giã dị của mình.

Ishvar là người đầu tiên để ý thấy làn khói từ các bếp nấu không lẫn quất trên đầu xóm lều lán. Ông bước chân thấp chân cao trên vỉa hè nứt nẻ, mắt sục tìm khắp chân trời. Lẽ ra đến tầm giờ này lớp khói mù đã phải dày như một đám mây rồi. “Cả xóm cùng nhin ăn chắc?”

“Thôi bác đừng lo chuyện bao đồng nữa – cháu đang đói muốn chết đây này.”

“Lúc nào cậu cũng kêu đói. Cậu bị giun à?”

Om không cười; trò đùa đã đến hồi nhạt. Đám khói vắng mặt khiến Ishvar bất an. Thế chỗ nó là những tiếng gầm ì ì, như của một loại máy móc lớn, văng vẳng phía xa. “Sửa đường đêm à?” Ông tự hỏi, khi tiếng ồn lớn dần theo nhịp tiến của họ. Rồi, chợt nghĩ đến bữa tối cho Maneck, ông nói: “Sáng mai bác cháu ta sẽ đi chợ, chuẩn bị sẵn tất tần tật. Không nên phí phạm thời gian sau giờ làm. Giá mà có vợ, vợ mà đã lo nấu nướng xong xuôi và đợi khách đến rồi.” “Sao tự bác không lấy vợ đi?”

“Bác già quá rồi.” Nhưng, ông tự nghĩ, đùa là một chuyện, quả thực với Om, việc này đã kíp lắm rồi – trừ trừ là rất không nên.

“Nhưng cháu đã chọn xong vợ cho bác rồi kia đấy,” Om nói.

“Ai thế?”

“Cô Dina. Cháu biết bác thích cô ta, lúc nào bác cũng bênh cô ta. Bác nên cho cô ta hưởng tí hơi giai mới phải.”

“Thằng mất dạy,” Ishvar chửi và đám nhẹ thằng cháu, đoạn hai bác cháu rẽ vào con ngõ dẫn đến khu ổ chuột.

Tiếng gầm rú vẫn lẩn về phía họ, chậm chạp và bình thản trong ánh chiều chạng vạng, càng lúc càng lớn thêm, chất chứa hơn. Rồi nó nổ bùng. Không gian đột ngột choáng ngợp những tiếng gào rú đau đớn, kinh hoàng và giận dữ.

“*Hai Ram!* Có chuyện gì thế?” Họ băng qua quãng đường sau chót và nhìn thấy cuộc chiến đang đến hồi khốc liệt.

Cư dân khu lều lán bị quét hết ra đường, đang lẩn lộn đòi trở lại lán của mình, tiếng la hét của họ hòa lẫn với tiếng rú của còi xe cứu thương đang không cách gì xuyên qua được đám người. Cảnh sát tạm thời mất kiểm soát. Đám đông cư dân tràn lên phía trước, chiếm ưu thế. Rồi cảnh sát tụ lại và đẩy lùi được họ. Nhiều người ngã xuống, bị giẫm đạp, và đám xe cứu thương bồi thêm vào tràng còi ò ẹ xé tai trong khi lũ trẻ con kêu khóc như ri, hoảng

hốt vì bị tách khỏi bố mẹ.

Dân cư khu lều lán tan tác tơi tả sau đợt càn quét. Kiệt quệ, họ chỉ biết trút hết nỗi thống khổ vào những tràng chửi rủa bất lực. “Lũ súc sinh lòng lang dạ sói! Chả có tí công lý nào cho người nghèo, không bao giờ! Bọn tao vốn đã gần trắng tay rồi, giờ thì còn chẳng bằng trắng tay! Bọn tao đã làm gì nên tội, giờ bọn tao biết đi đâu về đâu?”

Giữa lúc tình hình tạm lắng, Ishvar và Om tìm thấy Rajaram. “Lúc chuyện xảy ra, tôi đang ở đây,” anh ta vừa thở vừa nói. “Bọn chúng kéo vào rồi – cứ thế phá. Nghiến nát sạch sành sanh. Lũ côn đồ, lũ đối trá...”

“Ai làm việc này?” Họ cố ghìm anh ta nói chậm lại.

“Một bọn, chúng nó bảo chúng là thanh tra an toàn. Chúng lừa bọn tôi. Chúng kêu được chính phủ cử xuống để xem xét tình hình ở khu. Lúc đầu mọi người mừng lắm, tưởng chính quyền quan tâm. Có khi sắp tới đời sống sẽ được cải thiện – nước, nhà xí, đèn điện, như bọn chính trị gia vẫn hứa khi đến kì bầu cử. Thế nên chúng tôi làm theo lời bọn chúng, ai nấy ra khỏi lán hết. Nhưng đến khi cả khu đã trống trơn, đoàn máy lớn kéo đến.”

Đa phần máy ủi là xe jeep và xe tải cũ được lắp thêm tấm ben thép và càng gỗ ngăn ở tấm chắn xóc phía trước, nom như những súc gỗ công thành. Đoàn máy bắt đầu tấn công những mái lán dựng từ gỗ dán, tôn dợn sóng, và nhựa. “Nhìn thấy thế, chúng tôi xông vào cản chúng. Nhưng bọn tài xế vẫn lái tới. Nhiều người bị cán nát. Máu đổ lênh láng khắp nơi. Thế mà cảnh sát lại bảo vệ lũ giết người ấy. Chứ không bọn chó đay chết lâu rồi.”

“Nhưng làm sao chúng có thể ngang nhiên phá hoại nhà cửa của bọn ta như thế?”

“Chúng nói đó là luật Tình trạng khẩn cấp mới. Nếu là lều lán dựng bất hợp pháp, chúng được phép dẹp bỏ. Luật mới nói cần cải tạo miếu quan thành phố.”

“Còn Navalkar thì sao? Còn tay sếp của lão, Thokray nữa?”

Bọn họ vừa thu tiền nhà tháng này hai ngày trước.”

“Chúng ở đây.”

“Thế mà họ không kêu ca gì với cảnh sát à?”

“Kêu ca gì? Chính thằng Thokray cầm đầu vụ này. Nó đeo băng ghi: Trưởng ban quản lý khu ổ chuột. Còn thằng Navalkar là Trợ lý trưởng ban. Chúng không thèm nói chuyện với ai. Hễ ai trong số bọn tôi cố lại gần chúng, bọn tay chân của chúng dọa đánh ngay.”

“Còn tất cả đồ đạc của chúng ta để trong lán thì sao?”

“Mất hết, chắc thế. Bọn tôi lạy lục chúng cho vào dọn, nhưng chúng không cho.”

Ishvar bỗng thấy bải hoải vô cùng. Ông tách khỏi đám đông và sang bên kia đường, đoạn ngồi phệt xuống đất. Rajaram xốc lại quần rồi ngồi xuống cạnh ông. “Khóc lóc vì mấy cái lều rách đấy phỏng ích gì. Ta sẽ tìm được chỗ khác thôi, chỉ là chuyện vật thôi mà. Om nhỉ? Chúng ta sẽ cùng tìm một căn nhà mới.”

Om gật đầu. “Để cháu lại gần nhòm xem sao.”

“Đừng, nguy hiểm lắm,” Ishvar nói. “Mày ở lại đây với bác.”

“Cháu chỉ ở quanh đây thôi mà,” Om nói, và lĩnh đi xem xét cuộc tàn phá.

Buổi tối đã dần chuyển màu nhá nhem. Một toán cảnh sát trang bị đèn cui xông xáo rút cuộc đã dẹp sạch khoảng không bao quanh mặt tiền khu lều lán. Dẹp guốc của đám đông

người chạy loạn rơi đầy mặt đất, vung vãi như những gì còn lại từ một làn sóng người chân tay. Hàng rào cảnh sát, nay đã tại vị vững vàng, giữ cơn thịnh nộ của dân chúng sôi sục ở một khoảng cách an toàn.

Đoàn xe ủi đã san bằng dãy lán tạm bợ và đang chuyển sang khu nhà thuê giá cao, xe lùi lấy đà và tiến tới nghiền nát dãy tường gạch. Om tịnh không cảm thấy gì – cái lán chẳng có chút ý nghĩa nào đối với cậu, cậu thậm nghĩ. Có lẽ giờ bác cậu sẽ đồng ý trở về với ông trẻ Ashraf. Cậu nhớ đến Maneck, mai sẽ qua chơi. Cậu bật cười đau khổ khi nghĩ đến phải báo cho bạn bữa tối đã không còn – lý do hủy là vì nhà của hai bác cháu đã bất ngờ biến mất.

Chiếc loa của Hạ sĩ Kesar toang toang trong bóng chiều nhập nhoạng: “Công việc sẽ tạm ngừng trong ba mươi phút. Nói thật, đừng làm là để cho chúng bay cơ hội gom nhặt lại tài sản đấy. Sau đó máy sẽ tiếp tục.”

Trong đám đông, tuyên bố trên được đón nhận với ít nhiều khinh miệt – đó chỉ là một cử chỉ thiện chí từ cảnh sát để tránh thêm rắc rối thôi. Nhưng đa phần đều mừng rỡ vì có cơ hội lấy lại số của nả ít ỏi của mình. Một trường trườn bò moi móc hiện ra trên đồng cỏ nát. Nó khiến Om nhớ đến cảnh lũ trẻ trên bãi rác. Sáng nào đứng trên tàu cậu cũng trông thấy chúng. Cậu quay lại với bác để góp mặt vào đám người tán loạn giữa những phế tích.

Đoàn máy đã biến quang cảnh thân thuộc cùng cộng đồng được tổ chức quy củ của nó thành một khoảng không xa lạ. Những người đi tìm tài sản của mình không khỏi hoang mang. Ô đất nào từng làm nền đỡ cho mái lều họ đã ở? Đống gỗ vụn và sắt vụn nào là của họ để mà bới tìm bây giờ? Những kẻ khác lại biến hỗn loạn thành lợi thế, vơ vét hết những gì có thể, và xô xát nổ ra vì những mảnh gỗ vỡ, tấm vải sơn rách, miếng nhựa. Có kẻ định đánh thó cây đàn sứt mẻ của anh chàng chơi đàn dạo, nhân lúc anh ta đang mải bới tìm quần áo. Anh chàng vớ lấy một cây gậy sắt đánh đuổi gã kẻ cướp đi. Cuộc ẩu đả gây thêm thương tích cho cây đàn, khiến bụng đàn vỡ toác.

“Hàng xóm láng giềng của tôi biến thành trộm cướp hết rồi,” anh ta vừa khóc mếu vừa nói. “Hồi xưa tôi hát cho họ, còn họ vỗ tay khen tôi.”

Ishvar an ủi anh ta qua loa, trong bụng còn bận lo cho tài sản của chính mình. “Ít ra máy may của bác cháu mình cũng có một mái nhà an toàn ở chỗ cô Dina,” ông quay sang nói với Om. “Ta may đấy.”

Họ kéo tấm lợp dợn sóng xưa kia từng là mái lán sang một bên, để lộ ra chiếc rương. Nấp rương in rõ mấy vết móp khá sâu. Nó mở ra kèm một tràng kẽo kẹt phản đối. Om giơ chân đá vào chỗ móp sâu nhất, nhờ đó nắp rương đỡ kẹt hẳn. Họ dọn bớt rác rưởi và nhặt được chiếc gương con thường dùng để cạo râu. Nó vẫn lành lặn: cái chảo rán bằng nhôm đã úp chụp lên nó như một chiếc mũ bảo hiểm.

“Ta chả bị xui xẻo tí gì,” Om nói, rồi cho cả hai món đồ vào rương. Chiếc bếp Primus bị đè bẹp, vô phương chạy chữa, cậu bèn vứt nó đi. Om tìm thấy chiếc dao cạo, nhưng không thấy gói lưỡi dao đâu. Nhắc thêm mấy tấm gỗ vụn ra, họ khai quật thêm được chiếc bình đồng. Có người trông thấy bèn vồ lấy và bỏ chạy.

“Ăn cướp!” Om hét lên. Không ai để ý. Bác cậu vội ngăn cháu đuổi theo người kia.

Họ lôi ra cái chiếu gai, ga, chăn, và hai cái khăn phủ gối.

Rũ ra hàng đám mây bụi, Ishvar cuộn tất cả lại thành một bọc chăn chiếu gọn gàng và bọc bằng vải bố.

Nỗi lo lắng của Rajaram đổ hết vào kho tàng tóc của anh ta. Cái kho đã bị tàn phá, túi ni lông rách tuột, tóc đọng bên trong lõi ra. “Số hàng quý giá tôi gom góp suốt một tháng,” anh ta khóc mếu. “Rơi vãi ra đất hết cả rồi.” Ba mươi phút quy định sắp hết. Ishvar và Om giúp anh ta gom góp lại những gì có thể, chỉ tập trung vào những món tóc dài nhất.

“Vô ích thôi,” Rajaram cay đắng nói. “Lũ khốn giết tôi rồi. Các bím với con tóc đều xổ tung ra rồi, sao còn bện lại với nhau được. Chẳng khác nào gạn lấy đường hạt từ một cốc trà.”

Cả ba len lỏi qua hàng rào cảnh sát, ở đó, Trưởng ban quản lý ổ chuột đang ra lệnh cho công nhân. “San bằng – tao muốn khu này phải được như thế. Quang quẻ và sạch sẽ, y như hồi các công trình trái phép chưa được dựng lên ở đây.” Xà bần sẽ được đổ xuống con mương gần đường ray tàu hỏa.

Đám người vừa bị trốc mất nhà nán lại bên ngoài, đờ đẫn nhìn. Đám thợ ủi đổ những bức tường và các xó xỉnh còn trụ lại sau cuộc công phá đầu tiên, rồi dừng lại, kêu rằng trời tối quá, máy không tài nào đổ gạch vữa vụn mà không sa xuống mương cho được. Ngài Trưởng ban quản lý ổ chuột không dám làm liều, sắp tới vẫn còn khối việc cần đến máy móc của hắn, còn nhiều khu lán chiếm bất hợp pháp cần bị dẹp bỏ. Hắn đồng ý hoãn giai đoạn cuối cùng cho tới sáng mai, đám công nhân bèn ra về.

“Tôi sẽ ngủ lại đây,” Rajaram nói. “Biết đâu lại tìm thấy thứ gì giá trị quanh khu này. Hai bác cháu định thế nào?” “Chúng ta nên đến nhà Nawaz,” Ishvar nói. “Có lẽ ông ấy sẽ lại cho chúng ta ngủ nhờ dưới mái hiên sau nhà.”

“Nhưng lão đối xử với ta có ra gì đâu.”

“Đã đành là thế. Biết đâu ông ấy sẽ giúp ta tìm một căn nhà mới, như đã làm lần trước ấy.”

“Phải, nên thử lắm,” Rajaram nói. “Còn tôi sẽ xem tình hình ở đây diễn biến thế nào. Ai biết được, có khi một tay trùm xã hội đen nào khác lại tính chuyện xây lán mới ở đây cũng nên.”

Họ hẹn gặp nhau vào tối mai để trao đổi thông tin. “Trong khi chờ đợi, hai người giúp tôi một việc được không?” Rajaram hỏi. “Giữ hộ tôi mấy cái đuôi sam này nhé? Nhẹ lắm. Tôi chẳng biết cất vào đâu.”

Ishvar đồng ý, và cất vào rương.

Nhưng trong nhà Nawaz là mấy người lạ mặt. Người đàn ông ra mở cửa nói anh ta không biết tí gì về ông kia.

“Chúng tôi đang cần tìm bác Nawaz có việc gấp lắm,” Ishvar nói. “Có lẽ chủ nhà của anh biết tin gì chẳng. Anh cho chúng tôi xin tên và địa chỉ của ông ấy được không?”

“Không liên quan gì đến các người.” Trong nhà có tiếng người quát vọng ra. “Đêm hôm khuya khoắt thế này, đừng ám bọn tao nữa!”

“Xin lỗi đã làm phiền các anh,” Ishvar nói, đoạn xốc lại bọc chăn chiếu và bước lùi xuống bậc cấp.

“Làm sao bây giờ?” Om thở hổn hển, trên mặt in hằn cả sức nặng của chiếc rương.

“Cháu hết hơi rồi à?”

Cậu gật đầu. “Như bóng xị.”

“Được rồi, đi làm cốc trà đã.” Họ ra quán trà ở góc đường, chính là chỗ họ thường ngồi trong những tháng tá túc dưới mái hiên sau nhà. Chủ quán vẫn nhớ họ là bạn của Nawaz.

“Lâu lắm không nhìn thấy hai bác cháu,” ông ta nói. “Có nhận được tin gì của Nawaz từ hồi bị cảnh sát bắt đi không?”

“Cảnh sát ư? Vì tội gì?”

“Buôn lậu vàng từ vùng Vịnh về.”

“Thật ư? Ông ta làm thế thật à?”

“Dĩ nhiên là không rồi. Ông ta chỉ là một tay thợ may, như các anh thôi.” Nhưng Nawaz đã gây chuyện với một lão có con gái sắp lấy chồng. Người đàn ông nọ vốn quen biết rộng, lần ấy đã đặt ông ta một đơn hàng lớn, may đồ cưới cho cả gia đình kia. Sau đám cưới, lão không chịu trả tiền, kêu là quần áo may không vừa. Nawaz ra sức đòi nhưng chỉ công toi, rồi biết được địa chỉ cơ quan của lão kia. Ông ta tìm đến đó, cốt làm lão kia bề mặt với đồng nghiệp. “Và đó là sai lầm lớn. Lão khốn trả thù. Ngay đêm đó cảnh sát đến bắt Nawaz.”

“Cứ thế mà bắt thôi? Sao họ có thể tống một người vô tội vào tù? Lão kia đúng là đồ khốn nạn.”

“Dưới Tình trạng khẩn cấp, mọi thứ đảo lộn hết cả. Đen có thể biến thành trắng, ngày có thể chuyển sang đêm. Chỉ cần có quan hệ với một ít tiền, tống người khác vào tù là chuyện dễ như trở tay. Thậm chí còn có một bộ luật mới gọi là MISA để giúp đơn giản hóa toàn bộ thủ tục cơ mà.” “MISA là cái gì?”

“Luật đảm bảo... cái gì đấy, với an ninh... gì đấy, tôi không rõ.”

Hai người thợ may uống nốt trà và ra về cùng đồng hành lý. “Tội nghiệp Nawaz,” Ishvar nói. “Không hiểu ông ta có thật sự mưu toan chuyện gì phi pháp không.”

“Dám lắm,” Om nói. “Chả phải vô cơ mà người ta bắt người bỏ tù. Cháu chưa bao giờ thích lão. Nhưng giờ ta tính sao?”

“Có lẽ ở ga tàu hỏa còn chỗ ngả lưng đấy.”

Sân ga la liệt ăn mày cùng người lang thang nằm ngủ tạm qua đêm. Hai bác cháu chọn một góc và dọn qua, lấy một tờ báo quét bớt bụi đất.

“Ê, coi chừng! Hắt hết vào mặt tao rồi đây này!” Một người gào lên.

“Xin lỗi chú,” Ishvar nói, và thôi quét quấy. Nổi nân nao muốn bàn tính về buổi bình minh vô gia cư vào sáng hôm sau, về việc sẽ phải làm gì tiếp theo, dâng lên cồn cào trong hai bác cháu, nhưng người này lại thầm mong người kia khơi nó lên trước. “Đói không?” Ông hỏi.

“Không ạ.”

Tuy vậy Ishvar vẫn đi bộ ra quán bán đồ ăn vặt cạnh đường sắt. Ông mua món trộn cay gồm hành phi, khoai tây, đậu, ớt, và rau mùi, nhồi trong hai cái bánh bao nhỏ. Trên đường mang nó về cho Om, chút cảm giác tội lỗi bám riết lấy ông khi len lỏi qua những ánh mắt đói khát ken dày suốt dọc sân ga. “Bánh bao cay. Một cho mày, một cho bác.”

Trang tạp chí lảng bóng bọc chiếc bánh đã chớm ẩm.

Những đốm mỡ ấm nho nhỏ bắt đầu hiện lên mặt giấy. Om ăn ngấu nghiến hết ngay, còn Ishvar nhai chậm chậm để có thể dành cho thằng cháu một miếng cuối. “Bác no rồi,

mày ăn nốt đi.”

Họ thay nhau ra vòi uống nước; hành lý cùng bọc chăn chiếu cần có người trông. Xong xuôi những việc này, chẳng còn việc gì để mà khuây lãng nữa. “Có lẽ tối nay Rajaram sẽ có tin tốt,” Om ướm lời.

“Ừ, ai mà biết được. Thậm chí ta có thể tự xây cái gì đó, một khi tấn tuồng này kết thúc. Bằng gỗ dán và cọc cùng tấm nhựa. Rajaram là một gã sáng ý, anh ta sẽ biết phải làm gì. Ba người chúng ta có thể sống chung trong một túp lều lớn.”

Quá nửa đêm, họ bị đánh thức bởi một gã cảnh sát đường ga đá chân vào đồng hành lý. Hẳn nói cấm ngủ trên sân ga.

“Chúng tôi đang đợi tàu,” Ishvar nói.

“Đây không phải loại nhà ga đấy. Không có phòng đợi.

Sáng mai hãy quay lại.”

“Nhưng mấy người này cũng đang ngủ mà.”

“Họ được cấp phép đặc biệt.” Gã cảnh sát xóc xóc mấy đồng xu trong túi.

“Cũng được, chúng tôi sẽ không ngủ trên sân ga, chỉ ngồi thôi.”

Gã cảnh sát nhún vai bỏ đi. Hai bác cháu ngồi dậy và cuộn chăn chiếu lại.

“Suyt,” một mục già nằm cạnh họ lên tiếng. “Suyt. Hai chú phải đắp mồm hẳn.” Tấm ni lông mục đang nằm kêu sột soạt rất to với mỗi cử động nhỏ nhất. Hai bàn chân quăn trong mấy lần băng xô vấy bẩn máu mủ màu vàng sậm.

“Sao phải đắp mồm nó? Đây có phải sân ga của bố nó đâu.”

Mục cười, làm nứt toác lớp bùn đất đóng dày trên mặt. “Phim kìa! Phim kìa!” Mục hớn hở chỉ vào những tấm pa-nô quảng cáo phim dán hàng dọc tường sân ga. “Mỗi đĩa ăn mày một rupi. Trẻ con năm mươi xu. Chiếu phim mỗi tối.”

Ishvar kín đáo đưa tay lên trán ra hiệu “dở hơi”, nhưng Om vẫn khẳng khái cắt nghĩa. “Chúng tôi không phải ăn mày, chúng tôi là thợ may. Thế hẳn định làm gì nếu chúng tôi không xùy tiền? Đố tổng bọn tôi vào tù được đấy.”

Người đàn bà nọ trở mình, nhòm họ lom lom, rồi im lặng, ngoại trừ vài tiếng cười khúc khích vu vơ. Nửa tiếng trôi qua, không thấy tấm hơi gã cảnh sát đâu.

“Cháu nghĩ êm rồi đấy,” Om nói. Cậu trai chăn chiếu ra và họ lại nằm xuống. Mục kia vẫn thích thú nhìn họ. Một mùi thối khẳn khẳn xông lên từ bàn chân băng bó chằng chịt của mục.

“Mục định ngắm bọn tôi suốt đêm hay sao?” Om nói. Mục lắc đầu nhưng vẫn nhìn trân trân. Ishvar suyt cháu im lặng, rồi cả hai cùng nhắm mắt.

Họ chỉ mới thiếp đi được vài phút, gã cảnh sát đã quay lại với một xô nước lạnh và dội nó xuống đầu hai người thợ may đang thiêu thiêu ngủ. Họ rú lên và nhảy dựng khỏi chiếu. Gã cảnh sát bỏ đi không nói lời nào, tay vung vẩy cái xô không. Người đàn bà nằm trên tấm ni lông cười rung cả người.

“Thằng súc sinh!” Om rít lên, Ishvar vội suyt cậu im. Ông chẳng cần lo; tròng cười điên dại của mục già kia đã nhấn chìm mọi lời nói. Mục khoái chí đập tay chan chát xuống tấm ni lông, khiến nó bay lật phật.

“Phim! Phim! Hải kịch Johnnie Walker!” Mãi mụ mới thở ra được vài chữ giữa các tràng cười.

“Mụ biết thừa! Mụ phù thủy điên biết trước mà không nói cho ta, khốn thật!”

Ướt như chuột lột, họ thu gom mọi thứ và chuyển đến khoảng trống cuối cùng còn lại, nằm ở cuối sân ga, nơi mùi nước đá xông lên nồng nặc. Những quần áo khô trong rương quả là báu vật vô giá. Hai bác cháu chia nhau thay quần áo. Đồ ướt được trải ra trên nắp rương mở rộng. Ga và chân được hong trên một cây cọc biển báo hồng chìa ra trên tường sân ga.

Tắm chiếu gai khô rất nhanh nhưng hai bác cháu đều sợ không dám nằm. Run lẩy bẩy, họ ngồi canh đồng cửa nả, người lắc lư trong giấc ngủ, thỉnh thoảng đầu rũ gục. Sau trận uống nước, họ phải tìm ra bãi đất hoang vài lần. Cả ga đã say ngủ, nên đi bộ xuống cuối đường ray đã không còn là việc cần thiết. Họ xả bàng quang ngay ngoài rìa sân ga.

Quán bán đồ ăn vặt của ga mở xích tám chớp thép lúc bốn giờ sáng. Cốc đĩa bắt đầu xô lanh canh, xoong chảo kêu xũng xoảng. Ishvar và Om súc miệng ở vòi nước uống, rồi mua hai cốc trà và một ổ bánh mì giòn. Chất lỏng nóng hổi giúp khai thông hai cái đầu ngái ngủ. Kế hoạch cho ngày hôm nay dần định hình: đến giờ thích hợp họ sẽ lên tàu đi làm, may đến sáu giờ tối như mọi ngày, rồi quay về gặp Rajaram.

“Chúng ta sẽ để nhờ hành lý lại nhà cô Dina, chỉ hôm nay thôi,” Ishvar nói. “Nhưng ta sẽ không nói nhà đã bị phá. Ai chả sợ người vô gia cư.”

“Cô ta mà để bác cháu ta bỏ hành lý ở đấy thì bác đòi gì cháu cũng cho.”

Họ nán lại sân ga thêm hai tiếng nữa, hút thuốc, ngắm nhìn khách đi tàu sớm, chủ yếu là người bán hàng rong, đội trên đầu những rổ bí ngô, hành, cá chim, muối, trứng, hoa. Một người thợ sửa ô đang chuẩn bị làm việc, tháo rời mấy chiếc ô hỏng, tận dụng những phần nan và cán còn tốt. Một ông chủ thầu xây dựng đi qua, cùng đội thợ sơn và thợ nề, xách theo linh kính những thang, xô, chổi, bay, sọt, trên người phả ra mùi nhà mới sơn.

Hai người thợ lên tàu lúc sáu rưỡi. Họ đến nhà Dina lúc bảy giờ. Cô khoác vội chiếc áo dài ra ngoài áo ngủ và ra mở cửa.

“Sao sớm thế?” Thật đúng là, cô thầm nghĩ – mặt trời còn chưa ló, giặt giũ rửa ráy chưa làm, bữa sáng cho Maneck chưa nấu, thế mà bác cháu họ đã lù lù ở đây, chờ việc.

“Rốt cuộc tàu cũng chạy đúng giờ. Nhờ Tình trạng khẩn cấp,” Om nói, tự thấy mình thông minh quá đỗi.

Cô kết luận, lời cắt nghĩa trơ tráo nọ được vẽ ra cốt để chọc giận cô. Rồi Ishvar chen vào xoa dịu: “Thêm giờ làm là thêm váy, cô Dina nhỉ?”

Quả vậy. “Nhưng còn đồng hành lý kênh cang này là sao?”

“Tối nay chúng tôi phải mang cái này đến cho một người bạn. A, Maneck. Suýt nữa tôi quên mất. Cậu phải thứ lỗi cho bác cháu tôi, hôm nay không thể làm bữa tối mời cậu được.

Vừa có việc rất gấp phát sinh.”

“Không sao,” Maneck nói. “Để lúc khác vậy.”

Cô bắt họ bỏ chiếc rương và bọc chăn chiếu bên cửa. Trong đó ắt hẳn lúc nhúc chấy rận, cô tin thế. Và cách cư xử của họ có gì đó rất đáng ngờ. Nếu có việc gấp, họ có thể tạt qua nhà người bạn luôn lúc này. Nhất là khi họ đi sớm đến thế. Nhưng chỉ ít lời mời Maneck

đến ăn cơm tối đã bị hủy, thật nhẹ người.

Suốt ngày hôm đó, Ishvar không còn là con người chín chắn thường ngày nữa, và có một lần, ông suýt nữa ghép phần thân trước vào mặt sau chân váy. “Dừng tay!” Cô hét lên đúng lúc kim chạy đường chỉ đầu tiên. “Anh, Ishvar ư? Nếu là Omprakash thì chẳng lạ gì. Nhưng anh ư?” Vừa cười ngượng ngùng, ông vừa lấy một con dao lam cắt những mối chỉ lỗi.

Đến bốn giờ họ ngỏ ý muốn ra về, sớm hơn thường lệ hai tiếng. Quá sớm nếu tính tới số váy họ sẽ may được nếu nán lại, cô nghĩ thầm, nhưng cũng mừng vì họ mang theo ra cả bầu không khí nặng nề đang choán ngập cả không gian.

Trước khi cô kịp nhận ra chiếc rương bị bỏ lại, họ đã đóng sập cửa và quày quả ra ga.

Trời mưa rào suốt ngày, nhấn chìm gần hết đồng xà bần của tối hôm trước dưới những ao nước nhỏ lầy bùn. Những mảnh gỗ ván hoặc sắt vụn lập lờ trên mặt nước như những mảnh buồm và mảnh vỡ tàu đắm. Mòng biển kêu chơ chớ trên khu ổ chuột đồ nát. Vài cư dân cũ đi vất vưởng ngoài rìa, mắt trần trối nhìn khu đất, còn Rajaram không thấy mọc mũi sủi tăm.

“Có lẽ anh ta đã phát hiện ra không còn cơ xây cất ở đây nữa,” Ishvar nói.

Ngài Hạ sĩ Kesar béo núc không thấy trực ở đây. Sáu cảnh sát từ đội cưỡng chế mới của lão lo gác khu vực. Họ tiến về phía hai người thợ may và mấy người đang lảng vảng quanh đó, và dọa: “Nếu chúng mày tính chuyện dựng lán mới, bọn tao sẽ tống cổ chúng mày vào tù ngay.”

“Tại sao?”

“Đấy là nhiệm vụ của bọn tao – bài trừ ổ chuột và cải tạo mỹ quan phố xá.” Đám cảnh sát trở lại chốt gác ở góc đường.

“Bác nghĩ ta nên quay về và nói sự thật cho cô Dina biết,” Ishvar nói.

“Tại sao?”

“Có thể cô ấy sẽ giúp chúng ta.” “Bác cứ mơ đi,” Om nói.

Một đội thợ đang lắp hai tấm pa-nô mới, mỗi tấm một bên lề đường. Họ dán mặt thủ tướng lên bảng, rồi bàn bạc về thông điệp đi kèm. Có rất nhiều câu có thể chọn. Họ mở các cuộn biểu ngữ và trải ra vỉa hè để xem xét, lấy đá chặn bốn góc.

Đám công nhân không hện mà cùng ngả sang khẩu hiệu thứ nhất: THÀNH PHỐ THUỘC VỀ CÁC ANH CHỊ EM! HÃY GIỮ NÓ SẠCH ĐẸP! Câu thứ hai hơi gây bối rối. Đội trưởng muốn dùng câu THỨC ĂN CHO NGƯỜI ĐÓI! NHÀ CỬA CHO NGƯỜI VÔ GIA CƯ! Các nhân viên của anh ta khuyên dùng câu khác sẽ thích hợp hơn; họ tiến cử câu ĐẤT

NƯỚC ĐANG TRÊN ĐÀ TIẾN!

Hai người thợ may đứng chờ đến khi công cuộc lắp đặt hoàn tất. Đám đông vỗ tay hoan hô khi bộ khung khổng lồ được dựng lên. Chân trụ được đóng vào lỗ cọc, gia cố bằng giằng chéo, còn đất được nện chặt lại. Một người nhờ Om đọc hộ chữ viết trên hai tấm pa-nô. Om nói cho ông ta nghe. Người kia ngẫm nghĩ một lúc, rồi lắc đầu bỏ đi, miệng lẩm bẩm rằng lần này chính phủ đã hóa rồ thật rồi.

“Tôi biết thế nào các anh cũng quay lại,” Dina nói. “Các anh để quên chiếc rương rồi.” Họ lắc đầu, và cô nhận ra họ trông thật hoảng hốt và kiệt quệ. “Có chuyện gì vậy?”

“Một chuyện bất hạnh ghê gớm vừa đổ lên đầu bác cháu tôi,” Ishvar nói.

“Vào nhà đi. Hai bác cháu có muốn uống tí nước không?”

“Vâng, cô cho chúng tôi xin.” Maneck rót nước vào hai chiếc cốc riêng mời họ. Họ uống cạn và quệt môi.

“Cô Dina, bác cháu tôi đen đui quá. Chúng tôi cần cô giúp.”

“Thời này là thế, tôi chẳng biết mình có giúp nổi ai không.

Nhưng cứ nói tôi nghe xem.”

“Nhà chúng tôi... mất rồi,” Ishvar rụt rè nói.

“Ý anh là chủ nhà vừa đuổi các anh ra đường à?” Cô tỏ ý thông cảm. “Bọn chủ nhà rất một phường khốn nạn.”

Ông lắc đầu. “Ý tôi là... mất hẳn ấy,” ông khoát tay ngang không khí. “Bị những cái máy to dùng phá mất. Tất cả nhà cửa trong khu.”

“Họ nói cư ngụ ở đấy là bất hợp pháp,” Om chen vào.

“Chú nói thật không?” Maneck nói. “Sao họ có thể làm vậy?”

“Họ là chính phủ,” Ishvar nói. “Họ muốn làm gì chẳng được. Cảnh sát nói đó là luật mới.”

Dina gật đầu, nhớ ra đầu đó mới tuần trước thôi, bà Gupta đã rồn rảng ca ngợi dự thảo chương trình xóa bỏ khu ổ chuột. Rõ xui xẻo cho hai người thợ may. Khốn nạn thân họ, và cô đã đúng về một chuyện – họ quả sống ở một nơi mất vệ sinh. Cảm ơn trời vì Maneck đã thoát được cái nạn phải ăn uống với họ. “Kinh khủng quá,” cô nói. “Chính phủ làm luật mà chả suy nghĩ gì hết.”

“Giờ cậu đã biết vì sao bác cháu tôi phải hủy bữa tối rồi,” Om quay sang nói với Maneck. “Sáng nay chúng tôi ngại quá, chả dám nói với cậu.”

“Hai người nên nói ra thì hơn,” Maneck nói. “Như thế chúng tôi sẽ có thêm thời gian nghĩ cách giúp và...” Cậu ngưng bật, cảm lạnh vì Dina đã gay gắt cau mày lườm cậu.

“Tiền nhà tháng này đã trả rồi,” Ishvar nói. “Giờ bác cháu tôi chả còn nhà cửa hay tiền bạc gì cả. Liệu chúng tôi có thể ngủ trên hành lang nhà cô... vài tối được không?”

Maneck quay sang cầu khẩn Dina, trong khi cô cân đong câu trả lời. “Về phần mình, tôi chẳng phiền gì,” cô nói. “Nhưng nếu lão thu tiền nhà nhìn thấy, ắt sẽ lôi thôi to. Lão sẽ lấy đấy làm bằng là tôi biến chỗ này thành nhà trọ bất hợp pháp. Rồi các anh, Maneck, tôi và cả hai chiếc máy may của các anh nữa – tất cả sẽ ra đường, không một mái nhà che đầu.”

“Tôi hiểu,” Ishvar đáp. Lòng tự trọng không cho phép ông vượt qua lời khước từ. “Chúng tôi sẽ đi tìm chỗ khác vậy.” “Đừng quên mang theo cái rương,” Dina nói.

“Chúng tôi gửi nhờ đêm nay được không?”

“Để đâu bây giờ? Trong nhà này đến chỗ cửa mình cũng chả có nữa là.”

Ghê tởm câu trả lời của cô, Om quẳng bọc chăn chiếu vào tay bác và vắn chiếc rương lên. Họ gật đầu và bỏ đi.

Dina đi theo họ ra cửa, khóa lại, rồi quay về trong ánh mắt trừng trừng trách móc của Maneck. “Đừng có nhìn dè như thế,” cô nói. “Dì không còn cách nào khác.”

“Chỉ ít dì cũng có thể cho họ ngủ nhờ đêm nay thôi. Họ có thể ngủ trong phòng cháu.”

“Đấy sẽ là rắc rối lớn. Một tối là đủ để lão chủ nhà kiện dì ra tòa rồi.”

“Thế còn cái rương? Sao dì không giữ giúp họ được?”

“Cái gì đây, phiên thẩm vấn của cảnh sát à? Cháu quen sống đời an nhàn rồi, làm sao cháu biết ở một thành phố kiểu này có những trò lừa đảo nào. Một cái rương, một cái cặp, hay chỉ một cái túi đựng hai bộ pyjama cùng một cái sơ mi là bước đầu tiên để xâm lăng một căn hộ. Vật dụng cá nhân cất giữ trong nhà – đấy là cái cơ phổ biến nhất để đâm đơn tố cáo. Còn hệ thống tòa án thì mất đến hàng năm trời mới xét xử xong, trong suốt thời gian đó, bọn lừa đảo được phép ở lại trong căn hộ. Dì không nói Ishvar và Om đã lập kế hoạch sẵn trước khi đến đây tối nay. Nhưng làm sao dì dám liều lĩnh? Nhỡ về sau họ được thả khỏi nhà đó bày mưu cho thì sao? Bất kì rắc rối nào với lão chủ nhà đều đồng nghĩa với việc dì phải cạy nhờ bác Nusswan. Anh trai dì là loại không thể chịu đựng nổi. Bác ấy sẽ nhai đi nhai lại chuyện đó mãi không thôi.”

Maneck nhìn ra cửa sổ, cố gắng ước định mức độ nghi vấn trong lòng dì Dina. Cậu hình dung ra sự xâm lăng của những thứ quần áo bẩn thỉu mà cô lo sợ, thế lực cát cứ tưởng tượng nào đó.

“Đừng quá lo cho mấy người thợ may,” cô nói. “Họ sẽ tìm được chỗ ở thôi. Những người như hai bác cháu họ có họ hàng thân thích ở khắp nơi ấy mà.”

“Không đâu. Họ mới từ một làng hẻo lánh lên đây được vài tháng.” Cậu khoan khoái khi thấy một vết lo lắng chậm chậm xâm lấn gương mặt cô.

Bồng cô nổi cáu. “Lạ nhỉ. Cháu biết họ rõ đến thế thật lạ quá, nhỉ?”

Họ chẳng buồn nhìn nhau trong gần suốt buổi tối đó, nhưng đến khi ngồi ghép tấm chăn sau bữa tối, cô trải các vuông vải ra và cố gợi chuyện để Maneck nói. “Này, Maneck? Cháu trông thế nào?”

“Xấu lắm.” Cậu vẫn chưa sẵn sàng tha thứ cho cô, chùng nào hai người thợ may vẫn còn trong cảnh lang thang không chốn trú thân đêm nay.

Tấm bảng ghi “Sagar Darshan – Khách sạn hướng biển.” Vùng biển duy nhất trong tầm nhìn là hình chữ nhật màu xanh lơ vẽ trên tấm bảng sương gió dãi dầu, với hình một mảnh thuyền buồm bé tí lênh đênh trên sóng nước.

Trong nhà, một cậu thanh niên mặc bộ đồng phục trắng cũ sờn ngồi bệt trên sàn nhà cạnh cây ô, đang cắm mặt vào những tranh ảnh trong cuốn tạp chí Filmfare. Cậu ta không buồn ngẩng lên khi hai người thợ bước vào. Một người đàn ông tóc hoa râm, đang bận rộn ăn uống sau quầy tiếp tân, xé từng mẩu bánh mì và nhanh tay nhúng liền tù tù vào một loạt bốn chiếc đĩa bằng thép không gỉ. “Ba mươi rupi một đêm,” ông ta lầu bầu qua cái mồm phùng phĩu đồ ăn, để lộ ra một cái răng vàng khi mở miệng. Những mẩu thức ăn bị nhai nát nhừ của ông ta lao qua đôi môi ướt át bay vèo xuống mặt quầy. Ông ta gạt chúng xuống sàn, rồi lấy khuỷu tay áo chùi sạch vết bẩn.

“Thấy chưa? Bác đã bảo rồi, ta không đủ tiền ngủ khách sạn đâu,” Ishvar nói khi hai bác cháu quay ra.

“Thử tìm những chỗ khác xem.”

Họ đi hết nơi này qua nơi khác: Nhà nghỉ Thiên Đường, hai mươi rupi một đêm, tọa lạc trên đầu một tiệm bánh có trần cách nhiệt rất kém, đến nổi hơi nóng khô xương héo thịt

của lửa lò nướng bốc lên tận tầng trên; Ram Nivas, biển quảng cáo rao rằng mọi đẳng cấp đều được chào đón, phòng ốc nồng nặc mùi hôi thối kinh tởm, “quà khuyến mãi” của một nhà máy hóa chất nhỏ sát vách; Khách sạn Aram, ở đây hành lý của họ suýt bị thó mất khi đang hỏi phòng, tên trộm bỏ chạy, còn hai bác cháu dò dẫm men theo hành lang để lần đường trở ra.

“Chán chưa?” Ishvar hỏi, Om bèn gật đầu.

Họ vác hành lý lên và đi bộ về phía ga tàu hỏa, chốc chốc lại dừng chân để xem xét từng ngưỡng cửa, mái hiên, và mặt tiền khả dĩ có thể trú tạm. Nhưng hễ ở đâu có chỗ nghỉ chân, y như rằng đã có người chiếm cứ. Để xua đuổi dân lang thang vỉa hè, một cửa hàng đã đặt ngay ở lối ra vào một tấm khung sắt tua tủa cọc nhọn, lắp trên mấy tấm bản lề để có thể tháo ra và cất đi vào mỗi buổi sáng. Chiếc giường chông này đã đang được một anh chàng tảo tợn tận dụng – trước hết là một tấm gỗ ván đặt lên mặt chông, rồi đến cái chăn.

“Ta phải học làm những việc như thế mới được,” Ishvar nói, ngẩng nhìn về ngưỡng mộ.

Họ đi qua lão ăn mày ngồi trên bệ, lão chào đón họ bằng tiếng lắc ống bơ leng keng như thường lệ. Đang mãi mê tìm kiếm, hai bác cháu không hay biết đến lão. Lão trăn mắt đau khổ nhìn theo họ.

Còn vài chỗ trống bên ngoài một cửa hàng bán đồ nội thất vẫn còn mở cửa. “Ta có thể vào đó thử xem,” Om gợi ý.

“Cháu điên à? Cháu muốn bị giết vì lấy chỗ của người khác à? Cháu quên chuyện xảy ra trên vỉa hè gần cửa hàng của Nawaz rồi sao?”

Họ đi qua cửa hàng không bao giờ đóng cửa, một hiệu thuốc mở cửa hai tư giờ. Đèn đóm ở gian chính đã tắt hết vì nhân viên bán hàng đã ra về. Khu pha chế vẫn sáng điện, có một dược sĩ đang trực.

“Ta đợi ở đây đi,” Ishvar nói. “Xem tình hình thế nào.”

Có người đã đặt một chiếc ghế đầu gỗ phía ngoài, ở phần lối ra vào chung giữa hiệu thuốc và tiệm đồ cổ bên cạnh. Cửa chớp sắt đóng lại như những hàng lông mi trên hai ô cửa sổ. Xà phòng, bột tan, xi rô ho ở một bên, còn tượng Nataraja bằng đồng, tiểu tượng Mô-gôn, hộp trang sức khảm ở bên kia, tất cả đều mất hút khỏi tầm nhìn. Hai người chủ khóa lại và đưa chìa cho ông bảo vệ.

Hai người thợ may chờ đến khi ông bảo vệ nói thất lung, tháo giày, và ngồi thoải mái trên chiếc ghế đầu. Rồi họ tiến lại gần cùng bao thuốc lá cuộn. “Có diêm không?” Ishvar hỏi, búng tay ra hiệu quẹt diêm.

Ông bảo vệ thôi xoa bóp lòng bàn chân để thọc tay vào túi. Hai người thợ may dùng chung một que diêm. Họ chìa bao thuốc cuộn mời ông bảo vệ. Ông ta lắc đầu, móc ra một bao thuốc lá Panama. Cả ba hút trong im lặng một lúc lâu.

“Thế,” Ishvar dõm giọng. “Anh ngồi đây cả đêm à?”

“Nghề của tôi mà.” Ông ta với lấy cây gậy dựng trên cửa và gõ xuống hai lần. Hai người thợ mỉm cười, gật đầu.

“Có ai ngủ trên bậc cửa này không?”

“Không.”

“Chắc thỉnh thoảng anh cũng muốn ngả lưng lắm nhỉ.”

Ông bảo vệ lắc đầu. “Chả được. Tôi phải trông cả hai cửa hàng.” Ông ta ghé sát lại và thì thọt, tay chỉ về phía tay được sĩ trực ca đêm, “nhưng hần ấy. Hần có nghỉ. Hần đánh một giấc rõ dài, trong đấy, trên một cái chiếu trải trên sàn, đêm nào cũng vậy. Thế thôi mà thằng khốn ấy được trả lương, mà gấp bao nhiêu lần của tôi.”

“Chúng tôi chả còn chỗ nào để ngủ,” Ishvar nói. “Khu nhà chúng tôi ở bị chính phủ phá hôm qua rồi. Bằng máy móc của họ.”

“Dạo này chuyện ấy xảy ra như cơm bữa,” ông bảo vệ nói. Ông ta lại tiếp tục phàn nàn về gã được sĩ bào chế. “Buổi đêm thằng cha ấy có mấy việc đâu. Thỉnh thoảng cũng có khách đến mua thuốc. Tôi lại mở khóa rồi đánh thức hần dậy để pha thuốc. Nhưng những lúc đang dở giấc, đầu óc hần mụ mẫm lăm. Hần toàn nhìn nhầm nhãn thuốc thôi.” Ông ta lại nghiêng người sang. “Có lần, hần cho nhầm nguyên liệu vào toa thuốc. Khách lăn ra chết, cảnh sát mò đến điều tra. Chủ hiệu với cảnh sát nói chuyện. Chủ hiệu giúi tiền, cảnh sát ôm tiền, thế là hòa cả làng.”

“Rất một phường lừa đảo,” Ishvar nói, và cả ba gật đầu đồng tình. “Anh để chúng tôi ngủ đây được không?”

“Không được.”

“Chúng tôi sẽ trả tiền cho anh.”

“Kể cả hai người có trả đi nữa, thì lấy đâu ra chỗ?”

“Đủ chỗ mà. Chúng tôi có thể trải chăn chiếu sát cửa nếu anh kê ghế dịch ra độ nửa mét thôi.”

“Còn những đồ khác thì sao? Làm gì có chỗ cất.”

“Đồ gì, có mỗi một cái rương. Sáng ra chúng tôi sẽ mang đi cùng.”

Họ kê dịch cái ghế sang bên và trải chiếu ra. Vừa như in.

“Hai người trả được bao nhiêu?” Ông bảo vệ hỏi.

“Hai rupi mỗi đêm.”

“Bốn.”

“Chúng tôi là thợ may nghèo. Lấy ba thôi nhé, chúng tôi sẽ may miễn phí vài món cho anh. Chúng tôi có thể sửa đồng phục giúp anh được đấy.” Ông chỉ xuống chỗ đầu gối cũ sần và tay áo xơ tướp.

“Thôi được. Nhưng tôi báo trước, buổi đêm ở đây nhiều khi ồn ào lắm. Nếu có khách đến mua thuốc, các anh sẽ phải dọn ra. Lúc đấy đừng kêu tôi phá giấc ngủ. Không được đòi tiền lại vì mất giấc đâu đấy.” Và nếu gã được sĩ trực đêm có hỏi, họ sẽ phải khai là hai rupi, vì tên khốn sẽ đòi chấm dứt phần nào.

“Chịu luôn,” hai người thợ may đồng ý với mọi điều kiện. Sau một điếu thuốc nữa, họ lôi kim chỉ trong rương ra và bắt tay vào việc. Ông bảo vệ mặc độc chiếc quần sịp trong khi họ sửa bộ đồng phục.

“Số dách,” ông ta nói, đoạn xỏ quần vào.

Lời khen làm Ishvar nở mày nở mặt, ông nói hai bác cháu sẵn lòng sửa những món đồ khác cho ông bảo vệ và vợ con ông ta. “Chúng tôi làm được tất. Salwar-kameez, ghagharcholi, quần áo trẻ con.”

Ông bảo vệ lắc đầu buồn bã. “Anh tốt lắm. Nhưng vợ con tôi đang ở quê. Tôi lên đây có một mình, để tìm việc.”

Sau đó, khi hai người thợ may đã ngủ, ông ta ngồi trên ghế đầu nhìn họ. Khi Omprakash giật mình trong giấc ngủ, nó khiến ông nhớ đến lũ con: nhưng đêm đặc biệt khi cả nhà vẫn còn quây quần bên nhau, khi ông được ở cạnh con lúc chúng đang mơ màng.

Phổ xá thức giấc từ tình mơ, đánh động hai người thợ may trước cả khi bình minh lên. Thật ra, phổ xá chẳng bao giờ ngủ hẳn, ông bảo vệ giải thích, chỉ chợp mắt tí đỉnh vào tầm giữa hai giờ sáng và năm giờ sáng – sau khi những cuộc bài bạc và chè chén thâu đêm đã kết thúc, và trước khi báo, bánh mì, và sữa tới. “Nhưng hai anh ngủ ngon ra trò,” ông ta nở nụ cười như ông chủ nhà.

“Giấc ngủ hai đêm dồn làm một mà ỉ,” Ishvar đáp.

“Trông kìa, thằng khốn vẫn ngáy pho pho trong nhà.” Giữa lúc họ nhòm qua cửa sổ, mắt gã được sĩ bất thần mở choàng. Hắn quắc mắt với ba cái mặt đang gi sát lên cửa kính, trở mình, rồi ngủ tiếp.

Họ hút thuốc trên ngưỡng cửa, ngắm người lao công quét đường làm việc, thu gom đầu lọc thuốc cuốn và thuốc lá của đêm trước. Cây chổi của ông ta vẽ thành những đường gọn gàng trên mặt đất. Sau đó, họ cuộn gọn chăn chiếu, trả ba rupi, và ra đi với đồng hồ cầm tay, hứa đến tối sẽ quay lại.

Vai và cánh tay trái của Om đau ê ẩm vì vác cái rương, nhưng cậu không chịu để bác kiêng thay. “Dùng tay phải đi,” Ishvar nói. “Để cả hai tay tập luyện như nhau, chúng sẽ khỏe lên.”

“Thế thì sẽ hỏng cả hai. Cháu còn may vá gì được?”

Họ dừng ở ga tàu hỏa và rửa ráy trước khi đi tiếp đến Hotel đồ chay Vishram để uống cốc trà và ăn một cái bánh bao. “Hôm qua không thấy hai bác cháu qua,” người thu ngân kiêm bồi bàn hỏi.

“Chúng tôi bận kiếm nhà cho thuê.”

“Giữa thời nay, đây là thứ người ta có thể mất cả đời để kiếm đấy,” ông bếp đang đứng ở xó của mình bồng chen vào, hét tướng lên qua mấy ô bếp xanh lè lửa đang cháy bùng bùng.

Trên cửa sổ Om để ý thấy một bức hình thủ tướng to đứng trước đó không hề có, cùng tấm áp phích Chương trình Hai mươi một điểm. “Chú có khách hàng mới à?”

“Khách hàng gì đâu,” người thu ngân nói. “Nữ thần hộ mệnh đấy. Phúc đức của bà ta cần cho việc làm ăn lắm. Tín ngưỡng bắt buộc.”

“Ý chú là sao?”

“Phải có mặt bà ta thì cửa sổ quán tôi mới không bị đập, quán mới khỏi bị đốt. Cậu hiểu chưa?”

Hai người thợ may gật đầu. Họ kể cho người thu ngân và ông bếp về cuộc mít tinh của thủ tướng họ từng bị ép đi dự. Câu chuyện về máy bay trực thăng, cánh hoa hồng, khinh khí cầu, và tấm pa-nô khổng lồ khiến cả đám cười lăn cười bò.

Sau đêm đầu tiên ngon giấc, lời tiên đoán của ông bảo vệ về những cuộc quấy rối ban đêm đã được xác thực. Ông ta xin lỗi mỗi lần phải lay hai người thợ dậy. Trong hệ tín

ngưỡng của ông, không có hành động nào đáng ghê tởm hơn việc tước đi thức ăn hay giấc ngủ của một người đồng loại. Ông giúp họ chuyển chăn chiếu đi để mở cửa, vỗ về họ khi họ loạng choạng trong bóng đêm, cái đầu ngái ngủ của Om tựa một bên vai, còn bên kia là Ishvar thì nặng chịch.

Họ luôn miệng than thở trong khi khách chờ lấy thuốc. “Sao mấy người này cứ nhè đêm hôm khuya khoắt mà ốm thế?” Ishvar càu nhàu. “Sao lại phá rối chúng tôi?” “Cháu đau đầu quá,” Om rên rẩm.

Ông bảo vệ khẽ miết lông mày. “Không lâu nữa đâu. Chỉ hai phút thôi, nhé? Rồi các anh sẽ được ngủ rất, rất yên ổn. Tôi hứa đấy, tôi sẽ không để thêm khách nào làm phiền các anh nữa.” Nhưng ông ta lại phải thất hứa hết lần này đến lần khác.

Về sau họ mới biết có một đợt dịch lỵ bùng phát – sữa chất lượng kém được đem bán ra khắp vùng. Giá hai người thợ có mặt ở đây vào ban ngày, hẳn họ đã nhận ra rằng bệnh tật là tên trộm vô tư, viếng thăm bất kể lúc sáng bạch hay sẩm tối. Năm năm người lớn và tám ba trẻ con đã chết, ông bảo vệ kể, ông vừa nghe được con số chính thức từ gã dược sĩ, gã bảo cũng may đó mới chỉ là lỵ do khuẩn que, chứ chưa phải chủng nguy hiểm hơn là lỵ do amip.

Tha lôi theo chiếc rương cùng bọc chăn chiếu, hai người thợ lê đến chỗ làm việc trong trạng thái sẵn sàng đổ gục, quàng thâm bao quanh đôi mắt đỏ vằn của họ. Công việc càng lúc càng sút kém. Những đường may hết chỗ chên của Ishvar bị chệch hướng luôn. Om cùng cánh tay xuôi đờ không thể làm gì nên hồn. Nhạc điệu của đôi máy Singer thành ra rối loạn; những mũi khâu không còn ngân vang đều đặn trong từng câu dài du dương, mà bắn từng chập nhát gừng, như đờm thổ ra từ buồng phổi sung huyết.

Dina đọc thấy vẻ kiệt quệ trên hai khuôn mặt hốc hác. Cô lo sợ thay cho sức khỏe của họ và cả hạn giao hàng đang tới gần – hai thứ gắn liền với nhau chẳng khác gì một cặp song sinh liền thân. Sức nặng của chiếc rương đè trĩu lên lương tâm cô.

Tối hôm đó, hình ảnh Om oằn mình vác món đồ đã lồi tuột cô đến ngưỡng suýt bật ra là chiếc rương có thể ở lại. Maneck đứng trên ngưỡng cửa nhìn cô, nôn nả mong nghe thấy câu đó. Những nỗi sợ hãi khác đã khiến cô giữ nó trong lòng không nói ra.

“Đợi đã, tớ đi cùng cậu,” Maneck kêu lên, rồi hối hả chạy ra hành lang. Om phản đối yếu ớt, rồi cũng đành bỏ chiếc rương cho cậu.

Dina thấy nhẹ người – đồng thời giận dữ pha lẫn tổn thương. Thằng bé thật tốt bụng, biết giúp người khác, cô nghĩ. Nhưng giúp thế nào kia chứ? Cứ thế mà lao ra chẳng nói năng gì, làm cô trông chẳng khác nào một kẻ không có trái tim.

“Đây, chỗ ngủ mới của bác cháu tớ,” Om nói, và giới thiệu ông bảo vệ. “Chủ nhà mới của bọn tớ.”

Ông kia cười ồ, đoạn vẫy tay gọi họ vào bậc cửa. Cả bọn ngồi chen vai thích cánh trên bậc cấp, hút thuốc và nhìn phở xá. “Ày dà, tôi là chủ nhà kiểu gì không biết? Tôi còn không đảm bảo nổi một giấc ngủ đêm tròn trịa.”

“Đâu phải lỗi do chú,” Om nói. “Tại mấy thứ bệnh tật đó thôi. Đã thế, cháu lại mơ thấy ác mộng suốt nữa chứ.”

“Bác cũng vậy,” Ishvar nói. “Đêm nào cũng đầy tiếng động với các hình thù rồi bóng đen. Sợ thật.”

“Có tôi cầm gậy ngồi đây rồi,” ông bảo vệ nói. “Có gì phải sợ đâu?”

“Khó cắt nghĩa lắm,” Ishvar vừa nói vừa ho khạc và dụi tắt điều thuốc của mình.

“Ta nên về quê thôi,” Om nói. “Cháu chán sống thế này lắm rồi, cứ bỏ hết tù rắ rồi này đến phiền toái khác.”

“Mày muốn chạy vào tròng phỏng?” Ishvar bóp chặt đầu điều thuốc cuộn để chắc chắn lửa đã tắt, rồi bỏ lại vào bao. “Kiên nhẫn đi, ông cháu. Khi nào đến lúc, ta sẽ quay về.”

“Nếu thời gian là một súc vãi,” Om nói, “cháu sẽ cắt hết những mảnh xấu đi. Tĩa hết những đêm đáng sợ và máy các mảnh đẹp lại với nhau, làm thời gian trở nên dễ chịu hơn. Sau đó cháu có thể khoác nó lên người như một cái áo choàng, sống vui vẻ suốt đời.”

“Tớ cũng thích có một cái áo choàng giống thế,” Maneck nói. “Nhưng cậu muốn cắt những phần nào?”

“Phần chính phủ phá nhà của tớ, chắc rồi,” Om nói. “Và phần làm công cho cô Dina.”

“Hô hô,” Ishvar nhắc. “Không có cô ấy thì lấy đâu ra tiền?”

“Thôi được, vậy giữ lại những ngày được trả công thôi, còn lại bỏ tất.”

“Còn những phần nào nữa?”

“Còn tùy thuộc cậu muốn truy đến lúc nào.”

“Tất. Tính đến thời điểm cậu ra đời ấy.”

“Ồi giờ, thế thì nhiều quá. Bao nhiêu chỗ cần cắt, kéo sẽ cùn mất. Và sẽ chỉ còn lại một tí vãi thôi.”

“Hai đứa chúng mày nói chuyện gì dớ dẩn thế,” Ishvar quở. “Vừa hút phải thuốc phiện hay sao?”

Bầu trời buổi tối đen dần, gọi lên những ánh đèn đường. Một con điều đen sì rách tướp từ trên mái nhà bổ nhào xuống như một chú quạ hung hăng, khiến họ giật mình. Om vỗ lấy nó, nhưng thấy nó đã nát tươm, liền vứt đi.

“Có nhiều thứ phức tạp lắm, khó mà lấy kéo chia được,” Maneck nói. “Tốt xấu đan xen thế này này.” Cậu đan chặt các ngón tay lại với nhau.

“Như cái gì?”

“Những ngọn núi của tớ chẳng hạn. Chúng đẹp lắm, nhưng cũng có thể gây lở tuyết.”

“Đúng thế. Giống như bữa điểm tâm của bọn mình ở Vishram, ngon thật. Nhưng hình mụ thủ tướng chình ỉnh trên cửa sổ làm tớ đau cả bụng.”

“Sống trong khu lán của ta cũng thích,” Ishvar góp lời. “Anh chàng Rajaram hàng xóm tính rất hay.”

“Phải,” Om nói. “Nhưng đang ỉa phải nhảy bắn ra để tránh tàu nhanh – vụ đấy quá kinh.”

Cả bọn cười ngặt nghẽo, Ishvar cũng cười, dù ông một mực khẳng định chuyện đó chỉ xảy ra duy nhất một lần. “Đấy là chuyến tàu mới, ngay đến Rajaram cũng không biết.” Ông đằng hắng và nhổ ra. “Không biết đã có chuyện gì với Rajaram nhỉ?”

Dân cư ngụ vỉa hè bắt đầu mờ ra, xuyên qua bóng tối nhập nhoạng. Bìa các tông, ni lông, báo, chăn dần hiện hình dọc lối đi. Chỉ trong phút chốc, những hình người ngổn ngang đã đóng đô kín mặt bê tông. Người đi bộ nay đã quen với địa hình mới, cẩn thận lựa đường đi

giữa một rừng tay, chân, và mặt.

“Hồi ở nhà, bố tớ cứ than phiền là khu này giờ đông đúc bẩn thỉu quá,” Maneck nói. “Ông ấy nên xuống đây xem cảnh này.”

“Ông ấy sẽ quen thôi,” ông bảo vệ nói. “Như tôi đây này. Cậu nhìn thấy nó ngày này qua ngày khác, rồi cậu sẽ không để ý nữa. Nhất là khi cậu không còn lựa chọn nào khác.”

“Bố cháu thì không đâu, ông ấy sẽ không bao giờ thôi cầu nhàu.”

Cơ ho của Ishvar quay lại, ông bảo vệ bèn mách ông vào xin gã dược sĩ ít thuốc.

“Đào đâu ra tiền.”

“Cứ vào mà xin. Hẳn có chế độ riêng cho người nghèo.” Ông ta mở khóa cửa cho Ishvar vào.

Với những ai không đủ tiền mua cả chai thuốc, gã dược sĩ bán thuốc theo từng thìa hoặc từng viên. Người nghèo rất biết ơn kiểu đong thuốc đặc biệt này, còn tay dược sĩ hét giá gấp sáu lần giá gốc, và bỏ túi phần chênh lệch. “Há mồm ra,” hấn bảo Ishvar, và hào phóng dốc vào miệng ông một thìa Glycodin Terp Vasaka đầy ắp.

“Ngon thật,” Ishvar liếm môi, khen.

“Tối mai quay lại mà làm thìa nữa.”

Ông bảo vệ hỏi ông phải trả bao nhiêu cho liều thuốc. “Năm mươi xu,” Ishvar đáp, ông bảo vệ bèn tự nhắc mình phải xin giảm giá cho Ishvar.

Ba ngày tiếp theo, chiếc rương vẫn ngật ngưỡng trên vai Om trong những cuộc hành quân giữa chỗ ông bảo vệ và nhà Dina Dalal. Quảng đường vốn gần, nhưng gánh nặng biến nó thành xa. Từ bả vai đến cổ tay cậu đau nhức, bàn tay vô dụng không tài nào dẫn vải qua máy nổi. Để đút vải vào mũi kim phàm ăn cho chính xác cần tới hai tay: tay phải giữ phía trước chân vịt, tay trái phía sau.

“Cái rương làm cháu liệt luôn rồi,” cậu buông xuôi.

Dina nhìn cậu, lòng thương cảm trong cô câm nín nhưng chưa chết. Cô bỗng nghĩ, hôm nay con sẽ nhỏ lí láu ốm thật rồi, cái cánh bị thương sẽ xuống thế kia cơ mà. Chẳng thấy nhầy nhót, chỉ chách nữa, hết sạch cả hung hăng lẫn cự nự.

Giữa một buổi sáng tràn ngập những mối chỉ rối nùi cùng đường may xiên xẹo, chuông cửa reo vang. Cô ra hành lang xem, và quay lại với khuôn mặt cáu kỉnh. “Có người tìm hai bác cháu đấy. Đang lúc bận việc thì đến quấy rối.”

Ngạc nhiên pha lẫn ngại ngùng, Ishvar vội chạy ra cửa. “Ra là cậu!” Ông kêu lên. “Đã có chuyện gì vậy? Tối hôm đó bác cháu tôi có về khu mình đấy. Cậu đã đi đâu thế?”

“Chào chú,” Rajaram nói, hai tay chấp lại. “Tôi ngại quá, biết làm thế nào đây. Tôi kiểm được việc mới, họ cần người luôn, tôi phải đi. Nhưng tôi bảo này, sếp của tôi vẫn còn việc đấy, chú nên đến mà làm.”

Ishvar có thể cảm thấy Dina đang đứng trong nhà cố nghe ngóng. “Ta gặp nhau sau nhé,” ông nói, và cho anh ta địa chỉ hiệu thuốc.

“Được, tối nay tôi sẽ qua. À quên, chú cho tôi giạt tạm mười rupi được không? Chỉ đến khi nào tôi lĩnh công thôi?”

“Chỉ còn năm rupi thôi.” Ishvar chìa tiền ra, tự hỏi không hiểu thói quen vay tiền của

Rajaram sắp trở thành mối phiền toái chưa. Món tiền vay trước đó vẫn chưa trả. Lẽ ra không nên cho anh ta biết chỗ mình làm việc, ông nghĩ bụng. Ông quay về với chiếc máy Singer và kể cho Om biết về người khách của hai bác cháu.

“Ai thêm quan tâm đến cái tay Rajaram đấy, cháu sắp chết rồi đây.” Cậu giơ cánh tay trái đang đau nhức ra, cái tay nom mỏng manh như một món đồ sứ.

Cử chỉ ấy rất cuộc cũng làm Dina tan chảy. Cô lấy chai cao Amrutanjan ra. “Đây, cái này sẽ giúp cậu đỡ đau,” cô nói. Cậu lắc đầu.

“Cô Dina nói phải đấy,” Ishvar nói. “Để bác bóp cho mày.”

“Anh cứ may tiếp đi, để tôi làm,” Dina nói. “Kéo mùi dầu trên tay anh sẽ ám lên váy đấy.” Vả lại, cô thầm nghĩ, nếu ông ta lại phí phạm thời gian thêm nữa, mình cũng nên rậm rịch đi mượn tiền trả tiền thuê nhà tháng tới là vừa.

“Để tôi tự bơi,” Om nói.

Cô mở nắp chai. “Nào, cởi áo ra. Cậu ngại gì? Tôi đáng tuổi mẹ cậu đấy.”

Cậu ngập ngừng cởi khuy, để lộ ra chiếc áo chèn thùng lỗ chỗ. Như pho mát Thụy Sĩ, cô nghĩ thầm. Một mùi hôi mằn mặn chua chua lẫn vẩn trên người cậu. Cô nhỏ từ chai ra một giọt dầu xanh lục rồi chấm lên vai, miết thứ thuốc lạnh băng xuống tận khuỷu tay bằng một đường ngón tay thẳng băng. Cậu rùng mình. Cái lạnh buồn buồn khiến da cậu nổi gai ốc. Sau đó cô bắt đầu mát xa, dầu tỏa hơi nóng, làm cánh tay cậu lần bàn tay cô tê tê. Những mụn gai ốc teo lại rồi biến mất.

“Thế nào?” Cô hỏi, tay xoa bóp các bắp thịt.

“Trước thì lạnh, sau lại nóng.”

“Xoa dầu thích thế đấy. Cảm giác tê tê cay cay. Chịu khó đợi một tí, sẽ hết đau ngay.”

Mùi hôi trên da thịt cậu đã biến mất, chìm trong vị hăng cay của dầu. Da mịn màng quá, cô nghĩ. Như da trẻ con. Lại hầu như không có tí lông nào, kể cả trên vai.

“Cậu thấy thế nào rồi?”

“Đỡ lắm.” Cuộc mát xa khiến cậu khoan khoái hẳn ra.

“Còn đau chỗ nào nữa không?”

Cậu chỉ một dải từ khuỷu tay đến cổ tay. “Cả đoạn này.”

Dina xóc ra một giọt nữa và xoa bóp căng tay cậu. “Tối nay cậu đem về ít dầu, khi nào đi ngủ thì xoa. Sáng mai tay cậu sẽ khỏe khoắn như thường.”

Trước khi rửa tay cô xuống bếp, đến bên cái kệ đầy bụi bặm cạnh cửa sổ. Chân kiềng cao, mắt không nhìn thấy gì, tay cô lần mò tứ phía. Bàn tay quờ quạng vô định gạt đổ một chiếc hộp to. Đủ món đồ linh tinh đổ xuống: thớt cùng chày cán, bàn nạo dừa có bánh răng của tròn, chày giã và cối.

Cô kịp né cơn thác lũ, mặc các đồ dùng nhà bếp rơi loảng xoảng xuống sàn. Hai người thợ may hốt hoảng chạy xuống. “Cô Dina! Cô không sao chứ?” Cô gạt đầu, vẫn hơi run nhưng trong lòng lại vui vui vì thoáng thấy chút lo lắng lướt qua gương mặt Om trước khi cậu xóa sạch nó.

“Chúng tôi có thể đóng cái kệ này thấp xuống một chút,” Ishvar vừa nói vừa giúp cô xếp lại những món đồ vừa rơi.

“Như thế cô mới với được.”

“Thôi, bỏ đi. Suốt mười lăm năm nay tôi có động đến mấy thứ này đâu.” Cô đã thấy thứ ngón tay vừa lần tìm: cuộn giấy sếp cô thường dùng để gói bữa trưa cho Rustom. Cô thổi sạch bụi và xé ra một mẫu vuông to bằng cái khăn mù soa, rồi nhỏ vào ít cao Amrutanjana.

“Đây,” cô nói, đoạn gấp mẫu giấy thành một cái gói hình tam giác be bé. “Bánh gói nhân dầu cao của cậu đây – đừng quên cầm về.”

“Cảm ơn cô,” Ishvar cười to, cố thúc Om tỏ lòng cảm ơn. Và trái với ý muốn của Om, một thoáng cảm kích đẩy lên gương mặt cậu nụ cười nhẹ.

Đến tối, khi họ lục tục ra về, cô hỏi chiếc rương. “Sao hai anh không bỏ lại chỗ ngủ ấy?”

“Ở đây không có chỗ để.”

“Vậy để ở đây cũng được. Sáng tha đi, tối tha về làm gì cho khổ ra.”

Lời đề nghị khiến Ishvar vỡ òa. “Cô tốt quá, cô Dina! Cảm ơn cô lắm lắm!” Nội trên quảng đường đi từ phòng sau ra hành lang, ông nói cảm ơn dễ đến nửa chục lần, hai tay chấp lại, vừa cười toe toét vừa gật gù cái đầu. Om, một lần nữa, tỏ ra thận trọng hơn trong việc chỉ dùng lòng biết ơn. Cậu chỉ bật ra một tiếng “cảm ơn” lẩm bẩm khi cánh cửa dần đóng lại.

“Thấy chưa? Cô ấy không tệ như mà nghĩ đâu.”

“Cô ta làm thế vì muốn kiếm tiền từ mồ hôi nước mắt của cháu thôi.”

“Đừng quên là cô ấy đã bóp dầu cho màm đấy.”

“Cô ta cứ trả công bác cháu ta tử tế vào, rồi ta cũng tự mua được dầu cao cho mình vậy.”

“Không phải chuyện mua bán, Omprakash – bác muốn màm nhớ chuyện xoa bóp kia.”

Rajaram cười xe đạp đến hiệu thuốc, làm Om phục lăn. “Cũng không hẳn là của tôi,” anh chàng thu mua tóc nói.

“Các sếp cấp cho để tôi đi làm việc thôi.” “Việc gì thế?”

“Tôi phải cảm ơn sao chiếu mạng của mình lắm lắm. Đêm hôm đó, sau khi cả khu bị phá, tôi gặp một anh chàng đồng hương. Anh ta làm cho Ban kiểm soát ổ chuột, lái một trong mấy cái máy phá nhà ấy. Anh ta kể cho tôi về công việc mới, rồi sáng hôm sau đưa tôi đến chỗ cơ quan của chính phủ. Họ thuê tôi luôn.”

“Thế là công việc của anh cũng là phá nhà à?”

“Không, không đời nào. Chức vụ của tôi là Tuyên truyền viên kế hoạch hóa gia đình. Cơ quan cho tôi một đồng tờ rơi để đi phát.”

“Chỉ thế thôi? Thế công xá có tốt không?”

“Cũng tùy. Họ cho tôi mỗi ngày một bữa cơm, chỗ ngủ, và cái xe đạp. Làm tuyên truyền viên, tôi phải đi khắp nơi giảng về các thủ tục kiểm soát sinh đẻ. Cứ mỗi người đàn ông hay đàn bà tôi thuyết phục được làm phẫu thuật, tôi sẽ được trả hoa hồng.”

Anh ta nói rất sung sướng với giao kèo này. Chỉ cần kiếm được hai cái phẫu thuật cắt ống dẫn tinh hay một cái phẫu thuật cắt tử cung mỗi ngày là bằng số tiền thu được khi còn đi gom tóc. Một khi ứng viên kí vào đơn và được đưa đến phòng khám, thế là anh ta hết trách nhiệm. Chẳng có giới hạn gì sất, bất kì ai đủ tiêu chuẩn làm phẫu thuật, già hay trẻ, kết hôn hay chưa. Bác sĩ chẳng làm khó dễ gì hết.

“Chốt lại, ai cũng hài lòng,” Rajaram nói. “Bệnh nhân được quà, tôi được trả công, bác sĩ hoàn thành chỉ tiêu. Lại còn ích nước lợi nhà nữa – gia đình nhỏ là gia đình hạnh phúc, kiểm soát dân số là quan trọng bậc nhất.”

“Cậu kiếm được mấy cái phẫu thuật rồi?” Ishvar hỏi.

“Tính tới giờ thì chưa. Nhưng mới bốn ngày thôi mà. Kỹ năng nói của tôi còn đang phát triển thêm sức mạnh và sức thuyết phục. Tôi chả lo gì, thế nào tôi cũng thành công.”

“Anh biết không,” Om nói, “với công việc mới này, anh vẫn có thể làm thêm công việc cũ song song.”

“Làm thế nào? Có đủ thời gian đi gom tóc đâu.”

“Lúc anh dẫn bệnh nhân đến phòng khám, bác sĩ không cạo lông háng cho họ à?”

“Tôi có biết đâu.”

“Phải cạo chứ,” Om nói. “Trước cuộc phẫu thuật nào họ chả cạo. Anh có thể gom chỗ lông đấy mà đem bán.”

“Nhưng có ai cần mua loại lông ngắn, xoắn tít kiểu đấy đâu?”

Nghe thế, Om cười thầm, Rajaram ngó ra. “Thằng mất dạy này, dám trêu anh mày,” anh ta cười phá lên. “Nhưng tôi bảo này, cơ quan đang tuyển thêm Tuyên truyền viên đấy.

Hai bác cháu nên đến ứng cử ngay đi.”

“Chúng tôi thích làm nghề may này hơn,” Ishvar nói.

“Nhưng hai người chả bảo tôi là bà chủ khó tính, còn lừa hai người.”

“Đã đành là thế, nhưng đấy là nghề chúng tôi đã được chính chú Ashraf dạy bảo. Còn Tuyên truyền viên, chúng tôi có biết tí gì về nó đâu.”

“Chuyện vặt ấy mà. Đến Trung tâm kế hoạch hóa gia đình, người ta sẽ dạy nghề cho hai người. Đừng ngại thay đổi, đây là cơ hội lớn đấy. Hàng triệu khách hàng tiềm năng. Kiểm soát sinh sản là ngành đang phát triển, tôi đảm bảo luôn.”

Nhưng nỗ lực của Rajaram hòng thuyết phục hai người thợ may cùng ông bảo vệ rốt lại chẳng đi đến đâu. Anh ta dắt xe đi và rậm rịch ra về. “Có ai trong số mấy người quan tâm đến phẫu thuật cắt ống dẫn tinh không? Tôi có thể dùng ảnh hưởng của mình để cho mấy người hưởng chế độ đặc biệt, gấp đôi quà.”

Cả đám từ chối lời mời mọc.

“À, còn chỗ tóc cậu gửi nhờ trong rương của chúng tôi phải tính sao đây?”

“Chú giữ giúp tôi thêm một thời gian được không? Khi nào kết thúc thời kì thử việc Tuyên truyền viên, tôi sẽ xử lý mấy cái bím ấy ngay.”

Anh ta vẫy tay và biến mất phía cuối con đường, bấm chuông reng reng tạm biệt. Om nói công việc này nghe có vẻ cũng hay hay. “Mà có hẳn một cái xe đạp thì quá tuyệt còn gì.”

Ý kiến của Ishvar là chỉ những người như Rajaram, vốn sẵn cái lưỡi vừa dài vừa sắc, mới mong thành công trong nghề Tuyên truyền viên. “Dám bảo chúng ta ngại thay đổi? Anh ta thì biết cái gì? Nếu ngại thay đổi, liệu ta có bỏ nơi chôn nhau cắt rốn và lặn lội lên tận đây không?”

Ông bảo vệ gật gù đồng tình. “Trong mọi trường hợp, chẳng ai được quyền lựa chọn trong chuyện như thế cả. Mọi thứ đều phải thay đổi, dù ta có muốn hay không.”

Suốt buổi tối, Dina liên tục đi ra nhòm cái rương sắt sọc của hai người thợ may. Maneck thích thú ngắm cô, tự hỏi cô sẽ tiếp tục trò này trong bao lâu nữa. “Dì hi vọng cháu hài lòng,” sau bữa tối cô nói. “Giờ hãy cầu trời khẩn phạt để lòng tốt của dì đừng quay lại hại dì.”

“Dì đừng lo lắng thái quá như thế. Làm sao nó hại được dì?”

“Chả lẽ dì phải giải thích lại toàn bộ nữa à? Dì chỉ làm việc này vì bộ dạng cậu thợ may gầy còm khốn khổ kia bắt đầu giống hệt cái rương xước chằng xước chịt của cậu ta thôi. Cháu cứ nghĩ dì không đối tốt với họ, rằng dì không thèm quan tâm đến khó khăn của họ. Cháu sẽ cho là lạ nếu dì nói điều này, nhưng cứ mỗi tối, sau khi họ ra về, dì lại thấy nhớ họ – những chuyện trò, may vá, rồi đùa cợt của họ.”

Nhưng Maneck chẳng thấy lạ. “Cháu hi vọng cánh tay của Om giờ đã khá hơn,” cậu nói.

“Có một điều chắc chắn, cậu ta không hề giả vờ. Lúc bóp thuốc, chỉ sờ vào cơ bắp là dì biết ngay cậu ta đang đau. Dì đã có kinh nghiệm mát xa rồi mà. Chồng dì bị bệnh đau lưng kinh niên.”


Hồi đó cô dùng dầu xoa bóp Sloane, cô kể, công hiệu hơn cao Amrutanjan, làm những múi cơ gỗ cứng của chồng mềm hẳn dưới ngón tay cô. “Chú Rustom thường bảo tay dì có phép, thần diệu còn hơn cả mũi tiêm chống co thắt cơ của bác sĩ nữa kia.”

Cô giơ tay lên trước mắt, dăm chiêu ngắm nhìn nó. “Chúng nhó dai lắm, mấy ngón tay này này. Chúng vẫn nhớ cảm giác ấy, cảm giác cơ thịt Rustom giãn ra.” Cô hạ tay xuống. “Tuy lưng đau suốt, chú ấy vẫn thích đạp xe lắm. Hở tí là chú ấy nhảy lên xe phóng vun vút.”

Đến tận giờ đi ngủ, Dina vẫn thao thao bất tuyệt về Rustom: Họ gặp nhau thế nào, ông anh xấu tính của cô phản ứng ra sao, rồi đám cưới của hai người. Đôi mắt cô sáng lấp lánh, và Maneck rất xúc động trước câu chuyện của họ. Nhưng cậu không thể cắt nghĩa nổi vì đâu khi nghe cô nói lại toàn thân cậu lại còng gập dưới cái khối tuyệt vọng nặng trĩu quen thuộc, trong khi cô đang say sưa với kỉ niệm cũ đến thế.

VIII

Cải tạo mỹ quan

 CHỈ SAU CHỪNG MỘT TUẦN, MA THUẬT của thời gian đã biến con phố đêm ồn ã bên ngoài hiệu thuốc thành chốn yên bình của hai người thợ may. Giấc ngủ của họ không còn bị ác mộng đầu độc nữa. Những bóng đen cùng những mối phiền toái – bọn con bạc gào thét số cược lúc nửa đêm, những kẻ thắng cuộc rú rít sung sướng, tiếng chó tru, bọn ma men giầy giụa trong cuộc chiến chết chóc với những bóng ma ám ảnh chúng, tiếng kết đưng sữa chai va nhau lạch cạch, tiếng sập cửa thùng xe chở bánh mì – tất cả, với Ishvar và Om, đã trở thành tiếng chuông điểm giờ của một chiếc đồng hồ đáng tin cậy.

“Tôi đã bảo rồi mà, phố xá có gì đáng sợ đâu,” ông bảo vệ nói.

“Đúng thật,” Ishvar gật gù. “Âm thanh cũng như con người ấy. Một khi quen rồi là thấy dễ gần hẳn.”

Quầng thâm quanh mắt họ mờ dần đi, chất lượng công việc cải thiện, và giấc ngủ càng lúc càng êm ái hơn. Ishvar mơ thấy một đám cưới ở quê; cô dâu của Om xinh như tiên. Còn Om mơ thấy khu ổ chuột bỏ hoang. Shanti và cậu, tay trong tay, hứng nước từ vòi, rồi đuổi nhau chạy quanh bãi phế liệu, nay đã biến thành một khu vườn bạt ngàn hoa thơm, rộn rã bướm vờn. Họ hát, nhảy múa giữa các rặng cây, làm tình với nhau khi đang bay trên tấm thảm mây thần kì, giương súng máy bắn chết hạ sĩ Kesar cùng bè lũ cảnh sát xấu xa của hắn và cả bộ sậu Ban quản lý ổ chuột, và trả dân cư xóm lều lán trở về đúng chỗ thuộc về họ.

Hiệu thuốc trở thành điểm trung tâm trong lịch sinh hoạt mới của hai người thợ may. Họ lấy quần áo để thay trong rương khi rời khỏi căn hộ của Dina vào cuối ngày. Xà phòng và bàn chải luôn mang theo người. Sau bữa tối ở Vishram, họ giặt quần áo trong khu nhà vệ sinh ở ga tàu hỏa và phơi phóng ngay trước lối ra vào hiệu thuốc. Những sợi dây điện đã mất mối neo treo toong teng làm thành sào phơi cho mớ quần áo vừa giặt. Quần dài, áo sơ mi bay phất phơ như những tên lính canh cụt chân tay trong khi họ say giấc. Trong những đêm lộng gió, chúng nhảy múa trên dây, hết những bóng ma diễn trò xiếc thân thiện.

Rồi cũng đến một đêm xuất hiện những âm thanh lạ trên đường phố. Xe jeep của cảnh sát cùng một chiếc xe tải gầm rú và đỗ lại ở lề đường đối diện tiệm thuốc. Hạ sĩ Kesar sửa vài câu lệnh gọn, sắc với đám thuộc hạ; dùi cui của đội cảnh sát gõ lịch kịch lên đồng hồ các tông đang làm nơi trú thân cho dân ngủ vạ dọc vỉa hè; những bước chân nặng nề của bộ nhà binh nện cồm cộp trên lối đi.

Tiếng ồn, như những kẻ phá rối tai quái, sầm sập chen vào giấc nồng của hai người thợ. Ishvar và Om choàng tỉnh, người ngợm run lấy bầy như vừa gặp ác mộng, và co rúm lại sợ hãi sau lưng ông bảo vệ. “Có chuyện gì vậy? Anh có nhìn thấy gì không?” Họ hỏi.

Ông ta đưa mắt nhìn xung quanh. “Hình như bọn nó đang khua hết dân ăn mày dậy. Chúng đánh họ, lừa họ lên xe tải.”

Hai bác cháu tỉnh hẳn ngủ và tự mình nhòm ra. “Đích là Hạ sĩ Kesar,” Om vừa nói vừa dụi mắt. “Cháu cứ tưởng lại nằm mơ thấy xóm lều lán nhà mình.”

“Cả cái thằng kia kìa, đứng cạnh lão Kesar ấy, trông quen lắm,” Ishvar tiếp lời.

Gã đàn ông nhỏ thó, nom trí thức đang ton tons nhảy theo như một con thỏ, mũi dãi lòng thông vì cảm lạnh. Chốc chốc y lại khịt nước mũi vào và nuốt xuống. Om mon men ló ra nhìn cho kỹ. “Chính là gã đòi bán cho bác cháu ta cái phiếu thực phẩm với giá hai trăm rupi đấy, tay Điều phối viên ấy.”

“Đúng rồi. Mà hân vẫn còn ho hắng khịt khịt ghê chưa. Quay lại đây, tốt hơn hết ta cứ trốn cho kỹ, thế an toàn hơn.”

Gã Điều phối viên đang ghi ghi chép chép lên một cái cặp giấy, đếm số đầu người trong khi xe tải gom “hàng”. “Khoan đã, Hạ sĩ,” gã phản đối. “Trông mụ kia kìa – tả quá. Bỏ đi, không.”

“Cậu lo việc của cậu đi,” Hạ sĩ Kesar nói. “Tôi sẽ làm việc của tôi. Nếu cậu thừa thời gian, đi mà chăm chút cho cặp kính của mình ấy.”

“Cảm ơn ông,” gã Điều phối viên nói, bàn tay phóng lên để kịp chặn đà trượt của cặp kính. Trên đường trở xuống, mấy ngón tay quệt luôn giọt ngọc đang lủng lẳng nơi mũi. Hai củ chỉ phổi hợp mượt hết chỗ chê. “Nhưng xin ngài nghe tôi, không,” gã sục sục. “Trông bộ dạng thế thì mụ ăn mày này hết đất rồi.”

“Nói thật nhá, chuyện đấy tôi đếch quan tâm. Tôi còn phải tuân lệnh cấp trên.” Tối nay, Hạ sĩ Kesar đã quyết sẽ không tha cho tên nào, công việc của lão càng lúc càng nhọc nhằn hơn. Gom người cho các buổi mít tinh chính trị không tệ. Vây bắt đối tượng tình nghi MISA cũng tạm được. Nhưng mấy trò xóa khu lều lán, bắt bỏ hàng rong, san bằng khu ổ chuột đang xáo động trạng thái tĩnh tại của tâm hồn lão. Và trong thời gian cấp trên chưa kịp soạn thảo một chiến lược mới tiến bộ hòng giải quyết triệt để vấn nạn ăn mày, lão phải xúc hết dân cư vạ vật ở vỉa hè rồi đổ ra những khu đất hoang ở ngoại ô thành phố. Sau nhiều lần làm nhiệm vụ như thế, lão trở về nhà với tâm trạng u ám, lão nốc say mềm, hiếp vợ, đánh con. Trong lúc này, khi lương tri của lão đang dần hồi phục, lão sẽ không để thẳng đờ hơi thò lò mũi xanh kia làm việc rồi thêm.

“Nhưng mụ kia phỏng còn ích gì cho tôi nữa?” Tay Điều phối viên cự nự. “Què cụt thế thì còn làm được việc gì?”

“Lúc nào cậu chả kêu thế,” Hạ sĩ Kesar nói, đoạn xọc hai ngón cái vào vòng thắt lưng bằng da đen đang uốn mình theo đường cong phong nhiêu bên dưới bụng lão. Lão là fan của phim cao bồi và Clint Eastwood. “Đừng quên là cả bọn chúng nó đều làm việc miễn phí đấy nhá.”

“Không dám miễn phí đâu, thưa Hạ sĩ. Ngài chả thu bao nhiêu trên mỗi đầu người rồi còn gì.”

“Cậu mà không muốn, đã có người khác nhận. Nói thật nhá, tôi phát ốm phát ngấy vì đêm nào cũng phải nghe cậu rên rỉ rồi. Tôi không thể chỉ nhặt những đứa khỏe mạnh cho cậu dùng – đây đếch phải chợ gia súc nhá. Cậu có lấy không thì bảo?”

“Vâng, thôi được. Nhưng chí ít ngài cũng nhắc các anh em đánh cho khéo khéo hộ tôi, đừng để ai chảy máu. Kẻo tôi sẽ khó tìm chỗ giấu giếm lắm.”

“Khoản đấy thì tôi nhất trí,” Hạ sĩ Kesar nói. “Nhưng cậu khỏi lo, quân của tôi được dạy kỹ lắm. Họ hiểu rõ tầm quan trọng của việc chỉ gây ra các vết thương kín lắm chứ.”

Cuộc càn quét tiếp diễn, đám cảnh sát thực thi nhiệm vụ hết sức hiệu quả, đám, chọc, đá. Không một chướng ngại vật nào có thể làm chậm bước tiến của họ, dù là tiếng rú hay rên hay những tràng đe dọa khôhài của đám sâu rọu và bọn thần kinh.

Phong cách làm việc “chí công vô tư” của toán cảnh sát khiến Ishvar liên tưởng đến người lao công quét phố vẫn đi dọn rác vào năm giờ hàng sáng. “Ồi không,” ông rùng mình, khi nhóm nhân viên công lực tiến tới góc phố. “Chúng đang đuổi theo ông lão khốn khổ đi bộ lẫn lộn kia.”

Người ăn mày cụt chân cố chạy trốn. Chống lòng bàn tay xuống đất, lão đẩy cái bệ lao về phía trước. Đám cảnh sát thú lắm, thi nhau hò reo cổ vũ lão, muốn xem cái bệ lẫn chạy nhanh đến đâu. Nỗ lực đào tẩu cạn kiệt năng lượng khi đến cửa tiệm thuốc. Hai gã cảnh sát bê lão quăng lên xe tải, cả người lẫn bệ.

“Trông lão này này!” Gã Điều phối viên đỏ mặt tía tai hét lên. “Không ngón tay, không bàn chân, không cẳng chân – hạng này được việc phải biết!”

“Anh muốn làm gì với lão thì tùy,” một gã cảnh sát nói.

“Nếu không cần, cứ vứt lão ngoài ngoài ô thành phố,” một gã khác đề thêm. Chỉ với một cú đẩy nhẹ, chiếc bệ lẫn êm đến tận đầu kia thùng xe tải.

“Các anh nói gì vậy, tôi làm thế nào được? Tôi phải chi cho tất cả bọn chúng,” gã Điều phối viên nói. Rồi sực nhớ ra tối hậu thư của Hạ sĩ Kesar, y lăm lét nhòm ra sau lưng – không biết mấy câu ấy có lọt tai lão không? Để xí xóa, y nói vống lên mấy câu bằng lòng để thay đổi không khí. “Mấy đứa mù kia thì được. Mù cũng chả hề gì, chúng vẫn còn tay có thể làm khối việc. Trẻ con cũng tốt, có rất nhiều việc lật vật cho chúng.”

Toán cảnh sát lơ lửng y và tiếp tục đuổi theo con mồi. Khi cơn hoảng loạn ban đầu đã tạm lắng, đám người ăn mày trở nên ngoan ngoãn hẳn. Đa phần bọn họ đều đã từng trải qua những trận vây bắt bên ngoài các khu buôn bán hay dân cư, nơi gia chủ phải cậy nhờ đến cảnh sát, kèm ít “lễ vật”, mong nhờ mấy cái gai trong mắt. Cũng có khi cảnh sát tự tay lừa dân ăn mày đến đấy, rồi háo hức chờ đợi những đề nghị càn quét béo bở.

Xếp hàng trước xe tải, các cư dân vỉa hè được đếm đầu người và hỏi tên, thông tin này được gã Điều phối viên ghi vào cặp giấy, cùng giới tính, tuổi, và tình trạng sức khỏe. Một ông lão vẫn im như thóc, tên lão đã bị khóa kĩ trong đầu, còn chìa rơi đâu mất rồi. Một gã cảnh sát bèn dang tay tát lão và hỏi lại. Cái đầu bù xù lệch từ bên nọ sang bên kia theo mỗi cú đánh.

Cánh cùng cảnh với ông lão cố giúp bằng cách kể ra một đồng tên họ vẫn dùng gọi lão. “Burfi! Bevda! Bốn trăm hai!” Gã Điều phối viên chọn tên Burfi, và ghi vào bảng. Trên cột tuổi, y ước chừng một con số dựa vào diện mạo.

Mấy gã say và bọn hâm hâm lại khó hốt hơn, bọn này nhất quyết không chịu xê dịch một ly, mồm lại còn bai bãi kêu làng kêu nước, đa phần toàn những câu không đầu không cuối, khiến toán cảnh sát cười hô hố. Bỗng một gã say vung nắm đấm tán loạn. “Bọn chó đại!” Gã gào lên. “Con lũ điên bệnh!” Đám cảnh sát lập tức tắt cười và xúm lại vung gậy tấn gã kia; khi gã ngã lăn ra đất, chúng chuyển sang lấy chân mà đạp.

“Đừng, đừng lại đi!” Tay Điều phối viên van vãn. “Nhờ các anh làm gãy xương hẳn, rồi hẳn còn làm việc thế nào được nữa?”

“Chú em khỏi lo, mấy thằng này rắn lắm. Chỉ có gậy của bọn tớ gãy chứ chúng nó chả gãy được đâu.” Gã say đã bất tỉnh nhân sự được quăng lên xe tải. Trên vỉa hè, mọi cuộc tranh luận đều bị đình chỉ bằng những nhát dùi cui nện vào bụng và với những ca đặc biệt lắm lời, một nhát toác sọ.

“Đấy có phải vết thương kín quái gì đâu!” Gã Điều phối viên gào lên với Hạ sĩ Kesar.

“Máu me be bét thế kia kìa!”

“Nhiều khi đây là việc cần làm,” Hạ sĩ Kesar nói, nhưng lão cũng vẫn nhắc thuộc hạ kiểm chế bớt nhiệt huyết, kéo ca làm đêm sẽ bị bôi ra thêm nếu phải đánh tới bác sĩ, băng gạc và báo cáo y tế.

Vẫn giấu mình ở mé trong cửa ra vào của tiệm thuốc, hai người thợ tự hỏi không biết tình hình hiện ra sao. “Chúng bỏ đi chưa? Xong chưa?”

“Nghe chừng xong rồi,” ông bảo vệ đáp, và tiếng xe nổ máy cũng xác nhận điều đó. “Tốt rồi, hai người có thể ngủ lại rồi đây.”

Hạ sĩ Kesar và gã Điều phối viên kiểm tra bảng. “Chín mươi tư,” gã kia nói. “Cần thêm hai đứa nữa mới đủ định mức.”

“Nói thật nhá, lúc nói tám tá, tôi chỉ ước chừng thế thôi. Đủ một xe tải. Cậu không hiểu à? Làm sao tôi đoán được chính xác số người chúng tôi sẽ bắt?”

“Nhưng tôi đã báo với người mua là tám tá rồi. Ông ta sẽ nghĩ tôi lừa ông ấy, không ạ. Ngài không tìm giúp được hai đứa nữa sao?”

“Thôi được,” Hạ sĩ Kesar đáp giọng chán nản, “thì tìm hai đứa nữa vậy.” Lão sẽ không bao giờ làm ăn với thằng này nữa. Lúc nào cũng phàn nàn rên rỉ không biết mỗi mồm, cứ như con chó phải đòn. Nếu không kệt tiền trả cho lớp học đàn xi-ta của đứa con gái, lão sẽ bỏ phất mấy nhiệm vụ ngoài giờ này ngay tức khắc mà không cần lặn lội một giây. Không những lão phải làm việc với mấy thằng khốn như gã Điều phối viên này; những đêm đi càn quét khuya còn khiến lão không tài nào trở dậy trước bình minh để dành một tiếng tập yoga như trước đây. Chẳng trách dạo này mình đâm bản tính thế, lão ngẫm nghĩ. Mà còn phải chịu thêm chứng đau dạ dày nữa. Nhưng biết làm thế nào được? Cải thiện triển vọng hôn nhân cho đàn con là nghĩa vụ của lão mà.

Hai người thợ may cùng ông bảo vệ nghe thấy tiếng bước chân và gậy nện lịch kịch tiến lại gần. Hai hình người không rõ mặt mũi, y như bóng đen của chúng, nhòm hán vào bên trong lối ra vào. “Ai ở trong đây thế?”

“Không có gì đâu, xin đừng lo, tôi là bảo vệ đêm và...”

“Câm mồm và bước ra đây mau! Tất cả chúng bay!” Sự kiên nhẫn của Hạ sĩ Kesar đã tiêu ma vì gã Điều phối viên nọ. Ông bảo vệ đứng lên khỏi chiếc ghế, bụng nghĩ cứ bỏ cây gậy canh đêm lại là khôn ngoan hơn cả, và bước lên vỉa hè. “Xin đừng lo,” ông ta ra hiệu cho hai người thợ may tiến lên phía trước. “Tôi sẽ giải thích với họ.”

“Nói thật nhá, ngủ trên phố là phạm luật. Thu dọn đồ đạc rồi lên xe mau.”

“Nhưng thưa ngài cảnh sát, chúng tôi phải ngủ đây chỉ vì người của ngài đã đem máy móc đến san bằng khu lều lán của chúng tôi.”

“Gì? Các người ngụ ở một khu lều lán ấy hả? Hai việc sai không làm thành một việc đúng nhá. Các người có thể bị phạt vì hai tội đấy.”

“Nhưng thưa ngài cảnh sát,” ông bảo vệ xen vào, “ngài không thể bắt bọn họ được, họ đâu có ngủ ngoài phố, họ đang ở trong...”

“Mày có hiểu câm mồm là thế nào không?” Hạ sĩ Kesar nạt. “Hay mày muốn biết thế nào là ngồi khám? Ngủ ở bất kì chỗ nào không dành cho ngủ là phạm pháp. Đây là lối ra vào, không phải chỗ ngủ. Mà ai nói là chúng nó bị bắt? Chính phủ không điên mà đi gom ăn mày khắp nơi để tống vào tù nhá.” Lão ngưng bật, tự trách tại sao mình phải diễn giải

dài dòng như thế trong khi lũ gây gộc của bọn tay chân có thể giúp đạt mục đích nhanh hơn.

“Nhưng chúng tôi đâu phải ăn mày!” Om kêu lên. “Chúng tôi là thợ may, nhìn xem, mấy cái móng tay dài này là để gấp đường chỉ cho thẳng, và chúng tôi làm việc ở...”

“Nếu các người là thợ may thì làm ơn khâu cái miệng lại! Đủ rồi, lên xe!”

“Anh ta biết chúng tôi,” Ishvar chỉ vào tay Điều phối viên. “Anh ta nói có thể bán cho chúng tôi một phiếu thực phẩm với giá hai trăm rupi, trả góp và...”

“Vụ phiếu thực phẩm này là sao?” Hạ sĩ Kesar quay lại hỏi.

Gã Điều phối viên lắc đầu. “Chắc họ nhầm tôi với gã con phe lừa đảo nào đấy, người giống người ấy mà.”

“Chính là anh!” Om nói. “Lúc đấy anh cũng ho và hắt xì liên tục, nước mũi chảy lòng thòng hết như bây giờ!”

Hạ sĩ Kesar ra hiệu cho một tay cảnh sát. Gậy nện liền xuống bắp chân Om. Cậu rú lên.

“Đừng, xin đừng đánh,” ông bảo vệ van vãn. “Không sao đâu, họ sẽ nghe lời ngài.” Ông ta vỗ vai hai người thợ may. “Đừng lo, chắc chắn chỉ là nhầm lẫn thôi, cứ trình bày với người phụ trách, họ sẽ thả cho hai người về.”

Gã cảnh sát lại giơ gậy lên, nhưng Ishvar và Om đã bắt đầu dọn dẹp chăn chiếu. Ông bảo vệ ôm lấy họ trước khi hai bác cháu bị giải đi. “Quay lại sớm nhé, tôi sẽ giữ chỗ cho hai người.”

Ishvar cố vớt vát một lần chót. “Chúng tôi có công ăn việc làm thật mà, chúng tôi không xin...”

“Câm ngay.” Hạ sĩ Kesar đang dở con tính thu hoạch của lão sau trận bắt bớ đêm nay, mà số học lại không phải điểm mạnh của lão. Mối gián đoạn buộc lão phải tính lại từ đầu.

Hai người thợ may trèo lên thùng xe tải, rồi cửa đuôi xe đóng sập lại, chốt gài được đóng đầu vào đó. Những người được giao nhiệm vụ áp tải chuyển hàng ngồi lên xe jeep của cảnh sát. Gã Điều phối viên chốt lại con số cuối cùng với Hạ sĩ Kesar rồi ngồi vào ghế bên cạnh người tài xế xe tải.

Chiếc xe tải, mới đó được dùng chở vật liệu xây dựng, vẫn còn hàng đồng đất bám bên trong thùng. Dưới chân, những viên sỏi còn rớt lại đâm vào kiện hàng người. Những người còn đang đứng ngã dúi thành một đồng khi tay tài xế cài số lùi để quay xe và trở về theo con đường ông ta vừa đi. Xe jeep của cảnh sát bám sát phía sau.

Họ đi xuyên qua buổi đêm còn rơi rớt, những ổ gà ổ voi khiến thân hình họ va đập vào nhau không ngớt. Người ăn mày ngồi trên cái bệ gỗ là khốn khổ hơn cả, bị hắt ngược trở ra mỗi lần lão lăn vào ai đó. Lão sốt sắng tươi cười với hai người thợ may. “Tôi vẫn gặp hai chú luôn ở chỗ vỉa hè lão hay ngồi. Hai chú cho tôi bao nhiêu là xu.”

Ishvar giơ tay lên ra hiệu có-gì-to-tát-đâu. “Sao bác không bỏ bệ mà ngồi hẳn xuống?” Ông gợi ý, và cùng Om giúp ông lão bỏ cái bệ dưới móng ra. Những người đứng quanh đó thở phào nhẹ nhõm. Trơ lì như một bao xi măng, ông lão ôm chặt cái bệ gỗ vào ngực bằng đôi tay đã mất sạch ngón, rồi tì nó lên phần lòng cụt lủn, ngồi run rẩy giữa buổi đêm ẩm áp.

“Chúng đưa ta đi đâu đây?” Lão cố gào lên để át tiếng động cơ. “Tôi sợ quá! Sẽ có chuyện

gì đây?”

“Đừng lo, ta sẽ sớm biết thôi,” Ishvar đáp. “Ông kiểm đầu được cái bệ đẹp thế?”

“Ông trùm ăn mày cho tôi. Quà đấy. Ông ấy tốt bụng lắm.” Nỗi lo sợ khiến giọng nói the thé của lão càng thêm chói tai. “Làm sao tôi tìm lại được Ông trùm bây giờ? Ngày mai đến thu tiền mà không thấy tôi, thế nào ông ấy cũng nghĩ tôi đã bỏ trốn.”

“Nếu ông ta hỏi quanh, sẽ có người kể cho ông ta biết vụ mấy tay cảnh sát thôi.”

“Tôi không hiểu chính vụ ấy đấy. Sao bọn cảnh sát còn bắt tôi? Tuần nào Ông trùm chẳng đấm mồm chúng nó. Tất cả ăn mày của ông ấy đều được tự do làm việc, khỏi lo bị quấy rầy.”

“Toán cảnh sát này là mới,” Ishvar nói. “Cảnh sát cải tạo mỹ quan. Có một điều luật mới nhằm cải tạo mỹ quan cho thành phố. Có lẽ chúng không biết Ông trùm ăn mày nhà bác.” Nghe câu giải thích khơi khơi, ông lão lắc đầu. “Ồi chà, ai chẳng biết Ông trùm nhà tôi.” Ông ta bắt đầu nghịch nghịch cái bánh xe, tìm trò tiêu khiển bằng việc xoay xoay chúng. “Cái bệ này này, đấy là cái mới, ông ấy vừa cho tôi. Cái cũ hỏng rồi.”

“Sao mà hỏng?” Om hỏi.

“Tai nạn. Gặp chỗ dốc, tôi bị bắn khỏi vĩa hè. Suýt làm hỏng xe của người ta.” Nhớ lại sự cố nọ, ông ta cười khùng khục. “Cái mới này tốt hơn nhiều.” Ông ta mời Om kiểm tra thử bánh xe.

“Êm lắm,” Om nói, sau khi giơ ngón cái ra miết thử. “Chân tay bác sao lại thành thế này?”

“Chả nhớ nữa. Từ xưa đã thế. Nhưng tôi cũng chả phàn nàn gì, lão vẫn đủ ăn, lại có hẳn một chỗ riêng trên vĩa hè. Ông trùm lo liệu hết mọi việc.” Lão kiểm tra miếng băng quấn hai bàn tay và ghé miệng cười chúng ra, và vì thế phải ngừng nói mất mấy phút. Đó là một quá trình lâu dài, vất vả, đòi hỏi rất nhiều cử động cổ và hàm.

Bàn tay lộ ra, lão gãi ngứa cho chúng bằng cách chà vào bọc chắn chiếu của hai người thợ. Bề mặt nhám nhám dễ chịu của vải gai giúp cơn ngứa dịu bớt. Sau đó lão quấn miếng băng lại như cũ, lại một công cuộc gian nan của cổ và hàm, nhưng theo chiều ngược lại. Om nghiêng đầu ngoẹo cổ đầy cảm thông – lên, rồi xuống, quay vòng, cẩn thận, phải rồi, lại quay vòng lần nữa – rồi tự dừng, nhận thấy mình hơi ngớ ngẩn, cậu vội dừng lại.

“Miếng băng này để bảo vệ da tôi đấy. Tôi phải chống tay xuống để đẩy bệ đi. Không có băng che, tay tôi sẽ tứa máu vì xát xuống đất mất.”

Sự thật được hé lộ một cách tỉnh bơ khiến Om cảm thấy hơi khó chịu. Nhưng lão ăn mày vẫn nói bô bô, cố xoa dịu nỗi sợ hãi và lo lắng của riêng mình. “Chả phải lúc nào tôi cũng có bệ lăn mà dùng đâu. Hồi tôi còn bé, cái đận bé quá không tự đi ăn xin một mình được ấy, người ta phải tha tôi đi khắp nơi. Ông trùm từng cho thuê tôi theo ngày. Ông ấy là ông cụ để ra cái ông đang chăm nom cho tôi bây giờ ấy. Người ta chuồng tôi ghê lắm. Ông trùm bảo tôi kiếm cho ông ấy nhiều tiền hơn cả.”

Nỗi hoảng hốt trong giọng nói của ông lão lắng dần theo dòng hồi tưởng về những ngày hạnh phúc. Ông kể mình luôn được những người thuê chăm chút và cho ăn cho uống rất cẩn thận, vì chỉ cần họ lơ là, Ông trùm sẽ tấn họ nên thân và không bao giờ làm ăn với họ nữa. Cũng may, nhờ khổ người nhỏ gọn, nên đến tận mười hai tuổi, nom lão vẫn bé tí như đứa trẻ con ẵm ngửa. “Một đứa trẻ con tàn tật, miệng vẫn còn ngậm ti, xin được của thiên hạ vô khối tiền. Suốt những năm ấy, tôi được bú sữa từ không biết bao nhiêu bầu vú mà

kể.”

Lão nở nụ cười ranh mãnh. “Giá mà giờ tôi vẫn được các bà các cô bế ẵm, mớm ngậm cái núm vú thơm ngọt của họ. Như thế thích hơn nhiều so với việc lộc cộc lần đi lần lại cả ngày đến đập cà, ê mông.”

Ishvar và Om ngó ra, rồi bật cười nhẹ nhõm. Bước qua mặt ông lão trên vỉa hè với một cái vẫy tay hay một đồng xu là một chuyện; ngồi bên cạnh lão, mắt phải nhìn mãi những chỗ què cụt của lão lại là chuyện khác, nặng nề lắm. Họ mừng là lão cũng biết tếu táo như ai.

“Rốt cuộc khuôn mặt và vóc dáng trẻ con cũng bỏ tôi mà đi. Tôi nặng lên, không ai bế nổi nữa. Đây là lúc Ông trùm bắt tôi tự đi ăn xin. Tôi phải lê xác khắp nơi. Bằng lưng ấy.”

Lão muốn biểu diễn, nhưng trong thùng xe chật ních chả còn chỗ nào hở ra. Lão tả Ông trùm đã dạy lão các mẹo mực như thế nào, hết như lão đã huấn luyện những ăn mày khác. Tùy từng người, ông ta lại dạy một phong cách khác nhau, mỗi trường hợp nên làm thế nào thì ăn nhất. “Ông trùm hay đùa, là giá chúng tôi có chỗ treo, ông đã phát bằng cho từng người rồi đấy.”

Hai người thợ may lại cười phá lên, còn lão ăn mày hớn hở sung sướng ra mặt. Lão vừa khám phá ra ở bản thân một tài năng mới. “Thế là tôi học cách trườn ngửa, dùng đầu và khuỷu tay để lê. Đi chậm lắm. Đầu tiên tôi đẩy cái ống bơ lên trước, rồi trườn theo sau. Hiệu quả lắm đấy. Ai nhìn thấy cũng vừa thương hại vừa tò mò. Lắm đứa trẻ con tưởng đấy là trò chơi, cũng cố bắt chước tôi. Có hai thằng con bạc ngày nào cũng cá với nhau xem tôi mất bao lâu thì trườn đến cuối vỉa hè. Tôi giả vờ không biết chúng nó đang làm gì. Thằng thẳng cước bao giờ cũng vút mấy xu vào ống bơ của tôi.”

“Nhưng để đến được những điểm ăn xin khác nhau mà Ông trùm giữ riêng cho mình, tôi phải đi lâu lắm. Sáng, trưa, tối – nào người đi làm, người đi ăn trưa, người đi chợ búa. Thế là ông ấy quyết định kiếm cho tôi một cái bệ lẩn. Người đầu mà tử tế thế chứ lì, khen bao nhiêu cũng chả đủ. Đến ngày sinh nhật, ông ấy lại mang bánh kẹo đến cho tôi. Thỉnh thoảng ông ấy còn dẫn tôi đi nhà thổ nữa chứ. Ông ấy lại chả có hàng đàn ăn mày dưới trướng ấy, nhưng tôi là đứa ông ấy quý nhất. Công việc của ông ấy chả dễ dàng gì, bao nhiêu chuyện phải lo. Ông ấy dứt lốt cảnh sát, tìm chỗ tốt nhất để ăn xin, đảm bảo không có kẻ nào cướp mất những chỗ đó. Và khi có một Ông trùm giỏi che chở cho anh, không thằng nào dám cướp tiền của anh. Đây là vấn đề nan giải nhất, cướp giật.”

Một người trên xe tải gầm gừ và huých cho lão ăn mày một phát. “Cứ rít lên như con mèo phải bồng ấy. Chả ai thèm nghe lão khoác lác đâu.”

Lão ăn mày lặng thinh được mấy phút, hết chỉnh lớp băng quần tay lại nghịch mấy cái bánh xe. Hai cái đầu ngái ngủ của hai người thợ may bắt đầu gục xuống, khiến lão phát hoảng. Nếu mấy người bạn kia ngủ quên mất, lão sẽ chỉ còn lại một mình giữa cái vòng xoáy đen ngòm của buổi đêm kinh hoàng này. Lão lại nói tiếp câu chuyện, hòng xua đuổi cơn buồn ngủ của họ.

“Với lại, làm Ông trùm ăn mày cũng phải sáng tạo lắm chứ đùa đâu. Nếu ăn mày nào cũng bị thương giống nhau, thiên hạ sẽ thấy nhàm ngay, nên cũng chả thương xót gì nữa. Người ta thích đa dạng cơ. Có vài loại thương tật phổ biến quá rồi, chả ăn nhằm nữa. Ví dụ nhá, không phải cứ móc mắt một đứa bé ra là ăn tiền ngay. Ăn mày mù nhan nhản khắp nơi. Nhưng mù, mà mất hẳn tròng mắt, mặt chỉ còn lại hai cái lỗ đáo, đã thế mũi còn bị xẻo nữa – giờ ai nhìn thấy chả xù tiền. Bệnh tật cũng hữu dụng lắm nhá. Một cái bướu to đùng trên cổ hay mặt, chảy mủ vàng khè. Cứ gọi là ăn.”

“Lắm lúc, nhiều người bình thường cũng phải đi ăn xin nếu không tìm được công ăn việc làm, hay bị ốm đau. Nhưng loại đấy thì đừng hòng có cửa, ganh làm sao được với dân chuyên? Cứ nghĩ mà xem, nếu anh có một xu để bố thí, và nếu anh phải chọn giữa tôi và một gã ăn mày khác người ngợm lạnh lặn thì sao.”

Người đàn ông vừa huých lão ăn mày trước đó lại lên tiếng. “Câm mồm, đồ khỉ này, tao cảnh cáo mày đấy! Nếu không tao ném mày sang bên kia bây giờ! Đang lúc thế này, chúng tao không muốn nghe những chuyện dở dẩn của mày! Sao mày không chọn những công việc lương thiện như bọn tao mà làm?”

“Anh làm nghề gì?” Ishvar lịch sự hỏi thăm để giúp anh ta hạ hỏa.

“Đồng nát. Gom và bán theo cân. Ngay nhà tôi đây, ốm đau khổ sở lắm, thế mà cũng có nghề riêng. Nhặt giấy vụn.”

“Tốt quá,” Ishvar nói. “Chúng tôi có một anh bạn làm nghề thu mua tóc đấy, nhưng anh ta mới chuyển sang làm Tuyên truyền viên kế hoạch hóa gia đình rồi.”

“Phải, thưa bác, ai cũng tốt,” lão ăn mày nói. “Nhưng thưa bác đồng nát, bác thử nói tôi nghe, không chân, không ngón tay, tôi biết làm gì đây?”

“Đừng có chống chế. Ở một cái thành phố to như thế này, đến thầy ma cũng có việc mà làm ấy chứ. Nhưng phải muốn việc, và đi tìm một cách nghiêm túc kia. Lũ ăn mày các người gây bao nhiêu phiền toái trên phố xá, rồi đến lượt bọn cảnh sát lại sách nhiễu tất cả mọi người. Làm vạ lây cả những người làm ăn chân chỉ hạt bột như bọn tao đây.”

“Lạy bác, không có ăn mày, làm sao mọi người rửa sạch tội lỗi cho được?”

“Ai thèm quan tâm? Bọn tao còn đang lo tìm đâu ra nước mà tắm cho sạch đây!”

Cuộc cãi cọ càng lúc càng to tiếng, lão ăn mày rít lên khoe chöhe, rồi đến lượt anh chàng đồng nát thét sang sảng vào mặt lão. Các hành khách khác bắt đầu chia bè kéo cánh. Mấy gã say tỉnh giấc, há mồm chửi tất cả mọi người. “Đồ đàn độn chó chết! Con lũ lừa điên! Bọn mất dái!”

Cuối cùng, cuộc chấn động khiến người tài xế phải đánh xe vào lề đường. “Ồn ào thế này bảo tôi lái xe thế quái nào được,” ông ta ca cẩm. “Đến tai nạn mất thôi.”

Đèn pha xe chiếu sáng một dải mép đường lổn nhổn đá cùng mấy bụi cỏ lô nhô. Một khoảng nín lặng bao trùm cả xe tải. Bóng tối hai bên đường sâu thăm thẳm, tĩnh không hé lộ chút gì – bên ngoài lề đường hẹp kia, màn đêm có thể đang che giấu những núi đồi, những cánh đồng trống trải, một mảnh rừng rậm, hay những con ác thú quỷ quyết lắm chứ.

Một gã cảnh sát bước qua luồng sáng đến nạt họ. “Nếu còn một tiếng ồn nào nữa, chúng mày sẽ bị đánh đòn và vút ngay tại đây, trong rừng, thay vì được đưa đến ngôi nhà mới sạch sẽ đẹp đẽ của chúng mày.”

Chiếc xe tải nay đã im ắng lại tiếp tục chuyển bánh. Người ăn mày bắt đầu khóc ỉ ỉ. “Ồi bác ơi, tôi lại thấy sợ rồi.” Sau một lúc, ông lão gục xuống trong một giấc ngủ bần thần mệt mỏi.

Giờ hai người thợ may đã tỉnh hẳn. Ishvar băn khoăn không biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu họ không đến chỗ làm vào sáng mai. “Hàng sẽ lại bị chậm mất. Lần thứ hai trong hai tháng nay. Cô Dina sẽ làm gì đây?”

“Tìm thợ may mới, và quên phứt bọn ta đi,” Om nói.

“Chứ còn sao nữa?”

Bình minh dần chuyển màn đêm thành màu xám, rồi hồng, khi xe tải và xe jeep rời đường cao tốc rẽ vào một con đường bụi bặm và đỗ lại bên ngoài một ngôi làng nhỏ. Cửa đuôi xe mở ra. Các hành khách được thả cho đi đáp lại tiếng gọi của tự nhiên. Với một số người, chuyến nghỉ chân đến quá muộn.

Lão ăn mày nghiêng một bên hông để Om ghé chiếc bệ vào đôn lão lên. Lão tự đẩy mình ra rìa xe và giơ bàn tay quần bằng vẩy hai tay cảnh sát. Bọn kia quay đi, bật lửa châm thuốc. Hai người thợ may bèn nhảy khỏi xe và đỡ lão xuống đất, cả hai đều ngạc nhiên vì người lão nhẹ bằng.

Đàn ông đi bên mé này đường, đàn bà ngồi xõm mé bên kia; trẻ con chạy túa đi khắp nơi. Lũ trẻ con bé đói bụng, khóc nhặng lên. Bố mẹ chúng phải mớm cho con những chuỗi ủng, cam hồng, và các thứ thức ăn thừa thệo mót được từ tối hôm trước.

Gã Điều phối viên chạy đi cắt đặt việc trà nước. Người bán hàng nước ở làng dựng một cái bếp tạm gần xe tải, nhóm lửa đun một xoong đầy nước, sữa, đường, và lá trà. Ai nấy đều dán mắt vào anh ta vẻ thèm thuồng. Ánh nắng sớm xuyên qua các tàn cây, chiếu lấp loáng trên mặt chất lỏng. Chỉ sau vài phút, trà đã sôi và được rót vào những chiếc bát đất nung be bé.

Trong khi đó, tin tức về đám khách lạ nhanh chóng lan khắp ngôi làng nhỏ, dân làng bèn bu đông bu dỡ xung quanh để xem. Họ lấy nổi khoan khoái trong cách các vị khách hộp từng ngụm trà làm niềm hãnh diện cho riêng mình. Ông trưởng làng chạy ra chào gã Điều phối viên và hỏi han mấy câu thân thiện thường thấy kiểu như các bác là ai, ở đâu, có việc gì, rồi ngỏ ý sẵn lòng giúp đỡ và chỉ dẫn.

Gã Điều phối viên bảo ông ta hãy đi mà lo việc của mình, rồi liệu đường mà lừa dân làng về nhà đi, nếu không cảnh sát sẽ ra giải tán. Tự ái trước cử chỉ cực cần nọ, đám đông bỏ đi.

Trà đã uống hết, những chiếc bát đất được trả lại cho người chủ quán nước. Anh ta bắt đầu đập vỡ từng chiếc một theo lệ thường. Thấy thế, theo bản năng, các cư dân vĩa hè vội ào tới để can. “Ấy, khoan! Nếu anh không cần đến nữa, cứ để đấy chúng tôi dùng cho!”

Nhưng gã Điều phối viên cấm tiệt. “Ở chỗ các người sắp đến, các người sẽ được cung cấp mọi thứ cần thiết.” Họ được lệnh quay lại xe tải. Trong suốt giờ nghỉ, mặt trời đã lên quá ngọn cây. Hơi nóng buổi sáng nhanh chóng chiếm lĩnh không gian. Tiếng động cơ gầm rú khiến bầy chim sợ chết khiếp, xua chúng rời rặng cây như một đám mây nào loạn.

Đến cuối ngày, xe tải dừng lại tại một dự án tưới tiêu, đến đây, gã Điều phối viên cho cả chín mươi sáu con người xuống xe. Chủ dự án đếm đủ đầu người, rồi kí vào hóa đơn giao hàng. Khu công trường có bảo vệ riêng, còn xe jeep của cảnh sát ra về.

Đội trưởng đội bảo vệ ra lệnh cho chín sáu con người dốc hết túi quần túi áo, mở hành lý, bày mọi thứ lên mặt đất. Hai gã thuộc hạ của hắn đi dọc hàng người, giơ tay lần khắp áo quần để khám người và kiểm tra đồ đạc. Chuyện này lẽ ra chẳng mất thời gian mất, bởi phân nửa người trong số này đều là ăn mày rách áo ôm còn của nả thì chẳng có là bao. Song trong đó còn có cả đàn bà con gái nữa, nên phải mất một lúc lâu hai gã bảo vệ mới kết thúc công cuộc sờ soạng.

Chúng tịch thu tước nơ vít, muôi thìa, một cây gậy thép dài ba chục phân, dao, một cuộn dây đồng, kẹp, và một cây lược gò bằng xương với hàng răng bị cho là quá to và sắc. Một gã bảo vệ bẻ thử cây lược của Om. Nó gãy làm đôi. Cậu được phép giữ lại hai mảnh vỡ. “Chúng tôi chẳng mắc tội gì mà phải ở đây, hai bác cháu tôi,” cậu nói.

Gã bảo vệ đẩy cậu trở lại hàng. “Muốn kêu ca gì thì ra mà gặp đốc công.”

Những người ăn mặc rách rưới thảm hại quá được phát quần cụt và áo vét, hoặc váy lót và áo sơ mi. Lão ăn mày ngồi bệ gỗ được phát mỗi một chiếc vét, vì hiện thời chẳng có món đồ nào vừa với nửa dưới què cụt đang được quần tằm trong mớ vải của lão. Ishvar và Om không được phát quần áo mới, cả anh chàng đồng nát và chị vợ nhặt giấy vụn cũng vậy. Hai vợ chồng nhà kia, vừa bị tịch thu nhiều thứ vật dụng sắc nhọn, lấy làm bất bình lắm, cho rằng như thế là bất công không thể chịu nổi. Nhưng hai bác cháu lại cảm thấy mấy món quần áo mới được may cầu thả quá, và ưa những thứ mình đang mặc hơn.

Nhóm người được dẫn đến trước một dãy lán tôn, mười hai người một lán. Ai nấy xô nhau chạy đến cái lán gần nhất trong dãy lán giống nhau hên hệt và ra sức chen lấn, xô đẩy để vào bên trong. Toán bảo vệ chặn họ lại, rồi chia chỗ tùy ý. Trong mỗi lán có một chõng chiếu cuộn sẵn. Vài người trải ra và ngả lưng xuống, nhưng lại phải đứng dậy. Họ được lệnh cất gọn đồ đạc rồi ra tập trung trước mặt đốc công.

Tay đốc công, một gã tướng tá bặm trợn, khắp người mồ hôi mồ kê nhễ nhại, chào mừng họ đến ngôi nhà mới. Gã dành ra vài phút để mô tả chương trình hào phóng mà chính phủ mới đề ra để cải thiện cuộc sống cho người nghèo và vô gia cư. “Vì vậy tôi hi vọng các anh chị em sẽ tận dụng được lợi ích của kế hoạch này. Hôm nay vẫn còn hai giờ công nữa, nhưng các anh chị em có thể nghỉ. Từ sáng mai, mọi người sẽ bắt đầu công việc mới.”

Có người hỏi lương là bao nhiêu, trả theo ngày hay theo tuần.

Gã đốc công quệt mồ hôi trên mặt, thở dài, và nói lại: “Anh không hiểu những gì tôi vừa nói à? Anh sẽ có thức ăn, nhà ở, quần áo. Lương đấy chứ gì nữa.”

Hai người thợ may nhích lên phía trước, những muốn trình bày về sự có mặt tình cờ trong dự án tước tiêu này. Nhưng hai cán bộ đã tới trước mặt viên đốc công trước và dẫn ông ta đi họp. Ishvar quyết định không đuổi theo ông ta nữa. “Ta nên chờ đến sáng mai thì hơn,” ông nói nhỏ với Om. “Bây giờ ông ta đang rất bận, khéo ông ta nổi cáu mất. Nhưng rõ ràng cảnh sát đã bắt nhầm bác cháu ta. Đây là chỗ cho người thất nghiệp. Khi biết ta có nghề may, họ sẽ thả cho ta đi ngay.”

Một số người đánh liều nằm xuống bên trong lán. Những người khác trải chiếu bên ngoài. Bị nung dưới ánh mặt trời suốt một ngày dài, bốn bức tường tôn giam hãm hơi nóng khủng khiếp. Khoảng bóng râm hắt xuống từ tấm tôn dợn sóng mát mẻ hơn nhiều.

Khi trời nhập nhoạng, một hồi còi vang lên, công nhân nghỉ tay lục tục ra về. Ba mươi phút sau, còi lại kêu, họ kéo nhau tới khu bếp ăn của trại. Những người mới đến được gọi đi cùng. Họ xếp hàng trước bếp ăn để nhận phần của mình: súp đậu chay và bánh chapati, kèm một quả ớt xanh.

“Súp đậu này toàn nước thôi,” Om nói.

Gã cấp dưỡng nghe thấy, lập tức nổi cơn tự ái. “Mày tưởng chỗ này là chỗ nào, cung điện nhà bố mày phỏng?” “Đừng có lời bố tôi ra,” Om sững sờ.

“Thôi thôi, ta đi nào,” Ishvar vừa nói vừa kéo thằng cháu đi. “Ngày mai ta sẽ báo cho trưởng trại về nhầm lẫn của cảnh sát.”

Họ kết thúc việc ăn uống trong im lặng, tập trung vào những hiểm họa ẩn tàng trong thức ăn như bao người khác. Bánh chapati làm bằng thứ bột mì đầy sạn. Bữa ăn liên tục bị gián đoạn vì hết người này đến người kia nhổ ra những hạt sỏi nhỏ và những vật thể lạ

khác. Những mảnh nhỏ hơn không được phát hiện kịp thời bị nghiền nát luôn cùng thức ăn.

“Lẽ ra họ phải có mặt từ một tiếng trước rồi,” Dina nói với Maneck khi bữa sáng đã xong xuôi.

Cô ấy lại kiểm chuyện với hai người thợ tội nghiệp rồi đây, cậu nghĩ bụng, đoạn gom mấy cuốn sách cậu cần cho giờ học trên lớp. “Chỉ là việc khoán thôi mà, có quan trọng đến thế không ạ?”

“Cháu thì biết gì về chuyện làm ăn? Đã có bố mẹ trả các loại phí và gửi tiền tiêu vặt hàng tháng cho cháu rồi mà. Cứ chờ đến lúc cháu phải tự kiếm tiền khắc biết.”

Buổi chiều, khi cậu đi học về, cô đang đi đi lại lại trước cửa. Ngay giây phút chiếc chìa khóa hơi cong vênh của cậu lạch xạch tra vào ổ, cô vận nắm đấm mở luôn. “Cả ngày chả thấy tăm tích họ đâu,” cô than thở. “Dì không hiểu lần này họ sẽ viện lý do gì đây. Một cuộc mít tinh khác của thủ tướng chẳng?”

Buổi chiều càng trôi về tối, giọng lưỡi mỉa mai của cô dần bị gạt bỏ bởi nỗi hoang mang. “Hóa đơn tiền điện sắp đến hạn rồi, cả tiền nước nữa. Thực phẩm cũng phải mua. Còn Ibrahim sẽ đến thu tiền nhà vào tuần sau. Cháu không biết lão ghê gớm thế nào đâu.”

Những mối lo mãi sôi sục như cơn đầy bụng sau bữa tối. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu đến mai mà hai người thợ may vẫn không tới? Làm sao cô kịp tìm hai người khác thế chỗ? Mà vấn đề đâu phải chỉ ở chỗ lỡ hẹn lỡ váy này – một lần trì hoãn nữa sẽ khiến vị nữ hoàng tôn quý của Công ty xuất khẩu Au Revoir phật lòng ghê gớm. Lần này bà giám đốc ắt sẽ dán nhãn đen “không đáng tin” bên cạnh tên cô. Dina nghĩ bụng, có lẽ cô nên đến Thẩm mỹ viện Venus, nói chuyện với Zenobia, cậy nhờ cô bạn dùng đến chút ảnh hưởng của mình với bà Gupta.

“Chú Ishvar với Om không bao giờ vắng mặt vô cớ đâu,” Maneck nói. “Chắc có chuyện gì khẩn cấp đấy thôi.”

“Vớ vẩn. Có việc gì khẩn cấp đến nỗi họ không bỏ ra nổi dăm phút để ghé qua đây?”

“Hay họ phải đi xem một căn phòng cho thuê cũng nên. Dì đừng lo, có lẽ ngày mai họ sẽ đến.”

“Có lẽ? Có lẽ thì chưa đủ đâu. Dì đâu thể có lẽ sẽ giao hàng và có lẽ sẽ trả tiền nhà. Cháu, chả phải chịu trách nhiệm gì, có lẽ chẳng hiểu đâu.”

Cậu cảm thấy cô nổi cáu quá vô lý. “Nếu mai họ vẫn không đến, cháu sẽ đi hỏi xem có chuyện gì.”

“Đúng đấy,” cô tươi hân lên. “May mà cháu biết họ ở đâu.” Nỗi lo của cô dường như tan biến. Rồi cô nói: “Ta đến chỗ họ luôn đi. Sao phải mất cả đêm hoài công lo lắng?”

“Nhưng lúc nào dì cũng nói không muốn họ nghĩ dì đang tuyệt vọng. Nếu đang đêm hôm dì lại chạy đến, họ sẽ thấy không có họ, dì chẳng biết xoay xở ra sao.”

“Dì không tuyệt vọng,” cô cao giọng. “Đấy chỉ là một khó khăn nữa trong đời người, không hơn.” Nhưng cô vẫn quyết định chờ đến sáng hôm sau, đồng ý để cậu qua chỗ hai người thợ trước khi đi học. Cô chẳng còn bụng dạ nào để tiếp tục may tấm chăn ghép; những vuông vải và mảnh vụn chất đống trên ghế sofa, giấu kín hoa văn màu sắc của mình.

Maneck chạy từ hiệu thuốc về, mặt mày hoảng hốt. Đến gần Hotel đồ chay Vishram, cậu

hơi chậm bước lại để nhòm vào, những mong có thể Ishvar và Om đang ngồi uống trà sáng bên trong. Trống trơn. Cậu về tới căn hộ, vừa thở hào hển, vừa nhắc lại những gì ông bảo vệ kể cho Dina nghe.

“Kinh khủng quá! Ông ấy nghĩ họ bị nhảm là ăn mày, bị lôi lên xe cảnh sát. Có trời mới biết bây giờ họ đang ở đâu!”

“Humm, dì hiểu rồi,” cô nói, trong bụng tự cân đong xem câu chuyện có bao nhiêu phần sự thật và giá trị. “Thế án tù dành cho họ kéo dài bao lâu? Một tuần, hay hai tuần?” Nếu hai gã khốn đó đang thử việc ở một chỗ khác, muốn trì hoãn kéo dài thời gian, thì cách này đúng là số một.

“Cháu không biết.” Đang lúc hoang mang, cậu không hề nhận thấy giọng mỉa mai trong câu hỏi của cô. “Có phải mỗi mình họ đâu! Tất cả mọi người trên phố, cả ăn xin ăn mày lẫn dân ngụ vạ vỉa hè đều bị cảnh sát bắt đi hết.”

“Đừng có làm dì buồn cười, chẳng có luật nào cho phép họ làm thế cả.”

“Đó là chính sách mới – kế hoạch cải tạo mỹ quan thành phố hay gì đó, trong Tình trạng khẩn cấp.”

“Tình trạng khẩn cấp nào? Dì phát ốm và phát chán cụm từ ngu xuẩn đấy rồi.” Vẫn chưa hết nghi ngờ, cô hít một hơi thật sâu và quyết định nói thẳng. “Maneck, nhìn dì đi. Nhìn thẳng vào mắt dì đây này.” Cô gi sát mặt mình vào mặt cậu. “Maneck, cháu không nói dối dì đấy chứ. Vì Ishvar và Om là bạn cháu, nên họ nhờ cháu nói thế phải không?”

“Cháu thế có bố mẹ cháu, thưa dì!” Cậu tách xa khỏi cô, bàng hoàng. Rồi lời buộc tội khiến cậu nổi giận. “Dì không cần phải tin cháu, dì muốn nghĩ gì thì tùy. Lần sau đừng nhờ cháu làm việc gì nữa.” Cậu rời khỏi phòng.

Cô bám theo. “Maneck.” Cậu lơ đi. “Maneck, dì xin lỗi. Cháu cũng biết chuyện may vá làm dì lo lắng tới mức nào đấy, nên dì nói mà không kịp nghĩ.”

Cậu im lặng không nói gì một lát rồi tha thứ cho cô. “Không sao đâu ạ.”

Thằng bé dễ thương quá, cô thầm nghĩ, chẳng giận ai lâu được. “Họ đã ngủ ngoài – gì ấy nhỉ, hiệu thuốc ấy được bao lâu rồi?”

“Từ ngày nhà họ bị phá. Dì không nhớ sao? Cái hôm dì không cho họ ngủ ngoài hành lang ấy?”

Cách cậu nói khiến cô nổi cáu. “Cháu thừa biết lý do tại sao dì phải từ chối. Nhưng nếu cháu liệu trước được, sao cháu không nói với dì? Trước khi một chuyện như thế này xảy ra?”

“Cứ cho là cháu đoán được đi nữa, thì có gì khác đâu? Liệu dì có cho họ ở đây không?”

Cô né tránh câu hỏi. “Dì vẫn thấy chuyện này khó tin lắm. Có khi ông bảo vệ đó nói dối để bao che cho họ. Trước mắt, dì đành phải sang xin anh trai dì tiền nhà vậy.”

Maneck cảm nhận rõ những gì cô đang cố co kéo, che đậy, điều hòa: lòng quan tâm, cảm giác tội lỗi, nỗi sợ hãi. “Ta có thể đến hỏi cảnh sát,” cậu gợi ý.

“Làm thế phỏng có ích gì? Cứ cho là họ đang giữ hai người thợ kia đi nữa, cháu nghĩ họ sẽ thả hai bác cháu ra chỉ bằng một lời nói của dì ư?”

“Ít ra chúng ta cũng biết họ đang ở đâu.”

“Chuyện dì lo lắng lúc này là lô váy kia kia.”

“Cháu biết mà! Dì ích kỉ lắm, dì chẳng nghĩ đến ai khác ngoài chính bản thân dì cả! Dì không...”

“Sao cháu dám! Sao cháu dám nói năng với dì kiểu đấy!”

“Họ có thể đã chết, thưa dì!” Cậu lao vào phòng và đóng sầm cửa lại.

“Nếu cháu làm hỏng cửa nhà dì, dì sẽ viết thư mách bố mẹ cháu! Để đòi bồi thường, nhớ đấy!”

Cậu rũ tung giày và buông phịch người xuống giường. Lúc đó đã là chín rưỡi, cậu đã muộn giờ đến trường. Kệ cha nó – kệ cha cô ta. Cố tỏ ra tử tế thân thiện thế là đủ lắm rồi. Cậu nhảy khỏi giường và cởi chiếc áo sơ mi đang mặc ra, thay nó bằng một cái áo mặc nhà cũ lấy trong tủ. Cánh cửa lạch cạch bật khỏi tấm bản lề dưới. Cậu móc nó lại như cũ rồi đóng sập cửa vào.

Cậu quẳng mình xuống đệm, ngón tay giận dữ miết lên những hoa văn khắc trên đầu giường bằng gỗ tếch. Chiếc giường này với chiếc kê trong phòng may là hai nửa của một chiếc giường đôi. Đó là giường của dì Dina và của chồng dì – ắt hẳn xưa kia họ đã ngủ bên nhau trên đó. Cách đây lâu lắm rồi. Khi cuộc đời của dì còn ngập trong hạnh phúc, căn hộ tràn đầy những âm thanh của tình yêu và tiếng cười. Cho đến khi nó biến thành câm lặng và tăm tối.

Cậu có thể nghe thấy tiếng cô đi đi lại lại trong căn phòng bên cạnh, có thể cảm nhận được nổi bồn chồn của cô trong từng bước chân. Và chỉ mới chưa đầy một tuần trước thôi, công việc đã thuận buồm xuôi gió biết bao, sau khi cô bóp cao Amrutanjan cho Om. Mát xa cánh tay cậu ta đã khiến tâm trạng của cô tốt lên thấy rõ, cô còn bắt đầu ôn lại những chuyện xưa, về tấm lưng chồng mình, về cuộc sống của họ.

Tất cả những gì cô kể cho Maneck bồng cùng đội về, chen vai thích cánh trong căn phòng của cậu: những buổi tối diệu kì đi nghe hòa nhạc, tay trong tay cùng Rustom rời khỏi phòng hòa nhạc, bước vào màn đêm đượm hương thơm, khi phố xá đã chìm vào bầu không khí tĩnh lặng – ừ, cô kể, hồi ấy thành phố vẫn còn đẹp lắm, vỉa hè sạch trơn, chưa đầy người và vật như bây giờ, và phải, hồi ấy, nhìn lên trời còn thấy rõ từng ngôi sao, khi cô cùng Rustom đi dạo dọc bờ biển, lắng nghe tiếng sóng vỗ rì rào bất tận, hay trong Vườn Treo, giữa những tán cây lá xào xạc, bàn tính về đám cưới và cuộc sống sau này của mình, về vôi và dự tính biết bao điều, không hề hay biết về những kế hoạch mà số phận đã định sẵn cho mình.

Dì Dina nâng niu những kí ức ấy biết bao. Bố mẹ cũng y như vậy, hay nói chuyện về ngày xưa rồi nở nụ cười nửa vui nửa buồn khi họ lựa từng hình ảnh, từng khung cảnh trong dĩ vãng, sẫm soi nó bằng biết bao tình thương mến trước khi nó lại biến mất giữa lớp sương mù. Nhưng chẳng ai từng quên một chi tiết nào, không thực quên, dù đôi lúc họ cũng vờ như thế, khi cần. Kí ức trường tồn. Những kí ức buồn đau vẫn giữ nguyên vẻ u ám dù thời gian có trôi đi, nhưng những khoảnh khắc hạnh phúc không bao giờ tái hiện được nữa – niềm vui sẽ chẳng còn đầy đặn như xưa. Quá trình hồi tưởng lại áp ủ một mối khổ đau kì dị của riêng nó. Tại sao lại ngang trái đến thế: sao thời gian lại nhào nặn cả nỗi buồn và niềm vui thành một nguồn đau thương?

Nếu đã như thế, biết nhớ phông có ích lợi gì? Nó chẳng giúp được gì. Rốt cuộc tất cả đều là vô vọng hết. Cứ nhìn bố mẹ, và Cửa hàng Bách hóa Tổng hợp mà xem; hay cuộc đời dì Dina; hay kí túc xá và Avinash; rồi giờ đến cả chú Ishvar và Om đáng thương nữa. Chẳng một phân lượng hồi tưởng những ngày hạnh phúc nào, chẳng một phân lượng ai hoài hay nhớ tiếc nào có thể giúp thay đổi được chút gì đó trong tất cả những nỗi đau đớn và chịu

đựng kia – tình yêu thương và lòng quan thiết và sự chăm sóc hay chia sẻ, rốt lại cũng hóa thành hư không, vô nghĩa.

Maneck khóc nức lên, ngực cậu căng ra, gắng giữ yên lặng. Mọi chuyện đều đi đến kết cục thảm thương. Còn kì ức chỉ làm nó thêm tệ hại, thêm giằng xé và ám ảnh. Trừ phi. Trừ phi con người ta mất trí. Hoặc tự tử. Bộ nhớ bị xóa sạch. Không nhớ nữa, sẽ không đau nữa.

Dì Dina đáng thương, dì vẫn mang bên mình biết bao kỉ niệm quá khứ, dẫu cho dì vẫn tự lừa dối bản thân, rằng mình đang chìm đắm trong những khoảnh khắc hạnh phúc. Và nay lại đến chuyện may vá, tiền nhà, thực phẩm...

Cậu bỗng thấy hổ thẹn vì cơn cáu giận trước đó của mình. Cậu ra khỏi giường, mặc áo sơ-mi vào, chùi khô mắt, rồi vào phòng trong, nơi cô đang đi đi lại lại giữa nhà ngục đầy váy may dở của mình.

“Khi nào dì phải giao hàng?” Cậu hỏi cộc lốc.

“Ồ, cháu đã ra rồi ư? Ngày kia. Mười hai giờ.” Cô mỉm cười một mình, cô đã nghĩ cậu sẽ giận dữ một tiếng liền cơ; vậy mà cậu trở lại chỉ sau ba mươi phút. “Mắt cháu có nước kìa. Cháu bị cảm lạnh à?”

Cậu lắc đầu. “Cháu chỉ mệt thôi. Ngày kia – tức là trọn hai ngày. Còn nhiều thời gian đấy chứ.”

“Chỉ đúng với hai thợ may chuyên thôi. Chứ một mình dì thì không.”

“Cháu sẽ giúp dì.”

“Đừng làm dì buồn cười. Cháu mà may á? Còn dì, với đôi mắt này nữa. Dì còn chẳng nhìn rõ ngón tay mình để xỏ nhả cưới vào, đừng nói là khâu chỉ qua lỗ kim.”

“Cháu nói thật mà dì.”

“Nhưng có tới sáu mươi cái váy, sáu mươi. Chỉ còn phải lên gấu và khuy nữa thôi, quả vậy, nhưng vẫn là vô khối việc.” Cô nhặt một chiếc lên. “Cháu nhìn cái eo váy đây này, thấy nó dúm đều lại chưa. Đấy gọi là ‘chun.’ Bây giờ nó chỉ dài có” – cô căng thước – “sáu năm phân. Nhưng vì có chun, nên gấu váy sẽ là, xem nào, một trăm bốn mươi sáu phân, mà phải khâu tay. Sẽ mất rất nhiều...”

“Làm sao người ta biết được nếu dì may bằng máy?”

“Khác nhau như ngày với đêm ấy chứ. Rồi sau đó là đến tám cái khuy cho mỗi chiếc váy. Sáu cái phía trước, mỗi cổ tay một cái. Với người như dì phải cần một tiếng mới làm xong một chiếc. Tổng cộng là sáu mươi tiếng.”

“Từ giờ đến lúc giao hàng, chúng ta có bốn mươi tám tiếng.”

“Đúng, nếu ta không ăn hay ngủ hay đi vệ sinh.”

“Ít ra ta có thể thử. Dì có thể đem giao số váy ta đã làm xong, và lấy có là thợ may bị ốm hay gì đó.”

“Nếu cháu thực sự sẵn lòng giúp dì...”

“Cháu có.”

Cô bắt tay vào sửa soạn đồ nghề. “Cháu là một chàng trai rất tốt bụng, cháu có biết không? Bố mẹ cháu thật có phúc mới sinh được đứa con như cháu.” Bỗng cô đột ngột

chuyển hướng. “Khoan đã, còn lớp học thì sao?”

“Hôm nay cháu không có tiết.”

“Hừm,” cô vừa nói giọng hồ nghi, vừa chọn chỉ. Họ mang đồng váy ra phòng trước, ở đó có nhiều ánh sáng hơn. “Dì sẽ dạy cháu đơm khuy. Dễ hơn may gấu.”

“Gì cũng được. Cháu học nhanh lắm.”

“Rồi sẽ biết ngay thôi. Đầu tiên cháu đo và lấy phấn đánh dấu vị trí, theo đường thẳng. Đây là bước quan trọng nhất, nếu không mặt trước trông sẽ xiên xẹo. Ớn trời đây chỉ là váy vải pô-pơ-lin thường, không phải vải voan trơn nhẵn như thàng trước.” Cô hướng dẫn cậu làm từng bước, nhắc đi nhắc lại là đường chỉ chạy qua bốn lỗ khuy phải song song, không được cắt chéo nhau.

Cậu đơm chiếc khuy tiếp theo. “Ôi, giá mà dì có đôi mắt như thời trẻ,” cô thở dài, khi cậu đưa chỉ lên môi mút và xuyên qua lỗ kim. Cậu mất mấy lần chọc kim lung tung rồi mới dò được lỗ khuy bị che khuất qua lần vải. Nhưng rốt cuộc cậu cũng làm xong khá nhanh, và thắt nút chỉ với bộ mặt đắc thắng.

Hai tiếng sau, hai dì cháu đã đơm xong mười sáu cái khuy và lên được ba cái gấu váy. “Thấy mất thời gian chưa?” Cô nói. “Mà giờ dì phải nghỉ để nấu cơm trưa đã.”

“Cháu không đói.”

“Hôm nay không đói, hôm nay không có tiết. Lạ nhỉ.” “Thật mà dì. Kệ bữa trưa đi, cháu không đói thật mà.”

“Thế còn dì thì sao? Cả ngày hôm qua lo lắng, dì có ăn được miếng nào đâu. Chỉ ít hôm nay dì cũng phải được hưởng chút đặc ân chứ?”

“Làm trước, hưởng sau,” cậu nhếch mép cười với chiếc khuy, mắt liếc ngang.

“Cháu đang đòi làm ông chủ của dì đấy hả?” Cô nạt lại, giọng lạnh lùng mỉa mai. “Nếu dì không được ăn, thì chẳng còn làm với hưởng gì sất. Chỉ còn mỗi dì bất tỉnh nhân sự trên đồng kim chỉ thôi.”

“Thôi được, để cháu lo bữa trưa. Dì lên gấu váy tiếp đi.”

“Cháu sắp thành một bà nội trợ đảm đang rồi đấy. Định chuẩn bị món gì đây? Bánh mì phết bơ à? Hay bánh nướng với trà?”

“Bí mật. Cháu sẽ về ngay.”

Trước khi rời nhà, cậu khâu chỉ sẵn cho sáu cây kim, để cô khỏi phải tra tấn mắt trong cuộc chiến với sáu gã tí hon mặc giáp bạc kia nữa.

“Cháu phung phí tiền của làm gì,” Dina quở. “Bố mẹ cháu đã trả dì tiền ăn rồi còn gì.”

Maneck đổ túi alayti-palayti^[41] mua ở tiệm A-1 ra tô và bê vào bàn. “Cháu mua bằng tiền tiêu vật. Cháu muốn tiêu vào việc gì là tùy ý cháu chứ.”

Những mẩu gan và mỡ gà bập bênh trong hỗn hợp sốt cay đặc sệt. Đầu cúi sát xuống tô, cô hít hà. “Ừm, vẫn mùi thơm hấp dẫn đấy, chả trách sao nó là một trong những món khoái khẩu nhất của Rustom. Chỉ có tiệm A-1 mới nấu theo kiểu sốt sền sệt thế này, các nơi khác toàn xào khô thôi.” Cô đưa thìa múc một chút, rồi nếm thử, và gật đầu. “Ngon tuyệt. Ta có thể cho thêm một chút nước vào, vẫn không ảnh hưởng gì đến mùi vị. Như thế sẽ có đủ thức ăn cho cả trưa và tối.”

“Được ạ. Còn cái này là dành riêng cho dì,” cậu đưa cho cô một chiếc túi.

Cô thò tay vào túi và lôi ra một túm cà rốt. “Cháu muốn dì nấu cái này lên cùng ăn ư?”

“Không phải cho chúng ta, dì ạ. Cho dì thôi, để ăn sống. Tốt cho mắt dì lắm đấy. Nhất là vì lúc này chúng đang phải làm việc rất nhiều.”

“Cảm ơn cháu, nhưng dì không muốn ăn đâu.”

“Dì mà không ăn cà rốt, thì cũng không được ăn alaytipalayti. Ít ra dì phải ăn một củ trong bữa trưa này.”

“Cháu điên chắc mà nghĩ dì sẽ ăn cà rốt sống? Ngay cả mẹ dì cũng không ép được dì.”

Trong khi cô bày bàn, cậu lấy ra một củ vừa vừa, cắt lá và đặt xuống cạnh đĩa của cô.

“Dì hi vọng nó là của cháu,” cô nói.

“Không ăn cà rốt, nghỉ alayti-palayti.” Cậu kiên quyết không đưa bát sang cho cô. “Cháu quy định luật. Vì lợi ích của dì.”

Cô cười phá ra, nhưng nhìn cậu ăn, nước miếng trong miệng cô bắt đầu túa ra. Cô cầm đầu nhỏ của củ cà rốt lên như thể muốn dang tay phang thẳng vào đầu cậu, và cắn một miếng với vẻ căm hận. Cậu toét miệng cười và đẩy bát gan mẽ gà sang cho cô. “Bố cháu nói một con mắt của bố cháu phải khỏe bằng cả hai con mắt của nhiều người khác nhờ ông ăn cà rốt thường xuyên. Ông bảo, mỗi ngày chén một củ, chẳng bao giờ lo mù.”

Trong suốt bữa ăn, mỗi lần phải cắn một miếng, cô lại nhăn nhó khổ sở. “Ơn trời còn có món alayti-palayti ngon tuyệt này. Không có món sốt ăn kèm, cục xơ sống sít này sẽ làm tắc cổ dì mất.”

“Dì nói cháu nghe xem,” cậu nói khi cả hai đã ăn xong bữa. “Mắt dì đã khá hơn chưa?”

“Đủ tinh để nhìn rõ con quỷ trong lốt cháu.”

Công cuộc may vá tăng tốc sau bữa trưa, nhưng đến chiều muộn, mí mắt Dina cứ trĩu xuống. “Dì phải nghỉ uống trà đây. Được không, thưa cậu chủ?”

“Mười lăm phút thôi, nhớ nhé. Dì pha cho cháu một cốc nữa.”

Cô bỏ xuống bếp, vừa cười vừa lắc đầu.

Bảy giờ tối, tâm trí cô chuyển sang nhiệm vụ ăn tối. “Có bát alayti-palayti để sẵn trong bếp làm dì thấy đói bụng sớm hơn bình thường. Cháu thì sao? Ăn bây giờ, hay chờ đến tám giờ?”

“Dì thích ăn lúc nào cũng được,” cậu lúng búng, môi còn bặm mím lại để giữ cây kim chưa xỏ. Cậu kéo một sợi chỉ dài khỏi lô.

“Trông cháu kìa! Mới lần đầu tập tọng khâu vá mà đã làm bộ như một gã thợ may dở hơi rồi! Bỏ cái kim xuống! Mau! Kéo lại nuốt vào bụng bây giờ!”

Cậu bỏ cây kim xuống, ngượng nghịu. Cô đã nói trúng tim đen cậu – cậu đang cố bắt chước phong thái ngạo nghễ của Om: cậu ta thích dùng môi kẹp đủ thứ, nào ghim, kim, lưỡi lam, kéo, liều lĩnh mang những món đồ vật sắc nhọn đặt giữa những thớ thịt mềm yếu, vô phương tự vệ.

“Dì biết ăn nói sao với mẹ cháu nếu dì trả lại thằng con cô ấy kèm một cây kim mắc trong dạ dày?”

“Dì có bao giờ mắng Om lúc cậu ấy làm thế đâu.”

“Chuyện đấy khác. Cậu ta là dân chuyên, từ bé cậu ta đã lớn lên giữa các thợ may rồi mà.”

“Không phải đâu. Gia đình cậu ấy từng làm nghề da.”

“Cũng vậy thôi – họ đã thành thạo cách sử dụng các dụng cụ, để cắt và may. Với lại, thế nào dì cũng can cậu ta. Môm cậu ta cũng có thể xước xát chảy máu y như cháu vậy.” Cô xuống bếp, còn cậu tiếp tục làm việc cho đến khi bữa tối đã được dọn ra bàn.

Ăn được nửa chừng, cô chợt nhớ ra những gì cậu vừa nói về hai người thợ. “Họ từng là thợ da à? Sao họ lại đổi nghề?”

“Họ dặn cháu đừng kể với ai. Chuyện đó liên quan đến đẳng cấp của họ, họ sợ bị đối xử tệ bạc.”

“Cháu kể cho dì không sao đâu. Dì chỉ tin vào mấy thứ tập tục ngu xuẩn đấy.”

Cậu bèn kể lại vắn tắt câu chuyện mà Ishvar và Om đã tâm sự rĩ rả từng chút một qua nhiều tuần, bên chén trà trong quán đồ chay Vishram, về ngôi làng của họ, về bọn địa chủ đã đối xử tàn tệ với người Chamaar trong suốt cuộc đời họ, những trận đòn roi, đánh đập, những luật lệ mà đẳng cấp tiện dân buộc phải tuân theo.

Cô ngừng ăn, tay mân mê chiếc nĩa. Cô chống khuỷu tay lên mặt bàn và tỉ mỉ cầm xuống nắm tay. Cậu lại kể tiếp, chiếc nĩa trượt khỏi tay cô, rơi leng keng bên cạnh đĩa. Cậu vội vã kết thúc câu chuyện khi nói đến vụ sát hại ông bà, bố mẹ và toàn bộ đám con cháu.

Dina nhặt chiếc nĩa lên. “Dì chưa từng biết... dì chưa từng nghĩ... những chuyện viết trên báo về mấy vụ bạo hành đẳng cấp cao, đẳng cấp thấp ấy, không ngờ lại gần với dì đến thế. Ngay trong căn hộ của dì. Lần đầu tiên dì thực sự biết rõ con người. Trời ơi, bất hạnh khủng khiếp, đáng sợ quá.” Cô lắc đầu, cơ hồ không thể tin nổi.

Cô cố ăn tiếp, nhưng lại phải thôi. “So với họ, cuộc đời của dì quả thật quá an nhàn và sung sướng. Giờ họ lại đang gặp thêm tai bay vạ gió nữa chứ. Dì chỉ mong họ bình an trở về. Người ta suốt ngày ca ngợi Thượng Đế vĩ đại, Thượng Đế công bằng, nhưng dì thật không dám chắc.”

“Thượng Đế chết rồi,” Maneck nói. “Một triết gia người Đức đã viết thế đấy.”

Dina sững sờ. “Dì tin người Đức có thể nói những câu kiểu đó,” cô nhú mào. “Còn cháu, cháu có tin thế không?”

“Cũng đã có lúc cháu tin là thế. Nhưng giờ cháu lại nghĩ Thượng Đế là một thợ may chặn ghép khổng lồ. Với vô vàn mẫu hoa văn khác nhau. Và tấm chăn đã thành ra quá to và rối rắm, không thể thấy hết họa tiết, những mảnh hình vuông và hình thoi và hình tam giác không còn khớp với nhau nữa, tất cả trở nên vô nghĩa. Vì thế Người đã bỏ mặc nó.”

“Lắm lúc cháu nói toàn những chuyện ngớ ngẩn, Maneck ạ,”

Trong khi cô dọn bàn, cậu mở cửa sổ bếp và gọi meo meo. Những mẫu bánh mì và alayti-palayti vụn bay qua cửa sổ. Cậu hi vọng thức ăn không quá cay đến nỗi lũ mèo không xơi được, đoạn quay lại phòng may và cầm một chiếc vá mới lên, miệng giục giã Dina nhanh chân nhanh tay lên. “Thằng bé này hóa rồ rồi. Ăn xong cũng phải cho dì vài phút nghỉ ngơi đã chứ. Dì già rồi, có phải con chó ranh như cháu đâu.”

“Dì có già đâu. Thật ra, dì còn trẻ lắm. Và đẹp nữa,” cậu liếc mình để thêm.

“Còn cháu, thưa cậu Mac, càng lúc càng dẻo lưỡi đấy,” cô nói, không giấu nổi niềm khoan khoái.

“Duy có một điều khiến cháu rất băn khoăn.”

“Điều gì?”

“Sao một người bề ngoài trông trẻ trung lắm vậy mà lúc nào cũng ăn nói càm cẩu như bà già thế?”

“Cái thằng. Vừa nịnh dì được một câu, giờ đã nói móc dì rồi.” Cô cười to, đoạn gấp và ghim cổ định giấu váy, rồi giơ chiếc váy lên để xem đường viền đã bằng chưa. Vừa chỉnh mép viền, cô vừa nói: “Bây giờ dì mới thấy quý mấy cái móng tay dài của hai bác cháu họ. Cháu chơi thân với họ quá nhỉ? Thế nên họ mới kể hết cho cháu nghe chuyện đời rồi chuyện ở quê chứ.”

Cậu ngược mắt lên rất nhanh, và nhún vai.

“Ngày nào họ cũng ngồi đây may vá, thế mà chẳng nói năng gì với dì cả. Tại sao thế?” Cậu lại nhún vai.

“Thôi ngay cái điệu nói chuyện bằng vai đấy đi. Ngài Thượng Đế may chần của cháu đã khâu dính lưỡi cháu rồi à? Tại sao họ lại chỉ nói chuyện với cháu mà không thêm nói với dì?”

“Có lẽ họ sợ dì.”

“Sợ dì? Vớ vẩn. Có mà dì sợ họ mới đúng. Dì sợ họ sẽ tìm ra công ty xuất khẩu và loại dì ra. Hoặc họ sẽ kiếm được công việc tốt hơn. Lắm lúc dì còn ngại chẳng dám vạch lỗi của họ – phải chờ đến tối, khi họ về rồi, dì mới lúi đờ ra tự sửa. Vì có gì mà họ phải sợ dì cơ chứ?”

“Họ nghĩ dì sẽ kiếm được thợ may giỏi hơn và tống cổ họ đi.”

Cô im lặng ngẫm nghĩ một lúc. “Dì ước sao cháu nói cho dì biết sớm hơn. Thế nào dì cũng giải thích cho họ yên lòng.”

Cậu lại nhún vai. “Làm thế cũng chẳng thay đổi được gì đâu, dì ạ. Dì đã có thể cứu họ, chỉ cần dì cho họ một chỗ ngủ.”

Cô rút toẹt cả đồng váy xống cùng kim chỉ xuống. “Cháu suốt ngày nói thế! Cứ nói nữa đi, đừng quan tâm dì nghĩ thế nào! Nói đến khi nào dì mù mắt vì cắn rút ấy!”

Maneck đâm trúng tay khi mũi kim trôi lên qua lỗ khuy. “Au!” Cậu mút ngón tay.

“Nói nữa đi, đồ vô cảm! Nói là lỗi tại dì, nói là chính dì bỏ mặc họ lang thang ngoài đường vì dì là kẻ không có trái tim đi!”

Cậu ước sao mình có thể chấm dứt những tổn thương mà lời nói của cậu đã gây ra. Cô loay hoay mãi với dải gấu váy, miệng húng hắng ho như thể trong họng đang mắc thứ gì đó. Nghe như một tràng ho hòng thu hút sự chú ý của cậu, cậu bèn rót cho cô một cốc nước.

Cô nói, sau khi đã uống xong: “Cháu nói đúng thật, về mấy củ cà rốt ấy. Dì đã thấy rõ hơn nhiều rồi.”

“Quả là kì tích!” Cậu giơ tay lên một cách rất kịch, khiến cô bật cười. “Nay Thánh Cà Rốt Chí Tôn đã hóa thân vào cháu, rồi tất cả các bác sĩ nhãn khoa sẽ thất nghiệp hết!” “Đừng có tưởng bở,” cô nói, đoạn uống cạn cốc nước. “Để dì nói cho cháu biết dì thấy rõ cái gì. Hồi dì mười hai tuổi, bố dì quyết định chuyển đến làm việc ở một vùng dịch bệnh. Mẹ dì lo lắm.

Bà muốn dì thuyết phục ông đổi ý – cháu biết đấy, dì là cục cưng của ông mà. Rồi bố dì mất trong khi công tác ở đó. Và mẹ dì bảo nếu dì nghe lời bà, dì đã có thể cứu được ông.”

“Như thế là không công bằng.”

“Có và không. Cũng giống như những gì cháu vừa nói thôi.”

Cậu hiểu.

Dina đứng dậy, cầm con gà mái bằng thủy tinh đang đặt trên bàn may, và cắt hết đê, kéo, kim vào cái lỗ sứ đục đằng đuôi của nó.

“Dì đi đâu đấy?”

“Cháu nghĩ dì đi đâu? Đi ăn cưới ư? Đã mười giờ rồi, dì đi ngủ đây.”

“Nhưng ta mới làm xong có mười sáu cái váy. Định mức của hôm nay là hai mươi hai cái.”

“Nghe ngài giám đốc nói kìa.”

“Kế hoạch của cháu là hôm nay làm hai hai chiếc, ngày mai ba mươi, ngày kia tám, như thế đến trưa là có đủ hàng để giao.”

“Khoan đã, thưa ngài. Thế còn chuyện đến trường, ngày mai và ngày kia – còn việc học hành nữa? Dì không cho là họ sẽ cấp bằng điện tử điện lạnh cho người biết đơm khuy đâu.”

“Lịch học trong hai ngày tới của cháu bị hủy hết rồi.”

“Phải rồi. Đến ngày kìa dì sẽ trúng xổ số giải độc đắc.”

“Thôi bỏ đi. Dì toàn nghi ngờ cháu thôi.” Cậu tiếp tục khâu, hất hết nỗi niềm đau đớn, khổ sở vào những tiếng thở dài thườn thượt, kéo lê cây kim như thể nó mang theo cả một sợi xích sắt chứ chẳng phải sợi chỉ vậy. “Cũng chẳng sao, cháu sẽ làm tiếp, dì đi ngủ đi.”

“Đi ngủ để lỡ mất màn trình diễn đoạt giải Oscar của cháu à?”

Cậu đánh rơi một chiếc khuy, rên lên, rồi cúi gập hẳn xuống để tìm nó, ngón tay rờ rẫm tứ phía chẳng khác gì một ông cụ. “Đi đi dì, đi ngủ đi, đừng lo cho cháu,” cậu giơ tay lên, run run xua.

“Cháu từng nói cháu giỏi diễn lắm, nhưng dì đâu ngờ cháu lại giỏi đến mức này. Thôi được, ta làm thêm một cái váy nữa nhé.”

Buổi đầu giá đã mở, cậu đột ngột ngồi thẳng dậy. “Hôm nay ta cần làm thêm sáu chiếc nữa mới đủ định mức.”

“Quên cái định mức của cháu đi. Dì nói một.”

“Thế thì ít nhất phải ba.”

“Hai là giá chót của dì. Không có tranh cãi gì nữa đâu đấy. Nhưng trước hết dì phải xuống bếp lấy một thứ đã.”

Cô quay lại chỉ sau ít phút, ngón tay mỗi bên móc vào quai một chiếc tách bốc hơi nghi ngút, và đặt một tách xuống bên cạnh cậu. “Horlicks^[42]. Để thêm năng lượng cho dì cháu mình.” Như để chứng minh, cô uống một hớp và ngồi hiên ngang trên ghế, vai ngả ra, khuôn mặt nở nụ cười rạng rỡ.

“Dì nói cứ như quảng cáo ấy,” cậu nói. “Còn chẳng cần người mẫu chuyên nghiệp làm gì nữa, trông dì đẹp thật đấy.”

“Đừng tưởng trò nịnh hót đấy sẽ giúp cháu được uống một cốc mỗi ngày. Dì không kham nổi đâu.”

Vừa xuyết xoa thổi và nhấp từng ngụm, họ vừa trêu đùa nhau cho đến khi làm xong hai chiếc váy nữa. Đến gần nửa đêm, đèn nhà Dina là ngọn duy nhất còn sáng tỏ trong cả dãy nhà. Cái muện mằn của buổi đêm, phố xá tĩnh lặng bên ngoài cửa sổ, căn hộ nhỏ được gói kín trong bóng tối, tất thấy phủ một bầu không khí bí ẩn lên hoạt động trong sáng của họ.

“Thế là tròn mười tám cái rồi nhé,” cô nói, khi họ kết thúc công việc lúc quá nửa đêm. “Mấy ngón tay này không thể khâu thêm mũi nào nữa đâu. Giờ ta có thể đi ngủ được chưa, thưa cậu chủ?”

“Khi nào gặp xong váy đã.”

“Vâng, thưa ngài Mac Kohlah.”

“Thôi dì, cháu ghét cái tên đấy lắm.”

Khi ai về phòng này, cô ôm chặt cậu, thì thầm: “Chúc ngủ ngon. Và cảm ơn cháu đã giúp dì.”

“Chúc dì ngủ ngon,” cậu nói, và sung sướng thả mình xuống giường.

Một tiếng trước bình minh, tiếng còi hú chấm dứt buổi đêm, giăng đám công nhân khỏi bầu ngực tăm tối, êm ái của nó. Từ các dãy lán tôn, mọi người nối đuôi nhau kéo ra khu ăn uống. Hai con chó hoang hít hửi những bàn chân lấm đầy bùn đất, chán rồi bèn lĩnh đi rình bếp ăn. Trà được mang ra cùng bánh chapati còn thừa từ tối hôm qua. Rồi còi lại hú vang, báo hiệu giờ làm việc.

Những người mới đến tập hợp riêng và được đốc công phân công nhiệm vụ. Có việc cho tất cả mọi người, trừ lão ăn mày ngồi bệ lẩn. “Lão ở lại đây,” gã đốc công nói. “Tôi sẽ nghĩ việc cho lão sau.”

Om được xếp cùng một nhóm sáu người để đào con kênh mới. Nhiệm vụ của Ishvar là bốc sỏi mang đến chỗ trộn bê tông. Đốc công giao việc xong, đội quân gầy guộc tản ra chỗ của mình theo hướng dẫn của các giám thị. Hai người thợ may chờ đến khi mọi người đã đi hết.

“Có một chuyện nhầm lẫn, thưa ngài,” Ishvar vừa chấp tay tiến lại chỗ viên đốc công vừa nói.

“Tên gì?”

“Ishvar Darji và Omprakash Darji ạ.”

Viên đốc công đọc lại phần việc dành cho họ. “Chả nhầm gì cả.”

“Nhầm lẫn là ở chỗ chúng tôi lẽ ra không phải ở đây, chúng tôi...”

“Tất cả lũ lười biếng các người đều nghĩ là mình không phải ở đây. Chính phủ sẽ không khoan nhượng cho các người nữa. Các người sẽ làm việc. Đổi lại, các người được cho cơm để ăn, cho chỗ để ngủ.”

“Chúng tôi có công việc đấy chứ, chúng tôi là thợ may, và thầy cảnh sát bảo chúng tôi thưa chuyện với ngài...”

“Nhiệm vụ của tôi là cho các người công việc và chỗ ở. Các người cứ thử nói không xem, bảo vệ sẽ xách cổ các người đi.”

“Nhưng tại sao chúng tôi lại bị phạt? Chúng tôi đã gây tội gì?”

“Chú dùng sai từ rồi. Ở đây không phải là tội trạng và hình phạt, mà là vấn đề và giải pháp.” Gã hất hàm về phía hai người mặc đồng phục vải kaki đang đi tuần với cây gậy trên tay. “Ở đây chả có vấn đề gì sất, ai cũng vui vẻ làm việc. Giờ các người tự quyết đi.”

“Thôi được,” Ishvar nói. “Nhưng chúng tôi muốn nói chuyện với người phụ trách cao nhất.”

“Giám đốc dự án sẽ tới sau. Ông ấy còn bận tham gia khóa cầu nguyện buổi sáng.”

Viên đốc công đích thân hộ tống hai người thợ may đến công trường. Gã giao hai bác cháu cho giám thị của từng người kèm theo dặn dò phải giám sát họ thật chặt, kéo họ lại là công việc. Lão ăn mày ngồi trên bệ lán theo họ. Đến cuối con đường, mặt đất gập ghềnh không cho phép bánh xe của lão lăn tiếp. Lão quay về, tay vẫy chào hai người thợ may, và hứa sẽ chờ họ trước cửa lán vào buổi tối.

Dải sườn đồi sống động hẳn với cả đoàn quân những hình hài rúm ró bé nhỏ. Thoạt nhìn, lũ trẻ dường như đã hóa đá dưới ánh nắng mặt trời; nhưng rồi tiếng búa gõ đã hé lộ chuyển động của bàn tay chúng. Đập đá, làm sỏi. Những túm cỏ chết điểm lấm tấm trên con dốc khô cằn. Bàn tay xanh mát của mưa vẫn chưa chạm đến vùng đất này. Thỉnh thoảng, một tảng đá cuội trượt đi và lăn xuống chân đồi. Phía xa xa, tiếng gầm gào của xe xúc đất, xe cần trục, và máy trộn xi măng vang dậy như một bức tường thành, còn vòng âm thanh đều đặn của những tay búa vỡ đá dăm khắc lên thành họa tiết trên đó. Từ trời cao, cây búa tạ của cái nóng giã xuống không chút thương tiếc.

Một người phụ nữ xúc đầy sỏi vào sọt của Ishvar và giúp ông đôn nó lên đầu. Cơ rắng sức khiến tay bà run run, bọng da nhăn nheo dưới cánh tay bà cũng rung lên theo. Ishvar oằn người dưới cái sọt nặng. Khi bà kia buông tay ra, ông cảm thấy cả khối nặng bắt đầu chao đảo. Ông tuyệt vọng bấu chặt lấy sườn sọt, nghiêng đầu theo hướng ngược lại, nhưng cái sọt đổ vẫn đổ xuống, giật mạnh cổ ông.

“Tôi chưa bao giờ làm công việc kiểu này,” ông phân bua, ngượng ngùng nhìn cơn mưa sỏi nặng trĩu đang đổ rào rào xuống chân họ.

Không nói một lời, bà ta dựng cái sọt tì nghiêng nghiêng lên ống quyển và cúi xuống xúc sỏi đổ lại vào sọt. Bím tóc hoa râm gầy nhằng nheo trượt qua vai, rơi xuống phía trước. Tóc này chắc Rajaram cũng chẳng thêm, Ishvar lơ đãng nghĩ. Theo từng nhịp kéo cuốc, mớ vòng nhựa bà ta đeo va vào nhau, tạo thành những tiếng lách cách trầm đục. Tiếng vọng êm êm từ phía đám trẻ con vỡ sỏi. Ông nhìn cẳng tay bà ta bóng lờng mồ hôi, động tác cào tới lui mạnh mẽ. Chợt ông nhớ ra những người khác trong dây chuyền sỏi còn đang đứng chờ sau lưng mình. Ông quỳ xuống giúp bà ta, sốt sắng muốn chuộc lại lỗi lầm do sự vụng về của mình.

Ông khum tay lại vốc sỏi vào sọt.

“Đổ sỏi là việc của tôi, khiêng là việc của anh,” bà ta nói.

“Không sao, tôi có phiền gì đâu.”

“Anh không phiền, nhưng giám thị phiền.”

Ishvar dừng tay, và hỏi bà ta đã làm việc này lâu chưa.

“Từ hồi bé.”

“Công xá được không?”

“Đủ để khỏi chết đói.” Bà ta chỉ cho ông cách tấn đầu và vai để chịu được sức nặng, và họ nâng chiếc sọt lên. Ông lại chao đảo, nhưng rồi cũng giữ được chiếc sọt.

“Thấy chưa, học được cách giữ thăng bằng rồi thì cũng dễ thôi mà,” bà ta khích lệ, và chỉ cho ông ra chỗ mấy người đang trộn bê tông. Mất vài lần nghiêng ngả, loạng choạng, ông cũng tới được đích và đổ xong sỏi. Rồi lại xách sọt không quay về chỗ người phụ nữ kia để bà ta xúc tiếp. Cứ thế, cứ thế, và cứ thế.

Được vài chuyển, mồ hôi đã tuôn ròng ròng trên mặt ông; mặt đất quay cuồng; ông xin phép đi uống nước. Giám thị gật đi. “Đến giờ uống nước khắc có người mang nước đến.”

Dưới ánh mắt trông chừng của tay giám thị, người phụ nữ chỉ dám liếc mình xúc sỏi vào rổ chậm hết mức có thể. Ishvar rất biết ơn vài giây nghỉ ngơi bà ta cướp cho mình. Ông nhắm mắt lại và hít vài hơi thật sâu.

“Chất đầy đến miệng ấy!” Viên giám thị quát. “Người ta không trả công mụ để xúc lưng sọt thế đâu!” Bà ta gạt thêm vào sọt bốn cuốc đầy. Khi nâng sọt lên, bà ta hơi nghiêng nó đi một chút để trút bớt cân nặng.

Ishvar bước chệnh bước choạng, cố chống lại cơn choáng váng khi buổi sáng dần nghiêng ông nát vụn. Đầu ông trống rỗng không còn nghĩ được gì nữa. Vụ nổ phía bên kia công trường làm bung ra hàng đám mây bụi bao phủ khắp khu khai thác sỏi, đám đàn bà con gái kéo vạt sari lên che mũi. Ông có cảm tưởng giá không có tiếng búa gõ dẫn đường, hẳn ông đã lạc lối trong đám mù rồi. Cảm giác mù lòa vẫn tồn tại ngay cả khi bầu không khí đã trong lành trở lại. Bấu víu vào sợi dây âm thanh, ông vật vờ đi từ bãi sỏi đến bãi trộn bê tông và ngược lại.

Tưởng như phải đến cả thế kỷ sau, người đưa nước mới đến. Dàn búa vỡ đá bỗng im tiếng. Ishvar nghe thấy tiếng nuốt nước bọt của những cái lưỡi khát cháy trước cả khi nhìn thấy người đưa nước. Bì nước tròn căng lủng lẳng trên vai ông ta như một con vật lông nâu sẫm, sợi dây đeo bằng da siết sâu vào da ông. Bước loạng choạng dưới khối nước nặng trĩu, người đàn ông mù đi giữa đám công nhân. Ai khát phải vỗ vào tay ông ta để dừng ông lại. Ông cất tiếng hát nho nhỏ, một bài hát ông tự nghĩ ra:

Kìa ai đang khát cháy

Gọi tôi, tôi đến ngay Nhưng thử hỏi, ai người

Chừa được lành mắt tôi?

Ishvar khuyu gối trước mặt người đưa nước, ghé miệng dưới đầu ống da và uống. Đoạn ông đưa chệch miệng đi, dòng nước mát lạnh tưới lên khuôn mặt sung sướng của ông. Gã giám thị thét: “Coi chừng, đừng phí phạm! Nước này chỉ để uống thôi đấy!” Ishvar vội đứng dậy và quay về với sọt sỏi.

Đến khi người đưa nước tới chỗ Om làm việc, bì nước đã nhẹ đi nhiều. Cả bước chân ông ta cũng vậy. Sáu công nhân đào mương được uống trước, rồi đến đám phụ nữ được phân công đi đổ đất. Con họ chơi đùa gần mương. Mấy người phụ nữ khum tay vốc nước cho con uống từ đó.

Om dấp ướt tay và vuốt ngược tóc lên. Cậu móc nửa chiếc lược ra và chải mãi miết. “Ê, ngài minh tinh màn bạc!” Tay quần đốc hết. “Quay trở lại làm việc đi!”

Om cất cây lược đi, chuyển sự chú ý rời rã sang việc đào xới. Cậu khoan khoái tận hưởng những giây phút nhìn mấy người phụ nữ cúi xuống vét đất đá, ngực họ dòn về trước ngực áo. Sọt đất đội trên đầu, họ chỉnh trang lại sari và bước đi, dáng cao cao, vẻ nghiêm nghị,

chân tay chuyển động mượt mà như nước chảy. Hệt như Shanti bên vòi nước, cậu thầm nghĩ, cái bình đồng cũng khiến hông cô ấy lắc lư như vậy.

Giờ nổi giờ trôi qua, đám phụ nữ cũng không đủ sức giúp cậu quên đi nỗi thống khổ của công việc. Còng lưng dưới mương, cây cuốc chim nặng nề trên đôi tay đã quen với kéo cắt và kim chỉ, cậu oằn mình chiến đấu với lớp đất cứng đanh. Chỉ còn nỗi tự ái, sợ bị đám phụ nữ coi là hạng ẻo lả mới giữ cậu tiếp tục công việc. Những vết giộp mới manh nha nổi lên vài phút sau khi cậu bắt đầu làm giờ đã vỡ bục ra hết. Cậu hầu như không đứng thẳng được nữa, còn vai cậu nóng như lửa đốt.

Một đứa bé trong đám đang chơi cạnh mương bắt đầu khóc. Mẹ nó bỏ cái sọt xuống và chạy đến chỗ con. “Mụ lười biếng kia,” gã giám thị quát. “Quay lại làm việc mau!” “Nhưng con tôi đang khóc.” Chị ta bế đứa bé lên. Nước mắt vạch thành những đường lóng lánh trên đôi má lấm lem đất cát của nó.

“Trẻ con khóc là chuyện thường. Chúng nó khóc chán rồi thôi. Đừng có kiếm cớ.” Gã xông tới chỗ chị ta, làm như sắp giật nó khỏi tay chị. Chị nhẹ nhàng đặt nó xuống đồng gạch vụn cho nó tự chơi.

Khi còi hú báo giờ ăn trưa, cả Om lẫn Ishvar đều đã quá rã rời để nhai món rau tổng hợp lỏng bỏng nước kia. Nhưng họ biết mình phải ăn, nếu còn muốn sống sót cho tới hết ngày. Họ nuốt vội nuốt vàng chỗ thức ăn và lách vào khoảng bóng râm của mái lều tôn để nghỉ ngơi một chút.

Tiếng còi hú chấm dứt giờ nghỉ trưa. Chỉ vài phút sau khi trở lại công trường, họ bắt đầu khục khặc; đi liền sau đó là một tràng nôn mửa. Quá trình trút sạch mọi thứ trong bụng chỉ mất một phần của thời gian cần để lấp đầy nó. Hòng chống chọi lại cơn choáng váng, họ ngồi thụp xuống, không chịu nhúc nhích thêm nữa. Ở sát với mặt đất, họ có cảm giác an toàn.

Tay giám thị tát vào đầu họ mấy cái, túm cổ áo họ mà lôi, và nắm vai họ lắc lư lắc để. Hai người thợ may rên lên xin tha. Viên đốc công được gọi tới.

“Lại có chuyện gì nữa thế? Các người quyết chí gây chuyện đấy phỏng?” Viên đốc công hỏi.

“Chúng tôi ốm rồi,” Ishvar nói. Để làm bằng, ông chỉ vào hai vũng nôn đang được một con quạ thăm dò. “Chúng tôi không quen với loại công việc này.”

“Rồi các người sẽ quen thôi.”

“Chúng tôi muốn gặp giám đốc.”

“Ông ấy không ở đây.” Viên đốc công luồn một tay xuống nách Ishvar và kéo lên. Ishvar lê dậy, người lắc lư lảo đảo, mồm miệng bê bết nước nôn, và ngã chúi về phía tay đốc công. Gã kia cuống quýt đẩy ông ra, sợ dây nước nôn vào mình. “Thôi được rồi, về đi. Ngủ một tí đi. Tôi sẽ gặp các người sau.”

Suốt khoảng thời gian còn lại của ngày hôm ấy, không ai làm phiền đến họ trong căn lán tôn. Đến chiều tối, họ nghe thấy tiếng mọi người lục tục kéo đến khu bếp ăn. Ishvar hỏi Om có muốn ăn không. “Có, cháu đói lắm,” cậu nói, hai bác cháu bèn ngồi dậy. Lại thấy choáng, họ đành nằm xuống. Họ không buồn cưỡng lại cơn váng vất mới này.

Một lát sau, lão ăn mày lặn bệ tới, mang theo thức ăn. Lão lặn rất chậm, cẩn thận để không làm sánh đổ đĩa thức ăn đang đặt chênh vênh trên cặp đùi cụt lùn. “Tôi trông thấy hai bác cháu bị ốm. Ăn đi, thế mới khỏe lại được. Nhưng nhai kĩ vào, đừng vội.”

Hai người thợ may cảm ơn lão đã mang thức ăn tới. Lão miễn cưỡng nhìn họ xúc miếng đầu tiên, và từ chối không ăn chung. “Tôi ăn rồi.”

Ishvar uống cạn ca nước, lão ăn mỳ lật đật đẩy bệ để đi lấy thêm. “Ấy đừng, để tôi đi lấy cho,” Om nói. “Tôi khỏe rồi.”

Lão ăn mỳ không chịu, và mau chóng quay về cùng một ca nước đầy ắp. Lão hỏi họ có muốn ăn thêm bánh chapati không. “Tôi vừa làm thân với một người phục vụ bếp, nên muốn lấy bao nhiêu cũng được.”

“Thôi thôi, không cần đâu, chúng tôi no rồi, cảm ơn bác,” Ishvar nói, và hỏi lão tên gì.

“Mọi người gọi tôi là Sâu.”

“Sao lại thế?”

“Tôi bảo rồi mà. Hồi Ông trùm chưa cho tôi cái bệ, tôi toàn phải lết đi.”

“Nhưng giờ bác có cái bệ rồi còn gì. Tên thật của bác là gì?”

“Shankar.”

Lão ngồi nán lại với hai bác cháu thêm nửa tiếng nữa, nói chuyện gẫu, tả lại dự án tưới tiêu mà lão đã đi thăm thú suốt ngày qua. Rồi lão khuyên họ cố ngủ để có thể thức dậy khỏe khoắn, sẵn sàng cho công việc ngày mai. Vài phút sau, khi hai người thợ đã ngáy nhè nhẹ, lão đẩy bệ lăn rời đi, miệng nở nụ cười hạnh phúc.

IX

Luật lệ là gì?

BÊN NGOÀI CỬA, MỘT NGƯỜI PHỤ NỮ vẫy Dina, sốt sắng chìa ra một cái rổ. “Cà *xua* không cô?” Bà ta thì thọt. “Cà *xua* vừa to vừa tươi nhá?”

Dina lắc đầu. Cô, như mọi khi, đang cần tìm thợ may, chứ không tìm cà chua. Đằng xa, một người đang núp trong hốc tường với một hộp đầy ví da; một người khác đứng thập thò, tay khệ nệ bung cả đồng chuỗi. Ai nấy đều đang trong tư thế rình cảnh sát và sẵn sàng tháo chạy. Rác rưởi, mảnh vỡ từ các hàng quán bị phá bỏ vung vãi khắp mặt đất.

Cô lang thang qua vài con phố hoang vắng, cuộc sống vĩa hè ở những nơi này đã bị Tình trạng khẩn cấp hút sạch. Song nhờ vậy có lẽ cơ may tìm ra người thay thế Ishvar và Om sẽ cao hơn, cô tự an ủi bản thân. Rất có thể những thợ may hành nghề ở những hàng quán ven đường sẽ đi tìm việc khác.

Khi giao lộ vấy cuối cùng đến Công ty xuất khẩu Au Revoir, cô đã báo bữa với bà Gupta rằng thợ may của mình sắp đi nghỉ hai tuần. Tuy nhiên, khi thời hạn nửa tháng thiếu thợ thuyền ấy dần trôi về điểm kết, cô nhận ra niềm lạc quan của mình đã đặt nhầm chỗ. Buộc phải báo với bà giám đốc rằng công việc sẽ tiếp tục bị trì hoãn.

Dina mở màn bằng việc tán tụng mái tóc của bà Gupta. “Đẹp quá. Chị vừa đi Thẩm mỹ viện Venus về à?”

“Không,” bà Gupta nhăm nhắng đáp. “Tôi phải đến chỗ lạ. Zenobia không chịu làm cho tôi.”

“Có chuyện gì vậy?”

“Tôi cần hẹn làm đầu gấp, thế mà cô ấy bảo tôi cô ấy kín lịch hết rồi. Khách hàng thân thiết nhất mà bị nói thế đấy.”

Thôi rồi, Dina than thầm, chọn nhầm chủ đề rồi. “Nhân tiện, thợ của tôi vẫn nghỉ.”

“Gay nhỉ. Bao lâu?”

“Tôi không rõ, có lẽ hai tuần nữa. Họ bị ốm ở dưới quê.”

“Đứa nào chả nói thế. Bao nhiêu ngày công mất toi chỉ vì mấy lý do kiểu đấy. Có khi chúng nó đang rệu rã nhẩy múa ở dưới quê cũng nên. Chúng ta thuộc Thế giới thứ ba về thứ hạng phát triển, nhưng riêng khoản trốn việc với đình công thì phải đứng hạng nhất.”

Mụ ngu, Dina rửa thầm. Giá mụ biết Ishvar và Om tội nghiệp phải làm việc cật lực thế nào, và họ đã phải chịu đựng những khổ đau ra sao.

“Không sao,” bà Gupta nói. “Tình trạng khẩn cấp là phương thuốc tốt cho đất nước. Nó sẽ sớm chữa lành những thói quen xấu cho tất cả mọi người.”

Cô tỏ ý đồng tình, dù trong bụng ước sao cái đầu bà giám đốc sẽ được chữa khỏi chứng đần độn mạn tính. “Phải, tình hình sẽ được cải thiện rất nhiều.”

“Vậy thì hai tuần nữa nhé, và không được chậm trễ thêm nữa đâu đấy, cô Dalal. Chậm trễ là sản phẩm phụ của mất trật tự. Nhớ lấy, luật lệ nghiêm khắc và giám sát chặt chẽ dẫn đến thành công. Vô kỷ luật là mẹ của hỗn loạn, nhưng những hoa trái của kỷ luật sẽ rất

ngọt ngào.”

Dina sững sốt lắng nghe, và chào từ biệt. Cô băn khoăn không biết có phải bà Gupta đã nhận việc viết khẩu hiệu cho chương trình Tình trạng khẩn cấp làm nghề tay trái hay thú vui không. Hoặc rất có thể bà ta đã bị bội thực bằng rôn và áp phích của chính phủ, do đó mất khả năng ăn nói một cách bình thường.

Giữa lúc những lời của bà giám đốc treo lơ lửng trên đầu Dina như một bản tối hậu thư và nửa tháng tiếp theo dần trôi đi, người thu tiền nhà tìm đến đúng ngày đã hẹn. Lão đưa tay phải lên chiếc mũ đuôi seo màu huyết dụ như muốn nhắc nó ra. Khớp vai cứng đờ khiến lời chào không thể hoàn tất. Bàn tay liền rơi xuống cổ áo chiếc sherwani màu đen, xóc lại nó như một câu chào hỏi thay thế.

“À, ông đến thu tiền nhà,” cô khịt mũi. “Đợi nhé. Để tôi đi lấy tiền.”

“Cảm ơn chị,” Ibrahim tươi cười rạng rỡ, còn cánh cửa đóng sập trước mặt lão.

Lão bỏ cổ áo để ngoáy hai lỗ mũi lấm tấm thuốc lá bột. Ngón tay lão không tài nào húng kịp cơn mưa bụi nâu đỏ xuống mép trên vừa được cạo sạch sẽ, những chấm thuốc bột nổi bật giữa hàm râu trắng xóa.

Lão rờ rẫm dưới áo sherwani, nắm lấy góc chiếc khăn mù soa, và kéo ra. Lão chùi trán, rồi nhồi nó trở lại túi quần, mắt môi mắt lợi nhét nó xuống cho đến khi chỉ còn một mẩu khăn thập thò chìa ra.

Lão thở dài, đoạn tựa lưng vào tường. Mới đến trưa mà lão đã mệt đừ người. Giá thử thu tiền xong sớm, lão cũng chẳng có chỗ nào để đi – lão đã cho một người công nhân làm ca đêm thuê phòng từ chín giờ sáng đến chín giờ tối. Phải lang bang ngoài đường, Ibrahim chiếm cứ các băng ghế công viên, ngồi trên bậc trạm chờ xe buýt, nhâm nhi một cốc trà ở quán lề đường cho kì tới lúc được trở về nhà và nằm ngủ trong căn phòng còn nồng hơi hám của anh thợ. Đây mà là sống ư? Hay chỉ là một trò đùa dai ác nghiệt? Lão không còn tin cán cân có thể trở lại trạng thái thăng bằng hoàn hảo nữa. Chỉ cần chảo nhà lão không sạch trơn, chỉ cần trong đó còn có chút gì gọi là, đủ cho lão cầm cự qua ngày này đêm khác, với lão, thế là đủ. Giờ lão chẳng còn mong mỏi gì hơn từ bàn tay Con Tạo nữa.

Lão quyết định tranh thủ thời gian chờ đợi ngoài cửa để tìm hóa đơn tiền nhà của Dina. Thật cẩn thận, sợi chun cao su được kéo lên. Lão lôi nó ra suôn sẻ cho đến khi chạm mép cặp giấy, rồi bất thần dây chun bật tung, bắn vào mũi lão và khiến lão đánh rơi cả cái cặp giấy.

Giấy tờ trong cặp xo tung tóe. Lão quỳ hấn xuống để nhặt lại những tờ giấy quý giá. Hai tay lão luống cuống vơ vớ cả bốn phía. Cứ nhặt được hai tờ thì một tờ trượt khỏi ngón tay lão. Một cơn gió nhẹ thổi giấy má bay tứ tán, lão hoảng hốt. Lão giơ tay quét chúng, vun lại thành một đồng, mặc kệ giấy bị nhàu nát.

Dina mở cửa, món tiền nhà cầm trên tay. Thoạt tiên, cô nghĩ lão vừa sẩy chân ngã. Cô cúi xuống đỡ lão. Nhưng rồi, khi đã nhận rõ tình hình, cô đứng thẳng dậy, tách xa lão sứ thần của ông chủ nhà, bàng quan ngắm nhìn tai ương của kẻ thù.

“Xin lỗi chị,” lão ngẩng mặt lên cười. “Tay già vụng về thế đấy, biết làm sao được.” Lão loay hoay mãi, rồi cũng nhồi nhét được tất cả giấy má vào trong chiếc cặp nhựa. Sợi chun cao su to kèch được xỏ vào cổ tay cho khỏi rơi. Lão đứng dậy, loạng choạng. Bàn tay Dina đưa nhanh ra đỡ lão.

“Hê, hê, chị khỏi lo. Chân cẳng hãy còn tạm, tôi nghĩ vậy.” “Ông đếm đi,” cô lạnh lùng

chìa xấp tiền ra.

Hai tay lão còn bấu chặt chiếc cặp lộn xộn nên món tiền đưa ra chẳng được nhận về. Lão dỏng tai lắng nghe, xem có tiếng máy may lạch cạch không. Chẳng có gì. “Chị ơi, chị cho tôi vào ngồi nhờ một chút để kiểm tờ hóa đơn của chị được không? Kéo giấy tờ lại rơi thêm lần nữa thì khổ. Tay tôi run quá.”

Lão đang cần một cái ghế, chuyện ấy là thật, cô biết. Và lão sẽ tận dụng nó, cái đó chẳng phải bàn. “Được chứ, mời ông vào,” cô mở rộng cánh cửa. Đến hôm nay thì chẳng còn gì để mất cả.

Nỗi kích động càng làm cơn run rẩy vì mệt của Ibrahim mạnh thêm. Rốt cuộc, sau bao tháng dùng trăm phương ngàn kế, lão đã được vào nhà. “Giấy má lộn lộn hết cả rồi,” lão nói giọng phân bua, “nhưng tôi sẽ tìm được hóa đơn ngay cho chị, chị đừng lo.” Lão lại lắng tai nghe những âm thanh ở phòng trong. A, nhưng trong đó lặng như tờ, dĩ nhiên.

“Phải, của chị đây.” Tên và địa chỉ đã được điền sẵn. Lão ghi số tiền đã nhận cùng ngày tháng. Một chữ kí quăn quại chạy ngang miếng tem lệ phí dán ở phía dưới, và món tiền được nhận về.

“Ông đếm đi.”

“Cần gì, chị. Một khách thuê hai chục năm như chị – nếu không tin chị thì tôi còn tin ai được nữa?” Nói vậy nhưng lão vẫn đếm. “Tôi chỉ chiều ý chị thôi đấy.” Lão rút từ túi trong chiếc áo sherwani ra một cuộn tiền dày cộp và đắp thêm món tiền của Dina vào. Cũng như chiếc cặp nhựa, món tiền được buộc bằng một sợi dây chun.

“Thế,” lão nói, “nhân lúc đang ở đây, tôi có thể làm gì giúp chị được không? Vòi nước rò chẳng? Có thứ gì hỏng không? Thạch cao trát phòng trong có ổn không?”

“Tôi cũng không rõ.” Rõ đồ trơ tráo, cô cảm phần nghĩ thầm trong bụng. Bình thường người thuê nhà cứ việc kêu ca đến khô nước bọt thì thôi, còn bây giờ lão khốn này lại giả bộ tử tế bằng nụ cười tự động của lão. “Ông tự đi xem xem.”

“Xin tùy ý chị.”

Vào đến phòng trong, lão cong ngón tay gõ gõ mấy bức tường. “Thạch cao vẫn tốt,” lão lẩm bẩm, không giấu nổi nỗi thất vọng trước mấy chiếc máy may câm lặng. Rồi, làm như lần đầu tiên nhận thấy sự hiện diện của hai chiếc Singer, lão nói: “Chị có tận hai cái máy trong phòng này cơ à.”

“Không có luật nào cấm sở hữu hai chiếc máy may, phải không?”

“Không hề, tôi chỉ hỏi thôi. Tuy nhiên, giữa thời buổi này, dưới cái Tình trạng khẩn cấp điên rồ này, chả ai có thể nói chắc được có những luật lệ gì. Ngày nào chính phủ chẳng khiến bọn dân đen chúng ta sống sốt.” Tiếng cười của lão nghe nhạt thếch, cô tự hỏi không hiểu có lời đe dọa nào ẩn trong những lời lão nói không.

“Một chiếc lắp kim mảnh, chiếc kia thì kim dày,” cô bịa. “Chân vịt và áp lực của mỗi chiếc cũng khác nhau. Tôi may rất nhiều thứ: rèm cửa, ga giường, váy vóc. Mỗi món lại yêu cầu một loại máy móc đặc chủng.”

“Tôi trông hai cái giống nhau hên hệt ấy, nhưng ngữ tôi thì biết gì về may vá kia chứ?” Họ vào phòng Maneck, và Ibrahim quyết định gạt tể nhị sang một bên. “Vậy ra đây hẳn là chỗ cậu trai kia ở.”

“Sao cơ?”

“Cậu trai trẻ, thưa chị. Khách trọ của chị ấy.”

“Sao ông dám! Sao ông dám vu cho tôi tội nuôi trai trong nhà! Ông nghĩ tôi là hạng đàn bà đấy ư? Chỉ vì...”

“Ấy, không, không phải...”

“Sao ông dám sỉ nhục tôi, giờ lại còn ngắt lời tôi nữa! Chỉ vì tôi là một góa phụ khốn khổ, vô phương tự vệ, nên các người nghĩ mình muốn nói những câu bẩn thỉu gì cũng được ư! Khen cho ông, sao đến lúc bắt nạt một người đàn bà yếu đuối cô độc thì lại dừng cảm, cứng cổ thế!”

“Nhưng thưa chị, tôi...”

“Nhân cách con người thời nay làm sao thế không biết? Thay vì bảo vệ danh dự phụ nữ, người ta lại tìm vui bằng việc bôi nhọ, sỉ nhục những người vô tội. Còn ông nữa! Ông, một người râu tóc đã bạc phơ thế kia, lại dám nói những câu vô sỉ, đáng xấu hổ như thế! Ông không có mẹ, không có con gái ư? Ông nên tự lấy làm hổ thẹn mới phải!”

“Xin hãy thứ lỗi cho tôi, tôi thực không có ý gì xấu, tôi chỉ...”

“Không có ý gì xấu, nói thì dễ lắm, nhưng cái sẩy đã nảy cái ung mất rồi.”

“Không, thưa chị, cái ung gì cơ? Lão già ngớ ngẩn là tôi đây chỉ nhắc lại một lời đồn ngu xuẩn thôi, xin chị thứ lỗi cho.”

Ibrahim cảm cổ chuồn thẳng, tay ôm chặt cái cặp nhựa. Nỗ lực giơ chiếc mũ đuôi seo lên tạm biệt cũng chết yểu nốt, như lời chào lúc đầu. Lão lại thay thế nó bằng một cú giạt nhẹ cổ áo sherwani. “Cảm ơn chị, xin cảm ơn. Tháng sau tôi sẽ lại, chị cảm phiền. Người đầy tớ hèn mọn của chị.”

Trong đầu cô chợt nảy ra ý định “sửa” lão một phen vì dám gọi “chị chị em em” bằng giọng giả trá. Cô cảm thấy hình phạt dành cho lão vẫn còn quá nhẹ nhàng. Nhưng thôi, lão cũng già cả rồi. Giá là một gã tay sai trẻ tuổi của lão chủ nhà, cô sẽ có hứng mắng mỏ hơn.

Đến chiều, cô diễn lại toàn cảnh cho Maneck xem, có vài chỗ cô phải lặp lại lần nữa vì cậu nài. Cậu thích nhất khi cô diễn đến đoạn quý cô bị vu khống. “Dì đã cho cháu xem tư thế quý cô yếu đuối bị ức hiếp chưa?” Cô bắt chéo hai cánh tay lại, bàn tay đặt trên vai, che kín ngực. “Dì đứng thế này này. Làm như lão sắp sửa lao vào dì ấy. Khốn khổ thân lão, lão xấu hổ quá phải nhìn đi chỗ khác. Dì làm thế kể cũng ác thật. Nhưng đáng đời lão lắm.”

Tiếng cười của họ trong giây lát bỗng mang một vẻ liều lĩnh táo tợn, như khi cắt một lát bánh mì thật mỏng và vờ như vẫn còn vô khối bánh. Rồi im lặng ập đến căn phòng thật đột ngột. Mảnh vụn niềm vui cuối cùng sinh ra từ chuyển viếng thăm của lão thu tiền nhà.

“Kịch đã diễn, tiền đã hết,” cô nói.

“Ít ra tiền thuê nhà đã được trả đủ, cả tiền điện nước nữa.”

“Chúng ta đâu thể ăn được điện.”

“Dì cứ lấy tiền tiêu vặt của cháu mà dùng, tháng này cháu không có việc gì cần đến,” cậu nói, đoạn thò tay rút ví ra. Cô nghiêng người tới và vuốt lên má cậu.

Nửa tháng nữa vụt qua, Dina có cảm giác nó trôi nhanh như những mũi khâu từng hân hoan tuôn chảy từ hai chiếc Singer trong những ngày vui vẻ. Cô không nhận ra rằng, tự lúc nào, những tháng dài sống cùng Ishvar và Om, những tháng của cái kính và chậm trễ, của những trận cãi cọ và những đường may xộc xệch, đã biến thành thứ gì đó quý giá vô

ngân, được hoài nhớ bằng cả tấm lòng tha thiết.

Đến cuối tháng, người chủ cho thuê đến hỏi thăm tình hình hai chiếc máy may. Hạn nộp đã qua mà tiền trả góp vẫn chưa thấy. Cô chỉ cho anh ta xem hai chiếc Singer để chúng tỏ chúng vẫn an toàn, và xin anh ta cho thư thư ít lâu. “Anh đừng lo, hai người thợ có thể bồi thường cho anh gấp ba lần số tiền đó. Nhưng nhà có việc gấp, nên họ vẫn bị kẹt dưới quê.”

Những cuộc lùng tìm kéo dài cả ngày trời hòng kiếm thợ mới rồi cuộc chẳng đem lại kết quả gì. Thỉnh thoảng Maneck đi cùng cô, và cô mừng có cậu bầu bạn. Nhờ cậu, những chuyến lang thang buồn thảm cũng bớt khổ sở phần nào. Sung sướng vì được cúp tiết, lẽ ra Maneck còn chăm đi hơn, nếu không phải Dina dọa sẽ mách bố mẹ cậu. “Đừng gây thêm rắc rối cho dì,” cô nói. “Có điều, nếu đến tuần sau mà vẫn chưa kiếm được hai thợ may, dì sẽ phải đi vay tiền Nusswan để trả tiền thuê nhà.” Nghĩ đến đó, cô rùng mình. “Dì sẽ lại phải nghe những thứ rác rưởi của bác ấy – anh đã bảo em rồi, tái hôn đi, ương ngạnh lắm chỉ tổ khổ đau nhiều.”

“Nếu dì muốn, cháu sẽ đi cùng dì.”

“Được thế thì tốt quá.”

Tối đến, họ viện đến tấm chăn để vẽ việc cho mình. Chồng vải vụn đã teo tóp nhiều vì thiếu vải mới, buộc cô phải tìm đến những mảnh mà trước nay cô vẫn né tránh, như thứ vải voan mỏng tang, không thực phù hợp với thiết kế của cô. Hai dì cháu khâu thành những cái túi nhỏ hình chữ nhật và nhồi vào đó mẫu vụn của những thứ vải khác dày dặn hơn.

Đến khi vải voan hết nhãn, tấm chăn cũng ngừng mở rộng.

“Xin mời vào,” viên đốc công chào đón gã Điều phối viên, khi gã mang tới công trường thêm một xe tải mới đầy cư dân vỉa hè.

Gã Điều phối viên cúi chào và bê ra một cái hộp khổng lồ đựng đầy các loại quả và hạt khô bọc giấy bóng kính. Bù trừ giữa khoản trả cho Hạ sĩ Kesar và khoản thu được từ viên đốc công, y kiếm ăn cũng khá; vì thế, các bánh răng cần được bôi trơn cẩn thận.

Hạt điều, hồ trăn, hạnh nhân, nho khô, mơ khô nom rõ mồn một qua những ô trống nhỏ trên nắp hộp. “Cái này là để biếu chị nhà và các cháu,” gã Điều phối viên nói. “Ấy, xin anh nhận lấy, không,” gã vội để thêm khi thấy viên đốc công làm hiệu từ chối. “Món quà mọn này có là gì đâu, chỉ là chút ít để thể hiện lòng thành thôi.”

Cả giám đốc dự án cũng sung sướng không kém trước sự xuất hiện của các cư dân vỉa hè mới. Nhờ kế hoạch này, ông ta có thể mặc sức chi phối bằng lương. Đám lao động không công làm ăn thiếu hiệu quả ở đâu, chỗ đó đã được bù đắp lại bằng số lượng. Dự án tưới tiêu đang mở rộng không còn cần phải thuê thêm công nhân ăn lương phụ trội nữa.

Thực ra, vài người đã bị cho nghỉ việc; và nhóm lao động công nhật còn trụ lại bắt đầu có cảm giác bị đe dọa. Trong mắt họ, cơn lũ những hình nhân xương xẩu, rúm rỏ, đói khát họ đã dần dần biến thành đội quân thù địch. Thoạt tiên, đám ăn mày và dân vỉa hè được nhìn nhận bằng ánh mắt thương hại xen lẫn khoái trá khi họ phải khổ sở vật lộn với những nhiệm vụ vặt vãnh nhỏ nhoi, nhưng giờ họ lại giống những kẻ xâm lăng, đến đây để cướp đi công ăn việc làm. Nhóm công nhân ăn lương bắt đầu trút hận thù xuống đầu họ.

Chuyện ức hiếp người mới đến xảy ra như cơm bữa. Chửi bới, xô đẩy, dằn vặt trở thành việc thường ngày. Một cái cán thuổng có thể thành linh nhô lên khỏi miệng mương và

ngáng chân ai đó. Từ các giàn giáo và nền đất cao, những bãi nước bọt bay rào rào xuống như phân chim, có điều chuẩn xác hơn nhiều. Đến giờ ăn, vô số cái khuỷu tay thốt nhiên trở nên vụng về liên tục đánh đổ đĩa của họ, và vì theo quy định, không ai được chia phần ăn thứ hai, nên đám ăn mày và dân vạ cư vĩa hè thường xuyên phải bốc thức ăn dưới đất lên mà ăn. Đa phần bọn họ đã quen với cảnh bới rác, nhưng món ra-gu rau củ lỏng bỏng nước ngấm rất nhanh xuống mặt đất khô nỏ. Chỉ những thức khô như bánh chapati hay những vụn rau là còn có thể cứu vãn.

Mọi lời kêu van của họ tới đốc công đều bị phớt lờ. Quan sát từ phía trên cho thấy một quy trình vận hành kinh tế, trơn tru, không cần thiết phải có sự can thiệp từ phía các cấp lãnh đạo.

Đến cuối tuần thứ nhất, Ishvar và Om có cảm giác họ đã sống đến thiên thu trong cái địa ngục này. Họ hầu như không tài nào thức dậy nổi khi còi báo sáng kêu. Như có bùa phép gây choáng khiến trời đất quay cuồng xung quanh mỗi khi họ trở dậy. Họ gằng gỏi tồn tại cho hết ngày, hai tai đầy những lời hăm dọa và mạ lị của bọn giám thị và đám công nhân ăn lương. Họ ngủ gục khi trời mới chập choạng tối, mơ màng trong tấm chăn xương xẩu của nỗi kiệt quệ.

Một đêm nọ, xăng đan của hai bác cháu bị ăn trộm khi họ đang ngủ. Họ không biết thủ phạm có phải là một trong số những người ở chung lán với họ không. Họ đi chân đất đến kêu ca với viên đốc công, với hi vọng ông ta sẽ phát cho họ đôi khác.

“Lẽ ra các người phải cẩn thận hơn mới phải,” viên đốc công nói, đoạn khom lưng gài dây xăng đan của mình. “Làm sao tôi có thể canh chừng giày dép cho tất cả mọi người được? Vả lại, chuyện đó có gì mà to tát đâu. Các thánh nhân và các thầy tu toàn đi chân đất đấy thôi. Cả M. F. Husain nữa.”

“M. F. Husain là ai vậy, thưa ngài?” Ishvar rón rén ướm hỏi. “Bộ trưởng bộ nào đó ạ?”

“Ông ấy là một nghệ sĩ rất nổi tiếng ở đất nước ta. Ông ta không bao giờ bao bọc bàn chân mình vì ông không muốn xa rời Đất Mẹ. Thử hỏi, các người còn cần dép làm gì?”

Trong suốt đồ dùng trại cấp không có món giày dép nào cả. Hai bác cháu bèn tìm tòi khắp lán một lần nữa, phòng khi có ai đó xỏ nhầm dép của họ chẳng. Rồi họ rón rén đi bộ ra công trường, cố tránh những hòn đá sắc nhọn.

“Chả mấy nữa bác sẽ có lại đôi chân như hồi bé,” Ishvar nói. “Mày biết không, ông nội Dukhi của mày chả bao giờ đi dép cả. Còn bố mày với bác thì chẳng có tiền mà sắm đôi nào, mãi cho đến khi học việc với ông trẻ Ashraf xong. Đến lúc đấy chân hai anh em đã lì như da thuộc rồi – cứ như được người Chamaar thuộc ấy, dẻo dai chẳng kém gì da bò.”

Đến tối, Ishvar khẳng định lòng bàn chân ông đã cứng hẵn lên. Ông dặc ý sờ vuốt làn da lấm lấm hàng bánh đất, khoan khoái cảm nhận bề mặt xù xì dưới ngón tay mình. Nhưng đối với Om, đó là một cực hình. Đời cậu chưa bao giờ đi chân đất.

Đến đầu tuần thứ hai, cơn choáng của Ishvar kéo dài qua cả cử trà sáng, và càng lúc càng trầm trọng hơn dưới mái vòm nhiệt đang trương to dần. Mặt trời bổ vào đầu ông như một nắm đấm khổng lồ. Đến trưa, cả người lẫn sọt sỏi chuệnh choạng ngã lăn xuống mương.

“Đưa lão đến chỗ ngài bác sĩ,” tay giám thị ra lệnh cho hai người. Ishvar quàng tay qua vai họ và cà nhắc cà nhót nhảy đến phòng y tế của trại.

Ishvar chưa kịp kể cho bác sĩ biết chuyện gì đã xảy ra, anh chàng khoác áo trắng đã

quay vào chỗ để một dãy ống nghiệm và chai lọ. Đa phần trong số đó trống trơn; dầu vậy, nhìn vào cũng thấy hoành tráng. Anh ta chọn lấy một chai dầu trong khi Ishvar, đứng chênh vênh bằng một chân, giơ mắt cá chân bị thương lên mong dẫn dụ bác sĩ xem cho mình. “Thưa ngài bác sĩ, tôi bị đau ở đây.”

Ông được yêu cầu bỏ chân xuống. “Không có chỗ nào đập vỡ đâu, đừng lo. Thứ dầu này sẽ giúp chú hết đau.”

Anh chàng khoác áo trắng cho phép ông được nghỉ đến hết ngày. Shankar dành phần lớn thời gian ngồi bên Ishvar trong lán, đến giờ nghỉ lại lăn đi lấy thức ăn và trà. “Ấy không, chú đừng dậy làm gì, cần gì cứ bảo lão.”

“Nhưng tôi phải đi giải.”

Shankar trượt khỏi bệ và ra hiệu cho ông ngồi lên đó. “Chú không nên bắt cái chân đau phải làm việc,” ông ta nói.

Ishvar cảm động lắm, chính lão, một kẻ không chân, lại lo lắng đến chân cẳng của người khác đến thế. Ông hào hứng ngồi lên bệ, khoanh chân lại, và chống tay đẩy đi như cách Shankar vẫn làm. Trông thế mà không dễ chút nào, ông nhận ra. Chuyển đi tới nhà xí và quay về khiến hai cánh tay ông mỏi nhừ.

“Chú có thích cái bệ của tôi không?” Shankar hỏi.

“Thoải mái lắm.”

Hôm sau, Ishvar phải trở dậy và tập tễnh đi ra bãi sỏi, dù rằng mắt cá chân của ông sưng vù và đau nhức. Giám thị sai ông đổ sỏi vào sọt cùng đám phụ nữ, chứ không phải bê đi nữa. “Ông ngồi làm cũng được,” hấn nói.

Còn có những tai nạn khác, nghiêm trọng hơn cả của Ishvar nhiều. Một người đàn bà mù, được giao nhiệm vụ đập đá, sau vài ngày làm việc suôn sẻ, đã quai búa nát cả ngón tay. Một đứa trẻ rơi từ trên giàn giáo xuống, gãy cả hai chân. Một người đàn ông cụt tay, vác các sọt cát gá vào một bộ đai đeo vai, bị gãy cổ khi anh ta mất thăng bằng và dây đai trật đi.

Đến cuối tuần, đã có kha khá người mới đến bị viên đốc công liệt vào hàng vô dụng. Ngài Bác sĩ chữa cho họ bằng loại dầu ưa thích của mình. Những lúc cao hứng, anh ta thậm chí còn dùng cả nẹp và băng gạc. Shankar được phân công mang cơm nước cho người bệnh. Lão rất thích nhiệm vụ này, háo hức chờ đến giờ ăn, ngồi trên bệ lăn từ gian bếp nóng bỏng đến khu lán ngập trong tiếng rên la với một ý thức trách nhiệm mới. Ở mỗi điểm dừng chân, lão lại được con bệnh dành tặng không biết bao nhiêu lời cảm ơn và cầu chúc chân thành.

Điều lão thực sự mong muốn, dầu vậy, là chăm sóc vết thương cho họ và giúp giảm bớt nỗi đau đớn của họ, điều mà ngài Bác sĩ hình như không có khả năng làm. “Tôi thấy anh ta không phải là bác sĩ thông minh cho lắm đâu,” lão tâm sự với Ishvar và Om. “Anh ta toàn dùng một thứ thuốc cho tất cả các bệnh nhân thôi.”

Suốt những ngày dài dặc, nóng bức, các con bệnh không ngớt gào thét xin cứu giúp, còn Shankar chuyện trò với họ, lấy nước vãi lên trán họ, an ủi họ rằng tương lai rồi sẽ tốt đẹp hơn. Khi đám công nhân quay về vào buổi tối, đói khát và kiệt quệ, những tràng rên rĩ không dứt khiến họ phát điên. Tình trạng này còn kéo dài đến khuya lơ khuya lắc, làm họ không tài nào ngủ nổi. Rốt cuộc, sau vài đêm, cũng có người chạy đi kêu ca.

Cáu bẳn vì bị đánh thức, viên đốc công quay sang chửi mắng đám người bị thương.

“Ngài bác sĩ đã chăm sóc các người cẩn thận thế rồi còn gì. Các người còn muốn gì nữa? Nếu chúng tôi đưa các người tới bệnh viện, các người tưởng sẽ được đối xử tử tế hơn ở đây chắc? Bệnh viện nào chả bị quá tải, quản lý thì chẳng đâu vào đâu, bọn y tá sẽ quăng các người ra mấy dãy hành lang bẩn thỉu và để mặc cho các người chết trương chết thối ở đấy cho mà xem. Ở đây ít ra các người còn có một chỗ sạch sẽ để nghỉ ngơi.”

Trong mấy ngày sau đó, viên đốc công, vì kẹt người, đã buộc phải thuê lại một số công nhân ăn lương đã bị sa thải. Họ nhanh chóng nhận ra rằng đây chính là câu trả lời cho rắc rối của mình: biến đám lao động không công thành phế nhân, rồi công ăn việc làm sẽ trở lại.

Những hành động thù địch nhắm vào đám ăn mày và dân vạ cư vỉa hè tăng đến mức báo động. Nhóm lao động công nhật bắt đầu đẩy họ từ trên các bờ rìa và giàn giáo xuống, cẩu thả vung cuộc lung tung, vô ý để đá tảng lăn xuống sườn đồi. Số ca bị thương tăng vọt. Shankar rất vui lòng nhận phần công việc phát sinh thêm cho mình. Lão đốc toàn tâm toàn ý vào hoàn thành bốn phận mới.

Đến nay giám đốc dự án đã có cái nhìn khác đối với những lời kêu ca của các nạn nhân. Lực lượng bảo vệ được tăng cường, và được lệnh phải tuần tra công trường mọi lúc mọi nơi, chứ không chỉ vào ban đêm nữa. Đám lao động công nhật bị cảnh báo rằng mọi hành vi cẩu thả khi làm việc sẽ bị trừng phạt bằng đuổi việc. Số cuộc tấn công giảm đi, nhưng dần dần dự án tuổi tiêu trông chẳng khác gì một trại lính.

Lần tiếp theo, khi gã Điều phối viên tìm đến với một lô dân vạ cư vỉa hè mới, viên đốc công than phiền rằng đám lao động không công của y là một món đầu tư tồi. Hắn kêu những vết thương đã có sẵn từ trước khi có đến đây. “Cậu báo hại tôi phải nuôi ăn nuôi ở một lũ tàn phế vô dụng rồi đây này.”

Gã Điều phối viên mở sổ ghi chép ngày giao những kẻ được nói tới, và chỉ cho hắn xem các chi tiết mô tả tình trạng sức khỏe của họ. “Tôi công nhận có vài đứa hơi lờ mờ. Nhưng đấy có phải lỗi của tôi đâu. Cảnh sát xúc hết lượt, cả đứa còn sống lẫn đứa sống dở chết dở, lên xe của tôi.”

“Đã thế, tôi cũng chả muốn lấy thêm nữa.”

Gã Điều phối viên cố công vỗ về viên đốc công và cứu vãn cuộc mua bán. “Xin cho tôi vài ngày, không, tôi sẽ tính toán xem. Tôi xin đảm bảo anh sẽ không mất trắng đâu.”

Trước mắt, trong lô hàng mới nhất đang chờ được thả khỏi xe còn có cả các diễn viên đường phố thuộc đủ loại hình. Có diễn viên tung hứng, nhạc công, diễn viên nhào lộn, và ảo thuật gia. Viên đốc công quyết định cho họ lựa chọn: hoặc tham gia lực lượng lao động như các dân cư vỉa hè khác, hoặc giúp vui cho toàn trại để đổi lấy nơi ăn chốn ở.

Đám diễn trò chọn cách thứ hai, đúng như viên đốc công đã dự đoán. Họ được xếp một chỗ ở tách riêng khỏi những người còn lại, và được lệnh chuẩn bị một buổi biểu diễn ngay tối hôm đó. Giám đốc dự án cũng đồng ý với đề xuất của viên đốc công. Đa dạng hóa sẽ tốt cho tâm lý người lao động, và giúp giảm bớt tình trạng căng thẳng và thù nghịch đang đe dọa trại.

Sô diễn mở màn sau bữa tối, dưới ánh đèn của khu bếp ăn. Đội trưởng đội bảo vệ bằng lòng giữ chân dẫn chương trình. Tiết mục nhào lộn, một anh chàng tung hứng gậy gỗ, và màn đi dây mở đầu cuộc vui. Sau đó là một quãng nghỉ giữa giờ bằng âm nhạc, với những bài hát đậm chất ái quốc, thôi thúc ngài giám đốc dự án phải đứng hẳn dậy để hoan hô. Sau đó, một cặp uốn dẻo vốn là hai vợ chồng được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt, nổi

tiếp bằng ảo thuật bài và một số tiết mục tung hứng khác.

Shankar, ngồi xem biểu diễn bên cạnh Ishvar và Om, phấn khích vô cùng, lão hân hoan nhảy nhô nhảy nhếch trên bệ, vỗ tay nồng nhiệt, mặc dù hai lòng bàn tay quần bằng chỉ tạo ra những âm thanh nghèn nghẹt. “Tôi ước sao những người khác cũng được xem,” lão luôn mồm nói, bụng đau đầu nghĩ đến các bệnh nhân của mình đang nằm trong lán. Lão vẫn nghe thấy tiếng họ kêu khóc trong những khoảnh khắc im lặng, khi toàn thể khán giả im bật, căng lên vì hồi hộp, những lúc diễn viên trình diễn tiết mục gì đó đặc biệt mạo hiểm với dao kiếm hoặc lật lẻo trên sợi dây mảnh.

Giám đốc dự án liên tục gật gù ra chiều hài lòng với viên đốc công; thật là một quyết định sáng suốt. Người diễn trò cuối cùng đang đợi trong bóng tối của nhà bếp. Đạo cụ của tiết mục trước được dọn đi. Đội trưởng đội bảo vệ tuyên bố, rằng để kết thúc chương trình, họ sẽ được chứng kiến một màn giữ thăng bằng đáng kinh ngạc. Diễn viên bước vào ánh sáng.

“Anh chàng dạy khỉ kia!” Om kêu lên.

“Cả hai đứa con của chị anh ta nữa,” Ishvar nói. “Chắc là tiết mục mới mà anh ta bảo chúng ta là đang dàn dựng đấy.”

Hai đứa trẻ không xuất hiện trong phần diễn mở đầu của người dạy khỉ, vốn chỉ gồm vài trò tung hứng giống những tiết mục đã có trước đó. Nó được đón nhận một cách hồ hững. Bấy giờ anh ta mới giới thiệu đứa bé trai và gái, mỗi tay anh ta xách một đứa giơ lên cao. Cả hai đứa đều đang bị cảm, mũi dãi bết bết. Anh ta bắt tay vào buộc chúng vào hai đầu của một cây sào dài cỡ bốn, năm mét. Xong xuôi, anh ta nằm xuống đất, lật ngửa người lên, và đặt ngang cây sào trên lòng hai bàn chân trần. Khi nó đã thăng bằng, anh ta bắt đầu dùng ngón chân xoay tròn cây sào. Hai đứa trẻ quay tít trên cái vòng quay ngựa gỗ thô sơ ấy, ban đầu còn chậm chậm, khi anh ta vẫn đang phải thử mức cân bằng và nhịp độ, rồi nhanh dần lên. Thân chúng treo oặt oeo, không thấy một tiếng kêu nào phát ra, hình hài của chúng nhòa dần đi.

Những tràng hoan hô nổi lên lác đác, khán giả phập phồng lo lắng. Rồi tiếng vỗ tay dồn dập dần lên, như thể họ hi vọng tiết mục mạo hiểm này sẽ chấm dứt nếu họ trao cho anh ta phần thưởng của mình, hay, chí ít ra, tiếng vỗ tay có thể bằng cách nào đó duy trì trạng thái cân bằng, giúp hai đứa trẻ được an toàn.

Cây sào bắt đầu quay chậm lại, rồi dừng hẳn. Anh chàng dạy khỉ cởi trói cho hai đứa trẻ và chúi mồm cho chúng; lực li tâm đã hút ra một dòng nước mũi từ hai cái mũi sụt sịt. Tiếp đó, anh ta bắt chúng nằm xuống đất, quay mặt vào nhau. Lần này cả hai bị buộc vào cùng một đầu sào, chân chúng đặt trên một thanh ngang nhỏ. Anh ta kiểm tra nút buộc rồi dựng đứng cây sào lên.

Hai đứa trẻ được đưa lên cao vút. Khuôn mặt chúng mất hút trong màn đêm, vượt khỏi khoảng sáng của đèn nhà bếp. Khán giả sững sờ. Anh ta giơ cây gậy lên cao hơn, khẽ tung nó lên một chút, và giơ lòng bàn tay đỡ lấy đầu sào. Cơ thịt trên cánh tay nhểnh nheo của anh ta run run. Anh ta đưa cây sào tới lui, khiến đỉnh sào lắc lư như ngọn cây trong gió. Sau một cú tung khác, cây sào đã đứng thăng bằng trên ngón tay cái của anh ta.

Cơn sóng phản đối từ phía người xem trào dâng. Những ý kiến lo ngại cùng lời mắng chửi rộ lên khắp khoảng bóng tối bao quanh người dạy khỉ. Chìm trong trạng thái điếc đặc vì tập trung cao độ, anh ta không mấy may nghe thấy gì. Anh ta bắt đầu bước đi tới lui trong vòng ánh sáng, rồi chạy, tung cây sào từ ngón cái này sang ngón cái kia.

“Nguy hiểm quá,” Ishvar nói. “Tôi chẳng thấy có gì hay cả.” Shankar cũng lắc đầu, ông ngồi chờ trên bệ, lắc lư cái hông cụt theo nhịp lắc lư của cây sào.

“Giá anh ta cứ chung thủy với lũ khỉ thì hay hơn,” Om nói, đôi mắt dán vào hai cái hình hài tí hon trên bầu trời.

Rồi người dạy khỉ ngửa đầu ra và đặt cây sào lên giữa trán. Ai nấy giận dữ đứng bật dậy. “Dừng lại đi!” Một người gào lên. “Dừng lại trước khi mày giết chết chúng nó!”

Những người khác cũng hùa theo: “Mẹ thằng khốn mắt dạy! Tra tấn trẻ nhỏ vô tội thế à!”

“Thằng chó biến thái! Để dành mà diễn cho bọn nhà giàu mắt nhân tính xem ấy! Bọn tao đéo thèm!”

Tiếng la hét phân tán mạch chú ý của người dạy khỉ. Anh ta bỗng nghe thấy trở lại. Anh ta vội vãi hạ cây sào xuống và cúi trối cho hai đứa trẻ. “Có chuyện gì vậy? Tôi có ngược đãi chúng đâu. Các anh chị đi mà hỏi chúng, chúng thích thế ấy chứ. Ai chả phải kiếm sống.”

Nhưng những tiếng la hét ào ào như sóng không cho anh ta mấy cơ hội để biện minh cho bản thân. Hơn cả với người dạy khỉ, ai nấy đều bất bình với viên đốc công, kẻ đã sắp đặt màn giải trí tàn bạo này, và họ thi nhau chửi mắng y để y biết tay. “Đồ thú vật! Ác hơn cả con quỷ Ravan!”

Đội bảo vệ nhanh chóng giải tán khán giả, lừa ai về lán nấy để đi ngủ, còn sự hài lòng trước đó của giám đốc dự án lại biến thành một lời phê bình. Ông ta lắc lắc ngón tay trước mặt viên đốc công. “Lỗi là tại anh đã suy tính sai. Bọn người này không cần, cũng không biết quý trọng lòng tốt. Nếu anh đối xử tử tế với chúng, chúng sẽ ngồi lên đầu anh ngay. Lao động chăm chỉ là phương thuốc duy nhất.”

Không còn buổi trình diễn nào được lên lịch nữa. Đến hôm sau, đám diễn viên đường phố được phân vào các toán công nhân khác nhau. Anh chàng dạy khỉ trở thành người ít được ưa nhất trong dự án tưới tiêu, và trước khi tuần lễ kết thúc, anh ta đã phải gia nhập đội quân thương binh với những vết thương nặng trên đầu. Ishvar và Om đều thương anh ta, vì họ biết anh ta vốn là người rất hiền hậu.

“Bác còn nhớ lời tiên tri của bà cụ không?” Om nói. “Cái ngày lũ khỉ của anh ta chết ấy?”

“Có,” Ishvar nói. “Về chuyện giết chết con chó và đánh dánh vào một vụ giết chóc còn kinh khủng hơn. Ngay lúc này, trông anh chàng tội nghiệp có khác nào đã bị giết đâu.”

Nửa tháng sau, gã Điều phối viên quay lại dự án tưới tiêu cùng một người mà y giới thiệu với viên đốc công là “người sẽ giúp anh giải quyết vấn nạn lao động tàn phế.”

Nghe câu đùa, viên đốc công và gã Điều phối viên cùng phá ra cười. Khuôn mặt người khách mới đến vẫn nghiêm trang lạnh lẽo, hơi tỏ ý không hài lòng.

Họ đi đến dãy lán tôn nơi những người bị thương đang nằm bẹp gí, tổng cộng bốn mươi hai người cả thảy. Shankar đang lăn đi lăn lại xung quanh, vuốt trán người này, vỗ lưng người kia, miệng thì thầm, vỗ về. Mùi thối xông lên từ những vết thương lở loét và những thân thể đã lâu không được tắm rửa xộc ra cửa, khiến viên đốc công phát mửa.

“Nếu các anh cần gì, cứ tới văn phòng tìm tôi,” gã viện cố.

Vị khách nói ông ta muốn xem qua đám người bị thương và ước tính tiềm năng của họ. “Có thể tôi mới định giá cho đúng được.”

Họ bước vào bên trong ngôi lán đầu tiên, nhất thời lóa mắt vì phải bước từ chỗ nắng chói chang sang vùng tranh tối tranh sáng. Shankar xoay chiếc bệ lại để xem ai đến. Cỗ vừa ngẩng lên, miệng lão đã bật ra một tiếng hét ngỡ ngàng. “Ai thế?” Vị khách nói. “Sâu à?” Mắt ông ta chưa quen với bên trong lán, nhưng ông ta biết tiếng lạch xạch quen thuộc của bánh xe lăn. “Vậy ra chú ở đây. Suốt mấy tuần qua tôi cứ lo không biết đã có chuyện gì xảy ra.”

Shankar phóng chiếc bệ về phía chân người đàn ông nọ, hai bàn tay lão hăng hái chống xuống đất. “Ông trùm! Chính cảnh sát bắt tôi đi! Tôi đâu có muốn đi!” Vui mừng lẫn lo sợ hòa vào tiếng khóc nức nở của lão khi lão bầu chặt lấy ống chân ông ta. “Ông trùm, xin hãy giúp tôi, tôi muốn về nhà!”

Mỗi phân tán giữa lán thúc giục đám người bị thương bắt đầu rên la và ho hắng, nài xin được đoái thương, những mong người khách lạ này, dù ông ta là ai, rốt cuộc cũng đã tới giải thoát cho họ. Gã Điều phối viên nhích ra gần cửa cho thoáng khí.

“Đừng lo, Sâu, dĩ nhiên tôi sẽ đưa chú về,” Ông trùm ăn mày nói. “Tôi biết xoay xở ra sao nếu thiếu tay ăn mày cừ nhất?” Ông ta kết thúc chuyến thăm tra nhanh những kẻ tàn phế và quay trở ra. Shankar muốn đi theo ông ta ngay, nhưng được lệnh chờ. “Tôi phải thỏa thuận vài việc đã.”

Ra đến bên ngoài, Ông trùm hỏi gã Điều phối viên. “Sâu có trong lô hàng này không?”

“Dĩ nhiên là có.”

“Tôi sẽ không trả tiền cho cậu để mua thứ vốn thuộc về mình. Tôi thừa kế lão từ ông thân sinh. Còn ông thân sinh có lão từ hồi lão còn bé tí.”

“Nhưng ngài phải nghĩ hộ tôi một tí chứ, không được,” gã Điều phối viên mặc cả. “Tôi đã phải trả tiền cho cảnh sát để lấy lão đấy.”

“Bỏ đi. Tôi sẵn sàng trả hai ngàn rupi cho lô này. Bao gồm cả Sâu.”

Con số cao hơn mức gã Điều phối viên mong đợi. Trừ đi món chi phí y đã hứa với viên đốc công, y vẫn được lãi khá khá. “Anh em ta còn làm ăn lâu dài,” y nói, cố che giấu niềm vui sướng. “Tôi cũng không muốn co kéo thêm. Hai ngàn cũng được, ngài có thể lấy Sâu.” Y cười hề hề. “Và tất cả những thứ sâu bọ rệp rết nào ngài muốn.”

Một thoáng khó chịu khiến khuôn mặt Ông trùm sa sầm. Lần này ông thẳng thừng chửi đổng gã Điều phối viên. “Tôi không thích người ta đem ăn mày của mình ra làm trò cười.”

“Tôi thật không có ý gì.”

“Một việc nữa. Xe tải của anh phải đưa họ trở về thành phố, cái đấy tính vào giá.”

Gã Điều phối viên đồng ý. Rồi gã chạy đi tìm viên đốc công, phần chia cho tay này vẫn còn cần phải thương lượng thêm.

Sải tay đẩy hết tốc lực, Shankar lao đi báo tin mừng cho hai người bạn lão, nhưng bị giám thị ngăn lại, y không muốn nhịp độ công việc bị gián đoạn. Y đuổi lão đi, giậm chân, làm bộ sắp nhặt một hòn đá lên. Shankar đành thoái lui.

Lão chờ đến khi còi báo giờ ăn trưa hú vang, và tìm thấy Ishvar và Om ở gần khu nhà ăn. “Ông trùm tìm thấy tôi rồi! Tôi sắp được về nhà!”

Om cúi xuống vỗ vai lão, còn Ishvar an ủi lão. “Phải, không sao đâu, Shankar, đừng lo.

Rồi đến một ngày cả ba chúng ta sẽ được về nhà, khi công việc đã kết thúc.”

“Không, ngày mai tôi sẽ về nhà, thật đấy! Ông trùm của tôi đang ở đây!” Họ vẫn không chịu tin, mãi đến khi lão giải thích tường tận.

“Nhưng tại sao bác lại háo hức muốn đi thế?” Ishvar hỏi. “Bác có phải chịu khổ cực như lũ nô lệ chúng tôi đâu. Cơm nước miễn phí, chỉ phải lăn bệ đi bưng bê một tí thôi. Bác không thích thể này hơn là đi ăn xin à?”

“Có một thời gian tôi cũng thích thế, nhất là việc được chăm sóc hai bác cháu, và những người bệnh khác nữa. Nhưng giờ tôi thấy nhớ thành phố rồi.”

“Chú may thật,” Om nói. “Công việc này sẽ giết chết chúng tôi, chắc luôn. Ước gì chúng tôi có thể trở về cùng chú.”

“Tôi có thể xin Ông trùm đưa hai người theo. Ta hãy nhờ ông ấy xem.”

“Phải, nhưng chúng tôi... thôi được, ta đi hỏi ông ấy nào.”

Họ tìm thấy Ông trùm ăn mỳ đang ngồi nhâm nhi cốc trà trên một cái ghế băng gần bếp. Shankar lăn bệ tới và giật nhẹ gấu quần ông ta. “Có chuyện gì thế, Sâu? Tôi đã bảo chú chờ trong lán rồi kia mà.” Nhưng ông ta vẫn đặt cốc trà xuống để khụy gối sát bên cạnh lão, lắng nghe, gật gù, rồi xoa đầu lão và cười ha hả. Ông ta bước đến chỗ hai người thợ may.

“Sâu bảo hai người là bạn của ông ấy. Ông ấy muốn tôi giúp hai người.”

“Xin ngài giúp cho, chúng tôi xin đội ơn.”

Ông ta ngắm nghía họ vẻ nghi ngại. “Hai người có tí kinh nghiệm nào không?”

“Dạ có chứ ạ. Rất nhiều năm kinh nghiệm,” Ishvar nói.

Ông trùm rất lấy làm hồ nghi. “Tôi trông hai người khó có cơ thành công nổi.”

Om phát khùng. “Tôi có thể chứng minh với ngài, chúng tôi rất thành công.” Cậu giơ hai ngón út lên như hai cây nến thờ. “Mấy cái móng tay dài của chúng tôi đã gãy hết vì phải làm việc nặng, nhưng chúng sẽ mọc trở lại. Chúng tôi được dạy dỗ rất bài bản, thậm chí chúng tôi còn có thể lấy số đo trực tiếp từ người khách hàng nữa kia.”

Ông trùm bật cười. “Lấy số đo từ người á?”

“Dĩ nhiên. Chúng tôi là thợ may chuyên nghiệp, chứ không phải dạng vớ vẩn...”

“Thôi bỏ đi. Tôi tưởng hai người muốn làm ăn mỳ cho tôi. Tôi không có nhu cầu tìm thợ may.”

Hi vọng của họ vỡ vụn. “Chúng tôi chẳng làm ăn được gì ở đây, suốt ngày ốm đau vật vã,” họ van vãn. “Chẳng lẽ ngài không mang chúng tôi đi được sao? Chúng tôi xin chịu mọi phí tổn.” Shankar cũng góp lời nài xin với họ, kêu rằng họ đã đối xử rất tử tế với lão kể từ giây phút cảnh sát quăng lão lên xe tải trong cái đêm kinh hoàng hôm nào, cách đây gần hai tháng.

Ông trùm và gã Điều phối viên rì rầm bàn bạc vụ mua bán. Gã kia đòi hai trăm rupi cho mỗi thợ may, bởi vì, y nói, y sẽ phải cho viên đốc công thấy việc thả hai món hàng người được việc là một món hời: Cái mắt cá chân bị trật của Ishvar chưa đủ đạt tiêu chuẩn.

Tay nắm chặt cốc trà, Ông trùm quay về với hai người thợ may. “Hai người có thể đi nếu đốc công đồng ý. Nhưng sẽ mất tiền đấy.”

“Bao nhiêu?”

“Thông thường, khi tôi bảo kê cho một ăn mày, tôi thu của họ mỗi tuần một trăm rupi. Khoản tiền đó bao gồm chỗ ăn xin, thức ăn, quần áo, và bảo vệ. Tính cả những món đặc biệt như băng gạc và nạng nữa.”

“Vâng, Shankar – à nhầm, Sâu – cũng đã kể cho chúng tôi biết. Ông ấy khen ngài lắm, và bảo ngài là một Ông trùm vô cùng nhân đức. Ông ấy thật may mắn vì ngài đã tới đây.”

Tuy hài lòng vì được tung hô, ông vẫn làm rõ vấn đề mà không khiếm tốn thái quá. “Chuyện này chả có can hệ gì đến may với mất cả. Tôi là Ông trùm ăn mày nổi tiếng nhất thành phố này. Lẽ dĩ nhiên, gã Điều phối viên phải tìm đến tôi thôi. Tuy nhiên, trường hợp của hai người thì khác, hai người không cần bảo kê theo cách như vậy. Vả lại, hai người đã đối xử tốt với Sâu. Mỗi người chỉ cần trả tôi năm mươi rupi hàng tuần, trong vòng một năm. Thế là đủ.”

Hai bác cháu rùng mình. “Như thế tính ra là gần hai ngàn rưởi rupi mỗi người.”

“Phải, đấy là mức giá thấp nhất.”

Hai bác cháu quay ra tính toán món tiền với nhau. “Ba ngày công may vá mỗi tuần sẽ vào túi ông ta,” Ishvar thì thào. “Như thế thì nhiều quá, bọn ta sao kham nổi.”

“Còn cách nào khác nữa đâu?” Om nói. “Bác muốn làm quần quật đến chết trong cái địa ngục của bọn quỷ dữ không tim này ư?”

“Khoan đã, để bác xin giảm giá một chút.” Ishvar tiến về phía Ông trùm, khuôn mặt làm ra vẻ trái đời. “Xin ngài nghe cho, năm mươi thì cao quá, chúng tôi sẽ trả ngài hai nhăm rupi một tuần.”

“Nói thẳng cho chú hay,” Ông trùm lạnh lùng nói. “Tôi không phải là thằng bán rau ngoài chợ. Nghề của tôi là chăm lo đời sống cho người ta. Đừng cố mặc cả mặc lẽ với tôi.” Ông ta khinh khỉnh quay đi, trở về với chiếc ghế băng của nhà bếp.

“Xem bác đã làm gì kia kìa!” Om hoảng hốt kêu lên. “Cơ hội duy nhất của bọn ta thế là đi tong!”

Ishvar lưỡng lự đôi chút rồi lê bước đến trước mặt Ông trùm. “Chúng tôi đã bàn kĩ rồi. Giá đắt quá, nhưng chúng tôi đồng ý.”

“Hai người có chắc mình có thể trả được không?”

“Ô vâng, chúng tôi có công việc tốt, việc đều đặn.”

Ông trùm căn móng tay cái và nhổ ra. “Cũng có lúc, một khách hàng của tôi biến mất mà không trả tiền, sau khi đã được hưởng lòng tốt của tôi. Nhưng lúc nào tôi cũng có cách tìm ra hắn. Đến lúc đấy hắn sẽ lòi thối to. Hãy nhớ lấy.” Ông ta uống nốt cốc trà và đi theo gã Điều phối viên để mở một cuộc mua bán mới với viên đốc công.

Khi giờ ăn trưa kết thúc, hai người thợ may đều ngần ngại không muốn quay về với nhóm công nhân tải sỏi và đào mương. Nay lời hứa giải thoát đã cận kề, tâm lý cam chịu đối với thứ lao động khổ sai kia bỗng bay biến; nỗi mỗi một bao trùm lấy họ.

“Ồi các chú ơi, xin các chú kiên nhẫn thêm một tí,” Shankar nói. “Chỉ còn một ngày nữa thôi, đừng gây rắc rối gì. Các chú không muốn họ đánh các chú đấy chứ. Đừng lo lắng gì nữa, tay đốc công sẽ đồng ý thôi, Ông trùm của tôi thần thế lắm.”

Được nâng đỡ bởi lời khích lệ của Shankar, họ lại tìm thấy sức mạnh để trở lại với viên

giám thị. Đến cuối buổi chiều, họ bồn chồn chờ nghe tiếng hát của người đưa nước. Sự xuất hiện của ông ta báo hiệu chỉ còn hai giờ làm nữa. Họ uống nước từ bì da của ông và gắng vượt qua nốt phần còn lại của ngày.

Đến chập tối, khi họ lảo đảo quay về lán, Shankar đã đợi sẵn, hớn hỏ vặn vẹo trên cái bệ của lão. “Mọi việc xong hết rồi. Họ sẽ đưa ta đi vào sáng mai. Nhớ gói ghém chân chiếu đồ đạc sẵn sàng, đừng bỏ lỡ chuyến xe. Giờ tôi phải đi chuẩn bị đây.”

Lão đi tìm người thợ máy chuyên trông nom các máy móc hạng nặng, người này thường cho lão dầu để bôi trơn các bánh xe. Sỏi sạn và đất cát ở công trường bắt đầu làm chúng quay chậm dần. Shankar muốn cái bệ lăn phải ở trong trạng thái hoàn hảo, sẵn sàng cho cuộc trở về với vĩa hè của lão. Lão quay lại với chiếc lon giữ trước bụng. Om giúp lão bôi trơn bánh xe bị kẹt.

Sớm tinh mơ hôm sau, một nhân viên bảo vệ lệnh cho Shankar, hai người thợ may, và những người bị thương tập trung trước cổng cùng đồ đạc tư trang. Những người không thể đi nổi được các công nhân trong một tổ làm việc khiêng đi. Họ làm việc đó trong căm hận, miễn cưỡng mang những kẻ tàn phế đến với tự do đang gần kề. Tuy nhiên, chính hai người thợ may mới là tâm điểm của những ánh mắt hằn học.

“Cháu thấy không, Om, bọn ta thật may mắn,” Ishvar nói, mắt đăm đăm nhìn những hình người bầm dập đang chất đầy dần trên xe. “Có lẽ bọn ta cũng đã nằm đây, xương cốt gãy nát, nếu vì sao chiếu mệnh của ta không ở đúng vị trí.” Người dạy khỉ vẫn còn mê man bất tỉnh vì vết thương ở đầu, và Ông trùm từ chối nhận anh ta. Nhưng ông ta vẫn muốn bọn trẻ; chúng có tiềm năng, ông ta nói. Thằng bé con và đứa bé gái nhất quyết không chịu rời đi, chúng gào khóc và bám chằng chằng lấy ông cậu bất động. Người ta phải lôi chúng đi khi xe tải đã sẵn sàng lăn bánh.

Gã Điều phối viên và viên đốc công cân đối các khoản thu vào chi ra, tính cả tiền khấu trừ cho lô hàng tiếp theo. Sau đó phát sinh một khoảng trì hoãn ngắn. Viên đốc công một hai đòi các thứ quần áo được phát khi đám người kia vào trại phải được bỏ lại trước khi họ ra đi, hẳn phải chịu trách nhiệm đối với từng món đồ trước cấp trên.

“Anh muốn lấy gì thì lấy,” Ông trùm nói. “Nhưng làm ơn nhanh nhanh hộ cái, tôi còn phải về cho kịp giờ làm lễ ở đền.”

Những kẻ được khiêng đến xe tải đã không còn đủ khả năng tự cởi quần áo cho mình. Đám công nhân đang chuẩn bị trở về với công việc thường nhật được lệnh giúp họ. Họ xả cơn bực dọc bằng cách kéo giắt quần áo khỏi những thân hình đầy vết thương một cách thô bạo. Ông trùm chẳng thêm quan tâm. Nhưng khi đến lượt Shankar, ông ta bắt họ phải cởi chiếc vét của lão ra thật nhẹ nhàng.

Bấy giờ các cư dân vĩa hè đã trần truồng, hoặc gần như trần truồng, hệt như cái ngày họ bước vào trại lao động; cổng mở và xe tải được phép lên đường.

Ăn diện thật đẹp để đến công ty Nusswan là sáng kiến của Maneck. “Chúng ta phải trông thật bảnh bao sang trọng khi đến đó. Bác ấy sẽ tôn trọng dì hơn. Đối với nhiều người, bề ngoài rất quan trọng.”

Trong tình cảnh hiện tại của Dina, bất cứ thứ gì có vẻ như một lời khuyên hơi hơi hợp lý đều được hoan nghênh. Cô tĩa tọt chiếc quần vải ga-ba-đin của cậu bằng vải đường là. Về phần mình, cô chọn chiếc váy xòe điệu đà nhất, chiếc váy màu xanh lơ mua từ lễ kỉ niệm ngày cưới lần hai, với lớp váy giả lông lấy tung bay theo từng bước chân đi. Liệu nó có còn vừa không? Cô tự hỏi. Cô khép cửa phòng lại, thủ vào, và sung sướng nhận ra rằng, chỉ cần

hơi hóp bụng vào, cô đã có thể kéo khóa lại. Cô đi ra phòng ngoài.

“Thêm một chút trang điểm thì sao?”

Bao năm không được dùng đến, cây son lừ đừ nhô đầu lên khi cô vận tay cầm. Cô quẹt hồng một đường đầu tiên và làm viền môi lấm lem, nhưng những kĩ thuật cử động môi sớm quay về với cô, nào mím nào chu và căng môi, những trò khỉ nom thật ngớ ngẩn khi người ta soi mặt vào gương.

Phấn má đã đóng cục cứng ngắc, nhưng bên dưới lớp mặt bạc màu, vẫn còn đủ phấn để dặm hồng đôi má cô. Miếng bông nhung tròn đã khô nở như một vảy da bong. Có lần, Rustom trêu cô khi cô đang trang điểm, cô bèn trả đũa bằng cách lấy miếng bông phấn chấm vào mũi anh. Mềm như cánh hồng ấy nhỉ, anh từng nói.

Nếu hôm nay Nusswan lại lôi chuyện cưới xin ra, cô không biết mình sẽ làm gì – lật úp bàn của anh ta, có thể lắm. Cô tự ngắm nghía mình trong gương. Hình ảnh phản chiếu của cô gật gù hài lòng. Cô hi vọng giả thuyết của Maneck về mối liên hệ giữa bề ngoài và sự tôn trọng là chính xác.

“Cháu đã xong chưa?” Cô gọi vọng vào phòng cậu.

“Oa! Trông dì đẹp hết chỗ chê.”

“Cháu khen thế là đủ rồi đấy,” cô mắng, đoạn sẫm soi cậu từ đầu đến chân. Tất cả đều đạt tiêu chuẩn, ngoại trừ đôi giày. Cô bắt cậu đánh lại cho bóng trước khi họ lên đường.

Người truyền tin của công ty bảo hai người chờ ở sảnh trong khi anh ta đi báo cáo với sếp. “Nusswan thể nào cũng bận, cháu cứ chờ mà xem,” cô đoán.

Người truyền tin quay lại và thông báo với giọng ngại ngùng: “Ông ấy đã bận.” Anh ta đã làm ở đây khá lâu năm, nhưng không vì thế mà anh ta thôi hổ thẹn mỗi khi phải tiếp tay cho trò vờ vĩnh của ông chủ. “Xin các vị đợi cho ít phút.” Anh ta cúi đầu và lui vào.

“Có trời mới biết tại sao Nusswan vẫn thích gây ấn tượng với dì bằng mấy trò ngớ ngẩn đấy,” Dina nói. “Nhưng sự bận rộn của bác ấy sẽ kết thúc sau đúng mười lăm phút nữa thôi.”

Nhưng hóa ra cô lại nhầm với lời tiên đoán thứ hai, vì người truyền tin đã nhắc cho Nusswan hay em gái ông hôm nay ăn vận rất lộng lẫy và còn đi cùng một người.

“Ai?” Nusswan hỏi. “Chúng ta đã nhìn thấy cô ta bao giờ chưa?”

“Không phải cô, thưa ngài. Là cậu.”

Lạ nhỉ, Nusswan thâm nghĩ, tay mân mê vết đứt trên cằm do chính ông ta lỡ tay tạo ra sáng hôm đó. “Trẻ hay già?”

“Trẻ,” người truyền tin đáp. “Rất trẻ.”

Thế thì lại càng lạ nữa, Nusswan tự nhủ, trí tưởng tượng của ông bắt đầu lang thang mơ mộng. Bạn trai chẳng? Ở tuổi bốn hai, Dina vẫn vô cùng hấp dẫn. Hầu như vẫn xinh đẹp như cách đây hai chục năm, khi nó cưới anh chàng Rustom nghèo khổ, xấu số nọ. Xấu số từ đầu đến chân. Cả bề ngoài, tiền tài, lẫn tuổi tác...

Nusswan ngừng nghĩ, mắt ngược lên đăm đăm nhìn trần nhà, và lần lượt vồ lên hai má bằng đầu ngón tay phải một cách thành kính, để cầu cho em rể được an nghỉ. Ông không có ý muốn nói xấu người quá cố. Buồn làm sao, cái chết của anh ta. Nhưng đó cũng là một cơ hội thứ hai mà Ông Trời cho Dina để sửa sai, tìm một người chồng xứng đôi vừa lứa

hơn. Giá mà nó chịu nắm lấy cơ hội đó.

Kinh khủng thay là lòng kiêu hãnh, và quan niệm kì quặc của nó về tự do. Làm quần quật như nô lệ để kiếm mấy đồng còm, khiến cả gia đình xấu mặt. Và mới đây nhất là thất bại với công ty xuất khẩu. Dần dần, ông đã học cách để mặc cho da mình dày mãi lên. Nhưng rũ bỏ cảm giác hổ thẹn vẫn dễ hơn từ bỏ ý thức trách nhiệm của mình. Nó vẫn là em gái ông, ông phải làm những gì tốt nhất cho nó.

Rõ phí phạm, ông thầm nghĩ, phí phạm cuộc đời. Cứ như xem một vở bi kịch. Có điều, thay vì ba tiếng, nó đã kéo dài gần ba thập kỉ – gia đình xa cách, Xerxes và Zarir lớn lên thiếu vắng tình yêu thương chăm sóc của dì Dina, nó hầu như không gặp mặt hai thằng cháu. Bao nhiêu nỗi buồn, bao nhiêu khổ đau.

Nhưng có lẽ vẫn còn cơ hội cho một kết thúc vui vẻ. Còn gì tuyệt vời hơn là gia đình lại được đoàn viên hạnh phúc như xưa. Rồi cũng sắp đến lúc chính ông có cháu nội. Nếu Dina đã chối bỏ quyền làm dì, giờ nó có thể trở thành bà trẻ.

Và người đàn ông trẻ tuổi đi cùng nó hôm nay, bạn trai nó. Nếu hai người nghiêm túc và làm đám cưới, tuyệt vời quá. Kể cả nếu anh chàng đó chỉ mới ba mươi, anh ta cũng phải tự thấy mình may mắn vì có được Dina – một nhan sắc chim sa cá lặn đến độ có thể làm lu mờ những cô gái chỉ bằng nửa tuổi đời.

Phải, chính là chuyện đấy – nó muốn giới thiệu anh chàng ấy và nhận được sự chấp thuận từ phía anh trai. Nếu không, nó lôi người ta đến làm gì? Về khác biệt tuổi tác đôi bên, có lẽ không cần phản đối làm gì, Nusswan ngập ngừng quả quyết. Sống giữa thời hiện đại này, người ta phải nghĩ thoáng đi một chút. Được, ông sẽ chúc phúc cho họ, thậm chí là bao luôn cả cái đám cưới thứ nhì này nữa. Miễn chi phí phải chăng – một trăm khách, hoa trang trí vừa đủ, một ban nhạc nhỏ...

Bận nghiền ngẫm cả một đời người, suy tư, tiếc nuối, hoài nhớ, Nusswan tưởng như đã đi qua hàng thế kỉ kể từ khi sự xuất hiện của hai người kia được thông báo. Ông xem đồng hồ – mới chưa được năm phút. Ông áp mặt đồng hồ lên tai: nó vẫn chạy. Đáng kinh ngạc thay, cái khả năng thông đồng của thời gian và trí não trong những trò bịp của chúng.

Ông sai người truyền tin lập tức dẫn hai vị khách vào. Ông muốn tiếp diễn trong đời thực bữa tiệc mừng mà ông đã khai mở trong tưởng tượng.

“Sao cơ?” Dina kêu lên với người truyền tin. “Nhanh thế ư?” Cô thì thầm với Maneck: “Thấy không, chưa gì cháu đã đem may mắn đến cho chúng ta rồi. Bác ấy chưa bao giờ gọi dì vào nhanh đến thế.”

Nusswan đứng dậy và kéo thẳng cổ tay áo, sẵn sàng mở ra một lời chào nồng nhiệt dành cho anh chàng sắp được trở thành em rể mình. Khi ông trông thấy tuổi trẻ của Maneck bước vào căn phòng, đầu gối ông cơ hồ nhũn ra. Đứa em gái điên rồ của ông vẫn chứng nào tật nấy! Ông bấu chặt lấy mép bàn, tím tái trước viễn cảnh nhục nhã và tai tiếng trong họ hàng xóm giềng.

“Anh sắp trở thành dân Âu đấy ư, Nusswan? Hay anh bị ốm?” Dina hỏi.

“Anh khỏe, cảm ơn cô,” ông lạnh lùng đáp.

“Chị Ruby với các cháu thế nào?”

“Đều khỏe cả.”

“Tốt. Em rất tiếc phải làm phiền anh khi anh đang bận.”

“Không sao.” Bước chân vào văn phòng này chưa được hai giây, vậy mà nó đã kịp làm người ta điên máu. Đúng là chỉ có ngu mới nuôi hi vọng. Phàm việc gì dính dáng đến Dina, đừng hi vọng gì trước là tỉnh táo hơn cả. Ông sẽ không chỉ cho cái đám cưới này dù chỉ một xu. Nếu tảo hôn là tai họa khủng khiếp của thời xưa, thì đám cưới trẻ con này-người lớn lại là bệnh điên của thời hiện đại. Ông không muốn dính dấp một tí gì cái của ấy hết. Trong khi bác sĩ dặn ông phải để ý đến huyết áp, phải bôi bôi các vụ mua bán trên Thị trường chứng khoán đi – thì đây, em gái của chính ông, luôn có mặt để góp phần mình hòng rút ngắn tuổi thọ của ông.

“Ấy, em vô ý quá,” Dina nói. “Chuyện trò quên cả giới thiệu. Maneck, đây là bác Nusswan, anh trai dì.” “Bác có khỏe không ạ?” Maneck nói.

“Ra... rất vui được gặp cậu.” Bắt tay xong, Nusswan ngã phịch xuống ghế. Một chiếc máy chữ gõ sầm sập ở phòng bên. Quạt trần nhẹ nhẹ quay nhát gừng. Bên dưới cục chặn giấy, xấp giấy vổ lật phật như một con chim gặp nạn.

“Maneck đã nghe em kể rất nhiều về anh,” Dina nói, “và em muốn hai người gặp nhau. Cậu ấy đến ở với em từ mấy tháng trước.”

“Ở với em?” Em gái ông đã hóa điên thật rồi! Nó nghĩ nó đang ở đâu, Hollywood chắc?

“Vâng, ở với em. Thế khách trọ còn có thể làm gì khác nữa?”

“Ô phải! Dĩ nhiên! Còn làm gì khác được?” Nỗi sung sướng quá lớn lao, cơ hồ không thể chịu nổi. Ông muốn khuyu ngã. Ôi, đội ơn Thượng Đế! Cứu rồi! Đội ơn Thượng Đế Chí Tôn!

Thế rồi, ẩn sau ánh nắng và dải cầu vồng vừa lóe rạng phía cuối chân trời, Nusswan bỗng nhìn ra bộ phận dành cho mình: sẽ không có đám cưới nào hết. Ông cảm thấy như bị lừa. Đúng kiểu của nó. Tàn nhẫn, vô cảm, lừa ông nuôi hi vọng hão. Thử nghĩ xem, chỉ mới cách đây vài phút thôi, ông đã thành thực vui mừng thay cho nó thế nào. Thế mà, một lần nữa, nó lại giễu cợt ông.

“Giá cả tăng ghê quá,” cô nói. “Em không kham nổi, nên phải cho thuê phòng. Em thật may mắn vì tìm được một cậu bé ngoan ngoãn như Maneck.”

“Phải, dĩ nhiên. Rất vui được gặp cháu, Maneck. Mà cháu làm ở đâu nhỉ?”

“Làm ư?” Dina cúi kính nói. “Nó mới mười bảy tuổi, nó còn đang học đại học.”

“Vậy cháu học ngành gì?”

“Điện lạnh và điều hòa nhiệt độ.”

“Lựa chọn sáng suốt đấy,” Nusswan gật gù. “Trong thời đại hiện nay, chỉ có một nền giáo dục kĩ thuật mới giúp cháu tiến xa được. Tương lai phụ thuộc vào công nghệ và hiện đại hóa mà.” Dùng lời nói để lấp đầy những khoảng im lặng là một cách để chống lại những xáo động cảm xúc mà cô em gái đã làm bùng nổ trong tâm can ông. Những từ ngữ rỗng tuếch cần tuôn ra để cuốn đi cảm giác xuẩn ngốc ông đang có.

“Phải, đất nước ta đã bị tụt hậu quá lâu bởi những hệ tư tưởng lỗi thời. Nhưng thời đại của chúng ta đã đến. Những đổi thay ngoạn mục đang diễn ra. Và công đầu thuộc về thủ tướng. Một tinh thần phục hưng đích thực.”

Dina không ngại nghe ông anh thao thao bất tuyệt, cô mừng vì chỉ ít chuyện cưới xin vẫn chưa bị bôi ra. “Em có một khách trọ, nhưng lại vừa mất hai thợ may,” cô nói.

“Tiếc quá,” Nusswan nói, thoáng rối trí vì bị ngắt lời. “Cái chính là, nay chúng ta đã có

những chính sách thực dụng để thay cho những học thuyết vô nghĩa. Chẳng hạn, vấn nạn nghèo đói đang được xử lý quyết liệt. Tất cả các khu ổ chuột xấu xí và xóm lều lán bần thủ đang được xóa bỏ. Chàng trai trẻ, cháu vẫn chưa đủ già để nhớ thành phố này đã từng tuyệt vời thế nào đâu. Nhưng may nhờ có vị lãnh tụ nhìn xa trông rộng của chúng ta và Chương trình cải tạo vĩ đại, nó sẽ được khôi phục để trở về với vẻ huy hoàng một thời. Đến lúc đấy, cháu sẽ thấy và sẽ biết trân trọng.”

“Em vẫn hoàn thiện được lô váy vừa rồi, nhờ có Maneck giúp,” Dina xen vào. “Thằng bé làm việc chăm chỉ lắm, lúc nào cũng ở bên cạnh em.”

“Rất tốt,” Nusswan nói. “Thế là rất tốt.” Âm thanh giọng nói của chính mình đã khiến ông trở nên ba hoa xích tóc như thường lệ. “Những con người có học, chăm chỉ như Maneck là thứ chúng ta cần. Chứ đâu phải hàng triệu kẻ ngu dốt, lười biếng. Và chúng ta còn cần kế hoạch hóa gia đình nghiêm ngặt. Những lời đồn đại về triệt sản cưỡng bức đâu có giúp ích được gì. Hẳn hai người đã được nghe những chuyện ngớ ngẩn đấy rồi.”

Dina và Maneck nhất tề lắc đầu.

“Có lẽ do bọn CIA tuyên truyền – chúng bảo dân ở các làng mạc xa xôi đang bị tróc khỏi nhà để làm triệt sản cưỡng bức. Đối trá. Nhưng cứ theo ý anh, thì kể cả lời đồn đó là đúng, thì phỏng có gì sai, trong hoàn cảnh vấn đề dân số bức bối như thế này?”

“Như thế chẳng phải là thiếu dân chủ sao, khi dám cắt xẻo thân thể người ta mà không được họ cho phép?” Maneck hỏi, với tông giọng tỏ ý hoàn toàn đồng tình hơn là thách thức.

“Cắt xẻo, ha ha ha,” Nusswan nói, ra điều ta đây bậc chú bác và sẵn lòng coi đó là một câu đùa cợt khéo léo lắm. “Tất cả đều có liên quan cả đấy. Kể cả trong hoàn cảnh lý tưởng nhất, dân chủ là một chiếc bập bênh giữa hỗn loạn tuyệt đối và lộn xộn ở mức chấp nhận được. Cháu thấy đấy, muốn làm món ộp lét dân chủ, cháu phải đập vỡ vài quả trứng dân chủ. Để chống lại chủ nghĩa phát xít và các thế lực xấu xa khác đang đe dọa đất nước ta, chẳng có gì sai trái nếu áp dụng những biện pháp mạnh. Nhất là khi bàn tay ngoại bang luôn nhúng vào, hòng làm nước ta mất ổn định. Cháu không biết bọn CIA đang ra sức phá hoại Chương trình kế hoạch hóa gia đình của chúng ta ư?”

Maneck và Dina lại đồng loạt nhip nhàng lắc đầu, vẫn với khuôn mặt nghiêm trang. Trong cử chỉ ấy có nét gì đó giễu cợt cực kì tinh vi.

Nusswan sẫm soi họ vẻ hoài nghi rồi tiếp lời. “Chuyện là thế này, bọn điệp viên CIA đang cản trở các lô hàng thiết bị kiểm soát sinh sản và kích động các cộng đồng tôn giáo gây rối. Giờ hai người đã đồng ý rằng các biện pháp Tình trạng khẩn cấp là cần thiết để chống lại những nguy cơ như vậy chưa?”

“Có lẽ vậy,” Dina nói. “Nhưng em nghĩ chính phủ nên cho phép người vô gia cư ngủ trên vỉa hè. Như thế, hai thợ may của em sẽ không biến mất và em cũng chẳng phải đến đây quấy quả anh.”

Nusswan giơ ngón tay trở lên và lúc lắc nó như một cây cần gạt nước đang làm việc tích cực thái quá. “Những kẻ ngủ trên vỉa hè gây ảnh hưởng xấu đến toàn ngành. Mới tuần trước, một người bạn của anh đã nói – anh ấy là giám đốc một công ty đa quốc gia, xin nói để hai người biết, chứ không phải một doanh nghiệp ba xu vớ vẩn nào đấy đâu nhé – anh ta nói rằng chỉ ít hai triệu người đang bị thừa ra so với nhu cầu, chúng nên bị loại bỏ.”

“Loại bỏ?”

“Phải. Tiêu diệt ấy mà. Tính bọn chúng vào số liệu thống kê thất nghiệp hết năm này qua năm khác chả đưa chúng ta tới đâu, chỉ làm cho số liệu thành ra thảm hại. Mà nói cho cùng, sống như bọn chúng phỏng có ra hồn người không? Chúng chỉ lê la cồng rãnh, ngẩn ngơ như một đám thầy ma.

Cho chúng chết mới là nhân đạo đấy.”

“Nhưng có thể loại bỏ họ bằng cách nào được ạ?” Maneck gắng hỏi, cố dùng giọng tôn kính, dễ nghe nhất.

“Dễ lắm. Có một cách là phát cho chúng thức ăn miễn phí có trộn thạch tín hoặc xyanua, loại nào rẻ hơn thì chọn loại ấy. Các xe tải có thể chạy quanh những đền đài và các địa điểm nơi chúng hay tập trung để xin ăn.”

“Có nhiều doanh nhân nghĩ như thế không?” Dina tò mò ướm hỏi.

“Nhiều người trong số bọn anh đều nghĩ thế, nhưng tới nay bọn anh vẫn chưa có can đảm nói ra. Dưới Tình trạng khẩn cấp, mọi người có thể tự do phát biểu suy nghĩ của mình. Đó là một điểm ưu việt khác của nó.”

“Nhưng báo chí đang bị kiểm duyệt đấy thôi,” Maneck nói.

“À phải, phải,” Nusswan kêu lên, rớt cuộc cũng lộ vẻ mất kiên nhẫn. “Thế thì có gì mà ghê gớm? Chẳng qua chính phủ không muốn xuất bản bất cứ thứ gì có thể gây hoảng loạn trong công chúng thôi. Chỉ là tạm thời thôi – nhờ vậy những điều dối trá có thể được ngăn chặn và nhân dân sẽ dần lấy lại lòng tin. Những bước đi như vậy là cần thiết để bảo toàn cấu trúc dân chủ. Làm sao quét quấy cho sạch được, nếu không dám làm bản cây chổi mới?”

“Cháu hiểu rồi,” Maneck nói. Câu ví von kì quặc bắt đầu khiến cậu ngửa ngáy, nhưng cậu lại chẳng sở hữu chút lý lẽ nào khả dĩ để châm ngòi cho dù chỉ một pha phản kích khiêm tốn. Giá mà Avinash có ở đây. Cậu ấy sẽ chinh đồn lão đàn này ra trò. Cậu ước sao mình đã để tâm hơn khi Avinash nói chuyện chính trị.

Vẫn còn trần trở với câu châm ngôn trước đó, về việc đập vỡ vài quả trứng dân chủ để làm món ộp lết dân chủ, Maneck cố xào xáo ra một công thức khác bằng cách đảo đi đảo lại giữa dân chủ, chuyên chế, chảo rán, lửa, gà mái, trứng luộc kĩ và dầu rán. Cậu nghĩ mình đã nghĩ ra một câu: Món trứng ộp lết dân chủ không thể được làm từ những quả trứng dân nhân dân chủ nhưng lại được sinh ra bởi một con gà mái chuyên quyền. Không, lủng củng quá. Vả lại, khoảnh khắc đáp trả đã qua rồi còn đâu.

“Điều quan trọng,” Nusswan nói, “là phải công nhận những thành tựu cụ thể của Tình trạng khẩn cấp. Giờ giấc quy củ đã được khôi phục trong hệ thống đường sắt. Và như anh bạn giám đốc của anh nói, quan hệ liên ngành đã có sự cải thiện đáng kể. Ngày nay, anh ấy có thể gọi cảnh sát chỉ trong một giây, để bắt giữ bọn gây rối của công đoàn. Chỉ cần được tầm ướp cẩn thận vài trận ngoài bót là chúng nhũn như chi chi ngay. Bạn anh nói năng suất đã tăng vọt. Và ai được hưởng lợi từ đó? Công nhân. Dân thường. Ngay cả Ngân hàng thế giới và IMF cũng ghi nhận những thay đổi đó. Giờ họ đang đề nghị cho nước ta vay thêm đấy.”

Giữ một khuôn mặt nghiêm trang hết mức có thể, Dina cất lời: “Anh Nusswan, em có thể thỉnh cầu một việc được không?”

“Dĩ nhiên là được.” Ông tự hỏi lần này sẽ là bao nhiêu – hai hay ba trăm rupi?

“Về kế hoạch trừ khử hai triệu người ấy. Anh làm ơn nói khó với các bạn làm ăn và các vị

giám đốc của anh là đừng đầu độc thợ may nào, có được không? Vì thợ may hiện nay đã khó kiếm lắm rồi.”

Maneck kịp kìm nén trận cười trước khi nó bùng ra. Nusswan đã nhận thấy những nỗ lực đó của đám cơ mặt, bởi ông nói với cô, giọng ghê tởm: “Nói chuyện nghiêm túc với cô chỉ phí lời. Anh thật không hiểu tại sao mình phải nhọc sức như thế.”

“Cháu thích nghe lắm ạ,” Maneck nghiêm nghị nói.

Nusswan có cảm giác như bị phản bội – trước là cô em gái, nay lại đến thằng nhóc kia. Ông tự hỏi không hiểu mình còn bị giấu cọt phỉ báng đến mức độ nào khi hai người bọn họ chỉ còn lại một mình với nhau.

“Em cũng rất thích,” Dina nói. “Đến văn phòng của anh là trò tiêu khiển duy nhất em đủ sức trang trải, anh biết thừa rồi con gì.”

Vừa trợn mắt nhìn, ông vừa bắt đầu xào xáo các loại giấy tờ trên bàn làm việc. “Nói xem cô cần gì rồi để cho anh yên. Anh còn nhiều việc phải làm lắm.”

“Cẩn thận đấy, anh Nusswan, lông mày của anh đang tập thể dục bài gì nhìn lạ lắm.” Dina quyết định không dồn ép vận may của mình thêm nữa, và đi vào việc chính. “Em chưa bỏ công việc may xuất khẩu đâu. Sớm muộn gì em cũng tìm được thợ mới. Nhưng từ giờ đến lúc đó em không thể nhận thêm đơn hàng nữa.”

Giây phút xin xỏ, giây phút cô căm ghét, không trở nên dễ nuốt hơn tí nào dù được mào đầu bằng vài câu giải thích ngắn về tình hình hiện tại hay thái độ cao ngạo. “Hai trăm rưỡi là đủ để em cầm cự qua tháng này.”

Nusswan bấm chuông gọi người truyền tin, và ghi một tờ phiếu xuất tiền. Dina và Maneck được đãi mắt bằng một màn thư pháp dữ dội, đầu bút điên cuồng rạch ngang tờ giấy. Ông gạch nét ngang của các chữ t và chấm các chữ i bằng những nhát bạo liệt, như muốn ganh với chiếc máy chữ đang bị nã đạn ở phòng bên.

Người truyền tin mang tờ phiếu ra cho viên thủ quỹ ngồi ở phòng cuối hành lang. Chiếc quạt trần cũ kĩ nặng nhọc quay, chẳng khác nào một nhà máy nhỏ ồn ào. Lắm tiền như thế, Dina nghĩ bụng, mà sao anh ta vẫn chưa chịu lắp điều hòa ở đây nhỉ. Cô đưa mắt xuống, dán vào con dao rọc giấy cán gỗ đàn hương được gài một cách tinh vi bên trong chiếc phong bì mở nửa. Anh chàng truyền tin mang tiền đến và lui ra.

Nusswan dợm giọng: “Tất cả những việc này sẽ chẳng còn cần thiết nữa giá như...” Ông liếc sang Dina, nhưng không tài nào chạm được đôi mắt đang nhìn xuống của cô, rồi đến Maneck, và bỏ lửng ý nghĩ. “Đây,” ông chìa xấp tiền ra.

“Cảm ơn anh,” cô nhận lấy, mắt vẫn nhìn lảng đi.

“Không có gì.”

“Em sẽ gửi trả anh ngay khi có thể.”

Ông gạt đầu, nhặt con dao rọc giấy lên, và mở nốt chiếc phong bì.

“Ít ra hôm nay bác ấy cũng tha không tặng dì bài diễn văn yêu thích, nhờ có Tình trạng khẩn cấp đấy,” Dina nói khi hai người xuống xe buýt. “Thế là dì mừng rồi. ‘Tái hôn thì có gì xấu đâu?’” Cô nhại giọng kẻ cả. “‘Em vẫn còn xinh đẹp lắm, anh đảm bảo sẽ tìm được cho em một tấm chồng tử tế.’ Cháu không tưởng tượng nổi bác ấy đã nói câu đấy với dì bao nhiêu lần rồi đâu.”

“Nhưng cháu cũng nghĩ thế mà dì,” Maneck nói. “Đấy là chuyện duy nhất cháu đồng tình với anh trai dì. Dì rất xinh đẹp.”

Cô đập vào vai cậu. “Cháu ở phe nào thế?”

“Phe sự thật và sắc đẹp,” cậu trình trọng tuyên bố. “Nhưng những lúc Nusswan và mấy ông doanh nhân bạn của bác ấy tụ tập và ba hoa với nhau chắc buồn cười phải biết.”


“Cháu biết dì nhớ ra chuyện gì không, lúc còn ở văn phòng của bác ấy đấy? Lúc bác ấy còn bé. Bác ấy toàn bảo là mình sẽ trở thành một thợ săn thú dữ, rồi vẽ vời những thứ kiểu như giết báo và sư tử. Hay vật nhau với bọn cá sấu, như Tarzan ấy. Đến một hôm, một con chuột nhắt lén vào phòng, bà giúp việc bèn bảo, cậu chủ xem kìa, có một con hổ dữ lắm, cậu mau giết nó đi. Thế là Nusswan cuống cuống chạy đi, mồm bai bải gọi mẹ.”

Cô xoay chìa trong ổ khóa. “Nay bác ấy lại còn đòi tiêu diệt những hai triệu người kia đấy. Cái thói ăn nói khoa trương mãi không sửa được.”

Họ bước vào nhà và đập vào mắt họ là hai chiếc máy may câm lặng. Tròng cười của họ bỗng thành ra lạc lõng; nó nhanh chóng xiù dần rồi dứt hẳn.

X

Cùng hội cùng thuyền

 CHIẾC XE TẢI GẦM GÙ TIẾN VÀO THÀNH PHỐ trên tuyến đường sân bay khi trời đã quá nửa đêm. Những thị trấn lụp xụp đang say ngủ mọc lên như nấm suốt dọc hai bên đường cao tốc, nhăm nhè tràn lên xâm lăng trực huyết mạch chính rải nhựa. Chỉ hiể hợ từ những cỗ máy hủy diệt có bánh đang ầm ầm lao ngược chạy xuôi mới kìm giữ được những mảnh sống rách rưới phía sau rìa đường. Thỉnh thoảng ánh đèn pha lại quét trúng những công nhân làm ca đêm, những bóng ma mệt mỏi đang thận trọng lần đường đi giữa một bên là dòng xe cộ và bên kia là rãnh nước lộ thiên.

“Cảnh sát đã được lệnh xóa sổ tất cả các khu ổ chuột rồi kia mà,” Ishvar thắc mắc. “Tại sao vẫn còn mấy chỗ này?”

Ông trùm ăn mày giải thích là chuyện không đơn giản như thế; tất cả tùy thuộc vào thỏa thuận dài hạn giữa ông trùm của mỗi khu ổ chuột với cảnh sát.

“Chả công bằng gì cả,” Om nói, mắt cố nhìn xuyên qua màn đêm thum thum. Những vạt ánh trăng nhợt nhạt hé lộ dải lều lán chắp vá dài vô tận, những sản phẩm lắp ghép bần thiủ từ ni lông và bìa các tông và giấy và bao tải, hết như muôn ngàn vảy nấm và mụn giộp thi nhau nổi lên khắp cơ thể đang rửa nát của thành phố trong một cơn ác mộng da liễu. Khi mặt trăng bị mây mù che khuất, khu ổ chuột biến mất khỏi tầm mắt. Dầu vậy, mùi hôi thối vẫn tiếp tục xác nhận sự hiện diện của nó.

Sau vài cây số nữa, xe tải vào tới trung tâm thành phố.

Các cột đèn và bóng nê-ông tắm vĩa hè trong một biển ánh sáng vàng nhờ nhạt, trong đó la liệt những tượng người của đêm khuya, thân hình co quắp, mắt trũng sâu, đang yên giấc nồng, những Galatea và Gangabehn và Gokhale và Gopal, những kẻ sẽ sớm bị đánh thức bởi cái hỗn độn xô bồ của buổi bình minh, để bê để vác để nâng để xây, để vất sức cho chính cái thành phố đang điên cuồng tìm cách cải tạo mỹ quan này.

“Nhìn kia,” Om kêu lên. “Mọi người ngủ ngon quá, chả có cảnh sát nào quấy rối họ cả. Có lẽ luật Tình trạng khẩn cấp đã bị dỡ bỏ rồi.”

“Không phải đâu,” Ông trùm nói. “Nhưng nó đã trở thành một trò chơi, như mọi điều luật khác. Một khi đã biết rõ quy tắc rồi thì cũng dễ chơi thôi.”

Hai người thợ may xin được xuống ở gần hiệu thuốc. “Có lẽ ông bảo vệ sẽ lại cho chúng tôi ở chỗ cửa ra vào.”

Nhưng Ông trùm lại nhất quyết đòi xem chỗ làm của họ trước. Xe tải chạy thêm vài phút nữa và dừng lại bên ngoài khu nhà Dina sống, nơi họ chỉ cho ông ta xem vị trí căn hộ của cô.

“Được rồi,” Ông trùm nói, đoạn nhảy xuống xe. “Đi xác nhận công việc của hai người với bà chủ nào.” Ông ta bảo tài xế đợi, rồi phăm phăm sải bước đến trước cửa.

“Muộn quá rồi, không nên đánh thức cô Dina nữa,” Ishvar van vủ, mặt nhăn nhó khi ông cuống quýt lê cái chân trật mắt cá chạy theo sau. “Cô ấy nóng tính lắm. Ngày mai chúng tôi sẽ dẫn ngài đến đây, tôi hứa đấy, tôi xin thề trên đầu bà cụ quá cố nhà tôi.”

Đám ăn mày và công nhân bị thương trên xe rùng mình, thêm khát cánh tay vỗ về của chuyển động đã ru nệm họ trên suốt chặng đường vừa qua. Tiếng động cơ chạy trong trạng thái chờ biến màn đêm thành một thứ lỗ đen rợn người. Ai nấy bắt đầu gào khóc.

Ông trùm dừng lại trước cửa chính để sẫm soi tấm biển, và ghi vào cuốn sổ tay của mình. Đoạn ông giơ ngón tay trở ra ấn vào chuông cửa.

“*Hai Ram!*” Ishvar ôm đầu tuyệt vọng. “Cô ấy sẽ tức giận biết chừng nào, bị đánh thức lúc muộn mằn thế này!”

“Tôi cũng muộn,” Ông trùm nói. “Tôi bị lỡ mất buổi lễ ở đền rồi, nhưng tôi đâu có kêu ca gì, phải không?” Không thấy ai ra mở cửa, ông nhấn đi nhấn lại chuông. Tài xế xe tải cũng bấm còi inh ỏi để giục.

“Xin ngài dừng lại cho!” Om cầu xin. “Tới mức này chắc chắn chúng tôi sẽ mất việc!” Ông trùm nở nụ cười nhẵn nhụi và tiếp tục ghi chép. Việc viết trong bóng tối chẳng gây chút khó khăn nào cho ông.

Trong nhà, tiếng chuông cửa cũng làm Dina điên tiết chẳng kém gì hai người thợ. Cô lao vào phòng Maneck. “Dậy đi, mau lên!” Phải bị lắc mấy cái ra trò, cậu mới cựa quậy. “Mặt mũi thì như thiên thần, thế mà ngáy chả khác gì trâu mộng! Dậy đi nào! Cháu có nghe thấy không? Có người gọi cửa!”

“Ai ạ?”

“Dì đã nhòm qua lỗ mắt cửa rồi, nhưng cháu thừa biết mắt mũi dì đấy. Dì chỉ biết có ba người thôi. Dì muốn cháu xem hộ.”

Cô vẫn chưa bật đèn lên, hi vọng đám khách không mời sẽ bỏ đi. Sau khi dặn cậu phải đi thật khẽ, cô dẫn cậu ra cửa trước và giữ chặt chốt. Cậu ghé mắt nhòm và mừng rỡ quay đầu lại.

“Mở cửa đi dì! Chú Ishvar với Om đấy, họ đi cùng ai đó!”

Đứng bên ngoài, họ nghe thấy tiếng cậu và gọi: “Cô ơi, là chúng tôi đây, cô Dina, chúng tôi rất xin lỗi vì đã làm phiền cô. Xin hãy thứ lỗi cho chúng tôi, sẽ không mất thời gian lắm đâu...” Tiếng nói của họ tắt dần thành một dấu hỏi e sợ.

Cô bật công tắc đèn hành lang, trong bụng vẫn dè chừng, và hé cửa ra một chút – rồi mở toang ra. “Đúng là hai người! Hai người đã ở đâu vậy? Đã có chuyện gì xảy ra?”

Cô còn chẳng buồn che đậy nỗi mừng rỡ của mình. Nó khiến cô kinh ngạc: cô sung sướng tận hưởng cảm giác trọn vẹn nó mang lại, cảm xúc của cô chạy thẳng lên đầu lưỡi, chẳng hề bị xoắn vặn vì dối trá.

“Vào nhà đi, vào đi!” Cô nói. “Trời ơi, suốt mấy tuần qua chúng tôi lo lắng cho hai người biết bao!”

Ông trùm đứng lúi lúi trong khi Ishvar tập tễnh bước qua ngưỡng cửa và cố nặn ra một nụ cười. Từ mắt cá chân của ông sút ra mấy vòng vải dơ dáy của ngài bác sĩ. Om theo sát sau lưng ông và giẫm luôn lên miếng băng gạc trong cơn hồi hả. Xuyên qua lối ra vào tối om, họ ngại ngần bước vào khoảng sáng lộ liễu nơi hành lang.

“Trời đất ơi! Trông bộ dạng hai người kìa!” Dina kêu lên, bàng hoàng trước hai khuôn mặt hốc hác, quần áo bẩn thỉu, tóc tai rối bù. Mất một lúc, cả cô lẫn Maneck đều không nói nên lời. Họ trân trối nhìn. Rồi những câu hỏi túa ra, câu nọ vấp câu kia, và những câu trả lời rời rạc cũng tán loạn chẳng kém.

Vẫn đứng chờ ngoài cửa, Ông trùm bèn chen ngang tràng kể lể rối rắm của Ishvar và Om. “Tôi chỉ muốn xác nhận – hai người thợ này làm việc cho cô hả?”

“Vâng. Để làm gì vậy?”

“Tốt rồi. Rất vui được thấy mọi người đoàn viên hạnh phúc.” Xe tải lại rú còi, ông quay lưng bỏ đi.

“Khoan đã,” Ishvar nói. “Chúng tôi phải đến đâu để trả tiền hàng tuần?”

“Tôi sẽ đến thu.” Ông cũng nói thêm là bất kì lúc nào muốn liên lạc với ông, họ có thể nhờ Sâu, vị trí mới của lão sẽ là bên ngoài tiệm đồ chay Vishram.

“Trả tiền gì, sâu nào?” Dina hỏi khi cửa đã đóng lại. “Và người đàn ông đó là ai?”

Hai người thợ may tạm rời chuyện chính để giải thích, bắt đầu từ sự xuất hiện của Ông trùm ăn mày ở trại lao động, rồi quay sang kể công của Shankar, sau đó lại vội vã nối tiếp câu chuyện, chắp ghép lộn xộn tán loạn, khiến hai người nghe không biết đường nào mà lẫn. Khoảng thời gian khổ sai nơi địa ngục đã chấm dứt; cảm giác kiệt quệ ập đến chiếm cứ những nơi nổi sợ hãi đã bỏ lại. Ishvar lấy bầy quẩn lại bằng vãi quanh mắt cá chân cho chặt chĩa. Tay ông run quá, nên Om phải gài đầu băng thừa cho ông.

“Đấy là lỗi của tay đốc công, hần...”

“Nhưng lúc đó là trước khi gã Điều phối viên xuất hiện...”

“Có điều, sau khi mất cá chân tôi bị trật, tôi không tài nào...”

Sợi dây sự kiện trượt khỏi tầm tay họ, Ishvar bắt được một mẫu ở đây, Om vỗ được một tí ở kia. Rốt cuộc cả hai bác cháu cùng mất phương hướng. Giọng của Ishvar đuối dần. Ông giơ cả hai tay lên mà bóp đầu, cố nặn cho ra từ gì đó. Om lấp bấp, rồi sụt sịt khóc.

“Chúng đối xử với chúng tôi tàn tệ lắm,” cậu nức nở, tay bấu chặt tóc. “Tôi cứ nghĩ hai bác cháu sẽ chết ở đấy...”

Maneck vỗ vai cậu, nói giờ họ đã an toàn, còn Dina nhấn mạnh rằng việc cần làm nhất bây giờ là nghỉ ngơi, để đến sáng mai hãy nói chuyện tiếp. “Hai người vẫn còn chần chieu. Cứ trải ra hành lang này mà ngủ.”

Giờ đến lượt Ishvar vỗ òa. Ông quỳ sụp xuống trước mặt cô và hôn vào chân cô. “Ôi cô Dina, bác cháu tôi biết cảm ơn cô thế nào đây! Cô tốt quá! Chúng tôi sợ ở ngoài đường lắm... cái Tình trạng khẩn cấp này, bọn cảnh sát...”

Phản ứng của ông khiến cô xấu hổ. Cô giật chân khỏi tầm tay ông. Cú chộp của ông bật ra nhanh đến độ chiếc dép trái của cô mắc lại giữa những ngón tay bấu siết của ông. Ông nhồm người tới và nhẹ nhàng xỏ nó vào chân cho cô.

“Xin anh đứng lên ngay cho,” cô nói bằng giọng nghiêm nghị pha lẫn hoảng hốt. “Hãy nghe tôi, tôi chỉ nói một lần này thôi. Đừng bao giờ quỳ gối trước bất cứ người nào.”

“Vâng,” ông ngoan ngoãn đứng dậy. “Xin cô thứ lỗi cho tôi, lẽ ra tôi phải hiểu chứ. Nhưng biết làm sao được, thưa cô Dina, tôi thật không nghĩ ra cách nào để cảm ơn cô.”

Vẫn chưa hết ngượng, cô nói một tối nhận ngần ấy lời cảm ơn đã là quá đủ rồi. Om trải chăn chiếu ra sau khi đã giơ tay áo lên chùi mắt. Cậu hỏi liệu hai bác cháu cho thể rửa mặt và tay cho khỏi bụi đất trước khi đi ngủ được không. “Nhà không có mấy nước đâu, chỉ còn chỗ ở trong xô thôi, nên hai người nhớ dùng tần tiện. Nếu khát, cứ lấy nước ở bình trong bếp.” Cô khóa cửa hành lang và cùng Maneck vào nhà trong.

“Cháu rất tự hào về dì, dì ạ,” cậu khế nói.

“Thế ư? Cảm ơn ông, thưa ông nội.”

Ánh sáng bình minh cũng không mang câu trả lời đến cho những câu hỏi mà Dina phải vật lộn cùng suốt đêm qua. Cô không thể đánh mất hai người thợ may thêm lần nào nữa. Nhưng phải giữ lập trường vững vàng đến đâu, mềm dẻo bao nhiêu thì đủ? Đây là ranh giới giữa cảm thông và ngu dại, tử tế và yếu đuối? Và đây là xét từ phía cô. Đúng từ vị trí của họ, đó có thể là ranh giới giữa thương xót và tàn bạo, lòng tốt và sự nhẫn tâm. Cô có thể vẽ ra nó theo thái cực này, nhưng biết đâu họ sẽ nhìn nhận nó từ thái cực kia.

Hai người thợ may thức dậy lúc bảy giờ, và gấp gọn chăn chiếu lại. “Chúng tôi ngủ ngon lắm,” Ishvar nói. “Hành lang nhà cô yên tĩnh như trên thiên đường vậy.”

Họ lấy quần áo trong bọc ra thay và sửa soạn để tới nhà vệ sinh ở ga tàu hỏa. “Chúng tôi sẽ ra Vishram uống trà, rồi quay lại đây ngay – nếu được.”

“Ý hai người là, để bắt tay vào may ấy hả?”

“Vâng, chắc chắn rồi,” Om nói với một nụ cười yếu ớt.

Cô quay sang Ishvar. “Mất cá chân của anh sao rồi?”

“Vẫn còn đau, nhưng tôi có thể đập bàn đập bằng một chân. Không cần phải trì hoãn làm gì.”

Cô để ý thấy bàn chân nứt nẻ và phồng rộp của họ. “Dép của hai người đâu rồi?”

“Bị ăn trộm mất rồi.”

“Thỉnh thoảng trên phố vẫn có mảnh thủy tinh vỡ dấy. Bọn say xỉn hay đập chai ném lọ mà. Hai người không thể mạo hiểm với ba cái chân còn lại được.” Cô tìm được một đôi dép vừa chân Om; còn Maneck cho Ishvar mượn đôi giày tennis của mình.

“Êm ái quá,” Ishvar nói. “Cảm ơn cậu.” Rồi ông rụt rè hỏi liệu họ có thể vay năm rupi để uống trà và ăn nhẹ được chăng.

“Tiền công cho hai người từ lô hàng trước còn hơn năm rupi đấy,” cô nói.

“Trời ơi? Thật ư?” Họ vô cùng sung sướng, vì cứ ngỡ bỏ dở việc cũng đồng nghĩa với từ bỏ quyền lợi đối với mọi khoản công xá, và tỏ thật như vậy.

“Một số ông bà chủ có lẽ làm thế thật đấy. Còn tôi lại tin là lao động chân chính xứng đáng được trả công sòng phẳng.” Cô đùa: “Có lẽ hai bác cháu nên chia tiền công với Maneck, cậu ấy đáng được hưởng một phần lắm.”

“Đâu có, tôi chỉ giúp đơm vài chiếc cúc thôi mà. Dì Dina làm tất đấy.”

“Dào, bỏ học đi,” Om nói. “Hãy hợp tác với bác cháu tớ.”

“Được đấy. Rồi chúng ta sẽ cùng mở cửa hàng riêng,” Maneck nói.

“Đừng có khuyên vớ khuyên vẩn,” cô nạt Om. “Ai cũng nên ăn học tử tế. Tôi hi vọng khi có con, cậu sẽ cho chúng đến trường.”

“Ồ vâng, tất nhiên rồi,” Ishvar nói. “Nhưng trước hết chúng tôi phải tìm cho nó một cô vợ đã.”

Sau khi Maneck đã miễn cưỡng đến trường còn Dina tới Công ty xuất khẩu Au Revoir để lấy vải mới, hai người thợ may ngồi giết thì giờ ở Hotel đồ chay Vishram. Anh chàng thu

ngân kiêm bồi bàn mừng rỡ chào đón hai khách quen của mình. Anh ta bê nốt đồ cho các khách ăn ở quầy trước – một cốc sữa, sáu cái bánh rau chiên, một muôi sữa chua – và chỉ ít phút sau đã ra ngồi cùng hai bác cháu ở một bàn riêng.

“Trông hai người sút quá,” anh ta bình luận. “Hai người biến đi đâu mà lâu thế?”

“Khẩu phần đặc biệt của chính phủ đấy,” Ishvar nói, đoạn kể cho anh ta nghe hết câu chuyện đen đủi của hai bác cháu.

“Sợ hai bác cháu nhà ông thật đấy,” ông đầu bếp dầm dìa mồ hôi đứng sau bếp nấu hết to. “Chuyện gì cũng chỉ xảy ra với mình hai người. Mỗi lần đến đây, hai người lại có một câu chuyện phiêu lưu mới để giúp chúng tôi giải sầu.”

“Có phải tại chúng tôi đâu, chính cái thành phố này thì có,” Om nói. “Một xưởng sản xuất truyện, chính thế đấy, một cái máy dệt chạy điên đảo.”

“Cậu thích gọi nó là gì thì tùy, nếu khách nào của chúng tôi cũng được như cậu, chắc chúng tôi sẽ sản xuất được một bộ *Mahabharat*^[43] hiện đại – phiên bản Vishram.”

“Xin các chú, chúng tôi sợ phiêu lưu lắm rồi,” Ishvar nói. “Mấy chuyện khổ đau đen đủi đấy chẳng có gì vui khi chúng tôi phải làm nhân vật chính.”

Anh chàng thu ngân-bồi bàn mang trà và bánh mì ngọt cho hai bác cháu, rồi ra phục vụ cho những khách hàng khác ngoài quầy. Sữa trong trà đã tạo thành một lớp kem trên mặt. Om lấy thìa hớt và đưa lên miệng, đoạn liếm môi. Ishvar chìa cho thằng cháu cốc trà của mình, cậu bèn hớt luôn kem ở cốc của bác. Họ bẻ đôi chiếc bánh mì ngọt để xem có nhân bơ ở cả hai nửa không. Có, nhiều là đằng khác.

Nhân lúc vĩa hè vắng khách bộ hành, Shankar, trước đó đã ngồi ăn xin ngoài cửa tiệm từ đời nào khi họ mới tới, lần đến trước cửa để chào họ. Ishvar vẫy tay. “A, Shankar. Được trở về và làm việc chăm chỉ vui quá hả?”

“Biết làm sao được chú ơi, Ông trùm bảo hôm nay là ngày đầu tiên, nghỉ ngơi đi, ngủ một tí. Vậy là tôi ngủ gục luôn ở đây. Thế rồi xu cứ rơi rào rào vào bơ của tôi. Tiếng keng keng lộng óc, ngay bên tai tôi đây. Hề tôi nhắm mắt vào là lại giật mình mở bừng ra. Bà con có cho tôi nghỉ tí nào đâu.”

“Bàì” của lão sáng nay khá đơn giản. Lão lắc mấy đồng xu và rên rĩ, hoặc chốc chốc lại ho sù sụ, cho kì tới lúc nước mắt chảy giàn giụa. Muốn cho người ta vui mắt, lão lăn cái bệ sang trái chừng một, hai mét, rồi trở sang phải. “Hai bác cháu biết không, tôi đã phải đặc biệt xin Ông trùm cho rời ga tàu về đây đấy,” lão tỉ tê. “Giờ bọn ta có thể gặp nhau thường xuyên hơn rồi.”

“Tốt lắm,” Om nói, đoạn vẫy tay chào tạm biệt. “Gặp lại chú sau nhé.”

Cửa căn hộ bị khóa, họ bèn đứng chờ ngoài cửa. “Hi vọng lão thu tiền nhà điên khùng kia không phải đang sục sạo khắp khu này,” Om nói. Mười phút lo lắng trôi qua rồi xe tắc xi cũng trở tới. Họ giúp Dina dỡ các súc vải xuống và vác vào phòng trong.

“Đừng cố quá, cẩn thận với mắt cá chân anh đấy,” cô nhắc Ishvar. “Vớ lại, sắp có đình công ở nhà máy dệt. Chừng nào nó chưa kết thúc thì không có vải nữa đâu.”

“*Hai Ram*, thật là họa vô đơn chí.” Đột nhiên, trí óc Ishvar trở lại với hành động ông đã làm đêm hôm trước, ông bèn xin lỗi một lần nữa vì đã sục sạo chân cô. “Lẽ ra tôi phải hiểu chứ.”

“Đấy chính là câu anh đã nói đêm qua. Nhưng tại sao lại thế?” Dina hỏi.

“Vì xưa kia từng có người làm chuyện đó với tôi. Nó khiến tôi cảm thấy khó nghĩ vô cùng.”

“Ai vậy?”

“Chuyện dài lắm,” Ishvar nói, ông không sẵn lòng kể cho cô biết mọi điều dính dáng tới cuộc đời của họ, nhưng lại tha thiết muốn chia sẻ ít nhiều. “Khi em trai tôi, tức là bố thằng Om, và tôi đang học việc ở nhà một thợ may, chúng tôi đã giúp ông ấy một việc nhỏ.”

“Hai người làm gì?”

“À,” ông ngập ngừng. “Chú Ashraf là người Hồi, hồi đó đang là thời gian xảy ra xô xát giữa người Hindu với người Hồi. Lúc mới độc lập ấy. Trong thị trấn có biến – chúng tôi đã giúp chú.”

“Thế là ông ấy hôn lên chân anh, ông Ashraf ấy?”

“Không.” Kí ức ấy vẫn khiến Ishvar ngượng ngùng, dù hai tám năm đã trôi qua. “Không, vợ chú ấy, thím Mumtaz đã làm thế. Lúc ấy tôi thấy khó nghĩ lắm. Cứ như bằng cách nào đó, tôi đã làm lợi trên nỗi bất hạnh của thím ấy.”

“Chính tôi cũng cảm thấy thế đấy. Thôi, ta hãy quên chuyện đó đi.” Cô còn cả tá câu hỏi nữa muốn hỏi, nhưng đành tôn trọng thái độ ngại ngùng của ông. Nếu họ muốn, rồi đến một ngày nào đó, họ sẽ kể cho cô nghe thêm khi đã sẵn sàng.

Trong lúc này, cô ghép thêm vài mảnh vào những gì Maneck đã hé lộ về cuộc đời của họ dưới quê. Cũng như tấm chăn của cô, cuốn biên niên của hai người thợ may đang dần thành hình.

Trong suốt ngày làm việc trở lại đầu tiên đó, Dina không lúc nào thôi trăn trở với những từ ngữ hòng dựng thành câu hỏi cốt yếu. Cô biết nói ra thành lời thế nào khi đến lúc? Thế này thì sao: Cứ việc ngủ ngoài hành lang cho đến khi hai người tìm được chỗ mới. Không, cứ như cô đang sốt sắng muốn mời họ ở lại nhà mình. Bắt đầu với câu hỏi: Hai người đã có chỗ ngủ tối nay chưa? Nhưng nghe đạo đức giả quá, rõ là họ không có rồi. Câu hỏi khác: Tối nay hai người sẽ ngủ ở đâu? Được, không tệ. Cô thử nhắm lại. Không, nó thể hiện quá nhiều quan tâm – quá lộ liễu. Tối qua thật dễ dàng hơn bao nhiêu, câu chữ cứ tự nhiên tuôn chảy, giản dị và thành thật.

Cô trông hai người thợ làm việc suốt buổi chiều, chân dính lấy bàn đạp, cho đến khi Maneck về tới và nhắc họ về bữa trà chiều. Không, họ đáp, hôm nay thì không, và cô đồng tình. “Đừng bắt hai bác cháu phung phí tiền bạc. Họ đã mất quá đủ suốt mấy tuần qua rồi.”

“Nhưng cháu sẽ bao mà.”

“Tiền của cháu cũng đâu phải để tiêu vung đi như thế. Trà của dì không ngon hay sao?” Cô bắc ấm trà lên cho cả nhà và bày cốc ra, để riêng những chiếc viên hoa màu hồng. Trong lúc chờ ấm reo, cô nghiền ngẫm lại trò đố chữ của mình. Nếu cô mở đầu bằng: Ngoài hành lang có thoải mái không? Không, trái tai hết thuốc chữa.

Đến giờ về, hai người thợ may khổ sở trùm tấm phủ lên hai chiếc máy. Họ đứng dậy khó nhọc, thở dài, và bước ra phía cửa.

Trong phút chốc, Dina bỗng có cảm giác như mình là một vị phù thủy. Cô có thể điểm đá hoa vàng, chỉ bằng lời nói của mình – vấn đề là phải cho nó bật ra.

“Khi nào hai người sẽ trở lại?”

“Cô muốn giờ nào cũng được,” Om đáp. “Sớm mấy cũng không thành vấn đề.” Ishvar im lặng gặt đầu.

Cô dạm miệng mở màn; các mảnh ghép bỗng tự lắp đầu vào đấy. “À, cũng chả vội gì. Hai người cứ ăn tối đi, rồi quay về. Lúc đấy tôi với Maneck cũng đã ăn cơm xong rồi.”

“Ý cô là bác cháu tôi có thể...?”

“Ngoài hành lang nhà cô?”

“Chỉ đến khi nào hai người tìm được chỗ ở thôi đấy,” cô nói, hài lòng vì những câu mình nói ra rất vừa vặn – ranh giới đã được vẽ chính xác.

Lòng biết ơn của họ khiến cô ấm lòng, nhưng cô gạt đi chuyện tiền nong. “Không. Nhất định là không có tiền thuê tiền trọ gì hết. Tôi chẳng cho thuê cái gì hết, chỉ muốn giúp hai người tránh xa bàn tay ám muội của bọn cảnh sát thôi.”

Và cô cũng nói rõ việc đi lại cần được giảm thiểu, rủi ro với chủ nhà quá lớn. Chẳng hạn, những chuyến ra nhà vệ sinh ở ga tàu có thể chấm dứt. “Hai người có thể tắm rửa và uống trà ở đây. Chỉ cần hai bác cháu dậy sớm, trước khi có nước. Hai người để ý cho, tôi chỉ có một phòng vệ sinh thôi.” Nghe thế, Om băn khoăn không hiểu có nhà ai lại hăm đến độ phải có hơn một cái phòng vệ sinh, nhưng cậu không hỏi.

“Và nhớ lấy, tôi không muốn trong đó bắn thủi bung bét ra đâu đấy.”

Họ đồng ý với mọi điều kiện cô nêu ra và thể sẽ không gây tí phiền phức nào. “Nhưng chúng tôi thấy khó xử lắm, nếu cứ ở đây miễn phí.”

“Nếu hai người còn nhắc đến chuyện tiền bạc một lần nữa, thì xin mời đi tìm chỗ khác.”

Họ lại cảm ơn cô và đi ăn tối, hứa sẽ trở lại lúc tám giờ và còn may thêm một tiếng nữa trước khi đi ngủ.

“Nhưng dì ơi, sao dì không cho họ trả tiền thuê? Họ sẽ thấy thoải mái hơn nếu dì lấy một ít tiền. Mà như thế dì cũng có thêm đồng ra đồng vào nữa.”

“Cháu không hiểu gì à? Nếu nhận tiền, tức là dì cho thuê hành lang nhà mình.”

Khom lưng trước bồn rửa, Dina đánh răng bằng kem Kolynos. Ishvar nhìn dòng bọt kem chảy xuống từ miệng cô. “Tôi cứ thắc mắc mãi, không hiểu cái đó có tốt cho răng không,” ông nói.

Cô nhổ bọt và súc miệng rồi mới trả lời: “Chắc cũng như các loại kem đánh răng khác thôi, tôi nghĩ vậy. Hai người dùng loại nào?”

“Chúng tôi dùng bột than. Thỉnh thoảng dùng cả cành sấu đầu nữa.”

Maneck nói rằng của Ishvar và Om còn tốt hơn cả răng cậu. “Cho dì xem nào,” cô nói, cậu bèn nhe răng ra. “Còn hai người?” Cô hỏi hai người thợ may.

Cả ba đứng dàn hàng trước gương và vành môi, phô hết hàng răng cửa. Cô cũng so răng của mình. “Maneck nói đúng, răng hai người trắng hơn.”

Ishvar cho cô một mẫu than để dùng thử, còn cô bóp một đốt kem Kolynos lên đầu ngón tay ông. Ông chia đôi với Om. “Vị ngon nhỉ,” họ xuýt xoa.

“Thế cũng tốt,” cô nói. “Nhưng mất tiền để đổi lấy hương vị thì phí phạm quá, trừ phi đó là thức ăn. Tôi nghĩ tôi sẽ chuyển sang dùng than cho tiết kiệm.” Maneck quyết định sẽ bắt chước cô.

Hộ gia đình mới mở rộng xoay chuyển bánh xe buổi sáng mà không vướng chút trục trặc ma sát nào, dù là nhỏ nhất. Dina trở dậy đầu tiên, Maneck sau cùng. Khi cô đã rửa ráy xong xuôi trong nhà vệ sinh, đến lượt hai người thợ may vào. Họ vào và ra nhanh như chớp, khiến cô ngỡ rằng vụ vệ sinh cá nhân này có ít nhiều cầu thả, cho tới khi cô nhìn thấy hai khuôn mặt được lau rửa cẩn thận và mái tóc ướt nhẹp. Một hơi hít thật sâu khi đứng gần họ xác nhận mùi thơm sạch sẽ của một cơ thể mới tắm rửa.

Phòng vệ sinh xa hoa ngoài sức tưởng tượng, song hai người thợ không bao giờ nán nà lâu. Tắm rửa siêu tốc đã trở thành thói quen của họ. Trong vài tháng trở lại đây, họ đã mài sắc kỹ thuật của mình ở các khu vực công cộng, nơi thời gian là yếu tố tiên quyết. Vòi nước trong con ngõ gần mái hiên nhà lão Nawaz; chiếc vòi duy nhất ở trung tâm xóm ổ chuột; những toa lét xập xệ ở khu vệ sinh luôn trong tình trạng quá tải ngoài ga tàu; đường ống nước chảy nhỏ giọt ở dự án tưới tiêu: tất cả đã giúp hoàn thiện kỹ năng của họ đến mức mỗi người có thể xong xuôi chỉ trong ba phút. Họ không bao giờ động đến sợi dây may-so của Dina, chỉ thích dùng nước lạnh, và nề nếp gọn gàng của họ khiến căn phòng luôn ngăn nắp.

Nhưng ý nghĩ cơ thể của họ hiện diện trong phòng vệ sinh nhà mình vẫn làm Dina có cảm giác không thoải mái. Cô luôn cảnh giác, sẵn sàng bắt quả tang nếu tìm ra bằng chứng cho thấy xà phòng hoặc khăn của mình bị sờ đến. Nếu họ định ở lại đây vài ngày, mọi thứ phải theo luật lệ của cô, vòng kiểm soát sẽ không được nói lỏng một li nào.

Thứ cô dị ứng nhất là nghi thức buổi sáng của Ishvar: ông thường xọc tay vào họng để mửa. Quy trình nói trên đi kèm một tiếng rú dài, thứ tiếng cô thường nghe phát ra từ những căn hộ khác, nhưng chưa bao giờ ở cự li gần như thế. Nó khiến cô sởn gai ốc.

“Trời đất, anh làm tôi sợ chết khiếp,” cô nói, khi tràng khạc và nhổ đã chấm dứt.

Ông cười xòa. “Tốt cho dạ dày lắm đấy. Tổng khứ hết nước mật thiêu thừa.”

“Đào ôi, bác cứ coi chừng đấy,” Om nói, hùa theo Dina. “Nghe tiếng cứ như cả buồng gan bác cũng sắp đổ ra theo nước mật ấy.” Cậu chưa bao giờ chấp nhận thói quen này của ông bác; Ishvar đã từng cố dạy thằng cháu về những tác dụng trị liệu của phương pháp này nhưng phải thôi khi vấp phải thái độ thiếu hợp tác.

“Cái chú cần là một người thợ sửa ống nước,” Maneck nói. “Để lắp một cái vòi nhỏ bên sườn. Rồi sau đó chú chỉ cần vặn vòi là xả được nước mật thừa ra rồi.” Cứ mỗi lần Ishvar mở miệng tru, cậu và Om lại đồng thanh sửa một tràng dài phụ họa.

Sau vài ngày bị cả hai châm chọc, Ishvar đành điều chỉnh thói quen của mình. Những tràng tru dài được kiểm chế bớt, và ngón tay ông không còn dám khám phá thực quản ở những tầng sâu táo bạo như xưa nữa.

Om hít hà da Maneck. “Mùi của cậu thơm hơn tó. Chắc tại xà phòng cậu dùng.”

“Tớ dùng cả phần bột nữa.”

“Cho tớ xem với.”

Maneck đem hộp phấn cất trong phòng ra.

“Thế cậu xoa vào đâu? Khắp người à?”

“Tớ chỉ rắc một ít vào lòng bàn tay rồi xoa vào nách và ngực thôi.”

Đến ngày trả công sau đó, Om mua một bánh xà phòng Cinthol và một hộp bột tan Lakmé.

Kiểu mẫu của mỗi ngày, Dina thăm nghĩ vào cuối tuần thứ nhất, giống như kiểu mẫu của một chiếc váy khéo cắt, bốn người bọn họ ăn khớp với nhau mà chẳng cần co kéo để các đường viền trùng nhau. Đường may thẳng tắp và gọn gàng.

Dẫu vậy, Ishvar vẫn trần trở rằng ông và thằng cháu đang lợi dụng lòng tốt của Dina. “Cô không chịu nhận đồng nào của bác cháu tôi,” ông nói. “Cô cho chúng tôi dùng hành lang và phòng vệ sinh nhà cô. Cô pha trà cho chúng tôi. Thế này là quá nhiều, chúng tôi thấy khó xử lắm.”

Lời giải bày của ông nhắc cô nhớ đến cảm giác tội lỗi của chính mình. Cô biết tất cả những điều mình đã làm đều được làm để bảo vệ bản thân – để tránh việc hai người thợ may bị cảnh sát bắt một lần nữa, và để giấu họ khỏi tầm mắt của những người hàng xóm tọc mạch và lão thu tiền nhà. Vậy mà nay Ishvar và Om lại bao bọc cô trong tấm áo choàng của lòng tốt và sự hào phóng. Đối trá, đạo đức giả, xảo thuật ngày càng trở thành vật liệu áp đảo trong tấm vải của mình, cô thầm nghĩ.

“Vậy chứ anh tính sao?” Cô đáp cộc lốc. “Sỉ nhục tôi bằng năm mươi xu trà ư? Anh muốn đối xử với tôi như một mụ bán trà ngoài vỉa hè à?”

“Không không, không đời nào. Nhưng chẳng lẽ không có việc gì chúng tôi có thể làm để trả ơn cô ư?” Cô nói sẽ cho họ biết sau.

Đến cuối tuần lễ thứ hai, Ishvar vẫn chờ nghe. Rồi ông quyết định tự hành động. Trong lúc cô đang tắm, ông xuống bếp lấy chổi cùng ki hốt rác và quét hành lang, phòng trước, phòng Maneck, và phòng may. Ông dọn xong phòng nào, Om lại bùi riu tay xô tay khăn, chùi sạch sàn nhà.

Họ còn đang lúi húi lau láy thì Dina bước ra khỏi phòng vệ sinh. “Hai người đang làm gì thế này?”

“Xin cô thứ lỗi, nhưng tôi đã quyết rồi,” Ishvar cương quyết nói. “Kể từ nay, bác cháu tôi sẽ đỡ cô việc lau dọn hàng ngày.”

“Xem ra thế không được hay lắm,” cô nói.

“Quá được ấy chứ,” Om nói, đoạn nhanh nhẹn vắt kiệt giẻ lau.

Vô cùng xúc động, cô đi rót trà nhân lúc hai bác cháu đang làm nốt việc. Khi họ vào bếp để cất chổi giẻ, cô đưa Om hai cốc trà.

Nhìn thấy đường viền hoa hồng màu đỏ, cậu vội chỉ ra nhầm lẫn của cô: “Chiếc hoa màu hồng mới là cốc của chúng tôi chứ,” rồi ngưng bật. Khuôn mặt cô cho cậu biết cô ý thức rõ điều đó.

“Sao cơ?” Cô hỏi, đoạn cầm chiếc cốc viền hoa màu hồng lên cho riêng mình. “Có chuyện gì à?”

“Không có gì,” giọng cậu nghẹn lại. Cậu quay mặt đi, hi vọng cô không nhìn thấy lớp nước ngân ngấn trên mắt cậu.

“Có người tìm hai người ngoài cửa đấy,” Dina nói. “Chính là anh chàng tóc dài từng đến đây một lần.”

Ishvar và Om liếc nhau – anh ta muốn gì nữa đây? Sau khi xin lỗi vì sự gián đoạn, họ đi ra hành lang.

“Chào hai bác cháu,” Rajaram nói, hai tay chấp lại. “Rất xin lỗi vì làm phiền hai người

trong giờ làm việc, nhưng ông bảo vệ nói hai người không còn ngủ ở đây nữa.”

“Phải, chúng tôi có chỗ khác rồi.”

“Ở đâu?”

“Gần đây.”

“Hi vọng chỗ đó tốt. Nghe này, tí nữa tôi gặp hai bác cháu để nói chuyện được không? Hôm nay, giờ nào, chỗ nào cũng được, cốt tiện cho hai người.” Nghe giọng anh ta xem ra đã cùng đường.

“Cũng được,” Ishvar nói. “Đến Vishram lúc một giờ nhé.

Cậu biết chỗ chưa?”

“Được, tôi sẽ đến. À, nghe này, hai người làm ơn mang cho tôi mớ tóc tôi gửi nhờ được không?”

Rajaram đi rồi, Dina bèn hỏi hai người thợ may xem có chuyện gì không. “Tôi hi vọng anh ta không có liên quan gì đến người đàn ông hôm nọ, cái người vẫn đòi tiền hai người hàng tuần ấy.”

“Không không, anh ta không phải lính của Ông trùm ăn mày đâu,” Ishvar nói. “Anh ta là một người bạn, có lẽ anh ta muốn vay tiền thôi.”

“Ừm, hai người cứ nên cẩn thận là hơn,” Dina nói. “Thời buổi này, bạn với thù khó phân biệt lắm.”

Vishram đông nghịt khách. Khi họ tới, Rajaram đang bồn chồn đứng đợi trên vỉa hè. “Tóc của cậu đây,” Ishvar đưa anh ta cái bọc. “Thế. Cậu ăn gì?”

“Thôi, bụng tôi no rồi,” Rajaram nói, nhưng cái mồm đã phản bội cơn đói của anh ta, nó nhóp nhép nhai suông để đáp lại mùi xào nấu bay ra từ Vishram.

“Ăn cái gì đó đi,” Ishvar nói, thương hại thay cho anh ta. “Thử món gì đó đi, chúng tôi đãi.”

“Cũng được, hai bác cháu ăn gì thì tôi ăn nấy.” Anh ta cố rặn ra một tràng cười. “Bụng no quá tí cũng chẳng chết.”

“Cho ba suất pao-bhaiji^[44] và ba quả chuối nhé,” Ishvar nói với anh chàng thu ngân kiêm bồi bàn.

Họ mang thức ăn ra một khu nhà đổ phía cuối con đường, và chọn một bệ cửa sổ nép dưới bóng râm của một bức tường đã mục nát phân nửa. Một cánh cửa đổ sập được tận dụng làm bàn. Bản lề và nắm đấm đã bị tháo; vụ sụp nhà xảy ra cách đây chừng vài tuần. Bốn đứa trẻ con tay cầm bao tải đang quần thảo trên đồng đổ nát, lục lọi, tìm kiếm.

“Thế công việc Tuyên truyền viên kế hoạch hóa gia đình của cậu sao rồi?”

Rajaram lắc đầu, đoạn ngoạm một miếng to bự. “Chả ra sao.” Anh ta ăn như thể mấy ngày trời chưa được nhìn thấy thức ăn. “Họ bắt tôi thôi việc từ hai tuần trước rồi.”

“Có chuyện gì vậy?”

“Họ nói tôi làm việc không hiệu quả.”

“Đột ngột thế á? Chỉ sau hai tháng?”

“Ừm,” anh ta ngập ngừng. “Ý tôi là, không, ngay từ đầu đã có vấn đề rồi. Sau khóa đào

tạo, tôi làm theo quy trình họ hướng dẫn. Mỗi ngày tôi lại tìm đến một khu dân cư khác nhau. Tôi nhắc lại cẩn thận những điều họ dạy tôi, dùng đúng tông giọng, sao cho thật tử tế và có học, như thế người ta mới không sợ. Và thông thường mọi người lắng nghe rất kiên nhẫn, nhận truyền đơn; cũng có lúc họ cười, mấy thằng trẻ trẻ còn đùa nhiều câu tục tũn lắm. Nhưng chả ai thêm đăng kí làm phẫu thuật cả.”

“Vài tuần sau, cấp trên gọi tôi vào văn phòng. Ông ta nói tôi không chọn đúng đối tượng khách hàng. Ông ta còn nói cố bán một bộ đồ cưới cho một lão khát sĩ trần như nhộng thì ăn thua gì. Tôi hỏi ông ta là chính xác thì ngài ám chỉ cái gì.”

Rajaram nhắc lại cho hai người thợ may câu trả lời của ông sếp – rằng người thành phố vốn tính hoài nghi; bạ thứ gì họ cũng ngờ vực, thế nên thuyết phục họ rất khó. Các khu ổ chuột ở ngoại ô mới là chỗ ăn tiền. Nói cho cùng, đó là nơi sinh sống của lũ người dốt nát, cần đến sự giúp đỡ của chính phủ nhiều nhất. Chương trình này, với các quà tặng miễn phí và tiền thưởng, được thiết kế đặc biệt cho bọn họ.

“Thế là tôi làm theo lời khuyên của ông ta và ra ngoài thành phố. Và hai người tin nổi không? Ngay trong ngày đầu tiên xe của tôi đã bị thủng lốp.”

“Khởi đầu xui xẻo quá,” Ishvar lắc đầu.

“Thủng lốp chỉ là chuyện nhỏ. Rắc rối thực sự sau này mới đến cơ.” Rajaram kể, trong lúc lốp được vá ở một cửa hàng sửa xe, anh ta bắt chuyện với một ông già đang đứng chờ ở một trạm xe buýt cách cột nước cứu hỏa không xa lắm. Ông già cần tắm rửa, và đang mong mấy đứa bé bụi đời đi ngang qua mở giúp vòi nước.

Để tập dượt, và cũng để xem mình có thể thu hút sự chú ý của ông già trong bao lâu, Rajaram bắt đầu giới thiệu mình là Tuyên truyền viên, đang thực hiện những công việc tốt đẹp của Trung tâm kế hoạch hóa gia đình. Anh ta mô tả các công cụ kiểm soát sinh sản, nêu tên các loại phẫu thuật triệt sản, và số tiền thưởng cho mỗi loại: Phẫu thuật cắt vòi tử cung được thưởng nhiều hơn phẫu thuật cắt ống dẫn tinh, anh ta giải thích, vì chính phủ ưu tiên những phương pháp can thiệp có tính triệt để và không thể thay đổi.

Chính lão đang cần cái ấy đấy, ông già ngắt lời, loại đấy ấy, cái gì mà vòi – gì cũng được. Thiếu chút nữa thì Rajaram ngã nhào khỏi thanh chắn trạm chờ xe buýt nơi anh ta đang đậu vất vẻo. Không không, bố già ơi, cái đấy không dành cho bố, con chỉ nói để nói vậy thôi, anh ta bảo. Lão muốn làm, ông già nói, đấy là quyền của lão. Nhưng cắt vòi tử cung chỉ thực hiện được trên phụ nữ thôi, Rajaram giải thích, còn với đàn ông là cắt ống dẫn tinh, mà đến tuổi bố thì việc đấy cũng chả còn cần thiết nữa kia. Lão đếch cần biết tuổi tác, lão sẽ làm, bất cứ món gì dành cho phe lão, ông già vẫn khẳng khái.

“Có lẽ ông lão thích cái đài bán dẫn quá đấy mà,” Om nói.

“Chính tôi cũng nghĩ thế đấy,” Rajaram nói. “Tôi bụng bảo dạ, là nếu cụ nội này thêm nó đến thế, thì mình có quyền gì mà cãi? Nếu nghe nhạc giúp ông già vui, cơ sao phải từ chối ông ta?”

Thế là anh ta điền mẫu đơn, xin điểm chỉ, trả tiền cho người vá xe, và hộ tống bệnh nhân của mình đến phòng khám. Tối hôm ấy, anh ta nhận được tiền hoa hồng cho mình, món tiền đầu tiên từ công việc này.

Bấy giờ anh ta coi vụ thủng lốp xe là điềm báo may mắn: ngón tay định mệnh đã giơ lên, chọc thủng lốp xe cũng như vận xui của anh ta. Chiếc phù hiệu Tuyên truyền viên bám lấy áo anh ta càng thêm chân thành. Bừng bừng tự tin, anh ta quay lại khu ngoại ô, chắc mẩm mình sẽ kiếm được vô số ca phẫu thuật cắt vòi trứng lẫn cắt ống dẫn tinh.

Một tuần trôi qua, và chuyến du hành đưa anh ta đến khu vực của khách hàng đầu tiên. Anh ta đạp xe luồn lách giữa những ngôi lán, tìm cách tuyên truyền cho đông đảo nhân dân, trong đầu tràn ngập những lối diễn đạt khác nhau cho cùng một việc, lắp ghép các câu chữ sao cho chuyện triệt sản trở nên dễ chấp nhận, thậm chí đáng mơ ước, bỗng một người trong gia đình ông lão nhận ra anh ta và bắt đầu hô hoán âm lên: Thằng “Xuyên tiền viên” đấy! Làng nước ơi, thằng “Xuyên tiền viên” khốn kiếp lại đến đấy!

Chẳng mấy chốc, Rajaram đã bị bao vây bởi một đám đông giận dữ, đe dọa đập nát từng lóng xương trên người anh ta. Đáp lại những lời van lạy xin tha và những tiếng thét hãi hùng tại sao? tại sao? của mình, anh ta biết được rằng ca phẫu thuật đã bị biến chứng. Háng của ông già bị mừng mủ. Khi chỗ nhiễm trùng lan ra, phòng khám cũng đành bó tay, ông già đã chết.

Ishvar vừa gật đầu thông cảm vừa bóc chuối. Ông đã luôn có linh cảm công việc mới này của anh chàng thu mua tóc tiềm ẩn đầy nguy hiểm. “Họ đánh cậu có nặng không?”

Rajaram cởi khuy áo và chỉ cho hai bác cháu xem những vết bầm tím trên lưng mình. Chạy dọc ngực anh ta là một vết rạch đang bắt đầu liền miệng, do một vật sắc gây nên. Anh ta cúi đầu xuống để họ thấy một mảnh da đầu bị toạc do một kẻ tấn công đã giật đứt một túm tóc của anh ta. “Nhưng tôi cũng may vì vẫn còn sống sót trở về. Họ nói lẽ ra tôi phải biết, rằng lý do duy nhất khiến ông già đòi làm phẫu thuật là vì mấy món quà và tiền thưởng. Ông già muốn kiếm thêm để phụ vào món hồi môn cho đứa cháu gái.”

“Tôi lập tức quay lại chỗ sắp tôi và kêu ca. Làm sao tôi vận động nổi ai, tôi nói, nếu bác sĩ làm bệnh nhân chết? Nhưng ông ta nói ông già kia chết chỉ vì lão đã già, còn gia đình lão lại đổ vấy hết tội lỗi cho Trung tâm kế hoạch hóa gia đình.” “Thằng chó mất dạy,” Om chửi.

“Chính xác. Nhưng thử đoán xem lão sắp còn nói gì với tôi nữa. Từ nay công việc của tôi sẽ dễ dàng hơn, lão nói, do có chút thay đổi chính sách.” Kế hoạch mới được giải thích cho Rajaram: từ nay, không cần phải đăng ký làm phẫu thuật cho từng cá nhân. Thay vào đó, họ sẽ được mời đi kiểm tra sức khỏe miễn phí. Và việc này không bị tính là gian dối, chỉ là một bước đi để giúp người dân cải thiện đời sống của chính họ mà thôi. Một khi đã bước vào bên trong phòng khám, cách li khỏi ảnh hưởng ban đầu của gia đình và bạn bè, họ sẽ mau chóng nhìn ra lợi ích của việc triệt sản.

Rajaram nhặt nốt mấy miếng vụn còn sót lại trên tờ giấy bọc chiếc bánh pao-bhaji của mình, rồi vứt nó ra đồng gạch vụn. “Tuy rằng không thích cơ chế mới, tôi vẫn đồng ý thử. Đến giờ, ai ai cũng biết các Tuyên truyền viên chỉ toàn nói láo. Dù tôi đến đâu, thành phố hay ngoại ô, họ đều chửi bới tôi, gọi tôi là mối đe dọa với giống nòi, thằng bào chế thuốc gây bất lực, thằng thợ thiến, thằng ma cô dẫn thái giám. Mà tôi đây chỉ đang làm một công việc của chính phủ, cố tìm kế sinh nhai thôi. Làm sao người ta làm ăn gì nổi trong tình trạng như thế ngày này qua ngày khác. Không, tôi bảo, việc này không dành cho tôi.”

Anh ta nói với cấp trên là mình sẵn sàng làm việc theo nếp cũ, phát tờ rơi và giải thích thủ tục, nhưng sẽ không lừa dối thêm nữa. Họ nói cách làm cũ không còn nằm trong danh sách lựa chọn – định mức đã tụt quá xa rồi. Phải có kết quả thực mới đủ bù đắp chi phí ăn, ở và xe đạp cho mỗi Tuyên truyền viên.

“Vậy là tuần trước tôi mất cả ba khi bị họ tổng cổ. Giờ tôi túng lắm. Chẳng còn cách nào khác, đành phải quay về nghề cũ thôi.”

“Thu mua tóc ấy hả?”

“Phải, tôi sẽ đi bán ngay mấy chiếc đuôi sam này,” anh ta chỉ cái bọc hai người thợ may vừa mang tới. “Tôi cũng sẽ bắt đầu làm lại công việc từ ngày xưa. Cắt tóc. Tôi phải làm cả hai vì không có chỗ chứa nên chuyện thu mua tóc cũng bị hạn chế. Nhưng tôi cần tám trăm rupi. Để mua lược, kéo, tông đơ, dao cạo. Hai bác cháu cho tôi vay tạm được không?”

“Để tôi nghĩ đã,” Ishvar nói. “Mai gặp lại chúng tôi nhé.”

“Chúng tôi rất muốn làm gì đó cho anh ta, cô Dina ạ,” Ishvar nói. “Anh ta là hàng xóm của bác cháu tôi hồi còn ở xóm nhà lá, và đối xử với chúng tôi rất tử tế.”

“Tôi lại không có đủ tiền để trả trước cho anh.” Nhưng cô đã nghĩ ra một giải pháp thay thế. Cô lục dưới đáy tủ và lôi ra bộ dụng cụ cắt tóc Zenobia đã trang bị cho mình từ bao năm trước.

“Ồi chà,” Om kêu lên sững sốt. “Cô cũng làm nghề cắt tóc à?”

“Đã từng thôi, tôi cắt tóc cho trẻ con.”

Maneck cầm chiếc tông đơ lên và giả vờ nhắm nhẹ xén cụt mớ tóc bông bênh của Om. “Lấy cái đầu này để tập dượt được đấy.”

“Cháu định bỏ ngành điều hòa để chuyển sang nghề cắt tóc đấy à?” Dina nói. Cô đặt bộ dụng cụ trước mặt Ishvar. “Mấy thứ này cũ rồi, nhưng vẫn dùng được. Anh bạn của anh có thể lấy nếu anh ta muốn.”

“Cô có chắc không? Nhỡ đâu cô lại cần đến thì sao?”

“Không có đâu. Thời cắt tóc của tôi đã qua rồi.” Cô nói với đôi mắt như thế này, cộng thêm tay nghề đã lụi, vành tai bọn trẻ rất có thể sẽ bị đe dọa.

“Vẫn còn một chuyện khó nữa,” Rajaram vừa nói vừa mừng rỡ nhận lấy bộ dụng cụ khi họ gặp lại vào ngày hôm sau.

“Lại chuyện gì nữa?”

“Tay đầu nậu tóc của tôi chỉ ghé qua thành phố mỗi tháng một lần. Giờ phải ngủ ngoài phố nên tôi chẳng có chỗ nào để chứa số tóc thu được. Hai người giữ tạm trong rương của mình được không? Giúp tôi? Bạn tốt của hai người?”

“Số tóc kiếm được trong cả một tháng làm sao để vừa trong rương của chúng tôi,” Ishvar chối khéo, ông không ham tích trữ thứ hàng chẳng lấy gì làm hay ho kia.

“Vừa chứ. Tôi sẽ chỉ tập trung vào tóc dài thôi – trong một tháng, may lắm tôi mới kiếm được tối đa mười cái. Không chiếm quá một góc rương đâu. Và đến cuối mỗi tháng, tôi sẽ bán chúng cho tay đầu nậu.”

“Cậu tìm đến căn hộ nhiều quá, bà chủ của chúng tôi sẽ bức đấy.” Ông chỉ ước Rajaram tự bỏ cuộc; ông cảm thấy ngượng ngùng khi phải viện cớ này cớ nọ hòng ngăn cản anh ta. “Cậu xem, đây có phải nhà của chúng tôi đâu, làm sao cứ nhốt cái chúng tôi lại tiếp khách nọ khách kia được.”

“Chuyện vặt ấy mà. Tôi có thể gặp hai bác cháu bên ngoài. Ngay đây, ở Vishram, nếu hai người thích.”

“Chúng tôi cũng hiếm khi đến đây lắm,” Ishvar cố nói thêm một câu rồi đành chịu thua. “Thôi được, cậu có thể làm thế này, gửi hàng ở chỗ Shankar, ông ăn mỳ ở ngoài cửa hàng, người ngồi bệ lân ấy. Ông ấy biết chúng tôi đấy. Tôi sẽ giới thiệu cậu cho ông ấy.”

“Lão ăn mỳ đấy là bạn hai người à? Hai người có mấy người bạn kì quặc nhỉ?”

“Phải, kì quặc lắm,” Ishvar đáp, nhưng anh chàng thu mua tóc còn đang mãi chải vuốt những nùi rối cùng gút mắc của đời mình nên không nhận ra vẻ mai mỉa trong đó.

Nếu với Ishvar, những ngón tay móc mật khiến Dina rợn người, thì với Om là da đầu luôn ngứa ngáy. Trước kia cô bỏ qua vụ gãi ngứa vì biết nó sẽ chấm dứt lúc sáu giờ. Còn nay, ngoài cảnh tượng chướng mắt cùng những tiếng sột soạt đáng ghét không bao giờ tắt, cô còn sợ dịch ngứa sẽ xâm lăng chính mái tóc mình.

Cô nói riêng với Ishvar: nạn chảy cũng nghiêm trọng chẳng kém gì các loại bệnh tật khác, và sức khỏe của cháu ông sẽ được cải thiện nếu bẻ lũ kí sinh nói trên bị tiêu diệt.

“Nhưng vấn đề là lấy tiền đâu ra,” Ishvar nói. “Tôi làm sao đủ sức đưa nó đi bác sĩ.”

“Cần gì phải đi bác sĩ mới trị được chảy. Có một phương thuốc gia truyền cực kì hiệu nghiệm.” Đến khi cô giải thích cách làm, ông nhớ ra mẹ mình cũng đã từng dùng cách y hệt.

Trong khi rót dầu vào bếp, cô đổ đầy dầu hỏa vào một chiếc lọ đựng dầu vuốt tóc. “Uống trà xong hãy làm,” cô nói. “Xoa thật kĩ vào rồi để hai tư tiếng. Đến mai là có thể gội đi được rồi.”

“Chỉ hai tư tiếng thôi à? Tôi tưởng đúng bài là phải để bốn tám tiếng chứ. Hồi xưa bà cụ nhà tôi toàn làm thế.”

“Thế thì cụ nhà anh gan thật đấy. Chuyện gì cũng có thể xảy ra trong bốn tám tiếng. Ta đâu muốn cháu anh biến thành một cây đuốc sống.”

“Hai người đang nói gì vậy?” Om hốt hoảng. Cậu giật lấy cái chai và mở nắp. “Ồi! Dầu hỏa à?”

“Thế cậu tưởng đấy là nước hoa hồng chắc? Cậu muốn vỗ béo chảy hay giết chúng nào?”

“Phải đấy,” Ishvar nói. “Có gì mà nặng lên, hồi xưa lúc bác với bố mày còn bé, bà nội Roopa cũng làm thế cho bọn bác đấy.”

Vừa cần nhần nhần nhớ, Om vừa cúi đầu trước bồn rửa, mồm làu bàu rằng người ta còn chả có đủ dầu nấu ăn, thế mà cái nhà này lại phung phí để bôi lên tóc. Bác Ishvar nhỏ vài giọt vào lòng bàn tay mỗi lần và xoa lên đầu cậu. Dưới ánh đèn, mái tóc đen muốt dầu bóng loáng lên. “Bảnh như công,” ông nói.

“Anh cứ nhúng hẳn ngón tay vào,” Dina hướng dẫn. “Xoa kĩ vào.” Hai bàn tay hăng hái của ông tuân lệnh cô, giúi cho anh chàng Om đang kịch liệt phản đối lắc nghiêng lắc ngửa.

“Giời ơi, thôi! Bác định đầu độc cháu à, nhớ dầu ngấm vào máu thì sao?”

Khi cậu được xoa dầu xong, cô đưa cho cậu một chiếc thìa gỗ để gãi. “Đừng dùng ngón tay, kéo lại làm dây dầu ra vấy.”

Cậu khổ sở ngồi xuống trước máy may, mũi chun lại, thở hắt ra thật mạnh hòng át đi mùi dầu. Gãi ngứa bằng thìa không sướng như dùng móng tay. Thỉnh thoảng, cậu lắc lư cái đầu như con chó ướn, còn hai người kia thì nhau trêu chọc.

“Mày có muốn làm một liều thuốc không? Cho đỡ căng thẳng?” Ishvar hỏi. “Bác đảm bảo hôm nay cô Dina sẽ châm chước.”

“Dĩ nhiên. Tôi đem diêm ra nhé?”

“Được, hai người cứ cười đi,” Om rầu rĩ nói, “cháu sắp chết ngạt vì cái mùi này rồi đây.”

Đến giờ ăn trưa, cậu bảo bác là mình sẽ không ra Vishram, cậu không nuốt nổi khi mũi còn sặc sụa thứ mùi kinh tởm này. Thế là Ishvar cũng ở lại.

Đến cuối giờ chiều, Maneck về đến nhà và hít hít ngửi ngửi tứ phía. “Cứ như có hân một cái bếp trong này ấy.” Căng mũi ra như con chó săn, cậu theo dấu mùi đến tận chỗ Om. “Cậu có nghề mới là đóng vai bếp dầu đầy hả?”

“Phải rồi,” Dina đáp. “Tối nay chúng ta sẽ nấu nướng trên dầu cậu ta. Cậu ta vốn là một anh chàng nóng đầu mà.”

Chính câu nói đùa của Dina đã lần đầu tiên khiến cô nảy ra ý định cho hai người thợ ăn trong nhà mình tối hôm đó. Những nhân tố khác càng củng cố thêm ý tưởng này. Nỗi bận tâm về gã khốn Ibrahim sẽ được xử lý triệt để; hai người thợ may không hề ra ngoài ăn trưa lẫn ăn tối. Và lại, Om đã kiên nhẫn ngồi đồng suốt ngày dài cùng mái tóc đầy dầu, cậu đáng được thưởng lắm.

Nghĩ vậy, cô bèn thái thêm một củ hành và luộc thêm ba củ khoai tây cho cả hai bác cháu. Người bán bánh mì đi qua khi trời nhá nhem tối. Thay vì hai ổ bánh nhỏ, cô lấy bốn. “Maneck, lại đây,” cô gọi vọng ra từ bếp, và nói cho cậu biết ý định của mình.

“Thật sao? Tuyệt quá dì ơi! Được ăn cùng chúng ta, chắc họ sung sướng lắm!”

“Ai nói là ăn cùng chúng ta? Dì sẽ để đĩa của họ ngoài hành lang.”

“Dì muốn đối tốt với họ hay muốn sỉ nhục họ thế?”

“Có gì mà sỉ nhục? Ngoài hành lang cũng sạch sẽ, thoáng mát mà.”

“Tốt thôi. Đã thế, cháu cũng ra hành lang ăn. Cháu không thể can dự vào một trò sỉ nhục đến thế được. Bố cháu chỉ cho mỗi chó hoang ăn ngoài hiên nhà thôi.” Cô nhăn mặt, và cậu biết mình đã thắng.

Dina còn nhớ lần cuối cùng bốn phía bàn đều có người ngồi: vào lễ kỷ niệm ba năm ngày cưới của cô, cái đêm Rustom mất, mười tám năm về trước. Cô bày ra bốn cái đĩa và gọi hai người thợ may vào. Khuôn mặt họ thành thực bày tỏ một niềm vinh dự vô biên trước cử chỉ này.

“Cậu đã chấp nhận trị bệnh như một cậu bé ngoan,” cô nói với Om, “nên giờ cậu được ăn tối.” Cô bung chiếc nôi ra bàn, cùng một củ cà rốt đã cắt lá cho mình. Hai người thợ tò mò nhìn cô ăn. “Cậu không phải người duy nhất được chữa bệnh bằng phương thuốc gia truyền đâu. Thuốc này là cho mắt tôi đấy. Phải không, thưa bác sĩ Mac?”

“Phải, đây là đơn thuốc giúp cải thiện thị lực.”

“Mọi người biết không, tôi lại đam thích cà rốt mới chết. Nhưng tôi hi vọng Om không mê thuốc của cậu ấy. Kẻo bọn chúng ta lại phải ngửi mùi dầu hôi suốt ngày.”

“Nhưng nó có tác dụng như thế nào? Nó có đầu độc bọn chấy trên tóc cháu không?”

“Tớ biết đấy,” Maneck nói.

“Cậu là vua bịa chuyện,” Om nói.

“Không, nghe tớ đã. Trước hết, mỗi con chấy bé tí sẽ bị ướp dấm dầu hỏa. Sau đó, đến nửa đêm, sau khi cậu đã ngủ rồi, dì Dina sẽ đưa cho mỗi con một que diêm bé tí. Chỉ cần đếm đến ba, chúng sẽ tự sát, cháy bùng thành những đốm lửa li ti mà không làm hại đến cậu. Khi chuyện đó xảy ra, quanh đầu cậu sẽ xuất hiện một vầng hào quang.” “Chuyện đấy chả có gì buồn cười cả,” Dina nói.

“Tự sát đâu phải chuyện đùa hử dì.”

“Dì không muốn nói những chuyện như thế vào giờ ăn cơm. Kể cả là đùa. Thậm chí chỉ nhắc tới từ đó cũng không nên.”

Cô bắt đầu ăn, và Maneck cầm nĩa lên, nháy mắt với Om. Hai người thợ may ngồi bất động, giương mắt nhìn đĩa thức ăn. Khi cô nhìn lên, họ cười vẻ hoang mang. Liếc mắt nhìn nhau, họ sờ vào bộ dao nĩa, do dự, ngần ngại không dám cầm lên.

Dina chột hiệu.

Sao mình dốt thế, cô rửa thắm, tối nay lại bày biện mấy thứ đấy ra làm gì. Cô bỏ dao và nĩa xuống, đoạn dùng ngón tay nhặt một miếng khoai tây đưa lên miệng. Maneck cũng bắt chước, bấy giờ hai người thợ may mới bắt đầu bữa ăn.

“Ngon quá,” Ishvar nói, và Om gật gù đồng tình, mồm phồng tướng. “Ngày nào cô cũng ăn bánh mì à?”

“Phải,” Dina đáp. “Hai người không thích à?”

“À, ngon lắm,” Ishvar nói. “Không, tôi chỉ đang nghĩ, là ngày nào cũng mua bánh mì làm sẵn như thế thì tốn tiền lắm. Cô không được lấy hạt mì theo phiếu thực phẩm à?”

“Có đấy. Nhưng đưa ra nhà máy để xay, rồi trộn bột, làm chapati, cách rách quá. Hồi chồng tôi còn sống, tôi cũng có làm. Sau đấy thì tôi chẳng buồn động tới nữa. Chẳng có gì chán bằng nấu nướng cho một người.” Cô bẻ một mẩu bánh mì và chấm vào nước sốt. “Chắc hai người ăn ở Vishram cũng tốn tiền lắm nhỉ.”

Ishvar đáp vâng, cũng khó khăn lắm, nhất là khi họ phải trả tiền cho Ông trùm ăn mỳ hàng tuần. “Hồi chúng tôi có một gian riêng ở xóm nhà lá và một chiếc bếp Primus, chúng tôi tiêu tốn ít hơn nhiều, dù không có phiếu thực phẩm. Ngày nào hai bác cháu chả làm bánh chapati.”

“Nếu muốn, hai người có thể mua hạt mì bằng phiếu của tôi cũng được. Tôi chỉ lấy gạo và đường thôi.”

“Vấn đề là, nấu ở đâu bây giờ?”

Câu hỏi chỉ mang tính tu từ, nhưng Maneck đã có câu trả lời. Cậu để bầu không khí im lặng bao trùm bàn ăn trong chốc lát, rồi hớn hử nói to. “Cháu vừa nghĩ ra cách này cực hay. Bác Ishvar với Om đã quen làm bánh chapati rồi, đúng không? Còn dì Dina lại có phần hạt mì trong phiếu thực phẩm, đúng không? Như thế mọi người có thể chia sẻ chi phí thực phẩm, và chúng ta có thể ăn chung. Cả hai bên đều tiết kiệm được tiền.”

Hơn cả tiền, cách này sẽ giúp tránh rắc rối với chủ nhà, Dina thầm nghĩ, bằng cách đánh bại Ibrahim. Lão cứ việc chờ hai tư tiếng ngoài cửa, và chẳng gặp ai hết. Cả những người hàng xóm tộc mạch nữa, nếu họ âm mưu chỉ điểm cho lão, hòng lấy lòng lão ngõ hầu giải quyết việc riêng của mình. Thêm nữa, bánh puri và chapati tươi thì ngon khỏi chê.

Nhưng lý do này có đủ để làm thân thêm với hai người thợ may không? Xáo trộn ranh giới mà cô đã vạch ra một cách cẩn trọng nhường ấy liệu có phải là một hành động khôn ngoan? “Dì không biết,” cô nói. “Biết đâu chú Ishvar và Om không thích ngày nào cũng phải ăn cơm dì nấu.” “Không thích ư? Ngon thế cơ mà!” Om kêu lên.

Cô nhai chậm rãi, cho bản thân thời gian suy nghĩ. “Ừm, ta có thể thử trong một tuần.”

“Như thế thì tốt quá,” Ishvar nói.

“Cháu sẽ làm bánh chapati,” Om nói. “Cháu là vô địch chapati đấy.”

Chiếc xe tải của chính phủ đang dỡ hàng mới ở cửa hàng thực phẩm. Dina cùng hai người thợ may đứng vào dòng người đang xếp hàng trong khi hai người cu li vác những bao tải năm chục cân trên vai. Ánh nắng hắt lấp loáng từ những chiếc móc thép lớn họ dùng để móc vào tải gạo. Những giọt mồ hôi nhỏ xuống, vô tình rơi trúng mặt vải gai màu cát, tạo thành những chấm tròn màu nâu sậm. Bên trong cửa hàng, những bao lương thực xếp hàng ngay ngắn, như những thầy ma trong nhà xác, bên cạnh là chiếc cân treo lưng lẳng bằng một sợi xích to nặng dòng từ trên trần nhà xuống.

“Mấy anh chàng này làm ăn chậm chạp quá,” Ishvar nói, “ai lại cứ vác từng bao một như thế. Ra đi, Om, chỉ cho họ cách vác hai bao một lúc đi.”

“Đừng trêu cậu bé tội nghiệp nữa,” Dina nói, khi thấy cậu vờ xoắn tay áo lên. “Mà sao cậu ấy gây thế? Anh có chắc cậu ấy không bị giun không?”

“Không không, cô Dina, không có giun đâu, tin tôi đi. Với lại, tôi sẽ sớm cưới vợ cho nó, tài nấu nướng của vợ nó sẽ đắp thêm da thịt cho nó ngay ấy mà.”

“Cậu ấy còn trẻ thế, đã lấy vợ thế nào được.”

“Gần mười tám rồi, còn trẻ gì nữa.”

“Cô Dina nói đúng đấy, bác thôi ngay cái ý tưởng điên rồ ấy đi,” Om nhăm nhắng.

“Đồ mặt khỉ.”

Hàng người ngày càng dài hơn. Phía sau có người gào thét giục, người bán hàng lập tức nhảy vào tham chiến, sẵn sàng “thù tiếp” kẻ lắm điều kia. “Nói phải nghĩ một tí chứ! Nếu xe tải không được dỡ hàng, thì tôi biết bán cho các người cái gì? Sỏi với cát chắc?”

“Chúng mày toàn bán cho bọn tao cái của ấy còn gì!” Người kia thét lại, đám đông cười ồ. “Chúng mày chưa bao giờ ăn thử hàng mình bán à?” Ông ta là một người nhỏ thó có một cái bướu rất to, khiến ai nấy trong hàng đều quay ra nhìn chăm chú.

“Tiên sư thằng khốn, cút xéo cho ông nhờ! Có ai ép mày mua đâu!”

Những người đứng gần ông kia cố ngăn cuộc tranh cãi khỏi đi quá xa. Họ nhắc ông rằng gây lộn ở một cửa hàng thực phẩm thật không phải hành động khôn ngoan, thắng cuộc là điều bất khả thi khi trong khi lương thực thực phẩm của ta phụ thuộc ở tay người. Có người còn bảo, nếu ông ta kích động quá, khéo cái bướu vỡ tung mất.

“Cái bướu này là do lũ khốn bán hàng này gây ra chứ đâu!” Ông ta đỏ mặt tía tai. “Chúng nó bán muối rởm, muối không có i-ốt! Bọn bán hàng béo ị, tham lam kia chính là nguồn cơn những nỗi khổ của bọn chúng ta! Đồ con phe, đồ làm giả thực phẩm, đồ giết người!”

Xe tải chở mì lẫn bánh rời đi. Những hạt mì vương vãi từ các bao tải thùng đánh dấu nơi nó từng đổ lại. Một người đàn ông đi chân đất, mặc chiếc áo gi lê cùng quần cộc nhanh nhẹn nhặt các hạt mì rơi bỏ vào một cái lon dầu thực vật rỗng, rồi chạy theo xe tải tới điểm dừng tiếp theo; tối nay lão sẽ được một bữa ra trò.

Người phục vụ treo cân lên, cửa hàng lại tiếp tục bán. Chi tiết hàng mua được điền vào phiếu thực phẩm của Dina. Bên cạnh gạo và đường như lệ thường, cô mua, theo hướng dẫn của hai người thợ may, tối đa định mức hạt mì đỏ và trắng cùng một phần yến mạch và kê, mà theo như hai bác cháu nói, là rất thơm ngon, rất bổ dưỡng, và nhất là không đắt.

Họ nhìn mặt cân trong khi mỗi món được đem lên cân, mắt dán vào cây kim cho đến khi đòn cân đứng yên. Một đám mây bụi bốc lên khi người phục vụ nghiêng đĩa vào miệng túi vải của Dina. Các hạt rào rào đổ xuống như một dòng thác êm dịu. Xong xuôi, hai người thợ may vác mấy chiếc túi ra xưởng xay xát.

Tối hôm đó, Om đâm ra hơi hồi hộp về danh tiếng làm chapati của mình. Cậu trộn và nhào bột tích cực hơn hẳn ngày thường, tập trung cao độ khi cán bánh, sao cho chiếc nào chiếc nấy đều phải tròn xoe. Một góc méo đồng nghĩa với việc miếng bột bị vo lại thành bánh tròn và đem cán lại.

Đến bữa, tất cả đều khen ngợi thành công của cậu. Lời khen còn thể hiện trong tốc độ biến mất của tám chiếc bánh cậu đã làm. Nức lòng, cậu quyết định từ nay trở đi sẽ làm mười hai chiếc.

Cửa sổ vừa mở ra, lũ mèo đã kéo đến kêu meo meo ầm ĩ. Maneck nói cho Ishvar và Om biết tên cậu đã đặt cho vài con: John Wayne là con thích đi lại nghênh ngang, ra vẻ ta đây là sếp ở ngõ này; Vijayanthimala, con cậu thích nhất, một con mèo mướp nâu trắng, cứ nhảy cồm lên như đang ở giữa một trường đoạn nhảy múa trong phim; Raquel Welch, ngồi lừ đừ, vươn vai, không bao giờ thèm lao đến chỗ có thức ăn; và Shatrughan Sinha, tính tình hung hăng còn đồ, phải ném thức ăn thật xa chỗ nó đứng để những con khác còn có cơ được xơi.

“John Wayne là ai?” Om hỏi.

“Nam diễn viên Mỹ. Típ anh hùng, kiểu như Amitabh Bachchan ấy. Đi lại trông như người bị trĩ, mà lúc nào dưới nách cũng kẹp mấy củ hành. Cuối phim bao giờ cũng thắng.”

“Thế còn Raquel Welch.”

“Nữ diễn viên Mỹ.” Cậu ghé sát lại. “Vú to lắm,” cậu thì thầm, trong khi những tiếng meo meo vẫn vang lên không ngớt phía dưới cửa sổ.

Om cười toe toét. “May mà hôm nay tớ làm thêm bánh chapati. Xem ra cô ấy thích ăn lắm.”

“Cái gì thế này?” Dina hỏi. “Giờ cháu còn dạy thói quen xấu cho thợ của dì đấy à. Đóng cửa lại ngay cho dì.” Cô tự hỏi không biết có gì đó vượt tầm kiểm soát đang nảy mầm ở đây, khi tất cả cùng nấu cùng ăn như thế này. Quá thân mật. Cô thầm mong mình không phải hối hận vì chuyện này.

Ishvar đứng sang một bên, còn hai cậu trai kia vẫn tiếp tục ném. “Cô Dina ạ, người ta nói ai cho lũ thú vật vô tri ăn sẽ được hưởng nhiều phúc đức lắm đấy.”

“Cũng chả phúc đức lắm đâu, nếu chúng mò vào tận đây tìm thức ăn. Chúng có thể giết chết chúng ta bằng những thứ vi khuẩn vi trùng bắn tửu mang từ cống rãnh lên.”

Trong toa lét, mùi nước giải của hai người thợ khi trước cứ phảng phất trong không gian lẫn trong mũi Dina nay bỗng biến mất. Lạ thật, cô thầm nghĩ, sao người ta có thể quen với mọi thứ nhanh đến thế.

Bỗng cô giật mình: mùi khai đã trở thành bình thường vì đó là mùi chung của tất cả mọi người. Bọn họ đều cùng ăn một loại thức ăn, cùng uống một nguồn nước. Cùng hội cùng thuyền.

“Hôm nay ta ăn món chả đồ cay nhé,” Ishvar gợi ý. “Công thức của Rajaram.”

“Tôi có biết làm món đó đâu.”

“Không sao, tôi làm được, cô Dina, hôm nay cô nghỉ đi.” Ông lo đứng bếp, sai Om và Maneck đi mua nửa quả dưa tươi, ớt xanh, lá bạc hà, và một bó rau mùi nhỏ. Những nguyên liệu còn lại – ớt đỏ khô, hạt thìa là, và me – đã có sẵn trong ngăn đựng gia vị. “Đi nhanh rồi về nhé,” ông dặn.

“Còn nhiều việc cho hai đứa làm lắm.” “Tôi giúp gì được không?” Dina hỏi.

“Chúng ta cần một cốc đậu xanh.”

Cô đông đủ số đậu và đổ ngập nước, rồi đặt nồi lên bếp. “Giá ta ngâm được qua đêm thì không cần phải luộc nữa,” ông nói. “Nhưng thế này cũng được.”

Khi hai cậu trai về đến nhà, ông phân công Om nạo dưa còn Maneck thái hai củ hành; trong khi đó, ông băm nhỏ bốn quả ớt xanh, sáu quả ớt đỏ, rau mùi, và lá bạc hà.

“Mấy củ hành này cay gớm,” Maneck vừa nói vừa sụt sịt và đưa tay áo lên chùi mắt.

“Bài tập tốt cho cậu đấy,” Ishvar nói. “Ai cũng có lúc phải khóc trong đời.” Ông liếc sang đầu bàn bên kia và thấy những vòng tròn trắng to mập rơi ra dưới lưỡi dao. “Ấy ấy, thái mỏng thôi.”

Đậu đã luộc xong. Ông chặt nước và đổ cả nồi đậu vào cối. Ông cho nửa thìa cà phê hạt thìa là cùng toàn bộ số ớt đã băm nhỏ, rồi bắt đầu giã cho nhuyễn. Tiếng chày nện lộc cộc thúc Maneck họa thêm tiếng chũm chọe bằng cách lấy dao gõ lên nồi.

“Này ông trưởng ban nhạc, hành của ông xong chưa đấy?” Ishvar hỏi. Hỗn hợp trong cối dần chuyển thành một thứ cháo nhuyễn đặc sệt màu vàng xen lẫn những chấm xanh, đỏ, và nâu. Ông trộn những nguyên liệu còn lại vào, đoạn xúc một chút để đưa lên mũi ngửi, kiểm tra thử mùi vị. “Hoàn hảo. Giờ đến lúc cho chảo reo rồi. Trong khi tôi rán chả, Om sẽ lo phần sốt. Mau lên, nghiền nốt chỗ cơm dưa và sốt ớt xanh rau mùi còn lại đi.”

Chảo rán kêu xèo xèo khi Ishvar nhẹ nhàng thả những viên chả to cỡ quả bóng bàn vào dầu sôi. Ông dùng một chiếc thìa ấn xung quanh, để những viên chả trôi bập bênh cho đến khi lên màu đều. Trong khi đó, Om lăn tảng đá nghiền tới lui trên phiến đá phẳng. Một lát sau, Maneck vào thay phiên. Từng giọt quý giá nhỏ ra, thứ sốt màu xanh dần đầy lên nhờ công sức của họ.

Dina đứng hít hà mùi thơm của những miếng chả đang dần chuyển sang màu vàng nâu ngon lành trong dầu nóng. Cô ngắm nhìn cuộc dọn rửa diễn ra trong tiếng cười nói và đùa bỡn, Ishvar dọa hai cậu trai rằng nếu viên đá nghiền không được rửa đến bóng lờ, ông sẽ bắt cả hai phải liếm cho kì sạch thì thôi, y như mèo. Khác quá, cô tự nhủ – từ căn phòng nhếch nhác, u ám nhất nhà, gian bếp đã thoát biến thành một nơi vui tươi, tràn đầy sức sống và tiếng cười.

Ba mươi phút sau, bữa tiệc đã sẵn sàng. “Phải ăn ngay cho nóng,” Ishvar nói. “Nào, Om, đi lấy nước cho mọi người đi.”

Ai nấy bẻ vụn chả đổ ra và rưới sốt lên. Ishvar chờ đợi phán quyết, miệng nở nụ cười hân hoan.

“Tuyệt vời!” Maneck kêu lên.

Dina vờ làm mặt buồn, kêu rằng cậu chưa bao giờ khen thức ăn cô nấu bằng những mĩ từ cỡ ấy. Cậu bèn ra sức xuê xoa. “Thức ăn dì nấu cũng tuyệt vời mà dì, nhưng cũng giống những món Parsi mẹ cháu hay nấu. Chỉ vì thế nên vị giác của cháu mới không bùng nổ mà thôi.”

Ishvar và Om tỏ ra rất khiêm tốn về công lao của mình. “Có gì đâu. Cũng dễ làm thôi mà.”

“Ngon tuyệt,” Dina xác nhận. “Ý tưởng ăn chung của Maneck quả là rất hay. Giá tôi biết từ đầu là thức ăn hai bác cháu nấu ngon thế này, tôi đã thuê hai người làm đầu bếp chứ chẳng phải thợ may rồi.”

“Xin lỗi cô,” nghe khen, Ishvar tươi cười, “chúng tôi không nấu ăn vì tiền – chỉ nấu cho chính mình và bạn bè thôi.”

Lời ông nói lại khuấy động lớp cặn tội lỗi quen thuộc trong cô. Giữa họ vẫn tồn tại một hố sâu; cô không nhìn nhận họ như cách họ nhìn nhận cô.

Sang những tuần tiếp theo, hai người thợ may mở rộng phần đóng góp của mình từ bánh chapati, puri và chả đồ sang các món chay như sốt pho mát cay, rau xào thập cẩm, khoai tây hầm gia vị chiên. Tối nào cũng có bốn người, hoặc ít nhất hai người, đi lại tất bật trong bếp. Khoảng thời gian ảm đạm nhất của mình, Dina chợt nghĩ, đã trở thành lúc vui vẻ nhất.

Vào những ngày cô nấu các món cơm, hai người thợ may không phải làm chapati nữa, nhưng họ vẫn vào bếp để giúp một tay, nếu không bận ra ngoài tìm phòng để thuê. “Hồi tôi còn bé ở quê,” Ishvar kể khi đang đỡ tay vo gạo, nhặt sạn, “tôi từng giúp bà cụ nhà tôi làm thế này. Nhưng theo chiều ngược lại. Chúng tôi ra đồng khi việc gặt hái đã xong và tìm mót những hạt lúa còn sót lại sau khi tuốt đập sàng sảy.”

Cô nhận ra họ đang kí thác cho mình từng mẫu quá khứ, và thật không gì quý giá hơn thế. Những mảnh ghép nối vào câu chuyện ngày càng dài thêm về hai người thợ may.

“Hồi ấy,” Ishvar tiếp lời, “tôi cứ nghĩ đời người ta chỉ mong có thế. Một con đường gập ghềnh, lổn nhổn đá dăm, lẫn trong đó là một hạt gạo nhỏ, nếu ta may mắn.”

“Còn sau này?”

“Sau này tôi phát hiện ra là có nhiều loại đường khác nhau. Và với mỗi loại đường lại có một cách đi riêng.”

Cô thích cách nói của ông. “Anh miêu tả hay lắm.”

Ông cười. “Chắc là nhờ theo học nghề may đấy. Thợ may vốn rất thạo xem mẫu vải, đọc bản vẽ mà.”

“Thế còn cậu thì sao, Om? Cậu có giúp mẹ đi mót lúa không?”

“Không.”

“Nó thì cần gì,” Ishvar chêm vào. “Lúc nó ra đời, bố nó – cậu em trai tôi – đã ăn nên làm ra nhờ nghề may rồi.”

“Nhưng bố vẫn bắt cháu đi học cái nghề làm da thối hoắc kia,” Om nói.

“Cậu chưa kể cho tớ nghe chuyện ấy đấy nhé,” Maneck nói.

“Còn nhiều chuyện tớ chưa kể với cậu lắm. Cậu đã kể hết với tớ chưa?”

“Học làm da là để xây dựng nhân cách,” Ishvar giải thích. “Và để dạy Om về gốc gác của mình, nhắc nó nhớ đến cộng đồng của chính nó.”

“Nhưng tại sao cậu ấy lại cần được nhắc nhở?”

“Chuyện dài lắm.”

“Kể đi,” Dina và Maneck không hẹn mà đồng thanh kêu lên, khiến cả hai bật cười.

“Hồi ở quê, chúng tôi từng là thợ da,” Ishvar bắt đầu kể.

“Ý bác ấy là,” Om ngắt lời, “gia đình chúng tôi thuộc đẳng cấp Chamaar, đẳng cấp của thợ thuộc và nhuộm da.”

“Phải,” Ishvar nói, rồi tiếp mạch chuyện, “xưa kia, trước khi thằng Omprakash đẻ ra rất lâu, lúc bố nó, Narayan, với tôi mới chỉ là hai thằng bé, một đứa mười, một đứa mười hai, hai đứa được bố chúng tôi, tên là Dukhi, đưa đi học nghề thợ may...”

“Dạy tớ cách dùng đi,” Om nói.

“Cái gì kia?”

“Dao với nĩa ấy.”

“Được,” Maneck nói. “Bài học đầu tiên. Không được chống khuỷu tay lên bàn.”

Ishvar gật đầu tán đồng. Ông nhận xét rằng nó sẽ khiến mọi người nỗ lực và tăng thêm giá trị của Om khi hai bác cháu quay về làng để tìm cho cậu một cô vợ. “Ăn uống bằng những loại dụng cụ sang trọng – đây là một kĩ năng tuyệt vời, giống như chơi một loại nhạc cụ vậy.”

Tấm chắn ghép của Dina lại tiếp tục rộng thêm. Với hai người thợ hăng hái xử lý hết lô hàng nọ tới lô hàng kia từ Công ty Au Revoir, vải vụn chồng chất lớp lớp như đất bồi của một con sông nặng phù sa. Sau mỗi bữa tối, cô lại ngồi với đồng vải, lựa chọn và kết hợp những mảnh đẹp nhất trong số vải mới có.

“Mấy mảnh mới này có kiểu cách hoàn toàn khác các mảnh vải cũ,” Maneck nói. “Dì có nghĩ trông sẽ ổn không?”

“Nhà phê bình khăn trải giường lại bắt đầu rồi đấy,” cô rên rỉ.

“Hình vuông với tam giác và đa giác,” Om nói. “Trông sẽ hơi rối đấy, chắc luôn.”

“Trông sẽ rất đẹp,” Ishvar nói, giọng bề trên. “Cứ kiên nhẫn ghép, cô Dina ạ – bí quyết là ở đấy. Ôi chà, thoát nhìn thì thấy chỉ toàn những vải vụn, giẻ rách vớ vẩn, đến khi ghép vào với nhau mới thấy.”

“Chính xác,” cô nói. “Hai thằng bé này không hiểu đâu. Nhân tiện, trong tủ còn nhiều vải lắm, nếu hai người cũng muốn làm món gì đó.”

Ishvar nghĩ ngay đến Shankar, làm tặng lão một cái áo vét mới cũng là việc hay. Ông mô tả vấn đề cho Dina nghe: phần chi dưới cụt lủn, không một loại trang phục nào có thể bám trụ nổi, dù là khố hay quần lót hay quần dài, vì lão liên tục phải vặn vẹo uốn éo trên bệ lắn. Một khi món đồ tuột khỏi eo, lão đành chịu cứng chả làm gì nổi cho đến khi Ông trườn đi tuần ngang qua.

“Tôi nghĩ tôi đã có câu trả lời rồi,” Dina nói. Cô tìm thấy bộ đồ bơi cũ dùng hồi đi học, loại một mảnh, và giải thích thiết kế của nó. Làm nhái lại cũng dễ thôi, chỉ cần sửa sang một chút như thêm tay áo, cổ áo, và một hàng khuy ở mặt trước áo.

“Ý tưởng của cô thật là số dách,” Ishvar trầm trồ.

Ông sắp riêng một lô vải pô-ơ-lin màu nâu nhạt, và chiều hôm sau cầm theo cuộn thước dây sang Vishram. Vừa thổi phù phù đĩa nước trà, ông và Om vừa nhìn qua cửa sổ. Shankar đang thử bài mới trên vỉa hè.

Ông trùm ăn mày siêu sáng tạo đã kéo dài cái bệ bằng cách đóng thêm một tấm ván nữa. Shankar nằm ngửa trên đó, huơ huơ hai mẩu đũa cụt lủn trong không khí. Chỉ cần cử động mạnh là hai hòn dái của lão lại tòi ra khỏi mớ vải quần mông. Lão cố nhồi lại vào trong, nhưng làm thế đòi hỏi một cú rướn người vô cùng khổ sở, nên một lúc sau, lão đành để mặc cho bùi chấy thông thẹo.

“Ồi các ông bà ơi, cho lão một xu,” lão hát, lắc lắc chiếc ống bơ xin tiền theo nhịp một và ba. Chiếc ống bơ đứng giữa trán lão, nằm lọt giữa hai lòng bàn tay cụt ngón. Khi mệt, lão đặt nó bên cạnh đầu, để hai tay thoải mái huơ vẩy như hai mẩu đũa cụt.

Đến khi hai người thợ uống xong trà, lão đã đang ngồi dậy. Góc nhìn từ tư thế nằm ngửa vẫn còn mới mẻ với lão, lão chỉ có thể thử nghiệm từng chút một, phập phồng trong những phút dài sợ hãi, chỉ lo ai đó sẽ giẫm lên người mình. Giờ cao điểm, khi hàng đoàn người tràn qua vỉa hè, là khoảng thời gian của nỗi kinh hoàng tột độ.

Thấy Ishvar và Om bước ra, lão đẩy chiếc bệ rời lề đường để tới nói chuyện với hai bác cháu.

“Mới có bệ lăn cái tiến hả, Shankar?”

“Biết làm sao được, phải không ngừng thỏa mãn bà con thôi. Ông trùm nghĩ đã đến lúc thay đổi. Từ khi chúng ta rời khỏi cái chốn kinh khủng kia, ông ấy đối xử với tôi tốt lắm. Còn tử tế hơn cả trước kia. Mà ông ấy cũng không gọi tôi là Sâu nữa, mà dùng tên thật, như hai người.”

Lão rất phấn khởi khi biết kế hoạch của họ nhằm thiết kế một chiếc áo vét có một không hai dành riêng cho lão. Cả ba cùng ra một chỗ kín đáo trong con ngõ sau lưng Vishram để Ishvar đo đạc cho lão.

“Chắc bác sướng lắm nhỉ,” Om nói. “Giờ bác có thể ngủ ngay trong lúc làm việc được rồi.”

“Cậu không biết đó là một chốn thần tiên đến mức nào đâu,” Shankar ranh mãnh đáp. “Chỉ mới ba ngày, và những gì tôi được thấy. Nhất là khi mấy cái váy bay xập xòe trên đầu tôi.”

“Thật á?” Om ghen tị lắm. “Bác thấy gì?”

“Từ ngữ nào cũng là quá kém cỏi, không thể tả hết cái chín muồi, cái căng mọng, của những thứ mà đôi mắt tôi đã được chén.”

“Có lẽ cậu cháu tôi đang muốn thay bác nằm trên bệ trong một, hai ngày đấy,” Ishvar lạnh lùng nói.

“Trước hết cậu ta phải làm gì đó với đôi chân mình đã,” Shankar nói, máu đùa chua cay lại nổi lên. “Tôi biết rồi, chỉ cần quỵt tiền Ông trùm. Thế là tự khắc chân tay sẽ gãy hết ráo.”

Chỉ tới ngày hôm sau, món quà đã hoàn thành, và khi hai người thợ ra ngoài vào buổi tối để tiếp tục cuộc tìm kiếm chỗ ở, họ dừng lại chỗ vỉa hè nơi Shankar ngồi. Họ muốn đưa lão ra ngõ sau và giúp lão mặc thử chiếc áo vào để xem có vừa không, nhưng lão tỏ ra hơi ngần ngại. “Có lẽ Ông trùm sẽ không thích thế đâu,” lão nói.

“Tại sao?”

“Vải mới trông tốt quá.” Lão quyết định sẽ không mặc cho đến khi nào được cho phép.

Họ tiu nghỉu bỏ đi, mang theo bọc tóc lấy từ dưới gầm chiếc bệ lán của Shankar. Một thời gian khá dài không thấy anh chàng thu mua tóc gửi gắm gì, nhưng trong vài ngày vừa qua, các bọc hàng của anh ta gửi bỗng trở nên thường xuyên. Chiếc rương của họ đã dần đầy lên.

“Nếu bảo tóc dài rất hiếm, thì sao tự nhiên Rajaram lại gom được nhiều thế?”

“Bác sẽ không tự làm mình mệt đầu vì mấy món tóc của anh ta đâu.”

Tuần sau đó, hai người thợ dệt cũng nhìn thấy lão ăn mày bận món quà của họ. Ban đầu thật khó mà nhận ra, bởi Ông trùm đã sửa sang lại món đồ may bằng vải pô-pôlin nâu. Khắp áo lấm lem bùn đất, cùng một lỗ rách ở mặt trước, giờ tấm áo đã rất phù hợp với Shankar.

“Lão trùm khốn nạn,” Om nói. “Làm hỏng hết tác phẩm của chúng ta.”

“Đừng phán xét ông ấy qua chuyện quần áo này,” Ishvar nói. “Liệu cháu có đến làm việc cho cô Dina mà lại thất cả vạt hoặc đội một cái khăn xếp cho đám cưới không?”

XI

Tương lai xán lạn bị che mờ

KHI CẢM GIÁC THOẢI MÁI VÀ AN TOÀN của dãy hành lang đã bào mòn tính cấp thiết của việc săn lùng một chỗ ở mới, những cuộc dạo bộ tối của hai người thợ hồng tìm kiếm một căn phòng cho thuê biến thành một bài tập thể dục miễn cưỡng. Nó khiến Ishvar hơi gợn chút cảm giác tội lỗi, ông thấy như hai bác cháu đang lợi dụng lòng tốt của Dina, nay đã bước sang tháng thứ ba. Để trấn an lương tâm của bản thân, ông dần hình thành thói quen mô tả cho cô thất bại của họ cụ thể đến từng chi tiết: những nơi họ đến, những khu tập thể, những phòng khép kín, những gian lán họ đã xem, và họ đã để vuột mất nó trong đường tơ kẽ tóc như thế nào.

“Tiếc quá,” ông lặp lại câu này không chỉ trong một ngày một bữa. “Chỉ mười phút trước khi chúng tôi đến, có người đã lấy mất rồi. Mà phòng ốc tốt lắm.”

Nhưng thời gian đã xoa dịu nỗi lo lắng của Dina về lão chủ nhà. Cô khá hài lòng với việc cho phép hai người thợ may tiếp tục ngủ ngoài hành lang. Không ai có thể thuyết phục cô làm khác đi, thậm chí là Zenobia, cô bạn đã vô cùng kinh hoàng khi phát hiện ra chiếc rương cùng chăn chiếu của hai người ở đó trong một buổi tình cờ ghé chơi.

“Nguy hiểm lắm,” cô bạn cảnh báo. “Cậu đang đùa với lửa đấy.”

“Ồi dào, chẳng có chuyện gì xảy ra đâu,” Dina tự tin đáp.

Cô đã trả lại món tiền nợ Nusswan, lão thu tiền nhà không còn quấy quả thêm lần nào nữa, và công việc may vá đang trôi chảy hơn bao giờ hết.

Cuộc đình công được tiên liệu trước trong nỗi lo sợ ở Công ty xuất khẩu Au Revoir cũng bị ngăn chặn, được bà Gupta tung hô như một chiến thắng của cái thiện trước những thế lực hắc ám. “Giờ công ty đã có lực lượng vệ sĩ riêng rồi,” bà giải thích với Dina. “Đây là một thí dụ về chuyện lấy đầu gấu của ta chọi đầu gấu của nó. Họ sẽ xử lý hết bọn lưu manh công đoàn trước cả khi chúng kịp gây chuyện hoặc lôi kéo kích động các công nhân tội nghiệp. Nói cho cô hay, cả cảnh sát cũng ủng hộ chúng tôi đấy nhé. Tất cả mọi người đều chán ngấy những phiền toái bọn công đoàn gây ra rồi.”

Hai người thợ may hết sức hoan hỉ khi Dina về nhà mang theo cái tin tốt lành. “Ngôi sao của chúng ta đang ở đúng vị trí rồi,” Ishvar nói.

“Phải,” cô nói. “Nhưng quan trọng hơn là đường may của hai người phải ở đúng vị trí.”

Ishvar và Om thường lên đường đi tìm nhà thuê sau bữa tối, thỉnh thoảng trước giờ cơm, nếu như hôm đó họ không phải nấu nướng. Cô chúc họ may mắn, nhưng luôn để thêm câu “Hẹn sớm gặp lại hai bác cháu,” và cô thực lòng mong như thế. Maneck thường đi cùng. Còn lại một mình, mắt cô chốc chốc lại liếc đồng hồ trong khi cô chờ đợi họ quay về.

Và sau đó, khi cuộc lang thang buổi tối được báo cáo lại với cô, lời khuyên của cô là: “Đừng vội vàng quá.” Sẽ là ngu ngốc, cô nói, nếu trả tiền cho một chỗ ở có thể bị san bằng vì nó đã được xây cất trái phép. “Tốt hơn hết nên tiết kiệm tiền và kiếm một căn phòng tử tế mà không ai có thể đuổi hai người ra được. Cứ từ từ mà tìm.”

“Nhưng cô chẳng chịu nhận đồng nào của chúng tôi cả. Chúng tôi có thể quấy quả cô thế này đến bao giờ nữa?”

“Tôi có thấy phiền toái gì đâu. Cả Maneck cũng thế. Cháu có phiền không, Maneck?”

“À có chứ, cháu có một mối phiền toái to đùng đây. Sắp đến kì thi rồi.”

“Một vấn đề khác là,” Ishvar tiếp, “ông cháu thân yêu của tôi đây không thể lấy vợ được chừng nào chúng tôi chưa có chỗ ở riêng.”

“Chuyện này thì tôi chịu, không giúp được đâu,” Dina nói.

“Ai nói cháu muốn lấy vợ?” Om gắt gỏng, trong khi cô và Ishvar nhìn nhau cười như hai bậc phụ huynh khoan dung.

Tin đồn về một căn phòng thuê chung có thể còn trống ở vùng ngoại ô phía bắc dẫn họ đến khu dân cư mà họ đã từng đến tìm việc khi mới lên thành phố. Khi họ tới nơi, căn phòng đã có người thuê mất. Họ tình cờ đi ngang qua tiệm May cao cấp, và quyết định tạt vào chào Jeevan một câu.

“A, hai người bạn cũ của tôi đã trở lại đây rồi,” Jeevan chào đón họ. “Cùng một anh bạn mới. Cậu này cũng là thợ may hả?”

Maneck cười và lắc đầu.

“À, đừng lo, rồi cậu sẽ sớm thành thợ may thôi.” Đoạn Jeevan ôn lại khoảng thời gian khi ba người thợ phải làm việc thâu đêm suốt sáng cho kịp hạn cuộc bầu cử phụ. “Nhớ không, bọn ta phải may một trăm cái sơ mi và một trăm cái dhoti cho khách làm quà hồi lộ ấy?”

“Cảm giác cứ như cả ngàn chiếc ấy,” Om nói.

“Sau này tôi mới phát hiện ra là lão ta đã chia việc cho hơn hai tá thợ may. Lão mang tặng những năm nghìn cái sơ mi và dhoti kia đấy.”

“Mấy lão chính trị gia khốn kiếp đấy lấy tiền ở đâu ra nhỉ?”

“Tiền bản chứ còn đâu nữa – từ các doanh nghiệp cần xin xỏ nhờ vả. Đây là cách vận hành của toàn vương quốc li xăng – giấy phép – hạn ngạch mà lì.”

Tuy nhiên, rốt cuộc tay ứng viên nợ lại bị đánh bại, dù đã mang áo tặng những cử tri quan trọng nhất của mình, cũng vì phe đối thủ liên tục phát ra những bài diễn văn rất thông minh: rằng khi đang trắng tay mà nhận những món quà đắt tiền không phải là một tội, chừng nào những cái đầu thông thái vẫn chiếm thế thượng phong trong thời điểm bỏ phiếu.

“Lão cố đổ tội cho tôi đã làm lão thua cuộc. Rằng cử tri không chọn lão vì áo may xấu quá. Tôi mới bảo, đem đến đây cho tôi xem nào. Tôi không bao giờ còn gặp lại lão nữa.” Jeevan dọn hết các thứ đang làm dở dang trên mặt quây và phủi sạch tờ vải bám trên mặt trước áo sơ mi. “Nào, ngồi xuống đi, làm tí trà với tôi nhé.”

Lời mời ngồi chỉ là một cách nói hình tượng. Quang cảnh bữa bọn trong cửa tiệm bé tí tẹo khiến người ta khó có thể hiểu nó theo nghĩa đen cho được. Một số cải tạo đã được thực hiện kể từ lần cuối cùng hai người thợ ở đây, và khoảng không phía sau đã được ngăn riêng ra để kê một gian buồng che rèm phục vụ việc thủ đồ. Ishvar đón lấy cái đĩa đặt tách trà trên mặt quây; Jeevan nhấp từng ngụm từ cốc. Hai cậu trai mang phần của mình ra bậc cửa bên ngoài để uống chung.

Hôm đó hóa ra lại là một buổi tối bận rộn cho tiệm May cao cấp. “Ba người đem vận may đến cho tôi đây,” Jeevan nói. Một gia đình tới đặt quần áo cho ba đứa con gái nhỏ, bà mẹ hãnh diện cấp súc vải dưới nách, ông bố mặt mày cau có dữ tợn. Họ muốn may cho mỗi đứa một chiếc áo cánh và một cái váy dài sao cho kịp diện vào lễ Divali.

Vừa đưa một ngón tay lên búng búng môi, Jeevan vừa vờ sầm soi cuốn sổ đặt hàng. “Chỉ còn một tháng nữa thôi,” anh ta ca cẩm. “Ai cũng vội.” Anh ta ậm ừ, ngâm nga, tạo thành những âm thanh lách cách qua kẽ răng, rồi trả lời có thể may được, nhưng chỉ xong vừa kịp hạn mà thôi.

Mấy đứa bé gái nhảy cẫng lên vì mừng rỡ và sung sướng. Ông bố dữ tợn bèn quát chúng đứng im không ông ta sẽ đập vỡ đầu cả ba đứa. Vợ con ông ta chẳng thêm lý gì đến lời đe dọa thái quá kia. Họ đã quá quen với cung cách ăn nói kì quặc của ông.

Jeevan đo súc vải, một tấm vải polyester in họa tiết chim công. Anh ta cau mày vẻ nghiêm trọng, đo lại vải, và tuyên bố, ngón tay vẫn búng môi, rằng số vải này không đủ cho ba chiếc áo cánh và ba cái váy dài. Lũ trẻ bậm bịu chực khóc.

“Gã khốn chân khoèo đang nói điều đấy,” Om thì thào với Maneck. “Cứ xem khắc biết.”

Anh ta đo lại lần thứ ba và nói, với giọng điệu ra chiều ta đây nhân đức, rằng có một giải pháp khác. “Sẽ là rất khó, nhưng tôi có thể may váy liền dài tới gối.”

Ông bố và bà mẹ tuyệt vọng vô lấy phương án thay thế, bảo Jeevan cứ theo thể mà làm. Anh ta rũ tung cuộn thước trong không khí và mời mấy đứa trẻ đứng lên phía trước để đo. Chúng đứng thẳng đuốn, như những con búp bê của một nghệ sĩ múa rối, quay người, ngẩng đầu, giơ tay với những cử động cứng nhắc.

“Tay lưu manh này sẽ ăn bớt ít nhất ba thước vải, có khi là bốn,” Om nói nhỏ, đoạn né người khỏi bậc cửa cho gia đình nọ đi ra. Ba đứa bé gái khẽ than thở rằng chúng rất rất thèm được diện váy dài. Bố chúng âu yếm ôm chặt đàn con, dọa sẽ đánh cả ba đứa gây rằng nếu chúng không ngoan, và gia đình hạnh phúc nọ khuất dạng dần phía cuối con đường.

Jeevan gấp mảnh vải lại và gài tờ giấy ghi số đo của ba đứa trẻ vào bên trong. “Cánh thợ may chúng ta cũng phải kiếm ăn, chứ lại không à?” Anh ta đang tìm kiếm sự ủng hộ cho hành động của mình.

Ishvar gạt đầu nước đôi.

“Cái bọn khách hàng này, lúc nào cũng đòi hỏi chúng ta quá lắm,” Jeevan lại nói, vụng về giấu mình sau những lời lẽ sáo rỗng.

Anh ta được rút khỏi tình huống khó xử nhờ sự xuất hiện của một khách hàng khác. Người phụ nữ, có hẹn thử áo từ trước, được đưa một chiếc áo choli lụa mới dựng dáng. Cô ta biến mất vào buồng thử, kéo kín rèm che lại.

Maneck huých Om, cả hai bèn quay lại nhìn. Tấm rèm rung rinh cách mặt đất khoảng mười phân, qua đó, người ta có thể nhìn thấy gấu sari của cô ta khẽ vuốt ve hai bàn chân đi xăng đan. Jeevan ngoắc ngón tay về phía đó, rồi chính anh ta cũng lia mắt nhìn chòng chọc vào gian buồng.

“Một tấm rèm mỏng hơn sẽ điểm thêm biết bao nhiêu hương vị cho đời tôi,” Om nói. Họ có thể nghe thấy tiếng vòng xuyên của cô ta va nhau lạnh lạnh.

“Suýt!” Jeevan nạt, mồm cười hi hí. “Hai cậu làm tôi mất khách quen bây giờ.”

Sự xuất hiện trở lại của người phụ nữ khiến cả ba phút chốc rơi vào một bầu không khí im lặng tội lỗi. Họ lén lút ngắm soi cô, đầu cúi thấp, mắt liếc qua vai. Vạt sari của cô đã được gạt khỏi vai để Jeevan có thể xem xét chiếc áo đang may dở. “Xin chị giơ tay lên một chút,” anh ta nói, đoạn luồn sợi thước dây qua nách cô ta. Giọng anh ta lúc này lạnh te, hết như một bác sĩ đòi xem lưỡi bệnh nhân.

Giữa chiếc choli và eo, bụng cô phơi trần. Chiếc áo cô đang mặc là kiểu hippie theo lối hiện đại, để lộ rốn. Maneck và Om giương mắt nhìn trong khi Jeevan đề xuất nên may thêm hai đường li ở lưng và khoét phần cổ sâu thêm một chút xíu. Người phụ nữ quay lại phía sau rèm.

Om thì thọt với Maneck rằng đây chính là thứ cậu nhớ nhất khi phải làm việc cho cô Dina với mẫu may bằng giấy.

“Tớ cả còn cơ hội nào để đo đạc cho phụ nữ cả.”

“Cậu làm như có thể xớ múi gì được trong lúc đo ấy.”

“Ồi dào, cậu không tưởng tượng nổi người ta có thể làm được những trò gì đâu.” Được may một cái áo cánh, nhất là loại choli bó sát như chiếc này, Om nói, là thiên đường, vì thước dây được ôm vòng qua hai bầu ngực. Khi luồn thước ra sau lưng rồi dang tay kia để kéo đầu thước qua phía trước, cậu sẽ phải đứng sát sần sật với cô ta. Riêng được làm thế thôi đã đủ sướng rồi. Sau đó ngón tay cậu giữ lấy sợi thước ở đúng đường khe giữa hai bầu vú – tức là cậu không hề chạm vào cô ta – nhưng thích nhòm một tí thì thoải mái. Cậu phải thật cẩn thận, và phải biết khi nào thì có thể làm tới. Nếu cô ta co rúm lại ngay khi thước vừa chạm lên người, thì thử làm gì cũng đều rất nguy hiểm. Nhưng có một số người chẳng ngại ngần gì hết, và cậu chỉ cần nhìn ánh mắt và đầu vú họ là đủ biết ngón tay có thể nghĩ ngóáy chút đỉnh không.

“Cậu đã làm bao giờ chưa?”

“Khối lẩn. Hồi ở Hiệu may Muzaffar, với Ông trẻ Ashraf ấy.”

“Có lẽ tớ nên bỏ học thật, và đổi sang nghề thợ may.”

“Nên chứ. Vui hơn nhiều.”

Maneck cười. “Thật ra, tớ đang nghĩ đến chuyện học tiếp đại học sau khi hết khóa này đây.”

“Tại sao? Tớ tưởng cậu ghét học cơ mà.”

Trong chốc lát Maneck chỉ im lặng, gõ gõ lên khớp tay của mình như đánh đàn. “Tớ nhận được một lá thư của bố mẹ. Nói họ mong năm nay kết thúc vô cùng, rằng không có tớ, họ cô đơn lắm – toàn những lời rác rưởi cũ rích. Lúc tớ ở nhà, họ toàn thúc đi, đi, đi. Thế nên tớ quyết định sẽ viết thư báo là tớ muốn ở đây thêm ba năm nữa, học hẳn chương trình có văn bằng, chứ không làm chứng chỉ một năm nữa.”

“Giời ạ, cậu dốt thế. Phải tớ, tớ sẽ lao về với bố mẹ càng nhanh càng tốt.”

“Để làm gì? Để lại cái cọ, gây sự với bố tớ à? Vả lại, ở đây tớ đang vui.”

Om ngẩng ngó tay mình và lùa tay qua mớ tóc bông. “Nếu cậu tính ở lại, cậu nên chuyển qua học may, chắc luôn. Bởi vì cậu đâu thể đo phụ nữ để làm tủ lạnh.” Cậu cười khùng khục. “Cậu định nói gì? ‘Thưa cô, ngăn của cô sâu bao nhiêu?’”

Maneck cười phá lên. “Tớ có thể hỏi ‘Thưa cô, tôi có thể kiểm tra bộ nén khí của cô được

không?’ Hoặc ‘Thưa cô, khoang điều nhiệt của cô cần một bộ điều nhiệt mới.’”

“Thưa cô, núm điều chỉnh nhiệt độ của cô cần hiệu chỉnh.”

“Thưa cô, ngăn đựng thịt của cô bị kẹt.”

Vị khách rời cửa hàng đúng lúc hai cậu trai đang cười nói rồn rảng, Ishvar gọi: “Ê, hai đứa, đến giờ về rồi. Có chuyện gì mà cười ghê thế?”

“Tuồng bọn này không biết à,” Jeevan nhe nhớn cười, rồi chúc họ may mắn và chào tạm biệt. “Chúc hai người sớm tìm được phòng.”

Trong tuần ôn tập trước kì thi của Maneck, lão thu tiền nhà đột nhiên tìm đến vào một chiều nọ không theo lịch hẹn. Nghe tiếng chuông cửa, hai người thợ lập tức ngưng tiếng máy may.

“Chào chị, chị có khỏe không ạ?” Ibrahim cất lời, bàn tay giơ lên phía chiếc mũ.

“Chuyện gì nữa đây?” Dina hỏi, đứng chắn đường lão. “Tiền thuê nhà tháng này tôi đóng rồi còn gì.”

“Tiền không phải vấn đề chị ạ.” Người rúm ró lại khi nói, lão tuôn ra một hơi rằng công ty phải lão đến để chuyển thông báo cuối cùng buộc cô dọn đi trong vòng ba mươi ngày vì họ đã có bằng chứng cho thấy cô đang dùng căn hộ vào mục đích thương mại bất chấp lời cảnh cáo từ nhiều tháng trước.

“Vớ vẩn! Bằng chứng đâu?”

“Chị ơi, chị nổi cáu với tôi mà làm gì,” lão van vãn, đoạn vồ vồ lên cuốn sổ cất trong túi. “Tất cả đều ở trong này – ngày, giờ, chuyển đi – chuyển về, tắc xi, váy. Cả những bằng chứng khác đang ngồi ở phòng trong nữa.”

“Phòng trong? Ông muốn chỉ cho tôi xem không?” Cô đứng sang một bên và ra hiệu cho lão vào nhà.

Cử chỉ thách thức ngang ngược khiến lão giật mình. Lão không còn cách nào ngoài chấp nhận nó. Đầu cúi gằm, lão bước thẳng vào phòng may. Hai người thợ, hóa đá trước chiếc máy Singers, đang ngồi bốn chồn chờ đợi, còn Maneck đang từ phòng mình nhìn ra.

“Vấn đề là đây, thưa chị. Chị không thể thuê thợ may và mở xưởng ở đây.” Lão khoát bàn tay khổ sở về phía căn phòng ngủ còn lại. “Đã thế, lại còn cả một khách trọ nữa. Thật quá lắm, chị ơi. Chắc chắn công ty sẽ đuổi chị ra đường.”

“Ông nói vớ vẩn gì thế!” Cô mở màn phản pháo. “Người đàn ông này,” cô nói, tay chỉ vào Ishvar, “ông ấy là chồng tôi. Hai cậu con trai này là con tôi. Và đồng váy vóc đều là của tôi hết. Một phần của chỗ quần áo mới cho năm 1975 của tôi. Về đi, bảo với ông chủ nhà của ông là chẳng có việc gì hết.”

Thật khó nói ai mới là người bị sốc nặng hơn vì tuyên bố ngụy tạo của cô: Ishvar, mặt mũi đỏ lựng, tay mân mê cây kéo, hay Ibrahim, hai tay xoắn vặn lấy nhau và thở dài.

Được đà lấn tới, cô chì chiết: “Ông còn gì để nói nữa không?”

Ibrahim khom vai lại sao cho trông vừa đủ độ quy lụy. “Thế giấy đăng kí kết hôn đâu ạ? Giấy khai sinh? Tôi có thể xem được không?”

“Có mà cho ông xem một dép của tôi vào giữa mồm ông ấy! Sao ông dám sỉ nhục tôi! Bảo với lão chủ của ông, là nếu lão không chấm dứt trò quấy rối gia đình tôi, tôi sẽ lôi lão ra tòa!”

Lão thoái lui, lí nhí kêu rằng lão phải làm báo cáo đầy đủ để trình lên công ty, rằng sao nữ chủ bối lão vì đã thực hiện bốn phận của mình, rằng lão đâu có thích thú gì việc này hơn những người thuê nhà.

“Nếu ông không thích thì đừng làm. Đẳng nào ở tuổi này, ông cũng đâu cần làm việc nữa. Lũ con cái khắc chăm lo cho ông.”

“Tôi phải làm việc, tôi chỉ có một thân một mình thôi,” lão nói đúng lúc cánh cửa đóng sập lại.

Vị ngọt của chiến thắng tan biến. Cô đứng chờ, nghe thấy tiếng lão thở hổn hển ngoài cửa, cố lấy lại hơi rồi mới có thể đi tiếp được. Chỉ trong khoảnh khắc những lời ngăn ngừa của lão vang lên, cuộc đời cô độc của chính cô, những năm tháng sóng gió bỗng ùa về, nhắc nhở cô rằng niềm hạnh phúc mới được khai phá trong vài tháng vừa qua thật mới mẻ và mong manh biết bao.

Ở phòng trong, Ishvar đã bình tĩnh trở lại sau cái tin hôn phối bất ngờ. Hai cậu trai lăn ra cười như nắc nẻ, thay nhau trêu chọc bộ mặt ông khi này. “Bác suốt ngày đòi lấy vợ cho cháu đi,” Om nói. “Giờ bác đã có vợ trước rồi nhá.”

“Thật là một sáng kiến tuyệt cú, dì ạ. Dì có chuẩn bị sẵn từ trước không vậy?”

“Thôi quên đi, cháu nên chuẩn bị cho kì thi thì hơn.” Trường đại học cho nghỉ lễ Divali tận ba tuần, nên Dina khuyến khích Maneck thử sắm vai du khách. “Suốt thời gian qua cháu toàn đi từ nhà đến lớp, rồi lại từ lớp về nhà. Nhưng thành phố này có nhiều chỗ đẹp lắm. Bảo tàng và thủy cung và các hang động chạm khắc sẽ làm cháu mê mẩn cho mà xem. Cả Vườn Victoria lẫn Vườn Treo đều đáng tham quan lắm, cứ tin dì.”

“Nhưng cháu đã xem hết rồi còn đâu.”

“Lúc nào? Cách đây cả chục năm, cùng mẹ cháu ấy hả? Hồi đó cháu chỉ là một thằng bé con thôi, làm sao còn nhớ được gì. Cháu phải đi lần nữa đi. Mà cháu cũng phải đi thăm các cô dì chú bác bên nhà Sodawalla nữa chứ, họ đều là ruột thịt của mẹ cháu kia mà.”

“Vâng,” cậu hững hờ đáp, và không buồn nhích chân khỏi nhà một li.

Tuần đó, những tiếng pháo hoa đầu tiên của kì lễ Divali dội đến. “*Hai Ram*,” Ishvar kêu lên. “Như bom nổ ấy.”

“Thế này đã là gì,” Dina nói. “Cứ chờ đến gần chính hội khắc biết.”

Những tiếng ồn đẩy giờ đi ngủ hàng đêm muộn gần hai tiếng, khiến những ngày nghỉ nhợt nhạt của Maneck thêm dài dặc và chống chọi. Để bù lại, cậu cố dậy thật muộn, nhưng buổi bình minh ầm ĩ, bị choán ngập bởi những tiếng lạch cạch của người đưa sữa và tiếng người cãi cọ chửi bới nhau, luôn giành phần thắng.

Dina ghi số xe buýt và đường đi vào giấy cho cậu. “Tìm các điểm du lịch dễ lắm, cháu sẽ không lạc đâu mà lo,” cô nói, cho rằng có lẽ đó là điều khiến cậu e sợ. Nhưng Maneck chẳng mảy may nhúc nhích.

Phát chán vì phải nhìn cậu thơ thẩn quanh nhà, cô chuyển sang mắng mỏ cậu. “Lúc nào cũng ru rú trong nhà, cứ như lão khố già. Thật không bình thường với một chàng trai trẻ. Mà cháu cứ đi lên đi xuống cả ngày, làm bọn dì cũng đến phát điên mất thôi.”

Sự hiện diện vật vờ của cậu dần dần khiến Om mất tập trung, cậu này lại tiếp tục ra Vishram la cà trà nước với Maneck khi đến giờ nghỉ, hoặc đánh bài ngoài hành lang, ra điều ta đây chán việc. Hết Ishvar mắng nhiếc thẳng cháu, đến lượt Dina lên lớp cậu, nhưng

chẳng ăn thua gì.

Đến cuối tuần, họ bèn chuyển cách khác; họ thống nhất là tốt hơn hết nên cho Om nghỉ ngơi một thời gian. Thật phi lý nếu cứ kì vọng cậu sẽ gò lưng trước máy mà làm việc trong khi bạn cậu lúc nào cũng rình rập ngay bên cạnh. Nói cho cùng, số cậu cũng đủ khổ rồi, đang tuổi này phải nai lưng ra kiếm sống thay vì được đi học đi hành như Maneck.

Vì vậy, Om được báo rằng cậu có thể giảm giờ làm và chỉ cần may từ tám đến mười một giờ sáng. “Cậu đã làm việc rất chăm chỉ trong mấy tháng vừa rồi,” Dina nói. “Cậu xứng đáng được hưởng một kì nghỉ.”

Giờ thì không có gì có thể giữ họ ở nhà. Ngay giây phút Om kết thúc ca làm việc ngắn ngủi của mình, cả hai liền biến mất không sủi tăm cho đến bữa tối. Tiếp đó là những câu chuyện không ngưng nghỉ kéo xuyên qua bữa cơm tối tận giờ đi ngủ, vì họ có hàng đống thứ để kể về những việc mình đã làm.

“Sóng to lắm, xuống nhảy chồm chồm như con ngựa điên ấy,” Om kể. “Sợ khiếp đi được.”

“Cháu nói thật, ông khách trọ cùng nửa xưởng may của dì suýt chút nữa đã chết chìm ở chỗ dê chần sóng rồi.” “Đừng nói gở thế chứ,” Ishvar gàn.

“Sau chuyến đi xuống đấy, đến vào thủy cung cũng làm đầu óc cháu quay cuồng – xung quanh sao mà lắm nước thế chứ lì.”

“Nhưng bọn cá đẹp thật đấy. Mà bọn nó bơi điệu dàng thế không biết. Trông cứ như bọn nó đang đi dạo, hay đi chợ, nắn bóp cà chua, hoặc giống cảnh sát đuổi kẻ trộm ấy.”

“Có mấy con nom sặc sỡ cực, hết như mấy tấm vải lấy từ Au Revoir về,” Maneck tiếp lời. “Còn mũi của con cá mũi cửa trông giống hết cái cửa thật luôn, cháu thế.”

“Ngày mai, cháu muốn thử một chầu mát xa trên bờ biển,” Om nói. “Hôm nay bọn cháu thấy họ đi rong, có đủ cả dầu xoa lẫn kem và khăn.”

“Phải hết sức cẩn thận đấy,” Dina cảnh báo. “Mấy tay mát xa dạo rất một phường lưu manh. Chúng sẽ xoa bóp cho cậu thật tận tình, khiến cậu lâng lâng đến mức ngủ quên lúc nào không biết. Tới lúc ấy chúng sẽ nâng hết túi ví của cậu.”

Tuy nhiên, ba ngày tiếp theo lại được dành cho các viện bảo tàng. Om về nhà và quả quyết các thợ xây ắt hẳn đã dựng mái vòm để mô phỏng cái bụng của ông bác cậu. “Bác mà được béo tốt thế thì đã phúc,” Ishvar nói. Trong liên ba tối, ông và Dina được nghe đủ thứ về triển lãm Trung Hoa, triển lãm Tây Tạng, triển lãm Nepal, ấm samovar, bình hãm trà, đồ chạm khắc từ ngà voi, lọ đựng thuốc hít bằng ngọc, thảm dệt.

Gây ấn tượng đặc biệt là bộ sưu tập vũ khí – những bộ áo giáp, dao găm chuôi nạm ngọc, đao, kiếm lưỡi răng cưa (“y xì cái bàn nạo dừa trong chạn bếp,” Om kể), những thanh gươm báu khảm đầy châu ngọc, cung và tên, gậy, giáo, thương, chùy gai.

“Trông giống hết những vũ khí trong phim cổ trang Mughal-e-Azam,” Maneck nói, và Om bèn chen vào là những món đấy sẽ rất hữu dụng nếu đem trang bị cho tất cả dân Chamaars ở các làng mạc, rồi đi giết sạch bọn chúa đất và lũ người đẳng cấp trên. Nghe vậy, Ishvar cau mày tỏ ý không bằng lòng, nhưng tiếng cười của hai cậu trai đã kịp trấn an ông.

Và cứ thế, họ ngốn ngấu kì nghỉ bằng tất cả sự háu đói của tuổi trẻ. Những kì quan của thành phố tuôn trào từ lưỡi họ tới Ishvar, người được gián tiếp thưởng thức những cuộc

du ngoạn của họ, và Dina, ngập trong cơn sóng nhiệt huyết của hai cậu trai, bỗng thấy lại điều gì đó trong những ngày thơ bé của chính mình.

Khi kì nghỉ đã trôi qua phân nửa, một đợt mưa muông tràn đến phủ kín bầu trời. Những trận mưa rào giữ rịt hai cậu trai trong nhà. Trong lúc buồn chán và ngứa ngáy chân tay, Maneck bỗng nhớ đến những quân cờ. Om chưa bao giờ trông thấy một bộ cờ vua nào, những con cờ bằng nhựa thu hút trí tưởng tượng của cậu. Cậu đòi học chơi.

Maneck bắt đầu bằng việc dạy tên từng quân: “Vua, hậu, tượng, mã, xe, tốt.” Những chữ tạc sẵn rớt vào tai cậu những thanh âm êm ái quen thuộc. Cậu khoan khoái mân mê những quân cờ trong tay mình sau biết bao thời gian qua, hồi sinh chúng từ cỗ quan tài bằng gỗ dán bọc nỉ để về với ô vuông dành cho mình, sẵn sàng cho cuộc chiến.

Rồi, đột nhiên, âm thanh giọng nói của cậu biến thành những tiếng vọng xa xăm của một giọng nói khác – giọng nói đã từng kể tên những quân cờ cho chính cậu hồi còn ở kí túc xá đại học. Cậu ngưng bật, không tài nào tiếp tục giải thích luật chơi nữa. Giọng nói ấy đang dần moi móc những tàn cốt từ quá khứ mới đây của cậu, quá khứ mà cậu đang cố quên đi, đã quên được một nửa, và không bao giờ muốn thấy lại. Nay chúng đột ngột trở lại bằng một sự hăm hở đến lỗ bịch.

Cậu trân mắt nhìn bàn cờ, nơi mỗi con cờ chứa chấp một hồn ma trong ô vuông của nó. Ba mươi hai hồn ma khởi động nước đi của riêng mình, một đội quân kí ức đang múa may, xô đẩy, giễu cợt, nhằm nhe dấu với ý chí quyết lãng quên của cậu. Rồi những quân cờ nhảy múa thay hình đổi dạng, và từ sáu mươi tư ô vuông, khuôn mặt của Avinash hiện ra, tươi cười với cậu.

Lấy hết sức bình sinh, Maneck bỏ bàn cờ và ra đứng bên cửa sổ. Mưa sầm sập dội xuống phố phường. Chiếc xe máy của ai đó nằm im, được phủ kín bằng một tấm vải dầu hắt ra những tiếng lộp bộp điếc tai. Những vũng nước bao quanh nó lầy bùn, nom chẳng lấy gì làm hấp dẫn. Chẳng có đứa trẻ con nào đùa nghịch hay té nước, đường phố buồn tênh dưới cơn mưa quá ư dai dẳng và dữ dội này. Cậu ước sao mình chưa bao giờ mở hộp cờ ra.

“Có chuyện gì thế?” Om hỏi. “Không có gì.”

“Thế thì tiếp đi. Đừng phí thời giờ nữa, dạy tớ cách chơi đi.”

“Chỉ là một trò chơi ngu ngốc thôi. Bỏ đi.”

“Nếu nó ngu ngốc, sao cậu lại có nó?”

“Có người cho tớ mượn. Rồi tớ cũng sẽ phải trả lại thôi.” Cậu nhìn dòng nước xoáy từ cống ngầm cuốn nuốt những vỏ bao thuốc rỗng và nắp chai nước giải khát. Kohlah Cola sẽ không có mặt trong số đó. Không, chừng nào bố cậu vẫn còn duy trì cung cách bảo thủ cũ kĩ. Lẽ ra nhà cậu đã có thể ăn nên làm ra biết chừng nào. Và cậu sẽ không bao giờ phải đi học ở cái trường chết giẫm này. Hẳn trong đời cậu đã có nước đi nhằm nào đó, cậu chột nghĩ, nên giờ mới thành ra thế cờ này.

“Cậu không muốn dạy tớ chứ gì,” Om nói, đoạn gạt những quân cờ vào hộp. Chúng rơi xuống với những âm thanh lộp độp trách móc. Maneck nhìn lại, và mở miệng ra như thể sắp nói điều gì. Om không để ý thấy, vẫn đẩy nắp hộp đóng lại.

Maneck nán lại bên cửa sổ một lát rồi quay lại với bàn cờ. “Tớ chẳng muốn làm phiền cậu đâu,” Om nói, giọng mỉa mai. “Cậu có chắc cậu muốn dạy tớ không?”

Cậu không nói năng gì, sắp lại bàn cờ và bắt đầu giải thích luật chơi. Nước mưa đập ầm ầm lên tấm vải dầu phủ chiếc xe máy.

Trong hai ngày tiếp đó, Om học được nước đi và quy tắc ăn quân của các quân cờ, nhưng khái niệm chiếu tướng vẫn vượt quá tầm lĩnh hội của cậu. Nếu Maneck dựng một thế cờ trên bàn, cậu nắm được ngay, cảm nhận rõ sự bất lực của con vua bị giam cầm bằng một nỗi đau bản năng. Nhưng việc tự mình đạt đến kết cục tương tự thông qua cuộc chơi nằm ngoài khả năng của cậu, và cậu đâm ra mất kiên nhẫn.

Maneck cảm thấy thất bại là ở mình – cậu không phải là một ông thầy giỏi như Avinash. Hai hệ quả bí cờ và hòa cờ cũng khó tiêu không kém. “Đôi khi, cả hai phe đều không còn đủ quân, vì thế quân vua mãi mãi chạy trốn được khỏi thế chiếu tướng,” cậu giải thích đi giải thích lại.

Một lần nữa, Om hiểu khi nó được minh họa trên bàn cờ; nhưng ẩn dụ vua và quân đội không chạm tới ngưỡng thỏa mãn của cậu, và cậu quyết không vượt ra ngoài ngưỡng ấy. “Vô lý,” cậu cãi. “Đây nhé, quân của cậu và quân của tớ đang đánh nhau, và lính của cả hai bên đều chết cả. Thế là chỉ còn mỗi hai ta. Giờ một trong hai chúng ta phải thắng, ai mạnh hơn sẽ giết chết kẻ kia, đúng không?”

“Có lẽ. Nhưng luật lệ trong môn cờ vua lại khác.”

“Luật lệ phải luôn cho phép ai đó thắng chứ,” Om khẳng định. Kết cục tất yếu khiến cậu hoang mang.

“Cũng có lúc, chẳng ai thắng cả,” Maneck nói.

“Cậu nói đúng, rõ là một trò chơi ngu ngốc,” Om nói.

Sau năm ngày mưa liên, trời đất không quang quẻ lên tí nào, và hai cậu trai đã biến thành một mối phiền toái không thể chịu đựng được trong nhà. Họ tiêu khiển bằng cách xem Ishvar và Dina làm việc. “Xem kìa,” Maneck nói. “Những khi chú ấy khởi động máy, cái lưỡi lúc nào cũng chọc vào má.” Và họ thấy thói quen bặm môi lại khi đo đạc cái gì đó của cô rất buồn cười.

“Đào, chậm quá,” Om bình phẩm, khi thấy ông bác dừng tay để lấy chỉ trong lô lớn cuộn vào ống con. “Cháu chỉ cần ba chục giây là cuốn xong.”

“Mày còn trẻ, bác già rồi,” Ishvar hiền lành đáp. Ông lắp ống chỉ mới vào suốt và gạt nắp kim loại che lại.

“Cháu toàn chuẩn bị sẵn sáu cuộn chỉ,” Om nói. “Như thế cháu có thể thay trong chớp mắt, khỏi cần dừng lại lúc đang may đồ váy.”

“Dì ơi, dì nên nuôi móng tay út cho dài ra như chú Ishvar ấy. Trông sẽ đẹp lắm.”

Lòng kiên nhẫn của cô nhanh chóng cạn kiệt. “Hai đứa đang biến thành rắc rối viết hoa rồi đấy. Hai đứa được nghỉ không có nghĩa là chúng bay ngồi không mà gặm nhấm trí óc hai người chúng tôi bằng những chuyện tầm phơ tầm phào đấy. Đi ra ngoài chơi đi, không thì xin mời làm việc cho tôi nhò.”

“Nhưng dì ơi, trời đang mưa mà. Dì không muốn chúng cháu bị ướt đấy chứ?”

“Cháu nghĩ cả thành phố sẽ kéo chắn ra che lên đầu chỉ vì một cơn mưa vớ vẩn này ư? Đem ô đi, ô treo ở tủ trong phòng cháu ấy.”

“Đấy là ô nữ mà.”

“Thế thì chịu ướt đi. Nhưng đừng làm phiền bọn dì nữa.”

“Thôi được,” Om nói. “Đến chiều chúng cháu sẽ đi đâu đấy.”

Họ lê thân ra hành lang, và Maneck gợi ý đi chơi thủy cung một lần nữa. Om nói cậu có ý tưởng hay hơn: “Cửa hiệu của Jeevan.”

“Dào, chán chết – ở đây thì có quái gì để chơi đâu.”

Om tiết lộ kế hoạch của mình: thuyết phục Jeevan để họ đo cho các khách hàng nữ.

“Được, đi liền,” Maneck nhe nhớn cười.

“Tớ sẽ dạy cậu trò này,” Om nói. “Đo ngực dễ hơn chơi cờ nhiều. Mà vui hơn nữa chứ, chắc luôn.”

Khi họ đến nơi, cửa hiệu im lặng như tờ. Jeevan đang ngủ, nằm duỗi dài trên mặt sàn bằng gỗ sồi. Trên chiếc ghế đẩu ngay cạnh đầu anh ta là một chiếc đài bán dẫn đang phát ra tiếng đàn sarangi êm dịu. Om vận tướng nút điều âm lên, Jeevan giật bản mình, lập tức choàng dậy.

Trong suốt một phút, anh ta chỉ ngồi ngó ngó không khí, mắt lờ lững. “Sao chú em lại làm thế? Đùa kiểu gì đấy? Thế này thì anh mày sẽ bị đau đầu cả chiều nay mất thôi.”

Anh ta chẳng thèm lý gì đến đề nghị giúp đỡ của Om. “Đo cho khách của anh ấy hả? Quên đi. Anh biết tổng chú mày muốn gì rồi. Cục cứng giữa háng chú mày sẽ kéo tên tuổi của cửa hiệu anh xuống bùn mất.”

Om hứa sẽ ứng xử thật chuyên nghiệp và không cho phép ngón tay mình tẩy máy. Cậu kêu rằng kỹ thuật của mình đã hạn chế vì phải làm việc với mẫu giấy quá lâu. “Em chỉ muốn tiếp xúc với công việc may đo đích thực thôi.”

“Vú vè là thứ chú mày muốn tiếp xúc thì có. Chú mày không lừa được anh đâu. Tránh xa các khách nữ của anh ra, anh báo trước rồi đấy.”

Maneck thơ thẩn bước vào trong buồng thử đồ phía sau tấm rèm. “Được trốn trong này lúc họ vào thay quần áo chẳng khoái à?”

Om cũng vào sẫm soi phía trong. Cậu thấy ba chiếc móc treo đồ và một tấm gương, nhưng tịnh chẳng có chỗ nào để có thể nguy trang cho một người. “Bất khả thi,” cậu kết luận.

“Chú em nghĩ thế thật à?” Jeevan nói. “Để anh chỉ cho hai thằng lỏi chúng bay xem cái này nhé.” Anh ta dẫn họ ra đằng sau quầy, đến mặt hậu của bức vách tạo thành lưng buồng. “Ghé mắt vào đây,” anh ta nói, đoạn chỉ vào một kẽ nứt trong góc.

Om ồ lên. “Từ đây mình có thể nhìn thấy tất tật!”

“Để tớ xem nào,” Maneck vừa nói vừa đẩy cậu ra. “Ồi chà, hoàn hảo!”

Jeevan búng môi và cười khẩy. “Phải, nhưng đừng có hòng. Anh đây họa có điên mới để hai đứa chúng mày chui vào đó.”

“Trời ơi, thôi mà!” Om kêu lên. “Đây đích thị là một sơ miễn phí từ-đầu-đến-đít hoàn hảo!”

“Hoàn hảo, có. Miễn phí, không. Cái gì cũng có giá cả. Mấy chú em đi xem phim thì phải mua vé. Đi tàu hỏa cũng phải xùy tiền.”

“Bao nhiêu?” Om hỏi.

“Bao nhiêu cũng chẳng quan trọng. Anh không thể mạo hiểm danh dự của cửa hiệu này được.”

“Thôi mà, giờ ạ, anh Jeevan, em xin đấy!”

Anh ta bắt đầu thấy hối hận. “Hai chú em sẽ kiểm chế chú? Không phát rồ phát đại lên lúc nhìn thấy da thịt chú?”

“Anh nói gì chúng em cũng xin nghe.”

“Thôi được. Hai rupi một người.”

Om nhìn Maneck kiểm tra túi. “Được, ta có đủ.”

“Nhưng anh muốn từng đứa vào thôi. Mà không được gây tiếng động, thậm chí thở cũng không nốt, hiểu chưa?” Họ gật đầu. Jeevan kiểm tra sổ đặt hàng. Tối hôm đó có hai khách nữ đến hẹn, một người may áo còn người kia may quần. “Đứa nào thích em nào?”

Maneck đề xuất tung đồng xu. “Mặt ngựa,” Om chọn, và thắng cuộc. Cậu nhắm mắt, toét miệng cười, cố cân nhắc, và chọn quần. Mưa đã ngớt, nên hai cậu quyết định đi dạo một lát.

Đó là một cuộc dạo bộ lặng lẽ, căng thẳng, không khí trĩu nặng những háo hức đợi chờ. Họ nói duy nhất một lần, để nhất trí là nên quay lại phòng khi mấy khách nữ đến sớm. Mới chưa đầy mười lăm phút trôi qua.

Họ nhấp nhóm đứng chờ trong cửa hiệu, khiến Jeevan muốn phát rồ. Có tới bốn cuộc báo động giả – khách đến lấy đồ sửa sang và thay mới. Đến sáu giờ kém mười lăm, lòng kiên nhẫn của họ đã được tưởng thưởng.

“Vâng, thưa cô, áo của cô đã sẵn sàng để thử,” Jeevan nói, đoạn kín đáo gật đầu với hai cậu trai. Anh ta quay ra lục tìm giữa một chồng quần áo để cho Maneck thời gian lên ra sau quầy vào khoảng tối. Xong xuôi, lấy được chiếc áo rồi, anh ta chỉ tay về phía tấm rèm cho cô khách thấy. “Trong kia, thưa cô, cảm ơn cô rất nhiều.”

Maneck có cảm tưởng tiếng tim mình nện thình thịch sẽ xô đổ cả tấm vách mắt. Gót giày nhọn gõ những tiếng đánh sặc trên sàn đá, cô ta bước vào, treo chiếc áo mới lên móc, và kéo rèm lại. Cô kéo gấu áo giắt gọn gàng trong váy ra và cởi khuy, lưng quay về phía cậu. Cậu ngắm hình ảnh của cô phản chiếu trong tấm gương.

Cậu nín thở khi chiếc áo rơi ra. Cô mặc một cái coóc xê màu trắng. Hai ngón tay cái của cô luồn xuống bên dưới dây vai, điều chỉnh vị trí của chúng. Rồi cô đưa tay ra sau lưng và tháo móc coóc xê.

Trong một khoảnh khắc điên rồ, cậu đã nghĩ nó sẽ rơi ra. Cậu siết chặt nắm tay. Nhưng đầu chốt chỉ chuyển sang vòng móc bên cạnh trên vòng chun cũ sờn. Cô xoay vai mấy lần và cân chỉnh hai quả áo, đẩy chúng lên cao cho đến khi vừa vặn ngay ngắn, và mặc chiếc áo mới vào.

Những giọt mồ hôi chảy dài trên trán Maneck và nhỏ vào mắt cậu cay xè. Người phụ nữ rời buồng. Cậu bèn nhân cơ hội này hít một hơi thật dài. Qua kẽ nút, vượt tấm rèm để ngỏ, cậu thấy Jeevan đang kiểm tra độ vừa chặt. Om bất thần quay lại và hướng về phía kẽ nút rồi nháy mắt, đặt tay lên ngực và nắn bóp.

Chiếc áo rất ưng ý. Cô ta quay lại để thay đồ, và bước ra chỉ trong chưa đầy một phút. Maneck chờ đợi; cậu có thể nghe thấy tiếng Jeevan cảm ơn cô ta và báo ngày trả hàng. Rồi gót giày nện xuống bậc cửa, và cậu chui ra khỏi chỗ ẩn náu.

Cậu giơ cổ tay áo chùi lông mày, rử rử nách áo sơ mi. “Đằng sau vách nóng khiếp đi được.”

“Đừng có đổ tội cho cái vách. Nhiệt của chú mày chạy từ hạ bộ lên chứ đâu,” Jeevan cười

hồ hốt. Anh ta ra dấu đòi tiền, và Maneck trả đủ.

“Thế nào?” Om hỏi. “Cậu nhìn thấy gì?”

“Đã lắm. Nhưng cô ta có mặc áo lót.”

“Thế chú em mong thấy gì?” Jeevan cự. “Khách của anh không phải là các bà các chị nhà quê vớ vẩn đâu nhá. Họ toàn làm việc trong các công ty lớn – thư kí này, lễ tân này, đánh máy này. Ai cũng môi son má phấn và mặc đồ lót nhất hạng cả.”

Om phải chờ thêm nửa tiếng nữa thì khách hàng của cậu mới tới. Cậu thần nhiên lách qua quầy, biến mất trước khi Jeevan tìm thấy món đồ và hướng dẫn cô gái vào buồng thử.

Khi cô ta bước ra, Maneck chỉ ước sao mình đã chọn cô này. Chiếc quần ôm lấy đùi cô ta và thít lên đứng khiến một cục nghẹn dâng lên tận cổ cậu. Jeevan quỳ gối trước mặt cô ta để xem xét đường may, Maneck nuốt ực xuống.

Cô ta quay lại đằng sau tấm rèm. Ít giây sau, một tiếng bịch trầm trầm và một tiếng thét bật ra.

Jeevan nhảy dựng lên. “Thưa cô! Mọi việc có ổn không ạ?”

“Tôi nghe có tiếng động! Ở phía sau.”

“Không sao đâu, thưa cô, tôi xin hứa,” anh ta xuê xoa bằng một thái độ bình tĩnh và tốc độ bậc thầy. “Chỉ là chuột thôi. Xin đừng lo.”

Cô ta lao ra, đổ mặt tía tai, quẳng toẹt chiếc quần lên mặt quầy. Anh ta bèn cung kính treo nó lên mắc. “Tôi rất tiếc vì cô phải sợ hãi như thế, thưa cô. Chuột đúng là một vấn nạn ở bất kì nơi nào ta lui tới trong thành phố này.”

“Anh nên làm gì đó đi,” cô ta giận dữ mắng. “Chẳng khách nào thích thế đâu.”

“Vâng, thưa cô. Thỉnh thoảng chúng lại núp trong những hang hốc sau vách và gây ra tiếng động. Tôi phải rắc thêm bả mới được.” Anh ta lại xin lỗi lần nữa và tiễn cô khách ra về.

Om thò mặt ra với một nụ cười ngớ ngẩn, xem ra đã sẵn sàng đón nhận những câu chọc ngoáy về con chuột trong đũng quần của cậu. Jeevan tát bôm bốp vào đầu cậu. “Thằng ngu chết tiệt! Suýt nữa làm anh mày ăn bùn rồi! Sao lại có tiếng động thế?”

“Xin lỗi, em bị trượt chân.”

“Trượt chân! Mày làm trò bậy bạ gì mà đến nỗi bị trượt chân? Cút ngay, cả hai đứa chúng mày! Tao không muốn thấy mặt chúng mày ở cửa hiệu này một lần nào nữa.”

Maneck cố vỗ về Jeevan bằng cách chìa ra hai rupi cho lượt xem trộm của Om, nhưng cử chỉ đó chỉ khiến anh ta thêm điên tiết. Anh ta vung tay lên làm như sắp chuẩn bị đánh cậu. “Giữ lấy tiền của mày! Và giữ thẳng khốn rặc rồi này tránh xa cửa hiệu của tao ra!” Anh ta đẩy hai người ra khỏi cửa và xuống bậc cấp.

Cả hai người ngoai dần khi họ bước trên con ngõ dẫn lên đường cái. Một con quạ đậu trên bậu cửa sổ kêu quang quác. Tác dụng lay tỉnh do cơn thịnh nộ của Jeevan tạo ra càng đậm thêm nhờ ánh đèn chờn vờn giữa bóng đêm. Đèn đường bắt đầu le lói những đốm vàng ngập ngừng, báo hiệu sự xuất hiện của quảng sáng chói lòa. Thứ gì đó lao vụt qua trước mặt họ và biến vào một con hẻm.

“Trông kìa,” Maneck nói. “Con chuột của quý cô chạy mất rồi.” Họ thoáng trông thấy một vệt da hồng bên dưới bộ lông nhung nhúc bệnh tật của con vật họ gặm nhấm, loang lổ

và lở loét.

“Nó đang tìm hiệu May cao cấp đấy,” Om nói. “Định đặt bộ cánh mới.” Cả hai cười phá lên. Con chuột biến mất trong những hốc hõm tối om của con hẻm, nơi một rãnh nước đang lóc bóc chảy. Những tiếng chí chít chói tai rộ lên, và tiếng nước khua lồm bồm. Họ đi về phía bến xe buýt.

“Kể tớ nghe đi,” Maneck huých khuỷu tay. “Vừa nãy cậu làm gì trong đấy thế?”

Vừa cười nhăn nhở, Om vừa khum khum bàn tay và kéo lên kéo xuống. Một tràng cười ngắn, nghe như một tiếng ho, bật ra từ họng Maneck.

Phía trước, thứ gì đó từ cửa sổ tầng trên đổ rào rào xuống vỉa hè kín đặc người đi lại. Những khách bộ hành bị dính “đạn” ngửa mặt lên tòa nhà mà chửi. Họ ngoặt vào bậc cấp và cầm cổ lao lên cầu thang, dù rằng xác định của sổ nào đang che giấu kẻ tội đồ là chuyện bất khả thi.

“Cậu trông thấy nhiều không?” Maneck hỏi.

“Tất. Cái quần mới chật quá, lúc cô ta tụt quần xuống, quần xi líp cũng đi theo luôn.”

Maneck đá một hòn sỏi xuống rãnh. “Cậu nhìn thấy lông không?”

Om gật đầu. “Cả một bụi luôn.” Cậu dùng cả hai tay để mô tả nó, uốn éo ngón tay ra điều tùm lông cực kì rậm rịt. “Cậu đã nhìn thấy cái nào chưa?”

“Mới một lần. Cách đây lâu lắm rồi. Hồi tớ còn nhỏ, nhà tớ từng có một cô giúp việc. Tớ trèo lên ghế lúc cô ấy đang tắm rồi nhòm qua ô thông gió phía trên cánh cửa. Nó làm tớ sợ hết hồn. Trông ghê cả người, cứ như nó sắp cắn tớ ấy.”

Om cười hô hố. “Bây giờ nó sẽ không làm cậu sợ nữa đâu, chắc luôn. Cậu chả nhảy vọt vào ấy chứ.”

“Cứ cho tớ một cơ hội xem.”

Họ chờ đèn hiệu chuyển màu để sang đường. Ở mép vỉa hè, hai cảnh sát giữ một sợi dây căng ngang, giữ đám đông khỏi tràn xuống đường. Ai nấy xô về phía sợi dây chắn, hết như những đợt sóng trào lên bờ biển. Hai người cảnh sát xuống tấn, vừa gồng mình, vừa quát thét, cố ghì giữ đoàn người thiếu kiên nhẫn đang đổ về nhà.

“Này, cũng may là đằng sau bức vách không có chuột thật đấy,” Maneck nói. “Nếu không nó sẽ xơi tái con chim còi của cậu trong chớp mắt.”

“Còi là còi thế nào?” Om nói. “Nó cứng lên thế này này.” Đoạn cậu hắng hái vung tay lên.

Bàn tay màu đỏ cấm đoán trên đèn giao thông biến mất, và một hình người que màu xanh hiện lên soi sáng mặt đèn thủy tinh tròn. Đám cảnh sát nhanh chân dạt sang một bên cùng sợi dây; đám đông ủa qua đường.

Pháo hoa lên đến đỉnh điểm vào đêm trước lễ Divali, và quá nửa đêm rất lâu cũng chẳng dễ gì mà ngủ. Đến mỗi đợt nổ, nhất là của những khối pháo hộp màu đỏ gọi là Bom Nguyên Tử, Ishvar lại rên rĩ “*Hai Ram*” và giơ tay lên bịt chặt tai.

“Bác cứ bịt tai sau khi pháo đã nổ rồi thì phỏng ích gì?” Om nói.

“Bác còn làm thế nào được nữa. Điên quá là điên, khoảng thời gian của ánh sáng và lễ hội lại biến thành nỗi khổ sở và bệnh đau tai mất rồi. Chẳng lẽ không có cách nào khác để chào đón Thần Ram trở về Ayodhya sau thời gian bị đi đày trong rừng ư?”

“Vấn đề là cái thành phố này thừa tiền quá,” Dina nói. “Nếu người ta phải đốt tiền lấy khói, tôi chỉ ước họ làm sao cho đẹp.” Cô rúm rỏ lại khi một quả Bom Nguyên Tử nữa phát nổ. “Nếu tôi có quyền, tôi sẽ chỉ cho phép được trưng đèn nhấp nháy, đài phun nước, và tổ chức diễu hành.”

“Phải đấy, nhưng các chuyên gia tôn giáo tiếng tăm sẽ bảo cô rằng như thế là chưa đủ để xua đuổi bọn tà ma,” Ishvar châm biếm.

“Mấy quả Bom Nguyên Tử đó đủ dọa cho các thần sợ mất vía ấy chứ,” cô nói, và bỏ hành lang vào nhà. “Giá tôi là Thần Ram, tôi thà chạy thẳng về rừng, còn hơn phải chịu đựng mấy trò cháy nổ của lũ loạn trí này.”

Mỗi tai nhồi một viên bông, cô bắt tay vào ghép tấm chắn. Ít phút sau, Ishvar cũng theo cô vào, hai tay bịt tai, cô bèn lấy bông cho cả ông. Đến đợt nổ sau, ông hớn hử cười, ý nói cách làm này đã có tác dụng.

Maneck và Om không chịu rời hành lang, mặc dù cả hai đều cầm sẵn ngón tay vào lỗ tai nếu có người chơi hội nào chuẩn bị châm một dây pháo đỏ. “Tiếc là đang có bọn mình ở đây,” Om nói. “Nếu không họ đã đang hùng hục trên giường rồi, chắc luôn.”

“Ai cơ?”

“Cô Dina với bác tớ chứ còn ai nữa?”

“Đầu óc cậu bệnh hoạn thật đấy.”

“Phải,” Om đáp. “Nghe nhé, đồ cậu: muốn cho nó cứng và dựng thẳng lên, cô ta phải miết nó; muốn cho nó trơn và chui lọt, cô ta phải liếm nó. Cô ta đang làm gì?” Chưa kịp đọc xong câu hỏi, cậu đã cười phá lên, trong khi Maneck đưa ngón tay lên môi suýt cậu.

“Nào, trả lời đi. Cô ta đang làm gì?”

“Làm tình chứ còn gì nữa?”

“Sai. Chịu chưa? Cô ta đang khâu kim,” Om vênh váo nói, còn Maneck giơ tay lên vỗ trán. “Giờ thì đầu óc ai mới là bệnh hoạn?”

Còn sáu ngày nghỉ nữa sẽ đến ngày mở trường, và Om đã có ý tưởng mới để giải trí. Cậu biết thời gian và hơi ẩm đã làm móp méo cánh cùng khung cửa phòng tắm, tạo thành một kẽ hở khá khi đóng lại. Cậu nói cả hai có thể thay nhau nhòm trộm trong khi Dina tắm. Người còn lại sẽ canh chừng, để đảm bảo Ishvar không thể bắt quả tang họ.

“Câu chuyện của cậu về cô giúp việc tắm gợi hứng cho tớ đấy. Cậu nghĩ sao?”

“Cậu điên rồi,” Maneck nói. “Tớ không làm đâu.”

“Cậu sợ cái gì chứ? Giời, cô ấy sẽ không biết đâu.”

“Tớ chỉ không muốn làm thôi.”

“Tốt thôi, thế thì tớ sẽ làm.” Cậu đứng dậy.

“Không, cậu không được làm thế.” Maneck túm lấy tay cậu. “Biến đi! Cậu là cái thá gì mà dám cầm tớ?” Cậu giằng tay ra, ngay lập tức, Maneck chộp lấy vai cậu và ấn cậu xuống ghế. Họ vật lộn với nhau bằng hết sức bình sinh. Om tung chân lên đá nhưng Maneck đã kịp vòng ra sau ghế và ghì chặt cậu vào đó. Om chịu thua, không nhúc nhích nổi một li.

“Cậu đúng là thằng khốn ích kỷ,” cậu nói nhỏ. “Tớ biết cậu rồi. Suốt những tháng qua cậu ở một mình với cô ấy, chắc cậu đã được nhìn cô ấy trần truồng mỗi sáng trong phòng

tắm. Giờ cậu lại không cho tớ được hưởng cái thú ấy.” “Không đúng,” đứng sau lưng ghế, Maneck phản ứng dữ dội. “Tớ chưa bao giờ làm thế.”

“Cậu nói dối. Ít ra cũng nhận đi. Thôi nào, nếu không cho tớ xem thì cũng phải tả cho tớ một tí chứ. Vú cô ấy thế nào?”

Hai cái núm có đẹp có nhọn không? Thế còn...”

“Thôi đi.”

“... còn cái quầng nâu quanh núm vú nữa, chúng to cỡ nào.”

“Câm mồm, tớ cảnh cáo cậu.”

“Còn mu? Nó có to và mọng và đầy...”

Maneck vòng ra phía trước ghế và giáng một cái tát vào mồm cậu. Bàng hoàng, Om ôm mặt trong câm lặng mấy giây liền. Cơn đau dâng đầy hai mắt cậu. “Đồ đĩ đực mất dạy!” Cậu bỗng bừng tỉnh, và nhảy bổ vào bạn, nắm đấm điên cuồng vung lên.

Chiếc ghế đổ nhào. Maneck bị trúng một quả vào đầu, những cú còn lại rơi cả lên hai cánh tay cậu nhưng không hề hấn gì. Để kiềm chế Om mà không làm cậu ta bị thương, cậu túm áo cậu ta và kéo cậu ta sát vào người mình; giờ những cú đấm đã không còn đường chạy. Bỗng có tiếng thứ gì đó rách bực. Túi áo toạc ra theo tay cậu, và một vết rách lồ lộ ngay bên dưới vai.

“Thằng chó!” Om gào lên, càng hung hăng cuồng nộ hơn. “Mày xé rách áo tao rồi!”

Tiếng xô xát to đến nỗi át cả tiếng máy may của Ishvar, kéo ông chạy ra hành lang. “Ấy ấy! Trò đánh lộn này là thế nào đây?”

Trước sự hiện diện của ông, máu chiến trong hai cậu trai bỗng bay biến đi đâu mất. Ông dễ dàng tách họ ra. Giờ những gì bạo liệt nhất đã dồn cả vào ánh nhìn. Họ trừng trừng lườm nhau một lúc rồi mới quay đi.

“Nó xé rách áo cháu!” Om gào lên, mắt dán xuống cái túi áo đã toạc.

“Những việc như thế vẫn xảy ra khi đánh lộn mà. Nhưng tại sao hai đứa lại cư xử như thế!”

“Nó xé rách áo cháu,” Om lại cầm hờn thét lên.

Trong khi đó, Dina đã nghe thấy tiếng la hét và kết thúc sớm việc tắm rửa. “Tôi thật không thể tin nổi,” cô kêu lên, khi nghe Ishvar nói lại. “Tôi cứ tưởng đây là bọn lưu manh ngoài phố. Hai đứa ư? Tại sao thế?” “Hỏi nó ấy,” cả hai cùng lầu bầu.

“Nó xé rách áo cháu,” Om chêm vào, “đây này,” và ve vẩy cái túi áo rách trước mặt cô.

“Áo, áo, áo! Mày chỉ nói được có thể thôi à?” Ishvar chửi. “Rách thì vá lại là xong chứ gì. Sao hai đứa lại đánh nhau?”

“Cháu không giàu như nó, cháu chỉ có mỗi hai cái áo thôi. Và nó đã làm rách một rồi.”

Maneck lao về phòng, vớ lấy cái áo đầu tiên cậu thấy, và quay lại để ném nó về phía Om. Cậu bắt lấy và ném lại. Maneck để mặc nó rơi xuống.

“Hai đứa cư xử như hai thằng trẻ con ấy,” Dina nói. “Thôi nào, anh Ishvar, ta quay lại làm việc tiếp đi.” Cô nghĩ họ sẽ làm lành với nhau nhanh hơn khi chỉ còn lại hai người, không còn phải chịu áp lực của việc giữ thể diện nữa.

Maneck ở lì trong phòng suốt cả ngày, còn Om ngồi ngoài hành lang. Mọi cố gắng của Ishvar hòng pha trò về cái mặt khỉ ăn ớt hoặc anh hùng bị khủng đều chết yểu. Dina lấy làm tiếc nuối vì kì nghỉ đã nhạt vị vì một sự cố đáng ngất.

“Nhìn hai đứa kia,” cô nói, “hai con cú ủ dột đậu trong nhà tôi,” và cô quay về phía hai cậu trai, nhăn nhó giả làm mặt cú. Chỉ mình Ishvar cười.

Sáng hôm sau, Om tuyên bố bằng giọng tự đầy ải rằng cậu muốn được làm cả ngày như trước. “Kì nghỉ này đã kéo dài quá lâu so với gu của cháu.” Maneck vờ như không nghe thấy gì.

Công việc khởi đầu hết sức tồi tệ, và sớm biến thành một thảm họa toàn diện. Dina phải cảnh cáo Om: “Công ty sẽ không chấp nhận những hàng hóa này đâu. Cậu phải trừ sạch cái thái độ cáu bẳn ấy ra khỏi những đường may cho tôi nhờ.”

Như một minh chứng cho sự tự doạ đầy của mình, cậu tiếp tục mặc chiếc áo rách, miếng túi treo toong teng, dù chỉ mất chưa đầy mười phút là có thể khâu lại như cũ. Đến giờ ăn, cậu kiên quyết không sờ đến dao và nĩa, dù nay cậu đã có thể sử dụng chúng rất thành thạo, và ăn bốc. Trong hoàn cảnh thiếu vắng lời lẽ, một cuộc chiến âm thanh bùng nổ. Dao nĩa của Maneck khua chém trên đĩa, cứa nát củ khoai tây như thể đó là một súc gỗ thông. Om phản pháo bằng cách húp soàn soạt thức ăn từ mấy ngón tay, lười cậu mút và liếm như một cây chổi lau sàn đang cần mẫn làm việc. Maneck xiên phập miếng thịt như một võ sĩ giác đấu lao tới đâm con sư tử. Om trả đũa bằng cách huy động cả lòng bàn tay, cậu mút mát sạch thức ăn dính trên đó với những tiếng loạt soạt nho nhỏ.

Những pha trình diễn đầy tính cường điệu của họ có lẽ đã thành ra hài hước nếu không vì cảm giác ngột ngạt hiển hiện quanh bàn ăn. Dina cảm thấy như mình bị ai lừa cướp mất bầu không khí gia đình hạnh phúc mà cô đã dần quen thuộc. Thay vào đó, sự u ám quỷ quyết không mời mà tới án ngữ ngay giữa bữa tối, ngang nhiên cư ngụ trong ngôi nhà của cô.

Suốt nửa tháng sau lễ Divali, những chập pháo nổ lẻ tẻ vẫn tiếp tục đập lỗ vào đêm cho đến khi dứt hẳn. “Cuối cùng cũng được yên ổn im ắng một tí,” Ishvar nói, rồi đem vứt hai viên bông ông đã giữ cẩn thận bên cạnh bọc chăn chiếu.

Maneck đã biết kết quả thi học kì một, điểm số không khả quan lắm. Dina nói đó là do cậu đã quá trễ nải việc học tập. “Từ giờ trở đi, dì muốn trông thấy cháu bên cạnh sách vở trong ít nhất hai tiếng. Mỗi buổi tối, sau bữa cơm.”

“Đến mẹ cháu cũng chả nghiêm khắc đến thế,” cậu ca cẩm. “Mẹ cháu cũng sẽ thế nếu nhìn thấy điểm của cháu.”

Ép cậu vào nếp học hóa ra dễ hơn nhiều so với cô tưởng. Cậu chỉ chống đối lấy lệ, vì cũng chẳng còn mấy thứ để khiến cậu bận bịu. Sau vụ đánh nhau với Om, họ hầu như không nói năng gì với nhau, dù Ishvar rất tích cực tìm cách hâm nóng lại tình bạn của họ. Ông cũng ủng hộ nỗ lực của Dina hòng bắt Maneck học hành chăm chỉ hơn.

“Cứ nghĩ mà xem, bố mẹ cậu sẽ sung sướng biết chừng nào,” ông nói.

“Đừng để ý đến bố mẹ – học cho ấm cái thân mình ấy, cậu ngốc ạ,” cô nói. “Cậu cũng nghe lấy, Om ạ. Khi nào cậu có con, nhớ cho chúng nó đến trường, vào đại học. Xem tôi bây giờ phải làm lụng khổ sở thế nào đây, chỉ vì tôi đã bị cấm đi học. Chả có gì quan trọng hơn học đâu.”

“Cực kì chính xác,” Ishvar gật gù. “Nhưng sao cô lại bị cấm đi học?”

“Chuyện dài lắm.”

“Kể đi,” Ishvar, Maneck và Om đồng thanh kêu lên. Cô bật cười, nhất là khi hai cậu trai nhăn mặt để cố chối bỏ sự trùng hợp.

Cô dậm giọng. “Tôi không bao giờ thích nhìn lại cuộc đời của mình, tuổi thơ của mình, với cảm giác tiếc nuối hay cay đắng.”

Ishvar gật đầu.

“Nhưng lắm lúc, trái với ý chí của tôi, những suy nghĩ về quá khứ kéo về trí óc. Rồi tôi lại tự hỏi tại sao mọi sự lại xoay vần như thế, che mờ tương lai xán lạn mà mọi người đã dự báo cho tôi từ hồi tôi còn đi học, khi tên tôi vẫn còn là Dina Shroff...”

Những âm thanh từ hành lang vọng lại thông báo cuộc chuẩn bị cho giờ ngủ của hai người thợ may. Chăn chiếu được trải và rũ ra. Ít phút sau, Om bắt đầu xoa bóp chân ông bác. Maneck đoán được ngay nhờ nghe những tiếng thở dài khoan khoái. Rồi Ishvar sẽ nói, “Phải, chỗ đó, mạnh hơn một chút, gót chân bác nhức quá.” Ngồi trong phòng, cúi đầu trước cuốn giáo trình, Maneck ghen tị với tình cảm thân mật giữa hai bác cháu.

Cậu ngáp dài và ngó đồng hồ – ai nấy đã thu mình về một góc riêng. Cậu nhớ lúc họ còn bầu bạn cùng nhau, những cuộc dạo bộ, những buổi tụ tập sau bữa tối ở phòng trước, Dì Dina ghép chân còn họ ngồi xem, nói chuyện gẫu, bàn về công việc ngày hôm sau, hay nên nấu món gì cho bữa tối ngày mai: lịch trình giản dị đã tạo nên một hình hài an toàn, ý nghĩa cho cuộc sống của tất cả bọn họ.

Trong phòng may đèn vẫn sáng. Dina vẫn cố thức cho tới khi Maneck gấp sách, đảm bảo cậu không bớt xén mấy phút cuối của giờ học.

Chuông cửa reo.

Hai người thợ may lập tức vùng dậy và vớ lấy áo. Dina ra hành lang và hỏi vọng qua cửa: “Ai đấy?”

“Xin lỗi vì đã làm phiền chị.”

Cô nhận ra giọng nói của lão thu tiền nhà. Vô lý thật, cô nghĩ thầm, sao giờ này lão còn mò tới làm gì. “Khuya thế này mà còn có việc gì nữa?”

“Xin lỗi đã quấy quả chị, nhưng công ty phải tôi đến.”

“Lúc này ư? Không chờ được đến sáng à?”

“Họ nói việc rất gấp, chị ạ. Tôi chỉ làm theo lệnh thôi.”

Cô nhún vai với hai người thợ may và mở cửa, tay giữ chặt nắm đấm. Phút tiếp theo, hai gã đàn ông đứng sau Ibrahim xô cửa vào, đẩy luôn cả cô sang một bên, hung hăng lao tới như thể đã dự tính sẽ gặp phải sự chống cự quyết liệt.

Một tên đầu gần như hói trọc còn tên kia có một mảng tóc đen, nhưng bộ ria lởm chởm, đôi mắt lạnh lẽo và tướng tá lòng không, kèn càng của cả hai đã biến chúng thành một cặp song sinh ghê rợn. Xem ra chúng đã học đòi lối đi đứng cư xử của bọn người xấu trên phim ảnh, Maneck nghĩ thầm.

“Xin lỗi chị,” Ibrahim vén môi nở nụ cười tự động của mình. “Công ty phải tôi đến để chuyển thông báo cuối cùng – bằng miệng. Xin chị nghe cho kỹ. Chị phải dọn đi trong vòng bốn mươi tám tiếng. Vì đã vi phạm các điều khoản và quy định về thuê mượn nhà ở.”

Nỗi sợ hãi quét nhẹ lên khuôn mặt Dina, hết như một cọng lông chim, nhưng rồi cô gạt

nó đi ngay. “Tôi sẽ gọi cho cảnh sát ngay lập tức nếu ông không dẫn bọn đầu gấu này rời khỏi đây! Chủ nhà có vấn đề hả? Bảo ông ta cứ việc ra tòa, tôi sẽ gặp ông ta ở đấy!”

Gã đầu hói cất lời, giọng điệu dằn và vỗ về. “Sao lại nữ gọi chúng tôi là đầu gấu cho xấu mặt nhau ra? Chúng tôi chỉ là người làm công cho chủ nhà thôi. Cũng như mấy người thợ may này là người làm công cho cô vậy.”

Tên kia nói: “Chúng tôi đang hành động thay cho tòa án và luật sư. Bọn đấy rất một phường gây phí phạm thời gian và tiền bạc. Giữa thời buổi này, chúng tôi còn làm ăn hiệu quả hơn khối bọn chúng.” Hắn đang nhai trầu đầy mồm nên nói năng khá khó khăn, những giọt nước đỏ sậm nhểu ra từ khóe miệng hắn.

“Anh Ishvar, chạy ra đầu phố mau!” Dina kêu. “Gọi cảnh sát vào đây!”

Gã đầu hói chặn luôn cửa. Trong khi cố gắng vượt qua hắn, Ishvar bị đẩy bật ra, lăn lông lốc đến tận cuối hành lang.

“Cho tôi xin, cho tôi xin! Đừng đánh nhau,” Ibrahim kêu lên, hàm râu bạc phơ của lão run lên theo từng lời.

“Nếu các người không cút đi, tôi sẽ kêu cứu đấy,” Dina nói.

“Nếu cô kêu, chúng tôi sẽ khiến cô phải thôi,” gã hói nói bằng giọng vỗ về. Hắn tiếp tục đứng canh cửa chính trong khi gã nhai trầu thông thả bước vào phòng trong. Ibrahim, Dina, cùng hai người thợ may bất lực đi theo. Maneck ngồi nguyên trong phòng nhìn ra.

Gã kia đứng bất động, mắt nhìn quanh, cơ hồ đang tỏ ý ngưỡng mộ chốn này. Bỗng hắn nổ búng. Hắn cầm một chiếc ghế đẩu lên và dang tay dang túi bụi vào hai cái máy khâu. Khi cả mấy cái chân gỗ đã rụng hết, hắn chuyển sang dùng chiếc ghế thứ hai cho kì tới lúc chính nó cũng tan nát.

Hắn vứt ghế đi, đá hai chiếc Singer đổ chống kènh, và lao vào xé đồng váy đã may xong được xếp thành chồng trên bàn, tay cứ nhè chỗ có đường may mà giằng. Hắn vật lộn khá vất vả – vì vải mới và chỉ vừa may không dễ gì mà rách ngay. “Xé này, con mẹ nó, xé hết!” Hắn gầm gừ chửi rửa đồng váy.

Ishvar và Om, nãy giờ vẫn tê liệt, bỗng cử động lại được và lao vào hòng cứu vớt thành quả lao động của mình. Cả hai đều bị ném tung ra như những cuộn vải.

“Ngăn hắn lại đi!” Dina hét lên với Ibrahim, đoạn túm lấy cánh tay lão mà kéo, đẩy lão vào vòng chiến. “Chính ông kéo lũ đầu gấu này đến kia mà! Làm gì đó đi!”

Ibrahim luống cuống đan xoắn hai bàn tay lại với nhau và quyết định gom nhặt hết những chiếc váy vừa bị xé. Gã nhai trầu vút đến đâu, lão nhặt đến đấy, gấp những miếng váy rách nát lại và cẩn thận xếp chúng lại lên bàn.

“Có cần giúp gì không?” Gã đứng cửa hỏi vọng vào.

“Không, ổn cả.” Xé xong đồng váy, gã quay sang xử lý mấy súc vải, nhưng lần này sợ vải, nhờ kết cấu dày dặn, cũng không chịu rách.

“Cho một mối lửa,” là kế sách của gã hói, nói rồi hắn chìa ra chiếc bật lửa chuyên dùng châm thuốc lá của mình.

“Không!” Ibrahim hốt hoảng. “Cả khu nhà sẽ cháy mất! Ông chủ sẽ không thích thế đâu!”

Gã nhai trầu đành chịu là phải. Dỡ vải ra thành một đồng trên sàn xong, hắn phun lên

đó thứ nước bã mồm hắt tạo ra. “Đấy,” hắt quay ra nhìn nhỏ cười với Ibrahim. “Rượu đỏ của tôi mạnh chả kém gì lửa đâu nhé.”

Dừng lại để xem xét căn phòng, hắt để ý thấy cây kéo răng cửa mà ông trẻ Ashraf đã tặng hai người thợ may. Hắt cầm lên ngắm soi. “Đẹp nhỉ,” hắt khen, và dang tay dọa ném nó qua cửa sổ.

“Không!” Om thét lên.

Gã còn đồ cười hô hô và phóng thích món tài sản thân yêu nhất của hai người thợ. Những tiếng loảng xoảng do cây kéo rơi xuống vỉa hè vọng qua cửa sổ khi Om lao về phía hắt. Đòn tấn công yếu ớt biến thành một trò tiêu khiển cho đến lúc hắt quyết định chấm dứt nó, giơ tay tát Om hai phát, rồi đâm vào bụng cậu.

“Thằng chó chết,” Maneck kêu. Cậu giật cây ô in hình ngôi chùa treo trên tủ và xông vào kẻ vừa hành hung Om.

“Dừng! Dừng đánh nữa!” Ibrahim vật nài. “Không cần phải đánh nhau đâu!”

Gã nọ ăn một nhát đâm vào vai và nhận ra thanh cán thép có phần đầu nhọn khá đáng gờm, hắt bèn chạy lòng vòng quanh hai chiếc máy khâu đồ hồng tránh đòn. Maneck đâm như, khoan khoáy tận hưởng thể trên cơ của mình, trong khi thấy tay còn đồ nhảy bắn về phía sau. Cậu đâm như một nhát nữa, và đâm trúng đầu hắt hai lần.

Gã đầu hói bước vào phòng êm ru. Đứng sau lưng họ, hắt rút ra một con gao bấm và bật lưỡi, mũi dao chìa lên trần nhà. Hệt như một tay diễn viên điện ảnh, Maneck nghĩ thầm, người bắt đầu run rẩy.

“Được rồi, chú nhóc,” gã hói nói bằng giọng dịu dàng vốn có. “Trò vui vớ vẩn của mày kết thúc rồi.”

Những người khác quay lại nhìn. Dina thét lên khi cô nhìn thấy con dao, còn Ibrahim lúc này đã nổi cơn thịnh nộ. “Cất thứ đó đi! Và cút ra ngoài, cả hai thằng chúng mày! Việc của chúng mày xong rồi, còn lại để tao lo!”

“Câm mồm,” gã hói quát. “Bọn này biết việc của mình.” Đồng bọn của hắt giật phắt lấy chiếc ô và phóng một đâm vào mặt Maneck. Maneck ngã đập vào tường. Máu nhều ra từ khóe miệng cậu nom hết như một hình ảnh phản chiếu đau đớn của thứ nước bã trâu đang tứa ra trên vành môi của gã còn đồ.

“Thôi ngay! Tao cũng có mặt lúc chúng mày nhận lệnh! Chả ai nói gì đến đánh đâm với dao kéo cả!” Lão thu tiền nhà giậm chân bành bạch và huơ nắm đấm loạn lên.

Cơn thịnh nộ bất lực khiến gã hói lấy làm thú vị. “Lão già đang giết gián bằng giày hay sao thế?” Hắt cười phá lên, ngón tay miết lên lưỡi dao trước khi gập nó lại. Đoạn hắt bật dao ra như cũ rồi xĩa dao rạch toang gối và đệm của Dina. Hắt ném chúng lung tung, nhìn đám bông nhồi trong ruột bay lả tả. Lốp đệm của chiếc sofa ở phòng ngoài cũng chịu số phận tương tự.

“Đấy nhé,” hắt nói. “Giờ tất cả nằm trong tay cô, thưa cô. Cô không muốn chúng tôi quay trở lại với thông báo thứ hai đấy chứ?”

Tay kia đá vào ống quyển Maneck khi bước ngang qua. Gã nhồm nhoàm nhai miếng trâu nốt một lần cuối, rồi nhổ bã lên giường và khắp xung quanh, làm sạch mồm bằng cách phun bọt khắp gian phòng càng nhiều càng tốt. “Lão có về không thì bảo?” Hắt hỏi Ibrahim.

“Tí nữa,” lão nói, mặt mũi cau lại giận dữ. “Tao chưa xong việc.”

Cửa trước đóng lại. Dina trừng trừng nhìn người thu tiền nhà bằng ánh mắt ghê tởm rồi chạy đến chỗ Maneck. Ishvar đang đỡ cậu dậy, tay nâng đầu cậu lên, hỏi cậu có sao không. Ibrahim lẻo đẻo bám theo, luôn miệng lẩm nhẩm, “Chị ơi, xin thứ lỗi cho tôi,” như một thầy tụng kinh bí mật.

Mũi Maneck chảy máu còn môi trên bị rách. Cậu đưa lưỡi đẩy thử – không có cái răng nào bị gãy. Họ lau máu bằng những mảnh vải vụn rơi vung vãi quanh máy may. Cậu cố bập bẹ câu gì đó và lão đảo ngời dậy.

“Đừng nói,” Om nói, cậu đã hơi hoàn hồn, “máu sẽ lại chảy nữa đấy.”

“May mà chúng không dùng đến dao,” Dina nói.

Tiếng kính vỡ từ cửa trước vọng lại. Ibrahim chạy ra hành lang. “Dừng lại, hai thằng ngu này!” Lão gào lên. “Làm thế để làm gì? Như vậy chỉ tổ tốn tiền của ông chủ thôi!” Thêm vài hòn đá nữa phi tới đập vỡ những ô cửa sổ còn lại, sau đó chỉ còn im lặng bao trùm.

Họ dìu Maneck ra chỗ bồn rửa để rửa mặt. “Cháu tự đi được,” cậu khẽ nói. Sau khi lau rửa qua loa cho cậu, họ đưa cậu ra ghế sofa, một mảnh vải áp chặt lên mũi.

“Môi thằng bé cần đắp ít đá,” Dina nói.

“Để cháu ra Vishram mua,” Om xung phong.

“Không cần đâu,” Maneck nói, nhưng đã bị những người khác quyết thay. Họ nhất trí chỉ cần một cục mười paisa là đủ. Ibrahim nhanh tay móc một đồng xu trong áo sherwani ra và đưa cho Om.

“Đừng động vào tiền của lão!” Dina ra lệnh, và mang ví của mình ra. Người thu tiền nhà nài xin mọi người nhận tiền mãi không được cũng đành phải bỏ lại vào túi.

Trong lúc chờ Om quay về, họ ước tính thiệt hại. Vụn bông từ mấy chiếc gối bị rách lơ lửng tứ phía, lờ lờ rơi xuống sàn. Dina nhặt tấm vỏ gối rách lên; cô có cảm giác như nhớp, như thể bàn tay của bọn côn đồ đã sờ mó lên chính thân thể cô. Đồng váy bị xé cùng những súc vải vấy bẩn nước bã trầu bắt đầu thoi nhắt trí mạng vào cô. Cô biết phải giải thích thế nào với Au Revoir đây? Cô có thể nói gì với bà Gupta?

“Tôi xong đời rồi,” cô nói, nước mắt chực trào ra.

“Kìa cô Dina, biết đâu đồng váy này còn sửa được,” Ishvar nói, cố tìm cách trấn an cô. “Và ta cũng có thể giặt sạch mấy vết đỏ kia nữa.”

Nhưng những lời ông nói nghe sao mà vô vọng, ngay đối với chính bản thân ông, nên thay vào đó, ông chĩa mũi dùi sang Ibrahim. “Ông không có tí liêm sỉ nào ư? Sao ông lại tìm cách hại người phụ nữ khốn khổ này? Ông là thứ quái vật gì thế?”

Ibrahim đứng im tỏ ý ăn năn, sẵn sàng lắng nghe. Lão hoan nghênh mọi sự sỉ vả, còn mong nhận được càng nhiều càng tốt, ngõ hầu xoa dịu bớt cảm giác tội lỗi.

“Râu rìa thì trắng như tuyết thế mà tâm địa rõ tồi tàn,” Ishvar mắng.

“Đồ độc ác, xấu xa!” Dina rít lên. “Làm nhục lây những người già cả!”

“Kìa, chị! Tôi đâu biết chúng sẽ...”

“Chính ông làm việc này! Ông đã dẫn bọn đầu trâu mặt ngựa ấy đến đây!” Cô run lên vì sợ hãi và căm giận.

Ibrahim không thể kiềm chế được thêm nữa. Hai tay úp lên mặt, lão bỗng bật ra những âm thanh kì quặc. Ban đầu người ta không nhận rõ ngay được là lão đang cố khóc không ra tiếng. “Chẳng ích gì,” giọng lão vỡ vụn. “Tôi không thể làm công việc này được nữa, tôi ghét nó! Ôi chao, đời tôi đã thành ra cái gì thế này!” Lão lẩn mò dưới áo sherwani và lôi chiếc khăn mù sao ra hỉ mũi.

“Xin chị hãy tha thứ cho tôi,” lão nức nở. “Lúc dẫn chúng đến đây, tôi nào có biết chúng sẽ phá phách đến mức này. Đã bao năm nay tôi luôn làm theo lệnh chủ. Như một đứa bé bất lực. Ông ấy bảo tôi dọa dẫm người ta, tôi dọa dẫm. Ông ấy bảo tôi van nài, tôi van nài. Nếu ông ấy điên lên đòi đuổi người thuê nhà, tôi phải tìm đến tận cửa nhà người ta mà nhắc lại nguyên si lời ông ấy. Tôi là thằng hầu đứa ở của ông ấy. Ai cũng nghĩ tôi là thằng ác độc, nhưng nào có phải vậy, tôi cũng muốn công lý được thực thi, cho chính tôi, cho mấy người, cho mọi người. Nhưng thế giới này đã bị lũ người xấu xa thâm tóm cả rồi, bọn chúng ta chẳng còn cửa nào đâu, bọn ta chẳng có gì ngoài khổ đau và sóng gió...”

Lão suy sụp hoàn toàn. Ishvar nắm cánh tay lão và dẫn lão ra ngồi xuống ghế, nỗi căm hận của ông vơi dần. “Nào, ngồi xuống và đừng khóc nữa. Trông chẳng đẹp tí nào.”

“Tôi còn biết làm gì ngoài khóc đây? Những giọt nước mắt này là tất cả những gì tôi còn để cho chị. Chị ơi, tha lỗi cho tôi. Tôi hại chị mất rồi. Bọn đầu gấu sẽ quay lại sau bốn tám tiếng nữa. Chúng sẽ vút hết đồ đạc của nhà của chị ra đường. Chị gái khốn khổ, chị sẽ đi đâu?”

“Tôi sẽ không mở cửa cho chúng, thế thôi.”

Lời quả quyết trẻ con của Dina khiến Ibrahim mỉm cười, lão lại bắt đầu sụt sịt. “Chẳng ăn thua đâu. Chúng sẽ dẫn cảnh sát đến phá khóa.”

“Có lẽ nào cảnh sát lại giúp chúng?”

“Cái thời buổi Tình trạng khẩn cấp này khủng khiếp lắm, chị ạ. Tiền có thể mua được cả mệnh lệnh cảnh sát khi cần. Công lý được bán cho kẻ nào trả giá cao nhất.”

“Nhưng chuyện tôi và thợ làm đồ may ở đây thì có là gì với ông chủ nhà?” Giọng cô vỡ òa. “Việc tôi làm có hại đến ai đâu?”

“Ông chủ chỉ cần một cái cơ thôi, chị ạ. Những căn hộ kiểu này đáng giá cả một gia tài, nhưng Luật nhà cho thuê chỉ cho phép ông ấy thu mức tiền rẻ bèo như xưa kia, thế nên ông ấy...”

Ibrahim im bật và chùi mắt. “Nhưng chị đã biết cả rồi đấy. Chẳng riêng gì mình chị đâu, ông ấy cũng làm thế này với những người thuê nhà khác, những người yếu đuối và chả có tí thế lực nào.”

Om quay lại với một cục đá to đùng, đến độ khó ai có thể thoải mái cầm mà áp lên môi cho được. Cậu bọc nó vào một mảnh vải và đập xuống sàn. “Cậu xuất hiện để cứu tớ như một anh hùng thực thụ,” cậu cười toe toét, cố chọc cho Maneck, lúc ấy đang tái xanh tái xám, vui lên. “Cậu nhảy vào trông y hệt Amitabh Bachchan.”

Cậu dỡ bọc đá vụn ra và quay sang những người khác. “Mọi người có thấy không? Có một lúc, gã khốn đó bị chiếc ô của Maneck dọa cho sợ chết khiếp còn gì.” “Lời lẽ thế chứ,” Dina nói.

Maneck mỉm cười, khiến bờ môi rách bị kéo giãn ra. Cậu tự kiểm mình và lấy một viên đá.

“Được, đây sẽ là tên mới của cậu,” Om nói. “Ô Bachchan.”

“Ông còn đợi cái gì nữa?” Dina lại giận dữ quay sang lão thu tiền nhà. “Ông về nói với ông chủ ông, tôi không đi đâu cả, tôi sẽ không từ bỏ căn hộ này.”

“Tôi không nghĩ làm thế sẽ giúp ích được gì đâu, chị ạ,” Ibrahim náo nức đáp, “nhưng tôi cũng chúc chị may mắn,” và lão bỏ đi.

Maneck nói cậu không muốn gây rắc rối cho dì Dina vì sự hiện diện của mình. “Đừng lo gì cho cháu,” cậu mấp máy môi một cách nhẹ nhàng nhất có thể. “Lúc nào cháu cũng có thể trở về nhà được.”

“Đừng nói thế,” cô nói. “Sau gần ấy tháng, đã được quá nửa chặng đường đến với tấm bằng rồi, sao cháu có thể làm bố mẹ thất vọng được?”

“Không không, cậu ấy nói đúng đấy,” Ishvar nói. “Thật không công bằng khi cô phải chịu biết bao khổ sở vì chúng tôi. Bác cháu tôi sẽ quay về với ông bảo vệ.”

“Mấy người đừng nói vớ vẩn nữa,” Dina mắng. “Để tôi nghĩ một chút đã.” Cô nói họ đã hiểu sai vấn đề. “Mọi người nghe Ibrahim nói rồi đấy – lão chủ nhà chỉ muốn kiếm một cái có thôi. Dù mọi người có chuyển đi hết thì cũng chẳng giúp tôi giữ được nhà.”

Thứ duy nhất cô có thể trông cậy, theo ý cô, là khả năng dàn xếp tranh chấp của ông anh trai – bằng tiền bạc, lời lẽ ngon ngọt, hoặc bất cứ thứ gì mà ông rất giỏi dùng trong những giao dịch làm ăn của mình. “Thêm một lần nữa, tôi sẽ phải nuốt hết sĩ diện để đến cầu xin sự giúp đỡ của ông ấy, có thể thôi.”

XII

Dấu vết của số phận

HỌ MÁY MÓC ĐI QUA NHỮNG THỦ TỤC của buổi sáng bao gồm tắm rửa, vệ sinh, và pha trà. Chỗ bị đâm trên bụng Om đau ngâm ngấm, nhưng cậu không nói gì với bác. Họ rón rén vào phòng Maneck để xem cậu ta ra sao. Cậu vẫn còn ngủ. Trên gối cậu có mấy đốm bầm; đêm qua môi và mũi của cậu lại bật máu. Họ liền gọi Dina vào xem.

Cô đang duyệt lại cuộc gặp với Nusswan trong đầu, tưởng tượng ra bộ mặt vênh váo của ông ta, vẻ mặt khẳng định vị trí không gì thay thế nổi của ông. Cô cúi xuống nhìn Maneck, dáng ngủ của cậu mới thơ ngây làm sao, cô thầm nghĩ, trong lòng nôn nao muốn vượt lên trán cậu. Môi cậu đen sì lại ở chỗ máu đã đóng cục. Dòng máu cuối cùng rỉ ra từ lỗ mũi cũng đã keo lại. Họ nhẹ nhàng rút khỏi phòng. “Cậu ấy không sao đâu,” cô nói khẽ. “Vết rách khô rồi, cứ để cậu ấy ngủ.”

Khi cô đang sửa soạn để đến công ty của anh trai, Ông trùm ăn mỳ ghé qua, chiếc cặp tấp xích vào cổ tay trái. Hôm nay là ngày ông đi thu tiền theo lịch. Ishvar đã để riêng món tiền trả góp từ khoản tiền công tuần trước, cất kỹ trong tủ búp phê của Dina.

Cô hỏi ông báo trước với Ông trùm rằng họ sẽ khó lòng lo nổi món tiền cho tuần tới. “Thà rằng cứ nói trước, còn hơn để ông ta vác gậy đến tìm.”

Ông trùm lắng nghe vẻ hoài nghi. Chiều theo kinh nghiệm của bản thân ông, câu chuyện về vụ quấy rối lúc nửa đêm của bọn đầu gấu nghe quá kịch tính đến khó tin. Ông ngờ rằng khách hàng của mình đang bịa chuyện, tính đường phản bội bản hợp đồng giữa đôi bên.

Họ bèn dẫn ông vào nhà, chỉ cho ông xem những ô cửa vỡ vụn, hai cái máy may bị đập tan nát, đồng váy rách và những súc vải vấy bầm, ông bị thuyết phục ngay tức khắc. “Tệ quá,” ông ta nói. “Tệ quá đi mất. Bọn này chắc cũng chỉ là dạng ám ố thôi nên mới cư xử như thế.”

“Đời tôi xong rồi,” Dina nói. “Đấy không phải lỗi của hai người thợ nếu họ không thể trả tiền ngài vào tuần sau.”

“Cứ tin tôi, họ sẽ trả được,” ông ta nói giọng nghiêm nghị.

“Nhưng bằng cách nào?” Ishvar cất vấn. “Nếu chúng tôi bị tống ra đường và không thể làm việc được? Xin ngài rủ lòng thương chúng tôi.”

Chẳng thềm lý gì đến ông, Ông trùm ăn mỳ đi quanh phòng, xem xét, gõ khục tay lên mặt bàn, ghi ghi chép chép vào cuốn sổ tay nhỏ. “Cho tôi biết cần bao nhiêu tiền để khắc phục hết những hư hại này.”

“Nói ra phỏng ích gì nữa?” Dina hét lên. “Mấy thằng côn đồ đấy sẽ quay lại ngay ngày mai nếu chúng tôi không dọn đi! Thế mà ông còn phí thì giờ để ngồi tính toán nữa ư? Tôi còn nhiều chuyện cấp bách hơn phải lo, còn phải tìm chỗ mà trú thân đây!”

Ông trùm rời mắt khỏi cuốn sổ và ngẩng đầu lên, vẻ hơi ngạc nhiên. “Cô đã có chỗ trú thân rồi còn gì. Ngay tại đây.

Đây là căn hộ của cô mà, không phải ư?” Nghe câu hỏi ngờ ngẩn, cô nóng nảy gật đầu.

“Lũ đầu gấu này đã mắc một sai lầm rất lớn,” ông ta tiếp, “và tôi sẽ giúp chúng sửa sai.”

“Khi chúng quay lại đây ư?”

“Chúng sẽ không quay lại nữa đâu. Hai người các anh đã trả tiền rất đầy đủ, nên các anh không phải lo lắng gì hết – các anh đã có tôi bảo vệ. Mọi việc sẽ được lo đầu vào đấy. Nhưng nếu không biết mức độ hư hại, làm sao tôi bồi thường cho mấy người được? Mấy người có muốn khởi động lại cái xưởng may này không đấy?”

Giờ đến lượt Dina tỏ vẻ nghi ngờ. “Ông làm gì, công ty bảo hiểm chắc?”

Đáp lại, ông chỉ mỉm cười khiêm tốn.

Đằng nào cũng chẳng còn gì để mất, cô nghĩ, và bắt đầu lấy sổ mét vải hồng trong súc vải của Công ty Au Revoir nhân với giá tính theo thước. Thiệt hại tổng cộng chín trăm năm mươi rupi cộng thuế. Ishvar ước tính chi phí để sửa hai chiếc máy may vào khoảng sáu trăm. Toàn bộ dây gioăng cùng kim đều hỏng hết; còn hai bánh đà cùng bàn đạp sẽ phải được chỉnh lại hoặc thay thế, chưa tính một cuộc đại tu tổng thể.

Ông trùm ghi hết lại, cộng thêm phí tổn về đệm ngủ bị rách rách, gối nằm, ghế đầu gối, xô pha, gối tựa, và cửa sổ. “Còn gì nữa không?”

“Cái ô nữa,” Maneck nói, cậu bị tiếng người nói chuyện đánh thức. “Chúng làm gãy mấy cái nan ô.”

Ông trùm thêm vào danh sách, rồi ghi lại địa chỉ văn phòng của ông chủ nhà và các chi tiết mô tả hai tên côn đồ. “Tốt rồi,” ông ta nói. “Tôi chỉ cần có thể. Nếu lão chủ nhà chưa biết mấy người là khách hàng của tôi, lão sẽ sớm biết thôi. Lão sẽ đền bù mọi thiệt hại một khi đã được tôi ghé chơi. Giờ thì đừng lo lắng gì nữa, chỉ cần đợi tôi thôi, tối nay tôi sẽ quay lại.”

“Tôi có nên đi báo cảnh sát không?” Dina hỏi.

Ông ta đưa mắt nhìn cô chán nản. “Nếu cô thích. Nhưng như thế chẳng thà cô đi báo cho con quạ đậu trên cửa sổ còn hơn.” Con vật kêu quạ quạ rồi vỗ cánh bay đi mất; ông cảm thấy nói như vậy là đủ sáng rõ.

Lời trấn an của Ông trùm không thể hoàn toàn xoa dịu những mối ngờ vực trong lòng Dina. Cô vẫn tìm đến công ty Nusswan để thông báo tình hình cho ông ta biết. Phòng khi về sau cô còn cần đến ông giúp đỡ, cô nghĩ vậy, không thể nào ông cũng kêu: Mất bò mới lo làm chuồng.

Người truyền tin buồn rầu báo cho cô rằng ngài Nusswan đã rời thành phố đi dự một cuộc họp; lúc nào anh ta cũng thấy thương thay cho cô em gái của sếp. “Phải đến tối mai ông ấy mới về cơ ạ.”

Dina rời công ty, trong lòng những muốn tạt qua thăm mỹ viện Venus và nói chuyện với Zenobia. Nhưng phỏng có ích gì? Những lời an ủi sáo rỗng sẽ chẳng giải quyết được gì; vả lại, nó sẽ đi kèm với câu “Tớ đã bảo rồi mà cậu có nghe đâu” đầy giận dữ của Zenobia.

Cô trở về nhà, thềm khấn Ông trùm sẽ đến. Một mùi thối bám theo cô vào tận nhà, khiến cô không khỏi băn khoăn. “Anh có ngửi thấy mùi gì không?” Cô hỏi Ishvar.

Họ đi quanh hết phòng này đến phòng kia, kiểm tra cả bếp lẫn phòng tắm. Thứ mùi khăm khăm bám theo họ khắp nơi mọi chốn nhưng không chịu lộ diện. “Có lẽ là mùi ở bên ngoài, từ dưới cống bốc lên,” Om đoán. Nhưng khi họ thò đầu ra ngoài cửa sổ, mùi thối dường như biến mất.

“Có lẽ đây là mùi do mấy thằng côn đồ hôi hám kia để lại,” cô nói, và Ishvar gật gù tán đồng. Rồi sau đó, Om, khi đang quỳ gối trên sàn, nhặt nhanh những vụn kính vỡ cuối cùng còn sót lại, cậu phát hiện ra mùi thối bay ra từ chiếc giày của cô. Cô đã giẫm phải thứ gì đó trên vỉa hè. Cô ra ngoài, cạo thứ bầy nhầy màu nâu nâu khỏi đế giày rồi rửa sạch.

Hầu hết cả ngày hôm đó, Maneck nằm bẹp trên giường cùng cơn đau đầu như búa bổ. Dina và hai người thợ gắng sức khôi phục chút trật tự cho căn hộ tan hoang. Họ quét gom hết chỗ ruột bông, nhồi lại vào vỏ và vá kín những vết rạch, nhưng mấy chiếc gối tựa trông vẫn xẹp lép. Mọi nỗ lực vỗ và lắc đều không tài nào xóa bỏ nỗi vẻ ẻo ượt của chúng. Tiếp đến, họ quay sang tẩy những vết nước bã trầu lem luốc khắp nhà.

“Có trời mới biết tại sao chúng ta lại phí công phí sức thế này,” cô nói. “Có thể tối mai chúng ta sẽ bị quăng ra đường, nếu Ông trùm của hai người chỉ nói khoác.”

“Tôi nghĩ mọi việc sẽ ổn cả thôi,” Ishvar nói. “Lúc nào Shankar cũng bảo Ông trùm thần thế lắm.”

Cuối ngày, khi ông nhắc lại câu này đến lần thứ tư, Dina nổi cáu. “Thế ra bây giờ một lão ăn mày bần cùng cụt chân đã trở thành nguồn trí tuệ và lời khuyên của anh rồi phải không?”

“Không,” Ishvar nói, giọng hốt hoảng. “Nhưng ông ta đã biết Ông trùm từ lâu rồi. Ý tôi là... hồi ở trại lao động, ông ấy chả đã giúp chúng tôi còn gì.”

“Thế thì tại sao ông ta còn chưa tới? Tối sập rồi kia kìa.”

“Ông trùm lừa bọn ta rồi,” Om nói. Ông bác cậu không bẻ lại câu nào.

Hi vọng được cứu vớt nhạt dần cùng buổi chạng vạng. Khi đêm tối dày thêm, cả bốn người ngồi trong im lặng, cố gắng muông tượng ra bộ mặt của ngày mai. Thế là hết, Dina thầm nghĩ, chấm dứt cuộc sống độc lập cô đã vất vả bảo tồn suốt bao năm nay. Nuôi hi vọng ở Nusswan cũng chẳng ích gì. Ngay cả luật sư của ông cũng chẳng làm gì nổi nếu bọn đầu gấu của lão chủ nhà vớt hết đồ đạc của cô ra đường. Cái câu đám luật sư hay nói có nghĩa gì nhỉ – xin xỏ cho lắm không bằng nắm trong tay. Và dù trong trường hợp nào, lý tưởng về sự tồn tại độc lập chỉ là ảo tưởng mà thôi. Tất cả mọi người đều phụ thuộc vào một ai đó. Nếu không phải Nusswan, cô sẽ phải tiếp tục dựa dẫm vào hai người thợ may và công ty xuất khẩu Au Revoir – như thế đâu lại hoàn đấy... và có thể Nusswan sẽ gọi một chiếc xe tải đến dọn hết đồ đạc tư trang của cô rồi đưa về nhà của cha mẹ cô – ngôi nhà mà ông ta thường thích gọi là nhà của ông. Lúc nào cũng nhai nhải nghĩa vụ của ông là chăm sóc em gái. Giờ ông ta có thể nói câu đó bất cứ khi nào mình muốn.

Một con mèo ré lên ngoài cửa sổ bếp, cả mấy người cùng ngồi bật dậy, hoảng hốt. Những con mèo khác cũng nổi lời. “Chả hiểu cái gì làm chúng sợ thế nhỉ,” Ishvar bồn chồn nói.

“Chỉ là thỉnh thoảng chúng thích gào lên thế thôi,” Maneck nói. Nhưng cậu lại ra xem, những người khác cũng đi theo. Trên con ngõ tịnh không có dấu hiệu của bất cứ điều gì bất thường.

“Mọi người có nghĩ bọn đầu gấu sẽ quay lại tối nay không?” Om nói.

“Ibrahim đưa ta thông báo trong bốn mươi tám tiếng,” Dina nói. “Nên có khi là tối mai. Nghe này, kể cả nếu tôi có nhờ ông anh tôi giúp đi nữa, cơ hội của chúng ta cũng không sáng sủa gì lắm đâu. Thời gian còn ít quá. Và ai mà biết được chuyện gì sẽ xảy ra? Tôi không muốn có thêm bất cứ vụ đánh đấm nào ở đây. Sáng mai, tất cả mọi người phải thu dọn đồ đạc và rời đi. Sau này, nếu tình hình ổn thỏa, mọi người có thể quay về.”

“Tôi cũng nghĩ y như vậy,” Ishvar nói. “Bác cháu tôi sẽ đến chỗ ông bảo vệ. Còn Maneck có thể thử tìm chỗ trong kí túc xá.”

“Nhưng chúng ta phải giữ liên lạc mới được,” Om nói. “Không chừng bác cháu nhà cháu có thể may trong nhà của anh trai cô. Kể cả công ty này có cắt hợp đồng thì vẫn còn những công ty khác sẽ giao việc cho cô chứ.”

“Phải, chúng ta sẽ xoay xở xem sao,” cô nói, chẳng còn lòng dạ nào để cho họ biết Nusswan thế nào cũng cấm tiệt chuyện này. “Nhưng hai người không nên chỉ trông vào mình tôi thôi, hai người phải tìm việc ở những nơi khác nữa.”

Maneck vẫn im lặng trong khi ba người kia kiên gan tìm cách cứu vớt những mảnh sinh kế của mình. Toàn bộ kĩ năng dùng kim và chỉ của họ cũng chẳng thể giúp chắp vá nó lại như xưa, cậu nghĩ thầm. Cớ sao cuộc đời lại đối xử với con người ta tai quái làm vậy, xé tan nát những gì tốt đẹp nhưng lại để mặc những thứ tồi tệ sinh sôi nảy nở như nấm mốc trên thức ăn bỏ lầy lắt ngoài tủ lạnh? Ông thợ sửa bản in Vasantrao Valmik có lẽ sẽ nói tất cả những điều đó là một phần của sự sống, rằng bí quyết sinh tồn là cân bằng giữa hi vọng và tuyệt vọng, là nắm lấy đổi thay. Nhưng nếu nắm phải đau thương và hủy diệt thì sao? Không. Nếu có một cái tủ lạnh đủ to, cậu sẽ có thể bảo quản những giờ phút hạnh phúc trong căn nhà này, giữ cho chúng không bao giờ hư hỏng; cả Avinash và môn cờ vua, những thứ đã bị lên men chua quá nhanh, cậu cũng sẽ cứu chúng; và cả những ngọn núi tuyết, và cửa hàng Bách hóa Tổng hợp, trước khi tất thảy trở nên u ám, trước khi bố thành ra như người nào khác hẳn, còn mẹ biến thành một kẻ nô lệ tự nguyện cho ông.

Nhưng đây là một thế giới không được làm lạnh đủ. Và mọi thứ đều có kết cục thảm hại. Cậu có thể làm gì bây giờ? Ý nghĩ về cái kí túc xá càng khiến cậu buồn mửa hơn bao giờ hết. Và nếu cậu về nhà, những cuộc cãi cọ với bố sẽ lại bùng nổ. Chẳng còn lối thoát nào nữa, với cậu, đây đã là thế chiếu tướng.

“Nghe kìa, bọn mèo đã thôi gào ròi,” Ishvar nói. “Im ắng quá.” Họ căng tai lắng nghe. Sự tĩnh lặng cũng làm lòng người xáo động không khác gì những tiếng rú gào trước đó.

Hai người thợ may tắm giặt thật nhanh từ sớm tinh mơ trước khi vùi nước cạn. Không ai dám chắc đến khi nào họ mới lại được hưởng sự xa hoa của căn phòng tắm. Trong tương lai trước mắt, họ chỉ thấy những ngõ hẻm và ống nước đứng.

Maneck chẳng vội vàng gì. Mỗi cậu hôm nay đã đỡ, vết sưng xẹp dần, cơn đau đầu cũng không còn nữa. Cậu thơ thẩn ngồi quanh, hoặc đi từ phòng này sang phòng kia như thể đang kiểm thử gì đó.

“Nhanh lên, Maneck,” Dina nói, “muộn rồi đấy. Làm gì đi cháu, xếp đồ vào hòm đi. Hoặc sang kí túc xá trước đã, xem xem họ có chỗ cho cháu không.”

Cậu quay về phòng, kéo chiếc va li cất dưới gầm giường ra, mở nắp. Vài phút sau, khi cô nhòm vào, cậu đã bày xong bàn cờ, và đang chăm chú nhìn những quân cờ.

“Cháu có điên không thế?” Cô mắng. “Thời gian thì sắp hết, mà cháu còn bao nhiêu việc phải làm!”

“Cháu sẽ làm khi nào thích. Cháu là một con người độc lập, ngay cả khi dì đã buông xuôi.” Cậu cố ý chọn những từ cô vẫn dùng khi nói về bản thân mình.

Lòng đau nhói, nhưng cô lờ đi. “Ăn to nói lớn thì dễ lắm. Để xem cháu độc lập đến đâu khi bọn đầu gấu quay lại và đập toác đầu cháu ra. Xem chừng mới một trận thì cháu chưa ngán đâu nhỉ.”

“Sao dì phải quan tâm làm gì? Dì cứ thế gói ghém đồ đạc và dọn đi, có thấy luyến tiếc gì đâu.”

“Luyến tiếc là trò xa xỉ mà dì không đủ sức trang trải. Mà sao cháu phải dài mặt ra thế? Đẳng nào cháu chả đi, khi cháu đã lấy được chứng chỉ rồi. Nếu không phải bây giờ, thì cũng là sáu tháng sau.” Cô giận dữ rời khỏi phòng.

Ishvar bỏ bọc đồ ông đang đóng gói dở ngoài hành lang, bước vào. Ông ngồi lên giường, quàng tay lên vai cậu. “Cậu biết không, Maneck, cái mặt con người ta hạn hẹp lắm. Bà cụ nhà tôi từng nói, nếu ta lấp đầy khuôn mặt bằng nụ cười thì sẽ chẳng còn chỗ cho tiếng khóc nữa.”

“Cụ nói hay quá,” cậu cay đắng đáp.

“Lúc này đây, khuôn mặt của cô Dina, của Om, và cả tôi đều bị choán hết chỗ rồi. Lo lắng về công việc và tiền bạc, rồi biết ngủ chỗ nào tối nay nữa. Nhưng như thế không có nghĩa là chúng tôi không buồn. Nó không hiện ra trên mặt, nhưng nó đang núp bên trong này này.” Ông đặt tay lên tim mình. “Ở trong đây, có không gian vô tận – hạnh phúc, lòng tốt, buồn đau, giận dữ, tình bạn – tất cả đều đặt vừa vào đây.”

“Cháu biết, cháu biết,” Maneck nói, và bắt đầu cất bộ cờ đi. “Chú sắp đi gặp ông bảo vệ à?”

“Phải, chúng tôi hẹn trước với ông ấy một câu rồi quay về đây. Để giúp cô Dina dọn đồ.”

“Trước khi đi đừng quên cho bác cháu tờ địa chỉ kí túc xá nhé,” Om nói. “Sẽ gắng đến đấy thăm cậu.”

Maneck lôi hết đồ trong tủ ra rồi gấp quần áo cho vào va li. Dina ngó vào ngổ lời khen ngợi cậu đã chịu xắn xắn lên.

“Cháu giúp dì một việc được không, Maneck?” Cậu gật đầu.

“Cháu biết tấm biển tên gắn trên cửa mà nhỉ? Cháu lấy cái tuốc nơ vít trên giá bếp tháo nó ra giúp gì nhé? Dì muốn mang theo.”

Cậu lại gật đầu.

Om và Ishvar quay về với tin xấu. Ông bảo vệ đã bị thay thế, và người mới không muốn dính dáng gì đến thỏa thuận cũ với hai người thợ may. Thực ra, anh ta còn nghĩ hai bác cháu thấy anh ta non mặt nên định lừa lọc gì đó.

“Giờ tôi chẳng biết phải làm sao nữa,” Ishvar chán nản than. “Chúng tôi sẽ lại phải đi lùng tìm chỗ ngủ khắp các phố thôi.”

“Còn cháu sẽ lại phải vác cái rương,” Om nói.

“Không, cậu không được làm thế,” Dina nói. “Tay cậu sẽ lại bị đau đấy.” Cô đề nghị mang chiếc rương theo đến nhà Nusswan, vờ như đó là một phần tư trang của mình. Khi nào cần quần áo, hai người thợ có thể tới lấy ở cửa sau. Ngôi nhà đó rất to, cô nói, Nusswan sẽ không thấy gì hết, ông ta không bao giờ lai vãng xuống bếp, trừ phi nổi cơn khám xét hay gây sức ép tiền bạc.

“Nghe cháu nói này, cháu biết hai người có thể ngủ ở đâu rồi,” Maneck nói.

“Ở đâu?”

“Trong phòng kí túc xá của cháu. Hai bác cháu có thể lên vào khi đêm xuống, và lên ra mỗi sáng sớm. Rương của hai người để đấy cũng được.”

Giữa lúc họ đang xem xét tính khả thi về ý tưởng ấy thì chuông cửa reo. Chính là Ông trùm ăn mày.

“Ơn trời ông đã đến!” Ishvar và Dina vội lao ra đón ông ta như một vị cứu tinh.

Om chợt nhớ tới cảnh Shankar ngồi trên bệ lăn khóc sùi, xun xoe quần lầy Ông trùm khi ông ta xuất hiện ở dự án tước tiêu. Kí ức ấy khiến cậu hổ thẹn. Lúc đó Ishvar và cậu đã tuyên bố với Ông trùm bằng giọng kiêu hãnh biết bao: Chúng tôi là thợ may, không phải ăn mày.

“Có chuyện gì vậy?” Dina hỏi. “Ông nói ông sẽ quay lại vào tối hôm qua cơ mà.”

“Xin lỗi, tôi bị lỡ hẹn vì có một việc gấp,” ông ta đáp, thích thú với sự chú ý dành cho mình. Ông ta đã quá quen với việc được ăn mày ăn xin sùng bái, nhưng sự tôn kính của những người bình thường còn ngọt ngào hơn gấp bội.

“Cái Tình trạng khẩn cấp chết bầm này đúng là làm phiền không trừ một ai.”

“Không, không phải do Tình trạng khẩn cấp đâu,” Ông trùm nói. “Ý tôi là trực trặc về công việc kia. Mấy người không biết, sáng hôm qua, sau khi tôi rời nhà mấy người, tôi nhận được tin là người ta phát hiện ra hai người trong nhóm ăn mày của tôi, một cặp vợ chồng, đã bị giết. Thế nên tôi phải vội đến đây.”

“Bị giết!” Dina kêu lên. “Ai lại nhẫn tâm tới mức giết hại cả những người ăn mày nghèo khổ kia chứ?”

“Ô, vẫn có đấy. Họ bị giết để chiếm số tiền xin được. Nhưng ca này kì quặc lắm, tiền không hề bị đụng đến. Chắc là một thằng tâm thần. Chỉ có tóc của họ bị cắt mất thôi.” Ishvar và Om cùng giật bản mình, và nuốt nước bọt.

“Tóc ư?” Dina hỏi. “Ý ông là tóc trên đầu họ ấy à?”

“Phải,” Ông trùm nói. “Cạo nhẵn thín. Cả hai vợ chồng đều có mái tóc dài rất đẹp. Chuyện này hiếm thấy lắm. Hay ho ở chỗ phần đông ăn mày đều có mái tóc rất dài, vì họ có tiền cắt tóc đâu, nhưng tóc họ lúc nào cũng bẩn thỉu bù xù. Hai người này thì khác. Họ dành đến hàng giờ làm sạch tóc cho nhau, nhật chấy nhật trứng, chải chuốt, rồi tranh thủ gội đầu khi gặp lúc trời mưa hoặc ống nước trên vỉa hè chỗ họ ngồi bị vỡ.”

“Dễ thương quá,” Dina nói, gạt gù cảm thông với những lời miêu tả âu yếm mà Ông trùm dành cho đôi vợ chồng tình nghĩa.

“Mấy người sẽ phải ngạc nhiên nếu biết ăn mày cũng giống người bình thường tới mức nào. Dĩ nhiên họ chải chuốt thế thì tóc đẹp cũng chẳng lạ. Nó không tốt cho việc làm ăn chút nào. Tôi cứ phải mỗi môm bảo hai vợ chồng vò cho tóc rối tung lên, sao cho trông càng thảm hại càng tốt. Nhưng họ kêu là trần đời này họ chẳng còn thứ gì để tự hào nữa trừ mái tóc, và rằng tôi nở lòng nào tước bỏ của họ?”

Ông ta ngừng lời, ngẫm nghĩ lại câu hỏi cũ. “Tôi biết làm thế nào? Tôi vốn hay mềm lòng, thế là tôi đành chịu thua. Nay hai món tóc đẹp đã khiến họ phải đánh đổi bằng cả mạng sống. Và cướp mất của tôi hai ăn mày tốt.”

Ông quay sang hai người thợ may. “Có chuyện gì vậy? Trông cả hai hốt hoảng thế.”

“Không, có hoảng hốt gì đâu,” Ishvar lắp bắp. “Chỉ ngạc nhiên quá đấy thôi.”

“Phải,” Ông trùm nói. “Cả cảnh sát cũng sững sốt không kém. Họ đã nhận được vài đơn trình báo, là các loại đuôi sam và tóc bím dài đang biến mất một cách rất bí ẩn. Đàn bà con

gái ra chợ, mua đồ, về nhà, soi gương và phát hiện ra tóc mình đã biến đâu mất. Nhưng chưa bao giờ xảy ra chuyện gì như thế này, chưa từng có ai bị giết hoặc bị thương. Thế nên các thanh tra rất quan tâm đến vụ hai người ăn mỳ của tôi. Họ cũng thích đổi món. Họ gọi đây là Vụ án Kẻ sát nhân đổi tóc.”

Ông mở chiếc va li vẫn được buộc chặt vào cổ tay và lấy ra một cuộn tiền dày bự. Sợi dây xích đưa đi đưa lại theo nhịp đếm tiền của tay ông. “Quay lại công việc, đây là số tiền để bù đắp thiệt hại cho mấy người. Mấy người có thể bắt đầu làm việc trở lại rồi.”

Ishvar nhường trách nhiệm nhận lấy món tiền cho Dina; tay ông đang run bần bật.

Giữ chặt hai ngàn rupi trong tay, cô vẫn không thể tin nổi Ông trùm ăn mỳ đã đánh bại lão chủ nhà. “Ý ông là chúng tôi có thể ở lại ư? Có an toàn thật không?”

“Dĩ nhiên mấy người có thể ở lại. Tôi đã bảo sẽ không có vấn đề gì mà lại. Mấy thằng đấy chọc nhảm ỏ rồi.”

Hai người thợ may vội vã gật đầu để chuyển lòng tin của mình sang Dina. “Còn một chuyện nữa,” Ishvar nói. “Nhờ lão chủ nhà phái mấy tay đầu gấu khác đến đây thì sao?”

“Chùng nào hai người còn đóng tiền cho tôi, lão chủ nhà sẽ không tìm được thằng nào dám đến đây đâu. Tôi đảm bảo.”

“Thế đến khi chúng tôi đã đóng hết tiền rồi thì sao?”

“Khi ấy thì tùy hai người. Hợp đồng của chúng ta lúc nào cũng có thể được gia hạn. Tôi sẽ tính rẻ cho hai người, hai người là bạn của Shankar mà. Còn nữa, phải rồi, Shankar gửi lời hỏi thăm hai người. Ông ấy nói dạo này chẳng được gặp hai người gì cả.”

“Tại lão chủ nhà quấy rối, nên mấy hôm nay chúng tôi có ra Vishram được đâu,” Ishar nói. “Mai chúng tôi sẽ gặp lại ông ấy. À, tôi cứ băn khoăn, không biết Người dạy khỉ và hai đứa cháu của anh ta ra sao rồi?”

“Tốt, tốt – ý tôi nói hai đứa trẻ. Chúng học nhanh lắm. Người dạy khỉ thì tôi chưa gặp lại. Tôi chưa quay lại trại lao động. Nhưng anh ta bị thương nặng quá, chắc bây giờ cũng chết rồi.”

“Nếu đúng thế thì lời tiên tri của bà cụ hầu như đã trở thành hiện thực,” Om nói.

“Lời tiên tri nào?” Ông trùm hỏi.

Hai người thợ may bèn kể lại cái đêm hôm nào ở khu ổ chuột, khi Người dạy khỉ phát hiện ra hai chú khỉ nhỏ của anh ta đã bị con chó giết, khi bà cụ già thốt ra những lời phán khó hiểu. “Tôi vẫn nhớ chính xác những gì bà ta nói với chúng tôi,” Om kể. “‘Cái nạn mất hai con khỉ không phải mất mát lớn nhất cậu ta sẽ gặp; vụ giết chó không phải cái tội giết chó nặng nhất mà cậu ta sẽ phạm.’ Về sau, quả thực anh ta đã giết con Tikka để trả thù cho Laila và Majnoo.” “Câu chuyện kinh khủng quá,” Dina nói.

“Chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên thôi,” Ông trùm nói. “Tôi không tin vào mấy trò tiên tri hay mê tín.”

Ishvar gật đầu. “Thế lũ trẻ có vui vẻ không, khi không còn Người dạy khỉ bên cạnh nữa?”

Ông trùm phẩy bàn tay không vướng xích ra ý ai-mà-biết-được. “Chúng sẽ phải làm quen với điều đó thôi. Đời đâu có đảm bảo là ta sẽ được vui vẻ.” Đoạn ông ta giơ tay lên chào tạm biệt và bước ra cửa, rồi bỗng dừng lại.

“Có việc này mấy người có thể làm cho tôi đây. Tôi cần hai ăn mỳ mới. Nếu mấy người

thấy ai đủ tiêu chuẩn, nhớ báo cho tôi nhé, được không?”

“Được chứ,” Ishvar đáp. “Chúng tôi sẽ để ý tìm.”

“Nhưng ứng viên phải có đặc điểm gì đó độc đáo kia. Để tôi cho mấy người xem.” Từ trong va li, ông ta lấy ra một quyển sổ nháp rất to chứa những ghi chép cùng bảng biểu của ông về nghệ thuật ăn xin. Bìa sổ đã mòn xơ mòn xác, mép giấy xoắn tít thò lò.

Ông ta mở sổ đến trang có một hình vẽ chì cũ được ghi tựa là Tinh thần hợp tác. “Đây là thứ tôi đã dày công tạo dựng từ lâu.”

Họ xúm lại để xem hình vẽ: hai hình người, một người ngồi lênh khênh trên vai người kia. “Với ca này, tôi cần một ăn mày què và một ăn mày mù. Người mù sẽ cõng người què trên vai. Một hình ảnh đang sống, đang thở của tích truyện cổ về tình bạn và sự hợp tác. Và nó sẽ đem về một núi xu, tôi hoàn toàn chắc chắn, vì người ta sẽ xùy tiền không chỉ vì lòng thương cảm hay mộ đạo, mà còn xuất phát từ sự ngưỡng mộ nữa.” Cái khó là phải tìm một ăn mày mù đủ khỏe hoặc một ăn mày què đủ nhẹ.

“Shankar có đủ tiêu chuẩn không?” Maneck hỏi.

“Không có chân, lại chỉ còn một phần tư đùi, nên ông ấy không bao giờ có thể ngồi thẳng bằng trên vai người khác, ông ấy sẽ bị tụt xuống lưng ngay. Tôi cần một người tàn tật chân chưa bị cụt hẳn, mà chỉ liệt và bị mất một phần, như thế chân họ có thể đứng dựa trên ngực người cõng, trông rất đẹp mắt. Vả lại, Shankar đang rất thành công với cái bệ lăn. Tôi không muốn phá hỏng chuyện đang xuôi chèo mát mái.”

Họ hứa sẽ lưu ý tìm kiếm những người phù hợp với yêu cầu của Ông trùm. Ông ta nói sẽ rất cảm kích trước bất cứ sự tiến cử nào. “Nhân tiện, mấy người biết hai tay đầu gấu đã được lão thu tiền nhà dẫn đến đây không?”

“Có?”

“Chúng gửi lời xin lỗi vì không đến dọn dẹp đồng ngỗng ngang chúng đã gây ra.”

“Thật sao?”

“Phải. Chúng vừa gặp một tai nạn không may, ngón tay hai đứa gãy sạch. Biết đâu đấy, nếu chúng gặp thêm vài tai nạn nữa thì rất có thể chúng sẽ đủ tiêu chuẩn tham gia đội quân ăn mày của tôi.” Ông ta tỏ vẻ rất đặc ý về óc hài hước của bản thân, còn những người kia đáp lại bằng những nụ cười gượng gạo.

“Giờ thì tôi phải xin cáo từ thật thôi,” ông nói. “Tôi phải đi lo liệu cho hai vợ chồng ăn mày vừa bị giết.”

“Ông có hỏa táng cho họ luôn trong hôm nay không?”

“Không, làm thế tốn kém lắm. Khi nào nhà xác trả hai cái xác về, tôi sẽ mang bán cho tay đầu nậu của tôi.” Nhìn khuôn mặt bàng hoàng của bốn người, Ông trùm ăn mày cảm thấy cần phải thanh minh cho hành động của mình. “Giữa thời buổi lạm phát, vật giá leo thang thế này, tôi cũng chẳng còn cách nào khác. Vả lại, làm thế vẫn còn hơn là vứt xác họ ngoài đường cho công nhân công ích xử lý như ngày xưa.”

“Phải, dĩ nhiên rồi,” Dina tán đồng, như thể cô vẫn mua bán tử thi hàng ngày. “Thế đầu nậu của ông làm gì với... mấy cái xác?”

“Hắn bán cho các trường đại học, để dạy cho những sinh viên muốn trở thành bác sĩ. Cứ tưởng tượng mà xem, các ăn mày của tôi có thể dự phần vào công cuộc mưu cầu tri thức.”

Mặt ông ta thốt nhiên nhuốm vẻ mơ màng, đôi mắt phóng qua cửa sổ, trân trân nhìn vào một chân trời vô tận. “Một số xác còn được những kẻ thực hành tà thuật mua về. Và rất nhiều xương được xuất khẩu. Để làm phân bón, tôi nghĩ vậy. Tôi có thể tìm thêm nhiều thông tin nữa nếu mấy người hứng thú.”

Dina lắc đầu để từ chối lời đề nghị.

Ông trùm rời đi, bỏ lại sau lưng một bầu không khí ghê rợn. “Chúng ta phải cẩn thận với người này,” cô nói. “Thật là một kẻ kì dị. Còn cái va li xích vào cổ tay nữa chứ, đúng là một tên nô lệ của đồng tiền. Trông kiểu người như ông ta dám có gan bán xương của chúng ta trước cả khi ta chết lắm.”

“Ông ta chỉ là một doanh nhân hiện đại tiêu biểu, đầu óc lúc nào cũng quay cuồng vì lợi nhuận mà thôi,” Maneck nói. “Cháu đã thấy rất nhiều kẻ như ông ta trong ngành kinh doanh nước giải khát, khi chúng tôi gặp bố cháu, gây sức ép đòi ông bán Kohlah Cola.”

Ishvar buồn bã lắc đầu. “Tại sao những tay doanh nhân đó lại nhấn tâm làm vậy? Tiền bạc nhiều như nước là thế, mà trông họ vẫn chẳng vui vẻ gì.”

“Đấy là một căn bệnh không có thuốc chữa,” Dina nói. “Như ung thư ấy. Mà chúng còn không biết mình bị mắc.”

“Dù sao,” Maneck nói, tinh thần cậu đã phấn chấn trở lại, “Om là người duy nhất phải e sợ Ông trùm. Người ta có thể tưởng nhầm cậu là bộ xương di động lắm chứ.”

“Cậu cũng nên cẩn thận đấy,” Om trả đũa. “Những đốt xương khỏe mạnh của cậu sinh trưởng ở nơi núi cao, lại được tưới tắm bằng nước tuyết tan tinh khiết trên đỉnh Himalaya nên sẽ lợi cân hơn xương của tớ nhiều.” “Nói vớ vẩn thế là đủ rồi đấy,” Dina mắng.

Nhưng Maneck không tài nào kìm nổi những tràng huyền thuyên ngớ ngẩn của mình, khi tâm trạng đang hưng phấn vì hộ gia đình đã được bảo toàn. “Dì cứ nghĩ mà xem. Giờ rằng chúng ta ai cũng trắng bóng nhờ chà bột than, chắc món này phải được giá lắm. Chúng ta có thể bán từng chiếc một hoặc bán cả tá cùng lúc. Để xâu thành vòng cổ chẳng hạn.”

“Dì nói đủ rồi. Gác lại những chuyện cười cợt thì người này là kẻ chúng ta cần dè chừng, nhớ đấy.”

“Chừng nào ông ấy được trả tiền đúng hẹn thì không có gì phải lo lắng cả,” Ishvar nói.

“Tôi hi vọng thế. Từ nay trở đi tôi sẽ trả một nửa số tiền, vì ông ta cũng bảo kê cho cả tôi nữa mà.”

“Không được,” Ishvar khẳng khái gạt đi. “Đấy đâu phải lý do tôi nhắc đến việc này. Cô không chịu nhận đồng nào tiền thuê nhà nên bác cháu góp phần này là phải lẽ rồi.” Ông cương quyết không đổi ý.

Họ cùng vào phòng may để tính toán xem phải bồi thường cho công ty Au Revoir bao nhiêu. Ông nói khẽ là thật mừng khi lại thấy Maneck và Om lại cười đùa với nhau.

“Phải, hai ngày vừa qua thật khổ sở với cả bốn người chúng ta,” cô gạt gù đồng tình, rồi nhờ hai cậu trai gắn lại tấm biển tên lên cửa.

“Chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại Rajaram nữa, chắc luôn,” Om nói khi hai bác cháu trải chăn chiếu ra ngủ tối hôm đó. “Nếu anh ta chính là kẻ giết người.”

“Thì chính là hẳn chứ còn ai vào đây,” bác cậu nói. Ông đắm đắm nhìn cây đèn đường

qua cửa sổ hành lang, nghĩ về người bạn xưa của hai bác cháu. “Thật không thể tin nổi. Một người bề ngoài tưởng như rất tử tế lại giết chết hai người ăn mày. Lẽ ra chúng ta phải cẩn thận hơn, từ ngay buổi sáng đầu tiên ở xóm lều lán ấy – cùng mấy câu chuyện ỉa đá bẩn thỉu của hắn trên đường ray tàu hỏa. Mà có người nào đầu óc bình thường lại đi kiếm sống bằng việc thu mua tóc kia chứ?”

“Ồi dào, vấn đề không phải ở chỗ đó. Người ta gom và bán đủ thứ trên đời. Đồng nát, giấy vụn, ni lông, kính. Thậm chí cả xương nữa.”

“Nhưng bây giờ mày có mừng không, vì xưa bác không cho mày nuôi tóc dài? Gã sát nhân đấy rất có thể đã giết mày để lấy tóc giữa lúc mày đang ngủ sát bên vách nhà hắn.”

Om nhún vai. “Cháu chỉ lo cho cô Dina. Nhớ cảnh sát tìm thấy bộ đồ nghề cắt tóc mà cô ấy cho Rajaram thì sao? Dấu vân tay của cô ấy và của chúng ta sẽ ở trên đó. Cả ba người chúng ta sẽ bị bắt và bị treo cổ cho mà xem.”

“Cháu với Maneck đã đi xem quá nhiều bộ phim điên rồ rồi đấy. Những chuyện đó chỉ xảy ra trên phim ảnh thôi. Bác chỉ lo hắn lại tìm đến chúng ta để xin giúp đỡ. Lúc đấy ta biết làm sao? Báo cảnh sát ư?”

Ishvar nằm thao thức rất lâu, không tài nào gạt Rajaram khỏi suy nghĩ. Hai bác cháu đã sống bên cạnh tên sát nhân này hồi còn ở xóm lều lán, ăn cơm của hắn và chia phần cơm của họ cho hắn. Ý nghĩ ấy khiến ông rùng mình.

Om biết bác mình đang khó ngủ. Cậu chống khuỷu tay nhồm dầy và cười hình hích trong bóng tối: “Bác có nhớ ông đầu bếp với gã bồi bàn ở Vishram không, hai người rất thích mấy câu chuyện của bác cháu ta ấy? Chắc họ khoái nghe chuyện này lắm đấy.”

“Đừng có đùa,” Ishvar nạt, “kẻo chúng ta sẽ lại dính vào đủ thứ rắc rối không có hồi kết với cảnh sát đấy.”

Vĩa hè đông nghịt bởi dòng người hối hả buổi sáng gồm các bà nội trợ, học sinh, dân công sở, người bán hàng rong. Hai người thợ may chờ tới một dịp vắng người để Shankar có thể đẩy bệ lăn sang con ngõ sau lưng Vishram. Lão không ngừng vẫy tay chào họ khiến Ishvar không khỏi bồn chồn – Khi cái bọc hàng ghê rợn còn đang lù lù trên bệ của lão kia thì họ càng ít thu hút sự chú ý càng tốt.

Ít phút sau, Shankar mất kiên nhẫn và liều mình lăn qua vĩa hè, lèo lái món phương tiện giao thông của mình giữa biển khách bộ hành đông đặc. “Ồi ông ơi! Cẩn thận!” Lão hét lên, né tránh và bị tránh né bởi một cái một cơn lũ chân và cẳng bất tận.

Chiếc bệ va phải ống chân ai đó. Những cơn mưa chửi rửa trút xuống đầu Shankar, lão ngược mắt lên bên lên nhìn. Người đàn ông nọ dọa đá bay đầu lão. “Thằng ăn mày chó chết này, mày tưởng vĩa hè là của nhà mày à? Ở yên một chỗ đi!”

Shankar rớt rít xin lỗi và vội vã lăn đi. Trong lúc cuống quýt, bọc hàng rơi khỏi bệ. Hai người thợ may trân mắt nhìn đầy lo lắng, không dám chạy ra giúp lão. Shankar vịn vẹo và uốn éo và xoay xỏa, bằng cách nào đó đã cứu được cái bọc và mang nó về.

“Giỏi lắm,” Ishvar khen. Ông có cảm giác như viên cảnh sát giao thông đứng giữa ngã tư đông đúc đang theo dõi họ với ánh mắt ngờ vực – nhớ anh ta đến chỗ họ và yêu cầu mở cái bọc ra thì sao? “Thế,” ông nói, cố giữ giọng bình thản hết mức có thể. “Anh bạn tóc dài của chúng tôi đưa chú cái này hôm nào?”

“Hai ngày trước,” lão đáp, và Ishvar suýt quăng cái bọc đi. “Không, tôi nhầm,” Shankar đổi ý, đưa lòng bàn tay quần giẻ lên cọ trán. “Không phải hai ngày. Đây là ngày sau hôm

tôi gặp hai người lần cuối, bốn ngày trước.”

Ishvar gật đầu với Om, vẻ nhẹ nhõm. Bọc hàng không chứa mấy món tóc nọ. “Kể từ nay anh bạn của chúng tôi sẽ không đến gặp chú nữa.”

“Không à?” Shankar rất thất vọng. “Tôi rất thích nghịch mấy món hàng của anh ta. Những lợn tóc mới đẹp làm sao.”

“Ý chú là chú đã mở ra xem rồi à?”

“Tôi làm thế là sai à?” Lão hốt hoảng hỏi. “Ồi chú ơi, tôi không gây hỏng hóc gì đâu, tôi chỉ đem tóc vuốt lên má vì nó làm tôi thấy dễ chịu thôi. Rõ là mềm mượt.”

“Thì rõ là vậy, chắc luôn,” Om nói. “Anh bạn của chúng tôi chỉ chọn những loại tóc chất lượng tốt nhất thôi.”

Câu mai mỉa không may mắn khiến Shankar bận lòng. “Tôi ước gì mình cũng có một búi tóc như thế này,” lão thở dài. “Đêm đến, tôi có thể đặt nó lên bệ rồi áp mặt lên đó mà ngủ. Nó sẽ vỗ về tôi, sau một ngày dài chịu đựng bao nhiêu cay nghiệt của người đời. Ngay cả những kẻ ném tiền cho tôi cũng nhìn tôi như thể tôi đang ăn cướp của họ. Món tóc ấy sẽ an ủi tôi nhiều lắm.”

“Tại sao lại không nhỉ?” Om nói, trong một cơn bốc đồng. “Đây, cứ giữ lấy cái bọc này, anh bạn của chúng tôi không cần đến nữa.”

Ishvar định dợm miệng phản đối, nhưng lại thôi. Om nói đúng, giờ thì nó còn quan trọng gì nữa đâu.

Mang theo lòng biết ơn của Shankar làm tan chảy cái ớn lạnh rùng rợn từ việc Rajaram đã làm, họ đi bộ trở về căn hộ. “Bác muốn vứt hết mấy món rác rưởi của hân đang cất trong rương của chúng ta,” Ishvar nói. “Có trời mới biết nó từ đâu ra, hân đã giết bao nhiêu người.”

Đêm hôm đó, khi Dina và Maneck đã ngủ, Ishvar gom hết mấy chiếc đuôi sam cất trong rương dồn vào một cái thùng các tông nhỏ để đem vứt đi. Xong việc, ông cảm thấy nhẹ nhõm hơn, bởi quần áo của họ không còn bị vấy bẩn bởi những món hàng của gã điên nọ.

Những tiếng ồn từ bếp vọng ra đánh thức Dina từ sớm, trước cả giờ có nước rất lâu, khi trời vẫn còn tối đen như mực. Hai tháng đã trôi qua yên lành kể từ ngày Ông trùm ăn mày chứng tỏ khả năng của mình, và căn hộ lại trở về nếp thường. Nhưng những khi mơ màng nửa tỉnh nửa mê, cô vẫn cứ nhủ bụng rằng tiếng xoong chảo lạch cạch chỉ đồng nghĩa với một điều duy nhất: lũ đầu gấu của lão chủ nhà đã quay lại. Tim đập thình thịch, đôi tay nặng trĩu vì ngái ngủ, những ngón tay cô摸索 tới tấp lên tấm chăn hồng hất nó ra.

Rồi lại thế nữa, có lẽ đó chỉ là một cơn ác mộng sẽ tự qua đi – nếu cô nằm im... nhắm chặt mắt...

Tiếng ồn tắt dần. Tốt, chiến lược đã có hiệu quả, chẳng có đầu gấu nào hết, chỉ là một giấc mơ, phải, còn Ông trùm đang bảo vệ căn hộ. Chẳng có gì phải lo lắng, cô nghĩ, và bỗng bình trôi qua lại lần ranh của giấc ngủ.

Rốt cuộc, những tràng meo meo dai dẳng đẩy cô vào trạng thái tỉnh táo hoàn toàn, cô giật mình ngồi bật dậy. Lại bọn mèo phiền phức! Dứt mình khỏi đồng chân bưng thùng, cô ra khỏi giường và đá phải mấy chiếc ghế gỗ. Một chiếc đồ kê kèm theo một tiếng thịch, đánh thức Maneck ở phòng bên, điều mà này giờ tiếng khua xoong động chảo đã không làm nổi.

“Dì có sao không?”

“Có, có một con mèo chết tiệt trong bếp. Dì sẽ đập vỡ đầu nó ra. Cháu vào ngủ tiếp đi.”

Cậu tìm thấy đôi dép của mình và bám theo Dina, vừa để đảm bảo cô sẽ không làm con mèo bị thương, vừa vì hiếu kì. Cô bật đèn lên, và họ thấy con vật phóng ra cửa sổ: chính là con cậu thích nhất, Vijayanthimala, con mèo mướp màu nâu trắng.

“Đồ súc sinh mất dạy,” cô đỏ mặt tía tai. “Có trời mới biết nó đã liếm láp thứ gì bằng cái mồm bẩn thỉu của nó.”

Maneck xem xét lớp lưới mắt cáo che trên ô cửa sổ vỡ đã bị xé tung. “Chắc phải bắn lắm thì nó mới làm thế này. Hi vọng nó không bị thương.”

“Cháu lo cho con súc vật bẩn thỉu đấy hơn là những rắc rối nó gây ra cho dì.” Cô cúi xuống nhặt những món dao nĩa bị đánh rơi và sẽ cần được cọ rửa kĩ càng.

“Khoan đã,” cô khựng lại. “Tiếng gì thế nhỉ?”

Không nghe thấy gì, họ tiếp tục dọn dẹp căn bếp. Ít phút sau cô lại giật mình, và lần này một âm thanh rên rỉ yếu ớt len lỏi qua bầu không gian im ắng. Không còn nghi ngờ gì nữa, nó ở ngay trong căn bếp này.

Trong góc bếp, ở trong cái hốc dành riêng để đốt bếp than nấu nướng hồi xưa, có ba con mèo con màu nâu và trắng đang nằm. Một tràng meo meo khe khẽ chào đón Dina và Maneck khi hai dì cháu cúi xuống nhìn.

“Ôi trời!” Cô thốt lên. “Đáng yêu quá!”

“Chẳng trách sao dạo này Vijayanthimala trông béo thế,” cậu toe toét cười.

Bầy mèo con găng sức đứng dậy, và cô cảm thấy mình chưa bao giờ nhìn thấy thứ gì yếu đuối nhường ấy. “Không biết có phải nó đẻ con ngay ở đây không.”

Cậu lắc đầu. “Cháu trông thì có vẻ như chúng cũng được vài ngày tuổi rồi. Có lẽ nó đã tha con vào đây trong đêm.”

“Tại sao nó lại làm thế nhỉ. Ôi, trông chúng dễ thương quá.”

“Thế dì còn muốn giết chúng để làm dây đàn vi-ô-lông nữa không?”

Cô nghiêm mặt nhìn cậu. Nhưng khi cậu nhẹ nhàng vuốt ve chúng, cô kéo giật cậu lại. “Đừng động vào. Làm sao cháu biết chúng có những vi khuẩn gì?”

“Chúng chỉ là mèo con thôi mà.”

“Thì sao? Chúng vẫn có thể chứa mầm bệnh như thường.” Cô trải một tờ báo cũ ra và nắm lấy phần chính giữa.

“Dì làm gì vậy?” Cậu hoảng hốt hỏi.

“Bảo vệ tay dì. Dì sẽ đặt cả ba con ngay bên ngoài cửa sổ, ở chỗ con mẹ có thể trông thấy.”

“Dì không làm thế được đâu!” Cậu lý luận là nếu con mẹ đã bỏ đàn con thì chúng sẽ chết đói. Đó là chưa kể có khi bọn quạ và chuột tìm ra chúng trước, mổ lòi những cặp mắt tí xíu, xé toạc cơ thể bé bỏng, moi sạch ruột gan phổi phèo, và nhai rau rầu những đốt xương mỏng mảnh.

“Không cần phải tả kĩ đến thế đâu,” cô nói. Đàn mèo con tiếp tục meo meo thảm thiết

như để họa theo thảm kịch mà cậu vẽ ra. “Cháu muốn làm gì?”

“Cho chúng ăn.”

“Không có chuyện đó đâu,” cô tuyên bố – một khi đã được ăn rồi, chúng sẽ không bao giờ đi. Và con mẹ, dù có tính đường trở lại đi nữa, cũng sẽ rũ bỏ trách nhiệm của mình. “Đi không thể cứ phải chịu trách nhiệm với tất cả mọi sinh vật vô gia cư trên đời này.”

Rốt cuộc cậu cũng giành được một khoảng thời gian hòa hoãn cho bấy mèo. Cô đồng ý tạm thời sẽ không dọn chúng đi chỗ khác, để cho Vijayanthimala một cơ hội nghe theo tiếng gọi của tình mẫu tử. Biết đâu tiếng đàn con nỉ non sẽ thuyết phục nó quay về.

“Kìa,” cậu chỉ ra ngoài. “Đã sáng rồi.”

“Bầu trời đẹp quá,” cô ngừng lại, đôi mắt mơ màng nhìn đắm đắm qua cửa sổ.

Vội nước bắt đầu chảy, cắt ngang phút mơ mộng của cô. Cô vội vã vào phòng tắm trong khi cậu dọn ổ cho bọn mèo ngủ. Cậu phóng mắt ra xa, nơi khởi nguồn của muôn vàn ngõ ngách. Trong thứ ánh sáng đầu tiên đầy lạc quan ấy, lời hứa hẹn thay da đổi thịt tỏa xuống thành phố đang say ngủ. Cậu biết cảm giác này sẽ chẳng tồn tại quá vài phút – cậu đã từng trải qua, nó luôn nhạt đi khi nắng trở gắt.

Dẫu vậy, cậu vẫn hạnh phúc khi nó còn tồn tại. Khi hai người thợ thức dậy, cậu báo cho họ biết tin mới và dẫn họ xuống bếp. Sự xuất hiện của họ khiến những tràng meo meo đều đều bỗng tăng thêm âm lượng.

Dina xua hết cả đám ra ngoài. “Có bao nhiêu người bu đông bu đổ xung quanh thế này, con mèo đó sẽ không bao giờ quay lại đâu.” Đoạn cô tự mình bước vào, vờ như để pha trà, và đứng ở góc bếp mỉm cười, thở dài, ngắm bọn mèo con bò lổm ngổm bên trong lò than, lập bập leo lên người nhau rồi cùng ngã quay lơ. Con mẹ chọn chỗ đắc địa thật, cô nghĩ, cái hốc đủ sâu để giữ đàn con khỏi trèo ra ngoài và đi lung tung.

Sáng đó mọi người đều không làm được gì mấy. Maneck kêu cậu không có tiết nào đến tận trưa. “Tiện nhỉ,” Dina nhận xét, còn cậu tiếp tục canh ở cửa bếp và báo về những tin tức nóng hổi nhất. Hai người thợ may liên tục ngừng máy để nghe tình hình bọn mèo con.

Thời gian trôi qua, tiếng kêu của chúng càng lúc to hơn, át cả tiếng hai chiếc Singer. “Sao bọn nó kêu nhiều thế nhỉ,” Om nói. “Chắc đói đấy.”

“Cũng giống bọn trẻ sơ sinh thôi,” Maneck nói. “Chúng phải được cho ăn liên tục.” Cậu liếc mắt sang Dina. Cậu biết những âm thanh ỉ eo đã bắt đầu làm cô bồn chồn. Cô bỗng hỏi bâng quơ, rằng không biết những con vật bé nhỏ đến thế có uống được sữa bò không nhỉ.

“Có,” cậu trả lời ngay tắp lự. “Nhưng phải pha loãng với nước, kẹo đặc quá. Mấy ngày nữa là chúng còn có thể ăn vụn bánh mì nhúng sữa. Hồi ở nhà, bố cháu toàn cho bọn chó con mèo con ăn mấy thứ đấy.”

Trong một tiếng sau đó, cô kiên quyết không chịu đầu hàng, gồng mình chống cự những lời van nài từ dưới bếp vọng lên. Và rồi, “Ôi trời, thật hết chịu nổi,” cô nói. “Xin mời, ngài Mac, ngài là chuyên gia mà.”

Họ hâm nóng hỗn hợp sữa và nước rồi đổ vào một chiếc đĩa nhôm. Lũ mèo con đang bò lổm ngổm được nhắc ra khỏi hốc bếp than và thả xuống một tờ báo trải trên sàn. “Cho tớ chuyển bọn nó với,” Om đòi, Maneck cho cậu nhắc con cuối cùng.

Ba con vật rúm ró đứng trên tờ giấy, toàn thân không ngớt run lên bần bật. Dần dần, mùi sữa kéo chúng lại, và chúng liếm vài nhát ngập ngừng quanh rìa đĩa. Chỉ ít phút sau,

chúng đã bu lấy cái đĩa, hung hăng chen huých nhau. Khi đĩa đã sạch trơn, chúng đứng hẳn trong lòng đĩa và ngược mắt nhìn lên. Maneck đổ thêm sữa, cho chúng ăn lần nữa, rồi cất đĩa đi.

“Sao hà tiện thế?” Dina hỏi. “Cho bọn nó ăn thêm đi.”

“Phải để hai tiếng nữa. Nếu ăn nhiều quá, chúng sẽ ốm mất.” Cậu lấy trong phòng mình ra một chiếc hộp các tông rỗng và trải báo mới xuống đáy.

“Dì sẽ không cho chúng ở trong bếp đâu,” cô phản đối.

“Mất vệ sinh lắm.”

Om xung phong giữ chiếc hộp ngoài hành lang.

“Tốt thôi,” cô nói. Thế nhưng, đến tối, cô lại muốn chuyển bọn mèo trở về hốc lò. Cô vẫn hi vọng con mẹ sẽ đến lấy lại đàn con. Ô cửa sổ rách vẫn được giữ nguyên để chờ đón con vật trở lại.

Suốt bảy đêm, Dina dọn dẹp xoong chảo, đóng kỹ tủ chặn và đóng cửa bếp. Suốt bảy buổi bình minh, cô tìm tới chỗ hốc bếp than ngay khi vừa trở dậy, ước sao nơi đó sẽ trống trơn, nhưng lũ mèo hân hoan chạy ra chào đón cô, háo hức chờ được ăn sáng.

Cô bắt đầu mong chờ cuộc đoàn tụ buổi sáng. Đến cuối tuần, cô đâm ra lo lắng mỗi khi lên giường đi ngủ – nhớ đêm nay là đêm cuối cùng, nhớ con mẹ đem đàn con đi mất thì sao? Cô chạy xuống bếp ngay khi vừa tỉnh giấc và – ôi chao là mừng! Chúng vẫn chưa biến mất!

Nghi thức chuyển từ hộp sang hốc lò vào mỗi buổi tối chấm dứt. Hai người thợ rất vui vì được chia sẻ chỗ ở với bọn mèo. Bọn mèo lớn nhanh như thổi, và bắt đầu khám phá khắp đường hành lang, cửa giữa các phòng luôn phải đóng kín để ngăn chúng vào phòng may và phá phách vải vóc. Chỉ ít lâu sau, chúng đã có những chuyến thám thính thế giới bên ngoài chóng vánh qua song cửa sổ ngoài hành lang.

“Cô biết không, cô Dina,” một tối, Ishvar nói sau bữa cơm. “Con mèo tặng cô một món quà rất lớn đấy. Nó để con lại đây chứng tỏ rất là tin tưởng ngôi nhà này, thế là đáng quý lắm đấy.”

“Toàn chuyện vớ vẩn.” Cô chẳng bao giờ tin những chuyện tình cảm tầm phơ tầm phào đó. “Tất nhiên con mèo đó sẽ mang con vào đây. Từ chính ô cửa sổ này có ba tên ngốc suốt ngày ném thức ăn cho nó mà lại.”

Nhưng Ishvar vẫn quyết trí nặn bóp ra một thú ý nghĩa, một thú luân lý cao vời nào đó từ sự việc này. “Dù cô có nói gì đi nữa, thì ngôi nhà này rõ là có phúc to. May mắn sẽ đến. Ở đây, ngay cả lão chủ nhà độc ác cũng không thể động đến chúng ta. Và bọn mèo con là điềm lành. Nó có nghĩa là Om cũng sẽ có rất nhiều đứa con khỏe mạnh.”

“Trước hết cậu ta phải cưới được một cô vợ đã,” cô lạnh lùng nói.

“Cực kì chính xác,” ông thật thà nói. “Tôi đã nghĩ rất lung về chuyện này, và chúng tôi không được trì hoãn thêm nữa.”

“Sao anh lại có thể nói những thứ ngớ ngẩn như thế nhỉ?” Cô nói, có vẻ hơi cáu. “Om mới chập chững bước vào đời, tiền thì không có, hai bác cháu còn chẳng có nổi một chỗ ở của riêng mình. Thế mà anh đã nghĩ đến chuyện lấy vợ cho cậu ấy ư?”

“Rồi mọi thứ sẽ đâu vào đấy. Chúng ta phải có niềm tin chứ. Vấn đề quan trọng là, nó

phải sớm cưới vợ và lập gia đình.”

“Cậu nghe thấy chưa, Om?” Cô nói vọng ra hành lang. “Bác cậu muốn cậu sớm cưới vợ và lập gia đình đấy. Nhưng nhớ đừng làm chuyện đó trong bếp nhà tôi nhé.”

“Xin cô bỏ quá cho bác ấy,” Om nói, giả giọng các bậc cha mẹ. “Thỉnh thoảng, dây thần kinh của bác cháu lại hơi mát một tí, những lúc như thế, bác ấy hay nói nhiều chuyện rồ dại lắm.”

“Cậu làm gì thì làm, đừng bắt tớ lo chỗ ở cho cậu,” Maneck chêm vào. “Tớ chẳng còn cái hộp các tông nào thừa nữa đâu.”

“Hử, sao chứ,” Om ca cẩm. “Tớ lại đang mong cậu sẽ chồng hai cái hộp lên nhau cho tớ, để tớ có một cái nhà hai tầng.”

“Đem những chuyện tốt lành ra đùa cợt là không hay đâu,” Ishvar nói, có vẻ hơi tự ái. Ông không thể ngờ nổi những dự định của mình lại trở thành chủ đề pha trò.

Lũ mèo trở về sau chuyến ngao du đúng lúc giờ ăn đã điểm, len người qua những song sắt trên cửa sổ hành lang. “Trông chúng kìa,” Dina âu yếm nói. “Đi đi về về cứ như đây là cái khách sạn không bằng.”

Dần dần, những cuộc vắng mặt dài ra thêm khi chúng bắt đầu học cách tự tìm thức ăn, la cà khắp hang cùng ngõ hẻm với đồng loại. Các cống rãnh cùng đồng rác mời gọi bằng mùi hương không gì cưỡng nổi, và lũ mèo con đáp lại tiếng gọi ấy.

Sự biến mất tùy tiện của chúng khiến ai cũng buồn. Maneck và Om luôn cẩn thận chất đầy thức ăn thừa theo vào một đĩa riêng. Ngày nào họ cũng hi vọng bọn mèo sẽ hạ cố ló mặt ra. Đợi mãi đến tận khuya họ mới đem vứt đi, trước khi đồng thức ăn thu hút lũ giới bọ tìm đến; họ ném thức ăn cho bất cứ con vật nào đang nỉ non ngoài cửa sổ bếp, đôi mắt lấp lánh vô định trong bóng đêm.

Những lúc lũ mèo chịu quay về trở thành dịp để ăn mừng. Nếu không còn thức gì thừa có thể dùng được, Maneck hoặc Om sẽ chạy vội ra Vishram để mua bánh mì và sữa. Đôi khi đàn mèo nán lại sau bữa ăn, sẵn lòng chơi đùa một chút, vờn những mảnh vải vụn rơi gần máy may. Nhưng thường thì chúng bỏ đi ngay.

“Ăn xong là chạy,” Dina nói, “cứ như chúng là chủ cái nhà này ấy.”

Dần dà, những cuộc viếng thăm thưa dần và càng lúc càng ngắn ngủi. Bản tính hiếu kỳ ở mèo con bộc lộ trong từng tiểu tiết đã mất đi; sữa và bánh mì bị thất sủng hoàn toàn. Rõ ràng những cuộc trộm cắp ngoài đường đem lại cho chúng cảm giác phiêu lưu hơn nhiều.

Để thu hút sự chú ý của chúng, Om và Maneck bò rạp xuống cạnh cái bát. “Meo!” Họ đồng thanh kêu. “Meeooo!” Om khịt khịt hít ngửi dọc rìa đĩa, còn Maneck lè ra thụt vào cái lưỡi của mình ra vẻ liếm láp điên dại. Lũ mèo chẳng mấy may bị ấn tượng. Chúng ngăm nhìn màn trình diễn một cách hồ hững, ngáp dài và bắt đầu tự chải chuốt mình mẩy.

Ba tháng sau khi được phát hiện trong hốc lò than, lũ mèo con đồng loạt biến mất. Khi nửa tháng trôi qua mà không có một dấu hiệu nào của chúng, Dina tin chắc chúng đã bị xe tông. Maneck nói rất có thể chúng đã bị một con chó dại tấn công.

“Hoặc bọn chuột cống ấy,” Om nói. “Ngay cả bọn mèo lớn cũng phải sợ chúng kia mà.”

Nghĩ đến những khả năng đen tối ấy, ai nấy đều rầu rĩ, mặc dù Ishvar vẫn không thôi tin rằng bọn mèo con vẫn khỏe mạnh yên ổn. Chúng là những sinh vật thông minh, dày dạn, ông nhắc nhở những người khác, và đã quen với cuộc sống hè phố. Không ai chia sẻ

niềm lạc quan với ông. Họ đâm ra câu bản với ông, như thể ông đang vẽ ra điều gì đó rất đổi bệnh hoạn.

Giữa cảnh buồn đau ảm đạm ấy, Ông trùm ăn mày xuất hiện để thu tiền trả góp. Bóng chiều lúc nhập nhoạng dường như còn đen hơn lúc bình thường vì đèn đường vẫn chưa sáng lên. “Có chuyện gì thế,” ông ta hỏi. “Lão chủ nhà lại quấy rối mấy người à?”

“Không,” Dina đáp. “Nhưng đàn mèo con dễ thương của chúng tôi đã bỏ đi mất rồi.”

Ông trùm bèn cười phá lên. Âm thanh ấy khiến họ giật bản mình, vì đây là lần đầu tiên họ nghe thấy ông ta cười. “Nhìn bộ mặt ảm đạm của mấy người kia,” ông nói. “Hồi gặp chuyện với mấy tay đầu gấu, mấy người cũng đâu đến nỗi buồn khổ như thế.” Ông ta lại cười. “Tôi rất xin lỗi vì không thể giúp gì được. Tôi không phải Ông trùm mèo con. Nhưng tôi có vài tin tốt đây, có lẽ nó sẽ khiến các vị vui lên.” “Tin gì cơ?” Ishvar hỏi.

“Tin về Shankar.” Ông ta ngoác miệng cười đến tận mang tai. “Tôi chưa thể báo cho ông ấy biết ngay, vì lợi ích của chính ông ấy. Nhưng tôi nhất định phải chia sẻ với ai đó, tin này quá tuyệt vời, mà mấy người lại là những người bạn duy nhất Shankar có. Nhưng mấy người phải hứa không được hở ra tí nào với ông ấy đâu đấy.”

Tất cả đều hứa với Ông trùm.

“Chuyện xảy ra vài tuần sau khi tôi đưa Shankar và hai người từ dự án tưới tiêu về. Một bà ăn mày của tôi, lúc ấy đang ốm yếu lắm rồi, bỗng nhiên kể về tôi đủ thứ về tuổi thơ của bà ta, và về thời trẻ của Shankar. Cứ mỗi lần tôi đến thu tiền, bà ta lại bắt đầu ôn nghèo kể khổ. Bà ta cũng già rồi, chừng bốn chục, ăn mày sống thế tính là thọ rồi. Rốt cuộc bà ta cũng chết hồi tuần trước. Nhưng ngay trước khi chết, bà ta nói với tôi mình là mẹ của Shankar.”

Bản thân chuyện này cũng chẳng có gì bất ngờ, Ông trùm giải thích, vì ông đã luôn ngờ ngợ như thế. Hồi còn là một thằng bé, khi ông theo bố đi tuần, ông thường thấy bà ta cho một đứa bé bú. Mọi người gọi bà ta là Mũi Thính vì khuôn mặt không có mũi của bà. Hồi đó bà ta vẫn còn trẻ lắm, chừng mười lăm tuổi, và có một thân hình hoàn hảo có thể đem về một món tiền rất khá, nếu không phải vì khuôn mặt biến dạng, các chủ nhà chứa đều đồng ý thế. Người ta bảo rằng hồi bà ta mới sinh ra, ông bố say rượu đã xẻo mất mũi bà trong cơn thịnh nộ, thất vọng vì vợ lại đẻ ra một đứa con gái thay vì một thằng con trai. Bà mẹ băng bó vết thương và cứu sống đứa trẻ, dù ông bố luôn mồm rửa để kệ cho nó chết, bộ mặt xấu xí là món hồi môn duy nhất dành cho nó, cứ mặc cho nó chết đi. Ông bố hành hạ chửi bới ghê quá, cuối cùng đứa bé gái bị bán đi làm ăn mày.

“Tôi cũng không biết đích xác ông cụ nhà tôi mua Mũi Thính hồi mấy tuổi,” Ông trùm nói. “Tôi chỉ nhớ đã thấy bà ta với đứa con nhỏ.” Rồi, vài tháng sau, đứa bé còn ẵm ngửa tên là Shankar ấy bị tách mẹ và đưa đi làm chĩnh hình chuyên nghiệp.

Đứa trẻ không được trả về cho mẹ nó. Sẽ lợi hơn nếu chuyển tay nó cho các bà ăn mày ở những khu vực khác nhau. Vả lại, những người lạ cho đứa bé bú sẽ dễ bề nặn ra một bộ mặt tuyệt vọng cùng cực, nhân tố tạo nên thành công trong nghề ăn mày. Trong khi đó, nếu Mũi Thính có được niềm vui cho con mình bú mớm suốt ngày dài, cô ta sẽ khó lòng đập tắt nổi tia sáng hạnh phúc, dù nhỏ nhoi, lóe lên trong đôi mắt mình, và điều đó sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến số tiền thu về.

“Thế là Shankar lớn lên, tự mình lo thân mình, được trang bị chiếc bệ lăn, và không bao giờ biết đến mẹ mình là ai,” Ông trùm nói. “Và đến khi tiếp quản công việc kinh doanh, tôi cũng đã quên khuấy mối nghi ngờ hồi bé rằng ông ta chính là con trai Mũi Thính. Cho đến

mãi gần đây.”

Chính Mũi Thính là người nhắc cho ông nhớ, khi bà ta đang nằm hấp hối trên vĩa hè. Không chỉ có vậy, bà ta còn khẳng định bố của Ông trùm cũng chính là bố Shankar. Ban đầu, Ông trùm vô cùng sững sốt vì bà ta dám cả gan bịa đặt một chuyện báng bổ đến thế. Ông dọa sẽ xóa bà ta khỏi danh sách che chở nếu bà không chịu xin lỗi mình. Bà ta đáp thế nào cũng được, đã đến lúc sắp nhắm mắt tắt hơi này, bà ta cũng chẳng thiết nữa.

Vẫn không chịu tin lời bà ta, ông băn khoăn không hiểu tại sao bà ta lại nói ra một lời dối trá vô nghĩa như vậy. Bà ta mong hồng gì từ nó? Giữa cơn giận dữ đến tê liệt, ông chỉ trằn mắt nhìn trong khi người đi đường liên tục ném tiền vào ống bơ của Mũi Thính. Không hay biết gì về tấn kịch đang diễn ra, nhiều người còn dừng hẳn lại nhòm ngó ông về ngờ vực.

“Có lẽ họ nghĩ ông đang rình cướp tiền của bà ta,” Maneck nói.

“Cậu nói đúng. Tôi điên lắm, tôi chỉ muốn gào lên, bảo bọn chúng là cút mẹ mày đi.”

Dina rùng mình, suýt nữa định lên tiếng chỉnh đốn cách ăn nói của Ông trùm. Phòng ngoài đã tối, cô giơ tay bật đèn lên. Nó khiến ai nấy đều chớp mắt và đưa tay lên che mắt một lúc.

“Nhưng tôi đã kiểm chế được,” Ông trùm nói. “Trong nghề của tôi có một câu thế này, kẻ bố thí luôn đúng.”

Vì thế, phút lờ đám người tộc mạch, ông chỉ để hết tâm trí vào tuyên bố của Mũi Thính. Nối tiếp cơn giận dữ là cảm giác hoang mang. Ông buộc tội bà ta đã nói ra một lời dối trá rẻ tiền, đã bày một trò chơi khăm độc ác với ông khi chân đã bước qua cửa âm phủ, khiến ông phải băn khoăn dằn vặt đến hết đời.

Bà im lặng lắng nghe, rồi nói với Ông trùm, tôi là mẹ kế của anh, dù anh có thích hay không. Và tôi có bằng chứng. Anh đã bao giờ xoa bóp lưng và vai cho bố anh chưa.

Rồi, ông đáp, tôi là một đứa con có hiếu. Tôi thường xuyên xoa bóp cho cụ mỗi khi cụ gọi, cho đến ngay trước ngày cụ mất.

Đã thế, Mũi Thính nói, hẳn anh phải rất quen với cái bươu to bất thường, một cục u lớn nằm trên gáy bố anh, ngay phía đầu cột sống.

“Tôi tự hỏi nhờ đâu mà bà ta biết đến nó,” Ông Trùm nói. “Nhưng bà ta một hai thúc tôi trả lời, có đúng ông ta có cái bướu ở chỗ đó không? Bà ta không chịu nói thêm lời nào cho đến khi tôi thú nhận, một cách miễn cưỡng, là phải, bố tôi quả có đặc điểm như bà mô tả thật. Sau đó, bà ta bèn sốt sắng kể tiếp.”

Chuyện xảy ra từ cách đây lâu lắm rồi, khi Mũi Thính còn trẻ và mới bắt đầu có kinh. Một hôm khuya khoắt nọ, bố Ông trùm tìm đến góc phố nơi cô ta ngồi, khi ấy ông đã say mềm, quá say đến không còn dè dặt gì trước gương mặt biến dạng của cô ta nữa, và đã ngủ với cô ta. Cái miệng nồng nặc mùi rượu của ông khiến cô ta những muốn cưỡng lại, nhưng cô ta chỉ quay mặt đi và cố kìm nén lòng mình. Cô ta nằm bất động như người đã chết bên dưới ông, để mặc ông muốn làm gì tùy thích. Sau khi ông đã xong việc, cô ngồi dậy và nôn mửa ngay bên cạnh ông lúc ấy đang ngáy ầm ầm. Đến nửa đêm, ông tỉnh dậy và nói rộng cái vũng nôn nho nhỏ của cô ta bằng một cơn lũ mật xanh mật vàng. Ít lâu sau, cô ta nghe có tiếng sột soạt và mở mắt ra; lũ chuột đang mở tiệc với sản phẩm chung của cả hai người.

Mũi Thính cho rằng có lẽ ông đã mê cơ thể cô ta, vì ông còn quay lại trong nhiều đêm

nữa, kể cả khi ông không say. Giờ cô cũng không còn ghét chuyện đó như trước nữa. Khi ông nằm trên người cô và nhìn vào khuôn mặt cô mà không mang theo mùi rượu cồn, cô bắt đầu thấy thích. Cô để từng thớ thịt của mình rung lên, và sung sướng hòa tan vào cơ thể ông. Bàn tay cô mò mẫm trên cơ thể ông, khám phá ra chiếc bướu lớn trên cổ ông. Cô bật cười khúc khích, và hỏi ông về nó. Ông đùa rằng ông nuôi cái bướu ấy vì cô, để cô có hai khúc xương to mà chơi cùng, thay vì chỉ một.

Và cú thế, người đàn ông có thể nhìn vào khuôn mặt gớm ghiếc mà vẫn yêu cô đã tìm được một chốn trong trái tim cô. Ông giải thích là bác sĩ đã từng nói cho ông biết về khúc xương đặc biệt đó. Ông đã được sinh ra với ba mươi tư đốt xương chứ không phải ba mươi ba đốt như bình thường, đốt xương còn thừa đã trỗi lên đầu cột sống, và là thủ phạm gây ra những cơn đau kinh niên của ông.

Người tôi mô tả có đúng là bố anh không, Mũi Thính nói, anh còn nghi ngờ gì nữa không?

Ông trùm ăn mày đồng ý tất cả những chuyện đó đều là thật. Nhưng đó chỉ là bằng chứng về những cuộc thông dâm trong lúc say sưa của bố ông không hơn không kém.

Không chỉ lúc say thôi đâu, bà ta chữa lại với giọng đầy kiêu hãnh, mà cả khi tỉnh nữa. Điểm khác biệt này là điều quý giá nhất trong đời bà, và cũng là thứ quan trọng nhất với bà ngay cả khi đã cận kề ngưỡng cửa của tử thần.

Ông miễn cưỡng thừa nhận nó. Nhưng vẫn không thể coi đó là bằng cứ chứng minh Shankar là con trai của bố ông và là đứa em cùng cha khác mẹ của chính ông, ông khẳng định. Có chứ, Mũi Thính quả quyết, vì Shankar cũng có cái u giống hệt trên gáy, chỉ mất vài phút là đủ để kiểm tra. Dĩ nhiên, Ông trùm có thể vờ như đó chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, bà ta nói, nhưng tận trong tim mình, hẳn ông cũng thừa biết sự thật.

“Bà ta nói đúng, sự thật nằm trong tim tôi. Trong tim tôi lúc đó còn cồn lên một mớ cảm xúc hỗn độn vừa tuyệt vời vừa vô vọng. Tôi tức giận và sợ hãi và hoang mang. Nhưng cũng vô cùng hạnh phúc. Vì tôi nhận ra rằng tôi, một đứa con một, bị bỏ lại trên cõi đời này, không cha không mẹ, không họ hàng thân thích, bỗng được trời ban cho một đứa em trai. Và một bà mẹ kế, dù rằng bà ta chỉ xấp xỉ tuổi tôi, và đã sắp về chầu trời.”

Và thế là, khi đã chấp nhận sự thật, toàn bộ cơn giận dữ và căm hận của ông dành cho người phụ nữ đang chết dần chết mòn bỗng bị thế chỗ bởi lòng biết ơn. Ông hỏi tại sao bà ta lại không nói cho ông biết sớm hơn. Bà nói rằng vì bà sợ không biết làm gì nếu bí mật này khiến ông nổi giận hoặc hổ thẹn – có lẽ là giết bà và Shankar, hoặc bán họ cho một người chủ kém tử tế hơn ở một nơi khỉ ho cò gáy nào đó, nơi họ hoàn toàn lạ lẫm. Nỗi kinh hoàng lớn nhất của bà là đánh mất khu vĩa hè quen thuộc mà bà đã gắn bó suốt tuổi trẻ.

Nhưng giờ điều đó không còn quan trọng nữa, chỉ ít phút nữa thôi, bà sẽ lìa đời, và ông sẽ là người duy nhất nắm giữ điều bí mật này, để tùy nghi xử lý nó theo ý mình. Ông được toàn quyền quyết định có nói cho Shankar biết hay không.

Ông trấn an bà ta rằng biết chuyện rồi ông chỉ thấy vui mà thôi. Nhưng vấn đề cấp bách hiện nay là phải đưa bà đến một bệnh viện tốt. Ông muốn bà được thoải mái trong suốt khoảng thời gian còn lại, dù ngắn hay dài, và chạy đi gọi một chiếc tắc xi.

Mấy chiếc xe đầu tiên dừng lại không nhận chở khi tài xế nhìn thấy bà ăn mày ốm yếu, lo bần xe. Cuối cùng, ông cũng đón được một chiếc bằng cách huơ huơ xấp tiền dày sụ trước mặt người tài xế. Chiếc tắc xi đã bị hỏng một bên đèn pha, ba đờ xóc cũng đã xộc xệch. Ngồi ở ghế sau, tay ôm Mũi Thính trên suốt chặng đường, Ông trùm được nghe câu

chuyện xui xẻo của bác tài về tay cảnh sát đã đang tâm đập phá chiếc xe vì bác ta chậm giúi cho hân phong bì phí đỗ xe hàng tuần.

Ở bệnh viện bọn họ phải chờ mòn mỏi. Mũi Thính bị bỏ mặc nằm trên sàn hành lang chật cứng những người nghèo khổ đang chờ được chữa trị. Mùi phenol khử trùng tỏa ra từ những viên đá lát sàn yếu ớt len lỏi giữa bầu không khí sặc lên hơi thối từ người. Ông trùm cố gắng hết sức để thúc giục những các nhân viên đang có ca trực, và nói chuyện với một bác sĩ trông có vẻ tử tế. Chiếc áo choàng trắng của ông bị rách ở chỗ chiếc túi to phía dưới, nơi ông nhồi ống nghe. Ông trùm xin ông nhanh nhanh khám cho mẹ mình, ông sẽ hết lòng báo đáp. Vị bác sĩ nói với giọng dịu dàng là không nên lo lắng, rồi ai cũng sẽ được chăm nom tới. Đoạn ông này quàng quả bỏ đi, tay dứt trong cái túi rách.

Ông trùm cho rằng các nhân viên ngành y tế, do quá tâm huyết với nghề nghiệp cao quý của mình, đã không may bị ấn tượng bởi cuộn tiền đầm mồ hôi của ông như hầu hết các thành phần khác trong xã hội. Nhưng ông đã không có cơ hội thử lòng thêm các bác sĩ và y tá khác để có thể thu về một kết luận có giá trị về mặt thống kê. Trước khi bà mẹ kế của ông đến lượt được chăm sóc, sự sống của bà đã tận. Ông tự an ủi bản thân bằng việc chi trả cho một đám tang tử tế thay vì một cái hóa đơn bệnh viện.

“Sau khi mọi sự đã được lo chu tất, tôi đến gặp Shankar,” Ông trùm thở dài. “Dĩ nhiên, tôi không nhắc đến tin chính ngay, vì trước hết tôi muốn được yên tĩnh nghiền ngẫm những gì Mũi Thính đã tiết lộ cho tôi.”

Ông hỏi Shankar tình hình làm ăn thế nào, chiếc bệ lăn làm việc có tốt không, bánh xe có cần tra dầu không – toàn những câu chuyện phiếm thường thấy trong các phiên tuần tra. Shankar kêu ca là tiền bố thí ở cái khu toàn bọn bủn xỉn này càng lúc càng khan tẻ, rằng dân tình thật xấu tính. Ông trùm quỳ xuống bên cạnh lão và đặt một tay lên vai lão. Ông nói đó là vấn đề ở khắp mọi nơi – đây là một cuộc khủng hoảng thực sự về nhân tính, và cần có một cuộc cách mạng trong tim mỗi người. Nhưng ông sẽ xem xét, có lẽ sẽ kiểm tra cho lão một địa điểm mới. Ông vỗ vai Shankar và dặn lão chớ nên lo lắng, rồi luồn tay xuống dưới cổ áo để sờ nắn cái bướu trên cổ lão.

“Và ở đó, dưới những đầu ngón tay của tôi, là đốt xương sống của bố tôi. Một cục u to y như thế. Tay tôi run lên vì xúc động. Toàn thân tôi lẩy bẩy vì phấn khích, tôi hầu như không đứng vững nổi khi gối đang quỳ xuống. Kia, chính em trai tôi, đang đứng ngay trước mặt tôi, và cũng là bố tôi, hiển hiện trong dải xương sống nọ. Tôi chỉ biết cố ngăn mình khỏi ôm chầm lấy Shankar, siết chặt nó vào ngực mình, và thú nhận tất cả.”

Với một nỗ lực siêu phàm, ông đã kiềm chế được bản thân. Một sự tiết lộ hấp tấp có thể sẽ gây ra những nỗi đau khôn xiết. Trước hết, ông phải quyết định đâu là phương án tốt nhất cho Shankar. Mang em trai về nhà, nuôi chú ta trong an nhàn êm ấm cho đến hết phần đời còn lại, và cùng sống hạnh phúc bên nhau chẳng, nghe cũng hay ho đấy. Những giấc mơ kiểu đấy rẻ tiền lắm, ai mà chả từng ấp ủ?

Nhưng nhờ Shankar không thể thích nghi với cuộc sống mới thì sao? Giả sử nó có vẻ vô mục đích, hoặc tệ hơn cả vô mục đích thì sao? Nhờ lão thấy căn nhà như tù ngục, nơi những khiếm khuyết của lão càng bị tô đậm thêm thay vì được đem ra sử dụng như những ngày tháng ăn xin trên vỉa hè thì sao? Mà quan trọng hơn nữa, nhờ câu chuyện kinh hoàng về những năm đầu đời biến thành một khối ung nhọt trong tâm hồn Shankar, gặm nhấm lão từ bên trong, biến phần còn lại của đời lão thành chuỗi đặng cay trách hận Ông trùm và bố ông thì sao? Sau những tiết lộ ấy, liệu có còn chỗ cho sự tha thứ nữa không?

“Tôi cảm thấy tốt hơn hết là tôi nên vật lộn với chính tâm hồn mình, kìm giữ sự thật

Mũi Thính đã tiết lộ trong những ranh giới của nó. Đây người em trai khốn khổ đáng thương của mình vào đau đớn chỉ vì sự thanh thản của riêng mình, như thế sẽ là quá ích kỷ.” Ông lý luận rằng cuộc đời Shankar đã bị phá hoại một lần, hồi lâu mới lọt lòng. Nhưng Shankar đã học cách sống trong cảnh tàn phá ấy. Gây ra một cuộc hủy diệt thứ hai đối với lão sẽ là việc làm không thể tha thứ được.

“Vì vậy tôi đã quyết định sẽ chờ đợi. Chờ đợi, và nói chuyện với nó về tuổi thơ của nó. Có lẽ tôi sẽ kể dần những chuyện lật vật, dò xem phản ứng của nó. Dần dần, tôi sẽ biết đâu là cách tốt nhất cho chúng tôi. Và lần này tôi cần sự giúp đỡ của mấy người.”

“Chúng tôi giúp gì được?” Ishvar hỏi.

“Nghĩ cách hỏi Shankar, bắt nó kể về quá khứ. Xem nó có những ký ức kiểu gì. Nó vẫn còn hơi e sợ tôi, có lẽ nó sẽ kể nhiều hơn với mấy người. Mấy người sẽ nói lại cho tôi biết chứ?”

“Được, chúng tôi làm được.”

“Cảm ơn. Trước mắt, tôi muốn làm cho cuộc sống của nó trên vỉa hè trở nên dễ chịu hết mức có thể. Tôi đã bắt đầu mua cho nó những thứ bánh kẹo nó thích hàng ngày – bánh laddoo và jalebi^[45] chẳng hạn. Và vào các ngày Chủ Nhật là pho mát nhúng kem sữa. Tôi cũng đã lót nệm cho cái bệ lán của nó, và tìm cho nó một chỗ tốt hơn để ngủ mỗi đêm.”

“Thảo nào,” Ishvar nói. “Ông ấy thường kể với chúng tôi là ngài đối xử với ông ấy tốt lắm.”

“Đó chỉ là chút việc mọn tôi có thể làm. Tôi còn đang tính phái tay thợ cạo riêng của tôi đến chỗ nó, để phục vụ nó một chậu từ a đến z – tỉa tóc, cạo mặt, mát xa mặt, làm móng, tất tạt. Nếu đám người qua đường nhả ít xu hơn vì vẻ ngoài tươm tất, thì mặc kệ chúng nó.”

Lại một lần nữa, Dina kìm nén ước muốn bật ra câu: Ăn nói cẩn thận. Nhưng lần này, cách ăn nói đó không quá xóc tai cô như trước nữa. “Tin ngài vừa mang đến thật tuyệt vời,” cô nói. “Shankar sẽ vui sướng biết nhường nào khi ngài báo cho ông ấy biết.”

“Không phải *khi*, mà là *nếu*. Liệu tôi có bao giờ có đủ dũng cảm không? Liệu tôi có đủ trí khôn để đưa ra quyết định đúng không?”

Sức nặng của những câu hỏi đó đột ngột đẩy ông vào tuyệt vọng. Cái tin vừa khiến ai nấy vui sướng bỗng biến thành đám mây che khuất mặt trời.

“Tôi nghĩ mọi sự sẽ sáng tỏ với ngài khi đến lúc,” Ishvar nói.

“Thứ đã trở nên sáng tỏ chính là ranh giới đen ngòm giữa tôi và Shankar. Đen hơn cả mái tóc mượt mà của hai người ăn mày khốn khổ vừa bị giết hại của tôi. Tôi không vạch ra nó – đó là dấu vết của số phận. Nhưng giờ tôi đã có đủ quyền năng để xóa bỏ nó.” Ông thở dài. “Quả là một thứ quyền năng đáng kinh ngạc, đáng e sợ. Liệu tôi có dám không? Vì một khi ranh giới ấy bị xóa bỏ, nó sẽ không thể được vẽ lại nữa.” Ông rùng mình. “Mẹ kế đã để lại cho tôi một di sản thế đấy.”

Ông mở chiếc va li, lấy ra quyển sổ nháp và mở cho họ xem bức vẽ mới nhất của mình. “Tôi vẽ tối qua, trong lúc tôi đang rất chán nản và không thể ngủ nổi.”

Bức vẽ gồm ba hình người. Người đầu tiên ngồi trên một cái bệ có những bánh xe bé tí. Ông ta không có cẳng chân, cũng chẳng có ngón tay, và hai khúc đùi cụt lòi ra như khúc tre rỗng. Người thứ hai là một người phụ nữ gầy xơ gầy xác không có mũi, khuôn mặt bà

mang một cái lỗ ghê rợn ở chính giữa. Nhưng cái hình người thứ ba còn quái đản hơn cả. Một người đàn ông với chiếc cặp táp xích vào cổ tay đang bò bằng cả bốn chân như con nhện nhện. Bốn bàn chân của ông ta quay về bốn phía của chiếc la bàn, như thể luôn luôn hoang mang không biết đâu mới là hướng đi đúng. Hai bàn tay của ông có tới mười ngón mỗi bên, những quả chuối vô dụng đâm ra từ lòng bàn tay. Và trên mặt ông ta là hai cái mũi, nằm kề nhau nhưng lại quay ngoắt đi một cách kì quặc, như thể chiếc nọ không thể chịu đựng nổi mùi của chiếc kia.

Họ nhìn chằm chằm bức vẽ, không chắc nên phản ứng thế nào trước tác phẩm của Ông trùm. Ông cứu họ khỏi phút bối rối bằng cách giải thích của riêng mình. “Quái thai, chúng ta là thế – tất cả lũ chúng ta.”

Ishvar đang định mở miệng nói rằng ông ta đang quá khắt khe với bản thân mình, rằng ông không nên đổ hết số phận của Shankar và Mũi Thính lên vai mình, thì Ông trùm đã kịp cắt nghĩa: “Ý tôi là mỗi con người. Và ai có thể trách cứ bọn ta kia chứ? Bọn ta có cơ hội nào đâu, trong khi khởi đầu và kết cục của chúng ta đều quái gở như thế? Sinh và tử – còn chuyện gì có thể gớm ghiếc hơn thế? Bọn chúng ta cứ thích tự lừa dối mình, gọi nó là kì diệu rồi đẹp đẽ rồi huy hoàng này nọ, nhưng thật ra nó rất quái gở, nghĩ mà xem.”

Ông gấp cuốn sổ nháp lại và trả nó lại va li với vẻ dứt khoát chắc chắn, ngụ ý rằng cuốn trường thiên tiểu thuyết về hạnh phúc và đau khổ và ngờ vực và khám phá đã chấm dứt, những cảm xúc nhân tính đã được đóng gói lại, và giờ là lúc trở về với công chuyện làm ăn. “Còn bốn tháng nữa là trọn kì nộp phí của mấy người. Tôi muốn biết trước là hai người có tính gia hạn hợp đồng với tôi không?”

“Có chứ ạ,” Ishvar nói. “Chắc chắn là có rồi. Nếu không lão chủ nhà sẽ lại đến quấy rối chúng tôi mất.”

Họ theo Ông trùm ra ngoài hành lang để tiễn ông về. Ngoài đường, màn đêm vẫn chưa hề bị xuyên thủng bởi hàng đèn đường. Có vẻ như lại mất điện, vì cả dãy đèn vẫn chưa được thắp sáng.

“Tôi hi vọng cột đèn ở chỗ Shankar vẫn sáng,” Ông trùm nói. “Tôi phải đi kiểm tra ngay mới được, nó sẽ sợ hãi lắm nếu vĩa hè tối om thế này.”


Ông sải bước trên mặt đường nhựa đen ngòm trong chiếc áo sơ mi và quần trắng, nom như một cục phấn giữa băng đen. Ông quay lại một lần để vẫy tay tạm biệt, rồi dần mất hút.

“Quả là một câu chuyện kì quặc,” Om nói. “Mấy người bạn của bác cháu ta ở Vishram chắc sẽ rất thích chuyện này. Nó có tất cả – bi kịch, chuyện tình yêu, bạo lực, và một cái kết chưa được giải quyết đầy tính gợi mở.”

“Nhưng mày chả nghe Ông trùm nói rồi đấy,” Ishvar nói. “Chuyện này phải được giữ kín, vì Shankar. Lại thêm một câu chuyện nữa không thể đưa vào bộ *Mahabharat* của ông bếp rồi.”

XIII

Đám cưới, giun và thiền sư

 VIỆC LỮ MÈO CON TÁI XUẤT HIỆN bên ngoài cửa sổ nhà bếp một tháng sau đó đã không còn là sự kiện đáng để ăn mừng nữa. Đám này coi đó không hơn gì một dịp để kiểm chác. Om và Maneck có lẽ sẽ rất sung sướng nếu được thấy một dấu hiệu nào đó của sự công nhận – một tiếng kêu meo thật to chẳng hạn, hay một cái nhìn, một tròng rù rù, một điệu cong vồng lưng. Nhưng thay vào đó, lũ mèo vồ lấy cái đầu cá và chạy biến đi để được yên thân nhấm nháp một mình.

“Sao mọi người lại ngạc nhiên nhỉ?” Dina nói. “Vô ơn có phải chuyện hiếm gặp trên đời này đâu. Rồi đến một ngày, mấy người cũng sẽ quên tôi thôi – tất cả các người. Khi mọi người đã đi con đường riêng của mình và đã yên ổn, mọi người sẽ chẳng còn biết gì tới tôi nữa.” Cô chỉ vào Maneck. “Chỉ trong hai tháng nữa thôi, cháu sẽ phải đi thi những môn cuối cùng, rồi gói ghém đồ đạc, và biến mất.”

“Cháu không thể đâu, dì ạ,” cậu phản bác. “Cháu sẽ luôn nhớ đến dì, đến thăm dì, và viết thư cho dì dù cháu có ở đâu.”

“Rồi, để xem,” cô nói. “Còn hai bác cháu thợ may nhà anh nữa, rồi cũng đến một ngày hai người tự ra làm riêng và bỏ đi. Nói thế không có nghĩa là tôi không mừng cho hai người khi chuyện ấy xảy ra.”

“Cô Dina, tôi xin chúc miệng cô luôn ngọt như đường, nếu có chuyện như thế thật,” Ishvar nói. “Nhưng trước khi những người như chúng tôi có thể có nhà ở hay cửa tiệm, các chính trị gia sẽ phải trở nên trung thực trước đã.” Ông giơ ngón trỏ ra, co nó lại, rồi duỗi thẳng. “Cây gậy cong còn có thể uốn cho thẳng, chứ chính phủ thì chịu.” Thực ra, ông nói, chuyện ông lo nhất là làm sao Om cưới nổi vợ nếu như hai bác cháu không thể tìm được một chỗ để ở?

“Chắc chắn khi cậu ấy đã sẵn sàng làm đám cưới thì sẽ có chuyển biến thuận lợi thôi,” Dina nói.

“Tôi nghĩ giờ nó đã sẵn sàng lắm rồi.”

“Cháu thì nghĩ ‘nó’ chưa sẵn sàng đâu,” Om gắt. “Sao bác cứ nhai nhải mãi về chuyện cưới xin thế nhỉ? Bác nhìn Maneck đây này, tuổi cũng như cháu, mà có ai vội định ngày cưới cho cậu ấy đâu? Bố mẹ cậu có hối thúc gì không, Maneck? Mau, nói đi, dạy cho ông bác tớ ít điều hơn lẽ thiệt đi.”

Maneck nhún vai và đáp không, họ chẳng hối thúc gì hết.

“Tiếp đi, nói cho bác ấy biết cả những phần còn lại nữa. Rằng bố mẹ cậu sẽ chờ đến khi cậu gặp được một người cậu thích. Và nếu cậu quyết làm đám cưới, chỉ tới lúc đó họ mới đi cắt đặt mọi việc. Tớ muốn mình cũng được như thế.”

“Omprakash, mày đang nói nhăng nói cuội gì thế,” bác cậu nổi giận đùng đùng trước nguyện vọng lố bịch của thằng cháu. “Chúng ta xuất thân từ những cộng đồng khác hẳn, có phong tục tập quán khác hẳn. Vì bố mẹ mày đều không còn nữa, nên bác có nghĩa vụ phải tìm cho mày một cô vợ.” Om nhăn nhó.

“Xem cái mặt khỉ kìa,” Maneck nói, cố xoa dịu trận chiến đang dần nhen nhóm. “Có điều, cháu phải cảnh báo dì một việc. Dì chưa thể đẩy cháu đi sau hai tháng nữa đâu.” “Tại sao lại thế?”

“Cháu vừa quyết định sẽ học đại học thêm ba năm nữa, để kiếm hẳn một cái bằng nghiêm chỉnh thay vì chỉ lấy một cái chứng chỉ kỹ thuật viên.”

Niềm vui sướng trào thẳng lên khuôn mặt cô; cô bèn đẩy nó xuống một nơi đỡ lộ liễu hơn. “Quyết định như thế là sáng suốt đấy. Một tấm bằng bao giờ chả giá trị hơn.”

“Thế cháu có thể tiếp tục ở với dì được không? Ý cháu là sau kì nghỉ về thăm nhà ấy?”

“Hai người nghĩ sao? Chúng ta có nên cho phép Maneck quay lại không?”

Ishvar cười. “Với một điều kiện. Là cậu ấy không được gieo rắc những ý tưởng điên rồ vào đầu thằng cháu tôi.”

Chuyện đám cưới của thằng cháu không thôi ám ảnh Ishvar. Ông lôi nó ra trong mọi dịp có thể, còn Dina chỉ nhẹ nhàng can ngăn. “Công việc đang dỗi dằn, và rốt cuộc hai bác cháu cũng tích góp được chút ít. Sao phải vội gánh trách nhiệm mới? Đứng lúc tình hình đang tốt lên?”

“Có một lý do còn chính đáng hơn,” Ishvar nói. “Phải tranh thủ trước khi tình hình lại xấu đi.”

“Điều đó chắc chắn sẽ xảy ra, dù Om có lấy vợ hay không,” Maneck nói. “Mọi chuyện đều sẽ dẫn đến kết cục tệ hại. Đó là quy luật của vũ trụ rồi.”

Khuôn mặt Ishvar trông như thể ông vừa phải ăn một cái tát. “Tôi cứ nghĩ cậu là bạn của chúng tôi cơ đấy,” ông nói, giọng lạc đi vì đau đớn.

“Đúng là thế. Nhưng cháu nói thế đâu phải vì có ý gì xấu. Cứ nhìn ra thế giới xung quanh chú mà xem. Nhiều lúc, mọi sự dường như đầy hứa hẹn, nhưng cuối cùng tất cả...”

“Triết lý thế đủ rồi đấy,” Dina nói. “Nếu cháu không nói được gì tử tế, thì đừng nói gì nữa. Cứ giữ những suy nghĩ u ám ấy cho một mình cháu thôi. Dì cũng không đồng tình với chú Ishvar, nhưng chẳng có lý do gì để nói ra những câu gở mồm gở miệng như thế cả.”

“Nhưng cháu đâu phải không đồng tình, chỉ là...”

“Đủ rồi! Cháu làm Ishvar tổn thương như thế là đủ rồi!”

Nỗi đau không thể ngăn quyết tâm của Ishvar lớn lên. Hai ngày sau, ông tuyên bố, giọng rờ rạc không chắc chắn, rằng ý ông đã quyết. “Cách tốt nhất là viết một lá thư cho ông trẻ Ashraf, nhờ ông đánh tiếng trong cộng đồng của chúng ta.”

Om ngừng may và nhìn ông bác đầy khinh bỉ. “Đầu tiên bác cứ mơ chúng ta sẽ tích góp ít nhiều, quay về làng, và mở một cửa hiệu nhỏ. Giờ bác đã lại có giấc mơ mới rồi. Sau bác không tỉnh dậy để đổi gió một tí đi?”

“Có gì sai đâu khi đánh đổi một giấc mơ phi thực tế bằng một giấc mơ thực tế? Đợi mở được cửa hiệu thì lâu lắm. Nhưng chuyện cưới xin thì không thể trì hoãn thêm nữa. Rồi, bác sẽ viết thư cho ông trẻ.”

“Cháu cảnh cáo bác, nếu *chính bác* muốn tìm cho mình một cô vợ thì hãy viết thư cho ông trẻ.”

“Cô có nghe thấy không? Thằng cháu tôi đang cảnh cáo tôi cơ đấy.” Ông rũ bỏ vẻ ngoài điềm tĩnh; cái má trái méo mó phủ mây mù lên cả khuôn mặt. “Bác bảo gì, mày làm nấy,

hiểu chưa? Bác đã nuông chiều mày quá rồi, ngài Omprakash ạ, quá nuông chiều. Phải người khác thì mấy năm qua đã dần cho mày mềm xương rồi.”

“Kệ bác, cháu chẳng sợ mấy câu dọa dẫm của bác đâu.”

“Nghe nó nói đấy. Chỉ mới vài tháng trước thôi, hồi còn ở trại lao động, tối nào mày cũng gục vào tay tao mà khóc. Vừa sợ vừa ốm, lại nôn trớ như đứa trẻ con. Giờ thì mày khỏe thế, bướng thế. Và vì sao kia chứ? Vì tao muốn những gì tốt nhất cho mày ư?”

“Chẳng ai phủ nhận chuyện đó,” Dina xen vào, hi vọng Ishvar sẽ sáng ra nếu cô góp giọng để phản đối ông. “Nhưng vội vã mù quáng như thế là không sáng suốt. Nếu Om đến lúc muốn cưới vợ, tình hình sẽ khác hẳn. Anh vội gì chứ?”

Ông cảm thấy họ đang kết bè kết cánh chống lại ông. “Đấy là bốn phận của tôi,” ông lầm bầm bằng giọng giận dữ của một con người chín chắn uyên bác, ra ý mình là kẻ quyết định cuối cùng. Rồi ông quay về với công việc. Trong lúc lơ đãng rút một mảnh vải ra, ông làm cả chồng vải đổ tung tóe.

“Tuyệt!” Cô lập tức nhảy xổ vào. “Giỏi lắm! Nào, kéo sập cả cái nhà này đi. Anh đã thấy bốn phận cấp bách của anh ảnh hưởng đến anh thế nào chưa? Đấy là chứng cuồng – chứng cuồng, chứ đâu phải bốn phận.” Cô giúp ông gom nhặt lại những tấm vải rơi. “Giá mà con mèo khốn kiếp đó không bỏ con trong bếp nhà tôi. Chính nó đã nhồi nhét cái ý tưởng điên rồ này vào đầu anh.”

Trong vài ngày sau đó, nỗi trăn trở của Ishvar đã được chuyển thành sự vụng về bên chiếc máy Singer. Những lỗi sai hỏng liên tục nảy ra trên sản phẩm may của ông như những lá bài lỗi trong một trò ảo thuật, càng tạo cơ hội cho Dina chỉ ra sự nguy hiểm từ lối suy nghĩ cư xử của ông. “Cơn cuồng đám cưới của anh sẽ hủy hoại công việc làm ăn của chúng ta mất. Anh sẽ khiến thức ăn biến mất khỏi đĩa của chúng ta đấy.”

“Tôi xin lỗi, đầu óc tôi chẳng tập trung được mấy,” Ishvar nói. “Nhưng đừng lo, giai đoạn này rồi sẽ qua thôi.”

“Anh nói đừng lo là có ý gì cơ? Làm sao nó qua được? Một khi cháu anh có một cô vợ, sẽ nảy ra một đàn con. Rồi lúc đó trong đầu anh sẽ còn phải lo thêm khối thứ nữa. Họ sẽ ở vào đâu? Và ngân ấy miệng ăn phải nuôi. Anh muốn phá hoại bao nhiêu cuộc đời nữa đây?”

“Đối với cô thì đó có vẻ là phá hoại. Điều tôi đang làm chỉ là xây nền móng cho hạnh phúc của Om. Một cái đám cưới không thể xảy ra trong ngày một ngày hai. Phải mất bét ra một năm chúng tôi mới có thể thỏa thuận được cái gì đó. Nếu cô gái còn quá nhỏ tuổi, có khi bố mẹ cô ta sẽ muốn chờ thêm. Tôi chỉ muốn tìm một đám vừa vai phải lứa và để dành trước cho thằng cháu tôi mà thôi.”

“Giống đặt vé tàu hỏa ấy,” Maneck xen vào, Om bèn cười phá lên.

“Cậu có một thói rất xấu,” Ishvar nói. “Là toàn đem những chuyện cậu không hiểu ra làm trò cười.”

Còn cách nào khác đâu, Maneck nghĩ thầm. Nhưng cậu thúc thời ngậm miệng để khỏi làm Ishvar cáu thêm.

Thư trả lời của ông trẻ Ashraf đến trong một chiếc phong bì đóng đầy dấu đen ngang dọc trên con tem bưu điện. Trên mặt ghi ngày tháng, bưu cục, và một dòng khẩu hiệu: KỶ NGUYÊN CỦA KỶ CƯƠNG, đi liền với nó là một dấu chấm than đầy đe dọa nom hết như một cây dùi cui.

Tất cả nồn nóng chờ Ishvar xé phong bì và thông báo tin tức. Mắt ông lướt ngang tờ giấy với vẻ ngập ngừng của một người không quen đọc, loạng choạng lần mò giữa những dòng chữ run rẩy của ông trẻ Ashraf. Ông cười toe toét một lần, rồi lộ vẻ bối rối, và nhú mồm khi đọc đến cuối, tất cả những biểu hiện ấy đều khiến Om vô cùng sốt ruột.

“Ông trẻ vẫn rất khỏe mạnh,” Ishvar nói. “Ông nhớ bác cháu ta lắm. Ông nói chắc bọn quỷ dữ đã giam giữ thời gian lại mất rồi, nên thì giờ mãi chẳng thấy trôi đi. Ông rất mừng vì Om sẽ lấy vợ. Ông cũng đồng ý là việc này không nên bị trì hoãn.”

“Còn gì nữa không ạ?”

Ishvar thở dài. “Ông đã nói chuyện với mọi người trong cộng đồng của chúng ta.”

“Và?”

“Có bốn gia đình Chamaar quan tâm.” Ông lại thở dài.

“Hoan hô,” Maneck reo lên, đoạn đâm thùm thụp vào lưng Om. “Cậu đặt mỗi thế còn gì.” Om gạt tay cậu ra.

“Nhưng anh Ishvar, tin này phải làm anh vui mới phải chứ,” Dina nói. “Sao lại lo lắng thế? Đấy chẳng phải là điều anh muốn hay sao?”

Ông xào xáo hai tờ giấy, như thể ước gì vẫn còn thêm. “Phần đó thì tôi vui. Khó khăn ở phần khác kia.”

Họ chờ đợi. “Bác định nói cho mọi người biết hôm nay hay ngày mai?” Om hỏi.

Ishvar gãi gãi bên má liệt cứng. “Bốn gia đình quan tâm đều muốn chong chóng lên. Mọi người cũng biết đấy, còn có những nhà khác cũng có con trai đến tuổi dạm vợ mà. Cũng may, ông trẻ đã nói tốt giùm chúng tôi – ông bảo Om đang làm việc cho một công ty xuất khẩu lớn trên thành phố, một đám rất tốt cho bất kì cô gái nào. Nên các gia đình muốn chúng tôi chọn và quyết định trong vòng tám tuần tới.”

“Thế thì vội quá,” Dina nói. “Anh phải từ chối họ thôi.”

Trong suốt một năm ông và thằng cháu làm việc cho Dina, Ishvar chưa một lần cao giọng. Và nay, khi ông làm thế, ai nấy đều giật nảy mình, bao gồm cả chính ông.

“Cô là cái thá gì mà dám nói vào! Cô là cái thá gì mà dám bảo tôi cái gì là tốt nhất cho cháu tôi trong việc này, trong quyết định hệ trọng nhất của đời nó! Cô biết gì về chúng tôi, về xuất thân của nó, về bốn phận của tôi, mà cho là mình có thể khuyên bảo những chuyện kiểu này!”

Ishvar thường là người dàn hòa mọi người, luôn ăn nói dịu dàng nhã nhặn, bỗng nổi trận lôi đình và hoa chân múa tay tán loạn. “Cô nghĩ cô sở hữu cháu tôi và tôi ư? Chúng tôi không phải nô lệ của cô, chúng tôi chỉ làm việc cho cô mà thôi! Hay cô thích bảo chúng tôi phải sống thế nào, bao giờ mới được chết!”

Và rồi, vì ông không hề có chút kinh nghiệm nào với cảm xúc giận dữ, và không biết một cơn thịnh nộ nên kết thúc ra sao, ông bật khóc, và bỏ ra hành lang.

“Tốt thôi!” Cô quát vọng theo ông, khi rốt cuộc đã tìm lại được tiếng nói của mình. “Cứ làm những gì anh thích! Nhưng đừng trông chờ tôi cung cấp chỗ trú thân cho vợ với con với cháu chắt nhà anh.”

“Tôi chẳng trông chờ cái gì từ cô cả!” Ông quát lại, giọng lạc đi.

Dina chạy ra phòng ngoài để được ở một mình; cô không còn tin tưởng bản thân mình

hay cái lưỡi của mình nữa. Toàn thân run lấy bầy, cô ngồi xuống sô pha bên cạnh Maneck. “Bình tĩnh lại, dì ơi, chú ấy không có ý như thế đâu.”

“Dì không quan tâm ông ta có ý gì,” giọng cô run lên. “Nhưng cháu đã thấy chưa? Chính tai cháu đã nghe rồi đấy. Sau tất cả những gì dì đã làm – cho họ vào nhà mình, đối xử với họ như ruột thịt – thế mà ông ta dám quát vào mặt dì như quát một con chó. Dì sẽ tổng cổ cả hai bác cháu nhà ông ta ra đường ngay bây giờ.”

“Tổng thì tổng!” Đứng ngoài hành lang, Ishvar cũng quát lại. “Tôi đếch cần!” Ông khụt khịt để ngăn nước mũi chảy xuống, và nếm thấy có vị mặn mặn.

Đưa một ngón tay lên môi, Maneck ra hiệu cho cô lờ ông đi. “Cứ động đến vụ cưới xin này là chú ấy lại suy nghĩ hoàn toàn phi lý trí,” cậu nói nhỏ. “Dì cãi nhau với chú ấy làm gì.”

“Chỉ vì dì thương hại Om thôi. Nhưng cháu nói đúng, đây là chuyện giữa cậu ta và bác cậu ta. Họ muốn làm gì mặc kệ. Việc này đã biến thành rắc rối to mất rồi.”

Ngồi ở phòng trong, Om nghe hết những gì ba người nói, cậu vui mặt vào hai bàn tay.

Những giờ đồng hồ của buổi chiều hôm đó rề rề đi qua trong vô vọng, chẳng mấy may làm thay đổi chút gì. Lá thư của ông trẻ Ashraf bị bỏ lầy lất trên bàn ăn. Chiếc kim giờ của đồng hồ rơi từ vạch nọ sang vạch kia như một viên đá. Không ai pha trà, cũng không ai ra uống trà. Ishvar trốn ngoài hành lang, Om ở phòng trong, Maneck và Dina ở phòng ngoài: cả hộ gia đình đã tê liệt.

Mặt trời rơi về phía chân trời, ánh sáng bắt đầu đổi màu. Một ngọn gió ghé qua từng ô cửa sổ, khẽ lay động lá thư. Chẳng mấy chốc sẽ đến giờ ăn tối – đã tới lúc làm bánh chapati. Om đã đói meo.

Cậu đi quanh nhà, đôi dép giẫm lẹp bẹp một cách có chủ đích. Cậu uống nước, cố tình để chiếc cốc chạm lanh canh vào bình. Cậu muốn âm thanh cậu tạo ra chạm đến ba người kia; những âm thanh thân thiện có thể làm tan chảy sự thù nghịch. Cậu ngồi xuống, gõ gõ tay lên mặt bàn máy may, đưa kéo lạch xạch, quần sáu cuộn chỉ. Rồi cậu đi ra phòng ngoài.

Hai dì cháu mừng rỡ thấy cậu đã ra. Maneck nháy mắt. “Ghê thật đấy. Chú ấy nổ tung như một quả Bom Nguyên Tử Divali.”

Om cố nặn ra một tràng cười cụt lủn. “Tớ chẳng biết phải làm thế nào với ông bác tở nữa,” cậu tỏ thật, giọng khe khẽ. “Tớ lo cho bác ấy lắm.”

Lời lẽ của cậu khiến Dina buồn cười, vì nó gợi nhớ những lời mà Ishvar, người hòa giải, thường nói khi Om tỏ ra thô lỗ, may vá ẩu tả, hoặc cư xử không phải phép. “Cứ kiên nhẫn,” cô nói.

“Chả hiểu ba trò cưới xin này có cái gì mà khiến con người ta thành ra điên loạn thế không biết. Cứ động đến chuyện này là bác ấy rồ đại hết cả lên.”

“Phải, cứ như phát cuồng,” Dina nhảu nhó. “Làm tôi lại nhớ đến ông anh trai tôi.”

“Cô cứ đợi đấy, để cháu sửa cho ông bác cháu một trận.” Cậu đi ra ngoài hành lang, ở đó, Ishvar đang ngồi khoanh chân trên sàn bên cạnh bục chân gối.

“Bác điên hay sao mà dám nói năng như thế với người đã đối tốt với chúng ta nhường ấy?” Om lên giọng quở mắng, tay khoanh lại trước ngực.

Ishvar ngược lên, miệng nở nụ cười yếu ớt. Ông cũng nghe thấy trong lời lẽ của thằng cháu thứ thanh âm mà Dina đã phát hiện ra. Sau cơn giận dữ bộc phát kì quặc của mình, ông cảm thấy hoang mang, ngu ngốc, và đã sẵn sàng sửa lỗi.

“Bác phải ra xin lỗi cô Dina ngay cho cháu. Nói với cô ấy là bác đã mất trí rồi, bác không định nói ra những câu thô lỗ như thế. Bác đi ngay đi. Nói là bác tôn trọng ý kiến của cô ấy, bác đã hiểu cô ấy nói thế cũng chỉ vì quan tâm đến chúng ta. Bác đứng dậy đi, mau lên.”

Bác cậu giơ một tay ra; Om nắm lấy, ngả người ra đằng sau kéo ông dậy. Ishvar lê bước vào phòng ngoài và đứng ngượng nghịu trước ghế sofa để xin lỗi. Đối với Dina, đó chỉ là một tiết mục diễn lại: bài thuyết giảng ngoài hành lang vọng vào phòng rõ mồn một. Nhưng cô vẫn ngồi trơ trơ, mắt dán vào bức tường bên tay phải của mình.

Vốn từ đã hầu như cạn kiệt, Ishvar thở dài. “Cô Dina, để cảm ơn lòng tốt của cô và xin cô tha thứ cho sự thô lỗ của tôi, tôi xin quỳ dưới chân cô.” Ông khụy chân xuống, và lời đe dọa lập tức phát huy tác dụng.

“Anh dám,” cô đành phá vỡ sự im lặng về phía mình. “Anh thừa biết trò đấy làm tôi cảm thấy thế nào rồi còn gì. Chúng ta sẽ không nhắc nhỡ gì đến tất cả những việc này nữa.”

“Vâng. Đây là vấn đề của tôi, tôi đồng ý sẽ tự nghĩ ngợi một mình thôi.”

“Tốt thôi. Cậu ấy là cháu anh, và bổn phận của người cha nằm ở anh.”

Thỏa ước đã bị chính Ishvar phá bỏ ngay tối hôm sau. Vụ thư từ mà ông đã khơi mào vẫn chưa được giải quyết, và cuộc thử thách đẩy ông vào những cơn trần trở dần vật khổ sở. Cứ chốc chốc, những tiếng thở dài “*Hai Ram*” lại hắt ra từ miệng ông. Nguyên nhân thực sự dẫn đến cơn bùng nổ ngày hôm qua nay mới trở nên sáng rõ với tất cả mọi người.

“Cơ hội thì đã hoàn hảo,” ông than thở. “Có điều, nó đến trước khi chúng tôi sẵn sàng đón nhận nó.”

“Om là một anh chàng đẹp trai,” Maneck nói. “Cứ trông mái tóc bóng bẩy của cậu ấy mà xem. Cậu ấy thì cần gì giấu trước đám họ đám kia. Những cô nàng xinh đẹp nhất chả xếp hàng dài chờ cưới cậu ấy ấyl chứ.”

Ishvar quay ngoắt lại và giơ tay lên, ngón tay ông chỉ còn cách mặt Maneck một phân. “Cậu thôi ngay pha trò về một chuyện nghiêm túc như thế đi nhé.”

Trong giây lát, người ta phải tưởng ông sắp đánh Maneck đến nơi; nhưng rồi ông buông thông tay xuống. “Tôi coi cậu như con trai, như anh em của Om. Thế mà cậu đối xử với tôi như thế này ư? Giấu cợt và nhạo báng một chuyện hệ trọng đến nhường này đối với tôi ư?”

Maneck ăng hòng; cậu có cảm giác mình nhìn thấy nước ăng ặng dâng lên mắt Ishvar. Nhưng trước khi cậu kịp nghĩ ra câu gì để vỗ về ông, Om đã kịp can thiệp: “Bác loạn trí thật rồi, bác còn không thể chấp nhận nổi một câu đùa nữa. Cứ hể có chuyện gì là bác chỉ toàn giở giọng bi kịch nghiêm trọng thôi.”

Bác cậu gật đầu hiền lành. “Biết làm thế nào được, việc này làm bác lo lắng quá đỗi. Ấy dà, từ nay trở đi bác sẽ câm như hến và chỉ im lặng suy nghĩ thôi.”

Nhưng ông tha thiết muốn nghe ý kiến của mọi người, muốn có một cuộc thảo luận nghiêm túc, một sự đồng thuận có lợi để nguy trang cho nỗi ám ảnh của mình. Và chỉ trong vài phút ông đã khơi lại việc. “Ai mà biết được đến khi nào một cơ hội vàng như thế này mới lại xuất hiện? Có tới bốn gia đình tử tế để lựa chọn. Lắm người mất cả đời cũng

chả tìm được một đám xứng đôi vừa lứa.”

“Cháu còn quá trẻ để lấy vợ mà,” Om chán chường lặp lại. “Lấy sớm còn hơn lấy muộn.”

“Nhờ công việc may vá của chúng ta đình trệ vì một cuộc đình công hay gì đó thì sao?” Dina chen vào. “Thời buổi này bất trắc lắm, anh không thể tin chắc được việc gì cả đâu.”

“Như thế thì càng có lý do để làm đám cưới. Hồng phúc của một cô vợ mới sẽ thay đổi cuộc sống của tất cả bọn ta theo chiều hướng tốt lên.”

“Kể cả nếu chuyện đó có thật, thì lấy đâu ra chỗ cho cô ta trong căn hộ bé tí teo này?”

“Tôi chẳng dám mơ đòi thêm chỗ đâu. Cái hành lang là đủ lắm rồi.”

“Cho anh và Om, rồi thêm cả vợ cậu ấy nữa? Cả ba người chen nhau ngoài hành lang?” Cái ý tưởng nghe mới lỗ bịch làm sao. “Anh đùa tôi đấy ư?”

“Không, cô Dina, tôi có đùa đâu. Lần tới tôi đi tìm nhà thuê, cô cũng nên đi cùng tôi, để xem các gia đình sống thế nào. Tám, chín, thậm chí mười người chen chúc trong một căn phòng bé tí. Người nọ nằm phía trên đầu người kia mà ngủ trên những cái kệ lớn kê kín từ sàn lên trần, y như giường tầng ở các toa tàu hạng ba ấy. Thậm chí ngủ ngay trong tủ hoặc trong phòng vệ sinh. Cầm cự qua ngày cứ như hàng hóa trong kho ấy.”

“Tôi biết hết mấy vụ đấy. Anh không phải lên lớp tôi, tôi đã sống ở cái thành phố này cả đời mình rồi.”

“Nếu so với những cảnh khốn khổ ấy, thì ba người trên một cái hành lang đã là rộng rãi thoải mái lắm rồi,” ông hào hứng nói. “Nhưng tôi cũng không dám nài ép cô đâu. Nếu cô không muốn, chúng tôi sẽ quay về làng sống. Việc quan trọng là đám cưới của Om. Một khi chuyện đó xong xuôi, bốn phận của tôi thế là hoàn thành. Những chuyện còn lại không quan trọng.”

Một tuần sau khi nhận được lá thư của ông trẻ Ashraf, Ishvar mới có đủ can đảm để xúc tiến việc xem mặt bốn cô dâu tiềm năng. Ông viết thư trả lời, khó nhọc nặn ra từng chữ, rằng Om và ông sẽ quay về trong vòng một tháng. “Như thế chúng tôi sẽ có đủ thời gian để may nốt số váy cô mang về hôm qua,” ông nói với Dina. Theo những câu hỏi đáp trong thư, sự điềm tĩnh ngày nào dần quay về với ông, trùm phủ lên người ông như một chiếc áo sơ mi.

Dina cảm thấy vô cùng khó hiểu: một người chín chắn biết điều như Ishvar đột nhiên lại biến thành phi lý trí. Phải chăng ông đang mưu tính một kiểu tống tiền nào đó? Phải chăng ông hi vọng rằng vì cần đến tay nghề của hai bác cháu, cô sẽ buộc phải cuu mang cả vợ của Om nữa?

Mỗi nghi ngờ của cô lúc sôi lúc tắt. Nó bùng lên mạnh mẽ hơn mỗi khi ông một hai quả quyết rằng vận số của Dina sẽ thay đổi nếu cô dâu mới dọn vào ở trong căn nhà này. “Cô sẽ nhận ra sự khác biệt ngay từ giây phút con bé bước qua ngưỡng cửa nhà cô, cô Dina ạ. Ai cũng biết các cô con dâu có khả năng thay đổi vận mệnh của cả gia đình.”

“Cô ấy không phải là con dâu của tôi, cũng chẳng phải của anh,” Dina bẻ lại.

Nhưng Ishvar dễ gì mà bị nao núng vì một tiểu tiết lật vạt như vậy. “Con dâu chỉ là một từ thôi mà. Cô thích gọi nó là gì tùy ý. Bàn tay của vận may đâu có bắt bẻ về từ ngữ.”

Cô lắc đầu vì chán nản và buồn cười. Cô chẳng thể hình dung Ishvar lại giở trò lừa dối thế được. Nỗi bất lực của ông trong việc che đậy cảm xúc thì ai cũng biết. Nếu đầu óc ông đang rối ren, những ngón tay ông chẳng bao giờ chậm trễ để tố cáo tâm trạng hoang mang

ấy; khi ông vui vì chuyện gì đó, nửa nụ cười của ông bùng nổ một cách vô phương kiềm tỏa, vòng tay ông sẵn sàng ôm trọn cả thế giới. Những mưu mô xảo trá không thể sinh sôi trong một nhân cách cởi mở như thế.

Cô gạt bỏ mối nghi ngờ của mình về vụ tổng tiền. Xem ra sẽ có lý hơn nếu gán chuyện đó cho một người như Nusswan. Giờ thì ông ta đủ khả năng làm đủ mọi trò lật lọng đổi mặt ma mãnh. Nếu cứ cố đoán biết hành động của ông, khéo người ta phải phát điên mất. Cô tự hỏi không biết mọi sự sẽ ra sao khi lũ cháu nhà cô đến tuổi dựng vợ gả chồng. Cũng chẳng còn là trẻ con nữa – Xerxes và Zarir đã là những người đàn ông trưởng thành. Và Nusswan đang cố chọn vợ cho chúng, vận dụng lại hết những chiêu trò ông ta có được hồi bắt tay vào tìm một tấm chồng cho cô em.

Cô vẫn còn nhớ những năm tháng khi hai đứa cháu còn nhỏ. Hồi ấy thật vui, nhưng cũng thật ngán ngùi. Mấy đứa nhỏ đã khổ sở biết bao mỗi lần Nusswan và Ruby và cô cãi cọ, khắp nhà đầy tiếng la hét và quát tháo. Chúng không biết phải về phe ai, phải chạy đến chỗ bố hay chỗ cô để xin dàn hòa. Nhìn lại, cô đã bỏ lỡ rất rất nhiều thứ. Những năm đi học, sổ liên lạc, các lễ trao giải, những trận cric-kê, những chiếc quần dài đầu tiên của hai đứa. Độc lập đi kèm một cái giá đắt: một món nợ với khoản trả định kì bằng nỗi đau và cảm giác nuối tiếc. Nhưng phương án còn lại là chấp nhận cúi mình dưới ách của Nusswan thật không thể chấp nhận nổi.

Như mọi khi, mỗi lần ngẫm lại quá khứ, Dina đều tin rằng tốt hơn hết cô nên sống một mình. Cô cố tưởng tượng ra Om khi đã là một người đàn ông có gia đình, cố tưởng tượng ra một cô vợ bên cạnh cậu, một người phụ nữ cũng có dáng dấp mảnh khảnh như cậu. Một bức ảnh cưới. Om vận bộ quần áo mới hồ bột cứng đờ, đội trên đầu chiếc khăn xếp đám cưới vĩ đại. Vợ mặc sari đỏ. Một cái vòng cổ khiêm tốn, khuyên mũi, khuyên tai, vòng xuyên – và gã chủ nợ châu chực bên cánh gà, sung sướng trông sợi thông lọng vào cổ họ. Và lúc đó cô sẽ ra sao? Và mọi sự sẽ ra sao khi rốt cuộc cũng có một thêm một người phụ nữ khác sống trong căn nhà này?

Một bức tranh dần dần phôi thai, và Dina để nó thành hình trong hai ngày, thêm chiều sâu và chi tiết, màu sắc và hình khối. Vợ Om, đứng trên ngưỡng cửa trước. Đầu cô rụt rè cúi thấp. Đôi mắt cô lấp lánh khi cô ngẩng lên, miệng cô nở nụ cười then thừng, đôi môi bị những ngón tay che lại. Ngày ngày dần trôi. Đôi khi người phụ nữ trẻ ngồi một mình bên cửa sổ, nhớ về chốn cũ. Dina ngồi xuống bên cô và động viên cô nói chuyện, tâm sự với mình về cuộc đời cô đã bỏ lại sau lưng. Và mãi rồi vợ Om mới cất lời. Thêm những bức tranh khác, những câu chuyện khác...

Sang ngày thứ ba, Dina nói với Ishvar: “Nếu anh thực sự nghĩ hành lang đủ rộng cho ba người, chúng ta có thể thử sắp xếp xem sao.”

Ông nghe được lời cô nói xuyên qua tiếng lạch xạch của máy khâu, và phanh kít bánh đà lại, lòng bàn tay ông đập sầm lên bánh.

“May mà anh đang đập máy may chứ không phải là lái ô tô đấy,” cô nói. “Nếu không, khách của anh đã được chở thẳng sang thế giới bên kia rồi.”

Vừa cười ha hả, ông vừa nhảy bật khỏi ghế. “Om! Om, nghe này!” Ông gọi vọng ra ngoài hành lang. “Cô Dina đồng ý rồi đấy! Vào đây, vào cảm ơn cô ấy mau!” Rồi ông nhận ra chính mình cũng chưa làm việc đó. “Cảm ơn cô!” Ông chấp hai tay lại. “Lại một lần nữa, cô giúp chúng tôi một việc mà không cách gì báo đáp nổi!”

“Chỉ là thủ thôi. Sau này hãy cảm ơn tôi, nếu mọi việc suôn sẻ.”

“Chắc chắn sẽ suôn sẻ, tôi hứa đấy! Tôi đã đoán đúng về lũ mèo... lũ mèo đã trở lại... và tôi sẽ đoán đúng cả về việc này nữa, tin tôi đi,” ông nói, ngạt thở vì sung sướng. “Cái chính là, cô sẵn lòng giúp đỡ. Việc đó cũng không khác nào được nhận lời chúc phúc của cô. Đây là chuyện quan trọng nhất – quan trọng nhất.”

Không khí trong căn nhà thay đổi hẳn, và Ishvar không thể ngừng cười hớn hở với những đường may ông vừa tạo ra. “Mọi việc sẽ rất hoàn hảo, cô Dina ạ, tin tôi đi. Cho tất cả chúng ta. Nó sẽ rất được việc cho cô. Nó có thể dọn dẹp nhà cửa, đi chợ, nấu nướng cho...”

“Anh kiếm vợ hay kiếm người ở cho Om thế?” Cô vặn lại bằng giọng cay độc.

“Không không, không phải người ở,” ông đáp vẻ trách móc. “Làm sao mà thành người ở cho được, nếu nó chỉ thực hiện bốn phận người vợ của mình mà thôi? Người ta còn biết tìm hạnh phúc bằng cách nào khác ngoài hoàn thành bốn phận của mình?”

“Không thể có hạnh phúc nếu thiếu sự công bằng,” cô nói. “Nhớ lấy điều đó, Om ạ – đừng để ai nói khác với cậu.”

“Chính xác,” Maneck nói, cố che giấu nỗi buồn không thể cắt nghĩa nổi đang ập đến với mình. “Và nếu cậu cư xử không phải, Ô Bachchan cùng cây ô in hình ngôi chùa sẽ chinh đốn cậu đến nơi đến chốn.”

Dina có cảm giác việc cô chấp thuận “mở cửa” hành lang đã hợp thức hóa một vị trí cho chính cô trong đám cưới của Om và cho cô những quyền nhất định. Cậu bé đã chung sống rất hòa thuận trong mấy tháng vừa qua, cô thầm nghĩ. Những trận ngứa da đầu đã biến mất và mái tóc của cậu đã khỏe mạnh bình thường, không còn sưng sưng thứ dầu dừa nồng nặc nữa. Về khoản cuối này, công lao thuộc về Maneck và nỗi ghê tởm cậu dành cho các thể loại chất nhờn trên tóc.

Một cách chậm rãi nhưng chắc chắn, Om đã tái tạo bản thân trong hình ảnh của Maneck, từ kiểu tóc cho đến hàng ria mép lơ thơ và quần áo. Mới đây nhất, cậu đã tự may quần ống loe cho mình, mượn quần của Maneck để xem kiểu cách. Thậm chí cậu còn có mùi hương giống hệt Maneck, nhờ có xà phòng Cinthol và bột tan Lakmé. Và Maneck cũng học hỏi từ Om – thay vì đi giày xỏ tất đủ lẹ bộ mọi lúc mọi nơi giữa tiết trời nóng bức khiến chân cậu bốc mùi khi đến cuối ngày, nay cậu đã chịu đi xăng đan.

Nhưng sự sao chép chỉ càng tô đậm thêm điểm khác biệt giữa đôi bên: Maneck cường tráng, to xương, còn Om chỉ có một bộ khung mỏng mảnh như của loài chim. Xem ra Maneck xem ra sẵn sàng làm chồng hơn nhiều, chứ không phải Om, cậu bé lỏng lẻo mười tám tuổi, cô Dina trộm nghĩ thế.

Thêm một lần nữa, cô càng ý thức sâu sắc về cái thân thể gầy đau gầy đón đang lượn lờ phất phơ quanh ngôi nhà, nhất là trong bếp vào mỗi buổi tối, khi cô mê mải ngắm nhìn những ngón tay phủ trắng bột mì bay lượn, nhào trộn bột và cán mỏng bánh chapati. Chiếc chày cán bột di động như có phép thuật dưới bàn tay cậu. Kỹ thuật của cậu, và niềm vui cậu tìm thấy trong công việc ấy có một hiệu ứng mê hoặc. Nó khiến cô muốn bỏ dở việc mình đang làm để chỉ đứng mà nhìn.

Cô nhớ lại khoảng thời gian Om sống cùng mình. Cô đã quan sát cậu ngốn ngấu những bữa ăn thịnh soạn, với khối lượng không có chút gì tương đương với mức chim ăn. Điều đó giúp loại trừ một khả năng – cậu bị thiếu cân vì ăn uống không đủ. Và mỗi nghi ngờ ban đầu của cô, nảy sinh cách đây đã một năm, lại quần quai chuối lên.

“Thế này thì chẳng ăn thua gì đâu,” cô nói, đem vấn đề ra bàn bạc với Ishvar. “Nhờ có anh, cậu bé sắp đảm nhiệm một trọng trách lớn. Nhưng cậu ấy sẽ làm chồng, làm cha kiểu

gì với một cái bụng đầy giun?”

“Sao cô lại đoán chắc thế, cô Dina?”

“Cậu ấy kêu đau đầu, rồi bị ngứa ở chỗ kín. Cậu ấy ăn nhiều, nhưng người ngợm vẫn rất da bọc xương. Triệu chứng như thế thì còn chệch đi đâu được nữa.”

Hôm sau, cô đưa Ishvar xem lọ thuốc giun màu nâu sậm cô vừa mua ở hiệu thuốc. “Đây là món quà cưới ý nghĩa nhất mà tôi có thể tặng cậu ấy.”

Thứ chất lỏng màu hồng này phải được uống hết trong một liều duy nhất. Ông ngẫm nghĩ nó, mở nắp để ngửi thử: mùi vị không lấy gì làm dễ ưa. Nếu Om được chữa tiết nọc trước đám cưới thì tốt quá, ông nghĩ bụng. “Nhưng nhờ nguyên nhân là thứ gì đó khác, chứ không phải giun thì sao?”

“Chẳng sao, thuốc này cũng sẽ không gây hại gì. Nó chỉ hoạt động như một chất thanh lọc. Cậu ấy phải nhịn ăn tối nay, rồi chờ đến khuya mới uống thuốc. Đây này, trên nhãn chai có giải thích hết đấy.”

Nhưng các chỉ dẫn vốn phức tạp đối với vốn tiếng Anh thô sơ của ông, khiến ông rối tinh rối mù khi nó vượt quá xa những ngực áo, cổ tay, cổ áo, chít eo ông quen thuộc. Ông hứa sẽ bắt thằng cháu uống hết cả liều trước khi đi ngủ.

Phần khó khăn hơn cả là thuyết phục Om nhịn bữa tối. “Bắt công,” cậu ca cẩm. “Ai lại bỏ đói đầu bếp làm chapati.”

“Nếu cậu ăn, lũ giun cũng được ăn. Bọn chúng phải bị bỏ đói bên trong bụng cậu, để cho mồm chúng há hết ra. Có thể thì khi nào cậu uống thuốc, chúng mới hăng hái nuốt thuốc vào và lăn ra chết.”

Maneck nói cậu từng xem một bộ phim có một ông bác sĩ biến thành người tí hon để chui vào cơ thể bệnh nhân và chiến đấu chống lại bệnh tật. “Tớ có thể lấy một khẩu súng tí hon và bắn chết hết lũ giun trong bụng cậu.”

“Phải đấy,” Om nói. “Hoặc một cây ô tí hon, để đâm chết bọn nó. Như thế tớ sẽ đỡ phải uống thứ thuốc kinh tởm này.”

“Cậu quên mất một chuyện,” Ishvar nói. “Nếu cậu biến thành rất nhỏ, thì khi vào trong bụng, lũ giun sẽ không khác gì những con măng xà, trần tình khổng lồ. Ồi chà, thưa cậu, cứ gọi là hàng trăm con như thế bò trườn, cuộn xoắn, phun phì phì xung quanh cậu.”

“Cháu chưa nghĩ đến vụ ấy thật,” Maneck nói. “Thôi bỏ đi. Cháu hủy chuyến chu du đó.”

Dina mất hết ý niệm về số đếm sau chuyến viếng thăm nhà vệ sinh thứ bảy của Om vào sáng hôm sau. “Cháu chết đây,” cậu rên rẩm. “Người cháu chả còn cái gì cả.”

Rồi đến cuối buổi chiều, cậu chạy bỏ khỏi toa lét, người run lẩy bẩy nhưng bùng bùng thẳng lợi. “Nó ra rồi! Trông nó giống y một con rắn nhỏ ấy.”

“Nó còn uốn éo hay đã chết ngay đơ rồi?”

“Uốn éo ra trò.”

“Như thế có nghĩa là thuốc không thể giết được nó. Con kí sinh trùng này mạnh thật. Nó to cỡ nào?”

Cậu nghĩ ngợi một chốc rồi giơ tay ra. “Phải từ đây đến đây này,” cậu chỉ từ đầu ngón tay đến cổ tay. “Khoảng hai chục phân.”

“Giờ thì cậu biết tại sao mình lại gầy nhẳng cù nheo thế rồi chứ. Chính con vật xấu xa đấy cùng lũ con cháu chút chút của nó đã ăn hết cả chất dinh dưỡng của cậu rồi. Hàng trăm cái bụng ở trong bụng cậu. Thế mà chẳng ai chịu tin tôi khi tôi bảo là tại giun. Thôi khỏi lo nhé, chả mấy chốc cậu sẽ lên cân cho mà xem. Rồi cậu cũng sẽ đỏ da thắm thịch như Maneck thôi.”

“Phải,” Maneck họa theo, “chúng ta có ba tuần để biến cậu thành một ông chồng cường tráng.”

“Và bố của nửa tá con trai,” Ishvar để thêm.

“Đừng khuyên bậy,” Dina nói. “Hai đứa thôi. Cùng lắm là ba. Anh chưa nghe mấy người ở ban kế hoạch hóa gia đình nói à? Nhớ đấy, Om, hãy đối xử tử tế với vợ mình. Không được quát tháo, mắng nhiếc, hay đánh đập. Và có một điều chắc chắn, tôi không cho phép chứa chấp bất cứ cái bếp dầu nào trong hành lang nhà tôi đâu đấy.”

Ishvar hiểu rõ ẩn ý của cô, dù nó đã được che đậy khá kĩ. Ông phản đối những vụ thiêu cô dâu và những cái chết vì của hồi môn vẫn xảy ra trong tầng lớp đẳng cấp trên tham lam, cộng đồng của ông không làm những việc như thế.

“Thật không? Vậy cộng đồng của các anh nói gì về con gái và con trai? Họ thích con nào hơn?”

“Chúng ta không thể quyết định những việc đấy được,” ông tuyên bố. “Tất cả đều nằm ở tay Thượng Đế.”

Maneck huých Om và thì thào: “Không phải ở trong tay Thượng Đế đâu, ở trong quần cậu thì có.”

Om phải mất một ngày để hồi phục sau vụ uống thuốc giun. Buổi tối hôm sau, Maneck lên kế hoạch để ăn mừng sự trở lại của cảm giác ngon miệng bằng một chậu cơm cháy trộn và nước dừa ngoài bờ biển.

“Cậu đang làm hư thằng cháu tôi đấy,” Ishvar nói.

“Không hẳn. Đây là lần đầu tiên cháu chiêu đãi cậu ấy đấy chứ. Hồi trước bọn giun chả xơi hết phần cậu ấy rồi còn gì.”

Ishvar nhìn trân trân vào người đàn ông đang đứng trên ngưỡng cửa, cố xác định anh ta là ai, vì giọng nói rất quen, nhưng khuôn mặt thì không. Rồi ông rùng mình, nhận ra gã thu mua tóc đã thay hình đổi dạng ghê gớm. Cái đầu anh ta nhẵn thín và bóng láng, anh ta đã cạo sạch cả bộ ria mép nữa.

“Cậu! Cậu từ đâu đến đây?” Ông hoang mang không biết nên đuổi anh ta đi hay dọa báo cảnh sát.

Vai sụp xuống, đầu cúi gằm, Rajaram không dám ngẩng mặt lên nhìn ông. “Tôi đánh liều,” anh ta nói. “Đã bao nhiêu tháng trôi qua, tôi không biết hai người còn làm ở đây không.”

“Có chuyện gì với mái tóc dài của anh vậy?” Om hỏi, còn Ishvar chặc lưỡi ra chiều không hài lòng. Ông không muốn thằng cháu mình tỏ ra thân mật trở lại với gã sát nhân này.

“Hỏi về mái tóc tôi cũng không sao đâu mà,” Rajaram nói, đoạn ngẩng đầu lên. Cảm xúc trong mắt anh ta trống rỗng, ngọn lửa của lòng nhiệt tình táo bạo không bao giờ dứt đã tắt ngóm. “Hai bác cháu là những người bạn duy nhất tôi có. Và tôi cần hai người giúp. Nhưng tôi thấy khó nghì quá... vì vẫn chưa trả món nợ trước.”

Ishvar cố giấu nỗi kinh tởm của mình. Dính dáng đến chuyện của cảnh sát, trong khi chỉ còn ít ngày nữa là tới chuyển đi chuẩn bị đám cưới, sẽ là việc xui xẻo nhất trần đời. Nếu vài rupi có thể giúp tống khứ gã sát nhân thì ông sẵn sàng móc túi. Ông lùi lại cho Rajaram bước hẳn vào trong hành lang. “Thế lần này lại có chuyện gì?”

“Rắc rối khủng khiếp. Chẳng có gì khác ngoài rắc rối. Kể từ ngày khu lều lán của chúng ta bị phá, đời tôi chỉ toàn những chướng ngại vật khổng lồ. Tôi đã sẵn sàng từ bỏ cõi trần lắm rồi.”

Càng rảnh nợ, Ishvar nghĩ trộm.

“Xin thứ lỗi,” Dina nói. “Tôi không biết rõ anh lắm, nhưng với tư cách là một người Parsi, tín ngưỡng buộc tôi phải nói câu này: tự tử là hành vi sai trái, con người ta không có quyền chọn thời điểm mình chết đi. Vì nếu thế, họ phải được phép chọn thời điểm mình sinh ra nữa.”

Rajaram trân mắt nhìn mái tóc của cô, một lúc sau mới định thần mà đáp lời. “Chọn kết thúc chẳng liên quan gì đến chọn khởi đầu cả. Hai thứ này hoàn toàn độc lập. Có điều, cô hiểu nhầm ý tôi rồi. Tôi chỉ muốn nói là, tôi muốn rũ bỏ thế giới vật chất, trở thành một thiền sư, dành cả đời mình ngồi thiền trong một hang động nào đấy.”

Cô coi việc này cũng là một sự trốn tránh chẳng khác gì tự tử. “Cũng như nhau thôi.”

“Cháu không đồng ý,” Maneck nói.

“Đừng có ngắt lời dì, Maneck,” cô nói, và quay sang Rajaram. “Thế bộ đồ nghề cắt tóc cũ của tôi thế nào rồi? Vẫn dùng được chứ? Xin nhắc để anh biết, nó được sản xuất ở Anh đấy nhé.”

Anh ta tái mặt. “Có chứ, dùng tốt lắm.”

Sau đó, anh ta không chịu nói thêm câu nào về mình trước sự hiện diện của Maneck và Dina. “Tôi có thể mời hai người bạn cũ của tôi một cốc trà được không? Cái quán hai người thường đến là gì ấy nhỉ, Aram à?”

“Vishram,” Ishvar nói, và sờ túi để xem mình còn đủ tiền trà nước không. Mặc dù lời mời là của anh chàng thu mua tóc, song khả năng cao là rốt cuộc ông vẫn phải xùy tiền.

Họ lặng lẽ đi vào góc quán và ngồi xuống quanh một chiếc bàn tách biệt. Đứng từ chỗ của mình, ông bếp vẩy vẩy bàn tay nhờn nhẫy dầu mỡ. “Giờ kể chuyện đây!” Ông ta hớn hỏ hét to. “Thế chủ đề của ngày hôm nay là gì?”

Hai người thợ may cười lớn, đoạn lắc đầu. “Câu chuyện là, anh bạn của chúng tôi đang thèm khát món trà đặc biệt của anh đấy,” Ishvar nói. “Anh ấy đã lặn lội từ nơi rất xa xôi để đến đây gặp chúng tôi.”

Rajaram luống cuống nhìn quanh; anh ta đã quên mất Vishram là một nơi chật chội và lộ liễu đến mức nào. Nhưng anh ta cũng mừng vì sự riêng tư được tạo ra bởi tiếng bếp lò kêu réo đĩnh tai nhức óc.

“Thế trò vờ vịt về thiền sư thiền siếc là sao?” Om hỏi.

“Không, tôi nói nghiêm túc đấy, tôi muốn từ bỏ cõi trần thật mà.”

“Có chuyện gì xảy ra với việc cắt tóc vậy?”

“Mọi rắc rối bắt đầu từ ấy đấy. Tôi đã thất bại ngay từ ngày đầu tiên. Ròng rã đi thu mua tóc bao nhiêu năm, tay nghề cắt tóc của tôi hỏng mất rồi.”

Ishvar không muốn tin một câu một chữ nào hờ ra từ miệng tay sát nhân này. “Ý cậu là cậu quên cách cắt tóc rồi ư?”

“Còn tệ hơn thế. Cứ mỗi lần một khách hàng ngồi trên vỉa hè và bảo tôi tỉa tóc cho, thì đến cuối thế nào đầu anh ta cũng gần như trọc lóc.”

“Sao lại có chuyện như thế?”

“Có cái gì nhập vào tôi ấy. Thay vì tỉa tóc và cắt xén, tạo kiểu cho mái tóc, tôi lại cắt trụi tất tần tật. Xét về một mặt nào đấy, chuyện đó cũng buồn cười – một số người rất dễ tính và lịch sự, khi tôi giơ gương lên, họ lại nói, ‘Tốt, rất tốt, cảm ơn anh.’ Có lẽ họ không muốn làm tôi buồn mà chê tôi là một thằng thợ cắt tóc dở tệ. Nhưng đa số các khách hàng không được tốt bụng như thế. Họ quát tháo ầm ĩ, không chịu trả tiền, còn dọa đánh tôi nữa. Và tôi không thể ngăn nổi cây kéo hay cây tông đơ của mình. Bản năng thu mua tóc của tôi đã trở nên quá mạnh mẽ, tôi cứ như một con quái vật vậy.”

Tin đồn về gã cuồng cắt xén lan ra, thế là chẳng còn ai dừng chân ở quán cắt tóc vỉa hè của anh ta nữa. Chẳng bao lâu sau, anh ta đã không còn lựa chọn nào khác. Lại phải quay hẳn về với nghề thu mua tóc. Nhưng lại nảy sinh một vấn đề: anh ta chẳng có chỗ nào để chứa những túi tóc vụn thứ phẩm, vốn là món hàng chủ lực của anh ta. “Mà hai người cũng chẳng thể cất trong rương của mình được. Cần phải có hẳn một cái nhà kho nhỏ mới trữ hết. Hai người đã vào lán của tôi hồi ở xóm ổ chuột rồi đấy, tóc chất kín từ sàn lên đến tận trần còn gì.”

Rajaram vung vẩy hai tay và lắc đầu. “Giá mà tôi đã có thể kiếm được chỉ một cái bím tóc dài ba mươi hay ba mươi phân mỗi tuần thôi, thì tôi cũng sống được rồi. Ngân ấy là đủ để trả cho một bữa ăn mỗi ngày. Nhưng trong số mệnh của tôi tịnh chẳng còn tí tóc nào nữa.”

“Thế còn mấy bọc tóc anh gửi Shankar thì sao?” Om ngắt lời. “Trong đấy chứa toàn tóc dài còn gì.”

“Đấy là về sau,” anh ta nói. “Cứ kiên nhẫn, tôi đang thú nhận tất cả đây.” Anh ta mơ màng nhìn về nơi xa xăm, như thể đang ngắm một binh đoàn mã nữ tóc dài. “Tôi sẽ không bao giờ hiểu tại sao phụ nữ cứ giữ chằng chằng lấy mái tóc dài của mình. Nhìn thì đẹp đấy, rõ, nhưng chăm sóc vất vả cách rách vô cùng.”

Anh ta nhấp một ngụm trà và liếm môi. “Tôi chưa sẵn sàng bỏ cuộc đâu. Chưa hẳn. Giờ tôi bắt đầu xin cắt tóc miễn phí cho dân ăn mày, bọn lang thang, và lũ say xỉn.” Đến đêm khuya, khi những vụ xô xát và chèn chèn đã chấm dứt, anh ta sẽ tiếp cận những kẻ có tóc dài. Một số cần được dỗ dành bằng một đồng xu nhỏ. Nếu đối tượng đang mê man bất tỉnh, hay quá yếu ớt để nhận biết chuyện gì đang xảy ra, thì anh ta cứ tự tiện làm tới.

Nhưng cuộc làm ăn lại thất bại. Chất lượng các món thu hoạch của anh ta quá kém. Tay đầu nậu nói loại tóc dài này vừa rối vừa bẩn, cũng chả có giá trị hơn tóc vụn của bọn thợ cạo vỉa hè là mấy. Thêm nữa, nguồn cung trở nên bất ổn từ khi cảnh sát khởi động những vụ vây bắt khẩn cấp theo Luật Cải Tạo Mĩ Quan.

Đói khát và không nhà không cửa, Rajaram thường chong mắt nhìn hau háu những phụ nữ bước qua trước mặt anh ta với bím tóc đung đưa đầy vẻ trêu người, giấu cột anh ta bằng gia tài họ mang trên đầu. Đôi khi anh ta chọn một người để bám theo, một quý cô thượng lưu ăn mặc lịch sự, một ứng viên tiềm năng cho một chuyến viếng thăm tiệm làm tóc, người có lẽ đang lên kế hoạch cắt bỏ bím tóc của mình. Những người phụ nữ anh ta theo đuổi dẫn anh ta đến nhà của bạn bè họ, phòng khám của các bác sĩ, các thầy chiêm

tin, các thầy chữa bệnh bằng đức tin, nhà hàng, cửa hiệu may sari, nhưng chẳng bao giờ đến tiệm làm tóc.

Anh ta cũng “ngiên cứu” cả những người đàn ông tóc dài: những gã hippie, cả người nước ngoài và bản địa, với bộ râu xỏ hạt – những gã ngoại quốc đã bị Ấn hóa chân xỏ xăng đan, người mặc áo kurta, và pyjama, còn mấy gã người Ấn chính hiệu lại lướt suột lê giày thể thao, xỏ quần ống loe và mặc áo thun, thẳng nào thẳng nấy đều nặng mùi như nhau. Anh ta băn khoăn không biết một bộ tóc đỏ hoặc vàng có thể mang về bao nhiêu, nhưng không buồn bám theo họ, vì anh ta biết họ sẽ không bao giờ chịu cắt tóc.

Thật đáng tiếc, anh ta đâm chiêu, vì tóc được gắn rất chắc vào đầu chủ nhân, khiến việc ăn trộm chúng trở nên muôn phần khó khăn. Chắc hơn chiếc túi được giữ chặt nhất, kệt hơn cả một cái ví dày cộm nhồi trong túi quần bó sát. Vượt ra ngoài tầm với của những ngón tay của tên móc túi tài tình nhất. Hay tay trộm tóc tài tình nhất. Cứ nghĩ đến một thứ tinh tế nhẹ nhàng như tóc có thể ăn sâu bám chắc gan lì đến nhường ấy quả là một điều đáng kinh ngạc. Cái cách chân tóc bám vào da đầu có khác gì một cây bồ đề to khỏe cắm rễ vào đất. Trừ phi, dĩ nhiên, bệnh hói kéo đến và tóc tự rơi ra.

Để giết thì giờ, Rajaram nói với hai người thợ may, anh ta mơ trở thành tay trộm tóc đầu tiên ra hành nghề. Anh ta mơ sẽ phát minh ra được một phương pháp có khả năng đánh bại bản tính ngoan cố cố hữu của tóc khỏe là không chịu rời bỏ da đầu. Có thể là sáng chế ra một loại chất, mà khi xịt lên da đầu của nạn nhân, có thể làm tan rã chân tóc nhưng không mấy may gây hại cho tóc. Hoặc một câu thần chú ma thuật có thể thôi miên đối tượng và khiến tóc tự bật ra, hết như những câu kinh Vệ Đà cổ xưa, khi được các đạo sĩ hô lên có thể làm lửa bùng lên từ những súc gỗ hoặc khiến những đám mây đổ mưa.

Ngồi mơ mộng cho qua những giờ đói khát, anh ta rút ra kết luận là trên thực tế, một tay trộm tóc chẳng cần đến một phát minh mới hay năng lực siêu nhiên nào hết: những ngón nghề sẵn có của dân móc túi, thêm một chút cải tiến, là đủ dùng. Ở những chốn đông đúc, chuyện đó dễ như trở bàn tay, chỉ cần vận dụng một cách đơn giản (và thuần thực) cách thức hành nghề của bọn chuyên cắt túi. Bọn này thường dùng một lưỡi dao thật bén để xén ngọt một chiếc túi khó giặt; anh ta vẫn còn cây kéo sắc như dao. Chỉ một nhát cắt, thế là món tóc sẽ về tay anh ta.

Rồi đến một ngày, những ý tưởng kì quặc của Rajaram dần chuyển sang chiều hướng nghiêm túc. Anh ta bắt đầu tin rằng chẳng có mối liên hệ đạo đức nào giữa việc móc túi và thực hiện những vụ cắt tóc ngoài mong muốn. Một bên là tội ác, tước mất tiền của của nạn nhân. Bên kia là một hành động tốt, giúp cắt bớt một gánh nặng, tiết trừ mảnh đất nuôi dưỡng chấy trứng, tiết kiệm thời gian và công sức của nạn nhân, cứu họ khỏi cảnh da đầu ngứa ngáy, ấy là chưa kể những chi phí khổng lồ để mua dầu gội đầu và kem dưỡng tóc. Và “nạn nhân” thậm chí còn không phải từ chính xác trong trường hợp này, anh ta nghĩ. Chắc chắn “đối tượng hưởng lợi” mới là từ chuẩn. Ất hẳn bản tính phù phiếm đã che mắt con người, khiến họ không nhận ra đâu là lợi ích của mình, và một bàn tay giúp đỡ là cần thiết. Mà dù gì đi nữa, mất mát cũng chỉ là tạm thời, tóc rồi sẽ mọc lại.

“Tôi bắt đầu tự đào tạo một cách nghiêm chỉnh,” anh ta nói, đoạn vượt vượt cái đầu trọc trong khi hai người thợ may nhấp nhóm trên băng ghế trong tiệm Vishram, đã hóa thành câm lạng bởi câu chuyện của anh chàng thu mua tóc cho tới giờ phút này. “Tôi đi xuyên qua vùng ngoại ô cho đến khi tìm thấy một chỗ đồng không mông quạnh nơi tôi có thể luyện tập được.”

Ở đó, cách xa khỏi ánh mắt soi mói của người đời, anh ta nhồi đầy báo vào một cái túi

để tạo thành một quả bóng có kích cỡ bằng cái đầu người, nhưng nhẹ hơn nhiều, đủ nhẹ để có thể đu đưa trước sự động chạm dù nhỏ nhất khi được treo lủng lẳng bằng một sợi thừng buộc vào cành cây. Anh ta buộc vào cái túi một túm dây dày. Sau đó anh ta luyện cắt rời chúng ở vị trí thật sát với đầu, sao cho không làm cái túi rung động. Để đổi món, anh ta tết túm dây thành đuôi sam, hoặc buộc đuôi gà, hoặc thả ra như những lọn tóc buông xõa.

Khi kĩ năng đã thuần thục, các yếu tố sắp đặt được điều chỉnh để mô phỏng các tình huống trong thế giới thực. Anh ta giơ một cái túi vải bên dưới bím tóc để hứng lấy khi nó rơi xuống, thả cây kéo vào, và đóng nắp túi lại – tất thấy chỉ gói gọn trong một động tác rất “mượt”. Anh ta tập luyện bài tập này ở những nơi thật chật chội, cho tay quen với việc hoạt động trong đám đông. Và khi đã “thành tài”, anh ta quay lại những khu phố và chợ đông đúc nhộn nhịp trên thành phố.

“Nhưng sao cậu phải chịu khổ chịu sở như thế?” Ishvar hỏi. “Nếu nghề tóc của cậu đổ bể, thì chuyển sang thu mua thú khác có phải đơn giản hơn không? Giấy báo, hộp thiếc, chai lọ chẳng hạn?”

“Tôi cũng đã tự hỏi mình câu đấy. Câu trả lời là có. Còn cả chục phương án khác. Trong trường hợp xấu nhất, tôi có thể làm nghề ăn xin cũng được. Kể cả nước đấy cũng còn khá hơn con đường kinh khủng mà tôi bắt đầu bước chân vào. Bây giờ nhìn lại thì rõ ràng lắm. Nhưng một sự mù quáng đã chiếm lĩnh tôi. Kiếm tóc dài càng khó khăn bao nhiêu, tôi lại càng khao khát thành công bấy nhiêu, cứ như cuộc đời của tôi phụ thuộc vào nó vậy. Và vì thế, kế hoạch của tôi lúc ấy chẳng có vẻ gì là điên rồ cả.”

Trên thực tế, khi nó được đem ra áp dụng, anh ta nhận ra mình đã phát triển được một phương pháp tuyệt vời. Với chiếc túi vải và cây kéo, anh ta lẩn vào đám đông, lựa chọn nạn nhân (hay đối tượng hưởng lợi) thật cẩn thận, không bao giờ mất kiên nhẫn và không bao giờ tham lam. Một cái đầu có hai bím tóc không thể cảm dỗ anh ta săn đuổi cả hai – một chiếc là đủ làm anh ta hài lòng. Và anh ta luôn kiềm chế ham muốn cắt tóc sát tận gáy – chỉ một hai phân tóc kiếm thêm được cũng có thể là dấu chấm hết cho anh ta.

Ra đến chợ, Rajaram tránh xa những người mua hàng có giúp việc đi kèm, dù mái tóc có hấp dẫn đến mức nào. Tương tự, những thiếu phụ đi cùng con cái cũng không được ngó đến – bọn trẻ rất khó lường. Người phụ nữ được anh ta đặc biệt chọn lựa để trao ơn huệ của cặp kéo phải đi một mình, tốt nhất là những người ăn mặc nghèo nàn, đang mải mê mua rau mua dưa cho gia đình mình, cúi kính trước giá cả đắt đỏ, mặc cả sát sạt từng xu, hoặc đang tập trung cao độ để ngắm soi cân của người bán hàng, đảm bảo mình không bị cân điêu đong thiếu.

Tuy nhiên, chỉ ít phút nữa thôi, cô ta sẽ có một mái tóc cụt ngắn. Giữa những người mua kẻ bán đi lại như mắc cửi, cây kéo của Rajaram thò ra, không mấy may bị ai chú ý. Nó đưa đi, xoẹt một cái, chóng vánh và gọn ghẽ. Bím tóc rơi vào miệng túi vải, và anh ta biến mất, mang theo cái gánh nặng đã đè trĩu lên vai thân chủ mà cô ta trước nay không hề hay biết.

Ở các bến xe buýt, Rajaram chọn người phụ nữ lo giữ túi tích cực nhất, chiếc túi kẹp chặt dưới nách, chất da hoặc nhựa nóng ẩm áp vào làn da ẩm ướt. Những vòng bán nguyệt của mồ hôi nổi lên như một đợt dịch bệnh khắp bề mặt chiếc áo cô ta mặc. Anh ta nhập hội với đám hành khách như một người công nhân mệt mỏi bình thường trên đường trở về nhà. Và khi sự xuất hiện của chiếc xe buýt biến dòng người đang xếp hàng thành một làn sóng hung hãn, người phụ nữ lo xa sẽ ngáp ngừng bên ngoài rìa cơn lũ đủ lâu để cặp kéo hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Anh ta không bao giờ ra tay hai lần ở cùng một khu chợ hay một bến xe buýt. Làm thế là quá mạo hiểm. Dầu vậy, anh ta thường tay không quay lại nơi xảy ra tội ác (hoặc việc thiện) của mình để nghe ngóng những chuyện đồn đoán tán gẫu.

Trong khoảng thời gian ngắn đầu tiên thì chẳng có gì hết. Có lẽ, anh ta đoán, những người phụ nữ nọ quá xấu hổ nên không dám làm âm ỉ lên. Hoặc cũng có thể không ai tin lời họ, hoặc nghĩ rằng vấn đề chẳng đến nỗi nghiêm trọng.

Tuy nhiên, rốt cuộc nhiều câu bông lơn và đùa cợt về những mái tóc bị mất, bị ăn trộm, bị đánh rơi dần dần sinh sôi nảy nở. Có một câu đùa được truyền miệng nhiều trong đám người bán trâu cau là dưới Tình trạng khẩn cấp, khi các ổ chuột bị xóa sổ, một giống gặm nhấm thành thị mới đã tiến hóa, với sở thích không phải là ăn cơm ôi rác thối, mà là xơi tóc phụ nữ. Ngoài cẳng, những tay cừu vạ dờ hàng trên tàu tở nổi vui sướng trước việc làm của người thợ săn tóc bí ẩn, vì tin rằng đó là hành động của một người anh em đẳng cấp thấp hòng góp phần trả thù hàng thế kỷ lũ người đẳng cấp cao đã đàn áp, lột quần xé áo và hãm hiếp và cạo đầu đàn bà con gái thuộc cộng đồng của họ. Ở các quán trà và nhà hàng Iran, các vị thông thái còn mĩa mai bình luận rằng chương trình Xóa bỏ khu ổ chuột đã đẻ ra một chỉ thị lớn hơn xuất phát từ chính sự bùng nổ của bộ máy quan liêu: một lỗi chính tả trên biên bản ghi nhớ của cấp cao nhất đã viết nhầm Cảnh sát Cải tạo mỹ quan thành Cảnh sát Cải tạo mỹ nhân, kết quả là bọn họ hăng hái tìm cách xóa sổ tóc chẳng kém gì xóa sổ các khu ổ chuột. Bàn tay ngoại bang không thể tránh khỏi bị kéo vào, rằng các điệp viên nữ của CIA đi phao tin về những bim tóc bị biến mất hòng làm băng hoại đạo đức quốc gia.

“Vì ai cũng đùa bỡn về chuyện đó, nên tôi chẳng lo lắng gì nữa,” Rajaram nói. “Tự tin tăng lên, tôi bắt đầu nghĩ đến chuyện mở rộng phạm vi.”

Dân hippie, những kẻ mà từ lâu anh ta đã xem là đối tượng hưởng lợi hoàn hảo nhưng bất khả xâm phạm, trở thành mục tiêu làm phúc của anh ta. Anh ta phát hiện ra rằng vào những lúc tờ mờ sáng, chúng thường nằm ngủ mê mết trong cơn phê xung quanh lều của bọn bán thuốc nơi chúng mua hashish.

Giải thoát những người ngoại quốc đang say dật say dẹo khỏi mái tóc của mình chỉ là trò trẻ con. Nếu có kẻ nào trong đám tình cờ mở mắt ra và trông thấy một đứa bạn đang bị xẻo mất tóc, hẳn sẽ cho đấy chỉ là ảo giác; hẳn cười hềnh hếch ngớ ngẩn, hoặc thêu thào câu gì đó kiểu như “bảnh thế” hay “ờ, trong ngon đấy” và lại lăn ra ngủ sau khi gãi gãi đũng quần. Có lần Rajaram còn cắt cả tóc của một cặp đang làm tình. Đầu tiên là gã trai, khi ấy đang nằm trên, và tiếp đến là ả gái khi đang giữa trận, mụ cười lên người tình. Những tràng giật và xóc chẳng gây chút khó khăn nào đối với bàn tay nhà nghề của anh chàng thu mua tóc. “Ồi chào!” Gã trai kêu lên, phấn khích trước hình ảnh bày ra trước mắt mình. “Kìa! Anh nhìn thấy Thần Tình đang chuẩn bị cho em lên tiên đấy!” Và ả gái hỗn hển: “Vâng, phải rồi, em lên tiên rồi đây!”

Rajaram cảm thấy cuộc đời mình đang dần sáng sủa lên. Anh ta chào đón cuộc xâm lăng của người nước ngoài, chẳng như một bộ phận dân chúng cổ hủ vẫn luôn miệng phàn nàn rằng bọn người Âu người Mỹ đang tiêm nhiễm những thói quen bẩn thỉu và lối sống hạ tiện cho giới trẻ vốn dễ bị lôi kéo. Chỉ cần lũ dị tộc có mái tóc dài chấm vai hoặc hơn là Rajaram sẽ vui sướng được thấy chúng đổ vào thành phố.

Trong khoảng thời gian này, dân ăn xin ăn mày dần chiếm lại vị trí của mình trên vỉa hè, khi Luật Cải tạo mỹ quan đã trải qua giai đoạn phân liệt lúc thế này lúc thế kia và nay đang chuyển sang thời kì hấp hối. Con mắt chuyên nghiệp của anh chàng thu mua tóc

nhận ra ngay lập tức. Dĩ nhiên, nay công việc làm ăn đang xuôi chèo mát mái, anh ta đâu còn thèm theo đuổi thứ tóc rối nùi, bấn thủ của bọn ăn mày. Một vài người nhận ra anh ta còn gọi với theo, đòi được cắt tóc miễn phí, nhưng anh ta mặc kệ.

“Và giá như tôi cứ tiếp tục tặng lờ bọn chúng,” Rajaram vừa nói vừa thở dài náo nức, “thì đời tôi hôm nay đã khác rồi. Nhưng số phận của chúng ta đã được khắc lên trán mỗi người kể từ ngày lọt lòng. Và chính bọn ăn mày đã đánh dấu chấm hết đối với đời tôi. Không phải là những người phụ nữ xinh đẹp ngoài chợ mà tôi thường sợ hãi không dám lại gần. Không phải bọn hippie phê thuốc, những kẻ tôi nghĩ đến một ngày sẽ tấn cho tôi lên bờ xuống ruộng. Không – hóa ra đó lại là hai kẻ ăn mày yếu ớt vô hại.”

Rajaram ngừng lời, liếc nhìn anh chàng bồi bàn kiêm thu ngân đang đứng ở quầy cười toe toét với họ, vẫn hi vọng được mời tham gia câu chuyện. Hai người thợ không thèm lý gì tới anh ta. “Chúng tôi biết hết chuyện hai người ăn mày rồi,” Ishvar nói nhỏ. “Sao anh lại phải giết họ?”

“Hai người biết ư!” Rajaram kinh hoàng kêu lên. “À mà dĩ nhiên! Ông trùm ăn mày của hai người – nhưng tôi không! Ừ thì tôi có... ý tôi là... tất cả đều là một sai lầm!” Anh ta vục mặt xuống hai bàn tay đặt trên bàn, không dám nhìn hai người bạn. Đoạn anh ta ngồi thẳng dậy, dụi dụi mũi. “Cái bàn này hôi quá! Nhưng làm ơn giúp tôi! Làm ơn! Đừng cho...!”

“Bình tĩnh nào, không sao đâu,” Ishvar nói. “Ông trùm không biết anh. Ông ta chỉ kể là hai người ăn mày của ông ta bị giết và tóc họ bị cắt mất. Chúng tôi nghĩ ngay đến anh.”

Rajaram có vẻ bị tổn thương. “Đó có thể là một gã thu mua tóc khác lắm chứ. Thành phố này có đến cả trăm người như thế. Hai người đâu cần phải nghĩ ngay đến tôi thế chứ.” Anh ta nuốt nước bọt. “Vậy là hai người không nói gì với ông ta hả?”

“Đấy không phải việc của bọn tôi.”

“Cảm ơn trời. Tôi đâu có ý định làm hại gì hai người ăn mày, để chuyện xảy ra thế là một sai lầm lớn, xin hãy tin tôi.”

Một đêm, khi đang đi dạo tìm cơ hội như thường lệ, anh ta gặp hai người hành khất, một đàn ông và một phụ nữ, đang nằm ngủ dưới một mái hiên, đầu gối ép sát vào hai cái bụng lép kẹp. Lẽ ra anh ta đã bước qua, nếu ánh đèn đường không soi tỏ mái tóc của họ. Và chúng đẹp tuyệt vời. Cả hai mái đầu cùng tỏa sáng bởi một suối tóc dài chấm gót, một vẻ đẹp rực rỡ mà anh ta hiếm khi được trông thấy trong những chuyến chu du miệt mài của mình. Tóc ở tầm cỡ này là loại dệt nên giấc mơ của các nhà quảng cáo. Khách hàng sẽ phải đánh nhau để được sử dụng hình ảnh của nó – vẻ óng ả nuốt nà của nó sẽ đưa những sản phẩm như xà phòng Shikakai hay dầu dừa thơm dưỡng tóc Tata's lên những tầm cao mới của lợi nhuận.

Kì lạ thật, Rajaram nghĩ bụng, sao một kho báu như thế này có thể ngụy trên đầu của hai người ăn mày co quắp nọ. Anh ta quỳ xuống bên cạnh hai người và nhẹ nhàng chạm đầu ngón tay lên những bím tóc bóng mượt; chúng mượt như lụa. Không kìm được, anh ta nâng chúng lên trong tay mình và say mê tận hưởng chất tóc. Ngón tay anh ta cứng đờ lại trong một nỗi đau khoái lạc, như thể chúng sẽ đánh cắp bí mật của sự óng ả và mềm mại.

Hai vợ chồng người ăn mày của mình, phá vỡ cơn mê. Rajaram nhớ ra nhiệm vụ nghề nghiệp của mình. Anh ta rút cây kéo ra và bắt tay vào việc, trước hết là người phụ nữ.

Lần đầu tiên trong sự nghiệp của mình, anh ta có cảm giác ân hận. Đây là một tội ác, anh ta nghĩ, khi chia cắt một mái tóc đẹp để nhường này khỏi chân tóc – thứ hào quang

thần kì của nó sẽ phai nhạt, cũng như sắc thắm của một bông hoa đã bị ngắt cuống vậy.

Những bím tóc rơi vào tay anh ta. Anh ta quăn các lọn tóc lại và cắt vào cái túi vải. Sau đó anh ta chuyển sang mái tóc của người đàn ông. Nhìn bề ngoài, trông nó không khác gì tóc của người phụ nữ.

Đúng lúc anh chàng thu mua tóc cắt xong, người phụ nữ tỉnh dậy và thấy anh ta đang ngồi xổm bên cạnh mình, lưỡi kéo lóe sáng trong bóng tối như một thứ vũ khí giết người. Bà ta bật ra một tiếng hét rợn tóc gáy. Nó khiến người đàn ông choàng dậy, đến lượt mình, ông ta cũng phóng thích một tràng rú rít kinh hồn.

“Những tiếng hét ấy,” Rajaram nói, toàn thân rúm ró như thể chúng vẫn còn vang vọng trong tai anh ta. “Chúng làm tôi hoảng sợ vô cùng. Tôi đã tin chắc cảnh sát sẽ chạy đến và đánh đập tôi đến chết thì thôi. Tôi van vỉ hai người ăn mày hãy ngừng hét. Không sao đâu, tôi nói, tôi sẽ không làm hại họ đâu. Tôi xén một lọn tóc của chính mình để chứng minh những gì mình đang làm hoàn toàn vô hại. Tôi năn nỉ, tôi lúi húi hết tiền giấy tiền xu trong túi ra, và đổ lên người họ. Nhưng họ vẫn không ngừng hét. Hết mãi, gào mãi, rú mãi! Nó khiến tôi phát điên!”

Anh ta phát hoảng, giơ kéo lên và đâm. Đầu tiên là người phụ nữ, sau đến người đàn ông. Vào họng vào ngực vào bụng: vào tất cả những vị trí khốn kiếp đang bơm hơi thở và thúc giục các cơ quan sản sinh ra những tiếng hét ghê rợn kia. Anh ta đâm túi bụi, đâm không ngừng nghỉ, cho đến khi chỉ còn lại sự câm lặng.

Không ai đến xem xét gì cả. Phố xá đã quá quen với tiếng mè oài của những gã tâm thần cô độc và tiếng la hét của những gã bợm khát rượu vừa tỉnh mộng. Bên kia đường có kẻ nào đó bỗng rú lên cười như hóa dại; chó sủa loạn lên; chuông ở một đền thờ rung leng keng. Rajaram bỏ trốn, bước đi nhanh hết mức anh ta dám, sao cho không gây ra sự chú ý nào.

Sau đó, anh ta vứt bỏ cây kéo, bộ quần áo dính máu, và cả mấy bím tóc. Ngay khi vớ được cơ hội đầu tiên, anh ta cạo trọc cả râu lẫn tóc, vì khi cảnh sát thẩm vấn những người có mặt ở khu nọ, đám ăn mày chắc chắn sẽ mô tả kẻ thường xuyên lang vãng quanh đó, chuyên cắt và thu mua tóc.

“Nhưng tôi chưa được an toàn,” Rajaram nói. “Dù đã hàng tháng trời trôi qua, Phòng điều tra tội phạm vẫn còn truy tìm tôi. Có trời mới biết lại sao vụ của tôi lại hấp dẫn họ đến thế – có đến cả trăm vụ án khác xảy ra mỗi ngày kia mà.” Trà trong cốc của anh ta đã nguội tanh. Anh ta nhăn mặt khi nuốt nó xuống. “Vậy là bây giờ hai người đã biết hết mọi sự việc xúi quẩy đã xảy ra. Hai người sẽ giúp tôi chứ?”

“Nhưng bằng cách nào?” Ishvar nói. “Có lẽ tốt nhất là cậu nên ra đầu thú đi. Vụ của cậu xem ra vô vọng rồi.”

“Vẫn còn hi vọng đấy.” Rajaram ngừng lời và cúi sát lại gần, mắt dán chòng chọc vào hai bác cháu. Trong chúng giờ đã le lói một tia sáng nhỏ. “Tôi đã nói lúc đầu rồi đấy, tôi muốn từ bỏ cõi đời đầy khổ đau tai ương này. Tôi muốn học theo lối sống giản dị của một một thiền sư. Tôi muốn ngồi thiền hàng tiếng dài trong một hang động tối tăm, lạnh lẽo trên dãy Himalaya. Tôi sẽ nằm ngủ trên nền đá lạnh. Thức dậy cùng mặt trời và nghỉ ngơi cùng các vì sao. Mưa và gió, dù có mạnh mẽ dữ dội đến đâu, cũng không nhằm nhò gì với da thịt đã quen dãi dầu này. Tôi sẽ vút lược đi, râu tóc tôi sẽ mọc dài ra, sẽ rối bời. Những sinh vật tí hon sẽ tìm được nơi ẩn náu yên ổn trên đó, chúng cứ việc mặc sức đào bới và xây tổ, vì tôi sẽ không làm phiền đến chúng.”

Ishvar nhún mảy còn Om đảo mắt, nhưng Rajaram không hề nhận thấy gì. Anh ta đẩy cốc trà sang bên cạnh một cách chậm rãi, có chủ ý, như thể đang thực hiện nghi thức đầu tiên của quá trình từ bỏ. Viễn cảnh điên rồ, lãng mạn về một vị thầy tu khổ hạnh là một thứ chất kích thích đối với trí tưởng tượng của anh ta, làm nảy sinh trong nó một thứ năng lực hình họa.

“Tôi sẽ đi chân đất, lòng bàn chân và gót chân nứt nẻ, xây xát, rớm máu vì hàng chục vết thương, vết rách, nhưng tôi sẽ không xoa thuốc, cũng chẳng bôi dầu. Những con rắn trườn ngang đường tôi đi trong rừng rậm tối sẽ không làm tôi e sợ. Lũ chó hoang sẽ đập vào mắt cá chân tôi khi tôi lê bước qua những thị trấn xa lạ, những làng quê hẻo lánh. Tôi sẽ xin bố thí thức ăn. Trẻ con, và lắm lúc cả người lớn, sẽ cười nhạo tôi và ném đá vào tôi, sợ hãi trước vẻ mặt kì dị và đôi mắt nhìn thấu tâm can điên cuồng của tôi. Tôi sẽ nhịn đói, sẽ ở trần khi cần. Tôi sẽ chuệch choạng bước trên những cánh đồng đầy sỏi dăm đá cuội và những sườn đồi dốc đứng. Tôi sẽ không bao giờ phàn nàn than thở.”

Đôi mắt anh ta đã xa rời các khán giả, đắm đắm xoáy vào khoảng không với ánh nhìn đầy khao khát, chúng đã bắt đầu cuộc phiêu du xuyên qua tiểu lục địa tự bao giờ. Xem ra anh ta có vẻ rất phấn khích, cứ như đó là một lịch trình nghỉ dưỡng mà anh ta đang vẽ ra. Ở góc của ông bếp, chiếc bếp đã hết dầu. Thiếu tiếng xì xì của nó, cả nhà hàng bỗng im ắng hẳn.

Sự tĩnh lặng lôi tuột Rajaram khỏi cơn mơ, trở lại với chiếc bàn hôi hám và tách biệt ở Vishram. Ông bếp đi ra phía sau nhà để lấy một can dầu hỏa. Họ nhìn ông ta cắm phều và rót dầu vào bếp.

“Cuộc sống trần tục đã dẫn tôi đến bất hạnh,” Rajaram nói. “Nó sẽ luôn như thế, với tất cả chúng ta. Chỉ có điều, kết cục đó không phải bao giờ cũng rõ ràng như trong trường hợp của tôi. Và giờ số phận của tôi nằm trong tay hai người.”

“Nhưng chúng tôi có biết gì về cách thức để trở thành một thiền sư đâu,” Ishvar nói. “Cậu muốn gì ở chúng tôi?”

“Tiền. Tôi cần tiền mua vé tàu đến dãy Himalaya. Tôi vẫn còn hi vọng giải thoát – nếu tôi có thể trốn khỏi bàn tay của cảnh sát và Phòng điều tra tội phạm.”

Họ quay về căn hộ, Rajaram đứng chờ ngoài cửa trong khi Ishvar vào nhà nhờ Dina lấy giúp từ món tiền tiết kiệm của họ số tiền đủ trả cho một tấm vé tàu hỏa hạng ba.

“Tiền là của hai bác cháu, tôi chẳng có quyền gì mà bảo hai người phải tiêu thế nào,” cô nói. “Nhưng nếu anh ta đã rũ bỏ cõi trần, thì còn cần mua vé tàu làm gì nữa? Anh ta có thể đi bộ đến đấy, dọc đường xin bố thí như các thầy tu khác.”

“Đúng đấy,” Ishvar nói. “Nhưng như thế thì mất thời gian lắm. Anh ta đang nóng lòng muốn được cứu rỗi linh hồn mà.”

Ông cầm tiền ra ngoài hành lang cho Rajaram, anh ta đếm tiền, rồi ngập ngừng. “Tôi có thể vay thêm mười rupi nữa được không?”

“Để làm gì?”

“Trả thêm tiền giường nằm. Ngồi cả đêm suốt một chuyến đi dài như thế thì khổ lắm.”

“Xin lỗi,” Ishvar nói, suýt chút nữa giật phắt lại cả nắm tiền. “Chúng tôi không xoay đâu ra được thêm nữa. Nhưng nếu có khi nào cậu xuống thành phố, nhớ đến chơi với chúng tôi, bọn ta có thể cùng uống với nhau một cốc trà.”

“Tôi e là khó đấy,” Rajaram nói. “Thiền sư có bao giờ đi nghỉ dưỡng đâu.” Đoạn anh ta bật cười rầu rĩ và biến mất.

Om bần khoản không hiểu hai bác cháu có còn bao giờ gặp lại anh ta nữa không. “Cái thói vay mượn của anh ta thật bực mình, nhưng anh ta là một gã rất thú vị. Anh ta kể cho chúng ta bao nhiêu chuyện ngoài đời.”

“Đừng lo,” Ishvar nói. “Với vận may của Rajaram, tất cả hang hốc hản sẽ đều có chủ hết khi anh ta đến nơi. Anh ta sẽ quay về với câu chuyện rằng ở tận trên dãy Himalaya cũng có cả biển báo ‘Hết chỗ’ nữa cơ đấy.”

XIV

Sự trở lại của cô độc

BỤI CÙNG NHỮNG TƠ VẢI khiến Dina hắt hơi khi cô lau dọn lại phòng may và phân loại vải thừa. Luồng hơi thở ra thổi bay những vụn vải nhỏ. Lô váy cuối cùng đã chuyển đến công ty Au Revoir, và bà Gupta đã được thông báo về kì nghỉ dài sáu tuần.

Lúc này, Dina chờ đợi cảm giác trống vắng sắp ập với vẻ hiều kì. Giống như một giai đoạn làm quen lại với cô độc vậy, cô nghĩ. Đó sẽ là một bài tập tốt. Không có thợ may, không có khách trọ, còn lại một mình với những kí ức, lật giở lại từng chút một, sẫm soi nghiền ngẫm như một bộ sưu tập tiền xu, để xem xét độ sáng bóng hay mờ xỉn cùng những đường rập nổi. Nếu cô quên mất cách chung sống với nỗi cô đơn, rồi đến một ngày, việc đó sẽ trở nên khó khăn đối với cô.

Cô xếp riêng những mảnh vải đẹp nhất dành cho tấm chăn, nhồi đồng vụn còn lại vào ngăn kéo dưới cùng. Hai chiếc máy Singer được kê gọn vào một góc còn ghế đầu chống lên trên, nhờ thế xung quanh chiếc giường có thêm nhiều khoảng không hơn. Chiếc rương của hai người thợ may, được gói ghém xong xuôi và đã sẵn sàng, đứng ngoài hành lang. Những thứ họ không mang theo được đựng trong các thùng các tông.

Chỉ còn hai ngày nữa là đến lúc lên đường và lại chẳng còn việc gì làm, những giờ đồng hồ trôi qua mang một vẻ gì đó thật kì dị đối với họ, lỏng lẻo và rời rạc, như thể những đường may đã đứt chỉ, chiếc lều thời gian thoát xẹp, thoát phồng.

Sau bữa cơm tối, Dina quay lại may tấm chăn. Ngoài một khoảng hụt chùng mấy chục phân vuông ở một đầu, tấm chăn đã đạt đến kích cỡ cô mong muốn, mét tám nhân hai mét. Om ngồi trên sàn nhà, xoa bóp bàn chân cho bác cậu. Nhìn họ, Maneck tự hỏi không biết cảm giác được mát xa chân cho bố sẽ như thế nào.

“Tấm chăn này trông đẹp thật, chắc luôn,” Om nói. “Chắc đến khi nhà cháu quay trở lại thì cũng xong rồi.”

“Có thể, nếu tôi thêm vào mấy mảnh vải còn thừa từ những đợt hàng trước kia,” cô nói. “Nhưng lặp lại thì nhàm lắm. Tôi sẽ chờ đến khi có vải mới.” Họ cầm hai đầu tấm chăn và trải rộng ra. Những đường may gọn ghẽ đan chéo nhau như những đội quân kiến hành quân đối xứng.

“Đẹp quá,” Ishvar xuýt xoa.

“Ồi dào, ai chẳng may được chăn,” cô khiêm tốn nói. “Chỉ toàn vải vụn, từ các thứ quần áo hai người đã may ấy mà.”

“Phải, nhưng cái khó là phải có tài năng khi ghép các mảnh với nhau, như cô đã làm.”

“Xem này,” Om chỉ, “nhìn miếng vải kia kìa – chính là từ súc vải pô bơ lin trong đơn hàng đầu tiên chúng ta làm.”

“Cậu vẫn nhớ à?” Dina nói, giọng hài lòng. “Hồi đó hai bác cháu may xong lô váy đầu tiên nhanh kinh khủng. Tôi cứ tưởng mình vừa tìm thấy hai thiên tài.”

“Bụng đói, đầu gối phải bò mà lị,” Ishvar cười khà khà.

“Rồi đến loại vải trúc bầu màu vàng sọc cam. Và anh chàng trẻ tuổi kia đã làm tôi khôn khổ biết mấy. Động tí là cái vãi vùng vàng.”

“Cháu? Cái cọ á? Không đời nào.”

“Cháu nhận ra miếng vải hoa xanh và trắng đấy,” Maneck nói. “Lấy từ mấy chiếc váy hai người đang may dở đúng vào ngày cháu dọn đến.”

“Cháu có chắc không?”

“Chắc chứ, đấy là ngày chú Ishvar và Om không đến làm – họ bị bắt cóc để đi dự cuộc mít tinh cuồng bức của thủ tướng.”

“Ô, phải rồi. Thế cậu còn nhớ miếng vải voan đẹp dễ này không, Om?”

Cậu tái mặt và vờ như không nhớ gì cả. “Cố lên, thử nghĩ lại xem,” cô khuyến khích. “Làm sao cậu có thể quên được? Đây chính là miếng vải bị vấy máu của cậu, khi cậu cắt kéo trúng ngón tay cái ấy.”

“Cháu không nhớ vụ đó,” Maneck nói.

“Việc đấy xảy ra trong tháng ngay trước khi cháu đến. Còn cái loại vải the này ngộ thật, làm Om đến phát điên phát rồ lên. Rất khó ghép khớp họa tiết, vải trơn quá mà.”

Ishvar rướn người tới để chỉ vào một ô vuông vải lanh. “Mọi người thấy cái này không? Nhà của chúng tôi đã bị chính phủ phá mất vào đúng hôm chúng tôi bắt đầu may loại vải này. Cứ nhìn nó, tôi lại thấy buồn.”

“Lấy cho tôi cái kéo,” cô đùa. “Để tôi cắt bỏ nó đi.”

“Không không, cô Dina, cứ để nguyên thế, trông đẹp mà.” Những ngón tay của ông vuốt ve lên mặt chất vải lanh, hồi tưởng những ngày nào. “Gọi nó là mảnh buồn thật vô nghĩa. Đây này, nó được nối với một mảnh vui – ngủ trên hành lang. Và mảnh tiếp theo – bánh chapati. Rồi đến miếng vải tuyết xi tím này, hôm ấy chúng ta làm chả đồ chay và bắt đầu nấu ăn cùng nhau. Và đừng quên ô vải nhiễu gioóc-giét này, đó là lúc Ông trùm ăn mày cứu chúng ta khỏi tay bọn đầu gấu của lão chủ nhà.”

Ông bước lùi lại, cảm thấy tự hài lòng với chính mình, như thể ông vừa làm sáng tỏ một định lý phức tạp. “Thế nên, đấy chính là quy tắc cần ghi nhớ, cả tấm chăn quan trọng hơn nhiều so với bất kỳ ô vải đơn lẻ nào.”

“Hay, hay!” Hai cậu trai đồng thanh reo lên cùng một tràng vỗ tay.

“Câu nói thông thái thật,” Dina nói.

“Nhưng đấy là triết học hay ‘làm bộ học’ thế bác?” Ishvar bèn vò đầu thằng cháu để trả đũa.

“Giời ạ, thôi, cháu còn phải giữ gìn bộ mã cho đám cưới nữa chứ.” Om lôi cây lược ra và rẽ ngôi, chải tóc cho bỗng bồng bềnh trở lại.

“Mẹ cháu từng nhặt nhạnh các mẩu dây vụn và nhồi thành một quả bóng,” Maneck nói. “Hồi cháu còn bé, hai mẹ con hay chơi một trò, ấy là moi ruột bóng ra và cố nhớ xem mỗi mẩu dây có xuất xứ từ đâu.”

“Ta hãy thử trò chơi đó với tấm chăn này xem,” Om rủ. Cậu và Maneck tìm đến mảnh vải cũ nhất và rà qua từng mảnh theo trình tự thời gian, tái dựng chuỗi tai ương và chiến thắng của họ, cho đến khi đi tới góc chăn chưa hoàn thành.

“Ta bị tắc ở góc thiếu này rồi,” Om nói. “Cùng đường rồi.”

“Hai đứa sẽ phải đợi thôi,” Dina nói. “Tất cả còn tùy thuộc vào việc chúng ta được nhận loại vải nào cho lô hàng tiếp theo.”

“Ai chà, thưa hai cậu, hai cậu phải kiên nhẫn thôi. Nếu hai cậu muốn đặt tên cho cái góc ấy, tương lai của chúng ta phải trở thành quá khứ trước đã.”

Những lời băng quơ của Ishvar dội xuống đầu Maneck như một cơn mưa lạnh toát; niềm vui của cậu tắt ngóm chẳng khác nào một ngọn đèn. Tương lai đang trở thành quá khứ, tất cả tan biến vào hư không, và khi quay lại cố níu giữ điều gì đó, rồi cuộc người ta chỉ giặt lại được – cái gì đây? Một mẩu dây, một vuông vải, những bóng ma của một thời vàng son. Giá như con người có thể đảo ngược vòng tròn trời đất, biến quá khứ thành tương lai, và giữ chặt đôi cánh của nó, giữa hành trình rong ruổi trên dòng chảy không ngừng nghỉ của hiện tại...

“Hai đứa có nghe không đấy?” Dina hỏi. “Trí nhớ của hai đứa tốt đến đâu? Liệu hai đứa có nhớ được mọi chuyện đã xảy ra trong vòng một năm qua mà không cần nhìn vào tấm chăn của dì không?”

“Cháu có cảm giác phải dài hơn một năm ấy,” Om nói.

“Đừng ngốc thế,” Maneck nói. “Ngược lại thì có.”

“Ô hô,” Ishvar cười. “Thời gian thì làm sao dài hay ngắn được? Thời gian chẳng có chiều dài hay chiều rộng gì hết. Vấn đề là, việc gì đã xảy ra khi nó trôi qua. Và việc đã xảy ra là, cuộc sống của chúng ta đã được nối làm một.” “Như những vuông vải này này,” Om nói.

Maneck nói tấm chăn không nhất thiết phải hoàn thành khi góc khuyết đã được bổ sung. “Dì có thể may rộng ra thêm, dì ạ, cho thành một tấm chăn thật to vào.”

“Đấy đấy, anh chàng này lại nói năng lắm nhảm rồi,” Dina nói. “Dì biết làm gì với một tấm chăn khổng lồ như thế? Đừng có nhầm dì với ngài Thượng Đế may chăn của cháu.” Đến giữa buổi sáng, Dina trở nên lặng lẽ. Các công việc dính đến nước nôi đã hoàn tất, bát đĩa từ tối hôm trước đã được rửa sạch. Thiếu tiếng chuyện trò cùng tiếng lạch xạch của hai chiếc máy Singer, khoảng thời gian còn lại của ngày kéo dài lê thê. Cô ngồi xuống và nhìn Maneck ăn bữa sáng muộn.

“Lẽ ra dì nên đi cùng chú Ishvar và Om,” cậu cố gợi chuyện cho cô vui lên. “Dì có thể giúp họ chọn cô dâu.”

“Cháu giễu dì đấy à?”

“Không, cháu chắc hẳn họ sẽ rất vui sướng nếu được dẫn dì đi cùng. Dì có thể tham gia vào Hội đồng tuyển chọn cô dâu.” Cậu bỗng mắc nghẹn bánh, khổ sở mãi không nuốt trôi được.

Cô vỗ lên lưng cậu cho đến khi cơn nghẹn qua đi. “Không ai dạy cháu không được nói lúc đang ăn à?”

“Đấy là chú Ishvar hiện về trong họng cháu đấy,” cậu toe toét cười. “Trả thù vì cháu dám lấy việc đại hỉ của chú ấy ra làm trò cười.”

“Tội nghiệp chú ấy. Dì chỉ mong chú ấy biết mình đang làm gì. Và dì hi vọng là dù họ chọn ai, cô ấy sẽ cố gắng hòa nhập, chung sống êm ả với tất cả chúng ta.”

“Cháu tin là cô ấy sẽ như thế. Om sẽ không lấy một cô vợ xấu tính hay khó gần đâu.”

“Ồi, dì biết chứ. Nhưng có thể cậu ta sẽ không được quyền lựa chọn. Trong những đám cưới sắp đặt kiểu này, các thầy chiêm tinh và gia đình họ hàng mới là người quyết định mọi thứ. Sau đó người phụ nữ trở thành tài sản của gia đình nhà chồng, để người ta tha hồ bóc lột và hà hiếp. Đây là một chế độ kinh tởm, biến những cô gái đáng yêu nhất thành những mụ phù thủy. Nhưng có một điều cô ấy sẽ phải hiểu, đây là nhà của dì, cô ấy phải theo nề nếp của dì, như cháu và chú Ishvar và Om. Nếu không, chung sống sẽ là việc bất khả thi.”

Cô ngưng bật, nhận ra mình đang nói năng không khác gì một bà mẹ chồng. “Thôi, ăn nốt miếng trứng kia đi,” cô đổi chủ đề. “Kì thi hết năm của cháu bắt đầu vào ngày mai phải không?”

Cậu vừa nhai vừa gật đầu. Cô bắt tay vào dọn dẹp bữa sáng. “Và năm ngày sau đó cháu sẽ lên đường. Cháu đã đặt vé chưa?”

“Rồi ạ, xong hết rồi,” cậu nói, đoạn nhặt nhanh sách vở để chuẩn bị lên thư viện. “Và cháu sẽ sớm quay lại, dì đừng đem phòng của cháu cho ai thuê nhé.”

Thư tới, cùng một chiếc phong bì do bố mẹ Maneck gửi. Cậu mở ra, đưa tờ séc tiền nhà cho Dina, rồi đọc lá thư.

“Dì hi vọng mẹ... với bố cháu đều khỏe cả chứ?” Cô nói, khi thấy gương mặt cậu hơi sầm xuống.

“À vâng, mọi việc vẫn bình thường. Cũng như mọi khi. Bố mẹ cháu lại bắt đầu kêu ca than thở rồi đây. Họ bảo: ‘Sao con phải đi học đại học thêm những ba năm làm gì? Chi phí thì chẳng thành vấn đề, nhưng bố mẹ sẽ nhớ con lắm. Mà công việc ở cửa hàng nhiều quá, bố mẹ không kham nổi, con nên cáng đáng dần đi.’” Cậu đặt lá thư xuống. “Nếu cháu quyết định quay về thật, thế nào cũng lại cãi vã rồi quát tháo suốt ngày với bố cháu thôi.”

Cô thấy nắm tay của cậu siết lại, và bóp nhẹ lên vai cậu. “Bố mẹ cũng hoang mang trước cuộc sống như tất cả mọi người thôi. Nhưng họ vẫn rất cố gắng.”

Cậu đưa cô lá thư, và cô đọc nốt phần còn lại. “Maneck, dì thành thật nghĩ cháu nên làm việc mẹ cháu đề nghị – đi thăm gia đình Sodawalla ấy. Cả một năm vừa qua, cháu còn chưa gặp họ lần nào.”

Cậu nhún vai, nhăn mặt và bỏ về phòng. Khi cậu bước ra, cô nhìn thấy dưới nách cậu kẹp một cái hộp. “Cháu mang cả bộ cờ đến trường à?”

“Cái này không phải của cháu. Của một anh bạn. Cháu định trả lại luôn hôm nay.”

Trên đường đi ra bến xe buýt, cậu cứ ngẫm nghĩ mãi về lá thư – mớ bong bóng của bố, nỗi đau của mẹ, bao nhiêu hoang mang, bao nhiêu sợ hãi của họ quấn thắt trong từng con chữ. Nhờ họ thực lòng nghĩ thế thì sao? Có lẽ lần này mọi chuyện sẽ ổn thỏa, có lẽ một năm thật sự đã giúp bố dần thích nghi với những biến động trong cuộc sống của ông.

Cậu đi vòng qua Vishram để vẫy chào Shankar. Lão ăn mày không nhìn thấy cậu, lão lơ đãng cúi gằm đầu và nhìn chăm chăm dọc vỉa hè tới chỗ góc phố. Maneck cúi xuống, vẫy tay lần nữa, và Shankar chào lại cậu bằng cách gõ chiếc ống bơ lên mặt bệ lán. “Chào cậu lớn, cậu có khỏe không?”

Hai anh bạn của tôi lên đường bình an chứ?” “Hôm qua,” Maneck đáp.

“Họ sướng thật. Còn hôm nay cũng là một ngày sung sướng đối với tôi. Tay thợ cạo của

Ông trùm sẽ đến cạo râu cắt tóc cho tôi. Nhưng tôi ước sao Ishvar với Om có ở đây. Họ sẽ rất khoái nếu được nhìn thấy cái mặt tôi lúc làm xong.” “Tôi sẽ đến, đừng lo. Mai gặp lại bác nhé,” Maneck nói, và tiếp tục đi ra bến xe.

Đôi mắt Shankar dõi theo Maneck cho đến khi cậu biến mất sau góc phố, rồi tiếp tục ngóng ngả chờ tay thợ cạo. Chiếc bệ đứng bất động bên lề đường. Cái ống bơ xin tiền vẫn trống không, bài hát xin tiền cũng im ắng. Shankar tịnh không làm gì để thu hút sự chú ý của những kẻ bố thí. Tất cả những gì lão có thể nghĩ được là châu làm đẹp xa xỉ, gói chăm sóc toàn diện đắt tiền đang chờ đợi lão dưới bàn tay của gã thợ cạo riêng của Ông trùm.

Shankar không biết một điều, rằng từ sáng sớm hôm đó, gã thợ cạo riêng đã từ chối nhiệm vụ. Công việc vỉa hè là thứ anh ta không đụng đến, anh ta nói với Ông trùm. Thay vào đó, anh ta đã giới thiệu một người khác. “Đây là Rajaram.

Anh ta rất giỏi và rất rẻ, làm chuyên việc vỉa hè.” “Chào ông,” Rajaram nói.

“Nghe đây,” Ông trùm nói. “Shankar chỉ là một gã ăn mày thật, nhưng tôi yêu quý ông ấy vô cùng – tôi muốn những gì tốt nhất cho ông ấy. Không phải nói xúc phạm anh đâu, nhưng tôi không thể không nghi ngờ năng lực của anh được. Một người trọc thì phỏng biết mấy thứ về tóc tai chứ?”

“Đấy không phải là một câu hỏi hợp lý,” Rajaram nói. “Một gã ăn mày có sở hữu rất nhiều tiền không? Không. Thế mà anh ta vẫn rất biết cách làm tiền đấy thôi.”

Ông trùm thích câu trả lời đó, và đã chấp thuận. Và như thế, chính Rajaram là người bước tới phía ngoài Hotel đồ chay Vishram, với bộ dụng cụ thợ cạo dắt sẵn bên hông.

Shankar nghĩ lão đã thấy gã này ở đâu đó. “Ông lớn à, tôi đã gặp anh bao giờ chưa?”

“Đời tôi chưa nhìn thấy lão bao giờ,” Rajaram đáp, ám ảnh bởi mối quan hệ tóc giữa đôi bên, và chỉ mong rũ bỏ nó. Nấn ná ở thành phố là rất mạo hiểm, anh ta biết vậy, nhưng anh ta đã kết luận sẽ là an toàn hơn nếu thực hiện hành trình tới dãy Himalaya trong trang phục của một thiền sư. Thế nhưng, áo cà sa và tràng hạt cùng một chiếc bát khất thực bằng gỗ khắc tay đâu có rẻ rúng gì; món thù lao của Ông trùm cho công việc đặc biệt này chắc chắn sẽ đỡ được ít nhiều.

Anh ta buộc một tấm khăn trắng quanh cổ lão ăn mày và dùng cây chổi cạo mặt đánh bông một cốc bột xà phòng. Shankar nghiêng đầu về phía cốc để hít hà mùi thơm, suýt chút nữa thì mất thăng bằng. Rajaram đẩy lão lại. “Ngồi im,” anh ta nói bằng giọng cộc cằn, những mong tiêu diệt mọi ý định chuyện trò.

Sự cộc cằn là món thưởng ngày với Shankar, và không thể dập tắt bản tính vui tươi của lão. “Trông y như bánh kem ấy nhỉ,” lão nói khi lớp bột dâng đầy trong cốc.

“Sao lão không ăn luôn một bát đi?” Rajaram vuốt ướm phần hàm và trát xà phòng lên. Những cú phết bất cẩn tọng ít bột kem vào cái mồm đang há hốc của Shankar. Rajaram lút nghề đến độ, anh ta còn quên bóp kín hai lỗ mũi khi phết bột phần môi trên. Anh ta mở dao cạo và bắt đầu liếc lưỡi dao sáng loáng lên dây da.

Shankar thích nghe âm thanh rin rít đó. “Anh đã bao giờ bị lở tay khi cầm dao chưa?” Lão hỏi.

“Bị nhiều rồi. Cổ họng nhiều người có hình thù kì quặc lắm, động tí là rách da chảy máu. Mà cảnh sát thì không được bắt thợ cạo vì tai nạn nghề nghiệp, luật nó thế.”

“Anh đừng lở tay với cổ họng của tôi nhé, nó đang đúng hình dạng chuẩn rồi đấy! Và

Ông trùm sẽ trừng phạt anh cho mà xem!"

Tuy nói cứng là thế, nhưng Shankar ngồi rất yên, toàn thân căng lên cho đến khi lưỡi dao kết thúc hành trình nguy hiểm của nó trên mặt lão. Rajaram chùi sạch những vết bọt nhỏ mà dao cạo bỏ sót, rồi xát một viên đá phèn lên những vùng vừa được cạo. Lốp da non ở nhiều chỗ đã bị cắt xéo thậm tệ.

"Lấy cho tôi cái gương," Shankar đòi, lão thấy đau và lo lưỡi dao có lẽ đã đi chệch hướng.

Rajaram giơ chiếc gương lên. Khuôn mặt lo lắng của lão ăn mày dí sát lại, nhưng chất se da đã cầm máu và tịnh không có một giọt đỏ nào rỉ ra hết.

"Được rồi, giờ đến mát xa mặt. Ông trùm bảo phải thế." Từ một chiếc lọ trong hộp, anh ta múc ra một cục kem và xoa nó lên khắp hàm Shankar.

Người Shankar cứng đờ ra, không dám chắc đôi bàn tay hộ pháp này đang định làm gì. Rồi lão dần để mặc đầu mình xoay tròn theo những động tác xát, vuốt. Lão bắt đầu ô a một cách khoái trá khi những ngón tay xoa bóp má lão, miết vuốt bông mắt, chà xát xung quanh và trên mũi, trán, và thái dương, đánh tan dần một đời người đầy đau khổ và bất hạnh.

"Thêm tí nữa đi," lão nài nỉ khi anh chàng thợ cạo dừng lại và chùi sạch tay. "Một phút nữa thôi, tôi xin anh đấy, ông lớn, sướng quá đi mất."

"Xong hết rồi," Rajaram nói, mũi nhăn lại. Anh ta chưa bao giờ thích làm mát xa mặt, ngay cả cho những cái mặt trung lưu trong những ngày hoàng kim của sự nghiệp. Anh ta bẻ khục tay rồi lôi kéo cùng lược ra. "Giờ đến cắt tóc," anh ta nói.

"Không, cái đấy thì tôi không muốn."

"Ông trùm đã bảo tôi phải làm những gì rồi." Anh ta ấn đầu lão xuống để xén phần tóc quanh gáy, nồn nóng muốn kết thúc cho nhanh và cuốn gói.

"Ồi giờ ơi, ông lớn ơi, tôi không muốn!" Shankar bắt đầu la hét ồm ồm. "Tôi bảo là tôi không muốn mà ỉ! Tôi thích tóc dài cơ!" Lão lắc ống bơ để gây tiếng động, nhưng hôm nay là một buổi sáng ế ẩm, cái ống bơ chỉ câm lặng. Lão bèn gõ nó xuống vỉa hè.

Những người qua đường đều ghìim bước để nhòm ngó bộ đôi bằng ánh mắt tò mò, Rajaram bèn ngừng giúi lão xuống, lo sợ sẽ càng thu hút thêm sự chú ý. "Đừng sợ, tôi sẽ cắt tóc cho lão thật cẩn thận, thật đẹp trai."

"Tôi đếch cần biết đẹp trai đến đâu! Tôi không muốn cắt tóc!"

"Làm ơn đừng la hét. Cứ nói cho tôi biết lão muốn gì, tôi sẽ làm cho lão. Mát xa da đầu nhé? Hay trị gàu?"

Shankar thò tay xuống gầm bệ và lôi ra một cái bọc. "Anh là chuyên gia về tóc, phải không?" Anh ta gật đầu.

"Tôi muốn gắn cái này lên tóc tôi." Lão đẩy cái bọc về phía anh ta.

Rajaram mở bọc, và sợ nhũn cả người khi hai bím tóc đuôi ngựa mượt mà rơi tuột ra. "Lão muốn tôi buộc cái này vào đầu lão ư?"

"Không phải chỉ buộc tôi đâu. Tôi muốn có nó suốt đời. Nó phải mọc trên chính đầu của tôi cơ."

Rajaram không biết phải làm thế nào. Anh ta, giữa cái độn còn làm thợ cạo, đã từng nhận không ít yêu cầu lạ lùng: tân trang cho một quý cô có râu của một đoàn xiếc; tết lông

vùng kín của một gã đã trai thành những cái đuôi sam tí hon; thiết kế một kiểu lông mu nghệ thuật cho một ả điểm đang mong tiến lên thị trường cao cấp để nhắm vào các bộ trưởng và giám đốc tập đoàn; cạo lông (trong tình trạng mắt bị bịt kín do khách hàng vốn tính cả thẹn) vùng tam giác cho bà vợ của một người đàn ông đầu óc mang nặng tư tưởng đẳng cấp vì ông chồng không muốn bà vợ bị ô uế khi phải tự mình thực hiện nhiệm vụ thấp hèn này. Với những việc này và cả nhiều thủ thách khác, Rajaram đã xử lý bằng thái độ vững vàng chuyên nghiệp của một thợ cạo. Nhưng thỉnh cầu của Shankar vượt quá khả năng của anh ta.

“Không được đâu,” anh ta đáp thẳng thừng.

“Phải được, phải được, phải được!” Shankar gào lên. Gần đây, sự quan tâm đột ngột và thái quá của Ông trùm, đã làm hư lão ăn mày vốn hiền lành, cam chịu. Lão kiên quyết không chịu nghe lời giải thích của anh chàng thợ cạo. “Một bông hồng còn có thể ghép được!” Lão hét. “Thế nên hãy ghép tóc cho tôi đi! Anh là chuyên gia cơ mà! Không tôi sẽ đi tố với Ông trùm cho mà xem!”

Rajaram van vãn lão làm ơn nói nhỏ thôi, làm ơn tạm cắt hai cái đuôi tóc đi, ngày mai anh ta sẽ quay lại với những dụng cụ đặc biệt để làm công việc phức tạp này.

“Tôi muốn ngay hôm nay cơ!” Shankar thét. “Tôi muốn có tóc dài ngay bây giờ!”

Anh chàng thu ngân kiêm bồi bàn của Hotel đồ chay Vishram đứng trên ngưỡng cửa thò đầu ra nhìn, cả ông bếp cũng nhìn theo. Thêm nhiều người đi đường khác dừng lại, mong chờ chuyện gì đó thú vị sẽ xảy ra. Rồi một gã bán vé số dạo bỗng bới vụn hai người ăn mày bị giết để lấy tóc từ rất nhiều tháng trước ra. Trùng hợp thật, gã nói, sao hai cái bím tóc dày đến thế lại nằm trong mớ của nả của lão ăn mày này.

Đồn đoán đua nhau nảy nở. Có lẽ có một mối liên hệ nào đó – một nghi thức của dân ăn mày đòi hỏi phải có vật hiến tế là người sống. Hoặc có thể lão ăn mày này là một gã tâm thần. Có người còn nhắc nhở đến vụ giết người hàng loạt Raman Raghav rừng rợn xảy ra cách đây vài năm; vụ hai người ăn mày bị giết cũng mang hơi hướng khát máu kiểu này.

Run bắn bật vì sợ, Rajaram cố tách mình khỏi Shankar. Anh ta gói ghém đồ nghề rồi thối lui cho đến khi nhập thành một phần của đám đông đang vây quanh lão ăn mày. Khi vớ được cơ hội đầu tiên, anh ta chuồn thẳng.

Mọi người tiến sát lại xung quanh Shankar. Nó khiến lão hoảng sợ. Lúc này lão mới hối hận vì đã làm ầm ĩ với tay thợ cạo. Lão tiếc vì đã quên mất quy tắc số một của những kẻ lão luyện trong nghề sống bằng của bố thí: ăn mày có thể để người ta nhìn thấy, nghe thấy cũng được, nhưng không được to tiếng quá – nhất là trong những vấn đề phi ăn mày.

Lão bỗng nảy sinh nỗi sợ không gian kín khi đám đông cao lừng lừng đứng quanh lão dần che khuất mặt trời. Khoảng vĩa hè của lão tối sầm lại. Lão cố dỗ dành họ bằng cách hát rống lên bài hát ăn xin, “Ồi ông ơi, làm ơn làm phước cho lão một xu,” lòng bàn tay quăn bạng của lão liên tục chạm lên trán. Chẳng ăn thua gì. Lời ong tiếng ve tiếp tục cuộn lên đầy đe dọa.

“Mày ăn trộm mớ tóc kia ở đâu, hả thằng lừa đảo kia?” Một người quát.

“Bạn tôi cho tôi,” Shankar kêu khóc, tuy sợ hãi, lão vẫn vô cùng căm phẫn trước lời buộc tội nọ. “Đồ sát nhân táng tận lương tâm!”

“Lão đúng là đồ quái vật!” Một người khác thốt lên, giọng nửa kinh tởm, nửa ngưỡng mộ. “Tài đến thế là cùng! Ngón tay không có, chân cũng không, thế mà lão vẫn làm được

những trò tàn bạo kia!”

“Có lẽ lão chỉ giấu ngón tay và chân đi thôi. Bọn này có nhiều cách để biến đổi cơ thể lắm.”

Shankar khóc mếu, kêu rằng lão chưa từng làm việc gì xấu, lão là một ăn mày tốt, chẳng làm hại ai bao giờ, chỉ ở đúng chỗ của mình. “Cầu Thượng Đế phù hộ cho các ngài suốt đời! Ồi các ông lớn bà lớn ôi, xin nghe tôi, lúc nào tôi cũng chào hỏi ông đi qua bà đi lại! Kể cả những đận đau ốm tôi cũng gắng cười với các ngài! Phải lúc được ít tiền, nhiều ăn mày còn chửi lại, nhưng tôi luôn luôn chúc phúc dù nhận được xu to hay xu nhỏ! Cứ hỏi bất kì ai đi qua đây mà xem!”

Một viên cảnh sát bước tới để xem vụ âm ỉ nọ từ đâu mà ra. Ông ta cúi xuống, và Shankar trông thấy khuôn mặt ông ta bên ngoài một rừng chân. Đám đông giãn ra để cho vị đại diện công quyền vào xem cho rõ. Shankar biết rằng giây phút sống còn chính là đây. Lão đẩy cái bệ lăn đi và phóng vọt qua khe hở.

“*Cái gì chạy được tức là xe*^[46] *đấy!*” Ai đó nói to, khơi thêm những tràng cười khác từ những người còn nhớ ra bộ phim cũ kĩ nọ.

“Giải Grand Prix ăn mày dê!” Một người khác hét.

Đi quá Vishram chừng trăm bước, Shankar nhận ra lão đã rơi vào vùng địa hình chưa bao giờ được khai phá. Ở chỗ này, vỉa hè khá dốc, và bánh xe bắt đầu quay nhanh dần. Rẽ ngoặt khi đang lăn với tốc độ cao sẽ là chuyện bất khả thi. Nhưng Shankar chẳng nghĩ được xa đến thế. Lão phải thoát khỏi cái đám đông khủng khiếp kia, chỉ thế thôi.

Lão lao đến cuối vỉa hè và rú lên. Cái bệ lăn bắn vọt tới, bay thẳng vào giữa ngã tư đông nghìn nghịt.

Maneck bước đi ở chính giữa cầu thang, tránh xa dải lan can nhoe nhoét nước bã trầu và những vết bẩn lem nhem kính tẩm có-trời-mới-biết-là-do-thứ-gì dính đầy trên tường. Nỗi khiếp sợ xưa cũ ủa về khi cậu leo dần lên từng bậc thang kí túc xá. Những chiếc vỏ bao thuốc lá rỗng không, một cái bóng đèn vỡ, một cái vỏ chuối đã thâm xì thâm xị, bánh chapati gói trong giấy báo, vỏ cam nằm la liệt khắp hành lang. Cậu băn khoăn tự hỏi đây là do lao công lên làm muộn, hay những thứ rác rưởi này đã được xả ra từ sau ca quét dọn buổi sáng?

Cậu không mong hòng gì gặp được Avinash ở đây, nhưng cậu quyết định sẽ gửi chiếc hộp có ai đó, có thể là ở quầy lễ tân ngoài sảnh. Trên đường lên tầng mình từng ở, cậu nín thở khi đi qua toa lét. Hơi thối xộc ra xác nhận tình trạng thiếu sửa chữa vẫn tái diễn, mùi nặng đến độ như ném thấy được cả vị ở tận sâu trong họng.

Căn phòng cũ của cậu còn trống, cửa không khóa. Chưa có một ai dọn đến ở kể từ ngày cậu rời đi, quang cảnh vẫn y hệt như những gì cậu đã bỏ lại. Nhìn vào đó có một vẻ gì thật kì quái, như thể cậu đã bị xẻ làm đôi – một nửa vẫn sống ở đây, một nửa đang ở cùng dì Dina. Và cái giường, kê cách xa tường mấy chục phân, bốn chân vẫn nhúng trong bốn lon nước. Biện pháp xua đuổi các sinh vật lấm chân của Avinash – nó đã tỏ ra rất hiệu quả. Avinash từng đùa rằng những gì anh ta không biết về gián và rệp sau những ngày được nuôi nấng trong khu tập thể nhà máy dệt thì cũng chẳng đáng biết mà làm gì.

Maneck tiến lại gần, nửa như hi vọng sẽ nhìn thấy nước trong lon. Tất cả đều khô nỏ, trống trơn, chỉ có vài cái chân gián nâu nâu, một con thiêu thân đã chết, và một con nhện lơ lơ. Nước đã để lại những đường vòng xung quanh chân gỗ. Dấu ấn bằng nước của riêng cậu: Maneck Đã Ở Đây. Bàn và ghế, hai chứng nhân trung thành của biết bao nhiêu ván cờ,

vẫn ở sát cửa sổ, chúng đã được kê ra đây để lấy được nhiều ánh sáng hơn. Cảm giác như đã lâu lắm rồi.

Cậu đi ra và nhẹ nhàng đóng cánh cửa khép lại quá khứ. Cậu bỗng sững sốt nhận ra, có tiến động phát ra từ phòng bên. Avinash sẽ nói gì khi anh ta nhìn thấy cậu? Cậu sẽ nói gì với Avinash? Cậu cố trấn tĩnh lại; cậu không muốn mình tỏ vẻ hồi hộp hay bối rối.

Cậu gõ cửa.

Cửa mở, và một cặp vợ chồng trung niên nhìn cậu lom lom dò xét. Tóc cả hai đều đã bạc, ông chồng má hõm sâu và ho rũ rượi, bà vợ mắt đỏ ngầu. Có lẽ là bố mẹ anh ta, cậu nghĩ thầm.

“Cháu chào hai bác, cháu là bạn của Avinash.” Có lẽ họ đang chờ anh ta quay về, chắc anh ta đang ở đâu đó trong khu nhà này. “Hai bác đang đợi anh ấy à?”

“Không,” ông chồng nói rất nhỏ. “Hết chờ đợi rồi. Hết tất rồi.” Họ chậm chạp quay trở vào phòng, lưng còng xuống vì những gánh nặng vô hình, và ra hiệu mời cậu vào trong. “Chúng tôi là bố mẹ nó. Hôm nay chúng tôi đã hỏa táng nó rồi.”

“Bác nói gì cơ ạ? Hôm nay làm gì ạ?”

“Hỏa táng hôm nay, phải. Sau một khoảng thời gian trì hoãn rất dài. Chúng tôi đã tìm con suốt hàng tháng trời.

Đến đủ các sở cảnh sát khác nhau, van xin được giúp đỡ. Chẳng ai thèm giúp chúng tôi.”

Giọng ông run run, ông ngưng bật, gồng hết sức để kiềm chế. “Bốn ngày trước, họ báo với chúng tôi là có một thi thể ở nhà xác. Họ đưa chúng tôi đến nhận mặt.”

Bà mẹ bắt đầu khóc, giấu mặt sau vạt sari. Những tràng ho của ông bố đâm vào không khí khi ông cố vỗ về bà; ngón tay ông dịu dàng chạm lên tay bà. Một cánh cửa ở đâu đó dọc hành lang đóng sầm lại.

“Nhưng sao cơ... ý cháu là... không có thứ gì, không có ai...” Maneck lắp bắp. Ông bố đặt tay lên vai cậu.

Maneck đặng hắng và nói lại. “Chúng cháu là bạn.” Và hai bậc cha mẹ gật đầu, dường như cảm thấy được an ủi nhờ chút thực tế mơ hồ này. “Nhưng cháu không biết gì cả... chuyện gì đã xảy ra thế ạ?”

Giờ đến lượt bà mẹ tiếp lời, những chữ bà nói thều thào phả ra đến gần như vô âm. “Chúng tôi cũng có biết gì đâu. Chúng tôi đi thẳng từ chỗ làm lễ hỏa táng về đây. Mọi sự suôn sẻ, nhờ ơn trời. Không có mưa, nên giàn thiêu bốc cháy to lắm. Chúng tôi đã ở đấy suốt đêm.”

Ông bố gật đầu. “Họ nói với chúng tôi là thi thể thằng bé được tìm thấy từ nhiều tháng trước, trên đường ray tàu hỏa, không có giấy tờ gì đi kèm. Họ nói thằng bé chết vì ngã xuống khi tàu đang chạy nhanh. Họ bảo chắc nó đang bám ngoài cửa hoặc ngồi trên nóc tàu. Nhưng Avinash là đứa cẩn thận, nó có bao giờ làm những việc như thế.” Mắt ông lại giàn giụa nước; ông ngừng lại để chùi cho sạch. Bà mẹ chạm nhẹ mấy ngón tay lên tay ông.

Ông lại có sức tiếp tục. “Cuối cùng, sau một khoảng thời gian rất dài, chúng tôi cũng được nhìn thấy con trai mình. Chúng tôi nhìn thấy vết cháy xém ở rất nhiều bộ phận đáng xấu hổ trên cơ thể nó, và lúc mẹ nó cầm tay nó lên để áp vào trán bà ấy, chúng tôi thấy móng tay của nó đã mất hết. Vì vậy chúng tôi hỏi những người ở nhà xác, là làm sao

những chuyện này có thể xảy ra với một người bị ngã từ trên tàu xuống? Họ nói chuyện gì cũng có thể xảy ra được. Chẳng ai chịu giúp chúng tôi.”

“Hai bác phải đi trình báo việc này!” Maneck kêu lên, giận dữ kìm nén những giọt nước mắt. “Phải báo! Với... với bộ trưởng... ý cháu là, thị trưởng. Hoặc cảnh sát trưởng!”

“Chúng tôi đã làm rồi, chúng tôi làm đơn kêu cứu. Cảnh sát đã ghi hết vào sổ rồi.”

Họ quay lại với nhiệm vụ góp nhặt đồ dùng của Avinash. Maneck bắt lực nhìn họ cẩn trọng ôm quần áo, sách vở, giấy tờ xếp, đôi lúc lại áp môi lên một món đồ nào đó trước khi đóng gói nó lại. Căn phòng im ắng, chỉ có tiếng chân họ bước qua bước lại nhẹ nhàng.

“Nó có kể cho cháu nghe về ba đứa em gái của nó không?” Đột nhiên bà mẹ cất lời. “Hồi chúng còn bé, nó thường giúp bác chăm chúng. Nó rất thích cho chúng ăn. Lắm lúc chúng cắn ngón tay nó, làm nó cười như nắc nẻ. Nó có bao giờ kể với cháu thế không?”

“Anh ấy kể với cháu hết rồi.”

Sau ít phút, họ đã sẵn sàng lên đường. Cậu khẳng khái đòi bê chiếc rương xuống cho họ, cậu mừng vì công việc nặng nhọc này sẽ giúp mắt cậu khỏi tràn nước. Niềm biết ơn của ông bố và bà mẹ chỉ càng nhắc nhở cậu rằng những gì cậu có thể làm để cất bớt gánh nặng đau thương của họ thật ít ỏi làm sao. Cậu chỉ có thể nghĩ đến một điều, chính là cái ngày khi Avinash xuất hiện trên ngưỡng cửa với bình xịt Flit. Họ đã giết gián. Họ đã chơi cờ đam. Họ đã kể cho nhau nghe chuyện đời mình. Và nay anh ta đã chết.

Cậu chào tạm biệt rồi đi đến tòa nhà của khoa kỹ thuật. Rồi cậu sực nhớ ra mình vẫn giữ cả quân cờ lẫn bàn cờ. Cậu vội vã chạy ra cổng. Chẳng thấy tăm tích hai người kia đâu. Sao mình lại ngu ngốc thế cơ chứ, cậu nghĩ, nó sẽ có ý nghĩa với họ biết nhường nào, vật kỷ niệm này, phần thưởng thời trung học của Avinash nhờ vô địch giải đấu.

Cậu quay gót trở lại, bước đi trong vô định, và thấy mình lại đứng ở sảnh kí túc xá. Rồi cậu khựng lại và quyết định: bộ cờ vua – bằng cách nào đó, cậu phải trả nó lại cho bố mẹ Avinash. Cậu có cảm giác mình giống như một tên trộm, cướp đi của họ một nguồn an ủi. Càng giữ nó lâu, cậu càng chồng chất thêm nỗi khổ đau của họ.

Nhiệm vụ trả lại bộ cờ bằng mang một tính cấp bách tiên quyết, một vấn đề sinh tử. Cậu lặng lẽ khóc khi bước lên những bậc thang, và bị một đám sinh viên hiếu kì sầm soi. Có đứa hú hét câu gì đó mà cậu không nghe ra. Bọn kia bắt đầu đồng thanh hát ông ổng: “Bé con ơi đừng khóc, mẹ còn đi cào thóc, bố bận đi bắt cóc...”

Cậu lẩn vào căn phòng cũ và ngồi xuống trên chiếc giường mốc meo. Có lẽ vẫn còn thứ gì đó trong phòng Avinash, trong giỏ giấy vụn, một chiếc phong bì cũ hay một lá thư có địa chỉ chẳng hạn. Cậu sang tìm. Chẳng có gì. Dù chỉ là một mẩu giấy. Địa chỉ, cậu phải tìm địa chỉ của bố mẹ anh ta, để gửi bộ cờ cho họ. Cậu có thể hỏi quanh trong tầng này. Nhưng mấy thằng khốn ngoài hành lang sẽ lại diễn tiếp trò trêu chọc trẻ con của chúng, nếu thấy cậu lật đật chạy hết từ phòng này sang phòng khác, tự biến mình thành kẻ ngớ ngẩn.

Siết chặt cái hộp lên ngực, cậu nhắm mắt lại, cố suy nghĩ thật bình tĩnh. Địa chỉ. Câu trả lời thật đơn giản – phòng bảo vệ. Phải, họ sẽ có địa chỉ. Cậu có thể gửi nó cho bố mẹ Avinash.

Cậu mở mắt ra và trân trối nhìn chiếc hộp gỗ dán màu nâu sẫm bơi qua làn nước mắt của cậu. Cậu vẫn nhớ cái hôm ở căng-tin: phải chơi bằng quân trắng và chiếu tướng trong ba nước – và rồi những sinh viên ăn chay thi nhau nôn mửa. Kí ức ấy khiến cậu bật cười. Cách mạng qua đường nôn mửa, Avinash đã nói thế. Và anh ta đã nhờ cậu giữ gìn bộ cờ

vua.

Và anh ta không bao giờ đòi trả lại. Món quà của anh ta. Trò chơi cuộc đời. Trả lại nó là sai lầm. Cậu sẽ giữ nó. Cậu sẽ giữ nó từ giờ cho đến cuối đời.

Dina cố thuyết phục Maneck giữ bình tĩnh và nhắm lại trong đầu một bài kinh Ashem Vahu^[47] trước khi đọc đề thi và một lần nữa trước khi đặt bút viết câu trả lời. “Bản thân dì cũng chẳng phải một người sùng đạo lắm,” cô nói. “Nhưng cứ coi đó là một kiểu bảo hiểm đi. Dì thấy khá hữu hiệu đấy. Và chúc cháu may mắn.”

“Cảm ơn dì.” Cậu mở cửa đi ra và suyt chút nữa thì đâm sầm vào Ông trùm, ngón tay trở đang giờ ra định bấm chuông cửa.

“Xin thứ lỗi,” Ông trùm nói. “Tôi mang đến tin rất xấu.” Ông hoàn toàn kiệt quệ, mắt sưng vù vì khóc. “Xin cho tôi gặp hai người thợ may được không?”

“Nhưng họ đã đi từ hai ngày trước rồi.”

“Ôi, phải rồi. Tôi quên mất – vụ đám cưới.” Trông ông như sắp quy ngã đến nơi.

“Mời ngài vào,” Dina nói.

Ông ta bước vào hành lang và, cổ ướt nước mắt, ông thông báo Shankar đã chết.

Nghi hoặc, loại cảm xúc cho người ta thời gian chấp nhận một cú sốc, là thứ Maneck đang cố nắm lấy. “Nhưng chúng tôi vừa nói chuyện với chú ấy mới cách đây ba ngày kia mà – chú Ishvar và Om và tôi, khi chúng tôi đi uống trà. Và sáng hôm qua chú ấy còn khoe tôi việc thợ cạo sắp tới. Chú ấy vẫn còn khỏe mạnh vui vẻ, lăn đều như ngày thường.”

“Phải, cho đến sáng hôm qua thôi.”

“Có chuyện gì xảy ra sau đó à?”

“Tai nạn khủng khiếp lắm. Cái bệ lặn của nó bị mất kiểm soát. Bay vọt khỏi vỉa hè... đâm thẳng vào một cái xe buýt hai tầng.” Ông ướt nước bọt và nói ông không được chứng kiến tận mắt, nhưng đã tới nhận diện những gì còn sót lại. “Với bao nhiêu năm làm trong nghề này, mắt tôi đã nhìn thấy đủ thứ rùng rợn. Nhưng chưa bao giờ có thứ gì lại hãi hùng hơn. Cả Shankar và cái bệ đều bị cán nát bấy – đến độ không thể tách bạch nổi người với bệ. Cố gỡ những mảnh gỗ và bánh xe ngập lút trong da thịt nó là càng xé nát thì thể khốn khổ của nó thậm tệ hơn nữa. Đành phải hỏa táng cái bệ theo nó thôi.”

Họ gồng mình đương đầu với hình ảnh ghê rợn nọ trong câm lặng. Ông trùm không thể ghìm được và òa lên khóc nức nở. Nỗ lực kìm nén tiếng khóc khiến ông run lên. “Lẽ ra tôi nên nói với nó chúng tôi là anh em. Tôi đã chờ quá lâu. Và giờ thì đã muộn mất rồi. Giá như cái bệ lặn của nó có phanh... tôi đã nghĩ tới một lần, nhưng ý tưởng ấy nghe có vẻ ngớ ngẩn. Hầu như nó chỉ lê cái bệ đi quanh đi quẩn... nào có phải một cái xe tốc độ cao hay gì đâu. Lẽ ra tôi nên thôi, không bắt nó ra đường nữa.”

“Ngài không nên tự trách mình như thế,” Dina nói. “Ngài đã cố làm những gì tốt nhất cho ông ấy, như ngài đã nói đấy.”

“Thật ư? Tôi đã làm thế ư? Làm sao tôi biết được?”

“Chú ấy là người tử tế lắm,” Maneck nói. “Chú Ishvar và Om kể với chúng tôi là chú ấy đã chăm sóc họ thế nào khi họ bị ốm ở trại lao động. Dì chưa bao giờ gặp chú ấy, nhưng trong hầu hết các mặt, chú ấy cũng giống như những người bình thường thôi. Lắm lúc chú ấy còn pha nhiều trò vui lắm.”

“Dì có cảm giác dì biết ông ấy. Ishvar và Om đã có lần mang số đo của ông ấy về và mô tả về ông ấy cho dì nghe, nhớ không? Còn cả chiếc áo vét đặc biệt dì thiết kế cho ông ấy nữa?”

“Cô thật tốt bụng,” Ông trùm nói, mắt lại tràn nước khi nghĩ đến lúc mình đã xé rách và bôi bẩn tấm áo đó một cách đầy thiện chí cho phù hợp với hoàn cảnh của của Shankar.

“Ngài có muốn một cốc nước không?” Cô hỏi. Ông gạt đầu, Maneck bèn mang ra.

Ông trùm dần lấy lại bình tĩnh sau khi uống nước. “Tôi muốn mời hai người thợ may đến dự lễ hỏa táng của Shankar. Ngày mai, lúc bốn giờ. Họ là những người bạn duy nhất Shankar có. Sẽ có rất đông ăn mày ở đó, nhưng Ishvar và Om mới là khách mời đặc biệt.” Ông trả lại chiếc cốc không.

“Cháu sẽ đi,” Maneck nói.

Nỗi ngạc nhiên của Ông trùm lóe sáng giữa cơn đau buồn. “Thật không? Tôi sẽ rất biết ơn.” Ông cầm lấy bàn tay Maneck và lắc lấy lắc để. “Đoàn đưa tang xuất phát ở Vishram. Tôi nghĩ đó là một nơi thích hợp để mọi người tụ họp – tỏ lòng kính trọng với Shankar. Cậu có nghĩ thế không? Địa điểm cuối cùng của nó ấy?”

“Vâng, cháu sẽ gặp ngài ở đó.”

“Thế còn bài thi của cháu thì sao?” Dina nói.

“Ba giờ là cháu thi xong rồi.”

“Phải, nhưng còn bài thi ngày kia nữa?” Cô cố gắng can ngăn cậu. Ý nghĩ cậu tham dự đám tang của một lão ăn mày khiến cô cảm thấy bất an. “Lẽ ra cháu phải về thẳng nhà mà ôn tập để chuẩn bị thi chứ?”

“Cháu sẽ ôn, sau khi dự lễ hỏa táng xong.”

“Xin thứ lỗi cho tôi một phút,” cô nói với Ông trùm, đoạn đi vào nhà trong. “Maneck!” Đứng từ phòng trong, cô gọi vọng ra. Cậu nhún vai và vào theo.

“Cái quái gì thế này? Sao cháu lại phải đi?”

“Vì cháu muốn đi.”

“Đừng có trả treo! Cháu biết ông ta làm dì sợ tới mức nào rồi còn gì. Lý do duy nhất khiến dì cố gắng chịu đựng ông ta là vì ông ta bảo vệ cho căn nhà này. Không cần phải làm thân thêm nữa.”

“Cháu không muốn tranh cãi nữa đâu, dì ạ. Cháu sẽ đến dự lễ hỏa táng.” Giọng cậu nhỏ nhẹ, nhấn mạnh từng chữ.

Dina băn khoăn không hiểu sao cậu lại tha thiết với đám tang của lão ăn mày đến thế. Cô quy nguyên nhân là do áp lực của kì thi cuối năm. “Thôi được, dì không ngăn nổi cháu. Nhưng nếu cháu đi, dì cũng đi cùng.” Để trông chừng cậu, chứ không phải vì lý do nào khác, cô nghĩ thầm.

Họ quay trở ra hành lang. “Chúng tôi vừa bàn về buổi chiều ngày mai,” cô nói. “Cả hai chúng tôi đều sẽ đi.”

“Ồi, vậy thì tuyệt quá,” Ông trùm kêu lên. “Làm sao tôi cảm ơn được hai người đây? Mà, tôi đang nghĩ, thật ra cũng may là Ishvar và Om đã lên đường từ hai ngày trước. Nỗi đau buồn có thể sẽ làm hỏng đám cưới mất. Mà chuyện hôn nhân cũng như việc chết chóc, chỉ xảy ra có một lần mà thôi.”

“Quả đúng vậy,” cô nói. “Ước gì có nhiều người khác cũng hiểu được như thế.” Cô ngạc nhiên khi thấy những lời ông nói hoàn toàn trùng khớp với cảm nghĩ của cô về vấn đề này.

Ông trùm cho tất cả ăn mỳ nghỉ một buổi chiều để tham dự lễ hỏa táng. Cuộc tập hợp của những kẻ tàn tật, mù lòa, cụt tay, cụt chân, bệnh tật, và mất mặt mũi trên vỉa hè chẳng mấy chốc đã thu hút không ít khán giả. Những người xem xôn xao không hiểu có phải bệnh viện nào đó, do thiếu không gian, đã phải mở một phòng khám ngoài trời hay không.

Dina và Maneck gặp Ông trùm đang uống trà trong nhà hàng Vishram. “Nhìn đám người kia kìa,” ông nói về ghê tởm. “Chúng nghĩ đây là một gánh xiếc đấy.”

“Mà chẳng ai chịu bố thí lấy một xu nhỏ,” Dina nói.

“Cũng chả có gì lạ. Lòng thương hại chỉ có thể được bộc lộ bằng từng liều nhỏ. Khi có quá nhiều ăn mỳ tập trung ở cùng một chỗ, người đời sẽ xử sự thế này” – ông ta đưa hai nắm đấm lên mắt, hết như một cặp ống nhòm. “Đúng là một sơ diễn quái gở. Người ta quên mất rằng bản thân mình mong manh đến mức nào, bất chấp những áo xống và giày dép và cặp táp họ mang, rằng cái thế giới đói khát và tàn bạo này có thể lật truồng họ, ném họ vào vị trí y hết như đám ăn mỳ của tôi.”

Maneck nghiền ngẫm những lời lẽ khoa trương của Ông trùm, nỗ lực của ông hòng che giấu nỗi đau đớn. Hà cớ gì loài người phải xử sự như thế với cảm xúc của mình? Dù là khi giận dữ hay yêu thương hay buồn đau, họ luôn cố đẩy một thứ khác lên thế chỗ nó. Và lại còn có những kẻ luôn vờ như cảm xúc của mình lớn lao cao cả hơn tất thảy những người khác. Một mối khó chịu cồn cào được họ biến thành một cơn thịnh nộ nghiêng trời lệch đất; còn những lúc chỉ một cái nhướn miệng hay một tiếng cười khúc khích là đủ dùng, họ lại lăn ra cười như hóa dại. Dù là trường hợp nào đi nữa, đó đều là thiếu thành thực.

“Ngoài ra,” Ông trùm nói, “sự thờ ơ của người đời mà hai người đang được chứng kiến minh họa cho một điểm quan trọng. Trong nghề này, cũng như các nghề khác, ba yếu tố có vai trò căn cốt nhất là địa điểm, địa điểm, và địa điểm. Ngay lúc này đây, nếu tôi chuyển đám ăn mỳ kia từ Vishram đến một ngôi đền lớn hoặc một địa chỉ hành hương, tiền của sẽ đổ về như nước cho mà xem.”

Thi thể Shankar nằm trên một chiếc kiệu đan bằng tre tươi đặt phía ngoài cửa hậu Vishram, ngay cạnh gian kho chứa bát đĩa, dao nĩa, bếp dự phòng, và dầu hỏa. Ông trùm giải thích là khuôn mặt không được để lộ ra cho người đến viếng nhìn vì cảnh tượng đó vượt quá sức chịu đựng. Một tấm vải che phủ cái thân nát bấy, và trên tấm vải đó là một lớp hoa tươi, gồm hoa hồng và hoa huệ.

Mắt tròn tròn nhìn chiếc kiệu, Maneck tự hỏi không biết có phải bố mẹ Avinash đã bắt đầu lễ đưa tang cho anh ta từ nhà xác hay không. Hay người ta cho phép đưa xác về nhà làm lễ cúng? Có lẽ tùy thuộc vào tình trạng phân hủy, và thời gian xác có thể giữ được trong nhiệt độ phòng. Trong thế giới không được làm lạnh. Nơi tất cả đều có kết cục đen tối.

“Hotel đồ chay Vishram thật tử tế vì đã cho Shankar nằm đây trước khi lễ tang bắt đầu,” Dina khen.

“Tử tế quái gì. Tôi đảm mỗm thằng bếp với thằng bồi khảm lắm.” Ông trùm nghe lên để ngó qua cửa sổ, và vẫy tay với bốn người đàn ông vừa tới. “Tốt rồi, chúng ta có thể bắt đầu được rồi.”

Bốn người đàn ông nọ là cửu vạn ngoài ga tàu hỏa được thuê để khiêng kiệu. “Tôi chẳng

còn cách nào khác,” ông phân bua bằng giọng khổ sở. “Tôi là người thân thích duy nhất. Dĩ nhiên thỉnh thoảng tôi sẽ khiêng em trai tôi, để tỏ lòng kính trọng với nó, nhưng tôi không thể cho phép bất cứ ăn mày nào của mình làm việc đó. Họ không đủ khỏe. Cả cỗ kiệu sẽ đổ mất.”

Ông không tiếc tiền tiêu cho Shankar, mua loại bơ sữa trâu và hương trầm loại nhất hạng, cùng hàng núi gỗ đàn hương. Tất cả đều đã đợi sẵn ở bãi hỏa táng, cùng một thầy tế giỏi để thực hiện các nghi thức tang lễ. Có cả những giỏ đựng cánh hoa hồng cho những người đi viếng tung lên kiệu trên suốt chuyến đưa ma dài. Và sau lễ tang, Ông trùm sẽ tiến một khoản công đức cho đền dưới tên của Shankar.

“Tôi chỉ lo duy nhất một điều,” ông nói. “Tôi hi vọng các ăn mày khác không cho đây là chế độ áp dụng chung, rằng người nào trong số bọn họ rồi cũng sẽ được hưởng một cuộc tiễn biệt hào phóng như thế này.”

Đám đưa ma di chuyển chậm nhất từng thấy xưa nay bắt đầu tiến về phía bãi hỏa táng ngay sau bốn giờ chiều. Số lượng người tàn tật đông đảo ghìem nó ở tốc độ rùa bò. Dị tật của một số người đã làm teo tóp cơ thể họ, khiến họ chỉ còn có thể ngồi xổm như con ếch: họ nhảy nhô nhảy nhót theo đám, dùng tay làm đòn bẩy. Một vài người lại chỉ đủ sức bò ngang kiệu cua. Số khác thì có số lượng phương tiện được nhân đôi, bò tới bằng cả hai tay hai chân, dúi nhống lên như bướu lạc đà. Bằng một sự đồng thuận ngầm, đám rước di chuyển ở một tốc độ chung thấp nhất, nhưng tinh thần ai nấy đều rất hứng khởi, họ cười nói rôm rả, sung sướng tận hưởng một trải nghiệm mới, thành ra nhìn vào trông giống một lễ hội hơn là đám ma.

“Thật đáng buồn,” Dina nói giọng bất bình. “Ở đây có người chết, thế mà chẳng ai khóc lóc gì cả. Mà Ông trùm còn chẳng thèm nhắc họ cư xử cho phải phép.”

“Dì mong chờ cái gì chứ,” Maneck nói. “Có lẽ họ đang ghen tị với Shankar ấy chứ.” Mà dù sao đi nữa, cậu nghĩ vụng, khóc lóc phồng có ích gì? Kể nằm trên kiệu kia có thể chính là cậu và thế giới cũng chẳng có gì đổi khác.

Ông trùm chạy ngược chạy xuôi khắp dòng người như một viên giám sát đội hình đội ngũ, đảm bảo không xảy ra bất kì sự chậm trễ có thể tránh được nào. Dina vẫy tay gọi ông khi ông đi xuống cuối đám. “Cả Maneck lẫn tôi đều chưa từng dự một đám tang Hindu nào,” cô thú thật. “Chúng tôi nên làm gì khi đến nơi?”

“Chẳng cần làm gì cả,” Ông trùm nói. “Hai người đã cho Shankar vinh dự chỉ bằng việc có mặt ở đây. Thầy tế sẽ lo việc khấn khứa. Còn tôi sẽ phải châm lửa giàn thiêu và đập vỡ xương sọ vào phút cuối, vì Shankar không có con trai.”

“Có khó nhìn không? Có người bảo tôi mũi bốc lên nặng lắm. Ta có tận mắt nhìn thấy thịt da bị cháy không?”

“Có, nhưng xin đừng lo, đấy là một cảnh tượng rất đẹp mắt. Khi ra về, hai người sẽ cảm thấy rất thanh thản, cảm thấy như Shankar đã được tiễn đưa đàng hoàng trên cuộc hành trình còn tiếp diễn của nó. Và, tôi hi vọng, không phải cần đến một cái bệ lẫn nữa. Đó luôn là cảm giác của tôi sau khi chứng kiến một cái giàn thiêu rực cháy – một sự trọn vẹn, tĩnh tại, một mối cân bằng toàn hảo giữa sự sống và cái chết. Thực ra, vì chính lý do đó mà tôi còn đến dự cả lễ hỏa táng của những người không quen biết cơ đấy. Khi nào có tí thời giờ rảnh mà thấy một đám đưa ma, tôi cứ tự tiện nhập hội thôi.”

Nói rồi, ông vội vã chạy lên phía trước đoàn để vỗ về mấy viên cảnh sát cẩu bần. Đoàn đưa tang chậm rề rề khiến các nhân viên công lực ngành giao thông nổi đóa, cảm thấy

nhịp độ đã thành ra rối loạn hết cả. “Liên tục di động” là cương lĩnh số một trong đời họ, và họ mắc chứng sợ đối với bất cứ vật gì di chuyển chậm, dù đó là xe ô tô, xe kéo, chó hoang, hay con người. Nếu thỉnh thoảng họ có chằm chước cho một trường hợp ngoại lệ nào, thì đó là lũ bò. Sốt sắng muốn nhanh nhanh chóng chóng lừa đám người đưa ma đi qua, họ khoát tay, tuýt còi, quát thét và van lơn, hoa chân múa tay, cau có, bóp trán, như như nắm đấm. Nhưng những biện pháp đã qua thử nghiệm và chứng minh hiệu quả nói trên đều thành ra xôi hỏng bồng không với đối tượng này: những chân tay đã mất không thể phản ứng lại, dù tiếng còi có xé tai, động tác vung tay của họ có dũng mãnh tới mức nào đi nữa.

Đám cửu vạn ga tàu, vốn quen bước thoăn thoắt với những hành lý nặng nề chất trên vai, cũng gặp khó khăn không ít khi phải thích nghi với tốc độ phi truyền thống này. Khi những tràng kinh “Tên của Ram là chân lý!” bắt đầu nhỏ dần sau lưng, họ nhận ra mình đã đi trước quá xa, và hò nhau dừng lại cho đến khi khoảng cách được thu hẹp. Nửa đường đến bãi hỏa táng, sau một tiếng đồng hồ lê lét, một toán cảnh sát chống bạo động đội mũ sắt xông vào đột kích đám rước mà không hề báo trước, tay vung loạn gây gộc. Thi thể Shankar lăn tồm khỏi kiệu khi những người cửu vạn quay ngoắt đi để tránh những cú đánh. Miệng thét lên khiếp đảm, đám ăn mày ngã lăn lóc ra đất. Cánh hoa hồng rơi tung tóe từ khoảng nửa chục cái giỏ, và một vệt màu hồng đẹp đẽ tãi khắp mặt đất.

“Thấy chưa? Đây là lý do tại sao dì không muốn cho cháu đi đấy,” Dina vừa nói vừa thở hổn hển khi cô cùng Maneck chạy lên vùng an toàn trên vỉa hè. “Cái thời buổi này loạn lắm – tai họa có thể ập đến mà không báo trước. Nhưng bọn cảnh sát ngu ngốc này bị làm sao vậy? Sao họ lại đánh đập mấy người ăn mày?”

“Có lẽ họ đang đi gom người cho một cái trại lao động mới. Như họ từng bắt Ishvar và Om ấy.”

Rồi, cũng đột ngột hết như trước, đội quân rút đi. Đội trưởng của họ tìm đến chỗ Ông trùm và xin lỗi ríu rít vì đã xâm phạm không khí tôn nghiêm của buổi lễ. “Bản thân tôi cũng là một người sùng đạo, và vô cùng nhạy cảm trước các vấn đề tín ngưỡng. Đây quả là một nhầm lẫn rất đáng tiếc. Tất cả đều do cơ quan tình báo làm ăn tắc trách quá.”

Ông ta nói họ vừa nhận được một bức điện báo cho hay một đám tang giả đang được cử hành, với mục đích đưa ra một tuyên bố chính trị nào đó, đây chắc chắn là hành động vi phạm các quy định của Tình trạng khẩn cấp. Nghi vấn đặc biệt nổi lên quanh vụ tập hợp của quá nhiều ăn mày, ông giải thích. “Họ bị tưởng nhầm là các phần tử quá khích chính trị mặc những loại trang phục kì quái – bọn gây rối thích diễn tuồng trên phố, mô tả các nhân vật trong chính phủ như những tên lừa đảo và tội phạm đang hút máu hút mỡ của đất nước ấy mà. Ngài còn lạ gì những trò đấy nữa.”

“Một lần nữa có thể hiểu được,” Ông trùm nói, chấp nhận lời giải thích. Ông bực mình hơn cả với bọn người đã chuẩn bị cỗ kiệu – hẳn bọn họ đã làm ăn rất cầu thả khi buộc thi thể Shankar vào kiệu, vì chỉ sến tí nó đã lăn xuống. Cùng lúc, ông lại tự lý giải, đó không hoàn toàn là lỗi của họ, có lẽ họ chẳng có mấy kinh nghiệm khi xử lý một cái xác tan nát như của Shankar.

Vẫn chưa hết lúng túng vì xấu hổ, viên đội trưởng không ngớt lời xin lỗi. “Ngay khi nhận ra cái xác không phải là một hình nộm ước lệ, chúng tôi đã nhận ra ngay sai sót của mình. Sự việc quả thật rất đáng tiếc.” Ông gỡ chiếc mũ kẹp đen ra. “Xin cho tôi gửi lời chia buồn.”

“Cảm ơn ngài,” Ông trùm nói, đoạn bắt tay vị kia.

“Xin hãy tin tôi, sẽ có kẻ bị kỉ luật vì nhầm lẫn này,” viên đội trưởng hứa, còn các thuộc

cấp của ông ta vội vã đi nhặt lại phần thi thể đã bị rơi khỏi kiệu và lăn ra đường, cùng với vài thứ đồ tống táng khác.

Để chuộc lỗi, ông ta nhất quyết đòi bố trí một đội hộ tống chính thức cho đến hết quãng đường còn lại. Đội chống bạo động được lệnh chỉnh trang lại cỗ kiệu và gom nhặt hết cánh hoa bị rơi xuống đường vào giỏ. “Ngài đừng lo,” ông trấn an Ông trùm. “Chỉ ít phút nữa thôi, tất cả mọi người sẽ lại hành quân trật tự đến bãi hỏa táng.”

Khi đám đưa ma đã sạch cảnh càn quét, một chiếc ô tô đỗ lại bên lề đường và bấm còi. “Ôi không,” Dina kêu lên. “Anh trai đi đấy. Có lẽ ông ấy đang trên đường đi làm về.”

Ngồi ở ghế sau, Nusswan giơ tay vẫy và quay kính cửa sổ xuống. “Cô cũng đi đưa đám này à? Anh không biết là cô cũng có bạn người Hindu cơ đấy.” “Em có,” Dina đáp.

“Đám tang ai thế?”

“Một người ăn mày.”

Ông ta cười phá lên, rồi ngưng bật và bước ra khỏi xe. “Đừng có đem những chuyện nghiêm túc ra làm trò đùa.” Hẳn là một nhân vật khá quan trọng, ông mừng tượng, phải thế nào mới có cảnh sát hộ tống chứ! Có lẽ là vị tai to mặt lớn nào đấy ở tập đoàn Au Revoir, chủ tịch hoặc giám đốc điều hành chẳng hạn. “Thôi nào, đừng đùa nữa, ai thế?”

“Em đã bảo anh rồi. Là một người ăn mày.”

Nusswan há hốc rồi lại ngậm miệng vào: há vì điên tiết và ngậm vì khiếp đảm, khi nhận ra tính chất của đám rước. Ông hiểu rằng cô không hề nói đùa.

Giờ mồm ông lại há hốc ra, uất lạng, Dina bèn nhắc: “Khép mồm lại đi, Nusswan, kẻo ruồi lại bay vào bây giờ.”

Ông ta ngậm lại. Ông ta không thể tin nổi việc này đang xảy ra với mình. “Anh hiểu rồi,” ông chậm chạp nói. “Và cả đám ăn mày này là... bạn của người quá cố?” Cô gật đầu.

Hàng chục câu hỏi chạy qua đầu ông: Sao lại có hẳn đám ma cho một đứa ăn mày? Có cả cảnh sát hộ tống nữa? Mà sao em mình lại đi đưa, lại thêm thằng Maneck nữa? Ai chỉ cho vụ này? Nhưng câu trả lời có thể đợi sau. “Vào đi,” ông ra lệnh, đoạn mở cửa xe.

“Vào đi, ý anh là gì?”

“Nào, đừng có tranh luận. Vào đi, cả hai người. Tôi sẽ đưa cả hai về nhà.” Danh sách những nỗi bất bình chồng chất qua hơn ba chục năm, lướt loang loáng qua tâm trí ông. Giờ lại thêm cả chuyện này nữa. “Cô không được đi thêm một bước nào theo cái đám này nữa! Làm gì không làm, lại đi đưa ma một đứa ăn mày! Cô còn sa đọa đến mức nào nữa? Người ta sẽ nói gì nếu nhìn thấy em gái tôi...”

Ông trùm và viên đội trưởng bước tới chỗ họ. “Người này đang làm phiền cô à?”

“Không hề,” Dina đáp. “Đây là anh trai tôi. Anh ấy chỉ muốn gửi lời chia buồn về cái chết của Shankar.”

“Cảm ơn ông,” Ông trùm nói. “Tôi có thể mời ngài cùng dự đám rước được chăng?”

Nusswan ấp úng. “Ờ... tôi rất bận. Xin lỗi ông, để lúc khác nhé.” Ông ta biến vào xe, vội vã đóng chặt cửa lại.

Họ vẫy tay chào và trám lại chỗ của mình, thật ra quãng đường để bắt kịp cũng chẳng bao lâu, đoàn người mới di chuyển thêm được chưa đầy chục mét. Ông trùm đi lên phía trước đám và ghé vai đỡ kiệu thay một trong số mấy người cưỡi vượn đường sắt.

“Vui thật,” Dina quay sang nói với Maneck. “Dì nghĩ tối nay thế nào ông ấy cũng mơ thấy ác mộng. Về một cái giàn thiêu – danh tiếng của ông ấy tan tành mây khói.”

Maneck cười, nhưng suy nghĩ của cậu đang hướng về một lễ hỏa táng khác, tổ chức cách đây ba ngày. Nơi cậu lễ ra phải có mặt. Nơi trật tự thế hệ của cái chết đã bị đảo lộn. Có lẽ ông bố má hóp của Avinash đã châm lửa giàn thiêu. Lửa nổ tí tách. Khói hun cay mắt. Và những ngón tay của lửa trêu chọc, đùa bỡn, mơn trớn cái xác. Khiến nó cong lên, như đang cố gắng ngồi nhồm dậy... dấu hiệu cho thấy linh hồn đang phản kháng, người ta thường nói thế. Avinash cũng thường cong người lên như thế khi chơi cờ, anh ta nằm ngửa, gần như duỗi dài trên giường, đầu ngoảnh sang, mắt ngắm nghía bàn cờ. Rồi chống khuỷu tay nhồm lên để với lấy quân cờ, đi nước của mình.

Chiếu tướng. Và tiếp đến là ngọn lửa.

Thời gian chậm chạp trôi đi, như thể nó đã mất hết hứng thú với cõi đời. Dina phủ bụi đồ đạc cùng hai chiếc Singer trong góc phòng. Chẳng có thứ gì thiếu sinh khí bằng mấy chiếc máy may câm lặng, cô nghĩ thầm.

Cô lại tự tạo việc cho mình bằng cách quay về với tấm chăn. Kéo thẳng một đường may, cắt tĩa một mảnh vải, căn chỉnh những điểm cô thấy chưa vừa mắt. Ánh nắng buổi chiều xuyên qua lớp kính ô thông gió, vẩy vô số chấm lốm đốm lên những vuông vải trong lòng cô.

“Dì ngồi dịch sang trái một chút đi,” Maneck nói.

“Để làm gì?”

“Cháu muốn xem mảnh vải vàng trông thế nào khi có thêm mấy đốm nắng.”

Cô tặc lưỡi, đoạn làm theo lời cậu.

“Đẹp thật,” cậu nói.

“Còn nhớ hôm đầu tiên nhìn thấy nó, cháu đã hồ nghi đến thế nào không?”

Cậu bật cười tự trào. “Hồi đấy cháu đã có kinh nghiệm gì về màu sắc và mẫu mã đâu dì.”

“Còn giờ cháu đã là đại chuyên gia rồi, phải không?” Cô kéo góc chăn đối diện vào lòng mình.

“Khi nào may xong, dì có đem trải lên giường của dì không?”

“Không.”

“Thế thì dì định đem bán à?”

Cô lắc đầu. “Cháu giữ bí mật giúp dì được không? Đây sẽ là quà cưới cho Om.”

Giả như chính cậu nghĩ ra ý tưởng ấy, cậu cũng không thể cảm thấy sung sướng hơn thế được. Khuôn mặt cậu dịu lại, cảm động vì kế hoạch của cô.

“Đừng bịu xịu như thế,” cô nói. “Dì cũng sẽ may một chiếc cho đám cưới của cháu mà.”

“Cháu có bịu xịu gì đâu, cháu nghĩ đấy là một ý tưởng *số dách*.”

“Nhưng đừng có đi ba hoa với chú Ishvar và Om ngay phút đầu tiên cháu gặp lại hai người ấy đấy. Dì sẽ hoàn thành nó khi công việc may vá chạy trở lại; lúc đấy dì sẽ nhận được vải mới của Au Revoir. Từ giờ đến đó đừng hớ ra câu nào nhé.”

Kì thi của Maneck đã kết thúc; cậu nghĩ hầu hết các bài mình làm đều khá tệ. Cậu cầu mong sao điểm số đủ cao để giúp cậu được vào chương trình lấy bằng ba năm.

Dina hỏi cậu thi thế nào, cậu đáp “Tốt ạ.”

Cô nghe ra sự thiếu thuyết phục trong giọng cậu. “Phải chờ khi nào có kết quả rồi mới biết tốt đến đâu.”

Buổi tối cuối cùng, dưới sự hối thúc của Dina, cậu đành phải chiều theo những lời cầu khẩn của mẹ trong thư và rút cuộc cũng đi thăm họ hàng. Cậu mất hai tiếng đồng hồ chịu đựng gia đình Sodawalla vốn vã sốt sắng và cự tuyệt khoảng chục loại đồ ăn vặt và đồ uống ướp lạnh. “Cảm ơn mọi người, nhưng cháu đã ăn rồi ạ.”

“Lần sau cháu phải nhịn đói trước khi đến đây nhé,” họ nói. “Cả nhà chỉ muốn được hưởng niềm vui cho cháu ăn thôi đấy.” Họ cất đồ ăn thức uống đi và cố nài cậu cùng cả nhà đi xem phim và đến tối muộn, mời cậu ngủ lại.

“Cháu xin phép, cháu phải về đây ạ,” Maneck nói khi cảm thấy cậu đã chịu trận đủ lâu. “Ngày mai cháu phải đi từ sớm.”

Về đến căn hộ của Dina, cậu đổ lỗi cho cô đã làm hỏng cả buổi tối của cậu. “Cháu sẽ không đi thêm một lần nào nữa đâu, dì. Họ nói liên tu bất tận và cư xử như những đứa trẻ con ngớ ngẩn.”

“Đừng nhỏ nhen thế, họ đều là ruột thịt của mẹ cháu cả đấy.”

Cô giúp cậu lấy chiếc va li không cất trên nóc tủ xuống, rồi phỉ bụi cho nó. Vừa nhìn cậu dọn đồ, cô vừa liên tục xen vào để khuyên bảo, nhắc nhở, hướng dẫn: nhớ đừng quên, lấy cái này đi, làm cái kia đi. “Và quan trọng nhất là phải ngoan ngoãn với bố mẹ cháu, đừng bao giờ tranh cãi gì với họ. Suốt một năm qua họ đã nhớ nhung cháu biết bao.

Nghỉ ngơi vui vẻ nhé.”

“Cảm ơn dì. Mà dì đừng quên cho bọn mèo ăn nhé.”

“À xin vâng ạ, dì sẽ cho bọn nó ăn. Thậm chí dì sẽ nấu những món chúng thích nhất nữa. Dì có nên mang dao nĩa lên hầu chúng không, hay chúng chỉ ăn bốc thôi?”

“Không cần đâu, dì ạ, dì giữ bộ dao nĩa cho con dâu dì đi.

Ba tuần nữa là cô ấy đến đây rồi.”

Cô dọa đánh cậu. “Vấn đề là, mẹ cháu không chịu đánh cháu thường xuyên hơn hồi cháu còn bé.”

Sáng sớm tinh mơ hôm sau, cậu ôm cô và lên đường.

Sự trở lại của cô độc không hẳn giống như Dina đã mừng tượng. Suốt bao năm qua, mình đã nặn ra một phẩm chất tốt đẹp cho hiện thực không thể vượt thoát khi gọi nó là yên bình và tĩnh tại, cô nghĩ thầm. Ấy thế mà, có sao cô lại có cảm giác cô đơn trở lại sau khi đã sống một mình gần hết cuộc đời này? Chẳng lẽ trái tim và trí óc không học được điều gì ư? Một năm thôi đã đủ để tàn hại bản tính kiên cường bền bỉ của cô tới mức này sao?

Đã không biết bao nhiêu lần cô giở lịch xem ngày: Còn ba tuần nữa Ishvar và Om mới quay lại; và tiếp đó là thêm ba tuần mới đến lượt Maneck.

Ngày ngày rề rà trôi qua. Cô quyết định đây chính là cơ hội tốt để tặng căn nhà một chậu dọn dẹp từ trên xuống dưới. Ở bất cứ phòng nào, cô cũng nghe thấy âm vang từ

những cuộc đùa bỡn không mệt mỏi của hai bác cháu thợ may, quần riết lấy cô khi cô cạo rửa bếp, quét trần nhà bằng cây chổi cán dài, lau các ô cửa sổ và ô thông gió, gột tẩy sàn nhà.

Trong phòng Maneck, cô tìm thấy bộ cờ của bạn cậu cất trong tủ. Chắc chờ đến khi trường mở cửa trở lại sẽ trả, cô đoán.

Tiếp theo, tủ của riêng cô cũng được trút hết đồ đạc, ngoại trừ ngăn kéo dưới cùng. Cô lau chùi phía trong, sắp xếp đồng vải thừa từ công ty Au Revoir và phân loại quần áo của mình. Những món cô không còn mặc nữa được để riêng thành một chồng. Để cho vợ Om. Dĩ nhiên, còn tùy thuộc khổ người của cô ta. Và còn xem cô ta thuộc loại người nào nữa.

Sau đó, Dina chuyển sang xử lý ngăn kéo dưới cùng, được lèn chặt cứng vải vụn từ mỗi ngày may vá trong suốt một năm trời, những mụn vải bé con con, chẳng dùng được vào việc gì trừ nhồi băng vệ sinh nhà làm. Cô xọc tay vào và cả một núi vụn đổ tung ra như thác, khiến cô bật cười thành tiếng. Cả năm chục năm hành kinh nữa cũng không thể tiêu thụ hết ngần này ruột bông. Cô nhồi một lượng vừa đủ vào một cái túi và chuẩn bị đem vứt bỏ toàn bộ phần còn lại.

Rồi cô bỗng nghĩ đến vợ Om. Chắc chắn tuổi trẻ và sức sống của cô ta có thể dùng hết một lượng rất lớn. Cứ để dành luôn là hơn, cô nghĩ bụng, đoạn hân hoan nhét hết số vải trở lại ngăn kéo.

Khối lượng công việc dọn dẹp khổng lồ giúp khóa lấp nhiều ngày trôi qua. Cô dồn tâm trí sang đoạn hành lang, chỉ ít lâu nữa sẽ trở thành nhà cho cặp đôi mới cưới cùng ông bác. Một bọc chiếu gối của hai người thợ may thì chưa đủ, cô nghĩ, và bắt tay vào làm thêm khăn trải và vỏ chăn từ chỗ vải thừa của công ty Au Revoir.

Bàn đạp chân của chiếc máy Singer mà Ishvar vẫn dùng quá khó điều khiển đối với cô. Cô chưa bao giờ sử dụng kiểu máy này trong suốt những năm làm nghề may. Cô chuyển sang chiếc máy quay tay nhỏ của thím Shirin, và thấy rất thú vị. Với mỗi đường chỉ may được, cô lại tự nhủ: thật may khi có ngần này vải để đáp ứng nhu cầu của tất cả mọi người.

Cảnh tượng Ishvar, Om, và vợ Om cùng ngủ trên hành lang khiến cô hơi khó chịu. Cứ thử tưởng tượng nếu trong đêm tân hôn của mình, chú Darab và dì Shirin lại ngủ cùng một phòng với mình và Rustom thì sao, cô nghĩ.

Giải pháp duy nhất cô có thể nghĩ ra là chẳng một tấm rèm ngăn ở chính giữa hành lang. Cô đo khoảng cách, rồi nối những mảnh vải dày dặn nhất trong kho vải thừa lại với nhau. Một bức tường giả cũng còn hơn là không có gì.

Cô hi vọng Ishvar và Om sẽ hài lòng với nỗ lực của cô. Cô đã làm những gì mình có thể. Nếu cô vợ mới chỉ cần cố gắng bằng một nửa như thế, cô tin chắc họ sẽ chung sống hòa thuận bên nhau.

Hai chiếc đỉnh cộng thêm một đoạn dây, và chiếc vách ngăn ước lệ đã được dựng lên. Cô đứng lùi lại, xem xét từng bên mép rèm. Cuộc sống của người nghèo quả thật rất giàu biểu tượng, cô kết luận.

XV

Kế hoạch hóa gia đình

MỘT BÓNG NGƯỜI RÂU RIA, GẦY GÒ lật bật chạy về phía hai người thợ may giữa lúc họ đang vắn chiếc rương của mình ra khỏi toa tàu và chuyển xuống sân ga. “Chờ mãi,” ông vỗ tay hoan hỉ. “Cuối cùng hai đứa cũng về rồi.”

“Ông trẻ Ashraf! Chúng cháu đang định về cửa hàng để làm ông bất ngờ một phen!” Họ kéo hành lý vào một góc, bắt tay, ôm hôn, cười nói không vì lý do nào khác ngoài niềm vui được tái ngộ.

Ishvar và Om là những hành khách duy nhất xuống tàu. Hai người vác thuê đang nghỉ chân cạnh vòi nước vẫn ngồi chồm hổm; bản năng mách bảo họ rằng dịch vụ của họ sẽ không được vời đến. Ga tàu nhỏ ngái ngủ dần tỉnh giấc dưới những rung động của động cơ. Những người bán hàng rong mang hoa quả, đồ uống ướp lạnh, trà, bánh rau chiên, kem đá, kính râm, tạp chí bu lấy đoàn tàu, điểm tô thêm cho bầu không khí bằng tiếng rao của mình.

“Đi nào,” Ashraf nói. “Ta về nhà đi, chắc hai đứa mệt lắm rồi. Chúng ta sẽ ăn uống trước, sau đó hai đứa có thể kể cho ta nghe hai đứa đã bận làm những việc kinh thiên động địa gì trên thành phố.”

Một người phụ nữ bê một rổ quả vả cất tiếng rao ngay bên cạnh họ: “Ai mua vả đi!” Tiếng rao the thé mở đầu bằng một giọng van lơn, và dần biến thành lời trách móc khi họ đi qua mặt bà ta. Nó không hề được nhắc lại. Bà ta quay sang thủ vắn với các hành khách trên tàu, bị đóng khung trong những ô cửa sổ như một triển lãm chân dung di động. Vừa chạy bộ dọc các toa tàu, bà ta vừa tì cái rổ lên hông; nó nảy lên nảy xuống như một đứa trẻ con. Người bảo vệ tuyết một hồi còi cảnh báo, làm một con chó lai lông màu kem đang gà gật gần đường tàu tránh giạt bản mình. Nó gãi soàn soạt phía sau tai, mặt nhăn tít lại như người đang cạo râu.

“Ông trẻ ơi, ông đúng là thiên tài,” Om nói. “Chúng cháu có báo ngày về đâu, thế mà ông vẫn bắt đúng chuyến tàu. Sao ông biết hôm nay chúng cháu sẽ đến nơi?”

“Ta có biết đâu,” ông cười. “Nhưng ta biết là trong tuần này. Mà ngày nào tàu chả về bến cùng một giờ.”

“Hóa ra ngày nào ông cũng ra đây chờ ạ? Còn cửa hàng thì sao?”

“Cũng chả đông khách lắm.” Ông vươn tay ra đòi xách đồ hành lý. Bàn tay ông run rẩy, chẳng chịt những đường gân nổi rõ mồn một. Còi lại rú, và đoàn tàu rùng rùng chạy tới. Đám người bán hàng rong biến mất. Như một ngôi nhà bị bỏ hoang, ga tàu rơi từ trạng thái ngái ngủ sang hiu quạnh.

Nhưng trống vắng chỉ là tạm thời. Dần dà, khoảng hơn chục hình người hiện ra từ những góc tối của các nhà kho và vựa chứa hàng. Quấn mình trong những thứ giẻ rách, bị cái đói xoắn rết, họ hạ thân thể lỏng khỏng của mình từ rìa sân ga xuống đường ray và đồng loạt đi men đường tàu, lần mò từng thanh tà vẹt, sục sạo những món tạp nhạp bị bỏ lại từ các chuyến tàu, thỉnh thoảng lại cúi xuống nhặt nhạnh rác rưởi của khách đi tàu. Khi hai bàn tay cùng vỗ lấy một phần thưởng, ầu ẩu lại nổ ra. Lốp gỗ và sỏi ở những nơi

chất bài tiết đã hạ cánh ướt nhoét, khai khảm, đầy ruồi vo ve xung quanh. Đoàn quân rách rưới vơ vét giấy, thức ăn thừa, túi ni lông, nắp chai, kính vỡ, tất tần tạt từng mẩu vụn quý giá đã bị chuyển tàu vừa rời ga vứt lại. Họ nhét nó vào các bao tải đay, rồi tan vào bóng tối của nhà ga để kiểm kê bộ sưu tập của mình và chờ đợi chuyển tàu kế tiếp.

“Xem ra thành phố đối xử với hai đứa tốt quá hả?” Ashraf nói, khi ba ông cháu chui qua thanh chắn tàu để sang đường. “Cả hai bác cháu trông đều đỏ da thắm thít ghê.”

“Nghe quý hóa quá ạ,” Ishvar nói. Đôi tay run lẩy bẩy của ông trẻ Ashraf khiến ông rất lo buồn. Và rồi cuộc tuổi tác, thừa dịp hai người thợ may vắng mặt, đã kẹp dạy đôi vai ông cụ cách còng gập xuống. “Chúng cháu chẳng có điều gì phải than phiền cả. Nhưng chú thì sao ạ?”

“Nhất hạng, với tuổi của ta.” Ashraf đứng thẳng lên, vỗ vỗ tay lên ngực, dù cái dáng còng gập quay lại gần như ngay tức khắc. “Còn cháu thì sao, Om? Trước kia vạn bất đắc dĩ lắm cháu mới chịu ra đi. Còn giờ xem cháu này, mặt mũi rõ khỏe khoắn sáng sủa chưa!”

“Đấy là do bọn giun của cháu đã dọn nhà đi hết rồi.” Cậu khoái trá kể lại chuyện lũ kí sinh trùng đã bị món thuốc tẩy giun tiêu diệt như thế nào.

“Phải một năm rưỡi nay mày mới được gặp lại ông trẻ, thế mà mày chỉ nói được mỗi chuyện giun để thôi à?”

“Sao lại không?” Ashraf nói. “Sức khỏe là quan trọng nhất. Thấy chưa, ở đây làm sao mà kiếm được thuốc tốt đến thế. Thêm một lý do để mừng vì hai đứa đã đi, hả?”

Ishvar và Om bước chậm lại khi đi đến góc phố gần nhà trọ, nhưng Ashraf đã lái họ về hướng cửa hiệu của ông. “Tội gì phung phí tiền bạc để đổi lấy một cái giường đầy rệp?”

Đến ở với chú đi.”

“Thế thì phiền cho chú quá.”

“Chú xin mà – hai đứa phải lấy nhà chú để làm chỗ chiêu đãi đám cưới đấy nhé. Làm ơn cho chú một lần đi. Một năm qua cô quạnh quá.”

“Nếu biết ông nói như thế, bà trẻ Mumtaz sẽ không vui chút nào đâu,” Om nói. “Chả lẽ ông không tính đến bà à?”

Nỗi bối rối che mờ nụ cười của Ashraf. “Các cháu không nhận được thư à? Bà Mumtaz nhà ta đã mất rồi, khoảng sáu tháng sau khi hai đứa lên đường.”

“Sao ạ?” Hai bác cháu đứng khựng lại, hành lý trôi tuột khỏi tay. Chiếc rương đập thành xuống đất.

“Cẩn thận!” Ashraf cúi xuống kéo nó lên. “Nhưng ta đã viết thư báo cho hai đứa rồi còn gì, gửi qua Nawaz.”

“Lão có chuyển cho bọn cháu đâu,” Om phẫn nộ kêu lên.

“Có lẽ thư đến muộn, sau khi chúng ta chuyển sang xóm lều lán.”

“Lão có thể mang đến cho chúng ta kia mà.”

“Phải, nhưng ai mà biết được ông ấy có nhận được thư không.”

Họ bỏ lửng cuộc suy đoán và lần lượt ôm lấy ông trẻ Ashraf; họ hôn lên má ông ba lần, để an ủi ông, và cũng là an ủi chính mình.

“Ta đã rất lo lắng khi chẳng thấy hồi âm gì cả,” ông nói. “Ta đã nghĩ chắc hẳn các cháu

đang rất bận rộn, phải lo tìm công ăn việc làm.”

“Bạn đến đâu thì bạn, nếu biết tin, thế nào chúng cháu cũng phải viết thư về ngay,” Ishvar nói. “Có khi chúng cháu còn về luôn với chú. Khổ quá – lẽ ra chúng cháu phải về đây dự lễ tang, thím có khác gì mẹ cháu, lẽ ra chúng cháu đừng nên đi thì hơn...”

“Cháu lại nói ngớ ngẩn rồi. Có ai biết trước được tương lai đâu.”

Họ lại đi tiếp, và Ashraf kể cho họ nghe về cơn đau bệnh đã giết dần giết mòn, và về sau đã cướp đi Mumtaz. Khi ông nói về mất mát của mình, lý do ông ra ga mỗi ngày để đợi con tàu của họ trở về dần sáng tỏ: ông đang chơi trò cân não với thời gian, kẻ tra tấn tàn bạo.

“Kể cũng lạ. Lúc Mumtaz nhà ta còn sống, ta thường ngồi một mình cả ngày, may và hoặc đọc sách báo. Còn bà ấy thì lui cui sau nhà, tất bật nấu nướng, lau dọn và cầu nguyện. Nhưng chẳng có chút cảm giác cô đơn nào cả, ngày ngày trôi qua thật nhẹ nhàng. Chỉ cần biết bà ấy đang ở kề bên là đủ. Giờ ta nhớ bà ấy quá. Thời gian quả là thứ chẳng đáng tin cậy chút nào – khi ta muốn nó trôi qua thật nhanh, thì giờ phút cứ dính chặt lấy ta như keo. Và cũng là thứ dễ đổi thay nữa. Thời gian là sợi dây buộc cuộc đời chúng ta thành từng gói năm và tháng. Hoặc một sợi dây cao su co giãn theo trí tưởng tượng của chúng ta. Thời gian có thể là cái nơ xinh trên tóc một đứa bé gái. Hay nếp nhăn trên mặt ta, cướp đi hương sắc tuổi trẻ và từng sợi tóc của ta.” Ông thở dài và nở nụ cười buồn bã. “Nhưng rốt lại, thời gian là cái thông lộng trông quanh cổ, từ từ siết chặt dần.”

Một búi cảm xúc khó chịu lẫn lộn choán ngợp trí óc Ishvar – tội lỗi, buồn đau, linh tính về tuổi già đang rình rập tương lai của chính ông. Ông ước sao mình có thể an ủi chú Ashraf, rằng họ sẽ không bao giờ bỏ ông lại một mình thêm một lần nữa. Nhưng rốt cuộc, ông chỉ nói: “Chúng cháu muốn tới thăm mộ thím Mumtaz.”

Lời thỉnh cầu khiến Ashraf vô cùng sung sướng. “Ngày giỗ thím là vào tuần sau. Ba chú cháu ta sẽ cùng đi. Nhưng hai đứa đã phải đi một quãng đường rất dài vì dịp đại hỉ này. Ta hãy nói về chuyện đấy trước đã.”

Ông quyết không để cái tin buồn làm họ mất vui. Ông giải thích là ba ngày nữa sẽ tới cuộc gặp mặt ban đầu với từng nhà trong số bốn gia đình. “Lúc đầu có vài nhà cũng hơi ngần ngại. Vì ta là một người đạo Hồi lại đi dạm hỏi cho cháu ấy mà.”

“Sao họ dám,” Ishvar phần nộ kêu lên. “Chả lẽ họ không biết chúng ta là một gia đình à?”

“Lúc đầu thì không,” Ashraf nói. Nhưng những người biết rõ mối quan hệ thân thiết lâu năm giữa bọn họ đã phân tích là không có gì phải lo ngại cả. “Thế nên mọi sự đã cắt đặt xong xuôi rồi. Chắc chú rể sốt ruột lắm đây,” ông thúc dục vào bụng Om mấy cái. “Cháu sẽ phải kiên nhẫn chờ thêm một chút nữa. Nhờ ơn Thánh Allah, tất cả sẽ êm đẹp cả thôi.”

“Cháu có lo gì đâu,” Om nói. “Ông kể cháu xem có gì mới không đi. Ở thị trấn có chuyện gì không?”

“Cũng chả có mấy. Một Trung tâm kế hoạch hóa gia đình mới mở. Ta không nghĩ cháu sẽ có hứng với chỗ đó,” ông cười khà khà. “Còn tất cả những thứ khác, dù tốt hay xấu, vẫn như xưa.”

Cơn phấn khích trào dâng giục chân Om bước nhanh thêm khi dãy phố nhà họ lọt vào tầm mắt, rồi đến tấm biển *Hiệu may Muzaffar*. Cậu bứt lên trước, chào mấy người chủ của tiệm kim khí, tiệm tạp hóa, xưởng xay xát, và cửa hàng bán than. Tất cả bọn họ đều lộ ra khỏi cửa và hồ hởi chúc mừng việc đại hỉ.

“Khi nào đói thì bảo ta nhé,” Ashraf nói. “Ta đã nấu ít súp đậu và cơm rồi đấy. Ta còn làm cả món xa lát xoài mà hai đứa thích nữa đấy.”

Om liếm môi. “Được về đây sướng thật.”

“Có hai đứa về vui quá.”

“Vâng,” Ishvar nói. “Chú biết không, cô Dina rất tốt, bây giờ chúng cháu đã rất hòa thuận với nhau rồi, nhưng ở đây vẫn khác hẳn. Đây là nhà. Ở đây cháu thấy thoải mái hơn nhiều. Trên thành phố, cứ mỗi lần có việc đi đâu ra ngoài, cháu lại thấy hơi sợ.”

“Ồi dào, chẳng qua bác cứ để mấy chuyện rắc rối kia ám ảnh bác. Quên đi bác ạ, đã lâu lắm rồi còn gì.”

“Chuyện rắc rối à?”

“Không có gì đâu ạ,” Ishvar nói. “Chúng cháu sẽ kể với chú sau. Thôi, ta đi ăn đi, kéo cơm với súp khô hết mất.”

Họ ngồi trong cửa hiệu, chuyện trò đến khuya, Ishvar và Om cẩn thận giảm nhẹ bớt những chi tiết của cuộc thử lửa họ vừa trải qua. Họ làm việc đó một cách bản năng, ước sao cắt bớt nỗi đau của ông trẻ Ashraf, khi thấy ông cau mày xót xa trước mọi việc họ mô tả.

Đến khoảng nửa đêm, Om bắt đầu gật gù, Ashraf bèn giục hai bác cháu đi ngủ. “Cái đầu già cả này của ta có thể thức nghe cả đêm, nó có cần ngủ mấy đâu. Nhưng hai đứa phải nghỉ ngơi đi.”

Ishvar kê gọn mấy chiếc ghế sang một bên để lấy chỗ trải chiếu trên sàn nhà. Ashraf ngăn ông lại. “Sao lại ngủ ở đây? Trên gác có mình ta thôi mà. Lên đi.” Họ leo lên những bậc thang dẫn từ cửa hiệu lên căn phòng trên tầng. “Chỗ này hồi xưa đông đúc biết mấy. Mumtaz, bốn đứa con gái, và hai chàng thợ học việc của ta. Cả nhà ta lúc đấy vui quá, hả?”

Ông lấy thêm chăn và ga từ một chiếc rương nồng mùi băng phiến. “Bà Mumtaz nhà ta đã cắt hết chăn gối vào đây sau khi bốn con bé đi lấy chồng. Bà ấy cẩn thận lắm – năm nào bà ấy cũng đem ra hong, rồi cho băng phiến mới vào.”

Om ngủ tít ngay khi đầu vừa chạm gối. “Làm ta lại nhớ đến cháu và Narayan,” Ashraf thì thào. “Lúc hai đứa mới đến đây khi còn bé tí, nhớ không? Sau bữa cơm tối, hai đứa lại xuống dưới cửa hiệu và trải chiếu ra. Hai đứa chìm vào giấc ngủ rất ngon lành, cứ như đây chính là nhà hai đứa vậy. Với ta, thật không có lời khen tặng nào có thể sánh bằng.”

“Thì cũng nhờ chú và thím Mumtaz chăm chút chúng cháu làm chúng cháu có cảm giác như được ở nhà mình vậy mà.” Họ ôn lại chuyện xưa thêm vài phút nữa rồi mới tắt đèn.

Ashraf muốn tặng Ishvar và Om áo mới. “Chiều nay chúng ta đi lấy nhé,” ông nói.

“Ấy ấy, chú ơi. Thế thì chúng cháu nhận của chú nhiều quá.”

“Hai đứa muốn làm chú buồn hay sao mà đòi từ chối quà của chú?” Ông phản đối. “Đám cưới của Om cũng rất quan trọng đối với chú. Cứ để chú làm việc chú muốn.” Chiếc áo sẽ được mặc trong bốn buổi đi xem mặt cô dâu. Còn đồ dùng cho đám cưới sẽ được thảo luận sau, cùng với gia đình của cô gái được họ chọn.

Ishvar nhượng bộ, nhưng với một điều kiện – ông và Om sẽ giúp Ashraf may áo. Để ông trẻ phải còng lưng một mình trước máy may là việc không thể chấp nhận được.

“Nhưng có ai phải động tay đâu,” Ashraf nói. “Có một cửa hàng bán đồ may sẵn trong

chợ. Chính là chỗ đã cướp khách của chúng ta ấy. Sao hai đứa có thể quên được nhỉ? Đây là lý do khiến hai đứa phải ra đi còn gì.”

Ông kể cho họ nghe về những khách hàng tin cậy đã lần lượt bỏ rơi Hiệu may Muzaffar, bao gồm cả những người là con cháu của những khách quen từ trước. “Lòng trung thành của hai thế hệ đã tan biến như sương khói trong một ngày gió, trước những lời hứa hẹn về giá cả rẻ mạt. Tiền quả là một loài quỷ dữ ghê gớm. Cũng may là nhân lúc có dịp, hai đứa đã ra đi, ở đây chẳng còn tí tương lai nào cả.”

Chỉ ít phút sau, Om đã lôi ra một lý do khác, luôn luôn không được đả động đến, đã dẫn tới cuộc tháo chạy của hai bác cháu lên thành phố. “Thế còn thằng chúa đất Dharamsi thì sao? Ông chưa nói gì đến hắn cả. Thằng chó má đấy còn sống không?”

“Tỉnh đã giao cho hắn làm giám đốc Trung tâm kế hoạch hóa gia đình.”

“Hắn dùng phương pháp gì? Hắn có giết trẻ con để kiểm soát dân số không?”

Bác cậu và ông trẻ Ashraf liếc nhìn nhau đầy bất an.

“Cháu nghĩ cộng đồng chúng ta nên hợp sức lại với nhau và giết chết con chó đấy.”

“Đừng nói nhăng nói cuội nữa, Omprakash,” Ishvar cảnh cáo. Cơn thịnh nộ bất hạnh ngày xưa của cháu ông dường như đang nhằm nhe quay về, khiến ông lo lắng vô cùng.

Ashraf bèn cầm lấy tay Om. “Cháu à, con quỷ dữ đó quá quyền thế. Từ hồi Tình trạng khẩn cấp bắt đầu, tầm ảnh hưởng của hắn đã lan rộng từ làng hắn lên đến tận đây. Giờ hắn đã là nhân vật quan trọng trong Đảng Quốc Đại, người ta nói hắn sẽ lên chức bộ trưởng trong cuộc bầu cử sắp tới – nếu chính phủ có quyết định tổ chức bầu cử. Dạo này, hắn muốn làm ra vẻ đáng kính nên không dùng đến bọn đầu gấu nữa. Khi nào muốn đe dọa ai, hắn không sai bọn tay chân đi nữa, mà chỉ cần bảo cảnh sát một câu. Chúng sẽ tìm bắt người khốn khổ kia, dẫn cho anh ta một trận, rồi thả về.”

“Sao chúng ta phải phí thời gian để nói về gã đó?” Ishvar giận dữ nói. “Chúng ta về đây vì một việc mừng lớn, chúng ta chẳng có gì dính dáng đến hắn cả, Thượng Đế sẽ xử lý gã chúa đất Dharamsi đó.”

“Chính thế,” Ashraf gật gù. “Nào, ta đi mua áo thôi.” Ông treo lên một tấm biển báo của hàng sẽ mở cửa lại vào lúc sáu giờ. “Cũng chẳng để làm gì. Chả ai đến đâu mà.” Ông loay hoay mãi với cái cửa xếp thép, Om bèn ra giúp. Tấm lưới bị kẹt trên ray, nên phải đẩy lùi lại, lắc cho hết tắc, rồi mới từ từ kéo ra được.

“Phải tra dầu thôi,” ông thở hổn hển. “Giống y mấy cái xương già của ta.”

Họ theo con đường đất ra chợ, bước trên mặt đất khô nỏ, cứng đanh, đi qua các kho chứa thóc và những túp lều của công nhân. Dép của họ kêu lạo xạo khe khẽ và đá tung lên những đám bụi nhỏ.

“Mưa trên thành phố thế nào?”

“Quá nhiều,” Ishvar đáp. “Phố xá ngập lụt không biết bao nhiêu lần mà kể. Còn ở đây thì sao ạ?”

“Quá ít. Quỷ dữ đã che một cây ô trên đầu chúng ta. Hi vọng năm nay nó sẽ gập ô lại.”

Đường dẫn đến cửa hàng quần áo đi qua Trung tâm kế hoạch hóa gia đình mới mở, Om bèn đi chậm lại, nhòm vào bên trong. “Ông nói thằng chúa đất Dharamsi làm sếp ở chỗ này à?”

“Phải, nhờ chỗ này mà hần kiếm được nhiều tiền lắm.”

“Bằng cách nào? Cháu nghĩ chính phủ trả tiền cho các bệnh nhân để thuyết phục họ làm phẫu thuật chứ.”

“Thằng khốn ấy bỏ túi hết chỗ tiền đó. Dân làng có làm gì được đâu. Kêu ca chỉ tội kéo thêm tai vạ trút xuống đầu mình. Khi nào bọn tay sai của thằng chúa đất đấy đi kiếm người tình nguyện, đám dân lành tội nghiệp phải nhắm mắt đẩy vợ đi, hoặc tự nộp mạng cho phẫu thuật.”

“*Hai Ram*. Nếu một thứ quỷ dữ như vậy được thả sức hoành hành, thì thế giới thực sự đang trải qua giai đoạn đen tối của Kaliyug rồi.”

“Thế mà bác còn bảo cháu nói nhăng nói cuội,” Om khinh khỉnh nói. “Giết chết con lợn đấy là cách hợp lý nhất để chấm dứt Kaliyug.”

“Bình tĩnh nào cháu,” Ashraf nói. “Kẻ nào nhổ nước trâu lên trời thì chỉ làm chính mình mù mắt thôi. Với những tội ác gây ra trong kiếp này, hình phạt sẽ tới ở kiếp sau.”

Om đảo mắt. “Vâng, thì đã hần. Nhưng ông thử nói cháu nghe xem, hần có thể kiếm được bao nhiêu tiền từ chỗ đó? Tiền thưởng phẫu thuật có nhiều nhận gì đâu.”

“A, nhưng đấy không phải nguồn duy nhất của hần. Khi bệnh nhân được đưa đến phòng khám, hần đem đấu giá họ.”

“Như thế nghĩa là sao?”

“Thì đấy, mỗi viên chức chính phủ phải kiếm được hai hoặc ba ca triệt sản. Nếu họ không hoàn thành định mức, chính phủ sẽ giữ lại lương tháng đó của họ. Thế nên thằng chúa đất đấy mời tất cả giáo viên, tổ trưởng tổ dân phố, nhân viên thu thuế, thanh tra thực phẩm đến phòng khám. Ai muốn có thể trả giá cho mấy người dân làng. Kẻ nào trả giá cao nhất sẽ được đăng kí mấy ca đó vào định mức của mình.”

Ishvar lắc đầu chán nản. “Thôi, ta đi nào,” ông nói, đoạn đưa tay lên bịt tai. “Trời ạ, cháu không muốn nghe chuyện này thêm một tí nào nữa.”

“Ta không trách gì cháu đâu,” Ashraf nói. “Phải nghe những điều xảy ra trong đời chúng ta cũng có khác gì uống thuốc độc đâu – nó giết dần giết mòn sự yên ổn của ta. Ngày nào ta cũng cầu nguyện cho những điều xấu xa đã che mờ đất nước này tan đi, rằng công lý sẽ trừng trị những kẻ làm đường lạc lối đó.”

Khi họ định rời khỏi tòa nhà, có người trong Trung tâm kế hoạch hóa gia đình bỗng chạy ra cửa. “Mời vào,” anh ta nói. “Không phải chờ đợi gì hết, bác sĩ đang đến ca trực, chúng tôi có thể làm phẫu thuật ngay bây giờ.”

“Đừng có động đến của quý của tôi,” Om nạt.

Người kia bắt đầu giải thích bằng giọng chán chường rằng đó là một sự nhầm lẫn người ta hay mắc phải khi nhắc đến phẫu thuật cắt ống dẫn tinh, của quý không liên can gì ở đây, thậm chí bác sĩ còn chẳng sờ đến phần đó.

“Không có gì đâu,” Ashraf cười. “Chúng tôi biết mà. Thằng bé này chỉ trêu anh đấy thôi.” Ông vẫy tay chào thân ái, rồi ba chú cháu lại đi tiếp.

Phía bên ngoài cửa hàng đồ may sẵn, những bộ áo-vàquần phối sẵn đung đưa trên mắc, treo lơ lửng dưới mái hiên như những con bù nhìn không đầu. Đa phần hàng hóa được đựng trong các hộp các tông xếp trên kệ. Sau khi ước lượng kích cỡ của khách, anh chàng

bán hàng mang ra vài chiếc áo. Om nhăn mặt. “Cậu không thích à?”

Om lắc đầu. Anh chàng nọ đẩy mấy chiếc hộp sang một bên và trưng ra một loại mẫu mã khác. Anh ta nhìn mấy vị khách, vẻ căng thẳng.

“Cái kia đẹp đấy,” Ishvar nói, cảm thấy thương hại người bán. Ông cầm lên một chiếc áo sơ mi cộc tay kẻ ca rô. “Giống hết cái Maneck có.”

“Vâng, nhưng bác xem khuy may ẩu chưa này,” Om phản đối. “Chỉ cần một lần giặt là bung ra hết.”

“Nếu cháu thích cái này thì cứ lấy đi,” Ashraf nói. “Ông sẽ đem lại khuy cho.”

“Để tôi lấy cho mọi người xem thêm,” người bán hàng nói. “Trong hộp này có những mẫu hoa văn đặc biệt của chúng tôi, chất lượng số một, nhập từ công ty dệt may Tự Do.” Anh ta rải khoảng nửa chục mẫu áo lên mặt quầy. “Họa tiết kể sọc bây giờ đang thịnh hành.”

Om cầm lên một chiếc áo sơ mi màu xanh lơ nhạt kẻ sọc xanh tím than và bỏ túi giấy bóng kính ra. “Xem này,” cậu nói giọng ghê tởm, đoạn rũ chiếc áo ra. “Túi thì xộc xệch, đường kẻ sọc còn chẳng khớp nhau nữa.”

“Cậu nói đúng,” người bán hàng thừa nhận và mở thêm những hộp khác. “Tôi chỉ bán quần áo thôi, chứ có may chúng đâu. Biết làm thế nào được, chẳng còn ai biết giữ thể diện nghề nghiệp là cái gì nữa.”

“Đúng thế thật,” Ishvar nói. “Ở đâu cũng thế.”

Cùng ca thán về thời thế đổi thay xem ra khiến mấy vị khách hàng dễ tính hơn. Anh chàng bán hàng gấp những chiếc được chọn theo nếp ban đầu và lồng lại vào túi giấy trong. Chất bóng kính kêu loạt soạt nghe thật sang trọng. Áo tưởng về giá trị và chất lượng được khôi phục, khi dây và giấy nâu bọc gọn ghẽ mấy chiếc áo thành một gói. Anh ta ghé răng cắn để dứt một đoạn dây vừa phải từ cuộn lớn.

“Nhớ quay lại nhé, tôi sẽ rất hân hạnh được phục vụ các vị.” “Cảm ơn cậu,” Ashraf nói.

Họ đứng trên phố và bàn xem nên làm gì tiếp theo. “Chúng ta nên đi quanh chợ một vòng,” Om nói, “xem có ai ta quen không.”

“Ta có kế hoạch này hay hơn,” Ashraf nói. “Ngày mai là phiên chợ. Buổi sáng ta hãy cùng đến đó. Tất cả mọi người từ dưới làng đều sẽ lên cả, hai cháu sẽ được gặp khối bạn bè.”

“Ý đấy hay lắm,” Ishvar gật gù đồng tình. “Giờ để cháu thết chú một miếng trâu cau trước khi ta về nhà đã nhé.”

“Đừng nói với ta là cháu đã bị nghiện trâu cau đấy nhé,” Ashraf nói, tỏ vẻ không hài lòng.

“Không không, chỉ vì hôm nay là một ngày đặc biệt, chúng cháu được gặp lại chú sau biết bao nhiêu ngày xa cách.”

Mồm phồng tướng vì hỗn hợp hạt cau, vôi, và thuốc lá, ba ông cháu đi bộ trở về Hiệu may Muzaffar, nghĩa là lại bước qua Trung tâm kế hoạch hóa gia đình một lần nữa. Đến đây, Ashraf giải phóng một mồm đầy nước trâu xuống rãnh và chỉ vào một chiếc ô tô đang đỗ. “Đấy là cái xe mới của tay chúa đất Dharamsi đấy. Chắc hẳn đang ngồi bên trong, bận đếm số nạn nhân của hắn.”

Ishvar lập tức kéo hai người kia qua bên kia đường.

“Làm sao bác phải chạy?” Om nói. “Bọn ta việc gì phải sợ thằng chó đấy!”

“Tránh voi chả xấu mặt nào.”

“Phải đấy,” Ashraf nói. “Sao phải cố nhìn vào mặt quỷ dữ nếu ta có thể tránh được?”

Đúng lúc đó, chúa đất Dharamsi bước ra từ tòa nhà, Om bèn hiên ngang sải bước về phía lão kia, như thể sắp đâm thẳng vào lão. Ishvar cố kéo cậu trở lại bên cạnh ông trẻ Ashraf. Phần đế da mòn vẹt của đôi dép Om mang trượt dài trên vỉa hè. Cậu tự thấy mình thật ngu ngốc. Bác cậu đã thắng trong cuộc kéo co, và thái độ thách thức của cậu đã biến thành nhục nhã ngay trước mắt lão chúa đất.

Om nhỏ toẹt.

Cánh cung màu đỏ chấm dứt cách đích vài thước; nước trầu dấp dính thấm ướt khoảng đất giữa đôi bên. Lão chúa đất đứng khựng lại. Hai gã đàn ông đi cùng hắn đứng chờ lệnh. Xung quanh họ, người qua kẻ lại lui đi nhanh như chớp, sợ hãi không dám chứng kiến những gì sắp xảy ra.

Lão chúa đất nói rất nhỏ: “Tao biết mày là thằng nào.” Lão bước vào xe, đóng sầm cửa lại, và phóng đi.

Trên suốt quãng đường về nhà còn lại, Ishvar phát điên phát rồ vì giận dữ và lo sợ. “Mày điên rồi! Mất trí thật rồi! Nếu mày muốn chết, sao không uống thuốc chuột vào đi?”

Mày về đây để làm đám cưới hay làm đám ma thế?”

“Đám cưới của cháu, và đám ma của thằng chúa đất đấy.”

“Câm ngay cái mồm của mày lại! Tao nên cho mày ăn một cái tát mới phải!”

“Nếu bác không cản cháu, có khi cháu đã nhỏ trúng nó rồi. Vào giữa mặt nó luôn.”

Ishvar giơ tay lên đánh, nhưng Ashraf vội ngăn ông lại. “Chuyện gì xảy ra đã xảy ra rồi. Từ rày trở đi, chúng ta phải tránh xa tên quỷ dữ ấy ra.”

“Cháu không sợ hắn,” Om nói.

“Dĩ nhiên là không rồi. Chúng ta chỉ không muốn có bất kì rắc rối nào làm hỏng công việc chuẩn bị cho đám cưới, vậy thôi. Niềm vui của chúng ta không nhất thiết phải bị che mờ vì bóng tối của con quỷ dữ đó.”

Ông phải không ngừng thoa đắp những lời mình nói như dầu bôi lên nỗi đau khổ của Ishvar. Nhưng cứ chốc chốc, sự kinh hoàng lại bùng vỡ, phun trào thành hàng tràng chỉ trích cay nghiệt đối với sự ngu dốt của thằng cháu. “Làm ra vẻ anh hùng lắm, nhưng suy nghĩ thì như thằng khùng. Chỉ tại tao đã mua trầu cho mày. Một con cú cáu kỉnh, đúng như cô Dina đã gọi mày. Ốc hài hước và những trò đùa của mày đâu mất rồi? Thiếu Maneck, mày đã quên mất cách cười, quên mất cách tận hưởng cuộc sống rồi.”

“Lẽ ra bác nên đưa cậu ta về, nếu bác nghĩ cậu ta tuyệt vời đến thế. Cháu cứ ở lại trên ấy thì hơn.”

“Mày toàn nói nhăng nói cuội thôi. Chúng ta chỉ về đây có vài ngày. Chả mấy nữa ta sẽ trở lại làm việc. Mày không thể cư xử cho khôn ngoan dù chỉ trong một thời gian ngắn thôi sao?”

“Trên thành phố bác chả nói y như vậy còn gì – rằng chúng ta sẽ chỉ ở trên đấy một thời

gian ngắn, rồi sẽ sớm trở về quê.”

“Thế thì sao? Thế ra là lỗi tại tao hết, nên chuyện kiếm tiền ở thành phố mới thành ra nhọc nhằn hơn ta nghĩ phải không?”

Rồi cả hai bác cháu cùng bỏ lưng chủ đề tại đó. Cái cọ thêm cũng đồng nghĩa với việc ông trẻ Ashraf sẽ biết hết bao chuỗi khổ đau bất hạnh được giấu trong những chi tiết họ đã hé lộ cho ông.

Ngày chợ phiên âm ỉ hơn hẳn bình thường vì Trung tâm kế hoạch hóa gia đình đang quảng cáo cho trại triệt sản của mình từ một gian quầy trên quảng trường, giàn loa được bật to hết cỡ. Băng rôn chằng ngang dọc khắp đường, hô hào người dân tham gia Hội chợ triệt sản. Các món màu mè thường thấy ở các hội chợ – bóng bay, hoa, bong bóng xà phòng, đèn màu, quà vật – đều được huy động để mời chào người dân thị trấn và những người nhà quê lên chơi. Các bài hát trong phim liên tục bị gián đoạn bởi tuyên bố về tính cấp thiết của việc kiểm soát sinh sản đối với đất nước, tương lai thịnh vượng và hạnh phúc đang đón chờ những người sẵn lòng làm triệt sản, món tiền thưởng hậu hĩnh cho các ca phẫu thuật cắt ống dẫn tinh và cắt vòi trứng.

“Họ sẽ làm phẫu thuật ở đâu?” Om thắc mắc. “Ngay đây à?”

“Sao thế? Mà muốn xem chắc?” Ishvar nói.

Ashraf nói Trung tâm thường dựng lều bên ngoài thị trấn. “Họ dựng lên y như một nhà máy ấy. Cắt chỗ này, xẻo chỗ kia, khâu vài mũi – thế là hàng đã sẵn sàng xuất xưởng.”

“Ây dà, nghe y như nghề may ấy nhỉ.”

“Thực ra, thợ may chúng ta còn có tự trọng nghề nghiệp hơn ấy chứ. Chúng ta đối xử với vải vóc còn ân cần hơn lũ quái vật kia đối xử với con người. Đây đúng là nỗi ô nhục của đất nước ta.”

Cách không xa quầy kiểm soát sinh sản là một người đàn ông bán thuốc trị chứng bất lực và vô sinh. “Gã lang băm kia còn hút được nhiều khách hơn là mấy người của chính phủ,” Ishvar nói.

Người đàn ông nọ, tóc chải bông xòe thành một vầng hào quang sáng bóng, khoác một tấm da động vật trên vai. Ngực anh ta để trần và một dải dây da căng dẹt siết lấy bắp tay phải khiến các đường gân nổi lên bần bật trong một sơ đồ diễn súc mạnh trên suốt dọc cánh tay. Khi có vấn đề sinh sản nào cần minh họa bằng hình ảnh, anh ta lại vung vẩy cái cẳng tay cơ bắp căng cứng và rắn đanh đó.

Bày la liệt trên chiếc chiếu trải trước mặt anh ta là vài chiếc lọ đựng nhiều loại thảo mộc và vỏ cây. Và để phòng khi những thứ này bị nhầm lẫn với sản phẩm thu hoạch của một tay thầy thuốc vớ vẩn nào đấy, anh ta đã gài rải rác giữa các lọ một số xác thằn lằn và rắn chết, để nhuộm đậm cuộc trưng bày một vẻ cường dương hoang dã, một thứ điện tích bò sát. Ngồi trong một góc là chiếc đầu lâu người. Trung tâm của manh chiếu bị chiếm lĩnh bởi đầu của một con gấu, đôi mắt to thô lỗ và sáng lấp lánh, hàm há to. Chiến lợi phẩm này đã bị hư hại ít nhiều trên đường rong ruổi, hai cái răng đã mất; những mẫu gỗ hình nón bé tí sơn màu trắng nay thế chỗ cho chúng. Mấy cái răng giả lộ bịch phá hỏng cả cái nhìn dữ tợn của con gấu, và hiệu ứng tổng thể thành ra nực cười.

Anh chàng bán thuốc cường dương dạo cầm một cây gậy chỉ vào các bảng biểu liệt kê những chứng bệnh cùng cách chữa, và các sơ đồ có vẻ như là phác thảo hình mạch điện. Đến nửa chừng bài giảng, anh ta túm vạt dhoti và kéo nó lên – lên mãi cho đến khi bắp

chân, đầu gối, và sau rốt là hai bắp đùi cơ bắp của anh ta đều lộ ra cả. Làn da nâu sẫm của anh ta sáng bóng lên dưới nắng mặt trời. Với một người đàn ông có bộ ngực rậm rịt đầy lông như thế, cặp chân anh ta nhẵn nhụi đến mức đáng ngờ. Rồi, để nhấn mạnh những gì mình đang nói, anh ta vỗ bành bịch vào những thớ thịt chắc nịch trên đùi mình mấy lần liên. Tiếng vang giòn đanh như tiếng vỗ của những bàn tay hoàn hảo.

Bài rao của anh ta đi theo mô hình câu-hỏi-và-giải-đáp. “Quý vị có đang gặp khó khăn trong việc sinh nở? Thằng nhỏ của quý vị ngoan cố không chịu ngóc đầu dậy? Hay nó đã ngủ gục và quên thức?” Cây gậy của anh ta gục xuống chán chường. “Chớ lo, đã có cách chữa! Như một người lính nghe lệnh là đúng! Một, hai, ba – bùm!” Anh ta vung cây gậy lên.

Vài người trong số khán giả cười hình hích, những người khác ngang nhiên cười hô hô, trong khi đó một số nhỏ lại khẽ nhún mày vẻ chê trách, chán nản.

“Nó có đúng, nhưng không thẳng? Hay công cụ bị cong vẹo? Nghiêng sang trái như Đảng Marxist – Leninist? Nghiêng sang phải, như bọn phát xít Jan Sangh? Hay lắc lư khập khờ ở chính giữa, như Đảng Quốc Đại? Chớ lo, vì nó có thể được dựng thẳng trở lại! Nó không chịu cương cứng lên dù đã được ve vuốt và mát xa? Nếu vậy, hãy thử dùng đầu bôi của tôi, nó sẽ trở thành cứng đanh như trái tim của chính phủ! Mọi rắc rối của quý vị sẽ tan biến nếu dùng loại dầu kì diệu được làm từ các bộ phận của động vật hoang dã này! Có khả năng biến mọi người đàn ông thành những thợ lái xe lửa! Đúng giờ y như tàu hỏa dưới Tình trạng khẩn cấp! Đêm đêm, các vị sẽ chạy tới chạy lui với sức mạnh của pít tông! Ngành đường sắt sẽ ao ước được khai thác năng lượng của quý vị! Bôi loại dầu này một lần mỗi ngày, vợ các vị sẽ hết sức hăng diện về chồng! Bôi hai lần một ngày, cô ấy sẽ phải đem các vị đi chia cho cả khu nhà dùng chung!”

Câu nói cuối cùng khuấy lên vô số tràng cười hô hô từ phía mấy chàng trai trẻ. Phụ nữ giấu nụ cười sau bàn tay; vài tiếng khúc khích đã kịp thoát ra trước khi bị kìm lại. Những người bất bình vừa nhăn mặt ghê tởm khi này liền bỏ đi.

Gã bán thuốc cường dương dạo nhặt chiếc đầu lâu người đang cười nhe nhớn và giơ cao nó lên. “Nếu tôi bôi thuốc vào đầu anh bạn này, ngay đến anh ta cũng phải nhảy nhô nhảy nhéch lên! Nhưng tôi thật không dám, vì còn phải nghĩ đến sự hiện diện của các quý bà quý cô, và vì sự toàn vẹn đức hạnh của họ!” Đám khán giả bèn nhiệt liệt vỗ tay hoan hô.

Anh ta tiếp tục diễn thuyết theo lối đó thêm một chút rồi mới chuyển sang các vấn đề của nữ giới. Đến đây, anh ta nói bằng một vai khác – vai Thầy tu của sinh sản. “Cuộc đời các bà các cô có vương vấn nỗi buồn vì hàng xóm láng giềng của các vị đông con đông cái hơn? Các vị có cần thêm những bàn tay khác để đỡ đần mình những công việc đồng áng không bao giờ dứt, để bê nước, để hái củi không? Các vị có lo lắng ai sẽ chăm sóc mình khi già cả ốm yếu, vì các vị không có con trai không? Chớ lo! Thử thuốc nước này sẽ khiến những đứa trẻ khỏe mạnh trôi ào ào từ bụng các vị! Mỗi ngày một muỗng, và các vị sẽ sinh cho đức ông chồng sáu thằng con giai! Hai muỗng, tử cung các vị sẽ sản xuất ra hẳn một đội quân!”

Tuy rằng đám người bu quanh sạp hàng vô cùng đông đảo, nhưng số khách hàng thực sự lại rất ít ỏi. Chủ yếu họ đứng đó để tiêu khiển. Vả lại, mua những sản phẩm này giữa ban ngày ban mặt cũng đồng nghĩa với một lời thừa nhận công khai về chức năng sinh dục kém cỏi. Chuyện mua bán sẽ diễn ra sau đó, khi sô trình diễn nhạt vị và những kẻ ham vui đã tản đi.

“Mày định mua hả?” Ishvar cù vào sườn Om, lúc ấy đang lắng nghe một cách nghiêm trang chăm chú.

“Cháu chả cần những thứ rác rưởi đấy.”

“Dĩ nhiên là không rồi,” Ashraf nói, đoạn quàng tay lên vai Om. “Nhờ ơn Thánh Allah, con trai và con gái sẽ xuất hiện khi đến lúc thích hợp.”

Họ tiếp tục cuộc dạo bộ xuyên khu chợ cho tới khi đi đến dãy hàng quán của người Chamaar. “Mọi người đừng nói gì cả, cứ đứng im,” Om nói. “Để xem mất bao lâu họ mới nhận ra chúng ta.”

Họ vờ xem xét những đôi dép, những chiếc bì đựng nước, túi, thắt lưng, dây mài dao của thợ cạo, yên ngựa. Mùi da mới thuộc nồng gắt luồn lách vào tận những hang cùng ngõ hẻm, đánh thức những kí ức đã lãng quên. Bỗng một người ở làng nhận ra họ.

Một tiếng kêu hoan hỉ bật lên, được hô ứng bởi một loạt tiếng kêu khác. Cuộc chào đón hết sức nồng nhiệt. Mọi người bu lại xung quanh, chuyện trò náo nhứ như ngô rang. Ai nấy đều sốt sắng muốn khỏa lấp khoảng trống mà cuộc vắng mặt dài ngày của hai người thợ may đã tạo ra.

Ishvar và Om nghe dân làng kể, rằng người bạn thân thiết bao năm của Dukhi, ông Gambhir, người từng bị đổ chì nung chảy vào tai cách đây nhiều năm, vừa mới mất. Dù vết bỏng thường xuyên bị ngứa mủ, song chính bệnh nhiễm trùng máu do bị một cây hái gổ cắt vào chân mới cướp mạng ông. Mấy bà cụ Amba, Pyari, Padma, và Satrivi vẫn khỏe mạnh. Họ là những người nhớ rõ nhất về gia đình thợ may; câu chuyện yêu thích của họ vẫn là nhắc nhở tới dịp được cùng Roopa và Dukhi cùng khoảng vài chục người nữa đi xe buýt đến xem mặt cô dâu sắp cưới của Narayan.

Sau khi đã tỏ lòng kính trọng đối với người đã khuất và người già, họ quay về với thực tại. Tin tức về buổi xem mặt cô dâu sắp diễn ra đã lan đi khắp cộng đồng người Chamaar. Hai người đàn ông công kênh Om lên vai và đem điếu hệt như một vị anh hùng chinh phạt, như thể đám cưới đã được ấn định. Lời chúc tụng tuôn trào từ mọi cái mồm, khiến Om phát ngượng. Lần đầu tiên, Om không nghĩ ra nổi một câu đối đáp nào ra hồn, còn bác câu cười toe toét và gật gù liên tục.

Đối với những người đã biết đến bố cậu, dịp vui này có một ý nghĩa đặc biệt. Họ rất mừng vì dòng dõi của một con người kiệt xuất như Narayan, chàng thợ may gốc Chamaar đã dám thách thức những đẳng cấp trên, sẽ không bị mai một. “Chúng tôi cầu nguyện một ngày nào đó, con trai anh ấy sẽ trở lại,” họ nói, “và lời cầu nguyện của chúng tôi đã được đáp ứng. Om phải tiếp tục sự nghiệp của bố cậu ấy. Và các cháu nội cũng sẽ theo gót.”

Đối với đôi tai Ishvar, những nguyện vọng của cộng đồng ông thật thiếu cân nhắc, và xúi giục số phận một cách hết sức bất cần. Nỗi sợ hãi xuất phát từ hành động ngu xuẩn của Om với chúa đất Dharamsi hôm qua vẫn còn bần bật trong mạch máu ông. Ông bèn cắt lời những người đang chúc tụng. “Không có chuyện về làng đâu. Chúng tôi có công việc rất tốt trên thành phố. Tương lai của Omprakash rất xán lạn.”

Đám người Chamaar ôn lại những năm tháng Ishvar và em trai ông rời làng lần đầu tiên để lên làm thợ học việc ở Hiệu may Muzaffar. Họ kể với Om rằng bố cậu là một thợ may tài giỏi bậc nhất, còn Ashraf, ông thầy đầy kiêu hãnh, chỉ mỉm cười, gật gù ra ý phải, tất cả đều là sự thật. “Cứ như có phép thần ấy,” họ nói. “Narayan có thể đem đồ vứt đi của một lão địa chủ béo ị về và dùng máy may sửa sang lại để vừa với chúng tôi như đồ mới may. Anh ấy có thể biến những món giẻ rách của chúng tôi thành quần áo xứng với một vị vua. Chúng tôi sẽ không bao giờ còn gặp ai sánh bằng anh ấy nữa. Người đâu mà can đảm đến thế, hào hiệp đến thế.”

Thêm một lần nữa, Ishvar lại phải đổi chủ đề, vì lo lắng về tác động của những mẫu chuyện quá khứ lên thẳng cháu. “Chú Ashraf đã kể chuyện ngày xưa suốt từ hôm chúng tôi về đến đây rồi,” ông nói. “Kể cho bác cháu tôi xem có chuyện gì mới không đi.”

Thế là Ishvar và Om được biết rằng mới đây một con suối đã khô cạn, và dưới lòng suối, người ta phát hiện ra một viên đá tròn chẵn chẵn có khả năng chữa bệnh. Ở làng khác, một vị tu sĩ đã ngồi thiền dưới một gốc cây, và khi ngài rời đi, đường vân trên vỏ cây đã uốn thành hình thần Ganesha^[48]. Ở một chỗ khác, giữa buổi hành lễ Mata Ki Sawari, một người được thần nhập đã vạch mặt một mục đàn bà Bhil chính là mục phù thủy đã đem tai họa đến cho làng xóm. Mục bị đánh chết, và cả làng cứ hi vọng tình hình sẽ khấm khá lên; không may là đã một năm trôi qua mà nay họ vẫn đang phải chờ đợi.

Trước khi cuộc chuyện trò lại trượt về quá khứ, Ishvar nói: “Xin hẹn gặp lại các cô bác và anh chị ở đám cưới, nếu mọi sự xuôi chèo mát mái,” và họ rời đi giữa tiếng cười nói và reo hò.

Ba người đi tới khu bán rau trong chợ. Đến đây Ishvar chọn mua đậu, rau mùi, rau chân vịt, và hành. “Hôm nay cháu sẽ nấu món đặc sản của cháu cho ba chú cháu cùng ăn.”

“Còn chuyên gia chapati sẽ cho chúng ta thưởng thức tay nghề của nó,” Ashraf nói, đoạn lại quàng tay lên vai Om. Ông thấy khó kìm nén bản thân khỏi liên tục ôm vai bá cổ hai người mà ông coi không khác gì con trai và cháu nội. Thêm nữa, ông đang cố né tránh ngày chia li đáng sợ ắt sẽ tới một khi những buổi lễ lạt chúc tụng đã chấm dứt.

“Ghé qua một chỗ nữa rồi ta về nhà nhé,” Ishvar nói. Ông dẫn hai ông cháu đến hàng bán đồ thờ cúng và mua một chuỗi tràng hạt rất đắt tiền. “Đây là món quà nhỏ của bọn cháu,” ông quay sang nói với Ashraf. “Chúng cháu hi vọng chú sẽ dùng nó trong nhiều năm nữa.”

“Đội ơn Thánh Allah,” ông nói và hôn lên chuỗi tràng hạt bằng hổ phách. “Cháu chọn quà đúng ý ta lắm.”

“Ý của cháu đấy,” Om nhận. “Chúng cháu thấy dạo này ông hay cầu nguyện hơn.”

“Phải, ý thức về cái chết và tuổi già thường hay gây ảnh hưởng kiểu đấy lên bọn người trần mắt thịt chúng ta.” Ông ngăn người bán hàng đang gấp một cái túi bằng giấy báo để đựng chuỗi hạt của ông. “Không cần đâu,” ông nói, và quần chiếc vòng quý giá quanh mấy ngón tay của mình.

Gần đó, một người đàn ông bán kẹo bông cất tiếng rao mời gọi: “Kẹo bông đi! Ai kẹo bông đi!” “Cháu muốn một chiếc,” Om nói.

“Ồi chà, ăn thêm đi, lấy hai cái vào!” Người kia lắc lắc chiếc chuông đồng nhỏ.

Ishvar giơ một ngón tay lên, người bán kẹo bông bèn bật máy.

Họ nhìn cây trục quay vo vo, kêu rừ rừ chẳng thành những mớ bông đường hồng hồng. Người bán hàng ngoáy một chiếc que quanh lòng chậu cuốn lấy những sợi tơ ngọt ngào. Khi quả bóng đường đã to bằng đầu người, anh ta tắt máy.

“Cháu biết cái này hoạt động thế nào rồi, nhỉ?” Ashraf nói. “Trong ruột máy có một con nhện rất to được người ta cho ăn đường với phẩm màu hồng. Khi người bán ra lệnh, nó bắt đầu nhả tơ.”

“Chắc luôn,” Om đáp, và đưa tay lên day cằm ông, nghịch nghịch đám râu trắng như cước của ông. “Râu của ông cũng được tạo ra như thế phải không?”

Lúc ấy đã quá trưa một chút. Những chiếc xe tải trống không âm ầm chạy trên đường cái và đỗ lại bên ngoài chợ. Không một ai để ý. Xe cô thường đi lại nhiều vào ngày này trong tuần.

“Có ai muốn thử không?” Om giơ que kẹo ra.

Ishvar từ chối. Ashraf quyết định nếm một chút, mạo hiểm lừa đám bông lọt qua rừng râu của mình. Vài sợi mắc lại, màu hồng điểm trên nền trắng, khiến Om cười rú lên. Cậu dắt ông ra trước cửa sổ của một hiệu may sari và chỉ cho ông xem bộ râu dính đầy tơ kẹo. “Trông bảnh lắm ông ạ. Đi đâu một râu mới được đấy.”

“Giờ thì ta biết tại sao người ta gọi nó là kẹo bông rồi,” Ashraf vừa nói vừa tuốt những sợi tơ kẹo khỏi râu mình.

Ishvar nhìn cảnh đó với vẻ hài lòng và tự mỉm cười một mình. Bất chấp tất cả, cuộc sống vẫn tốt đẹp, ông nghĩ thầm. Làm sao ông có thể kêu ca cho được khi Om và ông đã được trời ban cho tình bạn với những con người như chú Ashraf, cô Dina, và Maneck.

Thêm nhiều chiếc xe tải khác xuất hiện xung quanh quảng trường, chặn kín các con ngõ dẫn đến chợ. Đó toàn là xe tải chở rác, mui tròn, có cửa phía đuôi.

“Sao sớm thế nhỉ?” Ashraf thắc mắc. “Phiên chợ họp còn lâu, phải đến tối người ta mới bắt đầu dọn dẹp cơ mà.”

“Có lẽ mấy tay tài xế cũng muốn vào mua bán một tí.”

Đột nhiên, còi rú inh ỏi, xe tải của cảnh sát xộc vào giữa chợ. Cả biển người dạt ra. Đoàn xe đổ ra hẳn một tiểu đoàn cảnh sát, mỗi người chạy đi án ngữ một vị trí bên trong chợ.

“Cảnh sát bảo vệ chợ ư?” Ishvar nói.

“Xem chừng không ổn,” Ashraf nói.

Những người đi chợ hoang mang giương mắt nhìn. Bỗng cảnh sát xông tới, vồ lấy người dân thường. Những người bị bắt điên cuồng chống cự, hết kêu thét lại nài hỏi. “Phải nói trước cho chúng tôi biết đã! Mau nói xem chúng tôi đã làm gì! Sao các người có thể vô cớ bắt người như thế? Chúng tôi có quyền đến đây, hôm nay là ngày họp chợ kia mà!”

Nhóm cảnh sát trả lời bằng cách càn quét qua đám đông một cách không khoan nhượng. Mọi sự chống đối đều được trả lời bằng những nhát gậy. Không khí kinh hoàng bao trùm khu chợ khi dân chúng xô đẩy, van lạy, giằng co với cảnh sát, cố gắng thoát ra khỏi hàng rào. Nhưng cả quảng trường đã bị vây kín. Những người bứt ra được ngoài rìa lại bị đánh dạt vào bàn tay đang chờ chực của thêm nhiều cảnh sát khác nữa.

Hàng quán đồ lạnh tanh bành, rổ rá bị lật úp, thùng chậu bị đập nát. Chỉ trong giây lát, toàn bộ khu quảng trường đã ngổn ngang đầy cà chua, hành, bình đất, bột mì, rau chân vịt, rau mùi, ớt – những mảng cam và trắng và xanh bật tung khỏi hàng lối gọn gàng trước kia, hòa trộn vào nhau trong hỗn loạn. Đầu con gấu của anh chàng bán thuốc cường dương đạo bị đủ thứ chân cẳng giẫm đạp lên, mất thêm mấy cái răng, còn lũ rắn và thằn lằn đã chết lại chết thêm một lần thứ hai. Tiếng nhạc từ quầy Kế hoạch hóa gia đình vẫn không ngớt gào rú giữa tiếng la hét của dân thường.

“Ra đằng này, mau lên,” Ashraf nói. “Chúng ta sẽ núp ở đây.” Ông dẫn hai người đến trước cửa của một hiệu buôn vải từng dẫn mỗi khách cho Hiệu may Muzaffar. Cửa hiệu đóng im ỉm, ông bèn bấm chuông. Không một ai ra mở. “Không sao, ta cứ chờ ở đây đến khi tình hình yên ả trở lại. Chắc cảnh sát đang tìm bắt tội phạm trong đám đông.”

Nhưng bạ ai cảnh sát cũng bắt. Cụ già, trai trẻ, phụ nữ đi cùng con đều bị lôi lên xe tải. Một số ít chạy thoát được; còn phần lớn đều bị tóm gọn như gà nhốt trong bu, không thể làm gì khác hơn ngoài chờ đợi các nhà thực thi pháp luật thu gom.

“Kìa,” Ashraf giục, “góc kia chỉ có một tay cảnh sát thôi.

Nếu chạy nhanh, hai đứa sẽ thoát.”

“Còn chú thì sao?”

“Ở đây ta sẽ được an toàn. Ta sẽ gặp lại hai đứa ở cửa hiệu sau.”

“Chúng ta có làm gì sai đâu,” Ishvar nói, nhất mực không chịu rời chú. “Chúng ta không cần phải chạy trốn như một lũ trộm cắp.”

Họ đứng ở ngưỡng cửa nhìn ra trong khi cảnh sát tiếp tục truy đuổi những người dân đang chạy tán loạn giữa hoa quả rơi, ngũ cốc vãi và vụn kính vỡ. Một người vấp ngã, mặt đập phải mảnh vỡ tóe máu. Kẻ đang rượt bắt anh ta hết hứng, bèn quay sang tìm một con mồi mới.

“*Hai Ram!*” Ishvar kêu lên. “Trông chỗ máu me kia kìa! Thế mà bọn họ cứ thế mặc kệ anh ta! Chuyện gì đang diễn ra thế này?”

“Ta sẽ không ngạc nhiên nếu lão chúa đất quỷ dữ kia đứng sau vụ này,” Ashraf nói. “Đội xe gom rác này là của hắn hết mà.”

Thùng các xe tải dần đầy lên, số người trên quảng trường bắt đầu teo tóp. Cảnh sát phải làm việc vất vả hơn để quây bắt nốt số còn lại. Chẳng mấy chốc, sáu nhân viên công lực đã nhắm vào ba người thợ may. “Ba đứa kia! Lên xe!”

“Nhưng sao lại thế, thưa ngài cảnh sát?”

“Bảo lên thì lên đi, cự nự cái gì?” Một gã vừa nói vừa vung cây gậy lên.

Ashraf vung hai bàn tay lên che trước mặt mình. Tay cảnh sát túm lấy chuỗi tràng hạt quấn quanh ngón tay ông, giật đứt tung sợi dây. Những hạt vòng lù lù lăn khắp vỉa hè.

“Oái!” Hai gã cảnh sát kêu oai oái, họ vừa đập trúng mấy viên hổ phách. Thấy đồng đội của mình ngã lăn quay, gã đầu tiên đáp trả bằng cách vung gậy lên đập túi bụi.

Ashraf rú lên và từ từ đổ gục ra đất.

“Đừng đánh chú ấy, xin ngài, chỉ là sơ suất thôi mà!” Ishvar van lạy. Ông cùng Om quỳ xuống để nâng đầu Ashraf lên.

“Đứng dậy,” gã cảnh sát nói. “Lão chả sao đâu, chỉ giả vờ là giỏi. Tao chỉ đánh nhẹ thôi.”

“Nhưng đầu chú ấy đang chảy máu rồi đây này.”

“Có tí thôi. Nào, lên xe.”

Hai người thợ may phớt lờ mệnh lệnh vì còn mãi lo cho ông trẻ Ashraf. Tay cảnh sát bèn tung chân đá cho mỗi người một phát. Họ rú lên và ôm lấy sườn. Khi gã kia co chân lên chuẩn bị bồi thêm cú nữa, họ vội đứng dậy. Hắn lừa họ về phía đoàn xe tải.

“Còn chú Ashraf thì sao?” Ishvar thét lên. “Các ngài định bỏ mặc chú ấy trên vỉa hè ư?”

“Đừng có gào vào mặt tao, tao không phải thằng ở cửa nhà mày! Mẹ kiếp, tao thì cho một đấm vỡ mặt bây giờ!”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài cảnh sát, xin ngài thứ lỗi cho! Nhưng chú tôi đang bị thương, tôi

muốn cứu ông ấy.”

Gã cảnh sát quay lại nhìn ông cụ bị thương một lần nữa. Máu đang rỉ theo những sợi râu bạc lơ thơ, chậm chậm nhỏ thành dòng xuống tận lề đường. Song đám cảnh sát đã được lệnh không được xúc kẻ nào bất tỉnh lên xe. “Những người khác sẽ chăm sóc lão, các người khỏi cần lo,” hắn nói, đoạn đẩy cả hai lên một chiếc xe tải.

Trên vỉa hè, một con chó chạy ra hít hửi chiếc kẹo bông Om vừa đánh rơi. Cục bông dính luôn vào mõm nó. Con vật giơ một chân lên quào quào túm râu mới màu hồng. Trông thấy trò hề của nó, một đứa bé con đang ngồi trong lòng mẹ trên xe cười phá lên. Cảnh sát chấm dứt cuộc vây bắt khi đội xe chở rác đã kín chỗ. Những người còn sót lại trên quảng trường đột nhiên nhận ra mình đã được tự do rồi đi.

Trại triệt sản cách thị trấn một cuộc xe ngắn. Khoảng chục ngôi lều đã được dựng lên trên một cánh đồng ngoại ô, nơi những gốc rạ từ mùa gặt trước vẫn còn sót lại. Băng rôn, bóng bay, và những bài hát giống hệt như ở gian quầy ngoài chợ chào đón đoàn xe tải chở rác. Tiếng rú hét kinh hoàng của đám hành khách càng lúc càng đỉnh tai nhức óc hơn khi đội xe đỗ lại ở một khoảng đất trống phía sau dãy lều, bên cạnh một chiếc xe cứu thương và một cỗ máy phát điện chạy dầu diesel.

Hai chiếc lều trong số đó to và chắc chắn hơn mấy chiếc còn lại, có dây cáp điện nối từ máy phát vào, rung giật dữ dội trong tiếng nhạc. Những chiếc bình hình trụ màu đỏ dùng cho bếp ga xếp bên ngoài lều. Phía trong kê sẵn một loạt bàn làm việc phủ tấm nhựa để làm bàn phẫu thuật.

Nhân viên y tế phụ trách khu trại nhăn mũi lại khi đến gần đoàn xe chở rác. Mùi hôi thối lưu cữu của món hàng chúng thường chuyên chở vẫn bám riết lấy chúng. Anh ta ra bảo với đám cảnh sát: “Đội mười phút nữa đã nhé, lúc đấy chúng tôi mới uống trà xong. Mà mỗi lần chỉ đưa bốn người vào thôi – hai đàn ông, hai phụ nữ.” Anh ta không muốn trong lều chứa quá số lượng người mà các bác sĩ hiện có mặt có thể xử lý, kẻo sẽ khuấy động tâm lý hoảng sợ hơn nữa.

“Chả ai mời bọn ta uống trà triếc gì sắt,” đám cảnh sát càu nhàu với nhau. “Lại còn cái thứ nhạc ngu xuẩn này nữa. Có mỗi mấy bài mà cứ nhai đi nhai lại mãi.”

Nửa tiếng sau, họ được lệnh xúc tiến. Bốn người được chọn ra từ xe tải gần nhất, bị lôi đi xềnh xệch trong tiếng gào thét đến hai ngôi lều chính và bị ép nằm lên bàn làm việc. “Đừng chống cự nữa,” bác sĩ nói. “Dao mà đi trượt thì chỉ thiệt thân các người thôi.” Lời cảnh báo khiến họ sợ bỏ vĩa, đành chỉ im lặng phục tùng.

Đội cảnh sát theo dõi hai chiếc lều rất cẩn thận, cố gắng duy trì nguồn cung ổn định theo yêu cầu. Nhưng mấy tay cảnh sát không biết đọc thường xuyên bị nhầm lẫn, họ giải phụ nữ sang lều phẫu thuật cắt ống dẫn tinh. Ấu cũng là điều dễ hiểu: ngoại trừ tấm biển viết tay, cả hai lều đều giống nhau hệt hệt, và các nhân viên y tế mặc áo choàng trắng nom chả khác gì nhau.

“Đàn ông sang lều trái, phụ nữ sang lều phải,” các bác sĩ không ngừng nhắc nhở. Nổi cáu của họ chồng chất thêm bởi ngờ rằng có lẽ đó là một trò đùa ngớ ngẩn có chủ đích của đám cảnh sát. Rốt cuộc, một viên trợ lý y tế bèn ra tay chỉnh sửa hai tấm biển. Anh ta dùng một cây bút dạ màu đen để vẽ hai hình người lên biển, những hình người ta thường thấy ở các toa lét công cộng. Chiếc khăn xếp trên đầu người nam, và tấm sari cùng bím tóc dài ở người nữ thật không nhầm lẫn vào đâu được, và từ đó, đám cảnh sát làm ăn chuẩn xác hơn hẳn.

Khi công cuộc triệt sản đang được tiến hành, một bà cụ cao tuổi cổ phân bua với bác sĩ. “Lão đã già lắm rồi,” bà ta kêu. “Dạ con cần lắm, chả còn quả trứng nào trong đấy đâu. Sao bác sĩ phải phí công làm phẫu thuật cho lão làm gì?”

Bác sĩ nọ bèn tìm đến chỗ viên chức tỉnh phụ trách kiểm kê số ca phẫu thuật trong ngày. “Bà cụ này quá tuổi sinh đẻ rồi,” anh ta nói. “Anh nên bỏ bà ta khỏi danh sách thì hơn.”

“Đấy có phải là một kết luận y khoa không?”

“Dĩ nhiên là không,” bác sĩ đáp. “Ở đây chả có thiết bị nào để phục vụ kiểm chứng lâm sàng cả.”

“Nếu thế, cứ làm đi. Bọn người này toàn khai man tuổi ấy mà. Vả lại, nhìn bề ngoài dễ bị lừa lắm. Cuộc sống như thế thì đứa ba mươi có khi trông chả khác gì đã sáu chục, bị nắng hun cho teo tóp hết rồi mà.”

Hai tiếng sau chiến dịch, một nữ y tá hối hả chạy ra chỗ cảnh sát với chỉ dẫn mới. “Hãy tạm giảm bớt số bệnh nhân nữ vào lậu,” cô ta nói. “Trong lậu cắt vòi dẫn trứng đang có chút trục trặc kĩ thuật.”

Một người đàn ông trung tuổi bèn nhân cơ hội này van xin cô y tá kia. “Xin cô,” ông ta khóc mếu. “Làm cho tôi đi, tôi không cần gì cả – tôi đã là bố của ba đứa con rồi. Nhưng thằng con trai tôi đây mới mười sáu tuổi! Chưa cưới! Xin hãy tha cho nó!”

“Tôi không có quyền gì hết, bác phải nói chuyện với bác sĩ ấy,” cô ta trả lời, rồi vội vã quay về để xử lý trục trặc kĩ thuật. Nồi hấp không hoạt động, cô phải đun sôi nước để khử trùng dụng cụ.

“Thấy chưa, bác đã bảo rồi,” Ishvar thì thào với Om, hai cánh tay run rẩy ôm chặt lấy thằng cháu. “Bác sĩ sẽ tha cho mày, y tá vừa nói thế mà. Chúng ta phải nói chuyện với bác sĩ và bảo ông ấy mày vẫn chưa có con cái gì.”

Cùng trong xe tải với hai người thợ may là một phụ nữ đang cho con bú, không may bị ảnh hưởng bởi những cảnh đau khổ đang diễn ra xung quanh mình. Chị ta ngâm nga một bài hát, thân mình khẽ lắc lư để ru đứa bé vào giấc ngủ. “Khi nào đến lượt tôi, bác giữ cháu hộ tôi có được không?” Chị ta quay sang hỏi Ishvar. “Vâng, chị đừng lo.”

“Tôi có lo gì đâu. Tôi còn mong nữa là đằng khác. Tôi có năm đứa rồi, thế mà chồng tôi có cho tôi thôi đâu. Thế này thì ông ấy không còn cách nào khác nữa rồi – chính phủ bắt thôi kia mà.” Chị ta lại ư ử hát. “Na-na-na-na Narayan, Narayan bé bỏng buồn ngủ buồn ngủ...”

Chỉ sau giây lát, cảnh sát đã ra hiệu gọi chị ta, chị ta bèn dứt đứa bé khỏi vú. Cái núm vú căng tròn bật ra với một tiếng *plex* nho nhỏ. Om nhìn chị ta nhét bầu vú trở lại bên dưới tấm choli. Ishvar vồn vã chìa tay ra và đón lấy đứa bé. Nó òa lên khóc khi mẹ nó lồm cồm trèo xuống xe.

Ông gật đầu để trấn an chị ta và nhẹ nhàng đu đưa đứa bé trong lòng mình. Om cố tìm cách dỗ nó bằng cách nhắm mắt chun mũi. Rồi Ishvar bắt đầu cất tiếng hát y như mẹ nó, bắt chước giọng ru nho nhỏ của chị ta. “Na-na-na-na Narayan, Narayan bé bỏng buồn ngủ buồn ngủ...”

Đứa bé thôi khóc. Hai bác cháu liếc nhìn nhau đắc thắng. Nhưng ít phút sau, nước mắt đã chảy dài trên má Ishvar. Om quay đi. Cậu chẳng cần hỏi nguyên do.

Bị cản trở vì dụng cụ trục trặc, các bác sĩ làm việc rất chậm chạp trong suốt buổi chiều, và Hội chợ triệt sản kéo dài tận qua thời điểm đóng cửa lúc sáu giờ tối. Chiếc nồi hấp thứ hai rồi cũng bị hỏng nốt.

Đến khoảng bảy giờ, một vị chức sắc cao cấp từ Trung tâm kế hoạch hóa gia đình tới cùng trợ lý riêng.

Đám cảnh sát đổi chân và đứng thẳng hơn lên trong thời gian trại bị thanh tra. Vị chức sắc nọ tỏ ý không hài lòng trước số bệnh nhân vẫn còn ngồi trên xe. Đoạn ông ta bước đến chỗ các bác sĩ đang đứng cạnh bếp ga, chờ mẻ nước mới sôi, và quyết định lên lớp họ một trận.

“Đừng phí thời giờ nữa,” ông ta nói khi họ cất lời chào. “Các người chả còn tí ý thức trách nhiệm nào nữa à? Còn hàng chục ca phẫu thuật nữa phải làm. Việc pha trà cứ để cho một thằng đầy tớ làm là được.”

“Chúng tôi có pha trà đâu. Nước này là để rửa dụng cụ đấy ạ. Máy bị hỏng rồi.”

“Dụng cụ như thế là sạch rồi. Các người muốn đun nước trong bao lâu nữa đây? Trong Hội chợ triệt sản, hiệu quả là vấn đề tối quan trọng, cần phải đạt được mục tiêu trong giới hạn ngân sách. Ai sẽ chi tiền cho ngân ấy bình ga đây?” Ông ta đe rằng họ sẽ bị tố lên cấp trên vì tội thiếu hợp tác, thế là hết thăng tiến, lương bổng cũng sẽ bị đóng băng.

Các bác sĩ đành tiếp tục làm việc với những dụng cụ mới được khử trùng qua loa. Họ biết nhiều đồng nghiệp khác mà sự nghiệp đã gặp phải vận hạn tương tự.

Vị chức sắc nọ theo dõi một lúc, bấm giờ các cuộc phẫu thuật và tính số thời gian dành cho mỗi bệnh nhân. “Chậm quá,” ông ta quay sang nói với viên trợ lý. “Có tí việc xèo xèo đơn giản không, thế mà bọn nó cứ làm như ghê gớm lắm.”

Trước khi ra về, ông ta còn gửi một lời đe dọa sau chót tới toàn bộ công xưởng của mình. “Nhớ đấy, chúa đất Dharamsi sẽ đến sau để kiểm tra sản lượng. Nếu ông ấy mà không hài lòng, thì các người cứ đệ đơn xin từ chức đi là vừa.” “Vâng, thưa ngài,” nhóm bác sĩ đáp.

Hài lòng, ông ta chuyển sang kiểm tra những lều khác.

Tay trợ lý riêng bám sát bên cạnh như một phiên dịch viên, dùng biểu cảm khuôn mặt hòng làm sáng tỏ thêm lời lẽ của sếp.

“Chúng ta phải cứng rắn với các bác sĩ,” vị chức sắc nọ giải bày. “Nếu họ được toàn quyền trong công cuộc chiến đấu chống lại hiểm họa bùng nổ dân số, đất nước này sẽ bị nhấn chìm, sẽ chết ngạt, sẽ diệt vong – dấu chấm hết cho nền văn minh của chúng ta. Vì vậy chúng ta có nghĩa vụ phải đảm bảo cuộc chiến giành thắng lợi.”

“Vâng, thưa ngài – nhất định rồi, thưa ngài,” gã trợ lý nói, vô cùng xúc động khi được nhận riêng viên ngọc trí tuệ này. Mặt trời đã khuất dần sau đường chân trời khi đến lượt hai người thợ may. Ishvar nói như van với viên cảnh sát đang túm lấy cánh tay ông. “Thưa ngài cảnh sát, đã có chút nhầm lẫn. Chúng tôi không sống ở đây, chúng tôi từ trên thành phố về vì thằng cháu tôi sắp lấy vợ.”

“Tôi không làm gì được đâu.” Anh ta càng sai rộng bước chân.

Chân Ishvar cố khua lia lịa hòng giữ mình khỏi bị lôi đi. “Tôi có thể gặp người chịu trách nhiệm được không?” Ông thở hỗn hển, giọng đứt quãng.

“Bác sĩ chịu trách nhiệm ấy.”

Vào đến trong lều, Ishvar rút rè trình bày với bác sĩ. “Có chút nhầm lẫn, thưa ngài bác sĩ. Chúng tôi không sống ở đây.” Người đàn ông mệt mỏi không đáp.

“Thưa ngài bác sĩ, các ngài cũng giống như cha mẹ đối với người nghèo chúng tôi, công việc cao cả của các ngài giúp chúng tôi được khỏe mạnh. Và tôi cũng nghĩ việc triệt sản là rất quan trọng đối với đất nước. Tôi sẽ không bao giờ lập gia đình, thưa ngài bác sĩ, xin hãy làm phẫu thuật cho tôi đây này, tôi sẽ rất sẵn lòng, nhưng xin hãy tha cho thằng cháu tôi, thưa ngài bác sĩ, tên nó là Omprakash và đám cưới của nó sắp được tổ chức rồi, xin hãy nghe tôi với, ngài bác sĩ ơi, tôi lạy ngài!”

Hai bác cháu bị đẩy ra trước bàn và bị lột mất quần. Ishvar bật khóc. “Ngài bác sĩ ơi, xin làm ơn làm phúc! Đừng làm gì thằng cháu tôi! Ngài muốn cắt muốn xẻo tôi bao nhiêu tùy thích! Nhưng xin hãy tha cho thằng cháu tôi! Đám cưới của nó đã được cắt đặt hết rồi!”

Om không nói gì. Cậu cố kìm nén những lời cầu xin đáng xấu hổ, trong bụng ước sao ông bác mình cư xử tự trọng hơn. Nóc lều bằng vải bạt dập dờn nhẹ nhàng trong gió. Cậu giương mắt nhìn trần trời trong khi những sợi cáp chằng lều rít kéo kẹt và bóng đèn điện lắt lư.

Buổi chạng vạng đã chuyển thành đêm tối khi hai người thợ may được y tá dìu khỏi bàn phẫu thuật. “Ây da!” Om kêu lên. “Đau quá!”

“Mấy tiếng đau đau là bình thường,” bác sĩ nói. “Không có gì phải lo lắng.”

Họ được dẫn đi lê lét qua cánh đồng tối đen như mực, tới lều điều dưỡng. “Giờ các người còn giữ chúng tôi lại đây làm gì?” Ishvar sụt sịt khóc. “Chúng tôi không được về nhà ư?”

“Được,” y tá đáp. “Nhưng tốt hơn hết là nên nghỉ ngơi một chút đã.”

Đi chưa được nửa chục bước chân, cơn đau lại càng nhói buốt. Hai bác cháu quyết định nghe theo lời khuyên của y tá và nằm xuống chiếu. Không ai thèm để ý đến tiếng khóc của Ishvar; đau đớn và nước mắt là tình cảnh chung ở tất cả các lều. Mỗi người được cho nước uống cùng hai chiếc bánh quy.

“Hồng hết rồi,” ông nức nở, đoạn đưa cả hai chiếc bánh của mình cho Om. “Giờ bốn gia đình kia sẽ không đời nào cho phép chúng ta lấy con gái nhà họ.”

“Cháu đếch cần.”

“Mày ngu lắm, mày đâu có hiểu như thế nghĩa là gì! Tao đã phụ lòng ông bố quá cố của mày! Không có con cháu, tên tuổi của gia đình ta sẽ mai một, thế là chấm dứt tất cả... tan tành mây khói hết rồi!”

“Có lẽ là với bác thôi. Nhưng cháu vẫn còn lòng tự trọng của cháu. Cháu không khóc tu tu như trẻ con.”

Một người đàn ông nằm trên tấm nệm rơm trải bên cạnh đang chăm chú lắng nghe cuộc chuyện trò giữa hai bác cháu. Anh ta chống khuỷu tay nhồm dầy. “Chú ơi,” anh ta nói, “đừng khóc. Quay lại đây tôi bảo, tôi nghe nói có cách chữa được cái phẫu thuật này.”

“Nhưng chữa bằng cách nào? Ống dẫn tinh bị cắt mất rồi còn đâu?”

“Không, chú ơi, chữa được đấy. Các bác sĩ trên thành phố lớn có thể nối lại ống.”

“Anh có chắc không?”

“Chắc chắn mà. Chỉ có điều, phí tổn cao lắm.”

“Mày nghe thấy chưa, Om? Vẫn còn hi vọng!” Ishvar chùi mặt. “Không cần biết cao đến

đâu – chúng ta sẽ làm! Chúng ta sẽ may như điên cho cô Dina, cả ngày lẫn đêm! Bác sẽ bảo người ta nối lại cho mày!”

Ông quay sang ân nhân của mình, người khơi nguồn hi vọng. “Thượng Đế sẽ phù hộ cho anh vì tin này. Chúc anh cũng nối lại được.”

“Tôi chả muốn,” người đàn ông nọ nói. “Tôi đã có bốn đứa con rồi. Một năm trước tôi đến bác sĩ và tự mình yêu cầu làm phẫu thuật. Hôm nay lũ súc sinh kia lại làm cho tôi lần thứ hai.”

“Như thế thì có khác gì giết một người đã chết. Chả lẽ họ không chịu nghe tí gì sao?”

“Biết làm sao được, chú ơi, khi những kẻ được học hành tử tế lại cư xử hết như lũ man di mọi rợ như thế. Làm sao chú nói phải quấy với chúng được? Khi những thằng có chức có quyền đã mất hết lý tính thì chẳng còn hi vọng gì nữa đâu.” Cảm thấy bẹn đau nhói, anh ta duỗi dần khuỷu tay để nằm xuống.

Ishvar lau khô mắt và cũng nằm xuống theo. Ông vươn tay sang chiếu bên cạnh và vuốt cánh tay thẳng cháu. “Ai dà, cháu tôi, chúng ta đã tìm ra giải pháp rồi, không cần phải lo lắng nữa. Ta sẽ quay trở lên, nối lại ống dẫn tinh, rồi năm sau lại về làm đám cưới. Lúc ấy khắc có những gia đình khác quan tâm. Mà có khi đến lúc đấy cái Tình trạng khẩn cấp đáng nguyên rủa này cũng đã chấm dứt rồi, và sự sáng suốt sẽ trở về với chính phủ.”

Bỗng có tiếng gì đó như vòi nước chảy nổi lên, và một tràng xì xì; có ai đó đang đái ngay bên ngoài. Tiếng dòng nước ồn ào của hần xối lên đất khiến người đàn ông bị cắt ống dẫn tinh hai lần nằm trong lều nổi cáu. Anh ta lại chống khuỷu tay nhồm dầy. “Thấy chưa? Rặt một lũ súc sinh, tôi đã bảo mà. Bọn cảnh sát ấy còn không có lấy một chút liêm sỉ để biết đường mà sang bên kia cánh đồng đi đái.”

Bóng tối dần buông, các bác sĩ đang hì hụi thực hiện những ca phẫu thuật cuối cùng thì chúa đất Dharamsi tới. Đám cảnh sát và nhân viên của Trung tâm kế hoạch hóa gia đình kéo bầy kéo lũ chạy ra cúi chào hần, xô đẩy nhau để được chạm lên chân hần. Hần nói chuyện qua quýt với các bác sĩ và y tá, rồi dạo qua các lều điều dưỡng, vẫy chào các bệnh nhân, cảm ơn họ vì đã hợp tác trong công cuộc đưa trại triệt sản tới thành công.

“Mau, quay mặt đi, Om,” Ishvar hoảng hốt thì thào, khi lão chúa đất tiến đến gần dãy cửa họ. “Đưa tay lên che mặt đi, giả vờ mày đang ngủ ấy.”

Chúa đất Dharamsi dừng lại phía đuôi chiếu Om nằm và nheo mắt nhìn. Hần nói nhỏ mấy câu với một người đứng cạnh mình. Gã kia chạy đi, và quay lại sau ít phút cùng một bác sĩ.

Lão chúa đất nhẹ nhàng nói gì đó với anh ta, và vị bác sĩ co rúm người lại, lắc đầu quây quây. Lão chúa đất lại thì thầm. Vị bác sĩ tái mặt.

Chỉ lát sau, hai y tá đến và dìu Om đứng dậy. “Nhưng tôi muốn nằm nghỉ,” cậu phản đối. “Tôi vẫn còn đau.”

“Bác sĩ muốn gặp cậu.”

“Gặp làm gì?” Ishvar quát. “Các người đã làm phẫu thuật cho nó xong rồi còn gì! Các người còn muốn gì nữa?”

Trong lều phẫu thuật, bác sĩ đang đứng quay lưng ra phía cửa, nhìn nồi nước sôi sùng sục. Con dao mổ nằm dưới đáy, sáng lấp lánh bên dưới làn bong bóng. Anh ta ra hiệu cho các y tá dìu bệnh nhân nằm lên bàn.

“U tình hoàn,” anh ta cảm thấy có nghĩa vụ phải giải thích với họ. “Ngài chúa đất đã cho phép làm phẫu thuật cắt bỏ, coi như ưu ái đặc biệt cho cậu ta đấy.” Con run rẩy trong giọng nói của anh ta đã phản bội lời dối trá.

Quần của Om lại bị lột ra một lần nữa. Một mảnh vải tẩm đẫm thuốc mê được áp vào mũi cậu. Cậu giật phăng nó ra, rồi lịm đi. Bằng một nhát rạch bén ngọt, bác sĩ cắt hai hòn bìu, khâu vết rạch, và phủ lên đó một miếng băng gạc dày.

“Đừng cho bệnh nhân về nhà cùng những người khác,” anh ta nói. “Cậu ta sẽ cần ngủ lại đây đêm nay.” Họ trùm cho cậu một tấm chăn và đặt cậu lên cang khiêng về lầu điều dưỡng.

“Các người đã làm gì nó?” Ishvar gào lên. “Lúc này nó tự đi được kia mà! Giờ các người đưa nó về thì lại mê man bất tỉnh! Các người đã làm gì thằng cháu tôi rồi?”

“Trật tự,” họ quở, đoạn chuyển Om từ cang xuống nệm rơm. “Cậu ấy bị bệnh rất nguy kịch, bác sĩ đã làm phẫu thuật miễn phí cứu cậu ấy. Chú phải biết ơn mới đúng, ai lại làm ầm lên như thế. Đừng lo, khi nào tỉnh dậy, cậu ấy sẽ khỏe thôi. Bác sĩ đã bảo chúng tôi cho cậu ấy nghỉ lại đây đến sáng mai rồi. Chú cũng có thể ở lại.”

Ishvar đến bên cạnh cháu để tự mình xem xét. Ông đánh tiếng hỏi han để tự trấn an. Trong giấc ngủ mê mết, Om không trả lời. Ishvar kéo chăn xuống và bắt đầu sẫm soi cậu: bàn tay, ngón tay, ngón chân vẫn nguyên vẹn. Ông xem lưng – không có những vết lằn rớm máu do roi quất. Miệng cậu cũng lành lặn, lưỡi và răng không hề hấn gì. Nỗi sợ hãi của ông dần lắng xuống, có lẽ lão chúa đất đã tha cho cậu.

Bỗng ông nhìn thấy vết máu ở mặt trong đũng quần. Chẳng lẽ là máu từ cuộc phẫu thuật triệt sản? Ông nhìn xuống đũng quần của mình – có tí máu nào đâu? Ngón tay run run, ông tụt quần Om ra và nhìn thấy miếng băng gạc dày sụ. Ông cởi khuy quần của mình và so sánh: chỉ có một miếng gạc nhỏ và băng cứu thương. Ông đặt ngón tay lên miếng băng của Om và thấy thiếu thứ gì đó. Vừa nuốt nước bọt, ông vừa hoảng hốt sờ soạng xung quanh, hi vọng sẽ sờ thấy hòn bìu ở đâu đó, trong lòng không dám tin chúng đã mất.

Rồi ông rú lên.

“*Hai Ram!* Trời ngó xuống mà xem! Xem bọn nó đã làm gì thằng cháu tôi này! Xem này! Bọn nó biến cháu tôi thành hoạn quan rồi!”

Có người từ lầu chính đi xuống và bảo ông im miệng. “Chú lại gào thét gì thế? Chú không hiểu à? Cậu ấy bị bệnh rất nặng, chỗ đấy có một khối u rất nguy hiểm, một bọc đầy chất độc, thế nên người ta phải cắt đi.”

Người đàn ông bị cắt ống dẫn tinh hai lần đã ra về. Những người còn ở lại trong lầu còn đang bần vô về nỗi đau khổ của riêng mình và gắng chống chọi với những cơn buồn nôn và choáng váng. Khi cảm thấy đã hồi đủ sức, lần lượt từng người gượng dậy và trở về nhà trong nỗi tủi thẹn. Chẳng còn ai ở lại để an ủi Ishvar.

Ngồi một mình trong đêm, ông khóc hờ thảm thiết, chớp mắt vài phút khi kiệt sức, rồi lại khóc. Om tỉnh thuốc mê khi đã quá nửa đêm, nôn ọe, và ngủ lịm đi tiếp.

Sau vụ vây bắt ở phiên chợ, ông trẻ Ashraf được khiêng đến bệnh viện xã, và các họ hàng của ông ở xưởng gỗ được báo tin. Vài tiếng sau ông mất. Theo trình tự tác nghiệp tiêu chuẩn, bệnh viện kết luận nguyên nhân cái chết là do tai nạn: “Do trượt ngã và đập đầu lên lề đường.” Thân bằng quyến thuộc mai táng ông bên cạnh bà trẻ Mumtaz ngay ngày hôm

sau, khi Ishvar và Om vẫn còn đang trên đường trở về từ trại triệt sản.

Ngoài vết đau ở bẹn, Ishvar không cảm thấy khó chịu chút nào. Nhưng Om thì đau đến khổ sở. Vết mổ lại chảy máu ngay khi cậu đi được vài bước. Bác cậu thử cõng cậu, nhưng như thế còn đau hơn. Nằm ngửa ra trên tay ông như một đứa trẻ con là tư thế dễ chịu duy nhất cho Om, nhưng quá vất vả cho Ishvar. Dọc đường, cứ đi được mười bước, ông lại phải đặt thẳng cháu xuống.

Đến chiều, một người đàn ông kéo chiếc xe bò ngang qua thấy thế dừng lại. “Cậu ấy bị làm sao vậy?”

Ishvar kể lại sự tình, người kia bèn đề nghị giúp. Họ đặt Om lên sàn xe. Ông ta gỡ cái khăn xếp để làm thành một chiếc gối. Ishvar cùng ông ta đẩy xe. Xe chẳng nặng nề gì, nhưng họ phải di chuyển rất chậm rãi trên mặt đường gập ghềnh. Từng cú xóc nảy đâm xuyên vào cơ thể Om, và quãng đường được đo bằng những tiếng rú xé ruột của cậu.

Khi họ về tới Hiệu may Muzaffar, trời đã tối. Người kéo xe bò không chịu nhận đồng nào. “Đường nào cũng tiện đường tôi đi mà,” ông ta nói.

Một người cháu của Ashraf đến từ xưởng gỗ đang ở trong nhà để trông cửa hàng. “Tôi có tin buồn,” cậu ta nói. “Chú Ashraf gặp tai nạn và đã qua đời.”

Dẫu vậy, hai người thợ may quá bận rộn để có thể lập tức thương khóc trước mắt mát này hay hoàn toàn thấm thía nó. Những sự kiện xảy ra ngày hôm qua ở phiên chợ đã nhập làm một với tất cả những bi kịch khác trong đời họ. “Cảm ơn cậu đã đến báo cho chúng tôi biết,” Ishvar lặp đi lặp lại một cách máy móc. “Tôi nhất định sẽ tham dự lễ tang, và Om cũng sẽ đến, vâng, ngày mai chắc nó sẽ khá hơn.”

Người cháu phải nhắc lại đến bốn lần, họ mới hiểu ra ông trẻ Ashraf đã được chôn cất. “Đừng lo, hai người có thể ở lại đây cho đến khi khỏe hẳn,” anh ta nói. “Tôi vẫn chưa quyết định được sẽ làm gì với căn nhà này. Và nếu hai người cần gì, cứ báo cho tôi biết.”

Họ đi ngủ luôn mà không ăn uống gì, vì chẳng còn bụng dạ nào mà ăn. Để khỏi phải leo lên cầu thang, Ishvar trải một tấm đệm ở tầng trệt bên cạnh quây. Nửa đêm, Om lên cơn mê sảng, khua chân múa tay tán loạn. “Không! Cháu không lấy kéo của ông trẻ Ashraf đâu! Cây ô đâu rồi? Đưa cháu, để cháu cho bọn nó biết tay!”

Ishvar kinh hoảng choàng dậy và rờ rẫm công tắc đèn. Ông nhìn thấy một đốm đen sậm trên mặt ga. Ông rửa sạch vết thương của Om và ngồi chong chong suốt đêm để giữ cậu, phòng khi miếng gạc bị bung ra.

Đến sáng, ông nửa kéo nửa bế cậu đến một phòng khám tư trong thị trấn. Vị bác sĩ vô cùng ghê tởm vụ thiếu người, nhưng cũng không ngạc nhiên. Thỉnh thoảng ông vẫn chữa cho các nạn nhân của bạo lực đẳng cấp đến từ các làng lân cận, và đã thôi không cố ép luật pháp theo đuổi công cuộc vì công lý nữa. “Không đủ chứng cứ để khởi kiện” là câu trả lời thường lệ, dù bộ phận bị mất là một ngón tay hay bàn tay hay mũi hay tai.

“Chú còn may đấy,” ông nói. “Bọn họ đã làm rất sạch sẽ, và khâu lại cẩn thận. Nếu cậu ta nghỉ ngơi một tuần, nó sẽ lành.” Ông sát trùng vết thương và đặt một miếng gạc mới lên. “Đừng cho cậu ta đi lại, nếu không sẽ làm vết thương chảy máu trở lại đấy.”

Ishvar trích tiền chuẩn bị đám cưới để trả công bác sĩ, rồi cố hỏi, dù đã biết câu trả lời: “Liệu nó có còn khả năng làm bố không?”

Vị bác sĩ lắc đầu.

“Ngay cả khi cái ‘xe điếu’ của nó vẫn lành lặn ư?”

“Túi tạo tinh đã bị cắt đi rồi còn đâu.”

Nhớ lời dặn của bác sĩ, Ishvar loạng choạng bế thằng cháu trên tay trở về nhà và đặt cậu lên giường. Ông kiểm được một cái chai và một cái xoong để Om đi tiêu đi tiểu mà khỏi cần ra nhà xí. Các hàng xóm của ông trẻ Ashraf đều tránh mặt họ. Trong căn bếp bé tí nơi bà trẻ Mumtaz từng nấu ăn cho sáu người nhà bà cộng thêm hai cậu bé học việc, Ishvar chuẩn bị những bữa ăn vô vị. Những bóng ma thân thiện của thời thơ ấu cũng không thể giúp ông khuây khỏa, và hai bác cháu ăn trong im lặng bên giường Om.

Đến cuối thời hạn bảy ngày, Ishvar lại bế cậu đến phòng khám tư. Ngoài phố, rất dễ nhận ra những nạn nhân bị cắt ống dẫn tinh cuống bức, nhất là những người chỉ có độc một bộ quần áo. Những vết mủ ở đũng quần đã nói lên tất cả. “Vết thương hầu như đã lành hẳn,” vị bác sĩ nói. “Bây giờ cậu ấy có thể đi lại được rồi, nhưng đừng đi nhanh.” Ông không lấy tiền cho lần tái khám này.

Từ phòng khám, họ bước từng bước nặng, cẩn trọng đến đồn cảnh sát và nói họ muốn làm đơn khiếu nại. “Thằng cháu tôi đã bị biến thành hoạn quan,” Ishvar nói, không kìm nổi nước mắt khi bật ra những lời ấy.

Viên cảnh sát trực hoảng hốt. Anh ta tự hỏi không biết vụ này có đồng nghĩa với một cuộc bùng nổ xung đột đẳng cấp kèm những pha đầu đầu cho các đồng nghiệp và chính bản thân anh ta hay không. “Ai làm việc này?”

“Chuyện xảy ra ở Hội chợ triệt sản. Trong lều của bác sĩ.”

Câu trả lời khiến viên cảnh sát nhẹ cả người. “Không thuộc phạm vi quyền hạn của cảnh sát nhé. Đây là việc của Trung tâm kế hoạch hóa gia đình. Khiếu nại về nhân viên của họ được xử lý ở cơ quan của họ.” Và rất có thể, anh ta nghĩ bụng, đây chỉ là một trường hợp nhầm lẫn giữa triệt sản và thiến. Một chuyến đi đến Trung tâm sẽ giúp làm sáng tỏ mọi việc.

Họ rời đồn cảnh sát và đi bộ rất chậm chạp đến Trung tâm kế hoạch hóa gia đình. Ishvar thấy mừng vì không phải vội vã gì. Một vùng nhức nhối kinh khủng đã nổi lên quanh ben ông suốt ba ngày vừa qua, nhưng ông lơ đi vì còn bận lo cho thằng cháu.

Om để ý thấy dáng đi kì quặc và hỏi bác bị làm sao.

“Không có gì đâu.” Ông nhăn nhó khi từng cơn đau lừ đừ cuộn dọc xuống ống chân. “Chỉ là bị cứng chân một tí vì vụ phẫu thuật. Rồi sẽ hết thôi.” Nhưng ông biết tình hình đang càng lúc càng tệ đi; sáng nay, một khối sưng đã manh nha trên cẳng chân.

Ở Trung tâm kế hoạch hóa gia đình, ngay giây phút Ishvar nói ra chữ hoạn quan, không ai chịu nghe thêm từ nào nữa. “Cút ra,” viên công chức quát. “Chúng tao chán ngấy bọn người ngu dốt chúng mày rồi. Phải mất bao nhiêu lần giải thích nữa? Triệt sản chả dính dáng gì đến thiến hết. Sao chúng mày không chịu nghe mấy bài tuyên truyền của bọn tao? Sao không đọc tờ rơi bọn tao phát?”

“Tôi biết là khác nhau chứ,” Ishvar nói. “Nếu anh chỉ cần nhìn một lần thôi, anh sẽ thấy các bác sĩ của anh đã làm gì.” Ông ra hiệu cho Om tụt quần ra.

Nhưng đúng lúc Om chuẩn bị cởi khuy quần, viên chức nọ đã vội lao đến giữ chặt cạp quần của cậu. “Tao cấm mày cởi quần áo giữa cơ quan tao. Tao không phải bác sĩ, trong quần mày có cái quái gì tao không quan tâm. Nếu chúng tao tin bọn mày, thì tất cả những đứa hoạn quan ở cái đất nước này sẽ kéo đến đây nhảy múa trước mặt chúng tao, đổ tội

cho chúng tao đã làm bọn nó ra nông nổi này, rồi tìm cách làm tiền chúng tao. Chúng tao biết trò của bọn mày rồi. Toàn bộ Chương trình kế hoạch hóa gia đình sẽ bị đình trệ. Đất nước sẽ bị hủy hoại. Bị bóp nghẹt bởi tầng trưởng dân số mất kiểm soát. Cút ra ngay, kéo tao gọi cảnh sát đến bây giờ!”

Ishvar van xin anh ta xem lại, chí ít cũng nhìn một lần thôi. Om bèn kể sất vào tai bác cậu, đe ông không được khóc thêm lần nào nữa. Người kia vẫn tiếp tục sấn tới đầy đe dọa. Hai bác cháu buộc phải thối lui. Khi họ đã ra đến ngoài phố, cánh cửa bị đóng sập lại cùng một tấm biển *Đóng cửa nghỉ ăn trưa* treo phía trên.

“Bác nghĩ chúng nó sẽ giúp mình thật à?” Om nói. “Bác còn chưa hiểu hay sao? Đối với chúng, bọn ta còn chẳng bằng súc vật.”

“Mày câm ngày cái mồm lại,” Ishvar nạt. “Chính sự ngu dốt của mày đã đẩy hai người chúng ta đến nước này.”

“Như thế nào? Vì ngu mà cháu mất hai quả cà. Nhưng bác bị triệt sản là lỗi do cháu à? Đàng nào việc đấy chả xảy ra. Nó xảy ra với tất cả mọi người ở chợ.” Cậu ngưng bật, rồi cay đắng tiếp lời. “Thực ra, tất cả là lỗi của bác. Con cuồng dại của bác khi cứ khăng khăng đòi quay trở lại đây và kiếm một cô vợ cho cháu. Lẽ ra chúng ta đã được an toàn trên thành phố, trong hành lang nhà cô Dina.”

Mắt Ishvar giàn giụa nước. “Thế ra mày bảo chúng ta nên ru rú trong cái hành lang đấy cho đến hết đời phải không? Đây là cuộc đời kiểu gì, đất nước kiểu gì thế, mà sao chúng ta không thể đến rồi đi theo ý mình được? Chả lẽ tao về thăm nơi chôn rau cắt rốn cũng là tội à? Cưới vợ cho cháu tao cũng là tội à?” Không thể bước thêm được nữa, ông ngồi thụp xuống vỉa hè, run lấy bầy.

“Thôi nào,” Om rít lên, “đừng có diễn trò giữa phố nữa, trông chẳng ra sao cả.”

Nhưng bác cậu vẫn khóc nức nở, Om bèn ngồi xuống bên cạnh ông. “Dào, cháu không có ý đấy đâu, không phải lỗi của bác mà, đừng khóc nữa.”

“Cơn đau,” Ishvar rúm rỏ. “Nó lan khắp nơi... đau lắm... bác không biết phải làm sao.”

“Ta về nhà thôi,” Om nhẹ nhàng nói. “Để cháu đỡ bác. Bác phải gác chân lên mà nằm nghỉ.”

Họ gượng dậy và, với Ishvar bước tập tễnh, lê lét, run rẩy vì đau, hai bác cháu về tới cửa hiệu của ông trẻ Ashraf. Họ nhất trí là một giấc ngủ ngon sẽ chữa lành cơn đau của ông. Om bày đệm và gối sao cho bác mình nằm thật thoải mái, rồi mát xa chân ông. Hai bác cháu cùng lăn ra ngủ, bàn chân Ishvar còn nằm trong tay cháu ông.

Một tuần sau, chân Ishvar đã sưng bằng cái cột. Toàn thân ông sốt hầm hập. Phần thịt từ bẹn xuống đầu gối đã đen sạm lại. Họ quay trở lại Trung tâm kế hoạch hóa gia đình và rụt rè đứng ngoài cửa nhòm vào. May thay, lần này một bác sĩ đang trực, còn người họ đã gặp lần trước không thấy lảng vảng quanh đấy.

“Vụ triệt sản ồ,” vị bác sĩ nói, sau một cái liếc qua. “Nó không liên quan gì đến bệnh ở chân chú. Trong người chú có chứa chất độc gây phù nề. Chú nên đến bệnh viện mà khám.”

Thấy vị này có vẻ là người biết điều hơn lẽ thiệt, Ishvar bèn nhắc đến vụ thiến cháu ông, và vị bác sĩ lập tức trở mặt. “Cút ngay!” Anh ta quát. “Nếu các người muốn nói nhăng nói cuội thì mau biến đi cho khuất mắt tôi!”

Họ đến bệnh viện, ở đây, Ishvar được kê một đợt thuốc: bốn lần một ngày trong mười bốn ngày. Thuốc giúp hạ sốt, nhưng chẳng có chút chuyển biến nào ở chân ông. Đến cuối kì điều trị nửa tháng đó, ông còn không thể đi được nữa. Khoảng đen sạm đã lan xuống dưới như một vết bẩn, tiến dần đến các ngón chân, khiến ông nhớ đến thứ thuốc nhuộm da đã thấm bện vào da ông khi còn bé, hồi ông vẫn còn làm việc với bố và những người Chamaar khác.

Chiều hôm ấy, Om tìm thấy người đàn ông kéo xe bò ngoài chợ và nhờ ông ta giúp. “Lần này là bác cháu. Bác ấy không đi được, cháu phải đưa bác ấy đến bệnh viện.”

Người kia đang dỡ hành khỏi xe. Vài củ đã bị cán dập trong quá trình vận chuyển, bầu không khí sặc lên mùi cay nồng nặc. Ông ta cúi mắt, vắn một bao hành lên vai và vác nó vào kho. Hơi cay xộc cả vào mắt Om dù cậu đứng cách đó khá xa.

“Được rồi, tôi xong rồi,” hai mươi phút sau, người kéo xe bò nói. Ông phải sạch sàn xe và họ cùng đến Hiệu may Muzaffar để đón Ishvar. Họ ghé đuôi xe vào sát bậc thềm rồi dìu ông lên. Mấy người hàng xóm núp mình sau rèm cửa trông theo, khi những bánh xe lỏng lẻo lộc cộc lần đến bệnh viện.

Người kéo xe chờ ở bên ngoài trong khi Ishvar nằm bệt ở lối ra vào, còn Om chạy đi tìm phòng cấp cứu. “Thuốc không có tác dụng,” vị bác sĩ trực tuyên bố sau cuộc kiểm tra. “Chất độc trong máu quá mạnh. Cần phải cắt hai chân đi để ngăn chất độc lan ngược lên trên. Đây là cách duy nhất để cứu sống ông ấy.”

Sáng hôm sau, hai cẳng chân đen sạm bị cắt bỏ. Bác sĩ phẫu thuật nói hai mẩu đùi cụt cần được theo dõi vài ngày, để đảm bảo chất độc đã tiêu hết. Ishvar nằm viện suốt hai tháng. Sáng nào Om cũng đem cơm nước đến và ở lại đến tận khuya.

“Mày phải viết thư cho cô Dina đi,” Ishvar liên tục nhắc Om. “Kể cho cô ấy biết chuyện gì đã xảy ra, chắc cô ấy lo lắng về chúng ta lắm đấy.”

“Vâng,” Om đáp, nhưng cậu không có gan thực hiện nhiệm vụ ấy. Cậu biết viết gì đây? Làm sao cậu có thể giải thích nỗi chỉ trên một tờ giấy?

Đến cuối thời gian hai tháng, người kéo xe bò quay lại bệnh viện và giúp đưa Ishvar trở về Hiệu may Muzaffar. “Đời bác thế là xong rồi,” Ishvar khóc. “Mày cứ quảng bác xuống con sông chảy qua làng ta. Bác không muốn trở thành gánh nặng cho mày.”

“Dào, thôi đi,” Om nói. “Đừng nói vớ vẩn. Xong đời là thế nào? Bác quên Shankar rồi à? Chú ấy chẳng còn ngón tay nào cơ. Bác vẫn còn cả hai bàn tay, bác có thể may. Cô Dina có một cái máy may quay tay cũ, cô ấy sẽ cho bác dùng nó khi nào chúng ta quay lại.”

“Mày điên rồi. Bác không ngồi được, bác không đi được, thế mà mày còn nói đến may với vá ư?”

“Nếu hai người cần đi lại thì cứ bảo tôi một tiếng,” người kéo xe vội vã chêm vào, “kể từ nay tôi sẽ lấy công hai người bằng giá vé xe buýt thôi.”

“Vâng, nhà cháu sẽ trả cho chú, chú khỏi lo,” Om nói. “Bác cháu sẽ còn phải đến bệnh viện. Và có lẽ sau vài tuần nữa, khi nào bác ấy thấy khá lên, chú có thể đưa hai bác cháu ra ga tàu hỏa. Nhà cháu sẽ sớm trở lên thành phố.”

Cuộc hồi phục diễn tiến rất chậm. Tiền bạc của họ cạn dần. Ishvar ăn rất kém, và những buổi đêm của ông thường xuyên trôi qua trong sự dằn vặt của những cơn nóng sốt và ác mộng. Ông liên tục choàng dậy và khóc nức nở. Om vỗ về ông, hỏi ông muốn gì.

“Mày mát xa chân cho bác với, bác đau quá,” ông luôn nói thế.

Một tối, người cháu của ông trẻ Ashraf ở xưởng gỗ đến gặp họ. Anh ta đã tìm được người mua lại cửa hiệu. “Tôi rất tiếc phải ép hai người rời đi. Nhưng ai mà biết được đến bao giờ tôi mới kiếm được mối mới?” Anh ta đề nghị cho hai người trú tạm ở một cái lều hoặc lán, chắc chắn ở xưởng gỗ sẽ có góc nào đó họ có thể tận dụng.

“Không, không sao đâu,” Om nói. “Chúng tôi sẽ quay lại thành phố và tiếp tục công việc may vá.”

Lần này Ishvar đồng ý với cậu. Ông cảm thấy tốt hơn hết là ra đi, thay vì ở lại cái nơi chẳng mang lại cho họ điều gì khác ngoài khổ đau này. Giờ đây, mỗi ngày đều ê chề tủi nhục, khi những người quen biết họ, nhất là các hàng xóm láng giềng, giương mắt nhìn họ chòng chọc trên những chuyến đi về bệnh viện, rồi thì thọt với nhau, rồi tránh dạt đi mỗi khi họ nhìn thấy chiếc xe bò đi tới.

“Anh giúp chúng tôi một việc cuối cùng được không?” Om nhờ người cháu của ông trẻ Ashraf. “Anh có thể bảo các thợ mộc trong xưởng làm một cái bệ lăn be bé có gắn mấy cái bánh xe nhỏ cho bác tôi được không?”

Anh ta nói chuyện đó cũng đơn giản thôi. Hôm sau, anh ta mang cái bệ lăn tới cửa hiệu. Ở phía trước bệ có đóng một cái móc buộc sợi dây để Om tiện kéo đi.

“Không cần sợi dây này đâu,” Ishvar quả quyết. “Bác sẽ tự đẩy bệ bằng tay, như Shankar ấy. Bác muốn được độc lập.”

“Rồi, để xem.”

Họ tháo bỏ sợi dây, và Ishvar bắt đầu luyện tập trong nhà.

Ông cần phải học cách khom sụp người xuống để toàn thân có thể đứng vững được khi không có hai chân làm đối trọng. Nỗi chán chường của ông càng lúc càng chồng chất. Đang lúc ốm yếu, ông còn không đẩy nổi cái bệ, nói gì đến chuyện đi ra phố.

“Kiên nhẫn nào,” Om nói. “Khi nào khỏe lên, bác sẽ làm được thôi.”

“Kiên nhẫn cái gì,” Ishvar khóc thút thít. “Kiên nhẫn cũng có làm chân bác mọc lại được đâu.” Thất bại cay đắng, ông đành cho nối lại sợi dây kéo.

Gần bốn tháng kể từ ngày trở về chuẩn bị cho đám cưới, hai người thợ may lên đường ra ga tàu hỏa cho chuyến quay lại thành phố. Trên đường đi, họ ghé qua mộ của ông trẻ Ashraf và bà trẻ Mumtaz. “Bác ghen với họ quá,” Ishvar nói. “Thế là yên thân.”

“Bác lại nói linh tinh rồi,” Om nói, đoạn quay chiếc bệ lại để rời đi.

“Ta ở lại đây thêm một chút nữa không được sao?”

“Không, ta phải đi thôi.” Om kéo sợi dây, và bánh xe nghiêng lên mặt đất ghĩa địa. Bác ấy nhẹ quá, cậu chợt nghĩ, nhẹ như đứa bé ấy, kéo bác ấy đi chẳng tốn sức chút nào.

XVI

Vòng tròn khép lại

THỨ ĐẦU TIÊN ZENOBIA NHÌN THẤY khi Dina ra mở cửa là tấm rèm ghép chắn giữa hành lang. “Cái gì đây, đồ cậu vừa giặt à?” Cô cười khúc khích. “Hay cậu mới mở dịch vụ giặt là?”

“Không, đây là phòng cô dâu,” Dina vừa nói vừa phá ra cười. Cô đã chịu đựng bốn tuần trong cảnh cô đơn cưỡng ép với nỗi oán giận. Cuộc thăm viếng của cô bạn là một niềm an ủi lớn lao.

Zenobia thấy câu đùa của bạn khá vui nhưng không hiểu ý nghĩa ra sao. Họ cùng ra phòng ngoài. Giữa những tràng cười mới, cô mới rõ tại sao gian hành lang lại bị ngăn đôi.

“Họ sắp về đến nơi rồi,” Dina nói. “Tấm rèm này không đủ dày để chặn hết tiếng ồn của đôi vợ chồng mới cưới, nhưng tớ chỉ làm được đến thế thôi.”

Zenobia chẳng thấy buồn cười chút nào nữa. Cô trở mắt nhìn Dina như thể bạn cô đã hóa điên. “Sao cậu thay đổi thế. Cậu có nghe thấy mình đang nói gì không đấy? Chỉ mới cách đây một năm thôi, cậu còn không chịu giữ một vị khách trọ vô hại. Tớ phải mất bao nhiêu ngày mới thuyết phục được cậu là con trai Aban Kohlah chẳng có gì đáng ngại hết, rồi cậu ta sẽ không xới tái căn hộ của cậu đâu mà lo.”

“Và cậu đã đúng hoàn toàn, Maneck là một cậu bé rất đáng yêu. Hai tuần nữa là cậu ấy cũng sẽ trở lại. Cậu xem tấm chắn tờ may đi này. Đây sẽ là quà cưới cho Om đấy.”

Zenobia lờ tịt và nói tiếp. “Rồi sao tự nhiên cậu lại gan thế, để cả hai người thợ may vào đây sống. Thế đã đủ phiền lắm rồi. Giờ cậu lại còn cho phép họ lôi thêm một cô vợ đến nữa? Cậu sẽ phải hối hận đấy, tin tớ đi. Cả cái bộ tộc bù xù đó sẽ cố thủ ở hành lang nhà cậu. Đến nửa làng họ ấy chứ. Và cậu sẽ không bao giờ đuổi họ đi được. Căn nhà này sẽ biến thành một cái chuồng lợn vì những thói ăn lông ở lỗ mất vệ sinh của bọn họ.”

Lời tiên đoán u ám khiến Dina bật cười, nhưng lần này Zenobia không hưởng ứng. Để xoa dịu cô bạn, cô bèn dùng một giọng nghiêm túc hơn. “Họ sẽ không đòi nào lợi dụng tớ đâu. Ishvar là một quý ông thực thụ. Còn Om là một cậu bé ngoan ngoãn, thông minh, hết như Maneck ấy. Chỉ có điều kém may mắn hơn thôi.”

Zenobia nán lại nửa tiếng nữa, hết van vãn, dọa dẫm, đến dễ dàng, vận dụng mọi phương cách có thể để thay đổi quyết định của bạn. “Đừng ngốc thế, cứ để họ đi. Lúc nào bọn mình cũng có thể tìm được thợ may mới cho cậu. Bà Gupta sẽ giúp bọn mình, tớ chắc chắn đấy.”

“Nhưng vấn đề không phải ở chỗ đó. Tớ vẫn sẽ cho họ ở đây ngay cả khi họ không làm việc cho tớ.”

Đến khi Zenobia nhận ra mình đang đâm đầu vào đá, cô đã lỡ dồn quá nhiều tâm huyết vào cuộc tranh luận. Để cứu vớt lòng kiêu hãnh của mình, cô quày quả bỏ đi.

Lá thư của Maneck khiến tay Dina run lấy bấy khi cô mở nó ra. “Dì thân mến,” cô đọc, “cháu hi vọng dì vẫn khỏe mạnh và hài lòng, cũng như tất cả mấy người chúng ta ở nơi của mình. Bố mẹ cháu gửi dì những lời chúc tốt đẹp nhất. Bố mẹ nói họ rất mừng được gặp lại cháu, còn nói là rất nhớ cháu.

“Cuối cùng cháu cũng nhận được tin bên trường. Cháu rất tiếc phải báo rằng điểm của cháu không tốt lắm. Họ đã từ chối đơn cháu xin vào học chương trình lấy bằng, nên cháu đành phải bằng lòng với chúng chỉ một năm vậy.”

Cô biết điều gì sắp tới, nhưng vẫn đọc tiếp, cố gắng chống cự cảm giác nôn nao đang cồn lên trong bụng. “Phải chi dì được thấy tấn tuồng diễn ra khi tin này bay đến. Nếu dì còn nhớ, khi cháu mới ngỏ ý muốn học thêm ba năm nữa, bố mẹ cháu đã phản đối ra trò. Nhưng giờ nhà lại nổi điên với cháu vì lý do ngược lại. Con định làm gì với đời mình đây, bố cháu cứ nhai nhải thế, hết rồi, hết thật rồi, thằng bé này chẳng hiểu đây là một chuyện bất hạnh đến nhường nào đâu, cả đời tôi đã là bất hạnh nối bất hạnh, tôi cứ nghĩ con trai tôi sẽ thay số đổi vận, nhưng lẽ ra tôi phải biết chứ, đường chỉ trên tay tôi là vĩnh cửu, chẳng đời nào được phép đổi khác, đấy là số mệnh của tôi rồi, tôi chống lại làm sao nổi.

“Dì có nhớ mấy trò cường điệu của chú Ishvar khi động đến việc tìm vợ cho Om không? Toàn đồ bỏ, dì ạ, nếu so với màn trình diễn của bố cháu. Lẽ ra cháu không bao giờ nên nói cho họ biết cháu dự định theo học cái chương trình lấy bằng ngắn đấy.

“Cũng may, sau khi tấn tuồng chấm dứt, một người bạn của bố mẹ cháu đã đem về vài tin tốt lành. Thiếu tướng Grewal có vài mối quen bên mấy nước Ả Rập giàu có ở vùng Vịnh, chỗ mà tiền mọc trên cây ấy. Ông ấy hứa lo cho cháu một công việc rất tốt trong một công ty điện lạnh và điều hòa nhiệt độ ở Dubai. Cái ông thiếu tướng đấy luôn nghĩ mình là một hài kịch gia đại tài. Ông ta nói dân ở đó người nào cũng có một cái máy để làm mát lều của mình ngoài sa mạc, và vì bão cát cùng gió khô liên tục gây tắc nghẽn mô tơ và quạt, nên lúc nào cũng có nhu cầu trang bị điều hòa mới và bảo trì bảo dưỡng.

“Chính vì óc hài hước thâm hại của thiếu tướng Grewal mà cháu đã quyết định nhận công việc này. Nếu cháu sang Dubai, cháu sẽ không phải nghe mấy câu pha trò của ông ta nữa. Và lương bổng, phúc lợi, trợ cấp sinh hoạt thì cao ngất trời. Họ nói bên đó người ta có thể dành dụm được một gia tài nho nhỏ chỉ sau bốn, năm năm. Có lẽ cháu sẽ đủ khả năng quay về và mở doanh nghiệp kinh doanh máy điều hòa riêng của mình trên thành phố. Hoặc hay hơn nữa, chúng ta có thể mở công ty may. Với tất cả kinh nghiệm thu được từ một năm vừa qua, cháu sẽ là giám đốc, dĩ nhiên. (Ha ha, cháu chỉ đùa thôi).”

Việc đọc trở nên càng lúc càng khó khăn hơn vì nước mắt cô đã dâng lên cay xè. Cô chớp mắt thật nhanh vài lần và hít một hơi dài. “Cháu phải có mặt ở Dubai sau ba tuần nữa, nên mẹ cháu đang làm cả nhà phát rồ lên vì cố chuẩn bị hành lý của nả cho cháu. Kịch bản y như hồi năm ngoái, khi cháu sắp đi học đại học. Còn bố cháu thì vẫn y hệt như trước. Bố cháu chưa nói được với cháu một câu tử tế nào kể từ ngày cháu trở về, mặc dù cháu đã làm chính xác những thứ ông muốn. Bây giờ ông lại làm như thể cháu đang bỏ rơi ông và Cửa hàng bách hóa tổng hợp. Cái kiểu của ông là con rô cũng tiếc, con diếc cũng muốn. Ông còn mong hòng gì nếu cứ điều hành cửa hàng theo cung cách cổ lỗ ngày xưa? Cứ hể cháu cố để xuất cái gì đó thì ông chỉ ném cho cháu một cái nhìn u uất. Hẳn ông sẽ thấy vui hơn một khi cháu đi khuất mắt, ông có thích thú gì cảnh có cháu lớn vồn xung quanh đâu. Cháu đã biết điều đó từ cái ngày ông bắt cháu đi học trường nội trú hồi lớp năm.

“Dì chuyển lời tới Om giúp cháu là cháu xin lỗi vì không ở lại để gặp vợ cậu ấy được. Cháu chắc chắn cô ấy sẽ rất hạnh phúc khi có một bà mẹ chồng tuyệt vời như dì. (Ha ha, cháu lại đùa đấy.) Nhưng năm tới, khi cháu từ vùng Vịnh trở về nhà để nghỉ, cháu tính sẽ ghé qua và gặp cả nhà.

“Cuối cùng, cháu muốn cảm ơn dì vì đã cho cháu ở trong nhà dì, và vì đã chăm sóc cháu rất chu đáo.” Câu cuối cùng đã bị gạch đi, nhưng cô vẫn luận ra hai chữ bên dưới những

đường gạch chi chít: “hạnh phúc nhất” và “cuộc đời”.

Sau dòng đó, nội dung thư cũng chẳng còn bao lắm. “Chúc mọi người may mắn với công việc may vá. Cháu gửi vô vàn tình yêu thương đến chú Ishvar và Om, và dì.”

Dưới tên mình, cậu để thêm một phần tái bút. “Cháu đã nhờ mẹ cháu viết séc thanh toán tiền nhà ba tháng, vì cháu thôi trọ nhà dì mà không thông báo trước đúng hạn. Cháu hi vọng như vậy là ổn. Một lần nữa, cảm ơn dì.”

Những dòng chữ giờ đã trở thành nhòe nhoẹt. Cô gỡ cặp kính ra và lau mắt. Thằng bé thật ngoan. Liệu cô có bao giờ quen được với cảnh thiếu vắng cậu bầu bạn không? Những lời châm chọc, tiếng cậu chuyện trò hàng ngày, bản tính hay giúp đỡ của cậu, nụ cười chào buổi sáng, trò đùa nghịch của cậu với lũ mèo, dù rằng suy nghĩ của cậu về chuyện sống và chết có phần hơi đen tối. Còn cả tờ séc nữa, hào phóng làm sao; cô dám chắc cậu đã ép mẹ mình viết nó.

Nhưng cảm thấy buồn thì thật ích kỷ, cô tự nghĩ, trong khi cô nên cảm thấy mừng cho cơ hội của Maneck. Cậu nói đúng, rất nhiều người đã phát lên nhờ làm việc ở mấy đất nước lắm dầu mỏ.

Hai ngày sau khi nhận được lá thư, Dina tìm đến thẩm mỹ viện Venus. Cô tiếp tân từ phía trong đi ra và thông báo rằng Zenobia đang bận phục vụ một khách hàng. “Xin chị đợi ngoài phòng chờ giúp.”

Dina ngồi xuống bên cạnh một cái cây héo quắt héo queo và nhặt một tờ *Tuần báo phụ nữ* cũ sồn lên, rồi tự mỉm cười một mình. Rõ ràng, Zenobia vẫn còn bận bịu về vụ cô vợ của Om, và đây là cách cô thể hiện cho bạn thấy, nếu không cô đã tắt tả chạy ra, tay kéo tay lược, thở hổn hển, chào một tiếng, rồi lại chạy vào.

Bốn mươi lăm phút trôi qua, Zenobia bước ra để tiễn khách tới cửa. Người phụ nữ với bộ tóc được tỉa tốt choáng lộn không phải ai khác ngoài bà Gupta. “Thật bất ngờ quá, lại được gặp cô ở đây, cô Dalal,” bà ta nói. “Zenobia sắp làm tóc cho cô hả?” Bất chấp nụ cười, có vẻ gì đó ở khóe môi nhếch lên cho thấy bà không hài lòng với ý tưởng này chút nào.

“À không, làm sao tôi đủ tiền trả cho cô ấy! Tôi chỉ ghé qua để chuyện gẫu thôi mà.”

“Tôi hi vọng cô ấy tính tiền công chuyện gẫu phải chẳng hơn làm tóc,” bà Gupta cười khúc khích. “Nhưng tôi cũng chẳng kêu ca gì đâu, cô ấy đúng là thiên tài. Xem này – hôm nay cô ấy đã tạo nên một điều kì diệu chưa này.” Bà chậm rãi xoay đầu từ trái sang phải và ngược lại, rồi để nó dừng khựng lại như tượng trong tư thế mắt dán lên quạt trần.

“Đẹp tuyệt,” không bỏ phí thời giờ, Dina nói ngay. Bà Gupta có khả năng giữ nguyên tư thế đến vô cùng nếu một lời khen không bật ra.

“Cảm ơn cô,” bà ta e lệ nói, và tự cho phép hộp sọ được di động trở lại nguyên vị. “Nhưng tới bao giờ chúng ta lại được gặp nhau ở Au Revoir thế? Các thợ may của cô đã về chưa?”

“Tôi nghĩ chúng tôi sẽ bắt đầu từ tuần sau.”

“Hi vọng họ không đòi nghỉ tuần trăng mật sau khi kì nghỉ đám cưới kết thúc. Kẻo dân số sẽ lại tăng thêm mất.” Bà Gupta lại cười hinh hích, mắt liếc tấm gương treo phía sau quầy tiếp tân. Bà vỗ nhẹ lên mái tóc của mình và miễn cưỡng rời đi; hình ảnh phản chiếu trong gương khiến bà ta hài lòng khôn kể.

Còn lại một mình với bạn, Dina kín đáo mỉm cười, bày tỏ một quan điểm không lời về bà Gupta. Song phản ứng của Zenobia hết sức lạnh lùng. “Cậu muốn hỏi tớ việc gì à?”

“Ừ, tớ nhận được một lá thư của Maneck Kohlah. Thằng bé không cần thuê phòng của tớ nữa.”

“Tớ cũng chẳng ngạc nhiên,” cô khịt mũi. “Hắn nó đã phát chán vì phải chung sống với bọn thợ may rồi.”

“Thực ra, mấy người bọn họ rất hợp nhau.” Khi phát ra những lời đó, cô hiểu rằng tuyên bố ấy vẫn chưa thể hiện hết mọi điều về hộ gia đình của mình. Nhưng biết nói thế nào nữa đây? Làm sao cô có thể tả hết cho Zenobia biết Maneck và Om đã trở thành không thể chia rẽ đến mức nào, và Ishvar xem cả hai chàng trai như chính con ruột của mình ra sao? Rằng bốn người bọn họ đã cùng nấu nướng và cùng ăn uống, cùng san sẻ việc lau dọn và giặt giũ và chợ búa, nụ cười và nỗi lo? Rằng họ quan tâm đến cô, và dành cho cô nhiều sự tôn trọng hơn cô đã từng được nhận từ một số họ hàng thân thích của mình? Rằng chỉ trong vài tháng vừa qua, cô đã thấm thía thế nào là gia đình?

Không cách gì mà giải thích cho được. Zenobia sẽ bảo cô ngu ngốc và tưởng tượng ra những điều viển vông, biến một nhu cầu tài chính thành chuyện tình cảm. Hoặc cô ấy sẽ buộc tội hai người thợ may dắt mũi cô bằng những lời đường mật và xu nịnh.

Vì vậy Dina chỉ thêm một câu: “Maneck không quay về vì nó vừa kiếm được một công việc rất tốt ở vùng Vịnh.”

“Ừm,” Zenobia nói. “Dù lý do là gì, cậu cũng cần một khách trọ khác.”

“Phải, chính vì thế tớ mới đến đây. Cậu có ai không?”

“Ngay bây giờ thì chưa. Tớ sẽ để ý tìm.” Cô đứng dậy để trở lại làm việc. “Sẽ khó đấy. Bất cứ ai nhìn thấy tấm rèm đủ màu cùng tiểu đội thợ may đóng quân ngoài hành lang đều sẽ bỏ phòng chạy lấy người ngay.”

“Đừng lo, tớ sẽ bỏ tấm rèm đấy đi.” Dina hi vọng cô bạn sẽ giữ lời; khi Zenobia buồn bực, cô ấy thường cần vài ngày để nguôi ngoai, chỉ vậy không hơn.

Cô về nhà và đảm bảo căn phòng của Maneck không còn chút tí vết nào. Nhưng từ nay mình phải thôi nghĩ đó là phòng của Maneck đi mới được, cô quả quyết. Trong lúc quét quáy và lau chùi, cô tìm thấy hộp cờ vua của cậu trong tủ. Cô có nên gửi nó cho Maneck không nhỉ? Đến khi nó tới được ga tàu miền đồi núi, có lẽ cậu đã sang vùng Vịnh mất rồi. Tốt hơn hết là cất lại cho đến khi cậu về chơi vào năm sau, như cậu đã viết.

Dina thích ý tưởng này, và nhồi chiếc hộp vào giữa đồng quần áo của mình trong phòng may. Dường như nó giúp ấn định cuộc viếng thăm của Maneck thêm rõ ràng. Đó là một suy nghĩ dễ chịu, nhấn chìm một suy nghĩ khác đầy đau đớn rằng cậu sẽ chẳng bao giờ sống ở đây nữa.

Đêm đến, cô ra cửa sổ nhà bếp và cho bọn mèo ăn, gọi chúng bằng những cái tên cậu từng đặt.

Sáu tuần tròn đã trôi qua, nhưng cô vẫn tiếp tục kiên nhẫn chờ đợi, tin chắc rằng Ishvar và Om đã quay về khi mỗi tiếng chuông của vang lên. Rồi người cho thuê – bán máy may tới để đòi khoản tiền trả góp đã quá hạn cho hai chiếc Singer.

“Tuần sau hai người thợ sẽ về,” cô tìm cách hoãn binh. “Anh biết làm đám cưới thì lắm công nhiều việc thế nào rồi đấy.”

“Họ hay trả muộn quá đấy,” người kia càu nhàu. “Công ty toàn đổ trách tôi vì không thu tiền đúng hạn thôi.” Anh ta đồng ý chờ thêm bảy ngày nữa.

Cũng trong sáng hôm ấy, chuông cửa lại reo. Cô chạy ra hành lang.

Đó là Ông trùm ăn mày. Ông mang theo một món quà cưới nhỏ. “Một cái ấm đun trà bằng nhôm,” ông nói, thất vọng vì hai người thợ vẫn chưa trở lại.

“Tôi hi vọng là muộn nhất là tuần sau,” Dina nói. “Bên công ty xuất khẩu cũng đang sốt ruột lắm rồi.”

“Thứ Năm tuần sau tôi lại mang quà đến vậy.”

Cô biết ông đang tìm kiếm thứ gì: món tiền trả góp, giống như món của người cho thuê – bán máy nọ, đã quá hạn. “Sẽ không có vấn đề gì với chủ nhà chứ ạ? Vì hai người thợ may chưa trả tiền ấy? Tôi có thể đưa ngài một ít ngay bây giờ, nếu ngài cần.”

“Không sao. Tôi sẽ chăm sóc cho căn hộ này, đừng lo. Với những người tử tế thế này, tôi đâu có để ý đến mấy khoản thiếu nợ tạm thời. Cô đã đến dự đám tang của Shankar, tôi sẽ không quên đâu.”

Ông ghi mấy dòng chú thích tình hình thu nợ vào nhật kí và đóng cặp táp lại. “Hôm qua cuối cùng tôi đã cúng công đức cho đền để tưởng nhớ Shankar. Người ta tổ chức một buổi lễ tạ nhỏ và thầy tế rung chuông, tôi cảm thấy thanh thản vô cùng. Có lẽ đã đến lúc tôi bỏ nghề này, dồn hết tâm sức cho việc cầu nguyện và thiền định.”

“Ngài nói thật đấy ư? Thế thì tất cả ăn mày của ngài phải làm sao? Còn hai người thợ may và tôi nữa?”

Ông trùm gật đầu chán chường. “Vấn đề là ở chỗ đó. Vì các bốn phận trần tục của mình, tôi đành kìm nén những thôi thúc tâm linh. Đừng lo, tôi sẽ không bỏ rơi bất kì ai còn nương nhờ vào mình.” Sợi xích cặp táp quần trên cổ tay ông kêu lạch xạch khe khẽ khi ông rời đi. Cô nhận ra nó đã chớm han gỉ.

Niềm an ủi từ lời tuyên thệ trịnh trọng của ông ban ra bay biến chỉ trong phút chốc. Nỗi lo lắng cô đã cố ghìm giữ bắt đầu mon men tiến tới, chờn vờn rình rập xung quanh như một thú săn mồi. Giờ cô đã biết chắc chắn sự vắng mặt của hai người thợ không chỉ đồng nghĩa với một khoảng chậm trễ ngắn ngủi. Và thậm chí còn không có nổi một tấm bưu thiếp cho phải phép. Có chuyện gì đã xảy ra, để đến nỗi họ không thể báo cho cô hay chỉ bằng vài chữ: *Cô Dina, xin hãy thứ lỗi cho chúng tôi, chúng tôi đã quyết định ở lại làng luôn, Om và vợ nó thích thế hơn*. Chỉ mấy dòng thôi. Kì vọng như thế là quá đáng lắm hay sao? Zenobia nói đúng, chỉ có ngu ngốc mới đi tin hăng người đó. Họ đã lợi dụng cô, và ruồng bỏ cô.

Để hoàn thiện ngày hôm đó, chuông cửa chế nhạo cô lần thứ ba vào lúc chiều muộn. Cô xoay nắm đấm mà không thềm gài khóa xích vào trước. Ánh nắng chói chang khiến hành động để phòng đó dường như trở thành không cần thiết. Và rồi cánh cửa mở rộng phô bày một bóng ma ghê rợn.

“Ồiii!” Cô thét lên trong cơn khiếp đảm. Người đàn ông nọ, người ngợm gầy mòn hốc hác, trên trán có mấy vết sẹo mới liền miệng, đôi mắt lóe lên ánh nhìn hoang dại, trông như một cái xác chết vừa đội mồ sống dậy.

Cô cố đóng cửa lại. Nhưng rồi anh ta cất tiếng, và nỗi sợ hãi của cô dần tiêu tan. “Xin cô đừng sợ,” anh ta thở hào hển. “Tôi không làm hại cô đâu.” Đó là tiếng rên thê thiết của một con vật bị thương, tiếng khò khè của một buồng phổi đã hỏng. “Hai thợ may làm việc ở đây phải không ạ?”

Ishvar và Omprakash?”

“Phải.”

Người đàn ông suýt nữa quy ngã vì mừng rỡ. “Thưa cô, tôi có thể gặp họ được không?”

“Họ đi vắng mấy ngày,” Dina nói, đoạn bước lùi lại; mùi của anh ta nặng quá.

“Họ sẽ quay lại sớm chứ?” Từng chữ anh ta nói ra chấp chới trong tuyệt vọng.

“Có lẽ. Anh là ai?”

“Một người bạn. Chúng tôi sống trong cùng một khu ổ chuột, cho đến khi chính phủ san bằng tất cả.”

Trong giây lát Dina tự hỏi không hiểu đó có phải Rajaram, người những muốn từ bỏ cõi trần và trở thành một thiền sư, hay không. Cô mới gặp anh ta một, hai lần – lẽ nào cuộc đời khắc khổ của những thiền sư đã tàn hại anh ta đến mức này? “Anh không phải là người thu mua tóc đấy chứ?” Cô hỏi dò.

Anh ta lắc đầu. “Tôi là Người dạy khỉ. Nhưng lũ khỉ của tôi chết rồi.” Anh ta đưa ngón tay lên trán, khẽ gãi gãi những vết sẹo ngứa ngáy. “Nhưng hai người thợ may đã kể cho tôi biết họ làm việc ở khu này. Từ hôm qua tôi đã đến từng khu nhà trên đường này, gõ cửa từng căn hộ. Và giờ họ lại không có ở đây.” Trông anh ta gần như sắp bật khóc đến nơi. “Ishvar và Om vẫn qua lại với Ông trùm ăn mày, phải không ạ?”

“Tôi nghĩ vậy.”

“Cô có biết ông ta sống ở đâu không?”

“Không. Lúc nào Ông trùm cũng đến tận đây để thu tiền. Thực ra, hôm nay ông ấy đã đến đây.”

Đôi mắt Người dạy khỉ sáng lên. “Cách đây bao lâu? Ông ta đi đâu rồi?”

“Tôi không biết – cách đây nhiều giờ rồi, hồi sáng cơ.” Tia hi vọng vụt tắt trên gương mặt anh ta. Như ánh sáng của một cái bóng đèn, cô bỗng nghĩ, lúc sáng lúc tối.

“Tôi có một việc rất quan trọng phải làm với ông ấy. Mà tôi không biết phải làm sao để tìm ông ấy.”

Nỗi bất lực của anh ta, hình ảnh tấm thân tàn tạ của anh ta, sự tuyệt vọng trong giọng nói của anh ta khiến Dina phải chau mày. “Thứ Năm tuần sau Ông trùm sẽ quay lại đây,” cô chủ động báo.

Người dạy khỉ chạm tay lên trán và cúi chào. “Cầu mong Thượng Đế phù hộ cho cô và thỏa mãn mọi ước nguyện của cô vì đã giúp đỡ một kẻ khốn cùng như tôi.”

Người cho thuê – bán máy may trở lại vào tuần sau đó và nói anh ta không thể chờ tiền thêm một ngày nào nữa. Đoán rằng Dina sẽ tiếp tục viện cớ nợ cơ kia, anh ta quyết tâm lần này sẽ phải làm thật rắn.

“Tôi cũng đâu muốn anh phải chờ đợi thêm,” cô quát lại. “Mang hai cái máy đi ngay đi, tôi sẽ không giữ chúng thêm một phút nào nữa.”

“Cảm ơn cô,” anh ta nói, vẻ ngỡ ngàng. “Sáng mai xe tải của chúng tôi sẽ đến để mang máy đi.”

“Anh không nghe tôi nói à? Tôi nói ngay bây giờ. Nếu trong một tiếng nữa mà hai cái máy vẫn chưa đi, tôi sẽ tống chúng ra khỏi nhà. Tôi sẽ để ở giữa đường luôn đấy.” Người kia vội vã chạy đi gọi điện cho công ty đến chở máy về gấp.

Loại bỏ hai chiếc máy may giúp cô cảm thấy dễ chịu hơn. Hai tên khốn cứ việc quay lại đây và sẽ thấy hai cái Singer đã bốc hơi, cô nghĩ. Bọn họ sẽ nhận được một bài học nhớ đời.

Tiếp đến, cô chờ đợi Ông trùm cùng món quà cưới của ông. Với ông ta, cô cũng sẽ thay đổi sách lược và cho ông biết hai người thợ may đã biến mất. Món tiền thiếu sẽ buộc ông ta hành động thật nhanh, lần cho ra tung tích của họ dù họ đang ở đâu.

Nhưng Ông trùm không tới như đã hẹn. Thật không giống với cung cách đúng giờ của ông ta, cô nghĩ thầm khi ngày dần trôi đi. Lẽ nào ông ta và hai người thợ may đã câu kết thành một liên minh xấu xa chống lại cô, tìm cách loại trừ cô và chiếm lấy căn hộ? Nỗi hoang mang càng kích thích trí tưởng tượng của cô, khiến những mưu đồ đen tối càng được thể sinh sôi nảy nở, giày vò cô bằng mùi vị của chúng cho tới kì sáng hôm sau, khi một tiếng gõ cửa rốt cuộc cũng hé lộ sự thật.

Thất vọng, bội phản, niềm vui, nỗi đau, hi vọng – tất cả đều bước vào cuộc đời cô qua cùng một cánh cửa, cô nghĩ thầm. Cô lắng tai chờ nghe tiếng lách cách từ sợi xích cặp tấp của Ông trùm. Chẳng có gì hết. Rồi đến một tiếng gõ cửa nhẹ nhàng khác. Dù là ai, rõ là người đó đang cố tránh xa chiếc chuông ầm ĩ. Cô mở cửa, nhưng vẫn để nguyên khóa xích.

Một lọn râu bạc thò qua khe hở, và đến tiếng người nói: “Chị ơi, làm ơn cho tôi vào với! Nếu có ai ở công ty trông thấy, tôi sẽ bị phạt mất, tôi không được phép lai vãng ở đây!”

Một cách miễn cưỡng, cô mở khóa xích và cho Ibrahim vào nhà. “Không được phép lai vãng ở đây ư, ý ông là gì? Ông là người thu tiền nhà kia mà.”

“Hết rồi, chị ạ. Ông chủ đuổi việc tôi từ tuần trước. Ông ta kêu tôi phá hoại tài sản của công ty, rằng tôi làm hỏng nhiều cặp giấy quá. Ông ta cho tôi xem bản thống kê văn phòng phẩm kể từ ngày tôi bắt đầu làm việc ở đây bốn mươi tám năm trước. Tôi đã dùng qua bảy cái cặp giấy – một cái bìa da, ba cái bìa vải thô hồ cứng, và ba cái bằng nhựa. Bảy là tối đa, ông chủ bảo tôi, dùng đến bảy cái là tôi phải dứt.”

“Vô lý,” Dina nói. “Lúc nào ông cũng rất cẩn thận, giữ nó sạch sẽ, đóng mở nhẹ nhàng. Đây đâu phải lỗi ở ông nếu bọn họ cấp cho ông cặp giấy chất lượng kém chỉ vài năm đã hỏng.”

“Đằng ấy chỉ cần một cái cơ để tổng cổ tôi thôi, chị ạ. Tôi biết nguyên do thực là gì rồi.”

“Nguyên do thực là gì?”

Ông ta im lặng, như thể đang cân nhắc xem có nên nói cho cô biết hay không, và thở dài. “Nguyên do thực là vì: Tôi không còn tha thiết với công việc của mình nữa. Tôi không còn đủ tài quái với người thuê nhà nữa, tôi không đe dọa họ theo cách có thể khiến họ sợ hãi, tôi đã mất hết nhiệt huyết rồi. Và vì thế, tôi trở thành vô dụng đối với chủ tôi.”

“Chẳng lẽ ông không cố thêm được sao? Dùng những lời lẽ ghê gớm hơn hay gì đó?”

Lão lắc đầu. “Một khi lửa đã lụi thì vô phương nhen lại. Nó bắt đầu tắt ngay tại đây, trong căn nhà này, chị ạ. Chị không nhớ sao? Cái đêm tôi dẫn bọn đầu gấu đến, cách đây mấy tháng ấy? Sau những chuyện xảy ra ở đây, tôi còn không dọa nổi một đứa bé con. Và tôi rất cảm ơn Thượng Đế vì điều đó.”

Cô nhắc mình nhớ lại nỗi kinh hoàng lão đã gây cho cô đêm hôm đó, nhưng thay vì giận dữ, cô lại cảm thấy mình có ít nhiều trách nhiệm trong vụ mất việc của lão. “Ông đã tìm được việc khác chưa?”

“Ở tuổi tôi ư? Ai sẽ thuê tôi?”

“Thế thì ông biết sống ra sao?”

Lão ngượng ngịu nhìn xuống sàn nhà. “Một số người thuê nhà có giúp tôi chút đỉnh. Gần đây, tôi có kết thân với vài người. Tôi đứng ngoài tòa nhà và họ, thì đấy, ra... giúp tôi. Nhưng chị đừng bận tâm mấy chuyện đó, chị ạ, để tôi nói cho chị nghe lý do cuộc viếng thăm của tôi. Tôi đến để báo trước với chị, chị đang gặp nguy hiểm rất lớn từ chủ nhà đấy.”

“Tôi không sợ lão khốn ấy. Đã có Ông trùm bảo vệ tôi rồi.”

“Nhưng chị ơi, Ông trùm chết rồi.”

“Ông nói gì thế? Ông điên rồi sao?”

“Không, ông ấy bị giết hôm qua. Tôi nhìn thấy hết, tôi đứng bên ngoài, khủng khiếp lắm! Khủng khiếp!” Ibrahim bắt đầu run rẩy, toàn thân lão chao đảo. Cô dẫn lão đến bên một chiếc ghế và bắt lão ngồi xuống.

“Giờ hãy hít một hơi thật sâu rồi kể cho tôi nghe rõ ngọn ngành đi,” cô nói.

Lão hít một hơi dài. “Sáng hôm qua, tôi đứng gần cổng, tay cầm ống bơ, chờ nhận của bố thí từ những người thuê nhà – ý tôi là các bạn bè của tôi. Tôi đã nhìn thấy tất cả. Cảnh sát bảo tôi là nhân chứng chính, và dẫn tôi theo để lấy lời khai. Họ giữ tôi đến khuya, hỏi han đủ thứ.”

“Ai giết Ông trùm?”

Lão lại hít một hơi dài nữa. “Một người đàn ông nom rất ốm yếu tiêu tụy. Hắn nấp sau cây cột đá ở cổng. Khi Ông trùm bước vào, hắn nhảy lên lưng ông ta và cố đâm ông ta. Nhưng hắn yếu quá, đâm nhẹ hều, mũi dao không xuyên vào da thịt được. Ai cũng có thể chạy thoát nếu gặp phải một kẻ tấn công ẻo lả như thế.”

“Vậy tại sao Ông trùm lại không chạy?”

“Vì hôm ấy vận may không đi cùng ông ta.”

Thứ đi cùng ông ta, Ibrahim kể, là một chiếc túi to lền chặt tiền xu được xích vào cổ tay ông, chính là thứ ông vừa thu được từ các ăn mày. Bị cái khối nặng trĩu neo xuống đất, một tay không di chuyển được, ông đã kẹt cứng. Ông hết dám đến gạt bằng cánh tay còn tự do, chân đá lung tung, trong khi gã sát nhân gầy còm vật lộn xoay xỏa, cười ngật ngưỡng trên lưng nạn nhân của hắn, ráng sức ép lưỡi dao chọc xuyên quần áo, rách toác lớp da, ngấp vào tận da thịt và đâm thấu quả tim.

“Lúc đầu trông cảnh ấy cũng hoạt kê lắm. Nom cứ như hắn đang nghịch con dao gấp bằng nhựa của một người bán bóng bay ấy. Nhưng mãi rồi hắn cũng đạt mục đích, và cuối cùng Ông trùm không còn nhúc nhích nữa. Chính ông ta, kẻ sống bằng những đồng tiền ăn xin của đám người tàn tật bất lực đã chết bởi những đồng tiền ăn xin ấy, vì sức nặng của chúng. Chị thấy đấy, lâu lâu trong vũ trụ cũng xuất hiện một chút gì đó gọi là công lý.”

Nhưng Dina đang nhớ lại cả đám người ăn mày ở đám tang của Shankar. Thì đúng, nay họ đã tự do. Nhưng tự do phỏng có nghĩa lý gì đối với họ cơ chứ? Vất vưởng khắp các vỉa hè khốn khổ của thành phố, mồ côi mồ cút, không ai chăm nom cho – chẳng phải họ sẽ sung sướng hơn nếu ở dưới vòng tay che chở của Ông trùm hay sao?

“Ông ấy không hoàn toàn là người xấu đâu,” cô nói.

“Bọn chúng ta là ai mà quyết định được đâu là tốt hay xấu? Chỉ là trong một lần này,

cán cân nom đã có vẻ cân bằng. Chị ạ, tôi phải nói thật là, sáng hôm qua, lúc nhìn thấy Ông trùm ăn mày đi tới, chính tôi cũng nghĩ đến chuyện nhờ ông ta giúp – giúp tôi kiếm một chỗ tốt để hành nghề.

Nhưng gã sát nhân vô được ông ta trước.”

“Hắn có tìm cách cướp túi tiền đi không?”

“Không, hắn chẳng màng gì đến túi tiền. Mà nếu có, hắn sẽ phải chặt đứt cổ tay ông ta. Không, hắn chỉ rút con dao xuống và gào thét là hắn là Người dạy khỉ, hắn đã giết Ông trùm để trả thù.”

Dina tái mặt và ngã phịch xuống ghế. Ibrahim khó nhọc đứng dậy khỏi ghế của mình và chạm lên cánh tay cô. “Chị ơi, chị có sao không?”

“Kể đã nói hắn là Người dạy khỉ ấy – có phải hắn có một cái sẹo rất to trên trán không?”

“Tôi nghĩ vậy.”

“Tuần trước hắn đến đây, bảo muốn gặp Ông trùm vì việc gì đó. Tôi bảo hắn là ông ấy sẽ ghé qua đây vào thứ Năm – là ngày hôm qua ấy.” Cô nắm những ngón tay lại và đưa lên che miệng. “Tôi đã giúp tên sát nhân đó.”

“Chị đừng nói thế. Chị có biết hắn định giết người đâu.” Lão vỗ lên bàn tay cô, và cô trông thấy móng tay lão cau bần. Nếu là vài tháng trước, hắn cô đã rùng mình trước sự động chạm ấy. Giờ cô lại cảm thấy biết ơn. Làn da lão nhăn nheo và bong tróc, như lớp da của một con bò sát vô hại, khiến trong lòng cô tràn ngập cảm xúc sùng sốt pha lẫn buồn đau. Tại sao mình lại ghét lão đến thế? Cô tự hỏi mình. Trước mọi chuyện có dính dáng đến con người, thứ cảm xúc duy nhất hợp lý là sùng sốt, trước khả năng chịu đựng của họ; và buồn đau, vì sự vô vọng của tất cả mọi thứ. Và có lẽ Maneck nói đúng, tất cả đều dẫn đến kết thúc tồi tệ.

“Chị à, chị đừng tự trách mình nữa,” lão nói, đoạn lại vỗ nhẹ lên bàn tay cô.

“Sao ông cứ gọi tôi là chị thế? Ông còn hơn tuổi bố tôi kia mà.”

“Thôi được, vậy tôi sẽ gọi là con gái vậy.” Lão cười, và đó không phải nụ cười tự động của lão. “Con thấy đấy, cái Người dạy khỉ kia sớm muộn gì cũng tìm ra Ông trùm, dù con có giúp hắn hay không. Cảnh sát nói hắn bị tâm thần, hắn còn không thèm bỏ chạy, cứ đứng đấy hò hét đủ thứ rồ dại, rằng Ông trùm đã đánh cắp hai đứa trẻ từ hắn trong khi hắn đang bất tỉnh nhân sự, và chặt tay, chọc mù mắt, vặn lưng, và biến chúng thành ăn mày, nhưng nay hắn đã hoàn thành lời tiên tri, công cuộc báo thù của hắn đã kết thúc. Ai mà biết được những loài quỷ dữ nào đang giày vò trí óc gã khốn khổ ấy.”

Lão lại chạm nhẹ lên tay cô. “Nay Ông trùm đã chết rồi, chủ nhà sẽ sớm sai người đến đuổi con ra đường. Thế nên ta mới đến báo trước cho con.”

“Làm sao tôi chống lại được lũ đầu trâu mặt ngựa của ông ta.”

“Con phải hành động trước ông ta. Có lẽ con vẫn còn một chút thời gian. Người khách trọ và cả hai thợ may đều đi rồi, nên ông ta sẽ cần một cơ mới. Hãy tìm lấy một luật sư và...”

“Tôi lấy đâu ra tiền trả cho mấy ông luật sư đắt đỏ ấy.”

“Chỉ cần một ông luật sư giá rẻ cũng được rồi. Ông ta phải...”

“Tôi có biết tìm ở đâu đâu.”

“Cứ đến tòa án. Bọn họ sẽ tự tìm đến con. Chỉ cần con bước qua cửa, họ sẽ chạy bổ đến chỗ con thôi.”

“Rồi sao?”

“Thì hỏi han, chọn lấy một người vừa giá. Bảo với ông ta con đang cần kiếm một lệnh cấm đối với chủ nhà, để chấm dứt và ngăn ngừa các hành động đe dọa và những hình thức quấy rối khác, rằng hiện trạng này phải được duy trì cho đến lúc...”

“Để tôi ghi lại đã, tôi không nhớ được hết đâu.” Cô lấy giấy và bút chì ra. “Ông nghĩ cách này có hiệu quả không?”

“Nếu con nhanh chân. Đừng lãng phí thời giờ nữa, con gái ta. Đi, đi ngay đi.”

Cô thọc tay vào túi và tìm thấy một tờ năm rupi. “Trong lúc ông còn chưa tìm được việc mới,” cô nói, đoạn gói vào bàn tay tróc vảy của lão.

“Không, ta không thể lấy của con được, con đã gặp đủ khó khăn rồi còn gì.”

“Chẳng lẽ con gái không giúp ông bố già được hay sao?” Mắt lão ướt đầm khi lão nhận lấy tờ tiền.

Cổng tòa án đông đặc những người mua kẻ bán của một khu chợ tự phát được dựng lên ngay bên ngoài dãy tường bao, nơi những con người đã dành hàng tiếng đồng hồ cho công cuộc đeo đuổi công lý, và còn nhiều ngày, nhiều tuần, nhiều tháng nữa đang chờ đợi phía trước, đang chen mua đồ ăn thức uống từ các hàng quán rong. Rất dễ nhận ra những người đi kiện giàu kinh nghiệm – họ mang sẵn các hộp thức ăn theo mình, đứng một góc và bình tĩnh nhai nuốt. Anh chàng rán bánh rau chiên đã lôi kéo được hẳn một đám đông khổng lồ, đói khát. Cũng chẳng lạ gì, Dina nghĩ bụng, mùi thơm hấp dẫn thế cơ mà. Bên cạnh anh ta bày dứa được ướp lạnh trên một phiến nước đá lớn. Cô thăm ngưỡng mộ những lát cắt hình tròn khía răng cưa, mắt ngắm nhìn người phụ nữ tỉa quả bằng con dao dài, sắc lẹm, khéo léo tỉa bỏ những mắt dứa.

Trung tâm của hoạt động bên ngoài tòa án là những người thợ đánh máy. Họ ngồi khoanh chân trong quán của mình trước chiếc máy Underwood oai nghiêm như thể đang ngồi giữa một ngôi đền, lạch xạch gõ đơn từ cho những người đi thưa kiện và người đến làm kiến nghị. Hàng bày bán ở đây là giấy khổ tiêu chuẩn, kẹp giấy, cặp đựng giấy tờ, ruy băng vải màu đỏ thẫm để buộc các bản tường trình được đánh máy, bút chì xanh đỏ, bút mực, và mực.

Những tay chuyên nghiệp trong ngành pháp lý khoác áo vét đen lượn lờ giữa những đám đông, săn tìm thân chủ cần kiện cáo. Dina cẩn thận né tránh họ, quyết định sẽ xem xét khắp lượt khu tòa án trước đã. “Không, xin cảm ơn,” cô nhắc đi nhắc lại với những người ngỏ lời giúp đỡ.

Đến gần tòa nhà chính hơn, đám đông càng dày đặc thêm và một cảm giác hỗn loạn tràn ngập khắp nơi. Người người đổ ra kéo vào qua lối cửa, những người đang ở bên trong ra dẫu điên loạn cho các bên có liên quan đang cùng có mặt trong khu tổ hợp, những người ở bên ngoài thì lại gào thét gọi người ở trong ra ngoài. Thỉnh thoảng lại có người đánh rơi những giấy tờ quý giá, và cổ nhặt nhanh lại, làm bùng lên những cuộc ẩu đả xô xát, kéo theo sự mất mát của những vật dụng khác như khăn mùi soa, xăng đan, mũ lưỡi trai hay khăn choàng.

Khi một dòng người đông đúc chảy vào trong, Dina để mặc bản thân mình bị cuốn theo. Cô nhận ra mình đang ở dải hành lang nhìn ra toàn khu tổ hợp. Ở đây, ai nấy cũng ở trong

trạng thái di động liên tục, vào vào ra ra những phòng xử án đầy tràn người, lên và xuống các cầu thang, như thể một cơn đại dịch gây rối loạn định hướng đã lây lan ra tất cả mọi người. Các phòng ốc và hành lang ngập ứ tiếng người nói đinh tai nhức óc không dứt. Đôi khi tiếng đó hạ thành thứ âm thanh lao xao đều đều, lâu lâu lại được điểm thêm một khoảnh khắc om sòm náo loạn. Dina tự hỏi không khí thế này thì liệu có ai nghe được những lời tranh biện pháp lý hay không.

Cô đứng một lúc trước cửa một phòng xử án xem ra đang diễn ra vụ tranh tụng. Thẩm phán trầm ngâm ngậm đầu gọng kính. Luật sư bào chữa đang phát biểu. Người ta chẳng nghe ra được chữ nào. Cử động chính xác của bàn tay ông ta và những đường dây chằng cổ họng đang nổi gồ lên là những dấu hiệu duy nhất cho thấy ông ta đang say sưa trình bày vấn đề.

Thi thoảng, lắm người dừng khựng lại khi đang sải bước trên hành lang và vội vã hét lên một cái tên hay một con số nào đó. Đôi khi đội quân tìm kiếm chia năm xẻ bảy và tỏa đi tứ phía với cái tên hoặc con số thường trực trên môi. Dina bỗng tự hỏi, có lẽ nào hệ thống tư pháp đã gặp trục trặc gì đó, một vụ đình công chẳng hạn? Có lẽ các nhân viên liên lạc và thư ký và giúp việc đều đã cáo bệnh nghỉ ốm mới đẩy tòa án vào cảnh rối ren điên loạn này.

Cô quyết định bám sát một gia đình trông có vẻ rất biết mình đang làm gì. Cô chạy khi họ chạy, cô đứng tai lắng nghe những gì họ nói, cô dõi theo ánh nhìn của họ. Và sau khi quan sát cẩn thận, cô bắt đầu nhìn ra một khuôn mẫu định hình từ hỗn độn và rối loạn. Cũng như làm việc với một mẫu váy mới thoi, cô nghĩ thầm. Các mẫu vẽ bằng giấy trông cũng rối rắm, cho đến khi được ghép nối với nhau một cách quy củ.

Giờ cô đã đủ khả năng nhận ra rằng tất cả những rung động điên cuồng nọ đều là một phần của một ngày bình thường nơi tòa án. Chẳng hạn, đám đông tán loạn ngoài hành lang chỉ đơn giản đang cố tìm kiếm bảng thông báo có ghi số vụ kiện của họ cùng vị trí phòng xử. Những nhóm người thì thọt với nhau trong các góc tối một cách rất khả nghi là các tay trung gian đang đàm phán tiền hối lộ. Những người mồm hờ hét tên ai đó là các luật sư đang tìm khách hàng của mình, hoặc ngược lại, vì vụ kiện của họ sắp được đem ra xét xử. Sau khi đã chờ đợi hàng tháng trời, và lắm lúc là cả hàng năm trời, thái độ điên cuồng của những kẻ đi thưa kiện là điều dễ hiểu. Không có gì khủng khiếp hơn là bị bồi thẩm đoàn sửa đổi lịch phiên tòa vì vị cố vấn pháp luật đã chọn đúng giây phút hệ trọng này để đi toa lét, hoặc kiếm một tách trà, mà không thêm báo trước với thư ký.

Khi Dina đã lần ra đầu dây mối nhợ của trật tự bên trong sự hỗn độn, cô cảm thấy tự tin hơn. Cô quay ra phía ngoài khu tổ hợp và tìm luật sư để thuê. Một số người đang trưng bày những biển hiệu viết tay liệt kê dịch vụ và chuyên môn của mình: **Ở ĐÂY CHUYÊN GIẢI QUYẾT CÁC VỤ LI DỊ; DI CHÚC VÀ CHÚC THƯ; LIÊN HỆ BÁN THẬN; NHẬN THẢO BẢN CUNG KHAI BẰNG TIẾNG ANH CHUẨN NHANH GỌN, RÕ RÀNG.**

Những người khác lại chọn cách rao lớn như các hàng quán ngoài chợ: **"Bản sao công chứng, chỉ năm rupi! Bản khai có tuyên thệ, mười lăm rupi! Nhận mọi vụ kiện, mọi loại tội, giá rẻ!"**

Cô dừng chân trước mặt một người trưng tấm biển quảng cáo có dòng đầu tiên đề: **TRANH CHẤP VỀ NHÀ CHO THUÊ – CHỈ 500 RUPI.** Khi cô dợm miệng định nói với anh ta, cả một bầy người, nhác thấy cơ hội xuất hiện, tức thì ủa đến vây lấy cô, vạt áo vét đen bay phấp phới. Nhiều chiếc áo trong số đó còn không đáng được gọi là đen, nước áo đã phai thành màu xám do giặt tẩy.

Đám luật sư chen lấn xô đẩy nhau hòng thu hút sự chú ý của cô nhưng vẫn duy trì lòng tự trọng khi giữ cuộc ganh đua khỏi nhuộm màu cá nhân. Thái độ kinh địch trong nghề không hề bộc lộ trên gương mặt họ; tịnh không có lấy một cái cau mày hay một tiếng gắt gỏng giữa bọn họ. Ai nấy dường như đều mù điếc trước sự hiện diện của những người khác trong khi vẫn nài xin được lưu tâm.

Một người tách lên phía trước cả đám và giở mấy tấm chứng chỉ luật vào tận mặt cô. “Thưa cô! Xin cô nhìn cho – bằng thật của trường tốt! Có rất nhiều đứa lừa đảo giả danh luật sư! Dù cô chọn ai, xin hãy cẩn thận, luôn nhớ phải kiểm tra bằng cấp trước!”

“Giảm giá đặc biệt!” Một người đàn ông đứng ngoài rìa bầy người hét lớn. “Không tính phụ phí đánh máy văn bản – dịch vụ trọn gói giá rẻ!”

Họ đã vây kín cô. Bực bội vì sự chú ý không mong muốn, cô cố giải thoát chính mình khỏi cuộc hỗn chiến. “Xin thứ lỗi, tôi đang...”

“Án gì thế, thưa cô?” Một người đang cố kiểm soát chân để được nhìn thấy gào lên. “Tôi có thể xử lý được cả án dân sự lẫn hình sự!”

Nhiều giọt nước bọt của anh ta bắn thẳng lên mắt kính và má cô. Cô rúm người lại, và cố gắng tìm đường ra. Rồi, trong lúc chen lấn, một bàn tay bóp hông cô, trong khi một bàn tay khác lia sát sạt lên ngực cô.

“Đồ đểu! Lũ khốn mất dạy!” Cô thúc khuỷu tay để len ra, và đã kịp đá trúng một, hai cái ống quyển trước khi cả đám tan tác. Cô ước sao mình đem theo cây ô in hình ngôi chùa – cô sẽ dạy cho bọn này một mẻ nhớ đời.

Bàn tay cô run rẩy, và cô phải căng óc ra để đặt chân này phía trước chân kia sao cho không vấp ngã. Cô tránh ra một góc bớt đông đúc hơn của khu tổ hợp, ở bên sườn tòa nhà. Vẳng bóng đám luật sư, nơi này im ắng hẳn. Những băng ghế gỗ dài hàng dọc dây rào khu tổ hợp. Nhiều người đang nằm nghỉ trên bãi cỏ, tranh thủ đánh một giấc với đôi dép lót dưới đầu, vừa để giữ đồ, vừa làm gối. Những người khác đang ăn cơm đựng trong những chiếc cặp lồng đựng đồ ăn trưa bằng thép không gỉ sáng bóng. Một bà mẹ đang gọt hồng xiêm bằng con dao nhíp và đút những miếng quả màu nâu ngọt lịm cho con. Tiếng nhạc từ một chiếc đài bán dẫn nhỏ vo ve như cánh chuồn chuồn trong buổi chiều nóng nực.

Giữa khung cảnh êm đềm này, trên một băng ghế gỗ, một người đàn ông ngồi trôn mắt nhìn lên cây xoài. Ba thằng bé đang ném đá vào mấy quả xoài xanh cứng đơ trong lúc bố mẹ chúng ngủ gà gật trên bãi cỏ. Nỗ lực của chúng rốt cuộc cũng khiến một quả đứt cuống. Mỗi đứa cắn một miếng rồi chuyền tay nhau, thịt quả xanh chua lè làm mồm đứa nào đứa nấy chun lại. Rùng mình vì khoái chí, mắt nhắm tịt, chúng nghiêng chặt răng để tận hưởng thứ lạc thú ghê người. Người đàn ông ngồi trên băng ghế gỗ mỉm cười và gật gù, nhắm nháp những kỉ niệm được lũ trẻ khơi lên. Túi áo sơ mi của ông phồng căng vì những cây bút mực đựng trong một chiếc hộp nhựa đặc biệt. Dưới chân ông là một bảng chữ nhật bằng bìa các tông có kích cỡ chừng bốn mươi nhân hai mươi lăm phân, được đặt tựa vào một viên gạch.

Tò mò, Dina lại gần và đọc những dòng chữ viết trên bảng: Vasantrao Valmik – Cử nhân văn chương, cử nhân luật^[49]. Lạ thật, cô nghĩ thầm, tại sao ông ta lại bằng lòng ngồi đây một cách thờ ơ như thế nếu ông ta là một luật sư. Và thậm chí ông còn chẳng có lấy chiếc áo vét đen hay bỏ công đi kiếm việc.

“Thưa cô, thay mặt ngành nghề của mình, tôi muốn xin cô thứ lỗi vì quang cảnh đáng hổ thẹn gần cửa vào,” Valmik lên tiếng.

“Cảm ơn ông,” Dina nói.

“Không, thưa cô, tôi phải cảm ơn cô vì đã chấp nhận lời xin lỗi của tôi mới phải. Thật nhục nhã quá, cứ trông cái cách họ bu lấy cô. Ngồi ở đây, tôi đã trông thấy hết.” Ông ta buông cái chân đang bắt chữ ngũ xuống, ngón chân cái ông hích phải tấm bảng bằng giấy bìa khiến nó đổ ập. Ông dựng thẳng nó dậy và chỉnh lại viên gạch kê.

“Từ chỗ ngồi trên băng ghế này, tôi đã quan sát thấy rất nhiều chuyện mỗi ngày. Và phần lớn khiến tôi vô cùng tuyệt vọng. Nhưng biết mong hòng gì đây, khi phán quyết đã rơi vào tay lũ ác thú tàn bạo, và các vị lãnh đạo của đất nước đã đổi trí tuệ và một nền cai trị tốt đẹp để lấy sự hèn nhát và mở mang quyền lực cá nhân? Xã hội của chúng ta đang mục nát từ nóc xuống.”

Ông ngồi dịch sang mép của băng ghế xiêu đổ, nhường cho cô phần ghế ít vẹo vọ hơn. “Mời cô ngồi.”

Dina nhận lời, bị ấn tượng mạnh bởi lời lẽ và phong thái của ông ta. Cô có cảm giác ông lạc điệu hẳn so với tất cả những gì bao quanh ông. Một gian văn phòng được bố trí trang nhã với một chiếc bàn làm việc bằng gỗ gụ, ghế bọc da, và những giá sách đầy kín sẽ hợp với ông hơn. “Ở bên này tòa án, cảnh vật thật êm ả,” cô nói.

“Phải, tuyệt quá phải không? Các gia đình nghỉ ngơi trong bình yên, chờ thời gian trôi qua cho đến khi Những Bánh Xe Công Lý nghiền ra vụ kiện của mình. Ai mà tin nổi khung cảnh tươi đẹp này thực chất lại là cái rạp hát nhếch nhác cho hiềm khích và thù hận, cái sân khấu vụn nát nơi những bi kịch và cả trò hề được biểu diễn? Ở ngoài đây, trông nó giống một khu dã ngoại hơn là một chiến trường. Cách đây vài tháng tôi thậm chí còn được chứng kiến một người phụ nữ trở dạ và sinh con ngay giữa nơi này, trong hạnh phúc tột bậc. Chị ta không muốn đến bệnh viện, vì không muốn vụ án của mình bị đình trệ thêm nữa. Chị ta là khách hàng của tôi. Chúng tôi đã thắng kiện.”

“Vậy ra ông là luật sư đang hành nghề?”

“Vâng, quả vậy,” ông chỉ vào tấm bảng. “Có bằng cấp hẳn hoi. Nhưng từ ngày xưa ngày xưa, cách đây rất nhiều năm, từ hồi tôi còn học đại học, ở Khoa Văn năm nhất, các bạn bè thường bảo tôi chẳng cần học nữa vì khi đó đã là LL.B rồi.”

“Nghĩa là sao?”

“Lord of the Last Bench – Vua Của Băng Ghế Cuối,” ngài Valmik nói, đoạn mỉm cười. “Họ trao cho tôi bằng danh dự này vì tôi luôn chọn chỗ cuối ở vị trí xa xôi hẻo lánh nhất trong lớp, nhờ thế tôi có một góc nhìn bao quát toàn thể. Và tôi phải thú nhận là, vị trí ấy dạy tôi nhiều điều về bản chất con người và công lý hơn cả những gì có thể học được từ bài giảng của các giáo sư.”

Ông vượt lên bó bút cất trong túi áo sơ mi như thể để đoan chắc chúng vẫn có mặt đầy đủ và được quan tâm cẩn thận. Chúng kêu lạo xạo dữ dội trong lớp bảo vệ bằng nhựa, như một ống mũi tên. “Giờ tôi ngồi đây, với một bằng cấp mới: L.BB – Lord of the Broken Bench, Vua Của Băng Ghế Hỏng. Và sự nghiệp học tập của tôi vẫn tiếp tục.” Ông bật cười, và Dina lịch sự góp tiếng cùng ông. Chỗ ngồi ọp ẹp của họ rung chuyển.

“Nhưng tại sao vậy, ngài Valmik, sao ngài không ra trước cửa mà đứng như các luật sư khác, rồi chèo kéo mời mọc khách hàng?”

Ông ta hướng ánh nhìn lên cây xoài và nói: “Tôi cảm thấy những hành vi kiểu ấy quá ư lông lổ, hoàn toàn *infra dig*.” Ông ta vội vã để thêm, “Tức là quá thấp kém so với phẩm giá

của tôi ấy mà,” lo rằng cô sẽ coi việc ví von bằng tiếng La tinh là hành vi khoe khoang hợm mình.

“Nhưng nếu ông chỉ ngồi đây, thì ông kiếm sống ra sao?”

“Thì cũng xoay xở được cả thôi. Mỗi lúc một ít. Cuối cùng cũng có người sẽ phát hiện ra tôi. Những người kiểu như cô, khi đã quá ghê tởm với bọn dân luật thô lậu và lũ con phe thùm rỗng kêu to kia. Dĩ nhiên, không phải ai trong số đó cũng xấu nét cả – họ chỉ đòi việc quá đầy thôi.” Ông ta vẩy tay chào thân ái với một viên thư ký tòa án bước ngang qua và lại vuốt ve mấy chiếc bút của mình. “Ngay cả nếu tôi có đủ gan để làm những việc thô tục ấy, thì khuyết tật thanh quản cũng không cho phép tôi cạnh tranh trong cuộc chiến âm ỉ kia. Cô thấy đấy, tôi bị bệnh đường họng rất nặng. Chỉ cần lên giọng là tôi sẽ mất tiếng hẳn luôn.”

“Ôi, thật không may.”

“Không, cũng không hẳn,” ngài Valmik trấn an cô. Ông ta coi sự đồng cảm chân thành là một món hàng quý giá, và ghét phải thấy nó bị phung phí. “Không, nó chẳng ảnh hưởng đến tôi một mảy nào. Ngày nay, người ta đã không còn chuộng những vị luật sư có thể khiến tiếng nói của mình rồn rảng khắp chốn pháp đình, thôi miên thẩm phán và bồi thẩm đoàn giữa những mê cung hùng biện.” Ông bật cười. “Không ai có nhu cầu vờ đến Clarence Darrow nữa – hết sạch các vụ án khỉ Scopes^[50] rồi mà. Mặc dù khỉ thì vẫn còn nhiều lắm, ở phòng xử án nào cũng có, lúc nào cũng sẵn sàng diễn trò để đổi lấy lạc và chuối.”

Ông thở dài náo nức, và giọng mai mỉa của ông bỗng bị nỗi đau choán chỗ. “Nhưng bọn ta là cái quái gì mà đòi mở miệng, hả cô, bọn ta là cái quái gì mà đòi nghĩ về hiện trạng của đất nước này? Khi tòa án cao nhất của cái xứ sở này đã biến tội lỗi của thủ tướng thành vô tội, thì toàn bộ chốn này” – ông ta khoát tay về phía tòa nhà đá uy nghi – “nó đã trở thành một viện bảo tàng của những mảnh lừa lọc rẻ tiền, thay vì thú pháp luật biết sống, biết thở giúp thổi thêm sức mạnh cho xã hội.”

Xúc động trước sức nặng của nỗi đau trong lòng ông, Dina hỏi: “Tại sao Tòa án tối cao lại làm thế?”

“Ai mà biết tại sao hả cô. Tại sao lại có bệnh tật, có nạn đói, có khổ đau? Chúng ta chỉ có thể trả lời câu hỏi như thế nào, ở đâu, khi nào thôi. Thủ tướng gian lận trong cuộc bầu cử, và thế là mọi quy định có liên quan lập tức được sửa đổi. Vậy là bà ta thành vô tội. Bọn người trần mắt thịt khốn khổ chúng ta đành phải chấp nhận rằng những chuyện trong quá khứ là nằm ngoài tầm với của ta, trong khi thủ tướng lại chơi trò tung hứng với thời gian đã qua.”

Ngài Valmik đột nhiên im bật, ông nhận ra mình đang huyền thuyên vớ vẩn trong khi một khách hàng tiềm năng đang ngồi ngay bên cạnh. “Nhưng vụ án của cô thì sao, thưa cô? Trông cô có vẻ là người khá thông thạo chốn này.”

“Tôi chưa bao giờ đặt chân đến tòa án.”

“A, vậy thì cô đã sống một cuộc đời may mắn lắm đấy,” ông ta thì thầm. “Tôi không muốn tọc mạch đâu, nhưng liệu có cần phải viện đến luật sư không?”

“Có, việc liên quan đến căn hộ của tôi. Rắc rối phát sinh cách đây mười chín năm, sau ngày chồng tôi qua đời.” Cô kể cho ông ta mọi chuyện, khởi đầu từ lá thư thông báo đầu tiên của chủ nhà chỉ vài tháng sau khi Rustom mất vào đúng lễ kỷ niệm ba năm ngày cưới của hai vợ chồng, và chuyện mấy người thợ may, người khách trọ, những cuộc quấy rối

không ngưng nghỉ của lão thu tiền nhà, vụ dọa dẫm của bọn đầu gấu, vòng bảo kê của Ông trùm ăn mày, và cái chết của ông ta.

Ngài Valmik áp đầu các ngón tay lại với nhau thành hình ngọn tháp và lắng nghe. Ông ta không nhúc nhích lấy một lần, kể cả để vuốt ve mấy chiếc bút thân yêu cũng không. Cô lấy làm kinh ngạc bởi ông cẩn trọng để tâm đến vậy – gần như cũng cẩn trọng như lúc ông nói.

Cô kể xong, ông buông tay xuống. Rồi ông nói bằng giọng nho nhỏ đã bắt đầu chuyển thành khàn khàn, “Đây là một tình huống rất gian nan. Cô biết đấy, thưa cô, đôi khi hành động *ex curia* thoát trông có vẻ là chuyện cần kíp.” Trông thấy cô lộ vẻ bối rối, ông ta để thêm, “Nghĩa là ngoài vòng tòa án. Nhưng cuối cùng nó lại làm nảy sinh càng nhiều rắc rối hơn. Đúng, đang có một cơn đại dịch đầu gấu trong bối cảnh loạn lạc của thời đại chúng ta. Nói cho cùng, đây là một Đế Chế Đầu Gấu. Thế nên ai có thể trách cô được vì đã chọn con đường đó? Có kẻ nào lại muốn bước vào Ngôi Đền Công Lý nhơ nhớp, nơi Công Lý nằm phơi thây, bị chém giết bởi chính tay các hộ vệ của nó? Và nay những tên sát nhân ấy lại dám phỉ báng công cuộc thiêng liêng ấy, đem bán những thứ của nhái theo phẩm chất chí công vô tư của Công Lý cho kẻ trả giá cao nhất.”

Dina bắt đầu ước sao ngài Valmik ngưng nói năng theo cái lối khoa trương này. Lúc đầu nghe thế cũng thú vị, nhưng chẳng mấy chốc nó đã trở thành vô cùng mệt mỏi. Mọi người thích diễn thuyết thật, cô nghĩ. Bệnh phóng đại và ngoa ngôn đã lây lan ra khắp đất nước, từ các bộ trưởng cho tới luật sư, người thu tiền nhà đến người thu mua tóc.

“Vậy ông bảo là không còn hi vọng nữa ư?” Cô ngắt lời ông.

“Luôn luôn có hi vọng – hi vọng đủ để đối trọng lại nỗi tuyệt vọng của chúng ta. Nếu không, chúng ta sẽ lạc lối mất.”

Ông ta lấy từ trong cặp ra một cuốn sổ, đoạn âu yếm chọn một chiếc bút từ cái túi được sắp xếp quy củ, và bắt đầu ghi chép. “Có lẽ bóng ma của Công Lý vẫn còn lảng vảng đâu đây, sẵn lòng giúp chúng ta. Nếu một vị quan tòa tử tế nghe kiến nghị của chúng ta và phê chuẩn lệnh cấm, cô sẽ được an toàn cho đến khi vụ án được xét xử. Tên của cô?”

“Dalal. Dina Dalal. Nhưng ông tính thù lao bao nhiêu?”

“Bất cứ mức nào cô có thể trả được. Chúng ta sẽ lo chuyện đó sau.” Ông ta ghi thâu tên của chủ nhà và địa chỉ công ty, và những chi tiết liên quan đến lịch sử vụ án. “Lời khuyên tôi dành cho cô là, đừng bỏ căn hộ trong cảnh không người ở. Sở hữu chiếm đến chín phần mười luật pháp. Còn bọn đầu gấu về cơ bản chỉ rất một lũ thỏ đế. Liệu có thể kiếm được ai đó, họ hàng hoặc bạn bè, đến ở với cô không?”

“Chẳng có ai cả.”

“Phải, không bao giờ có, phải không? Xin hãy thứ lỗi cho câu hỏi của tôi.” Ông ta ngừng lời, rồi thở ra một tràng ho sặc sụa ghê người. “Xin cô thứ lỗi,” ông ta rên rỉ, “tôi nghĩ tôi đã vượt quá định mức hội thoại của cổ họng tôi rồi.”

“Trời đất,” Dina nói, “thế thì tệ quá.”

“Mà đây đã là sau điều trị rồi đấy nhé,” ông ta nói, bằng giọng tưởng như đang khuếch khoác. “Cô phải nghe tôi nói cách đây một năm kia. Lúc ấy tôi chỉ có thể chí chít như chuột thôi.”

“Nhưng cái gì đã tàn hại cổ họng của ông đến mức ấy? Ông gặp tai nạn hay gì à?”

“Nói cách nào đó cũng đúng đấy,” ông ta thở dài. “Nói cho cùng, cuộc đời của chúng ta bất quá chỉ là một chuỗi những tai nạn – một sợi xích leng keng kết từ những sự kiện tình cờ. Một dải dây lụa chọn, dù vô tình hay hữu ý, nối dài mãi thành một tai họa lớn mà chúng ta gọi là cuộc đời.”

Ông ta lại bắt đầu nữa rồi, cô nghĩ. Nhưng lời ông ta nói nghe cũng có lý. Cô đem chiếu theo chính những trải nghiệm của mình. Những sự kiện ngẫu nhiên đã quyết định tất cả: cái chết của bố cô, khi cô mới mười hai tuổi. Và toàn bộ cuộc đời của hai người thợ may. Và Maneck, mới quay về nhà đó đã lại biến sang Dubai. Có lẽ cô sẽ không bao giờ còn gặp lại cậu nữa, cả Ishvar và Om. Từ hư không họ đã bước vào đời cô, và nay lại biến mất vào hư không.

Trong khi đó, ngài Valmik, để trả lời câu hỏi của cô, đưa tay lên sờ nắn mấy chiếc bút quý giá và bắt đầu kể câu chuyện của mình. Dina cảm thấy có gì đó hơi tục tĩu trong thói quen này của ông. Dầu vậy, sờ bút vẫn còn hơn chán sờ đũng quần như cái cách một số gã đàn ông vẫn làm, để chỉnh cái đó của mình sang trái hoặc phải, hoặc chẳng vì lý do gì cả.

Giọng ông khản đặc lại khi ông kể về chàng sinh viên trẻ tuổi đầy nhiệt huyết ở trường luật, người có những tiềm năng đã được các giáo viên phát hiện từ rất sớm, nhưng cũng là người, sau khi được vời ra giữa chốn pháp đình, chỉ còn khao khát sự bình yên và cô độc, và đã tìm thấy nó trong công việc sửa bản in. “Trong suốt hai năm năm, tôi vui hưởng sự bầu bạn văn minh của những con chữ. Cho đến một ngày, khi mắt tôi sinh bệnh dị ứng và thế giới của tôi bị đảo lộn.”

Những âm thanh khọt khẹt phát ra từ cổ họng của ông bị biến dạng đến mức Dina khó có thể hiểu nổi ông. Nhưng tai cô dần thích ứng với những âm sắc hiếm gặp và tần số lạ lùng nọ. Cô nhận ra rằng mặc dù ngài Valmik miêu tả cuộc sống như một chuỗi những tai nạn, nhưng chẳng có gì là tình cờ ngẫu nhiên trong kỹ năng thuyết trình bậc thầy của ông hết. Những câu ông nói tuôn ra như những đường may hoàn hảo, nối khít các mảnh chuyện của ông lại mà không hề để lộ vết chỉ. Không biết ông có ý thức về việc sắp xếp các sự kiện cho cô hiểu không nhỉ? Có lẽ là không – có lẽ chính bản thân hành động kể đã tạo ra một kiểu mẫu tự nhiên. Có lẽ đó là một biệt tài mà loài người có sẵn, để dọn dẹp chính sự tồn tại bừa bãi của mình – một vũ khí sinh tồn bí mật, như những kháng thể có trong máu.

Khi nói, ông lơ đãng rút ra một cây bút mực, mở nắp, và gí ngòi bút vào mũi. Cô ngăn người nhìn từng bên mũi lần lượt được bịt chặt lại và mùi mực thơm được hít vào thật sâu.

Được tiếp thêm sức mạnh nhờ liều *Mực Xanh Hoàng Gia*, ông tiếp lời: “Giờ tôi phải bằng lòng với thế giới ồn ào của ngành tổ chức mít tinh và tuần hành phản đối, để có cái mà bỏ bụng. Sáng tác khẩu hiệu và gào thét khẩu hiệu trở thành nghề mới của tôi. Và do đó đã khơi mào cho quá trình hủy hoại bộ dây thanh âm của tôi.”

Câu chuyện của vị luật sư nhắc cô nhớ đến tấm chăn ghép đã bị lãng quên. Món quà cưới của Om. Và ngài Valmik cũng có những mảnh ghép của riêng mình để thiết kế nên tấm chăn bằng lời mà nay ông đang thuật lại cho cô hay. Như một ảo thuật gia rút từ trong miệng mình ra một dải khăn lụa dài bất tận.

“Rốt cuộc, đó lại là một sự kiện ngẫu nhiên khác – việc tôi tìm thấy viên hạ sĩ quan. Hò hét là bản năng thứ nhì đối với ông ta. Ông ta hò hét ngay cả khi không cần thiết. Cái cổ họng bằng da sống ấy khỏe mạnh nhờ hét, và cuối cùng tôi cũng đã có thể cho phép họng tôi nghỉ ngơi.”

Ông ta ngừng lời để mời cô một viên kẹo ngậm ho; cô từ chối. Ông bèn thả tọt một viên vào miệng mình. “Tôi đã ấp ủ biết bao dự định, nào là mở rộng, nào lập chi nhánh ở tất cả các thành phố lớn. Tôi còn tưởng tượng ra viễn cảnh tậu một chiếc máy bay trực thăng và đào tạo một Nhóm sản xuất khẩu hiệu bay. Hễ ở đâu nổ ra một vụ đình công hay bạo động, bất cứ khi nào nhu cầu về một cuộc biểu tình phản đối phát sinh, chỉ cần một cú điện thoại là người của tôi sẽ từ trên trời bay xuống, băng rôn biểu ngữ sẵn sàng.”

Tia sáng tảo bạo trong mắt ông nhạt dần cùng một vẻ miễn cưỡng. “Thật không may, dưới Tình trạng khẩn cấp, các cuộc tuần hành và biểu tình đều bị chính phủ cấm đoán. Thế là suốt một năm qua tôi đành ngồi trên băng ghế gãy này, bên người luôn thủ sẵn tấm bảng luật. Vòng tròn đã khép.”

Ông nhai nát viên kẹo ngậm đang mút dở, vì đã mất hết kiên nhẫn với việc đảo nó từ má bên này sang má bên kia. “Tôi đã mất biết bao nhiêu thứ trong quá trình vẽ nên cái quỹ đạo đó. Tham vọng, sự bình yên, từ ngữ, thị lực, dây thanh âm. Thực ra, chủ đề trung tâm của câu chuyện đời tôi chính là: mất mát. Nhưng chẳng phải mọi câu chuyện đời đều như vậy hay sao? Mất mát là tất yếu. Mất mát là một phần căn cốt của cái tai họa thiết yếu mà ta gọi là cuộc đời kia.”

Cô gật đầu, chưa thực bị thuyết phục.

“Xin nói để cô rõ, không phải tôi đang kêu ca đâu. Nhờ vào một nguồn lực dẫn hướng không thể cắt nghĩa nổi của vũ trụ, cái chúng ta đánh mất luôn là những thứ vô giá trị – bị tróc ra, như một con rắn lột xác. Đánh mất, rồi lại tiếp tục đánh mất, là nền tảng căn bản của quá trình sống, cho đến khi tất cả chúng ta chỉ còn lại phần tinh cốt nhất của sự sống con người mà thôi.”

Giờ Dina đã cực kì mất kiên nhẫn với ngài Valmik. Câu cuối cùng nghe như một mớ từ ngữ vô nghĩa buồn chán. “Con rắn có một lớp da mới toanh ở bên dưới,” cô ngắt lời ông ta. “Tôi thì mong không phải mất căn hộ của mình, trừ phi có một căn mới xuất hiện thế chỗ cho nó.”

Trông mặt ngài Valmik như thể ông ta vừa bị đá vào bụng. Nhưng ông lấy lại bình tĩnh rất nhanh và mỉm cười, tỏ ý đánh giá cao lập luận của cô. “Rất tốt. Thật sự rất tốt. Và óc hài hước cũng rất tuyệt vời. Một trong những điểm yếu của ngành nghề của tôi là sự thiếu vắng hoàn toàn của óc hài hước. Luật Pháp là một thứ nghiêm ngặt, cau có. Nhưng Công Lý thì không. Công Lý dí dỏm và kì quặc, nhân hậu và tử tế.”

Ông nhặt tấm bảng lên và cất nó đi, xếp viên gạch vào dưới chân băng ghế dành khi ông lại cần đến nó. Ông phủi lớp bụi đỏ khỏi tay mình và hùng hồn tuyên bố: “Tôi sẽ đứng lên và đi ngay, và đi viết lời thỉnh cầu này, cùng một bản kiến nghị thuyết phục kết, bằng từ ngữ và vô vản tâm huyết.”

Lối diễn đạt kì quặc khiến cô nhìn ngài Valmik chằm chằm bằng con mắt hiếu kì. Cô tự hỏi không hiểu rốt cuộc mình có chọn đúng luật sư hay không.

“Xin cô đừng bận lòng vì tôi,” ông nói. “Tôi chịu ảnh hưởng của thi hào Yeats. Tôi cảm thấy từ ngữ ông viết đặc biệt đặc địa trong cái Tình trạng khẩn cấp đáng hổ thẹn này. Cô biết đấy – vạn vật tan rã, trung tâm sụp đổ, cảnh loạn lạc ngập tràn thế gian, và những thứ kiểu như thế.”

“Vâng,” Dina nói. “Và tất cả chúng ta đều có kết cục tồi tệ.”

“A,” ông Valmik nói. “Câu đấy thì quá bi quan so với ngài Yeats. Ông ấy sẽ không bao giờ viết ra một câu như thế. Nhưng xin cô hãy đến văn phòng của tôi, vào ngày kia, và tôi sẽ

cập nhật đầy đủ tình hình cho cô hay.”

“Văn phòng ư? Ở đâu?”

“Ngay đây,” ông ta bật cười. “Cái ghế gãy này là văn phòng của tôi.” Ông ta dịu dàng vỗ lên chiếc bút mà ông vừa cất trở lại hộp nhựa. “Cô Dalal, tôi phải cảm ơn cô vì đã lắng nghe câu chuyện của tôi. Thời nay chẳng có mấy người có thời gian để chiều tôi như thế. Cơ hội cuối cùng tôi có là cách đây một năm, với một cậu sinh viên. Chúng tôi đi cùng một chuyến tàu hỏa rất dài. Một lần nữa, xin cảm ơn cô.”

“Không có gì, ông Valmik ạ.”

Sau khi ông ta đi khỏi, một nhóm choai choai mới lại say sưa tìm cách cướp lấy những báu vật còn xanh hiếm hoi của cây xoài. Ngắm nhìn nỗ lực và niềm phấn khích của chúng thật thú vị. Dina ngồi nán lại thêm ít phút nữa rồi mới về nhà.

Một viên hạ sĩ và một cảnh sát đang tranh cãi với hai gã đàn ông về chiếc khóa trên cửa trước. Cảnh tượng này đã được tái hiện thường xuyên trong tâm trí Dina; cô tịnh không cảm thấy chút hoảng loạn nào. Một giai đoạn của cuộc sống đã khép lại, một giai đoạn khác mở ra. Đã đến lúc thanh toán món trả góp mới nhất, cô nghĩ. Một mảnh ghép khác trong tấm chăn.

Cô nhận ra hai gã đàn ông, chính là hai tay đầu gấu của lão chủ nhà. Cô nhận ra bàn tay chúng trông khác quá, nhờ có Ông trùm. Những ngón tay đã bị bẻ gãy thành những hình thù kì dị, vẹo vọ, ngón dài ngón ngắn, trông y như trong tranh vẽ của một đứa trẻ con. Ông trùm đã chết song tác phẩm của ông vẫn còn mãi.

“Cái gì thế, các người muốn gì ở đây hả?” Cô quát.

“Hạ sĩ Kesar, thưa cô,” lão nói, đoạn rút hai ngón tay cái ra khỏi thắt lưng, nơi lão vừa xọc chúng vào một cách hung hăng khi nói chuyện với hai tên đầu gấu. “Rất xin lỗi cô vì sự phiền toái. Có yêu cầu thu hồi lại căn hộ này.”

“Ông không thể làm thế được. Tôi vừa đi gặp luật sư của tôi về, ông ấy đang đệ đơn xin lệnh cấm.”

Gã đầu gấu hói nhe răng cười. “Xin lỗi bà chị nhé. Chúng tôi đến trước.”

“Đến trước, ý anh là gì?” Cô quay sang hạ sĩ Kesar: “Đây có phải là cuộc đua đâu, tôi có quyền trình ra tòa.”

Lão buồn bã lắc đầu; lão đã có một mối “quen biết công việc” lâu dài với bọn đầu gấu và đang chờ đợi ngày bọn chúng có thể bị tổng vào tù. “Thưa cô, nói thật là, tôi không thể làm gì được. Đôi khi luật pháp vận hành y hệt một cuộc đua mang chanh bằng thìa. Việc thu hồi nhà phải được thực hiện trước đã. Cô có thể đâm đơn kiện sau.”

“Như thế thì tôi đâm đầu vào tường còn hơn.”

Một gã đầu gấu tỏ ý đồng tình với cô, đầu gật gù thông cảm. “Tòa án chả được tích sự gì đâu. Hết tranh biện đến tạm hoãn, xong chứng thực lại tới chứng cứ. Mãi chả xong việc. Những trò ngu xuẩn đấy là không cần thiết dưới Tình trạng khẩn cấp.” Đồng sự của hắn bèn lắc lắc cái khóa, nhắc nhở luật pháp tiếp tục phạt sự của mình.

“Thưa cô,” Hạ sĩ Kesar nói, “xin cô mở khóa ra ngay cho, có được không?”

“Nếu tôi từ chối?”

“Thì tôi sẽ phải phá khóa,” lão rầu rĩ đáp.

“Và chuyện gì sẽ xảy ra sau khi tôi mở khóa?”

“Căn hộ sẽ bị dọn sạch,” lão lí nhí, nổi hổ thẹn khiến lời lão nói chỉ còn bé vo ve.

“Sao chứ?”

“Dọn sạch,” lão nhắc lại to hơn một tí. “Căn hộ của cô sẽ bị dọn sạch.”

“Vứt hết đồ đoàn ra vỉa hè ư? Tại sao? Tại sao bọn chúng lại cư xử chẳng khác nào lũ thú vật như vậy? Chỉ ít cũng cho tôi một, hai ngày để sắp xếp chứ.”

“Nói thật là, thưa cô, chuyện ấy đều tùy vào chủ nhà.”

“Thời gian đã hết rồi,” gã đầu hói nói. “Với tư cách là đại diện của chủ nhà, chúng tôi không thể cho phép bất cứ thủ đoạn trì hoãn nào hết.”

Hạ sĩ Kesar quay sang Dina. “Cô đừng lo, thưa cô, đồ đạc của cô sẽ được an toàn. Tôi sẽ đảm bảo họ làm ăn thật cẩn thận. Thuộc cấp của tôi sẽ giám sát. Nếu cô muốn, tôi có thể sai anh ta đi thuê một chiếc xe tải cho cô.”

Cô lấy chiếc chìa khóa trong túi và mở khóa cửa. Đám đầu gấu định lao bổ vào, làm như cánh cửa có thể đóng sập trở lại, nhưng đã bị chặn đứng bởi cánh tay của hạ sĩ Kesar. Như một viên cảnh sát giao thông, lão giơ tay lên cản hai gã kia.

“Thưa cô, mời cô đi trước,” lão cúi người, đoạn theo gót cô.

Những thứ đầu tiên họ nhìn thấy là mấy chiếc thùng các tông xếp chồng lên nhau xếp trong một góc hành lang. Hai gã đầu gấu bắt tay vào bê chúng ra ngoài.

“Đấy không phải hộp của tôi, tôi không muốn giữ chúng,” Dina quát, trút hết giận dữ vào những kẻ vắng mặt – họ đã bỏ rơi cô, họ đã để mặc cô một thân một mình đối mặt với chuyện này.

“Không phải của cô à? Tốt, nếu vậy chúng tôi sẽ lấy chỗ hộp này.”

Cô cất hết quần áo cùng các vật dụng linh tinh vào các ngăn kéo và tủ giả, cố gắng đi trước hai gã đầu gấu vài bước trong khi chúng bắt tay vào khiêng đồ đạc ra đường. Hạ sĩ Kesar sầm nầm chạy quanh cô, sốt sắng muốn giúp đỡ. “Cô đã quyết định sẽ chuyển đồ đi đâu chưa?”

“Tôi sẽ ra Vishram và gọi điện cho anh trai tôi. Ông ấy sẽ phái xe tải của công ty ông ấy đến.”

“Được, vậy tôi sẽ để mắt đến hai tên kia. Tôi còn có thể giúp việc gì khác trong khi cô đi vắng không, thưa cô?”

“Ngài được phép giúp tội phạm nữa ư?”

Lão lắc đầu buồn rầu. “Cô ạ, nói thật tội phạm là hai thằng kia, và cả lão chủ nhà nữa.”

“Thế mà tôi lại bị tổng ra đường.”

“Thế giới chúng ta đang sống rồ dại thế đấy. Nếu tôi không có một gia đình phải nuôi, cô nghĩ tôi sẽ chịu làm việc này hay sao? Nhất là sau những khối u mà nó đã tặng tôi? Kể từ ngày Tình trạng khẩn cấp xuất hiện, mấy khối u cũng xuất hiện. Mới đầu tôi cứ tưởng chỉ là bệnh đau dạ dày. Nhưng bác sĩ đã xác nhận chẩn đoán, tôi sẽ phải làm phẫu thuật sớm.”

“Tôi rất tiếc vì việc này.” Cô tìm thấy chiếc tước nơ vít trên giá bếp và đưa nó cho lão. “Nếu ngài muốn, ngài có thể giúp tôi tháo cái biển tên ở cửa trước.”

Lão hân hoan vỗ lấy món dụng cụ. “Ồ, chắc chắn rồi. Tôi rất vui lòng, thưa cô.” Lão chạy đi, cảm giác tội lỗi bỗng được xoa dịu chút ít, và chỉ vài phút sau, lão đã thở phò phò trước tấm biển đồng, mồ hôi túa ra khi lão vật lộn với mấy con ốc vít.

“CÁI GÌ?” Nusswan thét lên trong điện thoại. “Bị thu hồi? Cô gọi cho anh sau khi đồ đạc đã bị vứt ra vỉa hè? Mất bò mới lo làm chuồng à?”

“Chuyện xảy ra đột ngột quá. Anh có cho xe tải tới được hay không?”

“Anh còn cách nào khác nữa đây? Đây là bốn phận của anh. Ai sẽ giúp cô nếu anh không giúp?”

Hai gã kia đã gần xong việc khi cô quay về căn hộ. Xoong và chảo và bếp nấu trong bếp là những món cuối cùng phải mang ra ngoài. Viên cảnh sát đứng canh toàn bộ số của nả trên vỉa hè. Ruột gan hộ gia đình của cô khi được chất thành một đống như thế này, trông có vẻ chẳng nhiều nhận gì, cô bỗng nghĩ, dường như không làm sao lấp đầy ba căn phòng, hay hai mươi một năm cuộc đời cô đã trôi qua giữa chúng.

Hạ sĩ Kesar rất mừng vì cô đã có người cứu giúp. “Cô may mắn lắm đấy, thưa cô, ít nhất cô còn có một chỗ để đi. Ngày nào tôi cũng phải chứng kiến những người cùng đường phải lấy vỉa hè làm nhà. Cứ thế nằm vật ra đất trong kiệt quệ, hoang mang, ê chề. Đáng kinh ngạc là họ học cách sử dụng bìa các tông và nhựa và báo nhanh ghê lắm.”

Lão đề nghị Dina kiểm tra các phòng ốc trước khi chuyển giao quyền giám hộ căn hộ. “Cô có chắc cô không muốn giữ mấy món ở ngoài hành lang không?” Lão thì thào.

“Đấy không phải đồ của tôi – toàn rác, đối với tôi thì chỉ là vậy.”

“Cô biết đấy, thưa cô, bất cứ thứ gì bị bỏ lại đây sẽ tự động biến thành tài sản của chủ nhà.”

“Chính là bọn này chứ ai,” hai gã đầu gấu nói, đoạn vỗ lấy mấy chiếc hộp. Chúng đóng cánh cửa trước lại và móc một cái khóa mới vào chốt khóa. Hạ sĩ Kesar hoàn tất thủ tục; các văn bản in rô-nê-ô được kí thành ba bản.

Xong xuôi, hai gã đầu gấu chuyển hướng chú ý sang đống hộp, háo hức muốn kiểm tra phần thưởng bất ngờ dành cho mình. “Khoan đã,” gã hói nói, tay cầm lên một nắm đuôi sam. “Thứ rác rưởi gì thế này?”

“Rác rưởi là thế nào?” Đồng bọn của hắn cười lớn. “Tóc đích thị là thứ mày cần còn gì.”

Gã hói chẳng lấy thế làm buồn cười. “Xem ở hộp kia có gì nào.”

Hạ sĩ Kesar quan sát chúng một phút, rồi xọc hai ngón tay cái vào dưới thắt lưng. Lão đã sẵn sàng hành động. Lão nhớ ra vụ giết hai người ăn mỳ – Vụ Tên Sát Nhân Đói Tóc nổi tiếng. Đây chính là cơ hội lão đã chờ đợi. Lão mở khay nắp bao súng, phòng trước vẫn hơn, và nói nhỏ vài câu chỉ dẫn với viên cảnh sát còn lại.

“Xin lỗi,” lão lịch sự nói với hai gã đầu gấu. “Hai anh đều bị bắt giữ vì tội giết người.”

Chúng cười. “Hê hê, hạ sĩ Kesar bây giờ cũng biết đùa cơ đấy.” Khi cổ tay cả hai bị viên cảnh sát còng lại trong chớp mắt, chúng lên tiếng phản đối rằng trò đùa đã đi quá xa. “Nói gì vậy chứ? Bọn này có giết ai đâu!”

“Có đấy: hai người ăn mỳ già. Đây là một vụ có chứng cứ ban đầu hoàn hảo. Tóc của hai người ăn mỳ bị giết đã bị cắt cụt và mang đi mất. Nay món tóc đó lại thuộc sở hữu của các người. Nó đã làm sáng tỏ mọi chuyện.”

“Nhưng chúng tôi mới tìm ra nó ở đây thôi mà! Chính ngài nhìn thấy chúng tôi mở hộp còn gì!”

“Nói thật là tôi chẳng thấy gì cả!”

“Ngài có chứng cứ giết người nào đâu! Làm sao ngài biết đây chính là món tóc kia?”

“Khỏi lo vụ đó. Như các người đã nói trước đây, những thứ ngớ ngẩn như chứng cứ đâu có cần thiết nữa. Ngày nay, chúng ta đã có những thứ tuyệt vời như Tình trạng khẩn cấp và MISA rồi.”

“MISA là gì?” Dina hỏi.

“Luật đảm bảo an ninh nội địa, thưa cô. Rất tiện lợi. Cho phép bắt giam mà không cần qua xét xử, thời gian tạm giam lên tới hai năm. Có thể tăng mức án theo yêu cầu.” Lão nở nụ cười thân thiện và lại quay về phía hai gã côn đồ. “Suýt nữa tôi quên báo với hai người – các người có quyền giữ im lặng, nhưng nếu các người làm thế, các chàng trai của tôi ở đồn sẽ chế biến nấm xương của các người để giúp các người thú tội.”

Cả hai gã bị bắt ngồi xổm xuống, hai bàn tay bị còng phải đưa lên ôm lấy đầu. Hạ sĩ Kesar vẫn chưa sẵn sàng giải chúng đi. Lão nhồi lại mớ tóc vào hộp. “Bằng chứng số một đây,” lão nói với Dina. “Cô đừng lo, tôi sẽ đợi ở đây cho đến khi xe tải của cô đến. Ai mà biết được bao nhiêu của nả của cô sẽ bốc hơi nếu tôi đi. Khi nào cô đã lên đường bình an, tôi mới lôi lũ chó này về đồn.”

“Cảm ơn ngài rất nhiều,” Dina nói.

“Không, cảm ơn cô. Cô đã cho tôi một ngày tuyệt vời.” Lão kiểm tra xem nắp bao súng đã được bấm lại chưa. “Cô có thích phim của Clint Eastwood không, thưa cô? Phim *Dirty Harry* ấy?”

“Tôi chưa xem phim nào của ông ấy. Phim hay không?”

“Kịch tính lắm. Phim toàn cảnh hành động đấm đá thôi.” Lão để thêm cùng một nụ cười buồn. “Harry là một thanh tra hạng nhất. Ông ta giúp lập lại công lý ngay cả khi luật pháp biến nó thành điều bất khả thi.” Vừa hạ giọng thành một lời thì thào, lão hỏi: “Nhân thể, cô này, tại sao món tóc này lại đến được hành lang nhà cô?”

“Tôi cũng không biết đích xác. Có hai thợ may làm việc cho tôi, và họ có một người bạn làm nghề thu mua tóc, và... tôi không chắc nữa, tất cả bọn họ đều đã biến mất.”

“Rất nhiều người đã biến mất dưới cái Tình trạng khẩn cấp này,” lão nói, đoạn lắc đầu. “Nhưng cô biết không, suýt nữa cô đã vô tình bị đánh đồng với lũ điên sát nhân rồi đấy. Cũng nhờ ngôi sao chiếu mệnh của cô nên cô mới thoát bình an vô sự.”

“Nhưng mà, hai gã đầu gấu kia đâu thật sự có tội, đúng không?”

“Thật ra là có đấy, nhưng mà tội khác kia. Chắc chắn chúng đáng phải ngồi tù, cô ạ. Cũng giống như là nợ và có trong nghiệp vụ ghi sổ kế toán kép ấy. Xét về một mặt nào đó, Harry cũng là một kế toán thôi. Số dư cuối cùng mới là điều ông ấy xem trọng nhất.”

Cô gật đầu, mắt nhìn đàn quạ đang bươi móc dưới rãnh nước đọng bên kia đường. Chúng xô đẩy và chí chóc tranh nhau những mẩu vụn nhỏ. Rồi xe tải trở tới.

“Ngài có con không?” Dina hỏi hạ sĩ Kesar, trong khi người của Nusswan bốc xếp đồ đạc.

“Ồ, có chứ,” lão hãnh diện đáp, rất vui vì câu hỏi của cô.

“Hai đứa con gái. Một đứa năm tuổi, đứa kia chín tuổi.”

“Chúng có đi học không?”

“Ồ, có chứ. Đứa lớn còn học cả đàn xi-ta nữa, mỗi tuần một lần sau giờ học trên lớp. Đắt lắm, nhưng tôi làm thêm giờ cho nó học. Con cái là báu vật duy nhất của chúng ta, không phải thế sao?”

Khi xe đã sẵn sàng, cô leo lên ngồi bên cạnh tài xế và cảm ơn hạ sĩ Kesar một lần nữa vì sự giúp đỡ của lão. “Tôi rất hân hạnh,” lão nói. “Chúc cô mọi điều tốt lành, thưa cô.”

“Tôi cũng chúc ngài như vậy. Tôi hi vọng cuộc phẫu thuật khối u của ngài sẽ diễn ra tốt đẹp.”

Viên tài xế phải loay hoay mất một lúc mới quay đầu xe nổi, vì đường rất hẹp. Lúc đi qua cổng, cô nhìn thấy Ibrahim đứng sau cây cột, tay giơ chiếc ống bơ về phía những người qua kẻ lại.

Thấy xe tải lướt qua, lão cố giơ tay lên chạm chiếc mũ đuôi seo để chào tạm biệt. Nhưng cơn đau trên bả vai đã chặn đứng lão. Thay vào đó, lão giật nhẹ cổ áo chiếc sherwani, và vẫy tay.

“Xin lỗi, tôi về muộn,” Nusswan nói, đoạn hôn vào má Ruby và ôm lấy em gái. “Lại mấy vụ họp hành liên miên ấy mà.” Ông ta xoa bóp cặp lông mày. “Xe tải đưa mọi thứ về đây an toàn chứ?”

“Vâng, cảm ơn anh,” Dina đáp.

“Anh đồ là lũ ăn mày và thợ may và khách trọ của em đều đã chúc em Au Revoir^[51] rồi nhỉ.” Ông ta tự cười phá lên trước câu pha trò của mình.

“Thôi đi, anh Nusswan,” Ruby quát. “Nói năng với cô ấy cho tử tế, cô ấy đã phải trải qua biết bao nhiêu chuyện rồi còn gì.”

“Tôi chỉ đùa thôi. Tôi không thể tả cho mình biết tôi mừng đến mức nào vì Dina đã quay về.”

Giọng ông ta dịu hẳn đi, và rưng rưng xúc động. “Suốt bao năm qua anh đã cầu xin Thượng Đế đưa em về nhà. Anh đau đớn lắm, khi em chọn cách sống một thân một mình. Rốt lại, chỉ còn gia đình là chỗ để ta bầu vút, khi cả thế giới đã quay lưng lại với ta.”

Ông ta nuốt cục nghẹn trong họng, và Dina rất cảm động. Cô giúp Ruby bày bàn, mang bình nước và cốc lên. Chúng vẫn ở vị trí thường lệ trong tủ chạn. Chẳng có thứ gì ở đây thay đổi trong suốt ngần ấy năm, Dina thầm nghĩ.

“Không phải chịu nhục nhã vì bọn thợ may và ăn mày nữa,” Nusswan nói. “Không cần nhờ đến bọn chúng, em sẽ không phải lo lắng về tiền bạc nữa. Hãy biến mình thành người có ích trong ngôi nhà này – anh chỉ cần có thế.”

“Nusswan!” Ruby quở. “Trước nay cô Dina tội nghiệp luôn luôn đỡ đần em. Nếu có điều gì không gần với cô ấy, thì chính là thói lười biếng.”

“Tôi biết, tôi biết,” ông ta cười khà khà. “Ngoan cố mới gần với cô ấy, chứ không phải lười biếng.”

Ăn tối xong, họ ra xem xét đồng đồ đạc chuyển từ căn hộ về. Nusswan rất lấy làm kinh hoàng. “Em kiếm đâu ra đồng rác rưởi này thế?”

Cô nhún vai. Một câu đáp bằng lời không phải lúc nào cũng là cần thiết. Đó là một điều hữu ích mà cô học được từ Maneck.

“Chà, ở đây không có chỗ đặt mấy thứ này đâu. Xem cái bàn ăn bé tí xấu đau xấu đớn kia kìa. Còn cái xô pha kia nữa, chắc phải có từ thời tối cổ ấy nhỉ.” Ông ta hứa sẽ gọi một người mua đồ cũ và tổng tiền hết đám này trong vài ngày tới.

Cô không tranh cãi gì thêm với ông ta. Cô không viện dẫn lại những kỉ niệm đã bồi đắp thịt lên khung xương của những món của nả nghèo nàn của mình.

Nusswan rất ngỡ ngàng trước sự thay đổi của em gái mình. Dina quá dễ bảo, quá ngoan ngoãn và kiệm lời, không hề giống với con người cô trước đây chút nào. Điều đó khiến ông ta có cảm giác bất an. Phải chăng cô đang giả vờ? Phải chăng đây là một phần của kế hoạch mà cô sẽ tung ra khi ông không ngờ đến nhất?

Họ chuyển các món đồ cất trong đám ngăn kéo tạm thay rương hòm của cô sang chiếc tủ áo kê trong căn phòng cũ của cô. “Nó vẫn chờ em đấy,” Ruby thổ lộ. “Chiếc tủ của bố. Chị rất mừng vì em đã quay về.”

Dina mỉm cười. Cô gỡ tấm ga bọc đệm và cất nó vào đáy tủ. Thế vào chỗ nó, cô trải tấm chăn của mình, đã được gấp bớt lại ở phía đuôi giường.

“Đẹp quá!” Ruby xuýt xoa, đoạn trải rộng tấm chăn ra để trằm trồ cho thỏa. “Tuyệt đẹp! Nhưng sao góc kia còn khuyết?”

“Em hết vải.”

“Tiếc thật.” Bà nghĩ ngợi một lúc. “Em biết không, chị có ít vải đẹp lắm, hẳn là rất hợp. Em có thể dùng để may nốt tấm chăn.”

“Cảm ơn chị.” Nhưng trong lòng Dina, đã chẳng còn gì để ghép thêm vào nữa.

Đêm đến, nằm trên giường, cô quán mình trong tấm chăn và bắt đầu nhẩm lại kho sự kiện đồ sộ ẩn trong gia đình vải ghép đã được khâu nối với nhau rất chặt, những ô vuông mà cô đã may bằng kim, chỉ, và tình yêu thương. Nếu cô quên hay nhầm lẫn, tấm chăn sẽ nhắc cho cô. Ánh đèn đường chiếu qua ô cửa sổ mở rộng vừa đủ sáng để soi tỏ màu sắc sắc sỡ của những vải vóc kết nên nó. Câu chuyện trước giờ đi ngủ của cô.

Một lần nọ, khi đã quá nửa đêm, Nusswan và Ruby gõ cửa và bước vào phòng khi cô đang dở câu chuyện. “Dina à? Em có cần gì không?”

“Không.”

“Em có ổn không?”

“Dĩ nhiên là em ổn.”

“Anh chị nghe thấy có tiếng nói,” Ruby nói. “Anh chị tưởng em đang nói mơ, vì gặp ác mộng hay gì đó.”

Và Dina nhận ra cô đã rơi từ trạng thái kể nhảm sang đọc thành tiếng. “Em chỉ đang đọc bài cầu nguyện thôi. Xin lỗi đã làm phiền anh chị.”

“Không sao đâu,” Nusswan nói. “Nhưng anh không nhận ra nổi là bài kinh nào. Em nên tham dự vài khóa học do môn đệ của Thầy cả Daab-Chaab dạy ở đền thờ lửa.” Hai vợ chồng cười phá lên trước câu đùa của ông và quay trở lại giường.

Ông ta thì thảo với Ruby: “Em còn nhớ cô ấy từng thế nào sau cái chết của chú Rustom không? Đêm nào cô ấy cũng gọi tên chồng.”

“Vâng, nhưng chuyện xảy ra cách đây đã lâu lắm rồi. Sao cô ấy còn buồn khổ vì nó nữa làm gì?”

“Có lẽ cô ấy chưa bao giờ vượt qua được chuyện đó.”

“Phải. Có lẽ có một số thứ ta không bao giờ vượt qua nổi.”

Ở trong phòng, Dina gấp tấm chăn lại. Cái chăn ghép đã biến sự cảm lạnh của cô thành những lời lẽ không mời mà tới; nó phải được khóa kín trong tủ. Cô cảm thấy ghê sợ thứ ma thuật kì quặc nó gây ra đối với trí óc cô, ghê sợ nơi nó đang dẫn dắt cô tới. Cô mãi mãi không muốn bước qua ranh giới ấy nữa.

Nusswan đã thôi không còn mai mĩ Dina nữa vì chẳng còn gì vui thú khi cô không buồn phản công. Lắm lúc, ông ngồi một mình trong phòng, nhớ lại đứa em gái ương ngạnh, không gì khuất phục nổi và tiếc nuối cho sự xuống dốc của cô. Đấy, ông tự thở dài, đấy chính là điều cuộc đời làm với những kẻ nào từ chối học bài học của nó: nó đánh gục họ và bóp vụn tinh thần của họ. Nhưng chỉ ít những ngày lao động quần quật không dứt của cô đã lùi xa phía sau. Giờ cô sẽ được chăm sóc, được chu cấp bởi chính gia đình cô.

Không lâu sau đó, người giúp việc vẫn đến vào các buổi sáng để quét quáy, lau chùi và phủi bụi đồ đạc bị cho nghỉ việc. “Mụ già khốn kiếp muốn nã thêm tiền,” Nusswan nói ra chiều phân bua. “Mụ nói nhà có thêm một người là thêm việc cho chửi và giẻ của mụ. Đúng là kiểu lý do lý trấu của phường vô lại.”

Dina hiểu ẩn ý và nhận nhiệm vụ về mình. Cô hấp thu tất cả mọi việc như một miếng bọt xốp lớn. Trong những phút riêng tư, cô tự vắt kiệt thân mình để rồi sẵn sàng thấm hút thêm nhiều nữa.

Nay Ruby đi vắng hầu như cả ngày. Nhưng trước khi đi, bà luôn hỏi liệu mình có giúp gì được không. Dina khuyến khích bà ra ngoài, tỏ ý muốn tự mình cày đáng tất cả.

“May nhờ có Dina mà cuối cùng em đã có thể dùng đến tấm thẻ hội viên Câu lạc bộ Willingdon rồi,” tối đến, bà kể với Nusswan. “Trước đó các khoản hội phí toàn bị bỏ phí thôi.”

“Dina là kiểu triệu người chỉ có một thôi đấy,” ông ta đồng tình. “Tôi chả nói thế luôn còn gì. Chúng ta đã tranh cãi và xung đột không biết bao nhiêu lần, phải không, Dina? Nhất là về vấn đề cưới xin. Nhưng anh luôn ngưỡng mộ sức mạnh và ý chí quyết tâm của em. Anh không bao giờ quên em đã cư xử can đảm tới mức nào khi chú Rustom đáng thương qua đời vào đúng lễ kỉ niệm ba năm ngày cưới của hai người.”

“Nusswan! Anh có cần chọn đúng bữa cơm để nhắc lại chuyện cũ và làm Dina tội nghiệp buồn lòng như thế không?”

“Xin lỗi, anh rất xin lỗi.” Ông ngoan ngoãn đổi chủ đề sang Tình trạng khẩn cấp. “Vấn đề là, sự kích thích đã cạn ráo. Nỗi sợ hãi ban đầu giúp khuôn mọi người vào kỉ cương, ép họ đúng giờ đúng giấc và làm việc chăm chỉ giờ tan hết rồi. Chính phủ phải làm gì đó để gia tăng sức mạnh cho chương trình này đi thôi.”

Chủ đề cưới xin không còn được lôi ra trong những cuộc hội thoại trên bàn ăn tối nữa. Ở tuổi bốn mươi ba, chuyện đó thành ra một mối mà món hàng cũng đã xuống cấp lắm rồi, ông nói riêng với Ruby.

Hàng tối Chủ Nhật, họ cùng nhau chơi bài. “Nào, cả nhà,” Nusswan tập hợp cả ba vào đúng năm giờ. “Đến giờ chơi bài rồi.”

Ông quan sát cuộc chơi bằng một cái nhìn sùng kính. Nó thổi một thực tế mờ nhạt vào giấc mơ của ông về một gia đình gắn bó. Thỉnh thoảng, nếu một người bạn ghé qua chơi góp thành bốn chân, họ chơi bài bridge. Tuy vậy, trong phần lớn thời gian, chỉ có ba người

bọn họ, và Nusswan lèo lái thời giờ qua hết ván rummy này đến ván rummy khác, tỏ rõ một lòng nhiệt thành bền bỉ trong công cuộc mưu cầu hạnh phúc gia đình.

“Hai người có biết trò chơi bài có xuất xứ từ Ấn Độ không?” Ông ta hỏi.

“Thật ư?” Ruby kêu lên. Những chi tiết kiểu đó do Nusswan nói ra luôn gây ấn tượng mạnh mẽ đối với bà.

“Phải đấy, và cả cờ vua nữa. Thực ra, người ta cho rằng chơi bài phát sinh từ cờ vua. Và hai môn này mãi tận thế kỷ mười ba mới vào Châu Âu, thông qua vùng Trung Đông.” “Thật không thể tưởng tượng nổi,” Ruby xuýt xoa.

Ông sắp lại nhóm bài của mình, bỏ một con bài úp mặt xuống và tuyên bố: “Rummy!”

Sao khi chìa ra bộ phỏm đầy đủ của mình, ông quay sang phân tích sai lầm mà những người khác đã mắc phải. “Lẽ ra em không bao giờ nên đánh đi con J cơ,” ông nói với Dina.

“Đấy là lý do khiến em thua.”

“Em chỉ đánh bừa thôi.”

Ông gom các lá bài lại và bắt đầu tráo. “Rồi, đến lượt ai chia đây?”

“Em,” Dina đáp, và nhận lấy bộ bài.

Kết thúc: Năm 1984

TRỜI ĐÃ SÁNG BẠCH khi chuyến bay từ vùng Vịnh đưa Maneck về nhà hạ cánh xuống thủ đô sau cuộc khởi hành bị trì hoãn. Anh đã cố ngủ trên máy bay song những hình ảnh chớp nháy khó chịu của một bộ phim được chiếu trong khoang hạng thường không ngừng lấp loáng trước làn mi mắt của anh như một hàng đèn tuýp bị chập mạch. Mắt hãy còn hoa, anh xếp vào hàng chờ kiểm tra hải quan.

Một dự án mở rộng sân bay đang được triển khai nên hành khách bị dồn vào một khu công trình tạm dựng bằng tôn. Anh còn nhớ, quá trình xây dựng mới chỉ bắt đầu khi anh rời nhà đi Dubai tám năm trước. Từng đợt hơi nóng từ lớp kim loại bị nắng nung dội hầm hập vào đám đông. Mùi mồ hôi, khói thuốc, nước hoa bị biến hơi, và nước tẩy rửa vẩn vít trong không khí. Mọi người dùng cả hộ chiếu và tờ khai hải quan để quạt lia lia. Có người lăn ra ngất xỉu. Hai nhân viên liên lạc cố làm ông ta tỉnh lại bằng cách diu ông ra phía trước luồng gió từ chiếc quạt bàn của một nhân viên hải quan. Nước được mang tới.

Công cuộc rà soát hành lý được nối lại sau cuộc gián đoạn đó. Một hành khách xếp sau Maneck càu nhàu về sự chậm trễ, còn Maneck nhún vai: “Có lẽ họ nhận được tin mật báo là một tay buôn lậu lớn sẽ từ Dubai đến đây hôm nay.”

“Không, lúc nào mà chả thế này,” người đàn ông nọ nói. “Với tất cả các chuyến bay từ Trung Đông tới. Thứ họ đang tìm là đồ trang sức, vàng thỏi, hàng điện tử.” Ông ta giải thích là hải quan bây giờ làm ăn hăng hái hơn hẳn là nhờ một chỉ thị của chính phủ trong đó treo thưởng đặc biệt bằng chính một phần số hàng hóa mỗi nhân viên bắt được. “Thế nên dạo này họ sách nhiễu bọn ta khiếp lắm.”

“Mấy bộ sari đã được gấp cẩn thận của tôi rồi đến nhậu nhĩ hết mất thôi,” bà vợ ông kia rên rỉ.

Nhân viên hải quan kiểm tra va li của Maneck xọc ngón tay vào bên dưới đồng quần áo và sờ soạng tứ phía. Maneck tự hỏi không biết có hình phạt nào cho tội đặt bẫy chuột bên trong hành lý của mình không. Sau một hồi tích cực mò mẫm, nhân viên nọ đành miễn cưỡng cho anh qua.

Maneck sập va li lại, rồi vội vã đi ra bên ngoài, đến trước một chiếc xe tắc xi, bảo chở đến ga tàu hỏa. Người tài xế tỏ ra không mặn mà gì với cuộc khách này. “Điểm đến ở đúng ngay trung tâm bạo loạn. Nguy hiểm lắm.”

“Bạo loạn gì?”

“Anh không biết sao? Nhiều người đang bị đánh, bị chém và bị thiêu sống ở đó đấy.”

Thay vì tranh cãi với anh ta, Maneck thử một mối khác. Nhưng mọi tài xế tắc xi anh hỏi tới đều từ chối món tiền với cùng một lời cảnh báo. Một số người còn khuyên anh nghỉ tạm ở một khách sạn gần sân bay cho đến khi tình hình lắng dịu.

Trong lúc chán nản, anh quyết định sẽ đề nghị trả thêm tiền cho người tiếp theo. “Anh sẽ được gấp đôi số tiền ghi trên đồng hồ tính cước, đồng ý không? Tôi phải về nhà, bố tôi vừa mất. Nếu tôi lỡ chuyến tàu này, tôi sẽ lỡ luôn đám tang của ông.”

“Không phải tôi lặn tẩn chuyện tiền nong, anh ạ. Mạng sống của anh và tôi đáng giá hơn nhiều. Nhưng anh cứ vào đi, tôi sẽ cố gắng hết sức.” Anh ta vươn tay với chiếc đồng hồ

tính cước, bật keng một tiếng, ô báo TRỐNG KHÁCH liền được lật ngược lại.

Chiếc xe tắc xi tách mình khỏi rừng xe cộ đang bu đông bu đổ các làn đường sân bay, và không lâu sau, họ đã phóng trên đường cao tốc. Giữa những lúc nhìn đường, người tài xế chốc chốc lại quan sát hành khách của mình qua gương chiếu hậu. Maneck có thể cảm thấy ánh mắt của anh ta dán lên mình.

“Anh nên cân nhắc việc cạo bộ râu đi,” người tài xế nói. “Anh có thể bị nhầm là một người Sikh đấy.”

Maneck rất tự hào về bộ râu của mình; và nếu người khác nghĩ anh là một người Sikh thì có hề gì? Anh đã bắt đầu nuôi râu từ hai năm trước, tỉa tót thật cẩn thận để nó được như ngày hôm nay. “Làm sao người ta nhầm tôi là người Sikh được? Tôi có đội khăn xếp đâu.”

“Rất nhiều người Sikh có đội khăn xếp đâu. Tôi thì nghĩ cứ cạo sạch râu đi sẽ an toàn hơn cho anh.”

“An toàn hơn ư? Thế nghĩa là sao?”

“Nói vậy tức là anh không biết gì sao? Người Sikh chính là những người đang bị giết hại ở những khu bạo loạn. Ba ngày nay, người ta đã đốt nhà cửa, hàng quán của người Sikh, đâm chém bọn trẻ trai và đàn ông người Sikh. Còn cảnh sát chỉ chạy lăng xăng chỗ nọ chỗ kia, vờ như đang bảo vệ dân chúng.”

Anh ta đánh xe sát sạt vào lề đường bên trái khi một đoàn xe tải quân sự có hộ tống tiến lại gần chiếc tắc xi từ phía sau. Qua vai mình, anh ta hét lớn với Maneck, cố át những âm thanh ầm ầm như sấm động của đội xe. “Đấy là Lực lượng bảo vệ biên giới đấy! Báo nói hôm nay họ sẽ được điều xuống.”

Đoàn xe đi qua, và giọng người tài xế trở lại bình thường. “Đội quân tinh nhuệ nhất của chúng ta, BSF^[52]. Phòng tuyến đầu tiên giúp cản bước bọn xâm lược ngoại bang. Thế mà nay họ lại phải bảo vệ đường biên giới ngay trong các thành phố của chúng ta. Thật là một nỗi nhục nhã cho toàn đất nước.”

“Nhưng tại sao lại chỉ nhắm vào người Sikh?”

“Sao kia?”

“Anh chả nói chỉ có mỗi người Sikh bị tấn công là gì.”

Người tài xế trợn mắt nhìn vào gương chiếu hậu, vẻ kinh ngạc. Lẽ nào vị khách này đang giả ngu? Anh ta kết luận là câu hỏi vừa rồi thực sự đã phát ra một cách thành thật. “Mọi chuyện bắt đầu khi thủ tướng bị giết ba ngày trước đây. Bà ta bị bắn bởi chính các vệ sĩ người Sikh của mình. Vì vậy vụ này được coi như một cuộc báo thù.”

Đoạn anh ta quay lại và nhìn thẳng vào Maneck. “Anh ở đâu vậy chứ, anh không nghe được tin tức gì về những chuyện đã xảy ra sao?”

“Tôi biết về vụ ám sát, nhưng cuộc bạo loạn thì không.” Anh sẫm soi những vết nứt trên chiếc ghế bọc vinyl trước mặt mình và cái cổ áo cũ sờn của người tài xế lộ ra phía trên lưng ghế. Những đầu mụn nhỏ, vẫn chưa chín, nổi lên trên cổ người đàn ông nọ. “Tôi còn bận túi bụi lo tìm cách quay về cho kịp đám tang bố tôi.”

“Phải,” người tài xế đáp bằng giọng cảm thông. “Chắc phải khó khăn cho anh lắm.” Anh ta bẻ tay lái để tránh một con chó trên đường, một con chó lai lông vàng, ghẻ lở và gầy còm.

Maneck quay lại nhìn qua cửa kính phía sau xe để xem con vật có chạy kịp đến nơi an toàn không. Một chiếc xe tải đi sau họ đã cán bẹp nó. “Vấn đề là, tôi đã ở nước ngoài tám năm rồi,” anh bồi thêm một lý do khác.

“Đó quả là một khoảng thời gian rất dài. Như thế có nghĩa là anh đã rời đi trước khi Tình trạng khẩn cấp chấm dứt, trước cuộc bầu cử. Dĩ nhiên, với những con người bình thường, chẳng có gì thay đổi cả. Chính phủ vẫn tiếp tục phá bỏ nhà cửa và các khu lều lán của người nghèo. Ở các làng quê, họ nói họ chỉ chịu đào giếng nếu số ca triệt sản vùng đó đạt chỉ tiêu. Họ nói với nông dân là họ chỉ cấp phân bón khi nào phẫu thuật cắt ống dẫn tinh đã được hoàn tất. Sống mỗi ngày là đối mặt với hết tình trạng khẩn cấp nọ đến tình trạng khẩn cấp kia.” Anh ta bấm còi cảnh báo một người đang bước thất thủ dọc lề đường. “Anh đã nghe về vụ tấn công Chùa Vàng chưa, chưa à?”

“Rồi. Chuyện âm ỉ thế mà,” Maneck nói. Anh chàng này nghĩ anh vừa từ đâu trở về, mặt trắng u? Trong khoảng im lặng nối tiếp sau đó, anh nhận ra rằng trên thực tế, anh biết rất ít về chuyện xảy ra những năm tháng mình đi vắng. Anh tự hỏi không hiểu những tấn bi hài kịch gì khác đã diễn ra trên đất nước này trong khi anh đang giám sát tình hình làm lạnh bầu không khí sa mạc nóng bỏng.

Anh động viên người tài xế nói tiếp: “Quan điểm của anh về vụ Chùa Vàng thế nào?”

Người đàn ông rất vui vì được hỏi. Anh ra đánh xe rời khỏi đường cao tốc khi họ đến gần ngoại ô thủ đô. Họ đi qua xác một chiếc xe đã bị cháy rụi, bánh xe chống ngược lên trời. “Tôi sẽ phải đi đường vòng đến ga tàu. Có một số tuyến đường ta nên tránh đi thì hơn.” Đoạn anh ta quay lại với câu hỏi của Maneck. “Thủ tướng nói các tay khủng bố người Sikh đang ẩn náu trong Chùa Vàng. Vụ tấn công của quân đội xảy ra mới cách đây vài tháng. Nhưng câu hỏi chính phải đặt ra là vấn đề đã phát sinh từ cách đây nhiều năm như thế nào, không phải à?”

“Phải. Như thế nào?”

“Cũng hết như cách tất cả mọi vấn đề của bà ta từng phát sinh thôi. Xuất phát từ những trò xui nguyên giục bị của chính bà ta. Cũng hết như ở Sri Lanka, Kashmir, Assam, Tamil Nadu. Ở Punjab, bà ta đã giúp một nhóm gây rối chính phủ trung ương. Sau đó nhóm này mạnh lên, đấu tranh đòi li khai và thành lập nhà nước Khalistan, họ chỉ gây phiền hà đối với riêng mình bà ta. Bà ta bật đèn xanh cho súng và bom, và rồi những thứ công cụ tai ác, bạo lực này bắt đầu tấn công chính chính phủ của bà ta. Trong tiếng Anh họ nói thế nào ấy nhỉ – ác giả ác báo, phải không?” “Ác báo chứ,” Maneck lẩm nhẩm.

“Phải, chính xác,” người tài xế nói. “Và rồi bà ta làm cho tình hình càng lúc càng tồi tệ thêm, ra lệnh cho quân đội tấn công Chùa Vàng và bắt giữ các phần tử khủng bố. Họ điều xe tăng cùng đủ loại súng ống to lớn xông vào trong chùa, như một lũ côn đồ. Ngôi đền đã chịu không biết bao nhiêu thiệt hại mà kể. Đó là chốn linh thiêng nhất của người Sikh, và tình cảm của tất cả dân chúng đã bị tổn thương.”

Maneck rất xúc động trước lời nói giảm chưa xót kia. “Bà ta đã tạo ra một con quái vật,” người tài xế tiếp lời, “và con quái vật đó đã ăn tươi nuốt sống bà ta. Giờ nó quay sang ăn tươi nuốt sống những người vô tội. Ba ngày, vậy mà đã có biết bao nhiêu vụ chém giết đầm máu.” Ngón tay anh ta siết chặt vô lăng, và giọng anh ta run lên. “Bọn chúng tưới dầu hỏa lên người Sikh và thiêu sống họ. Chúng bắt đàn ông, giật toạc râu trên mặt họ hoặc lấy kiếm phạt cụt, rồi giết họ. Nhiều gia đình bị thiêu cho đến chết trong chính ngôi nhà của mình.”

Anh ta đưa tay lên bịt miệng, đoạn hít một hơi thật dài, và tiếp tục mô tả cảnh tàn sát

mà anh ta đã phải chứng kiến. “Và tất cả những việc này, anh ạ, lại xảy ra ở chính thủ đô của đất nước ta. Tất cả, trong khi cảnh sát diễn những trò vờ vịt nhục nhã của chúng, còn lũ chính trị gia thì nói người dân đang đau buồn, họ chỉ muốn báo thù cho cái chết của vị lãnh tụ của họ, chúng tôi biết làm thế nào được. Còn đây là điều tôi muốn nói với bọn chó thối tha ấy – phệt!” Anh ta nhổ nước bọt qua cửa sổ.

“Nhưng tôi nghĩ thủ tướng đâu có được lòng dân chúng lắm. Tại sao họ phải đau khổ đến thế?”

“Quả đúng thế, anh ạ, bà ta không được lòng những người dân bình thường, kể cả khi bà ta đi thăm khắp mọi nơi trong bộ sari trắng như một nữ thần. Nhưng giả sử bà ta được yêu quý đi nữa, anh nghĩ những người bình thường sẽ cư xử kiểu đấy ư? Không, đấy là sản phẩm của bè lũ tội phạm được đảng của bà ta trả tiền. Một số bộ trưởng thậm chí còn giúp chúng bằng cách cung cấp danh sách chính thức các gia đình và hàng quán của người Sikh kia. Nếu không, bọn giết người làm sao xuống tay hiệu quả, chính xác đến vậy trong một thành phố lớn đông đúc như thế này.”

Giờ họ đang đi qua những con phố nơi nhiều dãy nhà đổ nát còn ngun ngún khói lửa và các đồng gạch vụn vữa lở chạy suốt dọc con đường. Phụ nữ và trẻ con ngồi giữa cảnh tan hoang, mặt mày thất thần hoặc đang thổn thức khóc. Khuôn mặt người tài xế rúm rỏ, Maneck tưởng đó là nỗi sợ hãi. “Đừng lo,” anh nói. “Sẽ không có rắc rối gì với bộ râu của tôi đâu. Nếu chúng ta bị chặn lại, họ sẽ biết ngay tôi là một người Parsi – tôi sẽ cho họ xem bộ sudra và kusti tôi đang mặc.”

“Phải, nhưng có thể bọn chúng sẽ đòi kiểm tra bằng lái xe của tôi.”

“Thì sao?”

“Anh chưa đoán ra sao? Tôi là một người Sikh – hai ngày trước đây tôi đã phải cạo râu cắt tóc. Nhưng tôi vẫn đeo kara^[53].” Anh ta giơ bàn tay lên, phô ra chiếc vòng sắt quanh cổ tay mình.

Maneck ngấm kĩ khuôn mặt người tài xế, và đột nhiên bằng chứng trở nên rõ ràng: làn da của anh ta, vốn không quen với lưỡi dao cạo, đã bị xước xát ở vài chỗ. Thốt nhiên, tất cả những tình tiết được kể lại bằng lời của người đàn ông nọ – về những vụ cắt xẻo và đánh đập và chặt đầu, vô vàn cách thức mà đám bạo loạn đã dùng để bẻ xương, mổ thịt và rút máu – hết thảy những điều Maneck đã lắng nghe bằng một thái độ dửng dưng nay đã nhuộm đậm một màu hiện thực nghiệt ngã trong những vết cắt lẹm của lưỡi dao cạo. Những chấm đỏ đã keo lại trên cằm và hàm đã có thể biến thành những dòng sông máu, ấn tượng chúng tạo ra thật dữ dội khi điểm trên làn da mới cạo tái nhợt.

Maneck bỗng thấy buồn nôn, mặt anh lạnh toát và ướt đầm mồ hôi. “Lũ khốn nạn!” Anh nghẹn ngào. “Tôi cầu cho tất cả bọn chúng đều bị bắt và bị treo cổ lên!”

“Những tên sát nhân thực sự sẽ không bao giờ bị trừng phạt đâu. Vì thiếu bầu và quyền lực, bọn chúng sẵn sàng cược với sinh mạng con người. Hôm nay là người Sikh. Năm ngoái là người Hồi; trước đó, là người Harijan^[54]. Rồi đến một ngày, chiếc sudra và kusti của anh cũng chẳng đủ để bảo vệ anh đâu.”

Chiếc xe tắc xi đỗ lại trước ga tàu hỏa. Maneck nhìn đồng hồ tính cước và lấy gấp đôi số tiền từ ví của mình, song người tài xế không chịu lấy hơn mức giá thực tế. “Xin anh,” Maneck khấn khoản, “xin anh nhận cho.” Anh ấn năm tiền vào tay người kia, như thể nó sẽ giúp anh ta sống sót qua cơn kinh hoàng, và cuối cùng người tài xế đành nhận lấy.

“Tôi bảo này,” Maneck nói, “tại sao anh không tháo chiếc kara của anh ra và giấu tạm nó đi?”

“Không tháo ra được đâu.” Anh ta giơ cổ tay lên và giật chiếc vòng thật mạnh. “Tôi đang định cắt đi. Nhưng tôi phải kiếm một thợ rèn tin cậy, một người sẽ không nói hớ cho những kẻ không tốt biết chuyện.”

“Để tôi thử xem.” Maneck nắm lấy bàn tay của người tài xế, hết giằng lại vặn chiếc kara. Nó không mấy may nhúc nhích quá gốc ngón tay cái.

Người tài xế mỉm cười. “Chắc chắn như một chiếc còng nhỉ? Tôi đã bị xích vào tín ngưỡng của mình rồi – một người tù hạnh phúc.”

“Đã vậy, chí ít anh hãy mặc áo dài tay. Che nó lại, giấu kín cổ tay anh vào.”

“Nhưng thỉnh thoảng tôi lại phải chìa tay ra để xin đường. Nếu không cảnh sát giao thông sẽ bắt tôi vì tội lái ẩu.”

Maneck chịu thua, buông chiếc kara ra. Người tài xế cầm lấy bàn tay Maneck bằng cả hai tay mình và siết nó thật chặt.

“Lên đường thượng lộ bình an nhé,” anh ta nói.

Aban Kohlah khóc nức lên khi con trai bà về tới. Được gặp lại anh thật tuyệt vời làm sao, bà nói thế, nhưng tại sao anh lại đi biệt tới tám năm trời, phải chăng anh giận dữ chuyện gì, lẽ nào anh cảm thấy không ai cần đến mình nữa? Vừa nói, bà vừa ôm anh và vỗ lên má anh và vuốt tóc anh.

“Nhưng mẹ thích bộ râu của con đấy,” bà nói bằng giọng đầy ý thức trách nhiệm. “Làm con đẹp trai hẳn lên. Lẽ ra con nên gửi cho bố mẹ một tấm ảnh, để bố còn được trông thấy. Nhưng đừng lo, mẹ chắc chắn bố đang nhìn xuống đây từ trên kia.”

Maneck im lặng lắng nghe. Không một ngày nào trôi qua trong suốt cái án lưu đầy dài đằng đặc kia mà anh không nghĩ đến ngôi nhà và cha mẹ mình. Ở Dubai, anh cảm thấy như mình đã mắc kẹt. Mắc kẹt, anh nghĩ thầm, cũng hết như người phụ nữ trẻ anh đã gặp trong một lần nhận nhiệm vụ bảo dưỡng tại gia để sửa một cái tủ lạnh. Cô đã tới vùng Vịnh làm giúp việc vì khoản thù lao hứa hẹn có vẻ rất hời.

“Sao thế, Maneck?” Bà Kohlah van vãn. “Chẳng lẽ con không muốn sống ở đây, giữa vùng đồi núi nữa ư, có phải thế không? Con thấy nơi này buồn tẻ quá hay sao?”

“Không, đẹp lắm mẹ ạ,” anh nói, đoạn lơ đãng vỗ nhẹ lên tay bà. Anh không thể thôi băn khoăn về số phận cô giúp việc nọ. Phải lao động quá sức, liên tục bị bọn đàn ông con trai trong nhà sàm sỡ quấy rối, bị nhốt trong phòng khi đêm xuống, hộ chiếu bị tịch thu, cô đã van xin anh cứu giúp, nói bằng tiếng Hindi để chủ cô không hiểu được. Nhưng cô đã bị gọi xuống bếp trước khi Maneck kịp nói gì. Biết khó lòng can thiệp, tất cả những gì anh đã làm là gọi một cuộc nặc danh đến Lãnh sự quán Ấn Độ.

Anh thật quá may mắn, nếu so với cô gái khốn khổ kia, anh nghĩ. Vậy thì có sao anh lại có cảm giác bất lực hết như cô, ngay cả khi đã ở nơi đây, trong chính nhà mình?

Và giờ, khi thấy mẹ khóc, anh ước sao mình có câu trả lời cho những câu hỏi của bà. Nhưng anh không tài nào giải thích nổi, dù cho bà hay cho chính mình. Tất cả những gì anh có thể viện ra chỉ là những lý do cũ rích, sáo mòn: nghề nghiệp yêu cầu gặt gao, áp lực công việc, thiếu thốn thời gian, một chuỗi lặp lại của những từ ngữ rỗng tuếch mà anh vẫn ghi bừa vào lá thư gửi cho mẹ hàng năm.

“Không, nói cho mẹ biết nguyên do thực đi,” bà nói. “Không sao, chúng ta sẽ nói chuyện sau, con cứ nghỉ ngơi đã. Tội nghiệp bố, bố nhớ con biết bao, thế nhưng bố chưa bao giờ, chưa khi nào kêu ca một tiếng. Nhưng mẹ biết nó đang gặm nhấm bố từ bên trong.”

“Vậy ra mẹ đang bảo tại con mà bố bị ung thư phải không?”

“Không! Ý mẹ không phải như vậy! Không hề!” Mẹ anh giữ chặt khuôn mặt anh trong hai bàn tay bà, nhắc đi nhắc lại lời phủ nhận cho đến khi bà chắc chắn con đã tin mình. “Con biết không, có lần bố đã bảo mẹ, rằng ngày tồi tệ nhất đời bố là khi bố để thiếu tướng Grewal thuyết phục bố rằng một công việc ở vùng Vịnh sẽ là một điều tốt cho con.”

Hai mẹ còn ngồi dưới hiên nhà, bà kể cho con biết những công việc chuẩn bị cho tang lễ vào sáng hôm sau: các thầy cả sẽ tới đây từ đền thờ lửa gần nhất, tuy vẫn là một chặng đường khá xa xôi. Hầu hết các thầy đã từ chối lời mời khi họ biết tin người quá cố sẽ được hỏa thiêu, họ nói rằng mình chỉ làm lễ cho các tín đồ Bái Hỏa Giáo sẽ được tống táng trên Tháp Bình Yên – chuyện phải lặn lội đường xa bằng tàu hỏa không thành vấn đề.

“Mấy ông thầy đấy thật hẹp hòi quá,” bà vừa nói vừa lắc đầu. “Dĩ nhiên, chúng ta làm hỏa táng vì đó là nguyện vọng của bố, nhưng còn những gia đình không đủ khả năng vận chuyển thi thể đi thì sao? Chẳng lẽ các thầy cũng từ chối, không cầu nguyện cho họ nữa hay sao?”

Cuộc hỏa táng sẽ không được thực hiện ở một giàn thiêu ngoài trời, bà giải thích. Lò thiêu điện dưới thung lũng đã được đặt chỗ trước – như vậy sẽ lịch sự hơn. Mà bố cũng không trắng trối rõ về cách thức hỏa thiêu, nên chắc sẽ không có vấn đề gì hết.

Cửa hàng bách hóa tổng hợp vẫn đóng cửa từ ngày ông mất. Bà tính mở cửa trở lại vào tuần sau và tiếp tục hoạt động như bình thường. “Con có định quay về đây sống không?” Bà rụt rè ướm hỏi, sợ rằng mình có vẻ như đang tọc mạch chuyện riêng của con quá chẳng.

“Con vẫn chưa nghĩ đến chuyện đó.”

Ánh sáng buổi ban ngày đã bắt đầu nhạt dần quanh họ. Anh ngắm một con thằn lằn đang bám bắt động trên bức tường đá. Thỉnh thoảng, thân thể gầy nhảnh của nó lại bắn về phía trước như một mũi tên để bắt lấy một con ruồi.

“Ở Dubai con có được vui vẻ không? Công việc có thú vị không?”

“Cũng được ạ.”

“Kể cho mẹ nghe thêm đi. Con viết thư bảo con đã lên làm quản lý rồi phải không?”

“Trưởng nhóm thôi. Con phụ trách một đội bảo dưỡng máy điều hòa không khí trung tâm.”

Bà gật đầu. “Thế ở Dubai thế nào?”

“Cũng được.” Anh lục tìm trong tâm trí của mình, mong kiếm chi tiết gì đó để thêm vào, và nhận ra anh chẳng biết gì về nơi đó, do không muốn biết. Con người, phong tục, ngôn ngữ – tất cả thấy đến nay vẫn hoàn toàn xa lạ với anh, hết như khi anh mới đặt chân đến đó cách đây tám năm. Cảm giác cây bị bật gốc trong anh dường như không bao giờ chấm dứt. “Rất nhiều khách sạn lớn. Và có hàng trăm cửa hàng bán trang sức vàng và đàn âm thanh nổi và ti vi.”

Bà lại gật đầu. “Hẳn là một nơi rất đẹp.” Nỗi buồn của anh giày vò bà khổ sở như một thứ gì đó có thể sờ nắm được. Bà cảm thấy thời điểm đã chín muồi để nhắc lại chuyện quay về nhà của anh. “Cửa hàng là của con, con cũng biết thế mà. Nếu con muốn quay về và

quản lý nó, hiện đại hóa nó. Làm bất cứ việc gì con thích. Hoặc con bán đi và dùng tiền để mở công ty điều hòa không khí và làm lạnh của riêng mình cũng được.”

Anh nghe thấy giọng e dè trong lời bà nói mà đau khổ vô cùng. Một bà mẹ lại sợ sệt không dám nói chuyện với chính con trai mình, anh thực sự đáng sợ đến thế sao? “Con vẫn chưa nghĩ đến hướng nào trong số đó cả,” anh nhắc lại.

“Con cứ từ từ, có gì vội đâu. Con muốn thế nào cũng được.”

Anh cau mày trước sự gằng gỏi của mẹ hồng xoa dịu mình. Tại sao bà không nói bà chán ghét cung cách cư xử của anh, khoảng thời gian vắng mặt dài dằng dặc của anh, những lá thư nhạt nhẽo, nhát gừng của anh? Và nếu bà có nói thế thật, anh có biện hộ cho mình không? Liệu anh có dẫn ra hết lý do này đến lý do khác, cố gắng giải thích rằng đối với anh, mỗi nỗ lực dường như đều vô nghĩa nhường nào không? Không. Bởi vì sau đó bà sẽ lại khóc, anh sẽ bảo bà đừng làm như vậy nữa, bà sẽ lại vạch vôi hời hợt thêm nữa, rồi đến nước anh sẽ bảo bà nên lo chuyện riêng của mình đi thì hơn.

“Mẹ đang nghĩ,” bà Kohlah nói, cố chuyển sang một chủ đề ít mạo hiểm hơn. “Nhân lúc con trở về sau bao nhiêu năm, có lẽ con nên tận dụng cơ hội này để đi thăm họ hàng của nhà ta. Tất nhà mọi người trong gia đình Sodawalla đều rất háo hức muốn được gặp lại con.”

“Đi xa lắm, con không có thời gian.”

“Chỉ hai, ba ngày cũng không ư? Con có thể qua chào cái cô con đã ở cùng khi còn học đại học. Cô ấy sẽ rất mừng nếu được gặp con.”

“Qua ngắn ấy năm chắc cô ấy cũng quên luôn con rồi.”

“Mẹ không nghĩ thế. Nếu không phải nhờ có cô ấy, con đã không hoàn thành được chứng chỉ. Con không thích kí túc xá trường đại học, con muốn về thẳng nhà luôn, con nhớ không? Có được thành công hôm nay, con mắc nợ cô Dina Dalal và căn hộ của cô ấy đấy.”

“Vâng, con vẫn nhớ.” Nghe mẹ anh nhắc đến từ “thành công”, anh rùng mình.

Bóng tối buông dần, và con thần lẩn anh vẫn ngẩn nhìn dần tan vào bức tường đá. Khi nó di chuyển, hình hài của nó lại hiện lên sắc nét. Nhưng cơn thèm ăn của con vật có lẽ đã được thỏa mãn, anh thầm nghĩ, vì nó không còn lao bổ vào lũ ruồi nữa – cái bụng nó đã phồng lên thấy rõ.

“Maneck.” Bà đợi đến khi anh quay mặt về phía bà. “Maneck, sao con xa cách thế?”

Anh nheo mắt sẫm soi gương mặt của mẹ mình – mẹ anh không hay nói ra những câu vô nghĩa như vậy. “Đấy là vì công việc của con ở tận Dubai.”

“Mẹ không nói đến khoảng cách ấy, Maneck ạ.”

Câu trả lời của bà khiến anh cảm thấy mình thật ngu ngốc. Tay chạm nhẹ lên vai anh, bà nói, “Đến lúc ăn tối rồi,” và đi vào nhà.

Anh lắng nghe những âm thanh từ trong bếp vọng ra tận hiên nhà, mơ hồ như những lời mẹ anh nói. Xoong và chảo, và rồi con dao, một chuỗi những tiếng lập bập dội lên mặt thớt khi bà thái thứ gì đó. Nước chảy trong bồn rửa. Một tiếng sầm, và chiếc chót lạch xạch sập vào lỗ, khi bà đóng cửa sổ lại để ngăn chặn hơi lạnh buổi tối.

Maneck nhấp nhẩm bút rút trên chiếc ghế mình đang ngồi. Những âm thanh từ việc nấu nướng, cái lạnh tê tái của buổi chạng vạng, làn sương bốc lên từ dưới thung lũng bắt

đầu dắt díu một đội quân kí ức chạy xuyên qua tâm trí đầy xáo động của anh. Những buổi sáng thời ấu thơ, tỉnh dậy, đứng trước ô cửa sổ – khung tranh hùng vĩ của phòng mình, ngắm những đỉnh núi phủ đầy tuyết trong khi mặt trời dần nhô lên và những dải mây mù trên núi múa may trong điệu nhảy của chúng, mẹ đang bắt tay vào nấu bữa sáng còn bố chuẩn bị mở cửa hàng. Rồi mùi thơm của bánh mì nướng và trứng tráng khiến anh đói cồn cào, thế là anh xỏ đôi chân ấm áp vào hai chiếc dép lạnh băng, tận hưởng cơn rùng mình xuyên dọc toàn thân, đánh răng, và vội vã chạy xuống nhà, dành cho mẹ một cái ôm chào buổi sáng và rúc vào ghế của mình. Ít phút sau, bố bước vào, tay xoa xoa, vừa đứng vừa húp những ngụm trà thật lớn từ chiếc tách đặc biệt của mình, mắt say sưa nhìn khắp thung lũng trước khi ngồi xuống để ăn bữa sáng và uống thêm trà, và mẹ nói...

“Maneck, ngoài trời đang trở lạnh rồi đấy. Con có muốn lấy áo len không?”

Sự quấy nhiễu kéo giật khuỷu tay của kí ức; những ý nghĩ của anh đổ sụp xuống như một ngôi nhà ghép bằng lá bài. “Không, con vào ngay đây,” anh đáp lại, bực bội vì mối gián đoạn, như thể anh có thể thu hồi, tái dựng, chuộc lại những khoảnh khắc hạnh phúc ấy nếu anh có đủ thời gian.

Con thần lẩn vẫn bám vào bức tường đá, nguy trang trong màu sắc của đá. Maneck quyết định sẽ vào nhà khi nào ánh sáng dần nhạt khiến con vật biến mất hoàn toàn. Anh ghét hình hài, màu sắc lẫn cái mồm xấu xí của nó. Cái cách nó thè ra thụt vào cái lưỡi quỷ quyết. Cách nuốt ruồi tàn bạo của nó. Cách thời gian nuốt trọn mọi nỗ lực và niềm vui của con người. Thời gian, tay kiên tường số một không bao giờ có thể bị chiếu tướng. Không có cách gì thoát nổi cái bụng khổng lồ của nó. Anh muốn tiêu diệt sinh vật ghê tởm ấy.

Anh vớ lấy một cây gậy đi đường dựng trong góc hiên, rón rén tiến tới, và quật vào con thần lẩn. Cây gậy nện chát lên mặt đá. Anh nhanh chân bước lùi lại, sẫm soi mặt đất dưới chân mình, sẵn sàng giáng xuống cú đánh thứ hai nếu cần. Nhưng dưới đó tịnh chẳng có gì. Anh nhìn lên bức tường. Không có gì. Anh vừa quật vào không khí.

Giờ anh lại thấy nhẹ nhõm vì mình đã không giết con thần lẩn. Anh lấy làm lạ, không biết nó đã bỏ đi từ lúc nào, bỏ lại anh tự ngồi mừng tượng ra hình hài thần lẩn của nó. Anh nhìn sát vào kết cấu bức tường. Anh đưa tay sờ lên bề mặt để tìm kiếm. Chắc hẳn phải có một dấu vết kì dị trên đá, một chỗ lồi hay kẽ nứt hay hõm nhỏ đã đánh lừa mắt anh.

Nhưng những đường nét đã biến mất. Dù có cố gắng đến đâu, anh không thể dựng lại nổi bức tranh. Con thần lẩn tưởng tượng đã trốn thoát, cũng êm thấm hệt như con thần lẩn thật.

Buổi sáng sau cuộc hỏa táng, Maneck và mẹ ôm chiếc hộp gỗ lên đường đi rải tro cốt của bố anh trên sườn núi nơi ông thường thích dạo bộ. Ông muốn mình được rắc ở khắp những con đường đó, bao trùm toàn bộ khung cảnh rộng và xa đến hết mức mà nỗ lực con người có thể đạt được. Ông từng nói đùa, nếu cần, mình có thể thuê một người Sherpa^[55] cũng được. Đừng đổ tôi ở một chỗ.

“Mẹ nghĩ bố đang ép mẹ phải đi bộ đường dài với bố ít nhất một lần đây,” bà Kohlah nói, đoạn đưa mu bàn tay lên gạt nước mắt, cố giữ những ngón tay khô khản để còn vốc tro.

Maneck ước sao mình đã đồng hành với bố nhiều hơn trong những chuyến du ngoạn của ông. Anh ước sao niềm vui sướng, nỗi háo hức anh đã thể hiện khi còn là một đứa trẻ vẫn kéo dài đến những năm sau đó, khi bố anh cần anh nhất. Thay vào đó, anh đã không chống đỡ nổi nỗi hổ thẹn trước những biểu hiện của tình yêu dạt dào bố anh dành cho những dòng suối, những con chim, những bông hoa, nhất là sau khi mọi người trong thị trấn bắt

đầu xì xào về cách hành xử lạ lùng của ông Kohlah, cách ông vỗ về những tảng đá, vuốt ve những thân cây.

Bầu không khí sáng nay thật tĩnh lặng. Không có cơn gió nào để giúp phát tán bụi tro đi xa. Maneck và mẹ thay phiên nhau thò tay vào hộp và gieo rắc thứ bột xám.

Khi một nửa số tro đã cạn, Aban Kohlah bỗng thấy lòng nhói lên cảm giác tội lỗi, bà có cảm giác hai mẹ con đã không làm cẩn thận như chồng muốn. Bà đánh bạo đi tới những chốn hiểm hóc hơn, cố ném một nắm đầy xuống một dòng thác nước chảy lừ đừ, trộn chút ít vào một cụm hoa dại không ai với tới được, rắc vài nhúm quanh cái cây mọc lên từ một mỗm đá nhô ra ngoài.

“Đây là điểm yêu thích của bố đấy,” bà nói. “Bố hay tả về cái cây này, cái cách nó mọc lên kì dị đến thế nào.”

“Mẹ cẩn thận đấy,” Maneck cảnh báo. “Mẹ muốn rải tro ở đâu thì cứ nói với con, đừng đi ra sát mép vực như thế.”

Nhưng hai người làm đâu có giống nhau, bà nghĩ, và vẫn bền bỉ leo từng bước chơi với dọc lối mòn dốc đứng. Cuối cùng, điều Maneck lo sợ đã trở thành sự thực. Bà trượt chân và lăn xuống một con dốc.

Anh chạy xuống chỗ bà đang nằm co quắp, tay xoa bóp đầu gối. “Ôiii!” Bà rên lên, đoạn đứng dậy và cố đi tiếp.

“Mẹ đừng,” anh nói. “Cứ đợi ở đây, con sẽ đi gọi người giúp.”

“Không, không sao đâu, mẹ leo lên được.” Bà bước hai bước và lại khụy xuống đất.

Anh cất hộp tro an toàn sau một tảng đá, rồi hối hả chạy lên đường cái, hét lớn với người qua đường rằng mẹ mình đã bị thương. Chỉ trong vòng ba mươi phút, một nhóm bạn bè và hàng xóm đã chạy tới cứu trợ, dẫn đầu là bà Grewal ghé góm.

Vợ của thiếu tướng Grewal càng ngày càng trở nên chuyên quyền hơn trong cung cách cư xử kể từ ngày chồng mất. Dù xuất hiện ở đâu, bà đều tự động nắm quyền kiểm soát mọi sự. Hầu hết bạn bè của bà đều hoan nghênh động thái này, vì như thế càng đỡ việc cho họ, dù đó là lên kế hoạch cho một bữa tiệc tối hay chuẩn bị một buổi dã ngoại.

Sau khi xem xét tình hình của bà Kohlah, bà Grewal bèn cho gọi hai người phu vận chuyển hiện đang làm bồi bàn ở một khách sạn năm sao. Xưa kia, bộ đôi thường khiêng những người già và du khách yếu sức trên những chiếc ghế tay đòn dài dọc các lối mòn và đường nhỏ trên núi để thưởng ngoạn cảnh đẹp. Khi con đường mới được xây dựng, đủ rộng để các xe buýt văn cảnh cũng có thể đi được, những người phu này đành bỏ nghề.

Nhưng hai người này rất vui vẻ được lấy chiếc kiệu ra khỏi kho để phục vụ bà Kohlah. Maneck hỏi liệu họ có đủ sức khiêng bà một cách an toàn không, vì có thể họ đã đánh mất những bước đi vững chãi sau bao nhiêu năm làm công việc khách sạn nhẹ nhàng, chỉ phải đi đi lại lại giữa bếp và nhà ăn.

“Xin anh chớ lo,” họ nói. “Công việc này là nghề nhà của chúng tôi, nó ăn vào máu rồi.” Họ phấn khích ra mặt trước cơ hội, dù ngắn ngủi, để thực hành những kĩ năng cũ.

“Maneck, con ở lại rắc nốt chỗ tro nhé?” Bà Kohlah hỏi khi bà được diu lên kiệu.

“Được, cậu ấy sẽ ở lại,” bà Grewal bèn quyết thay hai mẹ con luôn. “Maneck, cháu rắc nốt chỗ tro còn lại rồi đi theo chúng tôi sau nhé. Mẹ cháu sẽ được an toàn với tôi.”

Bà ra hiệu cho hai người phu vận chuyển; họ bèn đồng loạt nâng chiếc kiệu lên vai và bước đi thoăn thoắt một cách hoàn hảo, chân và tay cử động như một cỗ máy được tra dầu trơn tru, tìm ra một nhịp điệu mượt mà trên những lối mòn gập ghềnh để tránh cho hành khách của mình những cú xóc giật không cần thiết. Maneck bỗng nhớ tới cái đầu máy hơi nước mà bố anh đã từng cho anh xem từ khoảng cách rất gần... Ở ga tàu hỏa, bố nâng anh lên bằng đôi tay của ông, người thợ lái tàu kéo còi... đòan trực và tay quay và pít tông, kéo và đẩy trong một kết cấu đối xứng đầy sức mạnh, tràn ngập những âm thanh lạch xạch...

“Ôi, giá mà Farokh nhìn thấy cảnh này,” bà Kohlah nói, vừa cười vừa khóc. “Rắc xong tro của ông ấy, bà vợ lại về nhà bằng kiệu. Thế nào ông ấy cũng cười nhạo sự vụng về kiểu cách của tôi.”

Maneck nhìn hai người phu vận chuyển biến mất sau ngã rẽ tiếp theo, rồi đi lấy lại chiếc hộp giấu sau tảng đá. Anh tiếp tục rắc nốt hộp tro. Thỉnh thoảng, một cơn gió nổi lên. Những đám mây chậm chạp đang lơ lờ trôi bỗng khởi động một cuộc đua sôi nổi trên bầu trời, bóng đen của chúng đe dọa vùng thung lũng bên dưới. Anh để tro cốt rỉ qua kẽ ngón tay mình rơi vào móng vuốt của gió. Anh vét nốt thành bên trong chiếc hộp, lật úp nó xuống, và gõ lên mặt hộp. Chút tro cuối cùng liền bay mất, đi khám phá những miền bao la.

Chốc chốc, bà Grewal, đang sải bước ngay sau gót hai phu vận chuyển, lại hô to những lời chỉ dẫn dành cho họ. “Cẩn thận, cành cây kia thấp lắm. Hai người không muốn bà Kohlah bị cộc đầu đấy chứ.”

“Xin bà chớ lo,” họ thở hổn hển. “Chúng tôi vẫn chưa quên nghề đâu.”

“Hừm,” bà Grewal tỏ ý ngờ vực. “Coi chừng đấy, có một hòn đá rất lớn, đừng trượt chân nhé.”

Lần này, bà Kohlah vội lên tiếng trấn an thay hai người kia. “Chị đừng lo, họ lành nghề lắm. Em thấy rất thoải mái.”

Những người bạn bè và hàng xóm đi theo sau họ tặng hai phu vận chuyển một tràng pháo tay khi họ rời khỏi lối mòn trên núi và bước dọc theo con đường dẫn vào thị trấn. Phải bao nhiêu năm rồi người ta mới lại nhìn thấy một cái kiệu ngất ngưỡng trôi trên phố. Bóng ma đến từ quá khứ được chào đón bằng niềm hoan hỉ bởi tất cả những ai được gặp nó trên hành trình của mình. Rất nhiều người quyết định bám theo, làm đông đúc thêm hàng ngũ của đám rước tự phát.

Thỉnh thoảng, đám rước kiệu phải dừng lại bên vệ đường để cho xe tải và xe buýt đi qua. Sau lần nghỉ chân thứ năm như thế, bà Grewal bèn nóng máu lên. “Thế này là đủ lắm rồi,” bà nói. “Nào, tất cả mọi người. Bước ra, bước hẳn ra, ra giữa đường cái luôn. Chúng ta không phải nhường ai hết. Hôm nay thì không. Chị Kohlah được phép hưởng quyền ưu tiên, hôm nay là một ngày đặc biệt của chị ấy. Xe cộ đợi tí cũng chẳng sao.”

Ai nấy đều đồng tình với bà Grewal, và trong ba mươi lăm phút vinh quang, họ hành quân vào thị trấn như một đoàn diễu hành tràn ngập quyết tâm, nối sau lưng là những hàng xe cộ nóng nảy, tài xế bấm còi và quát tháo ầm ĩ. Bà Grewal nói chung lơ tịt bọn họ, quyết không phí mồm chĩnh đón đám loạn âm hỗn tạp kia. Dầu vậy, thỉnh thoảng, cơn thịnh nộ vẫn khiến bà dừng bước và quát lại: “Tôn trọng người ta một chút xem nào! Đây là một quả phụ đấy nhé!”

Khoảng một tiếng sau khi xuất phát, đội quân cứu hộ về đến nhà an toàn, và bà Kohlah được dìu xuống ngồi trên một chiếc ghế bành, cùng một bọc đá buộc quanh đầu gối. Bà

Grewal ngồi đối diện với bà trong một chiếc ghế lưng thẳng, tư thế nghiêm ngặt như một người lính gác. Bà không chịu ra về cùng những người khác, bà tuyên bố bằng giọng dứt khoát: “Em không được phép ở một mình trong ngày sau tang lễ.”

Bà Kohlah hơi buồn cười trước cách cư xử của bà bạn, và cũng mừng vì có người ở bên. Họ ôn lại chuyện xưa về Cửa hàng bách hóa tổng hợp, những tháng ngày thịnh vượng xưa kia, những buổi tiệc trà và bữa tối, những ngày quân đội còn đóng ở đây. Cuộc sống đã từng đẹp để biết bao, bầu không khí thật ngọt ngào và trong lành nhường nào – cứ khi nào thấy trong người mệt mỏi hay ốm yếu, ta chỉ cần bước ra cửa, hít một hơi thật sâu, thế là ta đã cảm thấy khỏe lên tức thì, không cần phải uống bất cứ loại thuốc men hay viên vitamin nào hết. “Ngày nay, chỉ riêng bầu không khí cũng đã thấy khác hẳn rồi,” bà Grewal nói.

Đúng lúc đó, Maneck bước vào, và tiếp nối là một khoảng im lặng ngại ngùng. Anh tự hỏi hai người đang bàn luận về chuyện gì.

“Cháu quay lại nhanh quá,” bà Grewal bình luận. “Trẻ người, khỏe chân có khác. Cháu xử lý hộp tro ổn thỏa chưa?”

“Rồi ạ, cảm ơn bác.”

“Con có chắc con đã làm đến nơi đến chốn không, Maneck?” Mẹ anh hỏi.

“Có ạ.”

Lại đến một khoảng im lặng ngắn khác.

“Thế cháu đã làm gì ở Dubai vậy?” Bà Grewal hỏi. “Ngoài việc nuôi một bộ râu?”

Đáp lại, anh chỉ mỉm cười.

“Kín tiếng quá nhỉ. Chắc hái ra tiền lắm, ta hi vọng thế.”

Anh lại mỉm cười. Bà ra về sau ít phút, nói rằng mình không cần phải ở lại thêm nữa. “Giờ cháu có thể chăm sóc mẹ mình được rồi,” bà để thêm bằng giọng đầy ẩn ý.

Maneck kiểm tra bọc đá, rồi nghĩ sẽ làm bánh xăng ụych kẹp pho mát cho bữa trưa.

“Tám năm rồi con tôi mới về thăm nhà, vậy mà tôi còn không nấu cho ăn được,” mẹ anh than thở.

“Ai làm xăng ụych thì có gì khác đâu?”

Bà nhận thấy giọng cảnh báo trong lời anh nói bèn nhin lời, rồi lại uớm hỏi lần nữa. “Maneck, con đừng giận nhé. Sao con không nói cho mẹ biết lý do tại sao con lại buồn bực đến thế?”

“Con chẳng có gì để nói cả.”

“Cả hai mẹ con ta đều buồn vì cái chết của bố. Nhưng đó không thể là lý do duy nhất được. Chúng ta đã lường trước việc đó kể từ ngày bệnh ung thư ruột kết của bố được phát hiện. Còn có điều gì đó khác trong nỗi buồn của con, mẹ có thể linh cảm thấy.”

Bà chờ đợi, mắt nhìn anh khi anh cắt bánh mì, nhưng khuôn mặt anh vẫn trơ trơ. “Có phải vì con không về thăm nhà trong khi bố vẫn còn sống không? Con không cần phải cảm thấy có lỗi. Bố hiểu chuyện đi lại với con khó khăn đến mức nào mà.”

Anh đặt con dao cắt bánh mì xuống và quay lại. “Mẹ thật sự muốn biết lý do tại sao à?”

“Phải.”

Anh lại cầm con dao lên, cẩn thận cắt lát ổ bánh mì trong khi vẫn giữ một giọng bình thản. “Hai người đẩy con đi, mẹ và bố. Và rồi con không thể quay về được nữa. Bố mẹ mất con, còn con mất-tất-cả.”

Bà tập tễnh lao đến bên anh và túm lấy cánh tay anh. “Nhìn mẹ đi, Maneck!” Bà nói trong làn nước mắt. “Những gì con nghĩ đều không đúng sự thật, con là tất cả đối với mẹ và bố! Dù bố mẹ làm việc gì, thì cũng đều là vì con cả! Xin con, xin con hãy tin mẹ!”

Anh nhẹ nhàng rút cánh tay ra, và tiếp tục làm xăng ụch.

“Làm sao con có thể nói những câu đau lòng đến thế rồi lại im lặng? Lúc nào con cũng kêu ca là bố thích làm bộ làm tịch. Nhưng giờ con lại đang cư xử đúng như thế đấy.”

Anh không chịu bàn luận gì thêm. Bà bám theo anh đi quanh bếp, bước cà nhắc cà nhót, miệng không thôi van vỉ con.

“Con làm bánh xăng ụch phỏng có ích gì nếu mẹ cứ đi đi lại lại với cái đầu gối kia?” Anh cúi gằm nói.

Bà ngoan ngoãn ngồi xuống cho đến khi anh làm xong xuôi và bữa trưa được bày ra bàn. Khi hai mẹ con ăn, bà len lén nhìn mặt con từng chút một, trong những lúc bà đoán chắc anh không để ý. Bầu trời sập tối. Anh rửa bát đĩa và úp lên giá cho khô. Tiếng sấm nổ ầm ầm rung động khắp trên đầu thung lũng.

“Sáng nay mẹ con mình thật may mắn,” bà nói khi mưa bắt đầu rơi. “Mẹ lên nhà nghỉ đây. Nếu mưa hắt, con đóng cửa sổ vào nhé?”

Anh gạt đầu và đỡ mẹ leo lên cầu thang. Bà mỉm cười trong cơn đau, sung sướng tựa vào vai con, lấy làm hãnh diện với sức mạnh và sự vững chãi của nó.

Sau khi mẹ đã lên giường, Maneck xuống dưới nhà và đứng bên cửa sổ để ngắm màn trình diễn của chớp, tận hưởng tiếng vỗ tay của sấm. Anh đã bỏ lỡ những cơn mưa ở Dubai. Cả thung lũng biến mất dần dưới một tấm chăn bằng sương mù. Anh bồn chồn sải bước quanh nhà, rồi ra cửa hàng.

Anh ngắm soi những kệ giá, ngắm nghía những nhãn hàng trên các lọ và hộp mà đã bao năm anh không được thấy. Nhưng cửa hàng mới nhỏ bé, nhếch nhác làm sao, anh thầm nghĩ. Cái cửa hàng đã từng một thời là trung tâm của vũ trụ của anh. Và giờ anh đã xa cách nó biết mấy. Xa đến nỗi có cảm giác quay trở về đã là việc bất khả thi. Anh tự hỏi cái gì đã ngăn trở anh. Chắc chắn không phải là Dubai sạch sẽ và hào nhoáng.

Anh bước men những bậc thang dẫn xuống tầng hầm nơi chiếc máy đóng chai say ngủ. Mạng nhện đã chiếm cứ, phủ một tấm vải liệm lên cỗ máy bại trận. Bố mẹ anh từng viết, nhu cầu đối với Kohlah Cola đã hầu như biến mất trong thời gian gần đây – xuống còn chỉ nửa chục chai một ngày, dành cho các bạn bè hàng xóm thân thiết.

Anh bước thò thẩn giữa những chai rỗng và thùng gỗ. Một chồng báo mủn nát đứng trong góc tầng hầm, bị che khuất một phần bởi một bó túi đay. Anh đưa tay vuốt lên mặt đay thô ráp, cảm nhận cái gai gai của sợi đay, hít hà mùi thơm tươi mới đậm đặc của gỗ và thực vật. Ngày tháng của đồng báo lùi về trước tới mười năm, và nhảy cóc lung tung suốt một thập kỷ. Lạ thật, anh nghĩ, vì bố thường xuyên dùng hết báo cho cửa hàng, để gói đồ hoặc lót hàng hóa. Chỗ báo này hẳn đã bị bỏ sót.

Anh quyết định mang chúng lên nhà và xem qua. Đọc báo cũ xem ra là một cách hợp lý để giết thì giờ trong một buổi chiều u ám, đầy mưa gió.

Anh ngồi xuống một chiếc ghế kê bên cửa sổ và mở những trang giấy bụi bặm, ố vàng của số báo đầu tiên trong chồng. Báo ra từ khoảng thời gian sau cuộc bầu cử hậu Tình trạng khẩn cấp, khi đó thủ tướng thua cuộc trước liên minh đối lập. Có nhiều bài báo về những vụ bạo hành trong thời gian áp dụng Tình trạng khẩn cấp, lời chứng thực của những nạn nhân bị tra tấn, tâm lý phần nộ trước vô số cái chết trong thời gian bị cảnh sát bắt giữ. Các bài xã luận đã bị bịt miệng dưới thời trị vì của bà, kêu gọi thành lập một ủy ban đặc biệt để điều tra những việc làm sai trái và trừng phạt kẻ có tội.

Mất kiên nhẫn với những bài phóng sự lặp đi lặp lại, anh bỏ sang số báo khác. Thái độ lúng túng của chính phủ mới trong việc xử lý nguyên thủ tướng cũng không kích thích nổi niềm ham đọc, trừ một bài báo có dẫn lời một thành viên nội các rằng: “Bà ta phải bị trừng trị, bà ta là một mụ đàn bà đáng sợ, xấu xa không khác gì Cleopatra.” Và quyết định duy nhất nhận được sự đồng lòng nhất trí từ cái chính phủ tê liệt này là cấm cửa Coca-Cola khỏi đất nước, vì tội từ chối nhượng lại công thức bí mật và quyền lợi quản lý của mình; bằng một chút xoắn vặn và nắn bóp, hành động đó đã phù hợp với mọi hệ tư tưởng trong hàng ngũ liên minh.

Chỉ mấy số báo sau, đã thấy liên minh tan rã sau những cuộc gấu ó liên miên và một cuộc bầu cử mới được tổ chức. Nguyên thủ tướng đường hoàng gỡ bỏ tiền tố “nguyên” trong danh vị của mình và trở lại nắm quyền. Các bài xã luận nay lại kiểm chế những lời lẽ chống lại bà, đổi sang tông giọng đầy xu nịnh gọi nhớ lại thời Tình trạng khẩn cấp. Một tay nhà báo hèn hạ còn viết: “Liệu thủ tướng có đủ sức hồi sinh chỉ ít một phần của những vị thần trong con người bà chăng? Không còn nghi ngờ gì nữa, bà sở hữu một sức mạnh tiềm tàng, đang nằm cuộn tròn nơi tận cùng dải xương sống của bà, thứ Kundalini Shakti^[56] hiện đang tỉnh thức và đưa bà đến cảnh giới siêu phàm.” Người viết không tỏ ý gì mai mỉa hết, vì đoạn văn đặt trong ngữ cảnh một bài tán tụng rất dài.

Chán ngấy, Maneck lật tìm những trang tin thể thao. Có nhiều tấm ảnh chụp các trận đấu cric-kê và tuyên bố của một đội trưởng người Úc về “một lũ ăn mày của Thế Giới Thứ Ba tưởng rằng chúng biết chơi cric-kê.” Và tiếp đến là không khí hân hoan vui sướng và pháo hoa và lễ ăn mừng khi “lũ ăn mày” đánh bại đội Úc trong giải Test Series^[57].

Anh bắt đầu lướt qua những trang báo nhanh hơn. Sau một lúc, ngay cả các bức hình trông cũng na ná nhau. Tàu hỏa trật đường ray, lũ mùa mưa, sập cầu; bộ trưởng được tung hô, bộ trưởng phát biểu, bộ trưởng đi thăm những vùng gặp thiên tai và nhân tai. Anh lật hết trang nọ sang trang kia giữa những lần liếc nhìn ra cửa sổ, ngắm rạp hát của thời tiết – làn mưa táp ràn rạt, những hàng thông tuyết bị gió quật, những tia chớp.

Rồi có thứ gì đó trên báo đập vào mắt anh. Anh giở ra xem lại. Đó là tấm hình chụp ba cô gái trẻ. Trên người mặc áo choli và váy lót dài, họ bị treo lủng lẳng trên một chiếc quạt trần. Một đầu vạt sari của mỗi cô được buộc vào móc treo quạt, còn đầu kia quấn quanh cổ họ. Cổ họ ngoẹo sang một bên. Những cánh tay rũ ra, như chân tay của những con búp bê vải.

Anh đọc câu chuyện đi kèm, mắt anh liên tục lia sang khung hình mãi lơ lửng như một hoạt cảnh ghê rợn. Ba cô gái là chị em ruột, tuổi mười lăm, mười bảy, và mười chín, và đã tự treo cổ khi bố mẹ đi vắng. Họ đã viết một lá thư để lý giải hành động của mình. Họ biết bố họ rất buồn vì không đủ sức lo của hồi môn cho ba đứa con. Sau rất nhiều bàn bạc và lo lắng, họ đã quyết định chọn bước đi này, để giải thoát cho bố mẹ khỏi nỗi nhục nhã khi có ba đứa con gái không chồng. Họ xin bố mẹ hãy tha thứ cho hành động sẽ khiến hai người đau đớn; nhưng họ không thấy còn lối thoát nào khác.

Tấm ảnh kéo ánh nhìn của Maneck trở lại với nó, với sự việc đồng thời vừa đáng lo, đáng thương, lại vừa đáng giận trong chính cái tĩnh lặng trong vắt của nó. Ba chị em trông thật tuyệt vọng, anh nghĩ, như thể họ đã mong chờ một điều gì đó khác ngoài việc treo cổ, một thứ gì hơn là cái chết, để rồi nhận ra cái chết là lựa chọn duy nhất còn lại trong tay. Anh bỗng nhận ra mình đang ngưỡng mộ lòng can đảm của họ. Phải mạnh mẽ đến nhường nào, anh nghĩ, mới có thể cởi những tấm sari kia khỏi thân thể mình, mới có thể buộc thành chiếc thòng lọng tròng quanh cổ mình. Hoặc có lẽ việc đó đã rất dễ dàng, một khi hành động đã mang vẻ đẹp của lô gích và sức nặng của lẽ phải.

Anh giằng mắt mình khỏi tấm ảnh để đọc nốt bài báo. Phóng viên đã gặp cha mẹ họ; anh ta viết rằng họ đã chịu đựng nhiều hơn khẩu phần đau khổ dành cho mình – trong Tình trạng khẩn cấp, họ đã mất đứa con cả trong hoàn cảnh không bao giờ được lý giải thỏa đáng. Cảnh sát khẳng định đó là một tai nạn đường sắt, nhưng hai ông bà có kể về những vết thương họ đã thấy trên thi thể con trai mình trong nhà xác. Theo phóng viên, các vết thương nói trên khớp với những vụ tra tấn khác đã được xác nhận. “Thêm nữa, xét trong bối cảnh chính trị dưới Tình trạng khẩn cấp, và thực tế là con trai họ, anh Avinash, là thành viên tích cực trong Hội sinh viên, đây có vẻ như lại là một cái chết mờ ám nữa trong thời gian giam giữ của cảnh sát.”

Bài báo chuyển sang bình luận về cuộc điều tra của ủy ban quốc hội đối với những hành vi vượt quyền trong thời Tình trạng khẩn cấp, nhưng Maneck đã ngừng đọc.

Avinash.

Mưa đang nện lên mái nhà và hắt qua cửa sổ. Anh cố gấp tờ báo bạc màu ngay ngắn theo nếp cũ, nhưng bàn tay anh run rẩy, nó bay phên phật và trở nên nhàu nhĩ xộc xệch trong lòng anh. Trong phòng sao ngột ngạt quá. Anh khó nhọc nhấc mình khỏi ghế. Tờ báo, nồng nồng mùi mủn nát và mực rửa của tầng hầm, bay loạt soạt xuống sàn. Anh bước ra hiên nhà, cướp lấy từng hơi lớn không khí ẩm nước mưa. Gió ào ào xối qua cánh cửa mở toang. Những trang báo rơi bị cuốn đi quanh phòng còn chiếc rèm tấp phần phật lên cửa sổ. Anh đóng cửa, sải bước quanh hiên nhà ướm nhoret mấy vòng, rồi bước ra ngoài trời mưa, nước mắt chảy ròng ròng trên mặt.

Chỉ trong vài giây, quần áo anh đã sũng nước, mớ tóc ướt dính chặt lên trán anh. Anh đi một vòng quanh nhà: xuống dốc, ra sân sau, vòng qua chỗ đất trũng, và leo lên từ sườn bên kia. Qua bức tường mưa rơi anh nhìn thấy những sợi cáp thép buộc móng nhà vào vách đá. Những sợi cáp đáng tin cậy, đã trụ vững suốt bốn thế hệ. Nhưng anh dám thề là căn nhà đã dịch chuyển trong những năm anh đi xa. *Ngôi nhà đang tính đường tự tử*, Avinash đã nói như thế. Từng chút một, và rồi thêm một chút nữa – và cuối cùng nó sẽ giật tung những móc neo, đâm đầu xuống sườn đồi. Xem ra cũng hợp lý thôi. Mọi thứ đều đang mất dần mối neo móc giữ, đều đang trượt dần đi, trở thành không thể khôi phục được nữa.

Anh rẽ vào con đường dẫn ra khỏi quảng trường thị trấn, bước đi như chạy. Anh không để ý đến những người đang giương mắt nhìn mình. Anh chỉ thấy mỗi tấm ảnh kia. Ba tấm sari siết lấy mấy cái cổ mảnh mai... Ba cô em gái của Avinash... anh ta nói từng rất thích cho mấy đứa ăn khi chúng còn bé, còn kể bọn nhỏ thường nghịch ngợm cắn ngón tay anh. Và hai ông bố bà mẹ khốn khổ... Thế giới này phỏng còn nghĩa lý gì nữa? Thượng Đế, Tên Khốn Ngu Xuẩn, ở đâu rồi? Lẽ nào Ông Ta không còn tí ý niệm thế nào là công bằng và bất công hay sao? Chẳng lẽ Ông Ta không thể đọc nổi một cái bảng cân đối đơn giản hay sao? Lẽ ra Ông Ta đã bị sa thải lâu rồi nếu Ông Ta điều hành một tập đoàn, với những việc Ông Ta để xảy ra... với cô giúp việc kia, với hàng ngàn người Sikh đã bị giết ở thủ đô, và người tài xế tắc xi tội nghiệp với chiếc kara không thể tháo ra nổi.

Maneck nhìn lên trời. Tro cốt của bố, mới rắc sáng nay. Bị ướt nước, bị rửa trôi. Ý nghĩ ấy thật quá sức chịu đựng, vì sau đó sẽ chẳng còn gì nữa... và mẹ, bị bỏ lại một thân một mình...

Anh cảm đầu chạy trên con đường mòn đang nhanh chóng biến thành nhão nhoét và trơn trượt. Chạy, trượt, vấp, hi vọng tìm ra một nơi vẫn còn xanh tươi và dễ chịu, một nơi của hạnh phúc, thanh bình, nơi bố anh có lẽ đang dạo bước, những bước chân vững chãi và tự tin, tay quàng lên vai con trai.

Chân sục giữa bùn, anh lội bì bõm; hai cánh tay dang ra hai bên để giữ cho mình khỏi ngã. Giờ anh mới thấm thía nỗi tuyệt vọng mà bố anh đã cảm thấy khi thế giới quen thuộc trượt đổ quanh ông, những thung lũng bị cắt rạch và trở nên xấu xí, những rừng cây dần biến mất. Bố nói đúng, anh bỗng nghĩ, vùng đồi đang chết dần chết mòn, còn mình thật ngu ngốc khi nghĩ vùng đồi sẽ trường tồn, rằng một ông bố có thể trẻ mãi không già. Giá như mình chịu chuyện trò cùng ông. Giá như ông để mình gần gũi ông.

Nhưng còn những đám tro, chúng nằm đó, dưới làn mưa cuốn cuộn lạnh lẽo. Anh chạy tới nơi anh đã dốc sạch cái hộp gỗ hồi sáng. Vừa thở hổn hển, anh vừa dừng lại ở mỗi địa điểm quen thuộc nơi mẹ anh đã dừng chân, nhưng không tìm thấy vết tích gì của những vệt tro xám. Hơi thở của anh bật ra thành những tiếng khóc nức nở, anh rẽ tán lá, giơ chân đá lên một tảng đá, dịch chuyển một cành cây gãy.

Chẳng có gì. Anh đã tới quá muộn. Anh vấp ngã và khụy xuống, tay chống ngập trong bùn. Mưa vẫn đổ xuống không chút xót thương. Anh có cảm giác mình không tài nào đứng dậy nổi nữa. Anh úp mặt trong hai bàn tay nhoe nhoét bùn mà khóc, và khóc, khóc mãi.

Một con chó chạy lộp bộp nhẹ nhẹ giữa dòng bùn rác, tiến về phía Maneck. Giữa tiếng mưa ồn ào, anh không nghe thấy nó. Nó lại gần hơn, mũi hít ngửi. Anh giật mình và buông tay khỏi mặt khi cảm thấy mõm của nó trên tay mình. Con chó liếm má anh. Anh vỗ vỗ nó; liệu đây có phải một con trong đàn chó từng được bố anh cho ăn dưới hiên nhà không? Anh nhận thấy có một khối u đang sưng mủ trên đùi nó, và băn khoăn không biết thứ dầu nhà chế mà bố anh từng dùng để chữa bệnh cho bọn chó hoang có còn cất trên chiếc giá bên dưới mặt quầy không.

Cơn mưa rào giờ đã ngớt dần. Anh đứng dậy, đưa tay áo ướt sũng lên chùi mặt, và phóng tầm mắt khắp sườn đồi. Những khoảng quang quẻ đang dần hiện lên trên mây, và từng mảnh thung lũng bắt đầu lộ ra dưới lớp sương mù.

Anh nán lại nơi mình đang đứng cho đến khi mưa gần như ngừng hẳn. Giờ nó chỉ còn là một cơn mưa phùn rất nhỏ mịn, mịn đến độ cảm giác nó còn nhẹ hơn hơi thở con người phả lên da. Anh quay lại chỗ có cái cây mọc trên một mỏm đá nhô ra ngoài. Con chó bám theo anh một lúc. Khối áp xe khiến nó bước tập tễnh, chỗ nhiễm trùng có lẽ đã ăn vào tủy xương. Con vật khốn khổ chỉ còn sống được vài tuần nữa thôi, Maneck nghĩ, chẳng có ai để chăm sóc và chữa chạy cho nó. Bố không còn nữa, còn ai thêm để ý đâu?

Nước lại dâng lên mắt anh, và anh cất bước trở về nhà. Cơn mưa đã tạo ra vô vàn rãnh suối nhỏ đang chảy xuống đồi. Chúng sẽ nhập vào những dòng suối trên núi và giúp những dòng thác mới xuất hiện đổ ào ạt thêm. Ngày mai vạn vật sẽ bừng tỉnh, xanh non và tươi mát. Anh mừng tượng ra những bụi tro, bị cuốn đi bởi những dòng nước lấp lánh này, chảy đi khắp sườn núi. Bố anh đã được thỏa nguyện – ông đã được phát tán rộng khắp, một cách triệt để tới mức không một con người nào có thể làm được; bàn tay phi thường và tử mĩ của tự nhiên đã đảm nhận nhiệm vụ này, và nay ông đã có mặt ở khắp mọi nơi.

Quấn mình trong một tấm khăn choàng Kashmir, bà Kohlah bồn chồn đứng đợi dưới mái hiên, mắt nhìn đau đáu xuống đường. Bà vẫy tay rồi rít khi Maneck xuất hiện trong tầm mắt. Anh càng rảo bước thêm.

“Maneck! Con đã ở đâu vậy? Lúc mẹ dậy thì thấy con đã biến mất! Mà trời mưa to quá, mẹ lo lắng lắm.” Bà nắm lấy cánh tay con. “Nhìn con kìa, con ướt hết cả rồi! Lại còn có bùn trên mặt và quần áo của con nữa! Chuyện gì đã xảy ra vậy?”

“Không sao đâu mẹ,” anh dịu dàng đáp. “Con vẫn ổn, tự nhiên con muốn đi dạo một chút. Con bị trượt chân ngã,” anh để thêm để giải thích về mấy vết bùn.

“Con giống y như bố, toàn làm những việc điên rồ. Bố cũng thích đi dạo lúc trời mưa lắm. Nhưng thôi, đi thay quần áo đi con, mẹ sẽ pha trà và nướng bánh cho con.” Cơn mưa đã rửa trôi năm tháng. Anh lại biến thành đứa con trai nhỏ của bà, ướt sũng và yếu đuối.

“Đầu gối của mẹ sao rồi?”

“Đỡ hơn nhiều. Nhờ bọc đá đấy.”

Anh lên phòng mình, tắm rửa, và thay quần áo khô. Trà đã sẵn sàng khi anh xuống nhà. Mẹ anh bỏ hai thìa đường cho anh và một thìa cho mình. Trà của anh đã được rót vào chiếc tách của bố. Bà khuấy trà rồi mới đẩy tách về phía anh. “Lúc nào bố cũng vừa đi quanh bếp vừa uống tách trà đầu tiên, con còn nhớ không?” Anh gật đầu.

Bà mỉm cười. “Làm vương đường mẹ đúng lúc mẹ đang bận rộn nhất. Nhưng bố đã thôi làm như vậy trong mấy năm vừa qua. Bố chỉ bước vào bếp và lặng lẽ ngồi xuống.” Nghiêng người sang một bên ghế, bà giơ tay nhẹ nhàng sờ lên đầu Maneck. “Xem này, tóc con vẫn còn nhỏ nước kìa.” Bà lấy một chiếc khăn trong tủ đựng khăn vải và bắt đầu lau cho khô. Công cuộc lau lấy nhiệt tình của bà với những nhát đẩy nhanh, ngăn khiến đầu anh lắc lư. Anh đã suýt mở miệng phản đối, nhưng lại cảm thấy dễ chịu và để mặc bà làm tiếp. Mắt anh nhắm nghiền lại. Anh có thể nhìn thấy những người thợ xoa bóp dạo, khi đi cùng Om trên bờ biển tám năm trước, ở đó, các khách hàng ngồi trên bãi cát, đầu được day và xát và đắp. Sóng vỗ rì rào xung quanh, thêm làn gió nhẹ nhẹ của buổi hoàng hôn. Và mùi hoa nhài thơm ngát tỏa ra từ những hàng quán bán những dây hoa trắng muốt như sữa cho các bà các cô đội lên tóc.

“Con nghĩ con sẽ đi thăm các bà con họ hàng nhà ta. Và cả dì Dina nữa.” Những nhát lau nhanh, mạnh bà dành cho mái tóc ướt của anh tạo ra một thứ âm rung kì quặc trong giọng nói của anh.

“Con nói nghe tức cười quá. Cứ như con đang cố vừa nói vừa súc họng cùng một lúc ấy.” Bà bật cười và cất chiếc khăn đi. “Được gặp lại con, chắc họ sẽ mừng lắm đấy. Bao giờ con đi?”

“Sáng mai ạ.”

“Ngày mai?” Bà tự hỏi không hiểu đó có phải là một thủ đoạn để có thể tránh xa bà hay không. “Thế khi nào con quay về đây?”

“Con nghĩ con sẽ đi thẳng từ đó về Dubai luôn. Như thế tiện hơn.”

Bà biết nỗi đau đớn đang hiển hiện trên mặt mình, nhưng dường như anh không hề hay biết. Những lời anh nói trở nên lùng bùng trong tai bà, chưa gì nó đã phải vượt qua cái khoảng cách mà anh sắp ngăn ra giữa hai mẹ con họ.

“Điều con muốn,” anh tiếp lời, “là nhanh chóng quay lại chỗ làm việc, thông báo cho họ

biết, xem họ sẽ giải phóng con sớm được đến đâu.”

“Ý con là thôi việc ư? Rồi sau thì sao?”

“Con đã quyết định quay về sống ở đây.”

Hơi thở của bà bỗng trở nên gấp gáp. “Một kế hoạch thật tuyệt vời,” bà vừa nói vừa cố kìm nén hết sức có thể cơn sóng trào của cảm xúc đang tràn qua mình. “Con có thể mở công ty riêng bằng cách bán cửa hàng và...”

“Không. Cửa hàng là lý do con quay về đây.”

“Bố sẽ thích thế lắm đấy.”

Anh rời bàn và ra đứng bên cửa sổ. Không phải cái gì cũng phải có kết cục tồi tệ – anh sẽ tự mình chứng minh điều đó. Trước hết anh sẽ gặp lại tất cả các bạn bè của mình: Om, đã có một đám cưới hạnh phúc, và vợ anh ta, cộng thêm chỉ ít hai, ba đứa con tính đến lúc này; tên của chúng sẽ là gì nhỉ? Nếu đó là một đứa con trai, chắc chắn là Narayan. Và Ishvar, người ông đầy tự hào, ngồi cười rạng rỡ trước máy may, nhắc nhở lũ cháu nhỏ, nạt nộ chúng nếu chúng dám liêu lĩnh tiến sát những bánh đà đang chạy rù rù và những mũi kim mổ sầm sập. Còn dì Dina, giám sát công việc may vá hàng xuất khẩu trong căn hộ nhỏ bé của mình, điều phối cả hộ gia đình, thống lĩnh căn bếp bận rộn.

Phải, anh sẽ chứng kiến tất cả những điều ấy bằng chính đôi mắt mình. Nếu thế giới này có thừa những nỗi khổ đau, thì cũng có đủ cả niềm vui sướng, phải – chỉ cần người ta biết phải tìm nó ở đâu. Và sớm thôi, anh sẽ trở lại để gánh vác Kohlah Cola và Cửa hàng bách hóa tổng hợp. Những sợi dây cáp buộc móng nhà cần được chăm chút. Căn nhà sẽ được sửa sang lại. Anh sẽ cho lắp đặt hệ thống máy đóng chai mới. Anh có thừa đủ tiền tiết kiệm.

Bà Kohlah bước tới đứng cạnh con bên cửa sổ. Hai bàn tay anh đang đặt trên bậu cửa, siết chặt lấy nó, những khớp tay trắng bệch ra. Đó là đôi bàn tay mạnh mẽ, hệt như tay bố nó, bà nghĩ thầm.

“Mây lại kéo đến rồi,” anh nói. “Tối nay thế nào trời cũng mưa to.”

“Phải,” bà gật gù, “như thế ngày mai cây cối sẽ xanh tươi lắm đấy. Sẽ là một ngày rất đẹp.”

Anh vòng tay quanh người mẹ và dành cho bà cái ôm chào buổi sáng của thời ấu thơ, dù rằng lúc đó là đã là buổi tối. Tiếng thở dài sung sướng của bà gần như không còn nghe thấy rõ. Bàn tay bà siết lên tay anh, ở nơi nó nằm trên vai bà, thật chặt và ấm.

Cơn mưa đi theo Maneck xuống miền nông thôn, xuống những ngọn đồi và qua suốt dọc dải đồng bằng, trong liên ba hai tiếng trên con tàu đi về phía nam. Anh đã suýt lỡ tàu; xe buýt đi từ quảng trường thị trấn xuống nhà ga tàu hỏa bị chậm do đường sá lầy lội. Lời hứa hẹn về ánh nắng cùng những xanh non và tươi mát của ngày hôm qua vẫn chưa thành hiện thực, bão tố tiếp tục vẫn vũ. Và vào cuối hành trình, khi anh bước ra từ đám đông và gian đại sảnh om sòm huyền ảo của nhà ga, phố phường nơi thành phố đang ướt đầm dưới một cơn mưa rào nặng hạt.

Khu chờ tắc xi vắng tanh. Anh đứng đợi ở lề đường, bị bao vây bởi vô số vũng nước. Không có chỗ nào để đặt va li, nên anh chuyển nó sang tay kia.

Bỗng anh để ý thấy kẻ nứt của mấy viên đá lát đường sau lưng mình. Bọn giun đang đổ ra từ đó, toàn thân quần quai một màu đỏ sậm trên vĩa hè sũng nước mưa. *Phylum*

Annelida. Vài con đã bị giẫm nát dưới chân khách bộ hành. Hàng chục con khác tiếp tục trôi ra, trườn trên lớp nước xâm xấp, bò lên những con đã chết.

Khi anh nhìn, hộp số của thời gian trượt sang số lùi êm ru, và dải vỉa hè đông đúc bỗng biến thành phòng tắm nhà dì Dina. Đó là buổi sáng đầu tiên của anh ở nhà bà, anh có thể nghe thấy bà gọi mình qua cửa, và anh đứng bất động, trông chừng bước tiến của tiểu đoàn giun ngoe nguẩy. Sau đó bà đã chế giễu anh rất nhiều. Anh mỉm cười trước kí ức nọ. Kể nút trên mấy viên đá lát lúc này đã gần như sạch bóng giun, vì những con lạc đàn cuối cùng đã lê mình tới vùng an toàn dưới rãnh nước.

Anh quyết định sẽ dành buổi tối nay cho các bà con họ hàng của mẹ, cất bớt cho xong một nhiệm vụ. Sau đó, ngày mai có thể được dành trọn cho dì Dina và chú Ishvar và Om.

Một chiếc xe tắc xi lạch xạch đỗ lại bên cạnh anh. Cánh tay chìa hẳn ra ngoài cửa sổ, người tài xế trông có vẻ háo hức vì ngửi thấy mùi tiền.

“Khách sạn Grand,” Maneck nói, đoạn mở cửa xe.

Anh tắm rửa, thay áo sơ mi, và lên đường đi chịu đựng sự chăm sóc âu yếm của gia đình Sodawalla. Suốt cả buổi tối, anh kiên nhẫn cho phép mình được gọi là Mac, co rúm người lại khi họ ôm và vỗ và ca ngợi mình. Cảm giác hơi giống con chó đoạt giải trong một hội thi chó đẹp.

“Lúc biết tin bố cháu mất, gia đình sốc ghê lắm,” họ nói. “Mà nhà cháu lại ở xa quá, chúng tôi còn không đến dự lễ tang được. Tiếc quá.”

“Không sao, cháu hiểu mà.” Anh nhớ lại những gì bố từng nói về họ hàng nhà Sodawalla, tính chả sủi tí bọt tí tăm nào, chán phèo như một món sô đa nhạt thối, có nguy cơ tự làm mình buồn chán đến chết. Và rốt cuộc, bố đã đánh mất thứ bọt sủi của chính mình.

Đột nhiên Maneck cảm thấy như bị chèn ép khi ở trong căn nhà này, kiệt quệ vì cuộc viếng thăm. Anh nghĩ mình sẽ quy ngã nếu anh còn ngồi chung với các họ hàng của mình thêm một giây một phút nào nữa. Anh đứng dậy và chìa tay ra. “Thật vui vì được gặp lại mọi người.”

“Cháu ở lại chơi thêm chút nữa, ngủ lại đây tối nay luôn đi,” họ mời mọc. “Được thế thì hay lắm. Sáng mai chúng ta sẽ ăn trứng tráng, và làm một ít cà ri tôm.”

Anh cương quyết từ chối. “Cháu có một cái hẹn ăn tối với đối tác. Cả mấy cuộc gặp ăn sáng nữa. Cháu phải quay về khách sạn đây.”

Họ tỏ ra rất thông cảm về vấn đề này, và bộc lộ một sự sùng sốt hết sức chính đáng bởi cái ý tưởng về những cuộc gặp vào giờ ăn sáng. Họ tiễn anh đi cùng những lời chúc sức khỏe và may mắn, và dặn dò anh sớm trở lại thăm gia đình. “Đừng bắt cả nhà phải ngóng ngả bao nhiêu năm như vừa rồi nhé,” họ nói.

Trên đường trở về khách sạn, anh dùng chân ở văn phòng hãng hàng không và kiểm tra vé của mình. Nhân viên bán vé xác nhận: “Chuyến bay là vào ngày kia, thưa ngài. Và giờ bay là mười một giờ ba mươi phút tối. Xin ngài có mặt ở sân bay trước chín giờ tối.”

“Cảm ơn anh,” Maneck nói.

Về đến khách sạn Grand, anh gọi một đĩa cơm rang thịt cừu trong nhà ăn. Sau đó, anh đọc báo ngoài sảnh vài phút, rồi lấy chìa khóa và đi ngủ. Anh thiếp đi khi đang nghĩ đến dì Dina, và lần họ cùng thức đến khuya, ngồi may nốt lô váy cho công ty Au Revoir trong khi

chú Ishvar và Om mất tích. Khoảng thời gian của rắc rối viết hoa.

Quá trình cải tạo đã biến đổi khu nhà đến mức không thể nhận ra được nữa, và trong phút chốc anh nghĩ mình đã nhầm địa chỉ. Những bậc thang bằng đá cẩm thạch, một nhân viên bảo vệ, tường sảnh được ốp đá gra-nít bóng lộn, căn hộ nào cũng có máy điều hòa nhiệt độ, một khu vườn trên mái nhà, khu tập thể giá rẻ đã được biến thành khu căn hộ cao cấp.

Anh xem tấm biển tên đề ở lối ra vào. Lão chủ nhà khốn nạn rốt cuộc cũng thành công, lão đã loại bỏ được dì Dina – bà đã nhận một kết cục tồi tệ. Thế còn hai người thợ may, giờ họ đang làm việc ở đâu?

Ra đến ngoài, anh lại cảm thấy nỗi tuyệt vọng quay về bóp nghẹt mình, ánh nắng nện lên đầu anh. Có lẽ dì Dina sẽ biết Ishvar và Om ở đâu. Chỉ có một nơi bà có thể đi: tới chỗ anh trai mình, Nusswan. Nhưng anh không có địa chỉ. Mà tại sao phải nhọc công, liệu bà có thực sự vui mừng nếu được gặp anh không? Anh có thể tra trong danh bạ điện thoại. Tên họ nào nhỉ?

Anh xóc loạn trí nhớ của mình để tìm tên thời con gái của dì Dina. Bà từng nhắc tới một lần. Một tối, cách đây rất nhiều năm, khi chú Ishvar và Om và anh ngồi nghe bà kể về cuộc đời mình. Lúc đó là sau bữa ăn tối, và bà trải tấm chăn trong lòng, đang khâu thêm một mảnh ghép mới. Không bao giờ nhìn lại quá khứ với cảm xúc tiếc nuối, dì Dina đã nói thế. Và điều gì đó về tương lai xán lạn của bà bị đánh mất... không, che mờ... hồi bà vẫn còn là một cô học sinh, và tên bà là – Dina Shroff.

Anh dừng chân ở hiệu thuốc để xem nhờ danh bạ điện thoại. Có vài người họ Shroff nhưng chỉ có một Nusswan Shroff, anh bèn ghi lại địa chỉ. Người bán thuốc bảo cũng không xa đây lắm. Anh quyết định đi bộ.

Sau khi anh rời khỏi khu nhà cũ, đường sá trở nên lạ lẫm.

Anh hỏi đường một người thợ mộc ngồi bên vệ đường với bộ dụng cụ cất trong một cái bao. Ngón tay cái của ông ta bị băng bó kín mít. Ông ta hướng dẫn Maneck rẽ phải khi đến ngã tư tiếp theo, đi qua sân bóng cric-kê.

Một chiếc lều vải lớn đã được dựng lên bên ngoài sân vận động, mặc dù không có trận đấu nào đang diễn ra. Đám đông hiếu kỳ đang bu đông bu đổ xung quanh, cố nhòm vào bên trong. Ở lối ra vào có một tấm biển ghi: ĐỨC THÁNH TÓC HOAN NGHÊNH TOÀN THỂ CHÚNG SINH – CHO PHÉP TIẾP KIẾN TỪ 10.00 SÁNG ĐẾN 4.00 CHIỀU HÀNG NGÀY KỂ CẢ CHỦ NHẬT & NGÀY NGHỈ LỄ.

Quả là một vị thánh nhân cần mẫn, Maneck nghĩ, và tự hỏi không hiểu biết tài của ông ta là gì – biến ra đồng hồ bằng vàng, làm tượng khóc ra nước mắt, hay khiến cánh hoa hồng bay ra từ khe ngực phụ nữ?

Nhưng tên ông ta hàm ý một trò bịp liên quan đến tóc. Anh bèn hỏi một người đứng ở lối ra vào. “Đức Thánh Tóc là ai?”

“Đức Thánh Tóc là một vị thánh rất rất linh thiêng,” người hầu cận đáp. “Ngài đã quay về đây với chúng ta sau rất rất nhiều năm thiền định trong một hang động trên dãy Himalaya.”

“Ông ấy làm gì?”

“Ngài có một năng lực rất đặc biệt, rất thần thánh. Ngài sẽ cho anh biết bất kì chuyện gì anh muốn biết. Tất cả những gì ngài cần chỉ là kẹp vài lọn tóc của anh giữa những ngón

tay thần thánh của ngài trong mười giây.”

“Thế giá tiền cho việc đó là bao nhiêu?”

“Thánh Tóc không đòi đồng nào cả,” người đàn ông nọ phần nộ đáp. Rồi anh ta để thêm, cùng một nụ cười xu nịnh. “Nhưng Quý Thánh Tóc hoan nghênh mọi khoản hiến tặng, dù giá trị là bao nhiêu.”

Maneck nổi cơn tò mò, và bước vào. Anh quyết định sẽ nhòm mặt tay bịp bợm mới nhất trong thành phố một cái, như cách Om sẽ nói. Có câu chuyện làm quà cũng hay. Họ sẽ có chuyện để cùng cười với nhau sau tám năm trời.

Đám đông ở bên ngoài lều lớn hơn nhiều so với bên trong. Chỉ có vài người đang đứng chờ gần tấm bình phong nơi Thánh Tóc rất rất linh thiêng đang ngồi đằng sau. Chắc cũng không mất thời gian mấy, Maneck nghĩ, với tốc độ mười giây một khóa suy tưởng cho một khách hàng. Đây là dạng kiến ^[58] và phán dây chuyền.

Anh bước vào xếp hàng, và chẳng mấy chốc đã đến lượt anh. Người đàn ông khoác chiếc cà sa màu nghệ ngồi sau tấm bình phong có cái đầu trọc lóc và đã được cạo sạch mọi loại lông tóc. Ngay cả cặp lông mày và lông mi cũng bị nhổ tiệt. Không một sợi lông nào còn hiển lộ trên mặt ngài hoặc không bị tấm cà sa che phủ nếu ở trên da ngài.

Dẫu vậy, bất chấp khuôn mặt bóng lừ nhẵn nhụi đến kì dị, Maneck vẫn nhận ra ngài. “Ngài chính là Rajaram, người thu mua tóc!”

“Ờ?” Đức Thánh Tóc nhảy dựng lên, đủ giật mình để khiến một âm thanh không lấy gì làm thiêng liêng bật thoát khỏi miệng mình. Rồi ngài lấy lại bình tĩnh, ngẩng cao đầu, và cất giọng như đang ban phúc lành, tô điểm cho lời lẽ của mình bằng những cử động bàn tay và ngón tay hết mực duyên dáng: “Rajaram người thu mua tóc đã từ bỏ cuộc sống, niềm vui và nỗi buồn, thói xấu và nét tốt. Tại sao vậy? Vì chỉ có thế, Đức Thánh Tóc mới có thể được đầu thai, và mang tài năng nhỏ nhoi của ngài ra cứu nhân độ thế trên con đường đi tới cõi cực lạc.”

Phong thái đồng bóng bị gạt bỏ ngay sau tuyên bố nói trên. Ngài cúi đầu xuống và hỏi bằng giọng bình thường: “Nhưng anh là ai?”

“Ngài còn nhớ Ishvar và Om chứ? Hai người thợ may từng cho ngài vay tiền ở kiếp trước, những ngày còn râu tóc ấy? Tôi sống trong cùng một căn hộ với họ.” Trong khi người thu mua tóc nghiền ngẫm những câu này, Maneck để thêm: “Tôi đã để râu. Có lẽ vì thế mà ngài không nhận ra tôi.”

“Không hề. Không một kiểu tóc hay bộ râu nào trên đời có thể đánh lừa được Thánh Tóc,” ngài vênh váo nói. “Vậy câu hỏi của anh dành cho ta là gì?”

“Ngài lại đùa rồi.”

“Không, cứ thử ta đi. Nào, hỏi đi. Hỏi về công việc, sức khỏe, tiền đồ hôn nhân, vợ, con, chuyện học hành, bất kì việc gì. Ta sẽ cho anh câu trả lời.”

“Tôi đã có câu trả lời rồi. Tôi đang đi tìm câu hỏi.”

Đức Thánh Tóc nhìn anh vẻ hồ nghi, sự cau kỉnh phủ bóng lên gương mặt nhẵn thín, những câu phán bí hiểm kiểu này vốn là đặc sản của riêng ngài kia mà. Nhưng ngài đã kịp kiểm chế nổi bực dọc và đeo lên mặt nụ cười thiết yếu của sự khai sáng.

“Nghĩ lại thì, tôi cũng có một câu hỏi đấy,” Maneck nói. “Làm sao ngài giúp được một kẻ cũng có cái đầu trọc lóc như ngài?”

“Chuyện vặt ấy mà. Quý Thánh Tóc có bán một loại thuốc mọc tóc bằng giá vốn thôi, cộng thêm một tí phụ phí chuyên chở và xếp dỡ. Được chế từ các thảo mộc quý hiếm trên dãy Himalaya, tác dụng thần kì. Chỉ trong vài tuần, cái đầu trọc sẽ được bao phủ bởi một lớp tóc dày. Sau đó người kia lại đến đây, ta cầm món tóc mới mọc và suy tưởng, rồi đưa ra câu trả lời.”

“Ngài có bao giờ nổi hứng muốn cắt xoẹt chúng đi không? Để thu gom lại ấy?”

Đức Thánh Tóc liền nổi giận. “Đấy là một cuộc đời khác, một con người khác. Tất cả đã chấm dứt rồi, anh không hiểu à?”

“Tôi hiểu rồi. Mà kể từ ngày rời hang quay về, ngài đã đến thăm chú Ishvar và Om lần nào chưa? Có lẽ họ sẽ có câu hỏi muốn nhờ ngài giải đáp đấy.”

“Đức Thánh Tóc đâu có được hưởng cái thú xa xỉ của việc đi thăm bất cứ ai. Ngài bị gắn chặt với nơi này, để cho chúng sinh cơ hội được tiếp kiến.”

“Phải rồi,” Maneck nói. “Đã vậy, tôi không nên làm phí thì giờ của ngài nữa. Còn có hàng ngàn chúng sinh đang chờ ngoài kia.”

“Chúc anh sớm tìm thấy hạnh phúc của sự viên mãn,” Đức Thánh Tóc nói, đoạn giơ một tay lên trong một cử chỉ tiễn biệt thần thánh. Mắt ngài vẫn còn sục sôi giận dữ.

Maneck quyết định sáng mai sẽ đến một lần nữa, dẫn Om và chú Ishvar theo, đến tận tối mai anh mới phải ra sân bay. Chọc ngoáy cung cách khoa trương kênh kiệu của Đức Thánh Tóc sẽ là một trò đùa cực kì, cứ gọi là tha hồ mà vui. Phải kéo đức ngài xuống một, hai nấc, bắt ngài nhớ đến thuở hàn vi mới được.

Lối dẫn ra ngoài mở ra ở lưng lều, đi qua một người đàn ông đang ngồi viết trước một cái bàn vẹo vọ trên mặt đất đầy thư từ và phong bì. Maneck trân mắt nhìn, cố nhớ xem họ đã gặp nhau ở đâu. Rồi anh nhìn thấy chiếc hộp nhựa cất trong túi áo sơ mi của ông ta, cùng đội quân bút mực và bút bi của nó. Ký ức vụt quay lại với anh – chuyến tàu, người hành khách có giọng nói khàn đặc.

“Xin lỗi chú, chú chính là người sửa bản in, phải không ạ?”

“Ngày xưa thôi,” ông ta đáp. “Vasant Rao Valmik, xin sẵn sàng phục vụ cậu.”

“Chú không nhận ra cháu vì cháu đã để râu, nhưng cháu là cậu sinh viên ngồi trên cùng chuyến tàu với chú, cách đây rất nhiều năm rồi, khi chú đi tìm phòng khám chuyên để chữa bệnh hợm.”

“Cậu không cần nhắc nữa,” ngài Valmik nói, miệng nở nụ cười hoan hỉ. “Tôi nhớ rõ lắm, tôi chưa bao giờ quên cậu. Chúng ta đã nói chuyện rất nhiều trên chuyến đi đó, phải không.” Ông cười khà khà, và vịn nắp chiếc bút mực của mình. “Cậu biết đấy, phải hiếm hoi lắm mới tìm được một khán giả tận tâm cho câu chuyện của tôi. Hầu hết những người khác đều thấy sốt ruột khi một người xa lạ kể cho họ nghe về cuộc đời anh ta. Nhưng cậu là một thính giả hoàn hảo.”

“Ồi, cháu thích nghe lắm. Nhờ thế chuyến đi cũng bớt dài. Vả lại, chuyện đời chú rất thú vị.”

“Cậu thật tử tế. Để tôi nói cho cậu một bí mật nhé: Chẳng có cái gì gọi là một cuộc đời không thú vị cả.”

“Thử nghe chuyện đời cháu đây này.”

“Tôi rất thích. Một hôm nào đấy, cậu phải kể cho tôi câu chuyện đầy đủ và hoàn chỉnh của cậu mới được, không cắt xén, không sàng lọc. Nhất định thế nhé. Chúng ta sẽ lên lịch và hẹn gặp. Quan trọng lắm đấy.”

Maneck cười. “Sao lại quan trọng?”

Đôi mắt ngài Valmik tròn tròn. “Cậu không biết ư? Nó cực kì quan trọng vì nó giúp nhắc cậu nhớ mình là ai. Rồi cậu có thể bước tiếp, mà không phải sợ đánh mất chính mình trong cái thế giới quay cuồng điên đảo này nữa.”

Ông ngừng lời, đoạn sờ lên túi bút của mình. “Tôi thực là có phúc lắm lắm, vì tôi đã có cơ hội kể toàn bộ câu chuyện của mình tới hai lần. Lần đầu là cho cậu hỏi ở trên tàu, tiếp đến là cho một quý cô đáng mến ở khu tổ hợp của tòa án. Nhưng lúc đó cũng cách đây nhiều năm rồi. Tôi đang thèm khát một khán giả mới lắm đây. A, phải, việc chia sẻ câu chuyện sẽ giúp chuộc lại tất cả.”

“Bằng cách nào?”

“Bằng cách nào thì tôi không biết đích xác. Nhưng tôi cảm thấy nó ở đây.” Ông lại đặt tay lên túi áo sơ mi.

Ông cảm thấy nó trong những cây bút của mình ư? Rồi Maneck nhận ra người sửa bản in muốn chỉ trái tim mình. “Thế đạo này chú đang làm gì, hử chú Valmik?”

“Tôi phụ trách mảng kinh doanh qua thư của Đức Thánh Tóc. Ngài cũng tiên tri qua thư từ. Người ta gửi vài lọn tóc đến đây. Tôi mở phong bì, rút tóc đi, đổi séc thành tiền mặt, và viết câu trả lời cho câu hỏi của họ.”

“Chú có thích việc này không?”

“Rất thích là đằng khác. Phạm vi không giới hạn. Tôi có thể sử dụng đủ mọi lối diễn đạt trong thư trả lời của mình – dạng tiểu luận, thơ kiểu văn xuôi, văn xuôi kiểu thơ, cách ngôn.” Ông vỗ lên túi bút và để thêm, “Các em bé thân yêu của tôi đang nhả ngọc phun châu hết công suất, vẽ ra hết chuyện hư cấu này đến chuyện hư cấu khác, tất cả sẽ trở thành thực tế trong cuộc đời người nhận thư, thực hơn hết thấy những hiện thực đau buồn của họ.”

“Thật vui được gặp lại chú,” Maneck nói.

“Vậy khi nào chúng ta gặp lại nhau được? Cậu nhất định phải kể cho tôi nghe mọi điều về cậu đấy.”

“Có lẽ ngày mai đi. Cháu đang tính dẫn đến đây hai người bạn của Đức Thánh.”

“Tốt, tốt. Hẹn sớm gặp lại cậu.”

Ở lối ra, người hầu cận chìa ra một cái bát bằng đồng, bên trong có vài đồng xu lẻ. “Mọi khoản hiến tặng đều được hoan nghênh.”

Maneck ném vào đó vài đồng xu, cảm thấy món mình vừa tiêu hoàn toàn đáng đồng tiền bát gạo.

Phải mất một lúc lâu, cánh cửa mới mở ra để đáp lại hồi chuông của Maneck. Hình người với cái cổ tay trông như cái que trông không có gì giống với dì Dina mà anh đã tạm biệt tám năm trước. Tám năm trôi qua được quyền lấy đi phần dành cho nó; nhưng cái này, cái này còn hơn cả một phần, phải nói là cướp nhẵn.

“Vâng?” Bà hỏi, người cúi về phía trước. Đôi mắt bà chỉ còn bé xíu như hai đầu ghim

đằng sau cặp kính dày gấp đôi so với trong trí nhớ của anh. Sắc bạc trên tóc bà đã khuất phục được hoàn toàn sắc đen.

“Dì ơi,” tiếng anh vất vả xuyên qua cổ họng đột nhiên thành chướng ngại. “Cháu, Maneck đây.”

“Dạ?”

“Maneck Kohlah – khách trọ của dì đây.”

“Maneck ư?”

“Cháu đã để râu. Thế nên dì mới không nhận ra cháu.”

Bà tiến sát lại. “Phải. Cháu đã để râu.”

Anh cảm thấy sự lạnh lùng trong giọng nói của bà. Mình thật ngu xuẩn nếu cứ kì vọng điều gì khác, anh nghĩ. “Cháu đến chỗ căn hộ của dì... và... dì không còn ở đấy nữa.”

“Sao có thể được? Đấy đâu phải căn hộ của dì.”

“Cháu muốn gặp lại dì, và hai người thợ may, và...”

“Chẳng còn thợ may nào hết. Vào đi.” Bà đóng cửa, dẫn đường bằng những bước đi ngắn, cẩn trọng, dùng tường và đồ đạc để định hướng trong dải hành lang tối om.

“Ngồi đi,” bà nói, khi họ vào đến phòng khách. “Cháu xuất hiện đột ngột quá. Như từ trên trời rơi xuống.”

Anh nghe thấy giọng trách móc, và gật đầu. Anh chẳng có lời nào để bào chữa.

“Bộ râu đó. Cháu nên cạo đi. Làm cháu trông giống cái chổi cọ toa lét quá.”

Anh cười phá lên, bà cũng cười theo, chỉ nhỏ thôi. Anh nhẹ cả người khi nghe thấy giọng lưỡi sắc như dao trong lời bà nói, nhưng nó không hoàn toàn đủ để át đi cái lạnh lẽo. Căn phòng nơi họ ngồi nom rất sang trọng. Những bàn ghế tủ lâu năm lộng lẫy, đồ sứ cổ đặt trong tủ trưng bày, một tấm thảm lụa Ba Tư trang nhã trên tường.

“Lần tới dì gặp lại cháu, bộ râu chắc chắn sẽ được dọn sạch, dì ạ, cháu hứa đấy.”

“Có lẽ lúc đó dì sẽ nhận ra cháu sớm hơn.” Bà vật lộn với một chiếc trâm cài tóc rồi đành bỏ nó xuống. “Mắt dì bây giờ tệ quá rồi. Mấy củ cà rốt cháu ép dì ăn đều uống phí.

Không gì có thể cứu nổi đôi mắt này.”

Anh cười ngập ngừng, nhưng lần này bà không góp lời.

“Sau bao lâu cháu mới đến. Nếu để thêm vài năm, dì sẽ chẳng nhìn thấy cháu nữa. Ngay cả bây giờ, cháu chỉ còn là một bóng đen trong căn phòng này thôi.”

“Cháu rời nhà, đi làm việc ở vùng Vịnh.”

“Thế cảm giác ra sao?”

“Cảm giác... cảm giác... trống trải.”

“Trống trải?”

“Trống trải... như một cái sa mạc.”

“Nhưng đó là một đất nước sa mạc mà.” Bà ngừng lời. “Cháu không hề viết thư về cho dì.”

“Cháu xin lỗi. Nhưng cháu chẳng viết thư cho ai cả. Việc đó dường như thật... thật vô nghĩa.”

“Phải,” bà nói. “Vô nghĩa. Vả lại, chẳng lẽ địa chỉ của dì cũng thay đổi.”

“Nhưng chuyện gì đã xảy ra với căn hộ hả dì?” Bà kể cho anh nghe.

Anh nhồm người tới để thì thầm: “Thế ở đây dì có ổn không? Nusswan đối xử với dì có tốt không?” Anh hạ giọng nhỏ nữa. “Ông ấy có cho dì ăn uống đầy đủ không?”

“Cháu không việc gì phải thì thọt, chẳng có ai ở nhà để nghe thấy cháu nói đâu.” Bà gỡ cặp kính ra, lấy vạt váy lau nó, rồi đeo lên mắt trở lại. “Có nhiều thức ăn hơn mức dì có thể xơi được kia.”

Anh nhấp nhồm vẻ bồn chồn. “Thế còn chú Ishvar và Om? Giờ họ đang làm việc ở đâu rồi?”

“Họ có làm việc đâu.”

“Nếu vậy họ biết sống ra sao? Nhất là với vợ Om, và cả lũ trẻ nữa.”

“Chẳng có vợ, con nào hết. Họ đã trở thành ăn mày.”

“Không thể thế được! Nghe thật điên rồ! Ý cháu là, họ không thấy nhục nhã vì phải xin ăn hay sao? Chẳng lẽ họ không thể làm việc gì khác, nếu không còn việc may vá nữa? Cháu muốn nói...”

“Chưa biết hết mọi chuyện mà cháu đã dám phán xét họ ư?” Bà ngắt lời anh.

Giọng nói gay gắt của bà khiến anh phải ghìm ngay cơn giận dữ. “Dì kể cho cháu nghe chuyện gì đã xảy ra với.”

Bà nói, lạnh toát như một lưỡi dao rạch vào gan ruột anh. Anh ngồi bất động, chẳng khác nào một trong mấy bức tượng đặt trong tủ kính xung quanh mình.

Khi bà kể xong, anh vẫn không nhúc nhích. Bà cúi người về phía trước để lắc lắc đầu gối anh. “Cháu có đang nghe không đấy?”

Anh khẽ gật đầu. Mắt bà bỏ lơ cử động rất nhỏ đó, và bà hỏi lại, giọng câu kính: “Cháu có đang nghe không đấy, hay dì chỉ đang phí hơi thôi?”

Lần này anh dùng lời cho câu đáp của mình. “Vâng, thưa dì. Cháu đang nghe.” Giọng anh không còn chút sinh khí nào.

Trống rỗng hệt như khuôn mặt nó, bà nghĩ thầm. “Nếu nhìn thấy họ, cháu sẽ không nhận ra họ đâu. Ishvar đã teo tóp nhiều, không phải chỉ vì đã mất đôi chân đâu, mà toàn thân ông ấy luôn. Còn Om đã trở nên rất mũm mĩm. Một trong những hệ quả của việc bị thiếu mà.”

“Vâng, thưa dì.”

“Cháu còn nhớ mấy người bạn ta từng nấu ăn chung không?”

Anh gật đầu.

“Cháu còn nhớ bọn mèo con không?” Anh lại gật đầu.

Bà thử thêm một lần nữa hòng thổi sự sống vào anh.

“Mấy giờ rồi?”

“Mười hai rưỡi.”

“Nếu cháu không vội, cháu có thể gặp Ishvar và Om. Họ sẽ tới đây lúc một giờ.”

Cảm xúc quay lại với giọng nói của anh, nhưng không phải loại mà bà mong đợi. “Cháu xin lỗi... cháu không ở lại được.” Lời từ chối nhuộm màu kinh hoàng, những chữ anh nói tuôn ra trong hối hả. “Cháu có rất nhiều việc phải làm... trước khi chuyến bay của cháu cất cánh vào ngày mai. Các họ hàng của mẹ cháu, và vài thứ cần mua sắm, và sau đó phải ra sân bay. Có lẽ để đến khi cháu tới chơi lần sau.”

“Lần sau. Ừ, cũng được. Ba người bọn dì sẽ đợi cháu vào lần sau.”

Họ đứng dậy và đi ra hành lang. “Khoan đã,” bà nói khi họ đi đến cửa. “Dì có cái này cho cháu.”

Bà quay lại cùng những bước đi ngắn, cẩn trọng.

Đó là bộ cờ vua của Avinash.

“Cảm ơn dì.” Anh rung động, nhưng giọng anh vẫn bình thản. Anh đưa một tay ra để nhận bàn cờ cùng cái hộp gỗ dán màu nâu sậm. Rồi anh nói: “Cháu cũng không thật cần nó đâu, dì ạ. Dì giữ đi.”

“Thế thì dì sẽ làm gì với nó?”

“Đem cho ai đó... cho mấy đứa cháu dì chẳng hạn?” “Xerxes và Zarir không chơi. Chúng giờ bận rộn lắm.” Maneck gạt đầu. “Cảm ơn dì,” anh lại nói.

“Không có gì.”

Anh ngáp ngừng, xoay tròn mãi chiếc hộp trong tay, nhẹ nhàng lướt ngón tay dọc gờ hộp. “Tạm biệt dì.”

Bà im lặng gạt đầu. Anh nghiêng người tới và hôn lên má bà thật nhẹ, thật nhanh. Bà giơ tay lên như để vẫy chào, lùi lại, và bắt đầu đóng cửa. Anh quay lưng và vội vã bước dọc lối đi lát sỏi.

Anh dừng chân khi nghe thấy tiếng cửa đóng lại. Anh đang đứng dưới một gốc cây ở cuối đường. Một con chim hót líu lo trên cành. Anh lắng tai nghe, mắt trần trối nhìn cái bàn cờ và chiếc hộp trong tay mình. Có thứ gì đó rớt xuống đầu anh, anh bèn nhảy tránh sang một bên để tránh giọt phân thứ hai. Ngón tay anh sờ thấy thứ chất bẩn dính. Lấy lá hái từ cái cây, anh chùi tóc và nhìn lên. Chỉ có một con quạ, con chim hót líu lo đã bay đi mất. Anh băn khoăn không biết thứ dính trên tóc mình là sản phẩm của con nào. Bố đã có lần nói phân của một con quạ bình thường đem lại may mắn không bình thường chút nào.

Anh liếc đồng hồ: một giờ kém hai mươi. Chú Ishvar và Om sẽ sớm xuất hiện. Nếu anh nán lại đây ít phút, anh có thể nhìn thấy họ. Và họ sẽ nhìn thấy anh. Nhưng...anh sẽ nói gì đây?

Trên con phố vắng lặng bên ngoài ngôi nhà, anh bắt đầu đi lang thang dọc vỉa hè. Đi lên phía cuối phố, rồi đi xuống, về tới nhà dì Dina. Sau vài lần quay đầu, anh nhìn thấy hai người ăn mày rẽ vào ngõ từ đường cái.

Một người ngồi tùm hụp trên một cái bệ thấp di động bằng bánh xe. Ông ta không còn cái chân nào. Người kia kéo chiếc bệ đi bằng một sợi dây quàng lên vai. Vẻ phúng phính bọc lên người anh ta một cách kì dị, như những món quần áo quá khổ độn bông. Dưới nách

anh ta kẹp một cây ô rách rưới.

Mình nên nói gì đây? Maneck tuyệt vọng tự hỏi mình.

Hai người kia tiến lại gần hơn, và người ngồi trên bệ lắc lắc mấy đồng xu trong cái ống bơ thiếc của mình. “Ồi chú ơi, xin chú một xu!” Ông nài xin, mắt ngược lên thẹn thùng.

Chú Ishvar, là cháu, Maneck đây! Chú không nhận ra cháu sao! Những từ ngữ cứ chạy cuống cuống bên trong anh, không tài nào tìm nổi đường ra. Nói gì đi chứ, anh thúc giục chính mình, nói gì đi!

Người ăn mày kia rĩ rả: “Kìa, ông lớn! Một xu thôi!” Giọng anh ta the thé, đầy thách thức, ánh mắt anh ta nhìn thẳng, vẻ giễu cợt. Họ dừng lại chờ đợi, tay chìa ra, ống bơ kêu leng keng.

Om! Đồ mặt khỉ, bạn tôi! Cậu quên tôi rồi sao!

Nhưng những lời lẽ của yêu thương và đau đớn và hi vọng của anh vẫn cảm lạnh như những tảng đá.

Người ăn mày cụt chân ho hắng và nhổ bọt. Maneck liếc nhìn bãi dờm; nó nhuộm màu máu. Cái bệ bắt đầu lăn qua anh, và anh nhận ra Ishvar đang ngồi trên một cái gối. Không, không phải gối. Nó vừa bần thủ, vừa sồn rách, được gấp lại cho nhỏ bằng một cái gối. Chính là tấm chăn ghép.

Khoan đã, anh muốn hét lên – đợi đã. Anh muốn chạy theo họ, quay lại với dì Dina cùng họ, nói với bà anh đã nghĩ lại.

Anh không làm gì cả. Hai người kia rẽ vào lối đi rải sỏi và biến mất khỏi tầm mắt. Anh có thể nghe thấy tiếng bánh xe kêu lạch xạch cộc lốc khi lăn trên những viên đá khắp khênh. Âm thanh tắt ngấm; anh đi tiếp con đường của mình.

Đi qua sân cric-kê, qua chiếc lều của Đức Thánh Tóc, qua người thợ mộc bị thương ngồi bên vệ đường, Maneck mãi một bước cho đến khi anh đã lại đứng giữa những phố xá thân thuộc. Anh trông thấy tấm biển hiệu gắn đèn nê-ông mới của Hotel đồ chay Vishram. Có vẻ như nơi này đã biến thành một nhà hàng ăn nên làm ra, được mở mang thêm bằng cách nuốt dần các cửa hàng cửa hiệu ở cả hai bên, những bóng đèn điện của nó kêu vo vo và sáng lung linh một cách đần độn trong ánh nắng buổi chiều. Tấm bảng nhỏ hơn bên dưới biển hiệu gắn đèn nê-ông ghi, HÃY ĂN, UỐNG, VÀ NGHỈ NGƠI TRONG KHÔNG GIAN ĐỂ CHỊU CÓ ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ CỦA CHÚNG TÔI.

Anh bước vào và được dẫn đến một cái bàn mặt kính sáng loáng. Một bồi bàn mặc đồng phục gọn gàng sạch đẹp xuất hiện, tay cầm một cuốn thực đơn to đùng, bóng bẩy. Maneck đặt bộ cờ lên chiếc ghế trống bên cạnh mình và gọi một tách cà phê.

Nhà hàng đông nghịt người; lúc này đang là giờ ăn trưa. Người bồi bàn vội vã quay lại cùng một cốc nước. “Chúng tôi đang pha cà phê mới, thưa ngài. Chỉ hai phút nữa thôi.”

Maneck gật đầu. Trên một cái giá cao kê đằng sau quầy tính tiền, một chiếc loa đang phát ra tiếng nhạc không lời nhạt nhẽo, vô mục đích giữa những cảnh huyền ảo nơi nhà hàng. Anh nhìn sang các bàn xung quanh mình, nhìn những nhân viên công sở vận sơ mi hai túi ngực, đeo cà vạt, khoác áo vét, ăn uống nhồm nhoàm, những cuộc chuyện trò rôm rả tô điểm thêm cho tiếng dao nĩa chạm nhau leng keng – toàn chuyện công sở, về những trò gian lận quản lý và những món tiền bớt xén kếch sù, chuyện ngân quỹ và đề bạt. Đây là một lớp khách hàng mới, tách biệt hẳn với những người chạy việc vặt và dân lao động công nhật mồ hôi mồ kê nhể nhại từng ăn uống ở đây xưa kia.

Cà phê được mang tới. Maneck thêm đường, khuấy kĩ, nhấp một ngụm nhỏ. Người bồi bàn vẫn đứng gần đó lập tức bước tới. “Có ngon không, thưa ngài?”

“Có, cảm ơn anh.”

Người kia chỉnh lại lọ muối và tiêu và lau chùi chiếc gạt tàn thật lực. “VẬY là, thưa ngài, con trai của thủ tướng đã lên thay. Ngài có nghĩ ông ta sẽ là một lãnh đạo tốt không?” “Ai mà biết được. Chúng ta sẽ phải đợi xem sao.”

“Đúng vậy. Tất cả bọn họ đều nói một đằng, làm một nẻo.” Anh ta chạy đi dọn dẹp một bàn khác, nơi các khách hàng đã ăn xong. Maneck nhìn anh ta xếp đĩa thành chồng, chất đầy thêm chồng đĩa khi sang một bàn khác, và một bàn khác nữa, rồi mới chuệch choạng đi xuống bếp cùng đồng đĩa.

Anh ta nhanh chóng quay lại và sẫm soi chiếc tách đã vỡ một nửa của Maneck. “Ngài có ăn gì không, thưa ngài?” Maneck lắc đầu.

“Chúng tôi có cả món kem rất thơm ngon.”

“Không, cảm ơn anh.” Sự chăm sóc quá đà bắt đầu khiến anh khó chịu, anh có cảm giác, nụ cười lịch sự giống như một phần của phong cách trang hoàng mới của Vishram mới. Nơi anh chỉ còn lại một mình. Ở Vishram cũ, lúc nào anh cũng tới cùng Om và chú Ishvar. Các buổi chiều, ngồi ở cái bàn đơn hơi hám nọ. Và Shankar lẩn đi lẩn lại ở bên ngoài, vậy vậy hai bàn tay không còn lạnh lặn, ngoe nguẩy cặp đùi cụt, tươi cười, lúc lắc cái ống bơ của lão. Rồi đến cái giàn lửa thiêu xác lão. Tiếng tụng kinh của thầy tế, gỗ đàn hương rực cháy, làn khói thơm ngát. Cảm giác trọn vẹn. Với bố, ở đài hóa thân, cảm giác này hoàn toàn thiếu hụt, một giàn thiêu ngoài trời chắc chắn sẽ tốt hơn. Tốt hơn cho những người sống...

Một nhóm khách ồn ào đẩy ghế đứng dậy; một toán khác bước vào thế chỗ. Họ chào các nhân viên nhà hàng bằng tên. Khách quen, hẳn rồi. Maneck cầm chiếc hộp gỗ dán màu nâu sẫm lên và đẩy chiếc nắp trượt mở ra, đoạn nhặt hù họa một con cờ lên. Một con tốt. Anh lẩn nó giữa những ngón tay của mình, nhận thấy lớp nilon xanh dán dưới đế đã bắt đầu bong ra.

Người bồi bàn cũng nhìn thấy. “Ngài nên dùng keo Camel, dán chắc lắm.”

Maneck gật đầu. Anh uống nốt tách cà phê và thả con tốt trở lại hộp.

“Con trai tôi cũng chơi trò này,” người bồi bàn nói bằng giọng hãnh diện.

Maneck nhìn lên. “Ồ? Nó có bộ cờ riêng không?”

“Không, thưa ngài, đắt quá. Nó chỉ chơi ở trường thôi.” Trông thấy chiếc tách không, anh ta lại chìa cuốn thực đơn ra. “Hai giờ rồi, thưa ngài, bếp sắp đóng cửa. Chúng tôi có món gà xào ớt rất ngon, cả cơm rang nữa. Hay món gì nhẹ nhẹ nhé? Nem cuốn thịt cừu, bánh rau chiên chấm nước sốt, bánh phồng ăn kèm cà ri khoai tây?”

“Không, cho tôi thêm một tách cà phê nữa.” Maneck đứng dậy và đi ra phía sau nhà hàng để tìm toa lét.

Trong toa lét đang có người. Anh đứng đợi ở lối đi, từ đây, anh có thể quan sát những hoạt động nhộn nhịp trong bếp. Một người phụ bếp mờ mờ kê chảo dầu đang thái, chiên, khuấy; một thằng bé con gầy gò đang gạt thức ăn thừa trên những chiếc đĩa bẩn rồi nhúng chúng vào bồn rửa.

Mặc kệ những crôm và kính và đèn tuýp, có gì đó của Vishram cũ vẫn còn lưu lại,

Maneck nghĩ, dầu hỏa và than vẫn được dùng để đốt bếp. Bồng cửa toa lét kéo kẹt hé mở, anh bèn bước vào.

Khi anh đi ra, chiếc bàn ở gần bếp nhất đã trống người. Anh quyết định ngồi vào đó. Người bồi bàn vội chạy lại để nhắc anh rằng tách cà phê thứ hai của anh đang đợi ở bàn kia. “Tôi sẽ uống ở đây,” Maneck nói.

“Nhưng ở đây không tốt, thưa ngài. Bếp núc ồn ào, lại còn mùi mẽ các thứ nữa.”

“Không sao đâu.”

Người bồi y lệnh, mang tách cà phê cùng bộ cờ sang rồi mới lui vào để tán gẫu với một đồng nghiệp về tính khí và những sở thích bất chợt của các vị khách.

Có người gọi bếp làm một suất bánh mì kẹp thịt xiên nướng. Anh chàng phụ bếp xúc than đổ vào lò, và khi chúng đã cháy đượm, anh ta gấp vài cục bỏ lên một cái bếp nướng. Những que sắt xiên những miếng thịt cừu và gan được đặt lên trên. Mấy hòn than bùng cháy khi được quạt.

Chúng mới rực sáng làm sao, Maneck nghĩ – những sinh thể sống biết thở, biết rung động. Bắt đầu chỉ nhỏ nhoi thôi, với nhiệt lượng khiêm tốn, rồi lớn dần thành một khối nóng sáng đỏ rực mạnh mẽ, phun phì phì và nổ lách tách, những lưỡi lửa kêu lép bép, dâng trợn nhiệt năng và đam mê, chuyển hóa, đe dọa, cuốn nuốt. Và rồi, lụi tàn. Thành một hơi ẩm dịu dàng, ngoan ngoãn, và, cuối cùng, một sự tịch mịch hoàn toàn...

Giờ ăn trưa ở Vishram đã kết thúc. Sau ba giờ, người bồi bàn bắt đầu nhắc nhỡm bóng gió về tiệc tối, kèm theo một nỗ lực pha trò hời hợt. “Ai cũng chạy về văn phòng từ lâu rồi, thưa ngài,” anh ta cười. “Vì sợ sếp mà. Nhưng chắc ngài phải là một vị sếp lớn lắm, chỉ còn mình ngài bị bỏ lại đây thôi.”

Phải, chỉ còn mình mình, Maneck nghĩ. Trâu chậm uống nước đục.

“Ngài đang trong kì nghỉ à?”

“Vâng. Làm ơn tính tiền giúp tôi.” Anh lại liếc vào trong bếp. Bếp núc đã tắt hết; những người phụ bếp đang lau dọn để chuẩn bị cho các khách ăn tối. Trên bếp nướng, mấy hòn than đã tan thành tro bụi.

Tổng số tiền cho hai tách cà phê là sáu rupi. Maneck bỏ mười rupi lên đĩa và bước ra cửa.

“Đợi đã, thưa ngài, xin đợi đã!” Người bồi bàn vừa gọi vừa chạy theo anh. “Thưa ngài, ngài để quên ví ở trên ghế! Cả hộp trò chơi nữa!”

“Cảm ơn anh.” Maneck nhét chiếc ví vào túi quần, và đón lấy bộ cờ.

“Hôm nay ngài quên hết mọi thứ,” người bồi bàn khẽ cười. “Cẩn thận đấy, thưa ngài.”

Maneck mỉm cười và gật đầu, rồi mở cửa, bước từ khoảng không lạnh toát của Vishram vào vòng tay khắc nghiệt của cái nắng buổi chiều.

Dần dần, càng lúc Maneck càng vất vả hơn khi len lách dọc dải vỉa hè. Anh nhận ra mình đang đi ngược lại với dòng người. Buổi tối đã sụp xuống trong khi anh lang thang qua những con phố; từng đoàn người đang hối hả đổ ra từ các tòa nhà văn phòng để về nhà. Đồng hồ của anh chỉ sáu giờ kém mười lăm. Anh quay về hướng nhà ga, để cho cơn thủy triều người đẩy mình tới.

Áp lực của giờ cao điểm đã qua, nhưng gian đại sảnh với vòm trần cao ngất vẫn vang động tiếng tàu chạy ầm ầm như sấm nổ. Có một hàng người đứng trước cửa bán vé. Anh

còn nhớ một câu chuyện anh từng nghe về trò đi lậu vé, từ ngày xưa ngày xưa.

Bỏ mặc dòng người đang xếp hàng, anh chen lấn giữa đám đông để ra sân ga. Bảng thông báo cho biết con tàu tiếp theo là một chuyến tàu tốc hành, không có lịch dừng ở đây.

Anh nhìn khắp lượt các hành khách đang đứng đợi xung quanh, đang cúi đầu vào những tờ báo, mân mê đồng hành lý hay uống trà. Một bà mẹ đang véo tai đứa con để răn dạy nó chuyện gì đó. Những tiếng gầm rú xa xăm dần nổi lên, Maneck bèn tiến tới phía trước sân ga. Anh trân mắt nhìn đường ray. Chúng sáng lóe lên, như lời hứa hẹn của chính cuộc sống, trải dài ra đến vô tận theo cả hai hướng, những sợi ruy băng màu bạc lướt trên nền sỏi, đan kết các thanh giằng gỗ ám đen, mòn vẹt lại với nhau.

Anh để ý thấy một người phụ nữ cao tuổi đeo kính đen đứng ngay cạnh mình. Anh tự hỏi, bà ta bị mù chăng. Đứng gần bờ rìa thế này có thể sẽ nguy hiểm cho bà ta – có lẽ anh nên giúp bà ta đi ra chỗ an toàn.

Người phụ nữ nọ mỉm cười và nói: “Tàu nhanh, không dừng ở đây đâu. Tôi xem bảng rồi.” Bà ta bước lùi lại một bước, giơ tay ra làm hiệu để kéo anh lùi lại cùng.

Ra là không mù, chỉ làm điệu đó thôi. Anh đáp lại nụ cười của bà và đứng nguyên tại chỗ, siết chặt bộ cờ vào ngực. Đoàn tàu đã hiện ra ở phía xa, vừa vượt qua đoạn vòng cung trên đường ray. Âm thanh rầm rầm lớn dần lên, biến thành tiếng gầm rú khi nó tiến tới càng lúc càng gần. Khi toa tàu đầu tiên đi vào ga, anh rời khỏi sân ga và bước xuống đường ray bạc sáng lấp lánh.

Người phụ nữ cao tuổi đeo kính đen là người đầu tiên thét lên. Rồi tiếng rít của bộ phanh hơi nhấn chìm hết thấy những âm thanh khác. Con tàu tốc hành lao thêm vài trăm thước nữa rồi mới dừng hẳn lại.

Ý nghĩ của cuối cùng của Maneck là anh vẫn giữ bộ cờ của Avinash.

Dưới gốc cái cây nơi lối đi rải sỏi giao với vỉa hè, Om buông sợi dây kéo Ishvar ra, hai bác cháu ngồi xuống đợi. Một con chim kêu xáo xác trong tán lá rậm trên đầu họ. Họ không ngừng liếc nhìn chiếc đồng hồ đeo tay của những người qua đường mà họ nài xin tiền bố thí.

Đến một giờ, họ rời vỉa hè và tấp tễnh đi trên sỏi. Những bụi cây và bức tường bao quanh khu vườn của tư gia nhà Shroff che chắn cho họ khỏi con mắt của hàng xóm láng giềng. Họ đi thẳng tới cửa hậu, men sát sườn nhà, và gõ cửa nhẹ nhẹ.

Dina dẫn họ vào. Bà rót nước vào cốc thủy tinh cho họ và trong khi họ uống, bà xúc cháo đậu đỏ vào hai chiếc đĩa lấy từ bộ đồ ăn hàng ngày của Ruby trong tủ chạn. Bà băn khoăn tự hỏi, liệu mình còn có thể làm thế này thêm bao nhiêu năm nữa cho tới khi Ruby hay Nusswan phát hiện ra.

“Có ai nhìn thấy hai người vào đây không?” Họ lắc đầu.

“Ăn nhanh lên,” bà nói. “Chị dâu tôi sẽ về sớm hơn bình thường đấy.”

“Ngon lắm,” Ishvar nói, cẩn thận giữ thăng bằng chiếc đĩa trong lòng mình.

Om ầm ừ đồng tình, đoạn để thêm: “Chapati hơi khô, không ngon bằng hôm qua. Cô không làm theo phương pháp của cháu à?”

“Anh chàng này cứ cho là mình khôn nhất quả đất không bằng,” bà ca cẩm với Ishvar.

“Biết làm sao được,” Ishvar vừa nói vừa bật cười. “Nó là nhà vô địch thế giới môn

chapati mà lị.”

“Bánh này là từ đêm hôm trước,” Dina nói. “Tôi không làm bánh mới. Tôi vừa có khách qua chơi. Hai người không đoán được là ai đâu.” “Maneck,” họ nói.

“Bác cháu tôi nhìn thấy cậu ấy đi ngang qua cách đây nửa tiếng. Chúng tôi biết ngay là cậu ấy dù có bộ râu,” Ishvar nói. “Hai người không nói chuyện với cậu ấy à?” Họ lắc đầu.

“Cậu ta không nhận ra hai bác cháu,” Om nói. “Hoặc cậu ta lừa chúng cháu đi. Chúng cháu còn cố ý gọi ‘Ồi chú ơi, xin chú một xu’ để cậu ta để ý kia mà.”

“Hai người đã thay đổi rất nhiều so với hồi cậu ấy biết hai người.” Bà chìa đĩa bánh chapati ra. “Ăn thêm đi.” Ishvar lấy một chiếc và chia cho Om, xé nó làm đôi.

“Tôi nói với cậu ấy là hai người sẽ tới vào lúc một giờ,” bà tiếp lời. “Tôi bảo cậu ấy đợi nhưng cậu ấy đang vội. Cậu ấy hẹn lần sau.”

“Được thế thì tốt quá,” Ishvar nói.

Om nhún vai giận dữ. “Maneck mà chúng ta từng biết sẽ đợi luôn hôm nay.”

“Phải,” Ishvar nói, đoạn xúc nốt thìa cháo đậu cuối cùng trong đĩa của mình. “Nhưng cậu ấy đi xa quá. Khi ta đi xa quá, ta sẽ thay đổi. Khoảng cách là một thứ khắc nghiệt. Ta không nên trách cậu ấy.”

Dina đồng tình. “Giờ thì nhớ lấy, ngày mai là thứ Bảy, tất cả mọi người đều sẽ ở nhà, hai người nhất thiết không được tới trong hai ngày tiếp theo đấy.” Bà bỏ đĩa của họ vào bồn rửa và mở cửa cho họ đi ra.

“Hô hô,” Ishvar kêu lên. “Cái gì đây?” Một sợi chỉ đã sút ra từ tấm chăn mà ông đang ngồi và bị quấn vào một bánh xe.

“Để cháu xem nào.” Om cúi xuống để kéo tấm chăn ra trong khi bác anh chống tay rướn người lên. Họ tìm thấy miếng ghép nơi sợi chỉ tuột ra.

“May mà anh trông thấy,” Dina nói. “Nếu không mảnh ghép đó sẽ rách rời ra luôn.”

“Sửa dễ thôi mà,” Ishvar nói. “Cô cho tôi mượn kim được không? Vài phút thôi?”

“Không phải lúc này. Tôi đã bảo hai người là chị dâu tôi sẽ về sớm mà.” Nhưng bà vẫn vào phòng và lấy ra một ống chỉ cùng một cây kim cắm trên đó. “Hai người mang cái này theo nhé.” Bà lại mở cửa cho họ. “Đừng quên cây ô.” Bà kẹp nó vào nách Om.

“Tối qua cái này hữu dụng lắm nhé,” anh nói. “Cháu đã nện cho một thằng ăn cướp định giật tiền của bọn cháu.” Cậu quàng sợi dây lên và kéo đi. Ishvar tắc tắc lưỡi, nhại giọng điệu của một người đánh xe bò. Cháu ông quào quào tay lên mặt đất và lúc lắc cái đầu.

“Thôi đi,” bà mắng. “Nếu hai người cư xử kiểu đó ngoài vỉa hè thì chẳng ai thèm cho hai người một xu nào đâu.”

“Đi nào, bò ngoan của ta,” Ishvar nói. “Nhắc cái móng lên, không ta sẽ cho mi một liều thuốc phiện bây giờ.” Miệng cười khùng khục, Om núng nính rảo bước. Họ thôi đùa cợt ngay khi vừa bước chân ra ngoài phố.

Dina đóng cửa, lắc đầu. Ngày nào hai bác cháu cũng làm bà cười. Giống như Maneck từng làm, một thời. Bà rửa hai cái đĩa, úp lại lên chạn để Ruby và Nusswan dùng khi ăn tối. Đoạn bà lau khô tay và quyết định ngủ một giấc trước khi bắt tay vào làm bữa tối.

Chú thích

[1] Darji nghĩa là thợ may, từ này đi kèm với tên để chỉ nghề nghiệp, không phải họ của nhân vật.

[2] Nguyên tác: Anna, đơn vị tiền tệ của Ấn Độ, 16 anna bằng một rupi.

[3] Nhóm người có nguồn gốc là người Ba Tư theo đạo thờ lửa (bái hỏa giáo hay đạo Zarathustra) đã di cư sang Ấn Độ để tránh bị người Hồi giáo ép cải đạo.

[4] Nguyên văn *Tower of Silence*: là công trình để thiên táng người chết của các tín đồ đạo thờ lửa. Đó là một ngọn tháp lớn có dạng hình trụ tròn, xác người chết được đặt ở tầng cao nhất của ngọn tháp và sẽ được tiêu hủy nhờ các loài chim ăn thịt và ánh nắng mặt trời. Đỉnh tháp được chia thành 3 vòng tròn đồng tâm: vòng ngoài cùng là nơi đặt xác của đàn ông, vòng ở giữa là của phụ nữ và xác trẻ em được đặt ở vòng tròn trong cùng.

[5] Zarathustra, hay còn gọi là Zoroaster, là nhà tiên tri đã sáng lập ra đạo thờ lửa.

[6] Lịch của người theo đạo thờ lửa.

[7] Nguyên gốc: *Kya karta hai? Chalo, jao!*, ông cụ mắng bằng tiếng Hindi vì tưởng Ruby là người giúp việc nhà Nusswan.

[8] Tựa đề cuốn tiểu luận của John Milton xuất bản năm 1644 nhằm phản đối sắc lệnh kiểm duyệt mọi ấn phẩm của Quốc hội Anh.

[9] Tên của tờ tạp chí tiếng Anh xuất bản tại Ấn Độ. Tờ báo bắt đầu ra mắt năm 1880 dưới cái tên *Times of India Weekly Edition*, đến năm 1923 đổi tên thành *The Illustrated Weekly of India* và đình bản năm 1993. Đây là ấn phẩm tiếng Anh quan trọng ở Ấn Độ trong gần một thế kỷ.

[10] Op., K. và BWV. là các kí hiệu thuộc hệ thống đánh số được chấp nhận và sử dụng phổ biến để nhận diện các tác phẩm nhạc cổ điển. Op. là viết tắt của Opus, theo tiếng Latinh có nghĩa là tác phẩm. BWV là viết tắt của cụm Bach-Werke-Verzeichnis, để chỉ các tác phẩm của nhà soạn nhạc Johann Sebastian Bach. K. chỉ các tác phẩm của nhà soạn nhạc Mozart, chữ K. là viết tắt của Koechel, người đã có công hệ thống hóa các tác phẩm của Mozart.

[11] Nguyên gốc *music chairs*: một trò chơi trong đó một nhóm người đi vòng quanh một số ghế được xếp thành vòng tròn hướng ra ngoài (số ghế luôn ít hơn số người là một). Mọi người sẽ đi vòng quanh ghế trong tiếng nhạc; khi nhạc tắt, tất cả phải nhanh chóng ngồi vào ghế. Người nào không giành được ghế cho mình là người thua cuộc. Trò chơi được tiếp tục bằng cách bớt dần số ghế, người giành được chiếc ghế cuối cùng còn lại là người chiến thắng.

[12] Tên các loại lễ cầu nguyện cho người chết thực hiện trong đám tang theo phong tục của người Parsi.

[13] Nguyên văn: *Submarine Command*, bộ phim Mỹ về đề tài chiến tranh sản xuất năm 1951, diễn viên chính là William Holden.

[14] Nguyên văn: *A High Society*, bộ phim hài ca nhạc Mỹ sản xuất năm 1956 với ba diễn

viên chính là Bing Crosby, Grace Kelly và Frank Sinatra.

[15] Nghĩa đen là Ngày Mới, đây là ngày đầu tiên của tháng đầu tiên theo lịch của đạo thờ lửa. Trong ngày này, các tín đồ của đạo thờ lửa sẽ tiến hành những nghi lễ cầu nguyện đặc biệt, ăn các món theo truyền thống và chúc mừng nhau.

[16] Ngày sinh nhật của nhà tiên tri Zoroaster, hay còn gọi là Zarathustra, người sáng lập nên đạo thờ lửa. Các tín đồ của đạo thờ lửa trên khắp thế giới tổ chức rất nhiều lễ lạt linh đình để mừng ngày này. Họ dọn dẹp, trang hoàng nhà cửa; cho trẻ em mặc quần áo mới và bôi son đỏ lên trán; bày những bữa tiệc thịnh soạn và tất nhiên không thể thiếu những buổi cầu nguyện đặc biệt.

[17] Nguyên gốc là cobbler, tức thợ chữa giày dép. Song để phù hợp với nghề nghiệp của người Chamaar, bao gồm cả thuộc da lẫn gia công các sản phẩm từ da động vật, người dịch để là thợ da.

[18] Người Chamaar là nhóm người thuộc đẳng cấp tiện dân, tầng lớp thấp nhất theo cách phân chia của chế độ đẳng cấp Varna ở Ấn Độ. Theo chế độ đẳng cấp Varna, xã hội chia thành 4 đẳng cấp, từ cao đến thấp lần lượt là: 1. Bà la môn, gồm các tăng lữ; 2. Kshatriya, gồm các quý tộc và võ sĩ; 3. Vaishya, gồm những người bình dân Arya, có nhiệm vụ sản xuất của cải vật chất phục vụ đẳng cấp trên; 4. Shudra, gồm những người bần cố nông, không có tài sản gì, phải làm thuê để sống. Còn đẳng cấp tiện dân là đẳng cấp “ngoại hạng”, không được coi là con người. Những người tiện dân bị xã hội khinh rẻ, tuyệt đối không được động chạm (dù chỉ bằng bóng của mình) vào bốn đẳng cấp trên. Họ chỉ được làm các công việc bị coi là bần thủ ô uế như thuộc da, dọn phân...

[19] Mochi có nghĩa là thợ chữa dép.

[20] Nguyên gốc Pandit: từ này để chỉ các học giả hoặc thầy giáo, nhất là những người giỏi tiếng Sanskrit, thông thạo cả bốn tạng kinh Vệ Đà, am hiểu các nghi lễ, luật lệ, triết lý của đạo Hindu.

[21] Luật Manu là tổng hợp những điều răn của thánh Manu về hành vi, lễ sống được viết vào khoảng thế kỷ II TCN đến cuối thế kỷ II SCN. Nội dung của Luật Manu rất rộng lớn, nó phân chia các đẳng cấp trong xã hội, hàm chứa các quy định chi tiết về quyền sở hữu, về các loại hợp đồng và khế ước, về tội phạm và hình phạt...

[22] Kaliyug hay Kali Yuga, kỷ nguyên suy thoái, là giai đoạn phát triển thứ tư của thế giới theo kinh Hindu. Đây là giai đoạn mà những sự suy đồi, thối nát, méo mó manh nha từ các giai đoạn trước đó bùng nổ cực điểm. Đến cuối Kaliyug, thế giới sẽ phải trải qua ngày phán xét. Sau ngày phán xét, một trật tự thế giới mới ổn định, yên bình sẽ được thiết lập.

[23] Nhóm người cũng thuộc đẳng cấp tiện dân, nhưng chỉ được làm ba nghề: dọn nhà xí, quét dọn rác rưởi (tại các gia đình đẳng cấp cao), và quét dọn đường sá, các khu vực công cộng.

[24] Tức Mahatma Gandhi.

[25] Chính là Mahatma Gandhi.

[26] Hashish hay hash là thuốc lá chế từ lá non và đọt của cây gai dầu.

[27] Bhung hay bhang là hỗn hợp chế từ lá và nụ của cây gai dầu cái, được hút hoặc pha

làm thức uống, tiêu thụ nhiều ở Ấn Độ.

[28] Viết tắt của Family Planning Certificate.

[29] Đơn vị tiền tệ của Ấn Độ, một paisa bằng 1/100 rupi.

[30] Tức là Quý cô Chó ngao.

[31] Viết tắt của Bhagatbhai Naankhatai Marching Band.

[32] Cử nhân luật.

[33] Thuật ngữ pháp lý, có nghĩa là *xử kín*, dùng để chỉ những phiên tòa mà báo chí và công chúng không được phép tham gia quá trình xét xử.

[34] Từ gốc tiếng Latinh, có nghĩa là cách thức làm việc.

[35] Từ gốc tiếng Latinh, có nghĩa là lĩnh vực chưa từng biết đến.

[36] Tiếng Anh: Decibel, đơn vị đo độ lớn của âm thanh.

[37] Viết tắt của Maintenance of Internal Security Act.

[38] Tạm dịch: Ấn Độ muôn năm!

[39] Nguyên gốc: "O babu! Aray babu! O big paisawalla babu!"

[40] Nguyên gốc: Revolver Rani.

[41] Món gan và mẽ gà xào cay (đôi khi có thêm cá tim), đặc sản của người Parsi, thường ăn nóng kèm bánh mì.

[42] Nhãn hiệu thức uống hòa tan làm từ lúa mạch. - ND

[43] Tên loạt phim thần thoại truyền hình dài tập có nội dung dựa trên bộ sử thi vĩ đại Mahabharata của Ấn Độ. Loạt phim bắt đầu được chiếu trên kênh truyền hình trung ương Ấn Độ vào cuối những năm 1980.

[44] Bánh mì chiên bơ với ăn sốt cà chua và rau thái nhỏ, một món ăn nhanh rất phổ biến ở Mumbai, Ấn Độ.

[45] Hai loại bánh rất phổ biến ở Ấn Độ.

Laddoo là loại bánh hình tròn như quả bóng bàn, được nặn từ các viên bột mì nhỏ chiên giòn, trộn cùng đường và các loại hạt. Laddoo còn có thể được làm từ nhiều loại bột mì hoặc bột đậu xanh khác nữa.

Jalebi là loại bánh làm từ bột mì nhào có hình xoắn được chiên giòn và nhúng trong si rô đường.

[46] Câu gốc tiếng Ấn là *Chalti Ka Naam Gaadi*, tên một bộ phim hài Ấn Độ ra mắt năm 1958. Câu này còn là một thành ngữ được dùng rất phổ biến ở Ấn Độ, có hàm ý là nếu thứ gì đang chạy suôn sẻ thì hãy để nguyên nó như vậy.

[47] Ashem Vahu là một trong hai bài kinh quan trọng nhất trong đạo thờ lửa.

[48] Ganesha là vị thần có đầu voi, mình người trong Ấn Độ giáo, tượng trưng cho trí tuệ và tri thức.

[49] Nguyên văn: B.A, LL.B.

[50] Phiên tòa khỉ Scopes (Scopes Monkey Trial) hay còn gọi là Phiên tòa Scopes là một vụ kiện nổi tiếng trong lịch sử nước Mỹ. Vụ kiện xảy ra năm 1925, trong đó John Scopes, một giáo viên trường trung học, đã bị tòa kết tội vi phạm luật Butler của bang Tennessee vì dám giảng dạy thuyết tiến hóa của Darwin cho học sinh. Theo luật Butler, các giáo viên dạy trong trường công không được phép phủ nhận học thuyết về nguồn gốc con người được dẫn trong Kinh Thánh. Clarence Darrow là một vị luật sư bào chữa rất tiếng tăm thời bấy giờ, người đại diện cho Scopes tại tòa.

[51] Tiếng Pháp, nghĩa là chào tạm biệt.

[52] Viết tắt của *Border Security Force*, lực lượng bảo vệ biên giới.

[53] Chiếc vòng bằng sắt hoặc đồng mà tất cả những người Sikh đã được làm lễ thụ giáo đều phải đeo trên cổ tay. Theo phong tục của người Sikh, chiếc vòng này là thứ nhắc nhở họ về sứ mệnh của mình trên trái đất này, rằng họ phải luôn làm những việc đúng đắn, và là biểu tượng của sự gắn bó không tách rời giữa con người và Thượng Đế.

[54] Từ lịch sự để chỉ những người thuộc đẳng cấp tiện dân. Từ này trong tiếng Hindi có nghĩa là “con của thần Vishnu”. Từ này được thánh thơ Narasimha Mehta (1414-1481) đặt ra và được lãnh tụ Mahatma Gandhi phổ biến rộng rãi từ những năm 30 của thế kỷ XX.

[55] Sherpa là tộc người thiểu số sống trên những vùng núi cao nhất thuộc dãy Himalaya ở Nepal, rất giỏi leo núi.

[56] Kundalini shakti, theo quan niệm của Ấn Độ giáo, là thứ sức mạnh đưa đến sự giác ngộ. Sức mạnh này được mô tả như một con rắn nằm cuộn tròn ở đáy cùng xương sống. Đến khi được phóng thích nhờ một phép lạ nào đó, nó sẽ đi lên qua bảy luân xa, rồi cuối cùng vượt qua đầu, bùng nổ và hợp nhất với Thượng Đế.

[57] Giải cric-kê quốc tế dành cho các đội bóng cric-kê đến từ các quốc gia đã đạt những tiêu chuẩn do Hội đồng cric-kê quốc tế quy định.

[58] Từ gốc là darshan, để chỉ việc nhìn thấy, chiêm bái một đấng thần linh (dưới dạng hình ảnh), hoặc một vị thánh nhân, thậm chí một vật thiêng nào đó.

Mục lục

[Lời giới thiệu](#)

[Mở đầu: Năm 1975](#)

[I: Thành phố bên bờ biển](#)

[II: Để ước mơ lớn lên](#)

[III: Ngôi làng ven sông](#)

[IV: Chuyện vặt](#)

[V: Những ngọn núi](#)

[VI: Ngày ở rạp xiếc, đêm về ổ chuột](#)

[VII: Trên đà tiến](#)

[VIII: Cải tạo mỹ quan](#)

[IX: Luật lệ là gì?](#)

[X: Cùng hội cùng thuyền](#)

[XI: Tương lai xán lạn bị che mờ](#)

[XII: Dấu vết của số phận](#)

[XIII: Đám cưới, giun và thiên sư](#)

[XIV: Sự trở lại của cô độc](#)

[XV: Kế hoạch hóa gia đình](#)

[XVI: Vòng tròn khép lại](#)

[Kết thúc: Năm 1984](#)

CÂN BẰNG MONG MANH

Rohinton Mistry

Nguyễn Kim Ngọc *dịch*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập và sửa bản in: ĐÀO MAI LY

Bìa: KIM DUẤN Trình bày: NGUYỄN VĂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 – 39316211 – 39317849 – 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 35261001 - Fax: (08) 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

"Trang sách chính là cửa sổ mở sang những cuộc đời khác, những thế giới khác. Và cũng là chỗ để ánh sáng mặt trời rọi vào cuộc đời mình".

—Nhà toán học Ngô Bảo Châu



Người sửa bản in xoè hai bàn tay ra làm điệu bộ trắng tay. "Thứ mật ngọt từng nuôi dưỡng tôi đã biến thành thuốc độc."

"Rồi chú làm thế nào?"

"Người ta còn biết làm thế nào trong hoàn cảnh như thế nữa? Chấp nhận nó, và tiếp tục sống. Cậu hãy luôn nhớ cho, bí mật của sinh tồn là nắm lấy đổi thay, và thích nghi. Xin dẫn lại câu: 'Vạn vật sụp đổ, rồi sẽ được tái dựng, ai người gây dựng, thật sung sướng lắm thay.'"

"Cũng của Yeats ạ?" Maneck hỏi.

Người sửa bản in gật đầu: "Câu thầy đây, cậu không thể tự nhiên vẽ ra những ranh giới cùng vách ngăn và từ chối di chuyển vượt quá phạm vi của chúng. Đôi khi cậu phải lầy thất bại làm những viên đá lát con đường dẫn mình đến thành công. Cậu phải duy trì một trạng thái cân bằng mong manh giữa hi vọng và tuyệt vọng."

Trích Cân bằng mong manh



www.ybook.vn/ebook

nxbtre.com.vn